

William Strauss, Neil Howe

Mai Phương, Hương Quỳnh, Tuấn Minh dịch

BƯỚC CHUYỂN THỨ TƯ

Lời tiên tri về nước Mỹ:

Những chu kỳ lịch sử dự báo gì về tương lai Hoa Kỳ

BƯỚC CHUYỂN THỨ TƯ

THE FOURTH TURNING

Copyright © 1997 by William Strauss and Neil Howe
All rights reserved.

BƯỚC CHUYỂN THỨ TƯ: LỜI TIÊN TRI VỀ NƯỚC MỸ

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam, 2016
Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa mềm, 2019.

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Strauss, William

Bước chuyển Thứ tư: Lời tiên tri về nước Mỹ : Những chu kỳ lịch sử dự báo gì về tương lai Hoa Kỳ / William Strauss, Neil Howe. - H. : Thế giới ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2018. - 656tr. ; 24cm

Tên sách gốc: The Fourth Turning: An American Prophecy: What the Cycles of History Tell Us About America's Next Rendezvous with Destiny

ISBN: 9786047760848

1. Dự báo xã hội 2. Tương lai 3. Mỹ
303.4973 - dc23

TGF0280p-CIP

Liên hệ góp ý về sách, bản thảo và bản dịch: info@omegaplus.vn
Liên hệ hợp tác xuất bản, hợp tác truyền thông trên sách: hoptac@omegaplus.vn
Liên hệ về dịch vụ xuất bản: dichvu@omegaplus.vn

William Strauss, Neil Howe

Mai Phương, Hương Quỳnh, Tuấn Minh dịch

BƯỚC CHUYỂN THỨ TƯ

Lời tiên tri về nước Mỹ:

Những chu kỳ lịch sử
dự báo gì về tương lai Hoa Kỳ

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

TS Nguyễn Ngọc Anh; TS Nguyễn Tuệ Anh; Nguyễn Cảnh Bình; TS Nguyễn Tuấn Cường;
Vũ Trọng Đại; TS Phạm Sỹ Thành; TS Trần Toàn Thắng; ThS Đậu Anh Tuấn;
PGS TS Lê Anh Vinh; TS Trương Minh Huy Vũ.



ĐƠN VỊ BẢO TRỢ TRUYỀN THÔNG

TẠP CHÍ TIA SÁNG



<https://www.facebook.com/tiasang.tapchi>
Website: <http://tiasang.com.vn/>

TRẠM ĐỌC



<https://www.facebook.com/tramdocvn>
website: <http://tramdoc.vn/>

Tặng Janie và Simona, hai người phụ nữ đã chia sẻ cuộc đời
với chúng tôi.

Và tặng Eric, Giorgia, Melanie, Nathaniel, Rebecca, Victoria,
những đứa con chúng tôi sẽ dành tặng một cuộc đời
và hơn thế nữa, nếu Chúa phù hộ.

Điều đang có bây giờ đã từng có;
và điều sẽ có vốn đã sẵn có;
và Thượng đế mưu cầu mọi điều đã qua.

— Ecclesiastes 3.15

MỤC LỤC

Chương 1 Mùa đông lại đến..... 9

PHẦN MỘT. CÁC MÙA

Chương 2 Các mùa của thời gian 53

Chương 3 Những mùa trong cuộc đời 102

Chương 4 Các chu kỳ của lịch sử 166

Chương 5 Những quán quân già..... 249

PHẦN HAI. NHỮNG BƯỚC CHUYỂN

Chương 6 Bước chuyển Thứ nhất:
Thời kỳ Lạc quan Mỹ (1946-1964) 257

Chương 7 Bước chuyển Thứ hai:
Cách mạng nhận thức (1964-1984) 304

Chương 8 Bước chuyển Thứ ba:
Những cuộc Chiến tranh Văn hóa (1984-2005?)..... 359

Chương 9 Những bước chuyển thứ tư trong lịch sử 457

Chương 10 Tiên đoán về Bước chuyển Thứ tư..... 487

PHẦN BA. NHỮNG SỰ CHUẨN BỊ

Chương 11 Chuẩn bị cho Bước chuyển Thứ tư.....544

Chương 12 Sự trở lại mãi mãi.....585



Lời cảm ơn.....596

Chú thích.....600

Mục từ tra cứu642

CHƯƠNG 1

MÙA ĐÔNG LẠI ĐẾN

Mỹ cảm thấy như thể đang tan rã.

Mặc dù đang sống trong một thời kỳ tương đối hòa bình và ổn định, nhưng chúng ta vẫn chìm trong tâm trạng bi quan về tương lai lâu dài, sợ rằng đất nước siêu cường của chúng ta mục ruỗng từ bên trong theo một cách nào đó.

Chiến thắng trước ý thức hệ đối lập hay một thời kỳ tăng trưởng kéo dài của chu kỳ kinh tế vẫn không thể nâng cao tinh thần của công chúng. Rõ ràng Chiến tranh Lạnh và những khó khăn của Chính sách Kinh tế Mớiⁱ đã hoàn toàn chấm dứt, nhưng chúng ta chẳng hề có tâm trí ăn mừng chiến thắng. Dựa theo chính những nguyên tắc cơ bản của mình, Mỹ ngày nay đang ở tình trạng tồi tệ hơn Mỹ trong trí nhớ của nhiều người chúng ta khi còn trẻ, một xã hội được lãnh đạo bởi những người bị cho là kém hiểu biết hơn. Nhìn vào bất kỳ đâu, từ Los Angeles đến thủ đô Washington, từ Oklahoma tới Sun City, chúng ta đều thấy những con đường dẫn đến một tương lai u ám. Chúng ta

i. Nguyên văn: “New Deal”, là một hệ thống các cương lĩnh, dự án công cộng, chương trình sửa đổi cải cách tài chính, và các quy định, giải pháp được ban hành bởi Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt, nhằm đưa Mỹ thoát ra khỏi cuộc Đại suy thoái kinh tế giai đoạn 1929-1933.

* Các chú thích chân trang của người dịch sẽ được ghi tắt ‘(ND)’ ở cuối chú thích, các chú thích còn lại là của biên tập viên.

trông đợi phẩm chất công dân nhưng lại tự thỏa mãn với những hành động mang tính tượng trưng và những ồn ào huyên náo của người nổi tiếng. Chúng ta nhận ra chẳng có sự vĩ đại nào ở giới lãnh đạo, mà chỉ có sự hèn kém mới trong chính chúng ta. Không mấy ngạc nhiên vì sao mỗi cuộc bầu cử mới lại mang đến một nỗi kinh ngạc choáng váng, sau đó lại là nỗi thất vọng mới.

Chỉ mới đây thôi, Mỹ là một thực thể không chỉ đơn thuần là dấu cộng hợp lại giữa các bang. Giờ đây, nó thậm chí không được như vậy. Trong Thế chiến II, chúng ta tự hào với tư cách một dân tộc nhưng khiêm nhường với tư cách từng cá nhân. Cứ 10 người thì chưa đến hai người trả lời “có” khi được hỏi “Bạn có phải là người rất quan trọng?” Ngày nay, con số đó là hơn sáu người. Chúng ta từng nhìn nhận mình như một tập thể mạnh mẽ, nhưng giờ đây tự coi bản thân là những cá nhân được quyền hưởng đặc ân.

Tuy nhiên, ngay cả khi đề cao sự phát triển cá nhân, chúng ta nhận ra rằng hàng triệu người tự khẳng định không có nghĩa là một xã hội được khẳng định. Niềm tin của quần chúng đối với hầu hết các thể chế ở Mỹ – từ doanh nghiệp, chính quyền đến giáo hội và báo chí – liên tục giảm. Nợ công tăng cao, tầng lớp trung lưu thu hẹp, sự phụ thuộc vào phúc lợi ngày càng lớn, và tranh cãi về văn hóa tồi tệ hơn qua từng năm. Hiện chúng ta có tỉ lệ tù nhân cao nhất và tỉ lệ cử tri đủ điều kiện tham gia bỏ phiếu bầu thấp nhất so với bất kỳ nền dân chủ lớn nào. Theo thống kê, nhiều xu hướng tiêu cực (tội phạm, ly dị, phá thai, năng lực học tập) có thể đã ở mức thấp nhất nhưng chúng ta không thấy an tâm.

Từng cá nhân có thể vẫn cảm thấy lạc quan, nhưng với gia đình hay cộng đồng thì không còn như vậy. Hầu hết người Mỹ hy vọng nhiều ở viễn cảnh tương lai của chính mình hơn là của con cái hay đất nước. Các phụ huynh phần lớn lo sợ rằng Giấc mơ Mỹ, mà cha mẹ họ có được (một cách vững chắc) và họ vẫn còn vớt vát (một cách vừa đủ), sẽ không còn lại đến thế hệ con cháu nữa. Những người chủ gia đình trẻ trong độ

tuổi 30 chưa bao giờ được biết đến quãng thời gian khi Mỹ có vẻ vẫn đang đi đúng hướng. Người trung niên nhìn vào tài khoản tiết kiệm ít ỏi và khoản lương hưu có cũng như không của mình, chế giễu một quỹ ủy thác An sinh Xã hội hảo huyền, và cố gắng không nghĩ về gánh nặng tuổi già sắp xảy đến mà họ sẽ phải đối mặt. Người lớn tuổi lại tách biệt trong Cộng đồng hưu tríⁱ của họ, nuối tiếc trước giá trị đạo đức tốt đẹp đã mất của thời tuổi trẻ trong khi cố không nghĩ về tương lai.

Chúng ta nhận thấy những thách thức xã hội như một khối rubik khổng lồ không thể giải quyết được. Ẩn sau mỗi vấn đề là một vấn đề khác cần được giải quyết trước, và sau nó lại là một vấn đề khác, khác nữa, kéo dài vô tận. Để giải quyết vấn đề tội phạm, chúng ta phải giải quyết vấn đề gia đình, nhưng trước đó chúng ta phải giải quyết phúc lợi, điều đó đồng nghĩa với việc giải quyết ngân sách, tức là nâng cao tinh thần công dân, nhưng chúng ta không thể làm điều đó mà không thay đổi các tiêu chuẩn đạo đức, cũng là thay đổi trường học và giáo hội, đồng nghĩa với thay đổi nội bộ các thành phố, một nhiệm vụ bất khả thi trừ phi giải quyết được vấn đề tội phạm. Không có điểm tựa nào để đặt đòn bẩy chính sách. Người dân ở mọi lứa tuổi đều cảm thấy sẽ phải có một thay đổi to lớn quét qua toàn bộ Mỹ để vén lên bức màn u ám này – nhưng lại cố gắng đè nén cảm nhận ấy. Là một quốc gia, chúng ta đang trong trạng thái phủ nhận sâu sắc.

Trong khi dò dẫm tìm kiếm câu trả lời, chúng ta tự hỏi liệu việc phân tích có lấn át trực giác của mình không. Cũng giống như người bệnh nhân lo lắng uống đến 17 loại thuốc trong khi nghiền ngẫm phim chụp cắt lớp vi tính, chúng ta thấy thật khó mà dừng lại và đặt câu hỏi: Căn bệnh tiềm ẩn thật sự là gì? Làm sao có thể tận dụng tốt nhất các nguồn lực tự nhiên căn bản để hỗ trợ chúng ta? Có hay không một sự lựa chọn nằm đâu đó ở giữa sự kiểm soát tuyệt đối và nỗi thất vọng hoàn toàn? Sâu thẳm bên dưới mớ

i. Nguyên văn: “Leisure World”, tên gọi chung của một số mô hình cộng đồng hưu trí ở Mỹ, dành cho những người già tuổi từ 55 trở đi.

hỗn độn của những đường xu hướng, chúng ta ngỡ rằng lịch sử, hay sinh học, hoặc chính nhân tính của chúng ta hẳn phải có điều gì đó cốt yếu và quan trọng muốn nói với chúng ta. Nhưng chúng ta không biết đó là gì. Và nếu đã từng biết, hẳn là chúng ta đã quên.

Dù sẽ đi tới đâu, Mỹ đang biến chuyển theo cách mà hầu hết chúng ta không thích hoặc không hiểu. Mỗi cá nhân thì tập trung nhưng cả tập thể lại tứ tán, chúng ta tự hỏi có phải mình đang đi tới bờ vực?

Có phải vậy không?

LỊCH SỬ LẶP LẠI

Phần thưởng với một sử gia là xác định được các mô hình tái diễn theo thời gian và phát hiện ra những nhịp điệu tự nhiên của trải nghiệm xã hội.

Trên thực tế, ở cốt lõi của lịch sử hiện đại có một mô hình đáng chú ý: Trong vòng năm thế kỷ qua, cứ khoảng hai thập niên, xã hội Mỹ gốc Anh lại bước vào một kỷ nguyên mới, một *bước chuyển* mới. Đứng trước mỗi bước chuyển, mọi người thay đổi suy nghĩ về bản thân, văn hóa, dân tộc, và tương lai. Các bước chuyển tạo thành những vòng quay với chu kỳ bốn bước. Mỗi chu kỳ kéo dài suốt một đời người, khoảng 80-100 năm, một đơn vị thời gian mà người xưa gọi là *saeculum*ⁱ. Tập hợp lại, bốn bước chuyển của một *saeculum* bao gồm các nhịp điệu của lịch sử theo thời kỳ: sinh trưởng, bão hòa, hỗn loạn, và phá hủy:

- *Bước chuyển Thứ nhất* là thời kỳ *Lạc quan*, một kỷ nguyên vui vẻ với các thiết chế vững mạnh và chủ nghĩa cá nhân suy yếu, khi trật tự xã hội mới bén rễ và hệ giá trị cũ mục ruỗng.

i. Một *saeculum* là độ dài thời gian gần bằng tuổi thọ trung bình của một người, hoặc tương đương với việc thay thế hoàn toàn một thế hệ. Thuật ngữ này được sử dụng lần đầu tiên bởi người Etrusca (nền văn minh cổ từng tồn tại ở khu vực mà ngày nay tương ứng với vùng Toscana, Ý). (ND)

- *Bước chuyển Thứ hai* là thời kỳ *Thức tỉnh*, một kỷ nguyên sôi động của sự chuyển biến tinh thần, khi hệ giá trị mới làm xói mòn trật tự xã hội.
- *Bước chuyển Thứ ba* là thời kỳ *Tan rã*, một kỷ nguyên xuống dốc với chủ nghĩa cá nhân lên cao và các thiết chế suy yếu, khi trật tự xã hội cũ suy tàn và hệ giá trị mới nảy sinh.
- *Bước chuyển Thứ tư* là thời kỳ *Khủng hoảng*, một kỷ nguyên mang tính quyết định của biến động thế tục, khi hệ giá trị mới thúc đẩy việc thay thế trật tự xã hội cũ bằng một trật tự xã hội mới.

Mỗi bước chuyển đến cùng với tâm trạng riêng dễ nhận thấy. Thường thì những thay đổi tâm trạng này luôn khiến người ta bất ngờ.

Trong *saeculum* hiện nay, Bước chuyển Thứ nhất là thời kỳ *Lạc quan Mỹ* cùng các nhiệm kỳ tổng thống của Truman, Eisenhower, và Kennedy. Khi Thế chiến II dần khép lại, không ai ngờ rằng Mỹ sẽ nhanh chóng trở nên vô cùng tự tin và vững chắc về thiết chế, song lại quá khuôn phép và tự mãn về tinh thần. Nhưng đó là những gì đã xảy ra.

Bước chuyển Thứ hai là *Cách mạng Nhận thức*, trải dài từ các cuộc nổi loạn ở trường học giữa thập niên 1960 đến các cuộc biểu tình phản đối đánh thuế vào đầu thập niên 1980. Trước khi John Kennedy bị ám sát, không ai nghĩ là Mỹ sẽ bước vào một kỷ nguyên giải phóng cá nhân và vượt lên một sự chia rẽ văn hóa vốn tách biệt những điều được cân nhắc sau này với những điều được bàn luận trước đó. Nhưng đó là những gì đã xảy ra.

Bước chuyển Thứ ba là những cuộc *Chiến tranh Văn hóa*, một kỷ nguyên bắt đầu với chiến dịch Morning in Americaⁱ giữa thập niên 1980 của Reagan và sẽ kết thúc vào khoảng giữa thập niên 2000, tức là

i. Tên của một quảng cáo chính trị trên truyền hình thuộc Chiến dịch tranh cử Tổng thống Mỹ năm 1984 của Ronald Reagan, được biết đến với câu mở đầu "It's morning again in America".

8 hoặc 10 năm kể từ bây giờ. Giữa ánh hào quang của những năm đầu nhiệm kỳ Reagan, không ai dự đoán được đất nước đang bước vào một kỷ nguyên trôi dạt và sụp đổ về thể chế. Nhưng đó là tình trạng của chúng ta hiện nay.

Đã bao giờ nước Mỹ trải qua những thay đổi tâm trạng mang tầm quốc gia như vậy chưa? Có – đã nhiều lần. Đã bao giờ người Mỹ trải qua bất kỳ điều gì giống với cảm nhận hiện tại về thời kỳ Tan rã chưa? Có – nhiều lần rồi, qua các thế kỷ.

Những người ở tuổi 80 có thể còn nhớ tâm trạng trước đó từng rất giống với tâm trạng hiện nay. Chúng gợi nhớ đến những năm tháng từ Ngày đình chiến năm 1918 đến cuộc Đại sụp đổ năm 1929ⁱ. Niềm hân hoan về một chiến thắng quân sự toàn cầu ngăn ngủi một cách đau buồn. Sự lạc quan trước đó về một tương lai tiến bộ nhường chỗ cho chủ nghĩa hư vô trong thời đại nhạc jazz và những hoài nghi lan tràn về các lý tưởng cao đẹp. Những ông chủ nghênh ngang đi lại trong các khu ổ chuột dân nhập cư, như hội kín KKKⁱⁱ ở miền Nam, hay tổ chức mafia ở khu vực công nghiệp trung tâmⁱⁱⁱ, và những người bảo vệ Đặc trưng Mỹ ở vô vàn thị trấn Mỹ. Các đoàn thể thu hẹp, chính quyền suy yếu, các đảng phái thứ ba nổi giận, và một thị trường năng động mở ra lĩnh vực công nghệ sản xuất hàng tiêu dùng mới (ô tô, radio, điện thoại, máy hát tự động, máy bán hàng tự động) khiến cuộc sống như

i. Nguyên văn: “Great Crash”, hay còn gọi là “Wall Street Crash 1929” – Sự sụp đổ của Thị trường Chứng khoán phố Wall năm 1929.

ii. *Ku Klux Klan*, hay *the Klan*, là tên gọi một nhóm thù ghét gồm những người Mỹ chuyên ủng hộ những người da trắng thượng đẳng. Hội kín này ủng hộ những chủ trương bảo thủ cực đoan như đề cao thuyết Người da trắng thượng đẳng, chủ nghĩa Dân tộc da trắng, các chủ nghĩa bài Do Thái, bài Công giáo, chống hệ tư tưởng đối lập, chống dân nhập cư, và thuyết Người Bắc Âu cao quý. (ND)

iii. Nguyên văn: “heartland”, là một thuật ngữ chính trị chỉ những bang của Mỹ không tiếp giáp với biển, sau này khoảng từ giữa thế kỷ 20 được dùng để chỉ các bang thuộc khu vực Trung Tây Mỹ.

thêm phức tạp và điên cuồng. Những thú vui mạo hiểm của một thế hệ trẻ “lạc lối” khiến giới trung niên khuôn phép sửng sốt, nhiều người trong đó là “những nhà cấp tiến chán nản” đã lên tiếng phê phán tàn dư của “thập niên cẩm quỳ”ⁱ từ thời trẻ của họ (thập niên 1890). Nhiều ý kiến đối lập xoay quanh các vấn đề văn hóa không thể thỏa hiệp như ma túy, gia đình, và “khuôn phép”. Trong khi đó, các bậc cha mẹ vẫn cố gắng bảo vệ một thế hệ mới là những đứa trẻ theo chuẩn mực hướng đạo sinh (nay đã là các công dân có tuổi).

Vào giai đoạn đó, dù những chi tiết có khác nhau, nhưng tâm trạng căn bản cũng giống như những gì người Mỹ đang cảm nhận ngày nay. Hãy nghe điều Walter Lippmann viết trong Thế chiến I:

Chúng ta đang chao đảo đến tận gốc rễ tồn tại của chúng ta. Không có một mối quan hệ của con người nào, dù là người làm cha mẹ hay con cái, vợ với chồng, người lao động và chủ xí nghiệp, lại không rơi vào một hoàn cảnh kỳ lạ. Chúng ta chưa quen với một nền văn minh phức tạp, chúng ta chưa biết cư xử như thế nào khi sự tương tác cá nhân và thẩm quyền vĩnh viễn không còn. Không có tiền lệ nào để chúng ta theo, sự thông thái thì luôn dành cho một thời đại đơn giản hơn.

Ngược xa nữa về một thời kỳ mà những người lớn tuổi nhất ở Mỹ hiện còn sống vẫn nhớ được, khi những người lớn tuổi ngày nay còn là những đứa trẻ. Vào cuối thập niên 1840 đầu thập niên 1850, Mỹ trôi dạt vào một tâm trạng tồi tệ khác. Chiến tranh Mexicoⁱⁱ nức lòng dân

i. Nguyên văn: “mauve decade”, là tên gọi của thập niên 1890 ở Mỹ, một thời kỳ văn hóa xã hội Mỹ với đặc trưng là sự thịnh vượng và lối sống tự mãn. Cái tên “Thập niên cẩm quỳ” ra đời vì trong giai đoạn này, thuốc nhuộm tổng hợp anilin “mauveine” có màu tía – màu cẩm quỳ – do nhà hóa học William Perkin điều chế ra, được sử dụng rộng rãi trong ngành thời trang.

ii. Cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Mexico (1846-1848). Nguyên nhân chính là Mỹ chính thức sáp nhập lãnh thổ Texas vào Mỹ năm 1845 và do tranh chấp về việc lãnh thổ của bang Texas kết thúc ở sông Nueces (yêu cầu của Mexico) hay sông Rio Grande (yêu cầu của Mỹ). (ND)

vừa kết thúc với chiến thắng vang dội, nhưng những tiếng hò reo hân hoan do mở rộng lãnh thổ không kéo dài lâu. Các thành phố trở nên hân học và bầu không khí chính trị trở nên thù địch. Dân nhập cư đổ về, đầu cơ tài chính bùng nổ, đường sắt và xuất khẩu bông làm xuất hiện những tác nhân mới mạnh mẽ lên thị trường khiến các cộng đồng mất ổn định. Không tìm được lời giải, hai đảng chính (Whigⁱ và Dân chủ) dần tan rã. Một cuộc tranh luận đạo đức về việc mở rộng chế độ nô lệ sang phía tây đã nổ ra giữa “những người miền Nam”ⁱⁱ và những người theo chủ nghĩa bãi nô – nhiều người trong số họ là những nhà duy linh ở tuổi trung niên từng theo đuổi thuyết tiên nghiệmⁱⁱⁱ, cộng đồng không tưởng, và các phong trào tuổi trẻ khác trong suốt những thập niên 1830 và 1840 sôi động. Các trường đại học mỗi mắt tìm kiếm sinh viên, bởi một thế hệ thanh niên liêu lĩnh đã đổ xô về miền Tây tìm vàng trong những thị trấn nổi tiếng là bạo lực. Trong khi đó, một thế hệ trẻ em lớn lên với một khuôn phép mới làm sống sót du khách châu Âu mà chỉ một thập niên trước còn than vãn về tính phóng túng của trẻ em Mỹ. Nghe thật quen tai?

Ngược thời gian trở về thời kỳ rất lâu trước đó nữa, tới thập niên 1760. Cái kết êm đẹp của chiến tranh giữa Pháp với người Da đỏ^{iv} khi

i. Đảng Whig là một đảng chính trị lớn hoạt động vào khoảng giữa thế kỷ 19 ở Mỹ. Tên “Whig” được lựa chọn để thể hiện sự ủng hộ dành cho nhóm Những người yêu nước đấu tranh để dành độc lập cho Mỹ từ Anh (“American Whigs” hoặc “Patriots”) của thế kỷ 18, với các đại diện là Thomas Jefferson, John Adams, và Thomas Paine.

ii. Nguyên văn: “Southron”, là những người dân Mỹ ở các bang trong khu vực miền Nam nước Mỹ, khu vực ủng hộ việc sở hữu nô lệ trước và trong giai đoạn Nội chiến Mỹ.

iii. Nguyên văn: “transcendentalism”, một phong trào triết học nhấn mạnh vào trực giác chủ quan hơn so với chủ nghĩa duy nghiệm khách quan, phát triển vào cuối thập niên 1820 ở Đông Mỹ. Thuyết này tin vào sức mạnh và sự tự do cá nhân, cho rằng mỗi cá nhân có khả năng tạo ra những hiểu biết hoàn toàn nguyên bản mà ít bị chi phối bởi các bậc thầy trong quá khứ.

iv. Nguyên văn: “French and Indian War”, cái tên người dân Mỹ gọi cuộc chiến tranh diễn ra từ 1754 tới 1763 trên lãnh thổ Bắc Mỹ do việc tranh giành thuộc địa giữa Anh và Pháp.

đó đã chấm dứt 80 năm xung đột và giữ vững biên giới thuộc địa. Song khi Anh cố gắng bù đắp chi phí chiến tranh qua việc đánh thuế, các thuộc địa bèn sục sôi với một sự bất mãn vô định hướng. Sự nhập cư từ Cựu Thế giới, rồi di cư vượt dãy Appalachiaⁱ, và những tranh cãi về thương mại thuộc địa đều tăng cao. Nhà tù chật kín những con nợ, giới trung niên phàn nàn về điều mà Benjamin Franklin gọi là “sự tàn bạo da trắng” của giới trẻ. Những nhà diễn thuyết đứng tuổi (ngang hàng với các nhà truyền giáo trẻ hăng hái trong thời kỳ Đại thức tỉnhⁱⁱ vào khoảng năm 1740) lên tiếng kêu gọi ý thức công dân và tổ chức những cuộc vận động rộng rãi về thắt chặt chi tiêu. Giới trẻ thượng lưu trở thành những người đầu tiên học tập tại các trường dòng có kỷ luật ở thuộc địa thay vì các học viện ở Anhⁱⁱⁱ mục nát. Dần dần, người dân thuộc địa bắt đầu phân hóa thành các phe đối chọi nhau, một bên bảo vệ và một bên công kích Vua Anh. Lại nghe thật quen tai?

Trong mỗi giai đoạn này, người Mỹ đều tôn sùng nét đặc biệt của chủ nghĩa cá nhân cuồng điên và tự do về kinh tế^{iv} (một khái niệm phổ biến lần đầu tiên vào thập niên 1840), song lại lo ngại về sự phân hóa xã hội, bạo lực tràn lan; những thay đổi về kinh tế và công nghệ dường như đang tăng nhanh, vượt quá khả năng thích nghi của xã hội.

Ở châu Âu, cuộc chiến có tên gọi khác là “Chiến tranh Bảy năm” – “Seven Years’ War”, do tranh chấp lãnh thổ nổ ra tại các nước châu Âu chính thức bắt đầu từ 1756. (ND)

i. Tên chỉ vùng địa lý trải dài ở miền Đông nước Mỹ, kéo dài từ khu vực phía Nam New York đến phía Bắc Alabama và Georgia và phía Tây Bắc Mississippi. (ND)

ii. Nguyên văn: “Great Awakening”, hay còn gọi là sự Phục hưng Tin Lành, đã kéo qua nước Anh và 13 thuộc địa trên đất Mỹ giữa những thập niên 1730 và 1740, đánh dấu việc truyền bá Phúc âm như một phong trào giáo phái xuyên biên giới trong các nhà thờ Tin lành.

iii. Nguyên văn: “Albion”, một thuật ngữ văn học dùng để chỉ nước Anh, đặc biệt là trong giai đoạn cổ xưa.

iv. Nguyên văn: “laissez-faire”, là một hệ thống kinh tế mà trong đó những giao dịch giữa các bên tư nhân không bị giám sát và can thiệp bởi chính phủ với các quy định, đặc quyền, thuế quan và trợ cấp.

Trong mỗi giai đoạn này, người Mỹ đều giành được một chiến thắng vang dội trước mối đe dọa bấy lâu từ bên ngoài như: Đế quốc Đứcⁱ, Đế quốc Tân Tây Ban Nhaⁱⁱ (còn gọi là Mexico), hoặc Đế quốc Tân Phápⁱⁱⁱ. Song chiến thắng đó được gắn liền với một định nghĩa cũ mòn về mục tiêu tập thể, và éo le thay, dẫn đến một loạt tư tưởng bi quan.

Trong mỗi giai đoạn này, một đạo lý mang tính công kích phủ bóng đen lên cuộc tranh luận về tương lai đất nước. Các cuộc chiến văn hóa nổ ra, ngôn ngữ nghị luận chính trị gay gắt, những ý kiến bảo vệ người dân địa phương (và tính khu vực) cứng rắn hơn, sự nhập cư và việc lạm dụng chất gây nghiện bị lên án, quan điểm đối với con trẻ là cần gia tăng sự bảo vệ.

Trong mỗi giai đoạn này, người Mỹ cảm thấy tự hào về các giá trị cá nhân của mình, nhưng mới đó lại căm ghét sự tha hóa trong đời sống xã hội. Các thiết chế thống nhất từng tỏ ra vững vàng trong nhiều thập niên, giờ đây bắt đầu lung lay. Những người từng trọn đời đặt niềm tin vào đất nước thì đang già đi và chết dần. Với thế hệ trẻ, đất nước chẳng có ý nghĩa gì. Dường như cả *quốc gia* đang bên bờ vực tan rã.

Trong mỗi Bước chuyển Thứ ba trước đây, người Mỹ đều thấy như họ đang trôi dạt về phía một cơn đại hồng thủy.

i. Nguyên văn: “Imperial Germany”, là nhà nước quốc gia Đức tồn tại trong giai đoạn nước Đức thống nhất từ năm 1871 đến khi Hoàng đế Đức Kaiser Wilhelm II thoái vị vào năm 1918.

ii. Nguyên văn: “Imperial New Spain”, hay còn gọi là Phó vương quốc Tân Tây Ban Nha, là một thực thể lãnh thổ của Đế chế Tây Ban Nha, được thiết lập bởi nhà Habsburg trong thời kỳ Thuộc địa hóa của Tây Ban Nha ở châu Mỹ. Khu vực Tân Tây Ban Nha chính thức được hình thành vào tháng 3 năm 1535, thủ phủ được đặt tại Thành phố Mexico.

iii. Nguyên văn: “Imperial New France”, còn gọi là “Nouvelle-France”, là vùng thuộc địa của thực dân Pháp ở Bắc Mỹ (ở cả Mỹ và Canada) trong giai đoạn từ khi Jacques Cartier phát hiện ra vịnh Saint Lawrence năm 1534, tới khi New France bị nhượng lại cho Đế quốc Anh và Tây Ban Nha năm 1763. (ND)

Và hóa ra đúng là vậy.

Sau thập niên 1760 là Cách mạng Mỹ, sau thập niên 1850 là Nội chiến, sau thập niên 1920 là Đại suy thoái và Thế chiến II. Sau tất cả những thời kỳ Tan rã này là những Khủng hoảng dữ dội tới mức khi chúng chấm dứt, xã hội Mỹ đã chuyển sang một hình thái hoàn toàn mới.

Mỗi lần, thay đổi diễn ra mà hầu như không có cảnh báo nào. Đến tận thời điểm cuối tháng 12 năm 1773, tháng 11 năm 1859, và tháng 10 năm 1929, người dân Mỹ không hề biết khủng hoảng đang đến rất gần. Rồi những tia lửa đột ngột bùng lên (sự kiện Tiệc trà Bostonⁱ, cuộc đột kích và bị hành quyết của John Brownⁱⁱ, thứ Ba Đen tốiⁱⁱⁱ) đã làm biến đổi tâm trạng người dân, nhanh chóng và mãi mãi. Trong khoảng hai thập niên sau đó, cả xã hội rung chuyển. Hoàn cảnh nguy cấp cần sự hy sinh to lớn của những công dân sẵn sàng đặt cộng đồng lên trên bản thân mình. Những nhà lãnh đạo dẫn dắt, và người dân tin tưởng họ. Khi một khế ước xã hội mới được tạo ra, người dân đã vượt qua những thử thách tưởng chừng không thể – và tận dụng cuộc khủng hoảng để nâng mình và quốc gia lên tầm cao văn minh: Trong thập niên 1790, họ hân hoan tạo ra nền cộng hòa dân chủ đầu

i. Nguyên văn: “Boston Tea Party”, là một cuộc biểu tình chính trị và thương mại của những người thuộc nhóm Những người con của Tự do (Sons of Liberty) tại Boston, Massachusetts vào ngày 16 tháng 12 năm 1773, mục tiêu là phản đối Đạo luật Trà năm 1773 của Quốc hội Anh.

ii. John Brown là nhà hoạt động theo chủ nghĩa bãi nô. Năm 1859, John Brown đã phát động một cuộc nổi dậy của nô lệ có vũ trang, tấn công nhằm chiếm lấy kho vũ khí của Mỹ ở Harpers Ferry, Virginia (nay thuộc bang Tây Virginia). Cuộc tấn công đã thất bại, John Brown bị xét xử và kết án vì tội phản quốc và mưu sát, sau đó bị treo cổ vào ngày 2 tháng 12 năm 1859. (ND)

iii. Nguyên văn: “Black Tuesday”, là ngày 29 tháng 10 năm 1929, khi giá cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán New York sụt giảm nghiêm trọng, chính thức đánh dấu sự bắt đầu thời kỳ Đại suy thoái.

tiên của thế giới hiện đại. Cuối thập niên 1860, bị tổn thất nhưng được tái thống nhất, họ tạo nên một quốc gia chân chính mở rộng tự do và bình đẳng. Cuối thập niên 1940, họ xây dựng một siêu cường sáng tạo nhất từ trước đến nay.

Bước chuyển Thứ tư là sự gián đoạn lớn của lịch sử. Nó kết thúc một kỷ nguyên và bắt đầu một kỷ nguyên khác.

Lịch sử cũng theo mùa, và mùa đông đang đến. Giống như mùa đông của tự nhiên, mùa đông trong *saeculum* có thể đến sớm hay muộn. Bước chuyển Thứ tư có thể lâu dài và khó khăn, nhanh chóng nhưng khốc liệt, hoặc (biết đâu) sẽ ôn hòa. Nhưng, giống như mùa đông, nó không thể bị ngăn cản. Bước chuyển chắc chắn sẽ xảy ra.

Tóm lại, đây là những gì mà nhịp điệu của lịch sử hiện đại cảnh báo về tương lai Mỹ.

Bước chuyển Thứ tư tiếp theo sẽ sớm bắt đầu ngay sau thiên niên kỷ mới, vào giữa thập niên 2000. Khoảng năm 2005, một tia lửa đột ngột sẽ thổi bùng lên trạng thái Khủng hoảng. Những tàn dư của trật tự xã hội cũ sẽ tan rã. Niềm tin chính trị và kinh tế sẽ sụp đổ. Thử thách thật sự sẽ bủa vây đất nước, với những khó khăn trầm trọng có thể liên quan đến các vấn đề về giai cấp, chủng tộc, quốc gia, và đế chế. Song chính thời kỳ khó khăn này sẽ khởi nguồn cho sự tái sinh xã hội. Người Mỹ sẽ chia sẻ một sự hối tiếc về những sai lầm gần đây – và một sự đồng thuận mới đầy quyết tâm về những gì phải làm. Sự sống còn của đất nước đang bị đe dọa. Một lúc nào đó trước năm 2025, Mỹ sẽ bước qua một cánh cổng vĩ đại của lịch sử, ngang tầm với Cách mạng Mỹ, Nội chiến, khủng hoảng kép của Đại suy thoái và Thế chiến II.

Nguy cơ thảm họa sẽ rất cao. Đất nước có thể bùng phát các cuộc nổi dậy, bạo lực xã hội, phá vỡ sự toàn vẹn lãnh thổ, hoặc rơi vào chế độ độc tài. Nếu xảy ra chiến tranh, có khả năng nó sẽ là một cuộc chiến với rủi ro và nỗ lực tối đa – nói cách khác, một *chiến tranh tổng lực*. Mỗi

Bước chuyển Thứ tư đánh dấu một bánh răng cóc tăng tốc của công nghệ hủy diệt mà nhân loại sẵn sàng sử dụng. Trong Nội chiến, nếu có phương tiện này trong tay, chắc chắn hai thành phố thủ phủⁱ đã thiêu trụi lẫn nhau. Trong Thế chiến II, Mỹ đã phát minh ra một công nghệ hủy diệt mới và nhanh chóng đưa vào sử dụng. Lần này, Mỹ sẽ bước vào một Bước chuyển Thứ tư với khả năng gây ra những điều khủng khiếp ngoài sức tưởng tượng, và có lẽ sẽ chạm trán với những đối thủ có tiềm lực tương tự.

Song người Mỹ cũng sẽ tiến vào Bước chuyển Thứ tư với cơ hội duy nhất để đạt được một kỳ tích mới với tư cách một dân tộc. Nhiều người thất vọng khi những giá trị từng được coi là mới trong thập niên 1960 thì nay lại gắn chặt với rối loạn xã hội và suy đồi văn hóa mà không còn có thể làm tình hình tích cực hơn. Qua thời kỳ Tan rã hiện nay, điều này có thể đúng. Nhưng trong sự thử thách của cuộc Khủng hoảng, thay đổi sẽ xảy ra. Khi trật tự xã hội cũ lùi bước, người Mỹ sẽ phải tạo ra một trật tự mới. Điều này đòi hỏi sự đồng thuận về các giá trị, và để quản lý trật tự ấy phải có sự trao quyền cho một chế độ chính trị mới bền vững. Nếu mọi việc suôn sẻ, có thể sẽ có một thời kỳ phục hưng về niềm tin xã hội, và hơn thế nữa: những khó khăn trong Bước chuyển Thứ ba của hôm nay – khối rubik của các vấn đề về tội phạm, chủng tộc, tiền bạc, gia đình, văn hóa, và đạo đức – sẽ gắn khớp với giải pháp của Bước chuyển Thứ tư. Những câu trả lời hậu khủng hoảng của Mỹ sẽ được nối liền với nhau một cách có hệ thống, khi những câu hỏi của thời kỳ tiền khủng hoảng ngày nay dường như rối ren một cách vô vọng. Tới thập niên 2020, Mỹ có thể trở thành một xã hội *tốt đẹp*, theo tiêu chuẩn hiện nay, và cũng là một xã hội *hiệu quả*.

i. Ý này nói đến thủ phủ của hai phe tranh chấp chính trong giai đoạn Nội chiến Mỹ, gồm phe Liên bang miền Bắc Hoa Kỳ (“The Northern Union States” hay “The Union”) với thủ phủ đặt tại Washington, D.C., và phe Liên minh miền Nam Hoa Kỳ (“The Confederate States of America” hay “the Confederacy”) với thủ phủ được đặt tại Richmond, Virginia (trong phần lớn thời gian giao chiến giữa hai bên).

Như vậy có thể Bước chuyển Thứ tư tiếp theo sẽ kết thúc bằng ngày tận thế – hoặc vinh quang. Đất nước có thể bị hủy hoại, nền dân chủ bị tiêu diệt, và hàng triệu người ly tán hoặc bị giết. Hoặc Mỹ có thể bước vào một thời kỳ vàng son mới, áp dụng các giá trị chung để cải thiện điều kiện sống của con người. Những chu kỳ lịch sử không cho biết kết quả của cuộc khủng hoảng đang tới, tất cả những gì chúng gợi ý là thời điểm và quy mô.

Chúng ta không thể ngăn chặn vòng quay của lịch sử, nhưng *có thể* chuẩn bị cho điều đó. Ngay lúc này, năm 1997, chúng ta có 8, hay 10, có lẽ là hơn 10 năm nữa để chuẩn bị. Rồi sau đó, các sự kiện sẽ bắt đầu tước mất quyền lựa chọn khỏi chúng ta. Đúng vậy, mùa đông đang tới, nhưng con đường băng qua mùa đông đó tùy thuộc vào chúng ta.

Những trận cuồng phong lịch sử có thể mang lại những điều tồi tệ nhất và tốt đẹp nhất cho một xã hội. Bước chuyển Thứ tư sắp tới quả thật có thể khiến chúng ta sụp đổ trong tư cách một quốc gia và một dân tộc, để lại một nước Mỹ bị nguyên rửa trong các câu chuyện của những ai đã trải qua và ghi nhớ. Hoặc, nó có thể khiến cuộc sống của chúng ta trở nên cao quý, nâng cao tinh thần cả cộng đồng, và truyền cảm hứng cho chủ nghĩa anh hùng tốt bậc – những chiến công sẽ trở thành huyền thoại được hậu thế mãi truyền tụng trong tương lai.

“Có một tính chu kỳ bí ẩn trong các sự kiện của loài người,” Tổng thống Franklin Roosevelt nhận xét rất sâu sắc trong giai đoạn Đại suy thoái. “Một số thế hệ nhận được quá nhiều. Một số thế hệ được kỳ vọng rất lớn. Riêng thế hệ này phải đối mặt với số phận.” Chu kỳ này vẫn còn bí ẩn, nhưng không xảy đến như một sự bất ngờ hoàn toàn nữa. Mặc dù viễn cảnh và kết quả còn bất định, nhưng trình tự đã được thiết lập: Bước chuyển Thứ tư sắp tới – Mỹ lại đối mặt với số phận – sẽ bắt đầu trong khoảng 10 năm và kết thúc trong khoảng 30 năm.

Làm sao chúng tôi có thể tự tin dự đoán như vậy? Bởi vì tất cả đã từng xảy ra trước đây. Nhiều lần rồi.

NHỮNG LÝ THUYẾT VỀ THỜI GIAN

Từ Thần chết trong Ki-tô giáo đến nữ thần Kali đẫm máu trong đạo Hindu, nhân loại theo truyền thống vẫn giữ một cái nhìn ảm đạm về thời gian. Chúng ta nhận ra thời gian phải bắt nguồn từ sự tan rã và cái chết. Dòng chảy thời gian được trù định xóa đi mọi điều quen thuộc về sự hiện diện của chúng ta – từ những niềm vui nhỏ nhất như một ly cà phê sáng đến các công trình vĩ đại về nghệ thuật, tôn giáo, hoặc chính trị. “Thời gian và sự lão hóa xảy đến với bất kỳ ai”, Aeschylusⁱ nhận định.

Qua thiên niên kỷ, con người đã hình thành nên ba cách nhìn về thời gian: tính hỗn độn, tính chu kỳ, và tính tuyến tính. Nhận định đầu tiên là quan điểm thống trị của người nguyên thủy, nhận định thứ hai là của các nền văn minh cổ đại và truyền thống, và nhận định thứ ba là của phương Tây hiện đại, đặc biệt là Mỹ.

Trong *thời gian hỗn độn*, lịch sử không có đường đi. Các sự kiện nối tiếp nhau một cách ngẫu nhiên, và bất kỳ nỗ lực nào nhằm gán ý nghĩa cho chuỗi sự kiện xoay vần đó đều vô vọng. Đây là trực giác đầu tiên của nhân loại thuở sơ khai, khi sự thay đổi trong giới tự nhiên hoàn toàn ngoài tầm kiểm soát hay hiểu biết của loài người. Đây cũng là hình ảnh của cuộc sống và thời gian qua đôi mắt trẻ nhỏ. Song thời gian vô hướng cũng trở thành một mục tiêu tâm linh tối cao, sự “hiểu biết nằm ngoài hiểu biết” của nhiều tôn giáo phương Đông. Đạo Phật dạy rằng

i. Aeschylus (524(?) TCN – 455(?) TCN) là một nhà soạn kịch Hy Lạp cổ đại. Ông được công nhận là cha đẻ của bi kịch hiện đại, và là một trong ba nhà biên soạn bi kịch cổ Hy Lạp có các vở kịch còn tồn tại cho đến ngày nay, hai người khác là Sophocles và Euripides. (ND)

một người đạt đến Niết bàn theo nghi lễ tự tách rời bản thân ra khỏi mọi mối liên hệ với không gian, thời gian, hoặc bản ngã. Trong thế kỷ qua, nhiều chiều hướng hỗn độn khác nhau đã tác động lên chính xã hội chúng ta – từ văn hóa đại chúng *Just Do It* đến thuyết hư vô mang tính kiến tạoⁱⁱ ở các trường đại học.

Thiếu sót thực tế của thời gian hỗn độn là nó xóa đi mô liên kết của xã hội. Nếu nhân quả không có mối liên hệ về mặt thời gian, thì không thể bắt mọi người phải chịu trách nhiệm về mặt đạo đức đối với lựa chọn của họ. Không có gì quy định nghĩa vụ của cha mẹ với con cái hoặc hàng xóm với cộng đồng. Đây là lý do vì sao các xã hội hay tôn giáo chỉ đưa ra được những sự xác nhận hạn hẹp về thời gian mang tính hỗn độn – ngay cả Phật giáo, với quan niệm rằng tất cả những ai không đạt tới Niết bàn sẽ vẫn không thoát khỏi nghiệp chướng.

Thời gian chu kỳ bắt nguồn từ khi người cổ đại lần đầu tiên liên kết các chu kỳ tự nhiên của các hành tinh (sự luân phiên ngày đêm, tháng âm lịch, năm dương lịch, sự tiến động của cung hoàng đạo) với các chu kỳ liên quan đến đời sống con người (ngủ, thức dậy; thai nghén, sinh nở; trồng trọt, thu hoạch; săn bắn, ăn uống). Thời gian chu kỳ chinh phục thời gian hỗn độn bởi sự lặp lại, bằng cách khi những người làm cha mẹ, người thợ săn, hay người nông dân thực hiện một hành động vào đúng thời điểm trong một chu kỳ không ngừng, giống như một vị thần khởi thủy trong truyện thần thoại thực hiện một hành động tương tự ở chu kỳ đầu tiên của thời gian. Cuối cùng, những chu kỳ vĩ đại đã đánh dấu được quãng thời gian tồn tại của các vương triều và những lời tiên tri; sự xuất hiện của những vị anh hùng và thầy phù thủy; cũng

i. “Just Do It” (Cứ làm đi.): Câu khẩu hiệu nổi tiếng của hãng cung cấp quần áo và dụng cụ thể thao thương mại Nike. (ND)

ii. Nguyên văn: “constructive nihilism”, thuyết cho rằng cuộc đời này, cũng như các giá trị nhân văn, đạo đức là vô nghĩa, thay vào đó, con người sinh ra là để tự trải nghiệm cuộc sống của chính họ. (ND)

như sự già đi của con người, các thế hệ, và các nền văn minh. Thời gian chu kỳ là vô tận, song cũng không ngừng kết thúc và tái sinh, được thúc đẩy bằng các nghi lễ phức tạp giống như những kỳ nghỉ lễ theo mùa ngày nay.

Không giống như thời gian hỗn độn, thời gian chu kỳ mang đến cho xã hội cổ đại một khuôn khổ đạo đức đã được quy định rõ, một công cụ mà mỗi thế hệ có thể sử dụng để so sánh hành vi của mình với những người đi trước. Những người tin vào các chu kỳ có thể tham gia vào hiện tượng mà nhà nhân học Lévy-Bruhl gọi là “sự tham dự thần bí”ⁱ trong sự tái tạo thiêng liêng của vòng tròn tự nhiên vĩnh cửu. Sức mạnh mà khái niệm này tác động tới nhân loại được thể hiện qua các chứng tích khổng lồ về thời gian mang tính tuần hoàn mà những xã hội cổ xưa đã để lại (tháp tưởng niệmⁱⁱ, kim tự tháp, đài chiêm tinh zigguratⁱⁱⁱ, và cự thạch^{iv}). Song ngay cả khi niềm tin vào thời gian chu kỳ thắng được quan niệm sơ khai về thời gian hỗn độn, thì vẫn không có nhiều chỗ cho điều mà con người hiện đại nghĩ là sự độc đáo và tính sáng tạo. “Đối với các xã hội truyền thống, tất cả các việc làm quan trọng trong cuộc sống đã được thể hiện *ab origine* (đầu tiên/nguyên

i. Nguyên văn: “participation mystique”, là một khái niệm do nhà triết học và nhân học người Pháp Lucien Lévy-Bruhl khởi xướng, nghĩa là một mối liên kết tâm lý đặc biệt giữa chủ thể và đối tượng, được thể hiện bằng việc chủ thể không thể phân biệt rõ ràng bản thân mình với đối tượng nhưng bị ràng buộc với nó bằng một mối quan hệ trực tiếp có liên quan đến một phần danh tính. (ND)

ii. Nguyên văn: “obelisk”, là một cấu trúc tháp bằng đá nguyên khối bốn mặt (cấu trúc hiện đại thì được ráp nối bởi nhiều khối khác nhau), dựng thẳng đứng với đỉnh chóp nhọn, đóng vai trò quan trọng trong tôn giáo, tín ngưỡng của người Ai Cập cổ đại.

iii. Là một dạng kiến trúc được xây dựng ở nền văn minh Lưỡng Hà, với nguyên liệu chính là gạch bùn. Một ziggurat thường có nhiều tầng với hành lang rộng, các bậc thang đi lên được xây ở hai bên hoặc có cấu trúc xoắn ốc, trên đỉnh thường có một đền thờ.

iv. Nguyên văn: “megalith”, là một kiểu cấu trúc gồm một hoặc nhiều tảng đá lớn được sử dụng để xây dựng các kết cấu hay các di tích, với cơ chế tự khóa mà không sử dụng vữa hay các chất kết dính nào khác.

gốc) bởi các vị thần và anh hùng. Con người chỉ việc lặp lại những hành vi kiểu mẫu điển hình đó *ad infinitum* (mãi mãi),” nhà nghiên cứu tôn giáo Mircea Eliade nhận định. “Xu hướng này dường như có vẻ nghịch lý, theo nghĩa rằng con người của một nền văn hóa truyền thống tự coi mình là hiện hữu chỉ khi anh ta không còn là chính mình (theo quan điểm của người hiện đại) và hài lòng với việc bắt chước và lặp đi lặp lại những hành vi của người khác.”

Vậy lựa chọn thay thế là gì? Đó là lựa chọn thứ ba: *thời gian tuyến tính* – thời gian như một câu chuyện duy nhất (và luôn tiến triển) với một khởi đầu tuyệt đối và một kết thúc tuyệt đối. Như vậy, lần đầu tiên nhân loại khao khát sự tiến bộ. Trong nền văn minh Hy Lạp-La Mã, quan niệm về thời gian chu kỳ đã được nhấn mạnh bởi những ý niệm mơ hồ về sự tiến bộ của loài người. Người Hy Lạp đôi khi hy vọng rằng lý trí mạnh bạo có thể đưa nhân loại ra khỏi cảnh cùng cực liên miên, trong khi người La Mã lại tin rằng một chính thể hùng mạnh có thể mang đến cho công dân của mình một vận mệnh vinh quang. Quan trọng nhất, sự trỗi dậy và lan rộng của các thuyết độc thần chủ chốt ở phương Tây đã truyền cảm hứng cho niềm hy vọng rằng loài người không chỉ bị chi phối bởi bánh xe may rủi. Vũ trụ luận của Ba Tư, Do Thái giáo, Ki-tô giáo và Islam giáo đều thừa nhận khái niệm hoàn toàn mới, coi thời gian của mỗi cá nhân và của lịch sử như chuỗi sự kiện một chiều. Thời gian bắt đầu từ việc mất dần sự ân sủng; vùng vẫy tiến về phía trước trong một loạt những thử thách, thất bại, mặc khải, và sự can thiệp của thần thánh; kết thúc bằng sự cứu rỗi và con đường trở lại Vương quốc của Chúa.

Thuyết tuyến tính này phải mất hàng trăm năm mới trở nên phổ biến, nhưng ngay sau đó nó đã làm thay đổi thế giới. Ở châu Âu trung cổ, thời gian một chiều do người Ki-tô giáo phác họa vẫn là ý tưởng tương đối thần bí mà chỉ một nhóm nhỏ giáo sĩ ưu tú mới hiểu rõ.

Nhưng vào thế kỷ 16, Cải cách Tin Lànhⁱ và những bản in sách Phúc âm được lan truyền đã báo hiệu nhu cầu cấp bách mới (và sự ứng dụng rộng rãi) với lịch sử tuyến tính. Những người bình thường bắt đầu suy đoán về các dấu hiệu lịch sử của Sự phục sinh lần thứ hai (và cuối cùng) của Christ và hình thành những hệ phái mới tương ứng với niềm hy vọng của họ. Hai thế kỷ sau, phong trào Khai sáng đã biến đổi thuyết tuyến tính của Ki-tô giáo thành một đức tin thế tục có tính bổ sung, điều mà sử gia Carl Becker gọi là “thành phố thiên đường của các triết gia thế kỷ 18”ⁱⁱ – niềm tin vào sự tiến bộ vô hạn của khoa học, kinh tế và chính trị.

Vào cuối thế kỷ 19, khi Cách mạng Công nghiệp phát triển ở tốc độ cực đại, giáo lý phương Tây về lịch-sử-là-sự-tiến-bộ đạt đến đỉnh cao của nó. Dù là một cương lĩnh tôn giáo, một học thuyết thực chứng, hay một môn khoa học về sự tiến hóa, nó là điều không thể nghi ngờ. Cuốn *The Cambridge Modern History* (Tạm dịch: Lịch sử Hiện đại Cambridge) được xuất bản năm 1902 giải thích: “Chúng tôi chắc chắn thừa nhận việc lịch sử được viết như một giả thuyết khoa học, một sự tiến bộ trong vị thế của loài người. Sự tiến bộ này chắc chắn phải hướng đến một kết thúc nào đó”. “Tiến bộ là Chúa Trời,” đó là lời sử gia Lord Acton sau này mô tả quan điểm phổ biến thời Victoria. “Chỉ khi có sự tiến bộ, mới có thể có Chúa trong lịch sử.”

i. Nguyên văn: “Reformation”, còn gọi là Cải cách Kháng nghị hay ngắn gọn là Cải cách hoặc Cải chánh, là phong trào khởi phát vào thế kỷ 16 gồm một chuỗi các nỗ lực nhằm cải cách Giáo hội Công giáo La Mã. Phong trào được khởi xướng với 95 luận đề của Martin Luther và kết thúc với Hòa ước Westphalia năm 1648. (ND)

ii. Nguyên văn: “the heavenly city of the eighteenth-century philosophers”, nhóm bốn bài giảng về Thời kỳ Khai Sáng (Age of Enlightenment) của Carl Becker tại Đại học Yale vào năm 1932, đưa ra nhận định rằng những triết lý của Thời đại Lý tính (Age of Reason) căn cứ nhiều vào những giả định của Ki-tô giáo hơn mức độ mà những người trí thức thời đó đã thừa nhận.

Những khu định cư đầu tiên của Anh ở Tân Thế giới khởi đầu bằng một tiền đồn của thuyết Calvin cấp tiến và phong trào Khai sáng cấp tiến. Không có gì ngạc nhiên, Mỹ đã trở thành hiện thân cho những biểu hiện cực đoan nhất của thuyết tuyến tính tiến bộ. Các nhà thám hiểm châu Âu đầu tiên thường nhìn thấy ở miền đất nguyên sơ rộng lớn này – lục địa Tân Atlantisⁱ, El Doradoⁱⁱ, hay xứ Utopiaⁱⁱⁱ – một cơ hội đích thực để tái tạo con người và theo đó đặt dấu chấm hết cho lịch sử. Tương tự, làn sóng dân nhập cư sau đó, tự coi mình như những người xây dựng một New Jerusalem ngàn năm tuổi, những người mở đầu một Thời đại Lý tính cách mạng, những người bảo vệ “đất nước được Chúa chọn,” những người tiên phong phụng sự Vận mệnh Hiển nhiên^{iv}. Đầu thế kỷ này, Herbert Croly đã viết về một “chủ nghĩa dân tộc tiến bộ” và James Truslow Adams viết về “Giấc mơ Mỹ” để chỉ niềm tin của người dân vào sự tiến bộ tuyến tính này. Theo họ, thời gian là đồng minh tự nhiên của mỗi thể hệ kế

i. Nguyên văn: “New Atlantis”, là tên một tiểu thuyết không tưởng chưa được hoàn thiện của ngài Francis Bacon, được xuất bản năm 1627. Tác phẩm mô tả việc tạo ra một vùng đất không tưởng có tên Bensalem, nơi “sự hào phóng và tính giác ngộ, phẩm giá và sự huy hoàng, lòng mộ đạo và tinh thần cộng đồng” là những phẩm chất thường thấy của cư dân nơi đây.

ii. Trong tiếng Tây Ban Nha nghĩa là “đất vàng”, xuất phát từ tục lệ của một bộ tộc người da đỏ, khi nhà vua mới lên ngôi họ đem cát vàng rắc lên người nhà vua. Theo truyền thuyết, El Dorado cũng là một địa điểm trong khu rừng già Amazon ở Nam Mỹ của người Inca mà nhiều nhà thám hiểm cho rằng đây là thành phố có chứa rất nhiều vàng. (ND)

iii. Tên gọi một tác phẩm kinh điển của Thomas Moore xuất bản năm 1516, mô tả một xã hội trên một hòn đảo giả tưởng ở Nam Đại Tây Dương. “Utopia” theo tiếng Hy Lạp là “không nơi nào” – “no place”, ngày nay cụm từ này được dùng để nói đến những xã hội không tồn tại nhưng được cho là tốt hơn nhiều so với những xã hội hiện đại.

iv. Nguyên văn: “Manifest Destiny”, là một niềm tin rằng nước Mỹ có vận mệnh, theo ý Chúa, cai trị lục địa Bắc Mỹ và mở rộng lãnh thổ từ duyên hải Đại Tây Dương đến Thái Bình Dương. Quan niệm này cùng với tất cả các sự biến đổi đi kèm của cảnh quan, văn hóa và niềm tin tôn giáo mà nó ngụ ý bám rễ rất sâu trong văn hóa Mỹ. (ND)

tiếp. Từ đó xuất hiện học thuyết về chủ nghĩa biệt lệ Mỹⁱ, với niềm tin rằng đất nước này và người dân của nó bằng cách nào đó đã thoát khỏi mọi nguy cơ thoái bộ theo chu kỳ.

Theo thời gian, thời gian tuyến tính đã thành công trong việc áp đảo thời gian chu kỳ. Cách đây khá lâu, thời gian chu kỳ đã chinh phục thời gian hỗn độn. Nhưng trong những thế kỷ gần đây, tới lượt kẻ chinh phục bị xiềng xích và gông cùm. Chiến thắng của thuyết tuyến tính không phải là tức thì hay tuyệt đối. Ví dụ, nghi lễ cốt lõi của Ki-tô giáo – dịp kỷ niệm hằng năm ngợi ca đấng cứu thế hấp hối và tái sinh – vẫn giống các nghi lễ tái sinh vào giữa mùa đông của các tôn giáo cổ xưa mà nó thế chỗ. Nhưng dần dần, niềm tin sống động về thời gian chu kỳ đã bị trôi vào lãng quên.

Sự áp đảo của thời gian tuyến tính xuất phát từ những Ki-tô hữu thời kỳ đầu, họ cố gắng diệt tận gốc ngoại giáo có tính định kỳ, lên án các chu kỳ cổ điển, và nhấn chìm toàn bộ các phân ngành về phi tuyến tính, như các lĩnh vực bí ẩn về thuật giả kim và chiêm tinh học. “Chỉ tội lỗi mới bước theo chu kỳ”, Thánh Augustine cảnh báo. Vào buổi bình minh của kỷ nguyên hiện đại, sự công kích này càng trở nên dữ dội hơn. Cải cách Tin Lành không chỉ khơi mào một cuộc tấn công quay trở lại nhằm vào các ngày lễ ngoại giáo (đốn ngã cây nêu ngày 1 tháng 5ⁱⁱ), mà còn phổ biến các loại đồng hồ đo đạc, lịch, và nhật ký ghi chép cho phép con người sử dụng thời gian như một phương tiện hiệu quả để đạt được mục đích tuyến tính – có thể là sự thánh thiện, giàu có, hay chinh phục. Gần đây, phương Tây bắt đầu sử dụng công nghệ để san bằng những chứng cứ hữu hình về chu kỳ tự nhiên. Chúng ta tin rằng mình đã chiến thắng chu kỳ ngủ-thức nhờ có ánh sáng nhân tạo,

i. Nguyên văn: “American exceptionalism”, là một hệ tư tưởng coi nước Mỹ là đặc biệt và ngoại lệ so với tất cả các quốc gia khác, theo cả hàm nghĩa tích cực và tiêu cực, với niềm tin rằng Mỹ đi theo con đường lịch sử cùng các quan điểm dân chủ và tự do cá nhân của riêng nó.

ii. Lễ mừng xuân ở Mỹ, Canada, và nhiều nơi tại Tây Âu. (ND)

chu kỳ theo mùa nhờ kiểm soát khí hậu, chu kỳ nông nghiệp nhờ kỹ thuật làm lạnh, và chu kỳ nghỉ ngơi-phục hồi nhờ y học công nghệ cao.

Sự chiến thắng của thuyết tuyến tính đã định hình chính phong cách của nền văn minh phương Tây và (đặc biệt là) Mỹ. Trước đây, khi quan niệm thời gian chu kỳ thịnh hành, con người đề cao lòng kiên nhẫn, nghi thức, mối liên hệ của các bộ phận với tổng thể, và sức mạnh chữa lành vết thương của thời-gian-trong-tự-nhiên. Ngày nay, chúng ta đề cao sự gấp rút, sự đả phá các tín ngưỡng lâu đời, sự tan rã của tổng thể thành các bộ phận, và sức mạnh của thời-gian-ngoài-tự-nhiên.

Trước đây, mô hình số chủ đạo cho sự thay đổi thường là bốn, với nguồn gốc là một biểu tượng nữ tính trong hầu hết các nền văn hóa. Trong các bộ tứ vĩ đại là bốn mùa, bốn phương hướng, và bốn nguyên tố, yếu tố thứ tư luôn quay vòng trở lại các yếu tố khác. Giờ đây, mô hình số ba lên ngôi, khởi nguồn là một biểu tượng nam tính. Trong các bộ ba vĩ đại của Ki-tô giáo và triết học hiện đại, yếu tố thứ ba luôn vượt lên trên các yếu tố khác.

Trước đây, con người đề cao khả năng tiên đoán năng lượng tự nhiên và sử dụng nó. Ngày nay, chúng ta đề cao khả năng thách thức năng lượng tự nhiên và vượt qua nó.

VƯỢT QUA THUYẾT TUYẾN TÍNH

Thành công vang dội của thời gian tuyến tính là đã mang đến cho loài người sự tự tin có chủ đích về việc tự hoàn thiện mình. Một xã hội tuyến tính xác định rõ các mục tiêu đạo đức (công lý, bình đẳng) hay mục tiêu vật chất (sự thoải mái, giàu có) và sau đó quyết tâm đạt được chúng. Khi đạt được các mục tiêu đó, mọi người vui mừng đắc thắng; nếu không đạt được, các chiến thuật mới sẽ được áp dụng. Dù gì đi nữa, hành trình này không bao giờ lặp lại. Mỗi hành động là duy nhất, đem lại ý thức sáng tạo đích thực, điều mà những người chỉ lặp lại quá khứ không biết đến. Như Mark Twain nói, ở Mỹ không có gì cũ hơn là thói quen của chúng ta coi mọi thứ đều là mới.

Song điểm yếu lớn của thời gian tuyến tính là nó xóa bỏ sự quay lại của thời gian và do đó cắt đứt con người khỏi sự vĩnh cửu – dù là trong tự nhiên, trong nhau, hay trong chính chúng ta. Khi cho rằng vận mệnh xã hội của mình hoàn toàn tự định hướng và cuộc sống cá nhân của mình tự phát triển, chúng ta đánh mất cảm giác là một phần của một huyền thoại chung lớn hơn chính bản thể của chúng ta. Chúng ta không thể tham gia theo kiểu nghi thức với những người đến trước hoặc sau mình. Giả sử bị đặt tại một thời điểm nào đó cách xa điểm bắt đầu và điểm kết thúc của lịch sử hàng niên kỷ, thời gian tuyến tính để chúng ta ở đó một mình, bồn chồn, và e ngại đứng yên vì sợ rằng sẽ phát hiện ra điều gì đó khủng khiếp về chính mình. Hầu hết người Mỹ sẽ đồng ý với Mary McCarthy rằng “kết thúc đẹp là niềm tin chung của quốc gia chúng ta” – nhưng rất ít người trong chúng ta hình dung được mình sẽ làm gì nếu đạt được điều đó.

Khi mọi thứ tốt đẹp, điểm yếu này không thành vấn đề. Nhưng khi mọi thứ trở nên tồi tệ, quan điểm tuyến tính có thể đổ vỡ – phơi bày nỗi sợ về thời gian như một khoảng không xa lạ. Kinh nghiệm cho thấy Thế chiến I đã tác động đến toàn bộ thế giới phương Tây theo đúng cách này, phủ bóng đen tuyệt vọng và chủ nghĩa tương đối bao trùm cho đến khi kết thúc lạc quan của Thế chiến II tiếp thêm niềm tin vào tương lai. Nhưng ngày nay, niềm tin ấy lại một lần nữa sụt giảm mạnh. *Tiến bộ* chủ yếu mang ý nghĩa tiêu cực – với công nghệ robot, hệ thống quan liêu tập quyền và nền văn hóa lệch lạc. Nó không còn mô tả đích đến của lịch sử mà chúng ta mong muốn. Càng cố tin vào thời gian tuyến tính, chúng ta càng thêm lo sợ đường đến tương lai giờ đây có thể đang trên đà *đi xuống*.

Nhiều người Mỹ đã phản ứng lại niềm tin đang phai nhạt này về sự tiến bộ bằng sự khước từ mạnh mẽ. Trong mỗi thập niên gần đây, công chúng lại tập hợp quanh một tuyên ngôn khác về sự đắc thắngⁱ ba

i. Nguyên văn: “triumphalism”, là một trong những trường phái tư tưởng được nghiên cứu nhằm mục đích giải thích cho kết thúc của giai đoạn Chiến tranh Lạnh theo góc nhìn từ chiến thắng của phương Tây.

giai đoạn. Năm 1960, đó là Walt Rostow với cuốn *The Stages of Economic Growth* (Tạm dịch: Các giai đoạn tăng trưởng kinh tế) (đỉnh điểm là sự “cất cánh” trở thành một xã hội tiêu dùng đại chúng không tưởng); năm 1967, là Herman Kahn với *The Year 2000* (Tạm dịch: Năm 2000) (các xã hội truyền thống, công nghiệp, và sau đó là hậu công nghiệp); năm 1970, Charles Reich với *The Greening of America* (Tạm dịch: Làm xanh đất Mỹ) (ba loại nhận thức I, II, và III); năm 1980, Alvin Toffler với *The Third Wave* (Tạm dịch: Làn sóng thứ ba) (làn sóng thứ nhất, thứ hai, và thứ ba); và năm 1992, Francis Fukuyama với *The End of History and the Last Man* (Tạm dịch: Sự cáo chung của lịch sử và con người cuối cùng) (một cái nhìn mới về G.W.F. Hegel, người khắc họa tất cả lịch sử thành ba phần). Trường phái thời gian tuyến tính này xem tất cả lịch sử loài người gần giống một cú nhảy trượt tuyết: Sau cả thiên niên kỷ im lặng lấy đà, nhân loại giờ đây mới cất cánh trên chuyến bay về vang cuối cùng.

Đối với người theo thuyết tuyến tính, tương lai có thể thường được quy về thành một đường thẳng ngoại suy từ quá khứ gần đây. Do không thấy bất kỳ điểm uốn hoặc đảo chiều nào ở những điều đã xảy ra, nên họ không thể thấy gì ở những điều sắp tới. “Xu hướng, giống như ngựa, sẽ dễ dàng hơn khi điều khiển chúng theo hướng đang đi,” John Naisbitt viết trong cuốn *Megatrends* (Tạm dịch: Những đại xu hướng). Đây cũng là đặc trưng của thuyết tuyến tính, mới và cũ, báo trước sự xảy đến về hồi cuối của lịch sử. Những tin đồn cuồng nhiệt ngày nay, cũng như đám đông từng tụ tập quanh các nhà truyền giáo Cải cách Tin Lành, rõ ràng được tăng bốc để tin rằng họ tình cờ sống vào thời điểm diễn ra sự chuyển đổi cuối cùng của nhân loại.

Bất kể việc thuyết tuyến tính vẫn đứng vững, ngày càng nhiều người Mỹ đang quay về với niềm tin vào thời gian hỗn độn – tin rằng cuộc sống là hàng tỉ mảnh vỡ, rằng các sự kiện xảy ra ngẫu nhiên, và rằng lịch sử không có phương hướng. Trong văn hóa đại chúng, quá

khứ là nguyên liệu chính hữu ích cho những món đồ tạo tác của Planet Hollywoodⁱ, kỹ xảo trong phim *Forrest Gump*, và những tác phẩm giải trí chứa đựng nhiều thông tin của Oliver Stoneⁱⁱ. Trong chính trị và kinh doanh, quá khứ còn là một chiếc hộp công cụ chứa những ý tưởng mưu lược. Trong môi trường học thuật, nhiều sử gia nhăn mặt khi nghe thấy ý kiến rằng quá khứ cho chúng ta những bài học hay bất kỳ điều gì tương tự. Họ không thấy một câu chuyện thực chất và nhất quán nào, mà chỉ đơn thuần là một tập hợp những chi tiết hoặc ghi chú đã qua về một số lý thuyết xã hội nhất thời. Thật vậy, một số sử gia hiện nay nói rằng không hề có lịch sử duy nhất – mà là vô số lịch sử, mỗi khu vực, ngôn ngữ, gia đình, nền công nghiệp, giai cấp và chủng tộc có một lịch sử riêng. Nhiều học giả coi quá khứ như một sự phức tạp chính trị, nhưng cũng là một loại vũ khí trên chiến trường của những cuộc Chiến tranh Văn hóa.

Sự phủ nhận học thuật này về logic nội tại của thời gian đã làm mất đi giá trị của lịch sử trong xã hội chúng ta. Tại các trường đại học thuộc nhóm Ivy League, sinh viên hệ đại học không còn phải nghiên cứu lịch sử như một lĩnh vực riêng biệt nữa. Trong sách giáo khoa đại chúng, những mẩu thông tin về các sự kiện lịch sử trộn lẫn với những bài học về địa lý, chính trị, và nghệ thuật thành một món hổ lốn mang tên nghiên cứu xã hội. Theo kết quả thăm dò, ngày nay lịch sử là môn học mà học sinh trung học thấy kém hấp dẫn hoặc kém giá trị nhất. Theo lối nói kiểu đại chúng, *đó là lịch sử* có nghĩa rằng “cái đó chẳng liên quan.” Được dạy về một quá khứ không hàm chứa bài học khuyến

i. Là chuỗi nhà hàng trang trí theo chủ đề lấy cảm hứng từ những chân dung nổi tiếng của Hollywood, đi vào hoạt động từ năm 1991 và nhận được sự ủng hộ của nhiều diễn viên Hollywood nổi tiếng như Sylvester Stallone, Bruce Willis, Demi Moore, và Arnold Schwarzenegger.

ii. Tên đầy đủ là William Oliver Stone, là đạo diễn kiêm biên kịch nổi tiếng người Mỹ. Nhiều tác phẩm của ông đưa ra những giả thuyết lịch sử mang nhiều tính tranh cãi, tập trung vào những vấn đề chính trị gây tranh luận của Mỹ trong khoảng cuối thế kỷ 20.

bảo, sinh viên ngày nay thậm chí còn không nhớ những cái tên và mốc thời gian cốt lõi. Song nếu các giáo viên đúng, thì vì sao sinh viên lại phải quan tâm đến việc Nội chiến đã nổ ra khi nào? Có gì khác biệt không nếu nó bắt đầu vào năm 1861, 1851, hay 1751? Nếu thời gian là hỗn độn, thì một sự kiện như Nội chiến có thể không bao giờ lặp lại hoặc có thể tái diễn ngay ngày mai. Nếu thời gian là tuyến tính, thì toàn bộ thế kỷ 19 chẳng có gì quan trọng hơn vài bệ phóng đạn đạo đã bị vứt bỏ, và ý nghĩa liên quan của nó ngày càng mờ dần theo năm tháng.

Người Mỹ ngày nay sợ rằng thuyết tuyến tính (còn gọi là Giác mơ Mỹ) đã hoàn thành tiến trình của nó. Nhiều người muốn hiểu thêm về những mô hình và nhịp điệu của lịch sử, nhưng giới tinh hoa trí thức hôm nay không đưa ra được nhiều điều hữu ích. Bị kẹt giữa sự hỗn loạn của người theo thuyết hỗn độn và sự ngạo mạn của người theo thuyết tuyến tính, người dân Mỹ đã mất đi nơi nương tựa.

Vẫn còn một lựa chọn khác. Nhưng để hiểu được nó, người Mỹ cần quay lại với cái nhìn thấu đáo về chu kỳ cổ đại.

Sẽ không có gì bị đánh mất. Chúng ta có thể giữ lại trực giác đầy hy vọng về sự tiến bộ và nhận thức đầy hoài nghi về tính ngẫu nhiên. Song đồng thời, chúng ta có thể khôi phục một quan điểm đã bị vùi lấp từ rất lâu và những nhận thức sâu sắc mà không góc nhìn nào có thể mang lại được.

Chúng ta cần nhận ra rằng nếu không có khái niệm về sự tái diễn của lịch sử, thì không ai có thể bàn luận một cách có ý nghĩa về quá khứ. Tại sao lại nói về sự hình thành (hoặc suy tàn) của một thành phố, một chiến thắng (hoặc thất bại) trong trận chiến, sự trỗi dậy (hoặc biến mất) của một thế hệ, nếu chúng ta không thừa nhận rằng những điều tương tự đã từng xảy ra và có thể xảy ra một lần nữa? Sự lặp lại là cách duy nhất thời gian tiết lộ những bí ẩn lâu đời xác định chúng ta là ai. Khi Aristotle nói rằng thơ ca vượt trội hơn lịch sử vì lịch sử chỉ

cho chúng ta biết “những gì Alcibiades đã làm hoặc từng làm với chính mình,” trong tâm trí ông lịch sử chỉ là sự biên soạn các thông tin sự kiện mà thôi. Vấn đề là, lịch sử phải làm được nhiều hơn thế. Nó phải tái kết nối con người lại đúng lúc, giống những gì Aristotle đã gọi là “những hình thức vượt thời gian” của tự nhiên.

Chúng ta cần nhớ lại rằng thời gian, theo bản chất vật lý của nó, không là gì ngoài phép đo của chính chu kỳ. Dù đó là dao động của con lắc, quỹ đạo của hành tinh, hay tần số của tia laser, điều chúng ta cho là tính đều đặn của một sự việc mang tính chu kỳ thực chất là tất cả những gì chúng ta có để định nghĩa thời gian là gì. Theo từ nguyên học, danh từ *time* (thời gian) xuất phát từ *tide* (thủy triều) – một sự tham chiếu cổ đại với chu kỳ Mặt trăng vẫn gặp trong một số cách diễn đạt như “yuletide” (kỳ nghỉ lễ Giáng sinh) và “good tidings” (tin tốt). Tương tự, từ *period* (chu kỳ) ban đầu có nghĩa là “orbit” (quỹ đạo), như trong “quỹ đạo hành tinh.” Từ *annual* (hằng năm) xuất phát từ *annus*, nghĩa gốc cổ là “circle” (chu kỳ). Các từ *year* (năm) và *hour* (giờ) xuất phát từ cùng một gốc từ là *horos* trong tiếng Hy Lạp, nghĩa là “chu kỳ Mặt trời.” Từ *month* (tháng) là một từ phái sinh của *moon* (Mặt trăng). Nếu không có chu kỳ, thời gian quả thật sẽ là thách thức cho bất kỳ sự mô tả nào.

Quan trọng nhất, cần phải hiểu rằng những nỗ lực hiện đại của chúng ta để duỗi thẳng các chu kỳ tự nhiên và xã hội thường chỉ thành công ở bề ngoài. Đôi khi, tất cả những gì chúng ta làm là thay thế một chu kỳ này bằng một chu kỳ khác. Ví dụ, khi đập đập trên một con sông hoặc công nghiệp hóa một xã hội, chúng ta có thể loại bỏ chu kỳ lũ lụt và chiến tranh; để rồi chúng ta chỉ đảm bảo được chu kỳ ấy ít xảy ra hơn nhưng về tàn phá thì nặng nề hơn. Thường thì “tiến bộ” cuối cùng tạo ra những chu kỳ hoàn toàn mới. Hãy nghĩ về chúng mà xem: các chu kỳ kinh doanh, chu kỳ tài chính, chu kỳ bầu cử, chu kỳ thời trang, chu kỳ dư luận, chu kỳ tội phạm, chu kỳ

giao thông, và các chu kỳ khác. Trớ trêu thay, thời gian tuyến tính tạo ra hoặc đào sâu các chu kỳ xã hội bằng cách vô hiệu hóa khả năng tự nhiên của chúng ta – đạt được nội cân bằng bằng các tái điều chỉnh nhỏ liên tục. Thay vào đó, sự tái điều chỉnh xảy ra trong những cú nhảy – nghĩa là trong những vận động chu kỳ mạnh mẽ hơn. Chu kỳ *saeculum* là một ví dụ sâu sắc: Tương đối yếu trong bối cảnh truyền thống, nó mang hình thái mạnh nhất trong những xã hội hiện đại tin vào thời gian tuyến tính.

Mỹ, xã hội ít tin vào các chu kỳ nhất, đã rơi vào chu kỳ lạ lùng nhất trong lịch sử nhân loại. Nhiều người Mỹ có thể thích hơn khi nghĩ rằng đất nước họ không bị ảnh hưởng bởi tự nhiên, hoặc nghĩ rằng lịch sử quốc gia luôn đồng hành với may mắn như việc phiêu bầu cách biệt sát sao, một trận chiến chỉ vừa đủ để giành thắng lợi, một phát minh đâu đâu, hoặc phát súng định mệnh của một sát thủ. Song nhiều yếu tố được cho là từ bên ngoài như vậy có liên quan đến sự thay đổi mang tính chu kỳ. Và ngay cả khi các sự kiện thật sự ngẫu nhiên xảy ra, phản ứng của chúng ta bị chi phối bởi những chuỗi sự kiện theo chu kỳ mà sức mạnh của chúng ta không xóa bỏ được. Trong một bài viết rất thuyết phục bảo vệ quan điểm về tính chu kỳ của lịch sử Mỹ, Arthur M. Schlesinger Jr. viết:

Một chu kỳ thực thụ... tự sinh ra. Nó không thể được xác định bởi những sự kiện bên ngoài, trừ khi là thảm họa. Chiến tranh, suy thoái, lạm phát có thể khiến tâm trạng dâng cao hoặc phức tạp, nhưng chu kỳ tự nó diễn ra, khép kín, độc lập, và tự điều khiển... Gốc rễ của tính độc lập theo chu kỳ này nằm sâu trong đời sống tự nhiên của nhân loại. Luôn có một mô hình mang tính chu kỳ trong kết cấu tự nhiên – trong thủy triều, trong các mùa, trong ngày và đêm, trong tâm thu và tâm trương của tim người.

Trong số các sử gia ngày nay, Schlesinger dẫn đầu một số ít người dũng cảm thách thức quan điểm chính thống về thời gian tuyến tính.

Do đó, ông gia nhập vào một truyền thống lâu đời và phong phú của các sử gia, triết gia, nhà văn và nhà thơ, những người đã nhận thấy, trong các vấn đề về nhà nước và chiến tranh, những chu kỳ tương tự như điều mà Schlesinger đã nhìn thấy trong “đời sống tự nhiên của nhân loại.”

Những chu kỳ đó là gì? Trong các xã hội truyền thống, người ta có thể giả định bất kỳ con số nào về các hình thức và tính chu kỳ. Trong các xã hội hiện đại, hai chu kỳ đặc biệt và có liên quan với nhau trở nên vượt trội hơn so với tất cả. Một chu kỳ kéo dài suốt đời người. Người Etrusca đã nghi thức hóa nó, còn người La Mã đã đặt cho nó cái tên đầu tiên: *saeculum*. Ngày nay, nó được biết đến loáng thoáng dưới cái tên *siècle*, hay “thế kỷ.” Ở thời hiện đại, những người đã thoáng thấy điều mà Arnold Toynbee gọi là “chu kỳ dài” của lịch sử sẽ hiếm khi đi lệch khỏi logic cốt lõi của *saeculum*: đó là các chu kỳ của những hoạt động con người dài xấp xỉ một đời người (hoặc trong trường hợp như chu kỳ Kondratieff là một nửa đời người).

Một chu kỳ khác diễn ra theo bốn giai đoạn của đời người, mỗi giai đoạn khoảng xấp xỉ 20 năm về thời gian. Những gì người Hy Lạp cổ đại gọi là *genos*, và chúng ta ngày nay gọi là *thế hệ*, đã được biết đến, đặt tên và đề cao như một sức mạnh trong lịch sử bởi hầu hết các nền văn minh ngay từ buổi ban đầu của thời gian. Từ người Sumer đến người Mycenae rồi người Maya, các xã hội cổ xưa biết rất ít cách để mô tả sự trôi qua của thời gian xã hội. Theo Kinh Hebrew, thì “thế hệ mới... những kẻ không hiểu biết về các con đường của Chúa” mà định kỳ tái diễn vở kịch muôn thuở của loài người: bỏ đạo, trừng phạt, ăn năn, và tái sinh. Qua các thời đại, hầu hết những ai đã tìm hiểu nguyên nhân và động cơ thật sự đằng sau thay đổi mang tính

i. Nguyên văn: “Kondratieff wave”, là một giả thuyết về chu kỳ kinh tế dài của nền kinh tế hiện đại được nghiên cứu bởi nhà kinh tế học người Nga Nikolai Dmitriyevich Kondratiev (1892-1938), cho thấy các chu kỳ biến động về kinh tế kéo dài từ 45-60 năm.

chu kỳ – từ Plato, Polybius đến Toynbee và Schlesinger – đều chỉ ra đó là thể hệ.

Saeculum đã mang nhịp thời gian đến với lịch sử. Các thể hệ, cùng bốn nguyên mẫuⁱ định kỳ của chúng, tạo ra và duy trì đặc tính theo mùa của lịch sử. Chúng cùng giải thích cách thức và lý do các chu kỳ diễn ra.

CHU KỲ VÀ NGUYÊN MẪU

Trong thời trung cổ, những người lữ hành đã nhắc đến một phong tục khác thường của dân làng mù chữ ở miền Trung nước Pháp. Bất kỳ khi nào diễn ra một sự kiện quan trọng ở khu vực, ví như hôn lễ của một người quyền thế hay điều đình lại các loại thuế thời phong kiến, những người lớn tuổi liền bặt tai một đứa trẻ để đảm bảo nó ghi nhớ ngày – và sự kiện hôm đó – suốt cả đời mình.

Trong thế giới ngày nay, việc hình thành nên những ký ức tuổi thơ vẫn là việc làm theo bản năng. Những buổi lễ lớn của quốc gia dội thẳng vào tai chúng ta bằng tiếng gầm của đại bác, tiếng rú của máy bay phản lực, và tiếng nổ của pháo hoa. Tương tự, tiếng gõ nhịp từ máy nghe nhạc phát thanh di động của các thanh thiếu niên xoáy sâu vào đôi tai trẻ với những ký ức của sau này về một cộng đồng thanh niên biết chia sẻ. Giống như dân làng Pháp thời trung cổ, người Mỹ hiện đại có các mối liên hệ sâu sắc với những gì đã xảy ra tại các thời điểm khác nhau trong cuộc đời họ. Chúng ta nhớ đến những sự kiện lớn (Trần Châu cảng, hai vụ ám sát Kennedy và King, vụ nổ tàu con thoi *Challenger*) bằng cách ghi nhớ chính xác những gì mình đang làm vào thời điểm đó. Khi già đi, chúng ta nhận ra

i. Nguyên văn: “archetype”, một khái niệm kinh điển gắn với các nghiên cứu của nhà tâm phân học người Thụy Sĩ Carl G. Jung. Ở Việt Nam, thuật ngữ này còn được dịch là “cổ mẫu”.

rằng tổng chung của các sự kiện đó, theo nhiều cách, đã định hình chúng ta là ai.

Những sự kiện lớn đó đã định hình chúng ta chính xác *như thế nào* liên quan khá nhiều đến độ tuổi của chúng ta khi chúng xảy ra. Khi nghĩ lại các dấu mốc cá nhân của mình về cuộc sống và thời đại, những sự kiện bạn nhớ nhất sẽ tràn ngập hình thái cảm xúc của giai đoạn cuộc đời bạn tại thời điểm đó. Các cột mốc ban đầu của bạn, được tô điểm bởi những giấc mơ và sự trong sáng tuổi thơ, tiết lộ cách mà sự kiện (và những người lớn tuổi hơn) định hình bạn. Các dấu mốc của bạn sau này, bị tác động bởi những lo lắng tuổi trưởng thành, cho biết cách bạn (và người ít tuổi hơn) định hình các sự kiện. Đến khi lớn tuổi, bạn sẽ nhớ mọi cột mốc thật sự quan trọng với mình. Có lẽ thế hệ các bạn sẽ xây tượng đài cho chúng (như các bậc cao niên ngày nay đang làm với những tượng đài Franklin Roosevelt và Thế chiến II tại thủ đô Washington), với hy vọng rằng hậu thế sẽ nhớ về cuộc đời và thời đại của mình theo cách của thời chưa có chữ viết: như những huyền thoại. Chính nhờ mối liên kết giữa sự lão hóa sinh học và trải nghiệm chung, tái diễn qua các bước chuyển và các thế hệ, mà lịch sử có được sự tương quan cá nhân.

Lịch sử nhân loại được tạo nên từ những cuộc đời, trải dài từ khi sinh ra đến lúc chết đi. Tất cả những ai được sinh ra đều sẽ phải chết, và tất cả những người chết trước hết đều phải được sinh ra. Toàn bộ nền văn minh nhân loại chính là tổng thể của điều đó. Trong mọi chu kỳ mà nhân loại biết đến, một chu kỳ mà tất cả chúng ta biết rõ nhất chính là *vòng đời của con người*. Không một lực lượng xã hội nào – không phải giai cấp, quốc tịch, văn hóa, hay công nghệ – có một niên biểu có thể dự đoán trước như vậy. Độ dài giới hạn của một vòng đời đang diễn ra là một trong những hằng số tuyệt vời của nền văn minh: Vào thời đại của Moses, nó kéo dài từ 80 đến 100 năm, và vẫn vậy, ngay cả khi ngày càng có nhiều người đạt đến giới hạn đó. Về mặt sinh học và xã hội, một cuộc đời trọn vẹn của con người được

chia thành bốn giai đoạn: *tuổi thơ ấu*, *tuổi trưởng thành*, *tuổi trung niên*, và *tuổi già*. Mỗi giai đoạn của cuộc đời có độ dài như nhau, mỗi giai đoạn có khả năng liên kết một thế hệ tại một thời điểm. Và mỗi giai đoạn được liên kết với một vai trò xã hội cụ thể quy định cách mà những người sống trong giai đoạn đó nhận thức về thế giới và hành động dựa trên những nhận thức đó.

Đến lượt mình, mỗi *thế hệ* là tập hợp của tất cả những người sinh ra trong cùng khoảng thời gian của một giai đoạn cuộc đời, có cùng một vị trí chung trong lịch sử, và do đó có một tính cách tập thể chung. Giống như một con người (và khác với một chủng tộc, tôn giáo, hoặc giới tính), một thế hệ cũng sẽ chết đi: các thành viên của nó hiểu rằng sẽ đến lúc họ phải ra đi. Do đó, một thế hệ cũng cảm nhận được sự cấp bách mang tính lịch sử tương tự như các cá nhân cảm thấy trong đời mình. Động lực của sự lão hóa và lụi tàn mang tính thế hệ này thúc đẩy một xã hội làm giàu thêm bộ nhớ của mình và tiến hóa theo thời gian. Mỗi lần thế hệ trẻ thay thế thế hệ già trong từng giai đoạn cuộc sống, vòng đời phức hợp ấy trở thành một thứ hoàn toàn mới, về cơ bản làm thay đổi tâm trạng và hành vi của toàn xã hội.

Lịch sử tạo ra các thế hệ, và các thế hệ lại tạo ra lịch sử. Sự cộng sinh này giữa cuộc sống và thời gian giải thích vì sao khi một yếu tố theo mùa thì yếu tố kia cũng vậy.

Việc người Mỹ vẫn không nắm bắt được quy luật theo mùa của lịch sử giải thích vì sao những dự báo thống nhất về định hướng quốc gia thường sai lầm đến vậy.

Quay lại cuối thập niên 1950, các dự báo lan truyền rộng rãi đều cho rằng tương lai của Mỹ sẽ giống như Miền đất Tương laiⁱ của

i. Nguyên văn: “Tomorrowland”, là một trong nhiều khu vực được trang trí theo chủ đề đặc trưng riêng tại Vương quốc Pháp thuật, “Magic Kingdom”, ở các công viên giải trí của công ty Walt Disney.

Disney. Các chuyên gia dự báo về một thế hệ trẻ lịch thiệp, một nền văn hóa lành mạnh, ý thức hệ chấm dứt, một cuộc chiến có trật tự chống lại nạn phân biệt chủng tộc và đói nghèo, kinh tế phát triển ổn định, nhiều khuôn phép xã hội, và những hoạt động khổng lồ của lực lượng cảnh sátⁱ như Bắc Triều Tiên ở nước ngoài không còn gây tranh cãi. Tất cả những dự đoán này, tất nhiên, đều rất sai lầm. Các chuyên gia không chỉ đã bỏ lỡ một số sự kiện cụ thể xảy ra ngay sau đó: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân và tàu vũ trụ *Apollo 11*, cuộc bạo loạn khu vực Watts và vụ xả súng Đại học bang Kent, hiện tượng Mùa hè Tình yêu và vụ bê bối chính trị Watergate, Ngày Trái Đất và sự cố Chappaquiddick. Họ còn bỏ lỡ toàn bộ tâm trạng về thời đại đang tới.

Vì sao những dự báo của họ lại sai lầm như vậy? Khi dự báo rằng tương lai là ngoại suy từ quá khứ gần đây, các chuyên gia nghĩ rằng nhóm người kế tiếp của mỗi giai đoạn cuộc đời sẽ hành xử giống như những người đang sống trong giai đoạn ấy. Giả mà biết được nên quan sát ở đâu và như thế nào, các chuyên gia có thể đã nhìn ra những đổi thay làm chuyển hướng lịch sử sắp xảy ra trong đội hình thế hệ Mỹ: Qua thời gian, mỗi thế hệ chắc chắn sẽ già đi như mọi con sông đều xuôi về biển cả. Trong hai thập niên tiếp theo, những lãnh đạo lớn tuổi hiện nay sẽ không còn, một lứa trẻ em mới sẽ xuất hiện, và các thế hệ ở giữa sẽ biến đổi các giai đoạn mới của cuộc đời mà họ đang tiến tới.

Động lực này đã diễn ra trong suốt lịch sử Mỹ. Cứ khoảng mỗi hai thập niên (quãng thời gian của một giai đoạn cuộc đời) lại xuất hiện

i. Nguyên văn: “police action”, là một cách nói giảm nói tránh cho hành động quân sự được tiến hành mà không cần có sự tuyên chiến chính thức. Đây là cụm từ được Tổng thống Mỹ Harry S. Truman sử dụng để giải thích cho phản ứng của Mỹ, dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc, khi Bắc Triều Tiên vi phạm bình định trong giai đoạn Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953).

một *nhóm* các thế hệ mới – một sự phân lớp mới của những tính cách đặc trưng thế hệ ở các tuổi khác nhau. Khi nhóm này thay đổi, tâm trạng quốc gia cũng thay đổi theo. Hãy cùng xem những gì đã xảy ra, từ cuối thập niên 1950 đến cuối thập niên 1970, khi thế hệ này thay thế thế hệ khác trong mỗi giai đoạn cuộc đời:

- Ở tuổi già, những người theo chủ nghĩa cá nhân cảnh báo của *Thế hệ Lạc lõng* (sinh từ năm 1883 đến 1900) được thay thế bởi *Thế hệ Vĩ đại nhất*ⁱ (sinh từ năm 1901 đến 1924) đầy tự tin, đã đưa Mỹ vào một kỷ nguyên rộng mở của sung túc vật chất, sức mạnh toàn cầu, và hoạch định xã hội.
- Ở tuổi trung niên, Thế hệ Vĩ đại nhất tràn đầy lạc quan được thay thế bởi trợ thủ *Thế hệ Im lặng* (sinh từ năm 1925 đến 1942), áp dụng chuyên môn và sự nhạy bén của mình để tinh chỉnh trật tự thiết chế đồng thời chỉ dẫn cho những đam mê của giới trẻ.
- Ở tuổi trưởng thành, Thế hệ Im lặng có tính tuân thủ được thay thế bởi *Thế hệ Bùng nổ* (sinh từ năm 1943 đến 1960) tự yêu chính mình, khẳng định sự vượt trội của bản thân và thách thức cái được cho là khoảng trống về đạo đức của trật tự thiết chế.
- Ở tuổi thơ ấu, Thế hệ Bùng nổ được nuông chiều này được thay thế bởi *Thế hệ Thứ 13* (sinh từ năm 1961 đến 1981) bị sao lãng, bị bỏ rơi không được che chở trong một thời đại đầy những biến động văn hóa và tự kiểm tìm bản ngã khi trưởng thành. Còn được biết đến là Thế hệ X trong văn hóa đại chúng, cái tên

i. Nguyên văn: “G.I. Generation”, còn được gọi là “The Greatest Generation” tại Mỹ, dựa theo tiêu đề cuốn sách được xuất bản năm 1998 của tác giả kiêm nhà báo người Mỹ Tom Brokaw. “G.I” là một thuật ngữ quân đội, chữ viết tắt của cụm từ “General Issue” hoặc “Government Issue”, hàm ý rằng tuổi trẻ của thế hệ này gắn liền và cống hiến cho Thế chiến II.

của thế hệ này phản ánh thực tế rằng đây chính là thế hệ thứ 13 tự gọi mình là người Mỹⁱ.

Qua lăng kính của sự lão hóa thế hệ, sự thay đổi tâm trạng từ cuối thập niên 1950 đến cuối thập niên 1970 không chỉ trở nên dễ hiểu, mà (khi nhìn lại) còn có thể dự đoán được: Mỹ đang tiến từ nhóm các thế hệ của Bước chuyển Thứ nhất vào Bước chuyển Thứ hai. Thay thế Truman và Ikeⁱⁱ đang trở nên già nua là Lyndon Baines Johnson và Nixon. Thay thế Ed Sullivan và Ann Landers ở tuổi trung niên là Norman Lear và Gloria Steinem. Thay thế *The Organization Man* (Tạm dịch: Người của Tổ chức) trẻ tuổi là cộng đồng theo phong cách hippie của lễ hội âm nhạc Woodstock. Thay thế Jerry Mathers là Tatum O'Neal. Sự thay đổi từ gốc tới ngọn này trong vòng đời Mỹ cho thấy nhiều về lý do và cách thức đất nước này chuyển từ trạng thái tinh thần đồng thuận, thỏa mãn, và lạc quan sang bất ổn, tranh cãi, và giận dữ.

20 năm gần đây nhất thì sao? Các dự báo phổ biến nhất hồi cuối thập niên 1970 về một nước Mỹ vào cuối thập niên 1990 đều cho rằng các xu hướng của thập niên 1960 sẽ tiếp tục đi theo một đường thẳng. Điều này dẫn đến những dự đoán về sự tăng tốc trong việc hoạch định chính phủ, những cuộc biểu tình không ngừng nghỉ phản đối tuân thủ phép tắc xã hội, gia tăng chủ nghĩa thế tục về Chúa-đã-chết, đời sống gia đình phi chính thống, ít sự chú trọng đến tiền bạc và vũ khí trong thời đại “hậu duy vật”, và nền kinh tế tăng trưởng ngoạn mục hoặc sẽ mang đến sự nhàn rỗi chưa từng có – hoặc nhấn chìm cả hành tinh vào một thảm họa sinh thái nghiêm trọng.

i. Tên gọi “Thế hệ thứ 13” được tác giả đặt vì những người được sinh ra trong khoảng thời gian này tại Mỹ được cho là thế hệ thứ 13 tính từ thế hệ lập quốc, tạo dựng nền độc lập và hình thành Hiến pháp Mỹ.

ii. David Dwight Eisenhower, Tổng thống Mỹ thứ 34, nhiệm kỳ từ năm 1953 đến 1961.

Tất nhiên, chẳng có điều gì trong số đó đã xảy ra. Nhưng với sự nhiệt tình sốt sắng, hầu như tất cả những người đưa ra dự báo hồi cuối thập niên 1970 đều mắc phải một lỗi cơ bản hơn: Dù quan điểm của họ là không tưởng hay khái huyền, chuyển hướng về *Epcot Center*ⁱ hay *Soylent Green*ⁱⁱ, tất cả đều cho rằng Mỹ đang hối hả trên con đường tới *đâu đó*. Không ai hình dung được những gì thật sự đã diễn ra: suốt những thập niên 1980 và 1990, trong khi các mảnh xã hội khác nhau trôi dạt theo những hướng khác nhau, Mỹ như một tổng thể lại không có một đích đến cụ thể.

Vì trước đây, các nhà dự báo này đã sai mục tiêu khi không quan sát các quỹ đạo của vòng đời. Họ không nhận ra rằng mọi thế hệ đều đã sẵn sàng bước vào giai đoạn mới của cuộc sống – và khi đó, con người ở các giai đoạn khác nhau của vòng đời sẽ suy nghĩ và hành xử khác nhau. Ở tuổi già, Thế hệ Vĩ đại nhất đây tự tin được thay thế bởi Thế hệ Im lặng dè dặt hơn, thích một trật tự xã hội phức tạp, đa dạng, và cá nhân hóa nhiều hơn. Ở tuổi trung niên, Thế hệ Im lặng ôn hòa sẵn sàng nhường đường cho Thế hệ Bùng nổ xét nét hơn, thực thi một thứ nguyên tắc mang tính đối chiếu về niềm tin đạo đức. Ở tuổi trưởng thành, Thế hệ Bùng nổ đầy đam mê chuẩn bị nhường chỗ cho Thế hệ Thứ 13 thực dụng hơn, họ tạo nên chủ nghĩa sinh tồn. Ở tuổi thơ ấu, Thế hệ Thứ 13 bị quên lãng được thay thế bởi Thế hệ Thiên niên kỷ được yêu quý hơn trong sự tái cam kết về bảo vệ và chăm lo cho trẻ em. Kết quả của tất cả những thay đổi vòng đời này là đất nước chuyển

i. Experimental Prototype Community of Tomorrow (EPCOT) - Cộng đồng Mẫu hình Thử nghiệm của Tương lai, là một trong bốn khu vực giải trí theo chủ đề của Thế giới giải trí Walt Disney tại Orlando, Florida. Epcot Center gồm có hai khu vực: Future World (Thế giới Tương lai) và World's Showcase (Khu Trưng bày Thế giới hiện đại).

ii. Tên một bộ phim kinh dị của Mỹ, được ra mắt năm 1973 của đạo diễn Richard Fleischer, nói về loại thực phẩm soylent được làm ra từ hài cốt con người thay vì từ tự nhiên trong một xã hội đen tối với đại dương đang chết dần và độ ẩm quanh năm do hiệu ứng nhà kính dẫn đến sự ô nhiễm, nghèo đói, dân số quá tải, an tử và tài nguyên cạn kiệt.

sang một trạng thái tinh thần mới. Quay trở lại thập niên 1970, các chuyên gia có thể đã hình dung ra trạng thái đó là gì. Bằng cách nào? Bằng cách quan sát một thời kỳ Thức tỉnh trước đó với một nhóm các thể hệ tương tự và tìm hiểu những gì đã xảy ra sau đó.

Và ngày nay thì sao? Các nhà dự báo vẫn đang mắc phải những sai lầm tương tự. Những cuốn sách bán chạy nhất mô tả Mỹ hậu thiên niên kỷ gồm chủ nghĩa cá nhân tàn bạo, những mảnh vỡ xã hội và chính phủ suy yếu – một quốc gia trở nên đa dạng và phân quyền hơn bao giờ hết, người dân sống trong một thế giới công nghệ cao, nơi thắt chặt những mối quan hệ toàn cầu và buông lỏng quan hệ cá nhân, những trang web sinh sôi và nền văn hóa phân mảnh. Chúng ta nghe nói nhiều về cuộc sống sẽ tốt hơn của người lớn tuổi trong khi cuộc sống trẻ em xấu đi, người giàu càng giàu hơn và người nghèo càng nghèo đi, và những đứa trẻ hôm nay sẽ trưởng thành cùng với làn sóng tội phạm thanh niên dữ dội như thế nào.

Đừng tin vào điều đó. Những nhịp điệu lịch sử cho thấy không xu hướng nào trong số này sẽ kéo dài quá một vài năm khi sang thế kỷ mới. Điều gì sẽ đến sau này có thể thấy được bằng cách nghiên cứu những thời kỳ Tan rã trước đó với những nhóm các thể hệ tương tự – và tìm hiểu những gì đã xảy ra sau đó.

Để làm được việc này một cách chính xác, chúng ta phải liên kết từng thể hệ hôm nay với một chuỗi bốn nguyên mẫu thể hệ lặp đi lặp lại đã xuất hiện trong tất cả các *saeculum* của lịch sử đất nước. Bốn nguyên mẫu này được xác định rõ nhất bởi các bước chuyển khi họ ra đời:

- *Thế hệ Tiên tri* được sinh ra trong thời kỳ Lạc quan.
- *Thế hệ Du cư* được sinh ra trong thời kỳ Thức tỉnh.
- *Thế hệ Anh hùng* được sinh ra trong thời kỳ Tan rã.
- *Thế hệ Nghệ sĩ* được sinh ra trong thời kỳ Khủng hoảng.

Mỗi nguyên mẫu là một biểu hiện của một trong những tính khí muôn thuở – và những câu chuyện huyền thoại trọn đời – của nhân loại. Trong lịch sử, khi các nguyên mẫu này ở trên đỉnh bốn bước chuyển, kết quả cho ra là bốn nhóm các thế hệ rất khác nhau. Điều này giải thích vì sao khoảng mỗi 20 năm lại xảy ra một bước chuyển mới, và vì sao bánh xe lịch sử xoay vần với rất nhiều chu kỳ lặp lại có liên quan. Ví dụ, trẻ em bị bỏ bê trong một bước chuyển này, nhưng lại được bao bọc quá mức trong một bước chuyển khác. Điều này cũng đúng với các quan điểm về chính trị, sự giàu có, chiến tranh, tôn giáo, gia đình, vai trò giới, thuyết đa nguyên, và một loạt các xu hướng khác.

Trở lại với những sôi nổi đầu tiên của thời Phục hưng, lịch sử của người Mỹ gốc Anh đã đi qua sáu chu kỳ *saeculum*, mỗi chu kỳ trong đó có nhịp điệu giống nhau. Mỗi chu kỳ có bốn bước chuyển, và (ngoại trừ Nội chiến Mỹ không theo quy tắc) mỗi chu kỳ cho ra đời bốn nguyên mẫu thế hệ. Hiện chúng ta đang ở Bước chuyển Thứ ba của *Saeculum* Thiên niên kỷ, chu kỳ thứ bảy của thời hiện đại.

Bằng cách quan sát lịch sử qua lăng kính *saeculum* này, bạn có thể thấy vì sao trạng thái tinh thần Mỹ lại phát triển như vậy trong suốt đời bạn. Suy ngẫm về các sự kiện đã qua, xa như có thể, và nhớ lại tính cách con người ở một giai đoạn cuộc đời đã thay đổi hoàn toàn như thế nào khoảng mỗi hai thập niên. Mỗi lần, những thay đổi này đều tuân theo mô hình nguyên mẫu. Hãy cùng xem các chuyển tiếp thế hệ của thập niên vừa qua, một lần nữa đã chứng minh sai lầm của các nhà dự báo theo thuyết tuyến tính.

Khi Thế hệ Im lặng bắt đầu đến tuổi nghỉ hưu, các nhà lãnh đạo quốc gia tỏ ra ít quan tâm hơn đến việc tạo ra những thiết chế công cộng thực hiện các việc lớn, mà chú trọng làm cho chúng trở nên linh hoạt, công bằng, chuyên nghiệp, có sắc thái, và lôi cuốn sự tham gia. Vì sao? *Thế hệ Nghệ sĩ* lớn tuổi đang thay thế *Thế hệ Anh hùng* cao niên.

Thế hệ Bùng nổ đã bước sang tuổi 50, diễn thuyết trước công chúng đã trở nên kém tinh tế và ít mang tính hòa giải, mà sôi nổi và mang tính đạo đức hơn. Vì sao? *Thế hệ Tiên tri* trung niên đang thay thế *Thế hệ Nghệ sĩ* trung niên.

Khi Thế hệ Thứ 13 dần lấp đầy nhóm người “độ tuổi 20,” văn hóa đại chúng không còn quan tâm nhiều đến tâm hồn, tự do yêu đương, cảm giác hòa hợp với thế giới, thay vào đó là tiền bạc, bệnh tình dục, và trở nên đơn độc trong một thế giới không khoan nhượng. Vì sao? *Thế hệ Du cư* trưởng thành đang thay thế *Thế hệ Tiên tri* trưởng thành.

Khi những thành viên Thế hệ Thiên niên kỷ ủa vào các trường tiểu học và trung học ở Mỹ, các gia đình có xu hướng bao bọc con trẻ kỹ càng hơn. Vì sao? Chúng ta đang nuôi nấng trẻ em của *Thế hệ Anh hùng*, chứ không còn là trẻ em của *Thế hệ Du cư* nữa.

Khi tổng hợp bốn sự thay đổi vị trí của nguyên mẫu này trong suốt vòng đời, bạn sẽ thấy nhóm các thế hệ khoảng thập niên 1970 của Mỹ đã biến đổi hoàn toàn từ gốc đến ngọn trong thập niên 1990 như thế nào. Đó là lý do vì sao đất nước chuyển từ trạng thái Thức tỉnh sang trạng thái Tan rã. Khi tiếp tục áp dụng logic thông thường này vào thập niên 2000 và xa hơn nữa, bạn có thể dần hiểu vì sao một Bước chuyển Thứ tư đang đến và trạng thái tinh thần của Mỹ sẽ thay đổi thế nào khi Khủng hoảng ập đến.

KHÁM PHÁ LẠI CÁC MÙA

“Càng nhìn sâu về phía sau, bạn càng nhìn xa về phía trước,” Winston Churchill từng nói. Sự thử thách là nhìn vào tương lai không phải theo một đường thẳng, mà lượn theo các góc ngoặt tất yếu. Để biết cách làm được điều này, bạn phải tập quan sát xem quá khứ đã rẽ ở các khúc quanh đó thế nào.

Trong các trường học ở Mỹ, nơi hầu hết chúng ta lần đầu tiên được học lịch sử, giáo viên và sách vở hiếm khi, nếu không nói là không, thảo luận về các sự kiện dưới góc nhìn theo mùa. Hãy nhớ lại những bức ảnh các Tổng thống Mỹ treo thành dãy trên tường ở rất nhiều lớp học: Đã bao giờ bạn được dạy để liên hệ được trạng thái tinh thần và những sự kiện thời trẻ của các vị Tổng thống đó với trạng thái tinh thần và những sự kiện trong nhiệm kỳ họ lãnh đạo? Hãy nhớ lại câu chuyện dài dòng quen thuộc về sự trỗi dậy của phương Tây hiện đại qua năm thế kỷ từ thời Columbus đến tàu vũ trụ *Apollo 11*: Đã bao giờ bạn được dạy về những thăng trầm *trong* từng thế kỷ được cho là trôi qua đơn điệu này? Hãy nhớ lại tất cả các bài giảng bạn đã được nghe về Cách mạng Mỹ, Nội chiến, Đại suy thoái, và Thế chiến II: Đã bao giờ bạn được dạy điều gì ngoài những mẫu thông tin vụn vặt về các thập niên *trước* những cuộc khủng hoảng này, tức là về các thập niên 1760, 1850, và 1920? Đã bao giờ bạn nghiên cứu trạng thái tinh thần xã hội trong những Bước chuyển Thứ ba khác? Hoặc các linh cảm (nếu có) của mọi người về những Khủng hoảng sắp ập đến? Có lẽ là không.

Nếu đã học lịch sử theo kiểu tuyến tính thông thường, có lẽ bạn sẽ cảm thấy có một khoảng trống. Có thể bạn khao khát một kết nối mang tính cá nhân hơn với quá khứ và tương lai, một con đường mà qua đó bạn có thể gắn một sự kiện lớn hơn với kinh nghiệm sống của riêng mình. Có thể bạn khao khát một mối liên hệ gần gũi hơn với tri thức xa xưa, có được nhờ những con người chân chính đã đấu tranh để xây dựng nền văn minh bạn thừa hưởng. Có thể bạn khao khát một cảm giác mà người Mỹ đã không biết đến suốt hàng thập niên qua: trở thành thành viên tham gia tích cực vào một vận mệnh vừa lạc quan vừa hợp lý lẽ.

Bạn đang chuẩn bị dẫn thân vào một hành trình mới xuyên qua lịch sử hiện đại. Có nhiều điều để học – nhưng trước khi bắt đầu, có một số điều cần gạt bỏ.

Bạn nên thử *loại khỏi bộ nhớ* niềm tin tuyến tính rằng Mỹ (hoặc toàn thế giới hiện đại) là miễn dịch với chu kỳ theo mùa của tự nhiên. Khi trở nên quen thuộc với *saeculum*, bạn sẽ gặp một góc nhìn rất khác xuất hiện từ thời cổ đại – quan điểm cho rằng nhịp điệu thay đổi của xã hội được thể hiện trong nhịp điệu của tự nhiên theo sinh học và theo mùa. Trong các nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này, người xưa đã huyền thoại hóa các sự kiện và biến những người hùng thành các nguyên mẫu, các nhân vật của một vở kịch lặp đi lặp lại mà trong đó trật tự xã hội (hoặc hệ thống tiêu chuẩn) mới liên tục được tạo ra, vun đắp, cạn kiệt, bị phá hủy, và cuối cùng là tái sinh. Theo quan điểm cổ đại, chu kỳ này lặp đi lặp lại, theo cùng một nhịp, trong một lịch sử không có điểm dừng. Thời gian có thể mang tới sự phát triển theo hình xoắn ốc đi lên hoặc sự suy giảm theo hình xoắn ốc đi xuống, giống như các quá trình tiến hóa tự nhiên.

Hãy thử *loại bỏ* nhu cầu tuyến tính nhằm đánh giá sự thay đổi qua những tiêu chuẩn một chiều của sự tiến bộ. Do trong vũ trụ luận của người xưa thì tự nhiên có vai trò trung tâm hơn, nên có những điều người xưa hiểu rõ hơn so với chúng ta của hiện đại ngày nay. Họ biết rằng sự thay đổi của tự nhiên không ổn định cũng không ngẫu nhiên. Họ biết rằng tự nhiên không đảm bảo sự tiến bộ cũng như không ngăn cản nó. Họ biết rằng sự dao động trong một chu kỳ là lớn hơn những khác biệt sau một chu kỳ trọn vẹn. Họ biết rằng mùa đông của một năm (hoặc của một *saeculum*) sẽ giống với mùa đông trước hơn là mùa thu vừa mới trôi qua. Họ biết rằng một Bước chuyển Thứ tư là một thời kỳ tự nhiên của cuộc sống.

Hãy thử *loại bỏ* nỗi sợ hãi ám ảnh về cái chết (và ham muốn tìm cách trốn tránh cái chết) thâm nhập khắp tư duy tuyến tính trong hầu hết xã hội hiện đại. Người xưa đã biết rằng, nếu không có sự tan rã và cái chết theo chu kỳ, tự nhiên sẽ không thể đi hết vòng tròn của đổi thay sinh học và xã hội. Nếu thực vật không chết, cỏ dại sẽ bóp nghẹt khu rừng. Nếu

con người không chết, những ký ức sẽ không bao giờ chết, và những thói quen tập quán dài miên man sẽ bóp nghẹt nền văn minh. Các thiết chế xã hội cũng thế. Cũng như nước lũ làm màu mỡ đất đai và các đám cháy làm hồi sinh cánh rừng, Bước chuyển Thứ tư loại bỏ hết các yếu tố làm xã hội kiệt quệ và mang đến một cơ hội phát triển mới.

Cuối cùng, *loại bỏ* quan điểm tuyến tính cho rằng thay đổi tích cực luôn tự xuất hiện, tăng dần lên theo từng bước, theo dự tính của con người. Theo bản năng, nhiều người Mỹ cảm thấy nhiều yếu tố trong thời kỳ Tan rã ở Mỹ hiện nay – từ phố Wall đến Nghị viện, từ ca từ nhạc rock đến thể thao chuyên nghiệp – đều phải trải qua một biến động lớn trước khi chúng có thể cải thiện về cơ bản. Bản năng đó không sai. Một Bước chuyển Thứ tư mang đến cho con người ở mọi lứa tuổi điều mà theo nghĩa đen, cơ hội duy nhất trong đời để chữa lành (hoặc phá hủy) chính trung tâm của nền cộng hòa.

Với tất cả những gì cần được loại bỏ đó, bạn có thể *học lại* lịch sử từ quan điểm của quy luật theo mùa.

Đây là cuốn sách biến lịch sử thành lời tiên tri. Nó sẽ đưa bạn đi trên một hành trình xuyên qua hợp lưu của thời gian xã hội và đời sống con người. Ở Phần một (Các mùa), bạn sẽ có trong tay công cụ mới để hiểu về bản thân, gia đình, xã hội, và nền văn minh. Bạn sẽ tìm hiểu về các vòng đời, các nguyên mẫu thế hệ, các bước chuyển và lịch sử. Trong Phần hai (Các bước chuyển), bạn sẽ xét lại lịch sử Mỹ sau Thế chiến II từ quan điểm về các bước chuyển và các nguyên mẫu. Bạn sẽ có một cái nhìn mới sâu sắc hơn về lý do vì sao ba Bước chuyển Thứ nhất của *Saeculum* Thiên niên kỷ hiện nay lại tiến triển như vậy. Bạn đọc sẽ hiểu vì sao hành trình của *saeculum* này lại chắc chắn đi đến điểm tận cùng trong Bước chuyển Thứ tư và những gì có thể xảy ra khi đó. Trong Phần ba (Sự chuẩn bị), bạn sẽ khám phá những gì bạn và đất nước của bạn có thể làm để ứng phó cho Khủng hoảng sắp tới. Xét tới việc trạng thái

tinh thần ở thời kỳ Tan rã hiện thời là niềm đam mê cá nhân và nỗi thất vọng đại chúng, có vẻ như đây là thời điểm vô vọng để chuyển hướng tiến trình lịch sử. Nhưng bạn sẽ tìm được cách, bằng việc áp dụng các nguyên tắc của quy luật theo mùa, để chúng ta *có thể* điều khiển vận mệnh của mình. Có nhiều điều chúng ta có thể đạt được trong một mùa thu *saeculum*, nhiều bước đi chúng ta có thể thực hiện để giúp đảm bảo rằng mùa xuân sắp tới sẽ báo hiệu những thời kỳ rực rỡ phía trước.

Một sự đánh giá đúng về lịch sử tại thời điểm một mùa đông *saeculum* sắp đến là quan trọng nhất. Trong Bước chuyển Thứ tư, chúng ta có thể sẽ phải trải qua cả những lựa chọn của cá nhân và lựa chọn của tập thể, giống như những gì khắc nghiệt nhất mà các thế hệ xưa đã đối mặt. Học hỏi kinh nghiệm của họ qua lăng kính thời gian chu kỳ sẽ tốt cho chúng ta. Điều này sẽ không hề dễ dàng. Nó buộc chúng ta phải đưa ra lời diễn giải mới mang tính chu kỳ về Giấc mơ Mỹ mà chúng ta tôn sùng. Và nó sẽ yêu cầu chúng ta phải thừa nhận rằng niềm tin của mình vào sự tiến bộ theo tuyến tính thường chẳng khác gì đặt cược kiểu Faustⁱ với con cháu chúng ta. Faust luôn tăng tiền đặt cược, và mọi sự đánh cược đều là “được ăn cả, ngã về không.” Trải qua phần lớn thời gian ở Bước chuyển Thứ ba, chúng ta vẫn luôn cố gắng trì hoãn ngày phán xử. Nhưng lịch sử cảnh báo rằng chúng ta không thể tiếp tục trì hoãn điều đó vượt quá khúc ngoặt tiếp theo của thời gian.

Như Arthur Wing Pinero đã viết, “Tương lai chỉ là quá khứ quay trở lại, qua một cánh cổng khác.” Ngày càng có nhiều người Mỹ cảm nhận được cánh cổng lớn tiếp theo của lịch sử đang đến gần. Đây là lúc để tin vào bản năng của chúng ta, suy ngẫm theo mùa, và *chuẩn bị*. Biết trước chính là sẵn sàng trước.

i. Nguyên văn: “Faustian bargain”, là một huyền thoại thời Trung cổ về việc Faust, nhân vật huyền thoại trong truyện cổ dân gian của Đức, đã thỏa thuận với Quỷ và đặt cược linh hồn của mình để có được tri thức vô hạn và những thú vui trần tục.

PHẦN MỘT

CÁC MÙA

CHƯƠNG 2

CÁC MÙA CỦA THỜI GIAN

Trong những thế kỷ thời tiền La Mã, Ý là quê hương của Etruria, một trong những nền văn minh cổ đại bí ẩn và kỳ lạ nhất. Người Etrusca không liên quan đến các dân tộc Ý khác và có thể đến từ Lydia, nay là Thổ Nhĩ Kỳ. Bảng chữ cái của họ giống như chữ của Hy Lạp cổ đại, nhưng đến nay vẫn chưa dịch được. Để hiểu các nghi lễ của họ, các sử gia hiện đại chẳng có mấy thông tin ngoài những lời đồn truyền lại từ những người kể chuyện mua vui, cùng với đồ tạo tác được khai quật từ mấy ngôi mộ. Từ các manh mối này, các sử gia đã kết luận rằng người Etrusca là một bộ tộc tin theo thuyết định mệnh một cách bất thường và coi thời gian như một cuộc chơi vượt ra ngoài số phận tất yếu. Theo truyền thuyết, một bà phù thủy già đã đưa ra lời tiên tri rằng nền văn minh của họ sẽ kéo dài trong 10 đời, và kết thúc là thời kỳ *finem fore nominis Etrusci*: Etruria sẽ bị tiêu diệt.

Khi lời tiên tri này được đưa ra, có lẽ vào khoảng thế kỷ 9 TCN, người Etrusca đã sáng tạo ra nghi lễ với phương thức để liệu chứng được những điềm gở của lời tiên tri. Không ai biết cái tên Etrusca của nó, nhưng khi người La Mã tiếp nhận nghi lễ ấy, nó đã được biết đến như là *saeculum*. Từ này có hai nghĩa: “một đời người,” và “một thế kỷ tự nhiên,” xấp xỉ 100 năm. Từ nguyên của từ này có thể liên quan đến những từ trong tiếng Latin *senectus* (tuổi già), *sero* (trông trọt), *sequor* (làm theo), hoặc một số khác đã mất nghĩa Etrusca gốc.

Phần lớn những gì chúng ta biết về *saeculum* đến từ Varro (thủ thư của Augustus) qua Censorinus, một sử gia người La Mã thế kỷ 3. Khi đó, Etruria đã trở thành một ký ức xa xôi với một Rome đang suy yếu dần.

Trong *De die natale*, một bài luận về thời gian và lịch sử dành tặng một người bạn vào ngày sinh nhật, Censorinus mô tả “*saeculum* tự nhiên” là “những khoảng không rất dài của một đời người được xác định từ khi sinh ra đến lúc chết đi” và giải thích cách người Etrusca đo đếm chúng như thế nào:

Dù sự thật bị che giấu trong bóng tối, nhưng trong bất kỳ nền văn minh nào có các *saeculum* tự nhiên đều có những cuốn sách hướng dẫn các nghi lễ của người Etrusca, trong đó viết rằng sự khởi đầu của *saeculum* diễn ra theo cách này: Trong số những người được sinh ra vào ngày mà một thành phố hoặc một nền văn minh ra đời, thì người sống lâu nhất, vào ngày ông ta qua đời, sẽ là thước đo tiêu chuẩn cho *saeculum* thứ nhất; và trong số những người còn sống ở thành phố vào ngày đó, người sống lâu nhất sẽ hoàn tất *saeculum* thứ hai.

Mặc dù đã viện dẫn những con số truyền thống cho sáu *saeculum* Etrusca đầu tiên (trung bình mỗi 107 năm), nhưng Censorinus thừa nhận rằng những tính toán này gặp phải nhiều khó khăn thực tế. Ai có thể theo dõi được “người sống lâu nhất”? Làm sao các thị trấn Etrusca khác nhau, được thành lập trong những năm khác nhau, có thể thống nhất về một hệ thống ước lượng chung? Theo Censorinus, các tu sĩ Etrusca xác nhận ngày tháng bằng cách ghi chép các sao chổi và “ánh sáng lạ” trên bầu trời. Chúng ta không biết được chắc chắn, ngoại trừ việc người Etrusca coi một vòng đời tự nhiên của con người là đơn vị trung tâm cho lịch sử và vận mệnh của họ.

Giống như mọi nền văn minh xa xưa, người Etrusca nhận thức rõ về chu kỳ hằng năm của Mặt trời và các mùa – mùa xuân, mùa hè, mùa thu, và mùa đông. Bị kẹt giữa lời tiên tri và sự mê tín, họ cũng tin rằng

lịch sử của Etruria cũng trải qua một chu kỳ lịch sử theo mùa tương tự – sinh trưởng, bão hòa, hỗn loạn, và tàn lụi. Hai chu kỳ này, một kéo dài một năm và một kéo dài rất lâu đến mức không hình dung được. Có lẽ người Etrusca cảm thấy họ cần một phương pháp trung gian để đo lường thời gian, một chu kỳ tự nhiên nằm giữa hai chu kỳ kia. Nếu vậy, họ đã có một lựa chọn hiển nhiên: đời người, với quá trình phát triển tự nhiên từ tăng trưởng như mùa xuân đến bão hòa như mùa hạ, từ hỗn loạn như mùa thu đến tàn lụi như mùa đông.

Saeculum còn nhằm mục đích giúp ghi nhớ. Etrusca được cho là những người tình cảm, hòa hợp với cái cá nhân hơn là với cái trừu tượng, sắc sảo về năng lượng của tuổi trẻ và sự tinh thông của tuổi già, và (như D. H. Lawrence nhận định) bị cuốn hút với cơ chế sinh học sinh sôi nảy nở của con người. Đối với họ, lịch sử có ý nghĩa hơn nếu được ghi nhớ bởi một người nào đó vẫn còn sống. Sau cái chết của người cuối cùng còn nhớ được một sự kiện nào đó, người Etrusca có khuynh hướng chuyển sang những ký ức mới về các sự kiện mới mẻ hơn. *Saeculum* trở thành cách họ ghi lại lịch sử từ trong ra ngoài – như những người thật sự trải nghiệm lịch sử và nhớ về nó – chứ không phải từ ngoài vào trong như những dòng chữ ghi lại vội vàng của các tu sĩ tại cung điện nhà vua.

Cuối cùng, lời tiên tri về 10 *saeculum* của Etruria đã chính xác một cách đáng sợ: Các di tích cuối cùng về văn hóa của họ đã bị chôn vùi dưới sự lớn mạnh của Rome trong triều đại Augustus, gần trọn một thiên niên kỷ kể từ năm đầu tiên của dân tộc Etrusca.

Người La Mã cũng có lời tiên tri huyền thoại của riêng họ. Khi Romulus đặt nền móng cho Rome, ông được cho là đã thấy một bầy 12 con kền kền mà ông cho là một dấu hiệu về việc La Mã sẽ kéo dài 12 đơn vị thời gian. Rốt cuộc, người La Mã thời kỳ đầu (họ học hỏi người Etrusca về vấn đề này) cho rằng điểm báo kền kền nhất định ám chỉ 12 *saeculum*. Giả thuyết này được khẳng định trong Bộ sách Tiên tri được

một bà phù thủy già trao cho Tarquin, vị vua cuối cùng của Rome vốn là người Etrusca. Sau đó, Bộ sách Tiên triⁱ này được bảo vệ nghiêm ngặt trong Đền thờ thần Jupiter, chỉ được lấy ra tra cứu vào những thời điểm khủng hoảng và hoang mang.

Khi thành phố của họ hưng thịnh và chiến thắng trong các cuộc chinh phạt, người La Mã trở nên ám ảnh với *saeculum* như một thước đo nhịp điệu vận mệnh của họ. Không lâu sau khi nền cộng hòa của họ được thành lập vào năm 509 TCN, Rome bắt đầu truyền thống tổ chức hội thi đấu theo *saeculum*. Những *ludi saeculares* (hội thi đấu) kéo dài ba ngày, ba đêm này kết hợp giữa sự tráng lệ của một Thế vận hội hiện đại với nghi thức chung của lễ kỷ niệm 100 năm Quốc khánh Mỹ, ngày 4 tháng 7. Được tổ chức khoảng một thế kỷ một lần, những lễ hội phóng túng này được tính toán thời gian sao cho hầu hết người La Mã đều có một cơ hội tốt để chứng kiến chúng vào lúc nào đó trong đời mình. Đến thế kỷ 2 TCN, các sử gia La Mã đầu tiên đều đặn sử dụng *saeculum* (hoặc hội thi đấu theo *saeculum*) để phân kỳ biên niên sử của họ, nhất là khi diễn tả những cuộc chiến lớn và các điều luật mới.

Khi Augustus thành lập đế chế, tinh thần lạc quan của người dân về việc chấm dứt hỗn loạn chính trị lặp đi lặp lại được thể hiện qua hy vọng đầy thi vị của Virgil rằng một Rome đang già hóa có thể “lấy lại tuổi trẻ” của mình và sinh ra một *saeculum aureum* mới, một “thời đại vàng son” khác. Sau Augustus, các hoàng đế thường tuyên bố việc lên ngôi của họ báo hiệu một *saeculum* mới, một thời đại bình minh sẽ tiếp thêm sức sống cho một đế chế rộng lớn đang loạng choạng trượt dần đến điêu tàn và đổ nát. Trong thời kỳ cuối của nền Cộng hòa, các tác giả rõ ràng đã coi thời đại của mình như *saeculum* thứ tám của Rome.

i. Nguyên văn: “Sibylline Prophecies”.

Một thế kỷ sau, sau một loạt những cuộc nội chiến, Lucan và Juvenal cho rằng họ đang sống trong *saeculum* thứ chín.

Vì sao *saeculum* cuốn hút người La Mã như vậy? Đó không chỉ là một cách thức lạ lùng để tính gộp 100 năm thành một đơn vị tròn trĩnh thuận tiện. Bản thân Censorinus đã đưa ra và rồi bác bỏ khả năng này, lưu ý rằng người La Mã luôn phân biệt giữa một *saeculum* đời thường (chính xác 100 năm đơn vị thời gian) và một *saeculum* tự nhiên (chất liệu của cuộc sống, lịch sử, và vận mệnh đế chế). Một lời giải thích khả dĩ hơn là người La Mã bị ấn tượng bởi một chu kỳ 80-110 năm mạnh mẽ dường như xuyên suốt lịch sử của họ. Trong thời kỳ nền Cộng hòa, chu kỳ này xuất hiện vào đúng thời điểm có các hiểm họa lớn và những kỷ nguyên tái sinh, đổi mới tiếp sau đó của Rome (cuộc đấu tranh thành lập nền Cộng hòa, những cuộc chiến một mất một còn chống lại Veii và Gaul, Đại chiến Samnite thảm khốc, cuộc xâm lược tàn bạo của Hannibal, các cuộc cải cách Gracchi, và những cuộc nổi dậy nô lệ). Trong thời kỳ của Đế chế, mô hình *saeculum* nảy sinh sau giai đoạn xung đột nội chiến khủng khiếp hay xâm lược dã man (sự thành lập chế độ nguyên thủ dưới thời Augustus, sự phục hồi đầu thế kỷ 2 dưới thời Trajan và Antonines, sự phục hồi đầu thế kỷ 3 dưới thời Severii, và sự phục hồi tiếp theo dưới thời Diocletian và Constantine).

Cuối cùng, chính Thành phố Vĩnh cửuⁱ theo số mệnh cũng trải qua một cuộc khủng hoảng mà từ đó không thể phục hồi. Là một trong những trùng hợp kỳ lạ của lịch sử, điểm báo kên kên này thậm chí còn chính xác hơn so với lời tiên tri ban đầu của người Etrusca. Rome rơi vào tay thủ lĩnh người Visigoth là Alaric vào năm 410, chính xác là 37

i. Nguyên văn: “Eternal City”, là biệt danh của Rome, được nhà thơ La Mã Tibullus đặt cho vào thế kỷ 1 TCN, và cách nói này cũng được đón nhận bởi những nhà thơ, nhà sử học nổi tiếng cùng thời là Ovid, Virgil và Livy.

năm trước lễ kỷ niệm 100 năm lần thứ 12 của ngày thành lập huyền thoại, tức là 97 năm cho mỗi con kền kền trong số 12 con mà Romulus nhìn thấy. Khi châu Âu rơi vào Thời kỳ Tăm tốiⁱ, Thánh Augustine với Thành phố Thánh thân của mình đã đả kích sự phù phiếm muôn thuở của Thành phố Con người. Song ngay cả khi người Etrusca và La Mã biến mất khỏi lịch sử, *saeculum* vẫn còn. Một thiên niên kỷ sau đó, nó tái xuất hiện, được thúc đẩy bởi các nhà triết học thời Phục hưng, những người tái khám phá kiến thức kinh điển về thời gian theo chu kỳ. Theo đúng trình tự, con người thời hiện đại đã tái định nghĩa việc tổ chức các hội thi đấu theo *saeculum* – dưới hình thức những cuộc chiến tranh lớn và sự cân bằng quyền lực mới tái diễn khoảng mỗi trăm năm một lần.

Mặc dù Etrusca là dân tộc duy nhất trong các dân tộc cổ xưa sử dụng chiều dài của một đời người như là đơn vị trung tâm của thời gian, nhưng nhiều nền văn hóa cổ đại khác cũng có kết luận tương tự về quy luật theo mùa trong thế giới của họ. Họ nhìn thấy các yếu tố tự nhiên tương tự như người Etrusca, và họ cũng chú ý đến những chu kỳ lớn ngoài biển cả, trên bầu trời, và trong đời sống động vật. Họ rút ra những kết luận đó dựa theo bản năng, chứ không phải nhờ khoa học. Mặc dù vậy, niềm tin ấy đã trở thành chất liệu cho những giai thoại có ảnh hưởng lớn và những tôn giáo trường tồn. Theo thời gian, những cách nhìn nhận cổ xưa theo chu kỳ đều hướng tới *saeculum*, ngay cả khi không phải lúc nào họ cũng nhận ra điều đó. Dù có ảnh hưởng trong thế giới cổ đại ra sao, thì *saeculum* vẫn được dành riêng để trở nên vượt trội hơn nữa trong chính thế giới hiện đại, nơi nó là nền tảng cho lý thuyết về chu kỳ lặp lại của lịch sử.

i. Nguyên văn: “Dark Ages”, là một phân kỳ trong lịch sử thường được dùng để nói về Thời Trung cổ, để minh chứng về sự suy giảm về dân số, suy đồi văn hóa và suy thoái kinh tế xảy ra ở Tây Âu sau sự suy tàn của Đế chế La Mã.

BÁNH XE THỜI GIAN

Cứ đến cuối tháng 12, nhiều người Mỹ lại treo các vòng hoa lớn kết bằng lá cây xanh trên cánh cửa trước nhà mình. Hầu hết chúng ta cho rằng vòng hoa cuối năm là một món đồ trang trí Giáng sinh, nhưng nghi lễ này thực ra lại có nguồn gốc ngoại giáo. Nó bắt nguồn từ lễ hội Saturnalia của người La Mã và các vật tổ được những người cổ đại khác sử dụng để bảo vệ họ khỏi mùa đông. Hãy xem xét các biểu tượng tự nhiên: Vòng hoa hình tròn tượng trưng cho sự vĩnh cửu không gián đoạn; lá cây thường xanh, sự bền bỉ của ánh sáng và cuộc sống xuyên qua bóng tối và sự ảm đạm của mùa đông; vị trí của nó trên cửa nhà cho thấy sự tin chắc gia đình vẫn đang sống; thời điểm sau đông chí khẳng định rằng những ngày lạnh lẽo nhất đã qua, nhường chỗ cho hơi ấm và hy vọng của mùa xuân. Một hoạt động cuối năm khác – bữa tiệc tất niên – không chỉ giống với Saturnalia mà còn giống với Zagmuk của người Babylon, Sacaea của người Ba Tư, và các lễ hội hằng năm khác mang tính cuồng nhiệt và đảo chiều xã hội.

Năm tháng trôi qua, nhiều lễ hội sau này của chúng ta cũng có nguồn gốc theo năm như nghi thức cổ xưa, với lễ hội mùa xuân ngợi ca sự mới mẻ, sinh sôi, và sáng tạo; lửa mừng và pháo hoa đêm mùa hè tôn vinh các vị vua và xua đuổi tà ma; nghi lễ mùa thu ca ngợi sự trù phú và tạ ơn đất mẹ; và lễ mừng mùa đông đánh dấu thời khắc gián đoạn trọng đại, từ cái chết đến sự tái sinh. Người xưa không lo sợ các mùa của thiên nhiên (hay lịch sử) thay đổi, mà họ sợ chúng *dừng lại*, khiến thế giới vĩnh viễn chìm đắm trong một tình trạng lạnh hoặc nóng (hay vô chính phủ hoặc chuyên chế).

Năm theo nghi thức tồn tại ở Mỹ hiện đại, đặc biệt là khoảng thời gian quanh “kỳ nghỉ đông” giữa năm cũ và năm mới. Đức Chúa hài đồng tượng trưng niềm hy vọng cho tâm hồn, trong khi Năm Mới tượng trưng niềm hy vọng cho thế giới. Trong tuần lễ giữa hai kỳ nghỉ này, nhiều người Mỹ hiện đại cảm thấy mơ hồ, giống như người xưa

cảm thấy sau điểm chí. Giờ đây cũng như trước đó, sự gián đoạn sẽ trôi qua. Được thúc đẩy bởi các nghi lễ theo mùa, một năm lại tiếp tục vòng tuần hoàn của nó. Mục đích ban đầu của các nghi lễ vào ngày điểm chí này chủ yếu nhằm thúc đẩy hơn là chào đón các mùa, giúp tự nhiên hoàn thành những gì mà văn hóa cổ đại gọi là bánh xe thời gian.

Vòng tròn bốn phần gồm các mùa hằng năm là một trong nhiều bánh xe thời gian đã được người cổ đại biến thành nghi thức. Vòng tròn ngắn nhất do Mặt trời và Mặt trăng chi phối, mỗi thiên thể này đi theo mô hình chu kỳ của riêng mình: tròn dần, tròn đầy, khuyết dần, và biến mất. Có độ dài trung bình là các chu kỳ sống – của động vật và con người, các tu sĩ và vua chúa, các triều đại và nền văn minh – mỗi chu kỳ có một hình thái trật tự của phát triển và suy vong. Các chu kỳ dài nhất là những phân kỳ trừu tượng về sự ra đời và hủy diệt của vũ trụ, từ *yom* của người Do Thái (1.000 năm), tới *pictun* của người Maya (8.000 năm), đến khái niệm chưa thể hiểu được của Phật giáo là *kalpa* (4,32 tỉ năm). Hiện tượng “great year” 12.000 năm hay *yuga* đặc biệt phổ biến trong thế giới Babylon, Hindu và Hy Lạp cổ đại, vì nó gần như trùng hợp với một chu kỳ thiên văn ngày nay được gọi là sự tiến động của đường hoàng đạoⁱ.

Dù là phương Đông hay phương Tây, ngắn như một giờ hay dài như một *kalpa*, dù là thước đo thời gian thực tế hay vĩnh cửu hay linh thiêng, các chu kỳ nghi lễ cổ xưa gần như luôn thể hiện các thuộc tính giống nhau:

- Mỗi chu kỳ được đại diện bởi một vòng tròn, tượng trưng cho sự lặp lại hoàn hảo và không thể phá vỡ.

i. Đường hoàng đạo là đường đi biểu kiến của Mặt trời trên Thiên cầu – một hình cầu tưởng tượng với “bán kính khổng lồ”, đồng tâm với Trái Đất và là cơ sở của hệ tọa độ hoàng đạo. Trên thực tế, đường hoàng đạo chính là mặt phẳng hình học của quỹ đạo Trái Đất chiếu lên Thiên Cầu.

Gần như mọi xã hội nguyên thủy hoặc cổ đại đều coi thời gian linh thiêng có dạng vòng tròn. Ở Ấn Độ cổ đại, người theo Hindu và Jaina mô tả nó như một *yantra* (vòng tròn) hoặc *chakra* (cái đĩa); người theo Phật giáo gọi là *mandala* (bánh xe pháp luân hay bánh xe cuộc sốngⁱ). Đến người Trung Hoa cổ đại, nguyên lý bất biến theo vạn biến, *tai chi* (thái cực), được thể hiện dưới dạng một vòng tròn. Tương tự, từ *kyklos* trong tiếng Hy Lạp cổ đại có hai nghĩa “chu kỳ” và “vòng tròn.” Đến thờ Athena tại Athens vẫn còn ghi lời trào phúng “Mọi thứ thuộc về con người đều là một vòng tròn” – một ngụ ý được các triết gia Hy Lạp-La Mã cổ đại nhắc lại, từ Aristotle đến Marcus Aurelius. Babylon và Ai Cập cổ đại đã khai sinh ra năm vĩ đại thuộc hoàng đạo, nó đã truyền cảm hứng cho những bánh xe thời gian và vận mệnh [là những biểu tượng] rất phổ biến trong [tác phẩm của] các tác giả Ki-tô giáo và Islam giáo sau này. Ở châu Âu, vị thần Mag Ruith của người Celtic (phù thủy với những bánh xe) đã khởi động thời gian, trong khi các bộ tộc German biểu trưng thời gian bằng một chiếc nhẫn, nhấn mạnh quyền năng ràng buộc và chế ngự của nó. Lịch của người Maya theo vòng tròn, còn người bản địa vùng đồng bằng Bắc Mỹ coi một năm là một vòng đại linh thiêngⁱⁱ.

Có hai biểu tượng đặc biệt về thời gian theo vòng tròn gần như phổ biến toàn thế giới. Một là con rắn cuộn tròn, dấu hiệu của quỹ dữ trong truyền thống Do Thái-Ki-tô giáo nhưng được nhiều xã hội cổ đại tin rằng mang tới sức mạnh tự nhiên tốt lành từ âm phủ. Được cho là bất tử, con rắn đều đặn làm mới mình theo chu kỳ bằng cách tự lột da, giống như thời gian luân chuyển qua các năm. Hai là các điệu

i. Còn được gọi là Mạn-đà-la, là biểu tượng nghi lễ và tâm linh trong đạo Hindu và đạo Phật, đại diện cho vũ trụ một cách siêu hình và tượng trưng.

ii. Nguyên văn: “sacred hoop”, còn được gọi là “medicine wheel”, đại diện cho sự quay vòng tuần hoàn thiêng liêng của cuộc sống, bốn hướng cơ bản của nó cùng các nguyên tố liên quan. Nó là biểu tượng cho sự đối xứng và cân bằng.

nhảy vòng tròn truyền thống – *carole* của châu Âu, *bhangra* của Punjab, *cueca* của Nam Mỹ, *kolo* của vùng Balkan – mà các cộng đồng dùng để chào đón một mùa mới của tự nhiên và cuộc sống. Chiếc nhẫn của con người, như nhẫn cưới, tượng trưng cho sự liên tục không thể phá vỡ của thời gian.

- Mỗi chu kỳ được chia thành các giai đoạn – đôi khi là hai, nhưng gần như luôn là bốn.

Khi người xưa dự tính hành trình vòng tròn của thời gian, họ bị ấn tượng bởi cách thức mỗi điểm cực được xác định, được cân bằng, và là thiết yếu với điểm cực đối lập của nó. Khi ngày trôi qua, ánh sáng được thay thế bằng bóng tối. Khi năm trôi qua, khô nóng và lạnh ẩm thay thế nhau. Khi *saeculum* (hoặc điều tương đương với nó) trôi qua, hòa bình và chiến tranh luân phiên nhau. Người Trung Hoa cổ đại gọi sự tương tác lẫn nhau này là *âm* (thụ động) và *dương* (công kích). Người Hy Lạp cổ đại gọi nó là nhịp đập sôi động của *philia* (tình yêu và hòa hợp) và *neikos* (xung đột và chia ly). Các tín đồ Jaina tin rằng bánh xe thời gian dao động giữa *utsarpini* (chuyển động tăng dần) và *avasarpini* (chuyển động giảm dần), theo nghĩa đen là “con rắn đi lên” và “con rắn đi xuống.” Người cổ đại tin rằng mỗi điểm cực của chu kỳ, phản ánh những hy vọng và nỗi sợ về điểm cực kia, giúp sinh ra chính điểm cực đối lập. Đêm mong ngày, và ngày ngóng đêm. Trong chiến tranh, con người khao khát thoát khỏi xung đột, đến với hòa bình. Khi hòa bình, con người lại khao khát đấu tranh giành lấy những gì họ yêu thích, dẫn đến chiến tranh.

Bước lên trên thời gian hai giai đoạn và vượt trội về tính phổ biến trong thời cổ đại là thời gian bốn giai đoạn. Một số tôn giáo cổ xưa tôn sùng số bốn: *mandala* linh thiêng của người Hindu thường được vẽ thành vòng tròn bốn phần; trường phái Pytago coi *tetrad* (bộ bốn) là linh thiêng. Bất kỳ khi nào người xưa mô tả vũ trụ vật lý về mặt tổng

thể, họ thường chia thành bốn phần, gồm phương hướng, màu sắc, yếu tố, thể dịch, gió, và hành tinh; thậm chí một bộ bốn gồm sông, cây cối, thành phố, và núi từ thời sơ khai. Tương tự, bộ bốn về thời gian cũng rất phổ biến. Thông thường, nguyên mẫu chủ đạo là quy luật bốn mùa hằng năm: xuân, hạ, thu, đông. Những bộ bốn tương tự cũng được áp dụng cho ngày hoặc đêm (bốn *vigilia* của người La Mã), tháng (bốn giai đoạn của Mặt trăng), và con người (bốn giai đoạn cuộc đời).

Khi người xưa suy ngẫm về thời gian phổ quát, các bộ bốn không ngừng xuất hiện. Các tín đồ Hindu và Phật giáo chia các *yuga* của họ thành bốn giai đoạn suy giảm đức hạnh. Người Ba Tư tin rằng 12.000 năm dưới trần thế được chia thành bốn thời kỳ, mỗi thời kỳ 3.000 năm. Hiện tượng “năm vĩ đại” của người Babylon và người Hy Lạp cổ đại được chia thành bốn “mùa.” Thần thoại Hy Lạp cổ đại nhắc đến bốn giai đoạn, mỗi giai đoạn ứng với một kim loại (vàng, bạc, đồng, và sắt), một khái niệm được lặp lại trong “bốn giai đoạn đời người” của nhà tiên tri Do Thái Daniel và trong Sách Khải huyền của Ki-tô giáo. Trong số những người Mỹ bản địa, từ người Maya đến Dakota, thời gian bốn giai đoạn rất phổ biến.

Giống như *âm* và *dương* trong thời gian hai giai đoạn, thời gian bốn giai đoạn là sự luân phiên giữa các điểm cực đối ngược (mùa xuân so với mùa thu, mùa hạ so với mùa đông). Tuy nhiên, cùng với những điểm chí, bánh xe bốn phần bao gồm các điểm phân chuyển tiếp, các thời kỳ thay đổi mang tính phát triển cho phép một sự ẩn dụ phong phú hơn về tăng trưởng và suy giảm có hệ thống. Vòng tròn của thời gian chuyển động không chỉ từ lạnh đến nóng rồi lại lạnh, mà còn từ khai sinh đến trưởng thành tới suy yếu và cái chết.

Do đó, mỗi mùa có một bản sắc riêng biệt, gắn liền với ý nghĩa về mùa xuân hoặc mùa thu của một cuộc đời hay một đế chế. Trung Quốc được cho là có bốn loại hình thống trị, mỗi loại đi kèm với mùa, yếu tố, xúc cảm, phương hướng địa lý, và màu sắc của riêng

mình. Theo sử gia Đồng Trọng Thư thời nhà Hán, giai cấp thống trị được cho là trừng phạt và ban thưởng đều thuận theo sự hài hòa về mùa. “Quân vương thích hay không, vui mừng hay nổi giận, tương tự như các mùa xuân, hạ, thu, đông của Trời... Nếu Trời ban cho bốn mùa hòa thuận, đó là một năm tốt lành; nếu không, ấy là năm thất bát.” Dịch tóm lược ý của Đồng Trọng Thư: “Nói chung, nên thể hiện lòng tha thứ, nhân từ, và độ lượng trong mùa xuân và mùa hạ để khích lệ quá trình phát triển; hình phạt, sự nghiêm minh, và công lý không khoan nhượng trong mùa thu và mùa đông để góp phần củng cố các quá trình tự nhiên.”

- Mỗi chu kỳ thời gian có một khoảnh khắc gián đoạn lớn.

Theo quan điểm cổ xưa, một vòng tròn thời gian mới không từ từ xuất hiện nối tiếp cái trước, mà xuất hiện sau khi vòng tròn trước đột ngột gián đoạn. Trong chu kỳ âm lịch, sự gián đoạn này xảy ra trong suốt ba đêm tối tăm; trong chu kỳ hằng năm, là quá trình lụi tàn tự nhiên của mùa đông; trong chu kỳ xã hội, là sau cái chết của người cha hoặc sự đổ nát của một ngôi làng, hay rộng hơn, sau cái chết của một vị vua hoặc sự đổ nát của một triều đại. Trong chu kỳ năm vĩ đại của mình, người Hy Lạp cổ đại gọi sự gián đoạn này là *ekpyrosis*, khi mọi thứ, kể cả linh hồn con người, bị thiêu hủy trong lửa. Được thanh tẩy như vậy, tự nhiên và lịch sử sẽ lại bắt đầu.

Những nền văn hóa cổ đại Hy-La đã phát triển các nghi lễ phức tạp để đánh dấu sự khởi đầu của mỗi chu kỳ mới, giống như các vị thần, anh hùng, và nhà tiên tri trong thần thoại của họ được cho là đã làm vào lúc bắt đầu của thời gian. Trên khắp thế giới, nghi thức về sự trôi qua này của thời gian đòi hỏi qua ba bước. Bước thứ nhất là các nghi lễ *kenosis* (trút bỏ) – nhịn ăn, hiến tế, hoặc tìm kẻ thế tội – thanh tẩy cộng đồng khỏi những tội lỗi đã mắc phải ở chu kỳ vừa qua, và nhờ đó cho phép một chu kỳ mới bắt đầu. Trong lễ mừng năm mới thông

thường, người xưa cho rằng một vị thần hay vị vua thuở sơ khai đã chết cho chính mục đích này, và rằng một sự hiến tế (*sacrifice*, theo nghĩa đen là “làm cho linh thiêng”) phải được tái diễn trước khi mỗi chu kỳ mới có thể khởi động. Bước thứ hai là một giai đoạn chuyển tiếp hỗn loạn, khi chu kỳ cũ đã chết nhưng chu kỳ mới chưa sinh ra. Trong giai đoạn này, tất cả các quy tắc bị phá vỡ: Người chết có thể sống lại, sự lãng mạ không bị trừng phạt, và trật tự xã hội bị đảo lộn, như trong Lễ hội Những kẻ điênⁱ đêm thứ 12 truyền thống. Bước thứ ba là các nghi lễ *plurosis* (lấp đầy) – tiệc tùng, ca hát, và cưới hỏi – để thúc đẩy chu kỳ mới với một khởi đầu tốt đẹp và sáng tạo. Trong thế giới Ki-tô giáo hiện đại, sự gián đoạn được nghi thức hóa mỗi năm bằng những hành động theo thói quen về sự trút bỏ và lấp đầy mà kéo dài một cách lộn xộn từ Giáng sinh tới Năm mới qua Ngày thứ ba ăn mặn cuối cùng trước tuần chayⁱⁱ và Mùa Chayⁱⁱⁱ.

- Mỗi chu kỳ đòi hỏi thời gian phải được bắt đầu lại, vào mỗi thời điểm nó sinh ra.

Khi một tháng kết thúc, chúng ta tính lại từ ngày thứ nhất. Khi một năm kết thúc, chúng ta quay về tháng đầu tiên. Nhưng có khi

i. Nguyên văn: “Feast of Fools”, một lễ hội phổ biến trong thời Trung cổ, được tổ chức vào khoảng ngày 1 tháng 1, ban đầu phổ biến tại Pháp và sau đó lan ra rộng rãi, trong đó có việc một giám mục hoặc giáo hoàng giả được bầu, các nghi lễ giáo hội được nhại lại, và các quan chức cấp thấp và cấp cao đổi chỗ cho nhau.

ii. Nguyên văn: “Mardi Gras”, còn có tên gọi khác là “mùa Carnival”, thường được bắt đầu từ sau Lễ Hiển Linh (chủ nhật thứ hai sau lễ Giáng Sinh) kéo dài đến trước Thứ tư Lễ Tro của Mùa Chay. Trong tiếng Pháp, “mardi gras” có nghĩa là “Fat Tuesday” – “Thứ Ba béo”, phản ánh tập tục của đêm cuối cùng ăn thực phẩm giàu chất béo trước nghi thức ăn chay.

iii. Nguyên văn: “Lent”, được bắt đầu với Thứ tư Lễ Tro, “Ash Wednesday”, kéo dài trong vòng 6 tuần và kết thúc trước Lễ Phục Sinh. Mục đích của Mùa Chay là sự chuẩn bị của các tín đồ cho lễ Phục sinh qua cầu nguyện, thực hiện việc đền tội, làm chết tội lỗi của xác thịt, ăn năn sám hối, khát thực và chối bỏ bản ngã.

nào đến một thời điểm chúng ta nên quay trở lại tính *năm* từ con số đầu tiên không? Người xưa đã nghĩ vậy. Bất kỳ khi nào những hành động anh hùng hay tiên tri xảy ra, họ thường đưa mọi đo lường thời gian về con số 1. Ngày tháng theo lịch của họ thường thể hiện các năm được đánh số của một triều vua, một thế hệ hoặc một triều đại cụ thể. Hầu hết các tôn giáo hiện đại (Ki-tô giáo, Do Thái giáo, Islam giáo) đều một mực tin vào khái niệm thời gian tuyến tính nên không hề chào đón khái niệm về những sự khởi đầu mới theo chu kỳ. Nhưng những cuộc cách mạng hiện đại, đôi khi đã nỗ lực tái khởi động (và thanh lọc) thời gian. Ngày 22 tháng 9 năm 1792, Đại hội đồng mới của Pháp tuyên bố “Năm 1 của nền Cộng hòa” và đưa ra một lịch hoàn toàn mới, song chỉ kéo dài được 13 năm. Năm 1871, các nhà lãnh đạo cách mạng của Công xã Paris đã bắn rụng những chiếc kim trên đồng hồ nhà thờ để thể hiện sự giải phóng họ khỏi thời gian xa xưa. Trong thế kỷ của chúng ta, Benito Mussolini đã ra lệnh đặt năm 1922 là “Năm I” (bằng số La Mã) trong Kỷ nguyên Phát xít tự xưng của ông ta.

Theo cách nói phổ biến, người Mỹ thường thiết lập ranh giới cố định giữa thời đại có ký ức lịch sử sôi động với thời đại có ít mối liên quan. Chúng ta mô tả nửa thế kỷ vừa qua là thời đại “hậu chiến,” một phần của chu kỳ thời gian bắt đầu bằng chủ nghĩa anh hùng dân tộc của những người đồng hương còn sống. Thực chất, trong ký ức quốc gia, những sự kiện trước kia thực chất đã trở nên xa vời.

- Mỗi chu kỳ được cho là lặp lại chính nó, trong cùng một chuỗi, qua một khoảng thời gian có độ dài tương tự.

Các giai đoạn lặp đi lặp lại – của vũ trụ một cách chính xác, của xã hội một cách tương đối. Trong tiếng Hy Lạp cổ đại, từ *periodos* nghĩa là “đi hết một vòng, một chu kỳ.” Gần như tất cả các nền văn hóa phi phương Tây đều chấp nhận tính tuần hoàn định kỳ của thời gian. Ở

phương Tây – từ phái khắc kỷ đến phái hưởng lạcⁱ, từ Polybius đến Ibn Khaldun, từ Machiavelli đến Vico, từ Yeats đến Eliot, từ Spengler đến Toynbee – thời gian chu kỳ là một chủ đề muôn thuở. Như triết gia R. G. Collingwood nhận xét, “Chu kỳ lịch sử là một đặc tính thường trực của mọi tư tưởng lịch sử.”

Có nhiều chu kỳ thời gian, mỗi chu kỳ có tính tuần hoàn khác nhau. Mỗi chu kỳ đo giờ, ngày, năm, hoặc năm vĩ đại của hoạt động con người theo các đặc thù riêng của mình. Điều này dẫn đến câu hỏi: qua thiên niên kỷ, bánh xe nào thống trị mọi thứ như một dấu mốc trong đời sống cá nhân và xã hội của con người?

Trong các xã hội truyền thống, nơi hành vi được quy định bởi thời gian mang tính nghi thức, chu kỳ nào cũng có thể hữu ích như nhau. Một số hoạt động bị chi phối bởi các quy tắc theo ngày, những hoạt động khác bởi các quy tắc theo tháng, mùa, năm, triều vua, triều đại, và cứ thế. Khi một sự can thiệp không theo tự nhiên xảy ra (như nhật thực hay sự qua đời của một nhân vật hoàng gia không đúng thời điểm), người ta tham gia vào các nghi thức thanh tẩy để đẩy chu kỳ lan rộng đó trở lại đường đi tự nhiên của nó, để sau đó thời gian lại tiếp tục chuyển động như trước. Tuy nhiên, khi một xã hội hiện đại hóa, một chu kỳ dần nổi lên lấn át mọi chu kỳ khác: Đó là vòng đời tự nhiên của con người – điều mà người Etrusca đã mô tả và người La Mã biết đến dưới cái tên *saeculum*.

Vì sao các *saeculum* lại đặc biệt như vậy? Bởi một lý do, đời người có lẽ là chu kỳ duy nhất mà con người không thể né tránh hay thay đổi được. Họ có thể thay đổi hoặc phá vỡ các nhịp điệu của hành tinh về

i. Nguyên văn: “Epicureanism”, học thuyết của nhà triết học Hy Lạp Epicurus. Học thuyết này cho rằng là “pleasure”, sự hoan lạc hay niềm vui, là điều tốt nhất trong cuộc sống, và để có được thì con người cần sống khiêm tốn, có được kiến thức về hoạt động của thế giới và hạn chế ham muốn cá nhân, từ đó có được trạng thái thanh tĩnh và tự do khỏi nỗi sợ hãi cũng như đau đớn của cơ thể.

ánh sáng, nhiệt độ, lượng mưa nhờ công nghệ hiện đại và thị trường toàn cầu. Họ có thể làm chệch hoặc đóng băng các nhịp điệu chính trị của sự thay đổi triều đại bằng ý thức hệ và quốc gia dân tộc. Nhưng ngược lại, chu kỳ tự nhiên của đời người và các mùa của nó vẫn còn tương đối bất biến.

Tuy nhiên, còn một lý do quan trọng hơn: khi con người hiện đại dùng tự do của mình để định hình lại môi trường tự nhiên và xã hội, thường là trong những nỗ lực nhằm thoát khỏi thời gian theo chu kỳ, năng lượng sáng tạo của họ phản ánh những kinh nghiệm vòng đời của họ. Ví dụ, một thế hệ hiện đại trẻ trung được khắc sâu bởi khát khao hòa bình (hoặc chiến tranh, công lý, nghệ thuật, của cải, hay sự linh thiêng), được trao quyền để thay đổi định hướng xã hội tương ứng khi họ nắm quyền lãnh đạo. Sau họ, thế hệ khác có thể lựa chọn thay đổi định hướng này, từ đó tạo nên một lịch sử chung nhịp đập với một vòng đời. Trong một xã hội truyền thống, không nhóm nào có được tự do hay quyền lực như vậy. Vì thế, sự giải phóng vòng đời dẫn đến một sự mĩa mai sâu sắc trong quá trình phát triển của các nhịp điệu *saeculum*: Vòng đời đóng một vai trò chủ đạo trong nhịp điệu của lịch sử, kể cả khi xã hội hiện đại đa phần quay lưng lại với thời gian chu kỳ vì chuộng thời gian tuyến tính hơn.

TÌM HIỂU LẠI VỀ *SAECULUM*

Sau khi La Mã sụp đổ, ý tưởng về *saeculum* ngủ quên trong thế giới phương Tây suốt gần một ngàn năm. Mặc dù thời gian tuyến tính luôn tiềm ẩn trong tín điều Ki-tô giáo thời trung cổ, nhưng nó không chi phối nhiều đến đời sống hằng ngày của các quý tộc, thị dân và nông dân. Trong từ vựng Augustine, từ *saeculum* đã mất đi ý nghĩa của nó như một quãng thời gian cụ thể và được dùng để đề cập thời gian kinh thánh vô hạn, như trong *saecula saeculorum*, hay “những thời kỳ vô tận”. Ngày tháng đề cập đến các sự kiện Ki-tô giáo trọng đại theo tuyến

tính (những năm *Công Nguyên*) đã hoàn toàn thuộc về những người chép biên niên sử trong tu viện. Với những người khác, các chu kỳ cổ đại vẫn tồn tại – trong bộ tứ gồm thập giá, vầng hào quang quanh đầu các vị thánh, cùng các nghi lễ hằng năm kỷ niệm sự sinh ra rồi chết đi, và phục sinh của Chúa Ki-tô.

Điều này thay đổi cùng với thời Phục hưng, khi giới tinh hoa của xã hội phương Tây bắt đầu tự coi mình là những người duy lý và có quyền tự quyết, có khả năng làm thay đổi định mệnh của nền văn minh. Với sự ra đời của Cải cách Tin Lành, các giáo dân nhận thấy các sự kiện xảy ra dồn dập như thể chuẩn bị cho sự trở lại của Chúa Ki-tô. Trước sự kiện ngàn năm có một ấy, họ có những mục tiêu cải cách để đấu tranh, mục tiêu của cải để làm việc, lý tưởng để tử vì đạo, và dấu hiệu ân sủng để cầu nguyện. Khi thời gian càng mang tính tuyến tính, lịch sử càng trở nên giục giã hơn. Ngay tại ngưỡng thời kỳ hiện đại này – khi Columbus đang vượt đại dương, da Vinci đang vẽ tranh, và các quân vương đang xây dựng vương quốc – *saeculum* đã tái xâm nhập vào văn hóa phương Tây. Nói một cách lãng mạn, từ này đã trở nên thông tục hóa và thành các từ phái sinh vẫn được sử dụng ngày nay: *secolo* (tiếng Ý), *siglo* (tiếng Tây Ban Nha), và *siècle* (tiếng Pháp). Tất cả các từ mới này vẫn mang ý nghĩa kép của từ Latin cũ: một thời kỳ dài 100 năm và một đời người. Bắt nguồn từ *centurio* (thứ hạng của một sĩ quan La Mã chỉ huy 100 lính), những người theo chủ nghĩa nhân văn thời Phục hưng đã sáng tạo ra một từ khác: *centuria*. Ban đầu, nó có nghĩa là 100 năm, nhưng không lâu sau đó nó thu được thêm ý nghĩa một vòng đời.

Thời kỳ 1500 đã trở thành giai đoạn 100 năm đầu tiên được gọi là một thế kỷ, và là giai đoạn đầu tiên được thêm phụ tố về con số thế kỷ. Năm 1517, Erasmus đã thốt lên “Đức Chúa Trời bất diệt, tôi đang thấy một thế kỷ mở ra trước chúng ta!” Khi các học giả tìm kiếm một sự kiện mà sẽ đánh dấu sự khởi đầu của một thế kỷ mới, nhà triết học

Campanella đã tìm ra nó trong những khám phá của Galileo. Nối tiếp việc cải cách lịch Gregory trong thập niên 1580, các sử gia Tin Lành bận rộn chia lịch sử phương Tây theo các thế kỷ. Các kỷ nguyên thu hút sự chú ý của họ là *antiquitas* và *modernitas*. Những gì nằm ở giữa được họ gọi là *medii aevi*, một giai đoạn trung cổ khi thời gian dường như vô hướng và ít quan trọng.

Trong suốt thế kỷ 17, khi lịch và niên giám bắt đầu thường xuyên đề cập những thế kỷ dân sự dài cả trăm năm, các nhà văn đương đại sáng tạo ra sự tham chiếu với những thế kỷ tự nhiên, như “thế kỷ vàng Tây Ban Nha” trước đó, hay là “thế kỷ vĩ đại của Louis XIV” hiện nay. Cuối thế kỷ 17, những vần thơ ca tụng sự tái sinh của thời gian được quan sát thấy trong giới quý tộc phong nhã – như “Secular Masque” của John Dryden vào năm 1700 (“Đây cũng là sự kết thúc một kỷ nguyên cũ, / Và thời gian mở ra một kỷ nguyên mới.”). Vào đêm trước cuộc Cách mạng Pháp, ý tưởng về sự kết thúc một thế kỷ khác đã sinh ra chủ nghĩa lạc quan cuồng tín và chủ nghĩa bi quan ảm đạm. Những người khác cảm nhận được một ý thức cuối-thế-kỷ về sự hoàn thành, hữu hạn, kiệt quệ, thoát ly thực tế, và cam chịu – những gì mà các học giả định nghĩa là một tâm trạng *fin-de-siècle* (kết thúc thế kỷ) luôn định kỳ tái diễn ở châu Âu từ thời Phục hưng. Khi lời tiên đoán “sau ta là đại hồng thủy”ⁱ của Madame de Pompadour thật sự trôi qua, mọi người nhận ra rằng một thế kỷ khác (một *ancien régime* – chế độ cũ, cũng là một *age des lumières* – kỷ nguyên ánh sáng) đã thật sự trôi vào lịch sử.

Sau thời Napoleon, những suy ngẫm về ý nghĩa của thế kỷ mang tính lịch sử đã mang đến nhiều ngụ ý lãng mạn khác. Gustav Rümelin viết rằng bản thân từ này đã có nghĩa là “một thước đo bí ẩn, siêu phàm, gần như là tự nhiên về khoảng cách đáng sợ của các năm.” Ralph

i. Nguyên văn tiếng Pháp: “après nous, le déluge”.

Waldo Emerson mô tả mỗi thế kỷ đều “đủ đầy, ngát hương.” Sự quan tâm đa cảm đến tập quán và tục lệ của “những thế kỷ đã mất” xung đột với niềm tin mới vào sự tiến bộ đã gây nên một tình trạng bất an *fin-de-siècle* thật sự từ năm 1880 đến 1914. Cụm từ này thực tế được phổ biến vào năm 1888, khi một vở kịch với tiêu đề trên được diễn ở Paris. Sự “suy đồi” và “thoái hóa” được nhắc đến nhiều và trở nên phổ biến – cũng như khao khát về một *élan vital* (đà sống), một sự giải thoát khỏi nhà tù của thời gian. Chưa bao giờ thế giới phương Tây nói nhiều như vậy về lịch *saeculum*, điều dường như đang chuyển động theo quán tính. Nhà viết luận và nhà phê bình người Pháp Remy de Gourmont quy cho nguyên nhân ở đây chính là tính hiện đại: “Chúng ta suy nghĩ theo thế kỷ khi chúng ta không còn suy nghĩ theo triều đại nữa.”

Trong và sau Thế chiến I ngay sau đó, các sử gia coi những tháng ngày yên ả của năm 1914 là *fin* (sự kết thúc) của một *siècle* (thế kỷ) và vụ ám sát đại công tước Áo là *commencement* (mở đầu) của thế kỷ kế tiếp. Chẳng bao lâu sau, từ này lại bắt đầu hành quân về phía trước, lần này khoác lên mình bộ quần áo của hành động tập thể – cho dù đó là “thế kỷ của chủ nghĩa phát xít” của Mussolini, “thế kỷ Mỹ” của Henry Luce, hay “thế kỷ thường dân” của Henry Wallace. Gần đây hơn, khi chứng kiến con người đại chúng thời hiện đại đầu thế kỷ biến đổi thành con người phi đại chúng thời hậu hiện đại cuối thế kỷ, nhiều người tự hỏi phải chăng một kỷ nguyên văn minh khác đang trở nên già nua.

Trong khi đó, các học giả phương Tây bắt đầu nhìn thấy những chu kỳ dài một *siècle* tại nhiều khúc quanh trong quá khứ. Các cột mốc không đánh dấu chính xác 100 năm, và không nhất thiết tương ứng với điểm ngắt trăm năm trong lịch Ki-tô, nhưng chúng ngày càng được coi là các cột mốc nền tảng trong lịch sử châu Âu hiện đại. Như nhận định của Antoine-Augustin Cournot vào thập niên 1870, “Người La Mã cổ đại không nói đến việc tổ chức lại những Hội thi đấu trăm năm một

lần với mức độ chính xác đến như vậy; và khi chúng ta nói tới *siècle* của Pericles, *siècle* của Augustus, *siècle* của Louis XIV, chúng ta hàm ý đó là các *siècle* theo nghĩa La Mã, không phải là thế kỷ.” *Siècle* của Cournot, tất nhiên, là *saeculum*.

Sau khi bạo lực nổ ra liên miên suốt một phần tư thứ hai của thế kỷ 20, Arnold Toynbee nhận ra rằng “thước đo thời gian sẵn có của nhân loại là độ dài trung bình của cuộc sống có ý thức của một cá nhân con người.” Nhưng không chỉ có như vậy. Ông đưa ra nhận xét này khi đang viết một tác phẩm mà trong đó cuối cùng ông rút ra một kết luận đáng sợ: Trong hầu hết lịch sử loài người, các *siècle* đã cho thấy sự luân phiên định kỳ giữa hòa bình và chiến tranh.

SAECULUM CỦA CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH

Cuối thập niên 1960, khi những thanh niên biểu tình chống Chiến tranh Việt Nam cùng nhau hát vang “không nghĩ về chiến tranh nữa”ⁱ, thì một trong những người lớn tuổi ủng hộ họ, giáo sư sử học đã về hưu Quincy Wright ở Đại học Chicago, đã làm như vậy một cách có hệ thống. Chứng kiến Thế hệ Lạc lõng của chính mình bị Thế chiến I hủy hoại một cách bạc bẽo, Wright đã nỗ lực trong vô vọng để Thượng viện phê chuẩn Hội Quốc Liên. Thập niên 1920, khi châu Âu đang nhức nhối trước tình trạng thù địch mới, ông bắt đầu thiên sử thi *Study of War* (Tạm dịch: Nghiên cứu về chiến tranh) của mình, một tuyển tập hơn 50 dự án nghiên cứu riêng biệt được ông hoàn thành vào năm 1942, nghiên cứu sâu sắc về nỗi sợ hãi của Mỹ trước một Thế chiến II minh chứng là bị tổn thất hơn rất nhiều so với Thế chiến I.

Trong *Study*, Wright nhận thấy chiến tranh được tiến hành “dao động khoảng 50 năm một lần, giai đoạn sau khốc liệt hơn giai đoạn trước”. Wright phát hiện ra mô hình này không chỉ trong lịch sử Mỹ

i. Nguyên văn: “ain’t gonna study war no more”.

và châu Âu hiện đại mà còn ở cả thời Hy Lạp cổ đại và La Mã, và chú thích rằng đã có những người khác trước ông nhận thấy điều đó. Ông cho rằng mô hình này chủ yếu là do trải nghiệm thế hệ. “Người chiến binh không muốn chiến đấu chống lại chính mình và khiến con trai mình có định kiến chống chiến tranh, nhưng cháu chắt lại được dạy dỗ để nghĩ về chiến tranh đầy chất thơ ca”, ông nhận xét. Dù Wright cũng nghiên cứu về những chu kỳ “sóng dài” trọng đại hơn của chiến tranh, nhưng nhịp điệu *saeculum* của ông đã thu hút phần lớn sự quan tâm của các sử gia sau này.

Mặc dù tính chất chu kỳ rõ ràng, nhưng Wright vẫn tin rằng có thể tránh được chiến tranh bằng việc gìn giữ hòa bình hợp lý. Tuy nhiên, tại thời điểm ông qua đời vào năm 1970, những phân tích học thuật sâu sắc có ảnh hưởng này của ông đã khiến chính các hy vọng của ông sụp đổ. Liên Hợp Quốc (mà chính ông khuyến khích thành lập) đã trở thành một kẻ ngoài cuộc bất lực. Các nhà hoạch định chính sách lý trí nhất mà bất kỳ học giả chiến tranh nào cũng mong muốn, không hiểu vì sao đã đưa Mỹ vào một cuộc xung đột làm suy giảm giá trị đạo đức ở khu vực Đông Nam Á, ngay trên đỉnh của góc phần tư “chiến tranh nhỏ” trong chu kỳ của ông.

Chỉ ít năm sau khi cuốn sách của ông xuất hiện, thời gian biểu của Wright đã được chứng thực bởi một người Anh nổi tiếng sống cùng thời, Arnold Toynbee. Trong *A Study of History* (Tạm dịch: Nghiên cứu Lịch sử), được biết đến nhiều nhất với lý thuyết về sự thăng trầm của các nền văn minh, Toynbee đã xác định một “nhịp điệu luân phiên” của “Chu kỳ của Chiến tranh và Hòa bình”. Ngắt giữa chu kỳ này là những cuộc “chiến tranh tổng lực” kéo dài một phần tư thế kỷ đã xảy ra ở châu Âu với khoảng cách cách nhau khoảng một thế kỷ từ thời Phục hưng. Toynbee xác định và ghi niên lịch năm lần lặp lại của chu kỳ này, mỗi lần đều bắt đầu bằng cuộc chiến mang tính quyết định nhất của thế kỷ đó:

- Khúc *dạo đầu* bắt đầu bằng các cuộc Chiến tranh Ý (1494-1525).
- *Chu kỳ thứ nhất* bắt đầu bằng Chiến tranh Hoàng gia của Philip II (1568-1609).
- *Chu kỳ thứ hai* bắt đầu bằng Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha (1672-1713).
- *Chu kỳ thứ ba* bắt đầu bằng Cách mạng Pháp và những cuộc Chiến tranh Napoleon (1792-1815).
- *Chu kỳ thứ tư* bắt đầu bằng Thế chiến I và II (1914-1945).

Bổ sung thêm cho năm thế kỷ hiện đại này, Toynbee cũng xác định các chu kỳ tương tự kéo dài sáu thế kỷ trong lịch sử Trung Hoa và Hy Lạp cổ đại, tất cả đều xảy ra trong điều mà ông gọi là thời kỳ “tan vỡ” của những nền văn minh lớn. Ở bất kỳ đâu, ông đều thấy khoảng thời gian từ lúc bắt đầu cuộc chiến tranh tổng lực này đến khi cuộc chiến tranh tổng lực kế tiếp khác nổ ra dài trung bình 95 năm, với một “mức độ trùng hợp đáng ngạc nhiên” qua hàng thiên niên kỷ.

Toynbee ghi chú, đằng sau tính chu kỳ này là “các hoạt động của một Chu kỳ Thế hệ, một nhịp điệu trong dòng chảy của Cuộc sống Vật lý,” “áp đặt sự chi phối của nó lên Tinh thần Con người”. Giống như Wright, ông liên hệ điều này với sự tan suy giảm của “ký ức sống động về một cuộc chiến vừa qua”. Ông nhận định, rốt cuộc hậu duệ của các cựu chiến binh, những người “chỉ biết đến chiến tranh qua lời kể”, nắm quyền và tiếp tục mô hình hành vi thiên về chiến tranh như ban đầu. Cũng như Wright, Toynbee dự đoán “những cuộc chiến phụ” xảy ra ở giữa mỗi chu kỳ. Khi mới bắt đầu sự nghiệp, Toynbee tin rằng “sự kiểm soát của con người... có thể giảm bớt sự bất đồng và gia tăng sự hài hòa trong đời sống nhân loại”. Khi về già, ông tin vào thuyết định mệnh nhiều hơn – và cảm nhận sự siêu nghiệm thông qua tôn giáo có lẽ là một mục tiêu đáng giá hơn sự kiểm soát những vấn đề thế tục.

Toynbee bổ sung một khía cạnh mới quan trọng khi ông chia chu kỳ chiến tranh thành bốn giai đoạn và phân biệt giữa “quãng nghỉ” sau một cuộc chiến lớn với “hòa bình chung” sau một cuộc chiến nhỏ. Song ông đã lầm khi ngụ ý rằng chiến tranh không xảy ra trong những thời kỳ xen kẽ dài một phần tư thế kỷ này. Rõ ràng, *một số* cuộc chiến, ít nhất là một số cuộc chiến nhỏ lẻ, thực tế đã xảy ra mỗi 25 năm trong lịch sử châu Âu (và Mỹ). Để giải thích cho điều đó, L. L. Ferrar Jr. đã xây dựng lại lý thuyết chiến tranh bốn giai đoạn của Toynbee, thay thế quãng nghỉ và thời đại hòa bình chung bằng thứ mà ông gọi là “những cuộc chiến thăm dò.” Tương tự, Richard Rosecrance đã đưa ra một chu kỳ chiến tranh gồm bốn phần, luân phiên giữa thời đại lưỡng cực của chiến tranh và thời đại đa cực của “khoảng trống quyền lực.” Mặc dù không xác định tính định kỳ của chu kỳ này, nhưng ông lưu ý rằng “một trong những bi kịch của lịch sử quốc tế phương Tây là chu kỳ đó lặp lại hết lần này đến lần khác”.

Một số sử gia trích dẫn số liệu thương vong để tranh luận với Wright, Toynbee, và Ferrar về danh sách những cuộc chiến được coi là lớn, tổng lực hay bá quyền – song bất kỳ ai chỉ dựa theo mức độ ác liệt để xếp hạng chiến tranh đều bỏ qua một điều quan trọng. Dù được gọi bằng thuật ngữ gì, thì một cuộc chiến tranh kết thúc một chu kỳ đều để lại những hậu quả xã hội và chính trị mang tính quyết định. Nó phải *kết thúc một kỷ nguyên*. Đây chính là điểm mà chu kỳ chiến tranh cần sự ủng hộ từ nghiên cứu kinh điển của Ludwig Dehio chứng minh sự cân bằng quyền lực ở châu Âu đã thay đổi sâu sắc mỗi thế kỷ một lần ra sao. Theo quan điểm này, một số cuộc chiến đẫm máu nhất trong lịch sử (như Chiến tranh Ba mươi năm hoặc Thế chiến I) không được coi là sự kết thúc chu kỳ, vì chúng không thay thế trật tự cũ bằng thứ về cơ bản được coi là mới.

Một số học giả gần đây mở rộng chu kỳ Toynbee vượt ra ngoài phạm vi chiến tranh, thành một chủ đề tổng quát hơn về những đợt

sống dài trong hành vi xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, Terence Hopkins và Immanuel Wallerstein đã giải thích chu kỳ Toynbee như một hệ quả của sự phát triển kiểu tư bản chủ nghĩa. Trong lĩnh vực quan hệ quốc tế, William Thompson và George Modelski cũng phát triển các lý thuyết về những chu kỳ chính trị phù hợp với chu kỳ của Toynbee. “Trong một khoảng thời gian (gần 100 năm), một cường quốc thế giới trỗi dậy từ một cuộc chiến toàn cầu chỉ để rồi dần sụp đổ từ vị trí ưu thế đó”, Thompson viết. “Trật tự toàn cầu tan rã với một tốc độ song song cho đến khi một cuộc chiến toàn cầu mới xảy ra và tạo điều kiện cho sự trỗi dậy của một cường quốc thế giới mới.”

Modelski chia chu kỳ chính trị toàn cầu này thành bốn giai đoạn dài một phần tư thế kỷ, giai đoạn sau nối tiếp giai đoạn trước theo một tiến trình hỗn loạn tự nhiên. Ở giai đoạn *cường quốc thế giới* ban đầu, cả nhu cầu (xã hội) về trật tự và sự đáp ứng (chính trị) về trật tự đều cao. Ở giai đoạn *giảm tính chính danh*, nhu cầu về trật tự giảm. Ở giai đoạn *phi tập trung*, sự đáp ứng về trật tự giảm. Chu kỳ lên đến đỉnh điểm khi nhu cầu trật tự tăng cao, dẫn đến một kỷ nguyên tạo ra trật tự của *chiến tranh toàn cầu*. Giai đoạn cuối cùng được phân biệt không chỉ bởi quy mô hủy diệt nhân loại, mặc dù điều này sẽ có thể rất dữ dội, mà bởi quan niệm phổ biến rằng một kết cấu chính trị toàn cầu cũ đã sụp đổ và một kết cấu mới được sinh ra. Ông mô tả quá trình toàn cầu này như câu chuyện huyền thoại tạo nên trong phạm vi của nó: “Các nhóm sự kiện lớn trong chu kỳ, các chiến dịch chiến tranh toàn cầu và các dàn xếp nổi tiếng, sự tuân thủ mang tính nghi thức của các nước lớn, và sự dần chìm vào quên lãng của các nước khác, tất cả tạo nên nghi thức của nền chính trị thế giới. Đó là những dấu mốc quan trọng của thời gian thế giới.”

Ở bảng trang 78, chú ý sự giống nhau giữa các chu kỳ chiến tranh hiện đại và các bánh xe thời gian cổ xưa. Sự luân phiên giữa chiến tranh và hòa bình, hoặc giữa trật tự phát triển và lụi tàn, giống như *âm* và *dương* của châu Á hay yêu thương và xung đột của Hy Lạp cổ đại. Những lý

thuyết này phản ánh các mùa của tự nhiên và năm theo nghi thức đánh dấu chúng: Một kỷ nguyên tăng trưởng của mùa xuân, tiếp theo là kỷ nguyên tưng bừng của mùa hè, và kỷ nguyên vỡ vụn của mùa thu được tiếp theo bằng cái chết của mùa đông – và rồi tái sinh. Giai đoạn cuối cùng gọi đến khái niệm *ekpyrosis* của những nhà khắc kỷ, ngọn lửa thanh lọc và chuyển hóa sẽ kết thúc một chu kỳ và bắt đầu chu kỳ tiếp theo.

Điều gì diễn ra ở đây? Điều gì đã làm Quincy Wright khẳng định trong những năm tháng tuổi trẻ và phản bác lại khi về già? Nhịp điệu nào đã khiến Arnold Toynbee thấy gọn sóng trong thời hiện đại của mọi nền văn minh mà ông nghiên cứu? Đó là đơn vị lịch sử mà người Etrusca đã phát hiện ra: *saeculum* tự nhiên, lịch sử chuyển động theo nhịp đập của một đời người.

Giai đoạn đỉnh cao của *saeculum* là thời kỳ một phần tư thế kỷ chiến tranh, biến động và hỗn loạn. Các học giả nhân văn thời kỳ đầu gọi đây là *revolutio*, bắt nguồn từ cụm từ *revolutiones orbium caelestium* (về chuyển động quay của các thiên thể)ⁱ của Copernicus. Cùng với Cải cách Tin Lành, từ *cách mạng* (revolution) hàm nghĩa con đường dẫn đến một thời kỳ Vàng son, đến thiên đường, đến công lý. Một thế kỷ sau, Thomas Hobbes liên hệ từ này với chính trị, một ý nghĩa được phát triển cùng với những cuộc cách mạng hào hùng của thế kỷ 18. Trong mấy năm gần đây, người Mỹ đã đánh giá thấp từ này qua việc liên tục gắn liền với các giai đoạn (như những cuộc cách mạng “hậu Watergate”, “Reagan”, và “Gingrich”) vay mượn từ danh tiếng của những sự kiện trước đó mà không đạt tới bất kỳ kết quả gì tương tự.

i. Nguyên văn tiếng La-tin: “*De revolutionibus orbium coelestium*”, tiếng Anh là *On the revolutions of the heavenly spheres*, một tác phẩm kinh điển được in năm 1543 của nhà thiên văn học thời kỳ Phục hưng Nicolaus Copernicus (1473–1543) về thuyết nhật tâm, cho rằng Mặt trời là trung tâm của hệ Mặt trời và từ đó có thể tính toán các quỹ đạo hành tinh, đưa ra những phỏng đoán về vị trí của các thiên thể ở những thời điểm nhất định.

Saeculum hiện đại của chiến tranh và chính trị

Tác giả	Phần tư I	Phần tư II	Phần tư III	Phần tư IV
WRIGHT (1942)	hòa bình	chiến tranh nhỏ	hòa bình	chiến tranh lớn
TOYNBEE (1954)	quăng nghi	chiến tranh phụ	hòa bình chung	chiến tranh tổng lực
ROSECRANCE (1973)	giảm can thiệp	khoảng trống quyền lực	tăng can thiệp	chiến tranh
FERRAR JR. (1977)	chiến tranh thăm dò	chiến tranh điều chỉnh	chiến tranh thăm dò	chiến tranh bá quyền
HOPKINS-WALLERSTEIN (1982)	đỉnh cao bá quyền	bá quyền giảm dần	bá quyền tăng dần	chiến thắng giành bá quyền
MODELSKI-THOMPSON (1987)	cường quốc thế giới	giảm tính chính danh	phi tập trung hóa	chiến tranh toàn cầu
THIÊN NHIÊN	Mùa xuân	Mùa hè	Mùa thu	Mùa đông

Có một từ hay hơn, đó là *khủng hoảng*. Từ gốc Hy Lạp của nó, *krisis*, đề cập một thời điểm mang tính quyết định hoặc phân ly. Trong y học, *krisis* là khi các bác sĩ biết liệu một bệnh nhân sẽ hồi phục hay tử vong; trong chiến tranh, đó là thời điểm trong trận chiến mà sẽ quyết định một đội quân (hoặc quốc gia) chiến thắng hay thất bại. Thomas Paine đã gắn từ này với cuộc cách mạng chính trị năm 1776, khi ông bắt đầu xuất bản tác phẩm *American Crisis* (Tạm dịch: Khủng hoảng Mỹ) nổi tiếng của mình. Từ Metternich đến Burckhardt cho tới Nietzsche, một loạt các nhà tư tưởng thế kỷ 19 đã dùng từ này để chỉ các cuộc chiến tranh tổng lực định kỳ mà Marx gọi là “những chuyến tàu tốc hành của lịch sử”. Đến Thế chiến I, sử gia Gerhard Masur giải thích, từ này được sử dụng rộng rãi với ý nghĩa “một sự tăng tốc đột ngột của diễn trình lịch sử theo một cách đáng sợ”, đủ để “giải phóng các lực lượng kinh tế, xã hội, đạo đức với những sức mạnh và khía cạnh không thể lường trước, mà thường không thể trở về nguyên trạng”.

Khủng hoảng kết thúc một *saeculum* và bắt đầu một *saeculum* kế tiếp. Tuy nhiên, nếu nó biểu thị thời điểm cực hạn *duong* của chu kỳ, hay xung đột, thì có vẻ như một bất đối xứng kỳ lạ lại nảy sinh: Cực hạn đối lập của chu kỳ, thời điểm tối đa của âm – hay yêu thương, biểu thị điều gì? Nếu chúng ta có thể định vị và mô tả đông chí của lịch sử, thì chúng ta cũng có thể làm điều tương tự với hạ chí của nó.

Một manh mối quan trọng nằm trong mô tả của Modelski về giai đoạn giảm tính chính danh ở một phần tư thứ hai của chu kỳ, mà ông mô tả là mùa của “đổi mới bên trong” và “sự phục hồi các nền tảng chuẩn mực của hệ thống.” Cũng như thời kỳ một phần tư cuối cùng của chu kỳ là cần thiết để thay thế cấu trúc bên ngoài của các thể chế chính trị và thiết chế xã hội, thời kỳ một phần tư thứ hai là cần thiết để thay thế cấu trúc bên trong của nền văn hóa và các giá trị.

Điều gì làm nên những kỷ nguyên đó? Cách đây 40 năm, nhà nhân học tôn giáo Anthony Wallace đã dựa vào nghiên cứu trên toàn thế giới để đưa ra câu trả lời cuối cùng cho vấn đề này. Một “phong trào tái sinh” là một “nỗ lực có chủ đích, có tổ chức, có ý thức của các thành viên trong một xã hội để xây dựng một nền văn hóa thỏa mãn hơn”, ông viết. Ban đầu, các phong trào này là một phản ứng tập thể đối với “sự căng thẳng lâu dài và đáng kể về mặt tâm lý”. Khi thành công, chúng tạo nên một “mê cung văn hóa” hoàn toàn mới, một cách hiểu mang tính biến đổi về “tự nhiên, xã hội, văn hóa, tính cách, và hình ảnh con người”. Sau khi phân loại các phong trào đó (như người bản địa trội hơn người nhập cư, thức tỉnh lại đức tin, thuyết thiên niên kỷ, cứu thế, v.v.), Wallace đưa ra giả thuyết rằng tất cả các tôn giáo tồn tại ngày nay là phần còn lại được chắt lọc từ “những viễn cảnh tiên tri và bay bổng” của những phong trào đã qua. Wallace không nói đến tần suất xuất hiện của các phong trào tái sinh này, nhưng ông thật sự lưu ý rằng “chúng là những đặc điểm tái diễn trong lịch sử nhân loại” và – ngụ ý tới *saeculum* – rằng “có lẽ ít người

đã sống mà không từng được tham gia vào một khoảnh khắc nào của quá trình tái sinh đó”.

Cho đến gần đây, các học giả hiếm khi tìm hiểu về sự tuần hoàn của các thời đại tiên tri và xuất thân này trong lịch sử hiện đại. Nhưng điều đó đang thay đổi. Trong một bài luận đầy khiêu khích tuyên bố là “đi ngược lại mọi dự đoán của các nhà xã hội học thế kỷ 19, các phong trào tôn giáo đã tồn tại và phát triển mạnh mẽ trong thế giới hiện đại”, nhà xã hội học Robert Wuthnow ở Princeton cho rằng các phong trào tái sinh “được phân bố không đồng đều và cũng chẳng ngẫu nhiên theo không gian và thời gian.” Trên thực tế, chúng diễn ra khá đều đặn suốt từ thời Phục hưng. Danh sách các phong trào của ông được trình bày dưới đây, cùng với những khoảng thời gian hăng hái tốt đỉnh dài hai thập niên. Cụm từ khô khan *phong trào tái sinh* được vứt bỏ để có một hình ảnh ngộ đạo rất phổ biến với người phương Tây – hình ảnh về một sự thức tỉnh tinh thần, hay đơn giản là *Thức tỉnh*:

- Cải cách Tin Lành (những thập niên 1530-1540).
- Thức tỉnh Thanh giáo (những thập niên 1630-1640).
- Thức tỉnh Mộ đạo (những thập niên 1740-1750).
- Thức tỉnh Không tưởng-Phúc âm (những thập niên 1830-1840).
- Thức tỉnh Thời đại Mới (những thập niên 1960-1970).

Các phong trào này có nhiều điểm chung. Tất cả đều là những công kích kịch liệt chống lại giáo lý của các chuẩn mực văn hóa và tôn giáo bị coi là cũ kỹ lúc bấy giờ. Tất cả đều được dẫn đầu bởi những người trẻ tuổi. Tất cả đều đưa ra những ưu tiên mới mang tính quy chuẩn (mà ngày nay chúng ta gọi là “những giá trị”). Và tất cả, ngoại trừ phong trào cuối cùng, đều theo một lịch trình có thể đoán trước: Mỗi phong trào cách phong trào Thức tỉnh trước đó một khoảng thời

gian gần bằng một *saeculum*, và xảy ra vào khoảng giữa hai cuộc khủng hoảng nối tiếp nhau.

Một thời kỳ Thức tỉnh là điểm chí khác của *saeculum*: Thức tỉnh đối với Khủng hoảng cũng như mùa hè với mùa đông, yêu thương với xung đột. Trong cái này lại ẩn chứa mầm nhân quả của cái kia. Trong một phần tư thứ hai của *saeculum*, lòng tin có được do an ninh ngày càng thắt chặt tạo nên một sự bùng nổ yêu thương và dẫn đến rối loạn; trong một phần tư thứ tư, lo lắng sinh ra do bất an dâng cao làm bùng phát xung đột và dẫn đến tái lập trật tự. Do đó, một thời kỳ Thức tỉnh là một sự đánh dấu chu kỳ, nhắc nhở một xã hội rằng nó đã đi được nửa đường trên hành trình mà tổ tiên nó đã nhiều lần trải qua. Wurthnow nhận định rằng “các thời kỳ bất ổn tôn giáo... hiển nhiên được coi là điểm báo gở về sự thay đổi – như những bước chuyển lịch sử – ít nhất từ thời Herodotus”.

Nếu Thức tỉnh là mùa hè và Khủng hoảng là mùa đông của trải nghiệm nhân loại, thì phải có những thời kỳ quá độ. Trên con đường từ Khủng hoảng đến Thức tỉnh phải có một thời kỳ như mùa xuân, và trên con đường từ Thức tỉnh đến Khủng hoảng phải có một thời kỳ như mùa thu. Nơi mà điểm chí này của *saeculum* được sinh ra để đáp ứng nhu cầu của điểm chí kia, thì các điểm phân của *saeculum* cũng phải nằm ở hai hướng đối lập nhau. Nơi mà thời kỳ hậu Khủng hoảng ấm áp và soi rọi, thì hậu Thức tỉnh là lạnh lẽo và tăm tối. Nơi mà mùa xuân theo chu kỳ mang tới sự đồng thuận, trật tự và ổn định, thì mùa thu mang tới sự tranh cãi, phân rã và bất ổn.

Khi bánh xe thời gian quay từ Khủng hoảng đến Thức tỉnh rồi lại quay về Khủng hoảng, lịch sử hiện đại cho thấy một quy luật đáng chú ý. Ở châu Âu, chỉ trừ một ngoại lệ, mọi chu kỳ đều kéo dài từ 80 đến 105 năm. Điều bất thường dễ nhận thấy là khoảng

thời gian giữa trận Waterloo và V-J Dayⁱ, một chu kỳ Toynbee kéo dài tròn 130 năm.

Độ dài đặc biệt của khoảng thời gian này ở châu Âu có lẽ là đúng vậy – một sự bất thường. Hoặc có thể có khả năng là khuôn mẫu Toynbee đã sai khi lồng hai chu kỳ thành một. Các sử gia gọi “thế kỷ 19 dài dằng dặc” là một thời kỳ hòa bình lạ thường giữa các cường quốc, ngoại trừ một đợt nhỏ các cuộc chiến kiến quốc từ giữa thập niên 1850 đến giữa thập niên 1870 (liên quan đến Đức, Pháp, Ý, Anh, Nga, và khu vực Balkan – cũng như Nội chiến Mỹ). Nếu điều này được coi là một thời kỳ Khủng hoảng khác, và nếu bước ngoặt của thế kỷ được coi là một thời kỳ Thức tỉnh khác, kết quả sẽ là một chu kỳ ngắn bất thường (từ năm 1815 đến khoảng 1870), tiếp theo đó là một chu kỳ khác với độ dài xấp xỉ như bình thường (từ năm 1870 đến khoảng 1950 khi Chiến tranh Lạnh bắt đầu). Như vậy, thay thế một chu kỳ dài bất thường sẽ là một chu kỳ được rút ngắn, tiếp theo là một chu kỳ khác với độ dài điển hình. Ở cuối chương này sẽ làm rõ vì sao cách giải thích này phù hợp hơn cách của Toynbee.

Dù thế nào, kiểu bất thường này cũng không đáng ngạc nhiên. Suy cho cùng, việc quan sát lịch sử toàn cầu đồng nghĩa với việc quan sát nhiều xã hội khác nhau. Cũng giống như các thị trấn Etrusca khác nhau, mỗi thị trấn có thể vận hành theo chu kỳ *saeculum* khác nhau theo một cách nào đó, và mỗi thị trấn có thể can thiệp (bằng chiến tranh và hệ tư tưởng) vào công việc của thị trấn láng giềng. Các xã hội kém hiện đại hơn có lẽ lại không dễ bị tác động bởi nhịp điệu của *saeculum*. Giữa tất cả những nhiễu loạn này của lịch sử, khó mà mong đợi một chu kỳ hoàn hảo.

i. Là cụm từ viết tắt của “Victory over Japan Day”, còn được gọi là “Victory in the Pacific Day”, nghĩa là “Ngày chiến thắng Nhật Bản”, ngày Đế quốc Nhật Bản đầu hàng trong Thế chiến II, kết thúc chiến tranh vào chiều 15 tháng 8 năm 1945. (ND)

Nếu đang tự hỏi làm thế nào lịch sử có thể mang tính quy luật theo mùa một cách chính xác hơn, bạn có thể kiểm tra giả thuyết sau đây. Hãy tưởng tượng một kịch bản trong đó hầu hết các “nhiều loạn” lịch sử bị nén lại. Hãy tưởng tượng một xã hội rộng lớn duy nhất chưa bao giờ có một láng giềng hùng mạnh nào, và trong nhiều thế kỷ vẫn tương đối biệt lập trước sự can thiệp nước ngoài. Hãy tưởng tượng là xã hội này đã hiện đại ngay từ khi sinh ra trên một lục địa gần như trống trải, không có những truyền thống lâu đời để kiềm chế sự phát triển vô hạn của nó. Cuối cùng, hãy tưởng tượng rằng xã hội hoàn toàn hiện đại này nổi tiếng vì theo đuổi sự tiến bộ tuyến tính, và vì trấn áp được các chu kỳ tự nhiên, không có bất kỳ dân tộc nào trên Trái đất sánh bằng. Từ những gì đã biết về *saeculum*, liệu bạn sẽ không nghĩ rằng lịch sử của nó bị chi phối bởi một chu kỳ với tính đều đặn đến ngạc nhiên? Hẳn nhiên bạn sẽ nghĩ là có.

Nhưng tất nhiên, xã hội này không phải là giả thuyết. Xã hội này là Mỹ.

SAECULUM Ở MỸ

Hãy kiểm tra con dấu phía bên trái trên mặt sau của tờ một đô-la Mỹ. Đó là một vòng tròn với một kim tự tháp bốn mặt, lơ lửng phía trên là một con mắt – biểu tượng của Ai Cập hoặc Hội Tam điểm về Đấng tối cao, người thấy toàn bộ lịch sử chỉ trong nháy mắt. Hãy đọc dòng chữ khắc trên kim tự tháp đó: *annuit coeptis* (Chúa mỉm cười với sự tạo lập), được vay mượn trực tiếp từ lời ca ngợi của Virgil về *saeculum aureum* của Augustus. Đọc cả dòng chữ bên dưới: *novus ordo seclorum* (trật tự mới của các thế kỷ). Khi những người sáng lập thiết kế nên Đại Ấnⁱ, họ đã đưa *saeculum* vào chính thiết kế của đồng tiền.

i. Nguyên văn: “Great Seal”, lần đầu được sử dụng công khai vào năm 1782, dùng để xác thực một số tài liệu do chính phủ liên bang Hoa Kỳ ban hành. Từ năm 1935, cả hai mặt của Đại Ấn đã xuất hiện ở mặt sau của tờ một đô-la Mỹ.

Vòng tròn thời gian không phải là thứ mà người châu Âu phải mang tới Mỹ. Trong những bí ẩn không được ghi lại của lịch sử, hơn 100 *saeculum* Mỹ đã được chứng kiến bởi tổ tiên của dân bản xứ, những người đầu tiên thoáng thấy cánh bướm trắng phía chân trời. Cư dân cổ xưa của Tân Thế giới này rất quen thuộc với chu kỳ của các vì sao và các mùa tương tự với những gì đã chiếm tâm trí của cư dân Cựu Thế giới – thể hiện qua vô vàn hình thập tự, hình chữ vạn, hình tứ diện, và hình mandala vuông được họ sử dụng trong nghệ thuật nghi lễ. Nhịp điệu cuộc sống con người, thường được thể hiện trong khái niệm của nhiều thế hệ, được coi là một sợi dây thiêng liêng kết nối tổ tiên với hậu thế và là một tiêu chuẩn mang tính quy phạm về sự quản lý khôn ngoan.

Thật vậy, rõ ràng chu kỳ thời gian *không* phải là thứ người châu Âu đã mang đến Mỹ, mà là một phần hành lý bị thất lạc trong số những chiếc đỉnh, máy cày, Kinh Thánh, và khế ước mà họ lôi ra từ những chiếc thuyền lớn của mình. Columbus “khám phá” ra châu Mỹ, trùng với sự ra đời của tính hiện đại ở phương Tây, chắc chắn đã khiến cho hình ảnh Mỹ trong mắt châu Âu như là điểm đến cuối cùng của chu kỳ thời gian: Cathayⁱ trong truyền thuyết, El Dorado, Tân Atlantis, hay Tân Jerusalem. Khi những kẻ mới tới lần đầu tiên gặp thổ dân, điều họ nhìn thấy là “những người Ấn Độ” thuộc thời đại vàng son hoặc ma quỷ dưới địa ngục – những hình ảnh không thay đổi về cái kết của lịch sử. Khi bắt đầu xây dựng các thị trấn ven các khu rừng Đại Tây Dương, thứ họ tìm được là lời giải đáp cuối cùng cho vòng quay muôn đời của tình trạng túng thiếu của loài người: mỏ vàng giàu có nhất, mùa vụ bội thu nhất, cộng đồng thịnh vượng mộ đạo nhất, chính thể duy lý nhất. Thứ mà những người di cư không tìm kiếm – thực ra là thứ họ đang chạy trốn – là một sự cam chịu theo ngoại giáo trước quy luật theo mùa của tự nhiên.

i. Tức Trung Quốc, tên gọi “Cathay” được người châu Âu biết đến từ sau những ghi chép về những chuyến du hành của Marco Polo.

Đối với những thổ dân châu Mỹ, sự xâm lược này của thời gian tuyến tính đã để lại những hậu quả bi thảm. Nó tạo ra một rào cản không thể vượt qua giữa nền văn hóa của họ và của những kẻ mới đến – một rào cản đã ấn định số phận của nhiều dân tộc bản địa và tàn sát hoặc làm ly tán những dân tộc khác. Đối với thế giới, sự xâm lược này khởi đầu cuộc thử nghiệm đáng chú ý nhất trong lịch sử hiện đại: một xã hội được sinh ra mới, được giải phóng khỏi mọi giới hạn truyền thống hoặc tự nhiên mà óc sáng tạo của con người có thể chiến thắng. Cả người châu Âu và người Mỹ đều cảm thấy điều gì đó trọng đại đang diễn ra. Hegel mô tả Mỹ là “vùng đất của tương lai, nơi cách xa chúng ta nhiều thời đại, gánh nặng của lịch sử thế giới sẽ tự phơi bày.” Như những nhà sáng lập từng trực cảm, một trật tự mới của các *saeculum* đã được tạo ra.

Cho đến thế kỷ 18, *saeculum* Mỹ và châu Âu đập cùng một nhịp điệu. Rồi từ đó, *saeculum* Mỹ đã cho thấy một lịch trình đều đặn hơn và thậm chí được định nghĩa rõ hơn các chu kỳ châu Âu mà Toynbee ghi lại.

CÁC CUỘC KHỦNG HOẢNG CỦA NGƯỜI MỸ GỐC ANH

Để hiểu tốt nhất về mô hình, hãy bắt đầu với hiện tại và ngược về quá khứ. Từ cuộc tấn công Trân Châu cảng đến cuộc pháo kích Pháo đài Sumter là 85 năm. Đó cũng chính là khoảng thời gian giữa trận Pháo đài Sumter và bản Tuyên ngôn độc lập. Thêm hai năm nữa (tới trận Gettysburg), và ta có phép tính “87 năm” nổi tiếng của Tổng thống Lincoln. Tiếp tục ngược về quá khứ, và chú ý rằng 87 năm cũng là khoảng thời gian giữa Tuyên ngôn Độc lập và cao trào của Cách mạng Vinh quangⁱ về thuộc địa.

i. Còn gọi là Cách mạng năm 1688, khi Vua James II của Anh (tức James VII của Scotland) bị lật đổ vào năm 1688 bởi liên minh giữa các nghị sĩ và đội quân viễn chinh do Thống đốc Hà Lan William III của nhà Orange-Nassau, với kết quả là William lên ngôi vua Anh (tức William III của Anh) đồng trị vì với vợ là Nữ hoàng Mary II của Anh (vốn là con gái của James II). (ND)

Thêm khoảng một thập niên nữa vào độ dài của các *saeculum* ấy, và bạn sẽ thấy mô hình này tiếp tục trong lịch sử tổ tiên của những thực dân Anh: 99 năm trước Cách mạng Vinh quang là chiến thắng trước Hạm đội Tây Ban Nhaⁱ hình thành nên Đế quốc Anh, và 103 năm trước nữa là chiến thắng giành ngôi báu của Henry Tudor trong những cuộc Chiến tranh Hoa hồng.

Không chỉ khi nhìn lại, mà ngay cả khi những sự kiện này xảy ra, người ta đã nhận ra mình đang tham gia vào các lần tái diễn lại các phần huyền thoại lịch sử. Năm 1688, những người ủng hộ Cách mạng Vinh quang của Anh tập hợp thành đám đông khi nhắc lại rằng năm đó, do ý trời, là kỷ niệm lần thứ 100 của “Năm 1688 vĩ đại” – chiến thắng Armada của Nữ hoàng Elizabeth. Năm 1776, Thomas Paine kích động những thực dân bằng việc nhắc đến số phận của vị vua Stuart cuối cùng. Tại Gettysburg, Lincoln khiến cả nước xúc động khi gọi lên những gì “ông cha ta đã đem tới lục địa này”. Tang lễ Tổng thống Roosevelt khi Thế chiến II gần kết thúc đã khiến hàng triệu người Mỹ nhớ tới diễn văn từ biệt của Walt Whitman dành cho Lincoln (“Ôi thuyền trưởng! Thuyền trưởng của tôi! chuyến đi khủng khiếp của chúng ta đã kết thúc rồi.”).

Theo thời gian, các sử gia Mỹ đã xây dựng một danh mục thuật ngữ xoay quanh những mốc ngày tháng kế tiếp nhau này. Thập niên 1930, Charles và Mary Beard tuyên bố Nội chiến là “Cách mạng Mỹ thứ hai” – cái tên sau này được sử dụng lại vô số lần. Thập niên 1970, Carl Degler gọi Chính sách Kinh tế Mới là “Cách mạng Mỹ thứ ba”. Trong câu chuyện lịch sử đáng tin cậy gần đây của mình về Hiến pháp Mỹ, Bruce Ackerman xác định “không phải một, mà là ba thời khắc ‘lập quốc’ trong lịch sử của chúng ta: cuối thập niên 1780, cuối thập niên 1860, và giữa thập niên 1930.”

i. Nguyên văn: “Spanish Armada”. (ND)

Ngày nay, mặc dù vẫn nghĩ mình là cư dân của thời kỳ hậu Thế chiến II, nhưng chúng ta ngỡ rằng có phải mình gần với “thời điểm lập quốc” tiếp theo hơn là thời điểm trước đó. Nhà báo Michael Lind đã đặt tiêu đề phụ cho cuốn sách của ông về tương lai Mỹ là “Chủ nghĩa dân tộc Mới và Cách mạng Mỹ Thứ tư”. Nhà khoa học chính trị nổi tiếng Walter Dean Burnham, sau khi tổng hợp ba cuộc “cách mạng” trước, dự đoán “rằng tình hình chính trị biến động hiện nay có thể dẫn đến một nền Cộng hòa Mỹ thứ tư”. Do các tác giả này không hề nhắc tới thời điểm, nên dự báo của họ có vẻ không táo bạo. Xét theo thời gian, bất kỳ thời hậu chiến nào cũng sẽ trở thành thời tiền chiến.

Danh sách các Khủng hoảng của người Mỹ gốc Anh không hề xa lạ, và có lẽ chỉ có đôi chút tranh cãi về ngày tháng.

Khủng hoảng Chiến tranh Hoa hồng (1459-1487; cao trào 1485) bắt đầu với một sự đổ vỡ không thể vãn hồi giữa gia tộc Lancaster thống trị (hoa hồng đỏ) và gia tộc York quyền lực (hoa hồng trắng). Sau khi lên án lẫn nhau, tố cáo tội phản quốc, và mở ra những cuộc đụng độ nhỏ, hai gia tộc thù địch này đã đẩy Anh chìm vào một phần tư thế kỷ hỗn loạn chính trị chưa từng có, khi ngôi vua đổi chủ sáu lần, hàng tá các quý tộc thượng lưu nhất bị giết, các vị vua và hoàng thân bị sát hại, và những lãnh địa rộng lớn bị tước đoạt. Trận Towton (1461), kết thúc bằng chiến thắng của gia tộc York, là trận chiến đẫm máu nhất từng diễn ra trên đất Anh. Trên chiến trường của Trận Bosworth (1485), người sáng lập triều đại là Henry Tudor đã đánh bại và giết chết Richard III, vị vua Anh cuối cùng tử trận khi giao tranh. Anh bước vào thời kỳ Khủng hoảng như một vương quốc trung cổ bị truyền thống ràng buộc, và xuất hiện như một quốc gia-dân tộc quân chủ hiện đại.

Khủng hoảng Armada (1569-1594; cao trào 1588) bắt đầu khi nước Anh Tin Lành cảm thấy mối đe dọa toàn cầu của gia tộc Habsburg

hùng mạnh theo Công giáo đang bủa vây. Một cao trào ngoạn mục diễn ra ngay sau đó: những nỗ lực lập đi lập lại nhằm mưu sát Nữ hoàng Elizabeth; hành trình vòng quanh thế giới bằng đường biển của Francis Drake trên một con tàu chở đầy kho báu cướp được của Tây Ban Nha; và sự tử trận anh dũng của Philip Sidney ở vùng Lowlands. Sau đó là thời kỳ Sợ hãi tột cùng của Anh vào mùa hè khi Hạm đội Tây Ban Nha xâm lược, kết thúc bằng một chiến thắng kỳ diệu đến mức chuông nhà thờ vẫn đổ hằng năm để tưởng nhớ sự kiện này trong nhiều thập niên sau đó. Anh bước vào thời Khủng hoảng như một quốc gia dị giáo đầy rẫy xung đột, và xuất hiện như một cường quốc hàng đầu châu Âu, trung tâm của một đế chế đang vươn rộng ra toàn cầu.

Khủng hoảng Cách mạng Vinh quang (1675-1704; cao trào 1689) bắt đầu ở các thuộc địa ven Đại Tây Dương của Anh với hai thảm họa cùng lúc: Cuộc nổi loạn của Bacon, một vụ nổi dậy bạo động ở Virginia; và Chiến tranh của Vua Philip, cuộc chiến diệt chủng ở vùng New England đối với người da đỏ Algonquin – có tỉ lệ thương vong binh quân trên đầu người cao hơn bất kỳ cuộc xung đột nào mà người Mỹ từng tham chiến. Sau này, những thực dân sa vào các biến động chính trị khác, bắt đầu bằng các quan điểm chuyên chế của Công tước xứ York hậu duệ gia tộc Stuart, Cách mạng Vinh quang trên toàn thuộc địa ủng hộ Vua William, và rồi một thập niên chiến tranh tiếp theo chống lại khu vực New France thuộc Canada. Các thử thách kết thúc với sự kiệt quệ của New France và tin tức về chiến thắng của Công tước xứ Marlborough trước Vua Louis XIV tại Blenheim – một chiến thắng mà Winston Churchill (hậu duệ trực hệ của Công tước) mô tả là “đã làm thay đổi trục chính trị của thế giới”. Đối với Tân Thế giới, sử gia Richard Maxwell Brown nhận định, “sẽ không hề cường điệu khi gọi giai đoạn 1670-1700 là thời kỳ Cách mạng Mỹ thứ nhất”. Nước Mỹ nói tiếng Anh bước vào Khủng hoảng như một khu thuộc địa lạc hậu trì trệ cuồng tín, và xuất hiện như một xã hội tỉnh lẻ ổn định mà sự hiểu biết và giàu sang sánh ngang với hào quang lộng lẫy nơi quê hương châu Âu của mình.

Khủng hoảng Cách mạng Mỹ (1773-1794; cao trào 1781) bắt đầu khi phản ứng của Nghị viện Anh đối với sự kiện Tiệc trà Boston thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh của thực dân mà “Ủy ban thư tín” của Samuel Adams đã cẩn thận chuẩn bị. Hành trình một đi không trở lại – từ việc vũ trang cho dân quân và những người lính đầu tiên tử trận, cho đến khi ký Tuyên ngôn Độc lập – đã nhanh chóng trôi qua. Trong suốt mùa đông ảm đạm năm 1778 khi Tướng George Washington lui quân khỏi New York, mọi người e sợ rằng cuộc khởi nghĩa có thể thất bại và tất cả các nhà lãnh đạo của nó sẽ bị treo cổ như những kẻ phản bội. Cuộc đấu tranh lên đến đỉnh điểm khi Mỹ giành chiến thắng tại Saratoga và Yorktown. Tâm trạng khẩn trương không hề giảm cho tới khi Hiến pháp được phê chuẩn và kết cục sau Chính biến Thermidor của phái Jacobin – khi những công dân Mỹ non trẻ dỗi theo cuộc cách mạng ở Pháp với cái kết buồn hơn sự kiện nơi quê hương họ. Nước Mỹ gốc Anh bước vào Khủng hoảng như những thuộc địa trung thành dù hơi dễ bạo động; nó xuất hiện như phép thử tham vọng nhất về nền dân chủ cộng hòa mà thế giới từng chứng kiến.

Khủng hoảng Nội chiến (1860-1865; cao trào 1863) bắt đầu bằng cuộc tấn công bất ngờ của John Brown và cuộc bầu cử của Abraham Lincoln, khiến một số bang miền Nam lập tức hiểu đây là một lời mời gọi ly khai. Các bang này bèn ly khai, gây nên cuộc xung đột bạo lực nhất trên mảnh đất Tân Thế giới, với thương vong lớn hơn mọi cuộc chiến khác của Mỹ cộng lại. Cuộc chiến lên tới đỉnh điểm với Tuyên ngôn Giải phóng và Trận chiến Gettysburg. Trong vòng hai năm, Robert E. Lee đầu hàng vào Chủ nhật Lễ Láⁱ, còn Lincoln bị ám sát năm ngày sau đó, vào ngày Thứ sáu Tuần Thánh – gợi cho những nhà thuyết giáo đứng tuổi thấy tự hào về biểu tượng tôn giáo. Liệu kết quả này có đáng với những nỗi khổ phải chịu hay không trở thành một câu

i. Nguyên văn: “Palm Sunday”, ngày chủ nhật trước Lễ Phục sinh, khởi đầu của Tuần Thánh - Holy Week.

hỏi mà sử gia James McPherson nói là “có lẽ sẽ không bao giờ ngừng được tranh luận – nhưng vào thời điểm năm 1865 đó, rất ít người da màu và không nhiều người miền Bắc hoài nghi về câu trả lời.” Không giống các cuộc Khủng hoảng khác, đoạn kết của Nội chiến mang lại dự cảm về một bi kịch đang lan tỏa nhiều hơn là tinh thần lạc quan. Mỹ bước vào Khủng hoảng như một nước cộng hòa nông nghiệp bị chia rẽ vì phân biệt chủng tộc; và xuất hiện như một chiếc máy phát điện công nghiệp hóa, hằn sọc chiến tranh nhưng vẫn hết mình vì nguyên tắc bình đẳng công dân.

Đại suy thoái và Thế chiến II (1929-1946; cao trào 1944) bắt đầu từ vụ sụp đổ thị trường chứng khoán thứ Ba Đen tối cho tới những thời khắc u ám nhất của Thế chiến II, một thời kỳ trải dài gần như từ khi Franklin D. Roosevelt nổi lên và nắm quyền. Bắt đầu như một thời đại tuyệt vọng, Khủng hoảng nặng nề trôi qua các khu ổ chuột Hoovervilleⁱ và những cơn bão bụi của Đại suy thoái, tuy nhiên trong suốt thời gian này, tinh thần quốc gia hợp nhất xoay quanh giấc mơ về cộng đồng. Cuộc tấn công Trân Châu cảng của Nhật Bản đã thổi bùng lên phản ứng xã hội nhanh chóng và thống nhất. Trong vòng vài tháng, Mỹ lên kế hoạch, huy động và sản xuất trên quy mô chưa từng có. Sau khi đạt đỉnh điểm là các cuộc tấn công anh dũng của hải quân ở hai châu lục xa xôi, tâm trạng khẩn trương lắng xuống sau sự đầu hàng của phe Trục, giải ngũ, và một thời bình thịnh vượng đến bất ngờ. Mỹ bước vào Khủng hoảng như một nước theo chủ nghĩa biệt lập, công nghiệp hóa thất bại, và xuất hiện như một siêu cường toàn cầu có năng lực công nghiệp, các thiết chế dân chủ và Kế hoạch Marshall hào phóng khiến cho thế giới tự do kinh ngạc – và đối thủ mới là Liên Xô phải ghen tị.

i. Là những khu dân cư tồi tàn được xây dựng bởi những người vô gia cư ở Mỹ trong giai đoạn diễn ra cuộc Đại suy thoái. Chúng được đặt theo tên của Herbert Hoover, người giữ chức vụ Tổng thống Mỹ trong thời gian bắt đầu Khủng hoảng và bị nhiều người đổ lỗi cho nó.

NHỮNG THỜI KỲ THỨC TỈNH CỦA NGƯỜI MỸ GỐC ANH

Trong khi Khủng hoảng sắp xếp lại thế giới bên ngoài của quyền lực và chính trị, thì Thức tỉnh sắp xếp lại thế giới bên trong của tinh thần và văn hóa. Trong khi Khủng hoảng đề cao nhóm và làm mới lại không gian công cộng, thì Thức tỉnh đề cao cá nhân và làm mới lại không gian riêng tư. Trong khi Khủng hoảng bắt đầu lại cuốn lịch của chúng ta trong lĩnh vực chính trị, thì Thức tỉnh làm điều tương tự với văn hóa. Khi người Mỹ ngày nay nói về các cuộc bầu cử hoặc liên minh, thì chúng ta có xu hướng bắt đầu bằng việc nói “Kể từ thập niên 1930 [hoặc 1940]...” Khi bàn về âm nhạc hay tôn giáo, chúng ta thường bắt đầu bằng việc nói, “Kể từ thập niên 1960 [hoặc 1970]...” Trong thời kỳ Khủng hoảng, người nhiều tuổi hơn ra lệnh và người trẻ làm những việc lớn; trong thời kỳ Thức tỉnh, người nhiều tuổi là người tiến hành và người trẻ ra lệnh.

Cũng như Thế chiến II gợi cảm hứng cho các sử gia nghiên cứu về chu kỳ chiến tranh, Cách mạng Nhận thức đã làm dấy lên mối quan tâm mới về sự tái diễn định kỳ của biến động văn hóa. Sự cuồng nộ của giới trẻ, các cộng đồng, thuyết duy linhⁱ của cuối những thập niên 1960 và 1970 nhắc đến các thời kỳ tương tự trong quá khứ của Mỹ. Một số gợi nhớ tới những phóng viên điều tra, nhà truyền giáo, và người ủng hộ nữ quyền quân sự trong các thập niên 1890 đến 1910. Một số khác, đặt ra thuật ngữ “Người theo thuyết tiên nghiệm mới”, quay về với những xao động thời thanh niên từ thập niên 1830. Năm 1970, khi sử gia Richard Bushman tổng kết cuộc Đại thức tỉnh của thập niên 1740, ông đã so sánh “trận động đất tâm lý” này với “những cuộc biểu tình

i. Nguyên văn: “spiritualism”, là một phong trào tôn giáo dựa trên niềm tin rằng linh hồn của một người vẫn tồn tại sau khi họ đã chết. Linh hồn đó có cả khả năng và thiên hướng giao tiếp với người sống qua giới đồng cốt hoặc một người trung gian, và thế giới bên kia, hay “thế giới linh hồn”, là nơi được các nhà theo thuyết duy linh nhận định rằng các linh hồn vẫn tiếp tục phát triển.

đòi quyền công dân, những cuộc nổi loạn ở trường học, và bạo loạn đô thị của thập niên 1960 cộng lại.”

Mọi biến động trong trường học đã truyền cảm hứng cho một số học giả xuất chúng suy ngẫm về những thời kỳ Thức tỉnh trong lịch sử Mỹ. Nhà xã hội học của Đại học Berkeley là Robert Bellah chỉ ra rằng chúng đều đặn tái sinh “một tập hợp chung các tri thức đạo đức về tốt xấu, đúng sai.” Sử gia của Đại học Brown là William McLoughlin, người vay mượn trực tiếp từ lý thuyết của Wallace, mô tả đó là những thời đại của “sự tái sinh văn hóa” trải rộng “trong khoảng thời gian một thế hệ” và kết thúc bằng “một sự thay đổi sâu sắc những niềm tin và giá trị.” Ông nhận thấy, những thời kỳ Thức tỉnh của Mỹ có một mối quan hệ cộng sinh với những thời kỳ Khủng hoảng của quốc gia: Mỗi thời kỳ Thức tỉnh được nuôi dưỡng bởi sự an toàn và sung túc của trật tự cũ mà nó ăn mòn, và khai sinh ra nền tảng mang tính quy chuẩn mà dựa vào đó trật tự mới tiếp theo được lập nên. McLoughlin xác định năm thời kỳ Thức tỉnh của Mỹ: “Thức tỉnh Thanh giáo” vào thế kỷ 17; “Đại thức tỉnh” vào thế kỷ 18; và các Đại thức tỉnh “Thứ hai,” “Thứ ba,” “Thứ tư” bắt đầu lần lượt vào những thập niên 1820, 1890, 1960.

Trong nhiều năm, những người bảo thủ chính trị phản đối quan điểm cho rằng trạng thái xáo trộn của thập niên 1960 là một hình thức thể hiện tinh thần. Gần đây, nhiều người đã thay đổi ý kiến và tuyên bố coi thập niên 1960 là nền tảng cho sự ra đời của việc tái sinh tôn giáo và chủ nghĩa đạo đức trong thập niên 1990. Những bài viết tán đồng “Đại thức tỉnh Thứ tư” lan truyền trên các phương tiện truyền thông bảo thủ – từ các chuyên mục của George Will đến những bài luận trên tờ *Wall Street Journal*. Các học giả ở những lĩnh vực không liên quan gì tới tôn giáo giờ đây cũng kêu gọi sự chú ý đến mô hình Thức tỉnh định kỳ này. Năm 1995, nhà kinh tế học đoạt giải Nobel là Robert Fogel tuyên bố rằng “để hiểu được xu hướng chính

trị và những sự phát triển kinh tế trong tương lai, ta phải hiểu được các chu kỳ tín ngưỡng trong lịch sử Mỹ và các phong trào cải cách mà chúng sinh ra”. Theo quan sát của ông, từ một thời kỳ Thức tỉnh này đến thời kỳ kế tiếp, “chu kỳ điển hình kéo dài khoảng 100 năm,” và theo ông thì “Đại thức tỉnh Thứ tư” (cái mà “bắt đầu khoảng năm 1960”) đã đi qua giai đoạn thức tỉnh lại lòng mộ đạo nhưng vẫn đang tái định hình quan điểm của công chúng.

Cũng như người Mỹ có lẽ bắt đầu cảm thấy chúng ta đang gần với thời kỳ Khủng hoảng tiếp theo hơn là Khủng hoảng trước đó, các học giả trực cảm rằng chúng ta đang gần với Thức tỉnh vừa qua hơn là Thức tỉnh tiếp theo. Ngày tháng chính xác của các thời kỳ Thức tỉnh của người Mỹ gốc Anh có thể khác nhau, nhưng có lẽ hầu hết các sử gia đều cơ bản đồng ý với các thời đại sau đây.

Thời kỳ *Cải cách Tin Lành* (1517-1542; cao trào 1536) bắt đầu khi Martin Luther đưa ra các luận đề nổi tiếng của ông phê phán học thuyết của Giáo hoàng. Từ đó bắt đầu một phản tư thế kỷ biến động về tôn giáo và xã hội. Ở châu Âu, nó gây ra những cuộc nổi dậy của nông dân, dị giáo cuồng tín, cuộc cướp phá Rome, và sự tan rã của Công giáo trên khắp nước Đức và vùng Scandinavia. Ở Anh, lòng nhiệt thành ngùn ngụt dâng cao cho đến khi Vua Henry VIII chính thức tuyệt giao với Giáo hoàng, gây ra những phong trào cải cách rộng rãi chia rẽ các thành phố với nhà thờ trên khắp vương quốc. Thời kỳ Thức tỉnh đạt đỉnh điểm với việc xuất bản Kinh Thánh của William Tyndale, cuộc nổi dậy Công giáo bị đàn áp, và Nghị viện Anh tịch thu những bất động sản lớn của Giáo hội. Tình hình chỉ lắng xuống khi các nhà cải cách mệt mỏi, nhà cầm quyền trở nên đề phòng, và những cuộc chiến ở nước ngoài thấp lùn ảo tưởng rộng khắp. Thời kỳ Thức tỉnh này biến đổi hoàn toàn Anh từ một bên ủng hộ trung thành của Giáo hội La Mã thành một quốc gia sở hữu tôn giáo và các nguyên tắc xác tín mới được cá nhân hóa của riêng mình.

Thời kỳ *Thức tỉnh Thanh giáo* (1621-1649; cao trào 1640) bắt đầu như một cuộc hồi sinh mạnh mẽ của lòng nhiệt thành Tin Lành cấp tiến khắp châu Âu. Trên lục địa châu Âu, nó bùng cháy tại Bohemia và dẫn tới Chiến tranh Ba mươi năm tàn khốc. Ở Anh, nó sục sôi vào năm 1621 khi Hạ viện ban hành bản Kháng nghị Vĩ đạiⁱ lên án sự cai trị độc đoán và vô đạo của Vua James I. Sau khi con trai của James lên ngôi, nhiệt huyết cải cách có được sự ủng hộ của công chúng nhưng chưa có sự tiến bộ rõ rệt nào. Không nản lòng, John Winthrop dẫn đầu những tín đồ chân chính “lưu giữ tàn dư” tới Mỹ, tạo nên cuộc Đại di cưⁱⁱ đến vùng New England. Nơi quê nhà, sự nhiệt thành Thanh giáo, một cách tất yếu, đã dẫn đến Cách mạng của Cromwell và việc chặt đầu Vua Charles I; ở các thuộc địa, sự phẫn khích lắng xuống khi các cộng đồng Thanh giáo mới củng cố tính chính thống luân lý của họ. Anh bước vào thời kỳ Thức tỉnh này mà vẫn mơ về đế chế và vàng ròng, một giấc mơ khiến không một quốc gia châu Âu nào thiết lập được thuộc địa độc lập ở Tân Thế giới; Anh xuất hiện cùng một giấc mơ mới về Thiên đường cho phép các cấy ghép thuộc địa này tồn tại.

Thời kỳ *Đại thức tỉnh* (1727-1746; cao trào 1741) bắt đầu như một làn sóng của những cuộc phục hưng đức tin đơn lẻ ở Thung lũng Connecticut, đã số được dẫn dắt bởi Jonathan Edwards trẻ tuổi có uy tín. Nó lan tỏa nhanh chóng, đặc biệt ở các thuộc địa miền Bắc và miền Trung, và lên tới đỉnh điểm vào năm 1741 trong chuyến thăm Mỹ đầy kích động của nhà truyền giáo Phúc âm sinh ra tại Anh George Whitefield. Khi “ánh sáng mới” thách thức “ánh sáng cũ,” sự

i. Nguyên văn: “Great Protestation”, hay còn gọi là “Protestation of 1621”, là một tuyên bố của Hạ viện Anh tái khẳng định quyền tự do ngôn luận của họ trước niềm tin của Vua James I rằng họ không có quyền tranh luận về chính sách đối ngoại.

ii. Nguyên văn: “Great Migration”, thuật ngữ thường được dùng để chỉ sự di cư trong thời kỳ từ thập niên 1620 đến 1640 của những người Thanh giáo Anh đến Massachusetts và quần đảo Tây Ấn ở Caribbean và Bắc Đại Tây Dương, đặc biệt là Barbados.

phục hồi đức tin đã chia rẽ các nhóm thực dân và đưa những tín đồ trẻ đầy cảm xúc về đức tin vào cuộc đọ sức với những người già thủ cựu điềm tĩnh trong công việc. Sau các cuộc tụ tập đông người và “những buổi hòa ca của lễ cầu nguyện”ⁱ vào đầu thập niên 1740, nhiệt huyết giảm dần. Trước thời kỳ Thức tỉnh này, nước Mỹ thực dân tôn trọng điều mà người trẻ gọi là “Thời kỳ băng giá tôn giáo” của người già đương thời; Mỹ sau đó đã loại bỏ vĩnh viễn những quan niệm của Cựu Thế giới về sự phân biệt giai cấp và đoàn kết xã hội ra khỏi vùng đất này.

Thời kỳ *Thức tỉnh tiên nghiệm* (1822-1844; cao trào 1831) bắt đầu từ việc rao giảng Phúc âm của Charles Finney, cuộc nổi dậy nô lệ của Denmark Vesey, và một niềm phấn khích lan tràn trước sự cải đạo và chủ nghĩa lý tưởng cấp tiến. Khi kết hợp với chủ nghĩa dân túy của Jackson, nó lên tới đỉnh điểm với cuộc nổi dậy nô lệ bạo lực của Nat Turner, sự hình thành các cộng đồng trẻ theo chủ nghĩa bãi nô và sự nổi lên của các đảng phái chính trị cấp tiến. Sau khi sinh ra trường phái tiên nghiệm về triết học và văn học, điều được một sử gia gọi là “thời cực thịnh của chủ nghĩa bè phái”ⁱⁱ đã hình thành nên phong trào nữ quyền đầu tiên của Mỹ cùng với vô khối thứ mới mẻ về những tôn giáo tiên tri, hội nhóm duy linh, cộng đồng không tưởng, và trào lưu ăn kiêng. Sự phấn khích nhạt dần sau khi sự khải huyền theo dự đoán của những người ủng hộ William Miller thuộc phong trào Phục lâmⁱⁱⁱ đã

i. Nguyên văn: “concerts of prayer”.

ii. Nguyên văn: “sectarianism”, là một kiểu lòng tin mù quáng, sự phân biệt đối xử hoặc lòng thù hận phát sinh từ việc gắn kết các mối quan hệ giữa tầng lớp thấp kém với tầng lớp ưu việt, hay kết nối sự khác biệt giữa các phân khu trong một nhóm như giữa các giáo phái của một tôn giáo, các giai cấp, các khu vực dân cư của một bang, hoặc các phe phái của một phong trào chính trị.

iii. “Adventism”, một nhánh của Ki-tô giáo Tin Lành được bắt đầu ở Mỹ khi nhà truyền giáo William Miller lần đầu tiên chia sẻ công khai niềm tin của mình rằng sự Phục sinh lần thứ hai của Chúa sẽ xảy ra vào một thời điểm nào đó giữa năm 1843 và 1844.

không xuất hiện, và một nền kinh tế hồi sinh tái tập trung vào những lợi ích chung. Mỹ bước vào thời kỳ Thức tỉnh này như một ngôi đền nghiêm trang của chủ nghĩa duy lý theo luật tự nhiên; và xuất hiện sau đó, cưỡi trên cơn sóng động của chủ nghĩa lý tưởng lãng mạn và lòng mộ đạo Phúc âm.

Thời kỳ *Đại tỉnh thức Thứ ba* (1886-1908; cao trào 1896) bắt đầu với Bạo động Haymarket và sự ra đời của phong trào truyền giáo sinh viên toàn cầu. Các vụ biểu tình nông dân và bạo loạn của người lao động đô thị đã tạo nên thập niên 1890 đầy biến động, một thập niên mà Henry Steele Commager gọi là một “bước ngoặt văn hóa” và Richard Hofstadter mô tả như một “trải nghiệm khắc sâu” đối với những người đang ở độ tuổi trưởng thành khi đó. Theo sau là cuộc chạy đua tranh cử tổng thống làm thức tỉnh lại đức tin của Bryan, một người cốt cán trẻ đầy nhiệt huyết dám thách thức những giá trị già nua, khi thiết lập nên việc người lao động giúp đỡ người nghèo, các phóng viên điều tra quét sạch giới cai trị vô đạo, và những người ủng hộ nữ quyền ca ngợi “người phụ nữ mới”. Cùng với sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế từ sau Hoảng loạn năm 1907, trạng thái tinh thần của quốc gia đã ổn định. Nhưng trước khi kết thúc, biến động tinh thần này đã dẫn tới sự hình thành Vành đai Kinh Thánhⁱ và Làng Greenwich, Hiệp hội Quốc gia vì sự Tiến bộ của người Da màu (NAACP) và Công đoàn Công nhân Công nghiệp Thế giới (IWW)ⁱⁱ. Mỹ bước vào thời kỳ Thức tỉnh này với tâm thế của thời đại động cơ hơi nước và áo nịt ngực vào buổi hoàng hôn thời Victoria; và xuất

i. Nguyên văn: “Bible Belt”, một khu vực không chính thức ở miền Nam nước Mỹ, trong đó đạo Tin Lành chính thống có một vai trò vững chắc trong hoàn cảnh chính trị và xã hội, với sự tham dự Thánh lễ tại các nhà thờ của những tín đồ tại các giáo phái thường cao hơn mức trung bình trên toàn quốc gia.

ii. Nguyên văn: “Wobblies”, tên chính thức là “Industrial Workers of the World”, một liên đoàn lao động quốc tế được thành lập năm 1905 tại Chicago, bang Illinois.

hiện sau đó với sự mạnh mẽ cùng thuyết sức sốngⁱ, và chủ nghĩa không tưởng của thế kỷ đang hé rạng.

Cuộc *Cách mạng Nhận thức* (1964-1984; cao trào 1974) bắt đầu với những cuộc bạo loạn đô thị, phong trào Tự do Ngôn luận trong trường học, các cuộc biểu tình chống Chiến tranh Việt Nam đầu tiên, và những tranh cãi gay gắt mới về giáo lý của trật tự thiết chế Mỹ. Theo dòng thời gian thập niên 1960, nhiệt huyết càng dâng cao với hiện tượng Mùa hè Tình yêu và sự trỗi dậy mang tính phản văn hóa của việc sử dụng ma túy và cộng đồng hippie. Sau vụ xả súng tại Đại học bang Kent và thảm sát ở Đại học bang Jacksonⁱⁱ, tâm lý bất đồng chính kiến từ chỗ lừng chừng lên đến đỉnh điểm với vụ Watergate và sự kiện từ chức tổng thống đầu tiên trong lịch sử Mỹ. Suốt thời gian còn lại của thập niên 1970, nhiệt huyết lại hướng vào bên trong – đến phong trào Tiềm năng Con người, cuộc cách mạng về quyền ly dị, một Thời đại Mới về thay đổi lối sống và các giá trị, một sự tự sùng bái mới, và một Tinh thần Thời đại bi quan tột độ mà sau này được gọi là nổi phiền muộn. Nó kết thúc vào đầu thập niên 1980, khi những hippie một thời đến tuổi ôm hoài bão. Bước vào thời kỳ Thức tỉnh, Mỹ vang danh toàn cầu như một quốc gia với những thiết chế có thể xây dựng bất kỳ điều gì, nhưng nền văn hóa lại chẳng hề rõ nét; và xuất hiện sau đó với danh tiếng một thời đã bị đảo ngược.

i. Nguyên văn: “vitalism”, là thuyết cho rằng các sinh vật sống có sự khác biệt cơ bản với các thực thể không sống vì chúng chứa một số yếu tố phi vật lý hoặc bị chi phối bởi các nguyên tắc khác hơn là những thứ vô tri. Thuyết này đặc biệt nhắc đến một yếu tố cơ bản của sự sống, thường được gọi là “energy” (năng lượng) hay “élan vital” (đà sống), tương đương với linh hồn.

ii. Vụ thảm sát xảy ra tại trường Đại học bang Jackson ở Jackson, Mississippi. Tối ngày 14 tháng 5 năm 1970, một nhóm sinh viên người Mỹ gốc Phi tụ tập, gây bạo loạn và đối đầu với cảnh sát của thành phố và bang. Ngay sau nửa đêm, cảnh sát đã nổ súng, giết chết hai sinh viên và làm bị thương 12 người khác. Vụ việc xảy ra chỉ 11 ngày sau vụ xả súng tại bang Kent. (ND)

SAECULUM Ở MỸ

Biểu đồ ở trang 99 cho thấy nhịp điệu của *saeculum* tự nhiên chảy qua lịch sử của người Mỹ gốc Anh. Tổ tiên của Mỹ đã hoàn thành năm *saeculum*. Mỹ ngày nay đã vượt qua thời kỳ Thức tỉnh của *saeculum* thứ sáu.

Hãy chú ý tới cấu trúc dao động con lắc hai thì mạnh mẽ này. Ở độ dài 103, 101, và 92 năm, khoảng thời gian của ba chu kỳ thứ nhất gần như khớp với *saeculum* dân sự (thế kỷ) của người La Mã. Chu kỳ thứ tư và thứ năm, tuy ngắn hơn một chút với 82 và 81 năm, vẫn gần đúng với định nghĩa của Censorinus về một *saeculum* tự nhiên – một đời người. (Chương tiếp theo sẽ gợi ý vì sao *saeculum* lại rút ngắn đôi chút kể từ đầu thế kỷ 19). Trở lại câu hỏi trước đây về chu kỳ toàn cầu của Toynbee: Có phải những năm từ Cách mạng Pháp đến NATO hợp thành *một* hoặc *hai saeculum* toàn cầu? Kinh nghiệm của Mỹ cho thấy các học giả theo thuyết chu kỳ cũng có thể cân nhắc khả năng sau với các xã hội khác.

Nhịp điệu *saeculum* báo trước một cuộc Khủng hoảng Mỹ khác trong 25 năm đầu tiên của thế kỷ 21, cho tới tận khi những đứa trẻ chập chững vào V-J Day (như Newt Gingrich hay Bob Kerrey) đã thành người già. Thời kỳ Khủng hoảng tiếp theo rất có thể sẽ kéo dài từ khoảng giữa thập niên 2000 đến giữa thập niên 2020. Đỉnh điểm của nó sẽ không xảy ra trước năm 2005 hoặc sau năm 2025, xét theo mốc 32 và 52 năm là quãng thời gian ngắn nhất và dài nhất giữa hai thời điểm đỉnh cao bất kỳ trong lịch sử người Mỹ gốc Anh.

Các nhà lý luận về chu kỳ chiến tranh rút ra những kết luận tương tự. Thompson tính toán rằng “thời gian trung bình giữa hai cuộc chiến” là khoảng 80 năm. Từ đó, ông kết luận: “Nếu chúng ta quan sát 80 năm sau khi kết thúc cuộc chiến tranh toàn cầu cuối cùng vào năm 1945, thì có vẻ như năm 2025 là kết quả dự đoán hợp lý về bằng chứng lịch sử này.”

Saeculum của người Mỹ gốc Anh

Saeculum	Thời gian từ đỉnh cao của Khủng hoảng đến đỉnh cao của Thức tỉnh	(năm cao trào) Thức tỉnh (toàn thời kỳ)	Thời gian từ đỉnh cao của Thức tỉnh tới đỉnh cao của Khủng hoảng	(năm cao trào) Khủng hoảng (toàn thời kỳ)	Thời gian từ cao trào Khủng hoảng tới cao trào Khủng hoảng tiếp theo
CUỐI TRUNG CỔ				(1485) Chiến tranh Hoa hồng (1459-1487)	
CẢI CÁCH TIN LÀNH	51 năm	(1536) Cải cách Tin Lành (1517-1542)	52 năm	(1588) Khủng hoảng Armada (1569-1594)	103 năm
TÂN THẾ GIỚI	52 năm	(1640) Thức tỉnh Thanh giáo (1621-1649)	49 năm	(1689) Cách mạng Vinh quang (1675-1704)	101 năm
CÁCH MẠNG	52 năm	(1741) Đại thức tỉnh (1727-1746)	40 năm	(1781) Cách mạng Mỹ (1773-1794)	92 năm
NỘI CHIẾN	50 năm	(1831) Thức tỉnh Tiên nghiệm (1822-1844)	32 năm	(1863) Nội chiến (1860-1865)	82 năm
CƯỜNG QUỐC	33 năm	(1896) Đại thức tỉnh Thứ ba (1886-1908)	48 năm	(1944) Đại khủng hoảng và Thế chiến II (1929-1946)	81 năm
THIÊN NIÊN KỶ	30 năm	(1974) Cách mạng Nhận thức (1964-1984)	51 năm?	(2025?) Khủng hoảng Thiên niên kỷ (2005?-2026?)	81 năm?

Modelski và Ferrar cho rằng năm 2030 có thể sẽ là tâm chấn tiếp theo của một cuộc chiến tranh “tổng lực” hay chiến tranh “toàn cầu”. Một học giả khác theo quan điểm chu kỳ dài, Joshua Goldstein từ Đại học Nam California, đồng tình rằng ông sẽ “đặt nguy cơ cao nhất của một cuộc chiến giữa các cường quốc vào khoảng thập niên 2020.” Những thời điểm này là có tính gợi ý, kể cả khi Khủng hoảng có thể không khủng khiếp như những hình ảnh ngụ ý về trận chiến Armageddonⁱ. Một phần tư cuối cùng của *saeculum* không nhất thiết xảy ra chiến tranh tổng lực, nhưng chắc chắn nó có một điểm gián đoạn quan trọng hay là *ekpyrosis* – cái chết của một trật tự cũ và sự tái sinh của điều gì đó mới mẻ hơn. Mùa đông *saeculum* thật sự là một kỷ nguyên của thử thách và đau khổ, dù không nhất thiết là thảm kịch. Mặc dù có thể dẫn đến sự tàn phá, nhưng nó cũng có thể tạo ra viễn cảnh hiếm thấy, chủ nghĩa anh hùng và một sự nâng cao đột ngột về địa vị con người.

Chúng ta nên an ủi rằng nhịp điệu *saeculum* chỉ là tương đối. Nếu diễn ra chính xác, nó sẽ thể hiện các sự kiện của con người trong miền thời gian vật lý đơn giản và vô trật tự, khi ấy xã hội chúng ta gần như không hơn gì một sao chổi bay theo quỹ đạo hoặc một chiếc máy gõ nhịp đều đều. Thay vào đó, *saeculum* không quá tuyệt đối chính xác đã cho thấy xã hội đang trong miền thời gian tự nhiên phức tạp, có trật tự. Tự nhiên cung cấp vô số ví dụ về miền này: một trái tim đập nhịp, một bông hoa đâm chồi nảy lộc, một con chim sẻ thay lông. Hành động hít thở đơn thuần cũng bao gồm hàng trăm phản ứng sinh lý liên quan đến sinh hóa máu, tín hiệu thần kinh, cân bằng nội tiết tố, và nhiệt độ cơ thể. Không ai có thể xác định hoặc dự đoán thời gian của nó với độ chính xác tuyệt đối. Nhưng mỗi pha hít thở phải

i. Theo lời tiên tri trong Sách Khải Huyền, đây là vị trí tập hợp quân đội cho một cuộc chiến trong giai đoạn cao trào cuối cùng của thế giới dẫn đến tận thế, có thể là một địa điểm cụ thể theo nghĩa đen hoặc có tính tượng trưng. Thuật ngữ này cũng được dùng để chỉ kịch bản tận thế.

tuân theo trình tự hợp lý và đúng thời điểm, nếu không một người sẽ nhanh chóng chết đi.

Cũng tương tự với *saeculum*. Lịch sử chuyển động theo chuỗi thẳng trăm đều đặn nhưng không cố định chính xác. Modelski đã so sánh nghiên cứu về chu kỳ chiến tranh (mà ông gọi là *chronomacropolitics*) với nghiên cứu về chu kỳ tự nhiên (*chronobiology*). Ngay cả khi mùa đông đến sớm hay muộn một chút, vẫn có thể đoán được lá sẽ rơi, chim sẽ di cư, và các dòng suối sẽ đóng băng theo trình tự nào. Bằng cách báo trước một cách chính xác những điều này, con người có thể chuẩn bị cho một mùa khắc nghiệt sắp tới.

Nhưng để đưa ra dự báo đòi hỏi sự hiểu biết. Với thời gian vật lý, không cần biết *vì sao* một chu kỳ tồn tại – chỉ nó là tồn tại mà thôi. Với thời gian tự nhiên, bạn cần có một cảm nhận về nhịp điệu và các hợp phần của chu kỳ. Bạn cần sự tin chắc rằng *saeculum* không phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên lộn xộn. Bạn cũng cần tin rằng *saeculum* không trở nên lỗi thời bởi những cải tiến gần đây như gìn giữ hòa bình đa phương, nhận thức Thời đại Mới, công nghệ kỹ thuật số, hoặc các thị trường toàn cầu.

Để có được sự hiểu biết này, bạn phải nhìn xa hơn sự tính toán thời điểm bên ngoài của *saeculum* và nhìn sâu vào động lực bên trong của nó. Bạn phải quan sát lịch sử từ trong ra ngoài. Chìa khóa nằm ở chỗ đi tìm mối liên hệ giữa các mùa trong lịch sử và các mùa trong một đời người. Nghịch lý thay, lịch sử hiện đại không đập cùng một nhịp do các quốc gia lớn tạo ra với toàn bộ nền kinh tế hùng mạnh của họ, quân đội và các thiết chế của họ, mà theo một nhịp điệu tự nhiên, nhịp điệu của bản thân cuộc sống mà tự nhiên đã ban cho mỗi người.

CHƯƠNG 3

NHỮNG MÙA TRONG CUỘC ĐỜI

“Trường đời đã định,”ⁱ Cicero từng viết lúc gần cuối đời mình. “Tự nhiên chỉ có một con đường duy nhất và con đường đó chỉ được đi qua một lần, và mỗi giai đoạn tồn tại lại có đặc tính phù hợp của nó.” Ở mọi nền văn hóa và thời kỳ, ở mọi giai cấp và sắc tộc, trải nghiệm của tuổi già là mẫu số chung cho thân phận của con người. “Từ quan điểm sinh học,” nhà triết học Trung Hoa Lâm Ngữ Đường nhìn nhận, “đời người gần giống như một bài thơ. Nó có giai điệu và nhịp phách, những chu kỳ nội tại phát triển và suy tàn của nó.”

Người xưa làm cho những giai đoạn của Cicero và giai điệu nhịp phách của Lâm Ngữ Đường dễ hiểu bằng cách mô tả sự lão hóa của con người như một chu kỳ mà tự nhiên và xã hội tách biệt thành bốn phần. Đối với một vài xã hội bản địa Bắc Mỹ, cuộc đời trải qua bốn “ngọn đồi” (thơ ấu, thanh niên, trưởng thành, tuổi già), mỗi ngọn đồi ứng với một cơn gió và một mùa riêng, mỗi ngọn đồi có thách thức, cao trào, và chuyển hóa riêng. Với người Hindu, đó là một hành trình qua bốn *ashramas*, chính là bốn giai đoạn phát triển xã hội và tâm linh. Pythagoras là một trong những nhà tư tưởng phương Tây đầu tiên giải thích cuộc đời như một chu kỳ gồm bốn giai đoạn, mỗi

i. Nguyên văn: “Life’s race course is fixed.”

giai đoạn dài khoảng 20 năm và gắn với một mùa: mùa xuân thơ ấu, mùa hè thanh niên, mùa thu trung niên, và mùa đông tuổi già. Tương tự, người La Mã cũng chia *saeculum* sinh học thành bốn giai đoạn: *pueritia* (thơ ấu), *iuventus* (thanh niên), *virilitas* (trung niên), và *senectus* (lão niên).

Trong thời hiện đại, quy luật mùa tứ phần của vòng đời người vẫn không hề thay đổi trong văn học, triết học, và tâm lý học. Nhà xã hội học Daniel Levinson viết: “Theo phép ẩn dụ, mọi người đều hiểu những mối liên kết giữa các mùa trong năm với các mùa trong đời người”. “Mỗi mùa đều có vị trí cần thiết và có đóng góp riêng cho toàn bộ. Nó là một phần hữu cơ của toàn bộ vòng đời, kết nối và chứa đựng quá khứ lẫn tương lai trong đó.” Tương tự, Carl Jung cũng mô tả, “vòng cung cuộc đời” như là “có thể chia thành bốn phần.”

Chúng ta kết nối vòng đời với các mùa của tự nhiên không chỉ để liên kết quá khứ với tương lai của riêng chúng ta, mà còn để đặt cuộc sống riêng của mỗi cá nhân trong một bối cảnh xã hội rộng lớn hơn. Lịch sử hiện đại cũng có những mùa riêng – mùa mưa, mùa nóng, mùa khô, và mùa lạnh. Bây giờ hãy so sánh những gì sẽ xảy ra giữa một nhóm lớn lên trong mùa mưa và trưởng thành trong mùa lạnh, với một nhóm sinh sau lớn lên trong mùa khô và trưởng thành trong mùa nóng. Vì các mùa trong lịch sử định hình các mùa trong đời người, nên kết quả là có *các thể hệ* khác nhau. Cơ bản hơn, vì các mùa trong lịch sử đến và đi theo một mô hình cố định, nên các thể hệ cũng nối tiếp theo một mô hình cố định – một chu kỳ lặp lại của bốn *nguyên mẫu*. Bắt nguồn từ những nét tính cách cổ xưa và huyền thoại lâu đời, mấy nguyên mẫu này kết nối thời gian cá nhân với thời gian xã hội. Sau khi được các mùa trong lịch sử tôi luyện trong thời trẻ, bốn nguyên mẫu tái tạo các mùa đó, theo chính trật tự này, như những thể hệ kế tiếp nhau trải qua cuộc đời.

HÀNH TRÌNH 80 NĂMⁱ

Ralph Waldo Emerson nhận thấy “Không có lịch sử, chỉ có tiểu sử,” ông là người đã lưu ý rằng phần lớn chúng ta chỉ nhớ được rất ít nội dung về những thời gian và những nơi đã xa, ngoại trừ cách mà từng người đối mặt với các thách thức cá nhân trong cuộc sống. Hầu như mọi người đều bắt đầu một hành trình sống với thời hạn dự kiến giống nhau. Hầu như mọi người đều có thể mong đợi trải qua bốn mùa cuộc đời với nhiều thứ vẫn giống nhau, vì Pythagoras đã xác định được bộ tứ này từ gần ba thiên niên kỷ trước. Vòng đời có bốn mùa trong thời đại Hy Lạp-La Mã, mỗi mùa kéo dài từ 20 đến 25 năm. Và đến nay điều này vẫn đúng.

Tuổi thọ trung bình hiện nay tăng lên nhưng không hề kéo dài các giai đoạn này của cuộc đời. Tuổi thọ tăng lên chủ yếu là nhờ sự giảm mạnh về tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh, trẻ em, và thanh thiếu niên. Đối với nam giới hoặc nữ giới, nếu không bị bệnh tật sớm hoặc dinh dưỡng kém, thì tuổi thọ tự nhiên thay đổi rất ít. Cựu Ước tuyên bố rằng “tuổi của chúng ta” là “70” hoặc “80”. Theo các bảng thống kê bảo hiểm, người Mỹ 50 tuổi điển hình ngày nay vẫn có thể mong đợi sinh nhật lần cuối cùng vào khoảng giữa hai độ tuổi trên. Hơn nữa, một giai đoạn cuộc đời không nhất thiết phải thay đổi chỉ vì nhiều người xung quanh đã hoặc sắp hoàn thành nó. Jung nhận định hợp lý rằng “con người chắc chắn sẽ không thể sống được đến 70 hay 80 tuổi, nếu tuổi thọ này không có ý nghĩa gì đối với loài người.” Ý nghĩa này sẽ không khác nếu 50% chứ không phải 5% tổng số trẻ sinh ra sẽ sống đến 80 tuổi. Tự nhiên mong muốn ít nhất mỗi bộ lạc có một vài người già, nhưng tự nhiên chẳng đặc biệt quan tâm là có bao nhiêu người như thế.

i. Nguyên văn: “fourscore”. “Score” xuất phát từ “skor” trong ngôn ngữ Bắc Âu cổ, có nghĩa là “vết khứa hình chữ V”, “vết khắc chạm”, “dấu đánh” hoặc “sự kiểm đếm” được dùng để đếm tính số lượng cừu (hoặc những vật nuôi sống theo bầy đàn lớn) trên một cây gậy; mỗi 20 con tương ứng một vết khắc.

Điều chủ yếu quyết định độ dài của mỗi giai đoạn cuộc đời không hẳn là xác định độ dài của tuổi thọ thông thường như động lực xã hội và sinh học của sự sống. Trong hơn hai thế kỷ qua, khi tuổi thọ trung bình tăng lên, động lực này đã thật sự thay đổi theo chiều hướng khác. Nó đã thúc đẩy, khiến ba giai đoạn đầu đời ngắn lại chút ít. Điều này đã xảy ra trong khoảng thời gian tương tự, trong đó *saeculum* cũng đã rút ngắn từ một thế kỷ trọn vẹn xuống chỉ còn 80 đến 85 năm.

Theo định nghĩa, mỗi giai đoạn cuộc đời mang đến vai trò xã hội và hình ảnh cá nhân hoàn toàn mới cho những người bước vào giai đoạn đó. Chúng ta kêu gọi vai trò và hình ảnh này mỗi khi chúng ta nói với ai đó “Sống đúng với tuổi của mình.” Các nhà đạo đức học thế kỷ 17 thậm chí còn đưa ra một học thuyết mà họ gọi là *tempestivitas* (đúng lúc) để mô tả cách hành xử lý tưởng theo từng mùa trong đời người. Để nhấn mạnh tầm quan trọng của sự chuyển tiếp giữa các mùa trong cuộc đời, mọi xã hội đều thiết lập những nghi lễ chuyển giao khác nhau, những sự bắt đầu với những nhiệm vụ và đặc quyền mới đi kèm một bản sắc xã hội mới.

Mùa đầu tiên là thời thơ ấu, mùa xuân của cuộc đời, thời gian lớn lên và học tập, lĩnh hội năng lực, chấp nhận bảo vệ, và tiếp thu truyền thống theo yêu cầu của người lớn. Trong lịch sử Mỹ, các hàng rào bảo vệ giữa thời thơ ấu và trưởng thành đôi khi được gia cố (như trong các thập niên 1850, 1920 và hiện nay) và đôi khi bị suy yếu (như trong các thập niên 1890 và 1970). Những cải tiến gần đây trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng và y học nhi khoa đã làm giảm bớt những rủi ro và chấn thương mà trẻ em phải đối mặt một thời, nhưng về cơ bản vẫn chưa thay đổi được vai trò xã hội của trẻ em.

Thời thơ ấu kết thúc bằng nghi lễ chuyển tiếp phổ biến nhất, lễ trưởng thành, được người La Mã gọi là *adulescentia* (theo nghĩa đen là “chín mười” hay “rực sáng”). Nhiều xã hội truyền thống thực hiện nghi lễ cho thời điểm này với một chút thử nghiệm đau đớn, sợ hãi, hay cô

lập, tưởng niệm cái chết của một người như một đứa trẻ và tái sinh như một người trưởng thành. Ở Mỹ đương thời, sự chuyển tiếp này kéo dài thành một chuỗi sự kiện, mỗi sự kiện lại có mức độ phù hợp từ vị thành niên đến tuổi trưởng thành (bar mitzvahⁱ, sự xác nhận, giấy phép lái xe đầu tiên, công việc đầu tiên, lá phiếu đầu tiên, tốt nghiệp trung học và đại học, tách ra ở riêng, đi nghĩa vụ quân sự). Giai đoạn trưởng thành này cũng là khi vị thành niên học cách thay thế sự chấp thuận của cha mẹ bằng sự chấp thuận của bạn bè – một sự thay thế giúp tạo ra một bản sắc thế hệ. Học giả về vòng đời John Schowalter của Đại học Yale ghi nhận: “Con đường từ trẻ con thành người lớn của mỗi người đều phải đi qua một cây cầu của bạn bè đồng trang lứa”. Mặc dù tuổi *adulescentia* dao động theo tiến trình của lịch sử Mỹ, nhưng xu hướng chung của nó là giảm dần. Trong hai thế kỷ qua, tuổi vị thành niên sinh học (kinh nguyệt lần đầu tiên ở nữ giới và dậy thì ở nam giới) đã giảm khoảng 3 tuổi. Độ tuổi thông thường mà thanh niên bắt đầu đi bỏ phiếu, ký hợp đồng, vay nợ, và gia nhập nền kinh tế thị trường cũng giảm tương ứng.

Bên kia cây cầu của tuổi dậy thì này là thời thanh niên, mùa hè của cuộc đời. Đây là độ tuổi để biến những ước mơ và ý tưởng thành các dự án và kế hoạch, để khởi nghiệp và lập gia đình, để đi lính, để phụng sự xã hội bằng sức lực và nghị lực. Levinson mô tả đây là một mùa vòng đời “bắt kịp những rắc rối và xung đột cảm xúc của thời thơ ấu” nhưng “phải vất vả đối phó với những yêu cầu của gia đình, công việc và cộng đồng.” Trong một số thời kỳ (các thập niên 1880 và 1950), thanh niên bước vào sự nghiệp và hôn nhân khá thông suốt và nhanh chóng; những thời kỳ khác (các thập niên 1920 và 1990), quá trình này lại khó khăn hơn và dài hơn. Độ tuổi kết hôn trung bình và tách ra ở riêng hiện nay tương đối cao – trong khi đó độ tuổi kết hôn và

i. Nghi lễ choàng khăn, nghi lễ của người Do Thái dành cho các bé trai khi bắt đầu bước sang tuổi 13. (ND)

khởi nghiệp vào cuối thập niên 1950 là trẻ nhất trong lịch sử Mỹ. Qua thời gian dài, ngưỡng bắt đầu của giai đoạn này đã rút ngắn phần nào. Chẳng hạn trong suốt thế kỷ 19, độ tuổi trung bình của sinh viên đại học và lính là 20. Vào cuối thập niên 1960, độ tuổi trung bình của sinh viên đại học và lính tham chiến (tại Việt Nam) đều dưới 20 cho cả hai trường hợp – độ tuổi trẻ nhất trong lịch sử Mỹ.

Tiếp đến là thời trung niên, mùa thu hoạch lớn, được Henry Adams gọi là “Mùa hè Ấn Độ của cuộc đời... một chút nắng và một chút buồn, giống như mùa này”. Thomas Hardy coi thời trung niên là “trung tâm của cuộc đời bạn, chứ không phải là một thời điểm ở bên rìa cuộc đời”. Đó là giai đoạn “thống trị” theo Ortega y Gasset, một độ tuổi khẳng định lối sống, thực hiện những ý tưởng và ước mơ, hiện thực hóa các dự án và kế hoạch, cố vấn cho thanh niên, thiết lập các tiêu chuẩn cho trẻ em – và như Levinson lưu ý, “nắm giữ lấy quyền lực.” Đây cũng là lúc các cá nhân nhận ra rằng thế hệ của họ không tiếp tục lớn lên nữa. Cảm thấy những dấu hiệu đầu tiên của sự lão hóa cơ thể, họ nhận ra nhịp sinh học của mình bắt đầu thay đổi. Tuổi trung niên, theo Carl Jung, chính là giai đoạn của “sự cá nhân hóa”, là quãng thời gian khi “các giá trị và kể cả cơ thể của con người có xu hướng thay đổi sang hướng đối lập”.

Thời trung niên bắt đầu lúc nào? Theo nhiều chuyên gia (Browne, Ortega, Jung, Levinson), nó bắt đầu vào khoảng từ 40 đến 45 tuổi. Aristotile viết rằng một người đạt đỉnh cao thể chất ở tuổi 35, đỉnh cao trí tuệ ở tuổi 49; trung bình ở tuổi 42. Trong hai thế kỷ qua, độ tuổi người Mỹ bước vào giai đoạn trung niên đã giảm dần. Trước Nội chiến, Tổng thống Mỹ mới đắc cử ở độ tuổi trung bình 58; sau đó, độ tuổi này giảm xuống 54. Tổng thống trẻ nhất trong thế kỷ 19 (Ulysses Grant) nhậm chức lúc 46 tuổi. Đến thế kỷ 20, ba Tổng thống (Theodore Roosevelt, John Kennedy, Bill Clinton) đều nhậm chức trong độ tuổi từ 42 đến 46. Các thay đổi lớn xảy ra khi vai trò lãnh đạo được những người mới bước vào độ tuổi 40 đảm nhận: Đầu thập niên 1960, họ có

ảnh hưởng hiếm thấy trong chính trị, còn ngày nay họ có nhiều ảnh hưởng hơn về văn hóa.

Đối với hầu hết mọi người, cuộc đời kết thúc vào thời lão niên, mùa đông của cuộc đời, là thời gian để thư nhàn và suy ngẫm, giã từ các nhiệm vụ mệt mỏi trong sự nghiệp và gia đình, trao lại trọng trách cho lực lượng trẻ hơn. Ogden Nash có bài thơ, “Bắt đầu lão hóa / Hết tuổi trung niên / Con cháu bây giờ / Đông hơn bằng hữu.” Song đây cũng là thời gian thiết lập các tiêu chuẩn, truyền đạt lại trí tuệ, phát huy năng lực, và tận dụng những vị trí lãnh đạo cao nhất trong xã hội. Thoát khỏi những gánh nặng mệt mỏi của công việc và gia đình, nhiều người lớn tuổi có thể lui về hậu thuẫn và đóng góp trí tuệ về chiến lược mà xã hội nào cũng cần. Ý tưởng này vẫn hiện diện trong từ *senate* của chúng ta, bắt nguồn từ *senatus*ⁱ trong tiếng La Mã cổ đại với ý nghĩa ban đầu là “một hội đồng người lớn tuổi”.

Ngày nay, tỉ lệ người Mỹ còn sống đến độ tuổi 70 và 80 cao hơn, nhưng các nghi lễ quan trọng đánh dấu sự khởi đầu của tuổi già hiện giờ lại đến sớm hơn hồi quá khứ. Một thế kỷ trước, *nghỉ hưu* có nghĩa là không còn đủ sức làm việc; bây giờ, nó gợi nên một hình ảnh hoạt động tích cực. 50 năm trước đây, gần hai phần ba nam giới độ tuổi 65-69 vẫn đi làm, hiện giờ chỉ còn một phần tư tìm kiếm việc làm. Vai trò xã hội của người lớn tuổi thường thay đổi giữa các thời đại. Từ thập niên 1960 đến thập niên 1990, ảnh hưởng của người lớn tuổi trong chính trị đã tăng lên, nhưng ảnh hưởng của họ trong lĩnh vực văn hóa lại giảm đi tương ứng.

Giống như các mùa, bốn giai đoạn của cuộc đời hòa trộn vào nhau, theo một nhịp điệu cho phép biến đổi. Độ dài của một mùa được xác định bằng quãng thời gian từ điểm chí đến điểm phân, còn độ dài

i. Còn được hiểu là Viện nguyên lão. (NID)

của mỗi giai đoạn trong vòng đời được xác định bằng quãng thời gian từ khi sinh ra đến tuổi vị thành niên bước vào tuổi trưởng thành. Trong xã hội Mỹ ngày nay, sự trưởng thành được ghi nhận lúc 21 tuổi, thời điểm tốt nghiệp đại học và khởi nghiệp. Từ đó trở đi, một người sẽ được coi là người trưởng thành hoàn toàn độc lập. Độ dài của giai đoạn đầu tiên trong đời cũng cố định độ dài của các giai đoạn khác trong đời. Khi lứa trẻ em đến độ tuổi trưởng thành, *chỉ duy nhất lứa này* mới hình thành nên lứa thanh niên của xã hội đó, đẩy lứa nhiều tuổi hơn trước đó vào vai trò xã hội của tuổi trung niên. Ngày nay, điều này xảy ra khi lứa nhiều tuổi hơn đạt tới độ tuổi 42, cũng là độ tuổi tối thiểu của tổng thống được chấp nhận trong lịch sử Mỹ (dù Hiến pháp không quy định). Và đến lượt nhóm bước vào thời trung niên đẩy nhóm khác vào vai trò của người lớn tuổi, mà hiện bắt đầu từ khoảng 63 tuổi, ngày nay đây là độ tuổi trung bình được nhận khoản trợ cấp tuổi già đầu tiên từ chính phủ.

Do tỉ lệ người có thể sống ở thời lão niên tăng mạnh trong 50 năm qua, nên có lẽ cần xác định thêm một giai đoạn mới của cuộc đời: *thời lão niên muộn* (84 tuổi trở lên). Vai trò xã hội của người ở thời lão niên muộn chủ yếu là phụ thuộc, tiếp nhận sự an ủi từ người khác. Ngoài việc tiêu thụ tài nguyên, số ít người Mỹ lớn tuổi nhất hiện nay đang làm thay đổi các động lực của bốn giai đoạn trong vòng đời. Nếu số người ở thời lão niên muộn tiếp tục gia tăng, và nếu họ đã từng khẳng định vai trò xã hội tích cực, thì có thể ảnh hưởng của họ lên *saeculum* (và lịch sử) là đáng kể.

Các giai đoạn và vai trò xã hội trong vòng đời hiện đại của Mỹ có thể được tóm tắt như sau:

- **Thời thơ ấu** (*pueritia*, 0-20 tuổi); vai trò xã hội: lớn lên (tiếp nhận sự nuôi dưỡng, tiếp thu các giá trị).

- **Thời thanh niên** (*iuventus*, 21-41 tuổi); vai trò xã hội: sống đầy sinh lực (phục vụ cho các tổ chức, thử nghiệm các giá trị).
- **Thời trung niên** (*virilitas*, 42-62 tuổi) vai trò xã hội: nắm quyền (quản lý các tổ chức, áp dụng các giá trị).
- **Thời lão niên** (*senectus*, 63-83 tuổi); vai trò xã hội: lãnh đạo (lãnh đạo các tổ chức, chuyển giao các giá trị).
- **Thời lão niên muộn** (từ 84 tuổi); vai trò xã hội: phụ thuộc (tiếp nhận sự an ủi từ các tổ chức, ghi nhớ các giá trị).

Bốn giai đoạn đầu tiên (từ thời thơ ấu đến tuổi già) tạo thành bốn giai đoạn trong vòng đời con người. Tổng độ dài của bốn chu kỳ này khoảng 84 năm, phù hợp với khoảng thời gian *saeculum* Mỹ hứa hẹn trở lại với Cách mạng.

CÁC THỂ HỆ VÀ LỊCH SỬ

Quy luật mùa của vòng đời chính là thứ có thể tạo ra các thể hệ. Để hình dung ra điều này, hãy tưởng tượng một xã hội truyền thống, trong đó cả bốn giai đoạn cuộc đời được định nghĩa rõ ràng và quy định nghiêm ngặt. Mỗi nhóm vừa bước vào một giai đoạn mới của cuộc đời đều cố gắng thực hiện vai trò xã hội của mình – lớn lên, sống đầy sinh khí, nắm quyền, và lãnh đạo – đúng như nhóm trước đó vừa thực hiện. Không có thể hệ nào đáng nói đến. Không có kịch bản vòng đời nào độc đáo, và không có quỹ đạo sinh học nào sáng tạo.

Giờ hãy tưởng tượng là xã hội đột nhiên xảy ra một Sự kiện Lớn (theo như Karl Mannheim gọi là một “thời điểm kết tinh”), kiểu tình trạng khẩn cấp nào đó khiến hậu quả xã hội đầy rẫy, làm biến đổi mọi thành viên của xã hội nhưng theo các cách khác nhau phụ thuộc vào những phản ứng trong giai đoạn cuộc đời của họ.

Đối với trẻ em, phản ứng này có thể cho thấy một sự kính trọng đầy sợ hãi trước người lớn tuổi (và tránh xa họ); đối với thanh niên,

cầm vũ khí và liều chết với kẻ thù; đối với trung niên, tổ chức quân đội, chỉ đạo hậu phương, và huy động xã hội nỗ lực tối đa; đối với người lớn tuổi, thiết lập chiến lược và làm rõ mục đích lớn hơn. Áp lực của Sự kiện Lớn để lại dấu ấn cảm xúc khác nhau theo từng vai trò xã hội được kêu gọi đảm nhiệm – những khác biệt lại được củng cố qua tương tác xã hội trong mỗi nhóm. Trẻ em phản chiếu nỗi sợ hãi của nhau, thanh niên phản chiếu lòng dũng cảm của nhau, trung niên phản chiếu năng lực của nhau, và người già phản chiếu sự thông thái của nhau.

Nếu Sự kiện Lớn được giải quyết thành công, nó sẽ lưu truyền lại dấu ấn trong ký ức con người ở các giai đoạn cuộc đời một vị trí duy nhất trong lịch sử – và một cá tính thế hệ. Đặc biệt, nó ghi dấu thanh niên như những anh hùng tập thể, mà sau này sẽ có vô số huyền thoại vĩ đại xoay quanh họ. Khi thế hệ anh hùng này đến độ tuổi trung niên, các nhà lãnh đạo của thế hệ này thể hiện sự kiêu căng lớn hơn thế hệ trước đó. Khi về già, họ lại có thêm nhu cầu được công chúng tán thưởng. Trong khi đó, thế hệ nối tiếp họ – những đứa trẻ run rẩy trong Sự kiện Lớn – mang một tính cách khiêm nhường hơn khi bước vào các giai đoạn sau của vòng đời, vai trò xã hội của chúng vì thế cũng thay đổi theo cho phù hợp. Các thế hệ sinh ra ngay sau Sự kiện Lớn có khả năng sẽ được nhìn qua những sắc màu hy vọng như những đứa trẻ thời đại vàng son và chiến thắng đã thu được là dành cho chúng. Và Sự kiện Lớn vẫn tiếp tục gây tiếng vang theo thời gian, lần lượt thế hệ này có thể đánh giá các thế hệ sau cho dù họ có đánh giá theo tiêu chuẩn riêng của mình hay không.

Để làm cho minh họa này gần gũi và cụ thể hơn, người Mỹ ngày nay chỉ cần nhớ lại Thế chiến II với những ảnh hưởng sâu sắc đến mọi thế hệ mà nó chạm tới. Hãy nhìn vào bảng ở trang 112.

Những thế hệ người Mỹ và Thế chiến II

Thế hệ	Năm sinh	Thành viên mẫu	Mối liên quan của thế hệ với Thế chiến II
CẤP TIẾN	1843-1859	Woodrow Wilson	Những người lớn tuổi trước chiến tranh (những người theo chủ nghĩa đa phương không thành công)
SỨ MỆNH	1860-1882	Franklin Roosevelt	Những nhà lãnh đạo lớn tuổi: có tầm nhìn mang tính nguyên tắc
LẠC LÔNG	1883-1900	Dwight Eisenhower	Những tướng lĩnh trung niên: nhà quản lý thực dụng
VĨ ĐẠI NHẤT	1901-1924	John Kennedy	Những người lính thanh niên: anh hùng luôn sẵn sàng hành động
IM LẶNG	1925-1942	Michael Dukakis	Những đứa trẻ được che chở: người bạn đời đáng kính
BÙNG NỔ	1943-1960	Bill Clinton	Những đứa trẻ sau chiến tranh (đứa trẻ chiến thắng)
THỨ 13	1961-1981	Tom Cruise	Những đứa trẻ sau chiến tranh (biểu tượng của đạo đức công dân đã mất)
THIÊN NIÊN KỶ	1982-2002 (?)	Lửa 2000	Những đứa trẻ sau chiến tranh (mối liên hệ cá nhân cuối cùng)

Thế chiến II đã để lại một ấn tượng lớn đối với vai trò xã hội của mọi người sống vào thời điểm đó. Nó hun đúc người lớn tuổi thuộc Thế hệ Sứ mệnh thành những người có tầm nhìn xa nhất, những tên tuổi đương thời như Henry Stimson, George Marshall, Douglas MacArthur, và Albert Einstein gắn liền với danh hiệu “những người già thông thái” của thời đại, và trong ký ức của người Mỹ, họ hoàn toàn khác với Thế hệ Cấp tiến trước đó. Cuộc chiến giúp Thế hệ Lạc lõng đang ở tuổi trung niên có một việc lớn để hoàn thành, nổi bật là những kỳ tích dũng cảm của một George Patton hay một Harry Truman và làm bén rễ một nhóm đồng đảng trước đó đã từng sống chậm rãi để ổn định cuộc sống. Chiến thắng cho phép thanh niên Thế hệ Vĩ đại nhất có quyền ngạo mạn như những kẻ chinh phục thế giới, gia tăng danh

tiếng để “không yêu cầu” đạo đức công dân và sự chung sức của Đại xã hội, để sau đó thế hệ này có được nhiệm kỳ tổng thống dài nhất trong lịch sử Mỹ. Chiến tranh nuôi dưỡng sự thận trọng và nhạy cảm ở trẻ em Thế hệ Im lặng, cho chúng khoác lên một cá tính mà đã sinh ra mối bận tâm suốt đời gắn với quy trình, công bằng, và thể hiện khéo léo.

Thế chiến II có tác động mạnh mẽ đến xã hội tới mức nó xác định nhiều ranh giới thế hệ. Thế hệ Vĩ đại nhất bao gồm gần như tất cả những người chứng kiến cuộc chiến này. Ngược lại, Thế hệ Lạc lõng bao gồm những người đủ tư cách tham chiến trong Thế chiến *trước đó*, và Thế hệ Im lặng là những người nhớ tới chiến tranh với tư cách cá nhân và thậm chí có thể sẵn sàng nhập ngũ nhưng phần lớn là bỏ lỡ hành động tham chiến. Những người đầu tiên thuộc Thế hệ Bùng nổ sinh vào năm 1943, trong đó có “những đứa trẻ chiến thắng” đầu tiên, chúng được nuôi dạy từ đầu với sự lạc quan lớn lao và còn quá nhỏ để nhớ được sự vắng mặt của người cha trong thời chiến.

Trong số các thế hệ sinh ra sau đó, ký ức biểu tượng về cuộc chiến sử thi tiếp tục vang dội, nhưng tiếng vang đã giảm bớt phần nào. Thế hệ Vĩ đại nhất về hưu khi Thế hệ Thứ 13 đến tuổi trưởng thành mà không có anh hùng nào, và bị người lớn phê bình vì đã quên mất cảm giác thời chiến của cộng đồng. Những đứa trẻ Thiên niên kỷ ngày nay sẽ là thế hệ cuối cùng có nhiều liên hệ cá nhân với G.I. Joeⁱ và Rosie Thợ tán đinhⁱⁱ, mà những giá trị công dân cũ của họ hiện đang được các gia

i. Thuật ngữ để chỉ lính bộ binh và phi công Mỹ trong giai đoạn Thế chiến II, bắt đầu được phổ biến rộng rãi từ năm 1942 đến 1945 khi Tướng cấp cao chỉ huy Quân đội Mỹ Dwight D. Eisenhower lúc đó phát biểu rằng “nhân vật anh hùng thực sự của cuộc chiến này [là] G.I. Joe và những người đồng cấp của họ trên không, hải quân và đội thương thuyền của mỗi quốc gia trong Khối Đồng Minh của Thế chiến II”.

ii. Nguyên văn: “Rosie the Riveter”, một biểu tượng văn hóa của Thế chiến II, đại diện cho những người phụ nữ làm việc trong các nhà máy và xưởng đóng tàu trong Thế chiến II, nhiều người đã sản xuất đạn dược và vật tư chiến tranh.

đình, trường học, nhà thờ và phương tiện truyền thông đại chúng nhấn mạnh lại. Vào thời điểm thế hệ tiếp theo xuất hiện, Thế chiến II sẽ chỉ là lịch sử thuần túy, cách xa cuộc sống của họ giống như Nội chiến đối với đứa trẻ của Thế hệ Im lặng.

Điều gì xảy ra khi Sự kiện Lớn và những tiếng vang của nó phai mờ theo dòng chảy thời gian? Trong một xã hội truyền thống, không có gì xảy ra. Không có thêm Sự kiện Lớn nào, những thế hệ dần biến mất. 21 năm sau đó, chỉ có ba thế hệ khác nhau được hình thành nhờ sự kiện này còn tồn tại. Sau 42 năm, chỉ còn hai thế hệ; sau 63 năm, chỉ có những người hồi đó còn là trẻ con mới có thể nhớ về nó; và sau 84 năm, chỉ còn một vài tiếng nói khàn khàn còn sót lại để kể lại ký ức cá nhân về những vinh quang trong quá khứ. Sau đó, quán tính xã hội sẽ hích nhẹ con người ở mọi lứa tuổi quay lại vòng đời của thế hệ trước đó. Trong vô số áng sử thi cổ đại, đây là nơi mà bức màn thời gian rủ xuống, đặt dấu chấm hết cho trường thiên tiểu thuyết về chiến công.

Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, những Sự kiện Lớn mới vẫn tiếp tục xảy ra vô cùng đều đặn. Đây là các điểm chí của *saeculum*: Khủng hoảng và Thức tỉnh. Qua năm thế kỷ trong lịch sử của người Mỹ gốc Anh, không có khoảng thời gian nào kéo dài hơn 50 năm (khoảng thời gian bằng hai giai đoạn cuộc đời) từng trôi qua mà không có sự xuất hiện của một thời kỳ Khủng hoảng hoặc Thức tỉnh. Do đó, mỗi thế hệ đều đã và đang được định hình bằng một thời kỳ Khủng hoảng hay Thức tỉnh ở một trong hai giai đoạn đầu tiên của cuộc đời, và gặp cả Khủng hoảng lẫn Thức tỉnh vào một số thời điểm trong suốt vòng đời của mình.

Biểu đồ ở trang 115 cho thấy rõ ràng trường hợp xảy ra với Mỹ trong thế kỷ 20 ra sao.

Các thể hệ gần đây và vị trí của họ trong lịch sử

THỜI ĐẠI	1908-1929	1929-1946	1946-1964	1964-1984	1984-?
	(Khủng hoảng)				(Thức tỉnh)
CÁC SỰ KIẾN CHÍNH	Bốn Tự do ⁱ Thế chiến I Thời kỳ cấm rượu Phiên tòa Scopes ⁱⁱ	Sụp đổ thị trường chứng khoán năm 1929 Chính sách Kinh tế Mới Trần Châu cang Cuộc đổ bộ Normandy (D-Day) ⁱⁱⁱ	McCarthy Phân biệt chủng tộc ở Levittown <i>Xã hội thịnh vượng</i> Khủng hoảng Little Rock ^{iv}	Vụ xả súng Đại học bang Kent Liên hoan nghệ thuật Woodstock Vụ Watergate Sự nổi dậy chống chính sách thuế của Dự luật 13	Perestroika ^v Nợ công Chiến tranh Văn hóa Vụ án giết người O. J. Simpson
BƯỚC VÀO THỜI LÃO NIÊN (63-83 TUỔI)	Cấp tiến Woodrow Wilson John Dewey	Sứ mệnh Franklin Roosevelt Douglas MacArthur	Lạc lỏng Dwight Eisenhower Norman Rockwell	Vĩ đại nhất Lyndon Johnson Ronald Reagan	Im lặng Colin Powell Mario Cuomo
BƯỚC VÀO THỜI TRUNG NIÊN (42-62 TUỔI)	Sứ mệnh Herbert Hoover Andrew Volstead	Lạc lỏng George Patton Humphrey Bogart	Vĩ đại nhất John Kennedy Walt Disney	Im lặng Gloria Steinem Woody Allen	Bùng nổ William Bennett Candice Bergen
BƯỚC VÀO THỜI THANH NIÊN (21-41 TUỔI)	Lạc lỏng Al Capone F. Scott Fitzgerald	Vĩ đại nhất Robert Oppenheimer Jimmy Stewart	Im lặng Martin L. King Jr. Elvis Presley	Bùng nổ Angela Davis Jim Morrison	Thứ 13 Mary Lou Retton Kurt Cobain
BƯỚC VÀO THỜI THO ẤU (0-20 TUỔI)	Vĩ đại nhất Jackie Cooper Tiểu thuyết <i>Pollyanna</i>	Im lặng Shirley Temple Loạt phim hài ngắn <i>Our Gang - The Little Rascals</i>	Bùng nổ Jerry Mathers Những đứa trẻ được nuôi dạy theo cuốn sách của bác sĩ Benjamin Spock	Thứ 13 Tatum O'Neal Loạt phim kinh dị <i>Rosemary's Baby</i>	Thiên niên kỷ Jessica McClure Video và chương trình thiếu nhi <i>Barney and the Backyard Gang</i>

i. Nguyên văn: “Four Freedoms”, là bốn mục tiêu được Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt nhấn mạnh trong cuộc thuyết trình trước Nghị viện Mỹ ngày 6 tháng 1 năm 1941: Tự do ngôn luận, Tự do tín ngưỡng, Tự do thoát khỏi nghèo khổ, Tự do khỏi nỗi khiếp sợ. (ND)

ii. Nguyên văn: “Scopes Trials”, phiên tòa xét xử John Scopes, một giáo viên trung học bang Tennessee, vì đã dạy thuyết tiến hóa trái với luật của bang. Được tổ chức vào năm 1925, Scopes đã bị kết án nhưng chỉ bị phạt tiền, nên kết quả được xem như một chiến thắng cho bên bị. Vào thời đó, nhiều người coi phiên tòa Scopes là một dấu hiệu cho thấy sự xung đột sâu sắc giữa khoa học và tôn giáo. (ND)

iii. Cuộc hành quân đổ bộ ngày 6 tháng 6 năm 1944 trong cuộc xâm lược của quân Đồng minh vào Normandy trong Chiến dịch Overlord trong Thế chiến II.

iv. chín sinh viên người Mỹ gốc Phi đã được nhập học tại trường Little Rock Central sau khi Tòa án Tối cao Mỹ ra phán quyết lịch sử tuyên bố việc chính quyền bang Arkansas chia các trường học theo màu da là trái với Hiến pháp. Sau phán quyết này, người da màu đã được chấp nhận học tại các trường mà trước đó chỉ toàn sinh viên da trắng. (ND)

v. Perestroika (tiếng Nga: Перестройка, nghĩa là “cải tổ”), một chính sách cải tổ chính trị và kinh tế được Liên Xô tiến hành từ năm 1986 đến 1991. (ND)

Từ đỉnh cao của Thế chiến II, hãy chuyển sự chú ý của bạn tới khoảng 40 năm sau đó, vào thời điểm kết thúc Sự kiện Lớn tiếp theo của *saeculum*, Cách mạng Nhận thức sau chiến tranh. Từ đầu thập niên 1940 đến đầu thập niên 1980, mỗi thế hệ đã già thêm hai giai đoạn cuộc đời. Hai thế hệ (Lạc lõng và Sứ mệnh) trước đó vốn tích cực, giờ đây đã rời khỏi chính trường, và hai thế hệ mới (Bùng nổ và Thứ 13) trước đó chưa sinh ra, giờ đã xuất hiện.

Thời kỳ Thức tỉnh này – nổi ám ảnh toàn xã hội đối với việc phá vỡ các quy tắc, tôn vinh tinh thần, bỏ rơi kỷ cương xã hội – một lần nữa định nghĩa lại các thế hệ, nhưng theo những cách hoàn toàn không giống như thời kỳ Khủng hoảng trước đó. Quay trở lại Thế chiến II, người 65 tuổi thời đó là nhà đạo đức nhìn xa trông rộng; hiện nay, trong Cách mạng Nhận thức, họ là những người bảo vệ một sự thiết lập duy lý. Trước đây, người 45 tuổi là người theo chủ nghĩa thực dụng ở tuổi trung niên với đồng lương chết đói và phải lao động cực nhọc; hiện nay, họ là hoa tiêu nhạy cảm của “hành trình” tuổi trung niên. Trước đây, người 25 tuổi là người lính mặc đồng phục; hiện nay, họ là người yêu bản thân nhưng thích thuyết giáo. Còn trẻ em? Đã không còn “người hay ra vẻ đạo đức” che chở; ở vị trí của mình, họ là đứa trẻ tự xoay xở tìm cách trưởng thành.

Cứ khoảng 40 năm, cá tính của từng giai đoạn trong đời trở nên gần như trái ngược với những gì từng được thế hệ trước đó đã đi qua nó thiết lập. Trở lại giai đoạn đầu thời hiện đại, nhịp điệu này lại diễn ra. Trẻ em người Anh sinh ra trong những năm đầu tiên dưới triều đại Nữ hoàng Elizabeth I đã đến tuổi trưởng thành như những nhà xây dựng đế chế đầy tham vọng. Trẻ em sinh ra trong những năm

i. Nguyên văn: “goody two-shoes”, cụm từ xuất phát từ tác phẩm văn học thiếu nhi *The History of Little Goody Two-Shoes* được xuất bản bởi John Newbery ở London năm 1765.

cuối cùng của triều đại này đến tuổi trưởng thành bị ám ảnh với sự linh thiêng. Hai thế hệ sau đó, thanh niên Mỹ thời Cách mạng Vinh quang thích làm việc theo nhóm hơn là thay đổi tôn giáo; thanh niên thời kỳ Đại thức tỉnh lại thích những điều trái ngược. Trong thời kỳ Thức tỉnh Tiên nghiệm, thanh niên đã cố gắng dập lửa cho những đam mê của tuổi già; trong thời kỳ Khủng hoảng Nội chiến, thanh niên lại dập tắt ngọn lửa của những bậc lão niên. Không đúng khi một số người cho rằng hầu hết các thế hệ trẻ đến tuổi trưởng thành đều có thái độ (với cuộc sống, chính trị, văn hóa) tương tự như người lớn tuổi khi còn trẻ. Khi trở lại 500 năm trước, điều này chưa bao giờ xảy ra.

Sự lão hóa thế hệ biến nhịp điệu của quá khứ thành nhịp điệu của tương lai. Nó giải thích tại sao mỗi thế hệ không chỉ được lịch sử *định hình* mà sau đó còn *định hình* lịch sử. Nó kiểm soát tốc độ thay đổi xã hội. Nó kết nối cuộc sống giữa sự gắn bó mật thiết về tiểu sử với lịch sử trong sự vĩ đại của xã hội hoặc chính trị. Theo tất cả những cách này, thế hệ nằm ở gốc rễ của *saeculum*.

Nếu kết nối giữa các thế hệ và lịch sử mạnh mẽ như vậy, thì tại sao con người chưa từng biết về nó? Họ biết đấy. Song trong thế giới cổ đại, kết nối bị mờ đi do một sự nhầm lẫn giữa dòng dõi gia đình với các nhóm đồng đẳng. Và trong thời hiện đại, những người ủng hộ sự tiến bộ đã phải miễn cưỡng thừa nhận một sự tác động lực nhịp nhàng sẽ làm suy yếu kế hoạch của họ.

Vào buổi bình minh của lịch sử được ghi chép lại, *thế hệ* (chứ không phải là ngày hay tháng hay năm) là tiêu chuẩn phổ quát của thời gian xã hội. Khi đưa những huyền thoại của thời tiền sử Aegea vào thơ, các nhà thơ Hy Lạp hồi đầu đã sử dụng những thế hệ tuần tự để đánh dấu sự xuất hiện kế tiếp của Gaea, Uranus, Cronus, và Zeus. Philo, khi viết về huyền thoại ra đời của Phoenicia, đã bắt đầu

câu chuyện của mình với Genos, nam thần đầu tiên cầm quyền. Cựu Ước bắt đầu với Genesis, cách vũ trụ được sinh ra, và đo thời gian vĩnh hằng bằng một chuỗi thế hệ, thế hệ này sinh ra và nuôi dưỡng thế hệ tiếp theo. Đồng hồ thế hệ tương tự cũng xuất hiện trong các huyền thoại và truyền thuyết của người Ai Cập, Babylon, Ba Tư, Celts, Teuton, Slav, và Hindu.

Các xã hội cổ đại thường mập mờ về những gì họ hàm ý trong từ ngữ. Từ *gen-* trong gốc Ấn-Âu chỉ có nghĩa cụ thể là “đến hoặc sinh ra” hoặc (như một danh từ) bất kỳ thực thể mới nào “được sinh ra.” Áp dụng cho con người, khái niệm rộng này có thể chiếm lấy những nghĩa khác. Một nghĩa là *thế hệ gia đình*: tất cả những người cùng một cha hay mẹ sinh học sinh ra. Các thế hệ trong gia đình được định ra khi dòng dõi là vấn đề đang được tranh luận, như khi Herodotus nói về “345 thế hệ” của các tu sĩ Ai Cập hoặc bằng những thuật ngữ kiểu như người thừa kế “thế hệ thứ tư.” Một nghĩa khác là *thế hệ xã hội*: tất cả những người mà tự nhiên hay xã hội sinh ra trong cùng một thời gian. Các thế hệ xã hội được định ra khi toàn bộ một nhóm đồng đẳng là vấn đề đang được quan tâm, như khi Tân Ước nói về “một thế hệ tráo trở” hoặc Hesiod nói về “những thế hệ” của vàng, bạc và đồng.

Một số ít xã hội truyền thống ngại làm rõ các vấn đề do được tổ chức xung quanh những bộ lạc gia đình, nên ít có nhu cầu tìm kiếm một sự khác biệt: Trong giới tinh hoa, mỗi cuộc hôn nhân mới hàm ý về một thế hệ xã hội mới. Bên cạnh đó, những khác biệt lớn về thế hệ thường không nảy sinh trong một bối cảnh truyền thống. Một khi đã phát sinh, chúng chẳng mấy khi quan trọng với hơn hai hoặc ba giai đoạn liên tiếp của cuộc đời. Qua một khoảng thời gian ngắn như vậy, chỉ cần nhắc chút ít đến các thế hệ gia đình (cha mẹ của anh hùng, anh hùng, con của anh hùng) hẳn là đã có vẻ đầy đủ rồi.

Nhưng đến thời hiện đại, điều này đã thay đổi. Người châu Âu bắt đầu tự giác nói về các thế kỷ, đồng thời họ cũng bắt đầu nói rõ về những nhóm đồng đẳng. Trong tâm trạng *fin-de-siècle* trước Cách mạng Pháp, những lý thuyết về thể hệ xã hội bùng nổ trong bối cảnh đó. *Cuộc họp mặt giới văn nghệ sĩ* nào ở Paris cũng ồn ào nói (một số liên quan đến Thomas Jefferson) về cách xác định độ dài thời gian và các quyền tự nhiên của mỗi thế hệ.

Hơn 150 năm sau, nhiều bộ óc uyên bác nhất ở phương Tây vẫn gắng sức mở rộng và sàng lọc ý tưởng này. Gần như tất cả họ đồng ý với Auguste Comte rằng trong thế giới hiện đại, các thế hệ đã trở thành những nhà điều hành bậc thầy về nhịp độ thay đổi xã hội. John Stuart Mill chính thức định nghĩa một thế hệ là “một tập hợp mới gồm những người” mà “được giáo dục, trưởng thành từ thời thơ ấu, và nhận lấy của cải xã hội.” Wilhelm Dilthey mô tả một thế hệ là “một mối quan hệ đương thời... giữa những người có thời thơ ấu giống nhau, thời thanh thiếu niên giống nhau, và có năm tháng nhiệt huyết nhất trùng nhau phần nào.” Giuseppe Ferrari dựa toàn bộ lý thuyết xã hội của mình vào các phong trào mà ông gọi là “*i capi della società, i re del pensiero, i signori della generazione*” (những nhà lãnh đạo xã hội, những ông vua tư tưởng, những ông hoàng của mỗi thế hệ). Khi nói về hậu quả trực tiếp của Thế chiến I, Karl Mannheim, José Ortega y Gasset, François Mentré (những người đã đặt ra thuật ngữ *thế hệ xã hội* trong một cuốn sách cùng tên), và nhiều người khác, có lẽ đã đưa ra nội dung về các thế hệ có sức thuyết phục nhất từng được viết đến.

Cùng với sự ra đời của các lý thuyết mới về tiến bộ, người châu Âu đã trở nên nhận thức sâu sắc về sự khác biệt thế hệ trong đời sống văn hóa và chính trị của mình. Đến cuối thế kỷ 19, tầng lớp ưu tú châu Âu không ngừng huyền thoại về các thế hệ, mỗi thế hệ được đặt tên theo một năm then chốt được bàn luận đến vốn định hình giới văn sĩ hoặc các nhà hoạt động trẻ, chẳng hạn như các thế hệ (châu

Âu) năm 1815 hoặc 1848 hoặc 1870, hay thế hệ (Nga) năm 1820, thế hệ (Pháp) năm 1830, thế hệ (Tây Ban Nha) năm 1898. Thập niên 1920 lần đầu tiên đưa ra khái niệm nghiêm túc về một thế hệ vượt Đại Tây Dương, vì “thế hệ năm 1914” ở châu Âu bị chiến tranh tàn phá và Thế hệ Lạc lõng ở Mỹ bị lấn vào nhiều quán cà phê Paris giống nhau. Sau Thế chiến I, khi Mỹ đã trở thành một biểu tượng toàn cầu về tiến bộ, thì mối quan tâm của người Mỹ về các thế hệ bắt đầu nhiều hơn hẳn người châu Âu. Kể từ đó, không có nhóm đồng đảng nào đến tuổi trưởng thành ở Mỹ mà không phải nỗ lực kiên định để đặt tên và mô tả mình.

Kinh nghiệm trên của người Mỹ gốc Âu khẳng định rằng các tiến bộ xã hội càng nhanh thì các vấn đề thế hệ có vẻ càng xuất hiện nhiều hơn. Nhưng đồng thời, một xã hội càng cho mình là hiện đại thì con người trong xã hội đó càng cố kháng cự việc chính thức hóa sự thay đổi thế hệ như một *ý tưởng*. Trong khi hiện đại là tiến bộ hợp lý hướng tới tương lai, thì các thế hệ giữ vai trò nhắc nhở con người vẫn còn gắn bó nhiều với những dấu tích tiềm thức từ quá khứ của họ. Trong khi hiện đại là kiểm soát xã hội, thì sự thay đổi thế hệ có xu hướng bùng nổ khi đối diện với những người kiểm soát xã hội. Lên đến cùng cực, những cuộc cách mạng chính trị hiện đại đôi khi tìm cách tiêu diệt hoàn toàn các thế hệ bằng cách bêu xấu (hoặc thậm chí là tiêu diệt) những công dân có ký ức do một chế độ “sai” định hình. Hầu hết các nhóm tinh hoa hiện đại chỉ đơn giản là phong tỏa tầm quan trọng lịch sử của các thế hệ bằng một bức tường hoài nghi cao ngất. Bởi không mong chờ thay đổi thế hệ, nên con người có vẻ luôn bất ngờ khi gặp thay đổi này.

Ở Mỹ, cứ khoảng 20 năm lại xảy ra những bất ngờ kiểu này – khoảng thời gian để một thế hệ thanh niên mới đến tuổi trưởng thành (và các thế hệ trước đó bước vào giai đoạn mới của cuộc đời). Khoảng năm 1950, người Mỹ đã ngã ngựa vì thanh niên khi đó không cho thấy

sự đoàn kết, tinh thần lạc quan, và tính tích cực chính trị của người lao động CCCⁱ trước chiến tranh. Cuối thập niên 1960, các nhà khoa học xã hội lỗi lạc nhất (từ Margaret Mead đến Kenneth Keniston) đều không lường được cơn giận dữ bất ngờ của những thanh niên được kỳ vọng là vô cùng ngoan ngoãn. Kể từ đầu thập niên 1990, ba sự chuyển đổi giai đoạn trong đời đã diễn ra và được truyền thông âm ỉ. Hàng loạt hoạt động tưởng niệm Thế chiến II đã khơi dậy chủ đề có tính hoài niệm xem liệu những gì Robert Putnam gọi là “một thế hệ công dân vĩ đại” giờ đây sẽ biến mất hay (như Bob Dole đề xuất) sẽ thực hiện “một sứ mệnh cuối cùng.” Thế hệ Bùng nổ khi bước vào tuổi trung niên đã vượt xa Thế hệ Im lặng trong việc nắm giữ quyền lực quốc gia (Clinton và Gore năm 1992, sau đó là cuộc cách mạng Gingrich và các thành viên mới của Hạ viện năm 1994) trong bối cảnh bàn nhiều đến “những sự thất bại” thay thế cho việc thỏa hiệp. Và khi nhận ra rằng Thế hệ Bùng nổ không còn trẻ, đã sinh ra hàng loạt mối quan tâm (đa số là không phù hợp) dành cho Thế hệ Thứ 13.

Ngày nay, giới chính khách và các nhà tiếp thị đang phát hiện ra những kết quả thành công của việc tiếp thị theo vòng đời. Các tham chiếu thế hệ liên tục xuất hiện trong những quảng cáo truyền hình, bài phát biểu chính trị, phim ảnh, và ngôn ngữ riêng của văn hóa nhạc pop hiện đại. Mặc dù vậy, những hàm ý rộng hơn của khái niệm này tiếp tục bị tầm thường hóa, giống như Bob Dylan, Jim Morrison, hay Kurt Cobain vẫn cho là chẳng có gì để nói về nó cả. Các mối liên hệ của mỗi thế hệ với việc bỏ phiếu và việc mua ô tô được hiểu (và

i. Viết tắt của “Civilian Conservation Corps”, Đoàn Bảo tồn Dân sự, là một chương trình cứu trợ công cộng hoạt động từ năm 1933 đến 1942 tại Mỹ cho những thanh niên tuổi từ 18 đến 25 thất nghiệp và chưa lập gia đình, được tập hợp thành những trại lao động do quân đội quản lý. Họ tham gia vào những công việc lao động thủ công không yêu cầu chuyên môn cao liên quan đến bảo tồn và phát triển tài nguyên thiên nhiên ở vùng đất nông thôn thuộc sở hữu của chính phủ liên bang, tiểu bang và địa phương. (ND)

chấp nhận) tốt hơn hẳn so với mối liên hệ sâu sắc hơn của họ với tự nhiên và thời gian. Giới học thuật mới đang dần thấy sự đúng đắn trong đánh giá của sử gia Anthony Esler thuộc Cao đẳng William và Mary rằng “trên thực tế, cách tiếp cận thế hệ có thể là một trong các cách tiếp cận lịch sử toàn diện.”

NHẬN DIỆN CÁC THẾ HỆ

“Các bạn cũng thuộc về nó. Các bạn đến cùng một lúc. Các bạn không thể thoát khỏi nó,” Thomas Wolfe đã viết như vậy (trong cuốn *You Can't Go Home Again* [Tạm dịch: Bạn không thể trở lại quê nhà]) về Thế hệ Lạc lõng của chính ông. “Các bạn là một phần của nó cho dù các bạn có muốn hay không.” Với Wolfe, giống như F. Scott Fitzgerald, Ernest Hemingway, Malcolm Cowley, và các tác gia khác của thập niên 1920, thành viên trong thế hệ đó phản ánh nhiều văn phong khác nhau: một mối hoài nghi về thời tuổi trẻ, chấp nhận rủi ro, chè chén say sưa, khinh thị thế hệ huênh hoang trước đó. Những người đồng trang lứa với Wolfe đứng giữa sự chia cắt lớn của hai phe, một bên là những bậc trung niên đạo đức, và một bên là lứa mới gồm những đứa trẻ bộc trực. Để thuộc về thế hệ này, bạn phải đến tuổi trưởng thành không lâu trước khi Thế chiến I bắt đầu. Không ai định nghĩa chính thức theo cách đó; mọi người chỉ *biết* là như thế.

Giới trí thức thuộc Thế hệ Lạc lõng của Wolfe không bao giờ giải thích chính xác họ nhận diện thế hệ mình ra sao. Nhưng phải đặt ra câu hỏi: Trong một thế giới mà mỗi phút đều có người sinh ra, làm sao có thể định vị các thế hệ xã hội và phân ranh giới giữa họ theo năm sinh?

Để trả lời câu hỏi này, trước tiên phải xác định *độ dài* của một thế hệ. Như Sự kiện Lớn đã cho thấy, lịch sử sẽ đặt dấu ấn khác nhau trên các nhóm đồng đẳng khác nhau, tùy thuộc vai trò xã hội được xác định theo độ tuổi của họ. Như vậy độ dài của một thế hệ (theo năm sinh) nên xấp xỉ độ dài của một giai đoạn cuộc đời (theo tuổi).

Trước đầu thế kỷ 19, các thế hệ Mỹ có độ dài bình quân khoảng 25 năm; từ sau đó trở đi, bình quân là khoảng 21 năm. Một cách tất yếu, những độ dài này có thể khác nhau một chút giữa các thế hệ, phụ thuộc vào các thay đổi bất thường của lịch sử và thời gian chính xác của các Sự kiện Lớn.

Để áp dụng những độ dài này vào năm sinh thật, phải xác định một cá tính thế hệ tiềm ẩn. Mỗi thế hệ có một cá tính. Đó là một sáng tạo tùy biến – và chỉ riêng con người mới có, đi kèm với các thái độ về đời sống gia đình, vai trò giới, các tổ chức, chính trị, tôn giáo, lối sống, và tương lai. Một thế hệ có thể suy nghĩ, cảm nhận, hoặc thực hiện bất kỳ điều gì một người có thể nghĩ, cảm nhận, hoặc thực hiện. Đó có thể là điều an toàn hoặc táo bạo, chủ nghĩa cá nhân hoặc tập thể, tâm linh hoặc thế tục. Giống như bất kỳ phạm trù xã hội nào (chủng tộc, giai cấp, hay quốc tịch), một thế hệ có thể có nhiều ngoại lệ riêng lẻ và có chỗ khó hiểu. Nhưng không giống như đa số các phạm trù khác, nó có tiểu sử cá nhân của riêng mình. Bạn có thể kể một câu chuyện thật dài về những kinh nghiệm chung của Thế hệ Im lặng theo các cách mà bạn không bao giờ có thể kể như vậy với tất cả phụ nữ, tất cả người gốc Tây Ban Nha, hoặc tất cả người dân bang California. Lý do, theo lời Ferrari, là một thế hệ “được sinh ra, sống, và chết.” Thế hệ ấy có thể cảm thấy luyến tiếc một quá khứ độc nhất vô nhị, sốt ruột về một tương lai với thời gian hữu hạn, và thấu hiểu cái chết của chính mình.

Không có công thức cố định để nhận diện cá tính của một thế hệ đời thực. Nhưng chú ý tới ba thuộc tính có thể có ích: thứ nhất là vị thế chung của một thế hệ trong lịch sử; thứ hai là niềm tin và hành vi chung; và thứ ba là tư cách thành viên được cảm nhận trong cùng một thế hệ.

Vị thế chung nói đến nơi một thế hệ tìm thấy chính mình trên chuỗi thời gian bối cảnh của các xu hướng và sự kiện, ở bất kỳ độ tuổi nào. Vị thế trong lịch sử định hình một thế hệ.

Tại những khoảnh khắc quan trọng trong lịch sử, các thành viên của mỗi thế hệ có xu hướng chiếm giữ một giai đoạn duy nhất trong đời. Cuối Thế chiến II, các Thế hệ Im lặng, Vĩ đại nhất, Lạc lõng, và Sứ mệnh lần lượt bước vào thời thiếu niên, thời thanh niên, thời trung niên, và thời lão niên. Sự phù hợp chặt chẽ tương đồng giữa các thế hệ, các giai đoạn của cuộc đời xảy ra vào cuối thập niên 1920 (ngay trước Sụp đổ thị trường tài chính) và đầu các thập niên 1960, 1980 (ngay trước và sau một thời kỳ biến động văn hóa). Những liên kết giữa các giai đoạn cuộc đời chính là những thử thách cam go cho các thế hệ. Tại đó, một nhóm đồng đẳng đạt được điều mà Mannheim gọi là “một cộng đồng về thời gian và không gian... một vị trí chung trong quy mô lịch sử”, trong đó các thành viên gặp phải “những vấn đề lịch sử cụ thể giống nhau.” Ortega đề cập “vùng thời gian”, khái niệm khiến các thành viên của một thế hệ “có cùng độ tuổi cần thiết và theo tính lịch sử.”

Vào bất kỳ thời điểm nào, lịch sử tất yếu chạm vào các nhóm lớn tuổi nhất và ít tuổi nhất của một thế hệ theo những cách khác nhau. Chẳng hạn như Chiến tranh Việt Nam đặt sức ép lên những người thuộc Thế hệ Bùng nổ sinh ra vào năm 1945 nhiều hơn hẳn so với những người sinh ra vào năm 1955; và Thế chiến II gây áp lực cho những người thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất sinh ra vào năm 1920 nhiều hơn hẳn so với những người sinh ra vào năm 1910. Song trong mỗi thế hệ, một vài nhóm có thời điểm sinh đặc biệt có thể lôi kéo những người lớn tuổi hơn hoặc ít tuổi hơn và hướng họ vào ý thức về một vị trí chung. Cheryl Merseer nhận xét trong cuốn *Grown Ups* (Tạm dịch: Khôn lớn) những người Mỹ sinh ra vào thập niên 1950 (giống như bà) “có những trải nghiệm của độ tuổi 60 khi ở độ tuổi 70.” Những trải nghiệm ở “tuổi 60” khiến Merseer và những người cùng lứa với bà cảm thấy đủ tin tưởng rằng buộc mình với những người lớn tuổi hơn trong Thế hệ Bùng nổ mà họ biết trong bài viết chân thật này. Nhưng không ai có

thể có trải nghiệm “tuổi 60” vào “tuổi 50” hay “tuổi 80.” Do đó, những người sinh ra vào năm 1944 và 1954 có cùng một vùng tuổi, trong khi những người sinh ra vào năm 1954 và 1964 thì không.

Các thế hệ có thể được phân chia theo ngày sinh chính xác nhờ chú ý đến những gì nhà triết học Julián Marías định nghĩa là “bản đồ xã hội” của những nhóm có ngày sinh kế tiếp nhau. Ông đưa ra giả thuyết là: “Theo phương pháp loại suy này, mỗi thế hệ sẽ là vùng nằm giữa chuỗi hai dãy núi, và để xác định xem một điểm nhất định thuộc về dãy núi này hay dãy núi khác, sẽ cần phải biết độ cao của dãy núi.” Đôi khi ranh giới rất rõ ràng, đôi khi lại khó thấy. Thỉnh thoảng, thậm chí có thể quyết định gộp lại và chia tách chính xác các thế hệ liên tiếp. Ở Mỹ đương đại, việc sinh chậm một phút có thể dẫn đến sự khác biệt sáu năm sau đó giữa học mẫu giáo và lớp 1. Xa hơn nữa, tùy theo luật nghĩa vụ quân sự, điều đó còn có thể là sự khác biệt giữa việc kịp học xong đại học ngay trước một cuộc chiến gây tranh cãi hay thuộc về một khóa sinh viên cảm thấy áp lực thật sự từ lệnh nhập ngũ thời chiến. Sự khác biệt một phút trên thực tế đã tách những em bé sinh vào ngày 31 tháng 12 năm 1942 với những em bé sinh vào ngày 1 tháng 1 năm 1943 – một tích tắc quan trọng mà sau này giúp thổi bùng nhiệt huyết của khóa sinh viên sôi nổi năm 1965 và tạo ra một ranh giới rõ ràng của các nhóm giữa Thế hệ Im lặng với Bùng nổ.

Những niềm tin và hành vi chung của một thế hệ cho thấy sự khác biệt giữa các thành viên thế hệ đó với những người sinh ra ở thời điểm khác. Đó là những cách mà một thế hệ khuấy động lịch sử.

Tất nhiên chưa bao giờ có chuyện tất cả các thành viên của một thế hệ lại có yếu tố niềm tin hoặc hành vi giống hệt nhau. Nhưng những yếu tố đáng chú ý thường xuất hiện ở đa số thành viên kiên định, đưa Comte đến kết luận rằng mỗi thế hệ lại xây dựng một “sự tuân thủ đồng loạt với những ý niệm cơ bản nhất định”, còn Dilthey thì nói về một “thế hệ *Weltanschauung*”, một thế giới quan định hướng một thế hệ từ

thời trẻ đến khi về già. Để định lượng những yếu tố này cho các thế hệ gần đây, bạn có thể bắt tay vào rà soát kho dữ liệu dồi dào về phân loại lứa tuổi – từ những cuộc điều tra dư luận và những bài kiểm tra trong giáo dục, đến những hồ sơ tội phạm và báo cáo điều tra dân số. Những thay đổi từ thế hệ này sang thế hệ kế tiếp thường nổi bật và bộc lộ rõ.

Để hiểu được mức độ khác nhau giữa các đặc điểm thế hệ, cần xem xét sự thay đổi trong việc gia nhập các đảng phái chính trị, chẳng hạn như sự tương phản rất lớn giữa Thế hệ Lạc lõng theo khuynh hướng Cộng hòa (những người hoài nghi suốt đời với sự tiến bộ và sự tổ chức) với Thế hệ Vĩ đại nhất theo khuynh hướng Dân chủ (những người lạc quan suốt đời với khoa học và chính phủ). Cần xem xét những thái độ thay đổi liên tục đối với rủi ro, chẳng hạn như cuộc điều tra được ghi chép cẩn thận của Thế hệ Im lặng về sự vững bền của hôn nhân và sự nghiệp trong thập niên 1950, so với ác cảm thời đại thập niên 1990 của Thế hệ Thứ 13 đối với việc kết hôn sớm và theo đuổi nấc thang danh vọng. Cần xem xét khoảng cách khác nhau về vai trò giới được thừa nhận giữa nam và nữ, khoảng cách này gia tăng ở Thế hệ Vĩ đại nhất, nhưng vì Thế hệ Bùng nổ làm việc chăm chỉ (trong sự nghiệp, gia đình, và đời sống cộng đồng) nên nó lại được thu hẹp. Và cần xem xét những mục tiêu suốt đời của một thế hệ. Trở lại cuối thập niên 1960, $\frac{2}{3}$ số sinh viên năm nhất Thế hệ Bùng nổ tin rằng “phát triển một triết lý sống có ý nghĩa” quan trọng hơn “vượt lên về tài chính.” Kể từ giữa thập niên 1980, $\frac{2}{3}$ Thế hệ Thứ 13 lại chọn đáp án *ngược lại* cho câu hỏi này. Giữa hai cuộc bầu cử, một sự đảo ngược ý kiến như vậy về vấn đề quan trọng này sẽ được coi là cơn địa chấn. Giữa hai thế hệ, những kết quả khảo sát kịch tính này cho thấy một cá tính mới có thể làm chuyển đổi hoàn toàn kết cấu cảm xúc của những người đến tuổi trưởng thành cách đó hai thập niên ra sao.

Đối với những thế hệ sinh ra cách đây hơn một thế kỷ, có ít dữ liệu hơn nên khó định lượng hành vi và niềm tin. Để phân biệt các thế

hệ, bạn phải suy ra từ giai thoại, trường hợp nghiên cứu, và quan sát thời đó. Đôi khi một sự kiện được ghi chép tốt cũng sẽ tiết lộ những cá tính cơ bản. Ví dụ, cuộc bầu cử Mỹ năm 1868 hóa ra lại là thắng lợi thế hệ lớn nhất từng được ghi nhận, vì các cử tri và ứng viên mệt mỏi từng chiến đấu trong Nội chiến đã từ chối những nhà lãnh đạo và tướng lĩnh đầy nguyên tắc đã lãnh đạo cuộc chiến đó. Duy nhất ở năm đó, Thế hệ Siêu việt lớn tuổi (của Lincoln) bị mất hết một phần ba số ghế tại Nghị viện và các Nghị viện bang vào tay Thế hệ Vàng son trẻ hơn (của Grant). Trong thời gian đó và hai cuộc bầu cử tổng thống tiếp theo (1868, 1872, và 1876), một người theo chủ nghĩa thực dụng trẻ tuổi hơn đã thách thức và đánh bại một nhà cải cách lớn tuổi. Với mấy cuộc bầu cử này, một trong những cuộc đụng độ kịch tính nhất giữa hai thế hệ liên tiếp nhưng rất khác biệt cuối cùng cũng có hồi kết.

Tư cách thành viên được công nhận chung chính là cách một thế hệ tự xác định mình và một sự đồng thuận phổ biến về các nhóm được sinh ra ở mỗi năm thuộc về đâu. Tư cách thành viên được công nhận đem lại cho một thế hệ cảm nhận về số phận. Mariás từng nhận xét rằng “tự hỏi mình xem chúng ta thuộc về thế hệ nào, theo nghĩa rộng chính là tự hỏi chúng ta là ai.” Bất kỳ khi nào một ranh giới thế hệ có vẻ mờ nhạt, thì cách tốt nhất để làm rõ thường chỉ đơn giản là *hỏi* họ tự đặt mình ở phe nào.

Tư cách thành viên được công nhận đã xác nhận một điều mà nhiều thăm dò dư luận vốn hoài nghi từ lâu về việc ranh giới thật sự của Thế hệ Bùng nổ rằng họ (sinh vào năm 1943 và 1960) được định vị sớm hơn ít năm so với giai đoạn bùng nổ dân số từ năm 1946 đến 1964 thường được các nhà nhân khẩu học sử dụng để xác định thế hệ này. Hãy hỏi một số người sinh ra trong khoảng từ năm 1943 đến 1945 xem liệu họ có luôn nghĩ mình thuộc Thế hệ Bùng nổ hay không, rất có thể họ sẽ trả lời là có. Hãy đặt cùng câu hỏi này với những người sinh ra trong khoảng từ năm 1961 đến 1964, rất có thể họ sẽ trả lời (dứt khoát

hơn) là không. Thuật ngữ *Thế hệ X* là cái tên tự xưng đầu tiên được giới trí thức trẻ sinh ra trong khoảng từ năm 1961 đến 1964 phổ biến, với mục đích chính là để phủ nhận tư cách thành viên Thế hệ Bùng nổ. Ngay cả khi không thể hỏi trực tiếp một thế hệ được nữa, thì vẫn còn lại nhiều bằng chứng về tư cách thành viên được công nhận trong nhóm đồng đẳng. Bằng chứng này là những liên kết giới tác gia nổi tiếng của Thế hệ Lạc lõng sinh ra vào cuối thập niên 1890 với những nhà văn chỉ lớn tuổi hơn một chút (Randolph Bourne, T. S. Eliot, Ezra Pound), nhưng không phải với những nhà văn chỉ trẻ hơn một chút (John Steinbeck, Langston Hughes, W. H. Auden).

Tất nhiên, khi nói rằng bạn đồng cảm với thế hệ của mình không có nghĩa là bạn quan tâm đến thế hệ của mình. Ortega đã viết rằng trải nghiệm thế hệ là một “thỏa hiệp không ngừng thay đổi giữa tập thể và cá nhân.” Để từ chối thỏa hiệp này không hề dễ dàng; thật vậy, chối bỏ hoàn toàn khiến một người đau đớn nhận ra tình trạng của kẻ ngoài cuộc. Nhà xã hội học Đức Julius Peterson nhận thấy bất kỳ thế hệ nào cũng có những thành viên mà ông gọi là những người “chỉ huy,” “bị chỉ huy,” và “bị đàn áp.” Những thành viên chỉ huy thiết lập tinh thần chung; những thành viên bị chỉ huy tuân theo sự ra hiệu (và do đó hợp pháp hóa tinh thần chung); còn những thành viên bị đàn áp hoặc là rút khỏi tinh thần đó, hoặc hiếm hơn là đấu tranh chống lại nó.

Có lẽ khía cạnh quan trọng nhất trong sự tự nhận thức của một thế hệ là nhận thức về phương hướng. Ortega đã viết rằng mỗi thế hệ là “một loại tên lửa sinh học được phóng vào không gian tại một thời khắc cụ thể, với một tốc độ và phương hướng nhất định,” đem lại cho mình

i. Nguyên văn: “Generation X”, hay “Gen-X”, tên gọi khác của Thế hệ Thứ 13, được sử dụng rộng rãi sau khi cuốn sách *Generation X: Tales for an Accelerated Culture* (Tạm dịch: Thế hệ X: Những câu chuyện của một nền văn hóa bị thúc đẩy) của tác giả người Canada Douglas Coupland được xuất bản năm 1991. Ngoài ra, một vài tên gọi phổ biến khác cho thế hệ này là “Post-Boomer”, “latchkey kids”, “MTV generation”.

một “quỹ đạo năng động được định trước.” Tương tự, Mannheim cũng nhắc đến nhận thức của mỗi thế hệ về “số phận thiết yếu.” Đối với một số thế hệ, nhận thức này về số phận có thể là áp đảo. Sự gắn kết của Thế hệ Vĩ đại nhất sau chiến tranh phản ánh sự đồng thuận thế hệ lớn lao về thế giới mà họ muốn và được kỳ vọng xây nên. Những người đồng đảng với Thomas Jefferson cũng từng cảm thấy như vậy sau Cách mạng. Song đối với các thế hệ khác, nhận thức này về số phận là một cái gì đó hoàn toàn khác. Thế hệ Im lặng nhận thấy công việc của mình là làm dịu các khía cạnh gai góc của cuộc sống – một nhiệm vụ gợi nhớ đến Thế hệ Cấp tiến của Theodore Roosevelt. Thế hệ Bùng nổ thấy trong mình một sứ mệnh về tầm nhìn và các giá trị – một sự tìm kiếm các giá trị khác phù hợp với họ, nếu cần. Thế hệ của Lincoln cũng hết như vậy. Còn Thế hệ Thứ 13 thì xuất hiện và kỳ vọng ít về bản thân với tư cách một thế hệ – sự thật là chính đặc điểm đó đã trở thành một phần trong cá tính tập thể của họ. Một đặc điểm tương tự nảy sinh trong các thế hệ của George Washington và Dwight Eisenhower.

Một thế hệ có thể cùng nhau lựa chọn vận mệnh của mình. Nhưng với tư cách cá nhân, bạn không thể lựa chọn thế hệ giống như bạn không thể lựa chọn cha mẹ hay quê hương. Đó chính là số mệnh, có ảnh hưởng đến mọi thứ trong cuộc sống của bạn, cho dù bạn có thích hoặc quan tâm để ý đến nó hay không. Theo Martin Heidegger nhận định, “một người hành động theo số mệnh khi sống trong và sống cùng thế hệ của mình sẽ hoàn chỉnh kịch bản tồn tại của con người.”

TOÀN CẢNH CÁC THẾ HỆ

Vào năm 1992, khi các tuần báo và quảng cáo truyền hình đột nhiên bắt đầu tập trung vào Thế hệ X, nền văn hóa đại chúng của Mỹ đã phá vỡ sự im lặng lâu dài trước câu hỏi về việc liệu có thêm bất kỳ lứa trẻ nào mới hay không, một sự im lặng đã kéo dài từ cuối Chiến tranh Việt Nam. Trong cả hai thập niên qua, không ai suy nghĩ nhiều về

câu hỏi đó vì chủ đề không có thể hệ mới dường như đã từng xuất hiện – nhưng sau đó, chủ đề này lại được đưa ra trong các bản tin vào thập niên 1990. Vì vậy nó luôn tồn tại. Cứ khoảng 20 năm, Mỹ lại phát hiện ra một thế hệ mới – một sự ngẫu nhiên phát sinh do một số sự kiện nổi bật, trong đó những người trẻ tỏ ra hành xử theo những cách khác hẳn với lứa thanh niên ngay trước đó.

Bảng trang 131 liệt kê một số sự kiện này. Tất nhiên, chu kỳ trung bình của chúng là có ý nghĩa. Chu kỳ 21,5 năm rất gần với độ dài trung bình hiện nay của một giai đoạn cuộc đời – và của một thế hệ. Nhìn chung, chúng phản ánh nhịp điệu của những bất ngờ thế hệ đáng nhớ nhất mà Mỹ đã chứng kiến kể từ đầu thế kỷ 18. Song cũng có điều quan trọng hơn diễn ra ở đây. Nếu bạn suy ngẫm kỹ về những sự kiện này, bạn sẽ thấy rằng mỗi sự kiện đều để lại ấn tượng với cá tính trẻ trung của một thế hệ khác biệt – mỗi thế hệ có vị trí riêng của mình trong lịch sử, thế giới quan riêng, và cảm nhận riêng về số phận thiết yếu.

Nếu bạn thuộc về Mỹ, thì bạn thuộc về một thế hệ người Mỹ. Điều này cũng có thể áp dụng cho tổ tiên và người thừa kế của bạn. Toàn bộ lịch sử không có gì ngoài một chuỗi tiểu sử chung giống như tiểu sử của bạn và của họ.

Danh sách thế hệ ở trang 133 đã được chứng thực bởi các học giả viết về những thế hệ Mỹ trong suốt thế kỷ qua. Từ Thế hệ Tự do đến Thế hệ Sự mệnh, Arthur Schlesinger Sr. xác định được tám thế hệ. Từ Thế hệ Tự do đến Bùng nổ, sử gia của trường Đại học Brandeis Morton Keller xác định được 11 thế hệ chính trị. Từ Thế hệ Tự do đến Thế hệ Vĩ đại nhất, nhà nghiên cứu văn học Henri Peyre xác định được chín thế hệ văn học Mỹ. Và từ Thế hệ Cộng hòa đến Thế hệ Vĩ đại nhất, nhà khoa học chính trị tại Đại học Harvard Samuel Huntington xác định được tám thế hệ chính trị và xã hội. Trong khi không phải tất cả những danh sách này đều chỉ rõ năm sinh chính

xác, nhưng sự tương ứng chặt chẽ giữa chúng khẳng định một thực tế: Mọi học giả từng nghiên cứu kỹ về nhịp điệu thế hệ Mỹ đều thấy một mô hình tương tự khi xem xét.

Tuổi trưởng thành của các thế hệ Mỹ

Thế hệ đến tuổi trưởng thành	Năm mà Thế hệ Thanh niên mới được biết đến rộng rãi
THỨC TỈNH	1734: Cuộc phục hưng tôn giáo tại Northampton của Jonathan Edwards
TỰ DO	1755: Washington ở Trận Monongahela ⁱ
CỘNG HÒA	1776: Tuyên ngôn Độc lập của Jefferson
THỎA HIỆP	1804: Cuộc thám hiểm của Lewis và Clark
SIÊU VIỆT	1831: Cuộc nổi dậy nô lệ của Nat Turner và Tuần báo <i>Liberator</i> của Garrison
VÀNG SON	1849: Cơn sốt vàng California
CẤP TIẾN	1876: Edison và Westinghouse tại Triển lãm Thế kỷ
SỬ MỆNH	1896: Cuộc vận động dân túy của William Jennings Bryan
LẠC LỎNG	1918: Bộ binh Mỹ và giới trí thức ở Paris
VĨ ĐẠI NHẤT	1935: Các nhóm thanh niên CCC và WPA ⁱⁱ
IM LẶNG	1954: Thanh niên “lặng lẽ” thời McCarthy
BÙNG NỔ	1967: Dân hippie tại Mùa hè Tình yêu ở San Francisco
THỨ 13	1992: Sự phát hiện ra Thế hệ X của giới truyền thông

i. Nguyên văn: “Battle of Wilderness”, tên gọi khác của “Battle of Monongahela”.

ii. Viết tắt tên của “Works Progress Administration” - Cơ quan quản lý tiến độ công trình (đổi tên năm 1939 thành “Work Projects Administration” - Cơ quan quản lý dự án công trình), là một cơ quan hoạt động thuộc Chính sách Kinh tế mới của Mỹ, sử dụng hàng triệu người (chủ yếu là những người không có trình độ chuyên môn cao) để thực hiện các dự án công trình công cộng, bao gồm xây dựng các tòa nhà công cộng và đường sá.

Các thế hệ được dẫn ra ở đây kéo dài trong bao lâu? Giả sử năm sinh chính thức của Thế hệ Thiên niên kỷ ở đây hóa ra là theo dự kiến, thì bức tranh toàn cảnh thế hệ Mỹ trong 570 năm sinh được chia thành 24 thế hệ, mỗi thế hệ sẽ có độ dài bình quân 24 năm. Trong số 14 thế hệ sinh ra trước và trong Cách mạng Mỹ, độ dài trung bình của mỗi thế hệ là 25 năm. Kể từ đó, độ dài trung bình đã rút ngắn còn 21 năm, phù hợp với khoảng thời gian gần đây của một giai đoạn cuộc đời. Trở lại với thời kỳ Cách mạng Mỹ, mỗi thế hệ và mỗi giai đoạn cuộc đời đều kéo dài từ 17 đến 24 năm.

Những năm sinh thế hệ cũng trùng khớp với nhịp điệu *saeculum* của các thời kỳ Khủng hoảng và Thức tỉnh nối tiếp nhau. Khi so sánh ngày tháng, bạn sẽ thấy rằng năm sinh đầu tiên của mỗi thế hệ thường chỉ rơi vào khoảng một vài năm trước năm xảy ra hoặc kết thúc của một thời kỳ Khủng hoảng hoặc Thức tỉnh. Do đó, ranh giới bắt đầu của mọi thế hệ đều xuất hiện từ giai đoạn phôi thai chỉ khi xã hội đang bước vào hoặc đang kết thúc một trong những thời kỳ này. Tương tự, ranh giới bắt đầu của một thế hệ đến tuổi trưởng thành là ngay trước khi có sự thay đổi tâm trạng tiếp theo. Suy ngẫm về vòng đời thế hệ của bạn cho đến nay, bạn có thể thấy nó tác động đến bạn và những người bạn biết như thế nào. Đó cũng chính là sự thật về các thế hệ tổ tiên.

Cuối cùng, chú ý mô hình lặp lại trong mỗi *saeculum*. Thế hệ thứ nhất đến tuổi trưởng thành cùng với một thời kỳ Thức tỉnh, trong khi thế hệ thứ hai trải qua một tuổi thơ Thức tỉnh; thế hệ thứ ba đến tuổi trưởng thành với một thời kỳ Khủng hoảng, trong khi thế hệ thứ tư có một tuổi thơ Khủng hoảng. Mỗi vị trí trong lịch sử của bốn thế hệ này lại được gắn liền với một nguyên mẫu thế hệ: *Tiên tri*, *Du cư*, *Anh hùng*, và *Nghệ sĩ*. Trong suốt lịch sử của người Mỹ gốc Anh, chỉ có duy nhất một ngoại lệ (Nội chiến, khi đó các Anh hùng đã bị bỏ qua), các nguyên mẫu này luôn nối tiếp nhau theo cùng một trật tự.

24 thế hệ người Mỹ gốc Anh

Thế hệ	Năm sinh	Thành viên nổi tiếng (Nam)	Thành viên nổi tiếng (Nữ)	Thời kỳ những thành viên đến tuổi trưởng thành	Nguyên mẫu
HIỆP SĨ NHÂN VĂN	1433-1460	Vua Henry VII	Elizabeth Woodville	khủng hoảng Chiến tranh Hoa hồng	Anh hùng
	1461-1482	Thomas More	Elizabeth xứ York	-	Nghệ sĩ
CÁI CÁCH TRÁ ĐỬA ELIZABETH NGHỊ VIỆN	1483-1511	John Knox	Anne Boleyn	Cải cách Tin Lành	Tiên tri
	1512-1540	Francis Drake	Nữ hoàng Elizabeth I	-	Du cư
	1541-1565	William Shakespeare	Mary Herbert	Khủng hoảng Armada	Anh hùng
	1566-1587	William Laud	Anne xứ Đan Mạch	-	Nghệ sĩ
THANH GIÁO KỶ SĨ HUY HOÀNG KHAI SÁNG	1588-1617	John Winthrop	Anne Hutchinson	Thức tỉnh Thanh giáo	Tiên tri
	1618-1647	Nathaniel Bacon	Mary Dyer	-	Du cư
	1648-1673	“Vua” Carter	Hannah Dustin	Khủng hoảng Cách mạng Vinh quang	Anh hùng
	1674-1700	Cadwallader Colden	Mary Musgrove	-	Nghệ sĩ
THỨC TỈNH TỰ DO CỘNG HÒA THỎA HIỆP	1701-1723	Jonathan Edwards	Eliza Lucas Pinckney	Đại thức tỉnh	Tiên tri
	1724-1741	George Washington	Mercy Warren	-	Du cư
	1742-1766	Thomas Jefferson	“Molly Pitcher”	Khủng hoảng Cách mạng Mỹ	Anh hùng
	1767-1791	Andrew Jackson	Dolley Madison	-	Nghệ sĩ
SIÊU VIỆT VÀNG SON CẤP TIỀN	1792-1821	Abraham Lincoln	Elizabeth Cady Stanton	Thức tỉnh Tiên nghiệm	Tiên tri
	1822-1842	Ulysses Grant	Louisa May Alcott	Khủng hoảng Nội chiến	Du cư
	1843-1859	Woodrow Wilson	Mary Cassatt	-	Nghệ sĩ
	1860-1882	Franklin Roosevelt	Emma Goldman	Đại thức tỉnh Thử ba	Tiên tri
SỬ MỆNH LẠC LÔNG VĨ ĐẠI NHẤT IM LẶNG	1883-1900	Harry Truman	Dorothy Parker	-	Du cư
	1901-1924	John Kennedy	Katharine Hepburn	Đại suy thoái và Thế chiến II	Anh hùng
	1925-1942	Martin Luther King Jr.	Sandra Day O'Connor	-	Nghệ sĩ
	1943-1960	Newt Gingrich	Hillary Clinton	Cách mạng Nhận thức	Tiên tri
BÙNG NỔ THỨ 13 THIÊN NIÊN KỶ	1961-1981	Michael Jordan	Jodie Foster	-	Du cư
	1982-?	Brad Renfro	Cặp sinh đôi nhà Olsen	Khủng hoảng Thiên niên kỷ?	Anh hùng?

Do mô hình lặp lại này, Mỹ luôn có cùng một *nhóm thế hệ* trong suốt thời kỳ Khủng hoảng hay Thức tỉnh – với cùng một trật tự nguyên mẫu bước vào bốn giai đoạn cuộc đời. Trong một thời đại Khủng hoảng, Thế hệ Tiên tri bước vào lão niên, Du cư sang tuổi trung niên, Anh hùng đến tuổi thanh niên, và Nghệ sĩ vẫn ở thời thơ ấu. Trong một thời đại Thức tỉnh, Thế hệ Anh hùng bước vào tuổi già, Nghệ sĩ sang tuổi trung niên, Tiên tri đến tuổi thanh niên, và Du cư ở thời thơ ấu. Những nhóm thế hệ này đẩy *saeculum* về phía trước, vì các thế hệ được *định hình* theo dự đoán của lịch sử lại trở thành những thế hệ được đoán trước là sẽ *định hình* lịch sử khi đến tuổi. Do đó các nguyên mẫu tái xuất theo kịch bản sẽ chi phối bánh xe thời gian vĩ đại.

Nhưng theo dự đoán, vị trí trong lịch sử của các thế hệ tạo ra các nguyên mẫu gì? Họ thực hiện chức năng của mình thế nào? Họ liên quan đến nhau ra sao? Tại sao họ lại gần như là trung tâm tương tác của nhân loại với lịch sử? Trả lời mấy câu hỏi này có nghĩa là trở lại với học thuyết cổ xưa về những bộ tứ khí chất – và với các huyền thoại lớn sinh ra bên cạnh chúng.

BỐN NGUYÊN MẪU

Có lẽ không có người cổ đại nào bị bốn chiều của tự nhiên mê hoặc như người Hy Lạp. Vào thời Heraclitus ở thế kỷ 6 TCN, các nhà triết học Hy Lạp cổ đại hiểu rằng mọi hiện tượng trên thế giới này đều có thể định nghĩa là hai mặt đối lập. Niềm tin này đã sinh ra lý thuyết bốn nguyên tố: lửa và khí (thể hiện sự đối lập của nóng và lạnh), đất và nước (thể hiện sự đối lập của khô và ẩm). Trong vũ trụ học Hy Lạp cổ đại, mọi thứ đều có thể quy về những yếu tố này, và mọi thay đổi đều có thể biểu hiện như một trạng thái cân bằng động giữa chất của một yếu tố và yếu tố đối lập với nó. Anaximander mô tả mùa đông lạnh và ẩm ướt trừng phạt nóng và khô tấn công mùa hè trước đó. Ông cho rằng mùa hè là sự đảo ngược.

Theo thời gian, những bộ bốn này phát triển thành một lý thuyết về sinh lý và cá tính con người. Thần y Hippocrates huyền thoại xác định được bốn chất lỏng trong cơ thể, hay còn gọi là “thể dịch” (máu, mật vàng, mật đen, và đờm dãi), những thứ được cho là sinh ra bốn “tính khí”, mỗi khí chất đều liên kết với bốn nguyên tố và bốn mùa trong năm: *sanguineus* (sinh lực) với sắc ấm của mùa xuân, *cholericus* (nóng tính) với khí nóng của mùa hè, *melancholicus* (u sầu) với khô hạn của mùa thu, và *phlegmaticus* (lãnh đạm) với cái lạnh khắc nghiệt của mùa đông. Trong mỗi mùa này, con người được cho là bị mất quá nhiều thể dịch liên đới. Với người Hy Lạp cổ đại, người đầy sinh lực thì lạc quan và dễ chịu; người nóng tính hay bộc lộ cảm xúc và phản ứng nhanh; người u sầu thường bi quan và ủ rũ; còn người lãnh đạm vốn thờ ơ và phản ứng chậm chạp.

Giống như bản thân các mùa, người Hy Lạp cổ đại nhìn vào bốn tính khí như hai mặt đối lập của bộ tứ: *sanguineus* đối lập với *melancholicus*, và *cholericus* đối lập với *phlegmaticus*. Tính cách của một cá nhân được xác định bằng các sự kết hợp khác nhau giữa bốn yếu tố mà người đó thể hiện. Sử dụng một ẩn dụ chính trị, Alcmaeon xứ Croton dạy rằng sức khỏe được duy trì nhờ sự cân bằng (*isonomia*) của bốn yếu tố, trong khi bệnh tật là do chỉ có một yếu tố thống trị (*monarchia*). Theo truyền thuyết, mỗi khí chất đều liên quan với một trong bốn vị thần được Zeus ủy quyền để làm cho con người giống các vị thần hơn (Prometheus, Dionysus, Apollo, và Epimetheus).

Suốt hai thiên niên kỷ kế tiếp, hệ khái niệm Hy Lạp cổ đại này đã thống trị trong nghiên cứu phương Tây về những sự khác biệt và rối loạn cá tính. Suốt thời Phục hưng, cũng có nhiều từ trong hệ khái niệm này dễ dàng gia nhập tiếng Anh và các ngôn ngữ lãng mạn – từ *sanguine*, *choleric*, *melancholic* và *phlegmatic*, tới *humorous* và *temperamental*. Rồi đến Thế hệ Khai sáng, họ tuyên bố bản chất con người có thể chế ngự được. Những bộ bốn cổ đại không còn được ủng hộ trong hơn một thế

kỷ – bị y học, tâm lý học thực nghiệm, và lý thuyết về bản ngã dễ uốn nắn của Freud lấn át.

Trong thế kỷ hiện thời, bốn khí chất đã giành lại phần nào vị thế trước đây của mình. Bước chuyển xảy ra trong những năm quanh Thế chiến I, khi một thế hệ mới các nhà tâm lý học châu Âu đã chống lại chủ nghĩa thực chứng và suy nghĩ về bộ bốn phổ biến một lần nữa. E. Adickes viết về bốn thế giới quan (truyền thống, bất khả tri, giáo điều, đổi mới); Eduard Spranger viết về các loại hình cuộc sống (lý thuyết, thẩm mỹ, tôn giáo, kinh tế); Ernst Kretschmer viết về các tính khí bất thường (vô cảm về thể chất, mẫn cảm, u sầu, hưng phấn nhẹ); và trong thuyết bộ tứ nổi tiếng thế kỷ 20, nhà tâm lý học Thụy Sĩ Carl Jung viết về các loại thái độ dựa trên những chức năng tâm lý (lý trí, trực giác, cảm xúc, cảm giác).

Theo quan điểm của Jung, có những hình thức biểu tượng, nguyên vọng, và hành vi (nguyên mẫu) khó mà khớp được về mặt sinh học vào nhân loại. Ông cho rằng trong mọi thời đại và nền văn hóa, các nguyên mẫu này đã trở nên gắn kết quá sâu vào “vô thức tập thể” của nhân loại mà không có mức độ tiến bộ, thực tiễn hay tưởng tượng nào có thể làm suy yếu sự gắn kết ấy của chúng. Xác định các nguyên mẫu này bằng cách khảo sát những giấc mơ và huyền thoại, Jung tạo ra học thuyết của mình tiếp nối các bộ bốn cổ đại, được thể hiện trực quan rõ nhất qua hình mandala Hindu bốn nhánh. Bốn chức năng nguyên mẫu của ông lấy năng lượng từ sự đối kháng động giữa hai cặp đối lập: suy nghĩ đối lập với cảm xúc, cảm quan đối lập với trực giác. Khi một chức năng thống trị tâm lý, thì chức năng đối lập của nó bị nén lại một cách tất yếu như “cái bóng” của tâm lý. Đi qua tuổi trung niên, con người dần nhận biết về các giới hạn của nguyên mẫu đang thống ngự họ và lấy năng lượng (một cách hiệu quả hoặc một cách điên cuồng) từ cái bóng của nó. Jung gọi công cuộc tự hiệu chỉnh vòng đời là “sự cá nhân hóa.”

Trong mấy thập niên gần đây, bốn yếu tố của Jung đã truyền cảm hứng cho ngày càng nhiều học thuyết và phương pháp điều trị tâm lý

xã hội, trong đó có chỉ số phân loại tính cách Myers-Briggs nổi tiếng. Các nhà sách hiện nay trưng bày ngày càng nhiều sách kỹ năng mà rõ ràng đã viện dẫn các nguyên mẫu của Jung, thường dưới các tiêu đề: *King* (Vua), *Warrior* (Chiến binh), *Magician* (Phù thủy), *Lover* (Người yêu), và *Awakening the Hero Within* (Anh hùng Thức tỉnh). Những tác giả khác giải thích lịch sử trên phương diện các nguyên mẫu tính cách, như trong đề xuất của William Irwin Thompson rằng tính cách xã hội hiện đại có thể được truy nguyên đến cả bốn nguyên mẫu bộ lạc: Tộc trưởng, Anh hề, Pháp sư, Thợ săn.

Những nguyên lý này phản ánh điều mà Heraclitus gọi là *enantiodromia* (vận hành ngược chiều tự nhiên), một sự chuyển đổi dần của mọi thứ sang mặt đối lập với chúng. Xin xem biểu đồ trang 146. Các bộ bốn xác định hai cặp đôi, cân bằng và hiệu chỉnh điều kiện của con người. Các học giả theo nguyên lý của Jung là Robert Moore và Douglas Gillette thừa nhận rằng không có nguyên mẫu nào hoạt động tốt một mình: “Chúng ta cần phải kết hợp giữa Phù thủy với mối quan tâm của Vua dành cho sự sáng tạo và lòng quảng đại, giữa khả năng hành động dứt khoát của Chiến binh với lòng can đảm và sự liên kết sâu sắc, chắc chắn của Người yêu với mọi thứ”.

Mặc dù các nguyên mẫu thường chỉ áp dụng cho những tính cách cá nhân, nhưng chúng cũng có thể được mở rộng tới các thể hệ. Giống như một cá nhân, một thể hệ được định hình bởi sự nuôi dưỡng mà nó nhận được trong thời thơ ấu và những thách thức mà nó đối mặt ở tuổi trưởng thành. Khi nó giả định một cá tính, một thể hệ, giống như một cá nhân, có thể lựa chọn duy nhất từ một số lượng hạn chế những vai trò khả dĩ, mỗi vai trò đã được một sự vô thức mang tính tập thể xã hội quy định. Hippocrates tin rằng một người có khả năng phải cân bằng được cả bốn tính khí. Vì vậy, tương tự với một xã hội hiện đại có năng lực, mãi mê trong thời gian có định hướng, cần phải trải nghiệm sự bộc lộ tuần tự của cả bốn nguyên mẫu.

Nét tính cách và Nguyên mẫu

Tính cách cổ điển	Sanguineus (hướng ngoại, lạc quan)	Cholericus (đầy biểu cảm)	Melancholicus (hướng nội, bi quan)	Phlegmaticus (khép kín)
LIÊN HỆ VỚI THẦN LINH	Prometheus	Dionysus	Apollo	Epimetheus
LIÊN HỆ VỚI MÙA	xuân	hạ	thu	đông
BỐN YẾU TỐ CỦA HERACLITUS	ẩm	nóng	khô	lạnh
PHẨM CHẤT CĂN BẢN	chừng mực	khôn ngoan	công bằng	ngoan cường
THỂ GIỚI QUAN CỦA ADICKES	truyền thống	bất khả tri	giáo điều	đổi mới
PHÂN LOẠI CUỘC SỐNG CỦA SPRANGER	lý thuyết	thẩm mỹ	tôn giáo	kinh tế
TÍNH KHÍ CỦA KRETSCHMER	vô cảm	mẫn cảm	u sầu	hưng phấn nhẹ
CHỨC NĂNG TÂM LÝ CỦA JUNG	lý trí	trực giác	cảm xúc	cảm giác
PHÂN LOẠI TÍNH CÁCH CỦA MYERS-BRIGGS	lý trí dựa vào trực giác	nhận thức dựa vào cảm quan	cảm xúc dựa vào trực giác	đánh giá dựa vào cảm quan
CHỨC NĂNG XÃ HỘI CỦA THOMPSON	người đứng đầu (vua)	anh hề (nghệ sĩ)	pháp sư (tu sĩ)	thợ săn (người lính)
LOẠI NGƯỜI CỦA MOORE-GILLETTE	vua	người yêu	phù thủy	chiến binh
NGUYÊN MẪU THỂ HỆ	anh hùng	nghệ sĩ	tiên tri	du cư

Chuỗi bốn tính khí (và các mùa liên quan) của Hy Lạp cổ đại tương ứng với trật tự lịch sử, trong đó các mẫu thế hệ bước vào tuổi trung niên – độ tuổi để một thế hệ khẳng định sức mạnh tối đa vượt xa so với định hướng xã hội. Khi Thế hệ Anh hùng đến tuổi trung niên vào mùa xuân *saeculum*, thì Nghệ sĩ bước vào mùa hè (Thức tỉnh), Tiên tri ở mùa thu, và Du cư trong mùa đông (Khủng hoảng). Tất cả đều khớp – tính cách, nguyên mẫu, mùa trong năm, và mùa của *saeculum*.

NGUYÊN MẪU VÀ HUYỀN THOẠI

Xuất thân tầm thường và kỳ lạ. Sớm bộ lộ năng lực và sức mạnh siêu phàm. Trở nên nổi tiếng. Cuộc đấu tranh thắng lợi với các thế lực độc ác. Sự ngông cuồng tự phụ. Thất bại. Đỉnh cao của sự phản bội, hoặc hy sinh anh dũng, và cái chết. Có lẽ bạn nhận ra đây là sử thi về Hercules, Siêu nhân, Jason và Argonauts, hay các chàng trai của Iwo Jimaⁱ.

Jung nhận thấy Huyền thoại Anh hùng này có lẽ là hiện thân mạnh nhất của các nguyên mẫu, tái diễn trong nhiều thời đại và nền văn hóa. Một số huyền thoại anh hùng như Siêu nhân là hư cấu thuần túy; còn những huyền thoại khác, như hoài niệm của chúng ta về người lính trong Thế chiến II, được bắt nguồn từ thực tế lịch sử. Song khi thời gian trôi qua, những chi tiết tách bạch hư cấu với thực tế có xu hướng mờ nhạt dần cho đến khi hầu hết những gì còn lại chỉ là huyền thoại, là những phác thảo sơ lược về chính nguyên mẫu.

Nhiều sử gia kinh viện chê bai sự sáng tác huyền thoại bất kỳ khi nào họ bắt gặp, và than thở trước thực tế là phần lớn những gì sinh viên “biết” về các thập niên 1960 và 1970 đều xuất phát từ những bộ phim

i. Nguyên văn: “boys of Iwo Jima”, nói về những vị anh hùng trẻ tuổi là những người lính Thủy quân lục chiến Mỹ tuổi từ 18 đến 24 tuổi tham gia chiến đấu trong Trận Iwo Jima giữa Mỹ và Đế quốc Nhật trong giai đoạn Thế chiến II.

như *JFK*, *Nixon*, và *Forrest Gump*. Song việc chủ tâm sáng tác huyền thoại là xưa như bản thân lịch sử. Nhiều huyền thoại được Margaret Mitchell xây dựng từ Nội chiến, Shakespeare từ những cuộc Chiến tranh Hoa hồng, và Homer từ một số cuộc giao tranh nhỏ khác bị lãng quên gần Hellespontⁱ. Trong mọi thời đại, các nguyên mẫu huyền thoại đều giúp con người hiểu được mình là ai và nên sống theo điều gì. Bằng cách biến các sự kiện thành huyền thoại, một nền văn hóa có thể vượt qua lịch sử hỗn độn hoặc tuyến tính và cho phép bản năng tái hiện để bộc lộ chính nó. Các huyền thoại tồn tại được chính là vì chúng đã làm sáng tỏ những đức tính (hoặc thói hư tật xấu) mà những thế hệ kế tiếp sẽ chứng kiến sự lặp lại vào thời họ.

Trong tất cả các huyền thoại, được biết đến nhiều nhất chính là Huyền thoại Anh hùng. Nhưng như những câu chuyện tương phản về Hercules và Orpheus lại cho rằng các anh hùng có thể là người trần tục hoặc thần thánh; họ có thể sở hữu những gì mà Jung gọi là hành vi hướng nội hoặc hướng ngoại. “Có hai loại chiến công,” Joseph Campbell khẳng định trong *The Power of Myth* (Tạm dịch: Sức mạnh của huyền thoại). “Một loại là chiến công vật chất, trong đó người anh hùng thực hiện một hành động dũng cảm trong chiến đấu hoặc cứu người. Một loại là chiến công tinh thần, trong đó người anh hùng học để trải nghiệm phạm vi siêu nhiên trong đời sống tinh thần của con người và sau đó trở về cùng với thông điệp.”

Nhà vua-anh hùng thế tục và nhà tiên tri-anh hùng thần thánh thường xuất hiện trong cùng một huyền thoại. Song khi xuất hiện, họ không bao giờ bằng tuổi nhau – thậm chí không cùng độ tuổi. Thường thì họ ở cách nhau hai giai đoạn cuộc đời. Trong truyền thuyết, nhà vua-anh hùng trẻ tuổi thực hiện một hành trình nguy

i. Tên gọi trong tiếng Hy Lạp của eo biển Dardanelles tại Thổ Nhĩ Kỳ, gắn liền với câu chuyện thần thoại về nàng Helle.

hiếm, cuộc gặp gỡ đầu tiên của anh ta, như Campbell mô tả, thường là với “một nhân vật bảo hộ (thường là một bà lão hay ông lão bé nhỏ), người này đưa cho kẻ phiêu lưu vài lá bùa hộ mệnh chống lại các thế lực rùng rợn mà nhà vua sẽ gặp phải trên đường.” Nhà tiên tri có thể là một người lớn tuổi trọng nghi lễ, một người sùng đạo, hoặc như Campbell gọi là một pháp sư – người đã trải qua một nghi lễ chuyển giao thần thánh, và đến tuổi già thì sử dụng các quyền năng đạt được để hỗ trợ lớp trẻ. Người lớn tuổi này sở hữu rất ít quyền lực trần gian, nhưng lại có nhiều món quà phép thuật siêu nhiên và cơ hội tiếp cận với thần linh.

Nhớ lại trong các cặp đôi cổ điển phương Tây, thường có một anh hùng trẻ tuổi và một tiên tri lớn tuổi: Joshua và Moses trong Cựu Ước, Argonauts và nhân mã Cheiron trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, Aeneas và Sybil xứ Cumae trong thần thoại La Mã, Vua Arthur và Merlin trong huyền thoại Celtic, Siegfried và Hildebrand trong thần thoại Teutonic, Cuchulain và Skatha Thông thái trong huyền thoại Gaelic. Ngoài phương Tây, các cặp đôi như thế là khá phổ biến. Trong thần thoại Hindu, Hoàng tử trẻ Rama gặp gỡ ẩn sĩ già Agastya; trong thần thoại Ai Cập, Horus con trai của Osiris, được cố vấn biết tuốt Thoth dạy dỗ; trong thần thoại Navajo, các vị thần Mặt trời trẻ đang kiếm tìm đã được Bà Chúa Nhện tiết lộ những bí mật động trời. Thậm chí ngày nay, câu chuyện vượt thời gian này tiếp tục được kể lại với Apprentice (Tập sự) và Sorcerer (Phù thủy) của Disneyⁱ, Frodo và Gandalf của Tolkien, Luke Skywalker và Obi-Wan Kenobi trong *Chiến tranh giữa các vì sao*, Simba và Rafiki (giống như Thoth của người Ai Cập với hình dạng một con khỉ đầu chó thông thái) trong *Vua Sư tử*.

i. Disney có nhiều sản phẩm được sản xuất và phát hành lấy cảm hứng từ bài thơ *The Sorcerer's Apprentice* của Johann Wolfgang von Goethe viết năm 1797, tiêu biểu trong số đó là bộ phim hoạt hình phát hành năm 1940 *Fantasia*, và bộ phim hành động giả tưởng phát hành năm 2010 *The Sorcerer's Apprentice* (Phù thủy tập sự).

Đối với người anh hùng trẻ tuổi, tiên tri lớn tuổi không nhất thiết phải là một đồng minh. Ông ta (thường là bà ta) cũng có thể là một kẻ thù nguy hiểm, như Medea đối với Theseus, và như mụ phù thủy già trong *Nàng Bạch Tuyết* và *Phù thủy xứ Oz*. Song phổ biến hơn, như Campbell nhận thấy, sự gắn kết giữa người anh hùng trẻ tuổi với một người lớn tuổi thông thái chính là yếu tố cần thiết cho sự thành công tối hậu của anh ta. Giống như Merlin, ông ta sẽ là một người thầy đầy tình yêu thương. Giống như Obi-Wan Kenobi, ông ta sẽ cảm nhận được sức mạnh vô hình của vũ trụ. Giống như Gandalf, ông ta sẽ giải cứu người anh hùng trẻ tuổi bằng sức mạnh tinh thần bí ẩn. Giống như Phù thủy của Mickey, ông ta sẽ cảnh báo sự nguy hiểm của thói ngạo mạn. Cuối cùng, tiên tri lớn tuổi giúp nhà vua trẻ thiết lập (hoặc giữ được) triều đại của mình.

Những huyền thoại liên quan đến các nhà vua-anh hùng trẻ tuổi và các vị tiên tri lớn tuổi rất phổ biến, phần vì mọi người thấy thoải mái khi nghe những câu chuyện về lòng dũng cảm tuổi trẻ được sự thông thái tuổi già tôi luyện. Tuy nhiên, con người ở mọi thời đại biết rằng đó là một sự cộng sinh huyền thoại giữa người trẻ với người già chỉ thỉnh thoảng mới xảy ra. Ở Mỹ, điều này chắc chắn đã không xảy ra trong nhiều thập niên. Lần cuối cùng tuổi trẻ anh hùng và tuổi già thông thái có loại quan hệ mang tính xây dựng này là trong Thế chiến II. Lý do để những huyền thoại anh hùng trẻ tuổi này được đưa vào rất nhiều trong nền văn minh chúng ta, chính là vì chúng giải thích các sự kiện khi thế giới trần tục (lãnh thổ của các vua) đang được xác định lại vượt ra ngoài sự công nhận đã có từ trước, nói cách khác, là trong những thời đại Khủng hoảng.

Một loại huyền thoại phổ biến nữa là về vị tiên tri trẻ và nhà vua già – lại khá trái ngược. Những truyền thuyết này không nói về sự thành lập của các vương quốc mà về các tôn giáo. Chúng gợi nên những ký ức không phải về một thế giới bị lâm vào tình trạng nguy hiểm

ngghiêm trọng, mà về một thế giới ngọt ngào dưới các triều đại hùng mạnh khiến người ta nghẹt thở và giết chết cả linh hồn. Chúng nói đến hiểu biết sâu sắc (chứ không phải lòng dũng cảm) của người trẻ và tính mù quáng (chứ không phải sự thông thái) của người già.

Khi chúng ta bắt gặp những huyền thoại thiêng liêng về các vị tiên tri trẻ (Abraham ở Ur, Moses ở Ai Cập, Jesus trước phiên tòa La Mã), hình ảnh chủ đạo của những nhà thống trị già hơn khoảng 40 tuổi thường là một người trong bối cảnh sự giàu có và chủ nghĩa duy lý đang mở rộng, có quyền lực tối cao nhưng bị tước mất các giá trị (Vua Hammurabi, Pharaoh, Pontius Pilate). Trong khi Huyền thoại Anh hùng kết thúc tại thành phố nguy nga, thì Huyền thoại Tiên tri lại *bắt đầu* ở đó. Trong huyền thoại của Phật giáo, Siddhartha trẻ tuổi trốn khỏi cung điện xa hoa của vua cha. Trong huyền thoại Ba Tư, Zoroaster trẻ tuổi không tuân theo kavis và karpans quá trần tục. Trong truyền thuyết Islam giáo, Muhammad trẻ tuổi thách thức sự vô đạo đức của các gia đình thương gia giàu có. Trong ngụ ngôn phương Tây, Merlin trẻ tuổi đương đầu với Vua Vortigen hùng mạnh, Bacchus trẻ tuổi đặt lời nguyện vàng cho Vua Midas già, và Pied Piper ăn trộm trẻ em từ những người dân lãnh đạm của Hamelin.

Những Huyền thoại Tiên tri tiết lộ điều mà Jung gọi là cái bóng của nguyên mẫu anh hùng lớn tuổi. Anh hùng không tự nhìn ra mình, mà qua cái nhìn mới mẻ của Tiên tri trẻ tuổi. Kẻ thấy hoàng đế không có quần áo không phải là một trong những người đồng đảng với hoàng đế, mà là một đứa trẻ dám nói lên sự thật. Đôi khi, trong những huyền thoại này xuất hiện những người lớn tuổi, thường là phụ nữ, để giúp người trẻ tuổi thể hiện tầm nhìn. Tuy nhiên, giai điệu lặp lại của những huyền thoại này là một trong những mối căng thẳng và thù địch qua các thế hệ. Thông qua việc giảng dạy các bài học về tầm nhìn (hoặc thuyết tự coi mình là trung tâm) cho người trẻ và quyền lực (hoặc sự đối bại) cho người già, những Huyền thoại về Tiên tri trẻ tuổi kể về những thời đại Thức tỉnh.

Những huyền thoại về Thế hệ Du cư và Nghệ sĩ không vĩ đại bằng và mang tính cá nhân hơn, chủ yếu là vì họ gặp phải bước chuyển lịch sử tại một giai đoạn cuộc đời ít quan trọng hơn. Các nguyên mẫu gặp phải Bước chuyển Thứ nhất khi chưa đến tuổi trưởng thành, mà vẫn là những đứa trẻ đang lớn lên (Thế hệ Du cư trong thời kỳ Thức tỉnh, Thế hệ Nghệ sĩ trong Khủng hoảng). Họ gặp phải Bước chuyển Thứ hai khi không ở đỉnh cao sức mạnh của tuổi già, mà ở tuổi trung niên (Thế hệ Du cư trong thời kỳ Khủng hoảng, Thế hệ Nghệ sĩ trong Thức tỉnh).

So với các Huyền thoại Anh hùng và Tiên tri, những câu chuyện của họ nói nhiều đến mối quan hệ con người hơn là sự thăng trầm của các triều đại và tôn giáo. Song họ cũng thể hiện những chu kỳ cuộc sống có cái bóng phản chiếu lẫn nhau. Thế hệ Du cư là những đứa trẻ bị buông thả và thiếu sự dìu dắt, mà sau này khi trưởng thành lại cố gắng làm chậm lại, đơn giản hóa, và củng cố môi trường xã hội của họ. Thế hệ Nghệ sĩ là những đứa trẻ được che chở và nhạy cảm, mà sau này khi trưởng thành lại cố gắng tăng tốc, phức tạp hóa, và tô điểm cho môi trường xã hội của họ. Du cư được nuôi dạy để quản lý một mình và phải chịu sự kỳ vọng thấp. Nghệ sĩ được nuôi dạy để hợp tác với người khác và bị gánh nặng kỳ vọng cao.

Một mạch chuyện thường gặp: Đứa con bị ghét bỏ kiểu như Cinderella, bị nhấn chìm trong một môi trường xã hội thù địch hoặc vô trách nhiệm, phải dùng bản năng cạnh tranh đầu tiên để tồn tại, sau đó để thành công. Trong những huyền thoại tương tự, những người trẻ vật lộn khó khăn phải sử dụng trí thông minh của mình để thoát tội giết người (*Aladdin*), tục ăn thịt người (*Hansel và Gretel*), chế độ nô lệ (*Pinocchio*), hoặc khủng hoảng (*Chú lính chì dũng cảm*). Những nhân vật phụ huynh thường vắng mặt, và thường thì kẻ thù ít khi là người lớn tuổi, mà là những người đang ở đỉnh cao cuộc đời với sự hóm hỉnh tàn nhẫn. Nếu người có tuổi là phù thủy, họ lại là người đồng hành

thân thiện, giống như các nàng tiên hơn là phù thủy, quyền năng của họ bắt nguồn từ lòng tốt kỳ lạ thường chứ không phải từ sự thông thái lạnh lùng. Những huyền thoại này mô tả đứa trẻ Thế hệ Du cư được một Nghệ sĩ lớn tuổi nuôi dưỡng trong giai đoạn đen tối hơn của một thời kỳ Thức tỉnh.

Khi một huyền thoại cho thấy nguyên mẫu Du cư ở tuổi trung niên, những câu chuyện kể về một nhà thám hiểm có tuổi, hiểu biết, nhưng đơn độc. Nếu những thế hệ già có mặt thì họ lại đại diện cho một Tiên tri lớn tuổi và một Anh hùng trẻ tuổi – luôn là như thế. Du cư không sẵn sàng làm nhiệm vụ (hoặc gây thơ) như Anh hùng trẻ tuổi hơn, cũng không khôn ngoan một cách siêu việt (hoặc độc ác) như Tiên tri lớn tuổi hơn. Thứ tốt nhất mà Du cư có thể hy vọng là trải nghiệm khoảnh khắc ngăn ngừa sự vĩ đại của những nhân vật khác. Trong bộ ba phim *Chiến tranh giữa các vì sao*, Han Solo nhìn xuống bậc thang tuổi tác và thấy Luke Skywalker tốt bụng cùng Công chúa Leia – nhìn lên thấy Obi-Wan Kenobi thông thái và Darth Vader độc ác. Đây là những giai đoạn của Khủng hoảng, trong đó Du cư làm những việc xấu xa với rất ít sự kỳ vọng về sự tán dương hay khen thưởng từ công chúng.

Huyền thoại trẻ em đối lập là người trẻ nhạy cảm, hiếu thảo, được bao bọc trong sự bảo vệ của người lớn nghiêm túc. Nhớ lại huyền thoại kinh điển về Little Dutch Boyⁱ đã góp một phần nhỏ của mình để cứu con đê to lớn, hoặc các câu chuyện nhân cách hóa về những loài động vật nhỏ bé, đáng yêu, dễ bị tổn thương (*Bambi*, *Peter Cottontail*) hoặc những cỗ máy (*The Little Engine That Could* [Tạm dịch: Một động cơ nho nhỏ]). Những huyền thoại này kể về bọn trẻ tìm cách trở thành người có ích trong một môi trường xã hội khép kín, nơi không thể hỏi được những việc nên và không nên làm. Đôi khi người lớn đã xây dựng

i. Tên thường gọi của tiểu thuyết *Hans Brinker; or, the Silver Skates: A Story of Life in Holland* của tác giả người Mỹ Mary Mapes Dodge, được xuất bản năm 1865.

một phạm vi bảo vệ bất khả xâm phạm đến mức không thể thấy được thế giới bên ngoài (*Uncle Remus, Winnie the Pooh*). Quan hệ giữa các thế hệ đều hài hòa. Trong khi âm sắc cảm xúc của những câu chuyện về những người Du cư trẻ lỗ mãng và ghê sợ, thì ở đây lại tinh tế và ấm áp. Những huyền thoại này mô tả đứa trẻ Nghệ sĩ được một Du cư già nuôi dưỡng. Nhìn thận trọng qua lăng kính của một đứa trẻ, chúng ta có thể nhận ra khả năng (Christopher Robin), nếu không phải là thực tế (Little Dutch Boy), là thế giới của người lớn đang trong thời kỳ Khủng hoảng.

Trong bốn huyền thoại nguyên mẫu này, bạn có thể nhận ra hai cặp tính cách đối lập cũng như hai cặp vòng đời trái ngược. Khi nhiều thế hệ cùng xuất hiện trong huyền thoại, bạn thường thấy Du cư bị kẹp giữa Anh hùng trẻ tuổi và Tiên tri lớn tuổi, còn Nghệ sĩ bị kẹp giữa Tiên tri trẻ tuổi và Anh hùng lớn tuổi.

Sự sắp đặt nguyên mẫu giống hệt nhau này lặp đi lặp lại trong hầu hết mọi thời điểm và mọi nền văn hóa. Tại sao? Một xã hội sẽ không nâng một sự kiện (hoặc câu chuyện) lên thành huyền thoại, trừ phi nó minh họa cho những xu hướng bền vững của con người. Sự sắp đặt này phản ánh một hiểu biết tiềm ẩn về cái bóng bị nén chặt trong mỗi nguyên mẫu. Nếu các thế hệ có thể xuất hiện theo một số trật tự khác (ví dụ, từ Anh hùng đến Tiên tri tới Nghệ sĩ rồi Du cư), thì sẽ khó khăn hơn nhiều để cái bóng thể hiện chính mình hoặc để một xã hội có *quá trình chuyển đổi đối cực* cho phép nền văn minh điều chỉnh những sự thái quá tệ nhất.

Những gì Jung quan sát về các cá nhân cũng đúng cho các thế hệ: Mỗi cái bóng của nguyên mẫu được bộc lộ rõ nhất qua một nguyên mẫu chéo trực tiếp trong chu kỳ, hai giai đoạn cuộc đời cách biệt. Thế hệ Anh hùng già đầy tự mãn chạm trán với hiểu biết mới sâu sắc của Tiên tri trẻ; Tiên tri già u sầu chạm trán với lòng dũng cảm của Anh hùng trẻ; Du cư

già đầy thờ ơ chạm trán với sự nhạy cảm của Nghệ sĩ trẻ; và Nghệ sĩ già nóng tính chạm trán với kỹ năng sinh tồn của Du cư trẻ.

Sự nối tiếp này giải thích thêm những nét tương đồng thường được ghi nhận giữa các thế hệ rất già và rất trẻ, mà đôi khi vị trí của họ nằm ngoài một vòng đời trọn vẹn. Nếu cái bóng của một thế hệ là *hai* giai đoạn cuộc đời già hơn (hoặc trẻ hơn), thì nguyên mẫu tương ứng của một thế hệ là *bốn* giai đoạn cuộc đời già hơn (hoặc trẻ hơn). Igor Stravinsky từng nhận xét, “Đây là một trong những cách tự nhiên khiến chúng ta thường cảm thấy gần gũi với những thế hệ cách xa hơn là với chính thế hệ ngay trước chúng ta.” Mỗi quan hệ giữa ông bà và các cháu chính là trí tuệ dân gian phổ quát. Nếu mỗi thế hệ *gia đình* được giả định là một đại diện thô sơ cho hai thế hệ *giai đoạn cuộc đời* – có nghĩa bạn là cái bóng của cha mẹ và phù hợp với ông bà – thì trí tuệ dân gian này trực tiếp phản ánh sự nối tiếp của các nguyên mẫu.

Ở một trong những câu chuyện huyền thoại lịch sử vĩ đại nhất của Mỹ, *Cuốn theo chiều gió*, Margaret Mitchell đã để các nhân vật của bà thừa nhận sự tương đồng giữa các nguyên mẫu được sinh ra cách nhau hơn 60 năm. Tại một thời điểm trong truyện, Rhett Butler nói với Scarlett:

Nếu em khác biệt, em sẽ bị cô lập, không chỉ với những người cùng độ tuổi với em mà còn với cả những người đồng đẳng với cha mẹ em và với cả thế hệ các con em nữa. Họ sẽ không bao giờ hiểu được em, và họ sẽ sốc với mọi thứ em làm. Nhưng ông bà của em sẽ có thể tự hào về em và nói: “Giống bố nó như đúc vậy,” và các cháu của em sẽ thở dài ghen tị và nói: “Bà chúng mình chắc hẳn rất khác biệt!” và chúng sẽ cố gắng để giống như em.

Mô tả người ông “cướp biển” của mình, Rhett đã thừa nhận: “Anh ngưỡng mộ ông và cố gắng bắt chước ông hơn là bắt chước bố, vì bố là một người đàn ông lịch thiệp với những thói quen đáng kính trọng và

ngôn từ chừng mực – và em thấy kết quả rồi đấy.” Rhett dự đoán con cái của Scarlett “có thể sẽ nhẹ nhàng, cầu kỳ, vì con của những nhân vật ngoan cường thường như thế... Vì vậy, em sẽ phải có được sự chấp thuận của các cháu.” Trong câu chuyện của Mitchell, Rhett và Scarlett đại diện cho Thế hệ Vàng son (Du cư); cha mẹ họ cho Thỏa hiệp (Nghệ sĩ); con cái họ cho Cấp tiến (Nghệ sĩ); và cháu họ nhiều khả năng cho Lạc lõng (Du cư).

Điều mà những huyền thoại hiện đại này chứng minh chính là: Thế hệ của bạn không giống thế hệ đã định hình bạn, nhưng nó có nhiều điểm chung với *thế hệ đã định hình* thế hệ định hình bạn. Các nguyên mẫu không tạo ra các nguyên mẫu giống như mình; thay vào đó, chúng tạo ra các cái bóng của những nguyên mẫu như mình.

CHU KỲ CỦA CÁC NGUYÊN MẪU

Những huyền thoại này cho rằng đối với bất kỳ sự khác biệt thế hệ nào phát sinh, một bộ bốn nguyên mẫu đối lập sẽ trở thành một điều cần thiết hợp lý. Những anh hùng trẻ tuổi có thể xuất hiện theo cách nào, nếu không phải là do sự bất lực trần tục của những tiên tri lớn tuổi chỉ quan tâm đến mình? Những tiên tri trẻ tuổi có thể xuất hiện theo cách nào, nếu không phải là do sự tự mãn tinh thần của những anh hùng lớn tuổi ngạo mạn? Điều này lần lượt đòi hỏi mỗi thế hệ sử dụng sức ảnh hưởng mang tính định hình chủ đạo với những người mà *trẻ hơn mình hai giai đoạn cuộc đời*, chính là thế hệ *trẻ hơn thứ hai*.

Mối quan hệ đan chéo chu kỳ quan trọng này chỉ là những gì chúng ta thấy ở hầu hết các xã hội. Nó xuất hiện vì một thế hệ trẻ em mới đang thu thập những ấn tượng đầu tiên của mình về thế giới ngay khi một thế hệ trung niên mới giành quyền kiểm soát các thiết chế xung quanh một đứa trẻ. Mặc dù cha mẹ sinh học của một đứa trẻ thường thuộc về một hoặc hai thế hệ trước đó (vì mỗi thế hệ dài trung bình

khoảng 21 năm), nhưng nhóm cha mẹ lớn tuổi hơn đóng vai trò chi phối. Cha mẹ của Thế hệ Bùng nổ thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất và Im lặng, nhưng Thế hệ Vĩ đại nhất có ảnh hưởng lớn hơn nhiều ở các trường học thời thập niên 1950, hội phụ huynh và giáo viên, tư vấn nhi khoa, truyền hình, và điện ảnh. Tương tự, trong thập niên 1990, Thế hệ Bùng nổ và Thứ 13 đang cùng nhau sinh con thuộc Thế hệ Thiên niên kỷ, nhưng tinh thần chủ đạo là do William Bennett, Hillary Clinton, Steven Spielberg, Bill Gates, và những người cùng Thế hệ Bùng nổ với họ thiết lập. Tương tự, những Norman Rockwell của Thế hệ Lạc lõng thiết lập tinh thần chủ đạo cho Thế hệ Im lặng, còn những Bill Cosby của Thế hệ Im lặng thiết lập tinh thần chủ đạo cho Thế hệ Thứ 13, đúng lúc đó Jodie Foster của Thế hệ Thứ 13 sẽ thiết lập tinh thần chủ đạo cho thế hệ sinh ra vào đầu thế kỷ tới.

Đến một nút thắt giai đoạn cuộc đời, mô hình này lặp lại. Khi một thế hệ trẻ em đến tuổi trưởng thành, cũng là lúc thế hệ trước đó bước vào thời trung niên và giành quyền kiểm soát các thiết chế xung quanh thế giới của thanh niên trẻ tuổi. Một thế hệ trẻ hơn đến tuổi nhập ngũ đúng lúc cái bóng đan chéo chu kỳ của nó đạt được quyền lực tối đa để tuyên chiến. Ví dụ như trong lịch sử Mỹ, sự thống trị của một thế hệ trong các vị trí lãnh đạo quốc gia thường đạt đỉnh điểm vào khoảng thời gian nhóm thế hệ đầu tiên đến tuổi 65 – lúc đó những người lính bộ binh trung bình trẻ hơn khoảng 42 tuổi (hoặc hai giai đoạn cuộc đời). Thế hệ Vĩ đại nhất chiến đấu trong Thế chiến II (do Sứ mệnh tuyên chiến), Thế hệ Im lặng trong Chiến tranh Triều Tiên (do Lạc lõng tuyên chiến), Thế hệ Bùng nổ trong Chiến tranh Việt Nam (do Vĩ đại nhất tuyên chiến), và Thế hệ Thứ 13 trong Chiến dịch Bão táp sa mạcⁱ (do Im lặng tuyên chiến).

i. Nguyên văn: “Desert Storm”, tên gọi khác của Gulf War – Chiến tranh Vùng vịnh năm 1991.

Mùa Đời và Mùa Thời gian

THỜI ĐẠI	0-20 tuổi	21-41 tuổi	42-62 tuổi	63-83 tuổi	84-? tuổi
(Khủng hoảng)					
(Thức tỉnh)					
THỜI LÃO NIÊN (63-83 TUỔI)	Nghệ sĩ	Tiên tri	Du cư	Anh hùng	Nghệ sĩ
THỜI TRUNG NIÊN (42-62 TUỔI)	Tiên tri	Du cư	Anh hùng	Nghệ sĩ	Tiên tri
THỜI TRƯỞNG THÀNH (21-41 TUỔI)	Du cư	Anh hùng	Nghệ sĩ	Tiên tri	Du cư
THỜI THƠ ẦU (0-20 TUỔI)	Anh hùng	Nghệ sĩ	Tiên tri	Du cư	Anh hùng

Mối quan hệ đan chéo chu kỳ này đã diễn ra đúng như vậy trong suốt lịch sử Mỹ. Thế hệ Thức tỉnh (Tiên tri) của Franklin thiết lập tinh thần chủ đạo cho Thế hệ Cộng hòa (Anh hùng) của Jefferson, sau đó lại đến lượt thế hệ này thiết lập cho Thế hệ Siêu việt (Tiên tri) của Lincoln. Giữa các thời kỳ, Thế hệ Tự do (Du cư) của Washington thiết lập tinh thần chủ đạo cho Thỏa hiệp (Nghệ sĩ) của Daniel Webster, sau đó lại đến lượt thế hệ này thiết lập cho Thế hệ Vàng son (Du cư) của Grant.

Mỗi nguyên mẫu có thể phản ứng thân thiện hoặc đối kháng với cái bóng của nó. Giống như mối quan hệ kép của Luke Skywalker với cha mình, nó thường là hai chiều. Cố ý hay không, thì hầu hết các bậc cha mẹ bước vào tuổi trung niên đều cố gắng nuôi dạy một thế hệ mới có cá tính chung sẽ bổ sung và không phản chiếu cá tính riêng của cha mẹ. Tuy nhiên, sau đó, kết quả nuôi dưỡng thường mang đến sự bất ngờ. Bác sĩ nhi khoa Benjamin Spock thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất tuyên bố ngay sau Thế chiến II rằng “chúng ta cần trẻ em duy tâm,” và những người đồng đảng với ông đã nuôi dạy Thế hệ Bùng nổ theo hướng đó, mặc dù nhiều người sau đó lên tiếng giận dữ với chính những sản phẩm chỉ biết chú ý đến bản thân. Nhà văn Judy Blume thuộc Thế hệ Im lặng đã viết vào thời kỳ đỉnh cao của Cách mạng Nhận thức: “Tôi ghét ý kiến cho rằng bạn phải luôn bảo vệ trẻ em,” và những người đồng đảng với bà đã nuôi dạy trẻ em Thứ 13 theo hướng đó, mặc dù nhiều người sau đó lên tiếng khố não vì sản phẩm quá cứng rắn.

Một hệ quả quan trọng của các mối quan hệ cái bóng đan chéo chu kỳ này là một mô hình lặp đi lặp lại nằm ở trung tâm của *saeculum*: một sự dao động giữa *quá che chở* và *quá xao nhãng* đối với trẻ em. Trong một thời kỳ Khủng hoảng, các gia đình Du cư quá bao bọc những đứa con Nghệ sĩ; trong một thời kỳ Thức tỉnh, các gia đình Nghệ sĩ lại quá xao nhãng những đứa con Du cư. Sau thời kỳ Khủng hoảng, các gia đình Anh hùng mở rộng quyền tự do của những đứa con Tiên tri; sau

thời kỳ Thức tỉnh, các gia đình Tiên tri hạn chế bớt quyền tự do của những đứa con Anh hùng.

Những hiện tượng đan chéo chu kỳ mạnh mẽ này giải thích vì sao các huyền thoại luôn mô tả các nguyên mẫu theo một trật tự cố định, trật tự duy nhất có thể chính là các mùa của thời gian: Anh hùng tới Nghệ sĩ đến Tiên tri rồi Du cư. Lặp lại theo trật tự này, bốn nguyên mẫu sản xuất ra bốn nhóm các thế hệ có thể tồn tại.

Đọc biểu đồ ở trang 150 theo đường chéo. Hãy để ý đến kết nối vượt thời gian giữa mỗi nguyên mẫu và vị trí vòng đời của nó trong lịch sử. Ví dụ như Thế hệ Anh hùng luôn xuất hiện với tư cách trẻ em sau một thời kỳ Thức tỉnh và đến tuổi trưởng thành trong Khủng hoảng. Thế hệ Tiên tri luôn xuất hiện với tư cách trẻ em sau một thời kỳ Khủng hoảng và đến tuổi trưởng thành trong Thức tỉnh.

Bây giờ quay lại với cái nhìn tổng quan mang tính thế hệ trước đây về lịch sử Mỹ hiện đại. Gắn với mỗi thế hệ là một nguyên mẫu và một tính từ mô tả mà các thế hệ khác đánh giá thế hệ đó như thế nào trong cùng thời điểm.

Giờ thì đọc biểu đồ ở trang 153 theo các đường chéo tương tự. Nhận thấy những cá tính vòng đời quen thuộc của các thế hệ ngày nay, mỗi thế hệ xuất hiện như một tiểu sử tập thể cắt chéo qua thời gian và tuổi tác. Hãy đọc những đường chéo này như một chuỗi các nguyên mẫu thế hệ. Lưu ý rằng mỗi nguyên mẫu lại *đổ bóng* cho nguyên mẫu cách nó hai chu kỳ và *xứng hợp* với nguyên mẫu cách nó bốn chu kỳ. Chuyển bốn đường chéo về phía trước từ Thế hệ Cấp tiến và thấy (trong các đồng đảng thuộc Thế hệ Im lặng của Michael Dukakis và Gary Hart) thế hệ đầu tiên mà từ đó về sau được gọi là “tân cấp tiến.” Chuyển bốn đường chéo về phía trước từ Thế hệ Sứ mệnh và thấy (tại vị trí của Bùng nổ trẻ tuổi) thế hệ đầu tiên mà từ đó về sau được gán các nhãn “sinh viên cấp tiến” và “người có tư tưởng cải cách.”

Các thể hệ gần đây và các nguyên mẫu của chúng

THỜI ĐẠI	1908-1929	1929-1946	1946-1964	1964-1984	1984-?
	(Khủng hoảng)				(Thực tiễn)
CÁC SỰ KIỆN CHÍNH	Bốn Tự do Thế chiến I Thời kỳ cấm rượu Phiên tòa Scopes	Sụp đổ thị trường chứng khoán năm 1929 Chính sách Kinh tế Mới Trần Châu cang Cuộc đổ bộ Normandy (D-Day)	McCarthy Phản biệt chủng tộc ở Levittown <i>Xã hội thịnh vượng</i> Khủng hoảng Little Rock	Vụ xả súng Đại học bang Kent Liên hoan nghệ thuật Woodstock Vụ Watergate Sự nổi dậy chống chính sách thuế của Dự luật 13	Perestroika Nợ công Chiến tranh Văn hóa Vụ án giết người của O.J. Simpson
THỜI LÃO NIÊN (63-83 TUỔI)	Cấp tiến (Nghệ sĩ) đồng cảm	Sử mệnh (Tiên tri) thông thái	Lạc lỏng (Du cư) cứng rắn	Vĩ đại nhất (Anh hùng) có uy quyền	Im lặng (Nghệ sĩ) đồng cảm
THỜI TRUNG NIÊN (42-62 TUỔI)	Sử mệnh (Tiên tri) đạo đức	Lạc lỏng (Du cư) thực dụng	Vĩ đại nhất (Anh hùng) ngạo mạn	Im lặng (Nghệ sĩ) thiếu quyết đoán	Bùng nổ (Tiên tri) đạo đức
THỜI TRƯỞNG THÀNH (21-41 TUỔI)	Lạc lỏng (Du cư) thiếu định hướng	Vĩ đại nhất (Anh hùng) quả cảm	Im lặng (Nghệ sĩ) nhạy cảm	Bùng nổ (Tiên tri) tự yêu mình	Thứ 13 (Du cư) thiếu định hướng
THỜI THƠ ẬU (0-20 TUỔI)	Vĩ đại nhất (Anh hùng) được che chở	Im lặng (Nghệ sĩ) ngọt ngào	Bùng nổ (Tiên tri) được nuông chiều	Thứ 13 (Du cư) buông thả	Thiên nhiên kỹ (Anh hùng) được che chở

Chuyển bốn đường chéo về phía trước từ Thế hệ Lạc lõng và thấy (tại vị trí của Thế hệ Thứ 13) phương tiện truyền thông thường xuyên đề cập một thế hệ “Đánh mất mới.”

Mỗi nguyên mẫu trưởng thành dần, các cá tính của chúng trải qua những thay đổi sâu sắc nhưng tiêu biểu, phản ánh học thuyết Hy Lạp cổ đại cho rằng tất cả các sinh vật sống phát triển hướng tới một đích đến đối lập với dạng thức mà chúng thể hiện bản thân lần đầu tiên. Song mỗi nguyên mẫu cũng có một đặc trưng cơ bản không thay đổi. “Các định hướng giá trị không thay đổi nhiều trong suốt cuộc đời một thế hệ,” nhà xã hội học J. Zvi Namenworth viết. “Tận tụy trong suốt những giai đoạn đầu của mình, một thế hệ thường hay mang các cam kết giá trị xuống mồ.” Khi một thế hệ chiếm hết vai trò lãnh đạo của tuổi trung niên, nó sẽ thành công trong việc định hình lại môi trường xã hội để phản ánh định hướng đó. Trong khi đó, dù biết hay không, nó cũng nuôi dưỡng một thế hệ trẻ em mới như cái bóng của mình, trang bị điều này để thách thức tâm lý lãnh đạo của chính mình. Khi thế hệ cha mẹ đến tuổi già, không còn kiểm soát được cái bóng của mình, thế hệ con cái đến tuổi trưởng thành, xuất hiện như cái bóng, và phản ứng chống lại những hành động được cho là thái quá bởi những người lớn tuổi hơn so với họ.

Khi nhịp điệu này thể hiện trong hàng loạt ví dụ lịch sử, một chu kỳ bốn thế hệ lại xuất hiện. Chúng được liệt kê ở đây bắt đầu với nguyên mẫu Tiên tri – được sinh ra vào mùa xuân *saeculum*.

- Một thế hệ *Tiên tri* lớn lên như những đứa trẻ thời kỳ hậu Khủng hoảng ngày càng được chiều chuộng, đến tuổi trưởng thành như những người trẻ tuổi tham gia các cuộc vận động lớn biết tự yêu bản thân của một thời kỳ Thức tỉnh, trau dồi nguyên tắc như những trung niên có đạo đức, và xuất hiện như bậc lão niên thông thái chỉ đạo Khủng hoảng tiếp theo.
- Một thế hệ *Du cư* lớn lên như những đứa trẻ bị xao nhãng trong thời kỳ Thức tỉnh, đến tuổi trưởng thành như những

thanh niên thiếu định hướng của một thế giới hậu Thức tỉnh, dễ dàng trở thành các nhà lãnh đạo trung niên thực dụng trong Khủng hoảng, và già đi thành những lão niên cứng rắn vào thời hậu Khủng hoảng.

- Một thế hệ *Anh hùng* lớn lên như những đứa trẻ ngày càng được bảo vệ thời kỳ hậu Thức tỉnh, đến tuổi trưởng thành như những cộng sự trẻ anh hùng của một thời kỳ Khủng hoảng, tỏ ra ngạo mạn như những bậc trung niên tràn đầy năng lượng, và xuất hiện như lão niên đầy quyền lực bị thời kỳ Thức tỉnh tiếp theo tấn công.
- Một thế hệ *Nghệ sĩ* lớn lên như những đứa trẻ bị che chở quá mức trong thời kỳ Khủng hoảng, đến tuổi trưởng thành trở thành những người trẻ nhạy cảm của một thế giới hậu Khủng hoảng, đạt được tự do và trở thành những nhà lãnh đạo thiếu quyết đoán ở tuổi trung niên trong một thời kỳ Thức tỉnh, rồi thành những lão niên đồng cảm hậu Thức tỉnh.

Có ai nhận thấy chu kỳ của bốn nguyên mẫu này trước đây? Có – đã nhiều lần qua hàng ngàn năm.

CÁC NGUYÊN MẪU VÀ LỊCH SỬ

Trong suốt triều đại của Vua Solomon, khi người Do Thái bắt đầu ghi chép lại lịch sử thiêng liêng của mình, không có sự kiện nào hiện ra rõ ràng và sắc nét trong ký ức tập thể như sự rời bỏ Ai Cập và định cư tại Palestine của họ. Sự kiện này với họ cũng có ấn tượng tương tự như hành trình của *Mayflower*ⁱ với chúng ta. Cho đến ngày nay, nó chiếm sáu trong 24 sách Cựu Ước.

i. Nghĩa đen: “Hoa tháng 5”, là tên của một chiếc thuyền buồm, được những người Ki-tô giáo, trong đó có nhiều người xuất thân từ vùng Trung Anh, dùng để di cư sang Mỹ vào thập niên 1620. (ND)

Về cơ bản, Exodus là câu chuyện của bốn thế hệ.

- *Các đồng đảng sùng đạo của Moses.* Là những người trẻ, họ đã đánh thức người dân đến với tinh thần của Thiên Chúa. Từ chối đặc quyền thế gian, họ chống lại sự cai trị của Pharaoh Ai Cập. Sau đó trong đời, họ dẫn dắt người Do Thái vào một hành trình đầy kỳ diệu băng qua Biển Đỏ, đi qua hoang mạc tới ngưỡng cửa của Canaan, Miền đất Hứa.
- *Các tín đồ của Golden Calf.* Vì tội lỗi của những kẻ lang thang và “người ít đức tin” này mà Thiên Chúa đưa ra thêm thử thách và đau khổ để trừng phạt người Do Thái. Họ còn quá non trẻ để tham gia với Moses trong thử thách chống lại Pharaoh, nhưng lại đủ già dặn để nhớ được cuộc sống xa hoa khoái lạc hấp dẫn của Ai Cập.
- *Những tráng sĩ sẵn sàng làm nhiệm vụ của Joshua.* Ra đời sau thời Exodus, họ đến tuổi trưởng thành, giành thắng lợi trên các mặt trận và sau đó được trưởng lão Moses xúc dầu thánh kế nhiệm vị trí lãnh đạo. Khi họ vào Canaan (không thế hệ nào trước đó được phép làm vậy), sự đoàn kết và kỷ luật quân sự đã giúp họ chinh phục người bản địa và hiện thực hóa những ước mơ của Moses.
- *Thế hệ ban đầu của Thủ lĩnh.* Bị lu mờ trước những trận đánh của Joshua, những thanh niên “thừa kế” này đã được Joshua lúc hấp hối nhắc nhở rằng họ thích “mảnh đất không cần phải lao động, và các thành phố không cần phải xây dựng.” Sự cầm quyền của họ được đánh dấu bởi sự phân mảnh chính trị, văn hóa phức tạp, và nỗi lo lắng về tương lai.

Cự Ước giả định độ dài một giai đoạn cuộc đời là 20 năm – đây cũng là độ tuổi mà đàn ông “có thể ra trận.” Do đó chúng ta có thể xác định một vòng đời 80 năm bao gồm độ dài của bốn thế hệ và bốn giai đoạn của cuộc đời (nếu chúng ta giả định rằng các lứa tuổi được dẫn ra với Moses và Joshua là phóng đại). Chính xác 40 năm trôi qua kể từ thời

Exodus do Moses lãnh đạo cho tới cuộc xâm chiếm Canaan do Joshua dẫn đầu. Khi người Do Thái giành chiến thắng tuyệt đối trước Jericho, Moses đã là một ông già, những kẻ lang thang Golden Calf đã ở tuổi trung niên, các tráng sĩ của Joshua là những anh hùng trẻ tuổi, và các Thủ lĩnh xuất hiện như những đứa trẻ thừa kế. Một lần 40 năm nữa dẫn đến sự hợp nhất của cuộc chinh phục người Do Thái, tuổi già của thế hệ Joshua có tính kỷ luật, và việc đảm nhận muộn màng vị trí lãnh đạo của các Thủ lĩnh đầu tiên. Sau đó, “thế hệ khác xuất hiện sau họ còn không biết đến Chúa, cũng như những việc mà người đã làm cho Israel.”

Xuyên suốt câu chuyện này là nhịp điệu của *saeculum*, dài 80 năm, bắt đầu với một thời kỳ Thức tỉnh, kéo dài qua một thời kỳ Khủng hoảng và kết quả lạc quan của nó. Đầy chu kỳ *saeculum* đi chính là bốn nguyên mẫu, từng nguyên mẫu lại sở hữu vị trí dự kiến của nó trong lịch sử: các thế hệ của Moses (Tiên tri), các tín đồ Golden Calf (Du cư), Joshua (Anh hùng), và các Thẩm phán (Nghệ sĩ). Do các nhầm lẫn rối loạn về niên biểu trong Kinh Thánh xảy ra ngay sau khi chinh phục Canaan, không ai biết liệu một *saeculum* mới có xuất hiện ở nơi mà *saeculum* trước đó đã kết thúc. Các học giả cho rằng các thế hệ kế tiếp đã sống trong những chu kỳ bốn giai đoạn lặp lại với sự tự mãn, lời tiên tri, sự trừng phạt, và sự giải thoát. Khi các sự kiện xảy ra, nhất là những sự việc xấu, Cựu Ước thường cảnh báo rằng các hậu quả (thường là những lời nguyên rủa và sự trừng phạt) sẽ kéo dài “cho đến thế hệ thứ tư” nhưng không bao giờ vượt quá. Tuy nhiên, người Do Thái cổ đại đã không nhớ được những tiết lộ tâm linh sau đó tương ứng với lời của Moses hoặc những chiến thắng thế tục tương ứng với cảnh báo của Joshua. Nếu một chu kỳ thế hệ đã từng tồn tại thì nó đã bị quên lãng. Như trong *Sách Giảng viên*ⁱ đã viết, “Một thế hệ mất đi, và một thế hệ khác lại xuất hiện: nhưng Trái đất tồn tại mãi mãi.”

i. Nguyên văn: “*Ecclesiastes*”, là một trong 24 cuốn sách thuộc Kinh thánh Hebrew, được phân loại là một trong những cuốn thuộc phần *Books of Psalms* (Sách Thánh Vịnh), hay còn gọi là *Ketuvim* (Thi Thiên).

Câu chuyện Exodus được cho là đã xảy ra vào thế kỷ 13 TCN, gần với khoảng thời gian một chuỗi các sự kiện về thế hệ được cho là sẽ mở ra trong thế giới Aegean cổ đại. Giống như những người viết nên Cựu Ước, Homer đã có một dự cảm tự nhiên cho nhịp điệu của các thế hệ. “Giống như các mùa lá, con người cũng vậy,” ông nhận định trong *The Iliad*. “Tại một thời khắc gió thổi lá rơi xuống đất nhưng sau đó rừng sum xuê / Cho sinh sôi nảy nở, và mùa xuân xuất hiện; / Vì vậy, cùng với những thế hệ người, luân phiên đến và đi.”

Bốn nhân vật chính trong *The Iliad* và *Odyssey* là những hiện thân huyền thoại của bốn nguyên mẫu thế hệ: Nestor (Tiên tri), Agamemnon (Du cư), Odysseus (Anh hùng), và Telemachus (Nghệ sĩ). Vòng đời của họ được bộc lộ theo thời gian. Khoảng một thế hệ trước Chiến tranh thành Trojan, Nestor trung tuổi, nổi tiếng đức hạnh, là người cai trị Pylus; Agamemnon, đã sống sót qua một thời thơ ấu trong gia đình tàn ác, là một hoàng tử trẻ giàu có vô hạn; Odysseus là một thanh niên săn lợn rừng ở Ithaca; còn Telemachus chưa ra đời. Trong những năm chiến tranh, Nestor chủ trì bằng sự thông thái “bạc đầu” trong liên minh Achaea. Giờ đã qua cái tuổi chiến đấu sung sức nhất, một Agamemnon bị ám ảnh nhưng thực dụng khôn ngoan dẫn đầu những đội quân trẻ tuổi. Chiến tranh đã tôi luyện Odysseus, Achilles, Ajax, và Diomedes thành những người khổng lồ chiến thắng. Trong khi đó, vợ của Odysseus là Penelope lại nuôi dạy Telemachus, một đứa trẻ nhạy cảm vốn phục tùng lời khuyên của người già. 20 năm sau, chiến tranh kết thúc, Nestor trở về quê hương an toàn – Agamemnon cũng vậy, và chỉ bị sát hại khi đã phạm quá nhiều tội lỗi. Odysseus trở về Ithaca để đóng vai anh hùng trung niên và cứu vương quốc. Telemachus đến tuổi trưởng thành, ngoan ngoãn và với sự giúp đỡ của cha mình, mong chờ thừa kế vương quyền trong một thời đại hòa bình.

Chuỗi sự kiện kết thúc sau ba phần tư *saeculum*, xoay quanh một thời kỳ Khủng hoảng nhưng không hề để cập một thời kỳ Thức tỉnh.

Homer không nói gì về những điều xảy ra sau đó. Như với người Do Thái, nhịp điệu *saeculum* một lần nữa bị giảm thiểu dần do vòng tròn không thay đổi của truyền thống xã hội, mà từ đó *saeculum* đã nổi lên rõ nét trong một thời gian ngắn. Chu kỳ biến mất, và các thời kỳ đen tối lại quay trở lại – những áng sử thi không còn xuất hiện được nữa.

Như trong Cựu Ước và sử thi Homer, văn học cổ điển đầy những đoạn cao trào và các mảnh ghép của các chu kỳ thế hệ. Những nhà thơ và sử gia vĩ đại thuở ban đầu – Homer, Thucydides, Virgil, và Livy – thường tập trung vào những chu kỳ được bắt đầu với các nguyên mẫu Anh hùng, trong khi các truyền thuyết thiêng liêng lại tập trung vào những chu kỳ khởi đầu với nguyên mẫu Tiên tri (ví dụ những người mở đầu như Abraham, Moses, Lão Tử, Phật, Christ, hoặc Muhammad).

Rõ ràng, các xã hội cổ đại đã biết về hai kiểu mẫu cơ bản của chuỗi sự kiện thế hệ: một kiểu bắt đầu với một sự kiện quân sự hoặc sáng lập thể chế, một kiểu bắt đầu với một sự kiện tinh thần hoặc thiết lập các giá trị. Chỉ là vấn đề thời gian trước khi ai đó trực cảm về việc có thể có một sự kết nối lịch sử (không đơn thuần là có tính huyền thoại) giữa hai sự kiện này.

Có lẽ người đầu tiên tạo ra kết nối này chính là triết gia chính trị nổi tiếng Polybius. Vào thế kỷ 2 TCN, Polybius nghiên cứu lịch sử các thành bang Hy Lạp-La Mã và nhận thấy các chế độ chính trị tiến triển theo định kỳ – từ vương quyền đến quý tộc tới dân chủ rồi tình trạng hỗn loạn vô chính phủ – để từ đó một vương quyền mới sẽ xuất hiện. Bản thân sự tiến triển này không có gì mới: Plato và Aristotle từng nói tương tự. Nhưng Polybius đã đi xa hơn. Ông đặc biệt liên kết nó với một mô hình về sự nối tiếp thế hệ. Theo quan điểm của ông, những vị vua đầu tiên của thành bang nói chung là mạnh mẽ và tốt, nhưng con cái họ quá yếu đuối và tham nhũng, nên cuối cùng một cuộc nổi loạn sẽ nổ ra giữa tầng lớp quý tộc cùng thời với *chúng*. Thế hệ quý tộc sáng lập cai quản khá tốt, nhưng con cái họ lại mắc vào nền chính

trị đầu sỏ, dẫn đến một cuộc nổi loạn dân chủ giữa những người cùng thời với *chúng*. Một thế hệ sau đó, con cái của những nhà dân chủ đầu tiên lại mắc vào chính quyền quân chúng cai trị theo số đông, dẫn đến một tình trạng vô chính phủ. Đúng lúc đó, một vị vua mới nắm quyền kiểm soát, và chu kỳ này lặp lại. Polybius không bao giờ cho biết chuỗi sự kiện này xảy ra trong bao lâu. Rõ ràng, nó có thể xảy ra từ từ, trong một khoảng thời gian nhiều thế kỷ – hoặc nhanh hơn, trong vòng một *saeculum* (bốn thế hệ).

Hơn 1.500 năm sau, nhà triết học-chính khách táo bạo Ibn Khaldun nhận thấy một mô hình tương tự trong nền chính trị của thế giới Islam giáo trung cổ. Trong cuốn sách *Muqaddimah* của mình, Khaldun nhận xét rằng “thanh thế” của các triều đại Islam giáo trung cổ chỉ kéo dài “bốn thế hệ.” Thế hệ đầu tiên thiết lập quyền lực bằng cách chinh phục, sau đó cai trị với một thẩm quyền đương nhiên. Thế hệ thứ hai chứng kiến và ngưỡng mộ thành tựu đó, nên nó cạnh tranh một cách yếu ớt. Thiếu kiến thức trực tiếp về cách thành lập các triều đại, thế hệ thứ ba không chỉ thiếu mà còn bỏ qua những phẩm chất của người sáng lập, vì vậy triều đại suy yếu thêm. Lớn lên dưới sự giáo dục thiếu hiểu biết, thế hệ thứ tư đến tuổi trưởng thành chán ghét triều đại mà sau này sẽ sụp đổ. Trong hỗn loạn, một thế hệ sau đó sinh ra một vị vua mới và triều đại mới, và chu kỳ lặp lại. Toàn bộ chu kỳ về phẩm chất thuộc triều đại kéo dài khoảng một thế kỷ, và Khaldun sử dụng phép ẩn dụ phong phú để ví quỹ đạo và tuổi thọ của nó với chính vòng đời con người.

Polybius và Khaldun thường được ca ngợi là những người tiên phong về lý thuyết xã hội hiện đại bởi hai phát hiện: thứ nhất, lịch sử chuyển động qua các giai đoạn (chu kỳ hoặc tuyến tính) của sự thay đổi xã hội; và thứ hai, những căng thẳng cha mẹ-con cái mang lại động lực thúc đẩy xã hội chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn sau. Sau Cách mạng Pháp, ảnh hưởng của cả hai khái niệm phát triển

nhanh chóng. Đến thế kỷ 19, những người có học nhất tin rằng lịch sử chuyển động theo các giai đoạn có phối hợp và mang tính phát triển. Tương tự, họ giả định rằng dòng chảy thế hệ đóng vai trò quan trọng nào đó trong việc điều khiển chuyển động này. Chắc chắn rằng hai ý tưởng này đã bắt đầu thúc đẩy chéo lẫn nhau. Khi triết gia người Pháp Paul-Émile Littré cho rằng lịch sử chuyển động trong một chuỗi tiến triển gồm bốn bước – từ đạo đức đến công nghiệp đến khoa học đến thẩm mỹ – ông đã so sánh nó với cách mà những thế hệ nối tiếp nhau. Khi tiểu thuyết gia người Nga Ivan Turgenev xuất bản cuốn sách *Cha và Con*, độc giả đương thời cho rằng ông đang phê bình một lý thuyết về sự thay đổi xã hội.

Không ai lĩnh hội sự thúc đẩy phát triển chéo này nghiêm túc hơn học giả Giuseppe Ferrari. Sinh ra trong khoảng thời gian Napoleon qua đời và đến tuổi trưởng thành cùng với các thanh niên cấp tiến của thập niên 1840, Ferrari nhận thấy trong lịch sử phương Tây có một chu kỳ tương tự như của Khaldun. Ferrari là một người Ý ủng hộ nền cộng hòa khi quê hương Piedmont của ông vẫn nằm trong sự kìm kẹp của vương triều Áo. Sau sự thất bại của các cuộc nổi dậy năm 1848, ông tham gia giới trí thức Ý khác và trốn sang Paris, nơi ông đã viết *Teoria dei periodi politici* (Tạm dịch: Lý thuyết về thời kỳ chính trị), một tiểu luận về những nguyên nhân mang tính thế hệ của “các thời kỳ chính trị.” Ferrari tin rằng sự thay đổi thế hệ là động lực duy nhất đằng sau tất cả những tiến bộ văn minh kể từ khi Đế chế La Mã kết thúc. *Teoria* của ông là một danh sách bách khoa về *Generazioni* (các thế hệ) qua nhiều thế kỷ, được nhóm thành các chu kỳ [gồm] bốn kiểu mẫu, mà ông nhấn mạnh là “yếu tố chính của thủy triều lên và xuống” trong lịch sử Pháp, Đức, Nga, Ý, và các nơi khác. Theo Ferrari, một thế hệ cách mạng đưa ra một ý tưởng mới, thế hệ phản động đấu tranh chống lại ý tưởng đó, một thế hệ hòa hợp sử dụng ý tưởng đó để thiết lập cộng đồng và xây dựng thể chế chính trị, còn một thế hệ chuẩn bị thì làm suy yếu dần sự hòa hợp ấy, sau đó chu kỳ lặp lại.

Nửa thế kỷ sau, một sự quá mức của lịch sử – tác động của Thế chiến I đối với thế hệ người châu Âu sắp đến tuổi trưởng thành – đã truyền cảm hứng cho sử gia người Đức Eduard Wechsler viết về các thế hệ như một sự tiếp nối “những cuộc đấu tranh về thế giới quan.” Ông xác định “có tất cả bốn nền tảng cổ xưa bao gồm tri giác, suy nghĩ, kinh nghiệm, và hiểu biết, đều có niên đại từ thời Hy Lạp cổ đại,” chúng nối tiếp nhau trong một chuỗi cố định. Ông mô tả bốn loại gồm có vật lý-cơ học, toán-hữu tỉ, vũ trụ-hữu cơ, và đạo đức-cá nhân, lưu ý mỗi loại có *Denkform* (cách suy nghĩ/ cách tư duy) của riêng nó đối với hầu hết mọi thứ trong cuộc sống: ghét, yêu, tiếp cận với nghệ thuật, quan điểm về Thiên Chúa, v.v.. Đối với từng mẫu thế hệ, ông gán cho một thể loại tư duy (khoa học, hùng biện, thần thoại, sử thi) và một mô hình hình học của tư duy (kim tự tháp, hình nón, hình tròn, xoắn ốc).

Ngay sau Thế chiến II, Arnold Toynbee mô tả “Chu kỳ Thế hệ Tự nhiên” là cơ sở cho chu kỳ chiến tranh của ông, thực tế đây là một lý thuyết về các mẫu thế hệ. Toynbee khẳng định, lý do những cuộc chiến tranh lớn nổ ra trong các khoảng thời gian định kỳ là vì ảnh hưởng của chúng đối với con người ở các độ tuổi khác nhau. Những người lính trẻ của một cuộc chiến tranh lớn sau đó kiểm chế không tuyên bố một cuộc chiến khác khi họ trở thành các nhà lãnh đạo lớn tuổi. Những người không nhớ chút nào về cuộc chiến sau đó lại trở thành người tuyên bố cuộc chiến tranh lớn tiếp theo. Khi bạn đặt các thế hệ chuyển tiếp vào giữa những người chiến đấu trong chiến tranh và những người tuyên chiến, bạn có thể xây dựng một chu kỳ [gồm] bốn mẫu theo nhịp của chu kỳ chiến tranh Toynbee.

Cách mạng Nhận thức gần đây nhắc đến hai lý thuyết mới về bốn mẫu thế hệ, một của châu Âu và một của Mỹ. Trở lại thập niên 1920, khi Ortega y Gasset mô tả chi tiết “các quỹ đạo quan trọng” của các thế hệ châu Âu trước thời phát xít, ông chưa bao giờ tổ chức những lý thuyết của mình thành một hệ thống. Sau khi Ortega y Gasset qua đời,

học trò ông đã làm việc này. Julián Marías áp dụng ý tưởng của thầy mình vào những gì mà sau này đã xảy ra với “thế hệ 1968” hỗn loạn (những người châu Âu đồng đảng với Thế hệ Bùng nổ của Mỹ). Marías nhận định được một chu kỳ bốn phần: Thế hệ thứ nhất tạo ra và khởi xướng, thế hệ thứ hai tạo ra một tính cách tuân thủ, thế hệ thứ ba phản ánh và đưa ra giả thuyết, còn thế hệ thứ tư mang phong cách thách thức các khuôn mẫu và tập quán.

Cũng trong khoảng thời gian đó ở Mỹ, giáo sư chuyên khoa nghiên cứu chính trị trường Đại học Harvard là Samuel Huntington nhận thấy có một Khoảng cách Thế hệ khiến các giảng viên thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất giống ông đối đầu với những sinh viên chuyên gây rối loạn thuộc Thế hệ Bùng nổ. Ông trả lời bằng cách xác định một chu kỳ IVI (Institutions versus Ideals – Thiết chế đối lập với Lý tưởng) lặp đi lặp lại bốn phần, một sự luân phiên giữa các giai đoạn phát triển thiết chế và phát triển giá trị, trải qua hai thế kỷ từ thập niên 1770 đến thập niên 1960. Chu kỳ của Huntington phù hợp với *saeculum*. Và mặc dù ông không xác định rõ ràng cách phân loại thế hệ, nhưng ông trực tiếp ám chỉ một điều: Thế hệ thứ nhất xây dựng các thiết chế, thế hệ thứ hai hoàn thiện các thiết chế đó trong khi bắt đầu nhận thức được những khiếm khuyết đạo đức của mình (một thái độ mà ông gọi là đạo đức giả), thế hệ thứ ba đề xuất những ý tưởng mới, và thế hệ thứ tư thử nghiệm những ý tưởng này trong khi bắt đầu nhận thức được những thiếu sót về thực tiễn của mình (một thái độ mà ông gọi là hoài nghi).

Gần đây hơn, một chu kỳ bốn mẫu đã được nhận thấy bởi George Modelski, trong bối cảnh chu kỳ dài Toynbee về chiến tranh và hòa bình. Khi nghiên cứu lịch sử thế giới mà đặc biệt là ở Mỹ, Modelski mô tả một sự thay đổi có tính chu kỳ giữa việc thiết lập các định mức và đạt được các mục tiêu. Bị thuyết phục trước lời dạy của Talcott Parsons rằng sự thay đổi xã hội diễn ra trong bốn giai đoạn, nên Modelski đã

khẳng định rằng một xã hội không thể đi trực tiếp từ việc thiết lập các định mức đến việc đạt được mục tiêu rồi tới thiết lập định mức mới mà không trải qua các giai đoạn trung gian. Điều mà Modelski gọi là “cơ chế thế hệ” làm nền tảng cho động lực *saeculum* bốn phần của ông là một sự nối tiếp của các thế hệ đến tuổi trưởng thành đi từ một thế hệ xây dựng đến một thế hệ thích ứng tới một thế hệ chuẩn mực rồi một thế hệ cạnh tranh.

Các chu kỳ bốn loại thế hệ

Nguồn	Tiên tri	Du cư	Anh hùng	Nghệ sĩ
CỰU ƯỚC	Moses (tiên tri)	các tín đồ Golden Calf (vô đạo)	Joshua (quả cảm)	Thủ lĩnh (quản lý)
HOMER	Nestor (khôn ngoan)	Agamemnon (bị nguyên rủa)	Odysseus (ngạo mạn)	Telemachus (cung kính)
POLYBIUS	dân túy	vô chính phủ	đế vương	quý tộc
KHALDUN	phốt đời	khinh miệt	sáng lập	ngưỡng mộ
FERRARI	cách mạng	phản động	hòa hợp	chuẩn bị
WECHSSLER	hữu cơ (huyền thoại, chu kỳ)	cá nhân (sử thi, xoắn ốc)	cơ học (khoa học, kim tự tháp)	toán học (hùng biện, hình nón)
TOYNBEE	tuyên chiến	quá già để chiến đấu	chiến đấu	quá trẻ để chiến đấu
MARÍAS	trầm ngâm	chống lại phong tục	khởi xướng	tuân thủ
HUNTINGTON	dạy đời	hoài nghi	thiết chế hóa	đạo đức giả
MODELSKI	chuẩn mực	cạnh tranh	xây dựng	thích ứng

Tất cả những lý thuyết này phản ánh một mô hình từ thời Cựu Ước – một chu kỳ [gồm] bốn mẫu đã được thấy qua 4.000 năm, ở nhiều nền văn hóa, cùng mọi hệ thống chính trị và xã hội có thể tưởng tượng. Các tên gọi thì khác nhau, nhưng thứ tự nguyên mẫu (Tiên tri

– Du cư – Anh hùng – Nghệ sĩ) luôn có thể xác định được – và luôn giống nhau.

Trong các xã hội cổ đại, chu kỳ bốn nguyên mẫu này xuất hiện bất cứ khi nào thời kỳ Khủng hoảng sinh ra một Thế hệ Anh hùng hoặc bất kỳ khi nào một thời kỳ Thức tỉnh sinh ra một Thế hệ Tiên tri. Sau đó, tính ì của truyền thống đã cản trở chu kỳ này và đẩy xã hội trở lại với một vai trò được xác định từ trước và không thay đổi tương ứng cho mỗi giai đoạn cuộc đời. Khi thời đại hiện đại bắt đầu, chu kỳ thế hệ này xuất hiện một lần nữa. Tuy nhiên, lần này truyền thống nhường bước, và chu kỳ bốn nguyên mẫu tiếp tục với sức mạnh riêng của mình. Cho dù vấn đề lịch sử là gì, Namenworth đều nhận thấy nó cần “bốn thế hệ trọn vẹn và nối tiếp nhau đi theo một trình tự giải quyết vấn đề hoàn chỉnh.” Ông tiếp tục cho rằng, đối với chúng ta thời hiện đại, “sự nối tiếp thế hệ này do đó cũng có thể phác họa rõ nét bánh xe của thời đại chúng ta.”

Không ở đâu và khi nào khác trong lịch sử con người, chu kỳ của các thế hệ lại đẩy bánh xe thời gian này với lực mạnh như ở Mỹ.

CHƯƠNG 4

CÁC CHU KỲ CỦA LỊCH SỬ

Khối đá granite trên núi Rushmore là công trình tưởng niệm bốn nhà lãnh đạo Mỹ vĩ đại. Được sinh ra trong một khoảng thời gian dài 126 năm, George Washington, Thomas Jefferson, Theodore Roosevelt, và Abraham Lincoln đại diện cho bốn thế hệ khác nhau (Tự do, Cộng hòa, Tiến bộ, và Siêu việt). Nhưng ngọn núi này mô tả nhiều hơn thế: Nhìn từ trái sang phải, du khách thấy mình chứng vịnh cửu về hình ảnh vị tổng thống được tôn kính nhất của mỗi nguyên mẫu không hề được chạm khắc theo trình tự thời gian, mà theo trình tự *saeculum*: *Du cư*, *Anh hùng*, *Nghệ sĩ*, và *Tiên tri*. Trong con mắt của nhà điêu khắc núi Rushmore Gutzon Borglum, sức mạnh của những huyền thoại nguyên mẫu một lần nữa đã tự khẳng định mình.

Hàng triệu người Mỹ đã cảm thấy ở công trình tưởng niệm này một sự tái hiện được cân bằng một cách tuyệt vời của lịch sử dân tộc mình. Một số thế hệ được nhớ đến vì đã đấu tranh cho những nguyên tắc vĩ đại, các thế hệ khác là vì đã xây dựng được những thể chế vững mạnh. Một số được nhớ đến với tính thực dụng và sự táo bạo, số khác là với sự hiểu biết và tính linh hoạt. Mỗi nguyên mẫu đã tự làm nên sự vĩ đại của chính mình, những đức tính và năng lực đặc biệt riêng của nó. Để phát triển, thịnh vượng, và tồn tại được qua những cú sốc của lịch sử, Mỹ không chỉ cần một hoặc hai, mà đúng ra là cả bốn nguyên mẫu này.

Sự kết hợp của cả bốn nguyên mẫu này không phải ngẫu nhiên. Nó phản ánh một sự cân bằng động, khởi nguồn khi nhân loại bắt đầu đặt ra câu hỏi, Chúng ta có thể làm thế nào để xã hội *tốt hơn*?

NGUỒN GỐC CỦA CHU KỲ MỸ

Chu kỳ tự duy trì của các nguyên mẫu hình thành từ thời điểm thế giới đã tuyệt giao hoàn toàn với truyền thống và thời gian theo chu kỳ. Điều này đã xảy ra ở Tây Âu trong 25 năm cuối cùng của thế kỷ 15.

Thời kỳ Phục hưng này – được cả Jules Michelet và Jacob Burckhardt gọi là “tái khám phá thế giới và con người” – đã đánh dấu ngưỡng cửa thật sự của việc phương Tây bước vào lịch sử hiện đại. Đó là một thời đại của nghệ thuật và kiến trúc huy hoàng, chứng minh rằng “con người” giờ đây đúng là “thước đo của vạn vật.” Đó là một thời đại xây dựng quốc gia chuyên quyền, khi những nhà cầm quyền xây dựng quyền lực tập trung lớn mạnh và giả tạo một sự cân bằng quyền lực mới đầm máu bằng các phương tiện là pháo, tàu chiến, súng hỏa mai, và quân đội hùng hậu. Đó là một thời đại của hoạt động thương mại sôi động, tăng trưởng dân số bền vững, và thám hiểm những vùng đất mới tuyệt vời, khiến các đế chế toàn cầu xuất hiện nhanh chóng.

Song ngay cả với tuyến đường biển đến Cathay và vô số *palazzi ducali* (dinh thự của Tổng trấn và các quý tộc), thì thời hiện đại vẫn chỉ hoàn tất được một nửa sự ra đời của mình. Nửa còn lại chỉ xuất hiện vào khoảng 40 hay 50 năm sau đó. Đó là khi bản ngã thay thế của thời hiện đại xuất hiện cùng nhiệt huyết tinh thần của Cải cách Tin Lành, cùng các quan điểm dị biệt, cải cách, phản ứng, và bách hại đi kèm. Cải cách Tin lành đã định nghĩa lại việc tìm kiếm niềm tin đạo đức, một sự tìm kiếm không còn quan tâm đến những giáo sĩ và người cai trị thế tục, mà về những nguyên tắc mỗi người đều có thể được thấy rõ bởi cá nhân mỗi người. Bằng cách xóa bỏ những trung gian giữa cá nhân và

Thiên Chúa, Cải cách đã đưa ra một định nghĩa hoàn toàn hiện đại về đức tin và lương tâm. Trong khi phong trào Phục hưng phá vỡ và xây dựng lại trật tự thế tục trung cổ, thì Cải cách Tin lành cũng làm như vậy với trật tự tôn giáo trung cổ. Trong khi phong trào Phục hưng xác định lại thời gian lịch sử như là tiến bộ thế tục hướng tới hạnh phúc, thì Cải cách Tin lành định nghĩa lại nó như là tiến bộ tâm linh hướng tới sự cứu rỗi. Một khi cả hai phong trào đã đi hết hành trình của mình, quan điểm của phương Tây về lịch sử và tương lai sẽ chẳng bao giờ trở lại như trước nữa.

Tiếp sinh lực cho những thay đổi này là hai thế hệ châu Âu đáng chú ý. Thế hệ đầu tiên, hiện thân của nguyên mẫu Anh hùng, được sinh ra trong hai thập niên giữa thế kỷ 15. Những cái tên đáng nhớ nhất vang dội cùng với sự chinh phục, chủ nghĩa duy lý, và phát minh thực tế: những nhà cai trị như Lorenzo “Vĩ đại” của Florence, Charles “Dũng cảm” của Burgundy, Ivan “Đại đế” của Nga, Ferdinand và Isabella của Tây Ban Nha; những nghệ sĩ như Botticelli, da Vinci, và Bramante; cùng các nhà thám hiểm như Christopher Columbus, Amerigo Vespucci, và Vasco da Gama. Thế hệ còn lại, sinh ra sau đó khoảng 40 năm, hiện thân của nguyên mẫu Tiên tri. Trên lục địa châu Âu, những cái tên đáng nhớ nhất là Martin Luther, John Calvin, Ulrich Zwingli, William Tyndale, Charles V của Tây Ban Nha, Ignatius Loyola, âm vang cùng với sự nhiệt huyết, lòng say mê, và óc phán đoán.

Do đó thời hiện đại đã tạo ra một cuộc đụng độ tuyệt vời giữa các nguyên mẫu thế hệ. Trong khi Thế hệ Anh hùng đầu tiên ăn mừng vẻ ngoài huy hoàng của sức mạnh con người chế ngự thiên nhiên, thì cái bóng Tiên tri cách Anh hùng hai thế hệ, phần nộ trước sự vô luân “thối tha” của sự thể hiện ngạo mạn này (y như Luther thuật lại chuyến thăm Ý ở tuổi trưởng thành của mình), lại tôn vinh ngọn lửa nội lực của sức mạnh Thiên Chúa đối với con người. Được thúc đẩy bởi chu kỳ ban đầu này, các chu kỳ khác nối tiếp theo, khởi động nhịp điệu của lịch

sử hiện đại và một niềm đam mê của phương Tây với những sự tương phản thế hệ kéo dài đến tận ngày nay.

Trong khi chu kỳ thế hệ hiện đại có thể được cho là bắt nguồn từ Tây Âu vào cuối thập niên 1400, nguồn gốc của chu kỳ thế hệ Mỹ có thể được xác định với độ chính xác cao hơn. Địa điểm là quần đảo British Isles – quê hương của xã hội vốn chi phối từ lâu sự phát triển của khu vực Bắc Mỹ nói tiếng Anh. Thời điểm là năm 1485, khi quân đội của một quý tộc trẻ dũng cảm tên là Henry Tudor đã đánh bại và hạ gục Vua Richard III gần thị trấn Market Bosworth. Sự kiện này đã chấm dứt những cuộc Chiến tranh Hoa hồng và đảm bảo cho Anh một nền quân chủ Tudor năng động. Khi làm như vậy, nó đã biến Anh thành một quốc gia với những nguyên tắc hiện đại về tính chính danh chính trị. 49 năm sau đó, con trai của Henry tranh thủ được sự ủng hộ của dân chúng đang sôi sục tinh thần về lòng nhiệt thành và sự cải cách để đuổi các thế lực tôn giáo (và thế tục) hùng mạnh của Giáo hội La Mã. Khi làm như vậy, ông đã bảo đảm cho Anh một nhà thờ quốc gia theo “Tin Lành” với các nguyên tắc hiện đại về tính chính danh tôn giáo.

Cũng giống như phần còn lại của châu Âu, Anh ra khỏi thời trung cổ là do lực đẩy của hai thế hệ có tầm ảnh hưởng lịch sử, thế hệ này là cái bóng nguyên mẫu của thế hệ kia. Đầu tiên, Thế hệ Hiệp sĩ Anh hùng của Henry VII và John Cabot đặt nền móng chính trị. Tiếp theo, Thế hệ Cải cách Tiên tri của Henry VIII và John Knox đặt nền móng tôn giáo.

Trong hai thế kỷ tiếp theo, một chuỗi luân phiên giữa Thế hệ Anh hùng và Tiên tri đã thai nghén một nền văn minh mới của Mỹ:

- Thế hệ Elizabeth của William Shakespeare sinh ra thế hệ Anh hùng, những người đã tạo dựng các khu định cư đầu tiên của người Anh trên bờ Đại Tây Dương (khoảng năm 1600).

- Thế hệ Thanh giáo của John Winthrop sinh ra thế hệ Tiên tri, những người đã kêu gọi cuộc Đại di cư đầu tiên đến Mỹ (khoảng năm 1640).
- Thế hệ Huy hoàng của “Vua” Carter sinh ra thế hệ Anh hùng, những người đã biến một khu thuộc địa lạc hậu hỗn loạn thành một xã hội địa phận ổn định (khoảng năm 1690).
- Thế hệ Thức tỉnh của Jonathan Edwards sinh ra thế hệ Tiên tri, những người tuyên bố Tân Thế giới độc lập về cả mặt xã hội và tinh thần với Cựu Thế giới (khoảng năm 1740).
- Thế hệ Cộng hòa của Thomas Jefferson sinh ra thế hệ Anh hùng, những người sáng lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (khoảng năm 1790).

Quan sát thấy chu kỳ thế hệ của người Mỹ có nguồn gốc từ Anh tất nhiên không phải là để gán nguồn gốc cá nhân của đa số người Mỹ với một góc nhỏ của địa cầu. Bạn phải quay lại đầu thế kỷ này – năm 1900 – để tìm một nước Mỹ với hơn một nửa dân số tự coi mình là người gốc Anh. Bây giờ chỉ có khoảng một phần năm dân số tự coi như vậy. Một phần lớn vẫn tự coi mình có nguồn gốc Tây Âu, nhưng tỉ lệ này cũng giảm dần. Để lần theo dòng dõi gia đình của hàng chục triệu người Mỹ hôm nay, bạn sẽ phải kể một câu chuyện có nội dung chủ yếu không liên quan đến các quốc gia dân tộc đã xuất hiện trong phạm vi biên giới của Đế chế La Mã cổ đại.

Đối với người Mỹ bản địa, câu chuyện tương tự bắt đầu từ 30 thiên niên kỷ trước, khi các dân tộc châu Á đầu tiên di cư theo đường bộ qua eo biển Bering và hình thành những nền văn minh bộ lạc trên các vùng đất trước kia là những dòng sông băng. Đối với người Mỹ da đen, một câu chuyện tương tự bắt đầu từ những vương quốc Trung Phi và kể về cảnh bắt bớ, giam cầm, buôn bán nô lệ, và Tuyến trung gian

của tam giác thương mạiⁱ chết chóc dẫn tới Tân Thế giới. Đối với vô số người nhập cư sau này, những câu chuyện như vậy đến từ khắp nơi trên Trái đất – từ các nông trang khoai tây dọc theo sông Shannon tới những cánh đồng lúa dọc theo dòng Dương Tử; từ những làng xã đông dân của Ukraine tới những vùng đất cằn cỗi của Thụy Điển; từ những xóm lao động ở Mexico tới những làng chài Đông Dương.

Mặc dù người Mỹ ngày nay đa dạng về sắc tộc, nhưng còn đó thực tế về *chu kỳ* của lịch sử Tân Thế giới bắt nguồn từ người di cư gốc Anh, họ là những người duy nhất chi phối sự phát triển của nền văn minh thuộc địa mà sau này trở thành Mỹ. Trong hơn hai thế kỷ sau khi thành lập Jamestown và Plymouth, người Mỹ bản địa bị đẩy gần như hoàn toàn ra khỏi những ranh giới đã được xác lập của nền văn minh đó. Ngoại trừ người khai hoang và người làm nghề săn bắt sinh sống rải rác ở vùng ven, rất ít thực dân có quan hệ thân thiết với dân bản địa. Rất đông người Mỹ gốc Phi sống cạnh những thực dân và chiếm gần một phần năm dân số tính đến năm 1776, chắc chắn có ảnh hưởng định hình lớn hơn đối với xã hội Mỹ. Nhưng đại đa số họ sống trong bốn thuộc địa miền Nam, nơi mà chế độ nô lệ kiểm soát chặt chẽ ảnh hưởng này.

Ngoài người bản địa và người da đen, sự đa dạng sắc tộc của Mỹ còn bắt nguồn từ một xuất phát điểm tương đối gần đây. Trong số những thực dân da trắng, người nhập cư gốc Anh chiếm đa số trong một thời gian dài. Đến năm 1720, một *saeculum* hoàn chỉnh kể từ sau Lễ Tạ ơn tại Đồn điền Plymouthⁱⁱ, một ước tính có khoảng 90% thực

i. Nguyên văn: “Middle Passage”, tuyến đường buôn bán nô lệ châu Phi sang châu Mỹ, thuộc tam giác thương mại xuyên Đại Tây Dương giữa châu Âu-châu Mỹ-châu Phi từ thế kỷ 15 đến 19. (ND)

ii. Lễ Tạ ơn ngày nay có nguồn gốc từ năm 1621 tại Đồn điền Plymouth, nơi những người định cư tại Plymouth cùng những người Da đỏ Wampanoag đã cùng tổ chức một lễ hội sau một mùa thu hoạch thành công. (ND)

dân tự do có tổ tiên là người Anh, Scotland, hoặc Ulster Scot. Năm 1820, hai *saeculum* sau đó, con số này vẫn loanh quanh 80%; và phần còn lại có khoảng một nửa là người gốc Đức hay Hà Lan – những dân tộc có lịch sử đan xen với Anh. Cuối thập niên 1830, hầu hết dân cư tự do của Mỹ là người Bắc Âu và theo Tin Lành. Những cuộc tranh luận chính trị “của người Mỹ” chủ yếu là về tiền lệ của Anh, và việc sử dụng tiếng Anh đã được chuẩn hóa ở Mỹ hơn cả ở chính Anh.

Cục diện này bắt đầu thay đổi với những làn sóng nhập cư ồ ạt của Thế hệ Vàng son vào thập niên 1840. Khi đến, họ và những người nhập cư khác đã đẩy và kéo chu kỳ thế hệ người Mỹ gốc Anh, vốn đã có động lượng lịch sử lớn lao. Giống như các mặt trăng mới được phát hiện trong một quỹ đạo hành tinh, những làn sóng nhập cư mới này đã ảnh hưởng đến các quỹ đạo xã hội của tất cả các bên, cả những người thiểu số mới đến và đa số cư dân.

Mặc dù không trực tiếp liên quan đến nguồn gốc của chu kỳ, nhưng những câu chuyện của người Mỹ gốc Phi và người nhập cư không phải gốc Anh được liên kết chặt chẽ với nhịp điệu của chu kỳ. Từ Khởi nghĩa Stono năm 1739 đến Cuộc nổi dậy năm 1831 của Nat Turner, từ phong trào ý thức của người da đen trong giai đoạn chuyển giao thế kỷ của W. E. B. Du Bois đến những mùa hè dài nóng bỏng của thập niên 1960, các thách thức lớn nhất của Mỹ chống lại chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đều trùng với giai đoạn đến tuổi trưởng thành của nguyên mẫu Tiên tri. Sự nổi lên của những dân tộc mới (người Đức Công giáo và người Ireland Công giáo trong thập niên 1850; người Do Thái, Ý, và Ba Lan trong thập niên 1910; người gốc Tây Ban Nha và châu Á ngày nay) thường trùng với giai đoạn đến tuổi trưởng thành của nguyên mẫu Du cư. Tương tự, những phản ứng tiêu cực nhất của những người coi trọng dân bản xứ hơn đã phản ánh một sự thôi thúc lặp đi lặp lại của các phụ huynh nhằm bảo vệ tuổi thơ của nguyên mẫu Anh hùng còn non trẻ.

Sự tồn tại của Mỹ như là một điểm đến ưa thích của những người di cư trên thế giới đã đóng một vai trò rất quan trọng trong sự xuất hiện thế hệ như một đơn vị của lịch sử. Vào đầu thời kỳ hiện đại của châu Âu, bao gồm cả Anh, tư cách thành viên có ý nghĩa trong các thế hệ được giới hạn chỉ cho giới tinh hoa, những người vốn không bị truyền thống trói buộc và tự do xác định lại các vai trò xã hội trong bất kỳ giai đoạn cuộc đời nào của họ. Tuy nhiên, sau Jamestown và *Mayflower*, Tân Thế giới mang cơ hội này đến cho bất kỳ ai có thể mua hoặc mượn quyền đi qua. Từ thế kỷ 17 đến nay, cam kết thay đổi thế hệ là một lý do khiến Mỹ vẫn như một cục nam châm với người muốn nhập cư trên toàn thế giới. Trong một loạt các giai đoạn gồm khoan dung tôn giáo, độc lập quốc gia, quyền bầu cử cho nam giới không có tài sản, giải phóng nô lệ, quyền dân sự đầy đủ cho phụ nữ và các chủng tộc thiểu số, Mỹ ngày càng cho phép nhiều người tiếp cận được thước đo trọn vẹn của Giấc mơ Mỹ về sự tiến bộ thế hệ.

Ngày nay mọi người, cho dù hoàn cảnh khó khăn ra sao hay vừa mới đặt chân đến Mỹ, đều có một cơ hội đầy thành ý để chia sẻ trong việc xác định lại các vai trò xã hội, và từ đó có thể tham gia vào những gì tạo nên chu kỳ thế hệ lần lượt. Một phần vì kiểu xã hội mà những người nhập cư đầu tiên tạo ra ở đây, nhưng cũng vì bản chất của người dân được thu hút đến đây, nên Mỹ là nơi cung cấp minh chứng rõ ràng nhất của thế giới về chu kỳ thế hệ đang diễn ra.

CÁC NGUYÊN MẪU TRONG LỊCH SỬ MỸ

Từ Thế hệ Hiệp sĩ đến Thế hệ Thiên niên kỷ ngày nay, đã có 24 thế hệ trong dòng lịch sử của người Mỹ gốc Anh. Sáu thế hệ đầu tiên là người Anh thuần chủng. Bốn thế hệ tiếp theo là người dân thuộc địa, nhưng vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi xã hội và chính trị Anh. Thế hệ thứ 11 (Thức tỉnh, sinh từ năm 1701 đến 1723) đã trở thành thế hệ người Mỹ đặc trưng đầu tiên – những người đầu tiên có tên, năm sinh,

và tính cách khác biệt rõ rệt với những người đồng đảng này ở Liên hiệp Vương quốc Anh. Thức tỉnh cũng là thế hệ đầu tiên chính gốc Mỹ, và sau này, là những người đầu tiên biết đến quốc gia và cờ Mỹ. Vì vậy, mặc dù trẻ em thuộc Thế hệ Thiên niên kỷ ngày nay là thế hệ thứ 24 trong toàn bộ dòng dõi thế hệ của chúng ta sau thời trung cổ, nhưng là thế hệ thứ 14 trong dòng thế hệ Mỹ.

Trong phần khái quát về *Saeculum* của người Mỹ gốc Anh, bắt đầu từ trang 221 thế hệ này được chia thành các nhóm theo *saeculum* mà ở đó họ ra đời. Các bản tóm tắt về bốn thế hệ được cung cấp trong mỗi *saeculum*, bắt đầu với nguyên mẫu Tiên tri và kết thúc với Nghệ sĩ. Năm sinh của Tiên tri đầu tiên và năm sinh của Nghệ sĩ cuối cùng chính là ranh giới ngày tháng rõ ràng của *saeculum*. Mô hình bộ bốn lặp lại này có hai trường hợp ngoại lệ: *Saeculum* đầu tiên vào nửa cuối thời trung cổ (câu chuyện bắt đầu bằng một nguyên mẫu Anh hùng) và *saeculum* Nội chiến (sự bất thường đúng đắn duy nhất chỉ sinh ra ba thế hệ chứ không phải bốn). Xét tổng thể, bản tóm tắt này đưa ra một tiểu sử tập thể về thời hiện đại qua theo trình tự các thế hệ, trên quan điểm về vòng đời. Nó không giống với lịch sử bạn sẽ thấy được trình bày trong vô số các nghiên cứu thông thường.

Lưu ý tới cách mà bốn nguyên mẫu nối tiếp nhau trong một trật tự lặp lại. Mỗi nguyên mẫu đều trải qua một thời kỳ Thức tỉnh và một thời kỳ Khủng hoảng tại một số thời điểm trong vòng đời của nó và luôn gặp phải những thời kỳ này ở cùng một giai đoạn của cuộc đời. Lưu ý xem vị trí mà lịch sử định hình các thế hệ trẻ hơn cũng như được các thế hệ trước đó định hình theo một cách có thể dự đoán được như thế nào? Ở đây một lần nữa, ngoại lệ duy nhất xuất hiện khi *Saeculum* Nội chiến không sinh ra nguyên mẫu Anh hùng.

Để hiểu được sự kết nối giữa các thế hệ này và lịch sử, phải suy ngẫm về bốn cá tính nguyên mẫu và rà soát lại danh sách những người nổi tiếng có chung một nguyên mẫu.

Chúng ta nhớ nhất là niềm đam mê của *Thế hệ Tiên tri* khi họ ở tuổi trưởng thành (sự sôi nổi của Jonathan Edwards, William Lloyd Garrison, William Jennings Bryan) và sự quản lý đầy nguyên tắc của họ khi về già (sự tỉnh táo của Samuel Langdon tại Bunker Hill, Tổng thống Lincoln tại Gettysburg, và Franklin Roosevelt với các bài diễn văn buổi tối trên radio thuộc chuỗi Fireside Chats). Những đứa trẻ càng được chiều chuộng thì khi trở thành cha mẹ lại càng bao bọc con em mình. Những tài năng chính của họ thuộc các lĩnh vực *tâm nhìn, giá trị, và tôn giáo*. Những nhà lãnh đạo nổi tiếng nhất của thế hệ này bao gồm John Winthrop và William Berkeley, Samuel Adams và Benjamin Franklin, James Polk và Abraham Lincoln, Herbert Hoover và Franklin Roosevelt. Đây là những nhà đạo đức có tính nguyên tắc, là những người kêu gọi sự hy sinh của con người, và đặt cược về các cuộc chiến tranh chính nghĩa. Lúc đầu đời, họ không hề khoác lên mình quân phục; về cuối đời, hầu hết họ được tôn kính vì những lời truyền cảm hứng hơn là vì những hành động vĩ đại.

Chúng ta nhớ nhất là những năm tháng thanh niên trưởng thành từ địa ngục của *Thế hệ Du cư* (những chàng trai Paxton, những kẻ cướp Missouri, những tên buôn lậu rượu) và những năm tháng lãnh đạo thực tế, hiệu quả của họ ở tuổi trung niên (Francis Marion, Stonewall Jackson, George Patton). Khi còn nhỏ không được che chở, họ trở thành những cha mẹ bảo vệ con mình quá mức. Các lĩnh vực hoạt động chính của họ là *tự do, sinh tồn, và danh dự*. Những nhà lãnh đạo nổi tiếng nhất của họ bao gồm Nathaniel Bacon và William Stoughton, George Washington và John Adams, Ulysses Grant và Grover Cleveland, Harry Truman và Dwight Eisenhower. Đây là những con người thực tế và xảo quyệt, khó mà bị qua mặt – những chiến binh lăm lè, thích đối mặt với vấn đề và một chọi một với kẻ thù. Thế hệ này chỉ có hai tổng thống từng treo cổ một người đàn ông trước đó (Washington và Cleveland), một thống đốc từng treo cổ các phù thủy (Stoughton), và một số nhà lãnh đạo từng chỉ huy quân đội trên chiến trường trước đây (Bacon, Washington, Grant, Truman, và Eisenhower).

Chúng ta nhớ nhất các chiến thắng dồn dập ở tuổi trưởng thành của *Thế hệ Anh hùng* (Cách mạng Vinh quang, Yorktown, D-Day) và các thành tựu đầy tham vọng của họ lúc tuổi già (Hòa ước Utrecht và bộ luật nô lệ, Vụ mua Louisiana và tàu hơi nước, các lần phóng tàu *Apollo* lên Mặt trăng và các tuyến cao tốc liên bang). Càng được bao bọc khi còn nhỏ, thì khi trở thành phụ huynh họ càng nuông chiều con cái. Những lĩnh vực hoạt động chính của họ là *cộng đồng*, *sự sung túc*, và *công nghệ*. Những nhà lãnh đạo nổi tiếng nhất của họ bao gồm Gurdon Saltonstall và “Vua” Carter, Thomas Jefferson và James Madison, John Kennedy và Ronald Reagan. Họ là những nhà xây dựng thiết chế đầy mạnh mẽ và lý trí. Tất cả đều là những người ủng hộ tích cực sự thịnh vượng kinh tế và chủ nghĩa lạc quan quần chúng ở tuổi trung niên, tất cả đều giữ được tiếng tăm trong lòng dân chúng và năng lực đến tận cuối đời.

Chúng ta nhớ nhất những năm tháng thanh niên lặng lẽ của *Thế hệ Nghệ sĩ* (những người dân khai hoang sống trong căn nhà gỗ ghép vào năm 1800, những nông dân vùng đồng bằng năm 1880, những người dân ngoại ô mới năm 1960) và trong những năm trung niên với sự lãnh đạo năng động xây dựng sự đồng thuận (những thỏa hiệp thời đại Whig, những cải cách tốt của chính phủ thời đại Tiến bộ, các kế hoạch ngân sách và tiến trình hòa bình của thời đại hiện nay). Được bao bọc quá nhiều khi còn nhỏ, họ lại trở thành những bậc cha mẹ quá nổi lỏng trong việc bảo vệ con cái. Những lĩnh vực hoạt động chính của họ là *đa nguyên*, *chuyên môn*, và *nguyên tắc xét xử công bằng*. Những nhà lãnh đạo nổi tiếng nhất của họ bao gồm William Shirley và Cadwallader Colden, John Quincy Adams và Andrew Jackson, Theodore Roosevelt và Woodrow Wilson, Walter Mondale và Colin Powell. Đây là những nhà chuyên viên xã hội nhạy cảm và phức tạp, ủng hộ lối chơi công bằng và nền chính trị hòa nhập. Ngoài Andrew Jackson là ngoại lệ duy nhất, họ đều là những nhà lãnh đạo chính trị hàng đầu và được tin cậy nhất của Mỹ.

Như được thể hiện trong bảng ở trang 178, bốn nguyên mẫu này đã giúp cân bằng và tự điều chỉnh để câu chuyện Mỹ tiếp tục. Nếu được thừa hưởng quá nhiều hoặc quá ít từ di sản tổ tiên ở bất kỳ một nguyên mẫu nào trong bốn nguyên mẫu này, thì ngày nay chúng ta sẽ cảm thấy tội nghiệp hơn vì điều đó.

Mỗi thế hệ đều có tất cả những gì lịch sử không có: một khởi đầu, một kết thúc, và một con đường hữu hạn ở giữa. Như Ortega đã nhận xét, một thế hệ không phải là một đối tượng tĩnh tại, mà là một “quỹ đạo năng động” giữa những hy vọng của tuổi trẻ và những ký ức của tuổi già. Nó không bao giờ quan tâm nhiều đến việc một thế hệ *đang ở đâu* cũng như *sẽ đi đâu*.

Ở đây chúng ta lại quay về với sự thông thái của người xưa: cách mà mọi sinh vật, qua quá trình phát triển của nó, vẫn không thay đổi và lại vẫn biến đổi thành thể đối lập của nó. Ở khía cạnh nào đó, một thế hệ luôn giữ được cá tính của thời thanh niên; nhưng ở khía cạnh khác, lại thể hiện cá tính đó rất khác nhau ở mỗi giai đoạn kế tiếp của cuộc đời. Chúng ta thấy điều này trong Thế hệ Vĩ đại nhất, vốn từng tự hào về bản thân vì đã cống hiến cho tương lai, nhưng giờ đây họ lại là nhóm vận động tiêu dùng lớn nhất trong lịch sử Mỹ. Chúng ta thấy điều này trong Thế hệ Im lặng, vốn từng bị mắng mỏ vì chủ nghĩa tuân thủ “đám đông cô đơn” của mình, nhưng giờ đây họ đang tận hưởng một phong cách sống của chủ nghĩa cá nhân hồ hởi đầy “những quyết định” và các sự chọn lựa. Thế hệ Bùng nổ từng mơ về một Pepperland đầy khoan dung, niềm vui và tình yêu, nhưng giờ đây lại kiểm soát nghiêm khắc sự quá khích của tuổi trẻ. Những người đầu tiên thuộc Thế hệ Thứ 13 tham gia vào các hành vi rủi ro cao khi đến tuổi trưởng thành, nhưng những người chủ gia đình non trẻ này ngày nay bắt đầu quay sang chống lại những rủi ro đối với cá nhân và cộng đồng. Nhịp điệu cứ thế tiếp tục.

Các nguyên mẫu trong lịch sử

Nguyên mẫu	Anh hùng	Nghệ sĩ	Tiên tri	Du cư
Các thế hệ	Hiệp sĩ Elizabeth Huy hoàng Cộng hòa – Vĩ đại nhất Thiên niên kỷ	Nhân văn Nghị viện Khai sáng Thỏa hiệp Cấp tiến Im lặng	Cải cách Thanh giáo Thức tỉnh Siêu việt Sứ mệnh Bùng nổ	Trả đũa Kỵ sĩ Tự do Vàng son Lạc lõng Thứ 13
DANH TIẾNG THỜI THƠ ẤU	ngoan	điềm tĩnh	hăng hái	hư
TRƯỞNG THÀNH	được công nhận	bất mãn	mộ đạo	thiếu sự dù dặt
ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU Ở THỜI TRƯỞNG THÀNH	thế tục	phụ thuộc lẫn nhau	nội tâm	tự lực
THỜI THANH NIÊN	xây dựng	chịu khó trau dồi	trầm ngâm	cạnh tranh
BƯỚC SANG THỜI TRUNG NIÊN	ngại lực tới ngạo mạn	tuân thủ tới trải nghiệm	khách quan tới phán xét	điên cuồng tới kiệt sức
PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO KHI BƯỚC VÀO THỜI LÃO NIÊN	bình quyền, chan hòa	đa nguyên, do dự	đạo đức, khổ hạnh	cô độc, thực dụng
DANH TIẾNG THỜI LÃO NIÊN	uy quyền	nhạy cảm	thông thái	cứng rắn
SỰ ĐỐI XỬ NHẬN ĐƯỢC KHI VỀ GIÀ	được đền ơn	được yêu mến	được kính trọng	bị xa lánh
ĐƯỢC NUÔI DẠY NHƯ THẾ NÀO	ngghiêm khắc	che chở quá mức	thoải mái	thiếu sự che chở
NUÔI DẠY CON CÁI NHƯ THẾ NÀO	thoải mái	thiếu sự che chở	ngghiêm khắc	che chở quá mức
DANH TIẾNG	vị tha, lý trí, năng lực	chu đáo, phóng khoáng, tinh thông	nguyên tắc, cương quyết, sáng tạo	khôn khéo, thực tế, nhạy bén
TAI TIẾNG	thiếu ngẫm nghĩ, máy móc, quá táo bạo	ủy mị, phức tạp, do dự	ái kỷ, tự phụ, tàn nhẫn	lãnh đạm, văn hóa thấp, phóng túng
KHẢ NĂNG THIÊN PHÚ	cộng đồng, sự sung túc, công nghệ	đa nguyên, chuyên môn, nguyên tắc xét xử công bằng	tâm nhìn, giá trị, tôn giáo	tự do, sinh tồn, danh dự

Những gì xảy ra một cách riêng biệt với mỗi thế hệ chỉ là một phần của bức tranh. Quan trọng hơn với lịch sử là những gì cùng xảy ra với các thế hệ. Họ già đi tại đúng thời điểm theo cái cách mà François Mentré mô tả là “những viên ngói trên một mái nhà” – xếp chồng lên nhau đúng lúc, đúng mục đích, và trợ lực lẫn nhau. Khi các thế hệ già đi, họ cùng nhau tạo thành *những nhóm* nguyên mẫu mới làm thay đổi mọi khía cạnh xã hội, từ chính phủ và nền kinh tế đến văn hóa và đời sống gia đình.

Trong suốt tiến trình của một chu kỳ, những nhóm này có thể tạo ra các kết quả xã hội khác nhau một cách rõ rệt. Hãy suy ngẫm về hai xã hội sau đây sẽ khác nhau như thế nào: Một xã hội đứng đầu là các Anh hùng lớn tuổi cởi mở và các Nghệ sĩ trung niên thiếu kiên định, những công trình công cộng kết hợp giữa họ bị các Tiên tri trẻ tuổi hung hăng đốt cháy, và sự tự do của họ bị lũ trẻ Du cư hấp tấp quấy rầy. Xã hội còn lại được dẫn dắt bởi những Tiên tri già ưa chỉ trích và những Du cư trung niên thực dụng, những công trình công cộng kết hợp giữa họ được những Anh hùng trẻ tuổi có tinh thần đồng đội ủng hộ, và các nhiệm vụ của họ không bị lớp Nghệ sĩ trẻ thụ động cản trở. Xã hội trước là một nhóm thuộc thời kỳ Thức tỉnh giống như hai thập niên trước đây, trong Cách mạng Nhận thức. Xã hội sau là một nhóm thuộc thời kỳ Khủng hoảng như trong Thế chiến II và Khủng hoảng sắp tới.

CÁC NGUYÊN MẪU VÀ NHỮNG BƯỚC CHUYỂN

Mỗi *bước chuyển* là một thời kỳ với một tâm trạng xã hội đặc trưng, một sự biến đổi trong cách mọi người cảm nhận về bản thân và đất nước mình. Đó là kết quả từ sự già đi của nhóm thế hệ. Mỗi xã hội có một bước chuyển sau khoảng mỗi 20 năm, khi tất cả các thế hệ đang sống bắt đầu bước vào giai đoạn tiếp theo của cuộc đời mình. Giống như nguyên mẫu và các nhóm, bốn bước chuyển tạo thành một *saeculum* và luôn đi theo một trình tự giống nhau:

- *Bước chuyển Thứ nhất* là *thời kỳ Lạc quan*. Tiên tri cũ biến mất, Du cư bước vào tuổi già, Anh hùng sang tuổi trung niên, Nghệ sĩ đến tuổi thanh niên, và một thế hệ mới là Tiên tri ra đời.
- *Bước chuyển Thứ hai* là *thời kỳ Thức tỉnh*. Du cư cũ biến mất, Anh hùng bước vào tuổi già, Nghệ sĩ sang tuổi trung niên, Tiên tri đến tuổi thanh niên, và một thế hệ mới là Du cư ra đời.
- *Bước chuyển Thứ ba* là *thời kỳ Tan rã*. Anh hùng cũ biến mất, Nghệ sĩ bước vào tuổi già, Tiên tri sang tuổi trung niên, Du cư đến tuổi thanh niên, và một thế hệ mới là Anh hùng ra đời.
- *Bước chuyển Thứ tư* là *thời kỳ Khủng hoảng*. Nghệ sĩ cũ biến mất, Tiên tri bước vào tuổi già, Du cư sang tuổi trung niên, Anh hùng đến tuổi thanh niên, và một thế hệ mới là Nghệ sĩ ra đời.

Giống như bốn mùa của thiên nhiên, bốn bước chuyển của lịch sử cũng cần thiết và quan trọng không kém. Thời kỳ Thức tỉnh và Khủng hoảng là những điểm chí của *saeculum*, giống như mùa hè và mùa đông, mỗi thời kỳ lại có một giải pháp cho một thách thức mà thời kỳ kia đặt ra. Thời kỳ Lạc quan và Tan rã là các điểm phân của *saeculum*, giống như mùa xuân và mùa thu, mỗi thời kỳ lại theo đuổi một con đường ngược chiều với thời kỳ kia. Khi một xã hội bước vào thời kỳ Thức tỉnh hoặc Khủng hoảng, tâm trạng mới tự tuyên bố là một bước ngoặt bất ngờ theo định hướng xã hội. Thời kỳ Thức tỉnh bắt đầu khi các sự kiện làm nổ ra một cuộc cách mạng về văn hóa, thời kỳ Khủng hoảng bắt đầu khi các sự kiện gây ra một biến động trong đời sống cộng đồng. Một thời kỳ Lạc quan hoặc Tan rã tự tuyên bố là sự hợp nhất bất ngờ của định hướng mới. Thời kỳ Lạc quan bắt đầu khi xã hội nhận thấy những vấn đề cơ bản của thời kỳ Khủng hoảng trước đó đã được giải quyết, đặt một chế độ xã hội mới vững chắc vào đúng chỗ. Thời kỳ Tan rã bắt đầu với nhận thức rằng thời kỳ Thức tỉnh đã được giải quyết, đặt một tư duy văn hóa mới vào đúng chỗ.

Con đường dẫn đến một bước chuyển mới có thể là rõ ràng và kịch tính (như Sụp đổ Thị trường Chứng khoán năm 1929) hoặc khó thấy và dần dần (như chương trình Morning in America vào năm 1984). Nó thường xảy ra trong vòng hai đến năm năm sau khi một thế hệ trẻ em mới bắt đầu ra đời. Mỗi liên kết chặt chẽ giữa những con đường dẫn tới bước chuyển và các ranh giới thế hệ cho phép mỗi nguyên mẫu lặp đầy toàn bộ một giai đoạn cuộc đời, ngay khi tâm trạng về một bước chuyển cũ trở nên nhàm chán và cảm thấy chín muồi để thay thế bằng một thứ gì mới mẻ.

Bốn bước chuyển bao gồm một chu kỳ xã hội với bốn giai đoạn tăng trưởng, trưởng thành, hỗn loạn, và hủy diệt (và tái sinh). Trong một Thời kỳ Lạc quan giống như mùa xuân, xã hội củng cố, xây dựng, và hội tụ giữa một thời đại đầy hứa hẹn. Trong một Thời kỳ Thức tỉnh giống như mùa hè, xã hội mơ ước, vận hành, và hân hoan giữa một thời đại đầy hưng phấn. Trong một Thời kỳ Tan rã giống như mùa thu, xã hội thu hoạch, tiêu thụ, và phân rã giữa một thời đại đầy lo lắng. Trong một Thời kỳ Khủng hoảng giống như mùa đông, xã hội tập trung, đấu tranh, và hy sinh giữa một thời đại sống còn. Do đó, khi *saeculum* chuyển động, không ai có thể đi hết đời người mà không phải chứng kiến một xã hội đối mặt với những nhu cầu tâm linh và thể tục sâu xa nhất của nó.

Cứ mỗi 20 đến 25 năm (hoặc, theo cách nói thông thường, cứ mỗi một thế hệ), người ta lại ngạc nhiên với sự xuất hiện của một mùa *saeculum* mới, chỉ vì con người vào cuối xuân mới biết đến ngày nồm ẩm ngọt ngào đầu tiên, hoặc phải vào cuối thu mới biết đến cơn bão tuyết đầu tiên. Chúng ta tiếp tục quên rằng lịch sử, giống như tự nhiên, phải xoay vần. Abraham Lincoln hiểu rõ điều này. Phát biểu với đám đông chỉ 18 tháng trước vụ ném bom pháo đài Sumter, ông đã kể câu chuyện về một vị vua châu Á từng chỉ đạo các bề tôi thông thái của mình soạn thảo một tuyên bố “luôn được xem là đúng đắn và phù hợp

mọi lúc mọi nơi.” Sau khi nghiên cứu cẩn trọng, các nhà hiền triết đã soạn ra một câu trả lời: “Điều này rồi cũng sẽ qua đi.”

Thời hiện đại đã tạo ra tới sáu lần lặp lại cho mỗi bước chuyển. ừ sự ghi nhận của lịch sử, các loại hình sau đây có thể được hình thành.

Bước chuyển Thứ nhất

Một *thời kỳ Lạc quan* mang lại sự hồi sinh cho đời sống cộng đồng. Với trật tự xã hội mới đang ở đúng chỗ, mọi người muốn để lại thời kỳ Khủng hoảng đằng sau mình và cảm thấy hài lòng về những gì họ đã cùng nhau đạt được. Bất kỳ vấn đề xã hội nào chưa được giải quyết ở thời kỳ Khủng hoảng hiện vẫn còn nguyên.

Yêu cầu hy sinh vì nhiệm vụ đã giảm xuống, nhưng xã hội vẫn tiếp tục cần đến sự trật tự và đồng thuận. Nỗi sợ hãi gần đây đối với sự sống còn của nhóm chuyển hóa thành khao khát đầu tư, tăng trưởng, và sức mạnh – lần lượt tạo ra một kỷ nguyên của thịnh vượng về thương mại, thống nhất về thiết chế, và ổn định về chính trị. Những tranh luận dữ dội của quần chúng là về biện pháp, chứ không phải mục đích. An ninh là một nhu cầu cao nhất. Các cá nhân sốt sắng phục vụ một xã hội có mục đích – dù có một vài cá nhân đơn lẻ nêu lên nỗi băn khoăn về khoảng trống tinh thần. Cuộc sống có xu hướng thân thiện và đồng nhất, nhưng thái độ đối với rủi ro cá nhân lại bắt đầu nói lỏng. Cảm giác hổ thẹn (của người luôn giữ bốn phận và sự tuân thủ) đạt đến đỉnh cao của nó. Phân biệt giới tính đạt tới mức cực đại, còn trẻ em trở nên được nuông chiều hơn. Chiến tranh là điều khó xảy ra, ngoại trừ những dư âm không mong muốn từ thời kỳ Khủng hoảng gần đây.

Cuối cùng, đời sống xã hội dường như hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát, nhưng tinh thần thì tắt ngấm một cách đáng lo. Mọi người lo rằng, với tư cách một xã hội, họ có thể *làm* mọi thứ nhưng không còn *cảm thấy* điều gì nữa.

Thời kỳ Lạc quan của Mỹ sau Thế chiến II có thể coi là đỉnh cao của tâm trạng quốc gia qua mọi thời đại. Thời đại Vàng son ập vào thời đại công nghiệp nhờ sự hỗ trợ của tốc độ hình thành vốn nhanh chưa từng có trong lịch sử Mỹ, được tượng trưng bởi các tua-bin khổng lồ tại gian Máy móc của Triển lãm Thế kỷ. Vào đầu thế kỷ 19, các mạng lưới hình học của Đặc khu Columbia và những thị trấn Lãnh thổ Tây Bắc phản ánh tâm trạng của một cộng đồng có trật tự đạt đến đỉnh cao trong Kỷ nguyên Hạnh phúcⁱ, quãng thời gian duy nhất một Tổng thống Mỹ tái đắc cử do sự tung hô. Trong thập niên 1710 đầy lạc quan, những bài tụng ca về cây lanh và nghề hàng hải đã gợi lên một xã hội quan tâm đến “tính hữu dụng” và “những công trình tốt” (theo cách nói của Cotton Mather).

Nhớ lại khái niệm tương lai vào khoảng năm 1963 của Mỹ: Chúng ta tràn đầy tinh thần lạc quan trong vở nhạc kịch *Camelot*, một tương lai nhộn nhịp với những con người thông minh ẩn chứa các dự án lớn và “những giấc mơ bất khả” vừa mới đạt được. Đặt chân lên Mặt trăng và xóa đói giảm nghèo, cả hai đều được thực hiện trong vòng một thập niên. Miền đất Tương lai là một tương lai thân thiện với những con đường trên cao di động, những lô khối hình học màu sắc nhẹ nhàng, nhạc nền êm dịu, và những gia đình có thu nhập cao. Ở khu vực Vòng quay của Tiến bộⁱⁱ, sự tiến bộ vẫn giữ nguyên vị trí trong khi vòng quay (thứ di chuyển) chính là khán giả. Tương lai có nét đặc trưng và sự chắc chắn, nhưng thiếu tính thôi thúc và định hướng đạo đức.

i. Nguyên văn: “Era of Good Feelings”, tâm trạng quốc gia của Mỹ từ năm 1815 đến 1825, được mô tả lần đầu trên tờ báo *Columbian Centinel* của thành phố Boston vào ngày 12 tháng 7 năm 1817. Giai đoạn này gắn liền với hai nhiệm kỳ Tổng thống của James Monroe.

ii. Nguyên văn: “Carousel of Progress”, một khu vực tham quan tại Disney Tomorrowland, nơi người xem khám phá những niềm vui của cuộc sống từ quá khứ đến tương lai, từ sự ra đời và phổ biến của điện tới những tiến bộ về công nghệ khác trong thế kỷ 20 thông qua quan sát đời sống một gia đình người Mỹ “điển hình”.

Bước chuyển Thứ hai

Một *thời kỳ Thức tỉnh* đang đến với sự thách thức đáng kể trước những giả thuyết của Lạc quan về lý do nhân từ và những thiết chế tương đồng. Thế giới bên ngoài giờ đây cảm thấy tầm thường khi so với thế giới bên trong.

Những kế hoạch tinh thần mới và các lý tưởng xã hội bùng nổ – cùng những thử nghiệm không tưởng để tìm cách dung hòa giữa sự giao hảo với toàn quyền tự chủ. Sự thịnh vượng và an ninh của một thời kỳ Lạc quan bị coi thường một cách công khai, dù ngấm ngấm đã được mặc định là sẵn có những điều đó. Một xã hội tìm kiếm linh hồn còn hơn cả khoa học, các ý nghĩa còn hơn mọi vật chất. Những cuộc tấn công rực lửa tuổi trẻ phá vỡ cả trật tự thiết chế đã được thiết lập. Khi những cuộc tấn công này gây thiệt hại, xã hội khó mà thống nhất được quanh các mục tiêu chung. Mọi người không còn tin rằng tiến bộ xã hội đòi hỏi kỷ cương xã hội. Bất kỳ nỗ lực công khai nào nhằm yêu cầu kỷ cương chung đều vấp phải sự tranh cãi đầy miệt thị. Những cuộc chiến được tiến hành một cách lúng túng và sau đó chẳng còn được nhớ đến. Một sự nhiệt tình phấn khích trước nhu cầu tinh thần che khuất cả lo ngại về các vấn đề thể tục, khiến những lối sống đầy rủi ro được chấp nhận rộng rãi. Để tránh xấu hổ, mọi người bắt đầu cảm thấy những gì họ đã làm trước đó là tội lỗi. Trật tự chung giảm sút, tội phạm và lạm dụng chất gây nghiện gia tăng. Sự phân biệt giới tính thu hẹp, việc nuôi dạy con cái chỉ đạt đến mức độ bảo vệ và cách thức tối thiểu.

Cuối cùng thì sự nhiệt tình nguội đi, để lại một chế độ văn hóa cũ hoàn toàn mất uy tín, kẻ thù nội bộ được xác định, sự thân thiện bị phá vỡ, và các thiết chế mất đi tính chính thức.

Nhiều người Mỹ nhớ lại tâm trạng này tại các khuôn viên trường đại học và trên những đường phố đô thị trong Cách mạng Nhận thức. Những thế hệ trước đó đã từng trải qua một tâm trạng tương tự ở Làng

Greenwich vào khoảng năm 1900, ở các cộng đồng không tưởng vào khoảng năm 1840, ở Thung lũng Connecticut gần một thế kỷ trước đó, và ở New Jerusalems của người Thanh giáo trong mấy thập niên hậu *Mayflower*.

Nhớ lại khái niệm về tương lai vào khoảng năm 1984 của Mỹ: Miền đất Tương lai đã dần biến chuyển qua *2001: A Space Odyssey* (Tạm dịch: Năm 2001: Chuyến du hành không gian) đến *Chiến tranh giữa các vì sao* và *Close Encounters of the Third Kind* (Tạm dịch: Cuộc gặp mặt với người ngoài hành tinh), một tương lai tinh thần trong đó ý thức con người chiến thắng máy móc. Những viễn cảnh xen kẽ giữa sự hoàn hảo và thảm họa, giữa những điều không tưởng ngợi ca tình yêu và sự tàn lụi tiêu diệt mọi thứ. Chúng ta tin rằng sự tự thể hiện được ưu tiên hơn sự tự kiểm soát, ngay cả khi chúng ta vẫn cho rằng các thể chế lớn sẽ tiếp tục liên kết và hoạt động không mấy khó khăn.

Bước chuyển Thứ ba

Một *thời kỳ Tan rã* bắt đầu như một sự bao trùm toàn xã hội của các lực lượng giải phóng văn hóa mà thời kỳ Thức tỉnh đã nói lỏng. Mọi người đã có đủ trải nghiệm như mong muốn về sự tái sinh tinh thần, phản kháng đạo đức, và thử nghiệm lối sống. Bằng lòng với những gì cá nhân họ đã trở thành, họ khẳng định mạnh mẽ một nét đặc trưng của chủ nghĩa thực dụng, tự chủ, tự do kinh tế, và chủ nghĩa sô-vanhⁱ cấp quốc gia (theo vùng miền hoặc theo sắc tộc).

Trong khi sự hài lòng của cá nhân lên cao, thì niềm tin của quần chúng giảm sút giữa bối cảnh một nền văn hóa phân mảnh, tranh luận gay gắt về các giá trị, còn những thói quen công dân ngày càng suy yếu. Những lối sống tìm kiếm khoái lạc cùng tồn tại với một quần

i. Nguyên văn: “chauvinism”, là hình thức cực đoan của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa dân tộc bài ngoại.

chúng ngày càng ít chấp nhận các hành vi cá nhân khác biệt. Cảm giác tội lỗi (của người sống nguyên tắc và theo tính cá nhân) đạt đến đỉnh điểm của nó. Sự khác biệt giới tính được thu hẹp nhất, các gia đình ổn định, và trẻ em có những sự bảo vệ mới. Khi các tranh luận đạo đức diễn ra thì các tranh luận của quần chúng là về mục đích, chứ không phải biện pháp. Hành động quyết định của quần chúng trở nên rất khó khăn vì các vấn đề của cộng đồng đã bị trì hoãn. Những cuộc chiến đang diễn ra với lòng nhiệt thành đạo đức mà không có sự đồng thuận hoặc hồi kết.

Cuối cùng, sự chán ghét hoài nghi chai cứng lại thành nỗi bi quan ủ ê. Trong thời kỳ Lạc quan, các cá nhân sốt sắng phụng sự một xã hội có mục đích, và kể cả những người xấu cũng được giao nhiệm vụ xây dựng mang tính xã hội; trong thời kỳ Tan rã, một xã hội sốt sắng phục vụ các cá nhân có mục đích, và kể cả những người tốt cũng khó kết nối với cộng đồng của mình. Nỗi ám ảnh về thảm họa chung ngày càng gần, rốt cuộc gợi ra một sự kết hợp giữa sự tê liệt với nỗi thờ ơ không thể tưởng tượng được vào nửa *saeculum* trước đó. Con người giờ đây có thể *cảm thấy*, nhưng không còn có thể cùng nhau *hành động* nữa.

Tâm trạng của thời đại Chiến tranh Văn hóa hiện nay dường như mới mẻ với hầu hết người Mỹ đang sống, nhưng không mới mẻ đối với lịch sử. Vào khoảng Thế chiến I, Mỹ đã bị ngập trong trào lưu cải cách và chính thống giữa bối cảnh đầy tội phạm, rượu, nhập cư, tham nhũng chính trị, và những phiên tòa âm ỉ. Tương tự, thập niên 1850 cũng sôi sục với sự chính trực đạo đức, kiềm chế sự nóng nảy, và “những nhà hoạt động chính trị độc lập” ngày càng nhiều. Nói như sử gia David Donald thì đó là một thập niên mà “quyền hạn của toàn bộ chính phủ ở Mỹ giảm xuống một mức thấp.” Bước vào thập niên 1760, các thuộc địa cảm thấy tinh thần trở lại nhưng quay cuồng trong bạo lực, các băng nhóm tội phạm, những cuộc nổi dậy, và lòng nghi ngờ về chuyện tham nhũng của chính quyền.

Hãy nhìn cách người Mỹ ngày nay quan niệm về tương lai: Các chuyên gia cố vấn có uy tín hoan hỉ trước những thay đổi lịch sử của thời đại thông tin, trong khi quần chúng xem nhẹ chuyên môn, không thèm ngó ngang đến tin tốt và chỉ chú tâm vào tiêu cực. Nền văn hóa đại chúng tập hợp đây những hình ảnh về tương lai như sự rối loạn trong *Total Recall* (Tạm dịch: Truy tìm ký ức), tội phạm trong *Robocop* (Tạm dịch: Cảnh sát người máy), sự trừng phạt trong *Kẻ hủy diệt*, và sự giải cứu khỏi kẻ thù trong *Independence Day* (Tạm dịch: Ngày Độc lập).

Bước chuyển Thứ tư

Một *thời kỳ Khủng hoảng* là sự đáp lại những mối đe dọa bất ngờ mà trước đây đã bị bỏ qua hoặc trì hoãn, nhưng giờ đây được nhận ra là thảm khốc. Những hiểm họa trần tục lớn làm bốc hơi sự tắc nghẽn và phức tạp của cuộc sống, để lại đằng sau một mệnh lệnh đơn giản: Xã hội phải thẳng thắn. Điều này đòi hỏi một sự đồng thuận vững chắc của cộng đồng, các tổ chức năng nổ, và sự hy sinh cá nhân.

Mọi người ủng hộ các nỗ lực mới trong việc sử dụng cơ quan công quyền, với những thành công của họ sớm được khẳng định là nhiều hơn thế. Chính phủ *quản lý*, những trở ngại cộng đồng bị loại bỏ, luật pháp và phong tục vốn chống lại sự thay đổi trong nhiều thập niên nhanh chóng bị gạt sang bên. Một mối bận tâm u ám cùng với hiểm họa xã hội làm giảm bớt sự hiếu kỳ về tinh thần. Một cảm giác cấp bách chung góp phần vào chiến dịch siết chặt hành vi xấu hoặc lối sống phản xã hội. Mọi người bắt đầu cảm thấy xấu hổ về những gì họ đã làm trước đây nhằm loại bỏ cảm giác tội lỗi. Trật tự công cộng được thắt chặt, giảm bớt rủi ro cá nhân, tội phạm và lạm dụng chất gây nghiện. Gia đình được củng cố, phân biệt giới tính nổi rộng, và việc nuôi dạy con cái đạt tới mức độ bảo vệ và hình thức khắt khe. Giới trẻ tập trung năng lượng của mình vào những thành tựu thực tiễn, để lại các giá trị

trong tay người già. Những cuộc chiến diễn ra trong giận dữ và cho kết quả tồi tệ.

Cuối cùng, tâm trạng trở nên kiệt sức, nhẹ nhõm, và lạc quan. Phấn chấn với lòng tin mới hình thành về nhóm và về chính quyền, các nhà lãnh đạo lập kế hoạch, người dân hy vọng, xã hội khao khát những điều tốt đẹp và giản đơn.

Người Mỹ lớn tuổi ngày nay nhìn nhận đây là tâm trạng của thời kỳ Đại suy thoái và Thế chiến II, nhưng một tâm trạng tương tự đã xuất hiện tại tất cả các cánh cổng vĩ đại khác trong lịch sử của chúng ta, từ Nội chiến và Cách mạng Mỹ thời thuộc địa và lịch sử Anh.

Nhớ lại quan niệm về tương lai của Mỹ trong những năm đen tối nhất của cuộc Khủng hoảng cuối cùng của nó: Từ bài hát *Somewhere Over The Rainbow* (Tạm dịch: Bên kia cầu vồng) đến mô hình trưng bày Futurama le lói tại Hội chợ Thế giới New York năm 1939, mọi người cảm thấy hy vọng, quyết tâm, và một sự đồng thuận vững chắc về nơi mà một xã hội nên đi tới: hướng đến sự giản đơn tinh thần (nhà và bánh táo) và dồi dào vật chất (lớn hơn, tốt hơn, nhiều nhà và bánh táo hơn). Tất cả những điều này dường như trong tầm tay, nhưng để thành công thì đòi hỏi tất cả phải đoàn kết, nhiều người phải hy sinh.

Tổng quan ở cuối chương này cung cấp một bản tóm tắt tất cả các bước chuyển qua bảy *saeculum* của lịch sử người Mỹ gốc Anh. Mỗi bước chuyển có những đóng góp riêng cho lịch sử. Mỗi bước chuyển lại có các giải pháp của riêng mình, đúng lúc, tạo ra những vấn đề và lo lắng mới. Như vậy, bốn bước chuyển giữ cho bánh xe thời gian vĩ đại chuyển động, truyền cho nền văn minh sức sống bền bỉ mới, đẩy cuộc phiêu lưu của con người luôn hướng về phía trước.

Bảng tóm tắt ở trang 189 trình bày một số chu kỳ diễn ra trong bốn mùa của *saeculum*. Điều này gợi nhắc câu hỏi: Lịch sử sẽ thế nào nếu *saeculum* không tồn tại?

Tâm trạng của bốn bước chuyển

	Bước chuyển Thứ nhất (Lạc quan)	Bước chuyển Thứ hai (Thức tỉnh)	Bước chuyển Thứ ba (Tan rã)	Bước chuyển Thứ tư (Khủng hoảng)
Thế hệ bước vào: THỜI LÃO NIÊN THỜI TRUNG NIÊN THỜI THANH NIÊN THỜI THƠ ẤU	<i>Du cư</i> <i>Anh hùng</i> <i>Nghệ sĩ</i> <i>Tiên tri</i>	<i>Anh hùng</i> <i>Nghệ sĩ</i> <i>Tiên tri</i> <i>Du cư</i>	<i>Nghệ sĩ</i> <i>Tiên tri</i> <i>Du cư</i> <i>Anh hùng</i>	<i>Tiên tri</i> <i>Du cư</i> <i>Anh hùng</i> <i>Nghệ sĩ</i>
GIA ĐÌNH	bền vững	suy yếu	yếu kém	củng cố
NUÔI DƯỠNG TRẺ EM	lông lẻo	thiếu sự che chở	thắt chặt	bao bọc quá mức
KHOẢNG CÁCH TRONG CÁC VAI TRÒ GIỚI	tối đa	thu hẹp	tối thiểu	nới rộng
CÁC LÝ TƯỞNG	ổn định	khám phá	tranh cãi	thắng thế
CÁC THIẾT CHẾ	được củng cố	bị tấn công	bị sụp đổ	được thành lập
VĂN HÓA	ngây thơ	đam mê	hoài nghi	thực tiễn
CƠ CẤU XÃ HỘI	thống nhất	tan rã	đa dạng hóa	gắn kết
THẾ GIỚI QUAN	đơn giản	phức tạp hóa	phức tạp	đơn giản hóa
ƯU TIÊN VỀ MẶT XÃ HỘI	tính cộng đồng tối đa	chủ nghĩa cá nhân xuất hiện	chủ nghĩa cá nhân tối đa	tính cộng đồng gia tăng
ĐỘNG LỰC XÃ HỘI	hỗ thẹn	lương tâm	tội lỗi	sự sỉ nhục
NHẬN THỨC VỀ NHU CẦU LỚN NHẤT	làm những gì hiệu quả	ổn định thế giới nội tâm	làm những gì cảm thấy đúng	ổn định thế giới bên ngoài
TẦM NHÌN TƯƠNG LAI	tươi sáng	phấn khích	u ám	cấp bách
NHỮNG CUỘC CHIẾN	hồi phục	gây tranh cãi	không có hồi kết	tổng lực

Trong thời gian hỗn độn, lịch sử không đi theo mô hình nào. Bất kỳ nỗ lực nào để vạch ra các cột và dòng mô tả điều gì đó đều không nói lên gì cả. Xã hội sẽ chuyển động ngoằn ngoèo vô mục đích. Bất kỳ lúc nào, nó đều có thể tăng tốc, dừng lại, xoay chiều, hoặc kết thúc.

Trong thời gian tuyến tính, sẽ không có các bước chuyển, chỉ có những phân đoạn dọc theo một đường tiến lên có hướng. Mỗi phân đoạn 20 năm sẽ sinh ra nhiều sản phẩm hơn phân đoạn trước đó. Trên sơ đồ, mỗi ô trong dòng nào cũng đều giống như ô trước, nhưng với mức độ cao hơn. Thập niên 2020 sẽ là một sự ngoại suy đơn thuần của thập niên 1990, với nhiều hơn những kênh truyền hình cáp, các trang web, phúc lợi cho người lớn tuổi và các doanh nghiệp tự do – cộng với những vụ giết người bằng súng, bạo lực truyền thông, ră đám văn hóa, hoài nghi chính trị, thanh niên tha hóa, đảng phái hạ lưu, và khoảng cách giàu nghèo. Sẽ không có đỉnh cao, không có sự bằng nhau, không có điều chỉnh. Rốt cuộc, Mỹ sẽ đối hướng ngoài tầm kiểm soát trên quỹ đạo ly tâm kỳ lạ.

Trong thời gian chu kỳ, một xã hội luôn tiến hóa. Thường thì chu kỳ là một vòng xoắn ốc tiến bộ, đôi khi là một vòng xoắn ốc sụt giảm. Con người luôn cố gắng để hàn gắn những sai lầm của quá khứ, sửa chữa sự thái quá của hiện tại, tìm kiếm một tương lai mang đến bất kỳ điều gì cảm thấy cần nhất. Như vậy nền văn minh mới có thể tồn tại và phát triển.

NHỊP ĐIỆU TRONG LỊCH SỬ

Năm 1969, giữa mọi hỗn loạn tại các khuôn viên trường đại học, một nhà xã hội học trẻ tên là Peter Harris lặng lẽ xuất bản một chuyên khảo 200 với tiêu đề *Perspectives in American History* (Tạm dịch: Những góc nhìn về lịch sử Mỹ) trang trên tạp chí chuyên đề của Harvard. Trong đó Harris đưa ra một kết luận đáng chú ý: Trong hơn ba thế

kỷ của lịch sử Mỹ, cứ khoảng 22 năm, nhiều loại chỉ số xã hội – như tỉ lệ sinh, độ tuổi kết hôn, tốc độ tăng lương, tính năng động xã hội, sự tích cực hoạt động chính trị – lại thay đổi đột ngột. Nổi lên từ rất nhiều bằng chứng lưu trữ, mô hình không nhất quán này buộc Harris phải suy nghĩ lại về thuyết tuyến tính điển hình trong chuyên ngành học thuật của mình – và rốt cuộc nó khiến Harris phải chuyển đổi lĩnh vực. (Hiện ông là một giáo sư lịch sử tại Đại học Temple). Có lẽ ông đã tự hỏi, sau cùng thì những xu thế dài hạn hướng tới đô thị hóa, công nghiệp hóa, và giáo dục *không phải là* các nguồn lực chính của lịch sử. Có lẽ, thay vào đó, “có thể thấy, qua những giai đoạn lâu dài của lịch sử Mỹ, một mô hình đều đặn tới mức đáng ngạc nhiên của sự tăng trưởng và thay đổi trong hệ thống xã hội” – nói cách khác, “một hệ thống tuần hoàn thật sự của đời người.”

Gọi giai đoạn 22 năm này là một “quãng chu kỳ tăng trưởng,” Harris đã xác định được bản chất của bước chuyển. Ông thấy rằng “‘tâm trạng quốc gia’ cũng trải qua các biến động hoặc chu kỳ có liên quan chặt chẽ tới quãng thời gian quen thuộc.” Cứ thế nối tiếp nhau, các chu kỳ này đóng vai trò như một thước đo tự nhiên trên địa hình của lịch sử Mỹ. Cụ thể, ông đã chỉ ra “đó là một khoảng thời gian gần như chính xác hai chu kỳ tăng trưởng từ Nội chiến Anh đến các cuộc nổi dậy thuộc địa trong thập niên 1680 (Cách mạng Vinh quang tại Anh), trong khi Chiến tranh giành Độc lập nổ ra vào khoảng bốn chu kỳ sau đó.” Ông lưu ý, học thuyết này của mình đã từng được áp dụng vào năm 1689 để dự đoán tương lai, “thời điểm giả định cho khủng hoảng theo thời gian chu kỳ trong giai đoạn này sẽ là năm 1777.”

Trong những thập niên gần đây, nhiều học giả lỗi lạc đã đồng tình với Harris trong việc xác định những gì mà Arthur Schlesinger Jr. gọi là “mô hình luân phiên, thăng trầm, trong dòng chảy lịch sử nhân loại.” *Quãng thời gian* của những chu kỳ này là gì? Thường xuyên thì quãng thời gian của chúng là một *saeculum* hoặc một nửa *saeculum*. Những

chu kỳ nào kéo dài một *saeculum* thường có thể chia thành bốn giai đoạn về mùa. Những chu kỳ nào kéo dài một nửa *saeculum* (chẳng hạn như chu kỳ Kondratieff của các nhà kinh tế hoặc quãng tăng trưởng của Harris) thường là những chu kỳ hai thì, ăn khớp gọn gàng, giống như một nhịp đôi, với *saeculum* hoàn chỉnh. *Nguyên nhân* nào gây ra những chu kỳ này? Giống như Schlesinger, hầu hết các nhà lý thuyết cho là do thay đổi về thế hệ, cho dù họ cũng không thể nói chính xác thay đổi này như thế nào. Harris đề xuất rằng “tính cách theo phương thức” của mỗi thế hệ “biến động theo sự thay đổi có tính chu kỳ về môi trường mà trong đó sự hòa nhập xã hội diễn ra.”

Có lẽ lý do chính trong việc các nhà lý thuyết về chu kỳ này không thu hút được nhiều sự chú ý hơn là vì giới học giả chính thống cho rằng mỗi chu kỳ mới được phát hiện chỉ là một sự kiện bị cô lập. Hầu hết các học giả không tìm kiếm chu kỳ hay suy nghĩ về nguyên nhân của những chu kỳ mà họ tình cờ gặp phải. Và chừng nào các chuyên gia còn không chú ý, thì dù các mùa của lịch sử có mách bảo họ một cách chắc chắn hay hùng hồn đi nữa cũng vô nghĩa. *Saeculum* vẫn chưa được biết đến, cho dù nó vẫn được khắc trên một số ngôi mộ Etrusca bằng một thứ ngôn ngữ không ai có thể giải mã nổi.

Một số xu hướng mang tính chu kỳ thì gặp trở ngại bởi thực tế là không ai có thể định lượng chúng một cách chính xác – một người kém cỏi thường hoài nghi việc tận dụng lợi thế của chúng. Hãy xem xét thái độ của thế hệ thanh niên mới lớn đối với quyền lực chính trị và gia đình. Qua nửa *saeculum* từ năm 1935 đến 1975, số liệu điều tra khẳng định rằng thái độ đó đã chuyển từ cực này sang cực khác. Đối với những kỷ nguyên trước, những con số như vậy không tồn tại. Ví dụ, nếu chúng ta muốn nhìn vào nửa *saeculum* từ năm 1690 đến 1740, chúng ta chỉ có thể suy ra từ các nguồn chính thống và các sử gia rằng khoảng cách giữa các Đoàn Thanh niên CCC với những người hippie tại Trang trại chăn nuôi lớn của Bill Wheeler là *tương đương* với

khoảng cách giữa bài luận “*Family Well-Ordered*” (Tạm dịch: Gia đình nề nếp) sinh động của Cotton Mather thời trẻ với ngọn lửa phù hoa điên cuồngⁱ của John Davenport thời trẻ. Chúng ta cũng cần sức mạnh tưởng tượng tương tự để so sánh các nhà duy lý trẻ tuổi năng nổ (dùng bút danh “Publius”) tranh luận về luận văn *The Federalist* (Tạm dịch: Người Liên bang) trong thập niên 1780 với những người được Ralph Waldo Emerson mô tả trong thập niên 1830 là “những thanh niên sinh ra với những con dao trong não... những đàn ông điên, những đàn bà điên, những đàn ông để râu quai nón, những tín đồ Baptist gốc Đức, những người theo phong trào Muggleton, những người ra khỏi tổ chức, những người hay rên rỉ, những nông dân, những người Baptist Ngày thứ bảy, những tín đồ Quaker, những người theo chủ nghĩa bãi nô, những người theo thần học Calvin, những người theo thuyết nhất thể, và những triết gia,” họ tụ tập không có lý do, không có tính xây dựng, mà “để quở trách, cầu nguyện, thuyết giảng, hoặc phản đối.”

Tuy nhiên, kể cả khi không thể định lượng trực tiếp được xu hướng cốt lõi, nhưng đôi lúc có thể đo được những chỉ số liên quan. Hãy tự hỏi mình về những thay đổi trong thái độ của thanh niên có ảnh hưởng gì đến những cuộc nổi loạn của sinh viên? Liệu bạn có tìm ra những thay đổi của quãng thời gian tương tự? Nếu có, câu trả lời của bạn được xác nhận bởi những ghi chép cho thấy kể từ khi Thomas Hobbes (sinh cùng năm với John Winthrop) lên án các trường đại học là “cốt lõi của sự nổi loạn” chống lại Hoàng gia Anh: Cứ mỗi *saeculum*, sự khởi đầu một thời kỳ Thức tỉnh đều được đánh dấu bằng làn sóng gia tăng về số lượng và sự cuồng nộ của các cuộc bạo loạn tại trường đại học chống lại những biểu tượng về quyền lực xã hội, với các đỉnh điểm vào những thập niên 1740, 1830, 1880, và 1960. Một dấu hiệu

i. Nguyên văn: “Bonfires of Vanities”, là một sự kiện được John Davenport khởi xướng công khai tại New London, Connecticut. Cùng với Girolamo Savonarola, Davenport kêu gọi những người theo ông đốt những cuốn sách vô đạo đức và những món đồ xa xỉ.

đáng chú ý là sự thành lập của những cộng đồng không tưởng ở Mỹ. Mô hình này tràn ngập trong những năm Thức tỉnh (đặc biệt là khoảng năm 1840, 1900, và 1970) tới nỗi nhà khoa học chính trị Michael Barkun nói nó “cho thấy rõ ràng sự tồn tại của một chu kỳ không tưởng với một nhịp điệu có thể dự đoán được.”

Việc mô tả một chu kỳ lịch sử đòi hỏi cả sự giải thích lẫn sự xác định số lượng, trong một khuôn khổ mục tiêu cho phép so sánh được thời gian và cường độ. Với những dữ kiện đã biết trước này, chúng ta hãy chuyển sang chu kỳ khác cùng thời gian với *saeculum*.

Chính trị

Lý thuyết chu kỳ nổi tiếng nhất về nền chính trị Mỹ được đề xuất lần đầu tiên bởi Arthur Schlesinger Sr. Không quan tâm đến nhận xét ngẫu nhiên của Henry Adams, Schlesinger nhận thấy một dao động hơi bất thường giữa các thời kỳ tự do và bảo thủ kể từ Cách mạng Mỹ. Về sau, lý thuyết này đã được con trai ông, Arthur Schlesinger Jr., phát triển đầy đủ hơn, qua việc đặt lại tên cho các thời kỳ là năng lượng cộng đồng và lợi ích cá nhân.

Chu kỳ Schlesinger liên hệ với *saeculum* như sau: Những kỷ nguyên năng lượng cộng đồng phần lớn trùng với các bước chuyển của thời kỳ Thức tỉnh và Khủng hoảng, những kỷ nguyên lợi ích cá nhân trùng với thời kỳ Lạc quan và Tan rã. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên: Cả thời kỳ Khủng hoảng lẫn Thức tỉnh đều đòi hỏi một sự tái khẳng định mạnh mẽ về năng lượng cộng đồng – Khủng hoảng để đáp ứng nhu cầu tồn tại xã hội, Thức tỉnh để đáp ứng nhu cầu biểu hiện xã hội. Những nhu cầu như thế không xuất hiện trong thời kỳ Lạc quan hoặc Tan rã.

Mảnh ghép của Schlesinger thì không chính xác và sẽ xác đáng hơn nếu chu kỳ của ông (mỗi chu kỳ khoảng 15 năm) không diễn ra quá nhanh. Ông biện minh cho tính tuần hoàn nhanh chóng này bằng

cách chỉ ra “thế hệ” 15 năm của Ortega – một giả thuyết mà Ortega chưa bao giờ thật sự đối chiếu lại lịch sử. Người ta dự tính một chu kỳ 15 năm chệch khỏi *saeculum* khá nhanh. Nhưng bằng cách xác định những giai đoạn bất thường, Schlesinger đã giữ chu kỳ của ông khá gần với nhịp điệu *saeculum*. Tuy nhiên, gần đây nó đã bắt đầu chệch hướng. Theo phép ngoại suy của ông, Mỹ đã sẵn sàng đón nhận một liều thuốc mới nặng đô từ chủ nghĩa tự do chính phủ lớn trong năm 1988. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Bốn năm sau, khi Bill Clinton làm chủ Nhà Trắng, Schlesinger lại báo trước một bình minh mới của chủ nghĩa tự do này. Một lần nữa, điều đó không xảy ra. Mặc dù bỏ qua vấn đề thời gian, nhưng Schlesinger đã đúng về nhịp điệu cơ bản của nền chính trị Mỹ. Chính quyền độc tài không phải đã chết; nó chỉ nằm vùng, nghỉ ngơi và lấy lại năng lượng, sẵn sàng trở lại trong Bước chuyển Thứ tư.

Lý thuyết chu kỳ nổi tiếng thứ hai của nền chính trị Mỹ là chu kỳ liên kết đảng, trùng hợp hoàn hảo với *saeculum*. Cứ khoảng 40 năm, trong một thời kỳ Khủng hoảng hoặc Thức tỉnh – một “cuộc bầu cử tổ chức lại”ⁱ mới mẻ sẽ sinh ra một “hệ thống đảng phái chính trị mới.” Theo Walter Dean Burnham, những cuộc bầu cử diễn ra vào năm 1788 (phe Liên bang-phe Cộng hòa); 1828 (phe Dân chủ theo Jackson); 1860 (Lincoln phe Cộng hòa); 1896 (McKinley phe Cộng hòa); 1932 (Chính sách Kinh tế Mới phe Dân chủ); và 1968, 1972, hoặc 1980 (Nixon-Reagan phe Cộng hòa). Bằng cách đếm trên, Burnham tính toán rằng Mỹ đang ở hệ thống đảng phái thứ sáu. Mặc dù sự sắp xếp lại này không trùng với chu kỳ của chính ông, nhưng Schlesinger vẫn thừa nhận quy luật đó. “Trong 125 năm qua,” ông lưu ý, “mỗi chu kỳ tái tổ chức kéo dài khoảng 40 năm.” Nguyên nhân nào gây ra những chu kỳ

i. Nguyên văn: “realigning election”, là một thuật ngữ trong khoa học chính trị và lịch sử chính trị, mô tả một sự thay đổi mạnh mẽ hoặc tổ chức lại trong cách các cử tri bầu cử và ủng hộ một đảng phái chính trị trong một cuộc bầu cử cụ thể.

tổ chức lại này? Nhà khoa học chính trị Paul Allen Beck cho rằng trẻ em lớn lên trong những lần tái tổ chức khi trưởng thành sẽ lãng tránh chúng, trong khi trẻ em lớn lên trong thời đại chính trị “bình thường” lúc trưởng thành lại tìm kiếm chúng. Kết quả là cứ mỗi *hai* giai đoạn cuộc đời lại có *một* lần tái tổ chức.

Cả hai chu kỳ Schlesinger và Burnham mô tả một sự luân phiên hai nhịp, kéo dài một nửa *saeculum*; như vậy, cả hai đều có thể được cải thiện bằng cách diễn dịch lại chúng trong bốn mùa của một *saeculum* hoàn chỉnh. Năng lượng cộng đồng của thời kỳ Thức tỉnh không thể đánh đồng với của thời kỳ Khủng hoảng. Thuyết cấp tiến trong thập niên 1960 theo phong cách SDSⁱ không phải là một sự ban hành lại Chính sách Kinh tế Mới, cũng không phải là sự hồi tưởng rắc rối về Đảng Liên minh của Lincoln khoảng năm 1900. Một loại năng lượng cộng đồng làm suy yếu quyền lực của chính phủ; loại khác lại giúp nó mạnh hơn. Tương tự, những lợi ích cá nhân của thời kỳ Lạc quan không thể bị đánh đồng với những lợi ích cá nhân của Tan rã. Trong thời kỳ Lạc quan, lợi ích cá nhân muốn hợp tác với những thiết chế công có vẻ hoạt động hiệu quả; trong Tan rã, họ muốn chạy trốn khỏi những thiết chế công có xu hướng thất bại.

Saeculum cải thiện chu kỳ tái tổ chức hai nhịp ở một số khía cạnh: Thời kỳ của đoàn kết đảng phái, số người đi bầu cao, và chiến dịch vận động ôn hòa thường bắt đầu vào gần cuối một thời kỳ Khủng hoảng và trải qua một thời kỳ Lạc quan, trong khi thời kỳ của các đảng phái chia rẽ, số người đi bầu thấp, những cuộc vận động lớn của đảng thứ ba và chiến dịch vận động đả kích thường bắt đầu vào gần cuối một thời kỳ Thức tỉnh và trải qua một thời kỳ Tan rã. Tỷ lệ đi bầu lao dốc từ năm 1970 đến 1990 tương tự như từ 1900 đến 1920. Số phiếu bầu cho Ross

i. Cách viết tắt của “Students for a Democratic Society”, là một tổ chức hoạt động chính trị của sinh viên tại Mỹ, một trong những đại diện chính của Cánh tả Mới trong thập niên 1960.

Perot trong cuộc bầu cử năm 1992 là lớn nhất đối với một đảng thứ ba kể từ số phiếu của Bull Moose năm 1912, là số phiếu lớn nhất cho phe Cộng hòa tính từ năm 1856 – tất cả đều thuộc thời kỳ Tan rã. Trong thời kỳ Thức tỉnh, các cử tri tìm cách từ bỏ quyền công dân vì họ ngày càng mất lòng tin và không cần quyền này. Ngược lại, trong thời kỳ Khủng hoảng, các cử tri tìm cách xây dựng lại quyền công dân mà họ ngày càng tin tưởng và thấy cần thiết. Hầu hết các cuộc bầu cử thời kỳ Thức tỉnh có thể được gọi là *rời bỏ* trật tự trong phạm vi phản ánh sự buông lỏng kỷ luật đảng; hầu hết các cuộc bầu cử thời kỳ Khủng hoảng có thể được gọi là *tái* sắp xếp trong phạm vi thiết lập hoặc củng cố sự cai trị của một đảng.

Đối ngoại

Nhiều người có thể nghĩ rằng không điều gì có thể ngẫu nhiên hơn là những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Sau cùng, mô hình nào có thể giải thích cho các rủi ro toàn cầu về chiến tranh và nghệ thuật lãnh đạo đất nước? Hầu hết các sử gia về ngoại giao đều đưa ra mô hình giống nhau cho đến năm 1952, khi học giả Frank L. Klingberg phát hiện ra một “sự luân phiên lịch sử của tâm trạng” trong chính sách ngoại giao của Mỹ. Ông giải thích sự khác biệt rõ ràng giữa một *sự kiện* đơn thuần và *phản ứng* của xã hội đối với sự kiện đó. Cho dù có tính khiêu khích, nhưng ông đã cho thấy phản ứng của Mỹ phụ thuộc vào việc liệu rằng tâm trạng hiện thời là “hướng nội” hay “hướng ngoại.”

Với mỗi sự luân phiên hai nhịp kéo dài khoảng 47 năm, chu kỳ của Klingberg rất phù hợp với *saeculum*, ngoại trừ thời gian trong và ngay sau Nội chiến. Nói chung, thời kỳ hướng nội của ông trùng với thời kỳ Thức tỉnh và Khủng hoảng; thời kỳ hướng ngoại trùng với thời kỳ Lạc quan và Tan rã. Trong thời kỳ Thức tỉnh hoặc Khủng hoảng, khi mọi người bị cuốn vào với sự thay đổi bên trong xã hội (từ Chính

sách Kinh tế Mới đến trận Trân Châu cảng; Kỷ nguyên Bảo Bình sau Tết Mậu Thân), họ trở thành một xã hội hướng nội. Trong thời kỳ Lạc quan hoặc Tan rã, khi mọi người có tầm nhìn vượt ra ngoài biên giới (tham gia vào chính sách ngoại giao pháo hạm, Vận mệnh Hiến nhiên, hoặc xây dựng liên minh toàn cầu), họ trở thành một xã hội hướng ngoại. Trong thời kỳ Nội chiến và Tái thiết, chu kỳ Klingberg lệch hoàn toàn khỏi những nhịp điệu bình thường của *saeculum*, có lẽ vì Nội chiến đã tạo ra nỗi đau ghê gớm và không giành được thắng lợi trước thế lực ngoại bang.

Klingberg giải thích chu kỳ của mình bằng cách chỉ ra “trải nghiệm thế hệ” – cụ thể là mong muốn của giới lãnh đạo quốc gia có tuổi trong việc xóa bỏ “những thất bại” của những năm tháng trung niên và quay lại phong cách chính sách chiếm ưu thế vào đầu “những năm kiến tạo” của họ. Vào đầu thập niên 1980, Klingberg viết rằng một kỷ nguyên hướng nội đã bắt đầu vào năm 1967 và kéo dài cho đến 1987; theo đồng hồ của ông, kỷ nguyên hướng ngoại tiếp theo được kéo dài đến tận 2014.

Kinh tế

Vào năm 1930, Stalin đã bắt giữ nhà kinh tế học Nikolai Kondratieff và đày ông đến Siberia. Tội của ông là dám coi thường tính vĩnh cửu của ý thức hệ theo chủ nghĩa Marx khi cho rằng hiệu suất dài hạn của nền kinh tế thị trường có tính chu kỳ. Chẳng bao lâu sau cái chết của ông trong cảnh tù đày, Kondratieff đã trở thành một nhân vật được các nhà kinh tế học lịch sử trên thế giới sùng bái. Ngày nay, tên tuổi ông gắn liền với một tổ hợp nổi tiếng về “Các chu kỳ K” hai nhịp trong kinh tế, một số truy nguyên đến thế kỷ 15 và tất cả đều có một chu kỳ 40-55 năm.

Các chu kỳ K khác nhau về chi tiết, nhưng đa phần khá phù hợp với *saeculum*. Đỉnh chu kỳ xảy ra gần cuối thời kỳ Lạc quan và Tan rã,

còn đáy xảy ra vào gần cuối thời kỳ Thức tỉnh và Khủng hoảng. (Hiện nay, điều này ngụ ý rằng Mỹ đang trong xu hướng đi lên như làn sóng dài, bắt đầu vào khoảng năm 1980 và sẽ tồn tại trong thời gian ngắn tới năm 2000.) Ở đây, một lần nữa, một con lắc hai chiều không đánh giá đúng được quy luật mùa của *saeculum*. Trong thời kỳ Lạc quan, tiền lương và năng suất lao động thường tăng đều đặn và rất nhanh. Trong thời kỳ Thức tỉnh, một nền kinh tế tăng trưởng ngoạn mục đạt đỉnh ít nhất một lần (giữa thập niên 1970, giữa thập niên 1890, cuối thập niên 1830, hoặc giữa thập niên 1730) được hiểu mù mờ là chấm dứt một thời kỳ vàng son của sự tăng trưởng sau chiến tranh. Trong thời kỳ Tan rã, hoạt động kinh tế một lần nữa tăng tốc, nhưng giờ thì tăng trưởng không cân bằng và thất thường. Trong thời kỳ Khủng hoảng, nền kinh tế bị rung chuyển bởi một số sự kết hợp tuần tự của sự hoảng loạn, đình đốn, lạm phát, chiến tranh, và việc tổ chức quần chúng. Gần cuối thời kỳ Khủng hoảng, một nền kinh tế lành mạnh được tái sinh.

Sự hiện diện của cơ quan công quyền trong nền kinh tế chuyển dịch một cách triệt để từ bước chuyển này sang bước chuyển tiếp theo. Trong thời kỳ Lạc quan, chính phủ đóng một vai trò điều tiết và lập kế hoạch phức tạp. Hãy kiểm chứng những giấy phép thương mại hoàng gia trong thập niên 1610, những lần cấp đất của Nghị viện trong thập niên 1870, và “tổ hợp quân sự-công nghiệp” trong thập niên 1950. Luật chơi khuyến khích sự tiết kiệm, tạo điều kiện cho thanh niên, và bảo vệ các nhà sản xuất có tổ chức (công ty độc quyền, quỹ ủy thác, phường hội, nghiệp đoàn). Trong thời kỳ Thức tỉnh, sự đồng thuận phổ biến dưới danh nghĩa vai trò công này bắt đầu tan rã. Trong thời kỳ Tan rã, kiểm soát công giảm, còn tinh thần doanh nghiệp, sự chấp nhận rủi ro, và sự tàn phá có tính sáng tạo trong thị trường lại chiếm ưu thế. Trong khi đó, luật chơi khuyến khích tiêu tiền, tạo điều kiện cho người lớn tuổi, và bảo vệ người tiêu dùng cá nhân. Trong thời kỳ Khủng hoảng, xuất hiện một sự đồng thuận phổ biến mới.

Một nhịp điệu tương tự điều chỉnh các xu hướng về thu nhập và bình đẳng giai cấp. Hai lần giảm của tỉ lệ đói nghèo bền vững nhất và có thể đo lường được (1946-1967 và 1865-1890) trùng với hai thời kỳ Lạc quan gần nhất. Song những khoảnh khắc lịch sử của sự bất bình đẳng thu nhập được ước tính là lớn nhất (cuối các thập niên 1990, 1920, 1850, và 1760) đều xảy ra vào gần cuối các thời kỳ Tan rã. Những thời kỳ Lạc quan thúc đẩy bình đẳng thu nhập và giai cấp, còn những thời kỳ Thức tỉnh thì thay đổi điều đó. Những thời kỳ Tan rã thúc đẩy *bất* bình đẳng, còn những thời kỳ Khủng hoảng thì thay đổi điều đó.

Gia đình và xã hội

Khi Betty Friedan viết *Bí ẩn Nữ tính* vào năm 1963, giai đoạn mà vị thế xã hội của phụ nữ xuống thấp nhất, bà đã nhận thấy rằng lịch sử nữ quyền giống như một loạt con sóng thủy triều tụ lại, từng trận quét qua đời sống thể chế của Mỹ một cách rời rạc trước khi quét lại một lần sạch sẽ trong sự trào dâng mạnh mẽ. Về thời điểm, những con sóng này tới sau *saeculum*. Nữ quyền, như một phong trào phổ biến, bùng nổ trong bối cảnh của thời kỳ Thức tỉnh. Trong thời kỳ Tan rã, khoảng cách chấp nhận được giữa các vai trò giới thu lại ở mức hẹp nhất. Hiệu quả của sức mạnh nam tính (và đạo đức phụ nữ) được tái lý tưởng hóa trong thời kỳ Khủng hoảng. Trong thời kỳ Lạc quan, khoảng cách chấp nhận được giữa các vai trò giới nới tới mức rộng nhất, sau đó các chu kỳ lặp lại.

Cả bước chuyển và nguyên mẫu cũng như vậy. Các thế hệ Tiên tri luôn bao gồm những phụ nữ sôi nổi (từ Anne Hutchinson tới Susan B. Anthony đến Hillary Clinton), những người được coi là có sự bình đẳng công dân với các đồng nghiệp nam. Các thế hệ Anh hùng thích một hình mẫu lãnh đạo lý trí (một Thomas Jefferson hoặc John Kennedy), tái khẳng định việc phân chia công-tư trong công việc theo giới tính. Qua nhiều thế kỷ, những phụ nữ trẻ Du cư đã cho thấy một số thay đổi

về “ăn mặc và để tóc như nam giới” nhằm giấu đi sự khác biệt giới tính, trong khi những phụ nữ trẻ Nghệ sĩ lại lảng xê những chiếc váy bông và kiểu tóc cuốn phồng búi cao nhằm làm nổi bật khác biệt giới tính. Ở tuổi trung niên, cả hai nguyên mẫu này lại đấu tranh để đảo ngược chiều hướng – Du cư nổi rộng sự khác biệt giới tính, trong khi Nghệ sĩ thu hẹp nó. Những nhịp điệu theo mùa này rất được Friedan để tâm đến, khi bà nhận thấy là ngay sau Thế chiến II phụ nữ trẻ đã bị đẩy ra khỏi công việc xã hội và bị ném “trở lại” công việc nội trợ. Những người khác cũng có nhận xét tương tự về đầu các thời kỳ Lạc quan.

Những thay đổi vị trí luân phiên theo mùa trong vai trò giới tính có liên quan đến những thay đổi trong gia đình như một thể chế. Trong thời kỳ Lạc quan, gia đình cảm thấy an toàn và nuông chiều con cái hơn. Trong thời kỳ Tan rã, gia đình cảm thấy bị đe dọa và che chở con cái nhiều hơn. Trước thời kỳ Lạc quan của Mỹ, thời đại vàng son trước đây của những gia đình nuông chiều con cái là thập niên 1870 – một thời kỳ mà sử gia nghiên cứu về gia đình Mary Cable ví như “Bác sĩ Spock thập niên 1950.” Trước những cuộc Chiến tranh Văn hóa ngày nay, thời kỳ xưa của chủ nghĩa bi quan gia đình là thập niên 1920, một thập niên mà những sự kích động la hét chói tai từ gia đình mất mát chưa một thời nào sánh được.

Song song với những nhịp điệu gia đình này là các lý tưởng hay ẩn dụ đang thay đổi mà người Mỹ dùng để thể hiện thái độ của mình đối với xã hội nói chung. Trong thời kỳ Lạc quan, người ta muốn *tuân thủ*; trong thời kỳ Thức tỉnh, muốn *thách thức*, trong thời kỳ Tan rã, muốn *tách ra*, trong thời kỳ Khủng hoảng, muốn *hợp lại*. Trong số các dân tộc và chủng tộc thiểu số, những thái độ này đóng một vai trò rất đáng chú ý với việc định hình chiến lược chủ đạo cho sự tiến bộ nhóm. Trong *saeculum* tiếp theo Appomattox, hình ảnh về một nhà lãnh đạo da đen tài giỏi phát triển từ Booker T. Washington (tuân thủ) đến W.E.B. Du Bois (phản kháng) rồi Marcus Garvey (tách ra). Trong *saeculum* sau

V-J Day, những phong trào Mỹ Phi tiêu biểu đã thoái trào qua nhiều bước giống nhau, từ Hội đồng về Bình đẳng chủng tộc (tuân thủ), đến Đảng Bảo đen (phản kháng), tới Nhà nước Islam giáo (tách ra).

Dù quy mô của nhóm đó ra sao, người ta vẫn dễ cảm thấy được đối xử bình đẳng trong thời kỳ Lạc quan, khi mà nét đặc tính hồ thẹn nuôi dưỡng cảm giác về sự đoàn kết và lòng biết ơn – và cảm thấy mình là nạn nhân trong thời kỳ Tan rã, khi đặc tính tội lỗi nuôi dưỡng sự tách biệt và đổ lỗi. Khi các cá nhân thấy mình đứng ngoài hệ thống, như một thiểu số hay các cá nhân, thì mục tiêu của họ khác biệt tùy theo mùa. Trong thời kỳ Lạc quan, họ muốn thể hiện họ *có thể* tham gia; trong Tan rã, họ muốn thể hiện họ *không cần* phải tham gia.

Dân số

Chiến tranh nổ ra đã khiến tỉ lệ sinh giảm, còn hòa bình lập lại khiến tỉ lệ sinh tăng vọt. Trong xã hội truyền thống, mô hình này được cho là do các luật sắt của sinh học và kinh tế học. Trong xã hội hiện đại, nó được nhịp điệu của *saeculum* hỗ trợ – cụ thể là cuộc sống gia đình lại phổ biến, và sự phân chia vai trò theo giới nới rộng vào thời kỳ Lạc quan.

Qua năm thế kỷ, mỗi Bước chuyển Thứ tư lại được đánh dấu bằng sự sụt giảm trong tỉ lệ sinh; do đó, Nghệ sĩ (gần đây nhất là Im lặng) là những thế hệ có tỉ lệ sinh giảm rõ rệt. Mặt khác, mỗi Thời kỳ Lạc quan lại được đánh dấu bởi sự gia tăng đáng kể trong tỉ lệ sinh; do đó, Tiên tri (gần đây nhất là Bùng nổ) là những thế hệ có tỉ lệ sinh tăng vọt. Ngoại lệ duy nhất là Thế hệ Sứ mệnh, sinh ra từ năm 1860 đến 1882. Song đây là ngoại lệ chứng minh quy tắc này, đánh dấu lần duy nhất tỉ lệ sinh bình ổn trong hai thập niên sau Nội chiến và giảm đều đặn từ thập niên 1820 đến thập niên 1930. Thời kỳ Thức tỉnh (khi Thế hệ Du cư ra đời) và Tan rã (khi Anh hùng ra đời) cho thấy một mô hình giảm-sút-và-bùng-nổ ít rõ rệt hơn. Ở Cách mạng Nhận thức gần đây, tỉ

lệ sinh giảm xuống mức thấp nhất trong lịch sử Mỹ nhưng tăng mạnh trở lại khi thời đại đó sắp kết thúc.

Nhập cư vào Mỹ cũng tuân theo nhịp điệu của *saeculum*: Nó có xu hướng tăng lên trong thời kỳ Thức tỉnh, đạt đỉnh trong Tan rã, và giảm sút trong Khủng hoảng. Sự tăng lên trùng với việc đẩy nhanh tính năng động xã hội, tăng tính bao dung cộng đồng và số lượng các nhà lãnh đạo tư tưởng đa nguyên, nới lỏng kiểm soát xã hội. Sự đảo ngược trong thời kỳ Tan rã được châm ngòi bằng một phản ứng dữ dội và đột ngột mang tính dân tộc chủ nghĩa (trong các thập niên 1850, 1920, và 1990). Sự sụp đổ sau đó trùng hợp với những nỗ lực mới tích cực nhằm bảo vệ quốc gia – và trước khi thời kỳ Khủng hoảng ập tới, việc nhập cư thường được xem là không an toàn với cộng đồng và không hấp dẫn với những người có mong muốn thay đổi nơi ở vào những dịp tốt hơn.

Qua các thế kỷ, hầu hết người nhập cư vào Mỹ đều là trẻ em hoặc thanh niên khi họ đặt chân đến. Vì vậy, nguyên mẫu Du cư khi đến tuổi trưởng thành trong thời kỳ Tan rã gồm có tương đối đông người nhập cư. Ngược lại, nguyên mẫu Nghệ sĩ đến tuổi trưởng thành trong thời kỳ Lạc quan thường cho thấy một sự suy giảm mạnh trong tỉ lệ người nhập cư. Ví dụ, Im lặng là thế hệ di dân *ít nhất* trong lịch sử Mỹ, trong khi Thế hệ Thứ 13 và Lạc lõng (đã rất nhiều tuổi) là hai thế hệ nhập cư *nhiều nhất* còn sống tới hôm nay.

Mất trật tự xã hội

Tỉ lệ tội phạm và những lo ngại về mất trật tự xã hội gia tăng trong thời kỳ Thức tỉnh, đạt đỉnh chu kỳ trong Tan rã, và sau đó giảm mạnh trong Khủng hoảng.

“Dường như giờ đây khá nguy hiểm cho những người tốt của thị trấn này nếu phải ra ngoài muộn vào ban đêm mà không được vũ trang đầy đủ,” lời than thở trên tờ *New York Gazette* năm 1749. Nhiều người

đã lặp lại lời phàn nàn này trong các thời kỳ Tan rã sau này, mỗi thời kỳ đó đều cho ra đời một hình ảnh mang tính giai thoại về Mỹ với tội phạm bạo lực – từ những thị trấn náo loạn vì đồ xô đi tìm vàng năm 1849 đến xã hội đen Chicago rồi *Thành phố New Jack*. Mỗi lần, đỉnh điểm tội phạm đều trùng hợp với những nỗ lực đáng ghi nhận của cộng đồng nhằm ngăn chặn nó: Thuật ngữ *lynching*ⁱ xuất hiện từ thập niên 1760; *vigilante* (đội viên dân phòng) từ thập niên 1850; *G-Man* (Nhân viên Cục điều tra tội phạm Liên bang) từ thập niên 1920; và *three strikes and you're out* (ba lần phạm tội nghiêm trọng sẽ bị phạt tù dài hạn hoặc trung thân) từ thập niên 1990. Cuối cùng, phản ứng của cộng đồng cũng đem lại hiệu quả mong muốn. Đến cuối thời kỳ Khủng hoảng, hầu hết các chỉ số về bạo lực và mất trật tự xã hội đều giảm xuống tới mức thấp theo chu kỳ, và được duy trì gần như suốt thời kỳ Lạc quan sau đó.

Xu hướng lạm dụng chất gây nghiện (và các bệnh lý liên quan) phản ánh và là tiền đề cho những xu hướng tội phạm này. Trong thực tế, các chỉ số về tiêu thụ đồ uống có cồn bình quân theo đầu người có tính chu kỳ đều đặn đến kinh ngạc: Chúng bắt đầu tăng vào cuối thời kỳ Lạc quan, đỉnh điểm vào gần cuối Thức tỉnh, và sau đó bắt đầu suy giảm trong Tan rã giữa bối cảnh gia tăng sự phản đối trong cộng đồng. Sự sụt giảm mạnh nhất về tiêu thụ đồ uống có cồn trong lịch sử Mỹ xảy ra ở gần cuối Đại thức tỉnh thứ hai, khi nó rơi từ mức cao nhất mọi thời đại của Mỹ vào năm 1830 (bốn gallonⁱⁱ mỗi người một năm) xuống bằng gần một phần ba mức tiêu thụ trước Nội chiến. Sự sụt giảm thứ hai mạnh nhất xảy ra từ năm 1900 đến 1910, vào gần cuối thời kỳ

i. Còn được gọi là “Lối hành hình kiểu Lin-sơ”, là dạng thức bạo hành cực đoan nhất của chế độ Jim Crow trong giai đoạn Nội chiến Mỹ, gồm những vụ giết người công khai của những đám côn đồ da trắng với những nạn nhân người da đen bị treo cổ hoặc bị bắn, một số bị buộc vào cọc rồi bị thiêu sống, bị thiến, bị đập chết bằng chày, hoặc bị phanh thây.

ii. 1 gallon Mỹ tương đương 3,79l.

Thức tỉnh tiếp theo, sau đó là một mức giảm sâu hơn trong thời Cấm sản xuất và bán rượu. Trong những thập niên gần đây, mức tiêu thụ đồ uống có cồn bình quân đầu người đã bắt đầu tăng lên vào khoảng năm 1960, đạt mức cao nhất vào khoảng 1980, và kể từ đó lại giảm xuống. Đối với thuốc gây nghiện, từ thuốc phiện đến ma túy gây ảo giác, các xu hướng cũng tương tự. Nhận xét về chu kỳ 80 năm này, sử gia chuyên về y khoa David Musto của Đại học Yale lưu ý rằng “một người lớn lên ở Mỹ trong thập niên 1890 và thập niên 1970 mang hình ảnh về một xã hội dung túng ma túy, sử dụng ma túy; một người lớn lên trong thập niên 1940 – và có lẽ cả trong thập niên 2000 – mang hình ảnh của một đất nước quyết tâm chống lại ma túy.”

Do độ tuổi chủ yếu của tội phạm và sử dụng ma túy là thanh niên, nên những xu hướng này đã để lại một dấu ấn đặc biệt trên thế hệ đang trưởng thành. Thế hệ Tiên tri trẻ tiên phong thì sa ngã, trong khi Anh hùng lớn tuổi hơn hay nuông chiều thì đứng nhìn. Thế hệ Du cư trẻ, đã quen với sự sa ngã này khi còn là trẻ em, sau đó bị mang tiếng là *kém* văn minh. Thế hệ Anh hùng trẻ đảo ngược các xu hướng xấu trong sự cổ vũ của những Tiên tri lớn tuổi luôn răn dạy đạo đức. Thế hệ Nghệ sĩ trẻ, quen với sự đảo chiều này khi còn là trẻ em, sau này đạt được danh tiếng là *quá* văn minh.

Văn hóa

Trong lĩnh vực tư tưởng, *saeculum* thường xuyên dao động, từ tập trung vào tinh thần (trong thời kỳ Thức tỉnh) đến tập trung vào thể tục (trong Khủng hoảng). Các sử gia nổi tiếng đã nhận thấy mô hình này – như khi Edmund Morgan quan sát: “Trong thập niên 1740, những trí thức Mỹ hàng đầu là các giáo sĩ với tư tưởng về thần học; vào năm 1790, họ là những chính khách với tư tưởng về chính trị.” Nói một cách ẩn dụ, đây là một sự thay đổi từ bên ngoài tới bên trong. 1930 là một thập niên tập trung vào bên ngoài; sự kiện cộng đồng đỉnh cao

của nó là Hội chợ Thế giới năm 1939, một lễ kỷ niệm về khoa học và sức mạnh nhân loại nhằm định hình môi trường. Ngược lại, 1970 là một thập niên tập trung vào bên trong, được Marilyn Ferguson gọi là “Hành trình tới Nội tâm” của Mỹ, bước đầu tiên hướng tới một “Ý thức Cao hơn.”

Khi di chuyển dọc theo chu kỳ này của những lý tưởng bên trong và bên ngoài, *saeculum* cho thấy cách một xã hội định kỳ trẻ hóa và bổ sung văn hóa của mình. Thời kỳ Khủng hoảng làm thay đổi hoàn toàn khuôn khổ xã hội về mặt biểu hiện tư tưởng và tình cảm. Trong thời kỳ Lạc quan, văn hóa lạc quan nhẹ nhàng phản ánh sự đồng thuận công chúng về trật tự xã hội non trẻ. Những chiều hướng mới mẻ chỉ phát sinh bên ngoài, nơi chúng bắt đầu làm suy yếu sự đồng thuận này một cách tinh vi và không mang tính đe dọa. Đến thời kỳ Thức tỉnh, trật tự xã hội cảm thấy đủ an toàn và thịnh vượng để cho phép một nền văn hóa mới thăng hoa – phù hợp với câu châm ngôn của Tào Ngụ rằng “mục đích của nghệ thuật vị nghệ thuật là một triết lý về sự no đủ.” Những chuẩn mực, phong cách, và định hướng mới tấn công đầu tiên và sau đó hằn sâu vào trật tự hậu Khủng hoảng. Trong thời kỳ Tan rã, nền văn hóa mới khởi sắc, tan rã, và đa dạng hóa. Khi trật tự hậu Khủng hoảng suy yếu, các chủ đề văn hóa thịnh hành hiện tại bắt đầu cảm thấy mất gốc dần, giống như nhái lại và đạo ý tưởng nhiều hơn. Khi thời kỳ Khủng hoảng mới lại nổ ra, văn hóa được thanh lọc, kiểm duyệt, và khai thác cho các mục tiêu mới của công chúng. Những nơi mà trước đó nghệ thuật được phép quấy rầy, giờ đây lại có mục đích là củng cố quyết tâm xã hội. Sau đó, trật tự mới tạo ra một nhiệm vụ mới, khi hoạt động văn hóa có thể (một lần nữa) mang tới sự tốt lành và điểm tô cho cuộc đời nhưng cũng là những kết thúc sụp đổ – tạo ra mảnh đất cho tầm nhìn mới của thời kỳ Thức tỉnh sẽ sớm xuất hiện.

Mọi loại hình văn hóa đều phản ánh mấy mô hình này. Hãy xem xét những phong cách âm nhạc trong ba *saeculum* qua. Thời kỳ Thức

tình xuất hiện những bài Thánh ca và bài hát Phúc âm; sau đó là nhạc ragtime và nhạc blue thời kỳ đầu; gần đây hơn là nhạc soul, rock 'n' roll, và nhạc truyền thống cổ động. Thời kỳ Tan rã xuất hiện những đoàn hát rong; sau đó tới nhạc blue và jazz; gần đây hơn là nhạc đồng quê, rap, và rock alternative. Thời kỳ Khủng hoảng xuất hiện những bài ca lửa trại và hành khúc, gần đây hơn là swing và các ban nhạc lớn. Thời kỳ Lạc quan xuất hiện những bản tình ca ballad; sau đó tới các vở nhạc kịch và dàn nhạc; gần đây hơn là nhạc nhẹ và rock cổ điển.

Xem xét tới kiến trúc và thời trang. Thời kỳ Lạc quan tạo ra những phong cách có thể lan tỏa rộng mà hữu dụng, và mang tính phục hưng lãng mạn được kết hợp giữa nam tính mạnh mẽ (và các công trình lớn) với nữ tính mềm mại (và tiêu chuẩn hóa). Thời kỳ Thức tỉnh trở về với những mô-típ tự nhiên, tinh thần, dân gian, nông thôn, và nguyên thủy, luôn bắt đầu với sự tan chảy trong kỷ cương xã hội truyền thống và gia tăng sự tôn sùng lối sống theo lương tâm (về ăn, mặc, ngôn ngữ, tình dục, và giải trí). Thời kỳ Tan rã là thời đại chiết trung nhất, với sự pha trộn có tính toán và giao thoa giữa các phong cách, thời kỳ, và giới tính. Bước chuyển Thứ tư mang lại mối quan tâm mới trong sự hợp lý và cổ điển, trong sự đơn giản, tiết chế, và đúng mực – trong khi thời trang liên quan đến giới bắt đầu quay lại với hình thức lịch sự hơn quay về sự sang trọng.

Trong khi mỗi bước chuyển có thể đưa ra yêu cầu về sáng tạo văn hóa, thì một số tỏa sáng hơn trên phương tiện truyền thông so với số còn lại. Trong âm nhạc, thời kỳ Thức tỉnh là những thời đại của sự sáng tạo đặc biệt. Trong văn học, thời kỳ Lạc quan và Tan rã thường trội hơn kể từ thời Shakespeare và Milton. Trong ba *saeculum* gần đây, thời kỳ Tan rã là những thời đại mà văn hóa Mỹ đã thể hiện một sự ảnh hưởng sâu sắc đến phần còn lại của thế giới – có lẽ vì nó đã mang đến các thành quả của thời kỳ Thức tỉnh gần đây. Chắc chắn không có thập niên nào mà các tác gia Mỹ lại đạt được danh tiếng chói sáng ở châu Âu như những thập niên 1850 và 1920, và chắc chắn chưa bao giờ thế

giới lại khao khát văn hóa đại chúng Mỹ trên mọi phương diện (sách, báo chí, tin tức, phim ảnh, phần mềm, và trò chơi điện tử) như thập niên 1990.

Peter Harris khép lại chuyên khảo của mình về “hệ thống chu kỳ của đời người” bằng cách đặt câu hỏi liệu nó có thể mang tới “hy vọng về sự phát triển một nền khoa học xã hội dự báo về tương lai.” Tất nhiên, niềm hy vọng này đi ngược lại tính chất tuyến tính của hầu hết người Mỹ. Chúng ta thường nghĩ rằng chúng ta là bậc thầy toàn năng của số phận mình, nằm ngoài mọi chu kỳ, có thể chọn bất kỳ điều gì mình mong muốn vào bất kỳ lúc nào mình khao khát. Và, trong một số trường hợp, chúng ta đúng là thế. Nhưng liệu có phải tự do đồng nghĩa với *mong muốn* của chúng ta là không thể đoán trước? Các nhà tiếp thị và thăm dò dư luận không nghĩ vậy, đó là lý do họ bỏ ra hàng tỉ để tìm cách dự đoán khi nào người ta sẽ muốn mua sản phẩm nào đó hoặc bỏ phiếu cho ứng viên nào đó. Độ tin cậy về thống kê của các mô hình này không vô hiệu hóa quyền tự do của con người.

Áp dụng nguyên tắc tương tự với *saeculum*. Nó không ép buộc bất kỳ ai làm bất kỳ điều gì. Nó không hạn chế tự do của bất kỳ ai. Nó chỉ đơn thuần giải thích khi nào hầu hết mọi người sẽ mong muốn đẩy cuộc sống của mình đi theo hướng này thay vì hướng khác.

TAI NẠN VÀ BIẾN CỐ

Ngay cả khi một chu kỳ của lịch sử không vi phạm ý chí tự do, vẫn còn một số câu hỏi phiền hà: Đó là thời vận, hỗn loạn, hay sự cố? *Saeculum* có thể cùng tồn tại với tất cả các sự kiện và xu hướng ngẫu nhiên của lịch sử như thế nào? Ai có thể dự đoán được về tàu thủy hơi nước và đầu máy xe lửa? Hay sự sụt giảm đột ngột của cổ phiếu vào thứ Ba Đen tối? Hay cuộc tấn công lên vào Trân Châu cảng? Hay vụ nghe trộm Watergate? Hay việc phát minh ra máy vi tính? Lý thuyết về sự thay đổi xã hội có thể dự đoán những việc này ra sao?

Câu trả lời rất đơn giản: *Saeculum* không dự đoán cũng không ngăn cản chúng. Đúng là lịch sử luôn sinh ra các sự cố. Nhưng với *saeculum*, điều quan trọng nhất không phải là bản thân các sự cố, mà là *phản ứng* của xã hội đối với chúng. Để hiểu được phản ứng này diễn ra thế nào, hãy chọn một sự cố, chuyển nó đến một thập niên khác, và cố gắng xem lại ảnh hưởng của nó. Hãy chuyển vụ Watergate về trước đó 40 năm: Liệu vào khoảng năm 1934, Mỹ có chấp nhận nổi hai phóng viên Thế hệ Vĩ đại nhất mong muốn hạ bệ vị Tổng thống Thế hệ Sứ mệnh vừa thắng cử rực rỡ? Tất nhiên là không. Hoặc nếu chuyển Đại suy thoái lùi lại 40 năm: Liệu Thế hệ Bùng nổ vào khoảng năm 1974 có đương đầu được với phá sản kinh tế bằng cách vui vẻ mặc đồng phục, tham gia các chương trình công ích bán quân sự, và xây dựng một TVA? Một lần nữa, không thể nào.

Nhiều chuyên gia hiện nay cho rằng công nghệ đã trở thành một lực lượng độc lập, tự xác định tốc độ và phương hướng của các xu hướng xã hội chính. Họ quả quyết rằng truyền hình đang đưa người Mỹ vào một xã hội của ngàn kênh thích hợp, thu mình trong chiếc kén riêng và hủy hoại chất keo kết dính của đời sống xã hội. Họ cho rằng máy tính đang tôn vinh cá nhân và phá hoại quyền lực xã hội, và rằng một cuộc cách mạng thông tin trên không gian ảo đang áp đảo các chính phủ, toàn cầu hóa nền kinh tế, và định hình lại những đường biên giới quốc gia không phù hợp.

Tất cả các lập luận này đều có phần đúng. Nhưng kể từ khi dù sao mấy xu hướng này cũng là những gì chúng ta mong đợi ở thời kỳ Tàn rã, chúng ta nên tự hỏi: Liệu có phải những công nghệ mới này thật sự thay đổi chúng ta, hay chúng chỉ đem lại cho chúng ta chính xác *những gì chúng ta muốn khi chúng ta muốn nó*? 40 năm trước đây, công nghệ tia âm cực mà chúng ta gọi là truyền hình được công nhận rộng rãi như một công cụ đồng nhất để định hướng các quan điểm quốc gia xung

quanh các thông điệp đồng thuận của Walter Cronkite và Ed Sullivan. Bây giờ truyền hình làm điều ngược lại. 40 năm trước đây, công nghệ bóng bán dẫn có tổ chức mà chúng ta gọi là máy tính đã gợi nên những hình ảnh của chương trình Người giấu mặt. Toàn bộ mô hình của công nghệ này là một máy tính lớn trên đỉnh một kim tự tháp thông tin. Bây giờ máy tính tượng trưng cho điều ngược lại. Mô hình thống trị công nghệ này ngày nay là trạm cá nhân phi tập trung được kết nối vào một mạng lưới cho phép sự tham gia cá nhân.

Công nghệ thường xuyên tự điều chỉnh để đáp ứng tâm trạng quốc gia. Khi ô tô, điện thoại, và radio vẫn còn mới mẻ vào thời Thế chiến I, chúng được coi là những sáng chế sẽ cá nhân hóa và phân mảnh đời sống Mỹ bằng cách tách biệt giàu nghèo, tạo điều kiện riêng tư, cho phép con người di chuyển và du lịch bất kỳ đâu. Và chúng đã làm được như vậy trong một thời gian. Sau đó, với các đoàn tàu vận tải và bộ máy tuyên truyền của Thế chiến II, các công nghệ này lại tượng trưng cho mục đích dân sự. Đến thập niên 1950, chúng giúp chuẩn hóa một lối sống trung lưu. Đến thập niên 1970, chúng bị công kích như những biểu tượng về sự không phù hợp với nhân tính. Ngày nay, những công nghệ này một lần nữa lại dịch chuyển để phù hợp với tâm trạng của thời kỳ Tan rã: Hãy quan sát sự phổ biến của xe chở khách, điện thoại di động, và radio thu nhỏ.

Quan điểm của người theo thuyết tuyến tính về công nghệ không đánh giá đúng những nguy hiểm mà một bước chuyển mới có thể mang lại. Bill Gates người sáng lập Microsoft hiện đang dự đoán rằng mọi người sẽ sớm bắt nhịp với một thế giới của các tùy chọn không giới hạn thông qua các thiết bị di động công nghệ cao. Điều ông không đề cập chính là bằng cách đơn thuần đảo ngược một vài mạch điện, công nghệ này có thể trao quyền cho một quyền lực trung tâm để theo dõi hoạt động của mỗi cá nhân. Hãy xem xét một vài công nghệ khác mà

người Mỹ gần đây đã gắn với lựa chọn cá nhân – kiểm soát sinh sản và thử nghiệm bộ gen di truyền – và tưởng tượng một sự thay đổi tương tự đối với *họ*. Trong khi một vài người Mỹ muốn quay lại với triết sản bắt buộc và thời thịnh hành của thuyết ưu sinh trong thập niên 1930, sẽ là thiếu thận trọng nếu chúng ta tuyên bố rằng một nước Mỹ với công nghệ cao hơn sẽ không bao giờ trông tránh theo hướng đó thêm một lần nữa.

Trong khi công nghệ xuất hiện dần, thì những yếu tố không ngờ tới khác của lịch sử lại ào tới như cơn lũ bất thần – thường gắn liền với những cái tên và gương mặt. Đối với những ai nhận thấy thời gian là sự hỗn loạn, tiếng ồn ào va chạm loạn xạ này của sự may mắn với những điều bất ngờ lại lan tỏa ở tốc độ mà có vẻ cơ bản là ngẫu nhiên. Đối với thế kỷ 20, một người trong thời kỳ hỗn loạn có thể trích dẫn Adolf Hitler, Lee Harvey Oswald, và Timothy McVeigh. Nhưng hãy suy ngẫm xem liệu những tia sáng này của lịch sử và phản ứng của quốc gia đối với họ có thật sự độc lập với *saeculum*? Hitler thì sao? Người Mỹ có thể tự chúc mừng nhau bằng cách nghĩ rằng ông ta có thể kích động đất nước này tham chiến ở bất kỳ thời đại nào – nhưng liệu ông ta có làm như vậy hôm nay, trong thời kỳ Tan rã? Có thể không. Oswald? Mặc dù một hành động loạn trí có thể xảy ra bất kỳ lúc nào, tất nhiên rồi, nhưng những nỗ lực ám sát mang tính chính trị nhất trong lịch sử Mỹ trên thực tế đã xảy ra trong các thời kỳ Thức tỉnh. Còn McVeigh? Hãy nhớ lại đã có sự đồng thuận ít tới mức nào vào cuối thập niên 1960 trước sự tàn ác của các vụ ném bom hàng loạt.

Lịch sử luôn tạo ra những tia sáng. Nhưng một số tia sáng lóe lên và sau đó lụi tàn, trong khi số khác lại tự tỏa sáng hơn tất cả. Lịch sử luôn tạo ra những ý tưởng tốt và xấu. Một số nhanh chóng tiêu tan, trong khi số khác lại trở thành nguồn cảm hứng tuyệt vời hoặc những tai họa khủng khiếp.

Những cuộc chiến và các bước chuyển

Bước chuyển Thứ nhất	Bước chuyển Thứ hai	Bước chuyển Thứ ba	Bước chuyển Thứ tư
Chiến tranh Nữ hoàng Anne Chiến tranh năm 1812 Chiến tranh Triều Tiên	Nội chiến Anh Chiến tranh Vua Geogre Chiến tranh Tây Ban Nha-Mỹ Chiến tranh Việt Nam	Chiến tranh Pháp và người Da đỏ Chiến tranh Mexico Thế chiến I Chiến dịch Bão táp sa mạc	Cuộc chiến Hoa hồng Chiến thắng Armanda Chiến tranh Vua Philip Cách mạng Vinh quang Cách mạng Mỹ Nội chiến Mỹ Thế chiến II

Như Klingberg nhận thấy, lịch sử về các phản ứng của Mỹ trước sự khiêu khích nước ngoài đầy những sự tương phản như vậy. Ví dụ, hãy so sánh sự dính lúu của Mỹ trong Thế chiến I và Thế chiến II. Cả hai cuộc chiến đều được châm ngòi bởi hành vi hiếu chiến của nước ngoài (vụ chìm tàu *Lusitania*, cuộc không kích Trân Châu cảng). Trong trường hợp một, Nghị viện đã đợi hai năm – và kiên nhẫn chịu đựng thêm hành động khiêu khích – trước khi tuyên chiến trong bối cảnh đối lập chính trị sâu sắc. Trong trường hợp còn lại, Nghị viện tuyên chiến vào hôm sau, chỉ với duy nhất một phiếu chống. Trong trường hợp một, chiến tranh đã góp phần làm nóng những vấn đề gây chia rẽ như Luật Cấm rượu, bạo lực lao động, và những phiên tòa xử tội nổi loạn. Trong trường hợp còn lại, đất nước đã huy động không chút xao nhãng. Cả hai cuộc chiến đều kết thúc với thắng lợi hoàn toàn. Sau Thế chiến I, những người lính trở về nhà với sự day dứt trong tâm hồn và mất mát đồng đội; sau Thế chiến II, lại cờ hoa rực rỡ. Cả hai cuộc chiến đều làm gia tăng ảnh hưởng của Mỹ ở nước ngoài. Trong Thế chiến I, ảnh hưởng đó đã nhanh chóng bị lãng phí; trong Thế chiến II, nó lại được củng cố trong hai thập niên tiếp theo.

Trong Bước chuyển Thứ tư, những lực lượng thế hệ có xu hướng lái các sự kiện ngoại sinh hướng tới một sự ứng phó quốc gia có dự tính. Khi Hitler và Tōjō tiến hành chiến tranh xâm lược toàn cầu, Mỹ đã sẵn sàng cho hành động mang tính quyết định. Với Thế hệ Tiên tri đang tràn sinh lực và Anh hùng đến tuổi trưởng thành, những người thiết lập trật tự nguyên mẫu chịu trách nhiệm và những người tiếp nhận trật tự nguyên mẫu ở trên chiến trường. Kết quả đạt được là *sự hợp tác* tối đa giữa các thế hệ. Những nhà lãnh đạo thuộc Thế hệ Tiên tri lớn tuổi không lùi bước trước cuộc đối đầu. Thật vậy, Sam Adams, John Brown, và Franklin Roosevelt đều bị buộc tội một cách đáng tin cậy là đã tiếp tay dàn dựng tình huống khẩn cấp cho mục đích tốc hành của những thanh niên kích động.

Đi qua một nửa hành trình của *saeculum*, không cuộc chiến nào có thể thoát khỏi tư tưởng đối lập của thời kỳ Thức tỉnh với giới trẻ nhiệt huyết. Trong Chiến tranh Việt Nam, những người tiếp nhận trật tự nguyên mẫu đã già, còn những người thiết lập trật tự nguyên mẫu vẫn trẻ. Thế hệ Tiên tri trẻ thách thức sự trống rỗng về đạo đức của những tổ chức chỉ đạo họ. Trong khi đó, Thế hệ Anh hùng nhiều tuổi đã làm mọi thứ mà mình có thể để ngăn chặn yêu cầu hy sinh – nếu cần thiết thì bằng cả sự sung túc và công nghệ không giới hạn. Kết quả là *biến động* tối đa giữa các thế hệ. Vào cuối thập niên 1960, cả hai thế hệ đều không thoải mái với vai trò của mình trong chiến tranh, thế hệ này gây khó chịu cho thế hệ khác bằng chính hành vi của mình.

Mỗi cuộc chiến lớn trong lịch sử người Mỹ gốc Anh đã được định hình bởi bước chuyển trên trong thời gian nó diễn ra. Xin xem biểu đồ trang 212.

Những cuộc chiến trong thời kỳ Lạc quan đều là những tiếng vang của Khủng hoảng trước đó, từ Chiến tranh năm 1812 (tái khẳng định Cách mạng) cho tới Chiến tranh Triều Tiên (tái khẳng định trật

tự toàn cầu hậu chiến tranh). Những cuộc chiến có xu hướng là sự tách biệt. Tính kiên nhẫn cao, sự nhiệt tình thấp.

Những cuộc chiến trong thời kỳ Thức tỉnh đều vấp phải niềm đam mê tuổi trẻ – từ những người truyền giáo say sưa đã tấn công Louisbourg năm 1745, tới các cuộc bãi khóa của sinh viên trong “Những ngày Thịnh nộ” năm 1970. Tình trạng hỗn loạn trong nước đã đưa đến những quyết định quân sự, khiến cho mỗi cuộc chiến đều gây tranh cãi trong thời gian nó diễn ra và trở thành những ấn tượng xấu sau này.

Những cuộc chiến trong thời kỳ Tan rã đều nhanh chóng thắng lợi và ngay lập tức gây tiếng vang, từ việc chiếm đóng Quebec đến giải phóng Kuwait. Nhưng rốt cuộc đã không được nhớ đến vì chúng không làm thay đổi tâm trạng chủ yếu của xã hội. Sự nhiệt tình cao, tính kiên nhẫn thấp.

Những cuộc chiến trong thời kỳ Khủng hoảng đều lớn, chết chóc, và mang tính quyết định. Sự quyết tâm của hậu phương phù hợp với tầm nhìn của giới lãnh đạo lớn tuổi, và kết quả đã hoàn toàn định nghĩa lại vương quốc, quốc gia, hay đế chế.

Liệu nhịp điệu của *saeculum* có tạo nên một cuộc chiến lớn không thể tránh khỏi? Không ai biết được. Một thời kỳ Thức tỉnh không đòi hỏi một cuộc chiến. Cũng không phải, có lẽ thời kỳ Khủng hoảng thì có, dù cho mỗi Bước chuyển Thứ tư kể từ thế kỷ 15 đều lên đến đỉnh điểm trong một cuộc chiến tổng lực. Lịch sử chỉ dạy rằng bất kỳ cuộc chiến nào xảy ra đều luôn tái hiện tâm trạng của bước chuyển hiện thời. Những cuộc chiến trong Bước chuyển Thứ tư tìm ra định nghĩa bao trùm nhất có thể và đều tranh đấu đến khi có những kết quả rõ ràng. Điều này cho thấy, nếu Nhật Bản không tấn công Trân Châu cảng, Mỹ cũng sẽ tìm ra một số hành động khiêu khích khác để tuyên chiến toàn diện chống lại các cường quốc phe Trục. Không thể biết rõ liệu điều đó

có dẫn đến một kết quả tồi tệ hơn hoặc một chiến thắng tốt đẹp hơn (nếu không có sự nhượng bộ tại Yalta). *Saeculum* không đảm bảo kết quả tốt hay xấu.

Vì *saeculum* đứng ở một mức độ nào đó trong thế giới hiện đại, nên nó có thể nói điều gì đó về chuyện *khi nào* Mỹ có thể sẽ gặp *loại* đồng minh hoặc đối thủ nước ngoài nào. Ngay sau Cách mạng Mỹ, một nền cộng hòa Mỹ non trẻ có lẽ đã may mắn vì Cựu Thế giới hoàn toàn đắm chìm trong cuộc khủng hoảng, thời đại cách mạng của chính nó. Cũng có thể nói điều tương tự về thập niên 1860: Trong khi Mỹ chìm trong Nội chiến, châu Âu và Nhật Bản cũng bận rộn với các cuộc chiến riêng để xây dựng nước nhà.

Thế chiến I dù chỉ lướt qua Mỹ trong khi làm châu Âu kiệt quệ, nhưng cũng đã có một số dấu hiệu quan trọng cho thấy một cuộc xung đột vào thời kỳ Tan rã đối với tất cả các bên tham gia. Nó bắt đầu một cách vô nghĩa, kết thúc trong hận thù, và dù khiến rất nhiều người chết – chẳng giải quyết được gì. Đối với Mỹ, hậu quả chính của nó là đã định hình (trong Thế hệ Lạc lõng vượt Đại Tây Dương của những người lính bị chiến tranh tàn phá) một lực lượng lãnh đạo mới của chế độ toàn trị mà sẽ lại giáp mặt lực lượng Mỹ lần nữa. Adolf Hitler, Benito Mussolini, Hideki Tōjō, và Francisco Franco đều trong độ tuổi từ 21 đến 31 vào tháng 8 năm 1914, ngang tuổi với Mao Trạch Đông. Không phải tình cờ mà Thế chiến II đã nổ ra ở Bước chuyển Thứ tư của Mỹ. Sự nổi lên của chủ nghĩa phát xít rất cần *saeculum* ăn khớp với lịch sử châu Âu.

V-E Dayⁱ, V-J Day, và sự thiết lập Bức màn Sắt là những sự kiện lớn của Bước chuyển Thứ tư gần như trên toàn thế giới. Như vậy, sau Thế chiến II, quãng thời gian của *saeculum* giữa các xã hội khác nhau

i. Ký tự viết tắt của “Victory in Europe Day” – Tức ngày 8 tháng 5 năm 1945, Ngày phe Đồng minh giành chiến thắng ở châu Âu. (ND)

có thể được đồng bộ tốt hơn bao giờ hết trong lịch sử hiện đại. Hôm nay, các nhóm nguyên mẫu trên toàn thế giới cho thấy những sự tương đồng nổi bật.

Lãnh đạo tối cao là những người lớn tuổi vẫn luôn được mọi người gắn kết với sự tin tưởng của xã hội và các thể chế lớn, và là những người gần đây đã từ chức trong mỗi quan ngại rằng nếu họ tham gia điều hành đất nước thì sẽ chẳng ai có thể thay thế được quyền lực của họ. Những người cùng thời với Thế hệ Vĩ đại nhất của Mỹ, được gọi là Thế hệ Vạn lý Trường chinh (Đặng Tiểu Bình), Thế hệ Oanh tạc (Margaret Thatcher), Thế hệ Kháng chiến (François Mitterrand, Giulio Andreotti), và Thế hệ Chiến tranh Vệ quốc (Leonid Brezhnev, Yuri Andropov). Đảm nhiệm vị trí lãnh đạo là một Thế hệ Đột kích Trên không trưởng thành từ những đứa trẻ thời chiến (giống như Boris Yeltsin, Helmut Kohl, Jacques Chirac, Jean Chrétien, và Romano Prodi), những chuyên gia hậu hiện đại tung hô “*sự cởi mở và tính minh bạch*”, ngoại giao, truyền thông, và khả năng lãnh đạo châu Âu trong khi tất cả các liên minh cũ lại vòng vo và chia rẽ.

Tiếp sau họ là thế hệ toàn cầu đến tuổi trưởng thành trong bối cảnh những vụ bạo loạn của giới trẻ, chiếm đóng Praha, khủng bố ở châu Âu, và Cách mạng Văn hóa Trung Hoa. Tại châu Âu, đây là Thế hệ 5x của năm 1968 (Alexander Lebed, Lech Walesa, Gerry Adams, Thái tử Charles, Tony Blair, và José Maria Aznar). Tại Israel, đây là Thế hệ hậu Exodus của Binyamin Netanyahu. Âm ảnh với các giá trị, chống lại văn hóa pop phương Tây, và kết bè phái giận dữ, những người nước ngoài cùng thời với Thế hệ Bùng nổ lên nắm quyền chậm hơn. Những người trên toàn cầu cùng thời với Thế hệ Thứ 13, “thế hệ 9x” trẻ tuổi ngày nay (ở Pháp là Thế hệ Xấu xí, kiểu như “ai mà quan tâm”) được mô tả trên phương tiện truyền thông như những người thích đùa và

i. Nguyên văn tiếng Nga: “glasnost”.

nay đây mai đó, những nhà bảo vệ môi trường và những doanh nhân, thực dụng và định hướng thị trường, những nhà toàn cầu hóa về kinh tế nhưng bài ngoại về xã hội, và quan tâm đến việc kiếm tiền hơn là chính trị.

Từ tình bạn đặc biệt của Reagan với Thatcher tới những sinh viên chưa tốt nghiệp đang lướt Web từ Seattle đến Minsk, mối quan hệ xuyên quốc gia ở các thế hệ trên địa cầu ngày nay có thể đảm bảo rằng người Mỹ trong độ tuổi lãnh đạo sẽ tiếp tục gặp phải những người nước ngoài có tính cách tương tự trong vòng ít nhất là hai hoặc ba thập niên tới. Điều này có thể làm nổi bật những nhịp điệu của *saeculum* và củng cố quãng thời gian bốn nhịp của nó, có lẽ với những thời kỳ Khủng hoảng càng bão tố thì những thời kỳ Lạc quan sau đó càng phấn khởi hơn. Một lần nữa, có thể *saeculum* chẳng làm gì để phân loại. Không ai biết được. *Saeculum* không phải là một động lực xã hội hoàn toàn ổn định, vì một lý do rất đơn giản: Sự ổn định chung ngoài tầm với của bất kỳ hệ thống nào của con người.

Sau tất cả, *saeculum* không thể xác định chất lượng tốt hay xấu của những kết cục lịch sử. Những kết cục này đều mở đầu bằng nghi ngờ, tất cả tùy thuộc vào các hành vi tốt và xấu của các thế hệ (và của những bậc phụ huynh và những nhà lãnh đạo mà các thế hệ sinh ra). Vì những kết cục này đều mở đầu bằng nghi ngờ, nên đó cũng là trạng thái thường xuyên của quãng thời gian *saeculum* và các thế hệ cấu thành của nó. Nếu chúng ta có thể tưởng tượng ra một thảm họa vô cùng kinh khủng có thể đặt dấu chấm hết cho mọi chu kỳ lịch sử, thì chúng ta cũng phải chấp nhận rằng các bi kịch nhẹ nhàng hơn có thể làm cong hoặc cắt ngắn một chu kỳ. Rất có thể mỗi xã hội hiện đại đều đã trải qua một hoặc nhiều chu kỳ bất thường này.

Trong lịch sử người Mỹ gốc Anh, chỉ có Nội chiến là sự bất thường đáng chú ý. *Saeculum* của nó có các Bước chuyển Thứ nhất và Thứ hai bình thường, nhưng các Bước chuyển Thứ ba và Thứ tư lại được rút

ngắn xuống chỉ còn 22 năm (1844-1865), tương đương chiều dài thông thường của một bước chuyển. Chỉ có 32 năm tính từ đỉnh điểm của thời kỳ Thức tỉnh Tiên nghiệm tới đỉnh điểm của Nội chiến. *Saeculum* này cũng không sinh ra thế hệ nào theo kiểu Anh hùng, khiến đây là lần duy nhất trong năm thế kỷ chu kỳ bốn nguyên mẫu đã bị phá vỡ.

Thoạt nhìn, thời kỳ Khủng hoảng Nội chiến dường như đã đi vào lịch trình. Năm đỉnh điểm (1863) đã đến sau đỉnh điểm của thời kỳ Khủng hoảng trước đó là 80 năm và trước lần đỉnh điểm kế tiếp là 81 năm. Nhưng trước Nội chiến, các *saeculum* kéo dài hơn. Ba *saeculum* trước đã kéo dài gần một thế kỷ (lần lượt là 103, 101, và 94 năm). Không có vẻ gì là các thế hệ đã đột ngột giảm độ dài một thế hệ xuống như thời hiện đại. Nếu như những nhịp điệu được rút ngắn với một tốc độ chậm hơn, thì đáng lẽ *saeculum* này phải kéo dài tới 90 hoặc 95 năm. Do đó, thời kỳ khủng hoảng của *Saeculum* Nội chiến có thể đạt đỉnh điểm và kết thúc vào khoảng 10 hoặc 15 năm trước thời điểm mà nhịp điệu lịch sử đưa ra.

Tại sao lại như vậy? Ba thế hệ trưởng thành đang sống vào thời điểm đó (Thế hệ Thỏa hiệp lớn tuổi, Thế hệ Siêu việt trung niên, và Thế hệ Vàng son trẻ tuổi) đã để cho bản năng tồi tệ nhất của họ chiếm ưu thế. Sau những nỗ lực không thành của Henry Clay, Daniel Webster, và John Calhoun nhằm ngăn chặn chiến tranh, Thế hệ Thỏa hiệp lớn tuổi của kỷ nguyên xa hoa đã không thể vượt qua được quá trình trống rỗng và sự rối loạn về đạo đức. Thế hệ Siêu việt có tuổi chia xã hội thành hai vùng địa lý riêng biệt khép kín mà không thể cưỡng lại được việc tiến hành chiến tranh (và sau đó là hòa bình) với sự tàn nhẫn tột cùng. Thế hệ Vàng son trẻ tuổi chẳng bao giờ vượt qua được ham muốn tranh đấu của một kẻ ưa mạo hiểm hoặc dễ dàng từ bỏ danh dự cá nhân – cho đến khi chiến tranh tàn phá cuộc sống và triển vọng tương lai của chính họ. Ba thế hệ này tập hợp thành một nhóm rất nguy hiểm. Họ đẩy nhanh tốc độ của thời kỳ Khủng hoảng, nhanh chóng đưa nó lên cao trào,

tạo ra kết quả khả huyền nhất mà các chính khách, nhà thuyết pháp, tướng lĩnh, và kỹ sư có thể cùng đạt được.

Với bất kỳ Bước chuyển Thứ tư nào trong lịch sử Mỹ, một sử gia sẽ khó mà tưởng tượng ra một đoạn kết bay bổng hơn những gì thật sự xảy ra. Đối với Nội chiến, có thể dễ dàng tưởng tượng ra một kết quả tốt hơn. Đúng, Liên minh được bảo toàn, nô lệ được giải phóng, và Cách mạng Công nghiệp nổ ra nhưng với chi phí rất lớn. Thêm một thế kỷ hận thù vùng miền đã đẩy miền Nam vào cảnh nghèo đói và lưu vong chính trị. Tái thiết thất bại trong kỷ nguyên của lối hành hình kiểu *lynching* và Jim Crow, và mọi vấn đề xã hội khác (mọi thứ từ những khiêu nại của người lao động cho tới nữ quyền) đều nguội dãn cho đến thời kỳ Thức tỉnh tiếp theo, và khi đó chúng phải khởi động lại gần như từ đầu. Phản ứng chính trị của những người còn sống lúc đó chỉ ra rằng nhiều người Mỹ đã thật sự quy nỗi đau bất thường của Bước chuyển Thứ tư nọ cho hành vi tai hại của một bộ phận Thế hệ Siêu việt đang già đi: Sau Nội chiến là năm 1868 với chiến thắng lớn nhất mang tính thế hệ trong lịch sử bầu cử Mỹ, khi các cử tri lại là những người lớn tuổi hâm mộ cuồng nhiệt Thế hệ Vàng son đang ở độ tuổi 40.

Sau đó, không có thế hệ kế nhiệm nào đảm đương được vai trò thông thường của Thế hệ Anh hùng trong việc xây dựng những thể chế công để hiện thực hóa tầm nhìn của Thế hệ Siêu việt. Thế hệ Cấp tiến (một thế hệ được bảo vệ, là người con ngoan ngay trước chiến tranh) là thế hệ tiếp theo trong dòng chảy và có thể đã trở thành như thế. Nhưng vì thời kỳ Khủng hoảng kéo đến quá sớm và quá dữ dội, nên thế hệ này đã phải chịu đựng nhiều nỗi đau hơn là được tiếp thêm sức mạnh. Mặc dù nhiều người trẻ của Thế hệ Cấp tiến từng là các cựu chiến binh tham chiến, nhưng họ để lại quan điểm chính trị thời hậu chiến trong tay của Thế hệ Vàng son khoác “chiếc áo đẫm máu.” Để khẳng định một chút lòng tin, Thế hệ Cấp tiến phát triển tính cách tốt hơn nguyên mẫu Nghệ sĩ. Lấp đầy khoảng trống nguyên mẫu, Thế hệ Vàng son chín chắn

là một sự kết hợp giữa Du cư và Anh hùng. Sau khi làm chủ một thời kỳ Lạc quan với nền văn hóa khô cằn bất thường, Thế hệ Vàng son này sau đó đã bị Thức tỉnh bác bỏ, một thời kỳ mà những người lớn tuổi bị phỉ báng chưa từng thấy trong lịch sử chúng ta.

Tính bất thường của Nội chiến cho thấy sự nguy hiểm tiềm tàng ở các nhóm thế hệ, sự hung hăng mà các nguyên mẫu có thể thực hiện trong những kịch bản vòng đời của mình, và cách thức mà thời kỳ Khủng hoảng có thể kết thúc sớm trong một bi kịch không thể tưởng tượng nổi từ trước. Nó cũng khẳng định rằng lịch sử *không* được xác định trước, rằng những hành động của con người (và những lựa chọn chính trị của họ) về cơ bản có thể làm thay đổi tiến trình lịch sử.

Tính bất thường của Nội chiến mang tới hy vọng cũng như cảnh báo. Tiếp sau nó là những bước chuyển kiểu thông thường. Một xã hội bị chiến tranh tàn phá phải chịu đựng tổn thương rất lớn, đã phục hồi chuỗi cân bằng của những bước chuyển *saeculum*. Ngay cả ở đỉnh cao thời kỳ Khủng hoảng, thì quyền công dân đã gieo hạt giống mà sau này sẽ nảy mầm thành những nguồn vốn lớn: đường sắt xuyên lục địa, trang trại nông nghiệp gia đình, và cấp đất cho các trường đại học. Nó cũng đặt nền móng mới cho chủ quyền quốc gia: Trước khi Appomattox đầu hàng, Mỹ đã từng là một danh từ số nhiều; sau này mới trở thành số ít. Và lại có thêm một thời kỳ Lạc quan nữa. Những thế hệ sau chiến tranh không bao giờ từ bỏ niềm tin của họ vào tiến bộ, khắc phục thiệt hại, và đầu tư nhiều cho tương lai. Lao động chăm chỉ, lựa chọn đầu tư khôn ngoan, và mức chi tiêu tiết kiệm của họ đã hỗ trợ đáng kể cho sự hồi phục kỳ diệu của nền kinh tế Mỹ thế kỷ 20.

Nếu học từ tấm gương của họ, chúng ta có thể ngăn chặn một thảm họa trong Bước chuyển Thứ tư sắp tới, món nợ của chúng ta với các thế hệ của Clay, Lincoln, và Grant quả thật sẽ rất lớn.

TỔNG QUAN: BẢY CHU KỲ CỦA CÁC THẾ HỆ
VÀ NHỮNG BƯỚC CHUYỂN

Saeculum của người Mỹ gốc Anh

Saeculum là một chu kỳ theo mùa của lịch sử, gần bằng chiều dài của một đời người sống thọ, nó giải thích sự tuần hoàn của các thời kỳ Thức tỉnh và Khủng hoảng trong suốt thời hiện đại.

Saeculum của người Mỹ gốc Anh được tính từ sự suy tàn thời trung cổ hồi giữa thế kỷ 15. Đã có bảy *saeculum*:

- Cuối thời trung cổ (1435-1487).
- Cải cách Tin Lành (1487-1594).
- Tân Thế giới (1594-1704).
- Cách mạng (1704-1794).
- Nội chiến (1794-1865).
- Siêu cường (1865-1946).
- Thiên niên kỷ (1946-2026?).

Mỹ hiện nay đang ở Bước chuyển Thứ ba của *Saeculum* Thiên niên kỷ và khai sinh ra thế hệ thứ 24 của thời kỳ hậu trung cổ.

Trong những trang tiếp theo, cứ một trang liệt kê các bước chuyển lại đến một trang liệt kê các thế hệ trong bước chuyển đó. (Thời gian sinh thường ở trước thời gian của bước chuyển khoảng hai tới bốn năm). Đối với bất kỳ bước chuyển nào, nhóm các thế hệ đều bao gồm trẻ em được hướng dẫn quyền của mình, cộng với ba thế hệ trước đó.

Bảng ở trang 248 liệt kê các mùa trong lịch sử người Mỹ gốc Anh.

CÁC BƯỚC CHUYỂN

Mỗi **bước chuyển** là một tâm trạng xã hội thay đổi mỗi khi các nguyên mẫu thế hệ gia nhập một nhóm mới. Mỗi bước chuyển là khoảng chiều dài của một giai đoạn cuộc đời.

- **Bước chuyển Thứ nhất là thời kỳ Lạc quan** – một kỷ nguyên vui vẻ các thiết chế vững mạnh và chủ nghĩa cá nhân suy yếu, khi trật tự xã hội mới bén rễ và hệ thống giá trị cũ mục ruỗng. (Du cư bước vào tuổi già; Anh hùng sang tuổi trung niên; Nghệ sĩ đến tuổi thanh niên; và Tiên tri ở thời thơ ấu.)
- **Bước chuyển Thứ hai là thời kỳ Thức tỉnh** – một kỷ nguyên sôi động của chuyển biến tinh thần, khi hệ thống giá trị mới làm xói mòn trật tự xã hội. (Anh hùng bước vào tuổi già, Nghệ sĩ sang tuổi trung niên, Tiên tri đến tuổi thanh niên, và Du cư ở thời thơ ấu).
- **Bước chuyển Thứ ba là thời kỳ Tan rã** – một kỷ nguyên xuống dốc với chủ nghĩa cá nhân lên cao và các thiết chế suy yếu, khi trật tự xã hội cũ suy tàn và hệ thống giá trị mới nảy sinh. (Nghệ sĩ bước vào tuổi già; Tiên tri sang tuổi trung niên; Du cư đến tuổi thanh niên, và Anh hùng ở thời thơ ấu.)
- **Bước chuyển Thứ tư là thời kỳ Khủng hoảng** – một kỷ nguyên mang tính quyết định của biến động thế tục, khi hệ giá trị mới thúc đẩy việc thay thế trật tự xã hội cũ bằng một trật tự xã hội mới. (Tiên tri bước vào tuổi già, Du cư sang tuổi trung niên, Anh hùng đến tuổi thanh niên, và Nghệ sĩ ở thời thơ ấu.)

NỬA *SAECULUM* CUỐI THỜI TRUNG CỔ: CÁC BƯỚC CHUYỂN

- **Rút quân khỏi Pháp** (*Bước chuyển Thứ ba, 1435-1459*) là thời kỳ suy thoái của các triều đại và mất trật tự xã hội. Năm 1435, không lâu sau khi Joan of Arcⁱ bị hành quyết, người Anh rút khỏi Paris lần cuối. Trong thập niên 1440, họ đã bị đẩy ra khỏi Pháp trên tất cả các mặt trận. Vậy là Chiến tranh Trăm năm đã kết thúc. Trong khi đó, sự cai trị kém cỏi của vị vua trẻ Henry VI đã làm suy yếu chính quyền trung ương ở Anh. Đến thập niên 1450, giới quý tộc coi thường pháp luật, tranh

i. Tiếng Pháp: Jeanne d'Arc (1412(?)-1431), nữ anh hùng người Pháp trong Chiến tranh Trăm năm giữa Pháp và Anh. (ND)

giành quyền lực, và tham gia vào những cuộc chiến cá nhân mà không bị trừng phạt.

Thế hệ Hiệp sĩ bước vào thời thơ ấu.

- **Những cuộc Chiến tranh Hoa hồng** (*Bước chuyển Thứ tư, 1459-1487*) bắt đầu với một sự tan vỡ không thể thay đổi được giữa hai gia tộc Lancaster và York. Sau một cuộc nội chiến đẫm máu, những vị vua xứ York (Edward IV, Edward V, Richard III) chiếm ưu thế trong các triều đại, nổi bật với những cuộc xâm lược và nổi dậy. Tại Trận Bosworth (năm 1485), Henry Tudor đã đánh bại Richard III và tự xưng là Henry VII, sáng lập ra một vương triều mới. Hai năm sau đó, ông đã đánh bại một kẻ nổi dậy trong trận Stokeⁱ, giúp ông giành được sự tin tưởng lâu dài của thần dân.

Thế hệ Hiệp sĩ đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Nhân văn bước vào thời thơ ấu.

CÁC THẾ HỆ

Một **thế hệ** gồm những người có vị trí giống nhau trong lịch sử tạo cho họ một cá tính chung. Chiều dài của một thế hệ là quãng chừng chiều dài của một giai đoạn cuộc đời. Các thế hệ biểu thị theo bốn nguyên mẫu, luôn theo cùng một thứ tự, vị trí theo các giai đoạn cuộc đời của bốn nguyên mẫu tạo thành một nhóm các thế hệ.

- Nguyên mẫu **Tiên tri** được sinh ra trong thời kỳ Lạc quan và đến tuổi thanh niên trong Thức tỉnh, tuổi trung niên trong Tan rã, và tuổi lão niên trong Khủng hoảng.
- Nguyên mẫu **Du cư** được sinh ra trong thời kỳ Thức tỉnh và đến tuổi thanh niên trong Tan rã, tuổi trung niên trong Khủng hoảng, và tuổi lão niên trong Lạc quan.
- Nguyên mẫu **Anh hùng** được sinh ra trong thời kỳ Tan rã và đến tuổi thanh niên trong Khủng hoảng, tuổi trung niên trong Lạc quan, và tuổi lão niên trong Thức tỉnh.

i. Cuộc chiến giữa Henry VII và Lambert Simnel (gia tộc York) muốn đòi lại ngai vàng. Đây là trận cuối cùng trong những cuộc Chiến tranh Hoa hồng. (ND)

- Nguyên mẫu **Nghệ sĩ** được sinh ra trong thời kỳ Khủng hoảng và đến tuổi thanh niên trong Lạc quan, tuổi trung niên trong Thúc tỉnh, và tuổi lão niên trong Tan rã.

Ở Bước chuyển Thứ tư, nhóm các thế hệ chứa tất cả bốn nguyên mẫu sinh ra trong *saeculum* hiện nay. Trong ba bước chuyển đầu tiên, nhóm các thế hệ bao gồm một hoặc nhiều nguyên mẫu sinh ra trong *saeculum* trước đó.

NỬA *SAECULUM* CUỐI THỜI TRUNG CỔ: CÁC THẾ HỆ

- **Thế hệ Hiệp sĩ** (*Anh hùng, sinh trong khoảng 1433-1460*) lớn lên trong thời kỳ Anh rệu rã rút quân khỏi Pháp, một thời đại của bi quan và mất trật tự xã hội gia tăng. Được nuôi dưỡng trong những hy vọng của thế hệ trước đó rằng họ có thể bảo vệ vương quốc, các Hiệp sĩ đến tuổi trưởng thành cùng với một cuộc nội chiến không kết thúc cho đến khi Henry Tudor 28 tuổi thành lập triều đại mới của mình. Bước vào tuổi trung niên, họ siết chặt hàng ngũ trong một kỷ nguyên thịnh vượng mới mạnh mẽ (do đứng đầu về xuất khẩu len), kỷ cương xã hội (do các quan tòa địa phương bận rộn đứng đầu), và chính quyền trung ương hùng mạnh (do Hội đồng Cơ mật mới dẫn đầu). Bước vào tuổi già, họ tham gia nhiều lĩnh vực, in sách, và lên kế hoạch cho các hành trình đến Tân Thế giới, đảm bảo danh tiếng cho tinh thần đồng đội hào hiệp bất tử trong *Morte D'Arthur*, áng sử thi quý giá về thế hệ của họ. (*Người Anh: Vua Edward IV, Vua Henry VII, John Cabot, William Grocyn, John de Vere; Người châu Âu: Leonardo da Vinci, Christopher Columbus.*)
- **Thế hệ Nhân văn** (*Nghệ sĩ, sinh trong khoảng 1461-1482*) trải qua một tuổi thơ được che chở trong cuộc nội chiến đẫm máu, nhiều người trong giới thượng lưu còn được đi học nước ngoài nên an toàn hơn. Đến tuổi trưởng thành, họ hiểu rõ sứ mệnh của mình là tô điểm cho một trật tự mới. Ở tuổi thanh niên, họ trở thành những nhà nhân văn mới – những trợ giảng người Hy Lạp, học giả quốc tế, nhà thơ trữ tình, giáo sĩ cấp cao được đào tạo về pháp luật, thương gia trí thức, và điền chủ nhỏ. Tuổi trung niên của họ vấp phải Thời kỳ Cải cách, và họ điều chỉnh

theo đầy lúng túng. Một số ẩn mình trong cung điện xa hoa sang trọng của Wolsey và chẳng thêm lưu tâm. Một số khác viết lan man. Một số ít (như vở kịch nổi tiếng *Man for All Seasons* [Tạm dịch: Người của Bốn Mùa]) châm biếm sắc sảo thói đạo đức giả đang thịnh hành, ủng hộ trật tự cũ, và cuối cùng trả giá. Khi về già, họ giật mình trước một chủ nghĩa cấp tiến mới tàn nhẫn, lấn át cả những nét tinh tế hòa nhã của riêng họ. (*Người Anh: Thomas More, Thomas Linacre, John Colet, Hồng y Wolsey, Stephen Gardiner; Người châu Âu: Michelangelo, Copernicus.*)

CÁC BƯỚC CHUYỂN

- **Phục hưng Tudor** (*Bước chuyển Thứ nhất, 1487-1517*) là thời kỳ củng cố chính trị và xã hội. Để được nhân dân tung hô, Vua Henry VII đã nghiền nát các thách thức với vương triều mới của mình, củng cố quyền lực và mệnh lệnh hoàng gia. Trên nền tảng này của chính quyền trung ương, tỉ lệ sinh gia tăng, thương mại tăng trưởng, xây dựng bùng nổ. Cuộc sống thế tục mới mang tính xa hoa được phản ánh rõ nhất trong các cung điện của Hồng y Wolsey. Thời đại này khép lại trong một tâm trạng căn cỗi về văn hóa.

Thế hệ Hiệp sĩ sang tuổi trung niên.

Thế hệ Nhân văn đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Cải cách bước vào thời thơ ấu.

- **Cải cách Tin Lành** (*Bước chuyển Thứ hai, 1517-1542*) bắt đầu ở Đức với sự phản kháng nổi tiếng của Martin Luther và nhanh chóng lan tới Anh. Lòng nhiệt tình lên đến đỉnh điểm (vào giữa thập niên 1530) với việc Vua Henry VIII tuyệt giao với Giáo hoàng, Kinh Thánh của William Tyndale, các phong trào cải cách lan rộng, và Nghị viện tịch thu hàng loạt bất động sản của Giáo hội. Thời kỳ này kết thúc khi các nhà cải cách mệt mỏi (như Thomas Cromwell) hoặc bị hành quyết, khi những cuộc chiến tranh ở nước ngoài với Scotland và Pháp làm chuyển hướng khả năng sáng tạo của quần chúng.

Thế hệ Hiệp sĩ bước vào tuổi già.

Thế hệ Nhân văn sang tuổi trung niên.

Thế hệ Cải cách đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Tră đũa bước vào thời thơ ấu.

- **Bất khoan dung và Tử vì đạo** (*Bước chuyển Thứ ba, 1542-1569*) là một kỷ nguyên xã hội tan rã, xã hội nổi loạn, và đầy những mưu đồ chính trị chết người. Qua các triều đại của Edward VI và Nữ hoàng Mary, ngai vàng xung đột dữ dội với vấn đề tôn giáo. Nền kinh tế chao đảo trong vòng tuần hoàn phát triển-phá sản, với uy tín của hoàng gia giảm sút khiến lạm phát tăng cao chưa từng có. Khi thời kỳ này kết thúc, vào đầu triều đại của Nữ hoàng Elizabeth I, một quốc gia vỡ mộng lo lắng nhìn về tương lai.

Thế hệ Nhân văn đến tuổi già.

Thế hệ Cải cách sang tuổi trung niên.

Thế hệ Tră đũa đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Elizabeth bước vào thời thơ ấu.

- **Khủng hoảng Armada** (*Bước chuyển Thứ tư, 1569-1594*) bắt đầu khi vị công tước quyền lực xứ Norfolk có liên quan đến một âm mưu của Tây Ban Nha chống lại Vua Anh, một phát hiện mới sắc bén của giới Tin Lành Anh chống lại mối đe dọa toàn cầu xuất phát từ gia tộc Hapsburg Công giáo. Đỉnh cao của những cuộc chiến tranh đại diện và truy lùng bằng tàu là chiến thắng kỳ diệu của Anh trong cuộc chiến xâm lược của Hạm đội Tây Ban Nha (năm 1588). Tâm trạng khẩn cấp nơi lỏng sau khi Hà Lan kháng chiến thành công và chấm dứt sự kiểm soát của Tây Ban Nha ở Pháp.

Thế hệ Cải cách đến tuổi già.

Thế hệ Tră đũa sang tuổi trung niên.

Thế hệ Elizabeth đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Nghị sĩ bước vào thời thơ ấu.

CÁC THẾ HỆ

- **Thế hệ Cải cách** (*Tiên tri, sinh trong khoảng 1483-1511*) bắt đầu cuộc đời bằng những lợi thế của trật tự và sung túc. Họ nổi loạn thời trẻ, đầu tiên là tại các trường học (trong thập niên 1520), rồi sau đó là một vị vua trẻ tuổi ích kỷ và Nghị viện (trong thập niên 1530) tham gia vào một biến động tôn giáo. Khi thời kỳ đam mê nguội bốt, Giáo hội Công giáo bị giải tán, giới tu sĩ tan rã, quần chúng được trang bị Kinh Thánh, và đức tin Anh giáo được tách khỏi Rome. Ở tuổi trung niên, sự xác xược của họ củng cố thêm nguyên tắc khắc khe. Với nhiều hình tượng phụ nữ xuất chúng, họ trở thành những nhà đạo đức của khối thịnh vượng chung, một nhóm người theo tình yêu thần bí, những người phải từ bỏ tín ngưỡng thuộc phái Calvin (hoặc Rome), và những kẻ tử vì đạo ngoan cố bị thiêu hoặc bị treo cổ do dị giáo. Khi già đi, nhiều người sống để chứng kiến đất nước bị kéo vào cuộc Hòa giải Thanh giáo mà họ đã thực hiện khá lâu để truyền cảm hứng. (*Người Anh: Vua Henry VIII, Thomas Cromwell, John Knox, Elizabeth Barton, William Tyndale, Nicholas Ridley; Người châu Âu: Martin Luther, John Calvin.*)
- **Thế hệ Trả đũa** (*Du cư, sinh trong khoảng 1512-1540*) trải qua tuổi thơ trong bối cảnh tôn giáo hỗn loạn và quyền lực xã hội suy giảm trên diện rộng, đến tuổi trưởng thành trong một thời kỳ hậu Thức tỉnh đầy hoài nghi của nền chính trị khốc liệt và các thị trường đầy biến động. Họ nổi tiếng là những thương nhân ngang tàng, lính đánh thuê, gián điệp, và cướp biển, tiến hành trả đũa một cách ấn tượng bằng sự may mắn và sự can trường. Bước vào tuổi trung niên cùng lúc với Nữ hoàng của mình (bản thân bà là một trẻ mồ côi khôn ngoan) và cãi cọ với Đế chế Tây Ban Nha, các nhà thám hiểm liều lĩnh này biết cách làm “râu Vua Philip cháy xém” trong khi ăn cắp vàng của ông. Kêu gọi danh dự quốc gia, họ đến độ chín và trở thành những người lãnh đạo lớn tuổi khôn ngoan, từng trải của tình đoàn kết Anh, sự hy sinh của họ có thể xây dựng một kỷ nguyên mới huy hoàng. (*Người Anh: Nữ hoàng Elizabeth I, Francis Drake, John Hawkins, Thomas Gresham, Nam tước xứ Burghley, Francis Walsingham; người châu Âu: Catherine de' Medici, Michel de Montaigne.*)

- **Thế hệ Elizabeth** (*Anh hùng, sinh trong khoảng 1541-1565*) là những đứa trẻ được hưởng lợi từ sự bùng nổ hàng loạt trường học nhằm rèn luyện chúng thành hình ảnh mẫu mực hoàn hảo của thành tựu xã hội và làm việc nhóm. Đến tuổi trưởng thành cùng với những cuộc chiến lớn chống lại Tây Ban Nha, họ đi lính với lòng dũng cảm đến kinh ngạc và tác phong nhã nhặn. Tuổi trung niên của họ rơi vào thời đại Huy hoàng, họ chinh đồn thương mại, khám phá các vùng đất mới ở nước ngoài, xây dựng những dinh thự lớn đồ sộ, theo đuổi ngành khoa học mới, và làm thơ tôn vinh một vũ trụ có trật tự. Sử gia Anthony Esler giải thích rằng “các dự án đầy tham vọng có quy mô ngoạn mục và vĩ đại” đã khiến “những người vươn tới trước” này khác với “thế hệ tàn lụi” trước họ. Khi về già, nhiều người sống để chứng kiến một Nước Anh Vui vẻ nồng nhiệt và cởi mở bị những đứa con trai và con gái có lương tri của họ chối từ. (*Người Anh: William Shakespeare, Walter Raleigh, Philip Sidney, Francis Vere, Francis Bacon, Edward Coke; người châu Âu: Miguel de Cervantes, Galileo Galilei.*)
- **Thế hệ Nghị viện** (*Nghệ sĩ, sinh trong khoảng 1566-1587*) trải qua thời thơ ấu trong một thời đại của những mối đe dọa và chiến tranh ngoại bang. Trưởng thành cùng với bình minh của hòa bình và thịnh vượng trên đế chế, họ đạt được những thành tựu không chê vào đâu được trong pháp luật, học thuật, tôn giáo, nghệ thuật, và phường hội thủ công. Trong các dinh thự lớn, họ làm gia tăng ảnh hưởng của giới quý tộc trí thức mới. Tại Tòa án, họ biện giải cho chính sách Byzantine của James I. Trong Nghị viện, họ khuyến khích phẩm chất lễ độ và khăng khăng theo tiền lệ, nguyên tắc xét xử công bằng, và công bố thông tin đầy đủ. Ở tuổi trung niên, đặc tính thay đổi dần của họ bị rung chuyển trước những lời kêu gọi mới đối với cải cách triệt để. Phái Arminius đưa ra lập luận phản bác; phái Nghị trường hoan nghênh những lưỡng lự. Cực kỳ thiếu quyết đoán khi phát biểu và thuyết giáo, họ chứng kiến Anh rẽ sang một vòng xoáy cuồng loạn và bạo lực mà họ cảm thấy bất lực vì không thể ngăn chặn. (*Người Anh: Vua James I, John Donne, William Laud, Inigo Jones, Công tước xứ Buckingham, John Selden; người châu Âu: Claudio Monteverdi, Peter Paul Rubens.*)

CÁC BƯỚC CHUYỂN

- **Nước Anh Vui vẻ** (*Bước chuyển Thứ nhất, 1594-1621*) là một thời kỳ lạc quan và thịnh vượng, đầy những ước mơ để chế, nhưng đã tồi rền nhờ sự cảnh giác của kẻ thù ngoại bang. Đối với nghệ thuật, đây là thời kỳ Phục hưng đúng kiểu Anh, và đối với văn học, đây là kỷ nguyên huy hoàng của Shakespeare. Sau khi kế vị Elizabeth I năm 1601, James I khuyến khích học tập, thám hiểm, và thương mại. Những mối quan hệ ôn hòa tốt đẹp của ông với Hạ viện bắt đầu xấu đi sau khi ông cai trị được gần 20 năm.

Thế hệ Trá đũa bước vào tuổi già.

Thế hệ Elizabeth sang tuổi trung niên.

Thế hệ Nghị sĩ đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Thanh giáo bước vào thời thơ ấu.

- **Thức tỉnh Thanh giáo** (*Bước chuyển Thứ hai, 1621-1649*) bắt đầu với bản Kháng nghị Vĩ đại của Nghị viện. Khi con trai của James I lên ngôi, yêu cầu cải cách trở nên quyết liệt và ngày càng lan rộng. Tìm kiếm một cuộc sống lưu vong do tôn giáo, John Winthrop dẫn đầu những tín đồ chân chính còn sót lại tới Mỹ. Ở Anh, sự nhiệt tình của Thế hệ Thanh giáo này đã dẫn đến Nghị viện [kéo] Dàiⁱ (năm 1640), nội chiến, và vụ hành quyết Charles I (năm 1649). Tại các thuộc địa mới đầy hoang vu, sự nhiệt tình giảm dần theo thực tế, tạo ra những khu định cư biệt lập đi tìm kiếm một đạo đức chính thống khả thi.

Thế hệ Elizabeth bước vào tuổi già.

Thế hệ Nghị sĩ sang tuổi trung niên.

Thế hệ Thanh giáo đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Kỵ sĩ bước vào thời thơ ấu.

i. Nguyên văn: “Long Parliament”, Nghị viện Anh từ tháng 11 năm 1640 đến năm 1660, tên gọi của nó được hình thành để phân biệt với sự tan rã của “Nghị viện Ngắn” – Short Parliament (tồn tại chỉ trong ba tuần từ 13/04-5/05/1640) dưới thời Vua Charles I, và 11 năm trước đó không có Nghị viện ở Anh (1628-1940).

- **Phản ứng và Khôi phục** (*Bước chuyển Thứ ba, 1649-1675*) là một kỷ nguyên của sự trôi dạt và tranh cãi gay gắt về lý tưởng ở những người nhập cư Tân Thế giới đầu tiên. Mất phương hướng vì những sự kiện chuyển dịch quá nhanh (Chế độ Bảo hộ của Cromwell trong thập niên 1650, Khôi phục gia tộc Stuart vào năm 1660, chiến tranh với Hà Lan khiến vùng đất hiện là New York đã bị chiếm vào năm 1664), mỗi thuộc địa tự lo liệu cho mình và cắt đứt quan hệ với Anh. Thời đại này kết thúc bằng việc giảm bớt quyền tự trị thuộc địa và gia tăng những nỗi lo lắng về tương lai.

Thế hệ Nghị sĩ bước vào tuổi già.

Thế hệ Thanh giáo sang tuổi trung niên.

Thế hệ Kỵ sĩ đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Huy hoàng bước vào thời thơ ấu.

- **Cách mạng Vinh quang** ở thuộc địa (*Bước chuyển Thứ tư, 1675-1704*) bắt đầu với biến động xã hội và Chiến tranh Da đỏ đầy thảm họa, theo sau là nỗ lực của Nghị viện tái khẳng định quyền kiểm soát trực tiếp của hoàng gia ở các thuộc địa. Sự phản kháng kéo dài lên đến đỉnh điểm vào năm 1689 với những cuộc nổi dậy thuộc địa mà đã được châm ngòi bởi tin tức về Cách mạng Vinh quang ở Anh nhân danh William xứ Orange. Một thập niên tiếp theo của cuộc chiến chống lại New France thuộc Canada đã kết thúc với chiến thắng vẻ vang toàn cầu của Anh, của các thiết chế hùng mạnh ở thuộc địa tự trị và một kỷ nguyên hòa bình mới với các dân tộc bản địa.

Thế hệ Thanh giáo bước vào tuổi già.

Thế hệ Kỵ sĩ sang tuổi trung niên.

Thế hệ Huy hoàng đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Khai sáng bước vào thời thơ ấu.

CÁC THẾ HỆ

- **Thế hệ Thanh giáo** (*Tiên tri, sinh trong khoảng 1588-1617*) là những đứa trẻ tắm mình trong hòa bình thời hậu Armada. Một

mỗi với những sang chấn tinh thần, nhiều người đến tuổi trưởng thành sốt sắng vạch trần sự trống rỗng tinh thần trong những thành tựu của thế hệ trước đó thời Jacobin. Trong khi một số người sau đó lãnh đạo Anh vượt qua nội chiến mà đỉnh điểm là vụ chặt đầu Vua Charles I, thì những người khác đã đi theo tiếng gọi của Thiên Chúa để dẫn đầu cuộc Đại di cư tới Mỹ. Thanh niên Thanh giáo thành lập các thị trấn lấy nhà thờ làm trung tâm, từ Long Island đến Maine. Ở tuổi trung niên, lo sợ ảnh hưởng xấu của Cựu Thế giới đến lũ trẻ chưa cải đạo của mình, họ đã chuyển từ việc dựa trên tình cảm sang dựa trên pháp luật. Uy quyền đạo đức của họ vẫn không bị đe dọa khi tuổi tác đã cao, vì họ kháng cự đến cùng ở tuổi già khi tham gia các cuộc Chiến tranh Da đỏ và Cách mạng Vinh quang. (*Thuộc địa: Anne Hutchinson, John Winthrop, Simon Bradstreet, Roger Williams, John Harvard, William Berkeley; Nước ngoài: Oliver Cromwell, René Descartes.*)

- **Thế hệ Kỵ sĩ** (*Du cư, sinh trong khoảng 1618-1647*) lớn lên giữa một thời đại biến động tôn giáo và tan vỡ gia đình. Tại New England, họ là hậu duệ bị cô lập của những người cuồng tín; ở các thuộc địa Chesapeake, họ là thanh thiếu niên người Anh học nghề vì cha mẹ đã chết hoặc nghèo đói nên đã ký thác họ cho các chuyến tàu mang đầy bệnh tật hướng về những cánh đồng thuốc lá. Nổi tiếng bạo lực và thất học, họ trưởng thành cùng những rủi ro lớn – nhiều người chết trẻ, số còn lại trở thành thương nhân, thợ đánh bẫy, lính đánh thuê, phiến quân, và cướp biển lừng danh nhất thế kỷ. Ở tuổi trung niên, họ đấu tranh dũng cảm chống lại những mối đe dọa đến cộng đồng của mình từ những bạo chúa Cựu thế giới và các dân tộc bản địa Tân Thế giới. Khi trở thành những người lớn tuổi bị chính trị làm hư hỏng, họ ít khi phản đối mấy mối thù truyền kiếp (chẳng hạn như phiến tào phù thủy Salem điên cuồng) mà chủ yếu nhắm vào những người cùng thời với họ. (*Thuộc địa: Increase Mather, William Stoughton, Benjamin Church, Metacomet, William Kidd, Nathaniel Bacon; Nước ngoài: Vua Louis XIV, John Locke.*)
- **Thế hệ Huy hoàng** (*Anh hùng, sinh trong khoảng 1648-1673*) có một thời thơ ấu được bảo vệ với trường học được trợ thuế và

pháp luật mới ngăn cản “nạn bắt cóc” những đầy tớ trẻ. Sau khi chứng tỏ sự dũng mãnh của mình trong những cuộc Chiến tranh Da đỏ và chiến thắng trong Cách mạng Vinh quang, họ đã được công nhận tư cách cử tri ở độ tuổi còn rất trẻ. Ở độ tuổi thanh niên, họ tự hào với ngày càng nhiều thành tựu chính trị, thương mại, khoa học của Anh, xem xúc cảm và nghèo đói của cha mẹ họ là nỗi xấu hổ cần vượt qua. Ở tuổi trung niên, họ tạo nên bảo hiểm, tiền giấy, những công trình công cộng, và (ở miền Nam) thành lập một chính thể đầu sỏ chiếm hữu nô lệ đầy vững chắc. Là người lớn tuổi từng trải, họ nhận khoản lương hưu đầu tiên vì đã phục vụ trong chiến tranh và đất phong của các thuộc địa – cho dù đã từng phạm lỗi thời tuổi trẻ nhiệt huyết. (*Thuộc địa: Cotton Mather, John Wise, William Randolph, Robert “Vua” Carter, Hannah Dustin, Peter Schuyler; Nước ngoài: William xứ Orange, Sa hoàng Peter Đại đế.*)

- **Thế hệ Khai sáng** (*Nghệ sĩ, sinh trong khoảng 1674-1700*) lớn lên như những đứa trẻ được che chở khi gia đình rất gắn kết, không khuyến khích tuổi trẻ mạo hiểm, nên giáo dục tốt và hôn nhân bền vững được đánh giá cao. Đến tuổi trưởng thành, giới tinh hoa mới nổi này nhàn nhã trong sự thịnh vượng của các thị trấn và đồn điền theo phong cách Williamsburg thượng lưu. Thời thanh niên, thế hệ thừa kế này cung cấp lực lượng nòng cốt những chuyên gia được công nhận rộng rãi, chính khách, và nhà quản lý đồn điền đầu tiên của các thuộc địa. Ở tuổi trung niên, phong cách lãnh đạo Walpole của họ không ưu ái giới trẻ, những người vốn có tinh thần nhiệt huyết khiến họ vừa hoan nghênh vừa lo ngại. Nhiều người lớn tuổi sống để chứng kiến (trong sự cuồng nộ với Đạo luật Temⁱ) sự thoái thác nghi lễ uống trà và sự phức tạp trong phong cách trang trí cầu kỳ ở châu Âu vốn được dân tỉnh lẻ ngưỡng mộ. (*Thuộc địa: William*

i. Nguyên văn: “Stamp Act”, được Nghị viện Anh thông qua năm 1765, theo đó áp đặt một loại thuế mới áp dụng cho tất cả các thực dân Anh tại Mỹ và yêu cầu họ phải trả thuế cho mỗi mảnh giấy in (giấy tờ, tài liệu pháp lý, giấy môn bài, báo, ấn phẩm khác, và thậm chí các quân bài) mà họ sử dụng ở các thuộc địa. (ND)

Shirley, John Peter Zenger, Alexander Spotswood, Samuel Johnson, William Byrd II, Elisha Cooke Jr.; Nước ngoài: George Frideric Handel, Voltaire.)

CÁC BƯỚC CHUYỂN

- **Thời đại Đế chế Augustus** (*Bước chuyển Thứ nhất, 1704-1727*) đã chứng kiến sự đua nở mạnh mẽ đầu tiên của nền văn minh tỉnh lẻ – với thương mại bùng nổ, tiêu chuẩn sống tăng, các trung tâm đô thị (miền Bắc) được công nhận, và (miền Nam) nhập khẩu rất nhiều nô lệ châu Phi. Ngợi ca kỷ cương xã hội, người Mỹ tự hào về sức mạnh ngày càng lớn của Đế chế Anh. Về mặt xã hội, đây là đỉnh cao giả tạo trong thái độ lịch sự của thuộc địa; về mặt văn hóa, đây là thời đại của bằng cấp, sự nhanh trí, và chủ nghĩa duy lý của Hội Hoàng gia.

Thế hệ Kỵ sĩ bước vào tuổi già.

Thế hệ Huy hoàng sang tuổi trung niên.

Thế hệ Khai sáng đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Thức tỉnh bước vào thời thơ ấu.

- **Đại thức tỉnh** (*Bước chuyển Thứ hai, 1727-1746*) bắt đầu như một sự hồi sinh tinh thần ở Thung lũng Connecticut và đạt đỉnh điểm cuồng loạn ở các thuộc địa miền Bắc (năm 1741) với những lời thuyết giáo của George Whitefield và những tiểu luận tôn giáo của Jonathan Edwards. Lòng nhiệt tình chia rẽ các thị trấn và hội đồng thuộc địa, phá vỡ sự tồn tại của quan niệm cũ, và đẩy tín đồ trẻ vào cuộc đổ sức về đức tin với những công trình mà người lớn tuổi đang bảo vệ. Sau khi làm bùng nổ các quy ước lịch thiệp và gia tăng các rào cản xã hội ở Cựu Thế giới, lòng nhiệt tình giảm dần trong Chiến tranh của Vua George.

Thế hệ Huy hoàng bước vào tuổi già.

Thế hệ Khai sáng sang tuổi trung niên.

Thế hệ Thức tỉnh đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Tự do bước vào thời thơ ấu.

- Những cuộc **Chiến tranh Pháp và người Da đỏ** (*Bước chuyển Thứ ba, 1746-1773*) là một kỷ nguyên biến động về kinh tế và địa lý chưa từng thấy. Bị cuốn vào một cuộc chiến cuối cùng chống lại New France vào thập niên 1750, các thực dân hầu như không ăn mừng sự toàn thắng của Anh (vào năm 1760) trước khi nổi lại những tranh luận âm ỉ về cách cứu vãn đạo đức xã hội khỏi các khoản nợ gia tăng, chủ nghĩa hoài nghi, và tính phóng đảng. Với sự lãnh đạo thuộc địa ngày càng sa sút, mọi người nhanh chóng lo lắng trước dẫn chứng về sự đổi bại của Nghị viện Anh và Đế chế.

Thế hệ Khai sáng bước vào tuổi già.

Thế hệ Thức tỉnh sang tuổi trung niên.

Thế hệ Tự do đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Cộng hòa bước vào thời thơ ấu.

- **Cách mạng Mỹ** (*Bước chuyển Thứ tư, 1773-1794*) bắt đầu khi phản ứng của Nghị viện đối với Tiệc trà Boston đã châm mồi lửa cho sự kích động ở thuộc địa, trực tiếp dẫn đến việc thành lập Nghị viện Lục địa thứ nhất, trận chiến Concord, và Tuyên ngôn Độc lập. Chiến tranh lên tới đỉnh điểm với chiến thắng của phe thuộc địa ở Yorktown (năm 1781). Bảy năm sau, các bang mới đã phê chuẩn Hiến pháp quốc gia. Tâm trạng khủng hoảng dịu đi khi Tổng thống Washington vượt qua phái Jacobin, đánh bại phiến quân Whisky, và đạt được một hiệp ước cuối cùng với Anh.

Thế hệ Thức tỉnh bước vào tuổi già.

Thế hệ Tự do sang tuổi trung niên.

Thế hệ Cộng hòa đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Thỏa hiệp bước vào thời thơ ấu.

CÁC THẾ HỆ

- **Thế hệ Thức tỉnh** (*Tiên tri, sinh trong khoảng 1701-1723*) là thế hệ thuộc địa đầu tiên chủ yếu bao gồm con cái của những người sinh ra trên đất Mỹ và là thế hệ đầu tiên lớn lên được hưởng hòa bình thịnh vượng. Đến tuổi trưởng thành, họ công kích tính tự mãn đạo đức của người lớn tuổi trong một cơn chấn động tinh

thần. Đến thập niên 1750, sau khi phá vỡ trật tự xã hội thời cha mẹ mình và khiến các thuộc địa không thể quản lý nổi, họ đẩy các thuộc địa vào tâm trạng bi quan – nhưng cũng hướng tới đổi mới xã hội. Họ đã trở thành thế hệ nổi tiếng nhất trong thế kỷ 18 của Mỹ, với những nhà giáo dục, nhà triết học, giáo sĩ, và người theo chủ nghĩa bãi nô. Khi về già, họ đã đóng góp cho Cách mạng cảm giác đáng sợ về những vấn đề đạo đức cấp bách, đàn áp giới tăng lữ và giới cai trị thuộc địa cho đến khi tuyên bố độc lập. (Người Mỹ: *Jonathan Edwards, Benjamin Franklin, Sam Adams, Eliza Pinckney, John Woolman, Crispus Attucks*; Người nước ngoài: *Jean Jacques Rousseau, Hoàng hậu Maria Theresa*.)

- **Thế hệ Tự do** (*Du cư, sinh trong khoảng 1724-1741*) đấu tranh cho sự thoải mái của cha mẹ trong thời đại Hogarth bỏ bê trẻ em. Đến tuổi trưởng thành giữa lúc phá sản kinh tế, áp lực đất đai, và gia tăng nhập cư, họ đã chặn đứng tội phạm và sự rối loạn. Thời thanh niên, họ vụng về tham gia Green Mountain, Paxton, và Liberty Boys, trở thành những người lính bộ binh bị lãng quên và cướp biển táo bạo trong các cuộc Chiến tranh Pháp và người Da đỏ. Tuyên bố “Không được đàn áp tôi” và “Tự do hay là chết,” họ bước vào tuổi trung niên với những người yêu nước dũng cảm nhất (gồm hầu hết những người ký tên trong Tuyên ngôn Độc lập) cũng như những kẻ phản bội Cách mạng tồi tệ nhất. Khi về già, họ lãnh đạo với sự thận trọng, nghi ngờ các công cuộc vĩ đại, trong khi những người chống thuyết Liên bang trong số họ lại hạn chế năng lượng được quốc gia hóa của người trẻ. (Người Mỹ: *George Washington, John Adams, Francis Marion, Daniel Boone, Ethan Allen, Patrick Henry*; Người nước ngoài: *Vua George III, Catherine Đại đế*.)
- **Thế hệ Cộng hòa** (*Anh hùng, sinh trong khoảng 1742-1766*) lớn lên như những đứa con cứng được người lớn che chở trong một thời đại tội phạm và mất trật tự xã hội gia tăng. Đến tuổi trưởng thành, họ được đánh giá cao về sự lạc quan thế tục và tinh thần hợp tác. Thời thanh niên, họ đạt được vinh quang với tư cách người lính, sự lỗi lạc với tư cách nhà khoa học, kỷ cương với tư cách nhà hoạch định xã hội, và thành công hoành tráng với tư

cách người quản lý nhà nước. Được người lớn tuổi tin tưởng và nhận thức được vai trò lịch sử của mình, họ tham gia chính trị khi còn trẻ. Họ chi phối các chiến dịch về phê chuẩn Hiến pháp và chiếm mọi ghế trong chính phủ mới. Ở tuổi trung niên, họ xây dựng hệ thống kênh rạch và những vùng lãnh thổ có được, trong khi những nhà lãnh đạo của họ thuộc phe Liên bang phục tùng kỷ luật và phe Cộng hòa duy lý biến Mỹ thành một “mảnh đất tự do.” Khi về già, họ nổi giận với thế hệ thanh niên nhiệt huyết nhất quyết phủ nhận hầu hết những gì họ từng gây dựng. (*Người Mỹ: Thomas Jefferson, James Madison, John Paul Jones, Abigail Adams, Kunta Kinte, Robert Fulton; Người nước ngoài: Maximilien Robespierre, Wolfgang Amadeus Mozart.*)

- **Thế hệ Thỏa hiệp** (*Nghệ sĩ, sinh trong khoảng 1767-1791*) lớn lên (nhớ lại Henry Clay) “trong cái nôi của cách mạng” khi họ chứng kiến người lớn dũng cảm đấu tranh và chiến thắng. Đến tuổi trưởng thành và luôn phục tùng, họ mang đến một sự uyên bác, tinh thông, và sự nhạy cảm lãng mạn mới mẻ cho Thời đại Tiến bộ của các trưởng lão anh hùng. Họ trở thành những thanh niên mà sử gia Matthew Crenson gọi là “cha đẻ hành chính” và tham gia Chiến tranh giành Độc lập lần thứ hai mà vinh quang của nó không bao giờ có thể sánh với cuộc chiến lần thứ nhất. Ở tuổi trung niên, họ cố vấn cho những phong trào dân túy, phiến muộn về việc xóa sổ chế độ nô lệ và Người Da đỏ, chủ trì những Thỏa hiệp Lớn trong đó phản ánh sự lưỡng lự của họ. Khi về già, họ lo rằng sứ mệnh “hậu anh hùng” của mình đã thất bại, và rằng Mỹ sẽ không thể tồn tại lâu hơn họ. (*Người Mỹ: Andrew Jackson, Henry Clay, Daniel Webster, Washington Irving, Dolley Madison, Tecumseh; Người nước ngoài: Napoleon Bonaparte, Ludwig van Beethoven.*)

CÁC BƯỚC CHUYỂN

- **Kỷ nguyên Hạnh phúc** (*Bước chuyển Thứ nhất, 1794-1822*) đã chứng kiến những gì Joel Barlow gọi là *Cuộc chinh phục Canaan*, một kỷ nguyên sử thi của sự hòa hợp xã hội và xây dựng đế chế. Những vùng lãnh thổ mới rộng lớn được định cư và xác lập trên bản đồ. Kênh mương, tàu hơi nước, và đường cao tốc thu phí đã

đẩy lùi sự hoang dã. Kể cả cuộc chiến ngớ ngẩn (năm 1812) cũng đã kết thúc bằng việc thống nhất đất nước. Mất trật tự xã hội là rất hiếm – vì sự hiếu kỳ về tinh thần trong một thời đại (như Emerson đã viết) “có thể không sinh ra nổi một cuốn sách... hay một tư tưởng có giá trị.”

Thế hệ Tự do bước vào tuổi già.

Thế hệ Cộng hòa sang tuổi trung niên.

Thế hệ Thỏa hiệp đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Siêu việt bước vào thời thơ ấu.

- **Thức tỉnh Tiên nghiệm** (*Bước chuyển Thứ hai, 1822-1844*) bắt đầu với thuyết Phúc âm của Charles Finney và khởi nghĩa nô lệ của Denmark Vesey. Sớm hợp nhất với chủ nghĩa dân túy của Jackson, thời kỳ này đạt đỉnh cao (năm 1831) với Nổi loạn của Nat Turner, sự thành lập của các hội kêu gọi ủng hộ chủ nghĩa bãi nô, và sự gia tăng của các đảng phái chính trị ly khai. Sau khi đề ra một thứ chủ nghĩa lý tưởng lãng mạn đầy mạnh mẽ – bao gồm cả phong trào nữ quyền, các tôn giáo tiên tri mới, mốt ăn uống, và những cộng đồng không tưởng – tâm trạng này vào đầu thập niên 1840 được đưa lên thành một cương lĩnh về tự lực, nâng cao đạo đức, và Vận mệnh Hiên nhiên.

Thế hệ Cộng hòa bước vào tuổi già.

Thế hệ Thỏa hiệp sang tuổi trung niên.

Thế hệ Siêu việt đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Vàng son bước vào thời thơ ấu.

- **Chiến tranh Mexico và chủ nghĩa địa phương** (*Bước chuyển Thứ ba, 1844-1860*) là một thời kỳ của chủ nghĩa trọng thương với “đô-la toàn năng,” cơn sốt vàng ở miền Tây, tự sùng bái kiểu [Walt] Whitman, và những khẩu hiệu ủng hộ người bản địa chống lại người Mexico và Ireland. Dưới thời giới lãnh đạo của giới lãnh đạo luôn lưng chừng đợi thời cơ, nổi tức giận gia tăng dẫn đến những cuộc vận động lớn về đạo đức đầy cạnh tranh. Vào cuối thập niên 1850 – từ Kansas đến Harpers Ferry, từ Dred Scott đến Đường tàu điện ngầm – những cách nhìn về tương lai của quốc gia đã chia cắt thành hai lòng trung thành cực bộ không thể hòa giải được.

Thế hệ Thỏa hiệp bước vào tuổi già.

Thế hệ Siêu việt sang tuổi trung niên.

Thế hệ Vàng son đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Tiến bộ bước vào thời thơ ấu.

- **Nội chiến** (*Bước chuyển Thứ tư, 1860-1865*) bắt đầu với một cuộc bầu cử tổng thống mà nhiều người miền Nam hiểu đó là một lời đề nghị ly khai. Cuộc tấn công pháo đài Sumter gây ra xung đột bạo lực mạnh mẽ nhất chưa từng có trên mảnh đất Tân Thế giới. Chiến tranh lên tới đỉnh điểm với Tuyên ngôn Giải phóng nô lệ và Trận chiến Gettysburg (năm 1863). Hai năm sau, phe Liên minhⁱ bị đánh bại trong cuộc chiến đẫm máu và Lincoln bị ám sát – một kết thúc tàn nhẫn với cuộc vận động lớn được nhiều người từng hy vọng sẽ “dẫm nát vụ nho nơi những trái nho của sự phản nộ được cất giữ”.

Thế hệ Siêu việt đầu tiên bước vào tuổi già.

Thế hệ Vàng son đầu tiên sang tuổi trung niên.

Thế hệ Cấp tiến đầu tiên đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Sứ mệnh đầu tiên bước vào thời thơ ấu.

CÁC THẾ HỆ

- **Thế hệ Siêu việt** (*Tiên tri, sinh trong khoảng 1792-1821*), những hậu duệ đầy tự hào của một quốc gia mới an toàn, là những trẻ em Mỹ đầu tiên được mô tả (và được đặt tên khi sinh ra) như những cá nhân. Khi lớn lên, họ trở thành những nhà truyền giáo, nhà cải cách, và sinh viên nổi loạn, họ đã tạo ra một sự bùng nổ tinh thần trên toàn quốc. Là những thanh niên tham gia các cuộc vận động lớn, tầm nhìn bên trong đa dạng của họ đã làm sự chia cắt khu vực thêm trầm trọng. Bước vào tuổi trung niên, những người theo chủ nghĩa bãi nô đầy kinh nghiệm và những người miền Nam thúc giục thỏa hiệp nên đã dẫn dắt nước lâm vào Nội chiến, những tuyên bố đạo đức của giới giáo sĩ già đã

i. Gồm 11 bang miền Nam đòi ly khai. (ND)

châm ngòi cho sự sốt sắng nơi họ. Người chiến thắng đạt được sự bái nô nhưng lại bị cô lập bởi sự áp đặt một lệnh trừng phạt hòa bình như người cấp tiến cũ mong muốn. Khi về già, phe nữ quyền và các nhà thơ (nhiều người để râu dài) của thế hệ này đã trở thành những người giải thích kiên cường cho sự thật và công lý. (*Người Mỹ: Abraham Lincoln, Jefferson Davis, Ralph Waldo Emerson, Susan B. Anthony, Nat Turner, William Lloyd Garrison; Người nước ngoài: Nữ hoàng Victoria, Karl Marx.*)

- **Thế hệ Vàng son** (*Du cư, sinh trong khoảng 1822-1842*) sống một tuổi thơ khó khăn bên cạnh những cha mẹ bị phân tâm trong các biến động tinh thần. Họ đến tuổi trưởng thành trong bối cảnh nổi giận quốc gia tăng cao, nhập cư ồ ạt, chủ nghĩa trọng thương, nền chính trị bất khả tri, và tỉ lệ vào đại học giảm sút. Khi ở tuổi thanh niên, nhiều người theo đuổi vận may ở các thị trấn phồn vinh vùng biên giới hoặc trở thành những “nhà tư bản ăn cướp” non trẻ. Những Lincoln gào hét và những Johnny nổi loạn hào hứng lao vào Nội chiến khiến họ bị tàn sát, đặc biệt là phe Liên minh. Rút ra bài học ghét cay ghét đắng sự quá khích về đạo đức, những vị tổng thống và nhà tư bản công nghiệp tuổi trung niên của thời kỳ này đã đưa cổ phiếu của mình vào kinh tế học kiểu Darwin, nền chính trị Boss Tweed, kiểu cách Victoria, và Luật Cạnh tranh của Carnegie. Khi về già, họ hạ cánh trên “đống phế liệu công nghiệp” của một nền kinh tế đô thị hóa vốn khắc nghiệt với hầu hết người già. (*Người Mỹ: Ulysses Grant, Mark Twain, John D. Rockefeller, Louisa May Alcott, William James, Sitting Bull; Người nước ngoài: Lewis Carroll, Maximilian.*)

Saeculum Nội chiến không có nguyên mẫu *Anh hùng*.

- **Thế hệ Cấp tiến** (*Nghệ sĩ, sinh trong khoảng 1843-1859*) trải qua thời thơ ấu đầy biến động vì chủ nghĩa địa phương và chiến tranh. Vô cùng kính nể những cựu chiến binh lớn tuổi từng trải qua cuộc chiến đẫm máu, họ trưởng thành thận trọng, theo đuổi sự tinh tế và chuyên môn hơn là quyền lực. Trong cái bóng của thời kỳ Tái thiết, họ giành được danh tiếng với tư cách những giáo sư và luật sư, kỹ sư và chuyên gia, cán bộ công chức và nhà quản lý đáng kính. Ở tuổi trung niên, cam kết nhẹ nhàng của họ nhằm

cải thiện xã hội bị đắm mê tuổi trẻ làm lỡ bước. Họ trở thành giới thượng lưu của Mỹ, nhưng lại tham gia Đội kỵ sĩ Dữ dội chưa trưởng thành trong kỷ nguyên “chữa trị bằng lời nói” của Freud và mang tính đa cảm cuối thời Victoria. Sau khi mất hết niềm tin và đạt được những cải cách tiến bộ về thủ tục, các trưởng lão của thế hệ này tiếp tục thúc giục sự khoan dung đối với thế hệ sau ít chịu hòa giải. (*Người Mỹ: Theodore Roosevelt, Woodrow Wilson, Henry James, Booker T. Washington, Katherine Lee Bates, Clarence Darrow; Người nước ngoài: Oscar Wilde, Sigmund Freud.*)

CÁC BƯỚC CHUYỂN

- **Thời kỳ Tái thiết và Vàng son** (*Bước chuyển Thứ nhất, 1865-1886*) chứng kiến các nhóm tham gia vận động cũ bị gạt sang một bên, trong khi theo những ghi chú của Van Wyck Brooks, các cựu chiến binh này “có thể là các nhà văn ở thời đại của tạp chí *The Dial* đang tìm kiếm vận may của mình trong ngành đường sắt, hầm mỏ, và khoan dầu.” Lãi suất tiết kiệm leo thang, sản xuất hàng loạt gào rú, máy móc cơ khí và hệ thống chính trị ngân nga, tiền lương thực tế dâng lên, và các gia đình trung lưu thịnh vượng trong thời đại của chủ nghĩa thực dụng luôn khoe khoang “giá trị kim tiền của sự thật.”

Thế hệ Siêu việt bước vào tuổi già.

Thế hệ Vàng son sang tuổi trung niên.

Thế hệ Cấp tiến đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Sứ mệnh bước vào thời thơ ấu.

- **Đại thức tỉnh Thứ ba** (*Bước chuyển Thứ hai, 1886-1908*), bắt đầu với Bạo động Haymarketⁱ và phong trào truyền giáo sinh viên, cao trào là cuộc biểu tình về ruộng đất và bạo lực lao động, đỉnh điểm là việc ứng cử của Bryan nhằm khôi phục đức tin (năm 1896). Chủ nghĩa hiện thực thời kỳ Vàng son đã phải chịu sự tấn

i. Bạo động Haymarket xảy ra sau vụ đánh bom tại một cuộc biểu tình lao động diễn ra tại Quảng trường Haymarket, Chicago, Hoa Kỳ vào ngày 4 tháng 5 năm 1886. Sự kiện này thường được coi là nguồn gốc của Ngày quốc tế Lao động 1/5. (ND)

công dữ dội từ những kẻ hay bởi móc mất hết niềm tin, những người theo phái Phúc âm Billy Sunday, những nhà nữ quyền “phụ nữ mới,” và những kẻ mộng mơ theo phong trào chautauquaⁱ. Sau khi kích động và chia tách phong trào Tiến bộ, nhiệt huyết nguội dần khi William Howard Taft kế nhiệm Teddy Roosevelt ở Nhà Trắng.

Thế hệ Vàng son bước vào tuổi già.

Thế hệ Cấp tiến sang tuổi trung niên.

Thế hệ Sứ mệnh đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Lạc lõng bước vào thời thơ ấu.

- **Thế chiến I và Luật Cấm rượu** (*Bước chuyển Thứ ba, 1908-1929*) là một kỷ nguyên của những thay đổi công nghệ chóng mặt, những người nổi tiếng vĩ kỷ, phân chia giai cấp nở rộ, mất niềm tin, công đoàn tan rã, giới lãnh đạo chính trị có tài nhưng yếu ớt. Sau Thế chiến I, công chúng đắm mình trong những chiến dịch về đạo đức (Hội Quốc liên, Luật Cấm rượu, quyền bầu cử của phụ nữ). Đến thập niên 1920, sự bùng nổ tài chính đầy vui nhộn bị vây quanh bởi những cuộc tranh luận bi quan về ma túy, tình dục, tiền bạc, sự hoài nghi, bạo lực, nhập cư, và gia đình.

Thế hệ Cấp tiến bước vào tuổi già.

Thế hệ Sứ mệnh sang tuổi trung niên.

Thế hệ Lạc lõng đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Vĩ đại nhất bước vào thời thơ ấu.

- **Đại suy thoái và Thế chiến II** (*Bước chuyển Thứ tư, 1929-1946*) bắt đầu đột ngột với sự sụp đổ của thị trường chứng khoán hôm thứ Ba Đen tối. Sau ba năm rơi tự do về kinh tế, Đại suy thoái dẫn đến cách mạng Chính sách Kinh tế Mới, một sự mở rộng

i. Là phong trào giáo dục dành cho người lớn phát triển mạnh ở Mỹ vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Mở đầu là một chương trình mang tính tôn giáo dành cho giáo viên tại các trường Chủ nhật và nhân viên nhà thờ, chautauqua dần dần được mở rộng bao gồm giáo dục chung, hình thức thư giãn và hình thức giải trí phổ biến.

khá lớn của chính phủ và những hy vọng về một sự đổi mới của cả cộng đồng quốc gia. Sau trận Trân Châu cảng, Mỹ đã lên kế hoạch, huy động, và sản xuất cho chiến tranh trên quy mô lớn để có thể tiến hành cuộc đổ bộ lớn D-Day (năm 1944). Hai năm sau đó, tâm trạng Khủng hoảng dịu bớt với việc xuất ngũ thuận lợi một cách bất ngờ ở Mỹ.

Thế hệ Sứ mệnh bước vào tuổi già.

Thế hệ Lạc lõng sang tuổi trung niên.

Thế hệ Vĩ đại nhất đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Im lặng bước vào thời thơ ấu.

CÁC THẾ HỆ

- **Thế hệ Sứ mệnh** (*Tiên tri, sinh trong khoảng 1860-1882*) đã trở thành những đứa trẻ được nuông chiều và bao bọc trong tổ ấm gia đình thời kỳ sau Nội chiến. Họ lớn lên như những người lao động vô chính phủ, sinh viên nổi loạn, người tốt nghiệp đại học đầu tiên đầy tham vọng của các trường da đen và nữ giới. Thanh niên thế hệ này theo đuổi chủ nghĩa dân túy nông thôn, công việc văn phòng, những cuộc vận động lớn truyền giáo, báo chí phê phán, và quyền bầu cử của phụ nữ. Ở tuổi trung niên, các lũ đoàn Đứng đắn của họ và những người theo trào lưu chính thống ban hành Luật Cấm rượu, đàn áp người nhập cư và tổ chức các đội phòng chống tệ nạn. Trong những thập niên 1930 và 1940, giới tinh hoa lớn tuổi trở thành những Trưởng lão Thông thái, họ ban hành Chính sách Kinh tế Mới (và An sinh Xã hội) vì lợi ích của thanh niên, dẫn đầu cuộc chiến toàn cầu chống chủ nghĩa phát xít và tái khẳng định những lý tưởng cao cả của Mỹ trong một kỷ nguyên biến động của lịch sử thế giới. (*Người Mỹ: Franklin Roosevelt, W.E.B. Du Bois, William Jennings Bryan, Upton Sinclair, Jane Addams, Douglas MacArthur; Người nước ngoài: Winston Churchill, V.I. Lenin.*)
- **Thế hệ Lạc lõng** (*Du cư, sinh trong khoảng 1883-1900*) lớn lên trong bối cảnh đô thị tàn lụi, sử dụng ma túy vô tội vạ, các cửa hàng bóc lột trẻ em, và nhập cư ồ ạt. Tính độc lập, thái độ khôn

khéo khiến họ bị mang tiếng xấu là đứa trẻ hư. Khi trưởng thành, họ là những thanh niên, bộ binh Mỹ, và thiếu nữ sôi nổi, nhưng sau đó họ đã bị tách biệt khi trở về quê hương hậu chiến tranh với tâm trạng chua chát. Họ là những tiểu thuyết gia, nhà vận động chính trị, kẻ côn đồ, ngôi sao thể thao, diễn viên điện ảnh nổi tiếng ở lứa tuổi thanh niên, xuất hiện ồ ạt cho đến thập niên 1920. Đại suy thoái tấn công họ vào độ tuổi trung niên, khi họ đang ở đỉnh cao sự nghiệp. Đồng đô-la đã dừng lại cùng với chiến trường hiếu chiến và những nhà quản lý hậu phương của một cuộc chiến tranh nóng và giới lãnh đạo căn cơ thẳng thắn của một cuộc chiến tranh lạnh mới. Khi về già, họ đã trả mức thuế suất cao để hỗ trợ các thế hệ sau chinh phục thế giới, trong khi đòi hỏi rất ít cho bản thân. (*Người Mỹ: Harry Truman, Irving Berlin, George Patton, Mae West, F. Scott Fitzgerald, Louis Armstrong; Người nước ngoài: Adolf Hitler, Mao Trạch Đông.*)

- **Thế hệ Vĩ đại nhất** (*Anh hùng, sinh trong khoảng 1901-1924*) lớn lên là những đứa trẻ ngoan và đặc biệt, là đối tượng hưởng lợi của các sân chơi mới, câu lạc bộ hướng đạo, vitamin, và hạn chế lao động trẻ em. Họ lớn lên với tỉ lệ đi học tăng nhanh nhất trong lịch sử. Khi trưởng thành, họ là những quân đoàn mặc quân phục kiên nhẫn chịu đựng chứng trầm cảm và chinh phục oanh liệt kẻ thù ngoại bang. Vào độ tuổi trung niên, họ được trợ cấp bởi Dự luật Thế hệ Vĩ đạiⁱ, họ xây dựng nên những vùng ngoại ô hào nhoáng, phát minh ra các loại vắc xin kỳ diệu, thu hẹp khoảng cách về tên lửa và phóng tàu lên Mặt trăng. Các nhiệm kỳ tổng thống của thế hệ này có sự thiếu hiểu chưa từng có, bắt đầu với chính sách Biên giới Mới, Luật An sinh Xã hội, và những Thành phố Kiểu mẫu, nhưng bị hao mòn bởi Chiến tranh Việt Nam, vụ Watergate, thâm hụt ngân sách, và các vấn đề với “tầm nhìn.” Khi về già, họ giữ gìn những “quyền lợi”

i. Nguyên văn: “G.I. Bill”, tên thường gọi của Servicemen’s Readjustment Act of 1944 - Đạo luật Điều chỉnh của Quân nhân năm 1944, mục đích là cung cấp những phúc lợi dành cho những cựu chiến binh, thường là những người thuộc thế hệ Vĩ đại nhất, trở về từ chiến trường của Thế chiến II.

của mình nhưng lại ít có ảnh hưởng đến văn hóa và các giá trị. (*Người Mỹ: John Kennedy, Ronald Reagan, Walt Disney, Judy Garland, John Wayne, Walter Cronkite; Người nước ngoài: Willy Brandt, Leonid Brezhnev.*)

- **Thế hệ Im lặng** (*Nghệ sĩ, sinh trong khoảng 1925-1942*) lớn lên như những đứa trẻ ngọt ngào vì chiến tranh và trầm cảm. Họ không kịp trưởng thành để làm anh hùng thời chiến nhưng lại quá sớm để có tinh thần tự do trẻ trung. Thay vào đó, Đám đông Cô đơn kết hôn sớm này đã trở thành những kỹ thuật viên và chuyên gia không ưa mạo hiểm, cũng như các ngôi sao rock 'n' roll nhạy cảm và người ủng hộ quyền dân sự trong một kỷ nguyên hậu Khủng hoảng, ở đó sự tuân thủ dường như là một tấm vé chắc chắn dẫn tới thành công. Tuổi trung niên của họ là một “sự chuyển tiếp” đầy lo ngại của một thế hệ bị giằng xé giữa những trưởng lão lãnh đạm và đàn em nhiệt huyết. Sự gia tăng quyền lực của họ trùng hợp với thời kỳ gia đình ly tán, đa dạng văn hóa, sự phức tạp về thiết chế, và kiện tụng khắp nơi. Họ bước vào tuổi già với sự sung túc chưa từng có, một phong cách tân thời, và sự nổi tiếng về tính hay do dự. (*Người Mỹ: Colin Powell, Walter Mondale, Woody Allen, Martin Luther King Jr., Sandra Day O'Connor, Elvis Presley; Người nước ngoài: Anne Frank, Mikhail Gorbachev.*)

CÁC BƯỚC CHUYỂN

- **Lạc quan Mỹ** (*Bước chuyển Thứ nhất, 1946-1964*) đã chứng kiến uy thế của Mỹ với tư cách là một siêu cường toàn cầu. Các phong trào xã hội bị đình trệ. Tầng lớp trung lưu tăng trưởng và thịnh vượng. Các tôn giáo ủng hộ chính quyền. Ngân sách quốc phòng lớn trong thời bình không hề gây tranh cãi. Thị hiếu đại chúng phát triển mạnh trên đỉnh một cơ sở hạ tầng tập thể của vùng ngoại ô, giữa các bang, và chi phối truyền thông. Tuyên bố “kết thúc ý thức hệ,” chính quyền đáng kính chủ trì một nền văn hóa nhạt nhẽo, tân thời và vô hồn.

Thế hệ Lạc lõng bước vào tuổi già.

Thế hệ Vĩ đại nhất bước vào tuổi trung niên.

Thế hệ Im lặng đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Bùng nổ bước vào thời thơ ấu.

- **Cách mạng Nhận thức** (*Bước chuyển Thứ hai, 1964-1984*), bắt đầu với những cuộc bạo loạn ở thành thị và cơn cuồng nộ của sinh viên, nổi lên bên cạnh những cuộc biểu tình chống Chiến tranh Việt Nam và sự nổi loạn phản văn hóa. Nó làm gia tăng các phong trào về nữ quyền, môi trường, và quyền của người da đen, khiến tỉ lệ tội phạm bạo lực và đổ vỡ gia đình tăng vọt. Sau khi căng thẳng lên đến đỉnh điểm với vụ Watergate (năm 1974), những đam mê lại hướng về lối sống Thời đại Mới và sự tái sinh tinh thần. Tâm trạng này chấm dứt trong chiến dịch tái tranh cử lạc quan của Reagan, khi những hippie ngày nào đã hướng đến việc nuôi dưỡng ước mơ cho hoài bão tuổi trẻ của họ.

Thế hệ Vĩ đại nhất bước vào tuổi già.

Thế hệ Im lặng sang tuổi trung niên.

Thế hệ Bùng nổ đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Thứ 13 bước vào thời thơ ấu.

- **Chiến tranh Văn hóa** (*Bước chuyển Thứ ba, 1984-2005?*), bắt đầu bằng chủ nghĩa cá nhân trong chương trình Morning in America đầy hoan hỉ, đến nay đã phần nào chuyển hướng bi quan. Sự tự tin cá nhân vẫn cao, và vài vấn đề quốc gia đòi hỏi hành động ngay lập tức. Nhưng công chúng mơ hồ cảm thấy bạo lực và sự khiếm nhã ngày càng tăng, bất bình đẳng ngày càng lan rộng, các thiết chế và người lãnh đạo ngày càng mất uy tín, và một nền văn hóa đại chúng thối nát. Người ta sợ rằng sự đồng thuận quốc gia đang phân hóa thành những phe phái cạnh tranh lẫn nhau về giá trị.

Thế hệ Im lặng bước vào tuổi già.

Thế hệ Bùng nổ sang tuổi trung niên.

Thế hệ Thứ 13 đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Thiên niên kỷ bước vào thời thơ ấu.

- **Khủng hoảng Thiên niên kỷ**, *Bước chuyển Thứ tư của Saeculum* Thiên niên kỷ vẫn chưa đến. Nhóm thế hệ dự kiến của bước chuyển này bao gồm:

Thế hệ Bùng nổ bước vào tuổi già.

Thế hệ Thứ 13 sang tuổi trung niên.

Thế hệ Thiên niên kỷ đến tuổi thanh niên.

Thế hệ Im lặng Mới bước vào thời thơ ấu.

CÁC THẾ HỆ

- **Thế hệ Bùng nổ** (*Tiên tri, sinh trong khoảng 1943-1960*) là những trẻ em được ấp ủ dưới thời Bác sĩ Spock dễ dãi, thuyết tuân thủ ngoại ô, đi học ở kỷ nguyên *Sputnik*, thân thiện Beaver Cleaver, và trật tự gia đình như trong *Father Knows Best* (Tạm dịch: Cha là người thấu hiểu nhất). Từ Mùa hè Tình yêu đến Những ngày Thịnh nộ, họ đến tuổi trưởng thành cùng sự nổi loạn chống lại những kế hoạch trần tục của cha mẹ mình. Là dân hippie chuyên chống lại văn hóa và quy ước chung của xã hội, Băng đảng Báo đen, tổ chức ngấm Weathermen, và những thành viên của phong trào “mến mộ Jesus” tuyên bố mình là người phán xử của đạo đức xã hội, những bệnh lý thanh thiếu niên trở nên tồi tệ – và kỳ thi SAT bắt đầu ở tuổi 17. Vào đầu thập niên 1980, nhiều thanh niên trở thành “người trẻ” ích kỷ với nghề nghiệp hợp thời nhưng có lối sống cầu toàn. Bước vào tuổi trung niên (và nắm quyền lực quốc gia), họ tung hô các giá trị, cổ quảng bá “chính trị có ý nghĩa,” và tiến hành những cuộc Chiến tranh Văn hóa có tính phá hủy. (*Người Mỹ: Bill Clinton, Newt Gingrich, Steven Spielberg, Candice Bergen, Spike Lee, Bill Gates; Người nước ngoài: Tony Blair, Binyamin Netanyahu.*)
- **Thế hệ Thứ 13** (*Du cư, sinh trong khoảng 1961-1981*) sống sót sau một thời thơ ấu vội vã của ly hôn, tự xoay xở khi ở nhà một mình, những lớp học mở, những bộ phim về lũ quỷ nhỏ, và một sự thay đổi từ hạng G sang hạng R. Đến tuổi trưởng thành, tỉ lệ gia tăng của tội phạm thanh thiếu niên và trượt các bài thi giảm dần, nhưng tự họ tố cáo sự hoang dã và ngu ngốc khi đẩy *The Nation at Risk* (Tạm dịch: Quốc gia lâm nguy). Thời thanh niên, khéo léo vượt qua trận chiến lây lan những căn bệnh tình dục như AIDS và mấy màn cửa cấm lối thời, họ hện hò và kết

hôn một cách thận trọng. Trong công việc, họ chấp nhận rủi ro và thích làm việc tự do hơn là gắn bó trung thành với một công ty. Từ nhạc grungeⁱ đến hip-hop, nền văn hóa đa dạng ở họ thể hiện một lợi thế vượt trội. Về chính trị, họ nghiêng về chủ nghĩa thực dụng và phi liên kết, thích sự tự nguyện hơn là bỏ phiếu. Thường bị chỉ trích là Thế hệ X hoặc những kẻ phất phơ, họ sống trong một nền kinh tế *Reality Bites* (Tạm dịch: Những lát cắt hiện thực) với mức sống của thanh niên ngày càng giảm. (Người Mỹ: Tom Cruise, Jodie Foster, Michael Dell, Deion Sanders, Winona Ryder, Quentin Tarantino; Người nước ngoài: Công nương Diana, Alanis Morissette.)

- **Thế hệ Thiên niên kỷ** (*Anh hùng?*, sinh trong khoảng 1982-?) xuất hiện lần đầu tiên khi những dấu hiệu “Trên xe có trẻ em” ra đời. Khi tỉ lệ phá thai và ly hôn giảm xuống, nền văn hóa đại chúng bắt đầu kỳ thị kiểu cha mẹ không quan tâm đến con cái và lại coi trẻ em là điều đặc biệt. Việc lạm dụng bạo hành trẻ em và sự an toàn cho con trẻ trở thành chủ đề nóng, trong khi sách dạy về đạo đức và các giá trị trở thành bán chạy nhất. Ngày nay, các chính khách xem xét những vấn đề người lớn (từ cắt giảm thuế đến thâm hụt ngân sách) trên phương diện ảnh hưởng của chúng đối với trẻ em. Hollywood thay thế lũ quỷ nhỏ trong phim ảnh bằng các thiên thần nhỏ, truyền hình cáp và Internet bao vây nơi trú ẩn thân thiện với trẻ em. Trong khi những nhà giáo dục nói về các tiêu chuẩn và học cách hợp tác, đồng phục học sinh ngày càng phổ biến. Với những người lớn nhìn nhận trẻ em tích cực hơn, điểm thi của Mỹ ở tình trạng tốt hơn trong tương quan so sánh quốc tế. (Người Mỹ: Jessica McClure, Cặp song sinh nhà Olsen, Baby Richard, Elisa Lopez, Dooney Waters, Jessica Dubroff; Người nước ngoài: Anna Paquin, Hoàng tử William.)

Nguyên mẫu *Nghệ sĩ* của *Saeculum* Thiên niên kỷ chưa ra đời.

i. Nhạc rock ở Mỹ vào thập niên 1980. (ND)

Các bước chuyển trong Saeculum người Mỹ gốc Anh

	Bước chuyển Thứ nhất (Lạc quan)	Bước chuyển Thứ hai (Thức tỉnh)	Bước chuyển Thứ ba (Tan rã)	Bước chuyển Thứ tư (Khủng hoảng)
Thế hệ bước vào: THỜI LÃO NIÊN THỜI TRUNG NIÊN THỜI THANH NIÊN THỜI THƠ ẤU	<i>Du cư</i> <i>Anh hùng</i> <i>Nghệ sĩ</i> <i>Tiên tri</i>	<i>Anh hùng</i> <i>Nghệ sĩ</i> <i>Tiên tri</i> <i>Du cư</i>	<i>Nghệ sĩ</i> <i>Tiên tri</i> <i>Du cư</i> <i>Anh hùng</i>	<i>Tiên tri</i> <i>Du cư</i> <i>Anh hùng</i> <i>Nghệ sĩ</i>
SAECULUM CUỐI THỜI TRUNG CỔ			Rút quân khỏi Pháp (1435-1459)	Những cuộc Chiến tranh Hoa hồng (1459-1487)
SAECULUM CẢI CÁCH	Phục hưng Tudor (1487-1517)	Cải cách Tin Lành (1517-1542)	Bất khoan dung và Tử vì đạo (1542-1569)	Khủng hoảng Armada (1569-1594)
SAECULUM TÂN THẾ GIỚI	Nước Anh Vui vẻ (1594-1621)	Thức tỉnh Thanh giáo (1621-1649)	Phản ứng và Khôi phục (1649-1675)	Cách mạng Vinh quang (1675-1704)
SAECULUM CÁCH MẠNG	Thời đại Đế chế Augustus (1704-1727)	Đại thức tỉnh (1727-1746)	Những cuộc Chiến tranh Pháp và người Da đỏ (1746-1773)	Cách mạng Mỹ (1773-1794)
SAECULUM NỘI CHIẾN	Kỷ nguyên Hạnh phúc (1794-1822)	Thức tỉnh Tiên nghiệm (1822-1844)	Chiến tranh Mexico và Chủ nghĩa địa phương (1844-1860)	Nội chiến (1860-1865)
SAECULUM CƯỜNG QUYỀN	Tái thiết và Thời kỳ Vàng son (1865-1886)	Đại thức tỉnh Thứ ba (1886-1908)	Thế chiến I và Luật Cấm rượu (1908-1929)	Đại suy thoái và Thế chiến II (1929-1946)
SAECULUM THIÊN NIÊN KỶ	Lạc quan Mỹ (1946-1964)	Cách mạng Nhận thức (1964-1984)	Những cuộc Chiến tranh Văn hóa (1984-2005?)	Khủng hoảng Thiên niên kỷ (2005?-2026?)

CHƯƠNG 5

NHỮNG QUÁN QUÂN GIÀ

Một chiều tháng 4 năm 1689, khi mấy thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đang sôi lên với tin đồn rằng Vua James II sắp tước bỏ các quyền tự do của họ, Thống đốc New England do nhà vua chỉ định, Ngài Edmund Andros, đã cho quân đội của mình diễu qua Boston với vẻ đe dọa. Mục đích của ông ta là đe bẹp bất kỳ ý nghĩ nào về tự trị thuộc địa. Đối với mọi người lúc ấy, tương lai có vẻ ảm đạm.

Đúng lúc đó, dường như từ hư không, xuất hiện trên đường phố “hình ảnh một người đàn ông cao tuổi” với “con mắt, khuôn mặt, thái độ của người chỉ huy.” Cung cách của ông già này “kết hợp giữa nhà lãnh đạo với vị thánh,” đứng trấn ngay giữa đường đi của những binh lính Anh đang tiến lại gần và yêu cầu họ dừng lại. “Giọng nói ấy với âm thanh trang trọng và hùng dũng thích hợp để thống lĩnh một đạo quân trên chiến trường hoặc vang tới Thiên Chúa khi cầu nguyện, không thể cưỡng lại được. Trước lời nói và cánh tay dang ra của ông già, tiếng trống đang vang rền bỗng im bật, và hàng lính đang tiến lên đứng khựng lại.”

Được truyền cảm hứng từ hành động phản kháng đơn lẻ này, người dân Boston đã thức tỉnh lòng dũng cảm và họ hành động. Trong ngày hôm đó, Andros bị lật đổ và bỏ tù, tự do của Boston được cứu nguy, và phân cảnh ấy đã khởi đầu cho Cách mạng Vinh quang tại thuộc địa.

“Quán quân Già này là ai?” Nathaniel Hawthorne đặt câu hỏi ở gần cuối câu chuyện này trong cuốn *Twice-Told Tales* (Tạm dịch: Truyện kể hai lần) của mình. Không ai biết gì ngoại trừ việc ông từng là một trong những người Thanh giáo trẻ đầy nhiệt huyết, những người đầu tiên sống tại New England hơn nửa thế kỷ trước đó. Tối hôm ấy, ngay trước khi người lính mục-chiến binh già ấy biến mất, người dân thị trấn thấy ông ôm hôn Simon Bradstreet 85 tuổi, một tâm hồn đồng điệu và là một trong số ít người Thanh giáo gốc vẫn còn sống. Liệu Quán quân Già ấy có bao giờ trở lại? “Tôi nghe nói,” Hawthorne nói thêm, “rằng bất kỳ khi nào con cháu của những người Thanh giáo cần thể hiện tinh thần của cha ông mình, ông già ấy sẽ lại xuất hiện.”

Hậu thế đã phải chờ đợi một thời gian trước khi được thấy ông một lần nữa – thực tế, đó là quãng thời gian dài một đời người. Hawthorne viết, “Khi 80 năm trôi qua,” Quán quân Già lại xuất hiện. Đó là vào mùa hè cách mạng năm 1775, khi người lớn tuổi của Mỹ một lần nữa thỉnh cầu Thiên Chúa, triệu tập người trẻ tuổi để chiến đấu, và thách thức kẻ thù đáng ghét nổ súng. “Khi cha ông chúng ta đang lăn lộn tại chiến lũy ở Bunker Hill,” Hawthorne tiếp tục, “suốt đêm đó, người chiến binh già đã đi lòng vòng ở đó.” Chiến binh già này – cùng trang lứa với Sam Adams hay Ben Franklin hay Samuel Langdon (Chủ tịch Harvard, người rao giảng trước các chiến binh Bunker Hill) – thuộc về Thế hệ Thức tỉnh, họ đã dùng tuổi thanh xuân để tạo ra các cột rễ tinh thần chủ yếu của nền cộng hòa mà đã trở nên vững chắc khi họ về già.

Hawthorne viết huyền thoại khuấy động lòng người này vào năm 1837, khi còn là một người đàn ông trẻ ở tuổi 33. Những người lính trong trận Bunker Hill thuộc về thế hệ cha chú của ông, khi đó đều đã lớn tuổi. Cả nước bước vào cuộc tranh luận mới (về chế độ nô lệ) và có một kẻ thù mới (Mexico), nhưng không ai ngờ rằng những người già của kỷ nguyên đó – từng trải như John Marshall và John Jacob Astor – lại đóng vai trò của Quán quân Già.

“Có thể rất lâu nữa mới tới kỷ nguyên ông ấy tái xuất!” Hawthorne tiên tri. “Thời khắc của ông ấy là thời của bóng tối, nghịch cảnh, và hiểm nguy. Nhưng nếu chế độ độc tài trong nước áp bức chúng ta, hoặc bước chân quân xâm lược làm vấy bẩn mảnh đất chúng ta, vẫn mong sao Quán quân Già sẽ đến.” Dù Hawthorne không nói đó là khi nào, nhưng có lẽ ông đã biết.

Nếu như nhà văn trẻ ấy nhắm đếm tám hoặc chín thập niên từ Bunker Hill trở về trước, hoặc là hình dung ra tuổi già của những kẻ cuồng nộ trẻ (như Joseph Smith, Nat Turner, và William Lloyd Garrison) mà mới đây đã làm xáo trộn linh hồn của Mỹ, ông đã có thể thấy trước rằng Quán quân Già tiếp theo sẽ xuất hiện từ Thế hệ Siêu việt của chính ông. Với linh hồn được Thiên Chúa thiêu đốt khi còn trẻ, những người đồng đảng với Hawthorne đã mang định mệnh trong đời là phải đối mặt với thời khắc của “bóng tối, nghịch cảnh, và hiểm nguy.” Người linh mục kiêm chiến binh già sẽ lại hiện ra trong hình ảnh của John Brown khi nguyên rủa kẻ bất lương từ giàn thiêu; của Julia Ward Howe khi viết “một mệnh lệnh Phúc âm rực lửa giữa những hàng kiếm bóng loáng”; của William Tecumseh Sherman khi thiêu đốt Georgia với “tia sét định mệnh của thanh kiếm nhanh đến khiếp sợ của Ngài”; của Robert E. Lee khi chỉ huy hàng ngàn thanh niên chiến đấu đến chết tại Nghĩa trang Ridge; và đặc biệt là Abraham Lincoln khi tuyên bố trước Nghị viện rằng “những thử thách dữ dội mà chúng ta vượt qua sẽ soi sáng chúng ta trong vinh quang hoặc nhục nhã cho đến thế hệ cuối cùng.”

Nếu Hawthorne tiên tri được tám thập niên sau này, ông đã có thể báo trước sự xuất hiện của một Quán quân Già với thời thơ ấu bắt đầu ngay sau “thử thách dữ dội” trong tuổi già của Hawthorne. Thế hệ này khi tới tuổi trưởng thành sẽ thiêu đốt thế giới mà người lớn tuổi đã xây dựng với ngọn lửa nhiệt thành, và rồi một nửa *saeculum* sau, hoàn thành cuộc hẹn tự đặt ra với số phận như “những ông già khôn ngoan

của Thế chiến II.” Khi thêm Thế hệ Sứ mệnh của Franklin Roosevelt vào sự tái diễn đó, câu chuyện của Hawthorne sẽ không chỉ được kể *hai lần*, mà là *bốn lần*.

Khi những thế hệ tổ tiên bước qua các cánh cổng lớn này của lịch sử, họ thấy ở Quán quân Già một kiểu người lớn tuổi rất khác với những người già sôi động trong quá khứ gần đây của Mỹ và với những “Chú Sam” sống sót trong Cách mạng Mỹ thập niên 1830, lúc Hawthorne viết câu chuyện của mình. Những linh mục-chiến binh già này là ai? Họ là hiện thân già cả cho nguyên mẫu *Tiên tri*. Và khi họ đến tuổi già cũng là lúc báo trước một nhóm mới của các thế hệ.

Cùng vào thời khắc lịch sử ấy, các nguyên mẫu khác đang ở đâu? Những ai đang bước vào tuổi trung niên năm 1689? Những kẻ xảo quyết như cự hải tặc Benjamin Church, hoặc liều lĩnh như Jacob Leisler, các nhà lãnh đạo trong một Thế hệ Kỵ sĩ vốn phải đương đầu với nhiều nghịch cảnh (và có nhiều tội ác) hơn bất kỳ nhóm người nào trong những cư dân của Tân Thế giới. Năm 1775? Những người cùng Thế hệ Tự do của George Washing, giỏi xử lý các nhiệm vụ khắc nghiệt hơn của lịch sử. Năm 1865? Những đại tá hào hiệp Thế hệ Vàng son, những nông dân tàn tạ, những nhà công nghiệp hoài nghi, và một sát thủ đơn độc. Và năm 1944? Các cự chiến binh của Thế hệ Lạc lõng với những vị tướng can trường và chính khách khiêm tốn đã đưa ra những lựa chọn khó khăn, trong khi các anh hùng chiến trường trẻ tuổi giành được lời ngợi khen. Đây là các nguyên mẫu *Du cư*.

Ai đang đến tuổi trưởng thành? Thế hệ Huy hoàng với tinh thần đồng đội và lạc quan của Cotton Mather; Thomas Jefferson, James Madison, và Alexander Hamilton của Thế hệ Cộng hòa, những người đạt được thành tựu xã hội vĩ đại nhất trong lịch sử Mỹ; và những người thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất, từng trèo lên các vách đá ở Point du Hoc và khai thác bí mật về nguyên tử. Đây là các nguyên mẫu *Anh hùng*.

Ai là những đứa trẻ? Trẻ em thuộc Thế hệ Khai sáng sau này trở thành những sinh viên đầu tiên ở Đại học Yale và Đại học William và Mary, sau này còn là các chuyên gia lịch sử kiên nhẫn chờ đợi để kế thừa các thiết chế thuộc địa mới được người lớn tuổi thành lập; John Quincy Adams của Thế hệ Thỏa hiệp đã khóc khi đứng từ xa nhìn bàn bè của cha mình từng chiến đấu và chết tại Trận đánh Bunker Hill; Theodore Roosevelt của Thế hệ Cấp tiến được công kênh trên vai cha mẹ khi xem chuyến tàu tang lễ của Lincoln chạy qua; và Michael Dukakis mới 8 tuổi vào Chủ nhật diễn ra trận Trân Châu cảng và 10 tuổi hồi D-Day, nghe cha mẹ nói chuyện về tạo lập một trật tự chính trị và toàn cầu mà sau này ông sẽ cố gắng cải thiện. Đây là các nguyên mẫu *Nghệ sĩ*.

Tại mỗi cánh cổng vĩ đại này của lịch sử, cách nhau 80 đến 100 năm, một câu chuyện kịch tính về thế hệ tương tự vậy lại lật mở. Bốn nguyên mẫu, được xếp đặt theo cùng một thứ tự – *Tiền tri lớn tuổi, Du cư trung niên, Anh hùng thanh niên, Nghệ sĩ trẻ nhỏ* – đã cùng nhau viết nên những truyền thuyết có sức sống dài lâu nhất trong lịch sử chúng ta. Mỗi lần Quán quân Già xuất hiện lại đánh dấu sự khởi đầu một thời khắc của “bóng tối, nghịch cảnh, và hiểm nguy,” đỉnh cao của Bước chuyển Thứ tư trong *saeculum*.

Trong tự nhiên, mùa sắp tới luôn là mùa đã rời khỏi trí nhớ xa nhất. Điều tương tự cũng xảy ra trong lịch sử Mỹ, cả quá khứ lẫn hiện tại. Ngày nay, có chưa đến 10% người Mỹ từng trong độ tuổi đi lính (hoặc làm công nhân quốc phòng) hồi D-Day, đỉnh cao của Bước chuyển Thứ tư gần đây nhất. Ít hơn 2% người nhớ được đầy đủ thứ Ba Đen tối năm 1929, khi Mỹ bước vào một mùa đông *saeculum* gần đây nhất. Trong số những người trẻ hơn họ, ít ai có thể biểu hiện nhanh chóng tâm trạng của thời kỳ Tan rã và sự khác biệt cơ bản của nó ra sao. Người Mỹ luôn không thấy được bước chuyển tiếp theo cho đến khi nó đã quá rõ ràng.

Chúng ta có thể coi mình là bậc thầy của tự nhiên, người kiểm soát mọi sự thay đổi và tiến bộ, ngoại trừ các mùa trong lịch sử. Song chúng ta càng cố ngăn cản quy luật theo mùa và cố tiêu diệt nó, thì cái nhìn của chúng ta về thời gian và tương lai càng thể hiện tính hăm dọa hơn. Hầu hết người Mỹ trưởng thành ngày nay lớn lên trong một xã hội mà người dân mơ ước những kết quả được cải thiện vĩnh viễn: công việc tốt hơn, ví tiền dày hơn, chính phủ mạnh hơn, văn hóa hay hơn, gia đình tốt hơn, trẻ em thông minh hơn – tất cả thành quả thường thấy về sự tiến bộ. Hôm nay, ở sâu trong Bước chuyển Thứ ba, cảm giác như những mục tiêu đó đang vượt đi mất. Nhiều người trong chúng ta ước muốn có thể quay ngược thời gian, nhưng chúng ta biết là không thể, và chúng ta lo sợ cho con cháu mình.

Ở một khía cạnh nào đó, người Mỹ giống như một tộc người nguyên thủy, cảm thấy cái lạnh hanh khô của mùa thu ngày càng vây tỏa, họ trở nên hoài niệm về mùa xuân trong khi tự hỏi làm thế nào (hoặc thậm chí là liệu) hơi ẩm ẩm áp kia quay trở lại. Nhiều người Mỹ ước rằng, bằng cách nào đó, họ có thể mang mùa xuân *saeculum* quay trở lại bây giờ. Nhưng các mùa lại không hoạt động theo cách đó. Như trong tự nhiên, mùa thu *saeculum* có thể ẩm áp hoặc mát mẻ, dài hoặc ngắn, nhưng lá cây thì chắc hẳn sẽ rụng. Mùa đông *saeculum* có thể tới vội vàng hoặc chậm rãi, nhưng lịch sử cảnh báo rằng nó chắc chắn sẽ xảy đến với chúng ta.

Chúng ta có thể không ước mong Quán quân Già trở lại – nhưng ông ấy phải đến, và sẽ đến.

Chặng tiếp theo trong hành trình của bạn có một phần là lịch sử, một phần là tiên tri. Nó bắt đầu với sự kết thúc của Thế chiến II, đi qua hiện tại, và kéo dài đến tuổi già của những người hôm nay đang là thanh niên. Bạn sẽ học lại lịch sử Mỹ gần đây từ góc độ mùa, như sự

hợp lưu của những cuộc đời và thời đại quen thuộc. Bạn sẽ tìm hiểu về sự thay đổi tâm trạng theo sau mấy năm cửa ngõ vào giữa những thập niên 1940, 1960, và 1980. Bạn sẽ làm quen lại với chính mình qua những thế hệ của hôm nay vì các nguyên mẫu chuyển sang một nhóm mới với mỗi bước chuyển mới. Bạn sẽ biết được điều này có thể có ý nghĩa gì trong Bước chuyển Thứ tư sắp tới.

Lần này, bài học lịch sử sẽ là câu chuyện cuộc đời của chính bạn.

PHẦN HAI

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN

CHƯƠNG 6

BƯỚC CHUYỂN THỨ NHẤT:

Thời kỳ Lạc quan Mỹ (1946-1964)

Vào V-J Day, 15 tháng 8 năm 1945, hòa bình đã được tuyên bố, nhưng Mỹ vẫn giữ chính sách động viên chiến tranh tổng lực. Như người ta có thể nhớ được, quốc gia đã bị kẹt trong khủng hoảng từ lâu, và hiện trạng cho thấy điều đó: Tàu chiến ngập các bến cảng, những đoàn xe chở binh lính đầy đường cao tốc, trang thiết bị chiến tranh ngập tràn trong những kho tàng, bộ máy hành chính với các nhà hoạch định chiến tranh, những nhà máy với công nhân quốc phòng. Vẫn sẵn sàng sản xuất, nhưng các dây chuyền lắp ráp được dự kiến sẽ đóng cửa ngay khi hàng triệu cựu chiến binh trở về nhà và cần việc làm. Mâu thuẫn giai cấp trước chiến tranh quay trở lại dường như là điều không thể tránh khỏi. Nhà xã hội học nổi tiếng Gunnar Myrdal đã cảnh báo về “sự cực đoan hóa lao động” sắp tới và một “đại dịch bạo lực.” Một vài tháng sau V-J Day, mối đe dọa đầu tiên xảy đến khi công nhân ô tô đình công chống lại công ty General Motors (GM).

Cuộc đình công thất bại. Trong những gì mà người ta biết về Hiệp ước Detroit, General Motors và các công nhân ô tô đã đưa ra một thỏa thuận hòa giải. “Chưa khi nào trong lịch sử Mỹ, nhu cầu của tầng lớp lao động lại trở nên chính đáng đến vậy,” các biên tập viên tờ *Fortune* cổ vũ. Không có chuyện lắp lại như thập niên 1930. Đây là thời đại mới, thời đại của làm việc nhóm và sự tin tưởng.

Trước những chiến thắng đầy đau đớn và sự đảo chiều của cuộc chiến toàn cầu, Mỹ lập lòe đứng giữa một lý tưởng tươi sáng về đoàn kết xã hội và một ký ức đen tối về xung đột xã hội. Họ khát khao thuộc về một trật tự an toàn, một cái gì đó mạnh mẽ và phổ quát, vượt ra khỏi sự tranh cãi. Trong khi giới quan chức đặt ra kế hoạch cho các chính phủ toàn cầu, thì giới chính khách nói về “hành động tập thể” dành cho “người dân thường.” Vào lúc cao trào chiến tranh, trong một “Thư ngỏ gửi Nhật Bản”, tờ *Saturday Evening Post* đã ngang ngược nói rằng “Nhân dân các bạn đang hy sinh vô ích sinh mạng của mình, trong khi người của chúng tôi đang chiến đấu cho một tương lai huy hoàng với việc làm hàng loạt, sản xuất hàng loạt, phân phối hàng loạt, và sở hữu hàng loạt.”

Khi cuộc chiến tiến gần đến chiến thắng vang dội có thể đoán trước, người Mỹ lo rằng những hy vọng đó có lẽ không bao giờ đạt được. Nhìn về phía trước, con người đã làm những gì mà họ hiện giờ vẫn đang làm khi suy nghĩ về tương lai: Họ cho rằng nó sẽ giống như quá khứ vừa mới đây. Khung tham chiếu gần đây nhất của họ – thập niên 1930 khó nhằn và thập niên 1920 đầy hoài nghi – đã không được nhớ đến theo một cách tốt đẹp. Tạp chí *Fortune* lo sợ sự tái diễn của “những kiểu thúc ép thô lỗ” và “tâm tính xấu xa.” Khi cho đăng lại một bức ảnh năm 1932 về việc cảnh sát đã làm phân rã các cựu chiến binh Thế chiến I, các biên tập viên cảnh báo rằng “một lát bánh việt quất” sẽ không làm hài lòng “các cựu chiến binh bất mãn”ⁱ. Nhiều nhà kinh tế học nhìn thấy một cuộc suy thoái mới phía trước; Sumner Slichter cảnh báo về “sự biến mất lớn nhất và nhanh nhất của thị trường trong

i. Hàm ý của câu này là trước kia khi tham gia Thế chiến II, những binh lính Mỹ chỉ mong mỗi được gặp lại gia đình, đặc biệt là mẹ; ăn những đồ ăn của quê hương, đặc biệt là bánh táo hay bánh việt quất; và được gặp lại bạn gái nơi quê nhà. Nhưng giờ đây, khi đất nước, xã hội và chính trị đã đổi thay thì một lát bánh việt quất ngày nào cũng không làm dịu đi cảm nhận về cách nước Mỹ đang đối xử với họ.

toàn bộ lịch sử.” Leo Cherne của Viện Nghiên cứu dự đoán tình trạng “mất an ninh, bất ổn, và rối loạn” đối với “các gia đình trung lưu... dễ bị những tác động của sự vỡ mộng sau chiến tranh.” Một tháng sau V-J Day, tạp chí *Life* dự báo sẽ có một sự sụt giảm mạnh trong tỉ lệ sinh ở Mỹ. Lo sợ một quy mô dân số mỏng và việc sụp đổ kinh tế, chính phủ Mỹ đã bắt đầu lên kế hoạch cho một chiến dịch lớn, liên quan đến khoảng 200 tổ chức, để cung cấp sự cứu trợ việc làm với quy mô như thời Chính sách Kinh tế Mới.

Việc đó là không cần thiết. Người Mỹ lạc quan đã làm kẻ bi quan bối rối. Các cựu chiến binh tụ họp mà không có bất kỳ dấu hiệu bạo loạn nào, họ được cổ vũ bởi những lời đón chào không ngớt của quê nhà khi cuộc diễu hành đi qua. Lúc tâm trạng hân hoan vẫn còn vương vấn, *Fortune* ca ngợi người Mỹ vì đã tìm thấy “một kiểu tích cực ôn hòa,” kể cả khi “bản thân sự ôn hòa ấy hiện ở một nơi khác.” Ít ai muốn khơi lại các tranh luận chính trị hay văn hóa xưa cũ. Thay vào đó, cựu chiến binh trở về với mong muốn kết hôn, có con, và chuyển tới sống ở ngôi nhà đẹp và có công việc trong nhà máy. Họ đã rất muốn như vậy với tâm trạng hồ hởi đến nỗi Tướng George Marshall già cả chỉ trích họ vì đánh mất “những mục đích cao cả của chiến tranh” trong “sự hỗn loạn của hòa bình.” Khi *Fortune* tiếp tục theo dõi các xung chấn của đất nước, tạp chí này đã cảnh báo rằng “đã đến lúc kiểm chế sự bùng nổ đó, nếu để nó diễn ra theo cách của mình, một cuộc suy thoái nữa sẽ không thể tránh khỏi.” Nhưng khi tâm trạng ấy tiếp tục tồn tại sau Giáng sinh đầu tiên trong thời bình, ngay cả những người nghi ngờ cũng phải xem xét lại. Con số thất nghiệp thực tế chỉ bằng một phần mười con số mà các quan chức lao động từng dự đoán. Cuối cùng, giống như “nhiều nhà tiên tri về niềm hy vọng,” *Fortune* đã thốt lên rằng “Chúng ta dường như sẽ kiểm soát được nó để có một mức sống vượt xa những gì từng được ghi nhận trong lịch sử.” Thế chiến II đã

đánh dấu “chiến thắng tối thượng của con người trong cuộc chiến lâu dài của mình với sự khan hiếm trong tự nhiên.”

Vào tháng 6 năm 1946, đất nước nhận ra rằng sự thay đổi tâm trạng sau chiến tranh là lâu dài và rộng khắp. “Thời đại Bùng nổ Vĩ đại của Mỹ đã bắt đầu,” *Fortune* tuyên bố, “và không gì có thể đo đếm nổi nó! Những thước đo cũ sẽ không thể làm được... Cảnh tượng ấy quá rộng lớn và rắc rối, nó vô cùng mức khó hiểu... Có một sự lạ lùng kỳ quặc đậm chất trong bối cảnh Mỹ vào mùa hè năm 1946... Những đường song song với năm 1929 hoặc 1939 hoặc bất kỳ thời gian nào nhanh chóng sụp đổ.” Dẫn lời Walt Whitman ngay sau Nội chiến Mỹ, các biên tập viên đã thúc giục Mỹ “Mở rộng mọi van xả và cứ thuận theo tự nhiên – lắng lữ, quay cuồng với phần còn lại – Mỹ sẽ sớm có được bước chạy đà không thể ngăn cản nếu làm như thế.” Sự bùng nổ mới này không chỉ bao gồm hoạt động kinh tế, mà còn diễn ra đối với tỉ lệ sinh. Những đứa trẻ được thụ thai trong sự ngất ngây của đêm V-J được sinh ra vào giữa tháng 4 năm 1946, mở đầu cho một sự bùng nổ sinh đẻ kéo dài cho đến khi một bi kịch cuối năm 1963 đã làm thay đổi tâm trạng đất nước theo một hướng khác.

Hai dấu mốc đó – V-J Day và Vụ ám sát Kennedy – đã khép lại một thời đại với những tên gọi khác nhau như “Hòa bình Mỹ”ⁱ, “Thời đại Tuyệt vời”, “Những Năm Tuyệt nhất”, “Những Ngày Hạnh phúc”, và “Lạc quan Mỹ.”

Nhờ có những chiếc tivi cổ điển và phim ảnh hoài niệm, mà các kỷ niệm khắc sâu của thời kỳ Lạc quan Mỹ liên tục được gợi lại ở mấy thập niên sau đó. Những người hiện ở tuổi 40 hoặc già hơn còn nhớ được nhiều thứ của thời kỳ này như một kỷ nguyên mà các tổ chức lớn được coi là có hiệu quả, chính phủ mạnh mẽ, khoa học nhân từ, trường

i. Nguyên văn tiếng La-tinh: “Pax Americana”.

học tốt, sự nghiệp ổn định, gia đình khỏe khoắn, và tội phạm được kiểm soát. Chính phủ có thể đủ khả năng làm hầu như bất kỳ điều gì, trong khi vẫn cân bằng được ngân sách. Từ năm này sang năm khác, tầng lớp trung lưu phát triển, và khoảng cách giàu nghèo được thu hẹp. Năng suất lao động và thu nhập gia đình tăng với tốc độ nhanh nhất từng được ghi nhận, không thấy sự giới hạn nào. John Kenneth Galbraith viết cuốn *The Affluent Society* (Tạm dịch: Xã hội giàu có) trong đó nói đói nghèo không còn là “một vấn đề lớn” mà là “một suy nghĩ thứ yếu.” Harold Stassen nói vào năm 1946 rằng “Giới hạn trong hệ thống kinh tế của chúng ta được tạo ra bởi thái độ tinh thần và sự đoàn kết của chúng ta, chứ không phải bởi bất kỳ giới hạn nào của khoa học hay của năng suất.” Ở nước ngoài, người Mỹ thấy mình mang một vai trò đế quốc mới, mà theo J. Robert Oppenheimer, họ tin rằng “thế giới thay đổi khi chúng ta bước đi.” Họ tự hào về một quốc gia được sử gia người Anh Robert Payne mô tả là “một Người Khổng lồ” với “một nửa của cải của thế giới, hơn một nửa sản lượng, gần hai phần ba số máy móc của thế giới.”

Mỹ càng giàu có và càng quan tâm tới cộng đồng nhiều hơn, nó càng trở nên đẹp đẽ hơn (nếu ôn hòa hơn). Tội phạm và ly hôn giảm, mở ra một kỷ nguyên của việc không cần khóa cửa trước, của những thanh niên bánh bao dễ thương, của Tổng thống Eisenhower hoan hỉ trước hạnh phúc của gia đình Mỹ.

Một xã hội giàu có, trật tự, có thiên hướng gia đình cần những không gian sống thích hợp. Hãy tới khu vực ngoại ô: đài kỷ niệm lâu đời nhất của thời kỳ Lạc quan Mỹ. Người sáng tạo ra khu ngoại ô này là William Levitt, từng làm việc cho Seabeeⁱ của Hải quân Mỹ trong thời chiến, và nó đã giúp anh kiểm nghiệm những sở thích về nhà ở

i. Tiểu đoàn xây dựng Hải quân Mỹ – United States Naval Construction Battalions. Cụm từ “Seabee” là biến thể của chữ viết tắt “C.B”.

tiêu chuẩn của đồng nghiệp. Mô hình Levitt sau chiến tranh đã nhanh chóng được nhân ra khắp nơi. Trong suốt thập niên 1950, hơn bốn phần năm số ngôi nhà mới được xây dựng trong một “Khu ngoại ô mới,” nơi mà *Fortune* ca ngợi là “to lớn và tươi tốt và đồng đều – một sự kết hợp được làm theo yêu cầu của các nhà tiếp thị thấu hiểu thị trường.” So với các ngôi nhà nông thôn không có khu vệ sinh và với các căn hộ chung cư đô thị mà trước chiến tranh nhiều người Mỹ đã gọi là nhà, thì vùng ngoại ô là một sự kỳ diệu với tầng lớp trung lưu.

Vùng ngoại ô được quy hoạch khoa học là lối sống tự nhiên cho một nước Mỹ đang bước vào “thời đại an ninh,” như cách gọi của một nhà văn đương thời. Với những kinh hoàng về Hitler và Stalin còn tươi mới trong tâm trí công chúng, sự yên bình trong nước được bảo vệ bởi chủ nghĩa hiện thực đầy cảnh giác trong Chiến tranh Lạnh. “Khi Thế chiến II kết thúc vào năm 1945, không người nào dám dự đoán rằng sẽ chẳng có ai đi theo con đường chiến tranh,” sử gia Paul Johnson giải thích. “Có một giả định chung đầy chán nản là... các xung đột trong tương lai sẽ kéo dài vô tận.” Để chống lại mối đe dọa này, nhiều công trình vĩ đại trong thời kỳ Lạc quan Mỹ (đường cao tốc liên bang, nghiên cứu cơ bản, vốn vay cho sinh viên, các chương trình toán và khoa học mới) đã được xây dựng một cách rõ ràng dưới danh nghĩa quốc phòng. Các vùng ngoại ô mới đã phản ánh mối bận tâm này về an ninh. Nếu chủ nghĩa tiêu dùng có thể được chuẩn hóa, các nhu cầu cá nhân có thể được đáp ứng hiệu quả, thì sẽ tiết kiệm được nguồn lực cho các dự án lớn cần thiết để đảm bảo sự tồn tại lâu dài của đất nước. Nếu phong cách sống mới cũng mang tới các nền tảng văn hóa về tính tiết kiệm và làm việc nhóm, mọi người giúp đỡ nhau kiểu như những láng giềng tốt dùng chung máy cắt cỏ, thì tất cả sẽ khiến tương lai của Mỹ tốt đẹp hơn.

Đặc tính mới ấy đã gây ra nhiều chỉ trích đối với chủ nghĩa vật chất thấp kém của nó. Cuốn sách xuất bản năm 1954, *Age of Conformity*

(Tạm dịch: Thời đại Phục tùng), đã định nghĩa người Mỹ là người “sẽ không thỏa mãn nếu không có máy bay và đường ống nước tốt nhất nhưng lại chấp nhận xếp hạng hai về chính trị và văn hóa.” Bộ phim năm 1956 *The Invasion of Body Snatchers* (Tạm dịch: Cuộc xâm lăng của những kẻ vô người) châm biếm người dân sống như robot đến nỗi không ai biết là họ đã bị người ngoài hành tinh kiểm soát. Malvina Reynolds hát về “những chiếc hộp nhỏⁱ làm từ vật liệu rẻ tiền.” Lewis Mumford tuyệt vọng với “vô số sự giống nhau, các ngôi nhà không thể phân biệt nổi, xếp hàng cứng nhắc, cách một khoảng giống nhau trên những con đường giống nhau, trong một khu đất không cây cối với những việc thu bỏ rác thải theo mệnh lệnhⁱⁱ, nơi sinh sống của những người có cùng một tầng lớp, cùng thu nhập, cùng nhóm tuổi, xem cùng một chương trình truyền hình, ăn cùng loại thực phẩm làm sẵn không mùi vị, từ những chiếc tủ lạnh giống nhau.” Newton Minow công kích tivi như là một “khu đất hoang rộng lớn” của các chương trình nông cạn, dù lành mạnh. Khi Michael Harrington viết cuốn *The Other America* (Tạm dịch: Một nước Mỹ khác), thông điệp ngầm của ông là tầng lớp chính (trung lưu) ở Mỹ có thể đã và đang làm nhiều hơn những gì họ đáng được hưởng.

Lỗi suy nghĩ trong thời kỳ Lạc quan có nhiều yếu tố mà ngày nay người Mỹ thấy ghê sợ – từ phân biệt chủng tộc và phân biệt giới tính cho tới tư duy tập thể ngọt ngào và một nền văn hóa phạm tục. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, tâm trạng ấy của thời đại khi so sánh lại rất khớp với sự hỗn loạn kinh tế và xã hội ở những năm tháng tuổi trẻ của người lớn tuổi khi nhớ lại. Nếu tâm trạng trong khoảng thập niên 1950 của người Mỹ được dự báo trước từ năm 1928 hoặc 1944 (gần cuối hai

i. Hàm ý những ngôi nhà vùng ngoại ô. (ND)

ii. Hàm ý phê bình của Mumford dành cho những người sống trong những khu nhà Levittown, giống như robot đã được lập trình sẵn trong thập niên 1950, 1960, tự đánh mất bản thân trong việc tự quản cấp trung và quản lý doanh nghiệp.

bước chuyển trước), họ có thể coi đó là sự tiến bộ của nhiều xu hướng xã hội mà ngày nay người Mỹ sẽ nhanh chóng chỉ trích. Khi nhìn lại, tâm trạng thuộc thời kỳ Lạc quan Mỹ được nhiều người Mỹ ở thập niên 1990 coi là một sự lỗi thời ọp ẹp. Nhưng vào thời điểm đó, nó có vẻ vô cùng hiện đại – một sự hôn phối kết hợp của sự lạc quan, công nghệ, và thịnh vượng, với một tinh thần tập thể mạnh mẽ (nếu không ngấm ngấm).

Lý do khiến cho giai đoạn 1946-1963 có vẻ rất lạ lùng khi nhìn lại là vì ngày nay, chúng ta đã không còn liên hệ với lối suy nghĩ mang tính thế hệ của những người đã sống ở thời kỳ đó. Người già của Thế hệ Lạc lõng ẩn dật trong các căn hộ ẩm ướt không thể tiến xa hơn Thế hệ Im lặng của công nghệ cao và sự sành điệu khi họ chuyển tới sống ở mấy căn hộ cao cấp. “Những hy vọng lạc quan” của giới trung niên Thế hệ Vĩ đại nhất có vẻ đã hoàn toàn héo úa, thậm chí vô cảm đối với các chiến binh văn hóa của Thế hệ Bùng nổ. Đối với giới doanh nhân trẻ Thế hệ Thứ 13, sự tuân thủ quy định của Thế hệ Im lặng cũng có thể đến từ một tiểu thuyết khoa học viễn tưởng. Và nó sẽ gần như không thể tưởng tượng nổi đối với trẻ em Thế hệ Thiên niên kỷ, khi các bậc cha mẹ thật sự ép buộc lũ trẻ phải khám phá những giới hạn xa xôi trong văn hóa và sở thích của người lớn.

Để hiểu cách thức và lý do tại sao thời kỳ Lạc quan Mỹ lại như vậy, bạn cần phải hình dung lịch sử thế hệ của những năm đó. Hãy xem xét mỗi sự chuyển tiếp vòng đời xảy ra lúc ấy: người lớn tuổi trải đời của Thế hệ Lạc lõng đang bủa vây những vành đai xã hội để làm cho tâm trạng dịu lại, Thế hệ Vĩ đại nhất phát sinh năng lượng từ tuổi trung niên thủ cựu, Thế hệ Im lặng trở thành những cộng sự biết thích nghi, và Thế hệ Bùng nổ có được những sự nuông chiều mới. Nhìn từ quan điểm vòng đời, tâm trạng sau chiến tranh là không thể tránh khỏi trên nhiều góc độ. Hoàn toàn chẳng có cách nào để thời kỳ hậu Khủng hoảng Mỹ trở lại tâm trạng giống như mấy thập niên 1930 hoặc 1920.

Cho dù thời kỳ Lạc quan Mỹ là tốt hay xấu, điều đó cũng chẳng quan trọng. Điều quan trọng là trong nhịp điệu mùa của lịch sử, nó là một thời kỳ *cần thiết*. Nó dọn dẹp những tàn dư của thời kỳ Khủng hoảng trước đó và dọn chỗ cho Thức tỉnh theo sau. Nó truyền cho người Mỹ sự lạc quan và năng lượng tạo dựng cùng cả sự héo úa mà sau đó đã bị loại bỏ.

Trong những năm từ 1946 đến 1963, Mỹ đã thành công ở nhiều lĩnh vực (như hợp tác công) mà ngày nay chúng ta cảm thấy mình đang thua kém; và Mỹ cũng nổi tiếng là yếu kém trong nhiều lĩnh vực (như hoàn thiện cá nhân) mà ngày nay chúng ta nghĩ rằng mình đang làm tốt. Điều không đem lại bất ngờ là: Giữa thập niên 1950, ở đỉnh cao của thời kỳ Lạc quan, Mỹ nằm ở phía bên kia của *saeculum*, đối diện với vị trí của chúng ta hiện nay.

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN THỨ NHẤT VÀ CÁC NGUYÊN MẪU

Bao gồm cả kỷ nguyên gần đây nhất, lịch sử của người Mỹ gốc Anh đã có sáu thời kỳ Lạc quan với những Bước chuyển Thứ nhất, bắt đầu từ thế kỷ 15:

- *Phục hưng Tudor* (1487-1517), *Saeculum* Cải cách Tin Lành.
- *Nước Anh Vui vẻ* (1594-1621), *Saeculum* Tân Thế giới.
- *Thời đại Đế chế Augustus* (1704-1727), *Saeculum* Cách mạng.
- *Kỷ nguyên Hạnh phúc* (1794-1822), *Saeculum* Nội chiến.
- *Thời đại Tái thiết và Vàng son* (1865-1886), *Saeculum* Siêu cường.
- *Lạc quan Mỹ* (1946-1964), *Saeculum* Thiên niên kỷ.

Tất cả những thời đại đó đánh dấu sự tạo dựng một trật tự xã hội mới. Trong thời đại của riêng nó và sau đó, tất cả đều được coi là “thời hậu chiến.” Với thời kỳ Khủng hoảng đã lắng dịu và miền đất hứa được

giao nhận, xã hội tăng tốc với một tinh thần đoàn kết và những đường hướng mới được phát hiện. Đó là thời gian để tái thiết và thưởng thức chiến thắng (hoặc phục hồi từ thất bại). Mọi người muốn tụ họp, xây nhà, lập kế hoạch, sinh con, và xây dựng. Đó là tâm trạng đầy năng lượng: Mỗi sự hợp tác xã hội mới vận hành trên cơ sở sự thành công của cái trước đó, cho đến khi – gần cuối thời kỳ Lạc quan – xu hướng đi tới một trật tự và gắn kết mạnh hơn đã trở thành thứ gần với sự thôi thúc bản năng.

Lạc quan là một thời kỳ điểm phân, một sự chuyển dịch tới chỗ khiến đêm ngắn hơn và ngày dài hơn, trong đó cả cung lẫn cầu về trật tự xã hội đang tăng lên. Đây là xuân phân của *saeculum*, mùa của hy vọng và niềm vui thơ ngây. Sau một mùa đông chiến tranh và chết chóc, mùa xuân được báo hiệu bởi chim sơn ca của Vachel Lindsay, “Chúng hát về những hiểm nguy đã qua, tôi nghĩ / Chúng hát về hòa bình cuối cùng đã tới, tôi nghĩ”. Với cảm giác nhẹ nhõm, một xã hội tự nó lại trở về với niềm vui giản đơn và gieo hạt mầm rồi đây sẽ mọc. Thomas Nashe gọi mùa này là “ông hoàng vui sướng của năm,” khi thiên nhiên “nở hoa” và “những thiếu nữ nhảy múa thành vòng tròn.” Với cuộc sống mới tràn đầy mặt đất, nó là (theo Wallace Stevens viết) “khoảng thời gian đáng ghét với người theo thuyết hư vô / Hoặc với người tìm kiếm mức phí nhiều tối thiểu.” Khi tinh thần sinh sôi đã yên vị, nói theo Robert Browning, “Tất cả đều ổn trong thế giới này.” Trong Bước chuyển Thứ nhất của *saeculum*, trẻ em được chiều chuộng, trường học được thành lập, binh lính được phong chức tước, vua chúa được lên ngôi, đế chế được công bố.

Mỗi thời kỳ Lạc quan đều thể hiện tâm trạng này, trong bối cảnh của xúc cảm và công nghệ thời hậu Khủng hoảng. Ba thời kỳ Lạc quan đầu tiên đều là kỷ nguyên của việc củng cố chính trị, thịnh vượng kinh tế, và (trong lĩnh vực văn hóa) sự lạc quan trần thế. Đối với nước Mỹ

mới, Kỷ nguyên Hạnh phúc báo hiệu buổi bình minh tương tự. Người Mỹ vừa mới chiến đấu và đảm bảo nền tự trị dân chủ của họ. Giờ đây họ có thể tham gia vào việc mưu cầu hạnh phúc – bằng cách kiếm tìm các vùng đất, lập ra các cộng đồng, xây dựng các kênh mương, tạo ra các phát minh, và (theo lời Joel Barlow) áp dụng “khoa học” để “nâng cao, cải thiện, và làm cho nhân loại hòa nhịp.” Sau Nội chiến, một xã hội [vốn] rạn vỡ liên hiệp lại xung quanh nhu cầu Tái thiết. Trong thời kỳ Vàng son, người Mỹ củng cố gia đình và trường học, tôn vinh công nghệ, và đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng công nghiệp, qua đó đảm bảo sự thống nhất cho một quốc gia hình thành từ các thuộc địa giành được độc lập mà họ đã phải trả giá để duy trì.

Nhìn ra xa hơn, các thời kỳ Lạc quan có tương đối ít ký ức về những chiến công cao quý hoặc những cuộc vận động lớn khuấy động hoặc những người nổi tiếng khờ dại. Thay vào đó, chúng thường mang tới ký ức (như Vernon Parrington mô tả thời kỳ Vàng son) về “những bữa đại tiệc” của lịch sử. Chúng gồm các họa tiết đậm nét về một cộng đồng ổn định và về cuộc sống gia đình, dù đây là những ngôi nhà nhiều cửa sổ hình chữ nhật uy nghi ở Williamsburg, những căn nhà gỗ gọn gàng ở Kentucky, “Những ngôi nhà thân thương” ngăn nắp ở Shaker Heights, hay vùng ngoại ô xây từ vật liệu rẻ tiền ở Levittown. Mọi người xây dựng lại thế giới bên ngoài dựa theo ý niệm mới lạc quan về sự thống nhất và tiến bộ. Tuy nhiên, mặt trái của sự lạc quan này là sự áp chế của những tin xấu: Dưới vỏ bọc thỏa mãn, mọi người bỏ qua những gì mà sau này được coi là những sự bất công trắng trợn. Thời kỳ Lạc quan là những khoảng thời gian tốt đẹp đối với người đang sống và chấp nhận nền văn hóa của số đông. Đối với người không theo số đông, trong trường hợp tốt nhất, chúng đơn thuần là những khoảng thời gian an toàn.

Những thời kỳ Lạc quan tạo nên tâm trạng này vì mỗi nguyên mẫu rồi đây lại đang bước vào giai đoạn vòng đời mới: Du cư bước vào

thời già yếu, Anh hùng bước vào thời trung niên, Nghệ sĩ bước vào thời mới lớn, và Tiên tri bước vào thời thơ ấu. Hãy xem xét bốn giai đoạn (và các nguyên mẫu) lần lượt.

- Khi *Thế hệ Du cư* đã kiệt sức thay thế Thế hệ Tiên tri bước vào *thời già yếu*, họ làm chậm tốc độ của sự thay đổi xã hội, xa lánh các cuộc vận động cũ để hướng tới sự giản đơn và sinh tồn.

Một mối vì những sự nghiệp và ý thức hệ lớn lao, Thế hệ Du cư già trăn an xã hội, chấp nhận kết quả của Khủng hoảng, và xây dựng một trật tự dân sự hoạt động bên ngoài sự vinh quang (hay tàn tro) của nó. Những ai tin vào các nghi lễ xã hội thiết thực, đều trở thành những người lớn tuổi cũ kỹ, đặt ưu tiên cao cho việc bảo vệ trẻ em và bảo vệ tương lai lâu dài của xã hội. So với những thế hệ đi sau, họ ít bị ấn tượng hơn về những tiến bộ nhanh chóng hoặc chiến thắng của đất nước, và lo sợ hơn về điều mà sự ngạo mạn về thể chế có thể dẫn đến. Vẫn còn bị kỳ thị, các thế hệ khác coi họ như đã lụi tắt, thậm chí phản động. Ở tuổi già, danh tiếng về sự khôn ngoan của Thế hệ Du cư không bao giờ mang lại cho họ sự đền đáp đáng kể của xã hội. Tại thời điểm mà tâm trạng chung là tập trung đầu tư vào người trẻ hơn là đền đáp người già, họ đòi hỏi rất ít cho bản thân.

Những năm cuối đời của Nữ hoàng Elizabeth I và George Washington, mặc dù cách nhau hai *saeculum*, là các minh họa cho phong cách Du cư. Vẫn là những chiến binh lỗi đời và dễ mẫn, họ đều trở nên sợ rủi ro, kiệt sức vì phải săn sóc và bảo vệ một nền hòa bình khó khăn mới có được, mang cung cách hòa nhã của chế độ cũ, không quá tự hào để đôi lúc lộ vẻ tự mãn hay tham lam, và chịu đựng song vẫn tốt bụng trước những người đi sau đang hăng hái hơn và tự tin hơn. Trong Thời đại Augustus, Thế hệ Kỵ sĩ lớn tuổi bị coi là “một sự suy thoái đáng buồn”; quả thật, kiểu xử sự của cộng đồng với họ là tệ nhất trong thời thuộc địa. Sau Cách mạng Mỹ, những người cùng trang lứa Thế hệ Tự do của Washington có “số phận bất hạnh...” theo sử gia

David Hackett Fischer mô tả, “là thanh niên trong một thời đại mà tuổi tác được tôn trọng, và lại già nua trong một thời đại tuổi trẻ lên ngôi.” Trong mấy năm tháng cuối cùng của mình, họ trở thành những người bi quan khiếm tốn (giống như John Adams) biết chắc rằng “những lăng tẩm, tượng đài, đài tưởng niệm sẽ không bao giờ được dựng lên để dành cho tôi.”

- Khi Thế hệ Anh hùng đẩy sức mạnh thay thế Thế hệ Du cư ở *tuổi trung niên*, họ thiết lập thứ đạo đức lạc quan và có tính xây dựng của kỷ cương xã hội.

Tại họ âm vang những lời tán tụng hậu Khủng hoảng, Thế hệ Anh hùng tuổi trung niên trở thành người xây dựng và thực hiện, tự tin về khả năng của mình trong việc làm cho các tổ chức lớn hoạt động tốt hơn người tiền nhiệm của Thế hệ Lạc lõng. Họ truyền năng lượng và lý tính hóa mọi lĩnh vực cuộc sống, từ khoa học đến tôn giáo, từ quản lý nhà nước đến nghệ thuật. Ở đỉnh cao quyền lực tuổi trung niên của mình, họ hy vọng thúc đẩy nền văn minh lên một ngưỡng chưa từng có của tiến bộ – hướng đến giàu có, hạnh phúc, hiểu biết, và sức mạnh. Nếu không xem xét kỹ, những người khác sẽ coi họ là thế hệ có năng lực nhất của thời đại.

Trong lịch sử, Thế hệ Anh hùng tuổi trung niên tạo ra những thời kỳ Lạc quan, trong đó họ là nhân vật chính trung tâm. Thế hệ Hiệp sĩ thiết lập một triều đại mới, Thế hệ Elizabeth tô điểm một đế chế mới, và Thế hệ Huy hoàng đặt nền móng cho một nền văn minh Tân thế giới giàu có và khai sáng. “Hãy lạc quan và lao động. Hoạt động. Hoạt động,” Benjamin Colman khuyên những người cùng trang lứa Thế hệ Huy hoàng với mình trong Thời đại Augustus. “Một tinh thần vui tươi là một điều hạnh phúc và đáng yêu.” Những người đồng đảng với ông đã thiết lập một giai cấp thống trị ổn định, đưa chế độ nô lệ thành luật, và quản lý thời kỳ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ nhất của thuộc địa. Trong Kỷ nguyên Hạnh phúc, Jefferson đã kêu gọi những người cùng

thuộc Thế hệ Cộng hòa tuổi trung niên với mình “đoàn kết trong nỗ lực chung vì lợi ích chung” để hỗ trợ “một quốc gia đang đi lên” và đang “tiến bước nhanh chóng.” Thế hệ Cộng hòa quản lý đất nước đi qua giai đoạn họ gọi là “năng lượng trong chính quyền,” “trật tự và hòa hợp” trong xã hội, “yên bình” trong tâm hồn, “hữu dụng và lý tính” trong khoa học, và “phong phú” trong thương mại.

- Khi *Thế hệ Nghệ sĩ* tuân thủ thay thế Thế hệ Anh hùng trong *thời kỳ đầu trưởng thành*, họ trở thành những cộng sự nhạy cảm, thể hiện tính chuyên môn và sự hợp tác của mình trong một kỷ nguyên mà sự bình ổn xã hội ngày càng tăng.

Một Thế hệ Nghệ sĩ đến tuổi trưởng thành có nghĩa là trật tự xã hội hậu Khủng hoảng được củng cố. Có ít không gian để diễn tập, họ sớm bước trên con đường đời đầy thịnh vượng và an toàn. Họ học cách trở nên vượt trội trong việc đáp ứng những kỳ vọng và hỗ trợ các công trình vĩ đại của Thế hệ Anh hùng. Khi họ truyền vào nền văn hóa một sức sống mới, họ thận trọng tìm kiếm một vai trò làm thỏa mãn tâm hồn. Nỗ lực này dẫn đến một sự sùng bái chuyên môn nghề nghiệp (tinh chỉnh thành tựu của Thế hệ Anh hùng ở thế giới bên ngoài), dẫn đến những sự thể hiện quan trọng về lương tâm và tình cảm (bộc lộ các hạn chế ở thế giới bên trong của Thế hệ Anh hùng).

Trong hai thời kỳ Lạc quan Phục hưng đầu tiên, những người mới lớn được coi là có học vấn nhất và ít mạo hiểm nhất trong thời đại của họ. Tương tự, các thanh niên của kỷ nguyên Khai sáng của Thời đại Augustus ở thuộc địa tự coi mình là “ngoan ngoãn và có thể dạy bảo được.” Họ là những bậc thầy về nghệ thuật trang trí rococo trong đời sống thuộc địa, nhưng cũng là các chuyên gia thật sự đầu tiên của Mỹ trong khoa học, y học, tôn giáo, và pháp luật. Trong Kỷ nguyên Hạnh phúc, những thanh niên Thế hệ Thỏa hiệp bước vào tuổi trưởng thành với điều được John Quincy Adams thú nhận là “nhiệm vụ của chúng tôi là tiếp tục giữ gìn sự yên bình và im lặng.” Những người mới tại

vùng giáp ranh cảm thấy mình giống như người định cư hơn là nhà thám hiểm, hoặc như với Lewis và Clark thì giống như người phục vụ vì lợi ích nhân dân. Trong thời kỳ Vàng son, Thế hệ Cấp tiến bắt đầu với tư cách giới trẻ nổi tiếng đầy hòa nhã, được một người hâm mộ mô tả chung là “một sự pha trộn hài hòa, một sự cân đối thú vị, tạo nên từ những thành phần phù hợp đều có chất lượng tốt.”

- Khi *Thế hệ Tiên tri* thay thế Thế hệ Nghệ sĩ bước vào *thời thơ ấu*, họ được nuôi dưỡng trong sự chiều chuộng ngày càng nhiều của người lớn lạc quan ở một môi trường an toàn.

Một thời kỳ Lạc quan tỏa chiếu sự lạc quan của nó lên những đứa trẻ, làm tăng tỉ lệ sinh, mối bận tâm với cuộc sống gia đình, và các khoản đầu tư mang tầm nhìn dài hạn. Trong thế giới Hậu khủng hoảng có trật tự, cha mẹ có thể yên tâm dành nhiều thời gian hơn để nuôi dạy con cái và cho thế hệ mới nhiều quyền tự do hơn. Được nuôi dưỡng bởi một xã hội có trật tự tốt nhưng kiệt quệ về tinh thần, bọn trẻ được khuyến khích xây dựng một đời sống nội tâm mạnh mẽ. Chúng hình thành các mối liên kết với người mẹ (mối liên kết với các giá trị cá nhân) chặt chẽ hơn với người cha (mối liên kết với hành vi công dân). Được cho là có một tương lai tươi sáng, bọn trẻ được khuyến khích đòi hỏi nhiều về cuộc sống.

Những đứa trẻ Thanh giáo thời kỳ Nước Anh Vui vẻ lớn lên trong một xã hội hân hoan, bùng nổ về thương mại, và ngập tràn việc xây dựng. Theo sử gia David Leverenz mô tả, chúng được nuôi dưỡng bởi một “sự kết hợp giữa người mẹ tương đối tốt” với “người cha xa cách và... hà khắc.” Trẻ em Thế hệ Thức tỉnh của Thời đại Augustus trở thành thế hệ được ăn uống đầy đủ nhất, có nơi ở tốt nhất, và được chiều chuộng nhất mà các thuộc địa từng chứng kiến. Lớn lên như trong *A Family Well Ordered* (Tạm dịch: Một gia đình quy củ) của Cotton Mather, chúng đáp lại bằng cách nuôi dưỡng các cảm xúc “phản lý tính, phản khoa học, và...cố chấp” như những gì mà sử gia Gary Nash mô tả.

Theo một du khách Anh, trẻ em Thế hệ Siêu việt của Kỷ nguyên Hạnh phúc thể hiện “sự liêu lĩnh và tính ngạo mạn nổi bật”. “Các yếu tố được bổ sung sau năm 1790” vào thế giới của bọn trẻ “ngày càng thiên về sự tự do,” theo sử gia Joseph Kett. Trẻ em Thế hệ Sứ mệnh của thời kỳ Vàng son lớn lên trong một “buổi dã ngoại dài ngày của trẻ em,” sử gia Mary nói, “có sự kiểm soát nhưng bầu không khí tự do thoải mái.” Jane Addams nhớ lại chuyện những người đồng đảng với mình đã “phát ốm vì những lợi thế,” và Henry Canby thì nhớ lại việc các gia đình có “nhiều hơn các cuộc trao đổi ý kiến giữa cha mẹ và con cái” so với việc “thế hệ trước” từng có được như thế nào.

Ở các giai đoạn trên của vòng đời, việc mô tả bốn nguyên mẫu này được đặt trong một nhóm các thế hệ. Hành vi của mỗi thế hệ trái ngược với những người đi trước khi ở cùng độ tuổi – trong mỗi trường hợp đều khiến xã hội bất ngờ. Tổng các thay đổi của bốn nguyên mẫu điển hình này là sự thay đổi trong tâm trạng xã hội, từ thời kỳ Khủng hoảng sang Lạc quan.

Giờ hãy soi chiếu vào lịch sử mang tính thế hệ của Bước chuyển Thứ nhất gần đây nhất: Thời kỳ Lạc quan Mỹ từ năm 1946 tới 1964. Một Bước chuyển, về cơ bản, là lịch sử của những gì mà hàng triệu người cùng thời làm trong cuộc sống hằng ngày của họ. Khi bạn đọc mấy nét phác thảo này, hãy lọc ra trong hồi ức của riêng mình và nghĩ về việc những người mà bạn biết có thể phản ánh các nguyên mẫu này như thế nào.

THẾ HỆ LẠC LŨNG BƯỚC VÀO TUỔI LÃO NIÊN: NHỮNG NGƯỜI GIÀ CỔ HỦ

“Truman nghĩa là sai lầm,” những người viết xã luận đã chế giễu vào năm 1945 khi “Người đàn ông tới từ Độc lập” (Man from Independence) ít ai biết này kế nhiệm Franklin Roosevelt. Một năm sau, khi John L. Lewis thách ông chấm dứt một cuộc đình công của công nhân ngành

thép, Tổng thống đã làm được điều đó, khiến vị chiến binh công đoàn già nua và khoa trương ấy đã lùi bước. “John L. đã phải lắp liếm,” Truman sau này kể lại. “Ông ta đã không thể chịu nổi gạch đá.” Sáu năm sau, Truman đã cho thấy quyết tâm tương tự trong việc xử bắn Douglas MacArthur, thậm chí giữa lúc các nghị sĩ trẻ hơn đang ví những lời rao giảng của vị tướng này với “những lời của chính Thiên Chúa.”

Trong thời kỳ Lạc quan Mỹ, Thế hệ Lạc lõng đã gạt bỏ những người độc đoán già hơn, vốn từng lãnh đạo xã hội đi qua “thử thách khắc nghiệt của chiến tranh,” theo lời MacArthur. Thời đại của những người cuối cùng thuộc Thế hệ Sứ mệnh (MacArthur, cùng với Margaret Sanger, Frank Lloyd Wright, Albert Einstein, Helen Keller, W.E.B. Du Bois, George Marshall, và Bernard Baruch) đang qua đi, cùng với việc nhận thấy những người kế nhiệm Truman bị thiếu vắng cốt lõi tinh thần, ở đây là *sự khôn ngoan*, của một thế hệ (như lời một người hâm mộ trẻ nói về John Mott, người đoạt giải Nobel) đã có cả “núi non và biển cả, rất đơn giản và một chút tuyệt vời.”

Thế hệ Sứ mệnh đến tuổi trưởng thành vào lúc chuyển giao thế kỷ – một thời đại mà tiểu thuyết gia Mỹ Winston Churchill lừng danh gọi là “thời sinh sôi của một thế hệ đầy lý tưởng từ một thế hệ thương mại.” Những nguyên nhân xã hội (chủ nghĩa dân túy, sự điều tra những vụ bê bối, quyền bầu cử của phụ nữ, trào lưu chính thống, chủ nghĩa vô chính phủ ở người lao động, Luật Cấm rượu) đã đưa đến thứ mà Jane Addams gọi là một “lương tâm cao hơn.” Frederic Howe đã viết rằng “ảnh hưởng đặc trưng nhất của thế hệ tôi” là một “tâm lý truyền bá Phúc âm, là sự kiếm tìm một lời giải thích đạo đức cho các vấn đề xã hội và một giải pháp tôn giáo cho hầu hết các vấn đề ấy.” George Santayana đã mô tả thế hệ mình là “những nhà tiên tri” đã “áp dụng các nguyên tắc đạo đức vào các vấn đề cộng đồng.” Khi Thế chiến II sắp kết thúc, Thế hệ Sứ mệnh thống trị hình ảnh Mỹ với sự già nua: mặc màu tối, giáo điều và sùng đạo, ưa thuyết giáo và nguyên tắc.

Đây không phải là hành động mà Thế hệ Lạc lõng có xu hướng đi theo. Thay vào đó, người già của kỷ nguyên Lạc quan Mỹ đã trở thành những người thực dụng khắc khổ, những sản phẩm của một đời chỉ trích. Nó bắt đầu bằng sự gấn bó của “cậu bé hư” với những tờ tạp chí của thời kỳ Tiến bộ. Vào đêm trước Thế chiến I, tờ *Atlantic Monthly* cáo buộc “thế hệ đang lên” này là “còi cọc về tinh thần và cong vẹo về tâm hồn.” Trong chiến tranh, sự ngu dốt được cho là của giới trẻ Mỹ đã trở thành một vấn đề nhức nhối khi những bài kiểm tra IQ chỉ ra rằng một nửa số lính quân dịch có tuổi trí lực dưới 12. Sau đó, các nguyên tắc đạo đức của họ bị tấn công liên tục bởi người già Thế hệ Sứ mệnh. Trong những ngày đen tối của Đại suy thoái, khi Franklin Roosevelt nguyên rủa “một thế hệ của những kẻ ích kỷ” vì đang phá hoại “ngôi đền của nền văn minh chúng ta,” rõ ràng ông muốn nói tới Thế hệ Lạc lõng ở tuổi trung niên, mà suốt thập niên 1930 đã bị công kích là “cứng đầu,” bần lười, “vô trách nhiệm,” và (lúc chiến tranh tới gần) thì “theo chủ nghĩa biệt lập.” Khi về già, một lần nữa họ lại bị đả kích, lần này bị gọi là phản động, đối bại, và phản tiến bộ. Giới tinh hoa có học đang già đi của Thế hệ Lạc lõng thường chấp nhận bản án suốt đời ấy. “Sự thật là,” Henry Miller viết, “dưới lớp da kia chúng ta đều là những kẻ ăn thịt người, sát thủ, kẻ phản bội, kẻ nói dối, đạo đức giả, nhát gan.”

Với một tuổi thơ hỗn loạn và một tuổi già chu đáo thận trọng như những cái chận sách, vòng đời Thế hệ Lạc lõng được chia gần như thành ba phần bởi hai cuộc Thế chiến. (“Trong khi đó, giữa những khoảng thời gian ấy, chẳng phải là chúng tôi đã vui vẻ hay sao?”). “Tôi đã có một khởi đầu tồi tệ,” Babe Ruth than thở, thế hệ ông lớn lên khi bọn trẻ được thả lỏng có thể làm bất kỳ điều gì chúng (hoặc người khác) muốn – giống như George Burns 7 tuổi đã đi hát kiếm tiền nơi quán rượu. Với những suy nghĩ thuở nhỏ về một kỷ nguyên của đấu tranh xã hội, náo động tinh thần, nhập cư hàng loạt, và lạm dụng ma

túy tràn lan, Thế hệ Lạc lõng bước vào tuổi trưởng thành với khẩu hiệu phổ biến “Tùy bạn.” Thế chiến I đã cho họ nếm trái đắng, theo lời của Fitzgerald, “khiến họ trở thành một thế hệ mới chú tâm đến nỗi sợ về đói nghèo và lòng tôn thờ sự thành công hơn thế hệ trước; lớn lên để nhận ra rằng tất cả các vị thần đã chết, tất cả các cuộc chiến đã được định đoạt, tất cả niềm tin vào con người đã bị lung lay.” Trong thập niên 1920, họ đã làm việc chăm chỉ và tiệc tùng chăm không kém, cảm thấy rằng (giống như Edna St. Vincent Millay) “ngọn nến của mình sẽ không thể sáng hết đêm.”

Đại suy thoái mang lại cho họ một sự nôn nao tuổi trung niên – và một sự thay đổi trong thái độ. Theo Malcolm Cowley, đây là thời của “ngghi ngờ và thậm chí là thất bại” đối với những người đồng đảng với ông. Nhưng khi cuộc sống tiếp diễn, họ đã mang lại nhiều tiếng tăm phũ-phàng-nhưng-vững-chắc cho thập niên 1930. Với chiến thắng của Franklin Roosevelt hết nhiệm kỳ này tới nhiệm kỳ khác, Thế hệ Lạc lõng nghiêng về Đảng Cộng hòa đã không đạt được đa số ghế trong Nghị viện và vị trí thống đốc cho đến năm 1941, muộn hơn trong vòng đời của họ so với bất kỳ thế hệ nào trong lịch sử Mỹ. Khi Thế chiến II nổ ra, Thế hệ Lạc lõng từ bỏ chủ nghĩa biệt lập của họ và cung cấp các tướng lĩnh thắng trận mà sự táo bạo (Patton), nồng nhiệt (Bradley), và kiên trì (Eisenhower) của họ đã truyền năng lượng cho nhiều lính trẻ. Ở trong nước, họ quản lý những cỗ máy chiến tranh hiệu quả nhất thế giới. Không cần triết lý nhiều, tổng thống đầu tiên của họ đã thả hai quả bom nguyên tử và sau đó xếp đặt một nền hòa bình ít thù hận và an toàn hơn thứ mà ông hồi tưởng từ ngày mình còn là người lính.

Khi còn là trẻ em họ không được gia đình bảo vệ, khi trưởng thành họ không được chính phủ đền đáp, cả đời họ phải chịu sự chỉ trích của các thế hệ khác, Thế hệ Lạc lõng già đi cùng với hình ảnh chung về bản thân thấp kém. Các bài kiểm tra tâm lý giống

hết nhau được tiến hành qua hai thập niên cho thấy người già Thế hệ Lạc lõng của thời kỳ Lạc quan có điểm số thấp hơn hẳn so với người già Thế hệ Vĩ đại nhất của thời kỳ Thức tỉnh khi đánh giá về lòng tự tôn. Dè dặt về xã hội và chính trị, người già Thế hệ Lạc lõng phản ánh sự hiểu biết trọn đời về cách đối phó với bất kỳ “biến cố dữ dội” nào xảy ra trong cuộc sống. Không tin tưởng chính phủ, họ “làm nhựa sống” cho giới trẻ giàu có hơn và được giáo dục tốt hơn, họ ít khi vận động gì đó nhân danh chính mình. Hình ảnh về bản thân thấp kém của họ cũng cho phép họ làm những công việc dơ bẩn mà người khác không thể (hoặc sẽ không) làm. “Tiền không đến” với họ.

Với tư cách người lớn tuổi, thế hệ này đã điện khí hóa Mỹ trước thời kỳ Khủng hoảng, và làm lắng dịu Mỹ sau đó. Những “người trẻ hoang dại” ấy, từng khiến thập niên 1920 ồn ã, đã hoàn toàn lụi tàn hoặc trở thành kẻ thận trọng cổ lỗ – theo kiểu Virgil Thomson hay Norman Rockwell – 30 năm sau đó. Bằng các hàng rào bảo vệ công việc quản lý của mình, họ đã cho các thế hệ đi sau một sự lạc quan hiện đại. Nhưng đó chưa bao giờ là kiểu lạc quan giống họ. Theo Paul Tillich, “Thế hệ chúng tôi đã từng nhìn thấy những điều khủng khiếp tiềm ẩn trong con người thể hiện ra bên ngoài và bùng lên”. Theo quan điểm của họ, thế giới thời hậu chiến tranh vẫn còn nguy hiểm. “Ngày mai sẽ tuyệt vời,” Joseph Wood Krutch từng viết, “nghĩa là, trừ phi nó khủng khiếp không thể tả, hoặc trừ phi nó thật sự không có.”

Ngày mai của họ là sự bền bỉ được sinh ra từ tuyệt vọng. “Sống là đấu tranh,” Thornton Wilder viết, “Mọi điều tốt đẹp và tuyệt vời trên thế giới này từng khoảnh khắc đều ở thế ngàn cân treo sợi tóc và phải chiến đấu để giành lấy – cho dù đó là một cánh đồng, một ngôi nhà, hay một đất nước.” Nếu phải hy sinh thứ gì đó để bảo vệ Mỹ trong một thế giới phi luân lý, thì Thế hệ Lạc lõng đã làm điều ấy. Cũng vẫn thế hệ mà trước đó đã sinh ra Dashiell Hammett và Raymond Chandler

và Humphrey Bogart, nay được dẫn dắt bởi những người như J. Edgar Hoover và anh em nhà Dulles, hồ sơ của họ chất đầy những âm mưu cũng như bí mật đã che mắt giới trẻ. Trong quan điểm của Thế hệ Lạc lõng, Chủ nghĩa cộng sản giống một mô hình kinh tế hơn. Trong mắt họ, Mỹ không thể đủ khả năng đấu khẩu về ý thức hệ: Chính Joseph Welch (và cuối cùng là Eisenhower) của Thế hệ Lạc lõng đã bác bỏ quan điểm McCarthy và làm nản nhiệt tình của Thế hệ Vĩ đại nhất.

Từng trả giá quá nhiều cho các cuộc vận động lớn của thế hệ khác, Thế hệ Lạc lõng đi đầu với một chủ nghĩa hiện thực ảm áp. Có những người làm lãnh đạo cuối đời (Stevenson, Dirksen, Ervin) nổi tiếng với tài diễn thuyết văn hoa nhưng vẫn khiêm nhường và sự vận động đầy tích cực “Tôi thích Ike.” Thế hệ Lạc lõng muốn chính trị trở nên nhàm chán: Các cuộc bầu cử năm 1952 và 1956 đánh dấu lần duy nhất trong lịch sử Mỹ với việc hai ứng viên tổng thống chạy đua với nhau trong các cuộc bầu cử liên tiếp với kết quả giống hệt nhau. Họ không thích tài chính thâm hụt và đã xây dựng một nền tảng kinh tế ổn định làm cơ sở cho sự thịnh vượng, nhờ đó các chính khách Thế hệ Vĩ đại nhất được tán tụng sau đó. Họ tự gánh mức thuế suất chưa từng có trong thời bình để chi trả cho việc tái thiết toàn cầu và cơ sở hạ tầng trong nước – mà họ biết rằng mình sẽ không còn sống để hưởng những lợi ích của chúng.

Không giống như Thế hệ Sứ mệnh, giới lãnh đạo Thế hệ Lạc lõng không có nhiều tầm nhìn vĩ đại như khát vọng của Eisenhower muốn tỏa chiếu “một hình ảnh đáng trân trọng của đời sống Mỹ trước thế giới.” Họ chủ yếu coi tôn giáo như một công cụ cho sự giản tiện về nghi lễ và trật tự công cộng. Như Eisenhower đã từng nói, “Chính phủ của chúng ta sẽ chẳng có ý nghĩa trừ phi nó được thành lập với một niềm tin tôn giáo sâu sắc – và tôi không quan tâm nó là gì.” Ike thể hiện sự khó chịu tương tự với những công nghệ mới. Ông phản đối việc phát triển tên lửa phóng lên Mặt trăng, cảnh báo những “tổ hợp quân sự-

công nghiệp” thời thượng của Thế hệ Vĩ đại nhất, và từ chối đi bằng máy bay phản lực mãi tới năm 1959. Sử gia William O'Neill đã mô tả vị tướng già này là “thận trọng, nghi ngờ sự thay đổi, không giống như những người, chẳng hạn John Kennedy, tin rằng không có giới hạn cho những gì Mỹ có thể đạt được.” Adlai Stevenson chia sẻ sự bảo thủ có tính văn hóa bẩm sinh đó của Ike; ông thấy bình thường khi đi những đôi giày cũ, còn các cổ vấn thân cận của ông thì phủ nhận đây bốn cột rằng họ đã từng xem tivi.

Không hề giả vờ mà chấp nhận rằng mình đã già, Thế hệ Lạc lõng thả neo chẳng vụ lợi trong một kỷ nguyên của những vận may cho giới trẻ đang cải thiện nhanh chóng. Trong khi đối với Thế hệ Sứ mệnh, sự khuây khỏa trong công việc lại muộn màng và ngăn ngủi, người già của Thế hệ Lạc lõng chấp nhận quy định mới về nghỉ hưu bắt buộc, nó yêu cầu sự rời bỏ công việc để tạo ra những vị trí việc làm trống cho lao động trẻ. Việc bắt buộc nghỉ hưu sớm được thực hiện rộng rãi, kết hợp với việc tiền lương tăng nhanh và mạng lưới an sinh xã hội kém, đã khiến Thế hệ Lạc lõng trở thành một trong những thế hệ nghèo nhất so với giới trẻ trong lịch sử Mỹ. Lương hưu của người già rất thấp so với tiêu chuẩn ngày nay, từ công nhân lao động chân tay tới cựu Tổng thống Harry Truman, khiến Thế hệ Lạc lõng già nua đã phải tản tiện và vật lộn với cuộc sống. Trong khi người trẻ hơn đang chuyển tới những dãy nhà mới long lanh, thì non nửa Thế hệ Lạc lõng già nua lại chưa bao giờ được sống trong một ngôi nhà với ít nhất hai phòng ngủ và một phòng tắm.

Trong suốt thời kỳ Lạc quan, sự giúp đỡ cho người già nghèo khổ nằm ở cuối danh sách ưu tiên của quốc gia, nhưng chỉ ít người Thế hệ Lạc lõng phản nản. Như Louis Kuplan biên tập viên tờ *Harvest Year* giải thích, “Chúng tôi không được trở nên lệ thuộc về tinh thần, xã hội, vật chất, hay tài chính vào người thân, bạn bè, hoặc chính phủ.” Năm 1959, ngay sau khi Ethel Andrus thành lập Hiệp hội Hưu trí Mỹ

(AARP), bà đã từ chối “than vãn về những khó khăn của tuổi già,... không nhấn mạnh đến sức mạnh chính trị tiềm năng của người già, cũng chẳng kêu gọi sự hỗ trợ của chính phủ.” Hội nghị về Người lớn tuổi năm 1961 của Nhà Trắng đã soạn ra một danh sách dài dòng “các nghĩa vụ của người già,” nói rằng “cá nhân sẽ có trách nhiệm chính trong việc tự chăm sóc lúc tuổi già.” Mặc dù ông ám chỉ rộng rãi rằng sẽ cắt giảm an sinh xã hội, nhưng Barry Goldwater đã giành được tỉ lệ phiếu bầu lớn hơn từ người lớn tuổi Thế hệ Lạc lõng so với bất kỳ thế hệ nào trẻ hơn.

Ngay cả trước khi Thế hệ Lạc lõng già hẳn đi trong mấy năm thời Kennedy, hầu hết họ đã được nghe “những tiếng hoan hô cuối cùng” rồi biến mất khỏi đời sống xã hội. Số ít người còn lại vẫn thường bị mô tả một cách chê bai là “đám cá voi già nua” và “những ông già hủ lậu.” Tuy nhiên, ngoài các khía cạnh nặng nề, thế hệ này luôn giữ được tính chính trực của một người sống sót. Giống như Earl Warren, họ chịu trách nhiệm cho những bi kịch bài ngoại (trong trường hợp của ông này là việc giam giữ người Mỹ gốc Nhật), nhưng cũng đứng lên đấu tranh cho quyền lợi của các bị cáo và cá nhân bị lãng quên khác, mà theo như khẩu hiệu của Bruce Barton, là những người “bên dưới nhưng không ngoài rìa.” Tấm lá chắn bảo vệ họ đã sinh ra chủ nghĩa tuân thủ của một nước Mỹ được Chúa phù hộ, những trí thức còn sống sót của thế hệ ấy nằm trong số người chỉ trích thâm thúy nhất thứ mà Tillich gọi là một “sự mô hình hóa” của cuộc sống. Đối với Thế hệ Lạc lõng, chủ nghĩa tập thể trong các khu ngoại ô mới có lẽ là một điều tốt cho giới trẻ hơn là cho họ. Thay vào đó, những người già chưa hòa nhập đã giúp bảo tồn bầu không khí của một Cựu Thế giới cũ trong các khu truyền thống ở thành thị, nơi nhiều người ngày nay ở tuổi 50 có thể nhớ lại những chuyến thăm ông bà vẫn nói tiếng mẹ đẻ. Vào giữa thập niên 1960, giới lão khoa bắt đầu tin rằng các thói quen tiết kiệm, tự lập, hoài nghi, bảo thủ, và bỏ phiếu cho Đảng

Cộng hòa là những khía cạnh bền vững của quá trình lão hóa ở Mỹ. Thời đại mới thay đổi làm sao.

THẾ HỆ VĨ ĐẠI NHẤT BƯỚC VÀO TUỔI TRUNG NIÊN: GIỚI TINH HOA QUYỀN LỰC

Một “thế hệ của Prometheus và Adam” là cách mà Henry Malcolm mô tả những người cùng Thế hệ Vĩ đại nhất thời hậu chiến với ông. Trong toàn bộ lịch sử thế giới, không một thế hệ nào – từ thế hệ của Alexander Đại đế, của Caesar, của Napoleon – lại chinh phục được vùng đất và vùng biển rộng đến thế. Nhưng khi Thế hệ Vĩ đại nhất trở về nhà lúc chiến tranh kết thúc, “lo lắng khi hết nghĩa vụ” như người cựu chiến binh trở về trong phim *The Best Years of Our Lives* (Tạm dịch: Những năm tháng đẹp nhất đời ta), những gì họ tìm kiếm là “một công việc tốt, một tương lai yên ổn, và một căn nhà nhỏ đủ cho tôi và vợ sống.” Họ không hề đòi hỏi lời khen ngợi và phần thưởng từ công chúng hâm mộ, nhưng chắc chắn họ nhận được chúng. Những chữ khắc ở Iwo Jima – “khi lòng dũng cảm hiếm thấy là một đức tính phổ biến” – phản ánh lòng yêu mến lạ thường mà Mỹ lưu giữ ở đó với Thế hệ Anh hùng này khi họ trở về quê hương. “Chúng tôi là một thế hệ đặc biệt,” sử gia William Manchester nhớ lại, “và chúng tôi là nước Mỹ. Bạn đã quen với điều đó.”

Trong suốt thời thơ ấu, Thế hệ Vĩ đại nhất được bao bọc trong sự che chở của cha mẹ quyết định nuôi dạy tốt bọn trẻ để chúng không tệ như Thế hệ Lạc lõng. Các câu lạc bộ thanh niên, vitamin, sân chơi an toàn, sữa tiệt trùng, luật lao động trẻ em, thậm chí Luật Cấm rượu: Tất cả đều là các nỗ lực nhằm giữ cho bọn trẻ tránh xa những nguy hiểm và suy đồi của thế hệ trước. Thế hệ Vĩ đại nhất đáp lại bằng cách trở thành những người thành đạt ngoan ngoãn như người lớn đã mong ước – là những Hướng đạo sinh đầu tiên, Hoa hậu Mỹ đầu tiên, và (cùng với Charles Lindbergh vào năm 1927) Anh hùng Mỹ đầu tiên. “Không có

ai là cậu bé hư,” Cha Flanagan tuyên bố khi Thế hệ Vĩ đại nhất còn nhỏ, phân biệt họ với thế hệ “hư hỏng” đi trước mà tới lúc đó vẫn là một nỗi ám ảnh truyền thông.

Vào giữa thập niên 1920, sự hoài nghi và chủ nghĩa cá nhân đã vắng bóng khỏi khuôn viên các trường đại học; sự lạc quan và hợp tác hiện diện. Vào cuối thập niên 1920, Thế hệ Vĩ đại nhất coi mình (Gene Shuford nhớ lại) là “thế hệ tốt nhất” của Mỹ. Họ đã học được cách tự kiểm soát thứ mà sử gia Paula Fass mô tả là một “xã hội bình đẳng” với các tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Trong thập niên 1930, điều này đồng nghĩa với việc các liên đoàn, đảng phái chính trị đã bỏ phiếu rất nhiều cho Franklin Roosevelt. Khi Đại suy thoái xảy ra, giới trẻ thực hiện nhiệm vụ của mình và do đó không bị coi là những thanh niên xa lạ, mà là “Thế hệ bị kẹt bên ngoài” của “tầng lớp trung lưu đang bị chìm ngập” ở Mỹ. Nhận thấy rằng Chính sách Kinh tế Mới của Thế hệ Sơ mệnh đã tái xếp đặt mọi thứ có lợi, họ đi tới chỗ coi chính quyền liên bang như một người bạn đáng tin cậy luôn ở bên để giúp đỡ mình. Nhờ chính phủ, các nhóm thanh niên đã trồng cây, xẻ đường, và xây dựng những con đập để đưa điện, nước đến cộng đồng. “Sức mạnh của các bạn đang biến bóng tối của chúng tôi thành bình minh,” Woody Guthrie cất tiếng hát, “vì thế, Columbia hãy tiến lên, tiến lên.” Thái độ không nao núng đã giúp họ rất nhiều sau khi người Nhật tấn công Trân Châu cảng. Là thế hệ mặc quân phục nhiều nhất trong lịch sử Mỹ, chưa đầy bốn năm sau khi ra trận, họ trở về như người chiến thắng. Đối với 97% đàn ông Thế hệ Vĩ đại nhất không bị thương nặng khi đi nghĩa vụ, chiến tranh đã cho họ một bộ phóng thế hệ, đưa danh tiếng về phẩm chất tuổi trẻ thành quyền lực ở tuổi trung niên.

Khi những anh hùng chiến tranh trở về, Thế hệ Vĩ đại nhất trở thành “thế hệ chúng tôi” theo cách gọi của Stephen Ambrose. Họ mang tinh thần thúc đẩy lẫn nhau, nghiêm túc, làm tới cùng đến các trường đại học, nơi làm việc, và nền chính trị. Giống như Jimmy Stewart

trong phim *Mr. Smith Goes to Washington* (Tạm dịch: Ông Smith tới Washington), họ cảm nhận về một trách nhiệm kiểu hướng đạo sinh trong việc dọn sạch cái thế giới tồi tệ của Thế hệ Lạc lõng, loại bỏ các dấu vết hỗn loạn của Đại suy thoái, ca tụng những “anh chàng bình thường,” và chuyển sức mạnh của trung đội từ những bãi biển thời chiến đến vùng ngoại ô thời bình. Đằng sau vẻ ngoài dễ sẻ chia của họ (“Hút thuốc không?”) là thái độ tuân thủ luật lệ truyền thống trước những niềm tin lầm lạc và hành động sai trái. Các cuộc thăm dò cho thấy Thế hệ Vĩ đại nhất nghiêm khắc hơn so với người lớn tuổi về các chủ đề như sự chiếm đóng của Nhật Bản, việc sử dụng khí độc, và sự tra tấn.

Trong khoa học, Thế hệ Vĩ đại nhất mà thời chiến đã từng phát minh ra radar, kỹ thuật mã hóa, và bom A, giờ đây chuyển sang phát minh tên lửa vũ trụ, tivi, và các tiện ích mới để làm cho cuộc sống dễ chịu hơn. Giới công chức lao động văn trí óc của Thế hệ Vĩ đại nhất bắt đầu chất đầy 99 giải Nobel, hầu hết thuộc các ngành khoa học khó như vật lý. Trong kinh doanh, Thế hệ Vĩ đại nhất từng ném trái khó khăn đã mang niềm tin có-thể-làm-được vào trong nền sản xuất của Mỹ. Nhiều công trình thời hậu chiến – những cây cầu, đường cao tốc, đường hầm, bến cảng, dự án nhà ở – được coi là lớn nhất và tốt nhất thế giới. Trên cơ sở hạ tầng này, các tập đoàn kiếm được nhiều lợi nhuận bằng cách tiếp thị rộng rãi để đáp ứng thị hiếu đại chúng. Sau khi George Gallup định nghĩa về “người trung bình,” Bob McNamara và Lee Iacocca liền thiết kế một chiếc ô tô trung bình, Kemmons Wilson khai trương khách sạn Holiday Inns để cung cấp nơi nghỉ tiêu chuẩn cho các gia đình có thu nhập trung bình, còn anh em nhà McDonald thì đồng nhất hóa đồ ăn nhanh. Chẳng bao lâu, các chuỗi bán lẻ trải dài khắp đất Mỹ, mỗi chuỗi đều ổn định và đáng tin cậy như nhau.

Được sử gia Joseph Goulden mô tả là “một thế hệ hài lòng khi đặt niềm tin vào chính phủ và chính quyền,” giới lãnh đạo Thế hệ Vĩ

đại nhất đang lên ngày càng nhìn thấy sự hỗn loạn nhiều hơn là cơ hội trong sự tàn phá đầy sáng tạo của thị trường. Khi các nhà kinh tế học đang cố gắng giảm thiểu tác động của chu kỳ kinh tế, thì các nhà lập pháp đã mở rộng bảo hiểm xã hội để giảm thiểu rủi ro gia đình và gia tăng các cơ quan quản lý để giảm thiểu rủi ro kinh doanh. Chính phủ liên bang đã rót lợi ích vào tầng lớp trung lưu và trung niên, khi Dự luật Thế hệ Vĩ đại nhất sau chiến tranh trở thành chương trình trợ cấp xuyên thế hệ lớn nhất của Mỹ cho những người bước vào tuổi trung niên. Trong những năm cuối thời kỳ Lạc quan, cứ 2 trong số 5 đô-la nợ mua nhà được người đóng thuế trả, nhiều người trong đó còn lớn tuổi hơn và sống ở ngôi nhà còn tệ hơn thứ mà các cựu chiến binh trẻ có thể mua.

Những gì mà Dự luật Thế hệ Vĩ đại nhất khuyến khích không chỉ là vùng ngoại ô, mà còn là thứ mà William Whyte tác giả của *The Organization Man* (Tạm dịch: Người của Tổ chức) gọi là “đạo đức xã hội” vùng ngoại ô của Thế hệ Vĩ đại nhất. Được ca ngợi nhiều trong thời của mình nhưng về sau lại hứng chịu nhiều chỉ trích, thứ đạo đức đó gắn liền với sự hợp tác, sự tham gia của cộng đồng, sự thân thiện, và sự phân định rõ ràng về vai trò cứng nhắc giữa đàn ông và đàn bà. Giống như người anh hùng của Sloan Wilson trong *Man in the Gray Flannel Suit* (Tạm dịch: Người đàn ông mặc bộ vest dạ xám), người đàn ông lý tưởng là một người nỗ lực cố gắng, người đàn bà lý tưởng là một người chăm sóc tận tình. Một kỷ nguyên, kết thúc với các cuộc tranh luận về “đăng mây râu” và về sự chênh lệch số lượng tên lửa, đã bắt đầu với ngôn từ chính trị mà ở đó những sự lãng mạn lớn nhất về “bất đồng chính kiến” (“cười nhạt,” “luôn cúi”) là các thách thức đối với sự nam tính. Một kỷ nguyên, kết thúc với phân tích của Betty Friedan trong cuốn *Bí ẩn nữ tính*, đã bắt đầu với một cuốn được yêu thích khác, *The Lost Sex* (Tạm dịch: Giới tính đã mất), than thở về “nữ quyền” như “một chứng bệnh” – và tạp chí *Look* thì ca ngợi các

cô vợ mới luôn nghe theo chồng như một “con người kỳ lạ” với “diện mạo và hành động nữ tính hơn cả những cô gái ‘đã được giải phóng’ của thập niên 1920 và 1930”.

Cuộc sống gia đình nơi ngoại ô xoay quanh chiếc tivi, một công nghệ thời hậu chiến đã thúc đẩy văn hóa “vấn đề chung” của Thế hệ Vĩ đại nhất. Những chiếc tivi kiểu cũ đã thể hiện hoàn hảo vai trò mới ở tuổi trung niên: chế ngự khoa học, nuôi dạy trẻ em, giữ tinh thần lạc quan, cho phép mọi người có thể bắt kịp với láng giềng của họ. Thế hệ Vĩ đại nhất đã tạo ra những nhân vật hài trung niên được yêu thích lâu nhất trên tivi (Lucille Ball, Jackie Gleason), những người phỏng vấn ít hoài nghi nhất (Jack Paar, Dave Garroway), và một danh sách vinh danh những tài tử Hollywood hiền lành (Jimmy Stewart, John Wayne, Burt Lancaster, Kirk Douglas, Henry Fonda, Charlton Heston, Gregory Peck, Robert Mitchum).

Một thế hệ, vốn tin rằng (cùng với John Kennedy) “người đàn ông làm những gì anh ta phải làm” có ít thiên hướng phản ánh về tinh thần. Cuối thập niên 1950, nhà triết học Pháp Jacques Maritain nhận xét “người Mỹ dường như đôi khi tin rằng nếu bạn là một nhà tư tưởng thì hẳn bạn là kẻ nhàm chán cau có.” Thế hệ Vĩ đại nhất đánh đồng tôn giáo với việc đi nhà thờ, một dạng “tín đồ thật sự” với sự cuồng tín. “Chúng tôi không can dự vào những cuộc trò chuyện nhằm về ‘sự lý tưởng’ của hoàn cảnh,” C. Wright Mills nói khi ông báo trước sự xuất hiện của một Tinh hoa Quyền lực (Power Elite) muốn “bắt tay ngay vào vấn đề.” Tuyên bố về sự Cáo chung Ý thức hệ, Daniel Bell mô tả những người đồng đảng với mình có xu hướng vượt qua thách thức thực tế, chứ không phải khám phá sự khác biệt về giá trị. Sự nghiệp nhiệt thành nhất ở tuổi trung niên của Thế hệ Vĩ đại nhất cho rằng ngay cả những người cùng thời phản trắc nhất cũng gắn với một ý thức hệ thủ cựu của một biển thể nước ngoài (Liên Xô). Giống như Richard Nixon và Alger Hiss, nguyên cáo và bị

cáo của Thế hệ Vĩ đại là những người mặc quần áo giống nhau, sống trong những căn nhà giống nhau, đọc những tạp chí giống nhau, và xem những chương trình tivi giống nhau.

Thích đề cao sự tương đồng, Thế hệ Vĩ đại nhất tin rằng dưới lớp da kia con người về cơ bản là bình đẳng. Nhưng bên cạnh những bước đột phá năm 1946 của cựu chiến binh Jackie Robinson, quan hệ chủng tộc ở Mỹ vẫn đóng băng tại chỗ – một hoàn cảnh dường như là phi lý với tác giả cuốn *Black Like Me* (Tạm dịch: Tôi cũng da đen) và đạo diễn phim *Guess Who's Coming to Dinner* (Tạm dịch: Đoán xem ai tới ăn tối) thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất. Những người da đen trung niên được cho là có chung văn hóa với số đông, và các mục tiêu của phong trào dân quyền đầu tiên phản ánh sự suy đoán này. Khi trên phương tiện truyền thông Thế hệ Vĩ đại nhất ngập tràn những giai điệu của người Mỹ gốc Phi, các ngôi sao da đen mặc áo sơ mi và đeo cà vạt trắng, giới kinh doanh Thế hệ Vĩ đại đã nhận ra sự hòa nhập đem lại hiệu quả kinh tế hơn là chia rẽ. Theo thời gian, thái độ này sẽ dẫn Nghị viện Thế hệ Vĩ đại nhất đến việc ban hành luật pháp không liên quan gì đến hành động khẳng định hay đa nguyên văn hóa, mà tuân theo logic về cơ hội bình đẳng.

Vì thế hệ tuổi trung niên này đã “làm sạch sẽ và ngăn nắp” nước Mỹ, nên cử tri mọi lứa tuổi coi thế hệ này là đầy năng lực trong thời bình không kém gì trong thời chiến. Đến năm 1950, một người Thế hệ Vĩ đại nhất (Thomas Dewey) hai lần chạy đua ghế tổng thống, hai người khác (Clark Clifford, George Kennan) trở thành cố vấn hàng đầu của Tổng thống Truman, và nhiều người nữa (John Kennedy, Richard Nixon, Lyndon Johnson, Gerald Ford) bắt đầu sự nghiệp chính trị đầy hứa hẹn của họ. Đến năm 1953, Thế hệ Vĩ đại nhất giữ hầu hết các ghế thống đốc và nghị sĩ của quốc gia. Trong suốt thập niên 1950, tầng lớp tinh hoa Thế hệ Vĩ đại nhất đang lên đã bực mình khi chỉ giữ các vai

trò nhỏ nhoi trong chính quyền Eisenhower. Maxwell Taylor chỉ trích sự lãnh đạo thận trọng, thiếu năng lượng của Thế hệ Lạc lõng, Eric Sevaroid cáo buộc “thế hệ trước” là “thiếu các kế hoạch có kiểm soát,” và John Kennedy thì phàn nàn rằng “những gì giới trẻ chúng ta dành dụm được, các nhà ngoại giao và Tổng thống của chúng ta lại phung phí.” Chiến thắng rầm rộ của Đảng Dân chủ năm 1958 đã đưa vào nhiệm sở một loạt những người Thế hệ Vĩ đại nhất, háo hức xây dựng một vai trò tích cực hơn cho chính phủ.

Vào năm 1960, trong cuộc chạy đua tổng thống của các ứng viên đều thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất, thế hệ mạnh mẽ này đã tìm cách mang đến nguồn năng lượng cho việc lãnh đạo quốc gia giống như họ đã đưa vào gia đình, kinh tế, và văn hóa. Eisenhower và Truman già nua đã nghi ngờ họ. Khi Truman theo dõi chiến dịch ấy, có lẽ là thực chất nhất của thế kỷ 20, ông đã ca ngợi “biên bản ghi nhớ thông minh” của cả hai đảng, nhưng lưu ý rằng làm sao để “tất cả không bị kéo về bất kỳ phía nào, bởi hoặc vào một người nào đó.” Ông nói, Kennedy và Nixon “làm tôi phát chán.” Nếu Kennedy không nhận được phần lớn số phiếu ổn định của những người đồng đảng với mình, có lẽ ông đã thất bại. Kể từ khi các cuộc bỏ phiếu dựa vào tuổi tác bắt đầu vào năm 1932, Thế hệ Vĩ đại nhất *chưa bao giờ* cùng bỏ phiếu cho một ứng viên thất bại, mà thường ủng hộ cho người thắng cuộc.

Trong diễn văn nhậm chức, Tổng thống Kennedy tuyên bố rằng “ngọn đuốc đã được chuyển sang cho một thế hệ mới, sinh ra trong thế kỷ này.” Với khẩu hiệu tranh cử là “Hãy cùng làm cho đất nước này lại tiến lên,” ông cam kết với những người cùng thời đại với mình sẽ “gánh vác bất kỳ gánh nặng nào, trả bất kỳ giá nào” để mang “sức sống” và “uy tín” trở lại với đời sống dân sự. Thế hệ cầm quyền mới muốn đất nước mình (theo lời Bell) là “một cường quốc thế giới, một quyền lực tối thượng, một sức mạnh bá chủ” được dẫn dắt bởi những gì David

Halberstam gọi là “một hạt giống mới của nhà tư tưởng-hành động” – những người như Bob McNamara (“người có-thể-làm-được trong xã hội có-thể-làm-được trong thời đại có-thể-làm-được”) và McGeorge Bundy (“một bản năng tuyệt vời về quyền lực và hầu như không ngừng nghỉ”). Trong khi đó, Ben Bradlee và những người cùng giới truyền thông Thế hệ Vĩ đại nhất đã kiểm chế việc đăng tải ham muốn tình dục của Tổng thống mà ngày nay sẽ là tin trang nhất.

“Ông ấy là Siêu nhân!” sử gia James MacGregor Burns thốt lên về người đồng đảng với mình ở Nhà Trắng, một người mà ông đã báo trước là “toàn trí” và “toàn năng.” Richard Neustadt khẳng định rằng “Quyền lực Tổng thống” có thể giải quyết bất kỳ vấn đề gì mà thế hệ này đã chọn làm mục tiêu – ví dụ, một Tổng thống Mỹ có thể bắt các công ty thép giảm giá bằng cách chỉ việc nhắc điện thoại lên. Trong kỷ nguyên mới ấy của “Đế chế Tổng thống,” sẽ không có giới hạn về khoảng cách và tốc độ đối với sự phát triển của quốc gia này. Sau khi có những trải nghiệm với các ma trận đầu vào-đầu ra rất lớn trong chiến tranh, các nhà kinh tế học Thế hệ Vĩ đại nhất như Walter Heller hoan nghênh việc quản lý “kinh tế vĩ mô,” trong khi chế nhạo Đạo đức Thanh giáo về sự tằn tiện và phòng bị. Họ giục người tiêu dùng chi tiêu thay vì tiết kiệm, và thuyết phục Nghị viện Thế hệ Vĩ đại nhất tạo ra thâm hụt ngân sách trong thời bình để thúc đẩy Tổng sản phẩm quốc dân (Gross National Product – GNP), một thuật ngữ được nhà kinh tế học Simon Kuznets Thế hệ Vĩ đại nhất đưa ra.

Trong đầu thập niên 1960, Richard Rovere đưa ra một cách diễn đạt khác để mô tả giới tinh hoa trung niên mới của Thế hệ Vĩ đại nhất: *Nhóm Thiết lập*ⁱ. Vào thời điểm đó, mấy từ này mang một ý nghĩa tự hào và hoàn toàn tích cực. Đầu thập niên 1960 là thời điểm mà quyền lực công là một loại hàng hóa công, khi Texaco hát (và người ta tin)

i. Nguyên văn: “The Establishment”.

rằng: “Bạn có thể tin tưởng giao chiếc ô tô của mình cho người đàn ông có đeo ngôi sao.” Giống như Walter Cronkite muốn nói, “Nó là như thế,” hoặc chính xác hơn, nó là đúng vậy vào lúc ấy.

THẾ HỆ IM LẶNG BƯỚC VÀO TUỔI TRƯỞNG THÀNH: NHỮNG BỘ VEST DẠ XÁM

“Tôi ghét sự kết thúc chiến tranh,” Russell Baker nhớ lại, dù sao anh cũng thừa nhận rằng một quả bom A có thể đã giúp mình thoát khỏi khó khăn. “Tôi rất muốn trở thành một anh hùng mang chết chóc. Tôi muốn chiến tranh cứ tiếp diễn và mãi mãi.” Giống như những người cùng Thế hệ Im lặng với mình, chàng trai Baker đang mong được tham gia vào cuộc xâm chiếm Nhật Bản, nhưng rồi Hiroshima, Nagasaki, và V-J Day đã đưa anh về nhà. Những người cùng Thế hệ Im lặng với anh sau đó đã được thử thách lòng can đảm tại Triều Tiên, nhưng “Những người lính ở Chosinⁱ” (và các tù binh *The Manchurian Candidate* – Ứng cử viên Mãn Châu Lý) không thể sánh được với những siêu nhân của thế hệ đi trước. Giống như Herbert T. Gillis lên mặt trước Dobie trẻ tuổi, Thế hệ Vĩ đại nhất và Thế hệ Im lặng đều biết ai đã từng có “một trận đánh lớn” và ai không. Phủ nhận vinh quang, những người mới lớn của thời kỳ Lạc quan Mỹ trở nên (theo lời sử gia William Manchester) “hài lòng với việc chấp vá lại các phương pháp kỹ thuật và tính chuyên môn” trong trật tự mới mà người lớn tuổi kế tiếp đã hun đúc.

Trong những năm đầu thời kỳ Lạc quan, sinh viên Thế hệ Im lặng thấy quanh mình toàn cựu chiến binh Thế hệ Vĩ đại nhất trở về, họ có trình độ cao nhất và nhận được nhiều lời mời làm việc, họ không

i. Là Chiến dịch hồ Trường Tân – Battle of Chosin Reservoir, một trận đánh quan trọng trong Chiến tranh Triều Tiên. Trận đánh này xảy ra ở tỉnh Jangjin, Bắc Triều Tiên. Cái tên “Chosin” là cách gọi trong tiếng Nhật của “Jangjin”.

khoan dung với “sự hỗn hào” của các thế hệ sau. Năm 1949, tạp chí *Fortune* đã chỉ trích giới sinh viên, chủ yếu là Thế hệ Im lặng đầu tiên, vì “không nắm bắt cơ hội” và cho thấy một “tinh thần màu da xám.” Theo khảo sát, hầu hết họ đều muốn làm việc cho các tổ chức lớn; không mấy ai muốn khởi nghiệp cho riêng mình. Như Frank Conroy thừa nhận, Thế hệ Im lặng có “kiểu ăn mặc, cách cư xử, và lối sống... như phiên bản thu nhỏ của những gì chúng ta đã thấy ở người lớn.” Giống như Robert Morse viết trong cuốn *How to Succeed in Business without Really Trying* (Tạm dịch: Làm sao để thành công trong kinh doanh mà không cần thật sự cố gắng), những cử nhân trẻ ấy đeo lên cổ chiếc cà vạt “chân thành”, nhìn vào gương, và thấy lời khiển trách của một giáo sư trong phim *Peggy Sue Got Married* (Tạm dịch: Peggy Sue kết hôn) là “một thế hệ với các giá trị mạnh mẽ của tuổi trung niên.” Như Manchester châm biếm, “Chưa từng có những thanh niên Mỹ rụt rè, thận trọng, thiếu sáng tạo, bàng quan, thiếu tính mạo hiểm, và im lặng đến thế.”

Từ *im lặng* là do Thế hệ Vĩ đại nhất quy kết, nhưng sự im lặng đã từng là vàng trong thời thơ ấu thuộc thời kỳ Khủng hoảng của họ. Bức chân dung của Norman Rockwell mô tả các bé trai và bé gái sạch sẽ, vâng lời, không hề nghịch ngợm. Những cuốn sách thiếu nhi phổ biến, như *Paddle to Sea* (Tạm dịch: Ra khơi), *The Little Engine That Could*, nhấn mạnh việc giúp đỡ người khác và hành vi biết vâng lời. Bọn trẻ được mong muốn sẽ cư xử hoàn hảo trong trường học, và hầu hết chúng đã làm như vậy. Khi tỉ lệ mù chữ ở trẻ em giảm xuống còn 1,5%, các vấn đề kỷ luật chính được báo cáo là nhai kẹo cao su và phá hàng lối. Nhìn chung, học sinh trung học Thế hệ Im lặng được xếp hạng thấp hơn nhưng có điểm thành tích giáo dục cao hơn những thế hệ trước hoặc sau này. Các vấn đề bệnh lý vị thành niên của họ (tự tử, tai nạn, sinh ngoài giá thú, tội phạm, lạm dụng chất gây nghiện) ở mức thấp nhất từng được ghi nhận. Bất kỳ hành vi sai trái nào cũng có thể dẫn đến sự chỉ trích gay gắt của người lớn, rằng những người mặc quân

phục đang chết thay cho chúng. “Hầu hết chúng tôi giữ im lặng, cố gắng không gây ra sự chú ý tới mình,” Conroy nhớ lại về thời điểm khi “một thiếu niên chẳng là gì cả, ở vị trí thấp nhất trong các loại thấp.”

Thách thức lớn nhất đối với thanh thiếu niên Thế hệ Im lặng là sánh được với Thế hệ Vĩ đại nhất đi trước. Con đường điển hình hẹn-hò-và-kết-đôi là *The Tender Trap* (Tạm dịch: Cái bẫy dịu êm): Nhanh chóng kết đôi, “thành hôn” sau khi tốt nghiệp, chuyển đến các vùng ngoại ô, và sau đó hòa mình vào với những người láng giềng Thế hệ Vĩ đại nhất. Philip Roth thừa nhận rằng một nam thanh niên thời kỳ Lạc quan, nếu không muốn “yên vị” trong hôn nhân, “bị quy là thiếu trưởng thành, hoặc bị coi là đồng tính tiềm tàng hay đã rõ ràng rành. Hoặc đơn giản là anh ta ích kỷ. Hay là sợ trách nhiệm.” Những nữ thanh niên Thế hệ Im lặng hầu như biến mất khỏi các nghề chuyên môn, nơi mà nữ thanh niên Thế hệ Vĩ đại nhất đã để lại dấu ấn trước chiến tranh. Ngôi sao nữ được ngưỡng mộ nhất ở Mỹ (Grace Kelly) đã từ bỏ sự nghiệp của mình để sống với một hoàng thân nước ngoài. Lần duy nhất trong lịch sử Mỹ, phụ nữ có trình độ đại học lại sinh đẻ nhiều hơn những người chưa tốt nghiệp trung học. Năm 1956, tuổi kết hôn trung bình của nam giới và nữ giới giảm xuống ở mức trẻ nhất từng ghi nhận.

Áp dụng lòng trung thành tương tự vào thế giới công việc, nam giới Thế hệ Im lặng đã vội vàng ký giao kèo suốt đời với những ông chủ lớn. “*The Man in the Gray Flannel Suit* luôn rình rập trong cơn ác mộng của chúng tôi,” Richard Schickel viết, “và chẳng mấy chốc, *The Organization Man* sẽ tham gia vào đấy, dù tất nhiên, kể cả khi chúng tôi đọc về những nhân vật thận trọng này, thì nhiều người trong chúng tôi vẫn đang nói chuyện với nhà tuyển dụng ở công ty về sự ganh đua giữa họ ở cấp độ mới vào nghề.” Hàng triệu nam giới Thế hệ Im lặng tham gia “cuộc đua khốc liệt,” và đã được đền đáp xứng đáng: Nguồn lực dồi dào tuôn trào trong thời kỳ Lạc quan Mỹ đã rót vào những người ở độ

tuổi họ. Họ ổn hơn cuộc đời của cha mẹ mình: đến tuổi 20, hầu hết họ đã được đi học; đến 25 tuổi, họ có nhà ở; 30 tuổi, họ có thu nhập. Từ 20 đến 40 tuổi, không có thế hệ nào của Mỹ ngoài họ đạt được sự tăng mạnh đến vậy trong thu nhập thực tế bình quân đầu người và trong tài sản hộ gia đình – cũng không có thế hệ nào ngoài họ thậm chí tin vào triết lý sống của Woody Allen rằng “chỉ mới 80% cuộc sống đang thể hiện.” Sự hào phóng vượt xa cả sự ưu tú: Khi khoảng cách thu nhập giữa người thành đạt và không thành đạt rút ngắn, người lao động trẻ không có tay nghề có thể gia nhập tầng lớp trung lưu và mua nhà ở ngoại ô. Người da đen trẻ di cư lên phía Bắc sớm có thu nhập cao hơn cha mẹ họ – được tiếp sức bởi những gia đình vững mạnh và những cộng đồng có tính tương trợ ngay cả trong các khu dân cư đô thị bạo lực nhất.

Vào giữa thập niên 1950, nhà xã hội học David Riesman gọi Thế hệ Im lặng là “Thế hệ [được] Đón Nhận” – được tiếp nhận một cách tử tế trong khi Thế hệ Lạc lõng bị xa lánh. Vào lúc những người cuối cùng trong số họ tốt nghiệp đại học, Thế hệ Im lặng đã đạt được sự tiến bộ vĩ đại nhất trong vòng hai thế hệ của đất nước về số năm đi học trung bình (trên 13 năm, so với gần 9 năm của Thế hệ Lạc lõng). Khán giả truyền hình cho rằng “các thần đồng” tốt nghiệp đại học nói lời văn hoa, trong khi những người lớn tuổi như Truman lại sa vào tiếng lóng; còn các tập đoàn thì cho chạy quảng cáo khoe những kỹ thuật viên trẻ xuất sắc của họ.

Song, với sự vỡ mộng của Thế hệ Im lặng, thời kỳ Lạc quan chẳng mang tới cho họ một thách thức thật sự nào với tuổi trưởng thành, và họ không phải là người có tính khí thất thường để có thể tự tạo ra thách thức cho chính mình. Những thế hệ đi trước không hề mong đợi họ đạt được điều gì đó lớn lao, mà chỉ là điều chỉnh lại, và nhà kinh tế học James Tobin thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất đã gọi họ là “thợ ống nước” trong cỗ máy của cả quốc gia. Giống như Colin Powell, thanh niên

Thế hệ Im lặng học để trở thành những người vận hành hệ thống, có kỹ năng “đạt được mục tiêu, làm điều được mong đợi.” Sau khi họ theo dõi sự nghiệp của những người cánh tả trước chiến tranh đã bị nghiền nát trong các buổi điều trần McCarthy, họ bèn tránh né những gì không chính thống và bảo vệ an toàn các thành tích vĩnh viễn của họ. Hệ thống quân dịch “đã chuyển hướng” họ vào những định hướng xã hội hữu ích, gây sức ép lên thanh niên với các lời kêu gọi động viên trên diện rộng hơn (theo tỉ lệ phần trăm những người đủ điều kiện) so với những gì mà Thế hệ Bùng nổ phải đối mặt vào đỉnh điểm của Chiến tranh Việt Nam – nhưng hầu như không ai phản đối. Thay vào đó, Thế hệ Im lặng biểu thị, như Stephen Rosenfeld nhớ lại, “một sự tôn trọng đối với chính quyền và sự khoan nhượng trước những kỷ luật đã có vẻ trở nên kỳ lạ.” Nhưng người lớn tuổi vẫn không nhìn nhận họ nghiêm túc. Tạp chí *Look* cảnh báo rằng những người trẻ tuổi mới trưởng thành dễ chịu tác động “có khả năng ngã theo chiều hướng cuồng loạn của Hitler hoặc Stalin.” Eisenhower thậm chí khuyến khích giới trẻ đọc *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, điều mà có lẽ ông sẽ không làm nếu ông tin rằng họ hành động theo nó.

Không thích rủi ro đã giúp họ tránh khỏi những nguy hiểm bên ngoài, nhưng các chấn thương bên trong thì không. “Cái gì, tôi mà lo lắng ư?” Alfred E. Neuman mỉm cười nói trên trang bìa của tạp chí *Mad*. Họ quả thật đã lo lắng – trở thành *The Lonely Crowd* (Tạm dịch: Đám đông cô đơn), những người có một hướng đi khác, hưởng lợi từ nền văn hóa tuân thủ. Nhiều người trẻ khao khát trở thành *Rebel without a Cause* (Tạm dịch: Kẻ nổi loạn vô cơ) như James Dean. Trong một thời đại mà khi “gặp rắc rối” đồng nghĩa với việc bỏ trung học để kết hôn, thì “tội phạm vị thành niên” Thế hệ Im lặng là việc ít người trẻ phạm phải hơn so với số không làm gì cả, những người từ chối tiếp thu tinh thần thời kỳ Lạc quan một cách khó hiểu. Khi Pauline Kael gặp Dean trong *Phía đông vườn địa đàng*, cô đã viết về

“hình ảnh mới mẻ trong phim Mỹ, chàng trai trẻ, như một sinh vật đẹp đẽ bị quấy rầy, chan chứa tình yêu và không có khả năng tự vệ.” David Halberstam, sử gia Thế hệ Im lặng, viết “Có ít người Mỹ trẻ tuổi trông có vẻ khá nổi loạn và rất lịch sự.” Kỷ cương xã hội đã quá áp đặt, còn nhu cầu giải tỏa tình cảm và tình dục lại luôn thường trực, đến nỗi phim ảnh và ca từ đã mô tả những người trẻ phát điên bởi các áp lực đó. Văn hóa của giới trẻ thể hiện sự tự thương mình, sự tìm kiếm “ai đó để thổ lộ các rắc rối của tôi,” một nỗi sợ hãi về “khổ đau.” Giống như Elvis, thanh niên Thế hệ Im lặng cảm thấy *All Shook up* (Tạm dịch: Tất cả rối bời), tự hỏi “có chuyện gì với tôi? / Tôi ngứa ngáy như một người ngồi trên cây có gai.”

Khi thời kỳ Lạc quan tiếp diễn, nhiều cử nhân trẻ đã quyết định đưa thêm tiêu chuẩn đánh giá vô cùng cần thiết của sự nhân đạo, tính nhạy cảm, và vẻ đẹp tới cho một trật tự xã hội mà theo họ là có chút gì đó quá cứng nhắc và khô khan. Họ lao vào chuyên môn hoặc những công việc có tính “giúp đỡ” (y tế, các bộ, luật pháp, dạy học, công tác xã hội, chính phủ), tạo ra bước nhảy vọt lớn nhất mang tính thế hệ của thế kỷ này về tỉ lệ người lao động có bằng cấp chuyên môn.

Thế hệ Im lặng rất xuất sắc trong nghệ thuật và văn chương, truyền sức sống và cảm xúc có tính lật đổ [những gì đang có] vào mọi loại hình họ chạm tới. Một khi “bộ trưởng văn hóa” Ed Sullivan của Thế hệ Vĩ đại nhất đã coi Elvis Presley là có thể chấp nhận được, thì rock ‘n’ roll và các phong cách giao thoa khác của Thế hệ Im lặng đã giúp dòng văn hóa phi Anh gia nhập dòng chảy chính.

“Những người không tuân thủ” của Thế hệ Im lặng bắt đầu tụ tập tại các quán cà phê và thỉnh thoảng thốt ra lời lẽ tục tĩu. Năm 1955, vào lúc Allen Ginsberg đọc cuốn *Howl!* (Tạm dịch: Tiếng gào thét) tại Six Gallery ở San Francisco, một thế hệ Nổi loạn với những thanh niên phóng túng để râu dê và đi dép có quai bắt đầu thử những món ăn nước ngoài, nghe thứ nhạc jazz kỳ cục, đọc các bài thơ tân thời, kể

mấy chuyện cười “bậy bạ”, và rứt rề chế nhạo Thế hệ Vĩ đại nhất là “quê mùa.” Thế hệ Vĩ đại nhất (như nhà bình luận Herb Caen) thấy những “kẻ nổi loạn” này vui nhộn hơn là đe dọa. Sau khi xuất bản cuốn *God and Man at Yale* (Tạm dịch: Thiên Chúa và Con người tại Yale), một thách thức thâm thúy với chủ nghĩa thế tục của Thế hệ Vĩ đại nhất, William F. Buckley cho ra mắt tờ báo bảo thủ *National Review* mà không hề kỳ vọng rằng ông có thể thay đổi cái đích mà Mỹ đang hướng đến.

Bị vây quanh bởi những gì mà Ken Kesey mô tả như “tổ chim cu,” nơi nuôi dưỡng văn hóa của thời kỳ Lạc quan, Thế hệ Im lặng đã bẻ cong các quy tắc bằng cách vun trồng sự nghịch ngợm tinh quái. Hugh Hefner mô tả một tay chơi tới bến là người “thích nhạc jazz, phim nước ngoài, quần áo Ivy League, cốc-tai gin và tonic, và gái đẹp,” với một “cách tiếp cận cuộc sống” kiểu “tươi mới, tinh tế, nhưng phải thừa nhận là đầy xúc cảm.” Đến khi thập niên đó kết thúc, lối suy nghĩ thời thượng ra khỏi quán cà phê và đi vào các vùng ngoại ô với một phong cách mà John Updike gọi là “nửa mùa.” Khi Updike và Philip Roth viết các tiểu thuyết chấn động về sự tự hoại nghi, thì Tom Lehrer và Stan Freberg mang sự tinh tế đến cho những bài châm biếm, còn Andy Warhol tìm thấy nghệ thuật trong một lon súp đóng hộp của Thế hệ Vĩ đại nhất. Ngoài Dean và Presley, các ngôi sao điện ảnh trẻ thường là “lũ hâm dỏ” như Jerry Lewis hay “những người ngọt ngào” như Debbie Reynolds, thường diễn chung với “mấy gã đàn ông nghiêm nghị” đầy tự tin của Thế hệ Vĩ đại nhất.

Trong chính trị, uy thế của Thế hệ Vĩ đại nhất đã mang đến cơ hội sáng sửa cho Thế hệ Im lặng đang lên và các mục tiêu cải cách của họ. Khi John Kennedy làm cho một dàn nhân vật mới tươi sáng gồm những đồng sự Thế hệ Im lặng (Pierre Salinger, Bill Moyers, Robert Kennedy) trở nên nổi bật trước công chúng, ông đã thách thức những người còn lại gia nhập Đoàn Hòa bình (Peace Corps) hoặc tham gia các

phong trào dân sự. Hàng triệu người đã tham gia, hầu hết là nam giới. Trong khi đó, hàng triệu nữ giới Thế hệ Im lặng liếc nhìn chiếc nhẫn trên ngón tay họ, trong bàn tay là cây chổi lau nhà, dưới chân là mấy đứa trẻ, và bắt đầu phân vân về toàn bộ sự sắp xếp đó.

Dù mục đích hay vị trí xã hội của họ là gì đi nữa, thì Thế hệ Im lặng cũng thừa nhận tính không thể ngăn cản ở các tổ chức của Thế hệ Vĩ đại nhất. Khi Peter, Paul, và Mary hát “Nếu tôi có một chiếc búa,” những đồng đảng với họ biết rằng Thế hệ Vĩ đại nhất có mọi chiếc búa và đang dùng chúng để tạo ra tên lửa liên lục địa (ICBM) cùng các đường cao tốc liên bang. Linh cảm tội lỗi bắt đầu thấm vào lối suy nghĩ của Thế hệ Im lặng, sợ rằng tội phạm xã hội khủng khiếp đang xảy ra và bị bùng phát, tất cả vì mục đích kỷ luật xã hội. Một phong trào đòi quyền dân sự do Martin Luther King Jr. trẻ tuổi lãnh đạo đã dùng hình thức phi bạo lực với thành công tăng lên nhằm kêu gọi lương tâm của Thế hệ Vĩ đại nhất. “Bọn kích động bên ngoài” trẻ tuổi bắt đầu thăm dò cấu trúc của Thế hệ Vĩ đại nhất để tìm ra những điểm yếu, và thế hệ đang lên này đã cất tiếng hát, tự hào hơn bao giờ hết, “Sâu thẳm trong tim, tôi tin rằng, một ngày nào đó chúng ta sẽ vượt qua.”

THẾ HỆ BÙNG NỔ BƯỚC VÀO THỜI THƠ ẤU: NHỮNG DENNIS SIÊU QUẬY

“Chúng ta cần những đứa trẻ lý tưởng,” bác sĩ nhi khoa Benjamin Spock tuyên bố trong cuốn *Common Sense Book of Baby Care* (Tạm dịch: Sách về những hiểu biết thông thường khi chăm sóc trẻ), xuất bản lần đầu năm 1946. Bác sĩ Spock muốn tạo ra một thế hệ trẻ kiểu mới, và theo nhiều khía cạnh thì ông đã làm được. Sau đó, cụm từ “*Spock Baby*” được dùng cho cả thế hệ trẻ em của thời kỳ Lạc quan Mỹ – sinh ra trong thời kỳ mà cuốn sách của ông bán được hơn một triệu bản mỗi năm.

Trong suốt thời kỳ Lạc quan Mỹ, việc nuôi dạy những đứa trẻ lý tưởng đã trở thành một bài ca đối với các bậc cha mẹ Thế hệ Vĩ đại nhất, vốn e rằng cuộc chạm trán gần đây của họ với ngày tận thế đòi hỏi ở thế hệ tiếp theo một tính khí mới. “Chúng tôi muốn bọn trẻ của mình có tính hướng nội,” Eda LeShan giải thích. “Nó có vẻ hợp lý với chúng ta khi những hệ tư tưởng khác biệt... không thể thành công thật sự, ngoại trừ ở những nước mà trẻ em được nuôi dạy trong các ngôi nhà rất độc đoán.” Nhớ lại chủ nghĩa tập thể thời trẻ của mình, nhăm nhặt tại các phiên điều trần McCarthy, và lo lắng về thế hệ mới lớn nhợt nhẽ, các đồng đảng với LeShan muốn nuôi dạy những đứa trẻ hướng nội đủ để chống lại áp lực từ bạn bè và mọi loại “chủ nghĩa.”

Do đó, trẻ em Thế hệ Bùng nổ lớn lên trong sự ấm áp và lạc quan mạnh mẽ của quốc gia, theo lời người chép sử Landon Jones, được phú cho *Great Expectations* (Tạm dịch: Những kỳ vọng lớn lao). Các bậc cha mẹ Thế hệ Vĩ đại nhất thời hậu chiến nhìn thấy trước việc chúng trở thành (theo lời Manchester) “những đứa trẻ đáng yêu, những học sinh tiểu học dễ thương và nổi bật khi chúng bước vào tuổi thiếu niên,” để rồi “cha mẹ chúng sẽ rất, rất tự hào về chúng.” Kế hoạch của các bậc cha mẹ là để cho bọn trẻ ấy lớn lên trong những ngôi nhà hiện đại mà từ đó chúng sẽ bước nhanh trên con đường độc đạo đến các thành phố lấp lánh, nơi chúng sẽ mua sắm, vui chơi, và (có lẽ) sẽ làm việc. Khi những người đầu tiên của Thế hệ Bùng nổ vào đại học, tạp chí *Time* đã tuyên bố họ “đang ở ven rìa của một kỷ nguyên vàng,” sớm “thiết lập các thành phố miễn nhiễm với dịch bệnh, không có khói bụi, làm phong phú cho thế giới kém phát triển, và hiển nhiên sẽ đặt *dấu chấm hết* cho nghèo đói và chiến tranh.” Sự bùng nổ trẻ em một phần là do sự lạc quan của người lớn, và một phần do sự khuyến sinh bủa vây độ tuổi sinh sản. Trong khi Thế hệ Im lặng kết hôn sớm đã sinh ra khoảng một nửa số trẻ em Thế hệ Bùng nổ, thì Thế hệ Vĩ đại nhất kết hôn muộn đã thiết lập cách nuôi dạy trẻ. Con số sinh lớn đã khuếch đại sự sung mãn

của thời kỳ Lạc quan. Trái ngược với Thế hệ Im lặng, những sản phẩm tách biệt của thời kỳ tỉ lệ sinh lao dốc, Thế hệ Bùng nổ giống những chú chó con quấy khóc và ngày một nhân lên trong phim *101 Chú chó đốm*, những biểu tượng cho sự phong phú.

Thế hệ Bùng nổ được xem là những đứa trẻ hiện đại của một thời hiện đại. Theo LeShan, các bậc cha mẹ áp dụng “kỷ luật dân chủ” và đối xử với trẻ em một cách “chu đáo, hợp lý, và ân cần.” Spock đề nghị các bà mẹ dỗi dành (chứ không đe dọa) với đứa con ở độ tuổi đi nhà trẻ và áp dụng một lịch ăn uống “tùy ý” hoặc “theo nhu cầu,” cho phép trẻ ăn khi chúng muốn, không theo quy tắc cố định nào. Suốt thời thơ ấu, Thế hệ Bùng nổ đã được nuôi dạy nhẹ nhàng theo cách mà một nhà tâm lý học gọi là “Trẻ-sẽ-dọn-phòng-khi-chúng-muốn-có-một-căn-phòng-sạch-sẽ.” Trong khi nhiệm vụ của người mẹ là xử lý mọi lời phàn nàn, thì của người cha là trả các hóa đơn mà không đứa trẻ nào biết tiền ở đâu ra. Ông bố, vốn giữ hình mẫu người đàn ông nghiêm khắc, thường cảm thấy lạc lõng trong nhà. Một cuốn sách bán chạy khuyên các bậc cha mẹ “không ngừng hy sinh cho con bạn, nếu không, bạn không phải là ông bố bà mẹ biết yêu thương.” Những người châu Âu tới thăm Mỹ thường nói đùa về việc người lớn ở Mỹ vâng lời con cái mình rất nghiêm túc.

Nhờ có sự sung túc hơn, tỉ lệ tử vong ở người lớn giảm, và rất nhiều bà mẹ ở nhà không đi làm, nên những đứa trẻ Thế hệ Bùng nổ được hưởng cuộc sống gia đình an toàn nhất trong lịch sử Mỹ. Khi các ông bố Thế hệ Vĩ đại nhất đi làm, các bà mẹ Thế hệ Vĩ đại nhất đầu tư thời gian và năng lượng vô tận vào bọn trẻ Thế hệ Bùng nổ. Susan Littwin nhớ lại rằng “làm cha mẹ là một sự nghiệp, và như mọi sự nghiệp, bạn càng làm việc chăm chỉ, bạn càng đạt được nhiều hơn.” Ít có người mẹ nào của Thế hệ Bùng nổ đi làm khi con họ chưa đi học – và trong số những người mẹ đó, cứ năm trẻ em thì có bốn được chăm sóc tại nhà mình, thường là bởi người thân. Chỉ có 2%

trẻ em tới các lớp giữ trẻ ban ngày. Spock đã nhấn mạnh “sự liên kết mẹ-con,” lập luận rằng các cá nhân “sáng tạo” có được thành công là nhờ “nguồn cảm hứng mà họ nhận được từ mối liên hệ đặc biệt mạnh mẽ với người mẹ, vốn có những sự kỳ vọng cao đặc biệt dành cho con mình.” Sau này trong đời, những người cấp tiến Thế hệ Bùng nổ thừa nhận rằng đã cảm nhận được, theo lời nhà xã hội học Kenneth Keniston, “một sự gắn kết mạnh mẽ lạ thường” với mẹ mình trong suốt thời thơ ấu của họ. Trong một cuộc thăm dò thời Chiến tranh Việt Nam, 32% người da trắng (44% người da đen) Thế hệ Bùng nổ nhắc duy nhất đến mẹ mình như là “người quan tâm đến tôi”; chỉ có 8% người da trắng (2% người da đen) nói như vậy về cha họ.

Nam giới tuổi trung niên Thế hệ Vĩ đại nhất nhấn mạnh nhiều về môi trường vật chất nhằm cải thiện thế giới của trẻ em. Thiên nhiên không thuận lợi chính là kẻ thù. Sữa đóng chai được ưa chuộng hơn sữa mẹ, khiến Thế hệ Bùng nổ trở thành thế hệ ít bú sữa mẹ nhất trong lịch sử Mỹ. Các nhà khoa học Thế hệ Vĩ đại nhất đã chinh phục được những căn bệnh của trẻ em từng bị coi là nan y như bệnh bạch hầu, bại liệt, và khử trùng nước với florua để bảo vệ răng cho trẻ. Nhi khoa đã đạt đến đỉnh cao của sự hung hăng về mặt vật lý: Không thế hệ trẻ em nào lại bị tiêm chọc và phẫu thuật nhiều đến thế, trong đó có hàng triệu các ca cắt bao quy đầu và cắt amidan so với ngày nay.

Trong khi đó, các tiêu chuẩn cao trong khoa học của Thế hệ Vĩ đại nhất đã nâng đỡ nền giáo dục công. Các trường học Mỹ đã lên tới đỉnh cao của sự tin tưởng thể chế, một phần nhờ vào mạng lưới hỗ trợ lẫn nhau mạnh mẽ giữa các bà mẹ và giáo viên. Thế hệ Bùng nổ được những phụ nữ xuất sắc nhất của Thế hệ Vĩ đại nhất giảng dạy, mà với họ thì không thể làm một nghề nào khác. Được thúc đẩy bởi việc Liên Xô phóng vệ tinh *Sputnik*, người đóng thuế ít khi từ chối những yêu cầu về việc xây dựng và trang bị cho các trường học mới. Động cơ của Thế hệ Vĩ đại nhất không chỉ là địa chính trị: Nhiều người Thế hệ Bùng

nổ nhớ lại những gì cha mẹ nói với họ về việc người lớn đang phải làm việc để xây dựng một quốc gia thịnh vượng và an toàn, ở đó trẻ em có thể lớn lên và đặt những câu hỏi lớn về ý nghĩa cuộc đời – và thậm chí có thể đề xuất một vài câu trả lời. Ở nơi mà Thế hệ Sứ mệnh dạy Thế hệ Vĩ đại nhất những điều cơ bản, thì Thế hệ Vĩ đại nhất lại dạy Thế hệ Bùng nổ tư duy phê phán, thấm nhuần trong họ điều mà sau này được Keniston mô tả như một “sự định hướng tới nguyên tắc.”

Thiết bị nuôi dạy quan trọng nhất (và khoa học nhất) mới xuất hiện là chiếc tivi. Từ giữa thập niên 1940 đến giữa thập niên 1950, số giờ xem tivi trung bình hằng ngày của một hộ gia đình tăng từ 0 lên 4,5 giờ. Trẻ em Thế hệ Bùng nổ chứng kiến một cuộc diễu hành đen-trắng của dòng chảy sự kiện đơn giản về các bậc cha mẹ có năng lực, nhà khoa học thông minh, lãnh đạo trung thực, và kết thúc có hậu. Trong truyện tranh, trên tivi, và ở các rạp chiếu phim, trẻ em được mô tả như *Dennis the Menaces* (Tạm dịch: Dennis Siêu quậy) vui nhộn, là những đứa trẻ còn tò mò hơn cả *Shaggy Dog* (Chó xù), hoặc là những bậc thầy giải đáp bí ẩn của các con vật trung thành như chú chó *Lassie*. Giống Ward Cleaver, những người lớn lên cùng với tivi sẽ thường làm như trong phim *Leave It to Beaver* (Tạm dịch: Cứ tùy theo Beaver), cho phép trẻ em học hỏi từ sai lầm của chính mình trong một thế giới sẽ mỉm cười với sai lầm trẻ thơ.

Trẻ em luôn là thế, chúng để ý người lớn đã quan tâm thế nào tới bất kỳ điều gì xảy ra trong tâm trí chúng. Giống như Art Linkletter sôi nổi nhận xét, “Trẻ em nói những điều lạ lùng nhất.” Bất kỳ điều gì trẻ em để ý, chúng đều hấp thụ sâu sắc từ người lớn. Trước đó trong thế kỷ 20, Jones nói, “việc nhóm dưới 10 tuổi khởi đầu một thứ gì đó là điều không tưởng... Nhưng các mốt hồi thập niên 1950, gần như không có ngoại lệ, đều là sáng tạo của trẻ em.” Từ chiếc mũ có tai của chuột Mickey và chiếc mũ kiểu Davy Crockett, đến chiếc vòng lắc, đất nặn Silly Putty, đồ chơi lò xo Slinky, và búp bê Barbie, đã làm Thế hệ Bùng

nổ trở thành thế hệ trẻ em đầu tiên là mục tiêu tiếp thị của các công ty quảng cáo. Vào cuối thời kỳ Lạc quan, làm hài lòng thanh thiếu niên trở thành một mục tiêu rất quan trọng đối với một quốc gia, vì trong thời kỳ Khủng hoảng gần đây, đã từng cho thấy sự thờ ơ đối với vị thành niên Thế hệ Im lặng.

Quả thật, cuộc đời của nhiều trẻ em giống với hình ảnh *Happy Days* (Tạm dịch: Những ngày hạnh phúc) được lưu giữ trong phim sitcom cổ điển trên tivi. Với trẻ em Thế hệ Bùng nổ, dường như bất kỳ vấn đề nào cũng có thể được cứu vãn bởi những người lớn có năng lực và lý trí. Cheryl Merseer nhớ lại có “ai đó” (“Chúa trời hay một vị thánh hay một thiên thần hộ mệnh hay những vì sao”) luôn dõi theo họ. Tương lai có vẻ là “cách sống của *The Jetsons* (Tạm dịch: Nhà Jetson) – hạnh phúc, dễ chịu, không phức tạp, thịnh vượng.” Với hầu hết thanh niên tầng lớp trung lưu thì nghèo đói, bệnh tật, và tội phạm là những thứ vô hình, hay trong trường hợp tệ nhất, là những phiền hà tạm thời và sẽ sớm chịu thua trước các bước tiến không thể cản nổi của sự sung túc. Chưa có bao giờ như trong thế kỷ 20 mà nền văn hóa chủ đạo lại truyền đạt một thế giới quan lành mạnh như vậy tới trẻ em, ít khi đòi hỏi chúng chuẩn bị cho các thách thức đau đớn hay những kết cục bi thảm. Khi xem trò chơi truyền hình *Truth or Consequences* (Tạm dịch: Sự thật hay Hậu quả), trẻ em nhận ra rằng sự thật mang đến điều đáng giá và hậu quả chỉ là chuyện đùa. Với cuộc sống không hề có nguy hiểm, trẻ em cảm thấy thoải mái trong việc nuôi dưỡng một đời sống nội tâm mạnh mẽ.

Người ta đã làm cho trẻ em Thế hệ Bùng nổ cảm thấy được chào đón không chỉ bởi cha mẹ, mà còn bởi cộng đồng của chúng. Chúng trở thành mục tiêu của các thư viện, trung tâm giải trí, và các tổ chức dân sự khác, mà trước đây trong thời kỳ Khủng hoảng là nơi dành cho người lớn đã đi làm (hoặc ngày nay dành cho người lớn tuổi giải trí). Được bao quanh bởi sự rộng mở hào phóng như vậy, trẻ em Thế hệ

Bùng nổ đã phát triển, theo lời Daniel Yankelovich, “tâm lý về quyền.” Landon Jones nhớ lại “những gì mà các thế hệ khác nghĩ là đặc quyền, thì Thế hệ Bùng nổ nghĩ đó là quyền.”

Trong suốt thời kỳ Lạc quan Mỹ, tinh thần ăn-theo-nhu-cầu của Thế hệ Bùng nổ vẫn còn rất mạnh. Một nghiên cứu năm 1960 tìm ra rằng trẻ em trong độ tuổi 9-13 có cảm xúc rất tích cực đối với thế giới người lớn. Robert Samuelson nhớ lại việc bước vào tuổi vị thành niên trong “một thời của sự lạc quan cao độ khi mọi người đều tin rằng công nghệ và những bộ não tốt nhất của xã hội có thể đảm bảo sự tiến bộ xã hội.” Khi bước vào thập niên 1960, Clark Kerr thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất, Chủ tịch Đại học California tại Berkeley, đã đến thăm trường trung học địa phương và kết luận rằng lứa sinh viên sắp tới “sẽ dễ đối phó thôi.” “Sẽ không có những kẻ nổi loạn,” ông dự đoán.

TIẾN TỚI BƯỚC CHUYỂN THỨ HAI

Năm 1963, Stephen Spender đã mô tả đặc trưng của những năm sau chiến tranh là *The Struggle of the Modern* (Tạm dịch: Cuộc đấu tranh của hiện đại), với bằng chứng tích cực về việc nền văn minh sẽ tiếp diễn sau một thảm họa. Chỉ 18 năm thịnh vượng mà đã tách được Mỹ khỏi ký ức về Thế chiến II, nhưng người ta đã coi bất kỳ điều gì sau chiến tranh là hiện đại một cách rõ rệt, và bất kỳ điều gì trước chiến tranh rõ ràng là không hiện đại. Trong bài thơ *Remembering the Thirties* (Tạm dịch: Nhớ lại tuổi 30), nhà văn người Anh Donald Davie quan sát thấy những chân lý xuyên Đại Tây Dương của mấy năm trước chiến tranh nay trở nên “xa xôi hơn cả Ithaca hay Rome.”

Khi nhà thơ già Robert Frost báo trước một Thời đại Augustus mới tại lễ nhậm chức của Kennedy, sự kiện đó đã đánh dấu một thắng lợi cho Thế hệ Sứ mệnh của ông. “Lũ con ngoan” mà thế hệ của Frost đã sinh ra, luôn sẵn sàng mang lại sự sống trong viễn cảnh chia ly của những người đồng đảng với ông. Song sự ra đi của những người cuối

cùng thuộc Thế hệ Sứ mệnh có nghĩa là, trong suốt thời kỳ Lạc quan, Mỹ đã thiếu đi các thế hệ trưởng thành tập trung vào thuyết duy linh bên trong. Bài thơ của Frost đã đến tai của nhiều em nhỏ sinh ra một thập niên sau V-J Day – cùng một khoảng cách thời gian từ lúc trận Appomattox diễn ra cho tới lúc ông chào đời. Nếu như Frost ngẫm nghĩ về vấn đề này và về các cuộc tấn công thế hệ ông đã thực hiện để chống lại người lớn tuổi Thế hệ Vàng son, hẳn ông đã có thể nhận ra rằng Thời đại Augustus ông từng báo trước hồi năm 1960 sẽ sớm kết thúc. Frost qua đời năm 1963; giống như tất cả thế hệ của ông và một số ít người còn sống sót của Thế hệ Sứ mệnh, ông không bao giờ được đích thân chứng kiến những gì còn ở phía trước.

Trong thời kỳ Lạc quan Mỹ, các nguyên mẫu thế hệ thay đổi tâm trạng từ chỗ đen tối nguy ngập của cuộc suy thoái và chiến tranh đến chỗ ngập tràn năng lượng và lạc quan, điều đã thúc đẩy (dù không vững bền) Thời đại Augustus mới này. Tóm lại, các vai trò vòng đời của mấy Thế hệ Lạc lõng, Vĩ đại nhất, Im lặng, và Bùng nổ đã thúc đẩy xã hội hướng tới trật tự chung, ổn định gia đình, tuân phục, xây dựng thể chế, và một niềm tin vào sự tiến bộ thể tục. Mỹ đã hành động và hướng tới tương lai, tổng quốc gia lớn hơn các bộ phận.

Tâm trạng này không thể kéo dài vô định. Đúng như nguyên mẫu của mình, mỗi thế hệ chỉ có thể duy trì vai trò hiện tại của mình trong một giai đoạn nhất định của cuộc đời. Tiến tới giai đoạn tiếp theo, không có thế hệ nào cho thấy dấu hiệu chấp nhận vai trò của thế hệ đi trước ở cùng độ tuổi. Liệu Thế hệ Vĩ đại nhất sẽ là những người án ngữ thận trọng, hay Thế hệ Im lặng sẽ là những người xây dựng đầy lạc quan, hay Thế hệ Bùng nổ sẽ là những cộng sự luôn tán đồng? Liệu thế hệ trẻ tiếp theo có được hưởng một sự nuôi dạy thậm chí ấm áp hơn? Chưa từng có chuyện giống như vậy xảy ra trước đây, và lần này cũng không xảy ra.

Vào cuối thời kỳ Lạc quan, các căng thẳng bắt đầu xuất hiện:

- *Thế hệ Du cư lão niên*, giờ đây tỏ ra phản động nhiều hơn là thận trọng, bắt đầu cản trở tham vọng mở rộng của Thế hệ Anh hùng.
- *Thế hệ Anh hùng tuổi trung niên*, giờ đây tràn đầy sự ngạo mạn về quyền lực, trở nên thiếu kiên nhẫn trong việc dẫn dắt xã hội hướng tới các công trình ngày càng vĩ đại của thế gian.
- *Thế hệ Nghệ sĩ tuổi mới lớn*, giờ đây nôn nóng với vai trò cộng sự ít hữu ích, khao khát thoát ra và phá bỏ các rào cản xã hội.
- *Thế hệ Tiên tri thời thơ ấu*, được chiều chuộng bởi những người lớn vốn tin vào tương lai, bắt đầu cảm nhận một khoảng trống tinh thần nghiêm trọng nơi trung tâm của trật tự thế tục ở Thế hệ Anh hùng.

Đầu thập niên 1960, khi bốn nguyên mẫu này bước hẳn vào những giai đoạn trong vòng đời, các căng thẳng trở nên sâu sắc. Khi mỗi nguyên mẫu bắt đầu bước vào giai đoạn tiếp theo của cuộc đời – Thế hệ Anh hùng bước vào thời lão niên, Thế hệ Nghệ sĩ bước vào thời trung niên, Thế hệ Tiên tri bước vào thời thanh niên – vai trò xã hội trước đây của họ trở nên thiếu bền vững.

Thời kỳ Lạc quan hậu chiến đã đi qua; nó không thể kéo dài. Một tâm trạng mới là điều cần thiết và nó cũng sắp tới. Tia lửa đã lóe lên vào ngày 22 tháng 11 năm 1963. Từ quan điểm lịch sử, các sự kiện hôm đó là quan trọng nhưng không quá cần thiết. Nếu như Oswald lỡ nhịp, các tình tiết cụ thể sẽ khác đi, nhưng *saeculum* sẽ vẫn tiếp tục vạch ra con đường của nó. Bước chuyển Thứ hai sẽ tới, bằng cách này hay cách khác. Vấn đề chỉ là thời gian.

CHƯƠNG 7

BƯỚC CHUYỂN THỨ HAI: *Cách mạng nhận thức (1964-1984)*

“Bạn ở đâu vào năm 1962?” là câu hỏi trên quảng cáo cho *American Graffiti*, một trong nhiều bộ phim, vở kịch, và bài hát về Mỹ sẽ ra sao ngay trước khi có sự chuyển biến về tâm trạng – *trước* ngày 22 tháng 11 năm 1963. Vụ ám sát John Kennedy đã trở thành một dấu mốc cá nhân quan trọng với hầu hết những ai sống vào thời điểm đó. Ngay sau thảm kịch ấy, người ta muốn tin rằng mọi thứ vẫn yên vị. Theodore White khảo sát một Washington đang đau buồn và tuyên bố rằng “tất cả vẫn như trước đây... không hề thay đổi.” Song ngay cả khi Mỹ không thay đổi bên ngoài đi nữa, thì một sự thay đổi bên trong không thể đảo ngược đã bắt đầu. Một chiếc nệm mới đang được đóng vào tâm lý quốc gia.

Năm tiếp theo – 1964 – đã có những cuộc chạm trán nhỏ mở màn cho nhiều phong trào mới mà hai thập niên sau, người ta mới biết tới ý nghĩa đầy đủ của chúng. Mùa xuân năm đó, Ed Sullivan mời ban nhạc The Beatles biểu diễn tại chương trình của ông, hàm ý rằng người lớn tuổi đã chấp nhận những người trẻ đánh trống và để tóc dài. Mùa hè cùng năm, Đại hội Đảng Cộng hòa đã đề cử Barry Goldwater và thiết lập một giọng điệu chính trị mới mẻ và gay gắt, khiến mùa hè đầu tiên trong chuỗi “mùa hè dài và nóng bức” ập vào

các thành phố. Mùa thu năm đó, phong trào Tự do Ngôn luận trong trường Đại học California tại Berkeley đã nổ ra, chống lại Giới quyền uy trong học thuật, và Đảng Dân chủ cho chạy các quảng cáo cảnh báo rằng Goldwater sẽ thiêu rụi những đứa trẻ hái-hoaⁱ. Trong khi đó, Tổng thống Johnson đã sắp đặt Sự kiện Vịnh Bắc bộ mà sẽ sớm làm cho người trẻ tuổi ưa chuộng hòa bình nổi cơn thịnh nộ. Đã xuất hiện sự xung đột giữa tâm trạng của người dân với tâm trạng của giới lãnh đạo. “Ở Capitol Hill, các công việc của quốc gia vẫn tiếp diễn trong một bầu không khí hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau,” nhà văn Allen Drury, tác giả cuốn tiểu thuyết *Advise and Consent* (Tạm dịch: Lời khuyên và Sự đồng ý), viết, “trong khi các cuộc bạo động và bạo lực bùng phát ở nhiều nơi trên đất nước.”

Mỹ đã bước vào thời kỳ Thức tỉnh mà ngày nay người ta gọi là Cách mạng Nhận thức.

Sau cái chết của Kennedy, nền kinh tế Mỹ bật lên với tốc độ mà Sylvia Porter mô tả là “không có tiền lệ trong thời bình tại bất kỳ nơi nào.” Với việc khai thác chu kỳ kinh tế, các nhà lãnh đạo đã khoác lác về “nghệ thuật quản lý và chi phối sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng”ⁱⁱ và dần ít thúc đẩy các nhân tố gia tốc về tài khóa và tiền tệ. Ngoại suy từ 20 năm qua, các nhà kinh tế học hàng đầu tuyên bố rằng người Mỹ sẽ sớm phải dành cả đời để tiêu dùng thay

i. Nguyên văn: “flower-picking children”, chỉ những người chống lại định ước xã hội. (ND)

ii. Nguyên văn: “growthmanship”, một thuật ngữ được Richard Nixon tạo ra trong giai đoạn tranh cử tổng thống năm 1960, khi Nixon cho rằng chính sách của đảng đối lập (Đảng Dân chủ của Kennedy), hướng tới một nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng – “accelerated economic growth”, là một sự thao túng việc ủng hộ của người dân, khi nó thể hiện một mối bận tâm quá mức tới nền tăng trưởng kinh tế mà những số liệu của sự tăng trưởng vượt trội đó đã được chọn lọc nhằm chứng minh cho tài năng của đảng cầm quyền.

vì sản xuất. Các chuyên gia bắt đầu tự hỏi liệu mọi người có thể kham nổi sự thịnh vượng như vậy. Robert Theobald viết *Challenge of Abundance* (Tạm dịch: Thách thức của sự dư dật), Roy Harrod nói đến “khả năng no đủ về kinh tế,” John Kenneth Galbraith viết về một “cấu trúc kỹ thuật” đang lập trình công chúng vào việc mua nhiều hàng hóa hơn so với những gì họ cần hay muốn. Một vấn đề nóng bỏng là liệu người Mỹ có khả năng đưa ra các suy nghĩ của riêng mình và có vui với chúng một cách giản dị hay không.

Với tương lai hứa hẹn sự dư thừa vật chất như vậy, công chúng bắt đầu ám ảnh với các vấn đề về lương tâm và bất đồng chính kiến, khiến Alistair Cooke cảnh báo rằng một “cơn thịnh nộ lạnh mạnh chống lại những kỳ vọng và lạm dụng quyền lực” có thể dẫn đến “một sự nghi ngờ thú vị cho bất kỳ hệ thống hoặc chính quyền nào.” Đằng sau đó là một giả định rất lớn: Dù ai đó có nổi xung đến mức nào, thì cơ sở vật chất kỹ thuật (nhà máy điện, đường cao tốc, vốn tư bản) và thói quen xã hội (gia đình, trật tự dân sự, thói quen làm việc) sẽ vẫn cứ cứng như đá. Mọi người đi đến chỗ tin rằng họ càng đụng tới những ham muốn bên trong, họ càng có thể tiêu thụ những gì họ sản xuất một cách sáng tạo, và điều đó sẽ không chỉ mang tới cho sự sung túc một mục đích cao hơn, mà còn giữ cho nó tiếp diễn.

Mặc dù thời kỳ Thức tỉnh khả dĩ được tạo nên bởi niềm tin bền vững này trong lối sống Mỹ, nhưng kỷ nguyên này đã làm xói mòn, trước hết là sự tự tin, sau đó tới lối sống. Sự xói mòn niềm tin bắt đầu vào năm 1964, được đánh dấu bằng ba bộ phim về ngày tận thế (*Seven Days in May* [Tạm dịch: Bảy ngày tháng 5], *Fail-Safe* [Tạm dịch: Bảo vệ bất thành], và *Dr. Strangelove* [Tạm dịch: Bác sĩ Strangelove]), buộc tội lòng tin của thời kỳ Lạc quan dành cho quyền lực, chính phủ, và công nghệ. Với tâm thế mới, quyền lực xã hội có được với một chi phí không thể chấp nhận: Các tập đoàn nghiền nát cá nhân, cảnh sát đàn áp người nghèo, trường học khiến sự sáng tạo

ngạt thở, và cha mẹ làm biến dạng tâm lý trẻ em. Giống như mái tóc dài, thái độ này bắt đầu vào giữa thập niên 1960 ở con cái của các gia đình giàu có; vào cuối năm 1970, nó đã len lỏi vào tầng lớp trung lưu, tầng lớp lao động cho tới người nghèo. Trong cuốn *The Dream and the Nightmare* (Tạm dịch: Giấc mơ và ác mộng), Myron Magnet quan sát thấy một thời kỳ Thức tỉnh bắt đầu như một trạng thái phấn chấn mang tính trải nghiệm của tầng lớp tinh hoa vững chắc, kết thúc với cơn đại dịch trong gia đình và sự rối loạn chức năng của cộng đồng mà triệu chứng suy thoái của nó được tìm thấy ở người nghèo.

Với mỗi năm trôi qua, tinh thần của thời kỳ Thức tỉnh ngày càng thâm nhập vào dòng chảy chính sâu hơn. Những người tin tưởng vào các chân lý cũ trở nên lo lắng hơn bao giờ hết về điều có thể xảy ra tiếp theo. Vì hằng năm đều dõi theo những xung động của Mỹ, nên James Reston đã ghi chép lại các sự việc: năm 1966 mang “một tâm trạng tò mò... với những nghi vấn, ngờ vực, và thất vọng”; năm 1967 là một cảm giác về “khủng hoảng nội bộ,... nền chính trị cực đoan,” và “chủ nghĩa thoát ly hiện thực của những người trẻ tuổi”; năm 1968 là “bạo lực và thách thức,... phản đối và phản ứng,” và “một cảm giác phổ biến... rằng mọi thứ đã vượt khỏi tầm tay”; còn năm 1969 là “sự thất vọng, sự hủy diệt, chống bạo lực, căng thẳng chủng tộc, và sợ hãi.”

Nửa thập niên sau, khi người Mỹ bắt đầu “nhân tính hóa” xã hội của mình, thì tâm trạng hạnh phúc và bi quan liền đan xen. Cuốn *The Sleeping Prophet* (Tạm dịch: Nhà tiên tri đang ngủ) của Edgar Cayce mang tầm nhìn về tương lai được đọc nhiều nhất, nó giải thích tại sao nền kỹ trị cổ đại của Atlantis lại đi tới chỗ diệt vong. Trong khi Thế hệ Sứ mệnh năm 2000 than thở về “những rạn nứt lớn của tinh thần đạo đức”, thì hai bộ phim (*2001: A Space Odyssey* và *Barbarella*) đã hé lộ về tương lai như một sự tương tác tuyệt vời giữa trí não, cơ thể, và máy móc. Từ những bộ quần áo cầu vồng đến sự trung thực hơn trong

các cảnh khoả thân và khiêu dâm tại nhà hát Broadway, người Mỹ ở mọi lứa tuổi tham gia vào quá trình mà Charles Reich gọi là *Greening of America* (Tạm dịch: Sự xanh màu của Mỹ), cái tôi mặc quần ống loe vượt qua một cộng đồng áo vest dạ xám. Năm 1968, hai vụ ám sát Martin Luther King Jr. và Robert Kennedy đã hoàn thiện một bộ ba vụ ám sát khiến nhiều người thấy đó như là bi kịch trong sự phát triển tự nhiên quá mạnh mẽ của một kỷ nguyên với niềm đam mê và bạo lực không gì cản nổi.

Trong suốt bốn tuần giữa mùa hè năm 1969, ba sự kiện mang tính bước chuyển – Vụ phóng tàu *Apollo 11* lên Mặt trăng, Hội chợ Âm nhạc và Mỹ thuật Woodstock, và vụ Chappaquiddick – đã minh họa cho những sự tương phản sâu sắc nhất của Mỹ thời kỳ Thức tỉnh. Việc lần đầu tiên đặt chân lên Mặt trăng là minh chứng tuyệt vời cho sự huy hoàng của công nghệ mà con người tạo ra, đánh dấu sự tối thượng trong “sứ mệnh kiểm soát” đối với những ai tin vào khoa học, làm việc nhóm, và chinh phục tự nhiên. Đó là điều Ayn Rand gọi là “sự cụ thể hóa” về “lý tính” Mỹ. Tuy nhiên, như các phương tiện truyền thông đã nhắc nhở mọi người, tên lửa phóng lên Mặt trăng cũng làm các nguồn lực chuyển hướng khỏi người nghèo. Khi con tàu vũ trụ còn chưa kịp quay về thì Hội chợ Woodstock đã thách thức một cách thô bạo trật tự xã hội mà dựa vào đó nó được tổ chức. Huy hoàng đã là quá khứ; giờ đây to lớn đồng nghĩa với những đám người mặc quần áo hở hang chứ không phải mấy đội mặc quân phục. Trong khi đó, việc vô tình gây chết người của Ted Kennedy tại Chappaquiddick đã minh họa cho chuẩn mực đang xuống cấp của người Mỹ về sự đúng mực của công chúng và đức hạnh cá nhân – sự trốn chạy của họ khỏi các nhiệm vụ ngọt ngào trong đời sống gia đình và việc nuôi dạy trẻ em. Khi theo dõi những câu chuyện này trên tivi, người ta đã đi đến hiệu sách để mua cuốn *Portnoy's Complaint* (Tạm dịch: Lời than phiền của Portnoy), đến nhà hát để xem vở kịch *Oh Calcutta!*, và tới rạp để

xem phim *Rosemary's Baby* (Tạm dịch: Đứa con của Rosemary). Bài hát giục giã của Jimmy Hendrix “Star Spangled Banner” đã đánh dấu bước chuyển vĩnh viễn về văn hóa của Mỹ. Trong văn hóa, cảm xúc sẽ không bao giờ lặp lại, hay không gì có thể mang tới cảm xúc đầy ngẫu hứng và *mới mẻ* tới vậy.

1969 cũng là năm đẫm máu nhất của Chiến tranh Việt Nam, cuộc xung đột nằm tại tâm chấn của thời kỳ Thức tỉnh. Từ chương trình truyền hình (Khoảng cách Thế hệ) cho đến bạo lực đám đông, đến nhạc rock và đến sự kiệt quệ cuối cùng của Chính sách Xã hội Vĩ đại (Great Society), cuộc chiến này không thể tách rời thời kỳ Thức tỉnh. Lẽ ra cuộc nội chiến Việt Nam đã là một vấn đề nước ngoài có thể cứu vãn được trong thời kỳ Lạc quan, nhưng sự can thiệp của người Mỹ đã phải chịu số phận thất bại trong Thức tỉnh. Được tiến hành một cách khoa học, cuộc chiến này đã cố gắng chống đỡ cho một đồng minh đáng ngờ về mặt đạo đức mà không làm chậm tốc độ của các công trình xây dựng lớn ở trong nước. Nó không hiệu quả. Lần đầu tiên trong trí nhớ của những người đang sống, giới lãnh đạo Mỹ đã buộc phải thừa nhận rằng các vấn đề quốc gia lớn ở cả nước ngoài lẫn trong nước đã nằm ngoài khả năng giải quyết của họ. Tuy nhiên, Chiến tranh Việt Nam là triệu chứng chứ không phải nguyên nhân của những biến động văn hóa sâu sắc. James Reston nhận xét rằng “khủng hoảng nội bộ của Mỹ không thể được giải thích bằng bất kỳ sự suy giảm nào trong vận may của cuộc chiến,” thứ đã trở thành một “biểu tượng của sự bất mãn sâu sắc hơn với nhiều tình huống hơn.”

Các nhà hoạch định nội vụ của quốc gia bèn lên tiếng với sự ngạo mạn tương tự, điều này đã khiến Lầu Năm Góc phải khổ sở. Năm 1966, trưởng ban chống đói nghèo của Tổng thống Johnson, Sargent Shriver, dự đoán rằng cuộc chiến chống đói nghèo sẽ giành được chiến thắng trong “khoảng chục năm.” Đến đầu thập niên 1970, ngay cả khi các nỗ lực Chiến tranh Việt Nam được đẩy mạnh, mục tiêu của “Súng

và Bơ”ⁱ cùng với một “thu nhập bảo đảm” được coi là có thể đạt được đối với một quốc gia mà hồi đó từng đưa người lên Mặt trăng hai lần một năm. Trước thời điểm Sài Gòn sụp đổ, cả hai đảng chính trị cùng đồng ý dành “cổ tức hòa bình” mới cho các lợi ích của người lớn tuổi trung lưu. Richard Nixon, Wilbur Mills, George McGovern, và các lãnh đạo khác của Thế hệ Vĩ đại nhất nhận ra rằng, dù cho chi phí tương lai của các lợi ích này rất lớn, chúng vẫn là phải chăng vì những thế hệ trẻ tuổi hơn ngày nào đó sẽ giàu có hơn cả Croesus. Điều mà họ đã không nhận ra là sự dồi dào của thời kỳ Lạc quan chỉ là một cỗ máy bị hỏng đang xì khói.

Nhiều người Mỹ không còn tin vào (hoặc thậm chí quan tâm đến) phát triển kinh tế nữa. Khi mọi người bắt đầu nhìn vào tương lai với con mắt hướng nội hơn, những người có tiếng nói bắt đầu đặt ra câu hỏi rằng liệu sự dư dả hơn có làm cho người Mỹ tốt hơn, hay đơn giản là làm họ suy đồi với lòng tham. Kể từ Ngày Trái đất đầu tiên vào tháng Tư năm 1970 đến lần phóng tàu *Apollo* cuối cùng hồi tháng 12 năm 1972, một nước Mỹ vượt trội đã có bước đột phá trong lối tư duy từ Nghĩ Lớn đến Nhỏ là Đẹp. Rồi vào năm 1973 và 1974, trật tự thể chế – và sự thịnh vượng – tan vỡ. Với vụ Watergate và cuộc suy thoái đầy trùng hợp, các lực lượng của chủ nghĩa cá nhân đã chiến thắng. Jimmy Carter được bầu lên bởi một quốc gia đã chán ngán với sự hùng vĩ của cái chung.

Trong thập niên 1970, mà John Updike chế giễu là “khu ổ chuột của thập niên,” sự mất lòng tin với tất cả các tổ chức lớn (từ chính phủ cho tới các doanh nghiệp và gia đình) đã trở thành phổ biến. Khi cuốn

i. Nguyên văn: “Guns and butter”, một thuật ngữ giải thích mối quan hệ giữa hai hàng hóa rất quan trọng đối với sự tăng trưởng và ổn định kinh tế lâu dài của một quốc gia. Đây là một ví dụ điển hình về Đường giới hạn khả năng sản xuất – Production possibility frontier (PPF), giúp xác định mối quan hệ và xung đột giữa sự đầu tư của một quốc gia vào hàng hóa quân sự, quốc phòng và dân sự.

The Late Great Planet Earth (Tạm dịch: Trái đất muộn màng vĩ đại) đứng đầu bảng sách phi hư cấu bán chạy nhất, các nhà môi trường kêu gọi người Mỹ tiêu thụ năng lượng ít hơn và xây dựng những công trình lớn ít đi. Bằng việc sống trong sự hài hòa thụ động hơn với thiên nhiên bên ngoài, người ta nghĩ người Mỹ có thể đạt được sự hài hòa thật hơn với bản chất bên trong của họ. Sự suy thoái này đã làm giảm năng suất làm việc của quốc gia – tuy nhiên, nó lại không dẹp yên bất kỳ cơn thèm khát hàng hóa nào. Kết hợp với hai cú sốc lạm phát giá dầu, kết quả là tình trạng đình trệ không tăng trưởng. Thậm chí ngày nay, hơn hai thập niên sau đó, mức lương thực tế trung bình mang về nhà của người Mỹ vẫn chưa bằng lại được mức năm 1973.

Cuối thời kỳ Thức tỉnh, đất nước đã choáng váng với cú sốc vốn sẽ không thể tưởng tượng được trong thời kỳ Lạc quan: đường ống dẫn khí đốt, cuộc khủng hoảng con tin Iran, và đồng đô-la mất giá. Khi Jimmy Carter tuyên bố rằng Mỹ đang trải qua tình trạng bất ổn quốc gia, Hội nghị Thế giới về Nhân loại đã công bố “Tuyên ngôn về Con người,” khẳng định “chủ quyền của việc tự khám phá bản thân,” trong đó “hành trình là điểm đến.” Người Mỹ lúc bấy giờ đã hấp thụ đầy đủ thứ mà Christopher Lasch gọi là “Văn hóa Vị kỷ,” họ cảm thấy rằng cách tốt nhất để tiếp cận đời sống không phải là bắt đầu bằng cộng đồng và di chuyển vào trong cái tôi (như ở thời kỳ Lạc quan), mà là bắt đầu với cái tôi và di chuyển ra ngoài cộng đồng. Hành động cuối cùng của thời kỳ Thức tỉnh là để dành cho những người bảo thủ tư tưởng đi đến một kết luận tương tự và do đó khởi động cho sự hồi sinh chính trị lớn lao. Trong cơn sốt cắt giảm thuế cuối thập niên 1970 và sự nổi lên của Ronald Reagan năm 1980, phe bảo thủ cuối cùng đã từ bỏ ý định về Nhóm Thiết lập. Đồng tình với quan điểm hậu Hội chợ Woodstock về việc đúng là cá nhân có đạo đức hơn nhà nước rất nhiều, họ vui mừng phát hiện ra rằng một xã hội toàn những cá nhân tự trị là miễn đất hoàn hảo cho một Đảng Cộng hòa đã lấy lại được sinh khí.

Đến cuối nhiệm kỳ thứ nhất của Reagan, thời kỳ Thức tỉnh vẫn tiếp tục chu trình của nó. Từ năm 1964 đến 1984, khao khát bên trong của Mỹ trở dậy mạnh mẽ và kỷ luật bên ngoài bị phân rã. Khi nhà thăm dò dư luận kỳ cựu Daniel Yankelovich ghi chép lại cuộc khảo sát của mình về tâm trạng đầu thập niên 1980 trong cuốn *New Rules: Searching for Self-Fulfillment in a World Turned Upside Down* (Tạm dịch: Quy tắc mới: Tìm kiếm sự tự hoàn thiện trong một thế giới đảo ngược), Cách mạng Nhận thức đã thay đổi cách người Mỹ nghĩ về mình trong mối quan hệ với cộng đồng lớn hơn.

Bất kỳ ai lúc đó là người trưởng thành đều có thể nhớ lại sự xoay vần của dòng chảy thế hệ có ảnh hưởng ra sao đến lịch sử của những năm đó. Thật vậy, các ký ức của thời kỳ Thức tỉnh đi theo dòng chảy thế hệ. Đối với Thế hệ Vĩ đại nhất, Cách mạng Nhận thức là quãng thời gian của thất vọng, tủi nhục, và chia rẽ đầy tức giận. Đối với Thế hệ Im lặng, đây là những lần “du ngoạn” cá nhân khi cuộc sống của họ trở nên biến động và mạo hiểm hơn. Đối với Thế hệ Bùng nổ (họ nhớ lại thời kỳ này theo cách đẹp đẽ hơn cả), thời kỳ Thức tỉnh đặt ra một kế hoạch hành động cho cả đời. Đối với Thế hệ Thứ 13, theo lời nhà văn trẻ Julie Phillips, thời kỳ này “giống như một trong những câu chuyện không làm cho ai cười và bạn nói, ‘Tôi nghĩ là anh phải ở đó.’”

Tâm trạng của thời kỳ Lạc quan Mỹ không bền vững, giống như một quả bong bóng trong lịch sử. Dù có hoặc không có các vụ ám sát, Chiến tranh Việt Nam, và vụ Watergate, thì thời kỳ Thức tỉnh sẽ phải diễn ra trong một *saeculum*.

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN THỨ HAI VÀ CÁC NGUYÊN MẪU

Bao gồm cả bước chuyển thứ nhất gần đây nhất, lịch sử của người Mỹ gốc Anh đã có sáu lần Thức tỉnh với những Bước chuyển Thứ hai, bắt đầu từ thế kỷ 16:

- *Cải cách Tin Lành* (1517-1542), *Saeculum* Cải cách Tin Lành.
- *Thức tỉnh Thanh giáo* (1621-1649), *Saeculum* Tân Thế giới.
- *Đại thức tỉnh* (1727-1746), *Saeculum* Cách mạng Mỹ.
- *Thức tỉnh Tiên nghiệm* (1822-1844), *Saeculum* Nội chiến.
- *Đại thức tỉnh Thứ ba* (1886-1908), *Saeculum* Siêu cường.
- *Cách mạng Nhận thức* (1964-1984), *Saeculum* Thiên niên kỷ.

Thức tỉnh là một thời kỳ biến động về văn hóa và đổi mới về tinh thần. Nó bắt đầu khi kỷ cương xã hội đang dần hiện hữu của thời kỳ Lạc quan đột nhiên tỏ ra chướng mắt, không thỏa mãn, không chính danh, bất công – và người ta bắt đầu thách thức nó dưới tên gọi sự đích thực của tâm hồn. Giờ đây, ký ức về thời kỳ Khủng hoảng trước đã bị nhạt nhòa do sự thoải mái và bình thản của thời kỳ Lạc quan, những đức tính cốt lõi của Lạc quan được cho là lỗi thời, thậm chí không cần thiết. Thời kỳ Thức tỉnh đạt đến đỉnh điểm ngay sau khi các tiến bộ văn minh đạt đến cao trào của *saeculum* – và ngay trước đó, sự tiến bộ đã bị choáng ngợp trước niềm đam mê giải phóng của cải cách và phản đối. Thời kỳ Thức tỉnh kết thúc khi nhận thức mới này làm chuyển hóa các kẻ thù của nó và hệ thống giá trị mới lấn át những kẻ áp bức nó.

Đây là điểm chí của *saeculum*, kỷ nguyên của ánh sáng cực đại. Nguồn cung về trật tự xã hội đạt đến đỉnh điểm, nhưng nhu cầu cho trật tự ấy hiện đang giảm. Nói như Shakespeare, mùa hè bắt đầu khi “những cơn gió mạnh khiến các chồi cây yêu dấu của tháng 5 phải rung lên.” Rồi đến những ngày không làm gì nổi và các đêm nóng bức, khi trật tự thì thả lỏng còn tinh thần lại hăng hái. Sấm nổ và chớp lóe khắp trời khi những cơn bão về rồi đi hầu như không báo trước. Mùa này không tách rời các đam mê tuổi trẻ, khi Emerson cho rằng “chúng ta khoác lên mình chiếc cầu vồng, và trở nên dũng cảm như cung hoàng

đạo.” Lúc các nàng tiên giữa mùa hè xuất hiện, sự sống sục sôi, màu xanh thắm lại, và những con đường trở nên khó tìm hơn. Vào cuối hè, thiên nhiên tạo nên một tâm trạng đầy thỏa mãn. Giống như tháng 8 của Joseph Wood Krutch, sự kết thúc của thời kỳ Thức tỉnh “sáng tạo khi nó đang ngủ say, tròn đầy và mãn nguyện.”

Khi xã hội chuyển từ thời kỳ Lạc quan sang Thức tỉnh, sự thay đổi tâm trạng là dễ gây nhầm lẫn. Lúc đầu, người ta coi đó như một sự thúc đẩy nho nhỏ (và mới mẻ) đối với các tổ chức đáng tin cậy. Rồi những niềm đam mê mới lên nắm quyền, vây hãm một trật tự cũ mà không biết làm thế nào để dừng việc xây dựng lại. Khi đời sống bên trong của xã hội mạnh lên, đời sống bên ngoài lại yếu đi. Mọi người đề cao quyền lợi hơn nghĩa vụ, cái tôi cao hơn xã hội, lý tưởng cao hơn thiết chế, sự sáng tạo cao hơn tính tuân thủ. Dù cho những thời kỳ Thức tỉnh có bắt đầu một cách hạnh phúc, chúng vẫn dần nảy sinh khía cạnh đen tối. Các thiết chế bị vây bọc không còn cung cấp sự trật tự và thịnh vượng mà trước đây từng được coi là đương nhiên nữa. Nỗi sợ hãi ám ảnh về ngày tận thế thổi bùng lên sự căng thẳng và củng cố ý thức hệ về một kế hoạch hành động theo đường lối cải cách – thường gây ra bạo lực, hỗn loạn xã hội, và sóng gió chính trị. “Cải cách phải là phổ quát,” một thành viên Nghị viện năm 1641 tuyên bố. “Cải cách mọi nơi, mọi người và những lời kêu gọi... Cải cách các trường đại học, cải cách các thành phố, cải cách các hạt... Bạn có nhiều việc phải làm mà tôi có thể kể ra... Mỗi cái cây mà Chúa Trời không trồng sẽ được đánh bật rễ lên.” Trước khi kết thúc, thời kỳ Thức tỉnh thúc đẩy một sự đồng thuận rộng rãi về việc mỗi người có cuộc sống cá nhân tốt hơn so với trật tự xã hội tập thể của họ.

Nhìn từ xa, các thời kỳ Thức tỉnh là rất đáng nhớ với những hình ảnh trên nhiều thái cực đối lập – chiến thắng của sức mạnh, sự giàu có, và kiến thức sóng đôi với các đòi hỏi mãnh liệt về tinh thần. Thông thường, chiến thắng của sức mạnh phản ánh những thành tựu của thế

hệ cầm quyền, và các đòi hỏi mãnh liệt về tinh thần là tiếng nói của thế hệ đang lên. Đó là hình ảnh Hồng y Wolsey ngự trên cung điện xa hoa của mình bên cạnh những sinh viên đang căng thẳng tìm hiểu về sự phản kháng của Luther. Hình ảnh Francis Bacon hoàn thành tác phẩm *The Advancement of Learning* (Tạm dịch: Sự tiến bộ trong việc học) bất chấp mấy kẻ cải đạo Thanh giáo đáng khinh cứ nhất quyết đạt được sự cứu rỗi chỉ với đức tin. Hình ảnh Thống đốc De Witt Clinton mở cửa khai thông kênh đào Erie lớn bên cạnh các công nhân trẻ đang say sưa tạo ra Quận Burned-Over (Bị thiêu rụi) ủng hộ Phúc âmⁱ dọc theo dòng chảy của nó. Hoặc hình ảnh Tổng thống Grover Cleveland khai mạc White City được điện khí hóa của Hội chợ Triển lãm Columbia ở Chicago trước sự chỉ trích của những người vô chính phủ và dân túy về một nước Mỹ công nghiệp mới. Thời kỳ Thức tỉnh cũng chứng kiến mấy cuộc quyết đấu ồn ào nhất trong lịch sử giữa các vương quốc của Caesar và Thiên Chúa.

Thời kỳ Thức tỉnh tạo ra tâm trạng này vì các nguyên mẫu lúc ấy đang bước vào một giai đoạn mới trong vòng đời: Anh hùng bước vào thời lão niên, Nghệ sĩ bước vào thời trung niên, Tiên tri bước vào thời thanh niên, và Du cư bước vào thời thơ ấu. Những khác biệt thế hệ được dung hòa mạnh mẽ, khi Tiên tri đến tuổi trưởng thành bèn tấn công những công trình của Anh hùng.

- Khi *Thế hệ Anh hùng* cởi mở thay thế Du cư bước vào *thời lão niên*, họ dựng lên những công trình thế tục vĩ đại hơn bao giờ hết, chuẩn bị sân diễn cho các mục tiêu tinh thần của giới trẻ.

Cuối cùng cũng được giải thoát khỏi sự thận trọng của Thế hệ Du cư già nua, Anh hùng có tuổi bước vào thời kỳ Thức tỉnh trên

i. Tức các khu vực phía Tây và Trung tâm của New York vào đầu thế kỷ 19, nơi diễn ra các cuộc phục hưng tôn giáo và sự hình thành các phong trào tôn giáo mới của Đại Thức tỉnh thứ hai, đến mức mà sự tôn sùng tâm linh dường như làm cả khu vực bốc cháy.

đỉnh cao quyền lực công. Ngưỡng cửa tuổi già không làm giảm năng lượng và mục đích tập thể của họ; thay vào đó, nó thúc đẩy họ tới các công trình còn lớn lao hơn. Khi sự ngạo mạn của họ bị những kẻ cuồng nô trẻ tuổi tấn công, lúc đầu họ chiến đấu chống lại các giá trị mới, nhưng rồi lại hòa mình vào chúng. Sau đó, họ duy trì quyền lực thể chế, thông qua đó họ tìm kiếm và nhận được sự đền đáp về mặt kinh tế từ thế hệ trẻ. Trong mấy giai đoạn sau của thời kỳ Thức tỉnh, ngân quỹ công dôi lợi ích lên cựa chiến binh, vốn từng có thời xả thân cho hậu thế. Thế hệ Anh hùng có tuổi được gắn với sự lạc quan, làm việc nhóm, và niềm tin dân sự ở thời điểm thế hệ trẻ có vẻ thiếu những phẩm chất này.

Người lớn tuổi Thế hệ Huy hoàng của thời kỳ Đại thức tỉnh tự coi mình là, theo lời Benjamin Colman, “những người của thế giới này” đầu tiên tại Mỹ. Vẫn đánh dấu GDs (viết tắt của “good deeds” – những việc tốt) bên lề cuốn nhật ký của mình, Cotton Mather cảm thấy “sự kiên nhẫn của mình... bị thử thách bởi sự khinh miệt” của những kẻ cuồng nô trẻ tuổi “đi theo con đường của cảm xúc lâng lâng” chứ không phải “ăn năn.” Vào buổi bình minh của thời kỳ Thức tỉnh Tiên nghiệm, người già phe Cộng hòa đắm chìm trong lời ca ngợi rằng họ là thế hệ vĩ đại nhất của Tân Thế giới. Song kể cả khi Jefferson ca ngợi “cuộc diễu hành lớn của sự tiến bộ” và “sự lan tỏa chung của ánh sáng khoa học,” thì các nhà phê bình trẻ vẫn chối bỏ tình anh em của Hội Tam điểm ở thế hệ ông và khinh miệt chủ nghĩa duy lý vững chắc theo kiểu Palladisⁱ. “Chúng tôi sẽ để lại khung cảnh này không phải cho một thế hệ đang cười nhạo và muốn đẩy chúng tôi ra khỏi đó,” ông già David Humphreys chỉ trích dữ dội. Hãy coi chừng “niềm đam mê tồi tệ nhất của bạn,” Albert Gallatin cảnh báo trước cho giới trẻ. Sau khi nghe những cuộc tranh luận gay gắt đầu tiên về chế độ nô lệ, Jefferson tuyệt vọng nói rằng “sự hy sinh vô ích của thế hệ năm 1776, để có được

i. Theo phong cách của kiến trúc sư Andrea Palladis thế kỷ 16.

quyền tự chủ và hạnh phúc cho đất nước họ, sẽ bị vứt bỏ bởi những đam mê thiếu khôn ngoan và không đáng của con cái họ.”

- Khi *Thế hệ Nghệ sĩ* thiếu quyết đoán thay thế Anh hùng bước vào *tuổi trung niên*, họ áp dụng chuyên môn và tiến hành cải thiện xã hội trong khi làm dịu đi đam mê của giới trẻ.

Bị mắc kẹt trong cuộc cò cửa thế hệ, bị giằng xé giữa sứ mệnh bên trong của Thế hệ Tiên tri trẻ hơn và sứ mệnh bên ngoài của Anh hùng già hơn, Nghệ sĩ đóng vai trò của một trung gian hòa giải. Họ cố vấn cho các phong trào thanh niên mới trong khi cảm xúc hóa và đa dạng hóa những công trình của người lớn tuổi. Khi họ chấp vá lại các mảnh vỡ của những bộ mặt tính cách thuộc hai Thế hệ Anh hùng và Tiên tri vào trong một tác phẩm mô phỏng ở tuổi trung niên, họ đã bù đắp cho tính tuân thủ từ trước của mình bằng cách tham gia vào hành vi đầy rủi ro của các tổ chức và gia đình. Chịu đựng sự bất hòa, Thế hệ Nghệ sĩ làm chệch hướng tranh luận bằng thỏa hiệp hoặc trì hoãn những lựa chọn khó xử.

Bước vào thời kỳ Đại thức tỉnh khi đã quá già nua để tham gia các cuộc biểu tình của thanh niên, Thế hệ Khai sáng cảnh báo có “quá nhiều sự táo bạo” (như lời Benjamin Doolittle) hơn là sự tập trung vào việc “chỉ ra những cách trung lập và hòa bình” (như lời Nathaniel Appleton) khi tìm kiếm sự quân bình. “Tôi đã học cách giữ được sự chừng mực hợp lý,” Edward Wigglesworth thừa nhận, “và nếu tôi có lỡ nói điều gì đó có vẻ hơi quá ấm áp hoặc quá khắc nghiệt, tôi sẽ xin lỗi.” Trong thời kỳ Thức tỉnh Tiên nghiệm, Thế hệ Thỏa hiệp tuổi trung niên gây dựng được danh tiếng cho mình như là một “thế hệ hậu anh hùng.” Giống như lời William Wirt, họ đã cố gắng “giữ vẻ ngoài điềm tĩnh và tự chủ, dù cho trong thâm tâm có diễn ra sự hỗn loạn và rối ren thế nào đi nữa.” Số phận của họ nằm trong các giải pháp nhằm xóa đi sự khác biệt. Vào cuối thế kỷ 19, Thế hệ Cấp tiến trung niên đã lục lọi khắp, theo lời Henry James, “sự rối loạn cuộc đời” để tìm “sự kết nối chặt chẽ giữa hạnh phúc và xấu xa, giữa những thứ nâng đỡ và những

thứ làm tổn thương.” Sự chùng mịch bản năng như vậy đã giúp thời kỳ Đại thức tỉnh Thứ ba khỏi rơi vào hỗn loạn xã hội.

- Khi *Thế hệ Tiên tri* bất cần thay thế Nghệ sĩ ở *tuổi mới lớn*, họ thách thức sự thất bại đạo đức của các thiết chế được người lớn tuổi xây dựng, làm dấy lên một sự thức tỉnh tinh thần toàn xã hội.

Sau lần duy nhất mắt thấy tai nghe về thời kỳ Lạc quan chứ không phải Khủng hoảng, những người tuổi mới lớn của Thế hệ Tiên tri coi sự thoải mái và sự nuông chiều trong trật tự thế tục mới là đương nhiên. Được nuôi dạy để thành người có suy nghĩ sáng tạo, họ trau dồi một cuộc sống nội tâm mạnh mẽ. Họ vùng lên với những thách thức đầy tức giận trước các công trình lớn của Thế hệ Anh hùng già nua, được họ coi là thiếu giá trị đạo đức một cách không thể khoan thứ. Thế hệ Tiên tri trẻ coi mình (và văn hóa của mình) như những sự báo trước về một thứ quyền lực tinh thần mới và như các trọng tài của một hệ thống giá trị mới. Rốt cuộc, họ thuyết phục người khác tham gia vào việc theo đuổi quyền tự trị cá nhân với cái giá là mất đi sự hợp tác xã hội. Vì thế, họ đẩy toàn xã hội vào một cơn sốt đổi mới.

Giữa sự thịnh vượng của nhóm Jacobin trong thời kỳ Thức tỉnh Thanh giáo, John Winthrop đã hô hào “các vị thánh” đồng đạo Thanh giáo chối từ “sự suy đồi lan tràn” của “thời đại xấu xa và xuống cấp này,” cùng ông thành lập một New Jerusalem. Trong thời kỳ Đại thức tỉnh, những nhà thuyết giáo trẻ chỉ trích gay gắt thứ “tinh thần đã chết,” đòi hỏi một đức tin với “Ánh sáng Mới” thay vì “Ánh sáng Cũ,” tố cáo “những người thuộc thế hệ khác,” vốn (nói theo cách của Gilbert Tennent) “tưởng tượng hạnh phúc có trong của cải và sự giàu có” giữa những “thời thúc trách nhiệm, trách nhiệm!” Khi những người cùng thời đại Thức tỉnh với ông bước vào tuổi trưởng thành, “Có vẻ như tất cả thế giới đang biến thành tôn giáo,” Benjamin Franklin sau này nhớ lại. Tại đỉnh điểm thời kỳ Thức tỉnh Tiên nghiệm, William Lloyd

Garrison đã thể sẽ “đánh thức một quốc gia đang ngủ say trong lòng cái chết đạo đức.” Khi các phong trào thanh niên lan rộng, tạp chí *Dial* của Margaret Fuller đã báo trước “sự mở ra của con người cá nhân, trong mọi hình thức hoàn hảo, không cần sự cho phép hay cản trở nào, theo đúng bản chất bên trong của mỗi người.” Thế hệ Sứ mệnh sau Nội chiến đã tấn công sự tự mãn của thời đại Vàng son. Năm 1889, George Herron 27 tuổi thuộc “Thế hệ Tiên tri của Đại học Iowa” đã khuấy động miền Trung Tây và truyền động lực cho người đồng đảng với mình khi đả kích “sự mù quáng xấu xa về đạo đức ở chủ nghĩa công nghiệp của chúng ta.” Thời kỳ Đại thức tỉnh Thứ ba đang tới gần.

- Khi *Thế hệ Du cư* thay thế Tiên tri trong *thời thơ ấu*, họ đã không được bảo vệ trong một thời đại xã hội bất ổn còn người lớn thì mãi khám phá bản thân.

Trẻ em Du cư thật không may vì sinh ra trong một thời đại mà người lớn đang thuyết phục nhau để lật đổ kỷ cương xã hội và tìm lại cái tôi sâu thẳm của họ. Khi vật lộn để đối phó với mặt trái khắc nghiệt của biến động văn hóa, trẻ em Du cư đi đến hoài nghi về chiến dịch vận động lớn về đạo đức và một niềm tin định mệnh về tình trạng người lớn yếu đuối dường như không thể làm nổi vài việc đơn giản. Chúng được mong đợi sẽ lớn nhanh và học cách tự lập, tháo vát, cạnh tranh từ khi còn nhỏ. Tuy nhiên, khi chúng như vậy, những phẩm chất đó lại mang đến cho thế hệ non nớt này tiếng xấu trong mắt người lớn. Đến cuối thời kỳ Thức tỉnh, khi người lớn khảo sát thiệt hại đã có đối với thế giới của bọn trẻ, Thế hệ Du cư trẻ đã trở thành các ẩn dụ về sự bi quan mới được phát hiện của xã hội về tương lai.

Những đứa trẻ Kỵ sĩ lớn lên nghe thấy người lớn tuổi như Richard Mather thất vọng nói về “khuôn mặt buồn bã của thế hệ đang lên.” Eleazar con trai của Richard từng hỏi “Chúng ta không phải là một thế hệ... có nguy cơ chìm xuống và chết đuối chứ?” Phần còn lại trong cuộc đời họ, Kỵ sĩ đánh dấu bước thụt lùi lớn nhất

của một thế hệ về số năm đi học và tuổi thọ trong lịch sử Mỹ. Trong thời kỳ Đại thức tỉnh, các tu sĩ đã chứng kiến sự nhiệt tình tôn giáo “thường xuyên làm trẻ nhỏ sợ hãi, và khiến chúng la hét” như thế nào, với những hậu quả lâu dài cho tính khí hoài nghi của Thế hệ Tự do. Trong suốt thời kỳ Đại thức tỉnh, thanh niên Thế hệ Vàng son được mô tả là sống tự lập, khiến một du khách nước ngoài nhận xét rằng “trẻ em đã có tính thương mại trước khi chúng rời bỏ tã lót của mình.” Soi chiếu vào thời thơ ấu của chính mình, Thomas Wolfe tự hỏi “điều gì đã xảy ra đối với sự vui vẻ bột phát của thanh niên” giữa một Thế hệ Lạc lõng lớn lên “không có sự ngây thơ, sinh ra đã già nua và nhàm chán và buồn tẻ và trống rỗng,... bú mớm bóng tối, bị ảnh hưởng bởi bạo lực và sự náo động.”

Xuyên suốt lịch sử, các nguyên mẫu xếp lớp này đã tạo nên thời kỳ Thức tỉnh. Những năm từ 1964 đến 1984 – Cách mạng Nhận thức – không phải là ngoại lệ.

THẾ HỆ VĨ ĐẠI NHẤT BƯỚC VÀO TUỔI LÃO NIÊN: NHỮNG CÔNG DÂN LỚN TUỔI

“Người Mỹ ngày nay hành động như một nhà vô địch nghiện chiến thắng,” tạp chí *Look* tuyên bố năm 1965. “Họ đã thắng trong các cuộc chiến tranh của mình và sống sót qua vài lần suy thoái. Họ đã quen với việc tụ họp, và đánh nhau, thử nghiệm.” Đối với các thế hệ vươn tới đỉnh cao quyền lực lúc ấy, một thử nghiệm như vậy chứng minh rằng vụ ám sát John Kennedy, dù bi thảm, đã không làm suy yếu năng lượng tập thể của Mỹ. Pháp luật về quyền công dân đã đưa tới phép thử đầu tiên. Trong suốt nhiệm kỳ của Kennedy, các nhà lãnh đạo thuộc Thế hệ Lạc lõng như Everett Dirksen và Dixiecrat Richard Russell đã thành công trong việc làm chệch hướng sự hòa nhập, nhưng giờ đây, Tổng thống Johnson đã bắt đầu thúc đẩy việc thông qua các bộ luật.

Đó mới chỉ là sự khởi đầu. Việc Lyndon Johnson giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử năm 1964 đã dẫm nát những gì còn sót lại trong

sự phản kháng của Thế hệ Lạc lõng. Đến năm 1966, Nghị viện mà Thế hệ Vĩ đại nhất chiếm đa số đã chi trong một năm số tiền gần bằng tổng số tiền mà các Nghị viện trước đó đã chi vào giáo dục và chăm sóc sức khỏe trong suốt toàn bộ lịch sử Mỹ. Chỉ trong vài tháng, Mỹ đã tạo ra mọi thứ, từ các sở giao thông và nhà ở mới, đến các cơ quan dân quyền mới, đến Medicareⁱ và Medicaidⁱⁱ: “Đại hội Nghị viện lần thứ 89” đã khẳng định khả năng tập thể của Thế hệ Vĩ đại nhất trong việc xây dựng một Xã hội Vĩ đại, chiến đấu trong hai cuộc chiến tranh, một lạnh và một nóng, và cũng đã lên tới Mặt trăng. Như Eric Hoffer nói về chương trình *Apollo*, các thành tựu thế hệ này đã đánh dấu “thắng lợi của mấy kẻ tẻ nhạt.”

Dù vậy, để làm được như dự định, những công trình của Thế hệ Vĩ đại nhất đòi hỏi người thụ hưởng phải hành xử “tẻ nhạt” giống họ – nhưng khi thời kỳ Thức tỉnh tiếp diễn, giới trẻ đã không làm như vậy. Giống như B. F. Skinner, Thế hệ Vĩ đại nhất tìm cách tạo ra một “công nghệ hành vi,” nhằm thiết kế và xây dựng con đường dẫn tới hạnh phúc xã hội. Song, trong khi Thế hệ Vĩ đại nhất hình dung ra một *Walden Two* (Tạm dịch: Walden phiên bản hai) ngoan ngoãn, giới trẻ lại khẳng khẳng hành động giống như bản gốc của nhà văn Thoreau hơn. Những khu nhà ở công cộng của chương trình Thành phố kiểu mẫuⁱⁱⁱ đã trở

i. Chương trình bảo hiểm quốc gia về sức khỏe của Mỹ dành cho người già từ tuổi 65 trở lên. (ND)

ii. Chương trình bảo hiểm sức khỏe liên bang tại Mỹ với chi phí y tế cho một số người có thu nhập và nguồn lực hạn chế. (ND)

iii. Nguyên văn: “Model Cities”, là một nhân tố của chương trình Xã hội Vĩ đại và Chiến tranh chống Nghèo đói – “Great Society and War on Poverty” của Tổng thống Mỹ Lyndon Johnson. Mục tiêu của chương trình nhấn mạnh đến việc lập kế hoạch toàn diện, không chỉ là xây dựng lại mà còn phục hồi, cung cấp dịch vụ xã hội và thúc đẩy sự tham gia của người dân. Chương trình viện trợ đô thị liên bang này đã thành công trong việc thúc đẩy một thế hệ mới gồm các nhà lãnh đạo đô thị chủ yếu là người da đen, nhưng lại tạo ra các cuộc bạo loạn đô thị vào cuối thập niên 1960.

thành hàng ổ của tội phạm thanh thiếu niên, phúc lợi được cấp cho thanh thiếu niên mang thai, và trợ cấp học phí đã cho phép sinh viên bạo động trong khi lẽ ra họ phải chú tâm vào học tập.

Sự bắt đầu của thời kỳ Thức tỉnh tạo ra một cuộc xung đột giá trị mà sau này được gọi là Khoảng cách Thế hệ. Từ mái tóc, quần áo, tình dục, đến âm nhạc, giọng nói, mọi thứ về các phong trào thanh niên mới đã đập vào mắt và tai Thế hệ Vĩ đại nhất như những thứ gây chia rẽ, cuồng si, và ích kỷ – đối lập với các phẩm chất mà thế hệ đang già đi này từng ngưỡng mộ. Nếu cuối thập niên 1960 là quãng thời gian hội họp với những người phản kháng trẻ tuổi, thì họ đã gây thất vọng dữ dội cho giới lãnh đạo Thế hệ Vĩ đại nhất, mà nhiều người trong đó có con cháu tham gia vào sự phản kháng ấy: “Mọi thứ dường như đi đến chỗ rối tung” (James MacGregor Burns); “Một cái gì đó đã trở nên chua chát, trong việc dạy và học” (George Wald); “Tôi dùng cụm từ vừa phải thôi: Quốc gia này đang tan rã” (John Gardner).

Sau khi chinh phục một nửa thế giới với tư cách lính bộ binh trẻ tuổi, các nhà lãnh đạo thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất chẳng bao giờ tưởng tượng nổi rằng một cuộc chiến khu vực nhỏ bé có thể gây ra nhiều vấn đề. Chỉ có hai phiếu chống lại Nghị quyết Vịnh Bắc bộ đến từ những người hoài nghi của Thế hệ Lạc lõng nhiều tuổi hơn (các Thượng nghị sĩ Morse và Gruening). Nhưng một khi chiến tranh diễn ra, cả quân đội lẫn hậu phương đều không hành xử theo cái cách khiến thế hệ của Lyndon Johnson hài lòng, và những tranh cãi giữa cha mẹ và con cái (đặc biệt giữa người cha Thế hệ Vĩ đại nhất với đứa con Thế hệ Bùng nổ) ngày càng tồi tệ theo năm tháng. Khi Chiến tranh Việt Nam tiếp diễn, thế hệ này cảm thấy tuyệt vọng về việc chính phủ liên bang mà họ đánh giá cao đã trở thành, theo lời Nixon, “một người khổng lồ tàn nhẫn, bất lực” không còn khả năng làm những điều lớn lao. Sự lạc quan ngày nào của Thế hệ Vĩ đại nhất bắt đầu phát ra tiếng kêu rống tuếch. Cuối cùng, chiến lược “phản ứng có kiểm soát” của Bundy-Rusk-Rostow-McNamara lên đến đỉnh điểm trong một *thất bại* có kiểm soát,

bí danh là chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Nixon. Kể từ đó, các cuộc thăm dò cho thấy Thế hệ Vĩ đại nhất hay coi thường ký ức về Việt Nam hơn Bùng nổ.

Sự ngạo mạn của Thế hệ Vĩ đại nhất vẫn tiếp tục phải trả giá đầy đủ. Vụ Watergate đã trở thành tháng Thermidor (tháng Nóng nực) của thời kỳ Thức tỉnh, khi hai nhà báo Thế hệ Bùng nổ (Woodward và Bernstein) đã đem về cho chương trình Generation Gap chiến tích lớn nhất: Nixon phải từ chức trong ô nhục. Do đó, quyền lực của chính phủ quốc gia bị suy yếu, kể cả khi Nhà Trắng sẽ vẫn là tài sản lâu dài của thế hệ đang già này. Cuộc bầu cử Nghị viện sau đó đã dẫn đến việc lật đổ các vị chủ tịch ủy ban đây quyền lực của Thế hệ Vĩ đại nhất, và việc ban hành vô số hàng rào mới về thủ tục khiến cho các chương trình lớn và mới theo phong cách của Thế hệ Vĩ đại nhất không thể thực hiện được. Điều này cũng được áp dụng với chính quyền: Sau vụ Watergate, các nhà công nghiệp Thế hệ Vĩ đại nhất liên tục phải nghe những lời cáo buộc họ vi phạm về mặt đạo đức chống lại tự nhiên, phụ nữ, các dân tộc thiểu số, người nghèo, và những nhu cầu sâu xa nhất của tâm hồn con người. Đến cuối thập niên, đã xảy ra hai lần thiếu hụt về xăng dầu. Năng lượng là thứ mà Thế hệ Vĩ đại nhất trẻ tuổi đã phải trải qua nhiều ngày đắm mồ hôi trong thời kỳ Suy thoái để tháo gỡ; giờ thì họ phải nghe những lời trách cứ liên tục từ thế hệ trẻ rằng cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn nếu như người ta sử dụng ít hơn những gì được sinh ra từ các con đập và nhà máy điện do Thế hệ Vĩ đại nhất đã già xây nên.

Dần dần Thế hệ Vĩ đại nhất đã thôi tranh cãi với giới trẻ, một số người đồng ý với Milton Mayer rằng “chúng tôi đã sai, và thế hệ mới đã đúng.” Hệ thống giá trị thời kỳ Thức tỉnh đã đi ngược lại cương lĩnh suốt đời của họ về sự lạc quan, làm việc nhóm, và cộng đồng, nhưng khi Thế hệ Vĩ đại nhất bước vào tuổi già, việc đồng tình với con cái họ có thể được hiểu như một dấu hiệu chiến thắng. Giống

như sau này George Bush tuyên bố, thế hệ này có khuynh hướng “coi cuộc sống như những nhiệm vụ – nhiệm vụ được xác định, nhiệm vụ được hoàn thành.” Một khi thời kỳ Thức tỉnh có vẻ như không thể đảo ngược, Thế hệ Vĩ đại nhất có thể ngả lưng và thừa nhận rằng quả thật họ đã làm cho cuộc sống trở nên dễ chịu, và rằng có lẽ *đã tới lúc* họ nên nghỉ ngơi chút ít. Thế hệ Vĩ đại nhất đã cùng nhau đưa Mỹ ra khỏi Suy thoái và xây dựng nên một cỗ máy thịnh vượng tráng lệ. Giờ đây, nhiệm vụ đã hoàn thành, đó là thời gian để được trao một vài chiếc cúp. Khi các bậc cha mẹ và các ông chủ đang già đi lắng nghe con cái họ nhạo báng những gì còn lại của nền văn hóa thời kỳ Lạc quan, Thế hệ Vĩ đại nhất nhận thấy rằng cứ giữ mãi quan điểm của mình là vô ích. Và cứ vậy, từng chút một, họ đồng ý về một đặc tính toàn thế hệ là sự tự nuông chiều.

Khoảng cách thế hệ giữa Thế hệ Vĩ đại nhất và trẻ em Bùng nổ đã dẫn tới một thỏa thuận thiên lệch: Thế hệ Bùng nổ chiến thắng trong cuộc tranh luận về giá trị và kiểm soát nền văn hóa, trong khi Vĩ đại nhất tiếp tục chủ trì lĩnh vực thiết chế và thu lượm được sự đền đáp lớn lao từ công chúng. “Bạn đã thanh toán hầu hết các khoản nợ tới hạn của mình. Bây giờ hãy bắt đầu thu lượm các lợi ích,” đó là lời khuyên trong một cuốn sách nhỏ của Hiệp hội Hưu trí Mỹ, một tổ chức đã từ bỏ sự dè dặt trong kỷ nguyên của Thế hệ Lạc lõng, hiện nổi lên như là lực lượng lãnh đạo, theo tạp chí *Newsweek*, của “khối vận động hành lang quyền lực nhất hành tinh.” Từ đầu thập niên 1960 đến cuối thập niên 1970, số thành viên các tổ chức người cao tuổi (và số ấn bản của các tạp chí dành cho người lớn tuổi) tăng lên sáu lần, còn thông điệp của họ chuyển từ sự tự lực của Thế hệ Lạc lõng trong thời kỳ Lạc quan sang khái niệm mới về quyền. Sau khi những người hưởng lợi bắt đầu áp dụng chiến thuật của kỷ nguyên Thức tỉnh mà Gray Panthers gọi là “phong cách sống phần nộ,” Bảo hiểm Xã hội có được vị thế hiện nay với tư cách “con đường thứ ba” của nền chính trị

quốc gia. Trong khi đó, Thế hệ Vĩ đại nhất đã đóng góp những gì là cốt lõi trong Đề xuất 13 của California và các cuộc chống đối khác tại địa phương, đòi hỏi – và thắng lợi – việc giảm thuế đánh vào trường học. Trong khi người lớn tuổi Thế hệ Lạc lõng thích tấn công vào chi tiêu công và bỏ qua doanh thu, thì người cao niên Thế hệ Vĩ đại nhất muốn điều ngược lại. Trong khi hầu hết người lớn tuổi Thế hệ Lạc lõng theo Đảng Cộng hòa, thì hầu hết những người lớn tuổi Thế hệ Vĩ đại nhất lại theo Đảng Dân chủ.

Được tiếp lửa từ cuộc vận động hành lang mới của người lớn tuổi, các Nghị viện cuối cùng của Thế hệ Vĩ đại nhất đã dành toàn bộ tài khóa thời bình hậu Chiến tranh Việt Nam cho những người đồng đảng với mình. Vào cuối thập niên 1970, các khoản thanh toán chuyển giao từ các thế hệ trẻ hơn cho Thế hệ Vĩ đại nhất đã cao vượt lên như ngọn tháp (với tỉ lệ 10-1) so với những gì còn lại của chương trình xóa đói giảm nghèo thuộc Xã hội Vĩ đại. Sự giàu có bất ngờ này ở người lớn tuổi là một thành tích phi thường của Thế hệ Vĩ đại nhất. Suốt thời kỳ Lạc quan, khi Thế hệ Lạc lõng đã già nua, những lợi ích cho người lớn tuổi đã giảm 20% so với tiền lương; giờ đây, những gì mà người lớn tuổi nhận được từ chính phủ Mỹ tăng gấp 15 lần so với mức lương trung bình. Trong khi người già Lạc lõng là thế hệ nghèo nhất của thời kỳ Lạc quan, thì người già Vĩ đại nhất trở thành thế hệ *ít* nghèo nhất của Thức tỉnh. Từ năm 1957 đến 1976, tỉ lệ người đạt điểm “rất cao” trong bài kiểm tra về mức độ lo lắng giảm một phần ba ở nhóm người già trong khi tăng mạnh ở mọi độ tuổi khác. Cứ bảy trong tám người già Thế hệ Vĩ đại nhất cho biết họ đang sống tốt hơn cha mẹ mình, trong khi các cuộc thăm dò khác cho thấy họ là thế hệ hạnh phúc nhất và ít gặp rắc rối về tài chính nhất trong thời đại Thức tỉnh.

Các thế hệ trẻ hơn ít phản đối việc nộp thuế để hỗ trợ thêm các lợi ích cho người già, vì số tiền này đã giúp thu hẹp sự cách biệt của người già về mặt văn hóa, địa lý, và gia đình. Các khoản trợ cấp mới

cũng giúp Thế hệ Vĩ đại nhất tự nguyện rời bỏ nơi làm việc, trở thành những người nghỉ hưu trẻ nhất trong lịch sử Mỹ. Đối với Thế hệ Lạc lõng, từ *nghỉ hưu* bao hàm điều mà bạn làm với một con ngựa đã mệt mỏi; đối với Thế hệ Vĩ đại nhất, nó có nghĩa là một thế giới giải trí kéo dài hai thập niên trong tình trạng sức khỏe tương đối tốt. Hàng triệu người nghỉ hưu Thế hệ Vĩ đại nhất đã tách ra sống tại những cộng đồng chỉ dành cho người già, thường cách xa nơi ở của con cái đã lớn. Ở đó, họ bắt đầu cho thấy một sức sống và sự vui tươi, gợi nhớ đến các vùng ngoại ô của kỷ nguyên Lạc quan mà họ đã xây dựng thời trung niên. Ở Sun City thuộc Arizona, nhà lão khoa Thế hệ Bùng nổ, Ken Dychtwald, thấy rằng “thật khó tìm được thời gian để nói chuyện với mọi người; họ quá năng động và bận rộn.” Trong các cộng đồng mới, người lớn tuổi có thể dựng lên bức tường ngăn sự xâm chiếm của văn hóa thời kỳ Thức tỉnh. “Sun City là nơi an toàn,” Dychtwald nói. “Một cư dân có thể đi dạo trên đường phố mà không sợ bị bắt ngờ, khó chịu, hay sự khó coi.”

Sự ngạo mạn thế hệ mạnh mẽ là nền tảng cho tòa dinh thự mới và rộng lớn này của người già, không thua gì sự ngạo mạn trong Chiến tranh Việt Nam hoặc chương trình Xã hội Vĩ đại. Trong khi Miền đất Tương lai của Thế hệ Vĩ đại nhất đã từng đồng nghĩa với những tuyến đường sắt một ray và bước đi trên Mặt trăng, thì bây giờ nó có nghĩa là thuốc men của thời đại không gian ở cơ sở chăm sóc chuyên sâu. Khi những người già đầu tiên của Mỹ tự gọi mình là “những công dân cao tuổi,” hầu hết Thế hệ Vĩ đại nhất tin rằng sự lựa chọn tập thể của họ là tốt thật sự cho mọi thế hệ – rằng bất kỳ điều gì họ đã làm để cải thiện tuổi già của mình cũng sẽ cải thiện tuổi già cho người đi sau, nếu như giới trẻ cứ lạc quan và kiên nhẫn. Tuy nhiên, như thường xảy ra trong thời kỳ Thức tỉnh, Thế hệ Vĩ đại nhất kiên trì với các thói quen công dân trước đó mà không tập trung vào tương lai như trước đây. Lợi ích của người cao niên bùng nổ đúng vào lúc thu nhập của người lao động

bắt đầu chững lại. Tỷ lệ đói nghèo ở người lớn tuổi lao dốc trong thập niên 1970, đúng vào lúc tỷ lệ đói nghèo ở trẻ em vọt như tên lửa. Được thừa hưởng từ cha mẹ một nền kinh tế với công suất dư thừa khá lớn chỉ đợi giới trẻ khai thác, Thế hệ Vĩ đại nhất bắt đầu truyền lại cho con cái họ một nền kinh tế quá tải về tài chính không đủ khả năng chi trả cho một chương trình nghị sự công cộng mới.

Kể cả khi họ buông bỏ, Thế hệ Vĩ đại nhất vẫn tiếp tục duy trì danh tiếng của mình (và hình ảnh bản thân) như những người thành đạt tích cực và có năng lực. Khi ấy, họ được hỗ trợ bởi một sự đồng thuận mới về tuổi tác. Trở lại Lạc quan, một thời kỳ mà năng lượng thể chất được đề cao, hầu hết các chuyên gia y tế tin rằng sự suy thoái cơ thể ở người già làm họ khác biệt, có năng suất lao động thấp hơn người trẻ. Quan điểm đó đã giúp thúc đẩy nỗ lực của Thế hệ Vĩ đại nhất nhanh chóng đẩy người già Lạc lõng ra khỏi lực lượng lao động. Trong thời kỳ Thức tỉnh, nhà phân tích tâm lý thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất Erik Erikson cho rằng vai trò đúng đắn của người già nằm ở *khả năng dìu dắt thế hệ sau*, như thể tuổi già là một giai đoạn sống rất năng suất (thậm chí có khả năng sinh đẻ) – điều mà Betty Friedan sau này đã mô tả như là “Suối nguồn của tuổi tác.” Với sự nhấn mạnh mới mẻ và đầy lạc quan về tuổi già thành công, tạp chí *Modern Maturity* từ chối chấp nhận các quảng cáo ngụ ý về sự suy giảm thể chất, và Robert Butler đã lãnh đạo cuộc tấn công chống lại người sử dụng lao động “phân biệt tuổi tác” thường gắn tuổi già với sự suy giảm thể chất.

Trước khi thời kỳ Thức tỉnh kết thúc, Thế hệ Vĩ đại nhất đã tái định hình quan niệm về tuổi già: Chưa bao giờ trong ký ức của những người đang sống, Mỹ lại có một thế hệ già đầy quyền lực chính trị và kinh tế đến vậy – song lại vô hình trong lĩnh vực văn hóa và các giá trị sống. Trong khi các công dân lớn tuổi Thế hệ Vĩ đại nhất vẫn còn hiển hiện như những người điều hành và nắm tài chính tại các tổ chức quốc

gia, họ bắt đầu gặp rắc rối với điều mà George Bush sau này gọi là “vấn đề tầm nhìn.” Tác động định hình của họ đối với thanh niên là gần như bằng không, thường chỉ tái hiện quá khứ (như việc chiếu lại bộ phim hài cũ *Honeymooner* (Tạm dịch: Các cặp đôi hưởng tuần trăng mật) hoặc những âm thanh mono của ban nhạc lớn trên radio AM). Hầu như không có người lớn tuổi nào sản xuất phim, viết tiểu luận, sáng tác nhạc, hoặc thuyết giảng vì lợi ích của khán giả trẻ. Trong mấy năm sau đó của Thế hệ Vĩ đại nhất, kể cả khi đất nước tổ chức kỷ niệm những chiến công anh hùng của họ với vô số ngày lễ về Thế chiến II, sự lạc lõng của họ trong cuộc tranh luận về các giá trị mới đã khiến tờ *New York Times* phải cất tiếng hỏi, qua dòng chữ in đậm khổ lớn, “Liệu có ai đang lắng nghe thế hệ của Thế chiến II?”

Khi những đứa con thua kém họ về sự giàu có đang vật lộn trong nền kinh tế, Thế hệ Vĩ đại nhất tiếp tục trong các vai trò quen thuộc của mình như nguồn dự phòng tài chính cho gia đình họ. Với việc Thế hệ Vĩ đại nhất đang già đi, tiền chuyển giao từ người già sang những đứa con trưởng thành đã tăng gần gấp ba (sau khi điều chỉnh theo lạm phát), và ngày nay ước tính khoảng 10% tổng số của cải Thế hệ Bùng nổ. Nhưng bọn trẻ trưởng thành ấy thường xuyên yêu cầu họ giúp đỡ thiết thực, chứ hiếm khi cần lời khuyên của họ về định hướng cơ bản trong cuộc sống. Theo Dychtwald mô tả, nhiều người cao niên ngày càng phiền lòng bởi “sự thiếu tôn trọng và trân trọng,” trái ngược với sự ngưỡng mộ kính trọng mà họ đã từng dành cho các bậc cha mẹ Thế hệ Sứ mệnh của họ. “Trong thời gian chúng tôi còn nhỏ, ông bà là những người thầy, người khuyên bảo, người cố vấn,” những vai trò mà theo lời bà LeShan đã bị “cướp hoàn toàn” khỏi những người cùng Thế hệ Vĩ đại nhất với bà. Vợ của Erik Erikson, Joan, nhận xét rằng “khi chúng tôi xem xét vòng đời ở tuổi 40, chúng tôi tìm đến người già vì sự khôn ngoan.” Đến lượt Thế hệ Vĩ đại nhất, bà than thở, “nhiều người già lại không khôn ngoan.”

Trong suy nghĩ cuối cùng của họ, những người nổi tiếng của Thế hệ Vĩ đại nhất như George Kennan, Lillian Hellman, Eric Sevareid, và Theodore White đã lên tiếng đầy đau khổ đối với sự mất mát đều đặn trong tinh thần cộng đồng của người Mỹ. Trở lại thời kỳ Lạc quan, khi thế hệ họ vận hành nền văn hóa “cái chung,” mọi thứ dường như phù hợp với nhau có tính xây dựng. Giờ đây, khi bước sâu vào thời kỳ Thức tỉnh, điều đó đã không xảy ra.

Trong phim *It's a Wonderful Life* (Tạm dịch: Đó là một cuộc sống tuyệt vời), Jimmy Stewart cảm thấy tuyệt vọng về sự vô nghĩa của cuộc đời mình, cho đến khi một thiên thần nhắc nhở rằng nếu như anh chưa từng tồn tại, hẳn là thị trấn của anh đã chìm vào một vực thẳm suy đồi và truy hoan ra sao. Trở về nhà, Stewart tiết kiệm được các khoản trợ cấp và cho vay của chính phủ nhờ vào những món quà từ người già và người trẻ, đền đáp cho anh vì tất cả những việc tuyệt vời anh đã làm. Cũng như Jimmy Stewart, trong thời kỳ Thức tỉnh, Thế hệ Vĩ đại nhất nhận được những phần thưởng từ cộng đồng, nhưng không giống anh, họ phải chứng kiến cái xã hội mà họ đã cố công dọn dẹp thành thứ mà họ không mấy ưa thích. Thỏa thuận mà Thế hệ Vĩ đại nhất đạt được vào thập niên 1970 có vẻ tốt đẹp vào lúc ấy, nhưng khi thập niên 1980 bắt đầu, cái giá phải trả trong dài hạn trở nên rõ ràng hơn. “Chúng tôi đón nhận sự tuyệt vọng thật khó khăn,” LeShan thừa nhận, “bởi chúng tôi lớn lên không quen với nó.” Song vào cuối thời kỳ Thức tỉnh, giữa các sân golf và bệnh viện của những Sun City lấp lánh và hỗ trợ giới trẻ, sự tuyệt vọng chính là thứ mà nhiều người Thế hệ Vĩ đại nhất bắt đầu cảm thấy.

THẾ HỆ IM LẶNG BƯỚC VÀO TUỔI TRUNG NIÊN: NHỮNG CHA XÚ DAO ĐỘNG

Trong đám tang của John Kennedy, Theodore White nhận thấy rằng “dù người ta có tới bất kỳ nơi nào ở Washington để hòa vào nổi

đau buồn đó, họ đều bắt gặp những người trẻ... ở độ tuổi 20, 30.” Các cuộc thăm dò ý kiến xác nhận rằng thảm kịch này đã để lại một dấu ấn lớn cho Thế hệ Im lặng hơn bất kỳ thế hệ nào. Ba tháng trước đó, một phần tư triệu người Mỹ, chủ yếu là thanh niên, đã tuần hành đến Đài tưởng niệm Lincoln để nghe Martin Luther King Jr. 34 tuổi hùng hồn nói về những giấc mơ chung của nhiều người. Giống Kennedy, King đã làm mê say một thế hệ, trong đó có các nghệ sĩ và trí thức mới, bắt đầu đặt câu hỏi về hệ thống mà họ đã nhượng bộ đầy nhu nhược.

Sự ra đi của Tổng thống Kennedy đã giục già Thế hệ Im lặng đòi hỏi nhiều hơn ở những người mà sau này họ gọi là “những người nắm quyền lực.” Từ hoạt động bất bạo động của Medgar Evers đến các bài hát dân gian của nữ ca sĩ nhạc đồng quê Joan Baez và nhóm nhạc Kingston Trio, những người được gắn mác (một cách chính xác) là “thế hệ quyền dân sự” đã giằng xé lương tâm đất nước. Được truyền cảm hứng, hàng triệu đồng sự Thế hệ Im lặng với sở trường của mình đã trợ giúp công cuộc của Vĩ đại nhất và cảm thông với phong trào thanh niên đang nổ ra. Ngay sau đó, lại thêm hai bi kịch khiến thế hệ này phải rơi lệ. Lần này, hai nhà lãnh đạo của Thế hệ Im lặng đã ngã xuống: King và Robert Kennedy, những con người mà nhiều người lúc đó (và bây giờ) cảm thấy là hai người tốt nhất mà họ đã dâng hiến. Sau đó, hy vọng còn lại cứ ít dần đi và hối tiếc thì nhiều hơn về những gì lẽ ra đã có. Thế hệ này sẽ không bao giờ có lại cảm giác được nâng đỡ bởi đời sống cộng đồng.

Trong thời kỳ Thức tỉnh, Thế hệ Im lặng chỉ gặp phải vài vấn đề kinh tế. Thu nhập trong những năm tháng đẹp nhất cuộc đời họ tăng không ngừng, được thúc đẩy bởi nhu cầu liên tục về nhân lực có tay nghề của chính phủ và doanh nghiệp. Vào cuối thập niên 1970, Thế hệ Im lặng đã trưởng thành đủ để thoát khỏi sự đình trệ mà không phải chịu hậu quả nào đáng kể, và giá nhà tăng bất ngờ do các tổ chức tài chính về tiết kiệm và cho vay gây ra khiến nhiều người trong họ kiếm

được những món hời trời cho rất lớn. Ngoại trừ những phụ nữ ly hôn không bao giờ tái giá, mỗi nhóm nhân khẩu của Thế hệ Im lặng đều có được vận may, biến họ trở thành thế hệ vận động đi lên nhanh nhất trong lịch sử Mỹ. Tuy nhiên, sự may mắn bên ngoài ấy đã che đậy một sự hỗn loạn bên trong, một cuộc tìm kiếm giải tỏa cảm xúc, một cảm giác về việc đã bỏ lỡ những thử thách vòng đời mà các thế hệ khác từng đối mặt.

Trong suốt thời kỳ Thức tỉnh, Thế hệ Im lặng trở thành nguyên liệu để nhồi vào chiếc bánh sandwich thế hệ, trẻ hơn Vĩ đại nhất đầy năng lực nhưng lại già hơn Bùng nổ bất cần đời. Nhìn lên bậc thang tuổi tác, Thế hệ Im lặng cảm thấy mình như những nhà kỹ trị vô danh hơn là một Siêu nhân mang phong cách Thế hệ Vĩ đại mà Tom Wolfe ngưỡng mộ gọi là “chất liệu phù hợp.” Giống như Neil Armstrong, họ đã đi những “bước nhỏ” theo sau “bước nhảy khổng lồ” của người đi trước. Nhìn xuống bậc thang tuổi tác, họ thấy mình (theo lời Howard Junker) “trưởng thành ngay khi thế giới qua tuổi thiếu niên.” Thế hệ Im lặng cảm thấy bị giằng xé bởi các chương trình nghị sự mâu thuẫn của hai người hàng xóm thế hệ đang cãi nhau. “Trong men say của thập niên ’60, một giai đoạn của chương trình Khoảng cách Thế hệ nổi tiếng, chúng tôi đã chiếm lấy khoảng cách ấy, không có gì nổi bật như thường lệ,” Wade Greene nhớ lại. Thiếu đi một tiếng nói độc lập, giới trung niên đã áp dụng chủ nghĩa tương đối về đạo đức kiểu trọng tài, dung hòa tranh cãi giữa những người khác – và tiếp cận những người thuộc mọi nền văn hóa, chủng tộc, thu nhập, tuổi tác, và khuyết tật. Các căng thẳng họ cảm nhận được đã giúp họ trở thành thế hệ vĩ đại nhất của Mỹ, với các nhạc sĩ, diễn viên hài, và bác sĩ chuyên khoa.

Cách mạng tình dục của thời kỳ Thức tỉnh đến với Thế hệ Im lặng ở một giai đoạn khó xử trong cuộc đời, khi họ đang có những đứa con ở nhà. Điều này biến họ trở thành các nhân vật chính trong

Bob and Carol and Ted and Alice (Tạm dịch: Bob và Carol và Ted và Alice) mà Rose Franzblau mô tả là “một thế hệ của sự ghen tuông và đảo lộn vai trò.” Nam giới Thế hệ Im lặng cảm thấy ngọt ngào, nữ giới Thế hệ Im lặng cảm thấy bức bối. Cả hai giới đều tìm cách thoát khỏi nhau sau khi hỏi, theo lời Benita Eisler, “câu hỏi đánh dấu sự kết thúc của mọi cuộc hôn nhân: ‘Tất cả chỉ có thể thôi sao?’” Từ năm 1969 đến 1975, khi Thế hệ Im lặng trở thành mối quan tâm lớn đối với lập pháp nhà nước, con số các bang có luật ly hôn không viện lỗiⁱ tăng mạnh từ 0 lên 45. Trong khi mọi thế hệ đều tham gia vào cơn đại dịch ly dị, thì Thế hệ Im lặng cho thấy sự gia tăng mạnh nhất về nhóm tuổi và nổi lên với tội lỗi rơi rớt lại sâu đậm nhất.

Thế hệ Im lặng tuổi trung niên phát hiện ra ham muốn tình dục cũng đến với những người từng bỏ lỡ nó thời trẻ. Các nam giới tuổi 40 học để trở thành chuyên gia tình ái, còn những ai “được giải phóng” thì theo đuổi điều được John Updike gọi là “Thiên đường hậu thuốc tránh thai.” Những ông bầu phá bỏ rào cản bèn cho ra mắt các câu lạc bộ Playboy, các bộ phim được gắn nhãn “Hạn chế,” và các vở kịch khỏa thân trên sân khấu Broadway. Nhìn vào những dấu hiệu phía trên và phía dưới trong thang bậc tuổi tác, nam giới Thế hệ Im lặng đã lắp ráp được một định nghĩa tổng hợp về nam tính. Kết quả là một hỗn hợp về các hình mẫu vai trò, kết hợp tính tự tin của Thế hệ Vĩ đại nhất với tính nhạy bén của Bùng nổ (Merlin Olsen, Carl Sagan), tính cơ bắp của Vĩ đại nhất với tính hay phán xét của Bùng nổ (Clint Eastwood, Charles Bronson), hoặc loạn thần kinh chức năng (Alan Alda, Woody Allen). Những người khác trở thành các chính khách đồng tính (Harvey Milk, Barney Frank) và người chuyển giới nổi tiếng (Christine Jorgensen, Renée Richards) đầu tiên “lộ diện” của Mỹ. Bị mắc kẹt ở giữa như thế,

i. Nguyên văn: “no-fault divorce laws”, là luật mà toàn án cho phép các cặp đôi ly hôn mà không cần nguyên đơn phải đưa ra bằng chứng về sự sai trái hay lỗi lầm vi phạm đạo đức của bên còn lại.

nhiều người Thế hệ Im lặng cảm thấy giống như một nhân vật trong tác phẩm của Gail Sheehy ước rằng “ai đó sẽ cho tôi được là chính tôi, đôi khi dịu dàng, và cũng phụ thuộc nữa, nhưng cũng kiêu kỳ và tham lam và ghen tị và ganh đua.”

Nhiều phụ nữ Thế hệ Im lặng thấy bất mãn vì đã tự cho phép mình trở thành *Stepford Wives* (Tạm dịch: Những bà vợ ở Stepford), giới hạn mình trong các công việc gia đình và chăm sóc con cái trong khi sự nghiệp của chồng phát triển mạnh. Và nhiều người có cái nhìn hoài nghi hơn đối với lời thể thủy chung trong một thời đại mà nhiều đàn ông trung niên có vợ đã đầu hàng trước điều mà Barbara Gordon gọi là “Jennifer Fever” (Tạm dịch: Cơn sốt Jenifer)ⁱ, sức hấp dẫn của những phụ nữ trẻ được giải phóng tình dục. Thế hệ phụ nữ trẻ tuổi nhất và kết hôn nhiều nhất trong lịch sử Mỹ bắt đầu đặt trước tên mình tiền tố chỉ vị thế như nhà hoạt động nữ quyền Gloria Steinem “Ms.” (Quý cô), trong khi những người ly dị ở tuổi 40 bắt đầu thu hút sự chú ý của truyền thông, đòi bình đẳng pháp lý, và khởi đầu sự nghiệp ở tuổi trung niên. Áp dụng những bài diễn thuyết mang tính công kích như của Thế hệ Bùng nổ trẻ trung hơn, các nhà hoạt động nữ quyền Thế hệ Im lặng như Kate Millett, Susan Brownmiller, và Ti-Grace Atkinson đã tấn công “đàn ông, kẻ áp bức” vì đây là “con thú săn mồi về bản chất” bị thúc đẩy bởi “chủ nghĩa ăn thịt người siêu hình.” Sự hợp tác về vai trò giới tính từng làm hài lòng giới trung niên Thế hệ Vĩ đại nhất giờ đây lại là sự hỗn loạn hoàn toàn.

Khi nam giới và nữ giới trung niên bắt đầu đập nát những khuôn sáo và chấp nhận rủi ro về sự nghiệp cũng như gia đình – thay đổi bạn đời, thay đổi nghề nghiệp, hiểu biết sơ về liệu pháp – “thời trung niên” đi vào ca từ của nhạc pop. Kể từ khi các tác giả Thế hệ Im lặng Daniel

i. Tên một cuốn sách của Barbara Gordon, nói đến xu hướng những người đàn ông nhiều tuổi có mong muốn lấy những cô vợ trẻ trung hơn mình, không quan trọng về trình độ học vấn hay tính cách, mà chỉ cần một thứ tình cảm vô điều kiện và không dẫn đo.

Levinson và Gail Sheehy phát hiện ra điều mà Sheehy gọi là sự kiện vòng đời “tươi mới” ấy, gần như mọi tác giả viết về chủ đề đó đều thuộc thế hệ này. Trước thời điểm đỉnh cao của thời kỳ Thức tỉnh, nhiều người Thế hệ Im lặng nhìn lại Lạc quan và cảm thấy, như với Bob Dylan, “À, dù tôi lúc đó già nua hơn nhiều, / Bây giờ tôi lại trẻ hơn.” Như William Styron ghi nhận vào năm 1968, “Tôi nghĩ rằng những con người tuyệt nhất của thế hệ mình – trong độ tuổi cuối 30 đầu 40 – đã đảo ngược các quy tắc thông thường của trò chơi và trở nên quyết liệt hơn khi họ nhiều tuổi hơn, một dấu hiệu bối rối nhưng lành mạnh.” Trong cuốn *Future Shock* (Tạm dịch: Cú sốc tương lai), Alvin Toffler đã phát triển một “chỉ số tạm thời” nhằm lượng hóa số vụ đổ vỡ trong các mối quan hệ của con người. Nhờ những người đồng đảng với Toffler, chỉ số đó đã tăng mạnh trong suốt nửa sau của thời kỳ Thức tỉnh. Trong khi Daniel Ellsberg và Joyce Brothers cố gắng phơi bày nhiều bí mật hơn, thì Phil Donahue và Ruth Westheimer lại cố gắng có nhiều cuộc nói chuyện hơn, tất cả với hy vọng rằng nếu có thêm nhiều dữ liệu và đối thoại thì sẽ xây dựng được một xã hội tốt đẹp hơn theo một cách nào đó.

Với tư cách là những ngôi sao nhạc rock, cử nhân, và luật sư, Thế hệ Im lặng đã cố vấn cho văn hóa thời kỳ Thức tỉnh và thành lập các nhóm bất đồng chính kiến mà sau này Bùng nổ đã cấp tiến hóa. Giống như luật sư Sam Yagur, người đã dỡ dành người cha nông dân của mình cho thuê tài sản gia đình ở Woodstock để tham dự một lễ hội thanh niên, Thế hệ Im lặng lái chiếc xe buýt kỳ diệu trong khi những đứa trẻ Bùng nổ nô đùa. Dù với tất cả lòng cảm thông của mình, Thế hệ Im lặng cũng không bao giờ hoàn toàn cảm thấy được hoan nghênh trong thứ văn hóa cuồng nhiệt của giới trẻ. Câu nói “không bao giờ tin bất kỳ ai trên 30 tuổi” đã được tạo ra bởi Jack Weinberg, một học viên sau đại học của Đại học Berkeley, và chính anh cũng sắp bước sang tuổi đó. *It's Hard to Be Hip Over Thirty* (Tạm dịch: Thật khó mà hợp thời khi qua tuổi 30), Judith Viorst đã bối rối viết những dòng tụng ca cho

một thế hệ từng có lần cảm thấy được sinh ra quá muộn, nhưng giờ đây lại cảm thấy được sinh ra quá sớm.

Vẫn thêm muốn sự tôn trọng từ người lớn tuổi Thế hệ Vĩ đại nhất, nên Im lặng cố gắng thuyết phục Bùng nổ rằng mình hiểu họ và có thể giúp họ truyền tải sự giận dữ kia. Từ những lời hô hào của Stokely Carmichael và Malcolm X, những lời ca của Simon và Garfunkel, nghệ thuật ảo giác của Peter Max, đến âm thanh Motown của Berry Gordy, các nhà hoạt động và nghệ sĩ Thế hệ Im lặng đã diễn đạt thay sự tức giận của thanh niên. Khi Abbie Hoffman và Jerry Rubin trở thành những người thổi kèn đầy sắc màu của cuộc nổi dậy (“Chúng tôi biết mình không thể có được Archie Bunker, vì vậy chúng tôi đã đi kiếm những đứa con của Archie Bunker,” Hoffman nói), Thế hệ Im lặng bắt đầu than vãn về các cơ hội bị bỏ lỡ trong thời thanh niên và suy nghĩ lại về sự đầu hàng của họ trước nền văn hóa của Thế hệ Vĩ đại nhất. Các ngôi sao học thuật mới nghe đâu mình bị chế nhạo bởi George Wallace là “mấy giáo sư đầu nhọn không thể lái xe đạp đi thẳng,” và bởi Spiro Agnew là “những người có thể lực huyền thuyên về chủ nghĩa tiêu cực” và “những cha xứ dao động.” Song nếu Thế hệ Im lặng không có cú thúc của Vĩ đại nhất, họ vẫn biết cách nhấn các nút theo thủ tục để khiến quyền lực của Vĩ đại nhất phải quỳ gối trước họ. Các vụ việc như Chicago Seven, Harrisburg Seven, Camden Seventeen, Seattle Seven, Kansas City Four, Evanston Four, Gainesville Eight, *Pentagon Papers* Four: Từ vụ này tới vụ kia, các bị cáo và luật sư hầu hết thuộc Thế hệ Im lặng đã tiếp tục tấn công hệ thống xã hội đó về mặt kỹ thuật và bỏ đi để rồi lại tranh luận.

Cho tới giữa thập niên 1970, nhiều cựu đồng sự trung niên đã ngấm phá hoại trật tự dân sự mà Thế hệ Vĩ đại nhất đã xây dựng, và Russell Baker gọi nó là “thất bại khổng lồ và tiến bộ về quyền lực.” Ralph Nader đã nã loạt đạn khai mào vào nền sản xuất hàng loạt theo phong cách Thế hệ Vĩ đại nhất bằng cách công kích ô tô Mỹ là *Unsafe*

at Any Speed (Tạm dịch: Không an toàn ở bất kỳ tốc độ nào), gây ra “chết chóc, thương tật, đau khổ và mất mát khôn xiết cho hàng triệu người.” Cơ quan lập pháp Thế hệ Im lặng liền ban hành các bước trong quá trình mới, và các luật sư Im lặng đã khéo léo dùng để bẫy các công ty hay chính phủ bằng những định nghĩa mới về hành vi sai trái. Từ năm 1969 đến 1975, số lượng các trung tâm luật vì lợi ích công tại Mỹ tăng năm lần. Trong những năm này, Thế hệ Im lặng bắt đầu thống trị các bồi thẩm đoàn và trao những phần thưởng có nguy cơ gây-đau-đớn-và-khổ-ải, tạo ra sự hỗn loạn trong mô hình bảo hiểm người già Vĩ đại nhất. Dù bản án là gì đi nữa, sau đó vẫn là sự kháng cáo. Trong lối suy nghĩ của người trung niên Thế hệ Im lặng, không có gì có thể được tuyên bố là cuối cùng; bất kỳ kết quả nào cũng là đối tượng của nghi ngờ hoặc suy diễn lại. Trong toàn xã hội Mỹ, Thế hệ Im lặng tuổi trung niên muốn làm cho cuộc đời giống như sự xem lại ngay tức thì trong trận bóng bầu dục, là nơi mà ai cũng có thể đề nghị lên trên để được xem xét lại bất kỳ quyết định nào hoặc thương thảo lại bất kỳ hợp đồng nào. Trên đấu trường, một thế hệ đã từng chèo lái các đế chế thể thao xán lạn cuối cùng (Packers, Yankees, Celtics) giờ đây chỉ có những kẻ thách thức cô đơn (John Mackey, Curt Flood) và những luật sư dạy người chơi trẻ tuổi cách để khẳng định quyền lợi của mình trước ông chủ lớn tuổi hơn.

Khi đến độ tuổi mà trước đây ở tuổi này Thế hệ Vĩ đại nhất đã nhận lĩnh trách nhiệm, Im lặng giờ đây chống lại ý tưởng rằng *bất kỳ ai* đều có thể hoặc nên có được sự lãnh đạo mang phong cách Vĩ đại nhất. Thay vào đó, họ áp dụng một phong cách nhẹ nhàng hơn liên quan tới kỹ năng công dân. Họ thấu hiểu những suối nguồn bên trong mà Thế hệ Vĩ đại nhất lớn tuổi ít khi cảm nhận được, trong khi duy trì một tinh thần về nghĩa vụ xã hội mà Bùng nổ ít khi cùng chia sẻ. Các giải pháp của họ – công bằng, công khai, đúng quy trình – phản ánh một cảm giác sâu sắc về việc bằng cách nào và tại sao con

người lại thiếu hụt những kế hoạch dân sự lớn hoặc các chuẩn mực đạo đức lý tưởng. Toffler nói rằng Mỹ đang ở giữa một “cuộc khủng hoảng lịch sử về sự thích nghi,” kêu gọi “sự chùng mực và kiểm soát thay đổi” bằng “kiến thức khoa học chính xác, được áp dụng chuyên nghiệp vào các điểm nhạy cảm và quan trọng nhất trong việc kiểm soát xã hội.” Những lời kêu gọi thích nghi của Thế hệ Im lặng không nảy sinh từ quyền lực thế tục kiểu Vĩ đại nhất hay sự giận dữ về tinh thần kiểu Bùng nổ, mà từ tính nhân văn tự ý thức được và một lương tâm xã hội đầy đủ thông tin.

Trong chính trị, việc lấy người khác làm trung tâm khiến thế hệ này bị Paul Tsongas mô tả là “rất có vấn đề” so với những thế hệ đi trước. Khi các nhà lập pháp Thế hệ Im lặng thay thế Vĩ đại nhất trong nửa sau thời kỳ Thức tỉnh, họ đã tạo ra (William Schneider nói) “một nền văn hóa chính trị được tri thức hóa cao độ, tôn trọng chuyên môn và năng lực.” Thế hệ Im lặng ô ạt lên nắm quyền trong cuộc bầu cử sau vụ Watergate năm 1974, cái năm được Tim Wirth nhớ đến như một bước chuyển khi Mỹ bước vào thời kỳ hậu công nghiệp, Thời đại Thông tin, và kỷ nguyên của “vốn con người” khi các bang (chứ không phải quốc gia) sẽ là “những phòng thí nghiệm của nền dân chủ.” Sau khi họ đạt được đa số ghế nghị sĩ và thống đốc của Mỹ (năm 1977), mối bận tâm chính là ngăn chặn các tổ chức lớn làm những điều tệ hại đối với người dân bình thường. Họ đã làm việc này bằng cách viết các báo cáo tác động, rà soát các ảnh hưởng thị trường ngoại lai, thiết kế các tiến độ, tổ chức các buổi điều trần, thiết lập các ủy ban giám sát, và công khai các bí mật của chính phủ. Trong thế giới kinh doanh, Thế hệ Im lặng đã thách thức cấu trúc kim tự tháp mang phong cách Vĩ đại nhất bằng một dạng tập đoàn phi tập trung dưới hình thức phân cấp mới mẻ.

Trong khi Thế hệ Vĩ đại nhất tuổi trung niên không thích sự đa dạng, thì Im lặng đã gây được tiếng vang “muôn hình vạn trạng.” Trong

con mắt của thế hệ có ít người nhập cư nhất trong lịch sử Tân Thế giới này, Mỹ như một đĩa “salad” với các thành phần không bị pha trộn thay vì một nồi lẩu. Chủ nghĩa đa phương và sự phụ thuộc lẫn nhau bắt đầu thống trị các cuộc tranh luận về chính sách đối ngoại. Tầng lớp trí thức tinh hoa mới, khi áp dụng Nguyên tắc Pogo phản bá quyền (“Chúng ta đã gặp kẻ thù, và chúng chính là chúng ta”), đã kết luận rằng Mỹ có thể học hỏi nhiều hơn từ các xã hội khác chứ không phải ngược lại. Trong khi đó, cuộc sống trở nên phức tạp và sành sỏi hơn, với sự thích thú của một thế hệ lớn lên cùng với tivi đa kênh và Bánh mì Wonder.

Nhờ tính mâu thuẫn, không chắc chắn, và phức tạp này do Thế hệ Im lặng tạo ra, việc xây dựng những nguồn năng lượng mới mẻ (như lò phản ứng hạt nhân trên đảo Three Mile) trở nên khó khăn hoặc không thể. Một khi năng suất đình trệ, thì bất kỳ phản ứng nào cũng đều được các nhà tư tưởng Thế hệ Im lặng hiểu là có vấn đề, như Lester Thurow nói trong cuốn *Zero-Sum Society* (Tạm dịch: Xã hội tổng bằng không), rằng việc cải thiện điều kiện của một nhóm nào đó hiện thời sẽ khiến một nhóm khác phải trả giá. Khi Câu lạc bộ Rome kêu gọi “các giới hạn cho tăng trưởng,” Jerry Brown đã tuyên bố rằng Mỹ đang “đạt đến giới hạn bên ngoài của tiềm năng chúng ta.” Thời đại của Giới hạn đã trở thành điều mà William Schneider gọi là “chủ đề *tâm trạng*” của thế hệ mình.

Khi Thế hệ Vĩ đại nhất tuổi trung niên đã làm được những điều tuyệt vời và cảm thấy lịch sử rộng mở, khi Bùng nổ trẻ tuổi hài lòng nhìn vào trong tâm hồn mình, thì Im lặng lại coi những điều tuyệt vời là đương nhiên và nhìn *vượt khỏi* bản thân, cùng với lo lắng rằng lịch sử đang vượt qua họ. Họ trở nên thích thú với việc tạo ra những điểm tham chiếu vòng đời quanh các dấu mốc cá nhân (chứ không phải lịch sử), các quá trình chuyển đổi có rất ít kết nối với dòng chảy sự kiện lớn hơn. Giống như Elvis, một thế hệ hiện thời rõ ràng đã ở tuổi trung niên vẫn còn phân vân chuyện “Tôi dành cả cuộc đời / Đợi chờ cho đến thời.”

Đấu tranh để thoát khỏi sự tuân thủ đầu đời, Thế hệ Im lặng muốn thả lỏng bản thân – không xây dựng những thứ to tát hoặc rao giảng mấy chân lý gớm ghê, mà muốn giúp chính mình và người khác cởi mở, hòa hợp, dịu xuống, liên hệ, bày tỏ, và chỉ cần *thư giãn* một chút.

THẾ HỆ BÙNG NỔ BƯỚC VÀO TUỔI TRƯỞNG THÀNH: NHỮNG CHIẾN BINH HUYỀN BÍ

“Tôi là một Sinh viên! Không gấp lại, không đục đẽo, hoặc làm hư hỏng!” là dòng chữ trên mấy tấm biển của những người biểu tình bên ngoài tòa Sproul Hall ở Đại học UC, Berkeley vào năm 1964, chế nhạo việc nhà trường đối xử với sinh viên như tấm thẻ đục lỗ bằng máy tính.

Trong khi trước đó các phong trào sinh viên thường là việc của một số ít người đơn độc (và lịch sự), lần này lại tụ thành đám và giận dữ. Những người biểu tình trong phong trào Tự do Ngôn luận xem thường một cuộc sống “hài lòng với sự tiết trùng, tự động hóa” mà “những vùng đất hoang của trí tuệ và đạo đức” ở Mỹ đang chuẩn bị cho các cử nhân trẻ. Giữa lúc bài hát “Eve of Destruction” (Tạm dịch: Đêm phá hoại) của Barry McGuire đứng đầu các bảng xếp hạng nhạc pop, sinh viên tại Berkeley quyết tâm “ném mình vào các bánh răng” để ngăn chặn cỗ máy của Thế hệ Vĩ đại nhất.

Trong vòng một vài năm, giống như các thành phố và kho quân sự, những trường đại học tốt nhất của Mỹ chìm trong bạo lực của giới trẻ. Thường thì rắc rối bắt đầu khi những người quản lý cố gắng làm sạch một công viên hoặc dựng lên một tòa nhà mà sẽ mang lại lợi ích cho sinh viên. Thay vì khen ngợi, Thế hệ Vĩ đại nhất lại nghe thấy tiếng gào thét giống như của Jacob Brackman: “Mẹ xây nó lên, chúng con sẽ phá tan nó.” Những đứa trẻ giàu có bề ngoài bảnh bao, mặc quần áo theo phong cách phi giới tính, và tuyên bố mình là “những người kỳ dị” như thế để khước từ sự sung túc và trật tự dân sự của người lớn tuổi. Trở lại năm 1962, tổ chức Sinh viên vì một Xã hội Dân chủ (SDS) do

Thế hệ Im lặng thành lập, đã khuyến khích cho sự “chuyển tiếp” xã hội và coi bạo lực là “đáng ghê tởm.” Vào cuối thập niên 1960, một SDS cực đoan đã hét vào mặt “mấy con lợn” đang cố gắng giữ gìn trật tự, trong khi bạo lực thanh niên trở thành thứ mà Rap Brown gọi “là cây nhà lá vườn của Mỹ.” Năm 1970, 44% sinh viên đại học tin rằng bạo lực là cần thiết để mang đến sự thay đổi. Năm đấm đã trở thành biểu tượng, áo phông và quần bò thành đồng phục, chủ nghĩa tự do tập thể thành kẻ thù. “Những người này là ai?” Daniel Moynihan, lúc đó là giảng viên tại Harvard, hỏi. “Tôi đề xuất với bạn rằng họ là những Ki-tô hữu bước vào khung cảnh của Rome Thế kỷ 2.”

Trong cuốn *Do You Believe in Magic?* (Tạm dịch: Bạn có tin vào điều kỳ diệu?), Annie Gottlieb đã tuyên bố Thế hệ Bùng nổ là “một bộ tộc có nguồn gốc theo thời gian, chứ không phải theo địa điểm hay chủng tộc.” Đối với những người đồng đảng với bà, thời gian đó là thập niên 1960, bí danh là thời kỳ Thức tỉnh. Sinh ra như những người kế thừa chiến thắng của Thế hệ Vĩ đại nhất, Bùng nổ bước vào tuổi trưởng thành, theo lời Michael Harrington, như “các chiến binh huyền bí” có nhiệm vụ không phải là xây dựng hay cải thiện các thiết chế, mà là để thanh lọc chúng bằng ngọn lửa chính nghĩa. Erik Erikson quan sát những thanh niên mới của Mỹ tham gia vào một “cuộc tìm kiếm sự tái tâm linh hóa.” Trong khi thanh niên Thế hệ Im lặng bước vào tuổi trưởng thành, háo hức tinh chỉnh hệ thống, thì Thế hệ Bùng nổ tiên tiến muốn “đốt đi, em yêu, đốt đi.” Họ đã được nuôi dạy để đặt ra những câu hỏi cơ bản và áp dụng các nguyên tắc cơ bản. Trong số những người trẻ cấp tiến, Keniston ghi nhận “sự gia tăng mạnh mẽ các cảm xúc tôn giáo chủ yếu là tự tưởng tượng ra, bất chấp tuổi thơ thường tương đối không liên quan đến tôn giáo.” Cuộc tìm kiếm sự hoàn thiện tâm hồn này thường được giúp sức bởi các loại thuốc gây ảo giác, mà Marilyn Ferguson tác giả cuốn *The Aquarian Conspiracy* (Tạm dịch: Âm mưu Bảo Bình) đã mô tả là “một

tấm vé tới Xanadu – vùng đất được lý tưởng hóa với sự vĩ đại, vẻ tráng lệ và sắc đẹp bình dị” dành cho “những thanh niên ngẫu hứng, giàu trí tưởng tượng, thuận nãi phải.”

Thế hệ Bùng nổ tìm cách để trở thành những người “cùng nhau” – không phải cùng nhau như những quân đoàn mặc đồng phục của thập niên 1930, mà cùng nhau như trong một “sự rung chấn” đồng nhịp. Thế hệ Bùng nổ nhận thức quan hệ họ hàng về thế hệ của họ giống như thứ mà Jonathan Cott gọi là “chiếc vòng cổ của Shiva trong đó mỗi viên kim cương phản chiếu một viên khác và phản chiếu chính nó.” Trong khi những beatnikⁱ Thế hệ Im lặng bày tỏ cảm giác lo lắng bằng thơ, ra sức tìm kiếm khán giả, thì các hippie Thế hệ Bùng nổ lại loa to lên “những nhu cầu không thể thương lượng” của mình mà không mấy quan tâm ai sẽ lắng nghe. Trong nền văn hóa thanh niên mới, tính thuần khiết của quan điểm đạo đức là quan trọng nhất, và “chủ nghĩa khủng bố bằng lời nói” đã khiến những người dám bất đồng với những người bất đồng phải im lặng. Tính có tổ chức hầu như không có ý nghĩa gì. Keniston ghi nhận thanh niên cấp tiến cuối thập niên 1960, lớn lên với “cảm giác cô đơn, lẻ loi, và cô lập,” đã trở nên chững chạc ra sao qua các biện pháp về sức mạnh của cái tôi, nhưng lại non trẻ về kỹ năng xã hội.

Trong khi những người không chịu gò mình vào khuôn sáo của Thế hệ Im lặng lo sợ các vết nhơ trên hồ sơ vĩnh viễn của họ, thì Thế hệ Bùng nổ lại thấy có ít nguy cơ thật sự. Ân xá thường là yêu cầu trước hết của những kẻ tấn công là sinh viên, và nó hay được chấp nhận. Quan trọng hơn, một nền kinh tế được sặc đầy năng lượng đang tạo ra việc làm cho tất cả những ai gia nhập. Hầu hết những kẻ nổi loạn trong nhà trường đều cho rằng họ càng hạ cố làm công việc đó ngay, họ càng có thể rơi trở lại vào cỗ máy Giấc mơ Mỹ. Lập kế hoạch cho ngày

i. Người lập dị chống lại những quy ước xã hội, giống như hippie.

mai không phải là điều gì to tát. Liệu Thế hệ Bùng nổ có kỳ vọng tìm được việc làm tốt hơn, kiếm nhiều tiền hơn, và sống trong những ngôi nhà tốt hơn so với cha mẹ họ? “Chắc chắn rồi,” Robert Reich nhớ lại những ngày tham gia hoạt động sinh viên của mình – nghĩa là Thế hệ Bùng nổ có thể đã ước muốn điều đó, có thể không. Sự sung túc khắp nơi cũng có nghĩa là mâu thuẫn giai cấp không đáng kể. Khác với Cựu Cảnh tả xã hội chủ nghĩa, Tân Cảnh tả Thế hệ Bùng nổ nhấn mạnh đến sự nghiệp đạo đức và văn hóa (chứ không phải chính trị và kinh tế). Như Irving Howe đã lưu ý, những người cấp tiến Thế hệ Bùng nổ khác với những người cấp tiến Thế hệ Vĩ đại nhất thập niên 1930 ở chỗ họ hỏi “làm thế nào để sống độc lập trong xã hội này, chứ không phải làm thế nào để chung tay thay đổi nó.” Với việc giới trẻ ít thể hiện cơn thịnh nộ về kinh tế, nhiều người cấp tiến hàng đầu chính là con đẻ của giới tinh hoa – một “Hội chứng Patty Hearst”ⁱ đã làm những người lớn tuổi Thế hệ Vĩ đại nhất phải kinh sợ. Khao khát đối đầu không chỉ giới hạn trong giới sinh viên tinh hoa hay cánh tả cấp tiến. Dàn trận chống lại những thành viên Liên đoàn Ivy đang chiếm đóng các tòa nhà hành chính và những thanh niên da đen đang đốt cháy các thành phố, là những người cùng độ tuổi: cảnh sát đã đánh đập họ và Vệ binh Quốc gia đã bắn họ. Trong cuộc bầu cử năm 1968, khả năng bầu cho George Wallace ở những người da trắng không học đại học thuộc Thế hệ Im lặng cao gấp đôi những người như họ nhưng nhiều tuổi hơn.

Khoảng cách Thế hệ về cơ bản là một cuộc nổi dậy của Thế hệ Bùng nổ chống lại những bậc cha chú Thế hệ Vĩ đại nhất. Hầu hết các nhà xã hội học khi nghiên cứu về những sinh viên cấp tiến thời kỳ Thức tỉnh đều ngạc nhiên trước sự gắn kết của họ với các bà mẹ và sự

i. Giống như Hội chứng Stockholm, khi con tin nảy sinh cảm tình với kẻ bắt giữ, một hội chứng được cho xuất phát từ nỗi sợ hãi ban đầu ẩn sâu bên trong người bị bắt cóc sau đó chuyển đổi sang thể đối lập là tình bạn và sự cảm thông dành cho chính kẻ bắt giữ đó.

“mâu thuẫn” (Keniston), “Sự nổi loạn Oedipus” (Malcolm), hoặc thái độ của “kẻ giết cha mẹ” (Lewis Feuer) với quyền lực đàn ông. Các biểu tượng đáng nhớ nhất của thanh niên là sự xúc phạm trực tiếp đối với các công trình của những người đàn ông Thế hệ Vĩ đại nhất – từ sự giễu cợt mang tính hòa bình bằng cách giơ hai ngón tay (chuyển thể từ chữ “V” – trong từ “chiến thắng” – của người già Thế hệ Vĩ đại nhất), đến việc mặc đồ kaki để thách thức (màu của đồng phục nhóm ở Thế hệ Vĩ đại nhất) và báng bổ lá cờ Hoa Kỳ. Chương trình nghị sự của Thế hệ Bùng nổ đang lên là một phản đề có chủ ý đối với mọi thứ mà nam giới nguyên mẫu của Thế hệ Vĩ đại nhất từng nhấn mạnh trong thời kỳ Lạc quan: tâm linh hơn là khoa học, hài lòng hơn là kiên nhẫn, cáu gắt hơn là tuân thủ, thịnh nộ hơn là thân thiện, chủ nghĩa tiêu cực hơn là tích cực – và đặc biệt, cá nhân hơn là cộng đồng. “Người ta muốn giới trẻ có lý tưởng,” Irving Kristol viết lúc đó, “có lẽ thậm chí phần nào cấp tiến, có lẽ thậm chí là một chút gì đó của chiến binh – nhưng không phải như thế này!”

Nguyên nhân rõ ràng nhất cho sự điên cuồng của giới trẻ là Chiến tranh Việt Nam, một mối đe dọa mà nói chung là có thể tránh được với những ai tích cực tìm kiếm một lối thoát. Cứ 16 nam giới Thế hệ Bùng nổ mới có một người từng tham chiến, và số người vi phạm luật quân dịch (chủ yếu là không đăng ký) gấp 10 lần số người đã thiệt mạng trong cuộc chiến này. Khả năng tránh được quân dịch trong cuộc chiến này đã tạo ra sự chia rẽ sâu sắc về tầng lớp và chủng tộc giữa những người Thế hệ Bùng nổ tham chiến tại Việt Nam và những người không tham chiến. Chiến đấu hầu như không mang lại chút vinh quang nào cho những người lính trẻ. Những anh hùng chiến tranh được tung hô nhất là các tù binh chiến tranh Thế hệ Vĩ đại nhất như Jeremiah Denton, trong khi người lính được biết tới nhiều nhất của Thế hệ Bùng nổ lại là kẻ giết người, William Calley. Trên phim ảnh, những người lính *Green Beret* (Tạm dịch: Mũ nổi Xanh) luôn hoàn thành nhiệm vụ

của John Wayne phù hợp với sự tưởng tượng về Việt Nam của Thế hệ Vĩ đại nhất, trong khi *Rambo* thổi bay tất cả của Sylvester Stallone lại phù hợp với sự tưởng tượng ấy của Bùng nổ. Khi trở về, các cựu chiến binh trẻ phải đối mặt với lời chỉ trích gay gắt của những người đồng đảng nhiều hơn bất kỳ cựu chiến binh nào trong lịch sử Mỹ. Tuy nhiên, trước vụ xả súng hồi tháng 5 năm 1970 vào bốn sinh viên Đại học bang Kent, hầu hết Thế hệ Bùng nổ đều không tin rằng Chiến tranh Việt Nam là sai lầm, chẳng qua chỉ là nó bị điều hành một cách tệ hại mà thôi. Dầu vậy, sau vụ xả súng Đại học bang Kent, thanh niên toàn quốc sôi trào trong Những Ngày Thịnh nộ, khi sinh viên tại hàng trăm trường đại học bãi khóa. Sự bất ổn trong trường học đứng đầu các cuộc thăm dò như là vấn đề số một của Mỹ, khiến những thế hệ lớn tuổi hơn phải lắng nghe nhiều hơn quan điểm của Thế hệ Bùng nổ: Trước cuộc bầu cử năm 1972, những người đủ 18 tuổi được bỏ phiếu, và số đại biểu dưới 30 tuổi tăng bốn lần tại các đại hội chính trị của hai đảng.

Sau khi đã buộc Lyndon Johnson phải từ nhiệm và phá hoại chiến dịch tranh cử của người kế nhiệm mà ông ta lựa chọn là Hubert Humphrey, những kẻ cuồng nộ thuộc Thế hệ Bùng nổ tiếp tục quay sang ủng hộ Richard Nixon. Ngay cả các ứng viên tổng thống đang ve vãn những người ủng hộ trẻ tuổi cũng luôn phải chứng kiến các chiến dịch của họ bị đắm nơi bãi cát ngầm của bản năng công dân yếu ớt ở thế hệ này; hết những cuộc thách thức chống lại bầu cử này đến những cuộc thách thức chống lại bầu cử khác, sự hứng thú của Thế hệ Bùng nổ lên cao một thời gian ngắn trước khi suy yếu vào ngày bầu cử. Năm 1972, một năm mà gần 25 triệu tân cử tri Thế hệ Bùng nổ được kỳ vọng sẽ đảo ngược kết quả, nhưng họ đã không làm được. Một nửa đã không đi bầu, còn những người đi bầu thuộc Thế hệ Bùng nổ thì bỏ phiếu cho Nixon nhiều hơn McGovern. Đến lúc đó, chiến tranh đã xuống thang, cuộc xô số mới về quân dịch lại đang kích vào, và Thế hệ Bùng nổ bắt đầu lưu ý đến những lời chỉ dẫn của The Beatles với

“những từ đơn giản mà thông thái: Cứ để nó vậy đi.” Phần còn lại của thập niên 1970 đã được chỉnh sửa với các ứng viên thành công (như Ronald Reagan và S. I. Hayakawa), khởi động sự nghiệp chính trị của mình bằng cách chống lại văn hóa giới trẻ.

Khi cơn sốt phản đối Chiến tranh Việt Nam dịu đi, lần đầu tiên kinh tế trở thành một vấn đề với Thế hệ Bùng nổ. Trong và sau cuộc suy thoái năm 1973, công việc cho sinh viên mới ra trường trở nên khó tìm, và sự hưng phấn của thời kỳ đầu Thức tỉnh đã biến mất trong cơn mưa bụi của tình dục, ma túy, thiếu việc làm, và những gì mà Lansing Lamont gọi là “phép lịch sự đã mất” nơi trường học. Thế giới mà Thế hệ Vĩ đại nhất xây dựng giờ đây không còn phù hợp với Thế hệ Bùng nổ như trong thời kỳ cao trào của Chiến tranh Việt Nam – với nền kinh tế đang xấu đi, nhiều người Thế hệ Bùng nổ từng tham gia phản chiến tìm thấy các lý do mới mẽ cho chuyện tại sao việc kiếm tiền là không xứng với họ. “Tôi không có kế hoạch vì tôi không tìm thấy kế hoạch nào đáng thực hiện cả,” một đại diện sinh viên Đại học Dartmouth tuyên bố trong diễn văn từ biệt tại lễ tốt nghiệp trước sự cổ vũ của nhiều sinh viên khác. Giống như Mitch Snyder từng bỏ rơi con mình trước khi lãnh đạo một chiến dịch vì người vô gia cư, nhiều người Thế hệ Bùng nổ đã trải qua thập niên 1970 để tin rằng “nếu không có tác dụng, thì tôi cứ bước tiếp.” Điều này đã tự bộc lộ trong sự phản kháng mạnh mẽ đầy bất ngờ chống lại các mối liên kết lâu dài với bạn đời, con cái, và nghề nghiệp. Giống như Katharine Ross trong phim *The Graduate* (Tạm dịch: Sinh viên tốt nghiệp), Thế hệ Bùng nổ đã đến gần bức làm lễ [kết hôn] (hay các nấc thang doanh nghiệp) và nghe thấy tiếng thét từ bên trong, “DỪNG LẠI!” Sau khi làm tắc các bánh răng của guồng máy trong thời đại Thế hệ Im lặng, Thế hệ Bùng nổ đã đi lang thang để làm những gì họ muốn làm.

Kiểu chỉ quan tâm đến mình ở những người trẻ Thế hệ Bùng nổ đã đưa đến cho thế hệ của họ – cả nam và nữ – một tính chất lưỡng tính,

kiểu như nhụy và nhị hoa. Trong cuốn *Singular Generation* (Tạm dịch: Thế hệ độc nhất), Wanda Urbanska đề cao sự “tự sướng” của họ. Lớn lên khi sự phân biệt vai trò giới đã lên đến đỉnh cao, Thế hệ Bùng nổ đã cố gắng thu hẹp sự phân biệt ấy. Nam giới khám phá các miền giá trị mà trong thời kỳ Lạc quan thuộc về các bà mẹ và giáo viên Thế hệ Vĩ đại nhất, trong khi nữ giới Thế hệ Bùng nổ xâm chiếm vai trò của người theo chủ nghĩa công việc, từng dành cho những người cha và trụ cột gia đình thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất. Điều này khiến Thế hệ Bùng nổ độc lập hơn với những ràng buộc xã hội, nhưng cũng cởi mở hơn với những cô lập về cảm xúc và sự bất an về kinh tế. Không giống như nữ giới Thế hệ Im lặng, ngay từ đầu nhiều nữ giới Thế hệ Bùng nổ đã lo lắng rằng việc kết hôn sớm có thể sẽ thật sự làm giảm mức sống của hộ gia đình trong tương lai.

Trong suốt nửa sau của thời kỳ Thức tỉnh, Thế hệ Bùng nổ tích cực chế tác ra những khái niệm mới về sự sùng bái cái tôi. Người theo chủ nghĩa thế tục báo trước phong trào Thời đại Mới và khẳng định “chủ quyền trong việc khám phá bản thân.” Trong phong trào Tiềm năng Con ngườiⁱ được quảng cáo là một “sự phản ứng đối với tư duy công nghiệp hóa, máy móc hóa,” nhiều người Thế hệ Bùng nổ đã thử trải nghiệm về các hiện tượng và thử nghiệm tâm linh trong đời sống cộng đồng. Trong khi đó, một giống mới gồm “những người cuồng Jesus” và những người cải theo Ki-tô giáo đã quay lại với quan niệm của phái Calvin, kêu gọi sự nhấn mạnh ban đầu vào việc tái sinh đầy cảm hứng. Từ việc là thành viên của Thời đại Mới cho tới các nhà thờ Baptist miền Nam, tín đồ không còn phải dành cả đời tham gia vào những công trình của Thế hệ Vĩ đại nhất để được cứu rỗi.

i. Nguyên văn: “Human Potential movement”, là phong trào được hình thành trong môi trường phản văn hóa chính thống trong thập niên 1960, tập trung vào việc giúp những người bình thường đạt được tiềm năng tối đa của họ thông qua sự kết hợp tốt nhất giữa các phương pháp trị liệu và kỹ thuật, từ đó con người có thể trải nghiệm một cuộc sống có chất lượng đặc biệt tràn ngập sự hạnh phúc, sức sáng tạo và niềm thỏa mãn.

Trong cuộc sống hằng ngày, những người tuổi mới lớn Thế hệ Bùng nổ bắt đầu thử nghiệm các khái niệm bên trong đầy mạnh mẽ vào thế giới bên ngoài. Khi họ tái trang bị cho nền kinh tế Mỹ bằng việc nhấn mạnh vào các công việc và sản phẩm có ý nghĩa (hãy đọc là: không thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất), thì việc năng suất tăng suốt mấy thập niên của Mỹ đã đi đến hồi kết. Thế hệ Bùng nổ hầu như không ao ước sản xuất ra hoặc mua những chiếc xe và đồ đạc trông giống như của người hàng xóm. Trong thể thao chuyên nghiệp, các tinh thần tự do như Kareem Abdul-Jabbar, Reggie Jackson, và Joe Namath đã giới thiệu hình ảnh vận động viên hướng nội – và một kỷ nguyên của sự suy giảm lòng trung thành ở các vận động viên, các đội, các thành phố, và người hâm mộ. Theo sở thích của họ, Thế hệ Bùng nổ đã làm mọi thứ với một cường độ mà những người khác cảm thấy ám ảnh – từ người cuồng tập luyện đang tìm kiếm cảm giác phê khi chạy, đến người cuồng ăn kiêng đang tìm kiếm sóng alpha. Trong thị trường, sự trung thành với thương hiệu của người tiêu dùng đã suy yếu, còn Made in the USA – Sản xuất tại Mỹ – thì trở thành quá khứ đối với người sành sỏi. Vào đầu thập niên 1980, các khảo sát của tờ *Times-Mirror* đã phát triển một hệ thống loại hình “Giá trị và Phong cách sống” mới để giúp nhà quảng cáo tiếp cận người tiêu dùng Thế hệ Bùng nổ kiểu như “Tôi-là-Tôi.” Đến cuối thời kỳ Thức tỉnh, khi Thế hệ Bùng nổ bắt đầu đạt tới vị trí cao hơn trong các hội đồng quản lý, họ ngay lập tức khẳng định một kế hoạch hành động mới hướng tới thế giới bên trong. Hamilton Jordan và Jody Powell đã giúp trang bị cho Jimmy Carter vốn từ của một người thức tỉnh lại đức tin, còn David Stockman, người điều hành ngân sách đầy nguyên tắc thời Ronald Reagan, là người đầu tiên trong số nhiều người Thế hệ Bùng nổ bước vào đời sống công chúng sau một thời gian ở tại một chủng viện hay còn gọi là trường dòng.

Bill Graham người quảng bá nhạc rock có lần nhớ lại rằng, trong số những người trẻ cấp tiến của thời đại mình, “có rất ít người *đang*

làm.” Thay vì xây dựng hay cải thiện thứ gì đó, giống như Thế hệ Vĩ đại nhất hoặc Im lặng ở cùng độ tuổi, Bùng nổ lại theo đuổi nhiều thứ hơn với một chương trình nghị sự biểu cảm. Giống như Hillary Clinton đã nói trong bài phát biểu tại lễ tốt nghiệp Đại học Wellesley, họ có ý định “chọn lối sống mà sẽ phản ánh cách chúng ta cảm nhận và cách chúng ta nhìn nhận.” Hoặc, như cách diễn đạt của ban nhạc The Beatles, Thế hệ Bùng nổ thấy hài lòng khi “nói” rằng họ “muốn một cuộc cách mạng.” Nếu như bên trong đầu mình họ đã thành công, thì ở bên ngoài họ còn chưa bắt đầu.

Khi cơn bão táp của thời kỳ Thức tỉnh bắt đầu lắng dịu, các khía cạnh cuộc sống mà Thế hệ Bùng nổ từng coi là trống rỗng về tinh thần – tiêu dùng, chủ nghĩa công việc, lập gia đình – giờ đây lại đang bày sẵn ra đầy cám dỗ, khi cuối cùng thì các giá trị mới của họ đã được thiêng hóa trở lại. Những thế hệ già hơn và trẻ hơn đã cười ồ lên trước lý tưởng lựa-và-chọn của họ, nhưng Thế hệ Bùng nổ lại quá tập trung vào suy nghĩ của riêng mình đến nỗi không chú ý tới những gì người khác nghĩ. Snoopy và Woodstock đã từng cố gắng thấu hiểu đời sống nội tâm của giới trẻ, và giờ đây giới trẻ lại còn chú thích, “Bắt tôi đi, đáng làm đấy.” Todd Gitlin nhớ lại, khi thời kỳ Thức tỉnh sắp kết thúc, “đó là thời gian để thay đổi thẳng,... từ cần sa sang rượu vang trắng, từ những nhóm cộng đồng thời thượng sang những mùa hè trên bãi biển Cape Cod.” Thế hệ Bùng nổ không thể mãi tồn tại trong tình trạng phấn khích bị ngăn lại. Bởi giờ đây, thế hệ này đã bắt đầu tin vào cương lĩnh của tạp chí *The Whole Earth Catalog*: “Chúng ta là những vị thần, và cũng có thể làm tốt như thế.”

THẾ HỆ THỨ 13 BƯỚC VÀO THỜI THƠ ẤU: ĐỨA CON CỦA ROSEMARY

Giữa những bất ổn chồng chất trong năm 1964, việc sinh con bỗng dưng không được quan tâm nữa. Vào mùa xuân năm đó, phụ nữ

Mỹ vẫn sinh con với một tốc độ kỷ lục. Nhưng trong những tháng tiếp theo thì các ca mang thai giảm mạnh, và đến giữa năm 1965 thì tỉ lệ sinh đẻ của Mỹ giảm mạnh trong thời kỳ hậu Bùng nổ. Một nghiên cứu quốc gia về sinh đẻ khẳng định rằng một phần ba số bà mẹ cho là họ hiện có ít nhất một đứa con không mong muốn. Các bà mẹ ở nhà bắt đầu đeo mấy nút bấm có dòng chữ “Dừng ở một con,” “Không con thì vui vẻ,” và “Jesus là con một.” Những lý do cho sự thay đổi bất ngờ này bao gồm thuốc tránh thai, chủ nghĩa nữ quyền non trẻ, và một thái độ thù địch mới của toàn xã hội đối với trẻ em.

Thái độ không thích trẻ con mới sinh ra ở Mỹ thể hiện rõ nhất trên truyền thông. Vào giữa thập niên 1960, việc sản xuất các bộ phim sitcom gia đình với bọn trẻ thông minh và hiếu động của hãng phim Disney cứ nhỏ giọt dần. Thay thế chúng là một thể loại phim mới mô tả mấy đứa trẻ không mong muốn, khó ưa, hoặc đơn giản là kinh hoàng. *Rosemary's Baby*, bộ phim kinh dị về một người phụ nữ có thai với một con quỷ dữ, đã ngự trị 20 năm trong giai đoạn Hollywood quay hết bộ phim này đến bộ phim khác về bọn trẻ hư hỏng (*The Exorcist* [Tạm dịch: Thầy phù thủy], *It's Alive* [Tạm dịch: Nó còn sống], *The Omen* [Tạm dịch: Đứa con của Satan], *Halloween*). Hầu hết cứ nối tiếp nhau, vì khán giả dường như không hề thấy thỏa mãn với những con quái vật trên màn ảnh này. Khán giả cũng xếp hàng để xem những đứa trẻ như mấy kẻ man di (*Chúa Ruồi*), những kẻ bán hàng phiến nhiễu (*Paper Moon* [Tạm dịch: Trắng giấy]), những gái mại dâm (*Taxi Driver* [Tạm dịch: Tài xế taxi]), những kẻ lạc loài về cảm xúc (*Ordinary People* [Tạm dịch: Người bình thường]), những kẻ phá phách hư hỏng (*Willie Wonka*), và là những rào cản đối với sự khám phá bản thân của người lớn (*Kramer vs. Kramer*). Trong khi đó, Hollywood làm rất ít phim *cho* trẻ em. Tỉ lệ các phim được gắn mác “Mọi lứa tuổi” (G-rated) giảm từ 41% xuống 13%, và những phim mới được gắn mác “Hạn chế” (R-rated) đã sớm mang lại lợi nhuận

cao nhất cho Hollywood. Disney đã sa thải những họa sĩ hoạt hình lần duy nhất trong lịch sử của mình.

Trong suốt thời thơ ấu của Thế hệ Thứ 13, các phương tiện truyền thông người lớn đã đập nát uy tín tập thể của chúng, và theo thời gian, bắt đầu khắc họa thế hệ này là đã hấp thụ thông điệp tiêu cực. “Chúng ta đang thối rữa đến tận xương tủy,” một cậu bé nhỏ tuổi đã hát như thế trong phim *Bugsy Malone*. “Chúng ta rất tồi tệ – mỗi người chúng ta đều đáng khinh, bị chỉ trích, và nguyên rủa.” Khi thập niên 1970 nhường chỗ cho thập niên 1980, thanh thiếu niên bắt đầu lặp đi lặp lại câu này, như lúc một sinh viên nói một cách chế giễu với bạn bè mình trong phim *River’s Edge* (Tạm dịch: Bên bờ sông): “Những người trẻ các anh là một sự ô nhục cho mọi sinh vật, kể cả cỏ cây. Các anh thậm chí không nên được coi ngang bằng với một cây xương rồng.”

Nhận thức mới của Mỹ là ca ngợi thời thơ ấu như một lý tưởng, nhưng không coi thời thơ ấu như một kinh nghiệm sống thực tế. Theo lời Leslie Fiedler, quốc gia này đã chuyển từ thời đại “sùng bái trẻ em” hồi thập niên 1950 sang thời đại được Landon Jones gọi là “sùng bái người lớn” vào thập niên 1970. Với việc người già Thế hệ Vĩ đại nhất vẫn còn nhức nhối vì cuộc tấn công từ chính con cái mình, với việc Im lặng giờ đây đang cân nhắc lại những lựa chọn gia đình ở thời kỳ Lạc quan của mình, và với việc Bùng nổ phi nhiều đang thực hiện những chuyến hành trình vào thế giới tâm hồn, thì hình ảnh có nhiều trẻ em hơn gây ra nỗi lo lắng lan tràn. Các bậc cha mẹ bị xa lánh nếu họ cố gắng dẫn bọn trẻ nhỏ vào các nhà hàng hay rạp hát. Nhiều căn hộ cho thuê bắt đầu cấm trẻ em. Phong trào đang lên Zero Population Growth (Tăng trưởng dân số bằng không) tuyên bố mỗi đứa trẻ được sinh thêm là “sự ô nhiễm,” một gánh nặng cho tài nguyên khan hiếm.

Hy sinh một sự nghiệp riêng hay hạnh phúc vợ chồng vì bọn trẻ đã trở thành lỗi thời – thậm chí theo logic của thời đại, không tốt cho

chính bọn trẻ. Một loạt các cuốn sách phổ biến đã ghi lại sự oán giận, thất vọng, và giờ đây những phụ nữ bị khó chịu về thể xác cho biết họ đã phải chịu đựng lúc mang thai và nuôi dạy trẻ em Thế hệ Thứ 13. Khi chi phí nuôi dạy con cái trở thành một chủ đề nóng, người lớn đã đặt ô tô lên trước bọn trẻ trong tiêu chí cần thiết về “cuộc sống tốt đẹp.” Tỷ lệ phá thai tăng vọt; vào cuối năm 1970, cứ ba bào thai thì lại có một bị các bà mẹ tương lai phá bỏ. Trong cuốn *Ourselves and Our children* (Tạm dịch: Chúng ta và những đứa con của mình), một ủy ban gồm các tác giả Thế hệ Im lặng đã đặt việc “quan tâm đến mình” lên trên việc “đem lại lợi ích cho con cái chúng ta” như một nguyên tắc làm cha mẹ tốt. Các sách hướng dẫn làm cha mẹ bắt đầu nhấn mạnh vào việc tại sao lại làm cha mẹ hơn là những gì cha mẹ nên làm. Cuốn sách nổi tiếng *Parental Effectiveness Training* (Tạm dịch: Đào tạo tính hiệu quả làm cha mẹ) đã thúc giục người lớn dạy trẻ nhỏ về những hậu quả chứ không phải về đúng và sai. Như Marie Winn lưu ý, một “thuyết quyết định thời thơ ấu”ⁱ cho phép các bậc cha mẹ tin rằng con cái họ có thể đối phó với chấn thương về sau, “cân nhắc tới mức độ chăm sóc mà chúng được nhận khi còn nhỏ.” Điều này đã tái khẳng định việc các bậc cha mẹ thời kỳ Thức tỉnh đã dành thời gian chăm sóc con cái ít hơn 40% so với các bậc cha mẹ trong Lạc quan.

Tình dục ngoài hôn nhân, gia đình phi truyền thống, và các loại thuốc gây ảo giác của thời kỳ Thức tỉnh đã để lại một dấu ấn lớn cho thế hệ trẻ em này, dấu ấn ấy được phản ánh đậm nét trong âm nhạc và văn xuôi của Thế hệ Thứ 13 hôm nay. Vào cuối thập niên 1960, Susan Werner đã hát, “Có một số người hút cỏ, một số khác đua xe / Nhưng tôi chỉ thích ăn nho khô vào lúc đó”. “Tôi nhớ đã dán những tấm hình

i. Nguyên văn: “early-childhood determinism”, hay còn gọi là “infant determinism”, thuyết tin rằng những trải nghiệm trong giai đoạn thơ ấu đầu đời của mỗi đứa trẻ cùng cha mẹ và môi trường sống trong gia đình sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến tính cách và cuộc sống sau này của chúng.

nóng bỏng khổ lớn của tạp chí *Playboy* trong phòng em trai,” Adriene Jenik hồi tưởng. “Tôi nhớ những ống điều và tẩu thuốc và nghệ thuật và âm nhạc nằm trong số các đồ vật vĩ đại nhất của cha mẹ tôi, cùng đồ chơi tình dục có rung của mẹ tôi và các diễn đàn *dành cho đàn ông* của cha tôi.” Như tiểu thuyết gia Ian Williams viết: “Chúng tôi có thể chơi trò nói thật về cuộc sống tình dục của cha mẹ mình nếu chúng tôi muốn.” Vào cuối thập niên 1970, một khi Thế hệ Thứ 13 bắt đầu thực hành những gì họ học được, người lớn trở nên quen với việc thấy trẻ em ăn mặc và nói chuyện sành sỏi như Brooke Shields trong quảng cáo hay như Jodie Foster trong phim.

Khi chuẩn mực truyền thông đối với một gia đình Mỹ điển hình chuyển từ phim *My Three Sons* (Tạm dịch: Ba đứa con tôi) sang *My Two Dads* (Tạm dịch: Hai cha tôi), ly hôn tấn công Thế hệ Thứ 13 dữ dội hơn bất kỳ thế hệ trẻ em nào trong lịch sử Mỹ. Trong khi Thế hệ Bùng nổ từng đáng để cha mẹ hy sinh trong việc kéo dài một cuộc hôn nhân không hạnh phúc, thì Thứ 13 lại không. Vào cuối thời kỳ Lạc quan, một nửa số phụ nữ trưởng thành tin rằng những cha mẹ có hôn nhân không hạnh phúc nên tiếp tục sống với nhau vì lợi ích của con cái, nhưng đến cuối Thức tỉnh, chỉ một phần năm số ấy còn nghĩ như vậy. Các cuốn sách bán chạy dành cho giới trẻ như *It's Not the End of the World* (Tạm dịch: Đó không phải là ngày tận thế) đã cố gắng cho thấy việc cha mẹ ly hôn không phải là quá tệ, nhưng để lại cho bọn trẻ ấn tượng là bất kỳ gia đình nào cũng có thể tan vỡ vào bất kỳ lúc nào. Trong cuốn *The Nurturing Father: Journey Toward the Complete Man* (Tạm dịch: Người cha ân cần: Hành trình trở thành người đàn ông vẹn toàn), Kyle Pruett hứa hẹn rằng cha mẹ và con cái “được giải phóng” trong những gia đình bị tan vỡ sẽ có thời gian bên nhau “tốt đẹp hơn” và “ít gò bó hơn.” Đến năm 1980, chỉ có 56% trẻ em Thế hệ Thứ 13 sống với cả cha và mẹ đã kết hôn, còn ngày nay các tiểu thuyết và kịch bản phim của thế hệ này tràn ngập các tham khảo tiêu cực với những

bạc cha mẹ có hôn nhân không bền vững. Các cuộc thăm dò ý kiến kể từ đó đã chỉ ra rằng Thế hệ Thứ 13 thường có xu hướng tin hơn người già, rằng luật ly hôn hiện hành là quá lỏng lẻo.

Trong những ngôi nhà, trường học, và phòng xử án, phong cách nuôi dạy con cái của Mỹ đã hoàn thành quá trình chuyển đổi kéo dài hai thập niên từ chương trình truyền hình *Father Knows Best* (Tạm dịch: Cha là người thấu hiểu nhất) sang tựa sách *Fatherhood* (Tạm dịch: Tình cha) của Bill Cosby: “Có phải tôi hiện đang phạm một sai lầm? Nếu vậy, nó sẽ chỉ là sai lầm số 9763.” “Nếu như có bất kỳ sự thay đổi nào ở thế hệ trước,” Ellen Goodman sau đó đã thừa nhận, thì đó là “sự xói mòn lòng tin” ở các ông bố bà mẹ “rõ ràng là không chắc chắn.” Alvin Poussaint ghi nhận hình ảnh chủ đạo của các bậc cha mẹ trên truyền thông là những người bạn “luôn thấu hiểu; họ không bao giờ quá nổi nóng. Không có ranh giới hoặc giới hạn nào được thiết lập. Các bậc cha mẹ hiện lên như những đứa trẻ vụng về, thiếu trách nhiệm, lúng túng.”

Cuốn *Ourselves and Our Children* tái khẳng định, các bậc cha mẹ thừa nhận họ là “những con người đa chiều, không hoàn hảo, có thể cho con cái thấy một bức tranh thực tế hơn về việc là một con người thì như thế nào.” Trường hợp tốt nhất, giống như nhân vật Cliff Huxtable của Cosby, mô hình cha mẹ mới là nhẹ nhàng và hay trò chuyện; trường hợp tệ nhất, họ làm suy giảm niềm tin và thể hiện tính mâu thuẫn khi con cái đang tìm kiếm sự chỉ dẫn. Giống như cha và con trong phim *Close Encounters the Third Kind*, người lớn trở nên trẻ con hơn và trẻ con lại người lớn hơn.

Sự nuôi dạy chống độc đoán này phù hợp với tâm trạng không theo lệ thói của thời kỳ Thức tỉnh. Các thế hệ đi trước đã cố gắng nói với trẻ em theo cách của mình (theo lời Al Feldstein trên tạp chí *Mad*), rằng “có rất nhiều rác rưởi bên ngoài thế giới và các bạn phải nhận thức được nó.” Các bậc cha mẹ Thế hệ Im lặng, khi nhớ lại thời thơ ấu khép kín ở thời kỳ Khủng hoảng, đã rất háo hức để cho con mình tiếp

xúc với mọi thứ. Judy Blume đã hô hào các bậc cha mẹ hãy để cho con mình đối mặt với mọi thảm họa có thể có của con người. “Chúng sống trong cùng một thế giới với chúng ta,” bà nhấn mạnh. Bà và các tác giả khác của Thế hệ Im lặng đã tung ra tủ sách Chủ nghĩa Hiện thực mới dành cho trẻ em, nhắm đến những chủ đề (như phá thai, sống thử tuổi vị thành niên, lạm dụng trẻ em, kẻ hiếp dâm là bạn của gia đình, và tự tử) mà các thế hệ trẻ em trước đây chưa bao giờ gặp phải. Sau khi tiếp thu sách vở, phim ảnh, và các chương trình truyền hình mà văn hóa thời kỳ Thức tỉnh cung cấp, sau khi quan sát người lớn một cách cẩn thận và làm theo cách họ cư xử, nhiều người Thế hệ Thứ 13 bắt đầu bắt chước Tatum O’Neal trong phim *Paper Moon*, kiểu người lớn mà như trẻ con cố gắng trở nên đáng yêu.

Các sự kiện trong thời kỳ Thức tỉnh đã củng cố ấn tượng về việc người trưởng thành vừa không mạnh mẽ vừa không có đạo đức. Trong mắt bọn trẻ, người lớn đơn giản là không kiểm soát được cả đời sống cá nhân của mình lẫn thế giới rộng lớn hơn (trong những năm Chiến tranh Việt Nam, vụ Watergate, và đường ống khí đốt). Thay vì ngăn chặn nguy hiểm hoặc dạy dỗ bằng ví dụ, người lớn lại thấy phù hợp hơn khi đưa ra những hướng dẫn tự chăm sóc bản thân, nói với bọn trẻ về mọi thứ có thể xảy ra và làm thế nào để tự xử lý nó. Như Neil Postman quan sát trong cuốn *The Disappearance of Childhood* (Tạm dịch: Tuổi thơ biến mất), trẻ em Thế hệ Thứ 13 được trao “câu trả lời cho câu hỏi mà chúng không bao giờ hỏi.” Đó là một thời đại mà mọi người và mọi thứ phải được giải phóng, cho dù điều đó có tốt cho họ hay không. Trong cuốn *Escape from Childhood* (Tạm dịch: Thoát khỏi tuổi thơ), John Holt đã thúc giục giải phóng trẻ em khỏi cảnh áp bức trên đe dưới búa của người lớn, còn Hillary Clinton đăng tải các bài báo về quyền trẻ em.

Chưa ở đâu mà trẻ em Thế hệ Thứ 13 lại được giải phóng như trong Thức tỉnh, thời kỳ mà giáo dục của kỷ nguyên Lạc quan giờ đây bị cáo buộc là đã phi nhân tính hóa trẻ em Thế hệ Bùng nổ. Mỗi đứa

trẻ cần phải được “tự quyết định mà không có bất kỳ sự gợi ý nào từ người lớn,” người ủng hộ chương trình Giáo dục Mở là A. S. Neill kêu gọi, và đề xuất rằng các sự kiện và các quy tắc và các thứ hạng và các bức tường nên được thay thế bằng “các công cụ và đất sét và thể thao và sân khấu và vẽ tranh và tự do.” Các nhà cải cách đã cố gắng thúc đẩy lòng tự tôn nơi trẻ em thông qua giáo dục “lấy con người làm trung tâm,” nhấn mạnh tình cảm hơn lý trí, kinh nghiệm thực tiễn hơn suy luận logic. Thay vì yêu cầu người học đánh giá chất lượng hoặc thông điệp phổ quát của một cuốn sách, người dạy bắt đầu thăm dò người học về việc họ cảm thấy thế nào trước một bài tập đọc hiểu. Ngữ pháp bị xem nhẹ, ngữ âm bị coi là phức tạp, và số thập phân toán học được thay thế bằng các biến số tương đối của Toán học Mới. Sách giáo khoa nhấn mạnh vào sự nhạy cảm và khả năng tiếp cận. Các tiêu chuẩn bị suy yếu, phù hợp với lý thuyết của nhà cải cách Roland Barthes rằng “không có khung kiến thức tối thiểu nào mà mọi người cần phải biết.” Thời gian trung bình trẻ em dùng để làm bài tập về nhà giảm xuống một nửa so với thời kỳ Lạc quan, và lạm phát điểm số trở nên lan tràn. Khi thời kỳ Thức tỉnh tiếp diễn, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học nói mình là học sinh toàn điểm A gần như tăng gấp ba lần.

Trở lại thời kỳ Lạc quan, là một người lớn tốt có nghĩa là không ly hôn và mang tới cho trẻ em một nền văn hóa lành mạnh và một cộng đồng hỗ trợ. Bây giờ nó có nghĩa là trang hoàng thế giới của trẻ em với những chiếc cúp hình mặt cười của lòng tự tôn trong khi các thứ cơ bản (và hình ảnh trên truyền thông) về cuộc sống của một đứa trẻ ngày càng nhiều vấn đề qua tháng năm. Số trẻ em được sinh ra bởi những người mẹ ở độ tuổi vị thành niên và chưa kết hôn đang tăng lên. Trong khi hệ thống những gia đình nhận con nuôi thiếu nguồn trợ cấp oản mình ở hết bang này đến bang khác, thì truyền thông liên bắt đầu đề cập những đứa trẻ phải ở nhà một mình, bị bỏ rơi, bỏ nhà đi, và bị vứt bỏ. Vào giữa thập niên 1970, Mỹ xuất sắc trong việc sở hữu độ tuổi dễ bị đói nghèo

nhất đã trực tiếp chuyển từ (người cao niên) Thế hệ Lạc lõng sang (trẻ em) Thế hệ Thứ 13 mà không qua ba thế hệ ở giữa. Vào cuối thập niên 1970, tỉ lệ trẻ em tự tử đã phá vỡ kỷ lục trước đó vào thời khắc chuyển giao thế kỷ của Thế hệ Lạc lõng. Trong thời kỳ Thức tỉnh, tỉ lệ giết trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ tăng lên một nửa, và con số các trường hợp lạm dụng trẻ em được ghi nhận tăng bốn lần.

Thái độ thù địch mới của thời kỳ Thức tỉnh đối với sức mạnh, quyền hành, và sự bí mật có một ý nghĩa với những người 45 tuổi đang tìm kiếm một cái nhìn có tính xác định về một thế giới phức tạp, nhưng lại có ý nghĩa khác với những đứa trẻ 10 tuổi đang cố gắng xây dựng ước mơ. Đối với Thế hệ Im lặng, từng được dạy để Nghĩ Lớn khi còn là những đứa trẻ trong thời kỳ Khủng hoảng, thì Nghĩ Nhỏ là một loại thuốc tăng lực ở tuổi trung niên. Nhưng chưa bao giờ có được cơ hội của riêng mình để Nghĩ Lớn, nên Thế hệ Thứ 13 trước tuổi thanh niên đã nghe thấy một thông điệp mới: những ngày tháng tươi đẹp nhất của Mỹ đã qua. Giống như đứa trẻ trong một cuộc ly hôn điển hình, thế hệ này tự hỏi liệu chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên chăng khi họ đến tuổi trưởng thành đúng vào thời điểm trong lịch sử khi người già bắt đầu phàn nàn rằng mọi thứ ở Mỹ đang vỡ thành từng mảnh.

Hãy hỏi những người mới lớn hiện nay xem họ đã được nuôi dạy ra sao, và nhiều người sẽ nói với bạn rằng họ đã tự nuôi dạy mình – họ tự nấu ăn, tự giặt quần áo, tự quyết định xem có nên làm bài tập về nhà hay là kiếm tiền sau giờ học, và chọn cha mẹ mà họ muốn ở bên vào cuối tuần (hoặc ủng hộ ai tại tòa án). Họ lớn lên không phải với tư cách thành viên gia đình, mong muốn gia nhập hàng ngũ người lớn, mong muốn xử lý và vận động theo cách của mình thông qua vô vàn lựa chọn trong cuộc sống. Trong ký ức tuổi thơ của họ, cá nhân luôn tốt hơn nhóm. Thời Cách mạng Nhận thức, khi các thế hệ đi trước dỡ bỏ những rào cản trước đây từng che chở tuổi thơ, Thế hệ Thứ 13 đã bị từ chối một viễn cảnh tích cực về tương lai – quả thật, đã bị từ chối bất kỳ sự bảo đảm nào cho việc đất nước họ sẽ có một tương lai *chung*.

TIẾN TỚI BƯỚC CHUYỂN THỨ BA

Năm 1983, lễ kỷ niệm lần thứ 20 cuộc Diễu hành tại Washington đã thu hút nhiều người tham gia, xấp xỉ với số người đã tới nghe bài phát biểu ấn tượng của King vào cuối thời kỳ Lạc quan. Song cảm giác băng khuôn cũ đã được thay bằng một cảm nhận mới về sự gắn kết – như thể bây giờ một bảo tàng khổng lồ nên được xây dựng để tưởng nhớ giấc mơ và phong trào đó. Thời gian cho các phong trào xã hội lớn đã đi qua. Cùng năm ấy, lời cảnh báo cộng đồng mức độ cao về virus AIDS chết người cũng được đưa ra. Những ngày thử nghiệm đầy phấn khích đã có một bước chuyển ảm đạm.

Mỹ sẽ không còn thấy những dao động hoang dại giữa các viễn cảnh không tưởng và đen tối về tương lai nữa. Đó không phải do thời kỳ Thức tỉnh lắng xuống, mà bởi nó đã chiến thắng. Vào đầu thập niên 1980, những tiếng la hét chống lại thể chế bắt nguồn từ màn say sưa của giới hippie Haight-Ashburry có thể được nghe thấy trong sự huyền thuyên về thị trường tự do của các nhà môi giới phố Wall và thương nhân phố Main. Từ bờ biển đến trung tâm, từ thành phố trung tâm tới thành phố vùng ven, người Mỹ khắp nơi đang lắng nghe những gì mà Tim Steven Tipton đồng tác giả cuốn *Habits of the Heart* (Tạm dịch: Thói quen của trái tim) mô tả là “nhà thờ nhỏ của riêng họ trong tâm trí của riêng họ.”

Đến cuối nhiệm kỳ đầu tiên của Reagan, thời kỳ Thức tỉnh đã đi hết chu trình của nó. Một nghị trình mới đã được thiết lập, và sự nhiệt tình cũ kỹ không thể kéo dài thêm. Mỗi thế hệ giờ đây đã hoàn thành giai đoạn cuộc đời mà họ đã dành hai thập niên trước để bước vào, và mỗi thế hệ sẽ lại sắp đặt nền móng cho giai đoạn tiếp theo. Như trường hợp khoảng năm 1963, không một nguyên mẫu thế hệ nào cho thấy các dấu hiệu phù hợp với vai trò mà những người đi trước họ đã đem đến cho kỷ nguyên trước đó. Làm thế nào Thế hệ Im lặng có thể phóng chiếu ở đâu đó gần với sự ngạo mạn của những kẻ chinh phục đang già đi, xây dựng Xã hội Vĩ đại của họ và đòi hỏi quyền lợi của họ? Làm thế

nào Thế hệ Bùng nổ có thể nổi lên như những trung gian ở tuổi trung niên, nhìn vượt ra xa khỏi bản thân để tìm kiếm các giải pháp về quy trình? Làm thế nào Thế hệ Thứ 13 đến tuổi trưởng thành có thể rao giảng về sự hoàn thiện đạo đức? Làm thế nào các bậc cha mẹ Mỹ có thể chịu đựng thêm một thế hệ trẻ em không được chăm nom? Không có trường hợp nào kể trên có cơ hội xảy ra.

Vào cuối thời kỳ Thức tỉnh, những căng thẳng thế hệ bắt đầu xuất hiện:

- *Thế hệ Anh hùng lão niên*, vẫn lãnh đạo các tổ chức trong khi bỏ trống về văn hóa, giờ đây cảm thấy lo lắng về một xã hội với chủ nghĩa tâm linh mới mà họ thấy xa lạ.
- *Thế hệ Nghệ sĩ trung niên*, cảm nhận được rằng trật tự cũ đã bị bác bỏ, giờ đây có kế hoạch từ bỏ kỷ luật cộng đồng và mở rộng lĩnh vực của lựa chọn cá nhân.
- *Thế hệ Tiên tri tuổi mới lớn*, lấy cảm hứng từ sự khám phá ra chân lý cá nhân, giờ đây muốn thay đổi xã hội từ trong ra ngoài.
- *Thế hệ Du cư thời thơ ấu*, những người trẻ hoài nghi trong một thế giới người lớn bất lực, đã mất niềm tin vào các quy tắc và chuẩn bị làm theo cách của riêng mình.

Vào đầu thập niên 1980, các nguyên mẫu thế hệ này đã sẵn sàng cho những hướng đi mới. Khi Thế hệ Im lặng bắt đầu mon men bước vào tuổi già, Bùng nổ bước vào tuổi trung niên, và Thứ 13 bước vào tuổi mới lớn, các vai trò xã hội trước kia của họ không thể tiếp tục.

Thời kỳ Thức tỉnh đã kết thúc. Như Roland Stromberg từng dự đoán vào giữa thập niên 1970, cuối cùng thì tâm trạng của thời kỳ đó “sẽ được bộc lộ đơn giản như một sự chọn lựa mệt mỏi hơn. Và như vậy một tâm trạng mới sẽ phải được tạo ra.” Bước chuyển Thứ hai nhất thiết phải nhường bước cho Bước chuyển Thứ ba.

CHƯƠNG 8

BUƯỚC CHUYỂN THỨ BA:

Những cuộc Chiến tranh Văn hóa (1984-2005?)

“Hiện đang là buổi sáng ở Mỹ,” lời phát biểu của Tổng thống Reagan trong Thông điệp Liên bang vào ngày 15 tháng 1 năm 1984. “Mỹ đã trở lại, hiên ngang, nhìn vào thập niên 80 với lòng dũng cảm, sự tự tin, và niềm hy vọng.” Khi còn là Thống đốc California trước đây, Reagan từng phản đối gay gắt Cách mạng Nhận thức và nêu cao biểu tượng về sự ưu việt của giới cầm quyền. Giờ đây ông lại là biểu tượng cho sự thất bại của giới cầm quyền đó và sự ưu việt của cá nhân. Reagan ghét cay ghét đắng các quy tắc, thuế má, và các hình phạt của chính hệ thống mà ông đang lãnh đạo – còn người dân, hào hứng với vẻ bề ngoài hào nhoáng của nền kinh tế và thời đại, đều thích điều đó. Từ bài hát “Hail to the Chief” (Tạm dịch: Chào mừng Nhà lãnh đạo) đến “Born in the U.S.A” (Tạm dịch: Sinh ra ở Mỹ) của Springsteen, giọng điệu quốc gia đã thay đổi. Thời kỳ Thức tỉnh đã qua, và mọi người phát hiện họ cảm thấy thoải mái với Mỹ hiện tại.

Khi xem Super Bowl diễn ra trước bài phát biểu của Reagan ba ngày, người xem tivi thấy một quảng cáo của hãng máy tính Apple, trong đó một phụ nữ trẻ dùng búa đập vỡ một màn hình lớn đang hiển thị gương mặt ngây ngô của mấy người đàn ông trong trang phục cổ

điển của thập niên 1950. “Một chín tám tưⁱ sẽ không giống như năm 1984,” giọng nói cất lên, báo trước quyền uy tối cao của máy tính cá nhân vượt qua máy tính lớn Big Blue. Bốn con số của năm đó đã gọi lại lời dự báo nổi tiếng về kỷ nguyên Lạc quan của George Orwell, rằng giờ đây mọi xã hội hiện đại sẽ run rẩy dưới sức mạnh hủy diệt của Anh Cả. Thay vào đó, Mỹ mỉm cười trước cú nghiền nát Anh Cả.

Ở mức độ xã hội sâu xa nhất, thời kỳ Thức tỉnh đã chiến thắng. Hệ thống tiêu chuẩn mới không còn gây tranh cãi. Khi đã chấp nhận sự lỗi thời của trật tự xã hội cũ, người Mỹ nhận thấy họ vẫn có thể sống một cuộc đời thỏa mãn từ sâu thẳm bên trong như những cá nhân. Trong suốt thời kỳ Thức tỉnh, khi quân nổi loạn tấn công thành lũy, mọi người đều mong đợi kẻ chiến thắng sẽ kết thúc bằng việc lãnh đạo – hoặc một chốn địa đàng (nếu lẽ phải thắng lợi) hoặc một nơi đáng sợ (nếu ngược lại). Giờ đây kẻ nổi loạn đã tràn qua những cánh cổng, những người bảo vệ đã bỏ chạy, và không ai biết các thành lũy cũ kia hoạt động ra sao. Không có người cai trị, vì vậy việc ai giành thắng lợi không thành vấn đề nữa. Nhận ra điều đó, người ta không còn tin rằng một thành lũy dù ở loại nào, đặc biệt là dưới sự cai trị của các cựu phiến quân, lại có thể phục vụ những mục đích xã hội quan trọng.

Thái độ của người dân đã thay đổi, ngược lại với những gì họ từng thấy trong thời kỳ Lạc quan. Ở nơi Mỹ đã từng trải qua điều mà Barbara Whitehead gọi là “một nền kinh tế dư dả và một tâm lý thiếu thốn,” giờ đây đất nước lại có “một nền kinh tế thiếu thốn và một tâm lý dư dả.” Mặc dù Tổng thống được tín nhiệm, nhưng trên phạm vi rộng lớn thì niềm tin của công chúng giảm xuống mức thấp

i. Tên của một tác phẩm nổi tiếng của George Orwell được phát hành năm 1949, nói về bộ máy nhà nước chuyên chế hoạt động nhân danh Big Brother – Anh Cả – vị lãnh tụ tối cao của nhà nước tưởng tượng Oceania. Chính quyền này chuyên theo dõi, dò xét sát sao dân chúng cũng như công khai tẩy não họ và quy chụp tội lỗi cho những người theo chủ nghĩa cá nhân và tư duy độc lập.

hơn hẳn; chỉ có một trong năm người Mỹ tin rằng Tổng thống hoặc Nghị viện sẽ hành động có trách nhiệm. Song các cuộc thăm dò cũng cho thấy người Mỹ đắm chìm trong lòng tự trọng. Không tin chính phủ, người dân *thật sự* tin vào cá nhân – thể hiện qua thị trường, đa dạng văn hóa, công nghệ tương tác, tinh thần Thời đại Mới, và thuyết Phúc âm. Sự tập trung xưa cũ vào các chính sách và các chương trình đã suy giảm, nhưng khoảng trống xã hội đang dần được lấp đầy bởi một nền chính trị mới bắt nguồn từ cá nhân, các giá trị nội tại, và hành vi đồng cảm.

Từ những cuộc trò chuyện trên tivi đến các nhóm lệ thuộc hay tại tầng hầm nhà thờ, cuộc tìm kiếm ý nghĩa cá nhân bắt đầu với kinh nghiệm trực tiếp của cá nhân đó. Sự khám phá bản thân đầy ý nghĩa này sau đó nhận được sự đồng tình của những người khác bị thu hút vào nhóm riêng của chính cá nhân đó, của những người có quan điểm đã được chứng thực bởi các trải nghiệm tương tự. Các đặc điểm riêng biệt này có thể liên quan đến giới tính, chủng tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, thu nhập, thậm chí – với việc sở hữu súng – một sở thích. Khi các nhóm riêng này lớn mạnh, họ đã bắt đầu xóa bỏ thế giới quan cũ (toàn thể) và xây dựng cái mới (cụ thể). Bất kỳ ý kiến tranh luận hoặc phê phán nào từ bên ngoài nhóm đều đáng nghi ngờ, bởi nó không được soi sáng bằng ngọn đuốc của niềm tin thuần khiết. Do đó mọi hành động đều có một ý nghĩa, mỗi ý nghĩa có ý đúng và sai, mỗi cái sai có một nạn nhân, và mỗi nạn nhân là một kẻ bị hy sinh. Từ một đặc điểm riêng biệt này đến đặc điểm tiếp theo, logic này dẫn đến những tập hợp khác nhau về sai lầm, nạn nhân, và kẻ bị hy sinh. Không giống như trong thời kỳ Lạc quan, không có điều gì ở đây được coi là công luận “bình thường.”

Vì vậy, Mỹ đánh mất quy tắc, đến trung ương cũng không thể giữ vững. Khi Thượng nghị sĩ Moynihan đưa ra gợi ý, sự lạc lối tiếp tục lao dốc vô định. Những người ở thời kỳ Thức tỉnh bao gồm cả Đa số

Thế hệ Im lặng của Trung Mỹ, giờ đây cảm thấy bị chìm ngấm trong sự hỗn loạn và mâu thuẫn của phim khoa học viễn tưởng *Blade Runner* (Tạm dịch: Tội phạm nhân bản). Ví dụ, về mặt chủng tộc, các cuộc thăm dò cho thấy phần lớn người Mỹ đánh giá *quá cao* về quy mô và sự bất mãn của các nhóm thiểu số cũng như nhóm riêng biệt, và đánh giá *quá thấp* về quy mô và sự hài lòng của số đông. Đây áp hoang tưởng, mỗi năm trôi qua công luận càng trở nên đậm màu chủng tộc và kém hòa nhã hơn. Ngay cả những người Mỹ thuộc dòng chính cũng bắt đầu cảm thấy giống như Michael Douglas trong *Falling Down* (Tạm dịch: Sụp đổ) – tức là giống như một nhóm thiểu số cay đắng. Các đảng phái quốc gia suy yếu, những người đương nhiệm bị nhạo báng, và các quảng cáo công kích tăng nhanh. Nghi ngờ bắt đầu len lỏi vào trong các cuộc trao đổi với người lạ, khi chỉ có ba trong 10 người cho rằng “hầu hết mọi người có thể tin cậy được,” tám trong 10 người cho rằng “sự lịch thiệp ở Mỹ đã giảm sút trong vòng chục năm qua.” Khi thập niên 1980 kết thúc, an ninh cá nhân đã trở thành một trong những ngành công nghiệp tăng trưởng mạnh nhất của Mỹ.

Đầu thập niên 1990, cuộc xung đột của các nhóm riêng biệt ở Mỹ được biết đến với cái tên những cuộc Chiến tranh Văn hóa, và được Irving Kristol định nghĩa là một “sự phân chia sâu sắc về việc chúng ta là kiểu quốc gia gì, kiểu người gì, và chúng ta có ý gì khi nói về ‘Lối sống Mỹ’ⁱ”. Ba chiến trường cơ bản đã xuất hiện: người theo chủ nghĩa đa văn hóa chống lại người theo chủ nghĩa truyền thống (những Sheldon Hackney chống lại những William Bennett), người theo chủ nghĩa thế tục chống lại người theo Phúc âm (những Murphy Brown

i. Nguyên văn: “The American Way of Life”, nói đến phong cách sống đặc trưng đặc biệt của người Mỹ, một định nghĩa gắn bó đan xen với Chủ nghĩa biệt lệ Mỹ. Nó đề cập đến đạo đức dân tộc, các nguyên tắc sống được tuân thủ, sự tự do và mưu cầu hạnh phúc của mỗi cá nhân, cùng với niềm tin về Giấc mơ Mỹ rằng mỗi người dân đều đạt được một sự phát triển đi lên thông qua làm việc chăm chỉ.

chống lại những Dan Quayle), nhà hoạch định công chống lại người theo chủ nghĩa tự do (những Robert Reich chống lại những Charles Murray). Những cuộc Chiến tranh Văn hóa cũng có nhiều chiến binh giống như Mỹ có nhiều đặc điểm riêng, từ Quốc gia Islam giáo đến Internet. Khi mỗi nhóm đề cao tính xác thực của riêng mình, nó cũng chỉ ra đặc điểm của phía đối thủ như không đứng đắn, khờ khạo, khiêu dâm, hoặc (một từ tự dưng phổ biến) độc ác.

Từ vụng mới của những cuộc Chiến tranh Văn hóa cho phép các ý tưởng sau thời kỳ Thức tỉnh của Mỹ được nâng lên thành ý thức hệ. Trong cuộc bầu cử năm 1994, cử tri bị chia tách về mặt ý thức hệ hơn bao giờ hết trong suốt lịch sử bầu cử. Trong khi đó, ngày càng có nhiều người Mỹ hoặc tuyên bố không theo đảng phái hoặc quyết định không bỏ phiếu. Sự khác biệt về hành vi bỏ phiếu giữa các giới tính, chủng tộc, tôn giáo, thế hệ, và (đặc biệt) giữa người đã có con và người chưa có càng rõ rệt hơn. Những nhà lãnh đạo nào tìm cách đưa các nhóm riêng vào liên minh đều chỉ đạt được thành công rất nhỏ hoặc thất bại. Các liên minh chính trị cũ thành những đồng tro tàn.

Khi “nền chính trị của ý nghĩa” này lan rộng, người Mỹ trong mọi nhóm riêng đều đi đến một kết luận chung: Trật tự thể chế không có tác dụng và không đáng được bảo vệ. Không ai cảm thấy trách nhiệm với mọi thứ khi họ đang ứng cử hoặc đang hoạt động, ngay cả những nhà lãnh đạo. Tổng thống Clinton, đứng đầu một chính phủ lớn, đã có thể công bố vào năm 1996 rằng “thời đại của chính phủ lớn đã kết thúc.” Đến lúc đó, các quan chức hàng đầu thoải mái thừa nhận rằng cơ quan của chính họ đã trở thành cơn ác mộng về tính quan liêu. Từ tòa án đến trường học, y tế đến truyền thông, Mỹ với tính thể chế [của nó] đang ngập trong sự tự phê phán, nó chứng thực cho những chỉ trích từ bên ngoài của thời kỳ trước.

Mỹ quay sang hoài nghi, cho rằng mọi sự sắp đặt xã hội đều không xứng với lòng trung thành bấy lâu, mà chỉ xứng với khai thác ngắn hạn.

Thái độ này lây lan tới các giám đốc điều hành (CEO) và người lao động tạm thời, già và trẻ, da trắng và da đen, chủ gia đình và người độc thân, người cải đạo theo Ki-tô và người đồng tính, dân quân ở nông thôn và bồi thẩm đoàn nơi thành thị. Các loại thuyết âm mưu đầy rẫy, kiểu như có phải máy bay trực thăng của FBI bay qua Idaho hay CIA làm lan truyền AIDS ở nội thành. Ý thức về sự phân rã xã hội đã phát triển một động lực mạnh mẽ; mỗi đặc điểm của bối cảnh xã hội bị mất uy tín, khiến các đặc điểm khác càng có vẻ rối loạn chức năng hơn. Khi các thiết chế thay đổi cho phù hợp với trạng thái đang thay đổi này, chúng đã trở nên tinh tế hơn để phù hợp với những nhu cầu cá nhân nhưng lại tệ hơn khi đáp ứng (hoặc thậm chí giả vờ đáp ứng) các nhu cầu cộng đồng. Trong bối cảnh phiên tòa Simpson và bản án triệu đô về sự cố tràn cà phê, hệ thống tư pháp bắt đầu gây ấn tượng với người dân trong tư cách một hệ thống hơn là công lý. Ở thời kỳ Thức tỉnh, hệ thống này có vẻ suy tàn khi nhìn từ bên ngoài; giờ đây nhìn từ bên trong cũng vậy.

Thiếu một hướng đi trung tâm trong đời sống xã hội, người Mỹ bắt đầu tìm kiếm nó ở những lĩnh vực hẹp hơn. Tuyệt vọng với sự phức tạp của cái mà Cornel West gọi là “một nền văn minh đang mục nát,” người Mỹ bắt đầu say sưa bàn tới những ý tưởng mới về sự hợp tác xã hội toàn diện và thử nghiệm chúng trên quy mô nhỏ. Đối với nhiều người, những ý tưởng ấy rơi vào khối rubic của một phong trào “người theo chủ nghĩa cộng đồng” hay “thành viên đảng cộng hòa” đang lớn mạnh, cống hiến cho việc xây dựng lại đời sống cộng đồng từ dưới lên. Đối với những người khác, chúng vượt ra khỏi vũ trụ luận tâm linh, từ thứ hạng của các thiên thần Phúc âm đến đánh số các hành tinh theo phong trào Thời đại Mới. Người Mỹ ở khắp nơi bị mê hoặc bởi hình ảnh của một trật tự đạo đức toàn cầu mà họ đã lĩnh hội trong chính mình. Trong khi đó, chín trong số 10 người đồng ý rằng “đã từng có thời gian người dân ở đất nước này cảm thấy họ có nhiều điểm chung và chia sẻ nhiều giá trị hơn người Mỹ hôm nay.”

Vào giữa thập niên 1990, các chuyên gia đều đồng ý rằng Mỹ đang chìm sâu vào một kỷ nguyên mới không có mục tiêu và sự đồng lòng. Robert Samuelson gọi đây là một “sự phân mảnh”; cuốn *Commentary* (Tạm dịch: Bình luận) gọi đây là một “sự chia để trị”; Thomas Byrne Edsall gọi đây là một “kỷ nguyên của những cảm xúc xấu”; và William Raspberry gọi đây là một “sự tan rã.”

Qua hơn một nửa, thời kỳ Tan rã này đã phủ bóng đen lên chất lượng cuộc sống của người Mỹ theo những cách không ai dự đoán được. Nhìn lại, người Mỹ có thể thấy năm 1984 là một năm bản lề khi một số xu hướng mới nổi lên đã vạch ra thời kỳ sắp tới. Lúc đầu, các xu hướng này chỉ như những kẻ tò mò đi ngang qua. Tuy nhiên, vào giữa thập niên 1990, chúng đã trở nên áp đảo và dường như là những đặc điểm không thể xóa bỏ trong đời sống Mỹ.

Năm 1984, cử tri kiên quyết tán thành một chính sách kinh tế với thâm hụt ngân sách lớn, sự gia tăng không kiểm soát trong việc sử dụng các quyền lợi, tỉ lệ tiết kiệm quốc gia sụt giảm, và các khoản vay lớn từ nước ngoài – giữa những tuyên bố rằng “canh bạc trên du thuyền” này hoặc sẽ chữa lành nền kinh tế hoặc sẽ buộc các nhà hoạch định chính sách đảo ngược lại tiến trình. Một thập niên sau đó, việc dư thừa về tài chính đã trở thành một con đường chính trị và năng suất tăng chậm đã trở thành một thực tế kinh tế của đời sống.

Năm 1984, với bài phát biểu “Hai nước Mỹ” của Mario Cuomo và tác phẩm *Losing Ground* (Tạm dịch: Mất đất) của Charles Murray, công chúng lần đầu tiên biết rằng khoảng cách giàu nghèo đang nở rộng. Một thập niên sau, khoảng cách ấy đã tăng lên với tỉ lệ đáng kể, nhưng người theo chủ nghĩa tự do cùng với người bảo thủ có chung nghi ngờ là liệu có thể làm được gì về điều này.

Năm 1984, Jesse Jackson ra mắt Liên minh Cầu vồng, tuyên bố Mỹ là “một tấm mền của nhiều mảnh vá, nhiều miếng vải, nhiều màu

sắc, nhiều chất liệu khác nhau.” Một thập niên sau, sau khi chủ nghĩa đa văn hóa quét qua đất nước, Mỹ dường như bột giống một tấm mền hơn, thay vào đó là một tấm thảm được kết từ các sợi vải.

Năm 1984, lần đầu tiên người Mỹ nhận ra rằng gia đình thông thường không còn là chuẩn mực và thiếu niên quan hệ tình dục trước hôn nhân không còn là hiếm. Một thập niên sau, tỉ lệ các cặp vợ chồng có con đã thu hẹp chỉ còn 26% trên tổng số các hộ gia đình (so với 40% vào năm 1970), và tỉ lệ những thiếu nữ 15 tuổi có quan hệ tình dục tăng lên 26% (so với 5% vào năm 1970).

Năm 1984, Hollywood vừa phát minh ra phim hành động bạo lực với công nghệ tiên tiến, và vũ khí tự động vẫn còn chưa phổ biến trong các nội đô. Chục năm sau, bọn trẻ đã xem cả ngàn vạn hành động hỗn loạn trên tivi từ khi chưa đủ 18 tuổi, và tỉ lệ trẻ em dưới 18 chết bởi súng đạn tăng gấp ba lần trên toàn quốc.

Năm 1984, Peter Ueberroth kiếm được lợi nhuận từ Thế vận hội Los Angeles, số ít vận động viên kiếm được nhiều hơn cả Tổng thống Mỹ, còn Michael Jackson giới thiệu với Mỹ một siêu sao mới mang phong cách *Thriller*. Một thập niên sau, các Thế vận hội đã hoàn toàn chuyên nghiệp, khoản tiền một số cầu thủ Giải bóng bầu dục quốc gia kiếm được sau một trận đấu còn hơn cả thu nhập của Tổng thống Mỹ trong một năm, và Kato Kaelin đã chỉ ra mặt trái của sự nổi tiếng.

Năm 1984, tư bản mới bắt đầu vượt qua biên giới quốc gia trong quy mô lớn, hầu hết các tập đoàn vẫn còn sợ hãi những bảng quyết toán đầy nợ, và đầu tư ngân hàng là một nghề mới đang được ưa chuộng. Một thập niên sau, tư bản xuyên quốc gia làm rung chuyển nền kinh tế Mỹ, hàng tỉ đô-la mua lại và sáp nhập doanh nghiệp làm xáo trộn hoàn toàn các tập đoàn, và càng sa thải nhiều lao động lâu năm thì dường như cổ phiếu của công ty càng tăng cao.

Năm 1984, đại dịch cocaine vừa mạnh nha đã lôi kéo các băng nhóm thanh niên ở Los Angeles, và một nhà báo của tờ *Chicago Tribune* đã đặt ra các từ viết tắt *NIMBY* (“not in my backyard – không phải ở sân nhà tôi”) để thể hiện sự phản kháng của người dân với các công trình công cộng. Một thập niên sau, những băng đảng tội phạm Crips và Bloods đã lan đến Utah và các căn cứ quân sự ở nước ngoài, còn phong trào *NIMBY* thì vươn từ những cư dân ngoại ô giữa bốn bức tường đến những dân chơi nơi thị trấn nhỏ và dân quân nông thôn.

Năm 1984, sự tăng đột biến của những người lang thang không được định chế hóa (vô gia cư) đã thúc đẩy chính phủ thiết lập những nơi cư trú đặc biệt. Một thập niên sau, với lý do “lòng trắc ẩn mệt mỏi,” nhiều địa phương đã trục xuất người lang thang khỏi những địa điểm công cộng và xây dựng các nhà tù với tốc độ nhanh nhất trong lịch sử.

Năm 1984, các bang đang thử nghiệm cờ bạc hợp pháp, 17 bang có xổ số, hai bang có sòng bạc, và không bang nào cho phép chơi poker trên máy (video poker) hoặc cờ bạc trên đất Mỹ. Chục năm sau, bốn con số đó đã tăng tương ứng là 36, 10, 6, và 24. Vào giữa thập niên 1990, số người Mỹ tìm đến các sòng bạc hợp pháp nhiều hơn số đi xem giải bóng chày Major League, giải bóng bầu dục quốc gia, hòa nhạc giao hưởng, và các buổi biểu diễn nhạc kịch cộng lại.

Năm 1984, đất nước chìm trong các phong trào tự lực hành động, và một cuộc khảo sát của công ty *Times-Mirror* đã thống kê được số “người lạc quan” nhiều ngang với “nhà đạo đức” (khoảng 10% dân số Mỹ). Một thập niên sau, đất nước lại chìm vào các phong trào tâm linh, tỉ lệ các nhà đạo đức theo *Times-Mirror* tăng gấp đôi, và phạm trù lạc quan đã trở nên hiếm hoi đến mức không còn được sử dụng.

Vào đầu thời kỳ Tan rã, khi người ta gắn các tiền tố *post-* và *neo-* vào các xu hướng như thế, sự phức tạp của cuộc sống hậu hiện đại liên

ập đến với người theo chủ nghĩa tân tự do và chủ nghĩa tân bảo thủ như các thách thức thú vị mới. Nhưng lúc ấy đất nước còn được phản chiếu trong tựa đề sách vào thập niên 1980, *Doing Better and Feeling Worse* (Tạm dịch: Làm tốt hơn và cảm thấy tệ hơn). Vào giữa thập niên 1990, trong bối cảnh bùng nổ kinh tế lan rộng, cứ bốn người trưởng thành thì có ba người tin rằng Mỹ sẽ bị “suy giảm về đạo đức và tinh thần.” Cuộc sống thường ngày u ám rồi đen kịt theo đúng nghĩa đen, cũng là màu sắc trên logo của những môn thể thao và ô tô sang trọng loại mới nhất. Hùng biện chính trị chìm vào mức dơ bẩn nhất trong hồi ức nhân loại, trong khi ẩn dụ về tội lỗi và cái chết len lỏi vào đối thoại quốc gia. Dan Quayle chẩn đoán “một căn bệnh ung thư đạo đức đã di căn đến mọi cấp độ của xã hội.” Hillary Clinton (dẫn theo Lee Atwater) thì than thở về một “khối u trong tâm hồn” quốc gia.

Một loạt chấn động đã thúc đẩy tâm trạng mới này. Năm 1987, chứng khoán sụp đổ và vụ bê bối phố Wall sau đó đã cắt ngắn cuộc nói chuyện vui vẻ về những người trẻ tuổi nhiều hoài bão cho rằng tham vọng-là-điều tốt. Những thắng lợi của Chiến tranh Lạnh và Bão táp Sa mạc tạo ra một trật tự thế giới mới không lâu bền và đáng lo ngại. Sự sụp đổ của cuộc cải cách y tế càng cho thấy Mỹ không còn tin rằng các giải pháp lớn mang tính thiết chế có thể xử lý được những vấn đề công. Các cuộc bầu cử cò cưa từ năm 1992 tới năm 1996 càng đẩy nhanh tính *thiếu* liên kết của nền chính trị quốc gia. Vụ đánh bom thành phố Oklahoma đã hé lộ cơn giận dữ điên cuồng đang ẩn dưới bề mặt. Phiên tòa Simpson và phong trào Million Man March (Tuần hành Triệu người) đã gọi lên một chủ nghĩa chủng tộc mới đầy u ám. Với mỗi cú sốc, lại có một phần của trật tự cũ bị ruồng bỏ, hoạt động của nó ít được tôn trọng hơn, các mặt kém hợp lý hơn, và kết quả khó dự đoán hơn.

Thập niên 1990 đang tạo ra rất nhiều thứ sẽ mang đến toàn tin tốt lành nếu sinh ra trong thời đại khác: Nền kinh tế hồi sinh, và thị

trường chứng khoán trời dậy. Thành tích học tập cao, tỉ lệ tội phạm giảm. Trong khi Mỹ ngự trị như siêu cường duy nhất trong một thế giới đa phương, thì nền văn hóa Mỹ cũng đang lan rộng trên toàn thế giới. Kim dài trên chiếc Đồng hồ Ngày tận thế của các nhà khoa học nguyên tử, vốn đã chỉ ba phút trước nửa đêm vào năm 1984, đã quay ngược kể từ lúc đó. Song người Mỹ vẫn bi quan hơn bao giờ hết. Họ có xu hướng tin rằng bất kỳ tin tốt nào (giống như một thị trường chứng khoán trời dậy) đều đi kèm với một mặt tiêu cực (sa thải hàng loạt) mà sẽ phải trả giá cho nó vào một ngày nào đó.

Thuyết tân suy thoái không hề bị lay chuyển. Khi mà câu chuyện ngẫu nhiên về ngày tận thế của thời kỳ Thức tỉnh chỉ đơn giản là trình bày về tính cấp bách đầy phần khích của thời đại, thì thuyết tân suy thoái bi quan hơn – dấu rằng lịch sử không lao vút đến đỉnh cao mà chỉ loạn choạng đi đến chỗ kiệt sức. Những cuộc thăm dò ý kiến cho thấy phần lớn người Mỹ, đặc biệt người trẻ, tin rằng những năm tháng đẹp nhất của đất nước đã trôi qua. Một cuộc thăm dò rộng rãi khoảng vài thập niên gần đây cho thấy thập niên được ưa thích nhất là thập niên đã xa – còn thập niên 1990 giành được ít thiện cảm hơn cả. Năm 1995, tạp chí *USA Weekend* đã tổ chức một cuộc thi đặt tên cho thập niên 1990 dành cho độc giả. Đại đa số các câu trả lời đều ảm đạm, như là “thập niên 90 tiêu cực,” “thập niên 90 buồn thảm,” “thập niên phủ nhận,” “thập niên đi xuống,” hay “thập niên tuyệt vọng.” Được nhấn mạnh trong cuốn *The Rise and Fall of the Great Powers* (Tạm dịch: Thăng trầm của các siêu cường) của Paul Kennedy là một danh sách hơn hai tá cuốn sách “kết thúc” được in vào khoảng giữa thập niên 1990, bao gồm *End of Affluence* (Tạm dịch: Kết thúc của sự giàu có), *End of Science* (Tạm dịch: Kết thúc của khoa học), *End of Culture* (Tạm dịch: Kết thúc của văn hóa), *End of Marriage* (Kết thúc của hôn nhân), *End of Evolution* (Tạm dịch: Kết thúc của sự tiến hóa), *End of History* (Tạm dịch: Kết thúc của lịch sử), *End of the Future* (Tạm dịch: Kết thúc của tương lai), và *End of the World* (Tạm dịch: Kết thúc của thế giới).

Song, khi đời sống xã hội tan rã, đời sống cá nhân lại lên ngôi. Cả hai lĩnh vực đều đang hướng về những phía đối nghịch mà từ đó chúng trở lại với thời kỳ Lạc quan. Năm 1960, viễn cảnh về một nước Mỹ sau năm 1984 hoặc là một Miền đất Tương lai đầy nhân từ, hoặc là một Anh Cả đầy hung bạo, nhưng nỗi ám ảnh về sự hỗn loạn cộng đồng và chủ nghĩa cá nhân tràn lan là không thể tưởng tượng được. Điều đó giải thích tại sao người Mỹ lớn tuổi khi nhớ về thời kỳ Lạc quan lại cảm thấy bất an trước Tan rã, và tại sao người Mỹ trẻ tuổi khi nhớ về Lạc quan thì chẳng thấy lịch sử Mỹ tiền Thức tỉnh có ý nghĩa là bao.

Sự thay đổi tâm trạng của thời kỳ Thức tỉnh là một hệ quả tự nhiên của những chuyển tiếp vòng đời diễn ra giữa các thế hệ ngày nay. Thế hệ Vĩ đại nhất tự tin và đoàn kết đang suy yếu dần. Thế hệ Im lặng với mối quan tâm khác và tư tưởng thỏa hiệp đang dần đến tuổi trung niên. Thế hệ Bùng nổ đang vượt qua thời kỳ mới trưởng thành sau khi dành cả quãng thời gian đó vào việc khám phá bản thân, tranh luận, và các căn bệnh xã hội mới. Thế hệ Thứ 13 vừa kết thúc thời thơ ấu, để lại cho nhiều người ở mọi lứa tuổi, kể cả chính thế hệ ấy, sự phân vân rằng đã có gì sai. Trẻ con Thế hệ Thiên niên kỷ vừa mới sinh ra. Mỹ đang chuyển thành một nhóm nguyên mẫu, nhóm ấy đang chạm đến đỉnh cao của sức mạnh bên trong (riêng tư) và điểm đáy của sức mạnh bên ngoài (xã hội).

Giống như những thời kỳ khác, thời kỳ Tan rã là một giai đoạn tự nhiên của lịch sử nhân loại. Giờ là lúc một xã hội xóa đi các tàn dư thể chế. Khi thời kỳ Thức tỉnh trôi qua và Khủng hoảng chưa xuất hiện nơi đường chân trời, Tan rã cho phép con người sống cuộc đời trọn vẹn, thoát khỏi quá khứ, và theo đuổi mục đích cá nhân. Nền văn minh nhân loại sẽ nghèo nàn biết bao nếu không có một cơ hội như vậy, mỗi *saeculum* một lần, để khám phá những lĩnh vực riêng của sự tự hoàn thiện, dù có lúc nó mang lại sự bi quan xã hội. Theo nhiều cách, một

Bước chuyển Thứ ba có thể là đặc điểm riêng thú vị nhất của quy luật mùa *saeculum*.

Cũng vậy, thời kỳ Tan rã là một giai đoạn *cần thiết*: Bằng cách cho phép những ý tưởng về thời kỳ Thức tỉnh, nó đã đặt ra lịch trình cho Khủng hoảng tiếp theo.

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN THỨ BA VÀ CÁC NGUYÊN MẪU

Đã có bảy Bước chuyển Thứ ba (hoặc thời kỳ Tan rã) xảy ra từ thế kỷ 15.

- *Rút lui khỏi Pháp* (1435-1459), *Saeculum* cuối trung cổ.
- *Bất khoan dung và Tử vì đạo* (1542-1569), *Saeculum* Cải cách Tin Lành.
- *Phản ứng và Phục hồi* (1649-1675), *Saeculum* Tân Thế giới.
- *Những cuộc Chiến tranh Pháp và Ấn Độ* (1746-1773), *Saeculum* Cách mạng.
- *Chiến tranh Mexico và Chủ nghĩa địa phương* (1844-1860), *Saeculum* Nội chiến.
- *Thế chiến I và Luật Cấm rượu* (1908-1929), *Saeculum* Siêu cường.
- *Những cuộc Chiến tranh Văn hóa* (1984-2005?), *Saeculum* Thiên niên kỷ.

Tất cả bảy Bước chuyển Thứ ba đều đi theo một con đường tương tự gây hỗn loạn và tan rã xã hội. Thời kỳ Thức tỉnh kết thúc, người dân giờ đây đang chìm đắm hoàn toàn trong các mục đích riêng của mình. Ưu tiên mới của xã hội là phân tán chứ không phải tụ họp; người dân đang thu hoạch chứ không phải gieo trồng. Dưới bề mặt, một hệ thống giá trị mới phát triển và lan rộng. Khi những thực thể lớn chính thức tiếp tục suy yếu, các thực thể nhỏ phi chính thức (gia

đình, hàng xóm, doanh nghiệp nhỏ, nhóm tình nguyện, nhóm văn hóa riêng) lại hồi sinh.

Thời kỳ Tan rã là một kỷ nguyên của điểm phân, một sự chuyển đổi theo hướng ngày ngắn lại và đêm dài ra. Cả cung và cầu của trật tự xã hội đều đang sụt giảm. Đây là cung phần tư mùa thu của *saeculum*, khi những cây nho tươi tốt, trái cây thối rữa, lá rụng, và sự tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của cuộc sống tái xuất hiện. Đó là khi Richard Wilbur viết “mùa hè nóng bỏng khiến ý định của cô ấy cạn kiệt... Như một bức thư tình không còn ý nghĩa nữa.” Người dân gặt hái vụ mùa trước đó, đồng thời tự hỏi nên làm gì với những hạt giống này. (Ăn chúng? Tập hợp chúng lại? Thả chúng theo cơn gió?) “Đối với con người,” Edwin Way Teale tuyên bố, “mùa thu là thời điểm thu hoạch, tụ họp bên nhau. Đối với thiên nhiên, đó là thời điểm gieo trồng, phân tán khắp nơi.” Niềm vui của vụ thu hoạch hòa lẫn với cái rùng mình về thương đau đang đến. “Mọi thứ trên Trái đất đều hướng về ngôi nhà hồi tháng 10 cũ,” Thomas Wolfe viết, “lữ khách tới với những vùng đất xa lạ, thợ săn tới với cánh đồng và hốc cây và tiếng tru dài của chó săn, tình nhân tới với tình yêu mà anh ta từng rời bỏ.”

Cũng giống như thời kỳ Lạc quan bắt đầu với một hiệp ước chính trị chấm dứt Khủng hoảng, một Tan rã bắt đầu với một hiệp ước văn hóa kết thúc Thức tỉnh. Xã hội đã giải quyết những vấn đề cốt lõi gây ra sự hỗn loạn: Các giá trị mới tự định nghĩa đã chiến thắng các giá trị định nghĩa theo nhóm cũ. Cuộc sống giờ đây có thể tiếp diễn – không có ngày tận thế hay miền đất không tưởng, cũng không có bất kỳ định hướng xã hội tổng thể nào. Một thời kỳ Tan rã thường mở ra với lời tung hô vui vẻ và sự tự tin đã được khôi phục, nhưng tâm trạng vẫn không được tốt. Sự hài lòng với đời sống riêng tư (và tinh thần) vẫn ở mức cao, trong khi niềm tin vào đời sống cộng đồng (và thể tục) giảm sút – nó làm xói mòn hơn nữa những thói quen, quy tắc, và cách ứng xử vốn đang bị thời kỳ Thức tỉnh làm suy thoái. Sự hỗn loạn xã hội ấy

tạo nên động lượng riêng của nó. Từng lớp trật tự cũ bị tước bỏ, khiến mấy lớp còn lại trông tối tệ và vô dụng hơn bao giờ hết. Điều này làm nảy sinh nhiều hoài nghi và những lời kêu gọi phá hủy những gì còn lại. Thời đại đi gần tới chỗ kết thúc giữa mong đợi mới mãnh liệt về xu thế hướng tới tự trị cá nhân và lật đổ thể chế sẽ kéo dài vô thời hạn.

Mấy thập niên Tan rã nổi tiếng nhất (những thập niên 1550, 1660, 1760, 1850, và 1920) mang tới suy nghĩ về chấp nhận rủi ro, lối cư xử xấu, và một tâm trạng xã hội đau buồn. Những thập niên này đã sinh ra một vài nhà lãnh đạo mạnh mẽ hay công trình công cộng bền vững, bên cạnh nhiều nghệ sĩ, nhà đạo đức, doanh nhân, và người nổi tiếng đầy liều lĩnh với tiếng tăm còn mãi, chúng ta nhớ tới những người này vì những gì họ đã làm một mình chứ không phải trong tập thể. Thời kỳ Tan rã phản ánh một tâm trạng xã hội vừa mới trở nên cá nhân, thực dụng, và không an toàn. Đây là thời đại của những kẻ gian hùng và nhà vận động chính trị, của các âm mưu triều đình và liên minh nguy hiểm, của tình trạng bất ổn xã hội và các thị trường bùng nổ rồi phá sản. Sự tương phản đầy rẫy – giữa kẻ giàu và người nghèo, kẻ lòe loẹt và người điếm đạm, đáng thiêng liêng và kẻ trần tục. Người ta đóng kịch, chào đón xung đột trong khi không đếm xỉa gì đến sự đồng thuận. Mọi mối quan hệ dường như thay đổi liên tục, mọi lòng trung thành bị nghi ngờ, mọi kết quả không chắc chắn. Xã hội tan vỡ thành nhiều mảnh vụn ly tâm, với lòng trung thành bé nhỏ xuất hiện giữa những mớ lộn xộn đang chìm dần của nền văn minh. Tốc độ sống nhanh hơn, và các chân trời thời gian rút ngắn. Những vấn đề thế tục gia tăng, hoặc bị trì hoãn, hoặc được cho là không thể giải quyết được.

Như trong các bước chuyển khác, tâm trạng của một thời kỳ Tan rã là kết quả từ sự già đi dần của các nguyên mẫu thế hệ: Nghệ sĩ già đi, Tiên tri bước vào tuổi trung niên, Du cư trưởng thành, và Anh hùng vừa sinh ra. Dưới đây là những gì xảy ra trong suốt vòng đời đó.

- Khi *Thế hệ Nghệ sĩ* đồng cảm thay thế *Thế hệ Anh hùng đã già*, họ khiến tốc độ thay đổi xã hội nhanh hơn, rời xa trật tự cũ để hướng tới sự giản đơn và nhạy cảm.

Bước vào tuổi già, *Nghệ sĩ* vẫn duy trì hướng đi khác như trước đây – linh hoạt về mặt tổ chức, nhạy cảm về mặt văn hóa, cam kết với tiến bộ và chuyên môn. Họ hiếm khi sinh ra các nhà lãnh đạo mạnh mẽ, quyết đoán. Như trước đây họ từng làm theo tín hiệu của *Thế hệ Anh hùng đã già*, giờ đây họ nhận lấy kế hoạch của *Thế hệ Tiên tri trẻ tuổi*, đồng thời mong muốn được chấp nhận là đối tác trọn vẹn trong hệ thống giá trị mới. Dung thứ sự đa dạng và bất hòa, *Thế hệ Nghệ sĩ* lớn tuổi nhìn chung chấp nhận (thậm chí tán dương) những lực lượng xã hội ly tâm. Do dự khi đưa ra phán xét của mình, họ thích để cho các sự kiện diễn ra – và đôi khi hối hận về hậu quả. Tức giận song kiên cường, *Thế hệ Nghệ sĩ* già vẫn giữ tính đa cảm, lương tâm xã hội, và niềm tin bao dung của mình vào những cơ hội thứ hai.

Thế hệ Khai sáng lớn tuổi trong các cuộc Chiến tranh Pháp và Ấn Độ là những người tự vấn và mất phương hướng nhất trong lịch sử thuộc địa Mỹ, được nhớ đến bởi “những nghi ngờ vô tận, ngại ngùng, không chắc chắn, và sự bối rối tâm trí” (Samuel Johnson) cùng sự “công bằng nhưng dịu nhẹ, chắc chắn nhưng hòa giải” (Nathaniel Appleton) của họ. Một thế kỷ sau, trong thời đại của chủ nghĩa địa phương trước Nội chiến, những người đồng đảng với Zachary Taylor lúc lâm chung đã thừa nhận sai lầm khi cố gắng tìm kiếm “biện pháp hòa giải có thể làm hài hòa các xung đột lợi ích.” “Cuộc sống là tự thân, ngoại trừ sự thỏa hiệp,” ông già Henry Clay khẳng định, và than thở rằng *Thế hệ Thỏa hiệp* của ông không thể ngăn chặn xung đột đang đến gần giữa chủ trương giải phóng nô lệ với King Cotton. Trong những năm sau Thế chiến I, khi Woodrow Wilson theo đuổi 14 Điểm của mình trong vô vọng, thế hệ đang già đi của ông quan tâm đến sự công bằng của quá trình hòa giải giữa những lý tưởng cạnh tranh với nhau hơn là kết quả

thực tế. “Nếu niềm tin của tôi có bất kỳ hiệu lực nào,” Wilson tuyên bố, “rốt cuộc quan điểm ấy sẽ thống trị thế giới.” Sử gia Mark Sullivan lưu ý “thói quen đảo ngược” ra sao trong thập niên 1920, “người già ra sức hành động như con cái mình, trong nhiều trường hợp thậm chí như cháu mình.”

- Khi *Thế hệ Tiên tri* hay phán xét thay thế Thế hệ Nghệ sĩ ở *tuổi trung niên*, họ thuyết giáo về một thứ niềm tin đạo đức bi quan, gắn chặt với các giá trị.

Bước vào tuổi trung niên, những Thế hệ Tiên tri đầu tiên thể hiện một khoảng cách đáng suy nghĩ, và dần dần một sự nghiêm khắc đúng mực trong một giai đoạn cuộc sống trước đây được biết đến với lòng bao dung. Trong mắt mình, họ là những trụ cột của lòng chính trực. Với người khác, họ chỉ là kẻ đạo đức giả bất tài – cho dầu họ cũng được tôn trọng pha lẫn ghen tị nhờ khả năng tập trung của họ vào các vấn đề đúng và sai cốt lõi. Những Tiên tri ở tuổi trung niên bắt đầu định hình lại các thiết chế từ trong ra ngoài, mang theo những sự thấu hiểu họ đã gặt hái được trước đây trong đời sống riêng tư và đưa chúng vào đời sống cộng đồng. Họ đạt đến quyền lực chính trị một cách chậm rãi nhưng quyết đoán, bắt đầu với giới lãnh đạo tương đối yếu ớt đã dung thứ với cơn bốc đồng của những người đồng đảng. Khi họ loại bỏ các thiết chế không phù hợp với giá trị của mình, những rạn nứt sâu sắc cũng xuất hiện giữa các phe phái với vị thế đạo đức cạnh tranh nhau.

Vào thời điểm Thế hệ Thanh giáo đầu tiên của những người định cư New England đến tuổi trung niên, luật lệ tình yêu nguyên bản của họ chuyển thành tình yêu luật lệ, đặc biệt là khi áp dụng cho người trưởng thành trẻ tuổi chưa cải đạo. John Winthrop khuyên các môn đệ của mình “đi theo quyền uy được đặt ra phía trên bạn,” quyền uy ấy mang lại “một sự tự do đến với chỉ những điều tốt đẹp, công bằng, và trung thực.” Một thế kỷ sau, những người đồng đảng tuổi trung niên

với Sam Adams, Jonathan Edwards, và John Witherspoon đã bày tỏ nỗi e ngại trước sự suy đồi đạo đức ngày càng tăng, dẫn đến điều mà sử gia Michael Kammen gọi là “một sự thức tỉnh của ý thức công dân.” Trong thập niên 1850, du khách nước ngoài nhận thấy “sự nghiêm trọng” và “thiếu vắng lòng tôn kính trước quyền lực” trong “thế hệ bận rộn với giờ phút hiện tại” của Mỹ, tức là Thế hệ Siêu việt. Ngay sau Thế chiến I, những nhà vận động Sứ mệnh tham gia vào Ba ngôi Thiêng gồm chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa chính thống, và chủ nghĩa nữ quyền để đòi quyền bỏ phiếu cho phụ nữ và cấm uống rượu. Trong khi một nhà văn trẻ đả kích họ là những kẻ thùng rỗng kêu to, thì những người trung niên thẳng thừng đưa ra một bộ luật mới về điều chỉnh phim ảnh, đóng sập cửa với nhập cư, đưa ra các hình phạt nghiêm khắc với tội phạm, và đấu tranh để áp đặt một thứ chủ nghĩa nhân văn mới nghiêm khắc lên một xã hội đang vượt khỏi tầm kiểm soát.

- Khi *Thế hệ Du cư* thay thế Tiên tri vào những năm đầu của *tuổi trưởng thành*, họ trở nên táo bạo và gan lì, mang chủ nghĩa thực dụng và tính độc lập của mình vào một kỷ nguyên của hỗn loạn xã hội ngày càng tăng.

Thế hệ Du cư trưởng thành trong một xã hội mạnh về lựa chọn và phán xét nhưng yếu về cấu trúc, hướng dẫn, hoặc bất kỳ ý thức về nhiệm vụ tập thể nào đối với người trẻ. Thiếu vắng một cốt lõi thế hệ, họ được xác định bằng sự khác biệt mang đậm tính xã hội và văn hóa. Ý thức rằng các nhà lãnh đạo lớn tuổi không mong đợi nhiều từ mình với tư cách một nhóm, họ cảm nhận được ít ỏi về nhiệm vụ hay quyền lực tập thể. Tuy nhiên, mối liên hệ nhanh chóng với thế giới thực mang đến cho họ những kỹ năng sinh tồn mạnh mẽ và kỳ vọng về thành công cá nhân. Hành động như các cá nhân, họ chấp nhận rủi ro kinh doanh và bắt đầu tự phân loại mình thành kẻ thắng người thua. Nền văn hóa của họ đưa tới một Thế hệ Tiên tri lớn tuổi tiếp theo cuồng tín, cứng cỏi, phiến toái, và quy kết là họ thiếu một đời sống nội tâm có nguyên

tắc. Các Du cư trẻ tuổi thoát khỏi những sự chỉ trích này và làm những gì họ phải làm để đối phó lại.

“Một thế hệ tinh quái và ngoan cố” là lời Josiah Coale, một tín đồ Quaker trẻ, mô tả những thanh niên nổi loạn của New England trong thập niên 1650. Về những người nhập cư lớn tuổi, sử gia Oscar Handlin viết “thế hệ thứ hai có vẻ thô lỗ, kém học thức, và hoang dã hơn.” Trong những cuộc Chiến tranh Pháp và Ấn Độ, những người đồng đảng với George Washington đã đánh dấu một bước nhảy chấn động trên lĩnh vực rượu chè, cờ bạc, tội phạm, ăn xin, và phá sản, khiến sử gia William Pencak mô tả Tự do là “những người trẻ không có gì để làm và không có nơi nào để đi.” Một thế kỷ sau, thời kỳ sụt giảm trong tuyển sinh đại học, mục tiêu của những người chỉ trích lớn tuổi là mấy gã trai đào vàng của Mark Twain, trong đó có George Templeton Strong bị kinh ngạc bởi “lãng phí tổng thể quá nhiều được bù lại bởi nền văn hóa quá ít ỏi.” Sử gia Richard Hofstadter lưu ý rằng Thế hệ Vàng son lớn lên như “một thế hệ người Mỹ khao khát muốn có được mọi thứ, và giành lấy.” Ngay sau Thế chiến I, Stephen Carter thừa nhận rằng “các tạp chí tràn ngập những lời mô tả bi quan về thế hệ trẻ.” Randolph Bourne bảo vệ các đồng đảng Thế hệ Lạc lõng khỏi những nhà đạo đức lớn tuổi, bằng cách cho rằng họ đã “phản ứng logic” với sự bỏ bê cha mẹ. Trong khi “sự thật là chúng tôi không ồn ào và giận dữ về tâm hồn mình,” ông giải thích, “chúng tôi đã duy trì từ thời thơ ấu xu hướng nhìn xuyên qua mọi thứ, và nói lên sự thật với sự thẳng thắn đáng ngạc nhiên.”

- Khi *Thế hệ Anh hùng* thay thế Thế hệ Nghệ sĩ bước vào *thời thơ ấu*, họ được nuôi dưỡng trong sự bao bọc ngày càng tăng của những người lớn bi quan trong một môi trường bất an.

Nguyên mẫu Anh hùng được tạo thành, không phải được sinh ra, và quá trình tạo thành đó bắt đầu từ thời ấu thơ dưới bàn tay của các bậc cha mẹ mãi mê với niềm tin tinh thần và bản khoản về mặt

thế tục. Vừa mới cảm nhận được nguy hiểm, môi trường của trẻ em đã được đẩy lùi về phía sau dưới sự bảo vệ và kết cấu chắc chắn hơn. Bọn trẻ được thôi thúc để trở thành người thành đạt biết vâng lời và có tinh thần đồng đội. Chúng hình thành những mối liên kết với người cha (là liên kết chính của chúng với hành vi công dân) rõ ràng hơn với người mẹ (là liên kết chính của chúng với giá trị cá nhân). Với những cha mẹ lớn tuổi của Thế hệ Tiên tri, trẻ em Thế hệ Anh hùng là công cụ giúp họ có thể một ngày nào đó thỏa mãn mong ước thâm kín của mình. Với những cha mẹ còn trẻ của Thế hệ Du cư, họ được hưởng lợi từ nỗ lực mạnh mẽ để tái khám phá và khôi phục một cuộc sống gia đình gắn gũi.

Khi Thế hệ Huy hoàng còn nhỏ, các cha mẹ thuộc tầng lớp thực dân đã bị công kích vì những gì mà Increase Mather gắn mác là “đối xử tàn nhẫn” và “bỏ bê.” Không lâu sau, hội đồng xây dựng những trường tiểu học, nhà thờ giảng dạy những tác phẩm hay và “chuẩn bị cho sự cứu rỗi” hơn là cải đạo thụ động. Thời kỳ diễn ra những cuộc Chiến tranh Pháp và Ấn Độ đã tạo nên thay đổi sâu sắc trong thái độ ở thuộc địa đối với trẻ em – không còn sự thờ ơ, hững hờ trước đó mà hướng tới sự che chở mới, có lợi cho Thế hệ Cộng hòa đang lên. “Năm 1750,” sử gia Jay Fliegelman nhận định, “những phụ huynh vô trách nhiệm đã trở thành con dê tế thần của đất nước.” Sau cùng, sử gia Kenneth Lynn lưu ý, “không có giai đoạn nào trong quá khứ chúng ta được thấy các nhà lãnh đạo hàng đầu của xã hội Mỹ nói về lòng biết ơn như những nhà ái quốc này nói về sứ mệnh làm cha mà họ nhận lĩnh.” Tương tự, những người trưởng thành của Thế hệ Cấp tiến đã thành công trong việc làm sạch thế giới của bọn trẻ. Theo nhà xã hội học Leonard Cain, điều này tạo ra một “bước chuyển thế hệ” vào khoảng năm 1900: Trẻ em sinh ra sau năm đó được ưu ái nhiều hơn trẻ em sinh ra trước và trở thành một thế hệ tôn trọng cha đến mức, như Bing Crosby hát, sẽ “theo cha già đến bất kỳ nơi nào ông muốn tới.”

Mỹ giờ đây đã trải qua hơn một thập niên của thời kỳ Tan rã, còn khoảng một thập niên nữa ở phía trước. Trong chục năm tới hoặc tương tự, dự báo tuyến tính thông thường sẽ được chứng minh là đúng: Bước vào thiên niên kỷ mới, thế hệ hôm nay sẽ thể hiện tính cách đa phần giống như hiện tại, chỉ khác là dưới dạng phóng đại hơn (và hơi cũ hơn). Nhưng khi làm như vậy, họ sẽ đi tới ngưỡng cửa của một sự chuyển đổi khác mà bản chất và hậu quả của nó làm các học giả theo thuyết tuyến tính không thể hiểu hết.

THẾ HỆ IM LẶNG BƯỚC VÀO TUỔI LÃO NIÊN: NHỮNG NGƯỜI CAO TUỔI MỚI NHIỀU THAM VỌNG

Khi cuộc bầu cử năm 1984 đến gần, David Broder tuyên bố rằng thế hệ “Tuổi 50 sung sức” của ông đã sẵn sàng đón nhận. Không có thế hệ Mỹ nào đến tuổi đó mà chưa một lần được đảng lớn đề cử ra tranh cử tổng thống. Năm đó Thế hệ Im lặng cuối cùng đã làm được, chỉ để thấy Walter Mondale và Geraldine Ferraro giành chiến thắng ở một bang duy nhất. Bốn năm sau, một cựu chiến binh Thế hệ Im lặng chạy đua với một cựu chiến binh Thế hệ Vĩ đại nhất, nhưng khi Michael Dukakis ngồi trên nóc một chiếc xe tăng, mọi người đều cười nhạo. Tổng kết các ứng viên thất bại: Lamar Alexander, Bruce Babbitt, Pat Buchanan, Jerry Brown, Bob Dornan, Pete Du Pont, Dick Gephardt, Phil Gramm, Tom Harkin, Gary Hart, Jesse Jackson, Jack Kemp, Richard Lamm, Ross Perot, Pat Robertson, Pat Schroeder, Paul Simon, Arlen Specter, Paul Tsongas, và Pete Wilson. Vào cuối thập niên 1980, giới chuyên gia nói về “những chú lùn” không có “cử chỉ trang trọng.” Đến thập niên 1990, Broder mô tả một “Thế hệ Đứt gãy” luôn chịu thua trước một “sự không nhất quán chết tiệt, cố làm hài lòng các cử tri đặc biệt, lái sang những vấn đề ưa thích, có các giá trị đáng ngờ hoặc có vẻ kỳ lạ.” Trong năm kỳ bầu cử tổng thống từ năm 1980 tới 1996, một thời đại mà lẽ ra nền chính trị Mỹ sẽ do Thế hệ Im lặng lãnh đạo, họ chỉ kiếm được bốn trên 20 vị trí trong danh sách ứng cử của đảng lớn.

Thế hệ Im lặng đang trên con đường trở thành thế hệ đầu tiên trong lịch sử Mỹ không bao giờ tạo ra một tổng thống nào. Họ chỉ có một phó tổng thống. Tuy nhiên, họ đã khẳng định mình như một thế hệ *trợ thủ* xuất sắc, với ba Đệ nhất Phu nhân (Jackie Kennedy, Rosalynn Carter, Barbara Bush) và bốn thập niên nổi bật chưa từng thấy nơi hậu trường của đội ngũ nhân viên Nhà Trắng (từ Pierre Salinger, Joe Califano, và Bill Moyers thập niên 1960, đến Dave Gergen, Mack McLarty, và Leon Panetta thập niên 1990).

Trong thời kỳ Thức tỉnh, Thế hệ Im lặng đã giúp một thế hệ lớn tuổi điều hành quốc gia và một thế hệ trẻ hơn thách thức họ. Trong thời kỳ Tan rã, khi lẽ ra Thế hệ Im lặng sẽ lên nắm quyền, thì họ lại giúp Vĩ đại nhất nán lại và giúp Bùng nổ vượt qua họ. Quay về thập niên 1980, các học giả đưa ra khái niệm “khác biệt tâm vóc” để phân biệt những đối thủ Im lặng với các chính khách có tuổi thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất như Reagan và Tip O’Neill mà công chúng vẫn mong đợi sự tự tin khi lãnh đạo. Một thập niên sau, Thế hệ Im lặng thể hiện một “sự đam mê khác biệt” mới với Thế hệ Bùng nổ hội tụ và đầy nhiệt huyết hơn. Giống như tờ *Washington Post* mô tả về Richard Lugar, thế hệ này giờ đây sẽ ít thể hiện bản thân mình như các nhà lãnh đạo, mà thiên về một “hồ sơ tìm kiếm sự hùng biện” có tính tập thể. Sau khi dành cả đời giúp đỡ người khác, Thế hệ Im lặng cũng đến lượt nắm quyền lãnh đạo, chỉ để nhận thấy người khác cũng đang trông chờ họ.

Những thành tựu về già của họ – gắn thêm các định nghĩa mới về công bằng, lớp tiến bộ mới, trình độ chuyên môn mới, và hạng mục đa dạng mới – đã tăng cường các tiện nghi nhưng lại không mấy hiệu quả trong việc giải quyết những thách thức cốt lõi của quốc gia. Giống như bộ luật mà nhiều thành viên Thế hệ Im lặng cho là thành tựu lớn nhất của họ, Luật về người Mỹ khuyết tật, những nỗ lực hết mình của họ đã giúp đỡ người này nhưng lại làm khó người khác. Giờ thì thời kỳ Tan rã dần trôi và quyền lực bị cuốn đi, thế hệ này đang cảm thấy một giai

đoạn hậu trung niên mà Daniel Levinson mô tả là “một nỗi thất vọng im lặng, một sự sợ hãi sâu sắc về việc trở nên không phù hợp.”

“Một trong những bí ẩn rối rắm nhất của chúng ta là tại sao phẩm chất của thành viên trong Nghị viện đi lên và chất lượng hoạt động đi xuống,” David Gergen nói vào năm 1991. Không có thế hệ nào trong lịch sử Mỹ bước vào thời kỳ tuổi già với nhiều yêu cầu và khiếu nại của công chúng đến vậy, nhưng lại quá ít kết quả. Vào giữa thập niên 1980, khi Thế hệ Im lặng nắm giữ hơn hai phần ba số ghế lập pháp, Nghị viện triệu tập gấp đôi số phiên điều trần, tăng gấp bốn lần nhân viên, gửi thư tới cử tri với số từ nhiều gấp sáu lần, và ban hành các bộ luật nhiều hơn một phần ba so với Thế hệ Vĩ đại nhất vào giữa thập niên 1960. Trong hai thập niên của số đông Thế hệ Im lặng, từ năm 1977 đến 1996, Nghị viện mất cân đối không chỉ ngân sách mà nợ công còn tăng thêm tám lần so với tất cả những thế hệ trước đó của Mỹ cộng lại. Giữa lúc Thế hệ Vĩ đại nhất tổ chức Đại hội Nghị viện lần thứ 89 vào năm 1965, Im lặng đã đưa “Chính phủ không-làm-được” lên trang bìa tạp chí *Time* năm 1989.

Trong tay họ, Mỹ đã trở thành “nền cộng hòa mang tính thủ tục” theo cách gọi của Michael Sandel. Bắt đầu với Luật Ngân sách và Luật về Quyền tham chiến, Nghị viện Thế hệ Im lặng đã thiết lập ngân sách vô tận và các quy trình hòa bình, thường làm cho các thiết chế công bằng hơn, tử tế hơn, và nhanh nhạy hơn, nhưng không bao giờ đơn giản thay thế chúng. “Những vấn đề đến và đi,” Colin Powell nói. “Quy trình luôn quan trọng.” Phần lớn những gì thế hệ này đề cao nhất lại được các thế hệ khác cho là nằm ngoài phạm vi của những gì tạo nên một công trình quốc gia. Khi Harvey Silvergate nói về các bài viết pháp lý của Thẩm phán Stephen Breyer, sự lãnh đạo của Thế hệ Im lặng mang tới ý nghĩ về “một chiếc đồng hồ được chỉnh chính xác đến mức sự trơn tru và logic của nó là cả một kỳ quan cơ khí. Vấn đề duy nhất

là, nó đã không đúng giờ trong thế giới thực.” Như Bush từng nói về Dukakis, điều này khiến Thế hệ Im lặng trong mắt người khác là “nhà kỹ trị làm cho các bánh răng khớp nhau nhưng không hiểu được sự kỳ diệu của cỗ máy đó.”

Qua thời kỳ Tan rã, phong cách Mỹ của lớp lãnh đạo lớn tuổi đã đi từ (theo cách nói của tạp chí *Fortune*) “đấng nam nhi tới nhạc trưởng đại tài.” Như bộc phát biểu của Dukakis năm 1988, Thế hệ Im lặng đã làm lại màu đỏ, trắng, và xanh da trời của Thế hệ Vĩ đại nhất thành màu hồng cam, xám, và hoa cà. Họ đã đưa ra một quan điểm có sắc thái và gây tranh cãi mà Meg Greenfield ca ngợi là “đang tái kiểm tra tiếp tục sự xác thực của lịch sử mà chúng ta thừa kế... Khi tất cả điều đó hoạt động đúng cách, hiểu biết của chúng ta sẽ được mở rộng, tinh chỉnh; các yếu tố mơ hồ hoặc phức tạp hoặc nghi ngờ sẽ được cho phép trong bức tranh.” Bị ảnh hưởng bên ngoài chi phối như thường lệ, Thế hệ Im lặng đã quay lưng lại với những người đồng đảng (như Robert Bork, Pat Buchanan, hoặc Joycelin Elders) được xem là cứng rắn hoặc khắt khe, nhưng lại chấp nhận những người khác (như David Souter) biện hộ rằng phán xét riêng của họ sẽ “hoàn toàn không có vai trò gì” đối với các vấn đề gây chia rẽ như phá thai.

Trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, Thế hệ Im lặng đang già đi cố gắng giải quyết vấn đề bằng cách để mọi người nói chuyện với nhau – từ những T-group cuối tuần đến hội thảo công ty đầy cảm xúc, từ các cuộc họp quốc gia của Ted Koppel đến đối thoại quốc gia của Sheldon Hackney, trong đó “tất cả những người tham gia sẽ tôn trọng ý kiến do người khác đưa ra.” “Chúng tôi không đến đây với thật nhiều câu trả lời chuẩn bị sẵn ngoại trừ năng lực sắc bén để hỏi và lắng nghe,” nhà báo Wade Greene nói về khả năng của thế hệ mình “bắc cầu qua các khoảng trống trong một thời đại bao la, cực kỳ phức tạp và có thể xảy ra những thay đổi gây chia rẽ.” Các chính phủ do Thế hệ Im lặng lãnh đạo đã khích lệ mọi người và mọi nhóm tham gia. Tại California, việc

bỏ phiếu được cải tiến nhiều đến mức vào năm 1990, người ta cần hẳn một bản hướng dẫn cử tri dày 230 trang, trong khi sách giáo khoa mới cần có sự chấp thuận của bốn ủy ban, mỗi ủy ban có 90 thành viên. Chính sách ngoại giao bước vào một kỷ nguyên mới của chủ nghĩa đa phương và theo luật quốc tế, được Joseph Nye của Đại học Harvard gọi là “quyền lực mềm, bộ máy phức tạp của sự phụ thuộc lẫn nhau”. Theo yêu cầu của Thế hệ Im lặng, kể cả máy tính cũng bắt đầu nói chuyện với nhau: tàu vũ trụ con thoi bắt đầu chở ba người, mà bất đồng giữa họ đã được giải quyết bằng những tấm phiếu tỉ lệ hai-một.

Trong khi Thế hệ Vĩ đại nhất đã tới bờ vực của tuổi già khi theo đuổi một số nhỏ những việc lớn, thì Thế hệ Im lặng đã đạt mục tiêu của mình khi theo đuổi một số lớn những việc nhỏ. Vào giữa thập niên 1980, Liên hiệp các Hội quốc tế đã lên danh sách một vạn vấn đề thế giới cần giải quyết. “Thay vì vẽ phong cảnh rộng,” William Cohen nói với những người đồng đảng với mình ở Thượng viện – “hãy tiếp cận theo bút pháp điểm họa – từng khía cạnh nhỏ của những dấu chấm” mang chi tiết đẹp đẽ đến một thế giới đã trở nên quá sơ sài trong thời kỳ Lạc quan trẻ. William Raspberry than thở rằng “chẳng mấy ai nói một cách thuyết phục về lợi ích quốc gia,” thay vào đó chỉ nói về vô số “thành phần.”

Khi từ *người theo chủ nghĩa tự do* từng được dùng để chỉ người đầy năng lượng theo phong cách Thế hệ Vĩ đại nhất với một chương trình nghị sự quốc gia mang tính xây dựng và thống nhất liên quan đến các xe ủi và nhà máy, thì Thế hệ Im lặng đã biến *người theo chủ nghĩa tự do* ấy thành những kẻ làm người khác mệt mỏi, ngăn cản các xe ủi và nhà máy làm tổn thương bất kỳ ai. Gary Hart khoe rằng “chúng tôi không phải một nhóm nhỏ những Hubert Humphrey.” Trong khi đó, định nghĩa của phe bảo thủ lớn tuổi đã thay đổi, từ sự quản lý chặt chẽ của Thế hệ Lạc lõng trong thời kỳ Lạc quan đến sự lạc quan rất hợp thời và thoải mái của phe trọng cung thuộc Thế hệ Im lặng, tràn đầy niềm

say mê và thói huênh hoang của Tan rã. Giống như Phil Gramm (và không giống Thế hệ Bùng nổ), họ “không chạy theo những nhà thuyết giáo” và không thích “việc đạo đức hóa đơn thuần.” Trong các ý thức hệ, Thế hệ Im lặng đã tìm những gì mà David Osborne mô tả là một “tổ hợp” tân tiến: “Nếu theo luận đề chính phủ là giải pháp, và theo phản đề chính phủ là trở ngại, thì tổ hợp chính sẽ là chính phủ với vai trò đối tác.” Bất kể ý thức hệ nào, Thế hệ Im lặng nhìn chung đều đồng tình rằng tốt nhất nên dành việc quyết định chính sách cho các chuyên gia. Để bảo vệ những người đồng đảng với mình, Tom Foley đã phản đối các sáng kiến về giới hạn nhiệm kỳ do Thế hệ Bùng nổ chủ trương, bằng cách thuê các luật sư lão luyện nhằm giữ chân người đương nhiệm tài giỏi lại văn phòng.

Từ văn hóa đến kinh tế, Thế hệ Im lặng đang già đi gặp khó khăn trong việc xóa bỏ mọi hạn chế xã hội ngọt ngào mà họ vẫn nhớ từ thời tuổi trẻ. Được sự hỗ trợ từ người lớn tuổi trong số những người theo chủ nghĩa tự do dân sự của Liên đoàn Tự do Dân sự Mỹ, họ đã chống lại các lệnh giới nghiêm, đồng phục học sinh, và luật chống hối lộ. Họ làm tăng thêm rủi ro cho nền kinh tế với việc mua lại nợ vay, công cụ tài chính phái sinh, sòng bạc được nhà nước cho phép, trái phiếu không có lãi, và “những đề án năng động.” Họ đã mở ra mọi cánh cửa văn hóa có thể tưởng tượng được, phá vỡ mọi điều cấm kỵ, cung cấp mọi chương trình nhìn trộm. Nơi những hippie Thế hệ Im lặng trong thời kỳ Lạc quan từng có lần chơi đùa đầy tinh nghịch, những chủ tịch tập đoàn của thời kỳ Tan rã đã đặt logo Time-Warner phía sau hành vi xúc phạm công khai của ban nhạc rock Nine Inch Nails. “Không có người giám hộ nào còn lại trong mạng lưới hệ thống,” tạp chí *Advertising Age* thông báo. “Ngoại trừ chữ F và phương châm cho rằng Advilⁱ tốt hơn aspirin,

i. Tên gọi của thuốc được bán ra thị trường với thành phần chính là ibuprofen, một loại thuốc giảm đau hoạt động giống như aspirin

bạn có thể trốn thoát với bất kỳ thứ gì bây giờ.” Thế hệ Im lặng lớn tuổi có xu hướng làm suy yếu bất kỳ sự sắp xếp xã hội nào đòi hỏi kỷ cương xã hội hoặc giới hạn không chính thức để giữ cho nó được tiếp tục. Từ nhạc pop đến thời trang, từ báo chí đến văn học, các thế hệ hoa râm của Dick Clark, Calvin Klein, Hunter Thompson, và Gore Vidal làm bộ chế giễu các quy tắc của chính những lĩnh vực họ đang thống trị.

Không giống các thành viên lớn tuổi của Thế hệ Vĩ đại nhất đã đến trước đó, Im lặng tin vào sự lựa chọn, đàm phán, đa dạng, di động, phức tạp – những gì mà Pat Choate gọi là *High Flex Society* (Tạm dịch: Xã hội linh động cao). Trong thời kỳ Thức tỉnh, các nhà kinh tế vi mô thuộc Thế hệ Im lặng đã bảo vệ sự lựa chọn thị trường, chống lại thế hệ Vĩ đại nhất mang tư tưởng vĩ mô. Giờ đây, những cố vấn kinh tế già của tổng thống thì bảo vệ thị trường trong khi các cố vấn trẻ không đồng ý. Đi qua thời kỳ Tan rã, các nhà công nghiệp Vĩ đại nhất đã được thay thế bởi các nhà kỹ trị Im lặng, họ quản lý công ty cổ phần tài chính dựa trên tính linh hoạt và ngắn gọn trong đặc trưng sản phẩm hoặc lòng trung thành của công nhân, và họ bắt được tín hiệu từ các cuốn sách của Tom Peters như *Liberation Management: Necessary Disorganization for the Nanosecond Nineties* (Tạm dịch: Quản lý tự do: Sự vô tổ chức cần thiết cho thập niên 90 nano giây). Cơ cấu chỉ huy cũ theo chiều dọc đã chuyển hướng thành chiều ngang hoặc thậm chí tan rã. Khi các nghiệp đoàn lao động, liên đoàn thể thao, và thị trường độc quyền nhóm suy yếu, chính sách chống độc quyền không còn là ưu tiên công hàng đầu vì không ai mong muốn những Jerry Jones của Thế hệ Im lặng sẽ thông đồng với nhau như Vĩ đại nhất đã từng. Vì vậy, miễn là mọi người tránh vi phạm về mặt nguyên tắc, thì ban giám đốc Thế hệ Im lặng vẫn cho rằng bất kỳ điều gì công ty họ làm đều chấp nhận được – dù là khuyến khích các CEO với những lựa chọn cổ phiếu lớn hoặc chinh đồn nhân viên trên đường phố.

Để đưa mình và đất nước đến với các câu trả lời đúng, thế hệ này tin tưởng *ảnh hưởng* bao trùm tất cả, được John Leo mô tả là

“một chủ nghĩa tương đối không hề ngại ngần, chủ yếu dựa vào cảm giác.” Kết quả từ những liều lượng lớn của chiến lược “công nghệ cao/ độ nhạy cao” của John Naisbitt có thể thấy được ở chủ nghĩa tự do “đầy lòng trắc ẩn” của Mario Cuomo, “chủ nghĩa bảo thủ với trái tim rỉ máu” của Jack Kemp, những kiến nghị lệch của Ross Perot về cải cách “kỹ sư” qua việc tổ chức thêm các cuộc thăm dò tốt hơn để xem mọi người cảm thấy cần phải làm gì. Trong tay Thế hệ Im lặng, những ưu tiên lớn của Quỹ Ford đã chuyển từ bảo lãnh các công trình công cộng lớn thành hỗ trợ các dự án đặc biệt được thiết kế để “thúc đẩy sự khoan dung và hiểu biết xã hội” và đảm bảo “cơ hội và công bằng.” Khi người Mỹ cảm thấy tồi tệ về tình hình một số nước mà họ nhìn thấy trên tivi, quân đội Mỹ liền lên đường thực hiện nhiệm vụ ở nước ngoài với một vài mục tiêu rõ ràng thay vì tôn trọng thỏa thuận đa phương và giữ cho mọi người không bị thương vong. Theo các tướng lĩnh như Norman Schwarzkopf và John Shalikashvili, chiến thuật quân sự đang chuyển hướng sang sử dụng các loại vũ khí tầm xa có thể cứu người nhưng xây dựng thì quá tốn kém trong khi kết quả vẫn còn là dấu hỏi. Thời đại mà Thế hệ Im lặng làm chủ soái là thời đại đầu tiên trong lịch sử Mỹ có nhiều lính thiệt mạng trong huấn luyện hơn là tác chiến.

Thế hệ Im lặng có quyền tự hào chính đáng với thành tựu suốt đời của họ về quyền công dân. Họ đã thành công trong việc đưa nhiều người da đen và gốc Tây Ban Nha vào Nghị viện hơn tất cả các thế hệ trước của Mỹ cộng lại. Hiểu biết về chủng tộc có lẽ là di sản quý nhất của một thế hệ, như Russell Means nói về việc mình “đã hiểu rằng cuộc sống không phải là về chủng tộc, văn hóa, màu da hoặc cấu trúc xương – mà là về cảm xúc. Đó là những gì khiến chúng ta là con người.” Tuy nhiên, ván bài kết thúc di sản đó lại bao gồm một sự phân biệt chủng tộc mới trong các kỳ túc xá đại học, trường công, và các khu vực Quốc hội – cùng một mớ bong bóng mới *vô cảm* của những căn bệnh xã hội

tàn nhẫn, khiến giới trẻ ở mọi chủng tộc ít tin tưởng lẫn nhau, ít hy vọng về sự tiến bộ chủng tộc hơn là Thế hệ Im lặng khi còn trẻ.

Cau mỳ trước những khó khăn mà thế hệ trẻ gặp phải với nền kinh tế thời kỳ Tan rã, Thế hệ Im lặng đến tuổi già cảm thấy một nỗi bất mãn mơ hồ về thứ mà họ vẫn nghĩ rằng may mắn khi là một thế hệ kế thừa đang già đi. Họ gồm những người già giàu có nhất đất nước, đã hoàn thành cuộc đời ngoạn mục từ giẻ-rách-thành-giàu-có kéo dài hai thế hệ Mỹ. Khi mà Thế hệ Lạc lõng trong thời kỳ Lạc quan thấy thế hệ sau đang lớn mạnh vượt qua mình về kinh tế, thì Thế hệ Im lặng lại vượt trội về mức sống của trẻ em. Năm 1955, hầu hết những người 35 tuổi sống trong những ngôi nhà lớn hơn và lái những chiếc xe tốt hơn so với cha mẹ họ ở tuổi 60. Giờ là trường hợp ngược lại. Khi mức lương tối thiểu và lợi ích của người lao động trẻ bị thu hẹp, thì mức lương tối đa của những ông chủ cùng độ tuổi lại tăng vọt: Trong khi một CEO thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất kiếm được gấp 41 lần mức lương của một nhân viên lao động trung bình, thì một CEO thuộc Im lặng kiếm được gấp 225 lần. “Vào năm 1940,” Russell Baker kể lại, “chỉ một kẻ hút thuốc phiện mới có thể tưởng tượng ra tương lai nhưng lựa, tươi đẹp mà chúng ta đang tận hưởng này.” Song đi cùng với sự thịnh vượng này là dễ xảy ra bê bối. Từ cuốn nhật ký liên quan đến bê bối tình dục của Bob Packwood đến lời xin lỗi của tổ chức United Way vì “sự thiếu nhận thức và độ nhạy bén” của William Aramony, Thế hệ Im lặng đã trả giá cho những gì mà Thế hệ Vĩ đại nhất gan lì chỉ nhún vai một cách đơn giản hơn nhiều.

Hôm nay, Thế hệ Im lặng đã trở thành “giới quyền uy,” nhưng vẫn thấy mình như kẻ ngoài cuộc. Charles Reich đã viết cuốn *Opposing the System* (Tạm dịch: Phản đối chế độ) như thể chế độ bị ghét bỏ ấy nằm trong tay những kẻ xa lạ. Giới lập pháp Thế hệ Im lặng đã ban hành những đạo luật tươi sáng và nhấn chìm đất nước trong dữ liệu thông tin nhằm mục đích cho phép mọi người bình luận về họ. Tuy nhiên,

một người có thể kiến nghị đối với Luật về Tự do Thông tin, đọc qua hàng tệp lời khai của chuyên gia, nhưng vẫn không có manh mối về chuyện ai đã đưa ra lựa chọn nào hoặc chịu trách nhiệm gì. Đằng sau sự lảng tránh trách nhiệm của thế hệ này ẩn giấu một ý nghĩa, rằng không giống như trong thời kỳ Lạc quan hồi Truman, đồng đô-la *không* dừng lại cùng với họ. Phát đạt với tư cách một thế hệ nhỏ bé dưới cái bóng của các thiết chế quyền lực, Thế hệ Im lặng cảm nhận được sự miễn trừ tập thể khỏi những hậu quả của thất bại, dẫu cho chúng không quá nhiều hay đủ mạnh để thành vấn đề. Giống như người hùng-nạn nhân Calvin Trillin trong *Remembering Denny* (Tạm dịch: Nhớ về Denny), họ chịu đựng một sự mặc cảm mạo danh, một sự khổ sở về thành công mà họ chưa bao giờ phải đấu tranh giành lấy.

Cũng giống như nhà báo David Broder kết thúc mỗi năm với một chuyên mục thừa nhận những ngớ ngẩn của mình, Thế hệ Im lặng đang kết thúc sự nghiệp của họ bằng cách nhắc lại những sai lầm và làm sao để có thể sửa chữa chúng. Các công chức về hưu dễ dàng thừa nhận các sai lầm quá khứ, nhưng lại khó chịu khi nghe thấy những sản phẩm lập pháp với sự khoan dung, lòng trắc ẩn và thủ tục hợp lý của mình bị các chính khách trẻ chỉ trích gay gắt. Vì vậy, những Quý cô Manners đoan trang của thế hệ này tiếp tục bảo vệ tính lịch thiệp, với Paul Fussell uyên bác của thế hệ này tiếp tục phản kháng *The Dumbing of America* (Tạm dịch: Sự câm lặng của Mỹ), và những William Cohen khôn ngoan tiếp tục chống lại quan điểm cho rằng “kẻ tìm kiếm sự thỏa hiệp và đồng thuận” là “một ‘kẻ ủy mị’ yếu đuối và bất lương.” “Thật không may,” Pat Schroeder than thở khi bà tuyên bố nghỉ hưu, “Washington mà giờ tôi đang rời đi còn tồi tệ hơn khi tôi đến”. “Chúng ta đã để cho những người Thanh giáo mới tiếp quản,” Russell Baker nói, “làm lan truyền lời tiên tri trên khắp cả nước.”

Những người lớn tuổi theo chủ nghĩa tự do như Daniel Moynihan “ớn lạnh” khi nhận ra rằng, ở tuổi thanh niên, họ coi

“những lão già là bọn bảo thủ. Giờ đây giới trẻ lại đang trở thành kẻ bảo thủ và chúng ta là những lão già.” Khi ngày một nhiều người đương nhiệm Thế hệ Im lặng về hưu hơn là ở lại, cốt lõi kiến thức của thế hệ này càng trở nên không thích hợp. “Kể cả từ vựng đời thường của chúng ta cũng đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng,” Baker tuyệt vọng nhận ra rằng cụm từ “Liên bang Xô-viết” “có thể cũng sớm trở thành đồ cổ giống như “Đế chế thứ baⁱ.” “Cuối đời, nhiều người đang cảm nhận được những gì Kevin Phillips gọi là một “kết thúc nản lòng về đế chế” và mối lo âu về tính mong manh của một sự thịnh vượng có được do hàng thập niên chấp nhận rủi ro kinh tế và văn hóa. Khi Thế hệ Im lặng bắt đầu biến câu chuyện đời mình thành những bộ sưu tập như Đài tưởng niệm Chiến tranh Triều Tiên và Bảo tàng Rock & Roll, họ tạo dựng các tác phẩm nghệ thuật nhiều hơn là những cột mốc đánh dấu, bị hấp dẫn bởi những cảm nhận về thẩm mỹ nhiều hơn là về tính dân sự hoặc đạo đức. Và họ sợ rằng nhiều thành tựu của đời mình có thể kết thúc giống như đồ sưu tầm của Jackie Onassis: quý giá với mình, nhưng khó hiểu (và có lẽ không chấp nhận được) với người khác.

“Hầu hết thời gian, chúng ta đã quay cuồng, đau khổ với sự chao đảo về văn hóa và công nghệ, mất thăng bằng với những âm thanh của cả Patti Page và Rolling Stones vang vọng trong tai,” Richard Cohen nói về sự rối loạn cuối đời của thế hệ ông. “Chúng tôi được nuôi dạy để sống trong thời đại này nhưng lại phải sống trong thời đại khác, và bây giờ, bị kịch thay, tất cả chúng tôi đều bị xem thường, bị lãng quên như một số nền văn minh đã mất hoặc Tiny Tim. Tôi ngờ rằng chúng tôi bị buộc tội bởi đã không làm gì hết. Tuy nhiên, đó không phải là vấn đề. Chúng tôi đang điều trị.”

i. Nguyên văn: “Third Reich”, tức “Third Realm” – Đệ Tam Đế chế, tên gọi khác của Đức Quốc Xã.

BƯỚC VÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI: CON THỎ NGHỈ NGƠI

“Bất ngờ chưa!” là tiếng reo của Gail Sheehy trong *New Passages* (Tạm dịch: Những chuyến đi mới), mô tả những năm từ sau 50 tuổi trở đi giống như một loạt các đường đích dắc mà một người bình luận sách đã so sánh giống với một sân golf thu nhỏ. “Nửa còn lại của cuộc đời KHÔNG phải là sự trì trệ, buồn phiền, trượt dốc như chúng ta vẫn luôn giả định”, Sheehy nói. Trong “thời trưởng thành thứ hai” của mình, Thế hệ Im lặng có thể đưa ra “mọi loại lựa chọn” mà “không giới hạn.” Những người đã nghỉ hưu có thể học cách trò chuyện, chính khách trở thành người xây dựng hòa bình, tướng lĩnh cũng khóc, và doanh nhân thể hiện cảm xúc – trong khi các nhà hoạt động nữ quyền lớn tuổi bước vào thời kỳ thăng hoa. Tuổi già sẽ trở thành một quãng thời gian mang lại niềm vui và khả năng cảm nhận thẩm mỹ đạt đến đỉnh cao, được Sheehy gọi là “tuổi 80 không rào cản,” cái ngưỡng mà năm 2005 người lớn tuổi nhất thuộc thế hệ bà sẽ chạm tới. Những người đồng đảng với Sheehy chắc chắn sẽ kết hợp sự phủ nhận tuổi tác với một hành trình đi tìm sự phấn chấn thà-muộn-còn-hơn-không-bao-giờ. Họ sẽ tiếp tục cố gắng để suy nghĩ, hành động, và có bề ngoài trẻ trung, phù hợp với tủ quần áo hợp thời trang, trải qua nhiều cuộc phẫu thuật thẩm mỹ nâng cơ mặt và xóa nếp nhăn ở bụng, và đôi khi làm con cái bức mình bởi không chống lại được chuyện yêu đương bữa bãi và ham muốn thử nghiệm. Như Woody Allen nói về chuyện dan díu giữa mình với con gái nuôi của vợ theo hôn nhân thực tế: “Trái tim muốn những gì trái tim muốn.”

Thế hệ Im lặng có thể nghĩ rằng mình chẳng già đi là bao, nhưng nền văn hóa nhận ra điều đó. *Funny, You Don't Look Like a Grandmother* (Tạm dịch: Vui thật, nhìn cô không giống một người bà) là tiêu đề cuốn sách định hướng đồng đảng của Lois Wyse; và quả thật, Mỹ chỉ vừa làm quen với một thế hệ già mới thật sành điệu, họ không phù hợp (hoặc không giống) với cái mác quen thuộc về người già của Thế

hệ Vĩ đại nhất. Thế hệ Im lặng thích coi họ là những bậc cao niên mới mẻ đầy linh hoạt và thành thạo trong việc công kích các quan niệm lâu đời, họ thường thức sự tinh tế, sự hàm ý, và nghệ thuật vị nghệ thuật – người theo thuyết tương đối có thể khéo léo kết nối suy nghĩ của họ với những “mặt khác” và đánh giá cao mọi quan điểm. Dân biển mất là những chủ nhân xe Cadillac, những người chơi bài, những tổ chức như Moose, Masons, và thành viên của các nhóm quyền lực đầu bạc. Thế chỗ họ là những người già lướt Internet (tự xưng là “Trẻ em trên 60 tuổi”), thành viên tổ chức Common Cause (Công cuộc chung), những “tình nguyện viên lớn tuổi” của Cảnh sát hòa bình, hướng dẫn viên ở bảo tàng, người dẫn chỗ ngồi ở nhà hát, và trợ lý không lương cho nhân viên xã hội và kiểm lâm viên. Trong cuốn sách cho trẻ em *My Grandma Has Black Hair* (Tạm dịch: Bà tôi có mái tóc đen), người bà vẫn tập thể dục nhịp điệu, phóng xe ô tô thể thao màu đỏ, và tham gia những cuộc trò chuyện giao lưu văn hóa với giới trẻ. Mạng lưới người già Thế hệ Vàng son của Mỹ đang mở đường cho công ty Act III Communications của Norman Lear, cho loại ô tô sang trọng cỡ lớn đến với dòng xe sedan đẳng cấp thế giới thời trang hơn, cho âm nhạc của những ban nhạc lớn đến với những người tuổi cao nhưng vẫn vui vẻ. Một thể loại phim mới về tuổi già (*Grumpy Old Men* [Tạm dịch: Người già khó tính], *How to Make an American Quilt* [Tạm dịch: Sự hình thành Đời sống tình cảm kiểu Mỹ]) mô tả cuộc sống của người lớn tuổi là một tập hợp những sai lầm về tình dục và gia đình.

“Tôi vừa phát hiện ra mình là ông nội của một người. Và là cha của một người. Có lẽ tôi là bạn của ai đó trong cuộc thương lượng,” theo Paul Newman trong cuốn *Nobody’s Fool* (Tạm dịch: Không ai là kẻ ngốc), một hiện thân năm 1994 của những người ông nhay cảm và tự ti trong thời kỳ Tan rã. Nhiều thành viên Thế hệ Im lặng nhận thấy mối liên kết của họ với các cháu mờ nhạt dần do chuyện ly hôn của chính mình (và các con), nhưng giờ đây họ đang chiến đấu để xây dựng lại mối quan hệ đổ

vỡ ấy. Trước thập niên 1990, Mỹ đã có vài nhóm hỗ trợ cho ông bà; hiện con số đó là hơn 150. Kể từ khi kết thúc thời kỳ Thức tỉnh, số trẻ em sống với ông bà đã tăng 40%, do các phụ huynh trẻ quay về với những người cha, người mẹ giàu có đang sống trong ngôi nhà lớn trống trải.

Suốt phần còn lại của thời kỳ Tan rã, Thế hệ Im lặng sẽ trẻ hóa những gì lẽ ra phải già nua ở Mỹ. Cộng đồng hưu trí và Sun City sẽ mất đi tính đại chúng, khi những người định vị xu hướng của Thế hệ Im lặng chuộng ngôi nhà nhỏ nằm gần nhà hàng, rạp hát, sân vận động tập trung giới trẻ. Sau khi Thế hệ Thứ 13 quay về nhà bố mẹ để sống dẫn đến những thay đổi lớn trong gia đình, những hộ gia đình “boomerang” có con cái quay trở về sẽ phát triển thành các đại gia đình có thể tồn tại bền vững. Những người già với gia đình đã tan vỡ không thể cứu vãn sẽ thử nghiệm lối sống phi truyền thống. Nhiều người trở thành già nua “lắm cảm,” trẻ con hơn cả các cháu của mình; những người khác sẽ trở thành chuyên gia trên các lĩnh vực mà họ từng theo học khi còn trẻ. Những chuyến du lịch riêng dài ngày sẽ được thay thế bằng các kỳ nghỉ phiêu lưu ngắn ngày nhưng đắt đỏ hơn và những “chuyến đi lớn” với các cháu. Những “cư dân của nhà dưỡng lão” thuộc Thế hệ Im lặng, từng đến châu Âu với 5 đô-la một ngày sẽ làm điều đó lần nữa với 500 đô-la một ngày. Giữ danh sách những việc họ muốn làm, nhiều người sẽ thử bất kỳ điều gì vốn đi kèm rủi ro: leo núi, đua tốc độ, cưỡi ngựa xuyên rừng, và trượt tuyết trên các đỉnh núi băng ở vùng cực. Họ sẽ đi đến vườn quốc gia với áo khoác và mũ nổi, giá vẽ và sơn màu. Họ sẽ đặt tiền để đến các khu nghỉ dưỡng Chautauqua và Disney Institute nghe những nhà diễn thuyết tên tuổi. Họ sẽ biến tầng hầm của mình thành phòng ảnh hoặc phòng thu âm, xưởng máy tính.

“Những gì bạn cần là nhiều sự lựa chọn hơn,” đó là quảng cáo của James Earl Jones hãng AT&T. Khi nghỉ hưu từng đồng nghĩa với một phần thưởng công ngọt ngào dành cho Thế hệ Vĩ đại nhất, thì Thế hệ Im lặng lại xem đây là các lựa chọn, bao gồm cả lựa chọn *không* nghỉ

hưu hoặc *phản đối* nghỉ hưu, vì họ khao khát được tiếp tục tham gia vào những gì mọi người khác đang làm. Bằng phong cách và thói quen, họ sẽ tạo ra áp lực mới lên chi phí chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Theo tờ *Washington Post* “Người tân thời được hưởng chương trình Medicare,” khi bác sĩ Joyce Brothers kêu gọi những người đồng đảng với mình hãy là “bệnh nhân hiểu biết.” Nhiều người trong họ sẽ tải lượng dữ liệu khổng lồ về các lựa chọn chăm sóc và lợi ích đặc biệt, tư vấn cho bác sĩ về các loại thuốc ưa thích của họ, và yêu cầu các phương pháp điều trị phức tạp nhất hiện có. Khi sức khỏe đi xuống, Thế hệ Im lặng sẽ tham gia những hình thức sống theo nhóm một cách miễn cưỡng hơn Vĩ đại nhất, và thúc đẩy một sự đột biến trong việc chăm sóc tại nhà đặc thù. Tất cả điều này sẽ tăng thêm đáng kể chi phí liên bang cho sức khỏe người cao tuổi.

Vào đầu thập niên 1990, ngay khi Thế hệ Im lặng bắt đầu thu nhận Medicare và An sinh Xã hội, khả năng tồn tại lâu dài và công bằng giữa các thế hệ của những chương trình này đã bắt đầu bị công kích, thường là từ chính thành viên Thế hệ Im lặng. Nhiều người trong số những thành phần được các chuyên gia lão khoa gọi là “người già trẻ tuổi” đã tác động bởi cảm giác tội lỗi khi nhận tiền từ người lao động trẻ đang chịu áp lực nặng nề hơn – thứ tội lỗi mà Thế hệ Vĩ đại nhất sẽ không bao giờ cảm thấy. Trong khi bài viết về vấn đề chăm sóc người già bắt đầu xuất hiện trong các ấn phẩm quốc gia, những người xuất sắc đang già đi bắt đầu chia sẻ quan điểm của nhà nhân khẩu học Frances Goldscheider rằng “mặt bên kia của sự nghèo đói ở tuổi trẻ là sự sung túc của tuổi già.” Những thượng nghị sĩ Thế hệ Im lặng như Warren Rudman, John Danforth, và Alan Simpson, khi rời bỏ đời sống hoạt động cho xã hội đã thể hiện nỗi đau đớn mà, đã từ bỏ những quyền lợi theo thói quen mà không suy nghĩ nhiều trong suốt kỷ nguyên quyền lực của riêng họ, thế hệ của họ cho phép lợi thế công nghiêng quá nhiều về người lớn tuổi và rời xa thanh thiếu niên. Richard Lamm cảm thấy

“bị ám ảnh bởi thực tế rằng tôi là một thành viên của thế hệ vô trách nhiệm nhất về mặt tài chính ở Mỹ,” còn Paul Tsongas khơi dậy một cuộc chiến của thường dân Thế hệ Im lặng đòi “công lý thế hệ” mà (trong một bước chuyển làm đảo lộn lịch trình của Thế hệ Vĩ đại nhất già nua) sẽ rút tiền từ túi của chính họ.

Trong những năm gần đây, Thế hệ Im lặng đã bắt đầu làm thay đổi giới vận động hành lang cấp cao mà xưa nay vẫn vững như bàn thạch, khiến họ trở nên cứng đầu hơn, bị chi phối từ bên ngoài, và không còn hiệu quả. Vào giữa thập niên 1990, khi Hiệp hội Hưu trí Mỹ kêu gọi các thành viên ủng hộ thay đổi luật trợ cấp theo hướng có lợi cho người lớn tuổi, một số thành viên Nghị viện bắt đầu nhận được nhiều thư chống đối hơn là khuyến khích Hiệp hội Hưu trí Mỹ từ những người trong độ tuổi 60. Khác với những người tiền nhiệm trước đó, năm 1995, Hội nghị Nhà Trắng về Tuổi già (WHCoA) đã nhấn mạnh các chủ đề liên thế hệ và ban hành khá nhiều nghị quyết phức tạp, đa âm tiết đến mức chúng chỉ nhận được sự chú ý rất ít ỏi. Trong khi đó, tạp chí *Modern Maturity* của Hiệp hội Hưu trí Mỹ đón nhận một cái nhìn mới khéo léo, với các đặc điểm văn hóa đậm tính tri thức, các bài viết về xu hướng của giới trẻ, và các chuyên mục mang đến những quan điểm đa dạng.

Trong thập niên tiếp theo, Thế hệ Im lặng sẽ thấy mình trở thành điểm tựa bất đắc dĩ cho một bước chuyển sâu rộng trong quan điểm của Mỹ về vấn đề phụ thuộc vào xã hội của tuổi già. Đến đầu thập niên 2000, việc nước Mỹ ngày càng quen thuộc với cá tính của người già Thế hệ Im lặng sẽ phá vỡ dần sự ủng hộ toàn diện ngày nay dành cho người lớn tuổi. Không giống như Thế hệ Vĩ đại nhất, Thế hệ Im lặng sẽ không cảm thấy họ được quyền làm vậy. Họ đến tuổi trưởng thành về tham vọng nghề nghiệp vào thập niên 1950, không phải trong thập niên 1930 thiếu thốn hay thập niên 1940 chiến tranh toàn cầu. Những hành vi công khai đầu tiên của họ sẽ không truyền cảm hứng

cho chính họ (hoặc người khác) trong việc vận động hành lang vì một phần thưởng lớn hơn cho người già. Ngoài ra, những người trẻ hơn sẽ hỏi tại sao chính quyền coi tuổi già như một sự phụ thuộc hoàn toàn, khi mà nhiều người lớn tuổi thuộc Thế hệ Vàng son thời kỳ Tan rã có thể sống cuộc đời đầy tươi đẹp trong những cung điện giải trí tuyệt vời như vậy. Căn cứ vào số phận kinh tế trái ngược giữa người công nhân McJob có phúc lợi thấp với người nghỉ hưu sớm và người hưởng trợ cấp thôi việc, nhiều người trẻ tuổi thể hiện sự bất bình khi thấy những khoản tiền thuế lớn mà họ đóng theo Luật Đóng góp Bảo hiểm Liên bang (FICA) được dùng để chi trả cho *A Year in Provence* (Tạm dịch: Một năm ở Provence) hoặc phòng ngủ loại lớn có bốn tấm bề sục.

Thế hệ Im lặng sẽ dễ trở thành mục tiêu của chiến tranh thế hệ, ngoại trừ tinh thần cởi mở và niềm đam mê với giới trẻ (khác với Thế hệ Vĩ đại nhất) sẽ biến họ thành những bậc cao niên được giới trẻ yêu thích vây quanh. Để làm chệch hướng những chỉ trích khó tránh khỏi từ giới trẻ, Thế hệ Im lặng sẽ cố gắng hết mình và gợi ý về việc cùng chăm sóc các thế hệ, cá nhân hóa các nhiệm vụ tương hỗ giữa người trẻ và người già. Cảm giác tội lỗi và bản năng thỏa hiệp sẽ buộc họ phải nhượng bộ một chút, giảm bớt yêu cầu với lao động trẻ, và rút bớt năng lượng ra khỏi đường ray thứ baⁱ của nền chính trị an sinh xã hội. Khi Thế hệ Im lặng đề nghị thừa nhận một biện pháp hy sinh giản dị nhưng quan trọng, họ sẽ thành công trong việc hoàn thiện cuộc sống của mình mà không bao giờ xảy ra tranh cãi gay gắt với thế hệ khác, củng cố tiếng tăm của họ như là thế hệ bị ảnh hưởng nhiều nhất từ bên ngoài trong thời đại đó.

Trong cuốn *Rabbit at Rest* (Tạm dịch: Con thỏ nghỉ ngơi), tác phẩm cuối cùng trong bốn tiểu thuyết của John Updike về cuộc đời của Harry “Thỏ” Angstrom, cái chết của Harry được mô tả như một

i. Nguyên văn: “third rail”, là một thuật ngữ trong chính trị chỉ những vấn đề gây tranh cãi đến mức bị coi là “không được động chạm tới”, thậm chí “phạm tội” nếu chính trị gia hay quan chức của quốc gia đó công khai bàn luận về vấn đề này.

mở bong bóng những ống và dây điện. Harry nhận ra rằng quá khứ của mình “rải rác mấy mảnh vụn cảm xúc,” chẳng để lại gì ngoài “đồ ăn thừa” cho “lũ trẻ đang tới.” Ông nhớ lại đời mình đã từng khác biệt như thế nào. Trong kỷ nguyên Lạc quan theo cuốn *Rabbit Run* (Tạm dịch: Chú thỏ chạy) của Updike, Harry nghi ngờ một đời sống hôn nhân với tham vọng nghề nghiệp mà ông thấy thật buồn tẻ. Trong thời kỳ Thức tỉnh, Harry hồi sinh (*Rabbit Redux* [Tạm dịch: Chú thỏ hồi sinh]) và sau đó phát tài (*Rabbit Is Rich* [Tạm dịch: Chú thỏ giàu có]). Trong suốt những chuyến phiêu lưu của mình, các nhân vật của Updike cảm thấy lênh đênh phiêu giạt khi họ “tìm kiếm tình dục tuyệt vời, tình dục cuối cùng, tình dục tuyệt đối. Tình dục sẽ cho phép họ nghỉ ngơi.” Họ không thể tìm thấy mục tiêu phấn đấu trong một nước Mỹ đang tiếp tục cho họ rất nhiều, nhưng hứa hẹn sẽ cho con cái họ ít hơn.

Đến giữa thập niên 2000, thế giới của Thế hệ Im lặng còn sót lại sẽ gợi nhớ đến sự thay đổi của những cái tên quốc tế viết tắt đang được bàn luận sôi nổi trên PBS (Public Broadcasting Service – Dịch vụ Truyền thông Công cộng) nhưng lại chẳng mấy liên quan đến cuộc sống của hầu hết người trẻ. Nhu cầu xã hội chưa được đáp ứng cho dù là gì đi nữa, thì xu hướng của Thế hệ Im lặng sẽ đưa ra một cách thức tốt hơn (một sự sửa đổi ngân sách mới, một mức thuế suất ưu đãi mới, một hội đồng xét duyệt mới, hoặc thứ mà Raspberry gọi là “thỏa hiệp Missouri hiện đại nào đó” về phá thai) hơn là cách tiếp cận theo kiểu “có đau khổ mới thành công” mà những người kế nhiệm ưa chuộng. Những người phụ trách chuyên mục và biên tập viên đang già đi sẽ than thở về thứ mà ngày nay Theodore Roszak gọi là “một cuộc chiến chống lại lòng tốt,” trong khi nài nỉ, với số người nghe ít chưa từng thấy, rằng thế giới quá phức tạp đến mức không thể cho phép bất kỳ điều gì khác ngoài sự thay đổi dần.

Trông chờ một thế hệ ủng hộ đáng tin cậy, Thế hệ Im lặng sẽ là những nhà hảo tâm huyền thoại trong mấy năm cuối cùng của mình.

Điều này sẽ phản ánh một nỗ lực cuối cùng nhằm đưa mọi thứ về đúng vị trí, giống như câu lạc bộ đưa những tấm séc an sinh xã hội của thành viên cho các thanh niên nghèo, hay Ralph Nader cố gắng thổi bùng lại “những cuộc vận động lớn bị đàn áp” của các đồng đảng với mình ở Princeton. Năm 1995, độ tuổi trung bình của những người ủng hộ sự nghiệp tự do của Mỹ là 68 (già hơn 12 tuổi so với những người ủng hộ sự nghiệp bảo thủ), và 43% trong số này được dự kiến sẽ qua đời vào năm 2005. Những người để lại di sản thuộc Thế hệ Im lặng hào phóng sẽ cảm thấy giống như lần cuối được tiếp thêm hy vọng cho các bản giao hưởng, bảo tàng nghệ thuật, vũ đoàn, nhóm nhạc jazz, và nhà hát opera của Mỹ. Các cuộc thăm dò hôm nay cho thấy một nửa trẻ hơn của thế hệ này sẽ là những nhà hảo tâm hàng đầu của đất nước và là khách quen của các quầy vé. Ngành công nghiệp mỹ thuật của Mỹ sẽ lo lắng, bởi lẽ sau khi Thế hệ Im lặng qua đời, mọi thứ sẽ không bao giờ được như vậy nữa.

Khi thời gian khiến lượng thành viên trong thế hệ của họ giảm dần một cách tất yếu, ngay cả cái chết của thế hệ này cũng sẽ khác thường, đi ngược lại tín ngưỡng, và cực kỳ *không* im lặng. Ellen Goodman tưởng tượng ra một “quá trình chết dần” của các bác sĩ lắng nghe cáo phó liệt kê “con đường cũng như nguyên nhân dẫn đến cái chết,” và bà hỏi, “Điều đó có làm nên một sự khác biệt?” Tang lễ không theo lối truyền thống ngày càng nhiều, với những người chết độc đáo, được các nhà diễn thuyết, nhà thơ, và nhạc sĩ gắn với sự cá nhân hóa những bà cô, nhằm mang đến thêm hơi ấm thay vì sự u ám cho chuyến đi cuối cùng của họ. Không cần biết những lời nhận xét buồn bã thế nào, không cần biết đời sống xã hội trở nên bần cùng và thô tục ra sao, thế hệ này của Mark Russell và Bill Cosby sẽ tìm thấy những điều trớ trêu và khám phá mặt tươi sáng hơn cho đến tận cùng.

Đến đầu thập niên 2000, Thế hệ Im lặng lớn tuổi sẽ cống hiến những năm cuối cùng của đời mình để cố gắng hàn gắn các gia đình

đã tan vỡ, khiến những nhà tư tưởng chính trị nóng nảy lắng nghe lẫn nhau, làm cho các khía cạnh của cuộc sống công bằng hơn, và để phát triển cái đẹp từ sự buồn tẻ của cuộc sống. Dù số phận có thể mang lại bất kỳ điều gì, họ vẫn nuôi khao khát được giúp đỡ người khác – và tất nhiên là không trở thành kẻ hay soi xét. Đến những ngày cuối cùng của mình, Thế hệ Im lặng già nua vẫn sẽ tin, theo bài hát của Barbra Streisand, rằng “người cần người, là những người may mắn nhất thế gian.”

THẾ HỆ BÙNG NỔ BƯỚC VÀO TUỔI TRUNG NIÊN: GIỚI TINH HOA VĂN HÓA

Ngày 25 tháng 3 năm 1984, tờ *New York Times* tuyên bố đây là “Năm của người trẻ,” một biến hóa đáng kinh ngạc của phong trào hippie thời kỳ Thức tỉnh. Mỹ chìm đắm trong những trào lưu nhất thời, ăn kiêng, và cười cợt về doanh số bán hàng của nước khoáng có ga Perrier, gắn với điều mà tờ *Newsweek* mô tả là “một trạng thái thành công siêu phàm.” Theo nghĩa đen, từ *yuppie* có nghĩa là “người trẻ [ở] đô thị có chuyên môn.” Chỉ 5% thế hệ này phù hợp với kết quả thống kê dân số kia, nhưng một tỉ lệ lớn hơn nhiều phù hợp với định nghĩa chủ quan: chìm đắm trong cái tôi, cầu toàn về văn hóa, và bản năng xã hội yếu ớt.

Mọi thứ giới trẻ đã ăn, uống, lái, xem, hoặc nghe đều là một lời chỉ trích ngầm của nền văn hóa Wonder Bread trong thời kỳ Lạc quan của Thế hệ Vĩ đại nhất. Trong nỗ lực tìm kiếm thứ bánh quy sô cô la hoàn hảo giá 3 đô-la Mỹ của họ, giới trẻ bị châm chọc là đạo đức giả, nhưng không quan tâm, bởi lẽ họ đã thiết lập tiêu chuẩn văn hóa mới được dùng để đo đếm tính đạo đức giả. Sau khi cải cách thế giới bên trong, họ bắt tay vào thế giới bên ngoài với tốc độ riêng của mình: một cuộc dạo bộ. Năm 1984, Gary Hart đã cố gắng trong vô vọng để huy động giới trẻ như một lực lượng chính trị, với suy nghĩ sai lầm rằng họ

vẫn mang tư duy của thời kỳ Thức tỉnh. Nhưng thay vào đó, giới trẻ hài lòng với việc chỉ xen vào, rồi giải tán, và để lại việc quốc gia cho một tổng thống lớn tuổi thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất, người đã sáng suốt kêu gọi quan điểm mới của họ.

Chứng cuồng yuppie kéo dài không đến bốn năm. Vụ chứng khoán sụp đổ năm 1987 đã dập tắt hứng thú của truyền thông, và hai năm sau các công cụ văn hóa cũng biến mất. Thế hệ này đang tiếp tục tiến về phía trước, hướng đến một điều gì đó bộc lộ tính cách trung niên thực thụ của mình hơn. Bước vào thập niên mới, tờ *Wall Street Journal* chỉ ra rằng “việc trì hoãn sự hài lòng bất ngờ thành một,” trò chuyện về gia đình tràn ngập sóng truyền hình, các nhà thờ mới (và nhà tù) mọc lên khắp nơi. Ba cuộc bầu cử căng thẳng mang tính thế hệ giữa thập niên 1990 làm nảy sinh nhiều cuộc thảo luận về Thiên Chúa và con cái, cùng với sự tăng vọt của những gì mà giới chuyên gia truyền thông gọi là “các chính khách nguyên tắc,” “những tiên tri có quan điểm,” “những Robespierre hùng biện,” hoặc tệ hơn.

Đến giữa kỳ Tan rã, Mỹ đã bị mê hoặc bởi sự mô phỏng tuổi trung niên, bao gồm cả người dẫn chương trình talk show hàng đầu của quốc gia, “được Chúa lựa chọn” để giải thích *The Way Things Ought to Be* (Tạm dịch: Mọi thứ nên là như thế); một Tổng thống Mỹ khẳng định rằng ông không bao giờ hút thuốc khi chủ trì hội thảo của Nhà Trắng về dạy học; một Chủ tịch Hạ viện bị chê trách vì tính cách “ba hoa, sôi sục, sùng đạo” của mình; một Phó tổng thống tổ chức các hội thảo buổi tối về “vai trò của ẩn dụ” trong khi buộc tội đối thủ về một cuộc thánh chiến Islam giáo tàn phá môi trường; những học giả thực thi sự chính xác chính trị vừa trừng phạt “tiếng cười theo hướng không phù hợp”; những ngôi sao sáng của nhóm chuyên gia cố vấn nấu mình trong thời Phục hưng và Tăm tối đối lập nhau đang tổ chức các hội thảo về sự tử hống; cựu thành viên cấp tiến của phong trào SDS trở thành chiến binh văn hóa với cuốn *Book of*

Virtues (Sách đạo đức) đề cao “hiếu biết đạo đức”; bồi thẩm đoàn là cựu thành viên nhóm Báo Đen phán xét mọi người trong phòng xử án, không chỉ mỗi bị cáo nổi tiếng; và lãnh đạo của tổ chức Operation Rescue tuyên bố ghét tính thiêng liêng.

“Tất cả chúng ta đều biết những kiểu đó,” một nhà phê bình xuất sắc (Thế hệ Im lặng) phàn nàn về thành viên trẻ nhất của Thượng viện Mỹ: “chỉ trích mọi thứ, không thể hài lòng, thờ ơ với sự khác biệt, không có khả năng thỏa hiệp. Họ tán dương sự hoàn hảo, nhưng kỳ quặc thay, không bao giờ nhìn ra điều đó ở bất kỳ ai trừ mình.” Tổng thống Clinton là “khuôn mẫu” của tất cả họ, nhà nhân khẩu học William Dunn nhận định: “một chút buông thả và niềm tin khá vững chắc rằng ông ấy và thế hệ mình thông minh hơn mọi người.”

Vẫn là những người cầu toàn bị phân tâm, các cư dân mới của giới trung niên Mỹ đang trải qua giai đoạn mới của cuộc đời theo cái cách mà trước đến nay họ vẫn xử lý bao nhiêu thứ khác: Ban đầu họ nhẹ tay, sau đó (khi họ đã bắt đầu chú ý) mới tung đòn nặng. Họ ném đồ ăn vặt cho đến khi nhận ra giờ là lúc ăn kiêng, sau đó họ ăn năn hối lỗi – và mong đợi người khác cũng làm như vậy.

“Chúng tôi không phải là những kẻ giết trẻ em,” người lãnh đạo của phong trào dân quân Michigan tuyên bố. “Chúng tôi là thế hệ bùng nổ trẻ em.”

Khi Lloyd Bentsen thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất nói với Dan Quayle, “Anh không phải Jack Kennedy,ⁱ” sự xúc phạm ấy phần nào liên quan đến thế hệ: Ở tuổi trung niên, Thế hệ Bùng nổ không phải là Thế hệ Vĩ đại nhất. Họ không hồ hởi thực hiện những “bước tiến dài” theo kiểu John F. Kennedy hay “khiến Mỹ dịch chuyển một lần nữa,” bởi họ suy nghĩ những điều sâu sắc hoặc khiến cho Mỹ giữ được linh hồn mình. Tự coi mình là những quan tòa đạo đức tuổi trung niên của đất nước,

i. “Jack” là tên biệt danh của John F. Kennedy, do gia đình gọi ông từ ngày còn nhỏ.

Thế hệ Bùng nổ đang sôi nổi bảo vệ các giá trị (một vợ một chồng, tiết kiệm, tiết dục) mà các thế hệ khác không dễ gì chung tay cùng họ.

Cơn phản xét đầy thịnh nộ tuổi trung niên của Thế hệ Bùng nổ càng đáng chú ý hơn khi họ đang ở ngoài pháo đài quyền lực, công phá những cánh cổng, và lần đầu tiên đưa mắt nhìn xung quanh từ bên trong. Nhưng một khi cuộc chinh phục của họ không còn là tin tức thu hút, một khi họ phải tự mình quản lý các pháo đài, tính cách nghiêm khắc của họ sẽ mở đường cho một sự tách rời nhãn nhó về mặt triết học. Nhiều người trong họ là các chính khách nổi tiếng có xu hướng cư xử mang trách nhiệm công dân như cách mà David Letterman cư xử với một vị khách, hỏi hột và qua loa, không bao giờ hứa hẹn quá nhiều, cự tuyệt bất kỳ điều gì không tuân theo các tiêu chuẩn cao ngất của họ, dành nhiều năng lượng để thảo luận về cảm giác quyền lực ra sao hơn là thật sự làm bất kỳ điều gì với nó. Khi những thách thức trở nên quá khó khăn, họ lùi lại, như thể chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm hoàn toàn về định hướng của quốc gia. Vào giữa thập niên 1990, tạp chí *Newsweek* đã chỉ ra một “số lượng lớn trẻ em bùng nổ trong buổi chiều trầm mặc của cuộc đời” – một bình luận chưa từng có ai đưa ra về hai thế hệ trước đó ở tuổi trung niên.

Suốt thời kỳ Tan rã, Thế hệ Bùng nổ bận rộn tái đề cao văn hóa Mỹ và thần thánh hóa những thiết chế của nó. Kể cả khi họ đã phá tan các quan niệm cũ về tinh thần tập thể, lòng trung thành, và mối liên hệ anh em (một xu hướng mà Robert Putnam chê là “chơi bowling một mình”), họ đang cố gắng khôi phục lại một nền tảng mới cho đức hạnh chung. Một loạt tạp chí và bản tin mới của Thế hệ Bùng nổ đang thêm vào các khái niệm như *thành viên công xã*, *công dân*, và *đạo đức chung* (hoặc các từ tái chuẩn hóa như *tiêu chuẩn* và *mô hình*) vào chức danh của họ. “Thật thú vị,” Evan Thomas viết, “những người dường như liều lĩnh nhất nhằm tạo ra một xã hội dân sự mới là thế hệ bùng nổ trẻ em, cũng là thế hệ chịu trách nhiệm chính trong

việc phá bỏ cái cũ.” “Là người trẻ trong thập niên ’60 thật tuyệt vời, khi mọi người đã vứt bỏ trách nhiệm theo gió,” John Leo nói, “nhưng còn tuyệt vời hơn khi chính những người ấy sẽ bước sang tuổi trung niên vào thập niên ’90, như một thập niên vĩ đại đang phát triển theo hướng ngọt ngào.”

Nền chính trị dựa trên các giá trị mang phong cách Bùng nổ ngày nay có nguồn gốc từ thời kỳ Thức tỉnh. Đặc điểm của Nghị viện do Thế hệ Bùng nổ thống trị có một mối liên kết dễ thấy với những đứa trẻ thập niên 1960 mặc quần bò tay cầm loa. Với Newt Gingrich, “các giá trị” trước hết là “một cách phân chia Mỹ.” John Kasich thì thấy nợ công “gần giống như tôi chứng kiến Chiến tranh Việt Nam.” Những gì mà tờ *New York Times* gọi là “sự thô tục mới” đang lặp lại những gì đã từng xảy ra ở các trường học cấp tiến của thời kỳ Thức tỉnh. Từ trước tới nay, lợi thế đến với bất kỳ ai ồn ào nhất và kết thúc câu chuyện tốt nhất. Tất cả đều được phóng đại: Một cái đụng chạm khiêu khích cũng trở thành tấn công, rồi trở thành hiếp dâm, rồi trở thành giết người, rồi trở thành diệt chủng. Trong các cuộc chiến của Thế hệ Bùng nổ về biểu tượng, phân biệt thì dễ, thỏa hiệp mới khó.

Năm 1992, khi người Mỹ bầu Tổng thống đầu tiên thuộc Thế hệ Bùng nổ, khẩu hiệu chiến dịch tranh cử (“Đó là nền kinh tế, gốc ạ.”) và sự cầm quyền của ông cho thấy một đặc điểm thế hệ rất rõ ràng. Bill Clinton thông minh nhưng dễ bị phân tâm, thường chậm trễ khi nắm bắt một sự kiện hay vấn đề, để rồi sau đó ông tập trung “như một tia laser.” Rất giỏi trong những hành động bày tỏ sự cảm thông, Clinton biết cách thể hiện nội tâm của mình đầy thuyết phục để chiếm được tình cảm của công chúng. Tuy nhiên, Clinton thường giành được ít phiếu từ những người đồng đảng so với từ các cử tri lớn tuổi. Như Michael Barone nhận thấy, Clinton có thể quyến rũ những người cùng thời thuộc Thế hệ Bùng nổ nhưng không thể gắn bó với họ: sự rao giảng giá trị của ông chưa bao giờ là hoàn toàn chính xác

đối với nhiều người chia sẻ các mối quan hệ vòng đời với ông. Là một ứng viên và Tổng thống, Clinton đã nhắc nhở nhiều người (gồm cả những người đồng đảng) về các phẩm chất tồi tệ nhất và tốt đẹp nhất của thế hệ mình.

Cuộc tấn công dữ dội của phe Cộng hòa năm 1994 là cuộc bầu cử đầu tiên được xác định bởi các lá phiếu của Thế hệ Bùng nổ, và là chiến thắng mang tính thế hệ lớn nhất của thế kỷ 20. Ở các bang, số Thống đốc Thế hệ Bùng nổ tăng từ 18 lên 28, bắt đầu một phong trào do những người đồng đảng lãnh đạo đòi trao quyền cho các bang. Trong Nhà Trắng, Thế hệ Bùng nổ giành được ghế phát ngôn nhân và một đa số vững chắc. Chỉ có Thượng viện Mỹ vẫn nằm trong tay Thế hệ Im lặng như một ốc đảo nhả nhận và điều độ. Khi Thế hệ Bùng nổ đốt cháy các talk show, thì Nghị viện đầu tiên của họ loại bỏ những người tìm kiếm sự đồng thuận, trò chuyện công khai về thiếu sót, và yêu cầu chính phủ phải cải cách hoặc giải tán. Vì thế, chính phủ Mỹ, từ Thế hệ Vĩ đại nhất đến Im lặng và Bùng nổ, đã đi từ những bước nhảy kiểu trên Mặt trăng đến bế tắc và đến trật khỏi đường ray.

Đến năm 1996, cuộc đua Clinton-Dole (người nói đầu với người làm, “đưa trẻ quay lại” đấu với “người lớn quay lại”) đã nới rộng thêm khoảng cách cũ giữa hai Thế hệ Bùng nổ và Vĩ đại nhất. Tám năm đã trôi qua kể từ lời châm biếm của Bentsen hồi nào, và cả hai thế hệ đều tiến lên trong cuộc sống: Bob Dole không phải là Dan Quayle. Ông là một người dòng dõi chuẩn mực của Thế hệ Vĩ đại nhất với “một nhiệm vụ cuối cùng dành cho thế hệ tôi” – không phải một chiến binh văn hóa đã được chứng thực, không phải một người có thể *cảm nhận được* các giá trị theo ngôn ngữ của Thế hệ Bùng nổ đang nắm quyền. Trước đó, những người đồng đảng với Dole đã sớm chuyển giao quyền lãnh đạo cho con cái mình đã trưởng thành; bây giờ, Al Gore lại nói, “thật không công bằng nếu lấy lại quyền lực.” Quyền bổ nhiệm bé nhỏ của Dole là cái tát vào mặt một thế hệ (như ông ngụ ý) thiếu nghị lực để

thực thi quyền lực có trách nhiệm. Trong bài phát biểu của mình tại hội nghị, Dole đã chê một thành viên ưu tú của Thế hệ Bùng nổ là “người không bao giờ lớn, không bao giờ làm được điều gì thực tế, không bao giờ phải chịu đựng, và không bao giờ học hỏi.”

Trong cuộc bầu cử năm 1996 như mọi lần, Khoảng cách Thế hệ cũ đã tạo ra diện mạo mới của thời kỳ Tan rã, mặc dù Thế hệ Bùng nổ vẫn thường khen ngợi Vĩ đại nhất là đã từng lãnh đạo đất nước đi ra đây như thế nào. Khi mà Thế hệ Vĩ đại nhất tuổi trung niên đến Washington, phấn đấu sửa chữa mọi mặt của nền kinh tế, dự định xóa đói nghèo và xây dựng các nhà máy điện (như phim thời sự *Time Marches On* [Tạm dịch: Thời gian trôi qua]), thì Bùng nổ tuổi trung niên muốn thay đổi mọi mặt của văn hóa, dự định thay đổi tâm trí và làm dịu tinh thần (như Steve Martin ngắm nhìn *Grand Canyon*). Khi mà Thế hệ Vĩ đại nhất tuổi trung niên tin rằng tiền công quỹ là câu trả lời quan trọng cho các vấn đề xã hội, thì dường như Bùng nổ lại xem đó là một chất gây mê chỉ làm cho các vấn đề xã hội tồi tệ hơn. Năm 1995, Liên minh Người nộp thuế Quốc gia báo cáo rằng hai phần ba trong 50 thành viên Nghị viện tiết kiệm nhất thuộc Thế hệ Bùng nổ (sáu người trong đó thuộc Đảng Dân chủ), so với một phần ba trong 50 thành viên chi tiêu nhiều nhất.

Khi mà Thế hệ Vĩ đại nhất tin vào Sự kết thúc của Ý thức hệ và sức mạnh của kỹ trị, thì Bùng nổ đang tái khám phá ý thức hệ và sức mạnh của tâm linh. Thay vì những gì tốt đẹp nhất và tươi sáng nhất, họ sẽ sớm cho ra một quy tắc: *Dave* hoặc *Forrest Gump*. Thay vì một Liên minh Chính sách mới, họ đang xây dựng một Liên minh Ki-tô. Thế hệ Vĩ đại nhất vẫn có tiếng là những người hành động thay vì nói suông, Bùng nổ thì ngược lại.

Khi mà nhóm Tinh hoa Quyền lực tuổi trung niên của Thế hệ Vĩ đại nhất gồm các nhà khoa học, nhà sản xuất thành thạo việc phát

minh và tái tạo sản phẩm, thì nhóm tinh hoa Bùng nổ lại gồm những người mà *Newsweek* gọi là Tinh hoa Văn hóa, một tầng lớp trên mới với “những người dẫn chương trình” và “nhà phân tích mang tính biểu tượng” tinh thông việc phát minh và tái tạo tư tưởng.

Khi mà Thế hệ Vĩ đại nhất “làm nổi bật sự tích cực,” thì Bùng nổ lại liên tục “đi theo hướng tiêu cực.” Không cách nào thoát khỏi những lời lẽ mang tính công kích của họ; các chính khách nào vẫn giữ sự tích cực chỉ càng thêm bối rối, phân vân. Khi mà những đối thủ chính trị thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất từng là bạn bè sau nhiều giờ, thì những đối thủ thuộc Bùng nổ lại không.

Khi mà các cử tri Thế hệ Vĩ đại nhất vẫn có thói quen trung thành với một đảng, thì Bùng nổ lại chậm chạp nắm bắt các ứng viên, nhanh chóng loại bỏ họ, và có xu hướng không bỏ phiếu khi thiếu cảm hứng. Trong phòng bầu cử, họ nghiêng về phía ứng viên là những người thuyết giảng (Jesse Jackson, Pat Robertson) hoặc là môn đồ của âm đạm (Jerry Brown, Paul Tsongas, Pat Buchanan), tất cả họ ở tình trạng tồi tệ trong số các thành viên Vĩ đại nhất.

Trước đầu thập niên 1990, khi Thế hệ Bùng nổ cuối cùng cũng giành lấy quyền lực quốc gia từ tay Vĩ đại nhất, hầu hết những ai muốn lật ngược tình thế đều phản đối (nhưng đa phần vẫn bầu) Đảng Dân chủ; kể từ đó, những người tự cho mình là nhà cách mạng đều phản đối (nhưng chủ yếu vẫn bầu) Đảng Cộng hòa. Từ năm 1987 đến 1994, khảo sát của Times-Mirror đã ghi nhận một sự gia tăng gấp đôi “các kiểu nhà đạo đức” như một bộ phận trong toàn thể cử tri; hai phần ba số gia tăng đó đến từ Thế hệ Bùng nổ. Vào giữa thập niên 1990, số thành viên Bùng nổ coi mình là người bảo thủ nhiều gấp đôi số người theo chủ nghĩa tự do – một sự khác biệt ít thể hiện quan điểm chính trị mà chủ yếu cho thấy sự tự nhận thức mang tính cố hữu, không bị ảnh hưởng bởi dư luận, sắc lệnh, hoặc kể cả sự xã giao.

“Anh ấy đi con đường mới... Anh ấy trở lại với cội rễ của mình,” Alan Jackson thuộc Thế hệ Bùng nổ đã hát trong “Goin’ Country” (Tạm dịch: Trở về quê hương). Trong thời kỳ Thức tỉnh, tiếng nói chính trị của Thế hệ Bùng nổ chủ yếu đến từ vùng ven biển, đô thị, và thể tục. Trong thời kỳ Tan rã, Clinton, Gore, Gingrich, và nhiều đảng viên Cộng hòa mới đang thể hiện một khuynh hướng đậm chất miền Nam, nông thôn, và Phúc âm. “Các giá trị” không phải là “những phần bổ trợ,” Bennett khẳng định. “Chúng là việc rất táo bạo.” Thêm vào đó là mối quan tâm mới với gia đình, và những từ *các giá trị gia đình* trở thành một lớp vỏ bọc mới cho nghị trình của Thế hệ Bùng nổ tuổi trung niên. Bằng cách thúc đẩy xã hội đạt đến một sự chuyển đổi thái độ, Thế hệ Bùng nổ tin rằng nó sẽ kéo theo một sự tái sinh về mặt thiết chế. “Điều quan trọng là dẫn dắt nền văn hóa, chứ không phải dẫn dắt chính phủ,” Gingrich nói. “Bởi nếu bạn chuyển hướng toàn bộ cuộc đối thoại, mọi thứ khác sẽ vào đúng vị trí sau đó.”

Nỗi ám ảnh tuổi trung niên với các giá trị đang làm gia tăng mạnh mẽ số tín đồ Phúc âm và Thời đại Mới. Cứ ba người Thế hệ Bùng nổ thì có hai nói rằng họ đã được tiếp xúc với một sức mạnh siêu nhiên. (Với những người lớn tuổi thì gần một nửa.) Trở lại thời kỳ Lạc quan, người theo thuyết vô thần của Thế hệ Bùng nổ là Madalyn Murray O’Hair đã đấu tranh để loại bỏ việc cầu nguyện trong các trường công lập; giờ đây, William con trai bà đã được cải sang Ki-tô giáo lại đang đấu tranh khôi phục điều đó. Chỉ có 1% Thế hệ Bùng nổ nói rằng họ hoàn toàn không tin vào Chúa, nhưng 80% cho rằng đi nhà thờ là việc không cần thiết. Giữa tất cả những câu chuyện tâm linh này, Thế hệ Bùng nổ thuộc mọi nhóm tuổi đến nhà thờ ít hơn, trong khi Vĩ đại nhất và Im lặng vẫn duy trì đều đặn. Những tín đồ trung niên của Mỹ đang chạy trốn khỏi các tôn giáo lớn để đến với trào lưu chính thống đang phát triển nhanh chóng, chữa bệnh phép lạ, và những giáo phái cứu thế ly khai ăn mặc bình thường hoặc theo lối riêng, hát những lời ca sôi động, nghe mấy

bài thuyết giáo về lửa địa ngục, xen lẫn những tràng vỗ tay đều đặn, và tham gia các nghi lễ khác học được từ phong trào phục hồi. Thế hệ Bùng nổ đang bổ sung sự bảnh bao cho những từ cũ bắt đầu bằng chữ “S” như sacred (thiêng liêng), spiritual (tinh thần), soul (linh hồn), sin (tội lỗi), shame (xấu hổ), và satan (quỷ Satan). Sách về thiên đường, địa ngục, và những trải nghiệm ngoài-cơ-thể bán chạy nhất. Sách về thiên thần bán được năm triệu bản chỉ riêng trong năm 1993. Vào giữa thập niên 1990, tạp chí *Utne Reader* đã mô tả cách mà “hành trình pháp thuật” có thể “mang lại cho những người trong độ tuổi 30, 40, và 50 điều mà một buổi diễn nhạc rock mang lại cho thanh thiếu niên.” Dần dần, hai phe tinh thần chủ chốt được hình thành: phe Phúc âm quay sang con đường “sùng đạo,” trong khi Thời đại Mới khám phá các giá trị gia đình.

Những nhà duy linh trung niên đang sửa chữa lại nền văn hóa thương mại của Mỹ. Vào giữa thập niên 1990, một nửa số doanh nhân nhỏ tuyên bố họ đã cải sang Ki-tô giáo, và các tập đoàn lớn bắt đầu theo đuổi thứ mà Skip Lefauve của Saturn mô tả là “một cuộc cách mạng văn hóa hơn là một cuộc cách mạng sản phẩm.” *Giá trị* (tay nghề truyền thống, chất lượng lâu dài, chính trị đúng đắn) đã trở thành ngôn ngữ tiếp thị thông dụng vào thập niên 1990. Các công ty do Thế hệ Bùng nổ dẫn dắt đang pha trộn chính trị với sản phẩm, ứng dụng *The Seven Spiritual Laws of Success* (Tạm dịch: Bảy quy tắc tinh thần dẫn đến thành công) và hướng đến những gì mà Thomas Chappell gọi là *The Soul of a Business* (Tạm dịch: Linh hồn của một doanh nghiệp). “Để thành công bạn phải làm điều tốt,” Stephen Covey khuyên, “và để làm điều tốt bạn phải là người tốt trước đã.” Khi những người theo chủ nghĩa nghiệp đoàn thuộc Thế hệ Bùng nổ đọc cuốn *Jesus: CEO* và tích lũy *Money of the Mind* (Tạm dịch: Tài sản tâm trí), thì những người đồng đảng với họ tìm kiếm các sản phẩm được cho là tốt vì chúng do người tốt làm ra. Một công ty có đạo đức có thể được liệt kê trong

những trang vàng tôn giáo *Shepherd's Guide* (Tạm dịch: Hướng dẫn của Chúa), trong khi một công ty xấu có thể kết thúc bằng một vị trí ở danh sách dài 124 trang của cuốn *National Boycott News* (Tạm dịch: Tin tức tẩy chay cả nước).

Nhiều tập đoàn lớn nhất của Mỹ đang thay thế *Người đàn ông trong bộ vét xám* bằng một bản sao của Thế hệ Bùng nổ mà tờ *Christian Science Monitor* đặt tên là “Người đàn ông trong chiếc quần vải bông.” Những giám đốc điều hành mới này tự hào với việc cổ vũ một văn hóa doanh nghiệp lành mạnh và quản lý thông qua các giá trị chung. Mặc dù vậy, lòng trung thành với công ty bị xói mòn trong thời đại Tan rã đã khiến nhiều lao động trí thức tuổi trung niên cảm thấy trung thành với nghề nghiệp hơn là ông chủ của họ. Những chuyên gia bị sa thải thường khoác áo đi làm bằng cách trở thành nhà thầu hoặc nhà tư vấn tự do. Dù cho lớp vỏ là gì, Thế hệ Bùng nổ đang tìm kiếm những công việc đơn giản hơn và việc làm tại nhà để có thể dành nhiều thời gian hơn cho con cái hoặc chỉ đơn giản là sống chậm lại.

Gia đình do Thế hệ Bùng nổ đứng đầu trong thời kỳ Tan rã được dựa trên sự tái sinh và pha trộn về vai trò giới. Phụ nữ trung niên nhớ đến mẹ mình thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất như người không đủ quyết đoán; đàn ông trung niên thấy cha mình không đủ thận trọng. Cả hai đang từng bước sửa chữa điều đó ở chính mình – và những người khác.

Ở tuổi trung niên, phụ nữ Thế hệ Bùng nổ ngưỡng mộ cái tên “phụ nữ hoang dã,” người “đứng hàng đầu, xòe móng vuốt và chiến đấu” do Clarissa Pinkola Estés đặt cho. Gồm những “sư tử mẹ” tham gia chiến dịch phản đối các mô hình truyền thông; đồng tính nữ và người theo chủ nghĩa nữ quyền sinh thái; các chủ sở hữu súng và thợ săn là nữ giới gia tăng đột biến; những cặp vợ chồng trung tâm chiếm gần một phần ba số thành viên dân quân cực đoan; và các tác giả của vô số sách về thời kỳ mãn kinh, những nữ thần, và “phụ nữ khôn ngoan.” Những cư dân thời Victoria mới trong các chương trình nghiên cứu

của phụ nữ ít quan tâm đến giải phóng hơn là hình phạt – và kiểm duyệt phim khiêu dâm mà Catherine MacKinnon coi là “gốc rễ của mọi tai họa với phụ nữ.” Những gì tạp chí *New Yorker* gọi là chủ nghĩa nữ quyền cực đoan đã vượt ra ngoài chiến dịch kêu gọi bình đẳng giới của Thế hệ Im lặng, và đạt đến niềm tin rằng nữ giới, những người gần gũi với tự nhiên hơn, là cao quý hơn nam giới. Phụ nữ trung niên nổi lên như một người khổng lồ chính trị, viết những tấm séc lớn cho cả hai đảng và tăng gấp bốn lần số lượng các nhà lập pháp là nữ giới. Đôi khi, vợ của các ứng viên nam giới thuộc Thế hệ Bùng nổ khiến cử tri nghĩ rằng họ nên tranh cử thay chồng mình. Những cuộc thăm dò ý kiến của cử tri trung niên cho thấy, nhìn chung nữ giới có tư tưởng tự do vượt trội hơn so với nam giới – nhưng cũng phản đối trật tự thể chế cũ với một mức độ tương đương.

Nam giới Thế hệ Bùng nổ phần lớn đã chấp nhận sự xâm chiếm của các đồng đẳng nữ. Khi không có nguồn thu nhập thứ hai, hầu hết các hộ gia đình sẽ rơi xuống dưới mức sống của Thế hệ Im lặng ở độ tuổi đó. Nhiều người vợ Thế hệ Bùng nổ có công việc lương cao và ổn định hơn chồng mình – một tình huống có thể khiến đàn ông Thế hệ Vĩ đại nhất bị mặc cảm. Một nửa những người cha thuộc Thế hệ Bùng nổ mô tả mình là ông bố tốt hơn so với cha mình trước kia – bằng chứng (theo Don Eberly thuộc National Fatherhood Initiative) của một “sự hối tiếc gần như giận dữ” cho thấy một “vực sâu đáng kể giữa Thế hệ Bùng nổ với cha họ.” Tạo nên sự nam tính thời kỳ hậu Thức tỉnh phù hợp với các nhà thờ cũng như gia đình, nam giới Thế hệ Bùng nổ đang từ chối sự nam tính của Thế hệ Vĩ đại nhất và nỗi lo âu của Thế hệ Im lặng về một định nghĩa giới tính mới mà tờ *Newsweek* gọi là “người đàn ông ngoan đạo.” Họ đang tụ tập ở những nơi lui về hoang dã, Tuần hành Triệu người, và các cuộc tập hợp của tổ chức Tin Lành dành cho nam giới (Promise Keepers), nơi mà đàn ông nắm tay nhau trong sân bóng đá. Nền văn học mới của nam giới trải dài từ văn hóa “nam nhi”

của Dave Barry đến những câu chuyện thần thoại về tâm linh giới tính. Trên đường đua, Thế hệ Bùng nổ đang nhổ bật tận gốc rễ ý thức dân tộc truyền thống và khẳng định một sự thiêng liêng mới đầy mạnh mẽ. Từ người Islam giáo đến Benjamin Chavis và Kweisi Mfume thuộc Hiệp hội quốc gia vì sự tiến bộ của người da màu (NAACP), Thế hệ Bùng nổ không muốn trở thành thứ mà Ntozake Shange mô tả là “hàng cây cho người da trắng đi dạo.” Trong khi những người theo chủ nghĩa tự do về giá trị như Stephen Carter đả kích cuốn *The Culture of Disbelief* (Tạm dịch: Văn hóa của sự hoài nghi), thì những người bảo thủ về giá trị như Clarence Thomas, Armstrong Williams, và Alan Keyes lại yêu cầu một nghiên cứu mới về những gì mà Shelby Steele gọi là *The Content of Our Character* (Tạm dịch: Đặc điểm tính cách của chúng ta). Vượt qua ý thức hệ, người da đen Thế hệ Bùng nổ đồng ý rằng luật pháp và các chương trình thời kỳ Thức tỉnh giúp họ trên phương diện cá nhân, nhưng đồng thời cũng sinh ra một nền văn hóa của sự nghèo đói đã phá hủy các cộng đồng của họ. So với những người da trắng cùng thời, họ có khả năng cải theo Ki-tô giáo và ủng hộ cầu nguyện trong trường học hơn – và thường bày tỏ sự nuối tiếc rằng những hạt nhân lãnh đạo người Mỹ gốc Phi đã chuyển từ nhà thờ đến chính phủ. Khi quay lại từ các tổ chức về quyền dân sự truyền thống, người da đen Thế hệ Bùng nổ ít nhấn mạnh chủ nghĩa đa nguyên, ít nài xin tiền từ người nộp thuế da trắng và các nhà tài trợ tư nhân hơn Thế hệ Im lặng; thay vào đó, một người Islam giáo nói, họ có ý định “thay thế người da đen đứng đầu hợp nhất những phong trào quyền dân sự bằng một người da trắng.” Phần lớn những cuộc thảo luận mới về chủng tộc đang rời xa các quyền mang tính thủ tục và cơ hội bình đẳng, hướng tới củng cố gia đình, chấm dứt tội phạm, và cứu lấy trẻ em.

Nếu như việc chấn chỉnh đạo đức công dân đòi hỏi những giới hạn mới khắc nghiệt về quyền tự do trẻ em, thì Thế hệ Bùng nổ ở khắp nơi – từ trong các thành phố đến các vùng ngoại ô cách biệt – đã được

chuẩn bị sẵn sàng cho điều đó. Cho đến nay, thế giới của trẻ em là lĩnh vực mà thế hệ trung niên này vẫn luôn quan tâm. Cách tiếp cận mạnh mẽ, xâm lấn, cầu toàn mà Thế hệ Bùng nổ sử dụng ở đây là một dấu hiệu chắc chắn cho thấy những gì sẽ dần xảy ra ở nơi mà thời kỳ Tan rã tiếp tục.

BUỐC VÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI: NHỮNG NGƯỜI RAO GIẢNG ĐẠO ĐỨC

Khi Thế hệ Bùng nổ tiến sâu hơn vào thời trung niên, họ trở nên hay phán xét, hợm hĩnh, và khắc nghiệt hơn. Dưới tác động của môi trường và thói quen, họ miễn cưỡng khi thực hiện những gì có tính thường lệ hoặc tạo nhĩa nhằm tạo thuận lợi cho đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, với niềm tin tuổi trung niên, họ sẽ trở thành “người theo chủ nghĩa tự do công dân” và “người theo chủ nghĩa bảo thủ công dân” như E. J. Dionne mô tả, bị ám ảnh bởi việc khôi phục các giá trị chung. Điều này sẽ đặt ra một câu hỏi hóc búa cho các bậc cha mẹ và giới lãnh đạo thuộc Thế hệ Bùng nổ khi họ trải qua thiên niên kỷ: Làm thế nào một thế hệ không thể bước đều trong cùng một hàng lại có thể bảo người khác thực hiện theo? Thế hệ Bùng nổ đã già sẽ phản ứng bằng cách phân loại những tín hiệu thời kỳ Thức tỉnh của họ về sự phát triển cá nhân và tính chân thực càng chặt chẽ hơn trước các đòi hỏi mới của lòng vị tha xã hội. Nhiều người sẽ xác định lại công việc của mình để nhấn mạnh vai trò truyền cảm hứng hoặc rao giảng. Mỹ sẽ nhìn thấy điều còn hơn cả thứ mà Newt Gingrich gọi là “các chính khách đạo đức,” họ tạo ra “kiến trúc của tâm hồn” theo cách nói của Bennett.

Đến thập niên 2000, Thế hệ Bùng nổ sẽ bắt đầu đi tìm những mục đích mới của chính phủ. Khi nửa đầu tiên của thời kỳ Tan rã chứng kiến phe bảo thủ của Thế hệ Bùng nổ bị bật rế, thì nửa còn lại sẽ chứng kiến phe *phản đối* bảo thủ của Bùng nổ bị loại bỏ. Từ giữa thập niên 1980 đến giữa thập niên 1990, khi phe Dân chủ vẫn còn nán lại để bảo

vệ các thiết chế công rộng lớn không còn được trân trọng, thì những đảng viên Cộng hòa đã xâm nhập vào Thế hệ Bùng nổ trên quy mô lớn. Đối với những người Cộng hòa đang nắm quyền phải bảo vệ những thiết chế tương tự, một phe đối lập mới do Thế hệ Bùng nổ lãnh đạo sẽ huy động một liên minh hồi sinh của “những người Dân chủ nghĩa vụ” đối lập với Liên minh Ki-tô giáo. Giống như Mickey Kaus trong *End of Equality* (Tạm dịch: Sự bình đẳng kết thúc), những người tự do thuộc Thế hệ Bùng nổ sẽ đề nghị thay thế các dấu tích còn sót lại của Xã hội Vĩ đại bằng một điều gì đó ít hứa hẹn về mặt vật chất nhưng phù hợp về mặt đạo đức hơn. Tuy nhiên, bất kể ai giành được chức vụ cao, thuộc phe tự do hay bảo thủ, thì nhiều người ủng hộ phe chiến thắng vẫn sẽ tự hỏi, liệu giữ chức vụ cao trong một thời đại mà ý thức hệ dậy sóng và chính phủ đi chệch đường ray có phải cái họ thật sự muốn – và biết đâu một thất bại chiến thuật cũng không phải là một thắng lợi chiến lược. Đối với những người ủng hộ Thế hệ Bùng nổ nhưng ở ngoài vòng quyền lực, giai đoạn cuối của thời kỳ Tan rã chủ yếu sẽ là dịp chính để sửa chữa và chạy đua giành lấy lợi thế dài hạn.

Trên mặt trận của những cuộc Chiến tranh Văn hóa, các thành viên Thế hệ Bùng nổ theo chủ nghĩa cộng đồng – theo cả hai cách tự do và bảo thủ – sẽ dần chiếm ưu thế so với người theo chủ nghĩa tự do trong những cuộc Chiến tranh Văn hóa. Những Rush Limbaugh sẽ mất thính giả vào tay những người dẫn chương trình Laura Schlessinger chuyên giúp điều trị cảm giác tội lỗi, và những Steve Forbes tự do dám nghĩ dám làm sẽ bị áp đảo bởi những Gary Bauer với tư tưởng gia đình thường cho rằng “một thị trường không có đạo đức” sẽ sinh ra “rác rưởi.” Những người tiền nhiệm mới thuộc Thế hệ Bùng nổ sẽ tập trung vào thứ mà Martha Bayles gọi là *Hole in our Soul* (Tạm dịch: Lỗ hổng tâm hồn chúng ta), “sự mất đi của vẻ đẹp và ý nghĩa” trong lễ hội văn hóa của Mỹ thời kỳ Tan rã. Những gì John Leo gọi là “tín đồ Thanh giáo nhạy như cò súng” sẽ công kích sự

phóng túng với niềm tin rằng toàn bộ cộng đồng đang bị đe dọa bởi mấy thú vui cá nhân lầm lạc. Để động viên cộng đồng tự cứu mình khỏi bóng tối tội lỗi của loài người, Thế hệ Bùng nổ sẽ tiếp tục ám chỉ những thảm họa để thanh lọc, giống như các cơn đau đẻ đang đến gần được phong trào Thay đổi Trái đất dự đoán. Trở lại thời kỳ Thức tỉnh, bất kỳ thay đổi thời tiết bất thường nào cũng khiến Thế hệ Bùng nổ tiên đoán về kỷ Băng hà mới; hôm nay, nó lại khiến họ dự đoán về việc nóng lên toàn cầu. Charles Krauthammer hỏi, “Liệu có một tôn giáo nguyên thủy có thể sánh với ‘thuyết môi trường’ cho rằng thiên tai là do tội lỗi của con người?”

Những chính khách Thế hệ Bùng nổ thuộc mọi ý thức hệ sẽ ngày càng mất niềm tin vào bất kỳ con đường nào không gây đau đớn. Toa thuốc của họ sẽ không phải là những viên thuốc bọc đường, mà là một loại thuốc xổ. Về những nhu cầu xã hội chưa được đáp ứng của Mỹ, Thế hệ Bùng nổ sẽ luôn cho rằng (cùng với Karl Zinsmeister) “chúng ta bỏ qua những câu trả lời mềm mỏng, thoải mái và chưa bao giờ dễ dàng hơn,” và rằng (cùng với Thống đốc bang Texas George Bush Jr.) “kỷ luật và tình yêu đi đôi với nhau.” Từ những tù nhân bị xích thành dây đến thức ăn tối tệ trong tù, đến các phòng xử án nơi nạn nhân chạm trán tội phạm, Thế hệ Bùng nổ sẽ tái lên án tội ác và nhấn mạnh “công lý biểu hiện” sự phán xét kẻ phạm tội cùng với tội lỗi. Theo tờ *Economist*, “Nhiều người thuộc thế hệ bùng nổ trẻ em, đã từng điều hành kêu gọi hòa bình và tình yêu thương, bây giờ lại muốn nhìn thấy kẻ giết người bị tiêm thuốc độc, bị bắn, hoặc bị thiêu.” Họ sẽ tìm cách để tẩy uế hơn là an ủi người nghèo, áp dụng những gì mà John Kester gợi ý là “dụng cụ cùn” và “giải pháp thô.” “Cắt bỏ là một biện pháp khó khăn,” ông nói, “nhưng nó loại bỏ được tình trạng hoại tử.”

Thuật hùng biện của Thế hệ Bùng nổ sẽ mang đến nhiều tranh cãi phân cực nhưng ít thay đổi lớn về mặt thể chế. Nền chính trị quốc gia sẽ trở thành một đấu trường cho các tranh luận gay gắt về những

đề xuất mới mà ngay cả mấy đảng phái mạnh nhất cũng biết là chưa thể ban hành hoặc thực hiện được. Khi tầng lớp trên tranh cãi đòi một mức thuế bằng nhau (nhấn mạnh các điểm tốt của sự đơn giản và gạt bỏ đạo đức), nó sẽ bị cản trở bởi những kẻ phản đối kém giàu có, họ nói rằng mình đã “chọn” không theo đuổi một cuộc sống giàu sang. Tương tự, Nghị viện Thế hệ Bùng nổ sẽ tìm cách để tách những tranh luận về ngân sách liên bang khỏi ngân sách, sẽ làm việc cật lực mà không có thay đổi cơ bản nào. Không thể quyết định được ai tệ hơn, người giàu hay người nghèo, nên Thế hệ Bùng nổ sẽ phê phán cả hai và áp đặt các hình phạt mang tính tượng trưng (nhỏ thôi): Một bên sẽ bị đánh thuế khoản thu nhập được cho là quá cao, trong khi bên kia sẽ bị cắt giảm phúc lợi mà họ đáng được hưởng. Kết quả là cả một khu vực công rộng lớn và rỉ sét rơi khỏi bộ máy – mà chưa có gì sẵn sàng để thay thế nó.

Ảnh hưởng đến các cuộc tranh luận chính sách này sẽ là những nhân vật mới có tiếng tăm: các triết gia-chuyên gia lưu động có sự nghiệp ràng buộc với nhau chỉ bằng sợi dây tết từ tính cách riêng của họ. Những người đưa ra ý tưởng tiên tiến sẽ là các tác gia-chính khách như Al Gore, William Bennett, hay Bill Bradley, họ hợp nhất tâm linh với sự tuyên truyền từ cấp cơ sở. Đi tìm sự tinh khiết, nguyên sơ, và giản dị, Thế hệ Bùng nổ với các phương tiện sẽ đi đến các nhà nguyện và tu viện, chèo thuyền với thổ dân, và rong ruổi trong những khu bảo tồn đười ươi. Ai không có phương tiện sẽ rút lui đến một trang trại hoặc xin nghỉ phép để dạy học cho trẻ em trong thành phố. Khi trở về, họ sẽ tuyên bố mình đã đổi mới và đưa ra lời kêu gọi đầy xúc động với lương tri quốc gia. Nhiều thành viên Thế hệ Bùng nổ rao giảng về lòng trung thực và sự hy sinh nhưng vẫn giữ thú vui cá nhân. Giống như Bill Gates (người sở hữu biệt thự thân thiện với môi trường có một gara cho 20 chiếc ô tô), Tinh hoa Văn hóa này sẽ tiêu thụ rất nhiều trong khi giả vờ làm ngược lại.

Được trợ giúp bởi Internet và những phát minh khác về truyền thông, Thế hệ Bùng nổ sẽ khắc sâu những khái niệm mới của cộng đồng trong phạm vi tinh thần và đạo đức hơn là các giới hạn về vật lý và thiết chế. Ở các vùng ngoại ô giàu có, nhà cửa của Thế hệ Bùng nổ sẽ sôi nổi ồn ào với những văn phòng, cửa hàng chăm sóc ban ngày, giao đồ ăn, cửa hàng điện thoại, và cơ sở hạ tầng khác xung quanh, chúng sẽ phát triển một đời sống dân sự mới, đôi khi ở phía sau những cánh cổng an ninh. Những người sống xa cha mẹ và ngôi nhà thời thơ ấu sẽ đấu tranh cho định nghĩa riêng của họ về một cộng đồng thật sự. Khảo sát cho thấy Thế hệ Bùng nổ ngày nay ít đề cao sự khéo léo hơn là những người lớn tuổi hoặc trẻ tuổi hơn. Trong thập niên 2000, phong cách ưa thích của họ sẽ nghiêng về hữu cơ, đích thực, và không theo trật tự. Họ sẽ từ chối Oldsmobiles, vỉa hè, gara mặt tiền, bãi cỏ lớn, sự bành trướng ở vùng ngoại thành, lối đi rải sỏi, cổng vòm phía trước, cây sồi rợp bóng, và xóm nhỏ nông thôn (mà một số người gọi là “những thị trấn mới không hợp thời”). Họ sẽ không ngại thể hiện tuổi tác ở các căn nhà hoặc ở thành phố của mình, nơi họ sẽ làm cho những loài cỏ và hoa dại bản địa trở lại với các công viên từng bị giải tán và xóa sổ dưới tay Thế hệ Vĩ đại nhất.

Các giá trị của Thế hệ Bùng nổ sẽ càng lúc càng có ác cảm sâu sắc với những gì hiện đại trong đời sống Mỹ. Nơi mà Thế hệ Vĩ đại nhất đã từng đóng khung mình trong những thứ chính quy, hợp lý, và tiến bộ, thì Thế hệ Bùng nổ sẽ chuộng những gì độc đáo, linh thiêng và truyền thống hơn. Các yếu tố của Nghị viện bảo thủ hôm nay sẽ đánh dấu Nghị viện Mỹ vào thập niên 2000, khi mà Thế hệ Bùng nổ đấu tranh để xác định lại sự tiến bộ có ý nghĩa gì. Hiện tại, họ đang đả kích những thước đo cũ của Thế hệ Vĩ đại nhất như tổng sản phẩm nội địa (GDP) với lý do lượng tiền thanh toán ít ỏi được tính *quá* cao (kể từ khi luật sư về ly hôn và ô nhiễm môi trường về mặt kỹ thuật cũng được thêm vào GDP) và những gì thật sự quan trọng bị đánh giá *quá* thấp (kể từ

khi cứu một loài sinh vật hoặc giảng dạy về các giá trị cho trẻ em bị coi là con số không). Để thay thế những điều này, Bennett đã tạo ra Danh mục các chỉ số văn hóa hàng đầu của riêng ông; Bộ Thương mại thời Clinton, một thước đo Tổng phúc lợi quốc gia; và một cố vấn theo tư tưởng tự do, một Chỉ số phát triển đích thực cho thấy chất lượng cuộc sống Mỹ đã *giảm* 40% kể từ giữa thập niên 1970.

Về mặt vật chất, phần lớn Thế hệ Bùng nổ thừa nhận không chút do dự rằng họ đang sống cuộc đời không tốt hơn tuổi trung niên của cha mẹ họ là bao. Ở độ tuổi 40, khi mà một người lao động điển hình thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất (trong suốt thời kỳ Lạc quan) hưởng thụ mức lương thực cao hơn hai phần ba so với thế hệ trước đó khi ở cùng độ tuổi, thì một người lao động Thế hệ Bùng nổ điển hình không có bước phát triển thật sự nào. Tuy nhiên, lòng tự trọng của họ vẫn không bị khuất phục: Cứ một trong năm thành viên Thế hệ Bùng nổ thập niên 1990 cho rằng sự nghiệp của họ tốt hơn cha mẹ, và một trong chín người cho rằng cuộc sống của họ có ý nghĩa hơn. Đến thập niên 2000, các quan điểm đó càng vững chắc hơn. Thế hệ Bùng nổ đang đi xuống sẽ “đối mặt với sự thật về cái cách mà họ đang sống với chân giá trị và lòng vị tha,” Katy Butler viết. “Nếu đó là sự lựa chọn và không đến nỗi quá nặng nề, thì không có tiền có thể là một cách để đi sâu hơn vào cuộc sống của bạn.” Những người phản đối thuộc Thế hệ Bùng nổ chọn cách không đạt đến bất kỳ tiêu chuẩn vật chất nào sẽ phải suy nghĩ lại về công nghệ của Thời đại Thông tin. Được thúc đẩy bởi các tạp chí như *Simple Living* và *The Tightwad Gazette*, phong trào Những bà mẹ keo kiệt và Dùng ít đi, Thế hệ Bùng nổ sẽ tìm lòng mộ đạo trong thứ mà tạp chí *Fortune* gọi là “không chủ nghĩa gì cả,” nhấn mạnh rằng họ sẽ *không* tiêu thụ bất kỳ thứ gì, từ thịt không có nitrat cho tới xăng không màu. Đối với nhiều người, thập niên 2000 sẽ là lúc để vứt bỏ những đồ chơi công nghệ, từ bỏ thói quen nghiện công việc, và “về số.”

Về gia đình và các vấn đề tài chính, giai đoạn cuối thời kỳ Tan rã sẽ là một quãng thời gian nghiêm túc. Thế hệ Bùng nổ sẽ phải nói lời chia tay với hầu hết các bậc cha mẹ thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất, thường là sau tách biệt địa lý từ thời kỳ Thức tỉnh và những nỗ lực hòa giải vụng về đã để lộ các động cơ lẫn lộn ở cả hai bên, như trong quảng cáo của Bud Lite “Tôi *yêu* anh, anh bạn!” Cái chết của cha mẹ sẽ khiến Thế hệ Bùng nổ phải đối mặt với một thực tế đáng xấu hổ với những người ở độ tuổi họ: các trụ cột mà họ từng tin tưởng đã không còn, và những gì để lại (trong di sản thừa kế) chẳng hiểu sao lại không nhiều như họ tưởng tượng. *Tiết kiệm* sẽ trở thành một từ thông dụng trong giai đoạn cuối thời kỳ Tan rã của thành viên Thế hệ Bùng nổ, khi họ làm những việc to tát từ toàn bộ khoản thu nhập mà họ đang chuyển hướng thành quỹ tương hỗ. Nhưng, như thường lệ, thế hệ này sẽ gặp khó khăn khi hành động. Một số sẽ phản đối quan điểm phải khẹp mình vào kỷ luật vì lợi ích tiền bạc. Những người khác, nhìn vào sự lấy đà của giá cổ phiếu và trái phiếu do giới trung niên gây ra, cho rằng sự bùng nổ của thị trường sẽ kéo dài mãi – và do đó sẽ giảm bớt tiền tiết kiệm. Thế hệ Bùng nổ sẽ tiếp tục hỗ trợ an sinh xã hội và y tế cho chính cha mẹ mình, đồng thời cũng tin rằng cả hai sẽ phá sản trước lúc họ về hưu. Trong thập niên 2000, các nhà lãnh đạo của họ sẽ nói rất nhiều nhưng làm rất ít để xử lý mối đe dọa mơ hồ đối với sự bảo đảm vật chất của thời đại mình – một mối đe dọa càng lúc càng gần hơn.

Dần dần, sự thờ ơ đáng thất vọng trước đây sẽ nhường chỗ cho một tiêu điểm mới gây sốc. Thế hệ Bùng nổ cuối cùng sẽ sẵn sàng nhận hoàn toàn trách nhiệm cho thời đại cũ của họ – và cho những lựa chọn khó khăn mà đất nước đang phải đối mặt. Càng ngày, Thế hệ Bùng nổ đã già sẽ “tập hợp ý chí quyết tâm để tái tạo chính mình thành những người vị tha và khổ hạnh,” như tờ *Rolling Stone* thúc giục năm 1990. “Nhưng đừng nhái điều đó,” tờ tạp chí cảnh báo, các cá tính của tuổi

trẻ ôm đầy hoài bão vẫn còn ở phía sau. Hoặc ít nhất, theo lời khuyên của Hillary Clinton, “nhái theo cho đến khi bạn làm được.” Đến thập niên 2000, thế hệ này sẽ không còn tâm trí làm nhái bất kỳ điều gì. “Không có cách nào để tránh cuộc đối đầu sắp tới,” tờ *Catholic Eye* đã tuyên bố như vậy vào năm 1992. “Cài dây an toàn vào – đây sẽ là một chuyến đi khó khăn.”

THẾ HỆ THỨ 13 BƯỚC VÀO TUỔI TRƯỞNG THÀNH: NHỮNG TAY SÚNG HÀNG ĐẦU

Lớp sinh viên Mỹ năm 1983 đi kèm một nhãn hiệu mới, lời chào mừng chính thức đầu tiên của họ – thế hệ đang trưởng thành. Vào khoảng thời gian họ tốt nghiệp, Văn phòng Giáo dục Hoa Kỳ xuất bản cuốn *A Nation at Risk* (Tạm dịch: Đất nước lâm nguy), mô tả các cư dân sinh viên của quốc gia như “một làn sóng người tầm thường” mà học vấn của họ “sẽ không vượt qua, sẽ không tương đương, thậm chí sẽ không bằng cha mẹ mình.” Lời phê phán này đứng đầu trong một loạt các báo cáo, nghiên cứu và sách (được Allan Bloom nhấn mạnh trong cuốn *The Closing of the American Mind* [Tạm dịch: Khép kín tâm trí Mỹ]), phê phán thế hệ thanh niên mới của Mỹ là vô cảm, vô hồn, và câm lặng. Trong cuốn sách châm biếm họ *What Do Seventeen-Year-Olds Know?* (Tạm dịch: Tuổi 17 biết điều gì?), Diane Ravitch và Chester Finn đã trả lời: không nhiều. Xếp loại giới trẻ thành 29 đối tượng, thì sẽ có 20 điểm F, tám điểm D, và một điểm C-.

Suốt những năm đầu thời kỳ Tan rã, sinh viên mới tốt nghiệp phải nghe các nhà văn lớn tuổi và người phụ trách chuyên mục trên báo gọi họ là một “thế hệ không nơi chốn,” một “thế hệ mệt mỏi,” một “thế hệ thú vật” một “thế hệ kỳ vọng nhiều, đổ mồ hôi ít,” và “một đội quân gồm những Bart Simpson, được vũ trang và có thể gây nguy hiểm.” Russell Baker chỉ trích họ có “trí não thất thường” và “thờ ơ gần như trước mọi thứ cụ thể trên hành tinh như thú vị, phẫn nộ, điên cuồng,

phấn khởi, quyến rũ, lý thú, và hấp dẫn.” Những bộ phim về thanh thiếu niên (*Hội điểm tâm*, *Fire St. Elmo* [Tạm dịch: Nhiệt huyết tại St. Elmo], *Day Off Ferris Bueller* [Tạm dịch: Ngày nghỉ của Ferris Bueller], *Fast Times at Ridgemont High* [Tạm dịch: Những thời khắc tuổi trẻ tại Ridgemont]) khắc họa thế hệ trẻ nhằm khẳng định những phán xét đó. Trong phim *Pump Up the Volume* (Tạm dịch: Tăng âm lượng lên), nhân vật Hard Harry của diễn viên Christian Slater đã gạt bỏ những người đồng đảng thuộc một “thế hệ sao phải bận tâm.” Như tiểu thuyết gia David Leavitt nhận xét, “Thế hệ tôi là một thế hệ sẵn sàng hoàn toàn thừa nhận các tính cách dè dặt của mình.”

Vào đầu thập niên 1990, khi Wayne và Garth hô vang “Chúng tôi không xứng đáng!” và Beck hát “Anh là một kẻ thua cuộc, em yêu,” người Mỹ ở lứa tuổi 20 bắt đầu dĩ được dán nhãn là *Thế hệ X*. Giống như nền văn hóa thanh niên mới, đây là một thuật ngữ phái sinh của văn hóa đại chúng: Xuất hiện cuốn sách viết về những thanh thiếu niên mang tâm trạng nước Anh thập niên 1960, Billy Idol lấy tên ban nhạc của ông đặt cho cuốn sách, thuật ngữ đó trở thành một dấu ấn đặc biệt của giới trẻ Canada, và kèm theo đó là cái tên Doug Coupland. Sau năm 1992, phim *Malcolm X* khiến logo chữ X tràn ngập trên mũ và áo của trẻ em da đen, còn trẻ em da trắng miền Nam bắt đầu mặc những chiếc áo phông đôi (“Bạn mặc X của bạn và tôi sẽ mặc của tôi”). Không lâu sau đó, chữ cái X xuất hiện khắp nơi.

Năm bắt được phát hiện mới mang tính thế hệ này, một loạt phương tiện truyền thông đã bắt đầu mô tả mọi thứ mang dấu X là điên cuồng và rác rưởi. Trong lời bài hát và bản thảo của mình, giới trẻ duy trì cái vẻ bề ngoài tự chê trách bản thân mà họ đã học được trong thời thơ ấu – với một chút mỉa mai đầy ác ý. “Thế hệ chúng tôi có lẽ là tệ nhất kể từ Cải cách Tin Lành,” một cử nhân làm việc tại *Metropolitan* cho biết. Khi hãng xe Subaru đưa ra hình ảnh một người theo phong cách nhạc rock grunge phẩy phẩy bán một chiếc

xe được cho là theo kiểu punk rock, quảng cáo đã thất bại. Được đề nghị mua một chiếc xe trang trí theo văn hóa của chính họ, giới trẻ đã từ chối. “Bạn sẽ làm gì khi chúng đến vì bạn?” là lời bài hát làm nền cho chương trình truyền hình *Cops* (Cảnh sát). “Những kẻ xấu xa! Những kẻ xấu xa!” *Bad as I Wanna Be* (Tạm dịch: Xấu xa như tôi muốn), Dennis Rodman phụ họa.

“Chưa có ai thật sự tìm ra điều đó,” Alanis Morissette hát như thế trong album *Jagged Little Pill* của mình, và quả thật, nhiều người đồng đảng với cô đã chống đối bất kỳ nỗ lực nào nhằm xác định đặc điểm thế hệ của họ. Thanh niên ngày nay thường cho rằng phạm vi bạn bè của mình quá đa dạng đến mức không thể coi họ là một tập thể. Đối với họ, X chẳng tượng trưng cho điều gì, hoặc cho mọi thứ, hoặc (như Kurt Cobain hát) “được rồi, gì cũng được, đừng bận tâm.” So với các thế hệ khác sinh ra trong thế kỷ này, họ ít gắn kết hơn, trải nghiệm nhiều hơn, đa dạng ngôn ngữ dân tộc hơn, và nền văn hóa dễ bị chia rẽ hơn. Tuy nhiên, tất cả những điều đó là trung tâm trong tính cách tập thể của họ. Từ âm nhạc đến chính trị, đến học thuật, đến thu nhập, người trẻ mới trưởng thành ngày nay xác định bản thân nhờ sự khác biệt hoàn toàn, một thế hệ mà cái cốt lõi ít được biết tới hơn là các mảnh nhỏ và bộ phận của nó.

Khi thập niên 1990 trôi đi, giới trẻ mới lớn đã khẳng định sự kiểm soát chặt chẽ hơn với hình ảnh của chính mình. Các chương trình truyền hình mang tính thế hệ đã lấy X từ sự hấp dẫn bề ngoài của *Beverly Hills, 90210* đến *Melrose Place* (Tạm dịch: Chốn Melrose) mù sương, cho đến cộng đồng thay thế của phim *Những người bạn*, với các diễn viên giống với khán giả xem những chương trình khác. Phần nhiều trong các câu chuyện đó mô tả giới trẻ là không chịu cam kết, không bị ràng buộc, quá táo bạo về tình dục và công việc, bị ám ảnh bởi những thứ tầm thường, và cô lập khỏi thế giới của người lớn tuổi hay trẻ em. Trong phim, các đạo diễn trẻ khám phá sự thay đổi hỗn loạn của những

người đồng đẳng (*tình dục, dối trá, và băng video; Bodies, Rest, and Motion* [Tạm dịch: Xác chết, yên nghỉ, và phân hủy]) trong một nền kinh tế trẻ đáng thất vọng (*Clerks* [Tạm dịch: Nhân viên], *Reality Bites* [Tạm dịch: Vết cắn đời thực]) và một cuộc sống dường như vô mục đích (*Slacker* [Tạm dịch: Kẻ lười biếng], *Singles* [Tạm dịch: Độc thân], *Dazed and Confused* [Tạm dịch: Ngạc nhiên và bối rối]) trong bối cảnh một thế giới bị phân tán về văn hóa (*Boyz 'n' the Hood* [Tạm dịch: Lũ con trai và mũ trùm đầu], *El Mariachi, Just Another Girl on the I.R.T.* [Tạm dịch: Chỉ một cô nữa ở I.R.T]) đầy rẫy bóc lột tình dục (*Kids* [Tạm dịch: Lũ trẻ], *My Own Private Idaho* [Tạm dịch: Idaho riêng tư của tôi]) và bạo lực không khoan nhượng (*Natural Born Killers* [Tạm dịch: Những kẻ giết người bẩm sinh], *Pulp Fiction* [Tạm dịch: Tiểu thuyết giết gân], *Menace II Society* [Tạm dịch: Xã hội đe dọa II], *Doom Generation* [Tạm dịch: Thế hệ tận số]). Những phim này thường không có khởi đầu hay kết thúc, hoặc bất kỳ điều “đúng đắn” nào, hoặc các cố vấn lớn tuổi, hoặc bất kỳ môi trường nào mà được Robert Rodrigues gọi là “nghèo nàn và khó khăn.” Những gì họ có là rất nhiều ma túy, rượu, bạo lực, bất ổn, buồn chán, tình dục vô nghĩa, hỗn loạn xã hội, và mất phương hướng cá nhân.

Những thế hệ trước đa phần tránh những phim này, vì vậy ấn tượng của họ về thế hệ X chủ yếu có được là qua phương tiện truyền thông chính thống (*Newsweek*, chương trình thể thao của Fox) tích cực chạy theo tâm lý tiêu dùng của người trẻ đến tuổi trưởng thành, và đặc biệt là qua quảng cáo. Giới tiếp thị tập trung vào những người trẻ này không phải vì họ có tiền chi tiêu – trong tất cả các độ tuổi trưởng thành, số tiền bình quân đầu người mà độ tuổi này có là ít nhất – mà chủ yếu vì họ làm chủ việc lựa chọn sản phẩm. Giới trẻ ngày nay có rất ít lòng trung thành, được Coupland gọi là “lòng trung thành vi mô.” “Với họ, một khi bong bóng đã vỡ, thế là xong,” một nhà phân tích cho hãng giày thể thao Shearson Lehman nói. Khi nhà quảng cáo tìm kiếm một công thức tạo bong bóng phù hợp, người lớn tuổi kinh ngạc chứng kiến những cơn

tăng động liên tục kéo dài 30 giây, giới trẻ đam mê nhục dục chà đạp cả lên người Teton để theo đuổi khoái lạc. Những thanh niên trẻ có thể mua bia, nhưng hình ảnh đó để lại một dư âm không dễ chịu.

“X đã phát triển đa dạng hơn,” Coupland tuyên bố vào năm 1995. “Và bây giờ tôi đang ở đây để nói rằng X đã kết thúc.” Cuốn *Generation Ecch!* (Thế hệ Ecch!) đã công bố một sự thật khôi hài, khi các cuộc thăm dò cho thấy chỉ có 10% giới trẻ sẵn sàng chấp nhận nhãn chữ này. Từ Coupland đến Eddie Vedder của ban nhạc Pearl Jam, các nhà lãnh đạo chính thức của nền văn hóa thanh niên tuyên bố không có hứng thú bênh vực cho bất kỳ ai, có lẽ ngoại trừ việc chia sẻ nhận định của nhà văn Jennifer Lynch rằng “chắc là tôi không có gì thật sự cần nói.” Toàn bộ tính cách X được cảm nhận như một mớ hỗn độn mà không ai muốn gắn bó, như thể để cắt đứt mọi mối liên hệ với một kẻ thua cuộc.

Thông thường, cuộc trò chuyện về X đã bị phương tiện truyền thông do Thế hệ Bùng nổ làm chủ biến thành những lời chỉ trích kiêu căng, và quay sang xác nhận đặc tính cao quý ở giới trẻ thời kỳ Thức tỉnh của chính họ. Sự hồi sinh Woodstock năm 1994 tạo ra nhiều bàn luận nơi Thế hệ Bùng nổ về việc cái nguyên bản cao quý hơn và ít mang tính thương mại hơn ra sao. Đối lại, lời khoa trương của giới trung niên yêu bản thân mình đã cung cấp một mục tiêu chín muồi cho thế hệ trẻ trong những kẻ sống sót này. “Cuối cùng thì Thế hệ Bùng nổ cũng đang lớn lên,” Kate Fillion nói, “và chúng tôi không ghét bỏ họ vì chuyện họ đã từng buộc rất nhiều người trong chúng tôi phải công kích họ đến mức này.” Lắng nghe nhiều người thuộc Thế hệ Thứ 13 nói, nối tiếp Bùng nổ bước vào thời thanh niên giống như bước vào công viên giải trí sau khi bị một đám đông đến phá tan tành và một số CEO từ xa đã biến mọi ý tưởng thành một biểu tượng thương mại. “Hãy làm tình, đừng gây chiến/ Sao tôi nghe quá lố bịch”, lời bài hát của Extreme đã khẳng định khoảng cách thế hệ mới nhất của Mỹ.

Để xác định vị trí của hệ trẻ mới trưởng thành ngày hôm nay, hãy quên X đi, hãy nhìn xa hơn phương tiện truyền thông, và bỏ qua Thế hệ Bùng nổ. Thay vào đó, tập trung vào vị trí của họ trong lịch sử Mỹ – số 13 – và Thế hệ Thứ 13 ở thời đại này khác biệt như thế nào so với những người nuôi dưỡng họ: Thế hệ Im lặng.

Khi mà những người trẻ Thế hệ Im lặng cảm thấy cần phải bứt ra khỏi chủ nghĩa tuân thủ đang níu giữ họ, thì Thứ 13 lại cảm thấy cần cố định mình để đứng vững giữa sự hỗn loạn ly tâm. Im lặng là thế hệ di dân *ít nhất* của Mỹ và khao khát sự đa dạng nhiều hơn; Thứ 13 là thế hệ di dân *nhiều nhất* của thế kỷ 20 và lại khao khát nền tảng chung nhiều hơn. Khi Thế hệ Im lặng sống giữa nền văn hóa trẻ đồng nhất hơn hết trong ký ức những người còn sống, thì Thứ 13 chìm đắm trong các nền văn hóa nhỏ khác biệt nhất.

Khi mà Im lặng là thế hệ kết hôn trẻ nhất trong lịch sử Mỹ, với tỉ lệ quan hệ tình dục trước hôn nhân, nạo phá thai, và các bệnh hoa liễu thấp, thì Thứ 13 kết hôn muộn nhất, với tỉ lệ quan hệ tình dục vị thành niên, nạo phá thai, và các bệnh hoa liễu cao chưa từng có (có cả AIDS).

Khi mà những vấn đề kỷ luật học đường tồi tệ nhất của Thế hệ Im lặng là nhai kẹo cao su và chen ngang lúc xếp hàng, thì hình ảnh rắc rối của Thứ 13 là ở phim *Kids*, trong đó thế giới người lớn vô hình giữa bối cảnh hành trình trắc trở của giới trẻ đi tìm bạo lực, ma túy, tình dục, và tiền bạc. Trong khi Thế hệ Im lặng có tỉ lệ thanh niên trưởng thành bị bắt giữ hằng năm là 13/1.000, thì tỉ lệ bị bắt giữ ở Thứ 13 là 117/1.000. Cứ sáu sinh viên Thế hệ Thứ 13 lại có một người có người quen đã từng bị bắn.

Trong khi giới trẻ Thế hệ Im lặng đến tuổi trưởng thành tin tưởng vào tình cảm ngọt ngào, như những đứa trẻ (trong bài hát của Elvis) “chỉ muốn làm chú gấu nhồi bông của em,” thì Thứ 13 lớn lên với niềm

tin vào thực tế khắc nghiệt, như bọn trẻ (theo Bret Easton Ellis viết) muốn là “những người chiến thắng không thể chối cãi... những nhân vật của Tom Cruise.” Trong khi giới trẻ Thế hệ Im lặng muốn có một *Heartbreak Hotel* (Tạm dịch: Khách sạn đau khổ), thì Thứ 13 lại muốn làm một *Top Gun* (Tạm dịch: Phi công siêu đẳng).

“Làm thế nào mà những cha mẹ tuyệt vời như chúng ta lại sinh ra lũ con tồi tệ như vậy?” William Raspberry hỏi. Thử nghĩ xem: Trong khi Thế hệ Im lặng hồi nhỏ trong thời kỳ Khủng hoảng bước vào tuổi trưởng thành trong Lạc quan, thì Thứ 13 hồi nhỏ trong Thức tỉnh chạm ngưỡng tuổi trưởng thành vào Tan rã.

Trong khi Thế hệ Im lặng lớn lên giữa một xã hội đang đói khát muốn đầu tư, thì Thế hệ Thứ 13 lớn lên giữa một xã hội đã mãn nguyện và muốn rút lui. Trong khi Thế hệ Im lặng đến tuổi trưởng thành trong một thời đại mà chủ nghĩa cá nhân bị ngăn trở nhưng thành tựu kinh tế được đảm bảo, thì Thế hệ Thứ 13 đến tuổi trưởng thành khi chủ nghĩa cá nhân được tán dương nhưng thành tựu kinh tế phải đạt được bằng chộp giật. Trong khi giới trẻ Thế hệ Im lặng leo lên các bậc thang chức vụ trong công ty và đổ xô đến Washington để đầu quân cho Biên giới Mới và Xã hội Vĩ đại nhất, thì Thế hệ Thứ 13 có đến gấp đôi số người nói rằng họ muốn sở hữu việc kinh doanh của riêng mình hơn là làm CEO của các công ty, và đến gấp bốn lần nói rằng thà là doanh nhân còn hơn làm một công việc hàng đầu trong chính phủ. Với Thế hệ Im lặng, sự thịnh vượng và ổn định thể chế dần vượt quá cả mong đợi, cho phép họ hướng sự chú ý vào ảnh hưởng và chi tiết. Với Thế hệ Thứ 13 thì xảy ra điều ngược lại, và kỳ vọng đã bị phản bội. Trong khi Thế hệ Im lặng đến tuổi trưởng thành với *How to Succeed in Business Without Really Trying* (Tạm dịch: Làm thế nào để thành công trong kinh doanh mà không phải thật cố gắng), thì Thế hệ Thứ 13 có thuyết suy tàn đầy khắc nghiệt của *Rent* (Tạm dịch: Thuê trọ), thu hút họ vào các ranh giới dưới cùng của cuộc sống.

Nền kinh tế thế hệ thể hiện điều đó. Thế hệ Thứ 13 của thời kỳ Tan rã, đặc biệt là nam giới, đã vấp phải một cuộc suy thoái thế hệ. Từ năm 1973 đến 1992, thu nhập trung bình thực tế ở nam thanh niên giảm 28%, nhiều hơn của cả nước từ đỉnh đến đáy của Đại suy thoái. (Trong suốt hai thập niên đó, thu nhập của giới trẻ giảm mạnh, thu nhập thực tế bình quân ở người lớn tuổi *tăng* 26%). Năm 1969, thu nhập trung bình của nam giới làm việc toàn thời gian dưới 25 tuổi bằng 74% mức trung bình ở nam giới làm việc toàn thời gian lớn tuổi hơn; kể từ năm 1986, con số đó chưa bao giờ vượt mức 55%. Trong thời kỳ Thức tỉnh, chỉ có 8% chủ hộ gia đình trẻ có việc làm sống trong nghèo đói; giờ là 18%. Mặc dù nền kinh tế này khắc nghiệt với người trẻ, nhưng hình ảnh trong phim *Beverly Hills, 90210* với lối sống giàu có (ô tô, tivi, máy nghe đĩa, áo da) đã bao trùm Thế hệ Thứ 13. Tuy nhiên, những gì nhà xã hội học Jerald Bachman gọi là “giàu có trước khi trưởng thành” có hại nhiều hơn có lợi: Nó khiến cho giới trẻ quen với những món đồ xa xỉ được phụ huynh trợ cấp mà họ không đủ khả năng tự sắm được, và nó khiến thế hệ già hơn tin rằng nếu một số người trẻ nào đó không làm tốt, họ chỉ có thể tự trách mình. “Người nghèo vẫn nghèo, người giàu càng giàu,” là lời bài hát của Concrete Blonde. “Điều đó vẫn thế, mọi người đều biết.”

Đối với một thế hệ đấu tranh rất nhiều trong đời sống kinh tế và xã hội, thuyết định mệnh là một kỹ năng sống còn, an ủi những người đang làm không tốt. Họ áp dụng điều đó để dựng bức tường chia cắt từng mảnh nhỏ cuộc sống – công việc, gia đình, bạn bè, văn hóa, giải trí – với phần còn lại và do đó chứa đựng bất kỳ thiệt hại nào của sự lây lan. Không giống như Thế hệ Bùng nổ, Thế hệ Thứ 13 không thể dành năng lượng để trở thành những người “bên nhau,” liên kết mọi hành động với một cái tôi cốt lõi. Thay vào đó, họ có xu hướng trở thành những người linh động, đối phó với từng tình huống theo các giới hạn riêng của nó. Chưa ở đâu mà thuyết định mệnh tràn lan hơn là trong

quan điểm của Thế hệ Thứ 13 về tội phạm. Tỷ lệ tội phạm trẻ trong thời kỳ Tan rã thấp hơn đỉnh cao của Thức tỉnh (Bùng nổ), nhưng công chúng ít khoan dung hơn nhiều. Nơi mà Bùng nổ là thế hệ ngoại phạm và miễn tội nhiều nhất ở Mỹ, thì Thứ 13 lại là thế hệ bị giam giữ nhiều nhất. Khoảng một phần ba nam giới da đen thuộc Thế hệ Thứ 13 hoặc là ở trong tù, hoặc bị án treo, hoặc dưới sự giám sát của tòa án. Những người bị kết án ngày nay được coi là không thể cải tạo, không thể phục hồi mà chỉ xứng với hình phạt – từ đòn roi cho đến những cách thức tàn nhẫn. Tuy nhiên, trong tất cả các thế hệ của thời kỳ Tan rã, thì Thứ 13 gặp khó khăn nhất về vấn đề tội phạm. Nếu bạn phạm tội và bị bắt, cứ suy nghĩ đi, đừng phàn nàn về những gì đang xảy đến với bạn.

Chấp nhận rủi ro xảy đến một cách tự nhiên với những gì đã bỏ xa thế hệ năng động nhất của Mỹ là các con bạc. Như những kẻ cá cược thể thao trực tuyến, khách hay mua xổ số, và người chơi trò cờ bạc bingo, Thế hệ Thứ 13 lấp đầy độ tuổi mà ngày nay (nhưng trước đây thì không) có nguy cơ cờ bạc cao. Không có gì đảm bảo cho chuyện chậm-nhưng-chắc, theo-quy-luật, và hành vi tin-vào-tương-lai sẽ trả hết, Thế hệ Thứ 13 có xu hướng coi thế giới như cuộc đua của các thị trường xổ số nơi mà một người hoặc là chiến thắng vang dội hoặc là chẳng đi đến đâu cả. Họ đã xây dựng một đặc tính sắt đá về quyền tự quyết, rằng giàu hay nghèo chẳng ảnh hưởng gì đến đức hạnh như là thời gian, nghệ thuật bán hàng, và may mắn. Những gì mọi người có được chỉ đơn giản là những gì họ nhận được, không nhất thiết liên quan đến việc họ có xứng đáng hay không.

Việc hẹn hò và kết hôn của họ phản ánh cùng một cuộc tìm kiếm rủi ro trong bối cảnh suy giảm, tính linh động trong hỗn loạn, làm những gì có hiệu quả giữa sự phán xét đúng sai thường xuyên ở người lớn tuổi. Khi mà giới trẻ Thế hệ Im lặng coi tình dục là sự phấn khích, hôn nhân là lãng mạn, và thuyết nữ quyền là một bước đột phá ly kỳ,

thì Thứ 13 thấy quan hệ tình dục là nguy hiểm, hôn nhân là những gì mà một nhân vật trong *St. Elmo's Fire* gọi là “tất cả vì tài chính,” và bình đẳng giới như là công cụ tồn tại cần thiết trong một thế giới của những nghi lễ tán tỉnh thất bại, gia đình tan vỡ, và các ông chồng không đáng tin cậy. Khi các nhà nữ quyền có tuổi tranh luận với điều mà Deanna Rexe gọi là “những vấn đề của sự giàu có và thành công, hơn là những vấn đề nghiêm trọng,” người kế thừa thuộc Thế hệ Thứ 13 quan tâm hơn đến tự vệ ngay tức thì (chống lại AIDS, nạn hiếp dâm bởi người mà mình hẹn hò, và tội phạm đường phố) và tự vệ dài hạn hơn (chống lại những người vợ, người chồng mà có thể không đáng tin cậy hoặc có thể từ bỏ gia đình mình).

Là thế hệ có quan hệ tình dục sớm nhất và kết hôn già nhất từng được ghi nhận, Thế hệ Thứ 13 diễn tập thông qua quãng thời gian độc thân dài bất thường có hoạt động tình dục, với sự đe dọa của AIDS vẫn lẫn khuất phía sau. Họ luôn là trung tâm vật chất của cuộc tranh luận về phá thai – đầu tiên là những bào thai sống sót của thế hệ bị phá nhiều nhất trong lịch sử Mỹ, sau đó là những phụ nữ mang thai khi chưa lập gia đình phải đối mặt với việc “lựa chọn” sẽ làm gì. Hơi ngạc nhiên khi Thế hệ Thứ 13 có những tình cảm không thống nhất về Cách mạng Nhận thức. Họ tưởng tượng thập niên 1960 và 1970 Thế hệ Bùng nổ được cho là quan hệ tình dục dễ dàng như thế nào, trong khi tức giận với thiệt hại lâu dài do một kỷ nguyên mà bây giờ họ nhận ra rằng mình là đứa trẻ mà người lớn đã từng cố gắng vứt bỏ.

Một cảnh báo tương tự về sự thật khắc nghiệt – và nỗi lo về mối nguy hiểm – cho thấy cái nhìn của Thế hệ Thứ 13 về chủng tộc. Họ đang trưởng thành trong một thời kỳ Tan rã cho phép các thiết chế chứ không phải các cá nhân phân biệt đối xử dựa vào chủng tộc, ngược lại hoàn toàn với những gì Thế hệ Im lặng gặp phải trong Lạc quan. Đối với giới trẻ Thế hệ Im lặng, một mục đích của lương tâm là hành động

rạch ròi ở trường, ở đại học, và khi lựa chọn công việc. Họ không tự mình đương đầu, nhưng sau đó lại tuyên bố điều này phù hợp và cho con cái mình làm theo. Đối với nhiều thành viên Thế hệ Thứ 13, hạn ngạch chủng tộc chỉ là trò chơi khác trong một sòng bạc thiết chế rộng lớn hơn: Họ sẽ thích thú nếu nó có lợi cho họ, nhưng nếu ngược lại thì không. Thế hệ Thứ 13 cố hết sức để bảo vệ hạn ngạch này như một dạng luật máu. “Hai lần sai không biến nó thành đúng được,” Sister Souljah nói, “nhưng chắc chắn là san bằng nó.”

Mặc dù thường bị cáo buộc vì gia tăng sự phân biệt chủng tộc và thù ghét tội phạm, trong đó có nhiều vụ đánh bom nhà thờ của người da đen giữa thập niên 1990, nhưng Thế hệ Thứ 13 vẫn được xem là ít phân biệt chủng tộc *nhất* trong các thế hệ ngày nay. Chắc chắn không thế hệ nào trong lịch sử Mỹ có trách nhiệm như thế khi làm việc, bỏ phiếu, sống gần gũi, hẹn hò, cưới hỏi, hoặc nhận nuôi người thuộc các chủng tộc khác. Hôn nhân da đen-da trắng của Mỹ đã tăng gấp bốn lần trong khoảng thời gian chỉ một thế hệ. Song sự gia tăng của việc không phân biệt màu da ở Thế hệ Thứ 13 không nhất thiết mang họ đến gần nhau với tư cách một thế hệ. Vấn đề khác biệt thật sự của họ ít mang tính chủng tộc hoặc sắc tộc hơn là tính kinh tế và gia đình: Nhân viên da đen trẻ tuổi bình đẳng như đồng nghiệp da trắng, trong khi người da đen Thế hệ Thứ 13 thất học đang sống trong cảnh tối tệ hơn so với một hoặc hai thế hệ trước. Gần một nửa số nam giới da đen trẻ tuổi ở thành phố không có công việc toàn thời gian.

Khảo sát chính trị cho thấy Thế hệ Thứ 13 ít nhiều bảo thủ hơn, kém rộng rãi hơn hẳn, và độc lập hơn nhiều so với thế hệ lớn tuổi hiện tại hoặc khi ở cùng độ tuổi đó. “Trong một sự thay đổi đáng kể,” James Glassman viết, “người trẻ bây giờ chiếm đa số phe Cộng hòa, trong khi Dân chủ đã trở thành đảng của người già.” Chưa bao giờ biết bất kỳ điều gì ngoại trừ sự suy giảm thiết chế, Thế hệ Thứ 13 hoài

ngghi sâu sắc về những viễn cảnh chính sách lớn mà họ cho rằng bằng cách nào đó sẽ chỉ làm tăng thêm món nợ tài chính và sự hỗn loạn xã hội của Mỹ. Từ tư pháp hình sự đến luật bồi thường, từ trường công đến chính phủ liên bang, nhiều thành viên Thế hệ Thứ 13 coi chính phủ như một bãi lầy bởi quá phức tạp, quá ràng buộc với những lợi ích đặc biệt, và quá vương vীu về mặt ý thức hệ đến mức không làm nổi mấy điều đơn giản. Lớn lên trong một thời đại mà nỗi hoài nghi chính trị tăng cao, Ian Williams nhận thấy “chúng ta đang vượt qua hoài nghi để đến mức thờ ơ” ra sao. Khi MTV phát sóng *Like We Care* (Tạm dịch: Như chúng ta quan tâm) trong một nỗ lực vô ích nhằm cho thấy thế hệ của Tabitha Soren quan tâm theo cách nào đó, có hàng triệu người đang đến tuổi bỏ phiếu theo cách gọi của MTV là “Unplugged”ⁱ – hoàn toàn không tham gia vào đời sống hoạt động cho xã hội. Đối với nhiều người, *không* bỏ phiếu đã trở thành một lựa chọn xã hội được chấp nhận.

Cứ bốn người thuộc Thế hệ Thứ 13 thì hơn ba người không tin rằng chính phủ sẽ chăm sóc những quyền lợi cơ bản của họ. Theo họ, người khác được hưởng lợi, trong khi họ phải trả các hóa đơn. Tại California, do Dự luật 13, những chủ nhà trẻ tuổi phải trả các loại thuế tài sản cao gấp vài lần những hàng xóm cao niên của họ với ngôi nhà giống hệt. Tại Virginia, một cặp đôi 30 tuổi có thu nhập 30.000 đô-la và một ngôi nhà trị giá 100.000 đô-la phải trả hơn 8.000 đô-la thuế địa phương, thuế bang, và thuế liên bang, trong khi các cặp đôi 65 tuổi với mức thu nhập và nhà ở như thế lại không phải đóng gì. Gần như mọi đề xuất chính sách lớn ở thời kỳ Tan rã về thuế, chăm sóc sức khỏe, và an sinh xã hội đều nhằm chuyển tiền nhiều hơn nữa từ người trẻ đến cho người già. Và so với Thế hệ Bùng nổ, Thứ 13 thậm chí ít có xu hướng tin rằng tiền đóng bây giờ sẽ mang lại lợi ích

i. Biểu diễn bằng các nhạc cụ mộc (không phải nhạc cụ điện tử). (ND)

cho họ sau này, khi tới lượt họ già đi. Một khảo sát về Thiên niên kỷ 3 đã chỉ ra rằng nhiều người Thế hệ Thứ 13 tin vào vật thể bay không xác định (UFO) còn hơn tin vào an sinh xã hội kéo dài cho đến lúc họ nghỉ hưu. Như vậy đã phát sinh vòng xoáy đi xuống về sự quan tâm tới lợi ích công dân của Thế hệ Thứ 13: Họ lãnh đạm, vì vậy họ không bỏ phiếu, vậy là lợi ích của họ bị bỏ qua, họ lại hờ hững, và cứ tiếp tục như thế.

Nhiều thành viên Thế hệ Thứ 13 thích thể hiện tinh thần cộng đồng của họ không phải bằng cách bỏ phiếu, mà chủ yếu là làm tình nguyện. Họ tin rằng xã hội đang thay đổi không phải nhờ mệnh lệnh của tổng thống hay phong trào Tuần hành Triệu người, mà bởi hành động hàng ngày của những người bình thường. Khi Thế hệ Thứ 13 cầm một tờ báo (việc mà họ làm ít hơn một phần ba so với Im lặng khi cùng độ tuổi), nhiều người bỏ qua tin tức quốc gia để đến với tin tức địa phương và cá nhân. Khi được hỏi liệu có coi thế giới của họ là “một ngôi làng toàn cầu” chứ không chỉ là thị trấn nơi họ sinh sống, chỉ có 38% người Mỹ dưới 30 tuổi nói rằng họ hoàn toàn đồng ý, so với 54% số người từ 45 tuổi trở lên. Thuyết tình nguyện của giới trẻ ngày nay ít đến từ các tổ chức từ thiện lớn, mà phần nhiều thông qua các tổ chức từ thiện địa phương nhỏ không có bọn bù nhìn hoặc trung gian trực lợi. Hơn các thế hệ cũ, Thế hệ Thứ 13 tin vào các hành vi nhỏ thể hiện lòng tốt với tư cách cá nhân, chẳng quan tâm có ai vỗ tay hay thậm chí để ý hay không. Chủ tịch MIT đã so sánh thái độ công dân của họ với thời Kỳ sĩ Cô độcⁱ: Hãy làm một việc tốt, để lại một viên đạn bạc, và tiến lên.

i. Nguyên văn: “Lone Ranger”, một nhân vật tưởng tượng được tạo ra bởi nhà biên kịch radio Fran Striker, lần đầu được xuất hiện ở chương trình phát thanh radio WXYZ năm 1933, nói về người đàn ông đeo mặt nạ, từng là thành viên Đội biệt động Texas (Texas Rangers) – người thực thi những mệnh lệnh điều tra và thi hành pháp luật của tiểu bang Texas – nhưng nay chiến đấu ngoài vòng pháp luật ở khu vực Tây Mỹ (hay Miền Tây Hoang dã) cùng người bạn thổ dân tên là Tonto.

BUỐC VÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI: MỘT THẾ HỆ KIẾT SỨC

“Mục tiêu vĩ đại” của ông cho thế kỷ 21, theo lời Mike Myers trong phim *Wayne’s World* (Tạm dịch: Thế giới của Wayne), là “có niềm vui còn hơn là không có.” Thế hệ của ông sẽ làm được, nhưng chỉ bằng cách tiếp tục ngăn chặn các vấn đề tiền bạc và lời phê phán của người lớn tuổi.

Nền kinh tế sẽ tiếp tục kể câu chuyện của Thế hệ Thứ 13. Đến đầu thế kỷ 21, thu nhập của người mới trưởng thành sẽ thấp hơn, tỉ lệ nghèo đói sẽ cao hơn, và mạng lưới an toàn của họ sẽ nghèo nàn hơn Thế hệ Bùng nổ vào đầu thập niên 1980 – khẳng định Thứ 13 là thế hệ Mỹ duy nhất (ngoài Vàng son) từng phải chịu đựng một nền kinh tế trượt dốc suốt đời. Nhiều người sẽ bị cắt giảm phúc lợi. Những người khác sẽ cố gắng làm giảm sự đi xuống này bằng cách làm nhiều nghề, sống trong các hộ gia đình có nhiều nguồn thu nhập, hoặc chuyển về ở với cha mẹ mình.

Một thời kỳ Tan rã bắt đầu không mấy thân thiện với người mới đi tìm việc cũng sẽ khép lại không mấy thân thiện với những người tìm kiếm sự thăng tiến. Từ những quan hệ đối tác chuyên nghiệp đến các vị trí quản lý cửa hàng, Thế hệ Thứ 13 sẽ thấy đường đi của họ bị chặn bởi các thiết chế đóng chặt và bởi các thế hệ lớn tuổi vẫn ở nguyên chỗ cũ. Đây là thế hệ đầu tiên sinh ra ở thế kỷ này tỏ ra kém tay nghề hơn những người tiền nhiệm. Đến thập niên 2000, nhiều người ở độ tuổi 40 sẽ vẫn là nhân viên thời vụ, nhà thầu không lợi ích, kẻ theo đuổi danh vọng hạng hai, và kẻ thay thế được trả ít tiền hơn. Tính từ thời kỳ Thức tỉnh, người trẻ mới trưởng thành đã cho thấy sự bất bình đẳng thu nhập tăng mạnh nhất (trong khi thu nhập của người lớn tuổi thực ra lại trở nên bình đẳng hơn). Tỉ lệ lao động trẻ với những trợ giúp về mặt phúc lợi – bảo hiểm y tế, trợ cấp thất nghiệp, kế hoạch hưu trí,

thương lượng tập thể – đã giảm (trong khi sự trợ giúp công cộng và tư nhân cho người già lại hào phóng hơn đáng kể).

Bước vào thập niên 2000, danh tiếng của Thế hệ Thứ 13 cũng không tốt hơn bây giờ. Những người 30-40 tuổi làm bất kỳ điều gì cũng sẽ bị người lớn tuổi hơn chỉ trích – không chỉ vì họ không đáp ứng các tiêu chuẩn trước đó, mà họ còn bị cho là gây ảnh hưởng xấu đến trẻ em. Thế hệ này là hiện thân của những gì mà Mỹ ghét bỏ về khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn. Họ bị cho là đáng thất bại và khó thành công. Thế hệ trẻ nhiều tham vọng sẽ bị lên án là những kẻ săn mồi về mặt kinh tế và là mục tiêu thích hợp cho việc đánh thuế hàng xa xỉ, trong khi những người có mức sống thấp hơn sẽ bị đả kích là không thể tiến bộ và không đáng được nhận sự trợ giúp của xã hội. Đến cuối thời kỳ Thức tỉnh, nhóm xã hội Mỹ có danh tiếng tốt về phẩm chất sẽ là một tập hợp của số ít người trẻ tuổi: tầng lớp trung lưu.

Tư duy rủi ro cao của Thế hệ Thứ 13 sẽ bị chỉ trích là tai họa của quốc gia. Giới doanh nhân nắm giữ nhiều cổ phiếu sẽ bận rộn với các giao dịch chứng khoán và thu mua tài sản Mỹ vì lợi ích ngoài nước. Họ sẽ làm cho thị trường linh hoạt hơn, gây nên nhiều rủi ro hơn, tạo thêm khoảng cách và sự nặc danh trong mối quan hệ giữa con nợ và chủ nợ của mình, nhấn chìm thế giới với nền văn hóa đại chúng Mỹ. Trong không gian mạng, họ sẽ hack, gửi thư rác, bẻ khóa mã, và trốn thuế. Tất cả những việc này sẽ khiến họ bị chỉ trích nặng nề, càng thúc đẩy lời kêu gọi cấp bách mới đòi Chính phủ đưa ra quy định.

Cùng lúc đó, những người được tờ *Wall Street Journal* gọi là “người du cư công nghệ cao” sẽ là lao động có thể thay thế được của nền kinh tế toàn cầu hóa thời kỳ Tan rã. Họ sẽ xuất hiện ở những nơi mua bán, khám phá từng ngõ ngách, tìm kiếm mọi khía cạnh, khai thác mọi lợi thế. Họ sẽ nói chuyện về công việc thay vì sự nghiệp, nhấn mạnh những gì có thể được hoàn thành vào cuối ngày hơn là những gì có thể hoàn

thành sau này trong đời. Trong khi Thế hệ Im lặng từng tin vào những khối lắp ghép của thành công và sống trong một thế giới hợp nhất của tiền lương ổn định và lợi ích, thì Thứ 13 sẽ tin vào sự đột phá nhanh chóng và sống trong một nền kinh tế với mức lương không đồng đều, không lợi ích, và ít lòng trung thành. Khi mà người lao động trẻ Thế hệ Im lặng để người khác thương lượng cho họ, thì Thứ 13 sẽ tiến hành các giao dịch của riêng mình, nhấn mạnh những ưu đãi ngắn hạn như làm việc khoán hoặc tiền hoa hồng. Trong khi thành viên điển hình Thế hệ Im lặng kỳ vọng ở lại với người chủ đầu tiên trong nhiều thập niên, thì thành viên điển hình Thứ 13 sẽ mong đợi sự thay đổi nhanh chóng ở giới chủ và các điều kiện làm việc.

Cách làm việc ít tốn công sức và nhằm thẳng vào mục tiêu của Thế hệ Thứ 13 sẽ cực kỳ tốt cho việc thu nhận được lợi ích của Mỹ – một doanh nghiệp tại một thời điểm. Các nhà kinh tế học từ lâu đã nói rằng kiểu người lao động này chính là kiểu mà một nền kinh tế toàn cầu luôn thay đổi cần có, nhưng khi Mỹ có được cả một thế hệ như thế, thì các nhà quản lý lớn tuổi sẽ không hài lòng cho lắm. Vấn đề được nhận thức không phải là Thế hệ Thứ 13 có làm việc đủ hay không (họ sẽ làm đủ), mà là khoảng cách giữa họ và văn hóa doanh nghiệp. Lao động trẻ làm việc theo hợp đồng: Họ sẽ tập trung trong thời gian làm việc, nhưng sẽ xả hơi khi hết giờ làm. Các hình thức tổ chức xã hội thay thế (thường là một nhóm bạn bè) sẽ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ cuộc sống cho những gì mà cha mẹ họ từng mong đợi từ các ông chủ.

Nhiều thành viên Thế hệ Thứ 13 sẽ hoàn toàn bỏ qua nền kinh tế thể chế và làm việc một mình hoặc với bạn bè, vượt xa và hạ bệ các đối thủ lớn tuổi, chơi những trò công nghệ cao ranh mãnh cùng với và chống lại các hệ thống được xây dựng cho người lớn tuổi. Cái mà Saren Sakurai gọi là “thương mại đổi chác” sẽ đánh cắp thị trường từ tay các công ty đối thủ lớn, làm suy yếu các doanh nghiệp nhà nước toàn những quy tắc (bưu chính, giáo dục, an ninh), và đem những

thách thức của thị-trường-xámⁱ gắn với các nghề nghiệp đã được chứng nhận (pháp luật, bảo hiểm, tài chính). Bất kỳ khi nào các chính phủ tiến hành tư nhân hóa hoặc công ty lớn tái cơ cấu, Thế hệ Thứ 13 sẽ được hưởng lợi. Trong quân đội, sĩ quan Thế hệ Thứ 13 sẽ phô trương những đặc điểm của một chiến binh Sparta dũng cảm. Nơi trường học, chủ nghĩa tự do súc tích của họ sẽ đụng độ với chủ nghĩa tự do bài bản của các giáo sư gáo cội.

Đến thập niên 2000, các tiểu thuyết gia, nhà làm phim, và ngôi sao nhạc pop tuổi 40 sẽ thúc đẩy mọi góc ngách, mọi sự ngông cuồng, mọi môn thể thao mạo hiểm, mọi công nghệ, mọi cú sốc (tình dục, bạo lực, thô tục, lãnh đạm, tự hủy hoại) đến đỉnh điểm, khiến Thế hệ Bùng nổ lên tiếng kêu gọi tẩy chay và kiểm duyệt. Khi sự có mặt của giới trẻ mới trưởng thành ở các vườn quốc gia, di tích lịch sử, bảo tàng, và các buổi hòa nhạc cổ điển giảm xuống, thì một ranh giới rõ ràng sẽ tồn tại giữa nền văn hóa giải trí của Thế hệ Thứ 13 và văn hóa “cổ điển” của Bùng nổ. Thể thao và những cuộc vui của người nổi tiếng sẽ sở hữu sự mạnh mẽ đặc trưng, giống như nghi lễ của những đấu sĩ hơn là nghi lễ dân sự. Các vận động viên và nghệ sĩ sẽ nâng thể thao và truyền thông lên tầm cao hào nhoáng mới về thương mại. Lương của các ngôi sao sẽ tăng vọt cao chưa từng thấy, nhưng người làm thuê thì ngược lại. Những khai thác cá nhân của họ được hoan nghênh, tinh thần đồng đội lại bị chỉ trích. Sự trung thành của người hâm mộ sẽ giảm đi, vì phụ huynh thúc giục con em mình tìm kiếm những hình mẫu ở nơi khác. Cuối cùng, nền văn hóa trẻ của Thế hệ Thứ 13 sẽ cảm thấy, như Kurt Cobain nói trước khi ông tự sát, “nhàm chán và cũ kỹ.”

Gần đến cuối thời kỳ Tan rã, Thế hệ Thứ 13 sẽ bắt đầu mệt mỏi với mọi sự vận động và chọn lựa. Cảm thấy không giống Thế hệ X mà

i. Thị trường của những hàng hóa khan hiếm.

giống một thế hệ kiệt sức hơn, họ sẽ muốn đảo ngược định hướng cuộc sống của mình.

Thái độ của họ đối với rủi ro sẽ thay đổi. Kể cả những người đang ổn thỏa sẽ bộc lộ một trạng thái tâm lý của người trẻ lạc hậu phản đối việc tiếp tục chấp nhận rủi ro. Những thành viên thành đạt Thứ 13 đã kết hôn sẽ đẩy cuộc sống gia đình tới một dạng thực dụng của thuyết bảo thủ về xã hội. Khôi phục ngôi nhà chỉ một người có thu nhập sẽ là một ưu tiên với nam giới; khôi phục lại độ tin cậy của hôn nhân sẽ là một ưu tiên với nữ quyền. Thế hệ Thứ 13 sinh sau để muộn sẽ bắt đầu kết hôn và có con sớm hơn, một phần để tránh những rủi ro của quan hệ tình dục hàng loạt và quấy rối nơi công sở, một phần để bắt đầu tiết kiệm và sở hữu nhà sớm. Đến cuối thời kỳ Tan rã, độ tuổi trung bình khi kết hôn lần đầu sẽ thấp hơn so với ngày nay.

Trong khi đó, cho dù Thế hệ Thứ 13 không có công việc tốt nhưng vẫn sẽ tìm thấy sự thoải mái trên những bước đệm hướng về Giấc mơ Mỹ của mình. Về tổng thể, họ sẽ đánh giá cao giá trị và tính bất bênh của bất kỳ vận may nào mình có được, và lo sợ mình sẽ trượt ngã đến mức nào nếu đánh mất điều đó. Nhiều người thường tránh các rủi ro trong đời tư một cách nghiêm ngặt, kể cả khi họ không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục thực hiện những công việc khó thành công trong sự nghiệp của mình. Họ sẽ trở nên thanh đạm một cách mạnh mẽ, trung thành với dòng họ, chung thủy với bạn đời, và che chở cho trẻ em. Họ sẽ không cho rằng một gia đình gắn bó và luôn ủng hộ mình là điều hiển nhiên; việc xây dựng được một gia đình như thế sẽ là một thành công mà họ cực kỳ tự hào. “Đã đến, đã làm” sẽ là thái độ của họ trong vai trò cha mẹ về những nguy hiểm tính dục mà họ quyết tâm che chắn cho con mình. Khi Thế hệ Thứ 13 phong tỏa cuộc sống khép kín của họ, các nhà phê bình lớn tuổi sẽ tìm thấy khiếm khuyết với một cuộc sống gia đình mà một số người sẽ cho rằng quá thiên về gia đình và không đầy đủ các giá trị. Cha mẹ trẻ với lối suy nghĩ linh động sẽ ra

ngoài vào buổi tối và thưởng thức các bộ phim của Quentin Tarantino, sau đó trở về nhà và cho bọn trẻ đi ngủ trong sự phản đối ngỗ ngược của người lớn tuổi.

Đến thập niên 2000, Thế hệ Thứ 13 sẽ thoả mái sống trong một thế giới đa dạng chưa từng có. Số ít sẽ chia sẻ quan điểm của thời kỳ Lạc quan rằng chủng tộc ở Mỹ chỉ đơn giản là một vấn đề giữa da đen và da trắng. Người Mỹ gốc Á và gốc Tây Ban Nha sẽ làm cho vấn đề chủng tộc của Thế hệ Thứ 13 trở thành một phương trình đa biến hơn. Khi những tính cách sắc tộc này hòa vào dòng chảy văn hóa chủ đạo, chúng sẽ được chào đón cùng với yêu cầu ngăn chặn nhập cư. Một bộ phận nhỏ nhưng quan trọng của giới trẻ (bao gồm cả người da trắng) sẽ bị hút về phía những tổ chức đưa ra chủ nghĩa phân ly về chủng tộc hay sắc tộc. Từ nghèo đói, đến tội phạm, đến việc khôi phục các gia đình, Thế hệ Thứ 13 sẽ xác định lại vấn đề quyền công dân trước đây trong các vấn đề độc lập với chủng tộc. Nhiều người sẽ đi tới chỗ gắn liền cụm từ *quyền công dân* với các bộ trưởng, giáo viên, và các quan chức lớn tuổi, những người mà họ không mong muốn sẽ can thiệp vào cuộc sống của mình. Mục tiêu của họ là ngừng tất cả các trò chơi về chủng tộc, và họ ngờ rằng giải pháp chỉ đơn giản là làm mọi người hiểu biết lẫn nhau.

Khi ngày càng có nhiều thành viên Thế hệ Thứ 13 lập gia đình, cuối cùng họ cũng bắt đầu đi bỏ phiếu với những con số đáng nể. Đến năm 1998, họ là khối cử tri tiềm năng lớn nhất của Mỹ, và vào cuối thời kỳ Tan rã là khối cử tri thực tế lớn nhất. Một khi phát hiện ra phòng bầu cử, sự thờ ơ thiên vị trước đó của họ sẽ hành động vì lợi ích của mình. Đến thập niên 2000, Thế hệ Thứ 13 chiếm những vị trí quan trọng trong nền chính trị, có khả năng quyết định người thắng kẻ thua. Họ ứng dụng kỹ năng Internet “Đại chúng và Chính trị” của mình để ủng hộ các ứng viên không quảng cáo rùm beng, mà chỉ làm

những gì cần thiết để hoàn thành công việc và cam kết không làm cho vấn đề của họ tồi tệ hơn.

Giới chính khách nổi bật đầu tiên của Thế hệ Thứ 13 sẽ tách các luận điểm từ những quy tắc, đơn giản hóa sự phức tạp, và vạch trần các tranh luận đến tận những nguyên tắc cơ bản. Theo tư duy của họ, không có chương trình nào không thể đựng đến, không lời hứa hẹn nào là bất khả xâm phạm, không có ngân sách nào là không có khả năng cân bằng. Họ đề xuất các biện pháp mới táo bạo để hạn chế bớt những mục tiêu khó nắm bắt nhất của thời kỳ Tan rã, từ các luật sư tòa án, người lớn tuổi giàu có đến các tập đoàn ở những vùng trũng của xã hội. Trong số các mục tiêu chính trị đầu tiên của họ có việc loại bỏ chuyện ly dị mà không bên nào có lỗi và hạn ngạch chủng tộc. Chủ nghĩa thực dụng thẳng thắn của họ bị Thế hệ Im lặng chỉ trích là thiếu thông tin, và bị Bùng nổ chỉ trích là vô nguyên tắc. Một vài đề xuất của họ sẽ được ban hành – dù hiện tại vẫn chưa.

Khi thời kỳ Tan rã gần kết thúc, hình ảnh chung về một kỷ nguyên mệt mỏi sẽ phù hợp với hình ảnh của một thế hệ mệt mỏi và tan rã. Đến giữa thập niên 2000, tính cách của Thế hệ Thứ 13 sẽ nổi bật không chỉ bởi các thế hệ lớn tuổi khác biệt, mà còn bởi một thế hệ trẻ không giống họ. Như mọi khi, Thế hệ Thứ 13 sẽ xử lý điều đó bằng một cái nhún vai trước khi thẳng tiến về phía trước và làm những gì phải làm, với nhận thức rằng trong tư cách một thế hệ, họ không có được bất kỳ điều gì ngoại trừ già đi. Khi những người 40 tuổi này mua và thu thập mấy món đồ bỏ đi của nền văn hóa đại chúng từ thập niên 1970, thập niên lưu dấu tuổi thơ của họ, họ sẽ cảm nhận được tình huống trở trêu của mình.

Dù người lớn tuổi có thể nghĩ gì về họ đi nữa, thì Thế hệ Thứ 13 của Mỹ vẫn nổi bật trong một khoảng thời gian thường lệ. “Họ là con cái chúng ta, và chúng ta nên yêu thương họ,” Mario Cuomo nói,

“nhưng kể cả nếu không yêu thương, chúng ta vẫn cần họ, bởi họ là tương lai của chúng ta.”

THẾ HỆ THIÊN NIÊN KỶ BƯỚC VÀO THỜI THƠ ẤU: NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA BARNEY

Khoảng thời điểm Giáng sinh năm 1983, người Mỹ trưởng thành phải lòng một con búp bê mới quý giá từ thiên nhiên, đáng yêu đến mức ai cũng thấy nó thật dễ thương. Hàng trăm ngàn Cabbage Patch Kids (Tạm dịch: Búp bê Bắp cải) đã được dùng để trang trí xe đẩy của trẻ sơ sinh Thế hệ Thiên niên kỷ. Trước đó một năm, một câu chuyện trang bìa của tạp chí *Newsweek* đã tiên đoán bọn trẻ này là hậu duệ đến muộn của Thế hệ Bùng nổ, vốn từng trải qua hai thập niên trước đó mà không có con cái. Giờ đây Thế hệ Bùng nổ đang râm rộ đưa ra lựa chọn vòng đời là sinh con.

Khi dấu hiệu màu vàng nhạt Baby on Board (Trên xe có trẻ nhỏ) xuất hiện trên những cửa sổ ô tô khắp Mỹ, Hollywood đã nhanh chóng nắm bắt xu hướng này. Vào đầu thập niên 1980, phim về những đứa trẻ ranh mãnh (*Firestarter* [Tạm dịch: Nhóm lửa], *Children of the Corn* [Tạm dịch: Những đứa trẻ trên cánh đồng ngô]) bất ngờ tấn công các phòng vé, rồi nhanh chóng được thay thế bằng những câu chuyện về mong muốn có con như *Raising Arizona* (Tạm dịch: Nuôi dạy Arizona), *Three Men and a Baby* (Tạm dịch: Ba người đàn ông và một đứa trẻ), và *Baby Boom* (Tạm dịch: Bùng nổ trẻ sơ sinh). Đến cuối thập niên 1980, vẫn còn những thanh thiếu niên theo phong cách punk trong những gia đình theo kiểu văn hóa đại chúng, nhưng giờ đây bọn trẻ 6-8 tuổi đã khôn ngoan như em gái của Bart Simpson, và các bậc cha mẹ đang lưu tâm đến những cảnh báo trong phim *Fatal Attraction* (Tạm dịch: Quyến rũ chết người) lên án hành vi gia đình thời kỳ Thức tỉnh. Vào giữa thập niên 1990, trẻ em 10-12 tuổi trong phim ảnh là thiên thần theo đúng nghĩa đen (như Anna Paquin với đôi cánh trong *The Piano*,

hoặc những đứa trẻ thành phố trong *Angels in the Outfield* [Tạm dịch: Những thiên thần trên sân]) mà sự hiện diện đã khích lệ người lớn trở nên tốt hơn và làm điều tốt hơn. “Đã bao giờ có một đứa trẻ xấu xa trên đời – một công binh hần học, bướng bỉnh, độc đoán trong suy nghĩ của cha mẹ mình?” một nhà phê bình trên tờ *Time* viết năm 1993. “Rất hiếm thấy điều đó trong một bộ phim Hollywood.”

Qua thời kỳ Tan rã, những em bé Búp bê Bắp cải này đã lớn lên thành các siêu anh hùng Power Ranger tuổi thiếu niên, vượt trên nỗi lo lắng và bao bọc của người lớn. Khi chúng đến trường mẫu giáo, người lớn trải qua cảm giác mà Arthur Miller của Harvard gọi là một “chứng cuồng loạn quốc gia” về lạm dụng trẻ em, và các cuộc thăm dò cho thấy quan điểm “ở nhà với gia đình” phổ biến gấp ba lần trong vòng ba năm qua. Khi những đứa trẻ Thiên niên kỷ đầu tiên đến trường tiểu học, vấn đề trẻ em đứng đầu chương trình nghị sự năm 1988 và cuộc chạy đua bầu cử tổng thống năm 1992, và tổ chức United Way đưa ra một chương trình trẻ em khổng lồ mới. Khi bọn trẻ học trung học, xuất hiện các đề xuất về một V-chip mới cho phép các bậc cha mẹ lọc ra các chương trình bạo lực trên tivi, ba phần tư các thành phố lớn nhất nước ban hành lệnh giới nghiêm với giới trẻ, còn các cơ quan lập pháp nhà nước tróc nã những ông bố lười nhác và thay đổi quy tắc giám hộ vì lợi ích của trẻ em, chứ không phải (như trong thời kỳ Thức tỉnh) vì sự tiện lợi cho cha mẹ. Đến khi Thế hệ Thiên niên kỷ đầu tiên học trung học, thập niên 1990 đã trở thành thời gian được Mario Cuomo gọi là “Thập niên Trẻ em.” Từ tội phạm đến phúc lợi, từ công nghệ đến kiểm soát súng, từ y tế đến cân bằng ngân sách, gần như mọi vấn đề chính sách được làm lại theo những gì được các nhà báo gọi là *nền chính trị trẻ em*. Cả hai bên đã bắt đầu soạn ra thông điệp của mình xung quanh việc can thiệp lấy trẻ em (tránh thâm hụt hay cắt giảm chi tiêu). Vào mùa vận động tranh cử năm 1996, mối quan tâm của Clinton đối với việc bảo vệ trẻ em

trở nên rõ ràng đến mức nhà phê bình thuộc Thế hệ Im lặng là Ellen Goodman đã châm biếm “Nếu hôm nay là thứ Năm, phải có Lệnh giới nghiêm. Nếu là thứ Sáu, phải có đồng phục trường học. V-Chip vào thứ Hai, hút thuốc vào thứ Ba.”

Thế hệ Thiên niên kỷ đang nổi lên như một phần của một tài sản công mang tính thế hệ. Trong khi trẻ em Thế hệ Thứ 13 từng là kẻ bị loại bỏ của thời kỳ Thức tỉnh đầy hưng phấn, thì Thiên niên kỷ trở thành biểu trưng cho nhu cầu của thời kỳ Tan rã là ngăn chặn sự xuất huyết xã hội trước khi nó có thể làm hỏng cả một thế hệ mới khác. “Con đường duy nhất” để ngăn chặn chu kỳ phụ thuộc và tội phạm này, theo George Voinovich Thống đốc Ohio cảnh báo, “là lựa chọn một thế hệ trẻ em, vạch một đường kẻ trên cát, và nói với tất cả ‘Dừng lại ở đây.’” Khi George Bush nói về “cỏ dại và hạt giống,” ông đã mặc nhiên vạch ra một đường kẻ giữa Thế hệ Thứ 13 và Thiên niên kỷ. Phần lớn những công kích phản đối chỉ tiêu phúc lợi trong thời kỳ Tan rã đã phản ánh ý kiến cho rằng nhiều trẻ em thuộc Thế hệ Thứ 13 trưởng thành từ sự rạn nứt gia đình thời kỳ Tan rã không đủ tư cách làm cha mẹ. Tòa án ngày càng có xu hướng trừng phạt cha mẹ vì những hành vi sai trái của con cái – hoặc đưa bọn trẻ đi. Ngày càng nhiều những cuộc thảo luận nghiêm túc về việc “phá vỡ vòng tròn nghèo túng” bằng cách nuôi dạy con trong các trại trẻ mồ côi.

Tiêu điểm mới này của người lớn chưa xóa bỏ được tổn thất của thời kỳ Thức tỉnh đối với thế giới trẻ em. Tỷ lệ trẻ em nghèo vẫn còn cao. Những đứa trẻ xuất sắc của thập niên 1980 đang lớn lên với khuyết tật cảm xúc nghiêm trọng. Các gia đình yếu kém về chức năng còn là một vấn nạn tồi tệ, và vẫn có tin tức về những nạn nhân 10 tuổi (hoặc những kẻ giết người). Tình dục và bạo lực trên tivi chỉ giảm đi chút ít. Trong thời kỳ Thức tỉnh, tất cả những điều đó thúc đẩy người lớn đưa ra một vài khiêu nại. Nhưng giờ đây, trong thời kỳ Tan rã, chúng làm họ giận dữ.

Là những người hưởng lợi từ sự phần nộ về đạo đức, trẻ em Thế hệ Thiên niên kỷ trở thành hiện thân của sự tái khám phá những chuẩn mực đạo đức và tinh thần trong thời kỳ Tan rã của Mỹ. Đứa trẻ bình thường đại diện cho cái đẹp thuần túy, đứa trẻ bị lạm dụng là nạn nhân của cái ác thuần túy. Nhiều người Phúc âm thuộc Thế hệ Bùng nổ nói rằng thời điểm cải đạo của họ đã đến cùng với sự ra đời của đứa trẻ Thế hệ Thiên niên kỷ đầu tiên. Từ người theo Tin Lành đến phong trào Ngũ tuần hay người Islam giáo, nhiều dòng tôn giáo mới ngày nay xoay quanh nhu cầu của các giáo dân trong việc che chở cho trẻ nhỏ. Và trong các nền văn hóa thế tục, những tiên tri Jonah trẻ tuổi mang đến sự kỳ diệu mà nhờ đó người lớn trong phim *Không ngủ ở Seattle* tìm được con đường đúng đắn.

Suốt thời kỳ Tan rã, đã xuất hiện sự đồng thuận ở người lớn cứng rắn rằng trẻ em Thế hệ Thiên niên kỷ cần được bảo vệ kỹ càng hơn Thứ 13 trước kia. Khi mà bước tiến trên lĩnh vực sinh đẻ của thời kỳ Thức tỉnh gắn với việc uống thuốc hoặc phẫu thuật để tránh mang thai ngoài ý muốn, thì Tan rã được đánh dấu bởi những tiến bộ trong y học sinh đẻ, chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng, và các công nghệ khác để thỏa mãn *khao khát* sinh con. Khoảng thập niên 1970, sở thích sinh con tự nhiên tập trung vào những kinh nghiệm phong phú cho các bậc cha mẹ, thì khoảng thập niên 1990 người ta lại ưu tiên nằm viện lâu hơn vì lợi ích của trẻ. Một ngành công nghiệp mở rộng vì sự an toàn cho trẻ em từng tập trung vào gương chiếu hậu ô tô trong thập niên 1980, đến thập niên 1990 lại bắt đầu nhấn mạnh việc phòng chống thương tích cho vận động viên nhí. Thời kỳ Tan rã bắt đầu với các bộ luật mới đòi hỏi hạn chế trẻ sơ sinh trong xe ô tô; bây giờ, các bộ luật mới yêu cầu đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp.

Khi Thế hệ Bùng nổ xuất hiện để lãnh đạo các tổ chức vốn chi phối cuộc sống của một đứa trẻ, họ đã kết hợp các từ uy lực – *gia đình* – để nắm bắt ý chính của việc nuôi dưỡng Thiên niên kỷ. Những gì

David Blankenhorn gọi là “thuyết gia đình mới” đã bắt đầu đảo ngược sự gia tăng tỉ lệ ly hôn và phá thai trong thời kỳ Thức tỉnh. Những bậc cha mẹ ở nhà không đi làm đang ngày càng nhiều, là sự lựa chọn phổ biến trong các gia đình có đủ khả năng. Ngược hẳn với thời kỳ Thức tỉnh, ngày nay phần lớn phụ nữ đang đi làm nói rằng họ sẽ “xem xét nghỉ việc vô thời hạn” nếu họ “không còn cần tiền.” Được thúc đẩy bởi các phong trào làm cha mới, con số nam giới Mỹ nghỉ việc ở nhà chăm con đạt mức kỷ lục. Khi người cha ly dị, họ thường yêu cầu chia sẻ (hoặc giành hoàn toàn) quyền nuôi con. Từ phong trào Tuần hành Triệu người đến Người giữ lời hứa tương tự, nam giới đang cố gắng chuộc lỗi bỏ bê con cái trong quá khứ và tuyên bố sẽ trở thành hình mẫu tốt hơn. Cứ ba cặp cha mẹ thì có hai cặp nói rằng họ sẽ chấp nhận giảm lương để đổi lấy nhiều thời gian cho gia đình hơn. Nhờ đó những xu hướng làm việc mới như chia sẻ công việc, làm việc từ xa, và sắp xếp sự nghiệp, các bậc phụ huynh đang cất những chiếc chìa khóa giúp họ mở ra cánh cửa bên ngoài và khôi phục lại sự hiện diện bên các con sau giờ học. Không giống như Thế hệ Thứ 13 vào khoảng năm 1980, đứa trẻ công nghệ cao của thập niên 1990 giống người bạn phương xa trên Internet với phụ huynh giám sát sau lưng hơn là một kẻ lập dị ở nhà một mình chơi game.

Sự rầy la của người lớn đã trở lại với thế giới trẻ em. Nhấn mặt trước hành vi ở tuổi trưởng thành của chính mình, Thế hệ Bùng nổ đã được tờ *New York Times* gọi là một thế hệ cha mẹ “Làm như tôi nói, không làm như tôi làm.” Trong thời kỳ Lạc quan, cha mẹ thường nói lỏng các quy tắc khi có đứa con tiếp theo; giờ thì ngược lại, cha mẹ ngày càng thắt chặt quy tắc khi có thêm con. Những thói quen tốt được yêu cầu, thái độ xấu không được chấp nhận. Khi một đứa trẻ xuất hiện trong quảng cáo hào nhoáng của Pepsi và thốt ra khẩu hiệu mới của hãng “Gotta Have It” (Phải có bằng được), phản ứng của các bậc cha mẹ là “Nếu con yêu cầu theo cách đó, vậy thì con sẽ không có đâu!”

(Chiến dịch đó đã thất bại.) Trong giải bóng chày thế giới dành cho trẻ em Little League World Series, một cậu bé đến từ Texas 12 tuổi đã bị quở trách vì ăn mừng cú đánh ngược về sân mình giữa lúc đội nhà thất bại. Trong giải bóng bầu dục trẻ Youth League, trẻ em nhận cờ vàng vì đi bộ trong khu vực cấm địa.

Thế hệ Bùng nổ trên mọi mặt của những cuộc Chiến tranh Văn hóa đều đồng ý rằng trẻ em Thiên niên kỷ phải được che chở kỹ càng hơn Thế hệ Thứ 13, tránh xa tình dục, bạo lực, và những điều thô tục trên truyền thông. Lớn lên trong một nền văn hóa thời kỳ Lạc quan, khi mà gần như mọi thứ chiếu trên tivi đều phù hợp với trẻ em, nhiều thành viên Thế hệ Bùng nổ bắt được tín hiệu từ tác giả cuốn *Not with My Child You Don't* (Tạm dịch: Không phải với con tôi) và bảo vệ tổ ấm khỏi nền văn hóa không thân thiện với trẻ nhỏ trong Tan rã. Theo cuốn *Raising Children in a Socially Toxic Environment* (Tạm dịch: Nuôi dạy trẻ trong một môi trường xã hội độc hại), thuê cho trẻ em một video ngẫu nhiên hoặc mua cho chúng một CD mới lạ có thể mang lại tác hại văn hóa chẳng khác nào chất độc dioxin. Khi William Bennett nói: “Có những thứ, nói cho cùng, trẻ em đơn giản là không nên nhìn thấy,” ông mang tới một thông điệp rằng thế hệ mình từng cười xòa trong *All in the Family* (Tạm dịch: Mọi thứ đều trong gia đình) thuộc thời kỳ Thức tỉnh. Hưởng ứng Bennett, Tipper Gore, Michael Medved, và nhiều người khác, những nhà viết kịch bản Thế hệ Bùng nổ đang tạo ra các cốt truyện với bài học đạo đức mạnh mẽ hơn và thông điệp ít mâu thuẫn hơn về ma túy, rượu, và tình dục vị thành niên. Trong các phim sitcom trên tivi, cha mẹ hiện nay được mô tả là có trách nhiệm hơn, trẻ em hiếu thảo hơn. Sách và tạp chí trẻ em đang quay về với các câu chuyện đơn giản và chủ đề truyền thống, trong khi sách về Chủ nghĩa hiện thực mới đang được bỏ khỏi kệ sách thiếu nhi.

Bằng thái độ mới với con cái, Thế hệ Bùng nổ đang diễn một vở kịch tâm lý cho thấy chính họ đã trở nên vô kỷ luật như thế nào. “Bằng

trực giác hoặc sáng tạo,” Michael Sandel viết, “Clinton đã phát hiện ra một giải pháp: đừng áp đặt các rào cản đạo đức đối với người lớn; hãy áp đặt nó với trẻ em.”

Sự nuôi dưỡng các giá trị mới đang bắt đầu sản sinh ra một phẩm chất công dân non trẻ. Kể từ cuối thời kỳ Thức tỉnh, tỉ lệ tiết kiệm trẻ em đã tăng gần ba lần. Nhiều trẻ em đang làm những công việc cộng đồng dưới sự giám hộ của người lớn. Các đội thể thao trẻ em chưa bao giờ phổ biến đến vậy. Hơn chục bang đang triển khai chương trình *Trial by Peers* (Tạm dịch: Phiên tòa đồng đẳng), cho phép trẻ em phán xét lẫn nhau. Trong tổ chức Bầu cử cho trẻ em Mỹⁱ, trẻ em thảo luận các vấn đề, đăng ký, tổ chức chiến dịch, và bỏ phiếu trong mấy cuộc bầu cử giả lập. “Nó tạo ra những gã khổng lồ chính trị trong trẻ em Arizona,” người đứng đầu chương trình Phoenix nói. “Chúng tôi không thể ngăn chặn chúng.” Tờ *Newsweek* đã gọi “nhóm đồng đẳng” là một “thứ thuốc kỳ diệu đối với thành tích học tập” tiềm năng, khi trích dẫn một nghiên cứu năm 1996 cho thấy “ảnh hưởng của bạn bè” làm tăng kết quả học tập thậm chí còn hơn cả “ảnh hưởng của cha mẹ.”

Khi Thế hệ Bùng nổ tìm cách tiêu chuẩn hóa các nền văn hóa và giá trị của thế hệ trẻ em này, họ nhìn ra lợi thế của đồng phục. Tại thủ đô Washington, xu hướng này đã bắt đầu vào mùa thu năm 1988, khi học sinh mẫu giáo nội thành tại trường Tiểu học Burville diện áo khoác màu xanh lá cây và vàng, cà vạt, áo cánh, và váy. Sự tương phản không thể rõ ràng hơn giữa trẻ em áo vàng với các anh chị đội mũ X, sơ mi có logo, quần rộng thùng thình, và đi giày thể thao Day-Glo. Trong vòng ba năm, 31 trường ở thủ đô đã khuyến khích đồng phục; đến năm 1995, ý tưởng này lan truyền nhanh chóng trên toàn quốc. Ở các quận yêu cầu mặc đồng phục, cứ năm cặp phụ huynh thì bốn ủng hộ đồng

i. Nguyên văn: “Kids Voting USA”, là một tổ chức dựa trên nền tảng cộng đồng, phi lợi nhuận, phi phe phái, dành riêng cho việc giáo dục giới trẻ về tầm quan trọng của sự tham gia của công dân và việc bầu cử khi nắm được đầy đủ thông tin.

phục, với niềm tin rằng (theo tờ *Washington Post*), trẻ em mặc quần áo theo tiêu chuẩn “sẽ trở nên có ích, có kỷ luật, những công dân tuân thủ pháp luật hơn.” Năm 1996, giữa những lời hoan hô của cả nước, Tổng thống Clinton thể hiện sự đồng tình của ông với đồng phục học sinh và lệnh giới nghiêm với trẻ em – các quan điểm sẽ chọc giận hầu hết những người đồng đảng với ông trong thời tuổi trẻ của họ.

Gần như tất cả các hệ thống trường học đang cố gắng lưu ý đến yêu cầu của Rudolph Giuliani rằng trường học “một lần nữa đào tạo các công dân.” Thập niên 1990, những cụm từ mới phổ biến trong giáo dục kêu gọi *học hành tập thể* (thay vì độc lập) đối với trẻ em *thông thường* (thay vì chia nhóm theo khả năng), trẻ em phải được dạy *các giá trị cốt lõi*, làm *việc tốt*, đáp ứng *các tiêu chuẩn*, và *không khoan nhượng* trước hành vi sai trái. Ba chữ R mới là rules (quy tắc), respect (tôn trọng), và responsibility (trách nhiệm). Một số trường trong thành phố đang trở lại với phong cách cũ là giảng dạy trực tiếp, yêu cầu trẻ em phải đồng thanh đọc thuộc lòng các bài học của mình. Ngày càng có nhiều lời kêu gọi khách quan hơn về điểm số, tách riêng trẻ trai và trẻ gái, giáo dục giới tính dựa trên sự tiết dục, và cầu nguyện trong trường học – cùng với ngày học kéo dài hơn, đi học quanh năm, và quy định về trốn học cứng rắn hơn. Giống như Hillary Clinton, nhiều thành viên Thế hệ Bùng nổ từng tin vào việc giải phóng con trẻ khỏi cộng đồng giờ đang phát hiện ra rằng *It Takes a Village* (Tạm dịch: Cần một ngôi làng) và ủng hộ một sự gắn kết mạnh mẽ có tính bảo vệ giữa trẻ em và cộng đồng.

Trong các trường công lập, những cuộc khảo sát chỉ ra rằng giáo viên đang cảm thấy nghề nghiệp của mình tốt hơn, và gắn bó với nghề lâu hơn so với lúc bắt đầu thời kỳ Tan rã. Kể từ đầu thập niên 1980, tỉ lệ giáo viên có hơn 20 năm kinh nghiệm đã tăng gần gấp đôi. Phụ huynh đã đảo ngược sự suy giảm số hội viên của Hiệp hội Phụ huynh và Giáo viên (PTA) trong thời kỳ Thức tỉnh, với việc họ đang quyên

tiền trong một đoạn phim. Nhiều thành viên Thế hệ Bùng nổ đòi hỏi tiền công quỹ phải được chuyển hướng đến các trường học đặc quyền và hóa đơn trả trước cho phép cha mẹ lựa chọn, một lời đe dọa nhằm buộc những trường công hoạt động kém hiệu quả phải cải thiện. Qua thời kỳ Tan rã, số trẻ em Mỹ được dạy dỗ tại nhà – chủ yếu bởi Thế hệ Bùng nổ, vốn tin rằng trường công đã mục ruỗng – tăng từ 15.000 lên nửa triệu.

Các bậc phụ huynh đang làm chậm vòng quay của đồng hồ, cho phép Thế hệ Thiên niên kỷ nán lại thời thơ ấu lâu hơn, đảo lộn những gì Richard Riley gọi là sự “hối hả-chen lẫn” của thời kỳ Thức tỉnh. Từ *Sesame Street* (Tạm dịch: Phố Sesame) đến *Barney and His Friends* (Tạm dịch: Barney và những người bạn), các chương trình truyền hình phổ biến nhất dành cho trẻ em đã đi từ thành thị đến thôn quê, từ động lực đến trữ tình, từ châm biếm đến ngọt ngào, từ khám phá bản thân đến chia sẻ với người khác, từ đề cao điều làm trẻ em khác biệt đến đề cao điều làm cho chúng giống nhau. Nhiều người trưởng thành thấy bối rối trước Barney, có lẽ vì nó chẳng có ẩn ý người lớn nào. Một nhà văn trên *Washington Post TV* đã nói là chương trình này “ngọt ngào đến mức có thể khiến người lớn bị sốc hạ đường huyết.” Anna Quindlen thì lo sợ sự đơn giản đến tuyệt đối của nó: “Những gì chúng đang học được là cuộc sống hai màu đen và trắng,” mà bà xem là “sắc màu cơ bản của chỉ trích.” Phụ huynh thì nhấn mạnh sự nuôi dưỡng các giá trị, được hỗ trợ bởi một kệ sách mới khổng lồ về đề tài này. Cuốn *Book of Virtues* (Tạm dịch: Sách đạo đức) của Bennett dành cho trẻ em bán chạy nhất thời kỳ Tan rã, có cái bìa sách mang tính giáo dục, chỉ hơi hài hước, và 11 đức tính có thể dạy dỗ cho trẻ *không* bao gồm tính cách cá nhân hoặc sự sáng tạo. Thế hệ Thiên niên kỷ không được dạy dỗ để khám phá thế giới bên trong (Bùng nổ cho rằng chúng có thể xử lý được ổn thỏa), mà để thành công và vượt trội ở thế giới bên ngoài.

Giống như bất kỳ thế hệ trẻ em nào, Thế hệ Thiên niên kỷ đang trải qua một sự chuyển giao giữa chừng về mặt thành phần thế hệ của cha mẹ họ. Những đứa trẻ Búp bê Bắp cải, sinh ra trong thập niên 1980, chủ yếu là con của Thế hệ Bùng nổ. Niềm tự hào công khai của cha mẹ chúng về chúng làm day dứt những người dôi theo thuộc Thế hệ Im lặng như Jonathan Yardley, người phê phán bọn trẻ kia là “chiến lợi phẩm thời Bùng nổ Trẻ em” – một sự ngấm nhượng bộ rằng con cái của Thế hệ Im lặng (là Thế hệ Thứ 13) không phải là chiến lợi phẩm của bất kỳ ai. Sinh ra trong những năm đầu thập niên 1990, những đứa trẻ của Barney sẽ được chia đều giữa Thế hệ Bùng nổ và Thứ 13. Những đứa trẻ còn lại thời kỳ Tan rã của Mỹ hầu hết sẽ được sinh ra vào Thế hệ Thứ 13. Những cuộc thăm dò ý kiến cho thấy các cặp vợ chồng Thế hệ Thứ 13 có con bảo thủ về mặt văn hóa hơn so với những người đồng đẳng (ở hiện tại) vẫn chưa có con. Cha mẹ trẻ tuổi thuộc Thế hệ Thứ 13 dường như ít hứng thú với những tranh luận chính trị về thế giới của trẻ hơn là Bùng nổ, nhưng họ cho thấy những dấu hiệu bao bọc trẻ trong gia đình mình thậm chí nhiều hơn.

BUỐC VÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI: NHỮNG CÔNG DÂN TRẺ

Từ khi sinh ra cho đến khi vào trung học, luôn có ánh đèn sân khấu quốc gia dôi theo Thế hệ Thiên niên kỷ Búp bê Bắp cải đầu tiên này. Trong khi nửa đầu tiên của thời kỳ Tan rã được đánh dấu bằng báo động về sự gia tăng các vấn đề trẻ em, thì nửa còn lại sẽ được đánh dấu bằng sự hài lòng cao hơn với những thành tựu của chúng. Đồng thời, mỗi quan tâm hàng đầu sẽ chuyển sang lứa tuổi vị thành niên, và khi thập niên 2000 trôi đi, sẽ sang sinh viên và lao động trẻ.

Trong những năm tới, hạnh phúc của Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ trở thành một điểm nhấn cho sự đổi mới của văn hóa xã hội Mỹ. Những địa điểm công cộng có tổ chức – sân vận động, rạp chiếu phim, công

viên, trung tâm mua sắm – sẽ được phân chia mới, tách biệt những nơi trú ẩn thân thiện với trẻ nhỏ khỏi những thứ thô tục khác. Internet sẽ bắt đầu giảng dạy “quy tắc mạng” và giúp cha mẹ ngăn thanh thiếu niên khỏi các phòng chat với người lớn hư hỏng. Hollywood sẽ làm phim về những thanh thiếu niên lành mạnh với các việc làm tốt đẹp cho cộng đồng mình. Những quảng cáo và tạp chí thanh thiếu niên có tính khêu gợi sẽ bị người lớn chỉ trích, vì Thế hệ Bùng nổ tích cực rà soát và theo sát văn hóa thanh thiếu niên.

Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ mang đến một tiêu điểm cho việc đổi mới gia đình Mỹ. Nhờ sự hiện diện ngày càng tăng của cha mẹ liên lạc từ xa và ông bà sống chung thuộc Thế hệ Im lặng, các khu dân cư sẽ có nhiều người lớn vào ban ngày hơn với sự giám sát ngày càng sát sao của họ. Thế hệ Bùng nổ sẽ làm theo yêu cầu của Hillary Clinton rằng hành vi của tuổi vị thành niên cần được giám sát và hạn chế. Tỷ lệ ly hôn sẽ giảm, một phần vì luật mới của bang sẽ khiến các cặp vợ chồng có con nhỏ khó ly dị hơn. Thẩm phán sẽ không dễ dàng đưa ra quyết định chia cắt gia đình có trẻ em và sẽ nghiêm khắc trừng phạt ông bố lười biếng. Gia đình được củng cố này sẽ không phải bản sao của thập niên 1950. Trẻ em sẽ không gắn bó hoàn toàn với các bà mẹ mà phần nhiều trong đó vẫn đang đi làm. Thay vì thế, họ sẽ gắn mình với một loạt đối tượng luân phiên thay thế cha mẹ (thường là nam giới) đại diện cho cộng đồng. Giống như hậu duệ của kibbutzⁱ được điều hành tốt, Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ lớn lên để trở thành những vị thành niên hòa đồng và có tinh thần tập thể, nhưng sẽ công kích người trưởng thành là nhát nhẽo, chỉ biết nghe lời, và phụ thuộc vào người khác khi đưa ra quyết định.

Trẻ em sẽ bước vào tuổi thiếu niên, tìm kiếm và hành xử tốt hơn trong hàng thập niên trước đây. Cùng vị trí với những “tân sinh viên

i. Khu định cư, hay hợp tác xã (thường là của người Do Thái).

bi thảm” cuối thời kỳ Thức tỉnh trong trang phục tối màu và khắc khổ, nhưng sinh viên năm nhất thân thiện hơn vào cuối Tân rã sẽ mặc các màu sắc tươi sáng và vui tươi. Động lực mới hướng tới phong cách và hành vi lạc quan sẽ đến từ *áp lực đồng đẳng* – cụm từ mang theo một ý nghĩa mới tích cực vào thập niên 2000. Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ kiểm soát bản thân và kiên quyết làm giảm thói hư tật xấu ở vị thành niên. Tình yêu tuổi thanh niên sẽ trở nên bớt xác thịt mà lãng mạn và gần gũi hơn. Khi không còn *Rơi vào bẫy tình*, thanh thiếu niên sẽ tránh quan hệ tình dục sớm (và không được bảo vệ), tỉ lệ nạo phá thai vị thành niên sẽ giảm, chỉ ít người trong số đó có thai, và việc nhận con nuôi hoặc hôn nhân sẽ trở nên phổ biến hơn trong họ. Say rượu và cờ bạc tuổi thanh thiếu niên sẽ giảm. Cũng như những đứa trẻ 12 tuổi ngày nay đang làm các chuyên gia bối rối bằng cách chống lại tội phạm và thói quen sử dụng cocaine của những người tiền nhiệm thuộc Thế hệ Thứ 13 (với tỉ lệ vị thành niên giết người giảm 15% chỉ trong năm 1995), thanh thiếu niên Thiên niên kỷ sẽ chứng minh là các nhà tội phạm học ngày nay đã sai lầm khi thống nhất dự đoán rằng Mỹ sẽ chứng kiến một làn sóng bạo lực thanh thiếu niên mới. Ngược lại, tội phạm trẻ sẽ giảm. Một số băng nhóm trẻ sẽ dần chuyển hướng năng lượng của họ từ việc gây thương tích cho người khác sang việc cùng nhau thực thi một trật tự công cộng đặc biệt. Những thành viên Thiên niên kỷ bước ra ngoài ranh giới sẽ bị xử lý nhanh chóng. Không giống như tội phạm Thế hệ Thứ 13 đang già đi (nhiều người trong đó sẽ bị xếp xó và lãng quên), Thiên niên kỷ nghiêm trang sẽ đặt mục tiêu làm họ phải xấu hổ, cải thiện và đưa họ trở lại khuôn khổ.

Thế hệ này sẽ tạo dựng danh tiếng là thế hệ đạt được và vượt xa kỳ vọng của người lớn. Năm 1990, ba thử thách lớn được đưa ra cho học sinh lớp 3 của Mỹ: Tiến sĩ Koop đã kêu gọi Lớp người sinh năm 2000 này hãy là những học sinh tốt nghiệp trung học tránh xa ma túy, thuốc lá, và bệnh tình dục hơn cả những thế hệ đi trước họ; Tổng thống Bush

thì kêu gọi họ tốt nghiệp “với thứ hạng cao nhất trên thế giới về thành tựu toán học và khoa học”; và Dự án Mỹ Phi 2000 kêu gọi nam sinh lớn lên như “những hình mẫu người da đen tiêu biểu với tính kiên định, tích cực, và có học thức” cho trẻ em noi theo. Trẻ em Thiên niên kỷ sẽ làm mọi điều đó, và còn hơn nữa. Khoảng năm 2000, các tuần báo của Mỹ sẽ đăng những câu chuyện trang bìa khen ngợi giới trẻ Mỹ – ca tụng họ ngày càng quan tâm đến công việc hiện tại, điểm năng khiếu cao hơn, những việc làm cộng đồng tốt đẹp, một nền văn hóa thanh thiếu niên mới lành mạnh hơn (và được tiêu chuẩn hóa).

Đến cuối thời kỳ Tan rã, người Mỹ trưởng thành sẽ xem tuổi 25 là thông minh và 40 là bỏ đi – sự đảo ngược nhận thức so với cuối Thức tỉnh. Những trở ngại đối với hạnh phúc hiện tại và tương lai của thế hệ này sẽ không được dung thứ. Với trẻ em Thiên niên kỷ giống như kẻ thất bại trong thị trường tự do, người lớn sẽ yêu cầu sửa chữa. Tình trạng nghèo túng ở thanh thiếu niên sẽ thúc đẩy một nền chính trị mới về giai tầng. Trường đại học sẽ phải chịu áp lực giữ nguyên mức học phí và nợ nần sinh viên, các khoa phải đưa giảng dạy lên trước nghiên cứu, người sử dụng lao động phải đào tạo nghề, lao động lớn tuổi phải nhường đường cho người trẻ.

Thế hệ Bùng nổ đang già đi sẽ nhìn thấy trong Thế hệ Thiên niên kỷ một công cụ mạnh mẽ để hiện thực hóa các giá trị và tầm nhìn của họ trong thế kỷ 21. “Hy vọng lớn lao của tôi,” William Damon viết trong cuốn *Greater Expectations* (Tạm dịch: Kỳ vọng vĩ đại hơn), “là chúng tôi thật sự có thể xây dựng lại cộng đồng chúng ta trên đất nước này xoay quanh các con mình.” Những đảng viên Dân chủ sẽ cho rằng giới trẻ là lý do để mở rộng chính phủ, và đảng viên Cộng hòa thì cho đó là lý do để gột sạch nền văn hóa. Ngày càng có nhiều lời kêu gọi về một chương trình quốc gia dịch vụ thanh thiếu niên bắt buộc bằng mọi giá. Những người ủng hộ nợ công (và chi tiêu công có lợi cho người già hơn là người trẻ) sẽ ngày càng ít bị cáo buộc

lạm dụng tài chính từ một thế hệ mới vẻ vang gồm các công dân trẻ. Những tranh luận về ngân sách liên bang trước đây sẽ càng trở nên cấp bách hơn.

Khi mà trẻ em Thế hệ Bùng nổ đi đến kết luận rằng thế giới người lớn thiếu văn hóa nhưng vẫn hoạt động tốt, thì trẻ em Thiên niên kỷ sẽ đi đến một kết quả ngược lại: người lớn hiểu được giá trị đủ tốt, nhưng không biết làm thế nào để áp dụng chúng vào đời sống hoạt động cho xã hội. Họ sẽ đến tuổi bầu cử với nhận thức sâu sắc về sức mạnh tiềm năng của mình để thỏa mãn nhu cầu này. Họ sẽ tổ chức những cuộc tụ họp thanh thiếu niên lớn và tạo ra số lượng cử tri hùng hậu. Một nhóm nhà hoạt động trường đại học sẽ tập hợp nhau lại không phải để chống đối giới lãnh đạo quốc gia, mà để thúc giục họ tiến hành những bước đi táo bạo hơn. Bắt đầu với cuộc bầu cử năm 2000, khi các thành viên Thế hệ Thiên niên kỷ đầu tiên đi bỏ phiếu, bất kỳ điều gì được coi là một rào cản với tương lai của họ sẽ khuấy động những tranh luận chính trị sôi sục.

Chủ nghĩa lạc quan người lớn đang được xây dựng từng ngày xoay quanh thế hệ này. Quảng cáo về vũ trụ nhấn mạnh trẻ em Thế hệ Thiên niên kỷ với tư cách phi hành gia sẽ xây dựng và vận hành các trạm không gian lớn đầu tiên. Trong một cuộc thi toàn cầu vào giữa thập niên 1990, học sinh tiểu học Mỹ đứng thứ hai (và các bé gái Mỹ đứng đầu) về kỹ năng đọc, khiến Hillary Clinton ca ngợi những đứa trẻ này là “thông minh nhất thế giới.” Năm 1995, kênh *National Geographic* ra mắt một Đại sảnh Danh vọng trẻ em hoàn toàn mới (cho trẻ từ 14 tuổi trở xuống), là nơi “tôn vinh những tin tức tốt, ghi nhận và khen thưởng những điều tuyệt vời mà trẻ em đã làm được” – lời khen ngợi mà người Mỹ hiếm khi tặng cho Thế hệ Thứ 13 ở thời kỳ Thức tỉnh.

Đến thập niên 2000, người Mỹ sẽ nghe thấy những cuộc nói chuyện liên tục về chủ nghĩa anh hùng vừa chớm của tuổi trẻ. Trong một quảng cáo vôi nước Kohler trên tivi năm 1996, một người cha Thế hệ Bùng nổ

đây râu ria kéo đưa con ướn sùng ra từ bồn tắm, xúc dầu tắm cho nó và gọi nó là “vua.” Đến đoạn quảng cáo sau đó về tương lai, người cha râu đã bạc, và đưa trẻ bước ra khỏi bụi phát biểu trong lễ tốt nghiệp, nhưng lời tuyên bố vẫn giống y nguyên. Tờ *Arizona Republic* gần đây đã hỏi học sinh tiểu học rằng chúng muốn cải thiện thế giới như thế nào. “Chúng ta nên bắt đầu bây giờ,” một cậu bé 11 tuổi nói. “Trồng mỗi ngày một cái cây. Tập hợp các nhóm với nhau.” Các em có thể làm nên sự khác biệt? “Em biết điều đó. Em cảm nhận được nó,” một cô bé vui vẻ nói. “Em tin vào mình vì cha mẹ và thầy cô của em tin.”

TIẾN TỚI BƯỚC CHUYỂN THỨ TƯ

Trước đó hàng năm trời, một kế hoạch đã được lên sẵn cho một cuộc vui hoành tráng ăn mừng thời khắc chuyển sang năm 2000. Một số người tham dự cuộc vui sẽ nghe thấy lời tiên tri của Nostradamus được đọc trong bóng tối của các kim tự tháp tại Giza. Những người khác sẽ lên một chiếc máy bay Concorde thuê riêng ngay sau lúc nửa đêm, và nhìn lại quãng thời gian từ thiên niên kỷ 3 về thiên niên kỷ 2. Nhưng một khi những việc làm hoa mỹ kết thúc và các túi đồ đã mở, người Mỹ sẽ đến với một hiện thực đau buồn: Những ngày đầu tiên của thiên niên kỷ mới sẽ đem lại ấn tượng và cảm nhận như những ngày cuối đời của một người lớn tuổi.

Một năm sau, kèn sẽ thổi điệu Zarathustra đánh dấu buổi bình minh năm 2001, khi kỷ nguyên thiên niên kỷ mới của lịch sử thật sự bắt đầu. Rồi vẫn vậy, năm này vẫn mang đến những tin tức tương tự về những cuộc Chiến tranh Văn hóa, hỗn loạn xã hội, và bế tắc chính trị. Không có nhiều thay đổi.

Tâm trạng của giai đoạn đầu thập niên 2000 sẽ rất giống với ngày nay, ngoại trừ việc bồn chồn hơn. Đây sẽ là những năm của kiểm tra thực tế, của các lo lắng về vấn đề hoàn vốn quốc gia đang dần xuất hiện khi người Mỹ thuộc mọi lứa tuổi bắt đầu tập trung vào

sự chuẩn bị nghèo nàn của họ và của chính phủ cho tương lai. Mọi người sẽ không còn phủ nhận rằng quyền cá nhân của thời kỳ Tan rã đã dẫn đến hành vi chống đối xã hội và mức độ nguy hiểm của sự tan rã thể chế. Các tác hại (đặc biệt với giới trẻ) giờ đây bị coi là đã dồn nén nguy hiểm tới nỗi cần phải có một thay đổi cơ bản thực sự để đưa đất nước trở lại đúng chiều hướng. Thảo luận ngày nay về sự bất lực của chính quyền trong việc huy động trừ trường hợp khẩn cấp – mà một số người gọi là “hội chứng Trân Châu cảng” – đã trở thành một lời sáo rỗng nhàm chán. Nhiều người sẽ bắt đầu ủng hộ hết lòng cho điều gì đó trọng đại sẽ xảy ra, điều gì đó đủ tồi tệ để gây sốc và đưa xã hội ra khỏi sự chán nản này. Đảng chính trị cầm quyền sẽ nhấn mạnh những tin tức tốt đẹp và khẳng định rằng mọi thứ chưa bao giờ tuyệt vời hơn – nhưng đảng không có quyền lực (và bất kỳ nhóm riêng biệt nào nhận ra rằng mình đang thua trong những cuộc Chiến tranh Văn hóa) sẽ khuyến cáo chống lại, và thể hiện thái độ chào đón một thảm họa nơi đường chân trời.

Tâm trạng cuối thời kỳ Tan rã sẽ có cảm giác khá đối lập với những năm đóng cửa (Biên giới Mới) của Lạc quan Mỹ. Lúc đó, các thiết chế đang đạt đến sức mạnh tối đa. Dù sao thì việc xóa đói nghèo hay đưa con người lên Mặt trăng đã chứng tỏ đất nước hoàn toàn có thể đạt đến những khái niệm vĩ đại nhất. Song vào khoảng năm 1960, dưới cái bóng của giới Thiết lập, người Mỹ bắt đầu bức mình với sự cũ kỹ của nền văn hóa. Đến giữa thập niên 2000, các thiết chế đi đến chỗ yếu nhất, chủ nghĩa cá nhân đạt sức mạnh tối đa, và ngay cả những nhiệm vụ công đơn giản nhất dường như cũng vượt quá khả năng của chính phủ. Khi bức tường của các nhóm riêng biệt ngày càng cao, người ta sẽ phàn nàn không ngừng về chuyện tất cả những nhóm khác tồi tệ ra sao. Những sự cách biệt lớn sẽ ngăn cách người giàu với người nghèo, người da trắng với người da đen, người nhập cư với người bản địa, người thế tục với người cải đạo, người đam mê

công nghệ và người không thích công nghệ. Mỹ sẽ cảm thấy tính sắc tộc rõ ràng hơn. Thật vậy, nhiều người sẽ đặt câu hỏi liệu 50 bang và hàng tá nền văn hóa sắc tộc có còn mang lại ý nghĩa nào đó như một quốc gia – và nếu có, thì liệu quốc gia đó có tương lai hay không.

Trong đầu thập niên 2000, các thiết chế có vẻ kết nối ngoại vi với nhau một cách cực kỳ phức tạp và khắt khe, nhưng cốt lõi lại trống rỗng. Các cá nhân sẽ cảm thấy hoàn toàn không liên quan đến những thay đổi ngẫu nhiên ngày này qua ngày khác của tự nhiên và chính quyền dân sự, nhưng cũng dễ bị tổn thương do những thảm họa tồi tệ nhất mà số phận có thể tạo ra. Với các ngón tay mềm mại xoa vuốt từ những trung tâm công nghệ tại nhà mình, hàng triệu người sẽ đặt bánh pizza giao tại nhà, thực hiện giao dịch tài chính, và đảm bảo bí mật cho ổ cứng. Nhưng họ sẽ nhận thức sâu sắc rằng “cá nhân được trao quyền” của thời kỳ Tan rã sống sót trên các nền tảng mong manh nhất – mà chỉ với một cơn sóng thần, toàn bộ quần đảo gồm những hòn đảo người bé nhỏ ấy có thể chìm xuống biển sâu của sự hỗn loạn xã hội. Nền kinh tế càng phát triển, càng có nhiều người cảm thấy họ sẽ phải mất nhiều hơn, và tệ hơn cả sẽ là nỗi lo lắng của cả quốc gia.

Trong khi đó, lễ hội văn hóa của thời kỳ Tan rã cũng chạy đua theo, nhanh hơn bao giờ hết, võ vụn và điên cuồng hơn bao giờ hết, với những món đồ trang sức những hình xăm những câu chuyện tào lao và những lễ hội âm nhạc Lollapalooza ồn ào hơn bao giờ hết. Công chúng sẽ chìm đắm hơn bao giờ hết vào những gì mà Tom Peters gọi là *The Pursuit of Wow!* (Tạm dịch: Sự theo đuổi điều kinh ngạc), cho đến khi rốt cuộc sự nhiệt tình còn lại sẽ được tóm gọn trong hai từ: *yeah, đúng*.

Người già và người trẻ sẽ lúng túng với những thứ có cảm giác giống như dành cho cha mẹ và ông bà họ, ở một thời đại xa xôi còn trong trí nhớ, để từng sống giữa một xã hội kiểu như một cộng đồng quốc gia. Họ sẽ khao khát tái tạo điều này, để đưa Mỹ hợp lại với nhau một lần nữa. Nhưng không ai biết sẽ thế nào.

Khi Bước chuyển Thứ tư đến gần, mỗi thế hệ sẽ quan sát các sự kiện từ quan điểm vòng đời của riêng mình. Thế hệ Im lặng, gần 80 tuổi, sẽ chìm trong đau khổ sâu sắc. Thế hệ Bùng nổ 60 tuổi sẽ nghiên ngẫm về sự bất lực của mình để áp đặt một chương trình thanh lọc. Bị chia rẽ thành nhiều phần, Thế hệ Thứ 13 sẽ tìm con đường cá nhân để khiến những điều bé nhỏ có tác dụng trong môi trường hỗn loạn. Các thành viên Thế hệ Thiên niên kỷ đầu tiên sẽ đến tuổi trưởng thành giữa lời tán dương của người lớn tuổi, vốn coi họ là hiện thân của niềm hy vọng về đổi mới xã hội. Những vấn đề của thời thơ ấu giờ đây đã được giải quyết, một thế hệ trẻ em mới sẽ bắt đầu xuất hiện mà hầu như không hề có dự báo trước.

Mỗi thế hệ sẽ cho thấy các dấu hiệu thay đổi rõ ràng. Khi tiến gần đến ranh giới của giai đoạn cuộc đời tiếp theo, mỗi thế hệ sẽ không muốn cư xử giống như thế hệ trước đã làm. Thế hệ Bùng nổ sẽ không còn tâm trí nào tiếp tục tính đa cảm, tự ti, và bị ngoại cảnh chi phối. Thế hệ Thứ 13 sẽ không muốn trở thành người hay tranh cãi và phán xét. Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ tha thiết muốn xóa bỏ sự xa cách đầy hoài nghi của giới trẻ. Phụ huynh sẽ bị miễn cưỡng khi phải tiếp tục thay đổi những gì mà ngày nay được coi là một kiểu bảo vệ chấp nhận được trong việc nuôi dạy.

Vào cuối thời kỳ Tan rã, vai trò giai đoạn cuộc sống của mỗi nguyên mẫu đạt đến một khuynh hướng mới:

- *Thế hệ Nghệ sĩ lão niên*, giờ đây tỏ ra do dự hơn là thận trọng, bắt đầu cản trở lịch trình giá trị của Thế hệ Tiên tri.
- *Thế hệ Tiên tri trung niên*, vốn tràn đầy sự ngạo mạn về quyền lực, giờ đây trở nên thiếu kiên nhẫn trong việc dẫn dắt xã hội hướng tới sự chuyển đổi tinh thần ngày càng sâu sắc hơn.
- *Thế hệ Du cư trẻ*, mệt mỏi vì lòng kiêu hãnh không được thỏa mãn, giờ đây khao khát được ổn định và củng cố các rào cản xã hội.

- *Thế hệ Anh hùng thơ ấu*, dưới sự che chở của người lớn vốn lo sợ về tương lai, bắt đầu cảm nhận một thách thức hết sức thể tục ngay tại trung tâm viễn cảnh của Thế hệ Tiên tri.

Đến đầu thập niên 2000, khi bốn nguyên mẫu thế hệ này chiếm trọn các giai đoạn vòng đời, họ sẽ sẵn sàng khẳng định vai trò xã hội mới. Hành vi của họ ở thời kỳ Tan rã không thể và sẽ không tiếp tục. Tâm trạng xã hội sẽ trở nên già nua, kiệt quệ, sẵn sàng cho một điều khác. Người Mỹ sẽ thấy là quá đủ trước những vẻ quyến rũ hào nhoáng và ồn ào, trò giải trí âm ỉ của cuộc sống như thể không có ngày mai. Linh tính về điểm gở sẽ càng rõ ràng hơn, và những dòng chảy tinh thần sẽ tăng tối hơn. Cho dù có nhận ra hay không, chúng ta cũng sẽ sẵn sàng cho một sự kiện đầy kịch tính để đưa đất nước ra khỏi sự tự mãn và tình trạng phân rã của chính nó.

Bước chuyển Thứ tư sẽ đến rất gần.

CHƯƠNG 9

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN THỨ TU TRONG LỊCH SỬ

“Vào lúc ấy, có điều gì đó đã diễn ra với Mỹ,” Thượng nghị sĩ Mỹ Daniel Inouye nhớ lại nhân kỷ niệm V-J Day năm 1995, ngày cuối cùng trong chuỗi ngày kỷ niệm 50 năm Thế chiến II. “Tôi không đủ khôn ngoan để biết điều đó là gì. Nhưng đó là sức mạnh kỳ lạ mà các tổ phụ lập quốc của chúng ta đã trải qua trong những ngày đầu lập quốc đầy mong lung. Hãy gọi đó là Tinh thần Mỹ, một tinh thần đã đoàn kết và thôi thúc nhân dân ta.” Inouye tiếp tục với hoài niệm về một thời đại khi quốc gia này không coi trở ngại nào là quá lớn, không coi thách thức nào là quá vĩ đại, không coi mục tiêu nào là quá xa vời, không coi sự hy sinh nào là quá sâu sắc. Nửa thế kỷ sau, tinh thần xưa cũ ấy đã tiêu tan từ lâu, và không ai dưới 70 tuổi còn nhớ được cảm giác ấy thế nào. Khi Joe Dawson diễn lại cảnh nhảy dù xuống Normandy vào D-Day, ông nói rằng mình làm thế “để cho chúng ta thấy rằng đã có một thời gian đất nước này cùng tiến về phía trước như một khối thống nhất.”

Trong bối cảnh những năm bắt đầu từ sự kiện Trân Châu cảng tới V-J Day, các cuộc tranh luận bị lãng quên, những ý tưởng được nạp đầy năng lượng, và các tổ chức yếu kém được hồi sinh cho những mục đích mới khẩn cấp. Ở nhà hay trong quân đội, tinh thần làm việc

nhóm và kỷ luật đều mạnh mẽ lạ thường. Bất kỳ ai nghi ngờ, phản nản hoặc bẻ cong các quy tắc đều khiến đồng đội, đồng nghiệp, hay hàng xóm của họ phẫn nộ. Mọi người nhìn vào đại biểu dân cử của mình như những hình mẫu đạo đức. Năm 1943, tác giả cuốn *The Hero in History* (Tạm dịch: Anh hùng trong lịch sử) đã mô tả thời đại lúc ấy là tràn ngập những lãnh đạo xứng đáng với danh hiệu “con người vĩ đại trong lịch sử.” Mọi người cũng tràn đầy hy vọng, kể cả khi đối mặt với nghịch cảnh khủng khiếp. “Trong suốt mùa hè năm 1940, với việc Pháp bị nghiền nát và Anh thì ngàn cân treo sợi tóc,” David Gelernter viết, cuộc thăm dò của Roper cho thấy “một đa số đẹp đẽ, 43% so với 36%, lạc quan về ‘tương lai của nền văn minh.’” Được truyền năng lượng bởi sự lãnh đạo đầy tầm nhìn và hy vọng của người đi sau, Mỹ đã có được một chiến thắng tuyệt đẹp.

Với việc người dân đoàn kết như vậy, thời kỳ đó đã thiết lập một trật tự dân sự mới mạnh mẽ, đầy đủ các thiết chế công cộng mới, thỏa thuận kinh tế, liên minh chính trị, và hiệp ước toàn cầu, nhiều trong số đó vẫn được duy trì cho đến nay. Thời kỳ đó còn tạo ra một tâm lý chấp nhận nghiêm ngặt đối với sự hủy diệt nhưng cũng đồng thời cần cho sự tiến bộ của con người. Hoàn toàn không giống với hôm nay, đó là thời điểm chiến đấu để kết thúc chiến tranh, khi một tổng thống có thể ra lệnh cho một thế hệ trẻ được đánh giá cao hành quân ra trận với lời cảnh báo rằng một trong ba người sẽ không trở về, khi các nhà khoa học khôn ngoan nhất và thông minh nhất của Mỹ tạo ra vũ khí hủy diệt hàng loạt, khi kẻ thù tưởng tượng trong nước bị dồn vào trong các trại tuyệt phủ, khi quân đội kẻ thù bị tiêu diệt và chỉ huy của chúng bị treo cổ. Thật vậy, trong khi Tinh thần Mỹ thân yêu này vang vọng với ký ức ấm áp từ khoảng cách nửa thế kỷ, đó cũng là một thời kỳ của những hình thái biến động xã hội thô bạo, độc ác, thậm chí chết chóc.

Các cựu chiến binh lớn tuổi ngày nay nhớ lại thời kỳ đó một cách triu mến nhưng có chọn lọc: Họ muốn khôi phục sự đoàn kết và tinh thần phi ngã của nó, mà không phải tàn sát. Vậy làm thế nào? Cách duy nhất họ thấy là *quay lại*, thứ mà Bob Dole gọi là “cầu nối” đến một quá khứ tốt đẹp hơn – một nước Mỹ đã tước bỏ những sự hủy hoại gia đình, nền văn hóa mục ruỗng, đánh mất mục đích công dân đã tồn tại trong năm thập niên qua. Một nhiệm vụ như vậy có vẻ vô vọng vì đúng là thế.

Giống như tự nhiên, lịch sử có đầy đủ các quy trình nên không thể xảy ra theo chiều ngược lại. Cũng giống như định luật entropyⁱ không cho phép một con chim bay giạt lùi, hay các giọt nước hợp lại ở đỉnh của một thác nước, lịch sử không có nút tua lại. Giống như các mùa trong tự nhiên, nó chỉ di chuyển về phía trước. Entropy của *saeculum* không thể bị đảo ngược. Một thời kỳ Tan rã không thể quay lại một Thức tỉnh, hoặc chuyển tiếp đến một Lạc quan mà không có một Khủng hoảng xen giữa.

Tinh thần Mỹ đến một lần trong một *saeculum*, chỉ khi thông qua những gì người cổ đại gọi là *ekpyrosis*, thời điểm rực lửa tự nhiên của cái chết và sự gián đoạn. Những kỷ nguyên Khủng hoảng định kỳ của lịch sử đốt cháy trật tự xã hội cũ và cho ra đời một trật tự mới.

Bước chuyển Thứ tư là một kỷ nguyên đông chí của bóng tối cực đại, trong đó cung về trật tự xã hội vẫn đang giảm nhưng cầu về trật tự lại đang tăng lên. Nó là mùa đông của *saeculum*, thời gian của thử thách. Vào mùa đông, William Cullen Bryant viết, “Những ngày u sầu đang đến, buồn nhất trong năm, / Trong gió rít, rừng cây trơ trụi, và những đồng cỏ màu nâu tàn úa.” Tự nhiên đòi khoản thanh toán chết

i. Định luật vật lý về nhiệt động lực, nói về mức độ hỗn loạn của các phân tử có thể thay đổi tùy theo trạng thái của vật chất, và chính xác hơn, tùy theo nhiệt độ của vật chất. Đại lượng đo mức độ hỗn loạn vô trật tự của các phân tử được gọi là entropy.

chóc và phân loại không thương xót thành người sống sót và kẻ bị hủy diệt. Niềm vui rút đi, bão tố gây tổn thương, vờ vịt lộ diện, và cứng cỏi được đền đáp – tất cả trong một mùa (Victor Hugo nói) “biển nước của thiên đường và trái tim của con người thành đá.” Đây là thời điểm của lửa cháy và băng giá, của bóng tối miền địa cực và chân trời trắng nhợt ánh sáng. Những gì không bị giết thì gợi nhớ về cái chết. Những gì không bị thương thì gợi nhớ về đau đớn. Trong “mùa tuyết” của Swinburne, đó là “Ánh sáng thua cuộc, đêm tối chiến thắng.”

Giống như mùa đông của tự nhiên sớm đến ngày đông chí, Bước chuyển Thứ tư đi qua điểm thấp nhất trong trật tự công cộng ngay từ đầu. Cũng như những ngày lạnh nhất của mùa đông là những ngày nắng kéo dài, những năm khắc nghiệt (và ít hy vọng) của một thời kỳ Khủng hoảng là những năm phục hưng của quyền lực công. Điều này liên quan đến một sự thay đổi cơ bản trong quán tính xã hội: Ở thời kỳ Tan rã, việc loại bỏ mỗi lớp dân sự lại đưa đến nhu cầu loại bỏ nhiều lớp hơn nữa; ở Khủng hoảng, mỗi lần thực thi quyền lực dân sự mới lại tạo ra một nhu cầu nhận thức đối với việc *thêm vào* các lớp.

Khi bản năng cộng đồng được tái tạo, người ta quyết tâm làm nhiều hơn so với việc chỉ giảm nhẹ các triệu chứng của chấn thương sắp xảy ra. Với ý định giải quyết các nguyên nhân gốc rễ, họ tái khám phá giá trị của sự đoàn kết, tinh thần đồng đội, và kỷ luật xã hội. Hơn lúc nào hết, người ta tuân thủ thẩm quyền, chấp nhận sự cần thiết phải hy sinh vì cộng đồng, và rũ bỏ những gì không liên quan đến nhu cầu sống còn của cộng đồng. Đây là một ngưỡng quan trọng: Người ta hoặc là kết hợp lại như một quốc gia và một nền văn hóa, hoặc tách ra một cách vô vọng và vĩnh viễn xa nhau.

HÌNH THÁI CỦA CÁC THỜI KỲ KHỦNG HOẢNG

Những Bước chuyển Thứ tư đã đưa ra các điểm bước chuyển lớn trong di sản của người Mỹ gốc Anh. Tính từ thế kỷ 15, đã có sáu Bước

chuyển Thứ tư. Mỗi Bước chuyển Thứ tư lại tạo ra thời kỳ Khủng hoảng riêng của nó và một bản sao tinh thần an bình mà những cựu chiến binh Thế chiến II ngày nay đang già đi nhớ lại đầy sinh động. Từ những điểm tương đồng của các thời đại này, một hình thái có thể được xây dựng:

- Một thời kỳ Khủng hoảng bắt đầu với một *chất xúc tác* – một sự kiện sững sốt (hay một chuỗi sự kiện) tạo ra một sự thay đổi tâm trạng đột ngột.
- Khi được xúc tác, một xã hội đạt tới *sự tái sinh* – một phản entropy mới tái thống nhất và tái truyền năng lượng cho đời sống dân sự.
- Xã hội được tái sinh này tiến tới một *đỉnh điểm* – một thời điểm quan trọng khẳng định cái chết của trật tự cũ và sự ra đời của trật tự mới.
- Đỉnh của đỉnh điểm là một *kết cục* – một kết luận chiến thắng hoặc bi thảm ngăn cách người thắng với kẻ bại, giải quyết những câu hỏi lớn của cộng đồng, và thiết lập trật tự mới.

Hình thái Khủng hoảng này xảy ra trong khoảng thời gian của một bước chuyển, (trừ Nội chiến Mỹ) có nghĩa là khoảng 15-25 năm trôi qua giữa sự xúc tác và quyết tâm. Tái sinh thường diễn ra từ một đến năm năm sau khi thời kỳ bắt đầu, đỉnh điểm thường xảy ra từ một đến năm năm trước khi thời kỳ kết thúc.

Mỗi Bước chuyển Thứ tư bắt đầu với một sự kiện *xúc tác* chấm dứt tâm trạng thời kỳ Tan rã và giải phóng tâm trạng Khủng hoảng. Chương 4 đã giải thích những tia lửa lịch sử – các sự kiện bất ngờ và đáng kinh ngạc – có thể xuất hiện trong bất kỳ bước chuyển nào ra sao. Một số tia lửa không châm ngòi cho điều gì. Một số lại bùng lên ngắn ngủi và sau đó lụi tắt. Một số có tác dụng quan trọng nhưng để lại những vấn đề tiềm ẩn chưa được giải quyết. Số khác lại châm ngòi

cho các cuộc đại hỏa hoạn. Tia lửa nào châm ngòi cho điều này? Chỉ nghiên cứu các tia lửa lịch sử không thôi sẽ chẳng giúp trả lời được câu hỏi này, bởi chúng là gì không quan trọng bằng việc một xã hội phản ứng với chúng ra sao. Phản ứng đó phần lớn được xác định bởi mùa của *saeculum* – nói cách khác, bởi chúng nằm trong bước chuyển nào. Các tia lửa trong một thời kỳ Lạc quan có xu hướng củng cố cảm giác an toàn; trong một Thức tỉnh, đó là việc tranh luận; trong một Tan rã, đó là sự lo lắng. Khi Bước chuyển Thứ tư tới, những tia lửa lịch sử gây ra một sự năng động mới đầy khốc liệt của sự hợp lực từ công chúng.

Chất xúc tác có thể là một tia lửa, hoặc phổ biến hơn là một loạt tia lửa tự cháy như pháo nổ truyền thống của người Trung Hoa đánh dấu những sự kết thúc của vòng tròn thời gian. Mỗi một tia lửa được liên kết với một mối đe dọa cụ thể đặc thù về điều mà xã hội đã được thông báo đầy đủ nhưng lại tự bảo vệ mình rất kém. Sau đó, trước thực tế là những tia lửa này *có thể dự đoán* nhưng hầu như *không thể thấy trước* đã đưa đến một cảm giác cấp bách mới về sự rối loạn chức năng thiết chế và tổn thương dân sự. Điều này đánh dấu sự khởi đầu của đường xoắn ốc chóng mặt trong thời kỳ Khủng hoảng.

Ngay khi tâm trạng mới này được xúc tác đầy đủ, một xã hội bắt đầu quá trình *tái sinh*, một bức vẽ tập thể về bất kỳ định nghĩa nào về cộng đồng có sẵn lúc đó. Từ các mảnh vỡ của thời kỳ Tan rã, một đặc tính dân sự mới nảy sinh. Một tập hợp các lý tưởng thời kỳ hậu Thức tỉnh chiếm ưu thế hơn những lý tưởng khác. Mọi người không còn dung thứ cho sự suy yếu của các tổ chức, sự nát vụn của nền văn hóa, và sự cá nhân hóa hành vi hằng ngày nữa. Sự tò mò về tâm linh giảm bớt, cách cư xử trở nên truyền thống, và văn hóa được khai thác như sự tuyên truyền cho mục đích công khai củng cố các hành vi tốt. Lịch sử cho thấy, khoảng một đến ba năm sau xúc tác ban đầu, mọi người bắt đầu thừa nhận sức mạnh tổng hợp mới này trong đời sống cộng đồng

và bắt đầu thay mặt chính phủ để thực thi nó. Hành động tập thể giờ đây được xem là quan trọng để giải quyết các vấn đề cơ bản nhất của xã hội.

Với các đặc tính dân sự giờ đây có khả năng tạo ra những hành động dân sự, một động lực mới có tính đe dọa và phản ứng bắt đầu bén rễ. Thay vì xem nhẹ các vấn đề, giới lãnh đạo bắt đầu phóng đại chúng lên. Thay vì trì hoãn việc giải quyết, họ lại đẩy nhanh chúng. Thay vì chấp nhận sự đa dạng, họ lại đòi hỏi sự đồng thuận. Thay vì thuyết phục dân chúng với lời hứa về sự hy sinh tối thiểu, họ lại triệu tập dân chúng với những cảnh báo về sự hy sinh tối đa. Các nhà lãnh đạo truyền năng lượng cho mỗi thiết chế có sẵn và hướng chúng đến sự sống còn của cộng đồng. Được tiếp thêm sức như vậy, xã hội bắt đầu tự đẩy nó vào một quỹ đạo mà không ai lường trước được trước khi có sự kiện xúc tác. Các vấn đề xã hội trong thời kỳ Tan rã đã đặt ra những tình huống tiến thoái lưỡng nan đầy khó khăn, giờ đây dường như có một giải pháp đơn giản nhưng lại đòi hỏi cao. Một quyết tâm mới đối với các mục tiêu cộng đồng khẩn cấp đã lấn át e ngại về những phương tiện công cộng có vấn đề.

Tâm trạng thời kỳ Khủng hoảng không đảm bảo rằng các chính sách cai trị mới sẽ được thiết kế tốt hoặc sẽ có hiệu quả như dự định. Ngược lại, thời kỳ Khủng hoảng có đầy rẫy những sự lãnh đạo sai lầm và quản lý bừa bãi – từ sự kém cỏi của Tổng thống Lincoln trong việc lựa chọn tướng lĩnh đến sai lầm to lớn của Tổng thống Roosevelt với các cơ quan có tên gọi như món súp chữ cái gồm những AAA, NRA, và WPA.

Điều làm nên một thời kỳ Khủng hoảng đặc biệt là việc công chúng sẵn sàng để cho các nhà lãnh đạo dẫn dắt ngay cả khi họ run rẩy, và để cho các cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm quyền ngay cả khi chúng phạm sai lầm. Giữa sự đoàn kết dân sự này, các nhà lãnh đạo tâm thường có thể đạt được sự ủng hộ vô cùng to lớn; các chính

sách tôi có thể trở nên hiệu quả (hoặc ít nhất được cảm nhận là có tác dụng); và như tại Trân Châu cảng, thậm chí một thất bại ngoạn mục cũng không làm suy yếu sự ủng hộ từ cộng đồng. Các lựa chọn chính sách tốt nhanh chóng mang lại kết quả. (Ngược lại, trong một thời kỳ Thức tỉnh, ngay cả những nhà lãnh đạo giỏi nhất và các kế hoạch tốt nhất cũng có thể thất bại, và một bước đi sai lầm có thể phá hủy lòng tin của cộng đồng.)

Cuộc sống riêng tư cũng có những biến đổi chưa từng có. Cá nhân, giờ đây đã không quan trọng bằng tập thể, phải tuân thủ các tiêu chuẩn mới về đạo đức của Bước chuyển Thứ tư. Trật tự gia đình mạnh hơn, bạo lực cá nhân và lạm dụng chất gây nghiện giảm đi. Những ai vẫn cứ hành động vô trách nhiệm và hướng đến cái tôi giờ đây phải đối mặt với sự kỳ thị ghê gớm của cộng đồng, thậm chí là sự trừng phạt. Những xếp đặt theo kiểu kẻ-thắng-được-tất-nhường chỗ cho cơ chế tuân thủ mới về sự chia sẻ xã hội. Các câu hỏi về ai làm việc gì được giải quyết dựa trên sự sống còn, chứ không dựa trên sự công bằng. Điều này dẫn đến một sự phân công lao động mới trong xã hội theo độ tuổi và giới tính. Trong lĩnh vực hoạt động công cộng, người già được mong đợi nhường chỗ cho giới trẻ, nữ giới nhường chỗ cho nam giới. Khi nguy hiểm bủa vây, dự kiến trẻ em được bảo vệ trước rồi mới tới cha mẹ, người mẹ trước rồi mới tới người cha. Mọi xếp đặt xã hội được đánh giá lại theo cách mới; những lời hứa và kỳ vọng trước Khủng hoảng hầu như không còn nghĩa lý gì. Trong khi thời kỳ Tan rã là một kỷ nguyên của cuộc sống cá nhân với nhịp độ nhanh trên nền tảng của sự bế tắc chung, thì trong Khủng hoảng nhịp độ cuộc sống hằng ngày có vẻ chậm lại còn những biến động chính trị và xã hội lại tăng tốc.

Khi xã hội đến gần *đỉnh điểm* của Khủng hoảng, nó đã đạt đến điểm tối đa của sức mạnh dân sự. Trong khi hệ thống giá trị mới đã từng biện minh cho sự giận dữ cá nhân, thì giờ đây nó lại biện minh

cho sự giận dữ cộng đồng. Chiến tranh có khả năng xảy ra hơn và là cuộc chiến hiệu quả, dứt khoát. Nguy cơ cách mạng lên cao – cũng giống như nguy cơ nội chiến, vì cộng đồng đòi hỏi sự trung thành lớn nhất mà không nhất thiết phải trùng với các ranh giới chính trị (hoặc địa lý). Giới lãnh đạo trở nên có xu hướng xác định kẻ thù về mặt đạo đức hơn, thực thi đức hạnh bằng quân sự, từ chối mọi thỏa hiệp, đưa những lực lượng lớn vào trong nỗ lực ấy, áp đặt các hy sinh nặng nề trên chiến trường và hậu phương, chế tạo các loại vũ khí hủy diệt mạnh nhất mà trí tuệ đương thời có thể tưởng tượng ra, và triển khai các vũ khí đó nếu cần để có được một chiến thắng dài lâu.

Đỉnh điểm Khủng hoảng trong lịch sử loài người tương đương với cơn bão dữ dội của tự nhiên, hút mọi thứ xung quanh vào một vòng xoáy duy nhất có năng lượng dữ dội. Thứ gì không bị quật xuống thì bị tung lên; thứ gì chặn đường đều bị san phẳng. Thường xảy ra vào cuối Bước chuyển Thứ tư, đỉnh điểm ấy tập hợp năng lượng từ sự tích tụ của các nhu cầu chưa được đáp ứng, các hóa đơn chưa được thanh toán, và các vấn đề chưa được giải quyết. Sau đó nó sẽ dành năng lượng đó vào một cuộc biến động có xu hướng và mức độ vượt xa sự hiểu biết trong thời kỳ Tan rã trước đó. Đỉnh điểm ấy làm lung lay một xã hội tới tận gốc rễ, biến đổi các thiết chế của nó, chuyển hướng các mục đích của nó, và để lại dấu ấn suốt đời cho những con người (và những thế hệ) của xã hội ấy. Đỉnh điểm ấy có thể kết thúc trong chiến thắng, hoặc bi kịch, hay một sự kết hợp của cả hai. Dù đó là sự kiện gì và kết quả ra sao, thì xã hội vẫn sẽ đi qua cánh cổng lớn của lịch sử, làm thay đổi cơ bản tiến trình nền văn minh.

Chẳng mấy mà cánh cổng lớn này được bịt kín bởi *kết cục* Khủng hoảng, khi người chiến thắng được ban thưởng còn kẻ thù bị trừng phạt; khi các đế chế hoặc quốc gia được tôi luyện hoặc bị phá hủy; khi các hiệp ước được ký kết và các ranh giới được vẽ lại; và khi hòa bình được chấp nhận, các đội quân hồi hương, cuộc sống lại bắt đầu.

Một chương lớn của lịch sử kết thúc, và chương khác bắt đầu. Theo một ý nghĩa rất hiện thực, một xã hội chết đi, và xã hội khác được sinh ra.

TỪ TAN RÃ ĐẾN KHỦNG HOẢNG

Để hiểu làm thế nào một Bước chuyển Thứ tư có thể phát sinh vào đầu thế kỷ tới, sẽ có ích khi xem xét thời kỳ Tan rã và Khủng hoảng bắt đầu ra sao.

Trước đây đã có sáu Bước chuyển Thứ tư trong dòng dõi người Mỹ gốc Anh, tính từ thế kỷ 15:

- *Những cuộc Chiến tranh Hoa hồng* (1459-1487), *Saeculum* cuối thời trung cổ.
- *Khủng hoảng Armada* (1569-1594), *Saeculum* Cải cách Tin Lành.
- *Cách mạng Vinh quang* (1675-1704), *Saeculum* Tân Thế giới.
- *Cách mạng Mỹ* (1773-1794), *Saeculum* Cách mạng.
- *Nội chiến* (1860-1865), *Saeculum* Nội chiến.
- *Đại suy thoái và Thế chiến II* (1929-1946), *Saeculum* Siêu cường.

Với một ngoại lệ nhỏ là Nội chiến Mỹ, mỗi Bước chuyển Thứ tư tuân theo một hình thái tương tự nhau.

***Saeculum* Siêu cường**

Tới mùa thu năm 1929, Mỹ vẫn còn ở trong một thập niên mà sau đó được gọi là “một kỷ nguyên của sự vô nghĩa kỳ lạ.” Trong suốt thập niên 1920, Mỹ cảm thấy ngày càng hoang vu, cuộc sống hằng ngày được đẩy nhanh hơn bao giờ hết bởi một dòng chảy công nghệ ly kỳ tân tiến, chính phủ ngày càng mất uy tín và lạc lõng, văn hóa bị chia tách một cách vô vọng giữa “booboisie” (đám đông mù quáng) ủng hộ cấm rượu bia và những người tìm kiếm niềm vui đã no xôi chán chè,

công chúng bị lôi cuốn vào thứ mà Hemingway gọi là “hội hè miên man” của người nổi tiếng và mấy chuyện vặt vãnh. “Các cuộc trình diễn trở nên phổ biến hơn, các tòa nhà cao hơn, đạo đức lỏng lẻo hơn, và rượu thì rẻ hơn,... nhưng tất cả những điều này đã không ảnh hưởng nhiều đến niềm vui thú,” Fitzgerald nhận xét vào năm 1926. “Thành phố bị quá tải, thừa mứa, ngu ngốc với những chiếc bánh ngọt và rạp xiếc, và một cách diễn đạt mới, ‘Ồ vậy sao?’ đã tóm tắt mọi nhiệt tình.” Đến cuối thập niên, Frederick Lewis Allen mô tả “tinh thần cộng đồng” đã đạt tới “thời điểm triều rút.” Mọi người đều biết rằng niềm vui và những trò tiêu khiển không thể kéo dài mãi, nhưng không ai có lý do để tin rằng sẽ kết thúc sớm.

Chất xúc tác đã đến vào thứ Ba Đen tối, ngày 29 tháng 10 năm 1929. Sự trừng phạt của thị trường đã được một số người dự báo trước, nhưng phản ứng của công chúng khiến mọi người phải ngạc nhiên. Trong một chuyển biến tâm trạng mà sử gia Allen mô tả là “nhanh chóng đến bối rối,” người Mỹ giờ đây đã nhận ra rằng “một trật tự cũ đang nhường bước cho trật tự mới,” rằng thập niên 1930 “sẽ không phải là một sự lặp lại” của thập niên 1920, rằng sẽ không còn “sự vỡ mộng đau đớn của thời đại lạnh lùng, vụ bê bối dầu, tình trạng tê liệt tinh thần, sự khắc nghiệt của những cuộc vui.” Khi Shipwreck Kelly tụt xuống từ cột cờ của mình, trò lơ tung được coi là giải trí giờ đây bị xem là không thích hợp, ngớ ngẩn, thậm chí đáng xấu hổ. Việc rơi vào suy thoái đã tạo ra thứ mà Allen gọi là “một sự đình chiến” trong “cuộc cách mạng về cư xử và đạo đức.” Khi Luật Cấm rượu kết thúc trong mỗi mẹt, “Cái giá của tội lỗi đã trở nên ổn định ở một mức thấp hơn... Thứ đã rời xa là cảm giác vui thú về những điều cấm kỵ sắp sửa tan vỡ, đạo đức bị biến đổi hoặc tiêu diệt, và toàn bộ quy ước về hành vi luôn thay đổi.” Theo tờ *The New Yorker*, tình dục giờ đây đã trở nên “mệt mỏi như Đồ thể chấp cũ.” Đến năm 1931, với những vấn đề của cuộc sống giờ đây đang ngày càng trở thành hiện

thực rầu rĩ, văn chương về sự lạc lõng mang phong cách thập niên 1920 – cùng với kinh tế học và chính trị về sự phân mảnh – có vẻ đã hoàn toàn lỗi thời.

Trước thời điểm 100 Ngày tại vị của Tổng thống Roosevelt vào mùa xuân năm 1933, sự tái sinh bị lắc lư mạnh. Sản lượng kinh tế quốc gia đã giảm một phần ba, tỉ lệ thất nghiệp lên tới hơn 20%, nhiều ngân hàng bị đóng cửa – nhưng người dân (và các nhà lãnh đạo của họ) vẫn khăng khăng với các nguyên tắc và chính sách vốn chỉ làm cho tình trạng khẩn cấp tồi tệ hơn. Trong diễn văn nhậm chức đầu tiên giữa bầu không khí ảm đạm, Roosevelt cảnh báo người dân mình rằng: “Điều duy nhất chúng ta phải sợ chính là bản thân nỗi sợ hãi,” một nhận xét mà chỉ bốn năm trước thôi sẽ không thể hiểu nổi. Mỹ đã sẵn sàng để xây dựng một trật tự mới, nó truyền cảm hứng cho Tổng thống tuyên bố rằng “suy nghĩ toàn quốc, quy hoạch toàn quốc, và hành động toàn quốc” là “ba yếu tố tối cần thiết” của đời sống cộng đồng. Đến giữa thập niên 1930, Mỹ chìm ngập trong Chính sách Kinh tế Mới của Tổng thống Roosevelt, một cuộc cách mạng chính trị mà gốc rễ đạo đức của nó bắt nguồn từ phong trào Phúc âm Xã hội (Social Gospel) của những thập niên qua. Nửa thập niên sau đó, Trân Châu cảng làm chuyển hướng sự thống nhất quốc gia mới này ra nước ngoài, là lúc những thanh niên mới đây còn mặc đồng phục CCC giờ đã hành quân ra trận chống lại Hitler và Tōjō.

Câu chuyện về suy thoái và thế chiến đã trở nên quá quen thuộc với người Mỹ, đến nỗi người ta không nhận ra đất nước đã tái đoàn kết bất thần và tâm trạng đã thay đổi không ngờ và cơ bản ra sao.

***Saeculum* Nội chiến**

Nội chiến đã xảy đến đột ngột hơn so với suy nghĩ của người Mỹ ngày nay. Cho đến năm 1860, một cuộc chiến tranh vì sự thống nhất chỉ cần được báo trước lơ mơ đã là tốt lắm rồi, và không ai có thể hình

dung ra một thảm kịch trên quy mô của những gì xảy ra sau đó. Trong nhiều thập niên, hầu hết những người Mỹ tự do dựa vào giới lập pháp để tạo dựng các cuộc làm ăn khôn ngoan, giữ cho vấn đề nô lệ được xoa dịu, và ngăn cảm giác khó chịu ở những tầng lớp và khu vực sôi trào lên. Đến đầu thập niên 1850, sự tự tin này bắt đầu suy yếu khi Thế hệ Thỏa hiệp vĩ đại (do bộ ba Clay, Calhoun, và Webster lãnh đạo) bắt đầu rời khỏi đời sống xã hội. Thay vào vị trí của họ là một lứa nhân vật của công chúng gay gắt hơn và tâm linh hơn, vốn không mấy sẵn sàng cùng bước đi trong hòa hợp. “Thời đại ngu si và hẹp hòi. Đàn ông bò, không đi,” John Greenleaf Whittier phàn nàn về thập niên 1850. Tuy nhiên, bên ngoài giới bãi nô cấp tiến, không có tâm trạng phản nộ cho tới cuối thập niên đó. Cuộc đổ máu ở Kansas là một cuộc giao tranh, không phải một cuộc chiến tranh. Vào mùa xuân năm 1857, thậm chí phán quyết trong vụ *Dred Scott* đã mang lại thứ dư thừa như là một vấn đề khô khan về luật tài sản – chứ không phải một vấn đề về cuộc chiến tiềm tàng – gây được sự chú ý của quốc gia.

Mùa hè năm đó, Hinton Helper, một thanh niên vùng Bắc Carolina phản đối chế độ nô lệ, đã xuất bản cuốn *The Impending Crisis of the South* (Tạm dịch: Cuộc khủng hoảng nay mai của miền Nam). Đó là cảnh báo lớn đầu tiên rằng nguy hiểm đang ở phía trước, nhưng lập luận của nó bị bao phủ bởi những con số thống kê và các dự đoán lại không cụ thể. Năm sau đó xuất hiện những ngôn từ sắc nét hơn, khi William Seward trở thành đảng viên Cộng hòa đầu tiên nhìn thấy trước “một cuộc xung đột không thể kìm chế giữa lực lượng phản đối và lực lượng muốn duy trì chế độ nô lệ.” Nhưng quan điểm đó vẫn bị cho là gieo hoang mang mà thôi. Khi Abraham Lincoln đưa ra lời cảnh báo nổi tiếng của ông rằng “một căn nhà bị chia tách thì chính nó không thể đứng vững,” ông đã trả lời câu hỏi “chúng ta đang hướng về đâu” với việc dự đoán rằng “Tôi không mong đợi liên minh giải thể.” Một năm sau, năm 1859, cuộc đột kích của John Brown vào Harpers Ferry

(đặc biệt là phiên tòa xét xử và việc hành quyết Brown sau đó) đã châm ngòi cho nhiệt tình bãi nô lên đến cực điểm. “Sự thay đổi trong trái tim con người lớn lao đến nhường nào!” Wendell Phillips đã phải thốt lên. “Những việc chưa làm, những việc sẽ sớm được thực hiện, phóng chiếu hình hài của chúng xung quanh tôi,” Walt Whitman trầm ngâm về “sự vội vã và sức nóng đến khó tin ấy, cơn sốt ngây ngất lạ kỳ của những giấc mơ.” Mặc dù vậy, cuộc nổi dậy của Brown đã không làm phân cực quan điểm nhiều như những người ủng hộ đang già đi của ông từng hy vọng. Sau đó, quốc gia lại quay về với dòng suy nghĩ miên man ủ rũ mà khét tiếng nhất là thập niên 1850.

Điểm mà không thể quay đầu lại nữa đã đến vào năm sau đó. Khi năm 1860 bắt đầu, cuốn sách của Edmund Ruffin *Anticipations of Future* (Tạm dịch: Tiên lượng Tương lai) đã dự báo về một cuộc chiến đẫm máu (bắt đầu với cuộc tấn công vũ trang vào pháo đài Sumter!), nhưng ông dự đoán rằng cuộc chiến này sẽ bắt đầu vào đêm Giáng sinh năm 1867 – *bảy năm sau*. Trên thực tế, cuộc chiến bắt đầu chỉ một năm sau đó. Tia lửa ấy đi kèm với cuộc bầu cử tổng thống tháng 11, đem lại cho Abraham Lincoln 40% số phiếu phổ thông, đủ để đánh bại một số ứng viên thuộc các đảng khác đã đổ vỡ. Rốt cuộc thì đây là “Tổng thống Cứu rỗi” mà Whitman hình dung. Hai nửa đất nước ngay sau đó đã chuẩn bị cho một cuộc chiến mà Lincoln khẳng định rằng “không ai có thể chống lại.”

Mùa hè tiếp theo, sau cuộc tháo chạy của phe Liên bang tại Bull Run, Khủng hoảng lại tái diễn. Khi Lincoln tuyên bố hôm đó là thứ Hai Đen tối và lệnh cho nửa triệu binh sĩ nhập ngũ ngay lập tức, người Mỹ nhận ra rằng cuộc chiến này sẽ không quynh rũ và đầy đau đớn. Cơ quan chính phủ (cả phe Liên bang và phe Liên minh) bắt đầu cho phép mình hoàn toàn có cái quyền chưa từng có là đánh thuế, bắt buộc quân dịch, đình chỉ các quá trình thích hợp, và áp đặt thiết quân luật trong bối cảnh một lò mồi có tổ chức theo hình xoắn ốc đầy thảm khốc.

Đỉnh điểm đã đến nhanh chóng và man rợ, với trận Gettysburg và vết cắt hủy diệt của Sherman. Kết cục cũng nhanh chóng và man rợ không kém: Năm ngày kể từ trận Appomattox đến vụ ám sát Lincoln đã ghi dấu tuần lễ nhiều biến động đột ngột nhất trong lịch sử Mỹ. Cả nước đoàn kết lại và sửa chữa vấn đề cốt lõi về chế độ nô lệ đã chia rẽ dân tộc, nhưng mặt khác, kết cục ấy vừa giống như một thất bại, vừa giống như một chiến thắng.

Trong *Saeculum* Nội chiến, Bước chuyển Thứ ba và Thứ tư cùng diễn ra trong khoảng thời gian chỉ một thế hệ và không tạo ra nguyên mẫu Anh hùng. Theo mô hình thông thường của lịch sử, chất xúc tác cho Khủng hoảng Nội chiến xảy ra sớm hơn bốn hoặc năm năm và kết thúc cũng sớm hơn gần một thế hệ. Điều này gợi ra câu hỏi: Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như tâm trạng dui đi trong vài năm, trì hoãn giai đoạn Khủng hoảng thêm một cuộc bầu cử tổng thống nữa và sau đó làm cho nó chậm lại? Với tất cả khả năng có thể, vẫn sẽ có một cuộc khủng hoảng về sự thống nhất và giải phóng. Có lẽ vẫn sẽ có một cuộc chiến tranh. Nhưng những động lực thế hệ và hành vi của các nguyên mẫu sẽ có sự khác nhau nào đó. Thế hệ Thỏa hiệp lớn tuổi đây bề tặc sẽ không cùng xuất hiện trong cảnh ấy. Những niềm đam mê khai huyên của Thế hệ Siêu việt sẽ nguội đi đôi chút khi họ có tuổi. Và Thế hệ Vàng son sẽ nhanh chóng hiểu chiến tranh là cơn nguy biến hơn là cuộc thám hiểm. Hãy hình dung những gì có thể đã xảy ra theo một hướng khác ở miền Nam (đã bị tàn phá), về quan hệ chủng tộc (đã trở lại với Jim Crow), về phong trào phụ nữ (đã sụp đổ), Thế hệ Vàng son và Cấp tiến (cả hai đã bị chiến tranh tàn phá nặng nề). Một kịch bản Khủng hoảng như vậy có thể dẫn đến một kết quả mang tính xây dựng hơn.

Kinh nghiệm Nội chiến cung cấp hai bài học: thứ nhất, đó là hình thái của Bước chuyển Thứ tư thừa nhận khả năng tăng tốc, và thứ hai, gia tốc đó có thể làm tăng sự bi thảm của kết cục.

Saeculum Cách mạng

Tâm trạng cách mạng không đến với người dân thuộc địa Bắc Mỹ cho tới mùa đông 1773-1774, khi cơn lốc độc lập đã cận kề họ. Trở lại năm 1765, trong cơn bão tố ngăn ngửi về Đạo luật Tem, thậm chí James Otis dữ dội cũng cảnh báo rằng “không ai ngoài những kẻ nổi loạn, ngu ngốc, hay điên loạn” mới thúc giục việc tách ra khỏi mẫu quốc. Căng thẳng gia tăng trở lại vào năm 1767, khi Đạo luật Thuế Townshend của Nghị viện Anh khiến người dân thuộc địa bắt đầu tổ chức các hoạt động phản kháng (bề ngoài là) bất bạo động và cấm vận hàng hóa xa xỉ tới từ Anh. Nhưng ba năm sau, Nghị viện Anh xuống nước và xóa bỏ hầu hết các loại thuế, chỉ để lại một loại mang tính biểu tượng đối với chè. Mặc dù thuyết định mệnh về sự hoang dại và suy đồi của đời sống xã hội đang phổ biến ở các thuộc địa (dù vẫn chưa bị quy là do “sự đồi bại” của “nước Anh đê tiện”), nhiều người dân thuộc địa đã chào đón thập niên mới với cảm giác rằng có lẽ những điều không vui đã bị cuốn bay rồi. Vào đầu thập niên 1770, người Mỹ vẫn thường gọi Anh là Mẫu quốc. Tới tận năm 1773, các bài phát biểu và bài viết của các nhà lãnh đạo thuộc địa vẫn cho thấy những mong muốn không nhiều lắm (và ít tính dự đoán hơn) về sự đoạn tuyệt đang đến gần.

Rồi vào tháng 12 năm đó, đã xảy ra sự kiện Tiệc trà Boston, chất xúc tác cho một thay đổi lớn lao trong tâm trạng thuộc địa. Sự kiện nối tiếp sự kiện theo phản ứng dây chuyền nhanh chóng. Tháng 3 năm 1774, Nghị viện Anh mất kiên nhẫn đã phê chuẩn các Đạo luật Cưỡng chế để trừng phạt. Vào mùa xuân và mùa thu, người dân thuộc địa đã soạn thảo kế hoạch liên bang, được tổ chức về chính trị và quân sự, và triệu tập Nghị viện Lục địa lần thứ nhất. Nhật ký của Abigail Adams (trước đó vẫn mang tính dàn hòa) giờ đã bận tâm về việc “sửa lại bằng Kiếm” liệu có cắt đứt “sợi dây gập ba đoạn về Thuế, lợi ích, và tình mẫu tử” đã ràng buộc thuộc địa với ngai vàng hay

không. Những người yêu nước cứng rắn (Adams gọi họ là “những người đỏ” với “Tham vọng lây lan”) bắt đầu hàm ý rằng có thể không còn lựa chọn nào khác ngoài việc ly khai toàn diện. Đầu năm tiếp theo, sau những gì mà nhật ký của bà gọi là “ngày 19 tháng 4 khủng khiếp” (Anh tấn công Concord và Lexington), mọi hy vọng hòa giải đã tiêu tan: “Sự chuyên chế, áp bức, và Giết chóc,” bà viết, giờ đây đã “thọc Kiếm vào Lồng ngực chúng ta.” Như những ranh giới được vẽ ra và chọn đứng về bên nào, những người yêu nước ở thuộc địa bắt tay vào một quá trình hành động mà vài năm trước đó bị coi là (kể cả với hầu hết người Mỹ) sự phản bội trắng trợn.

Vào năm 1776, Khủng hoảng lại tiếp tục. Khắp nơi trên thuộc địa, lời kêu gọi đoàn kết và hành động tập thể được truyền cảm hứng bởi những thanh kiếm quả cảm, và nếu cần thiết, được thúc ép bằng việc hạ nhục với nhựa đường và lông chim. Một cuộc đấu tranh vũ trang nhân danh tự do và đức hạnh giờ đây dường như hoàn toàn không thể tránh khỏi, kể cả khi việc ghép nối các vùng thuộc địa bất hòa thành một nước cộng hòa lập hiến còn là một hình ảnh xa vời.

Saeculum Tân Thế giới

Cách mạng Vinh quang cũng diễn ra theo cách vô cùng bất ngờ như vậy. Đầu mùa xuân năm 1675, người dân Mỹ ở thuộc địa nhìn về tương lai lâu dài của họ với dự cảm chẳng lành. Nhiều người lo lắng về sự tranh giành thiếu kiểm soát về đất đai giữa người nhập cư với người bản địa; ít người tin vào chế độ quân chủ được khôi phục ở Anh. Nhưng không có lý do để phải quan ngại ngay lập tức. Tại thời điểm đó, mối quan hệ giữa người dân thuộc địa với người Mỹ bản địa đang được cải thiện, thương mại giữa họ thịnh vượng, và các quyền tự do chính trị của họ được bảo đảm.

Rồi tia lửa chết người của lịch sử đã tới: 24 tháng đã làm đảo ngược thế giới của họ. Nó bắt đầu với nhiều cuộc chiến đồng thời (và

chết chóc) giữa người bản địa với người định cư, trực tiếp dẫn đến mấy cuộc nổi loạn ở Virginia và Maryland cùng với những nỗ lực của Nghị viện Anh cố gắng làm mất hiệu lực các quyền tự do của New England. “Chính vào năm 1676, hơn bất kỳ năm nào khác kể từ ‘thời đói kém,’ những năm đi đầu trong cuộc xâm lược của châu Âu vào Bắc Mỹ, người Anh suýt nữa đã bị đuổi khỏi lục địa,” sử gia Stephen Saunders Webb viết. “Chỉ tính riêng các trận chiến trong năm 1676 – chưa kể những thương vong về người của ‘người anh em Đức vì bệnh dịch hạch,’ mất mùa, và thiệt hại về chăn nuôi – số người chết, theo tỉ lệ dân số, đã nhiều hơn bất kỳ cuộc chiến nào trong lịch sử Mỹ. Năm 1676 đã xóa sổ toàn bộ một thế hệ cư dân ở thuộc địa.”

Tàn nhẫn nhưng kiên quyết, người dân thuộc địa giờ đây đã nhận thức rằng tương lai đậm chất xã hội và chính trị trong thế giới của họ đang ở tình trạng nguy hiểm, và rằng họ đã bị hút vào một vòng xoáy tập thể vượt ngoài tầm kiểm soát của mình. Sau vài năm, Khủng hoảng lại tái diễn. Người dân thuộc địa đã tôi luyện các mối quan hệ cộng đồng cho phép họ đủ sức chống chịu trước những mưu đồ độc tài của Công tước xứ York, người thừa kế gia tộc Stuart. Đỉnh điểm là cuộc cách mạng chính trị năm 1689, giải quyết bằng cuộc chiến toàn cầu giữa Anh với Pháp. Nhưng trong năm 1676, người dân Mỹ ở thuộc địa vẫn chưa biết đến mọi thử thách sắp tới – cũng như không hề biết về một hòa bình nặng ăm sinh ra từ những khó khăn đó.

***Saeculum* Cải cách Tin Lành**

Vào cuối thập niên 1560, người Anh lo lắng về bóng ma của cuộc xung đột tôn giáo và tình trạng bất ổn dân sự. Họ đã phải chịu đựng cả hai trong những thập niên gần đó và lo rằng tương lai cuối cùng sẽ có thể mang tới những thử còn tồi tệ hơn. Nhưng họ không có lý do gì để lo sợ về mối đe dọa nghiêm trọng từ nước ngoài, và triển vọng trước mắt của vương quốc chưa bao giờ lại tươi đẹp hơn thế. Lên ngôi được

một thập niên, Nữ hoàng Elizabeth I đã chứng minh mình là một vị quân chủ gia tộc Tudor được ủng hộ và có năng lực. Bà đã khôi phục ngân quỹ hoàng gia, hàn gắn với Scotland, và chứng tỏ mình là một nhà ngoại giao và quản trị bậc thầy trên mọi mặt trận.

Mùa thu năm 1569, đột ngột có tin về cuộc nổi dậy của người Công giáo do người đồng đảng quyền lực nhất ở lĩnh vực này lãnh đạo. Trong vòng vài tháng, Nữ hoàng bị Giáo hoàng rút phép thông công, và một năm sau đó, bà trở thành mục tiêu của một nỗ lực ám sát từ Tây Ban Nha. Mùa thu năm 1572, Liên đoàn Công giáo trong liên minh Tây Ban Nha đã tàn sát hàng ngàn người Pháp Tin Lành trong Ngày thảm sát St. Bartholomew, và quân lính của Công tước Alba đã nghiền nát một cuộc nổi dậy của người Tin Lành ở Hà Lan. Tin tức từ Địa Trung Hải cho hay Tây Ban Nha đã tiêu diệt hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ. Khắp nơi trên Trái đất, quân đội, tàu bè, và vàng của Tây Ban Nha dường như là bất khuất. Đằng sau bức tường của Tu viện El Escorial, Vua Philip II (chồng cũ người tiền nhiệm của Elizabeth, Nữ hoàng Mary) bắt đầu coi Elizabeth như một cái gai cần được loại bỏ.

Cảm thấy mình bị bao vây bởi sức mạnh vũ trang của một đế chế Công Giáo, Nghị viện Anh được triệu tập sau đó cùng năm đã đoàn kết đằng sau Nữ hoàng của họ. Tâm trạng ảm đạm. Chính trị nhỏ nhen bị lãng quên, các loại thuế mới được áp đặt, các trung đoàn mới được thành lập, các luật thương mại mới được ban hành, và các sự trừng phạt mới được áp đặt. Quá trình tái sinh đang diễn ra, Anh tập hợp và nhóm họp lại. Tâm trạng thời kỳ Khủng hoảng sẽ đạt đến đỉnh điểm và đi 16 năm sau đó – khi hạm đội vĩ đại của Philip II nằm dưới đáy biển.

Saeculum cuối thời Trung cổ

Vào thập niên 1450, một thập niên hoàng hôn của niềm tin và tập quán thời trung cổ, người Anh đã trở nên chán nản. Trong những

năm gần đây, vương quốc của họ đã bị mất hầu như tất cả các vụ mua bán lại khá lớn tại Pháp. Họ cũng phải chịu đựng một vị vua yếu đuối sa vào điên loạn thường xuyên, đồng lõa với những thân thích hoàng gia, một tòa án suy đồi, và một đại dịch rối loạn xã hội – được các cựu chiến binh vũ trang và thất nghiệp trở về từ lục địa lan truyền. Mặc dù vậy, Anh vẫn là một vương quốc tương đối giàu có đang trong thời bình, và không có lý do trước mắt nào để nghi ngờ sức mạnh của gia tộc cầm quyền Lancaster.

Sau đó diễn ra hàng loạt sự kiện hồi mùa thu năm 1459. Những dòng họ quyền lực York và Lancaster – đã luân phiên thù hận, đụng độ, và đàm phán trong nhiều năm – cuối cùng rơi vào một chuỗi trận chiến công khai ngày càng tồi tệ. Chết xúc tác đến vào tháng 11, khi Nghị viện Ma quỷ mà gia tộc Lancaster chiếm đa số đã lên án hầu hết các nhà lãnh đạo của gia tộc York mắc tội phản quốc. Chạy trốn khỏi Anh vào tháng 12, các nhà lãnh đạo đó giờ đây nhận thức được rằng họ không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc quay về và bắt đầu một cuộc chiến toàn diện mà đã nhấn chìm lãnh địa ấy trong 18 tháng tiếp theo. Đến mùa xuân năm 1460, hai bên đã gạt bỏ truyền thống thời trung cổ là hòa đàm trước khi chiến tranh. Cho tới mùa thu, các hiệp sĩ ngã xuống thường bị giết ngay tại chiến trường. Mùa xuân tiếp theo, gia tộc York đánh bại gia tộc Lancaster trong trận Towton. Với gần 40.000 người chết, có thể xếp hạng trận chiến này là chết chóc nhất (theo tỉ lệ dân số) trong những trận chiến của người Anh ở bất kỳ nơi nào trên thế giới.

Với chiến thắng của Edward York trẻ tuổi, quá trình tái sinh bắt đầu, nhưng bạo lực còn lâu mới chấm dứt. Một phần tư thế kỷ sau đó, khi gia tộc cầm quyền cố gắng chạy theo chiếc vương miện đã đổi chủ tới sáu lần, Anh trở lại tình trạng vô chính phủ. Những cuộc Chiến tranh Hoa hồng đã chứng kiến việc giết chóc thường xuyên giữa các quý tộc, việc chiếm đoạt các vùng đất đai giàu có rộng lớn, việc giết hại

các vua chúa và hoàng tử, và những thí nghiệm khẩn cấp trong việc mở rộng chính quyền trung ương – không điều gì trong đó là vĩnh viễn cho đến đỉnh điểm Khủng hoảng năm 1485, khi Henry Tudor thiết lập một vương triều mới.

KHỦNG HOẢNG VÀ LÃNG KÍNH

Khi nghĩ lại, lịch sử nhân loại có vẻ logic, nhưng khi cần dự báo, nó lại là một bí ẩn. Những người viết sử mô tả xã hội giữa hai cuộc chiến giống như dòng chảy từ sau chiến tranh đến trước chiến tranh, như thể con người còn sống vào thời điểm đó biết khi nào sự chuyển tiếp sẽ xảy ra. Đó là một bài tập hữu ích để hình dung chính mình ở giữa Bước chuyển Thứ ba trước đó, khoảng 8-10 năm trước khi nó kết thúc – nói cách khác, ngang bằng với vị trí của Mỹ hiện nay, sâu trong thập niên 1990. Một người có thể lường trước điều gì một cách hợp lý?

Năm 1920, người Mỹ phân cực thành các phe đạo đức đối nghịch, và một tâm trạng truy hoan xa lạ đang dần yên vị. Liệu người ta có thể hình dung được việc nền kinh tế đổ sụp lên đầu một công chúng thiển cận, chấp nhận rủi ro? *Có thể*. Thế còn cuộc suy thoái toàn cầu, biến động chính trị, và cuộc chiến tranh thế giới tồi tệ hơn cuộc chiến tranh vừa rồi? *Không*.

Năm 1850, một sự thỏa hiệp Bắc-Nam mới đã hình thành và Đảng Cộng hòa không tồn tại. Liệu người ta có thể hình dung được việc một đảng mới bắt đầu chủ trương bãi nô năm được Nhà Trắng? *Có thể*. Thế còn một cuộc đổ máu kinh hoàng của quốc gia, một cuộc Nội chiến đẫm máu hơn bất kỳ cuộc chiến tranh nào từng được biết đến trong lịch sử nhân loại? *Không*.

Vào năm 1764, Anh vẫn nuông chiều thuộc địa Tân Thế giới của nó và tránh việc bắt cư dân trả toàn bộ chi phí chiến tranh và cai trị của họ. Liệu người ta có thể hình dung được các loại thuế mới nặng nề và

việc dùng vũ trang nghiền nát những kháng cự lớn? *Có thể*. Thế còn một cuộc chiến giành độc lập, sự liên hiệp của 13 thuộc địa mâu thuẫn lẫn nhau thành một quốc gia mới, và sự thành lập của một nước cộng hòa lập hiến? *Không*.

Mô hình này cũng đúng với ba thời kỳ Tan rã trước. Khoảng năm 1660, 1550, hoặc 1450, người ta có thể hình dung ra những cuộc giao tranh mở màn, nhưng không hình dung được các biến động cuối cùng.

Trong mỗi Bước chuyển Thứ tư trước đây, *có thể thấy trước được chất xúc tác nhưng đỉnh điểm thì không*. Nếu như những người sống vào thời điểm đó áp dụng các hình thái trên đây, họ sẽ không có gì nhiều để nói về chiều hướng cuối cùng của Khủng hoảng, hoặc về kết cục của nó, hoặc về kiểu thế giới mà nó sẽ tạo ra. Nhưng họ đã có thể đưa ra những cảnh báo thuyết phục về việc cánh cổng dẫn tới Khủng hoảng có thể nằm ở đâu – về thời điểm, bản chất, và quy mô của những gì còn ở phía trước.

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN THỨ TƯ VÀ CÁC NGUYÊN MẪU

Nếu như Tinh thần Mỹ đã sẵn sàng cho sự hồi sinh của một *saeculum* đầy đủ sau lần xuất hiện cuối cùng của nó, chúng ta nên hỏi rằng Tại sao? Bằng cách nào? Điều gì khiến một xã hội bốc cháy thành cuộc đại hỏa hoạn?

Chìa khóa nằm ở thành phần của chất xúc tác. Trong hóa học, chất xúc tác giúp cho phản ứng xảy ra, một thành phần làm giảm ngưỡng năng lượng cần thiết để tạo ra phản ứng dây chuyền. Hãy tưởng tượng một ống nghiệm đầy hóa chất có khối lượng, nhiệt độ, và áp suất không đổi (hoặc có lẽ đang dần tăng lên), nhưng chưa thể tạo ra một vụ nổ dù bạn có quẹt lửa vào đó bao nhiêu lần đi nữa. Vì thế, phải có một sự thay đổi nhỏ trong thành phần hóa học, một cái

gì đó kết hợp với những biến số khác có thể làm giảm ngưỡng năng lượng cho việc đánh lửa.

Lịch sử không hề hoài nghi về chất hoạt hóa phản ứng cho một thời kỳ Khủng hoảng: nhóm các nguyên mẫu thế hệ trong Bước chuyển Thứ tư. Một lần trong mỗi *saeculum*, các nguyên mẫu đi đến một sự kết hợp dễ cháy, làm giảm đáng kể ngưỡng năng lượng để một tia lửa lịch sử có thể châm ngòi cho một thời kỳ Khủng hoảng.

Kể từ buổi bình minh của thế giới hiện đại, đã có nhưng chỉ có một nhóm trong Bước chuyển Thứ tư: Thế hệ Tiên tri lớn tuổi, Du cư tuổi trung niên, Anh hùng tuổi mới lớn, và Nghệ sĩ nhỏ tuổi. Suốt một nửa thiên niên kỷ, nhóm đó đã tái diễn năm lần đúng theo cùng một cách, và lần thứ sáu với một thay đổi nhỏ về thời gian và hậu quả. Tập hợp các nguyên mẫu này luôn là một trong những hằng số vĩ đại của lịch sử người Mỹ gốc Anh.

- Trẻ em *Tiên tri* được nuông chiều trong thời kỳ Lạc quan, sinh ra giữa hậu quả của Khủng hoảng, đã kích động Khủng hoảng tiếp theo khi bước vào tuổi già.
- Trẻ em *Du cư* bị bỏ rơi trong thời kỳ Thức tỉnh trở thành những nhà quản trị thực dụng của Khủng hoảng khi sang tuổi trung niên.
- Trẻ em *Anh hùng* được che chở trong thời kỳ Tan rã trở thành những người lính mới lớn đầy sức mạnh trong Khủng hoảng.
- Trẻ em bị ngạt thở trong cuộc Khủng hoảng sau đó đến tuổi trưởng thành là nguyên mẫu *Nghệ sĩ*.

Mấy chương trước đã giải thích những thời kỳ Khủng hoảng định hình các thế hệ ra sao; bây giờ bạn thấy cách mà các thế hệ định hình Khủng hoảng. Điều này giải thích sự liên kết cơ bản giữa các chu kỳ lịch sử và nhịp điệu *saeculum*.

Trong khi tất cả những chuyển giao thế hệ là rất quan trọng trong việc tạo ra một nhóm Bước chuyển Thứ tư, thì sự già đi của Thế hệ Tiên tri là đáng chú ý. Chấn xúc tác Khủng hoảng xảy ra không lâu sau khi nguyên mẫu Tiên tri già nua đạt đến đỉnh cao lãnh đạo xã hội, khi khuynh hướng của họ *ít* bị người khác khống chế nhất. Quá trình tái sinh bắt đầu khi Thế hệ Tiên tri từ bỏ mọi ý tưởng về việc trì hoãn hoặc rút lui và gắn xã hội với diễn trình Khủng hoảng. Đỉnh điểm xảy ra khi Thế hệ Tiên tri dồn hết sự bùng nổ đam mê cuối cùng, ngay trước khi thoái lui khỏi quyền lực một cách nhanh chóng. Kết cục xảy đến, với sự hỗ trợ mang tính biểu tượng của Thế hệ Tiên tri, vào lúc Du cư đang khẳng định sự kiểm soát hoàn toàn.

Trừ Thế hệ Du cư và Anh hùng trong Nội chiến, mỗi thời kỳ khủng hoảng trước đó đều chứng kiến một nguyên mẫu thế hệ bước vào các giai đoạn sống dưới đây: Tiên tri bước vào thời già yếu, Du cư bước vào tuổi trung niên, Anh hùng bước vào tuổi mới lớn, và Nghệ sĩ bước vào thời thơ ấu. Dưới đây là những gì bài học lịch sử về bốn giai đoạn vòng đời (và các nguyên mẫu) theo thứ tự.

- Khi *Thế hệ Tiên tri* đẩy tâm nhìn thay thế Nghệ sĩ bước vào *thời lão niên*, họ hăng hái giải quyết những lựa chọn đạo đức sâu sắc chưa từng có, chuẩn bị sân khấu cho các mục tiêu thế tục của giới trẻ.

Khi Thế hệ Tiên tri bước vào thời lão niên, niềm đam mê của họ đối với nguyên tắc đã vượt quá điểm không thể quay lại. Không còn là cuộc thập tự chinh chủ yếu mang tính biểu tượng của họ; giờ đây họ có được một sự khẩn cấp cho hành động cuối cùng. Khi Khủng hoảng nổ ra, các tranh cãi về văn hóa của họ tập hợp lại xung quanh một tầm nhìn mới của cộng đồng. Trong gia đình, họ tái định nghĩa tuổi già như là trách nhiệm điều hành về tinh thần. Ngoài xã hội rộng

lớn hơn, họ đánh đổi sự bảo đảm về vật chất để lấy thẩm quyền về đạo đức, và chuyển nghị trình chứa những giá trị suốt đời của họ thành các điều răn dạy đòi hỏi sự hy sinh của chính họ và những người khác. Họ tìm kiếm sự vâng phục và tôn trọng cá nhân ở giới trẻ; họ cung cấp cho giới trẻ những cơ hội thể hiện tinh thần anh hùng và đạt được thành tựu không giống với bất kỳ điều gì mà chính họ từng biết đến ở cùng độ tuổi đó.

Kể từ cuối thế kỷ 16, Thế hệ Tiên tri đang già đi đã cung cấp ngọn đuốc về niềm tin cho thế hệ trẻ trong thời đại của những thách thức. Thế hệ Thanh giáo dần lớn tuổi phải đối mặt với cái chết theo cách được sử gia Perry Miller mô tả là “sự lạc quan rộng khắp.” Họ biết rằng thế giới của mình đang dần đi tới thảm họa. Nhưng khi coi thường điều mà họ coi là tâm hồn nông cạn của con cái mình đã trưởng thành, hành động cuối cùng của họ là để lại các tấm gương kiên cường – chống lại những kẻ nổi loạn, các vị vua, và (trên hết) là những kẻ không có niềm tin. Khi Cách mạng Mỹ được xúc tác, người lớn tuổi ngoan cố thời kỳ Thức tỉnh nhanh chóng vươn tới vị trí thống đốc để truyền cảm hứng anh hùng và nguyên rửa sự phản bội. “Hãy để chúng tôi hành động như... những người đàn ông khôn ngoan,” Sam Adams tuyên bố vào năm 1772. Họ cầu nguyện trong khi người khác chiến đấu, thế hệ này đã tạo ra hai vị tổng thống đầu tiên của Nghị viện Lục địa, ban hành các đạo luật xanh biển “tôn giáo đích thực và đạo đức tốt” thành cương lĩnh quốc gia. Thông qua Khủng hoảng Nội chiến, Thế hệ Siêu việt thống trị sự lãnh đạo ở cả Richmond và Washington. “Công cụ chiến tranh không được chọn vì chúng vô hại,” Thaddeus Stevens đã nói lời sấm sét ấy khi ông kêu gọi quân đội Liên minh “biến toàn bộ miền Nam thành gạch vụn.” Và họ đã làm như vậy, tìm kiếm sự cứu rỗi trong những gì vị mục sư Albert Barnes gọi là *The Peaceful Death of the Righteous* (Tạm dịch: Cái chết thanh thản của lẽ phải). Sau đó, Henry Adams trẻ tuổi hơn nhớ lại

mấy cây kèn già nua của chiến tranh và cay đắng nhận xét “Chính người tốt luôn là những người gây hại nhất cho thế giới.”

- Khi *Thế hệ Du cư* đầy thực tế thay thế Tiên tri bước vào *tuổi trung niên*, họ áp dụng sự cứng cỏi và lòng quyết tâm để bảo vệ xã hội trong khi trông chừng những đam mê của giới trẻ.

Nhập cuộc để giành chiến thắng nhưng vẫn vấp vớ ý nghĩ thua cuộc, Thế hệ Du cư bước vào tuổi trung niên với cảm giác kiệt sức. Vẫn buộc phải chấp nhận rủi ro được ăn cả ngã về không trong công việc và đời sống xã hội, họ ngày càng trở nên thận trọng trong cuộc sống gia đình. Trước giờ họ luôn coi tình trạng nới rộng khoảng cách giai cấp, chủng tộc, khu vực, và vai trò giới tính là đương nhiên. Những người có năng lực nhất trong họ nổi lên thành nhân vật của công chúng đầy khôn ngoan, thực dụng, và bóng bẩy. Khi Khủng hoảng nổ ra, họ thấy cuộc sống của mình bị chia rẽ đầy đau đớn giữa trật tự cũ và mới. Nhưng họ vùng lên dữ dội (và đầy hy sinh) trong thời khắc này, có khả năng đưa ra những lựa chọn khó khăn và nhanh chóng mà không cần băn khoăn nhiều về việc người khác nghĩ gì. Để cao tính hiệu quả hơn là sự lý tưởng, Thế hệ Du cư trung niên hun đúc nên một liên minh có hiệu quả với Tiên tri già nua. Tuy nhiên, mọi người ở các lứa tuổi khác khi chỉ trích họ thì rất nhanh, nhưng lại chậm trễ trong việc khen ngợi họ.

Qua nhiều thế kỷ, nguyên mẫu Du cư đã nổi bật trong vai trò của kẻ trung niên du đãng, của kẻ thám hiểm già nua, thích ngao du, và (đôi khi) hư hỏng, luôn tìm cách để hoàn thành công việc: Francis Drake và John Hawkins; Benjamin Church và Jacob Leisler; Robert Rogers và Daniel Boone; Ulysses Grant và Boss Tweed; Huey Long và George Patton. Trong Khủng hoảng Cách mạng Vinh quang, Thế hệ Kỵ sĩ đã thể hiện cả lòng can đảm và sự hào phóng. Bỏ lại những lời cay nghiệt cho người cao niên, họ dàn dựng những cuộc nổi loạn và chịu đựng việc thuế má chiến tranh đầy khắc nghiệt, thứ cần thiết

để đưa các thuộc địa đi qua giờ phút đen tối nhất. Trong Cách mạng Mỹ, những đồng đảng Tự do của George Washington dự kiến sẽ bị treo cổ nếu cuộc nổi dậy thất bại. Họ đã chiến đấu như những người yêu nước khôn ngoan, họ (như Francis Marion “Swamp Fox” bị người Anh kết tội) “sẽ không chiến đấu trong vai trò một Ki-tô hữu hay một quý ông.” Họ đã giành được chiến thắng khó khăn nhất, phạm phải tội phản bội tệ hại nhất trong thời chiến, và sau này đã neo quốc gia mới ấy với một chủ nghĩa hiện thực thận trọng. Những đồng đảng thời kỳ Vàng son của Carnegie, George Armstrong Custer, và John D. Rockefeller, người (khác thường) bước vào tuổi trung niên ngay *sau* Nội chiến, đã chứng tỏ mình là một thế hệ cứng rắn và mạnh mẽ cả trong và sau Khủng hoảng. Đến khi họ trở thành những người mà sử gia Daniel Boorstin gọi là “Những kẻ ra đi và gặt hái” trong cuối thập niên 1860, một số ít có tài sản, trong khi hàng triệu người đã trả một cái giá không thể hồi lại trong những cơ thể, gia đình, và trang trại hoang tàn.

- Khi *Thế hệ Anh hùng* với tinh thần đồng đội thay thế Du cư bước vào *tuổi mới lớn*, họ thách thức sự thất bại chính trị của các chiến dịch do người lớn tuổi lãnh đạo, thúc đẩy một cuộc khủng hoảng thế tục toàn xã hội.

Đến tuổi trưởng thành, Thế hệ Anh hùng phát triển một đặc tính mạnh mẽ về hoạt động mang tính xây dựng, một bộ quy ước tự giám sát lẫn nhau về hành vi trách nhiệm, và một cảm giác áp đảo về cộng đồng thế hệ. Là những người bản năng đã có năng lực và tinh thần đồng đội, họ nghiêng về các mục tiêu xã hội và mối quan hệ con người có thể được xác định rõ ràng. Họ kỳ vọng và tiếp nhận những thách thức từ các thế hệ lớn tuổi hơn. Họ hợp thành nhóm theo mệnh lệnh. Tại đỉnh điểm Khủng hoảng, chủ nghĩa anh hùng của họ dường như có ảnh hưởng lớn tới tương lai tươi sáng hay tăm tối của hậu thế. “Lửa là phép thử của vàng,” Seneca từng nhận xét, “[còn]

nghịch cảnh là phép thử những người đàn ông mạnh mẽ.” Các nam thanh niên tham chiến bởi vì, như xã hội của họ, họ nhận thấy không có lựa chọn nào khác.

Thế hệ Anh hùng cung cấp điểm tựa cho những bước chuyển nổi bật nhất trong lịch sử hiện đại, cho dù đó có là trọng trách của Henry Tudor trẻ tuổi tại Trận Bosworth hay là của những thanh niên Thế hệ Vĩ đại nhất ở bãi biển Omaha. Cotton Mather gọi Cách mạng Vinh quang là “một cuộc cách mạng hạnh phúc.” Theo sử gia T. H. Breen, cuộc Khủng hoảng thuộc địa đó đã “giải tỏa những căng thẳng thế hệ bị đè nén bấy lâu” và gây ra sự chuyển giao chấn động về quyền lực chính trị từ người già cho thế hệ trẻ. “Mọi trò chơi, lọc lừa, thể thốt, dối trá, / Đang trở nên khá lỗi thời,” một bản ballad nổi tiếng của Cách mạng Mỹ đã xướng lên, “Đối với thanh niên hiện đại không vị ngã, / Mọi đam mê vô lối được tung bay.” Trong mắt người già, không gì ngoài sự hoành tráng có thể đến từ những Caesar trẻ tuổi, họ viết nên những tài liệu tuyệt vời, chiến thắng các trận đánh vĩ đại, và truyền sức sống cho các công ước lập hiến vĩ đại. “Tất cả sự vĩ đại của con người trong chúng ta sẽ được phát hiện,” David Humphreys trẻ tuổi nói sau trận Yorktown. Sự tương phản với thế hệ thanh niên trước đó, mà giờ đây là những vị tướng khốn khó của họ, không thể nào sâu sắc hơn.

- Khi *Thế hệ Nghệ sĩ* thay thế Anh hùng bước vào *thời thơ ấu*, họ đã được bảo vệ một cách thái quá trong lúc bất ổn chính trị và người lớn phải hy sinh.

Thế hệ Nghệ sĩ bước vào thời thơ ấu, được vây bọc bởi những người lớn rất nghiêm túc, quyết liệt bảo vệ, thậm chí bao bọc chúng vào một thời điểm khi các sự kiện vĩ đại đang quyết định số phận quốc gia. Trẻ em được kỳ vọng sẽ biết vâng lời, ở ngoài con đường nguy hiểm, và để cho người lớn làm những việc quan trọng. Và chúng đã làm như vậy,

mặc dù chúng không giành được nhiều lời khen ngợi cho việc làm ấy so với thế hệ trước. Mặc dù được đảm bảo về giá trị tập thể của mình, nhưng chúng liên tục bị nhắc nhở rằng nhu cầu cá nhân của chúng ở một ưu tiên thấp chừng nào cộng đồng còn phải vật lộn để tồn tại. Điều này gây ra một sự lo lắng về việc bằng cách nào (hoặc liệu) chúng có thể đáp ứng kỳ vọng của người lớn đầy quyền lực, đang hy sinh quá nhiều nhân danh chúng.

Từ những đồng đảng của Thomas More và Desiderius Erasmus trở đi, các thế hệ góp vào nền văn minh những gì tinh khiết, tinh tế, và cởi mở luôn là những người có tuổi thơ giản dị, bình thường, và khép kín. “Bạn không thể quá cẩn thận trong các vấn đề này,” Cotton Mather nói về sự cần thiết phải “kiềm chế con cái” trong suốt cuộc Khủng hoảng Cách mạng Vinh quang, giữa lúc các đô thị bổ nhiệm những trưởng nhóm “để giải quyết mọi loại mất trật tự trong gia đình mà họ phụ trách.” Dành thời thơ ấu để quan sát người lớn nổi dậy chống lại Vương quyền, Henry Clay cảm thấy “rung chuyển trong cái nôi Cách mạng.” Cậu bé John Quincy Adams vẫn còn nắm tay mẹ khi theo dõi trận Bunker Hill từ một nơi an toàn, và William Henry Harrison trẻ tuổi nhìn những người lính Redcoat dùng gia súc trong nhà để thực hành ngắm mục tiêu. Khi Hiến pháp được soạn thảo, các nhà giáo dục đã đúc khuôn “những đứa trẻ quốc gia” đầu tiên. Trong Nội chiến, trẻ nhỏ đã ngoan ngoãn đến nỗi một người nước ngoài đã nhận xét – trong tương phản sâu sắc với những thập niên trước – về “sự tuân phục tuyệt đối nhất và kỷ luật cứng nhắc nhất phổ biến trong mọi trường học Mỹ” như thế nào. Sự bùng nổ của cuộc sống gia đình phản ánh những gì sử gia trẻ Joseph Kett gọi là “mong muốn của tầng lớp trung lưu Mỹ trong việc đóng kín cuộc sống của họ trước cơn bão đang gào thét bên ngoài” vào giữa thế kỷ.

Khi các nguyên mẫu này lộ diện, một Bước chuyển Thứ tư đã khai thác các mùa cuộc sống để mang lại một sự đổi mới theo mùa của thời gian. Khi làm như vậy, nó mang đến con đường đi qua sự gián đoạn lớn của lịch sử và khép lại vòng tròn đầy đủ của *saeculum*.

Bước chuyển Thứ tư diễn ra khi Tinh thần Mỹ tái xuất hiện, thôi thúc lòng can đảm và sự dũng cảm của dân tộc. Một thời kỳ Khủng hoảng khác đang đến – và sớm thôi. Với lịch sử như là người hướng dẫn chúng ta, chúng ta có thể thấy trước được nhiều thứ có thể xảy ra.

CHƯƠNG 10

TIÊN ĐOÁN VỀ BƯỚC CHUYỂN THỨ TƯ

Một lúc nào đó vào khoảng năm 2005, có thể là trước hoặc sau đó vài năm, Mỹ sẽ bước vào Bước chuyển Thứ tư.

Vào giữa thập niên 2000, xã hội Mỹ sẽ rất khác so với cuối thập niên 1920 khi thời kỳ Khủng hoảng cuối cùng vừa diễn ra. Đất nước sẽ giàu có hơn, mạnh mẽ hơn, sở hữu nhiều công nghệ hơn, với dân số đông hơn và đa dạng hơn, nắm giữ những thứ vũ khí uy lực hơn – nhưng cũng có thể nói tương tự về mọi xã hội trong thời kỳ Tan rã khác so với thời kỳ trước nó. Chúng không được miễn trừ với *saeculum*; và chúng ta cũng vậy.

Một tia lửa sẽ châm ngòi một trạng thái mới. Hôm nay, một tia lửa như thế sẽ bùng cháy nhanh chóng nhưng rồi bị dập tắt, ánh sáng le lói cuối cùng của nó càng khẳng định và tô đậm tư duy của thời kỳ Tan rã. Quãng thời gian này dù sao cũng sẽ thúc đẩy một thời kỳ Khủng hoảng. Khi nhìn lại, có vẻ tia lửa này đáng ngại như một cuộc sụp đổ tài chính, thông thường như một cuộc bầu cử quốc gia, hoặc tầm thường chẳng đáng nói đến như phong trào Tiệc trà. Đó có thể là một thành công nhanh chóng của các sự kiện nhỏ mà sự nguy hiểm, sự thông thường, và sự tầm thường hòa quyện với nhau.

Hãy nhớ rằng chất xúc tác Khủng hoảng có liên quan đến những kịch bản có thể hình dung một cách rõ ràng từ 8-10 năm trước đó. Dựa

trên các xu hướng của thời kỳ Tan rã gần đây, những kịch bản dưới đây có vẻ hợp lý cho khoảng năm 2005:

- Vấp phải cuộc khủng hoảng tài chính, một bang lên tiếng đòi tiền thuế liên bang mà người dân địa phương phải nộp. Coi tuyên bố này là một hành động ly khai, Tổng thống ra phán quyết liên bang. Thống đốc không chịu nhượng bộ. Cảnh sát liên bang thi hành lệnh của tòa án. Những cuộc nổi loạn về thuế tương tự bùng lên ở các bang khác. Đấu giá tín phiếu kho bạc bị hoãn lại. Bạo lực dân quân nổ ra. Khủng bố qua mạng phá hủy cơ sở dữ liệu của Sở Thuế vụ Mỹ. Các lực lượng đặc biệt quốc gia được đặt trong tình trạng báo động. Cần có một Hội nghị Lập hiến mới.
- Một nhóm khủng bố toàn cầu làm nổ tung chiếc máy bay và tuyên bố mình đang sở hữu vũ khí hạt nhân di động. Mỹ và các đồng minh tiến hành một cuộc tấn công phủ đầu. Những kẻ khủng bố đe dọa sẽ trả đũa nhằm vào một thành phố của Mỹ. Nghị viện tuyên bố chiến tranh và cho phép tìm kiếm không giới hạn đến từng ngôi nhà. Những người phản đối cho rằng Tổng thống đã bịa ra tình trạng khẩn cấp vì các mục đích chính trị. Một cuộc đình công toàn quốc được tuyên bố. Vốn nước ngoài chảy khỏi Mỹ.
- Ngân sách liên bang rơi vào bế tắc. Tổng thống và Nghị viện đều từ chối nhượng bộ, khiến cho chính phủ gần như ngưng hoạt động. Tổng thống tuyên bố quyền hạn trong tình trạng khẩn cấp. Nghị viện bãi bỏ quyền lực của Tổng thống. Giá đô-la và trái phiếu giảm mạnh. Tổng thống đe dọa ngừng chi trả an sinh xã hội. Nghị viện từ chối nâng trần nợ. Xuất hiện dấu hiệu vỡ nợ. Phố Wall hoảng loạn.
- Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh thông báo sự lan tràn của một loại vi-rút mới có thể lây nhiễm. Căn bệnh

lan đến những khu vực đông dân cư, giết chết một số người. Nghị viện ban hành các biện pháp kiểm dịch bắt buộc. Tổng thống yêu cầu Vệ binh Quốc gia lập hàng rào phòng bệnh xung quanh những khu vực không an toàn. Các thị trưởng phản đối. Những băng nhóm đô thị chiến đấu với dân quân ngoại thành. Xuất hiện những lời kêu gọi Tổng thống tuyên bố thiết quân luật.

- Tình trạng vô chính phủ gia tăng trên khắp các nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ, thúc đẩy Nga tiến hành tập trận quanh biên giới của mình. Lithuania chìm trong nội chiến. Đàm phán đổ vỡ. Các nhà ngoại giao Mỹ bị bắt và bị công khai chế giễu. Tổng thống cử không quân đưa quân đội đến giải cứu họ và lệnh cho các tàu tiến vào Biển Đen. Iran tuyên bố liên minh với Nga. Giá vàng và dầu tăng cao. Nghị viện tranh luận về việc khôi phục lệnh gọi nhập ngũ.

Rất có thể sẽ chẳng có kịch bản nào trong đó thật sự xảy ra. Tuy nhiên, khả năng *là* chất xúc tác sẽ hoạt động theo một động lực Khủng hoảng cơ bản vốn là nền tảng cho tất cả các kịch bản đó: Một tia lửa ban đầu sẽ kích hoạt phản ứng dây chuyền gồm những động thái quyết liệt và tình trạng khẩn cấp hơn nữa. Các yếu tố cốt lõi của mấy kịch bản này (nợ nần, phân rã xã hội, rối loạn toàn cầu) sẽ quan trọng hơn những chi tiết, sẽ được chất xúc tác đặt cạnh nhau và ghép nối lại theo cách nào đó mà không ai biết được. Nếu những xã hội ngoại quốc cũng đang bước vào một Bước chuyển Thứ tư, điều đó có thể đẩy nhanh phản ứng dây chuyền.

Ở trong và ngoài nước, những sự kiện này sẽ phản ánh vết rách của tấm vải xã hội ở các điểm cực kỳ mong manh – những nơi có vấn đề mà trong thời kỳ Tan rã Mỹ đã lãng quên, chối bỏ, hoặc trì hoãn hành động cần thiết. Nỗi tức giận về “sai lầm chúng ta đã phạm” sẽ chuyển thành những lời kêu gọi hành động, bất chấp rủi ro xã hội tăng

cao. Có vẻ nó sẽ không trở nên tồi tệ hơn để thành một thảm họa thật sự, bởi lẽ đất nước có thể sẽ tìm ra cách ngăn chặn mối nguy hiểm và ổn định tình hình trong một quãng thời gian nhất định. Các cuộc nổi dậy địa phương có thể bị dập tắt, bọn khủng bố thất bại, khủng hoảng tài chính được ngăn chặn, dịch bệnh bị kiểm soát, hoặc cơn sốt chiến tranh hạ nhiệt. Tuy nhiên, ngay cả khi tạm thời ngăn chặn được những hậu quả thảm khốc, Mỹ vẫn sẽ bước vào Bước chuyển Thứ tư.

Tâm trạng mới và những vấn đề phiền toái mới của nó, một cách tự nhiên, sẽ chấm dứt sự sụt giảm lòng tin của người dân trong thời kỳ Tan rã. Trong những năm trước Khủng hoảng, lo ngại về tính thiếu thuyết phục của khế ước xã hội vẫn ngấm ngấm nhưng không ngừng tăng lên. Khi Khủng hoảng bắt đầu, nỗi lo ấy sẽ ồ ạt trỗi dậy, gai góc, và trần trụi. Vốn đã hoài nghi, các cá nhân sẽ cảm thấy sự sinh tồn đòi hỏi họ phải nghi hoặc nhiều hơn nữa. Hành vi này có thể diễn ra ồ ạt thành một vòng xoáy đi xuống đột ngột, một sự sụp đổ của lòng tin xã hội.

Khi ấy, sự sụp đổ này sẽ tấn công thị trường tài chính – và cùng với đó là nền kinh tế. Chủ nghĩa cá nhân hiếu chiến, sự phân rã thể chế, và chủ nghĩa tiêu cực lâu dài chỉ có thể tiếp tục đến đây trước khi một xã hội mất đi độ tin cậy cần có để duy trì phân công lao động và những cam kết dài hạn vốn là chỗ dựa cần thiết cho một nền kinh tế thị trường. Trong suốt thời kỳ Tan rã, mọi người sẽ thích (hoặc ít nhất là chấp nhận) sự phấn khích hơn, nếu có xu hướng bối rối hướng về tính phức tạp của xã hội. Nhưng khi tâm trạng của thời kỳ Khủng hoảng đông đặc lại, người ta sẽ nhận ra một điều không mấy dễ chịu: họ đã trở nên phụ thuộc đầy bất lực vào một ngôi nhà bấp bênh với những giao dịch nặc danh và giấy tờ bảo lãnh. Nhiều người Mỹ sẽ không biết tiền tiết kiệm của mình đang ở đâu, ông chủ mình là ai, lương hưu bao nhiêu, hoặc chính phủ đang hoạt động ra sao. Thời đại này sẽ để lại một thế giới tài chính kiếm lời nhờ buôn chứng khoán và dùng xúc tu: Con

nợ sẽ không biết ai đang nắm giữ giấy nợ của mình, chủ nhà không biết ai sở hữu tài sản thế chấp của mình, các cổ đông không biết ai đang điều hành thị trường chứng khoán – và ngược lại.

Gần như cùng một thời điểm, mỗi thế hệ tiếp cận giai đoạn mới của cuộc đời mình sẽ gióng lên hồi chuông báo động về kinh tế, nhắc nhở mọi người trước sự chuẩn bị hời hợt của đất nước trong thời kỳ Tan rã. Tuổi già của Thế hệ Bùng nổ dần kéo đến, phơi bày những khoản tiết kiệm cá nhân ít ỏi và các cam kết xã hội không bền vững. Thế hệ Thứ 13 sẽ đạt đến thời kỳ thu nhập đỉnh cao được ăn cả ngã về không, để rồi cuối cùng nhận ra rằng không phải tất cả họ đều may mắn thoát khỏi mức thu nhập trung bình trì trệ của mình. Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ đến tuổi đối mặt với các khoản nợ, gánh nặng thuế má, và cơ cấu lương hai bậc mà những thế hệ lớn tuổi giờ đây tuyên bố là không thể chấp nhận được. Khi tất cả các thế hệ này hội thành nhóm trong thời kỳ Khủng hoảng của họ, Tan rã sẽ để lại một chính phủ với những cam kết tài chính quá mức về việc thỏa mãn kỳ vọng của mọi người, đến mức những phản ứng chính thức đầu tiên trước các mối quan tâm mới đều bị xem là thiếu tin cậy. Nỗi sợ hãi tiềm tàng giờ đang trở nên cấp thiết. Sự thừa nhận đầy mỉa mai của thời kỳ Tan rã rằng có thể mọi người không bao giờ nhận lại được gì nhiều từ an sinh xã hội sẽ đọng lại thành một nỗi hoảng loạn mới về chuyện mọi thứ từ tín phiếu Kho bạc, các công cụ thế chấp khác, tới các quỹ tương hỗ đều có thể trở nên đáng ngờ.

Đến một lúc nào đó, tâm lý ngắn hạn thời kỳ Khủng hoảng của Mỹ sẽ bắt kịp các nền tảng dài hạn của hậu Tan rã. Điều này có thể dẫn đến một cuộc Đại hạ giá, một sự sụt giảm nghiêm trọng thị giá của hầu hết các tài sản tài chính và tài sản thực. Sự hạ giá này có thể là một cơn hoảng loạn ngắn ngủi nhưng khủng khiếp, một sự rơi tự do về giá trong thị trường không có người mua. Hoặc nó có thể là một chuỗi các bánh răng cóc giảm tốc liên quan đến những sự kiện chính trị đã lần lượt hạ

gục những cây cột chống đỡ niềm tin còn sót lại của công chúng vào hệ thống. Khi tài sản giảm giá trị, niềm tin sẽ tiếp tục tan rã, khiến cho tài sản mất giá hơn nữa, và cứ thế. Mỗi một lần tài sản trượt giá, việc làm và sản xuất sẽ đem lại cho mỗi thế hệ lý do để lo sợ hơn. Với số tiền tiết kiệm bị mất giá, giới cao tuổi mới sẽ trở nên phụ thuộc hơn vào chính phủ, cũng như chính phủ ít có khả năng chi trả quyền lợi cho họ hơn. Với mức thuế tăng, giới trung niên mới sẽ nhận được số tiền ít hơn thu nhập thời huy hoàng nhất của họ. Tuyển dụng lao động ngày càng ít đi, giới trẻ mới sẽ phải đối mặt với những rào cản còn cao hơn nữa ngăn chặn tương lai của họ.

Chẳng bao lâu, dường như trật tự xã hội cũ của Mỹ đã bị hủy hoại đến mức không thể cứu vãn. Người dân sẽ cảm thấy như thể có một thanh nam châm vừa lướt qua ổ đĩa của xã hội, xóa bỏ khế ước xã hội, quét hết mọi thỏa thuận cũ, tẩy sạch những lời hứa to tát không thể thực hiện mà mọi người đã từng cho là khả thi. Nền kinh tế có thể chạm đến điểm thấp nhất giống như khởi đầu của một sự suy thoái. Với những điểm yếu của Mỹ vừa mới bộc lộ, có thể bùng nổ những đe dọa từ nước ngoài.

Từ điểm trũng và từ những mối nguy hiểm này, dấu hiệu của một khế ước xã hội mới và trật tự dân sự mới sẽ xuất hiện. Trong giai đoạn ban đầu được xây dựng vội vàng này, người dân sẽ không có quyền, nhưng *được phép* đón nhận bất kỳ điều gì họ có từ chính phủ. Điều này sẽ dẫn đến xung đột, khi mọi người tranh đấu để xác lập xem quyền hành này sẽ được sử dụng ở đâu, như thế nào, và do ai. Trận chiến này có thể diễn ra trong hòa bình, liên quan đến các tiến trình chính trị – hoặc mang tính bạo lực, liên quan đến các lực lượng phòng vệ của xã hội và cá nhân. Nhu cầu của công chúng sẽ mang một hình dáng và tính cấp bách mới. Những liên minh chính trị cũ sẽ bị phá vỡ và cái mới được tạo ra, tranh luận sẽ bắt đầu với các điều luật đã làm thay đổi triệt để cán cân giữa quyền và nghĩa vụ cá nhân. Các vấn đề quốc gia sẽ

phá vỡ hoàn toàn sự huyền ảo của thời kỳ Tan rã và ngay lập tức tạo ra cái bóng rõ ràng bao trùm mọi trạng thái hàng ngày của đời sống Mỹ. Các chiến binh văn hóa thời kỳ Tan rã sẽ không còn tấn công các thiết chế quốc gia chủ yếu từ bên ngoài nữa. Đến Bước chuyển Thứ tư, họ sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngay sau quá trình xúc tác, một cuộc bầu cử quốc gia sẽ tạo ra sự tái tổ chức chính trị sâu rộng, khi một phe hoặc liên minh lợi dụng một nhu cầu chung mới cho hành động mang tính quyết định. Đảng Cộng hòa, Đảng Dân chủ, hoặc có lẽ một đảng mới sẽ quyết định phe giành chiến thắng trong cuộc kéo co giữa các đảng phái đã lâu này, kết thúc kỷ nguyên của một chính phủ chia rẽ đã trải qua bốn thập niên của thời kỳ Thức tỉnh và Tan rã. Người chiến thắng giờ đây sẽ có sức mạnh để theo đuổi một lịch trình mạnh mẽ hơn, ít tiếm tiến hơn về điều mà họ đã mơ ước từ lâu và chống lại những gì đối thủ của họ đã cảnh báo. Chế độ mới này tự nó sẽ lên ngôi trong suốt thời kỳ Khủng hoảng. Bất kể ý thức hệ của nó là gì, đường lối lãnh đạo mới sẽ khẳng định quyền lực công và đòi hỏi sự hy sinh cá nhân. Nếu các nhà lãnh đạo đã từng thiên về việc giảm bớt các áp lực xã hội, thì giờ đây họ sẽ *trầm trọng hóa* chúng để yêu cầu sự chú ý của quốc gia. Sự tái sinh này sẽ được tiến hành một cách vững chắc.

Trên lĩnh vực ngoại giao, bản năng Bước chuyển Thứ tư ban đầu của Mỹ sẽ là rời mắt khỏi các nước khác và tập trung toàn bộ năng lượng vào sự ra đời của một trật tự mới trên đất nước mình. Sau đó, bị kích động bởi hành động khiêu khích từ bên ngoài có thật hoặc tưởng tượng, xã hội sẽ trở nên hiếu chiến. Mỹ sẽ *ngày càng* trở nên cô lập hơn hiện tại với sự miễn cưỡng khi phối hợp công việc với quốc gia khác, nhưng lại *ít* cô lập hơn khi nhấn mạnh rằng những lợi ích quốc gia quan trọng thì không thể thỏa hiệp. Tâm trạng Khủng hoảng sẽ che mờ kỳ vọng cho rằng ngoại giao đa phương và việc mở rộng dân chủ toàn cầu có thể giúp thế giới tránh khỏi rắc rối. Kể cả trước

khi xung đột nào đó phát sinh, người ta sẽ cảm thấy bớt lo lắng về khả năng thương vong. Mọi chiến lược cũ thời kỳ Tan rã (tính linh hoạt, sự lén lút, chuyên gia ưu tú, vũ khí ngoài tầm hỏa lực, và mục tiêu tấn công) sẽ được thay thế bằng các chiến lược mới thời kỳ Khủng hoảng (số đông, đe dọa, nghĩa vụ quân sự phổ thông, tấn công trực diện, và toàn thắng) phù hợp hơn với một cuộc chiến vì sự sống còn của người dân. Đến lúc đó, mọi người sẽ nhìn nhận lại thời kỳ Tan rã như là quãng thời gian mà Mỹ phát triển từ một thời kỳ hậu chiến đến một thời kỳ trước chiến tranh.

Trong khi đó, nền kinh tế sẽ phục hồi từ sự đảo chiều đầu tiên và chóng mặt của nó. Cuối thời kỳ Khủng hoảng, với niềm tin, hy vọng, và sự hồi thúc ngày càng cao, hiệu quả và sản xuất thậm chí có thể đạt đến những mức độ chưa từng có. Nhưng sau đó, nền kinh tế sẽ có thay đổi về cơ bản. So với hiện tại, nó sẽ ít phụ thuộc theo kiểu toàn cầu, với những dòng vốn và quy mô thương mại xuyên quốc gia nhỏ hơn. Các doanh nghiệp sẽ tăng phối hợp hóa các thỏa thuận thị trường độc quyền nhóm và người lao động thành lập công đoàn nhiều hơn, có lẽ là dưới cái bóng công khai của chính phủ. Và nó sẽ dành một phần thu nhập lớn hơn để tiết kiệm và đầu tư. Bước chuyển Thứ tư của Mỹ sẽ bắt đầu đặt ra mạng lưới cơ sở hạ tầng của *saeculum* tiếp theo – một vài bản sao công nghệ cao hơn của cao tốc có thu phí, đường sắt, hoặc quốc lộ chính. Vai trò kinh tế của chính phủ sẽ chuyển dịch theo hướng chi tiêu nhiều hơn hẳn cho những cam kết sống còn và tương lai (quốc phòng, công trình công cộng) và ít hơn hẳn cho những cam kết tiện ích và quá khứ (chăm sóc người già, thanh toán nợ). Tổ chức của cả doanh nghiệp lẫn chính phủ sẽ đơn giản đi và tập trung hơn, với ít lớp lang hành chính hơn, ít chức danh công việc hơn, và ít *các loại* hàng hóa và dịch vụ được giao dịch hơn.

Trong khi đó, người Mỹ sẽ sửa chữa sự phân mảnh xã hội và văn hóa của thời kỳ Tan rã bằng cách đòi hỏi sự lựa chọn mà thời đại không

bao giờ cung cấp: lựa chọn mà không bị thúc ép phải lựa chọn. Khi mọi người lại một lần nữa bắt đầu tin tưởng vào nhà chức trách, họ sẽ mong đợi nhà chức trách đó đơn giản hóa các lựa chọn của cuộc sống thường ngày – tại cửa hàng (với nhiều sản phẩm tiêu chuẩn hóa hơn), trên truyền hình (với ít kênh truyền thông), tại văn phòng (với một mức lương và gói lợi ích), và trong các phòng bỏ phiếu (với một đảng chiếm ưu thế). Các thiết chế sẽ ngày càng độc đoán, hạn chế tự do cá nhân, lên án lối hành xử xấu, và làm sạch nền văn hóa. Các tổ chức dân sự mới đây quyền lực sẽ quyết định quyền cá nhân nào đáng được tôn trọng và quyền nào không. Tư pháp hình sự sẽ trở nên mau lẹ và thô bạo, chà đạp lên một số người vô tội để bảo vệ một xã hội đang bị đe dọa và tuyệt vọng khỏi những kẻ đang sợ bị cho là có tội. Người lang thang sẽ được tập trung lại, bệnh tật tinh thần bị tổng giam lại, những khiếu nại hình sự bị bỏ qua, sự hành hình được đẩy nhanh.

Thời gian sẽ trôi qua, có lẽ mất một thập niên nữa, trước khi tâm trạng ngày càng cao này đẩy Mỹ đến một thời điểm trọng đại của Bước chuyển Thứ tư với cơ hội và hiểm nguy: cao trào của thời kỳ Khủng hoảng. Đó sẽ là gì? Hãy nhớ lại từ chương 9: một cao trào đã được tạo thành từ 25 năm trước khi người ta hoàn toàn không lường được. Hãy hình dung chuyện phun trào núi lửa ở một số quốc gia (và có lẽ là toàn cầu), ban đầu dọc theo những dòng kênh của vấn nạn được tạo ra trong thời kỳ Tan rã và tiếp tục lan rộng nhờ chất xúc tác. Cố gắng dự đoán xem lần phun trào này sẽ đi về đâu một khi thoát khỏi các dòng kênh cũng giống như cố gắng dự đoán chính xác đường đứt gãy của một trận động đất. Tất cả những gì bạn biết trước là đôi chút về các thành phần nóng chảy của cao trào, có thể bao gồm những điều sau đây:

- *Vấn nạn kinh tế*, với nợ công không trả được, các quỹ tín thác hợp pháp phá sản, nghèo đói gắn với thất nghiệp, chiến tranh thương mại, thị trường tài chính sụp đổ, và siêu lạm phát (hoặc giảm phát).

- *Vấn nạn xã hội*, với bạo lực bùng lên bởi vấn đề giai cấp, chủng tộc, chủ nghĩa bản địa, hoặc tôn giáo và sự tiếp tay của các băng đảng vũ trang, dân quân bí mật, và lính đánh thuê của các cộng đồng khép kín.
- *Vấn nạn văn hóa*, với các phương tiện truyền thông chìm trong sự sa sút chóng mặt, và một phản ứng dữ dội để ủng hộ kiểm duyệt của nhà nước.
- *Vấn nạn công nghệ*, với chủ nghĩa vô chính phủ ngầm, trùm công nghệ cao, và sự hỗn loạn của thuyết nguồn gốc các loài.
- *Vấn nạn sinh thái*, với sự ô nhiễm không khí, thiếu hụt năng lượng hoặc nước, và các dịch bệnh mới.
- *Vấn nạn chính trị*, với sự sụp đổ thể chế, những cuộc nổi dậy công khai về thuế, quyền lãnh đạo độc đảng, thay đổi lớn về hiến pháp, chủ trương ly khai, chủ nghĩa độc tài, và biên giới quốc gia thay đổi.
- *Vấn nạn quân sự*, với cuộc chiến chống khủng bố hay những hệ thống cai trị nước ngoài trang bị vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Trong Bước chuyển Thứ tư sắp tới, một số thành phần cao trào đó sẽ đóng vai trò nhỏ hoặc không; mấy yếu tố khác sẽ lan tràn dọc theo các con kênh đang dâng trào, tách ra, và hợp nhất theo những cách hoàn toàn không thể lường được. Cuối cùng, mọi vấn đề nhỏ hơn của Mỹ sẽ kết hợp thành một vấn đề lớn. Sự tồn tại của xã hội sẽ bị đe dọa, khi các nhà lãnh đạo dẫn dắt và người dân đi theo. Các vấn đề công cộng sẽ trở nên đơn giản, gói gọn trong khuôn khổ những sự lựa chọn có-không dứt khoát. Mọi người sẽ rời khỏi cái hang trú ngụ để gia nhập các nhóm lỏng ghép, mỗi nhóm phụ thuộc (và tin tưởng) vào những gì mà các nhóm khác thực hiện. Mọi người sẽ chia sẻ niềm hy vọng và sự hy sinh tương tự nhau – và một ý thức mới về bình đẳng xã hội. Những sự phân chia, phức tạp, và yếm thế của thời kỳ Tan rã sẽ chỉ còn là ký

ức xa xôi. Những hình ảnh đầu tiên thoáng qua về một thời đại vàng son mới sẽ xuất hiện: *với điều kiện là chỉ cần xử lý một vấn đề lớn này.*

Các sự kiện mang tính quyết định sẽ xảy ra – chúng khá dàn trải, mạnh mẽ, và lạ lùng đến mức vượt xa cả những giả thuyết ngông cuồng nhất hiện nay. Các sự kiện này sẽ truyền cảm hứng cho các văn kiện và bài phát biểu vĩ đại, các viễn cảnh về một trật tự chính trị mới đang hình thành. Mọi người sẽ khám phá ra một khả năng mà họ chưa bao giờ hình dung được để chiến đấu và hy sinh, để con cháu mình cũng chiến đấu và hy sinh vì một sự nghiệp chung. Tinh thần Mỹ sẽ trở lại, bởi lẽ sẽ không có lựa chọn nào khác.

Do đó người Mỹ sẽ tái hiện thần thoại cổ đại về *ekpyrosis*. Do đó chúng ta sẽ đối mặt với định mệnh của mình ở điểm hẹn tiếp theo.

Nổi lên giữa cao trào của thời kỳ Khủng hoảng này sẽ là một thay đổi vĩ đại của trạng thái hỗn độn, phép lạ của lịch sử nhân loại khi *niềm tin* được tái sinh. Thông qua Bước chuyển Thứ tư, trật tự cũ sẽ mất, nhưng chỉ sau khi đã sinh ra hạt giống ẩn chứa trật tự xã hội mới trong nó. Giữa thời khắc nguy nan nhất, hạt giống ấy sẽ nảy mầm, và một khế ước xã hội mới sẽ bén rễ. Trong một thời gian ngắn, bầu trời Mỹ sẽ thay đổi theo những cách làm lay chuyển lối tư duy của thời kỳ Tan rã hiện nay. “Mọi thứ đều mới và dễ uốn nắn,” Benjamin Rush đã hồ hởi chia sẻ với bạn bè mình ở khi đang ở đỉnh cao của Cách mạng Mỹ. Và mọi thứ sẽ lại như vậy.

Sẽ có triển vọng lớn về thành tựu – hoặc sự phân rã – xã hội vĩ đại. Những phong trào ly khai mới có thể bất thành linh xuất hiện và đạt được mục đích của chúng với tốc độ đáng ngạc nhiên. Kể cả khi quốc gia vẫn đứng đó, thì địa lý của nó có thể có những thay đổi cơ bản, cơ cấu đảng phái thay đổi, Hiến pháp và Tuyên ngôn Nhân quyền bị sửa lại đến mức không còn nhận ra được. Lịch sử thậm chí còn đưa ra cảnh báo nghiêm trọng hơn: Đối đầu vũ trang thường xảy

ra quanh đỉnh điểm của thời kỳ Khủng hoảng. Nếu có đối đầu, có thể dẫn đến chiến tranh. Đó có thể là bất kỳ loại chiến tranh nào – chiến tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, chiến tranh chống lại những kẻ vô chính phủ hay khủng bố toàn cầu, hoặc chiến tranh siêu cường. Nếu có chiến tranh, nó có thể lên đến đỉnh điểm thành chiến tranh tổng lực, đánh nhau cho đến khi bên thua cuộc trở về số không – ý chí tan tành, lãnh thổ bị mất, các nhà lãnh đạo bị bắt giữ. Và nếu có chiến tranh tổng lực, khả năng các loại vũ khí hủy diệt hạng nặng nhất đang có sẽ được triển khai.

Dù có chiến tranh hay không, xã hội Mỹ sẽ đổi khác. Xã hội sau đó có thể tốt hơn, là một quốc gia duy trì được tầm nhìn của Người sáng lập ra nó với một niềm tự hào mới mạnh mẽ. Hoặc có thể trở nên tồi tệ hơn rất nhiều. Bước chuyển Thứ tư sẽ là một thời điểm vinh quang hoặc sụp đổ. Giải pháp của thời kỳ Khủng hoảng là thành lập các thiết chế chính trị, kinh tế, và xã hội mà con cái và thế hệ thừa kế của chúng ta sẽ sống trong nhiều thập niên sau đó. Vừa mới xuất hiện từ sức ép lịch sử, trật tự xã hội mới sẽ xoay quanh tất cả các quyền lực, quy tắc, ranh giới, điều ước, đế quốc, và liên minh mới. Cao trào của thời kỳ Khủng hoảng sẽ ghi dấu trong ký ức xã hội – một ký ức thót tim với tất cả những ai nhớ đến nó với tư cách cá nhân, một điểm then chốt với những ai sinh ra giữa các hậu quả của nó, những huyền thoại và truyền thuyết cho các thế hệ sau này. Và cho dù tốt hơn hay tệ hơn, tất cả những ai sống sót sẽ phải sống cùng kết quả này.

Điều gì sẽ thúc đẩy những sự kiện đó? Khi *saeculum* xoay chuyển, mỗi thế hệ hôm nay sẽ bước vào một giai đoạn mới của cuộc đời, tạo nên một nhóm thời Khủng hoảng của người lớn tuổi Thế hệ Bùng nổ, người trung niên Thứ 13, người mới trưởng thành Thiên niên kỷ, và trẻ em Im lặng mới. Mỗi sự chuyển giao thế hệ sẽ góp phần thay đổi tâm trạng từ thời kỳ Tan rã đến Khủng hoảng.

Khi mỗi nguyên mẫu khẳng định được vai trò xã hội mới của mình, xã hội Mỹ sẽ đạt đến đỉnh cao quyền lực. Những người biết ra lệnh bẩm sinh sẽ là những Tiên tri lớn tuổi, người thực thi mệnh lệnh bẩm sinh là những Anh hùng trẻ tuổi. Các ông chủ đứng đắn sẽ là những Du cư trung niên, và những tâm hồn nhạy cảm là những Nghệ sĩ trẻ em. Không một nhóm nguyên mẫu nào có thể sánh với với lực hút của nhóm [các thế hệ] này – cũng như sức mạnh của nó khi làm đóng băng động lực tự nhiên của lịch sử nhân loại thành mục tiêu dân sự mới. Và không gì có thể sánh với sức mạnh tiềm năng của nó trong việc làm ngưng tụ vô số tranh luận, lo lắng, nhạo báng, và bi quan thành một cơn bão khả huyền.

Hãy nghĩ về tất cả những người thuộc Thế hệ Bùng nổ, Thứ 13, và Thiên niên kỷ mà bạn quen (hoặc biết) hiện nay. Hình dung họ sau 10 đến 30 năm nữa, theo những con đường nguyên mẫu của các thế hệ đi trước trong Bước chuyển Thứ tư trước đó. *Đây* sẽ là nhóm [các thế hệ] thuộc thời kỳ Khủng hoảng tiếp theo của Mỹ, có khả năng đẩy Mỹ đi vào và bước qua cánh cửa lớn tiếp theo trong lịch sử.

THẾ HỆ BÙNG NỔ BƯỚC VÀO TUỔI LÃO NIÊN: NHỮNG QUÁN QUÂN GIÀ

Quay lại năm 1886, “The Evangelization of the World in This Generation” (Tạm dịch: Sự truyền bá Phúc âm trên thế giới ở thế hệ này) từng là phương châm của giới trẻ Mỹ sau Nội chiến. Từ thời thanh niên đến trung niên, những người đồng đảng thuộc Thế hệ Sứ mệnh của Tổng thống Roosevelt đã tìm tòi, rao giảng một Phúc âm Xã hội khổ hạnh, công bố một Hội ái hữu tâm linh, và gạt bỏ những lệnh cấm trên đường đến các cuộc chiến tranh văn hóa thập niên 1920. Đến khi sắp về già, họ ngược nhìn Thế hệ Cấp tiến lớn tuổi hơn vốn đã đặt niềm tin vĩnh cửu vào tài chuyên môn, tính phức tạp, và điều mà Louis Brandeis gọi là “quá trình thử và sai.” Thế hệ Cấp tiến lớn tuổi chiến

đấu liên tục với những mất mát của tuổi tác, G. Stanley Hall ghi nhận làm cách nào những người đồng đẳng với ông có “khả năng và xung lực không được thể hiện chính đáng trong giai đoạn ban đầu... bùng nổ trong thời kỳ trưởng thành – những nốt nhạc thanh cao hòa lẫn với nốt trầm nam tính như trò trẻ con lạ lẫm.”

Khi Thế hệ Sứ mệnh thay thế Cấp tiến bước vào tuổi già, tính cách của người Mỹ lớn tuổi chuyển từ thân thiện và mềm mỏng sang nghiêm khắc và kiên quyết. Sau sự kiện Sụp đổ năm 1929, những người mới chạm ngưỡng lớn tuổi mặc đồ tối màu, đổ đến các nhà thờ và thư viện, tìm kiếm những ví dụ để thuyết phục giới trẻ, theo lời của Vachel Lindsay là “một quốc gia có thể ra đời trong một ngày nếu những lý tưởng của người dân thay đổi.” Khi các nhà thơ và tiểu thuyết gia đầu bạc tham gia vào đời sống chính trị, những vị chủ tịch lớn tuổi Thế hệ Sứ mệnh trở thành người ủng hộ trung thành các nguyên tắc ban đầu. Giới trẻ đến với các bậc cao niên không phải để tìm sự ấm áp và hiểu biết, mà là sự khôn ngoan và lời chỉ dẫn. Yếu về thể chất nhưng mạnh về tư duy, Franklin Roosevelt đã trở thành nhà lãnh đạo mà “giới trẻ đi theo,” như Arthur M. Schlesinger Jr. viết, “khi mà kể từ thời Lincoln họ không hề đi theo một người Mỹ nào.” “Thiên Chúa, Thiên Chúa,” Lyndon Johnson nhớ lại. “Làm sao người có thể cho đó là tất cả chúng con.” Khi thời kỳ Khủng hoảng lên đến đỉnh điểm, như nhà phê bình nghệ thuật 80 tuổi Bernard Berenson đã mô tả, ngay sau Thế chiến II, thế hệ này đã cố gắng mang đến “xã hội nhân văn dưới cái tên Paradise, Elysium, Heaven, Thành phố của Chúa, Thiên niên kỷ, là khao khát của tất cả những người tốt từng tồn tại suốt bốn nghìn năm qua hoặc hơn nữa.”

Đó là lần gần đây nhất nguyên mẫu Tiên tri bước vào một Bước chuyển Thử tư.

Hãy hình dung các cựu chiến binh trong một cuộc diễu hành nhân ngày nghỉ vào cuối thập niên 2010 ghi dấu những buổi lễ kỷ

niệm lần thứ 50 về Chiến tranh Việt Nam. Hầu hết sẽ quên đi sự hình thành nhanh chóng của các hội Shriners trên mấy chiếc xe tay ga sáng màu trong thời kỳ Thức tỉnh. Bị lãng quên còn có các cựu chiến binh từ Chiến tranh Triều Tiên trong thời kỳ Tan rã, đeo huy hiệu có dòng chữ khiêm tốn: Chúng tôi cũng chiến đấu. Thay thế vị trí của họ sẽ là người già thuộc cung Bảo Bình râu ria trong bộ đồ ngủ trang cũ rách, bước đi ngang tàng không theo nhịp, đôi mắt nhìn thấu đám đông với đạo đức chính trực.

“Bạn và tôi đang trên đường đến một ngày hội thu hoạch bất ngờ,” Craig Karpel nói với những người thuộc Thế hệ Bùng nổ của mình. Trong cuốn *The Retirement Myth* (Tạm dịch: Bí mật khi nghỉ hưu), ông ví tuổi già đang đến với thế hệ mình như một cuộc hành trình tới “núi Owl”ⁱ, một “thánh địa nguyên thủy... được lưu giữ từ thời kỳ cổ xưa nhất,” chứa đựng sự khôn ngoan được truyền lại từ “những ngôi làng nơi mù khơi nói với chúng ta qua thiên niên kỷ.”

Phần lớn các nhà lão khoa và nhân khẩu học ngày nay chưa nắm bắt được những gì sắp tới. Cuốn *Age Wave* (Tạm dịch: Làn sóng thời đại) của Ken Dychtwald và *Master Trend* (Tạm dịch: Xu hướng chủ đạo) của Cheryl Russell tạo ấn tượng là Thế hệ Bùng nổ sẽ rất giống những công dân già bận rộn ngày nay, ngoại trừ việc được giáo dục tốt hơn, ích kỷ hơn, và (thật dễ đoán) đông đúc hơn nhiều. Kiểu dự báo này dẫn đến kết luận rằng đầu thế kỷ tiếp theo, các thế hệ trẻ sẽ bị choáng ngợp bởi những cách chữa bệnh kỳ lạ, vận động hành lang cởi mở, người già trẻ hơn tuổi. Để thúc đẩy lối sống tiêu dùng ở người già như thương hiệu Sharper Image của họ, Thế hệ Bùng nổ sẽ phải áp thuế trưng thu với giới trẻ. Nếu điều này xảy ra, đó sẽ là một gánh nặng khổng lồ chết người. Nhưng sẽ không xảy ra.

i. Nghĩa là: “con cú”, hình ảnh ám chỉ buổi hoàng hôn hoặc sự tinh khôn.

Thế hệ Bùng nổ lớn tuổi sẽ trở nên thế nào, có thể thoáng thấy những dấu hiệu đó trong phong trào “lão hóa có ý thức.” Những cuốn sách độc đáo như *From Age-ing to Sage-ing* (Tạm dịch: Từ già nua đến thông thái) nói về “các học viện lão hóa tinh thần” mới, dạy mọi người tham gia vào “tìm kiếm viễn cảnh.” Những “bô lão bộ tộc” mới này cho rằng mình là “người nắm giữ sự thông thái,” phải áp dụng “quyền năng trực giác đang ngủ yên của họ... [để] trở thành những nhà tiên tri mang sự thông thái quay lại với xã hội và dẫn dắt dự án cải tạo lâu dài là chữa lành cho hành tinh bị nguy ngập của chúng ta.” Nhà lão khoa Thế hệ Bùng nổ là Harry Moody nhìn thấy thế kỷ 21 biến thành một “tuổi già trăm mặt” mà sẽ xóa bỏ sự chú ý vào hoạt động hiện nay, thay vào đó là “hơn cả hành động, vì sự sống.” Người lớn tuổi sẽ được coi là giới giang về mặt tinh thần hơn thế hệ sau của họ, vốn “quá bận rộn đến mức không thể tu dưỡng sự tĩnh lặng và nội tâm mà từ đó có thể có được trải nghiệm huyền bí.” Người ta chấp nhận đau đớn và bệnh tật của cơ thể, thậm chí ca ngợi đó là việc làm cần thiết để đốt hết rác rưởi thế gian nhằm đạt được hiểu biết cao hơn. Ngược hẳn với “những người tuổi 80 không giới hạn” thuộc Thế hệ Im lặng của Gail Sheeh đang thi đua với giới trẻ, các nhà hiền triết mới này muốn là người *già* đích thực, là mối liên kết quan trọng trong nền văn minh nhân loại mà nếu không có sự chỉ dẫn của họ thì thế hệ trẻ rất có thể sẽ sa vào chủ nghĩa phạm tục – nhưng khi có họ, giới trẻ có thể tạo ra thứ mà nhà lão khoa David Gutmann gọi là “những huyền thoại mới có thể làm chỗ dựa cho sự tái tạo văn hóa.”

Tương tự, ngành lão khoa Thời đại Mới đang tái khám phá tính tâm linh của quá trình lão hóa ở nữ giới. Trong cuốn *Goddesses in Everywoman* (Tạm dịch: Những nữ thần trong mọi người phụ nữ), Jean Bolen mô tả những buổi tụ họp của phụ nữ đã mãn kinh tham gia các nhóm nghi lễ bí mật. Ngồi thành một vòng tròn thiêng liêng trong “bóng tối tinh khiết,” họ thấp nền để mỗi người tham gia xác

nhận theo truyền thống “người phụ nữ thông thái” như là cái tôi mới của mình. Có những lời bàn về việc tước bỏ ý nghĩa tiêu cực của những từ như *bà già* hay *phụ thủy*, như thể một cơ thể phụ nữ già nua (như Bà Willow trong phim *Pocahontas*) là một dấu hiệu của việc biết phép thuật.

Những tín đồ Tin Lành thuộc Thế hệ Bùng nổ sẽ tham gia tìm kiếm một tuổi già mang tính tâm linh. Những Ki-tô hữu già bảo thủ sẽ mài sắc lời thuyết giảng của họ về thiện và ác, đưa Thiên Chúa cùng lời cầu nguyện vào trong đời sống xã hội, và yêu cầu có nhiều trật tự thiêng liêng hơn trong hoạt động dân sự. Họ sẽ coi là báng bổ đối với nhiều định luật về chu kỳ ủng hộ việc lựa chọn mới trong thời kỳ Tan rã, từ sinh sản có tác động về gen di truyền đến hôn nhân phi truyền thống và trợ tử. Họ sẽ thể tục hóa việc sinh đẻ, kết hôn, và cái chết để tái xác nhận những chuyển đổi cốt lõi của đời sống con người.

Các nhóm văn hóa riêng biệt do Thế hệ Bùng nổ dẫn đầu sẽ chấm dứt phần lớn tranh cãi trong thời kỳ Tan rã và tìm kiếm nền tảng cộng đồng mới. Chủ nghĩa vị chủng sẽ bộc lộ đạo đức dân sự mới trong những đặc điểm chủng tộc. Phong trào Làm cha sẽ mang tính gia trưởng (và nữ quyền mẫu hệ), đòi hỏi và áp đặt các tiêu chuẩn gia đình cũng như cộng đồng. Thành viên tích cực của mấy lực lượng nòng cốt này sẽ bao gồm chỉ một thiểu số bé nhỏ của Thế hệ Bùng nổ già nua, nhưng cũng giống như các hippie và yuppie của Bước chuyển Thứ hai và Thứ ba, họ sẽ thu hút sự chú ý và tạo nên giọng điệu của Bước chuyển Thứ tư. Những ai không thích họ – sẽ có nhiều người như vậy – sẽ không thể tránh khỏi việc nhìn thấy và nghe thấy thông điệp của họ.

Bước vào thời kỳ tuổi già, Thế hệ Bùng nổ sẽ thực hiện những gì họ đã làm trong từng bước đi trước đó của quá trình lão hóa: Họ sẽ phản kháng một thời gian, rồi tham gia, và cuối cùng là tôn vinh nó. Giống như người già Thế hệ Siêu việt (với bộ râu dài như biểu hiện của

sự thông thái), Thế hệ Bùng nổ sẽ tạo nên biểu thị mới tao nhã để thể hiện chứ không phải trốn tránh tuổi tác, in dấu ấn tự nhiên của thời gian. Thay vì cố gắng gây ấn tượng với giới trẻ bằng nhiệt huyết theo kiểu Thế hệ Vĩ đại nhất hoặc sự lạnh lùng theo kiểu Im lặng, người già Bùng nổ sẽ thực hiện điều đó với một sự thanh thản như Thiền, một ý thức cao về thời gian. Nói chậm, đi bộ, và lái xe sẽ trở thành những biểu tượng của trầm tư chứ không phải tuổi già. Lý tưởng về một tuổi già tân tiến sẽ không phải là Thế hệ Vĩ đại nhất năng động và giàu có, hay Im lặng cảm thông và lão luyện, mà là người lớn tuổi sống nội tâm với suy nghĩ sâu sắc, gợi nhớ đến quan điểm của Emerson “Khi chúng ta già đi,... vẻ đẹp ẩn sâu vào bên trong.”

Ngay từ *nghỉ hưu* sẽ mang một ý nghĩa tiêu cực mới, bao hàm sự tiêu dùng ích kỷ và không phù hợp về văn hóa. Mục tiêu của người lớn tuổi sẽ không phải là nghỉ hưu, mà là để *bổ sung* hoặc *suy ngẫm* hoặc *cầu nguyện*. Ngay khái niệm về mọi sự nghỉ hưu cũng sẽ dần biến mất, khi người lớn tuổi theo đuổi sự nghiệp mới cuối đời, thường với những vị trí danh dự uy tín cao nhưng được trả lương thấp (hoặc không lương). Trong học thuật, Thế hệ Bùng nổ sẽ vừa là giáo sư vừa là người hướng dẫn tinh thần của sự tái đổi mới trường đại học. Trong nhà thờ, người lớn tuổi sẽ trình bày các bài thuyết giảng sôi sục trong khi người trưởng thành trẻ tuổi thu tiền, ngược lại với những gì phổ biến hiện nay. Buổi nói chuyện trên đài phát thanh sẽ là pháo đài phản chiếu tuổi già.

Thế hệ Bùng nổ đang già đi sẽ bị thu hút vào những thứ cổ điển. Cuộc tìm kiếm về văn hóa cuối đời của họ sẽ không gợi lên thời kỳ thanh thiếu niên như trong thời đại Thức tỉnh, mà là sự bảo tồn các giá trị ngày càng có vẻ lỗi thời với người khác. Thế hệ Bùng nổ sẽ kịch liệt chống lại các tàn dư văn hóa đại chúng còn sót lại từ thời kỳ Tan rã: phim ảnh bạo lực, trung tâm mua sắm, cửa hàng tiện lợi, những món đồ đóng gói dùng một lần. Dưới sự lãnh đạo của họ, Hollywood

sẽ tạo ra các tiêu chuẩn thị hiếu khi làm phim về văn học, tiểu sử, và lịch sử vĩ đại. Những lũ khách lớn tuổi sẽ tìm về với bản thân và sự khôn ngoan, thích lui về ẩn dật hơn là những chuyến đi vui vẻ, thích thái cực quyền hơn là trò chơi. Những ốc đảo của người lớn tuổi sẽ giống Sedona hơn là Sun City, giống xóm nhỏ thôn quê hơn là chung cư thành phố. Người già ưu tú sẽ tụ lại tại các khu vực gần bó lâu đài với thế hệ này: Bắc California, Tây Bắc Thái Bình Dương, New Mexico, New England.

Người lớn tuổi Thế hệ Bùng nổ sẽ vẫn đặt ra yêu cầu cao cho giới trẻ, nhưng bản chất của những yêu cầu này sẽ rất khác so với những gì người lớn tuổi hiện nay đang đòi hỏi. Trong khi Thế hệ Vĩ đại nhất thời kỳ Thức tỉnh đặt gánh nặng tài chính lên vai giới trẻ, thì Bùng nổ thời kỳ Khủng hoảng sẽ đặt ra gánh nặng văn hóa cho giới trẻ. Họ sẽ đảo ngược khái niệm về tuổi già so với những gì trong trí nhớ từ thời kỳ Thức tỉnh: Trong khi người lớn tuổi Thế hệ Vĩ đại nhất có được phần thưởng thế tục vì đã nhượng lại quyền lực đạo đức, thì Bùng nổ sẽ tìm kiếm điều ngược lại. Theo đó, thế hệ cháu sẽ không tìm đến họ để xin lời khuyên về tài chính (như Vĩ đại nhất trước kia) hoặc hỗ trợ tinh thần (như Im lặng trước kia), mà để được hướng dẫn về mặt lý tưởng và giá trị. Trong mắt người trẻ, Thế hệ Bùng nổ già nua sẽ xuất hiện với hình ảnh rất lập dị. Những gì Thế hệ Bùng nổ xem như là hơi ấm bên trong thì người khác lại thấy lạnh, và những gì họ xem là hoàn hảo về mặt đạo đức đôi khi sẽ bị người khác công kích là đạo đức giả.

Trong Bước chuyển Thứ tư, Thế hệ Bùng nổ có thể sẽ chiếm trọn vòng tròn của một vòng xoắn ốc kinh tế đang đi xuống. Điều này xảy ra một phần do số lượng, nhưng chủ yếu là do vị trí trong lịch sử và tính cách tập thể của họ. Như chuyên gia tài chính David Barker nhận xét, “thế hệ sinh ra trong Sóng K tân tiến không tránh khỏi bị hư hỏng bởi sự giàu có do thế hệ phụ huynh của họ tạo ra, chắc chắn sẽ đẩy hệ

thống đến bờ vực, mà không có kinh nghiệm về sự suy thoái trước đây để mang lại ổn định tài chính và kinh tế.” Sinh ra trong sự giàu có mới của thời kỳ Lạc quan, đến tuổi trưởng thành với đòn bẩy tài chính của Thức tỉnh ở mức mạnh mẽ nhất, nền kinh tế quốc gia trong tuổi già của Thế hệ Bùng nổ sẽ mang lại cho họ một cuộc chơi kết thúc hoàn toàn khác. Do đó, thế hệ lớn tuổi này sẽ bị trách móc vì một thói quen suốt đời là đi rao giảng những đức tính mà chính họ còn không có – thói quen nói nhiều hơn làm. Điều này cũng có ích lợi riêng: Thế hệ Bùng nổ có xu hướng lướt qua một vấn đề cho đến khi rốt cuộc quyết định tập trung hoàn toàn, và khi đó phát hiện đột ngột của họ trở thành vấn đề chẳng kém vấn đề ban đầu là bao. Sớm hay muộn, Thế hệ Bùng nổ lớn tuổi sẽ nhận ra sự thực: đơn giản là sẽ không có tiền để hỗ trợ cho thói quen tiêu dùng thường lệ của họ khi về già. Họ hay quốc gia của họ đều sẽ không tiết kiệm đủ tiền.

Từ phát hiện bất ngờ này, có thể nảy sinh cuộc chơi cuối cùng về thói quen tiêu dùng và tiết kiệm theo vòng đời của Thế hệ Bùng nổ: cuộc Đại mất giá. Sau cùng, Thế hệ Bùng nổ đang già đi sẽ tập trung vào thực tế phũ phàng rằng một nước Mỹ vừa gặp nguy hiểm thật sự không thể (và thế hệ trẻ cũng không) coi trợ cấp tuổi già cho họ là mối ưu tiên công hàng đầu. Điều này sẽ khiến Thế hệ Bùng nổ hốt hoảng bảo vệ số tài sản còn lại của mình. Một số tình huống ngẫu nhiên không lường trước được có thể châm ngòi cho một đợt bán ra ồ ạt trên thị trường, khi các nhà đầu tư già muốn thanh lý cổ phiếu của họ với một phạm vi người mua thu hẹp. Phần lớn khách hàng trong nước sẽ là Thế hệ Thứ 13, có thu nhập thấp và ít tài sản hơn hẳn Bùng nổ, không muốn chấp nhận rủi ro với các thị trường đang chao đảo. Những người nước ngoài sẽ do dự liệu có nên sở hữu thêm tài sản ở Mỹ trong thời kỳ khủng hoảng tài chính chưa được giải quyết hay không, đặc biệt là khi rất nhiều người đang phải đối mặt với vấn đề nhân khẩu tương tự trong chính xã hội của họ. Một cuộc hoảng loạn ngắn ngủi nhưng cao

độ có thể xảy ra. Tiền tiết kiệm hàng năm trời có thể biến mất trong vài ngày, hoặc vài giờ.

Cuộc Đại mất giá có khả năng tấn công Thế hệ Bùng nổ ngay khi những thành viên đầu tiên của họ đến độ tuổi nghỉ hưu chính thức, rất lâu trước khi an sinh xã hội hiện nay lâm vào tình trạng chính thức phá sản. Thật vậy, sự hoảng loạn có thể được thúc đẩy phần nào bởi các lo lắng tài chính đang hình thành từ những người dẫn đầu thuộc Thế hệ Bùng nổ. Điểm sáng có thể xuất hiện khi tư duy tuổi già mới (của nhóm “trẻ em vinh quang” năm 1943) kết hợp với những thực tế mới về nhân khẩu (của nhóm “trẻ em bùng nổ” rộng lớn năm 1946) để đạt đến một con số quan trọng. Điều đó có thể xảy ra một vài năm trước hoặc sau 2005, có lẽ từ 2002 (khi nhóm 1943 đủ 59,5 tuổi, có tài khoản hưu trí cá nhân) đến 2008 (khi nhóm 1946 đủ điều kiện được nhận tiền an sinh xã hội lần đầu ở tuổi 62, độ tuổi mà hơn hai phần ba người Mỹ hiện nay bắt đầu nhận trợ cấp).

Không giống như những người tiền nhiệm, Thế hệ Bùng nổ sẽ xem vấn đề tài chính tuổi già của mình như một mối quan tâm cá nhân hơn là xã hội. Đối với Thế hệ Vĩ đại nhất, an sinh xã hội là một ràng buộc mang tính thế hệ xuyên suốt các chính phủ, những tấm séc hằng tháng của nó là dấu hiệu điển hình thể hiện sự bình đẳng của công dân lớn tuổi. Đối với Thế hệ Im lặng, an sinh xã hội sẽ là một khoản tiền hằng năm theo quy định, mang đến cho họ sự pha trộn giữa hân hoan (vì vừa kịp trót lọt) với tội lỗi (vì là gánh nặng cho con cháu). Đối với Thế hệ Bùng nổ, an sinh xã hội sẽ là đối tượng của thuyết định mệnh và lời mĩa mai. Một số sẽ nhận được, còn một số thì không. Thế hệ Bùng nổ điển hình sẽ sống nhờ vào số tiền ít ỏi từ các chương trình hưu trí như SEP-IRA, Keoghs, 401Ks, trợ cấp liên bang, và các loại lương hưu của công ty với sự khác biệt rất lớn giữa người này và người kia. Với nhiều người, điều đó sẽ giúp ích khá lớn; với nhiều người khác, lại gần như không tác dụng.

Khi thị trường chạm đáy, hàng triệu người thuộc Thế hệ Bùng nổ nhận ra mình đang ở bên bờ vực tuổi già với số tiền tiết kiệm kém xa mong đợi. Họ sẽ ngay lập tức phải giải quyết tình trạng tiêu dùng vật chất lao dốc. Nhiều người không có sự lựa chọn nào khác ngoài sống chung hoặc sống cùng con cái mình đã lớn, đồng thời cố tìm cách duy trì một cuộc sống ý nghĩa bằng số tiền ít ỏi. Một số không có người thân sẽ hình thành “các gia đình có chủ đích,” trong khi những người khác suốt đời xa lánh xóm giềng sẽ tạo nên “các cộng đồng có chủ đích.”

Sau cuộc Đại mất giá, Thế hệ Bùng nổ sẽ tìm được mục tiêu đạo đức mới với mức độ tiêu dùng thấp, bởi lẽ trong thời kỳ Khủng hoảng ở Mỹ, họ sẽ không có lựa chọn nào khác. Nếu thời kỳ Khủng hoảng trước đây chưa từng đóng vai trò xúc tác, thì giờ đã đến lúc. Với những vấn đề cấp bách khác đang đe dọa quốc gia, chi tiêu công cho lợi ích người già sẽ phải giảm đi một cách cần thiết. Tất cả cam kết trước đây trong thời kỳ Tan rã về an sinh xã hội giờ trở nên hão huyền, giống như hầu hết Thế hệ Bùng nổ vẫn thường nghĩ. Điều này sẽ tạo ra một đề tài đạo đức đối với việc phá vỡ những cam kết đó. Sẽ xuất hiện một cuộc tranh luận (nếu có) về việc vẫn tôn trọng cam kết cũ nào và đưa ra cam kết mới nào, trong một Chính sách Kinh tế Mới tiếp theo giữa các thế hệ. Trong khi các Nghị viện thời kỳ Tan rã tranh cãi về tỉ lệ tăng thêm khác biệt 1-2%, thì Nghị viện thời kỳ Khủng hoảng sẽ tranh luận về những sự cắt giảm quy mô lớn. Để duy trì sự phụ thuộc của người già vào người trẻ theo cách của Thế hệ Vĩ đại nhất, Bùng nổ sẽ phải tiến hành cuộc chiến tranh chính trị về con cái Thiên niên kỷ đang trưởng thành của họ. Đó là cuộc chiến họ sẽ không thực hiện – và nếu có thì cũng sẽ thất bại.

Thay vì những cuộc chiến chính trị với các thế hệ khác, Thế hệ Bùng nổ sẽ tham gia vào những cuộc chiến đạo đức giữa họ với nhau. Người có tài sản sẽ buộc tội người khác là vô trách nhiệm và không

chịu tiết kiệm. Người không có tài sản sẽ lên án người khác là ăn bám một trật tự cũ đã mục nát. Các thế hệ trẻ sẽ đồng ý với cả hai lời buộc tội trên. Rốt cuộc, trong thời kỳ Chính sách Kinh tế Mới tiếp theo, tất cả các thành viên Thế hệ Bùng nổ, giàu và nghèo, đều phải trả giá. Nhiều người đã dành cả cuộc đời đóng tiền an sinh xã hội và chăm sóc y tế sẽ gần như không được hưởng lợi vì cuộc sát hạch sự giàu có. Những ai vẫn hưởng trợ cấp xã hội sẽ bị đối xử tệ hơn hẳn so với những gì mà cha mẹ họ thuộc Thế hệ Vĩ đại nhất từng bị. Cuộc tranh luận sẽ xé toạc bất kể thứ gì còn sót lại của các nhà vận động hành lang lớn tuổi mà Thế hệ Vĩ đại nhất đã xây nên trong thời kỳ Thức tỉnh. Hiệp hội Hưu trí Mỹ sẽ chỉ tồn tại bằng cách tự đổi mới mình thành một hội đồng gồm những người lớn tuổi cam kết thúc đẩy nhu cầu của đời sau. Tạp chí *Modern Maturity* sẽ thay đổi phong cách của mình từ u buồn kiểu Im lặng đến cổ điển kiểu Bùng nổ, và thay đổi cái tên để đề cập vấn đề tuổi tác theo cách truyền thống hơn, ít nói giảm nói tránh hơn.

Giai đoạn Chính sách Kinh tế Mới tiếp theo sẽ làm cho các khoản trợ cấp chăm sóc sức khỏe người già của Thế hệ Bùng nổ trở thành một quyết định xã hội được quy định chặt chẽ. Biến sự thiết yếu thành phẩm hạnh, Thế hệ Bùng nổ sẽ cho rằng việc trì hoãn cái chết *không phải* là một quyền xã hội. Nhiều người già sẽ tránh xa bệnh viện công nghệ cao để đến với phương pháp vi lượng đồng căn, tự chăm sóc ở mức tối giản, và những kỹ thuật tâm-thân mà Deepak Chopra gọi là “chữa bệnh lượng tử.” Kỷ nguyên Vĩ đại của các cơ sở chăm sóc sức khỏe mở rộng (với cơ thể vẫn bận rộn nhưng tâm trí nghỉ ngơi) sẽ được thay thế bằng những nơi trú ẩn xưa cũ ít đắt đỏ hơn (với cơ thể nghỉ ngơi nhưng tâm trí lại bận rộn). Mặc dù Thế hệ Bùng nổ có số lượng và tuổi thọ ngày càng tăng – và những công nghệ lúc cuối đời tốn kém cho người già mà y học có thể mang lại sau đó – nhưng khoản tiền trích từ thu nhập quốc gia trong Bước chuyển Thứ tư để chi trả cho việc chăm

sức khỏe người lớn tuổi do liên bang trợ cấp có thể sẽ giảm xuống dưới mức của thời kỳ Tan rã.

Người già Thế hệ Bùng nổ sẽ xây dựng một đạo đức xã hội mới về sự suy tàn và cái chết, giống như thời thanh niên họ đã làm với tình dục và sinh đẻ. Nếu như đặc điểm thời trẻ của họ là buông thả, thì khi về già họ sẽ tập trung tiết chế bản thân. Khi trải qua cảm giác cơ thể mình đối đầu với sự suy tàn và cái chết theo lẽ tự nhiên, họ sẽ mong đợi chính phủ làm điều tương tự. Tuổi già sẽ được xem là quãng thời gian chuyển tiếp và chuẩn bị cho cái chết. Với cùng một năng lượng tinh thần mà họ đã từng tìm hiểu về *thần ái tình*, Thế hệ Bùng nổ giờ đây sẽ khám phá về *thần chết*, thời khắc kết thúc, mà cuốn *Aging As a Spiritual Journey* (Tạm dịch: Già đi là một hành trình tâm linh) cho là “hành trình vượt biển đêm lần cuối” mang lại cho người lớn tuổi “lòng can đảm và sự thấu hiểu để trở nên thông thái với người khác.” Các giả thuyết Big Chill cuối cùng của họ sẽ không mấy tiếc thương bạn đồng hành khi tán dương lời dạy bảo sau cái chết mà linh hồn đã xa lìa của họ vẫn có thể mang lại cho giới trẻ. Nhà tang lễ sẽ giúp người sắp chết chuẩn bị di cảo và CD-ROM để liên hệ mãi mãi với người thừa kế.

Khi đã lấp đầy nhóm tuổi già, Thế hệ Bùng nổ sẽ tin rằng họ là những bậc cao niên, mà theo lời nhà nhân học Joan Halifax, “có vai trò như thợ chữa giày cũ và thợ may, khâu chúng ta trở lại vào tấm vải của tạo hóa.” Họ sẽ cảm nhận được một chiều hướng biến đổi mới của thời gian, cho phép họ tạo ra các huyền thoại và mô hình có thể tôn vinh cộng đồng quốc gia, chữa lành sự rối loạn chức năng của nó, và trao quyền lực đạo đức cho Thế hệ Vàng son tiếp theo. Tính tâm linh mà Thế hệ Bùng nổ vẫn tự hào cao độ về mình lại bị các thế hệ trẻ cho là bằng chứng của sự bất lực. Thái độ coi thường thế giới này của người già bị giới trẻ cho là nguy hiểm. Song, cho dù có nghĩ gì về những sứ giả già nua này, giới trẻ vẫn tôn trọng thông điệp của họ và cùng nhịp bước dưới biểu ngữ của họ.

Do đó, Quán quân Già sẽ xuất hiện một lần nữa.

Tám hoặc chín thập niên sau lần xuất hiện cuối cùng của ông, Mỹ sẽ đón chào sự viếng thăm của “một nhân vật đàn ông cổ xưa... sự kết hợp giữa nhà lãnh đạo với một vị thánh [để] thể hiện tinh thần của cha ông họ.” Sẽ lại xuất hiện người thừa kế của tín đồ Thanh giáo đức hạnh từng đứng lên chống lại Thống đốc Andros, các thống đốc thuộc địa lớn tuổi của Cách mạng Mỹ đã thoát khỏi Anh, những người già cực đoan của cuộc Nội chiến từng đẩy những người anh em chống lại nhau với một “lời kinh Phúc âm nảy lửa khắc trên hàng cột thép sáng bóng,” và “những Isaiahⁱ của Chính sách Kinh tế Mới” đã đến điểm hẹn của mình với số phận.

Quán quân Già đó sẽ đến từ đâu? Hình dung tầng lớp trên của Thế hệ Bùng nổ trong thời kỳ Thức tỉnh già đi sau 20 năm nữa. Hình dung các lá thư kiểu “Consequence and Confrontation” (Hậu quả và đối mặt) của William Bennett; Al Gore dự đoán về một thảm họa môi trường; James Webb tiến hành một cuộc trả đũa “tàn nhẫn và dữ dội” chống lại kẻ thù ngoại quốc; James Fallows truy nguyên một “chấn động kinh tế-ngoại giao mạnh 7,0 độ richter”; “Apocalypse Darman” và “Default Newt” với các thảm họa ngân sách của họ; những kẻ phá hoại ngầm thuộc Earth First (Trái đất trên hết) sẵn sàng vứt bỏ sinh mạng người khác để cứu cây; và những người phản đối phá thai thuộc Army of God (Đội quân của Chúa) hô hào các bệnh nhân nan y “dùng những ngày tháng cuối cùng của mình để thiêu rụi các phòng khám.” Việc hình dung về Thế hệ Bùng nổ như vậy, lớn tuổi hơn và khắc nghiệt hơn, mà bất kỳ bậc cao niên nào cũng không thể xoa dịu, khiến lần cuối cùng họ cảm nhận được trọn vẹn sức mạnh, cảm nhận được cái chết đang đến với mình, thực hiện hành trình cuối cùng của mình – vào cùng thời điểm với hiểm họa xã hội tối đa.

i. Nhà tiên tri Do Thái thế kỷ 8.

Tính cách của Thế hệ Bùng nổ sẽ chỉ thể hiện đầy đủ khi nhóm người sinh vào thập niên 1940 nổi tiếng (thời trẻ họ tương đối ít gặp phải các căn bệnh xã hội) được tham dự vào đời sống xã hội nhờ nhóm người sinh vào thập niên 1950 cứng cỏi, thiên về Phúc âm (thời trẻ họ gặp nhiều căn bệnh hơn). Đó là sự pha trộn sẽ tạo nên tính cách mục sư-chiến binh ở người lớn tuổi thế hệ này, minh chứng cho cảnh báo sớm về thời kỳ Tan rã của Peter Collier và David Horowitz, rằng Bùng nổ là “một thế hệ mang tính phá hủy mà công việc của nó còn chưa kết thúc.”

Tiến sâu vào thời kỳ Khủng hoảng hơn, Thế hệ Bùng nổ sẽ phải đối đầu với kết quả cuối cùng của việc họ suốt đời thẩm thấu các giá trị. Họ đặt ra một lối mòn kéo dài của thuật hùng biện thời kỳ Tan rã, phần lớn là biểu tượng và cử chỉ, nhưng giờ đây ngôn từ mới là điều quan trọng. Khi James Redfield (hoặc người đồng đẳng hơn tuổi) mô tả các đồng đảng với mình là “một thế hệ có trực giác sẽ giúp dẫn dắt nhân loại hướng tới một... sự biến đổi lớn,” những lời kêu gọi sẽ không còn hướng đến sự phản chiếu tinh thần đầy suy tư nữa, mà là hành động dân sự quyết định. Thế hệ Bùng nổ sẽ tuân theo gợi ý của Cornel West rằng “dấu ấn của nhà tiên tri là phải nói lên sự thật với lòng can đảm – dù điều gì có thể xảy ra.” Xu hướng thông thường của họ là trình bày rõ các nguyên tắc cứng rắn, giờ đây sẽ mang ý nghĩa thi hành.

Cuối cùng các nhà lãnh đạo Thế hệ Bùng nổ – độc tài, nghiêm khắc, cứng rắn – sẽ yêu cầu sự ủng hộ rộng rãi từ giới trẻ, những người sẽ nhìn thấy ở họ một sự khôn ngoan vượt quá toan tính của tuổi trẻ. Với các vấn đề trong nước, Thế hệ Bùng nổ đã già sẽ tái diễn các tranh luận cũ về những cuộc Chiến tranh Văn hóa trong một bối cảnh mới của nhu cầu cộng đồng. Họ sẽ tái xác định và tái xác thực một sự bành trướng dân sự – được tạo nên từ sự pha trộn giữa chủ nghĩa bảo thủ văn hóa thời kỳ Tan rã với chủ nghĩa tự do trong khu vực công. Với các vấn đề nước ngoài, họ sẽ định nghĩa sát sao thế nào là hành vi chấp nhận

được của các quốc gia khác, và đưa ra định nghĩa chung chung về việc sử dụng hợp lý vũ khí của Mỹ.

Vẫn các thành viên Thế hệ Bùng nổ thời trẻ đã cùng nhau hô vang “Không đời nào, chúng tôi sẽ không đi!” giờ đây xuất hiện như thế hệ lớn tuổi hiếu chiến nhất của Mỹ trong ký ức của những người còn sống. Cho dù các yếu tố của thời kỳ Khủng hoảng là gì, giới lãnh đạo của Thế hệ Bùng nổ đã già cũng sẽ nâng việc đặt cược đạo đức lên mức không thể rút lui hay thỏa hiệp. Những thành viên Thế hệ Bùng nổ thời trẻ sẽ không chỉ đòi đánh bại kẻ thù, mà còn đòi tiêu diệt hoàn toàn. Họ có nguy cơ phải chịu nỗi đau và hậu quả nghiêm trọng để chỉ huy thanh niên chiến đấu và chết theo những cách mà chính họ sẽ chẳng bao giờ chấp nhận khi còn trẻ. Họ sẽ tin, như Cicero đã tin, rằng thời điểm lịch sử này chỉ định “người trẻ hành động, người già khuyên bảo.”

Thế hệ Bùng nổ già sẽ tìm thấy sự siêu việt trong cao trào của thời kỳ Khủng hoảng. Khi họ chiến đấu với thời gian và tự nhiên để được giải phóng khỏi lịch sử, họ sẽ cảm thấy mình ở vị trí điều hành quốc gia, và có lẽ cả thế giới, vượt qua một vài cái ngưỡng đau đớn. Có thể dễ dàng hình dung người già thuộc cung Bảo Bình là những trụ lửa dẫn đến Miền đất Hứa, nhưng cũng dễ dàng xem họ là Charon, giống như mấy quái vật đưa các linh hồn bị phán quyết qua sông Styx đến với thần Hades. Khả năng nào cũng có thể.

Khi thời kỳ Khủng hoảng được giải quyết, người già Thế hệ Bùng nổ sẽ không nói lời cuối cùng, mà là lời sâu sắc. Nếu chiến thắng, tập thể họ sẽ xứng đáng với lời tán thưởng của Winston Churchill dành cho Franklin Roosevelt: chết “một cái chết đáng ghen tị.” Nếu thất bại, lỗi lầm của họ sẽ phủ bóng tối lên toàn bộ thế kỷ 21, có thể còn vượt xa hơn thế nữa. Cho dù kết quả thế nào, hậu thế cũng sẽ nhớ về tính cách Quán quân Già của Thế hệ Bùng nổ rất lâu sau khi những hình ảnh của hippie và yuppie đã bị tất cả lãng quên ngoại trừ với giới sử gia.

THẾ HỆ THỨ 13 BƯỚC VÀO TUỔI TRUNG NIÊN: NHỮNG TAY CHƠI TẬN MẠNG

“Giờ đây một lần nữa chiếc đai đang thắt chặt lại, và chúng ta kêu gọi biểu hiện nỗi sợ hãi thích hợp khi nhìn lại tuổi trẻ bị phí hoài của mình,” F. Scott Fitzgerald nói sau khi tai họa ập xuống đầu những người đồng đẳng với mình tại đỉnh điểm mà lẽ ra là các năm thu nhập đỉnh cao của họ. Ông gọi những người đồng đẳng với mình thuộc Thế hệ Lạc lõng là “Một thế hệ không hành động lần thứ hai,” nhưng họ đã chứng minh rằng ông lầm. Họ đã kết thúc sự mê loạn của mình và ổn định cuộc sống, nhờ đó giúp xoa dịu tâm trạng Mỹ. Trong khi những người tiền nhiệm của họ thuộc Thế hệ Sứ mệnh đã bước vào tuổi trung niên với niềm tin vào hành trình của các cuộc vận động rộng lớn, thì Thế hệ Lạc lõng sau thời kỳ Sụp đổ đã bỏ qua những lời răn dạy và quay về với các vấn đề cơ bản của cuộc sống. “Những điều hợp đạo đức là những gì mà sau đó bạn cảm thấy tốt,” Ernest Hemingway tuyên bố, “những điều vô đạo đức là những gì mà sau đó bạn cảm thấy tồi tệ.” “Mọi thứ phụ thuộc vào mục đích sử dụng,” Reinhold Niebuhr giải thích, nhân danh một thế hệ đã làm những điều hữu ích không phân biệt đức tin – một vai trò mà Thế hệ Sứ mệnh chọn không thực hiện.

Thế hệ “không hành động lần thứ hai” này mang lại cho Mỹ sức bền bỉ chịu đựng để vượt qua tình trạng khẩn cấp u ám bao phủ toàn cầu, và cuối cùng, để chiến thắng chúng. Trong Đại suy thoái, Thế hệ Lạc lõng bị ảnh hưởng nặng nề nhưng từ chối yêu cầu sự hỗ trợ của xã hội. Trong Thế chiến II, họ cung cấp người cho các hội đồng quân dịch, trao các phiếu giảm giá suất ăn, lên kế hoạch các cuộc xâm chiếm, và cử các đội máy bay ném bom. Họ đã ra các lệnh giết chết hàng ngàn người nhưng lại cứu được hàng triệu người khác. Từ những tướng lĩnh “máu lửa và gan góc” đến những tổng thống “ném chúng xuống địa ngục,” Thế hệ Lạc lõng biết cách để vượt qua những bất lợi và chỉ trích gay gắt.

Đó là lần gần đây nhất nguyên mẫu Du cư bước vào một Bước chuyển Thứ tư.

Trong một thể loại phim hành động gần đây (từ *War Games* [Tạm dịch: Ván bài chiến tranh], *Back to the Future* [Tạm dịch: Trở về tương lai], tới *Kẻ hủy diệt*, và *Independence Day* [Tạm dịch: Ngày độc lập]), một loạt sự kiện bắt đầu. Một thủ lĩnh trẻ đơn độc, chưa được chuẩn bị, và đắm mình trong một nền văn hóa vô giá trị – được lựa chọn ngẫu nhiên để quyết định số phận nhân loại. Tình hình có vẻ nguy hiểm. Thủ lĩnh trẻ đó cũng không có nhiều kỳ vọng thành công. Nhưng vào một thời điểm then chốt, kẻ bộ hành cô đơn ấy sẽ thách thức số phận, giải quyết các căng thẳng, tập trung chú ý vào những gì quan trọng, làm những gì cần thiết, và giành kết quả đứng đầu. Các trò chơi video phổ biến nhất, theo cùng một kịch bản, nhấn mạnh hành động trực tiếp và sự tính toán thời gian khéo léo: Tìm một kho tàng, cầm lấy công cụ, giải cứu công chúa, cứu vương quốc, giết kẻ thù, và sống sót thoát ra. Mọi thứ đều là có-không, đây các mật mã và địa điểm bí mật – theo một phong cách mà một chương trình truyền hình gọi là “Indiana Jones gặp gỡ một chương trình game show.”

“Tôi đã thoáng thấy tương lai chúng ta,” một thủ khoa tốt nghiệp trung học đã đưa ra cảnh báo trong bộ phim *Say Anything* (Tạm dịch: Nói gì cũng được), “và tất cả những gì tôi có thể nói là – hãy quay lại.” Thông điệp mà cô gửi đến các bạn cùng lớp thật dễ hiểu, vì các Thế hệ Du cư – Christian Slater đề cập như “một danh sách dài những người phóng túng nổi tiếng đã chết” – luôn là những kẻ thua cuộc về mặt vật chất, giáo dục, an ninh, tuổi thọ, và các thước đo khác về sự tiến bộ. Tuy nhiên, họ cũng là các thế hệ ở giao điểm giữa chiến thắng và bi kịch, đưa xã hội vượt qua tháng ngày đen tối nhất của thời kỳ Khủng hoảng.

Bước chuyển Thứ tư sẽ khởi đầu bằng việc chứng kiến Thế hệ Thứ 13 đang níu giữ danh tiếng bị trục trặc của mình, thay đổi duy nhất là

độ tuổi rối loạn ở Mỹ sẽ vào 40 thay vì 20. Họ sẽ nổi tiếng là trưởng thành vào quãng thời gian khi mà các lối cư xử và thói quen xã hội tốt không được đề cao trong gia đình cũng như trường học. Đến thế hệ họ, giới trung niên sẽ mất đi quyền lực tinh thần và thay vào đó bằng sự cố chấp. Văn hóa của họ sẽ là một hỗn hợp của những phong cách không pha trộn và các chiều hướng đa phong cách, chúng sẽ phản ánh xung động ly tâm mà từ đó nhiều người Mỹ (có cả Thế hệ Thứ 13) giờ đây sẽ khao khát thoát khỏi.

Trong nền kinh tế, Thế hệ Thứ 13 sẽ có cuộc sống tệ hơn nhiều so với Bùng nổ từng có vào độ tuổi tương tự hồi giữa thập niên 1980. Họ sẽ trải rộng ra đây bất thường trên phạm vi kết quả công việc và tiền bạc. Một vài người sẽ thành công vang dội, một số lớn hơn sẽ lâm vào cảnh bần cùng, trong khi hầu hết sẽ thất bại nhưng chấp nhận được. Hình ảnh của một người lao động trung niên thời kỳ Khủng hoảng sẽ là một người hay nhảy việc với mức lương vừa phải, và giữ được sự linh hoạt để thay đổi định hướng cuộc đời trong chớp mắt. Câu chuyện điển hình về thành công ở tuổi trung niên sẽ là doanh nhân với sự khôn ngoan, linh hoạt vượt trội, và thành thạo công nghệ cao. Thất bại điển hình sẽ là những kẻ đầu cơ bị phá sản, khánh kiệt nhưng vẫn cố gắng. Các bến cảng đầy rủi ro mà Thế hệ Thứ 13 đặt cược số tiền vãng lai của họ trong suốt thời kỳ Tan rã (từ xổ số đến những sông bạc Ấn Độ, đến các thị trường phái sinh) cũng giống như thế hệ này, sẽ bị phê phán và bỏ mặc.

Khi đối đầu với vấn đề tiền bạc giữa một tâm trạng Khủng hoảng ngày càng trầm trọng, Thế hệ Thứ 13 sẽ tự hào về khả năng “có một cuộc sống” và bảo vệ gia đình mình khỏi những tai ương về tài chính. Tỷ lệ ly hôn của họ sẽ thấp hơn Thế hệ Im lặng và Bùng nổ tuổi trung niên. Họ sẽ tăng cường kiểm soát đối với trẻ em. Để nhận được hỗ trợ về tài chính, nhiều người sẽ mời cha mẹ khá giả của mình về sống cùng.

Xem xét kỹ tàn dư Tan rã còn sót lại của thời Khủng hoảng, Thế hệ Thứ 13 sẽ có cái nhìn trái ngược về những gì mà Im lạng tuổi trung niên đã thấy trong đồng đồ nát thời Lạc quan còn sót lại trong thời kỳ Thức tỉnh. Trong khi Thế hệ Im lạng cảm thấy ngột ngạt, khao khát thoát khỏi một thế giới mà họ thấy là quá khép kín, thì Thứ 13 sẽ cảm thấy sợ hãi khoảng trống, khao khát bén rễ trong một thế giới quá mức cởi mở. Trong khi Thế hệ Im lạng bị giằng xé giữa sự cần thiết xã hội và mong muốn cá nhân, thì Thứ 13 sẽ bị giằng xé giữa cần thiết cá nhân và mong muốn xã hội.

Gắn với những nghĩa vụ gia đình được cảm nhận sâu sắc, Thế hệ Thứ 13 sẽ phản đối ý tưởng buông lỏng bản năng sống còn của họ – nhưng cũng sẽ cảm nhận được nhu cầu khôi phục ý thức cộng đồng. Họ sẽ thúc đẩy sự lan truyền không ngừng của công nghệ và văn hóa – song lại bỏ phiếu cho các chính khách hứa hẹn đảo ngược điều đó. Giới trung niên Mỹ gốc Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, châu Á, và Ả-rập (trong số những người khác) sẽ giữ lấy bản sắc chủng tộc hoặc dân tộc của mình – song sẽ khao khát các ràng buộc mới với cốt lõi cộng đồng.

Tầng lớp tinh hoa đại chúng của Thế hệ Thứ 13 trong giai đoạn đầu thời kỳ Tan rã sẽ mất ảnh hưởng khi những người đồng đảng với họ mệt mỏi trên con đường cũ, tìm kiếm một điều gì đó đơn giản và ít cuồng nhiệt hơn. Họ khẳng định rằng sự xóa bỏ lễ hội culturama sẽ bị trừng phạt, thậm chí có thể bị cách ly trong nền văn hóa mới thuần khiết của giới trẻ Thế hệ Thiên niên kỷ. Một số ít người lớn tuổi bị ruồng bỏ sẽ chu du khắp thế giới, thấy mình như những người mà Doug Coupland gọi là “một tầng lớp quý tộc Bạch Nga, bị lưu đày trong các quán cà phê Paris, sẽ không bao giờ nhận được những gì lẽ ra thuộc về chúng ta.” Thay thế họ với vai trò mũi nhọn của thế hệ sẽ là một *Revenge of the Nerds* (Tạm dịch: Cuộc trả thù của những kẻ mọt sách), những người chậm mà chắc (trong số đó có nhiều người

dân tộc) sẽ vượt qua những người nhanh nhẹn nhưng có quá nhiều rủi ro.

Tư duy của Thế hệ Thứ 13 sẽ mang tính cố chấp và cha chú, tinh thần chấp nhận rủi ro giờ đã dịu lại do nhu cầu an toàn trong thời kỳ Khủng hoảng. Người trung niên sẽ cố vấn cho phong trào thanh niên, thêm sự mềm mỏng vào thời khắc khó khăn, và sự khéo léo tỉ mỉ vào trạng thái mới kiên định. Họ sẽ được tôn trọng một cách đáng ghen tị nhờ năng lực của mình về truyền thông đa phương tiện và nhiều kỹ năng tự học mà Thế hệ Bùng nổ già nua không biết và Thiên niên kỷ trẻ tuổi thì coi thường. Khắp cả nền kinh tế, Thế hệ Thứ 13 sẽ được gắn liền với những công việc đầy rủi ro và dơ bẩn. Họ sẽ tìm kiếm các kết quả khả thi hơn là chân lý bên trong. “Chúng tôi sẽ không có một phản ứng dữ dội tiêu cực nào chống lại chủ nghĩa duy tâm đã mất của mình,” nhà làm phim *Slacker* là Richard Linklater dự đoán, bởi lẽ thế hệ của ông “chưa bao giờ có điều đó để mà bắt đầu.” Giống như Hemingway, những đánh giá đạo đức của họ sẽ mang tính tình huống, dựa trên cảm nhận sau này của mọi người.

Khi thời kỳ Khủng hoảng trầm trọng hơn, Thế hệ Thứ 13 sẽ cảm nhận được chút rủi ro trong trật tự cũ, chút cảm nhận về việc khế ước xã hội có tên và chữ ký của mình. Họ sẽ đạt đến sự trưởng thành hoàn toàn và không bao giờ còn tin vào Giấc mơ Mỹ hay chủ nghĩa biệt lệ Mỹ nữa. Họ sẽ không bao giờ biết đến một thời điểm khi Mỹ có những cảm nhận tích cực về mình, khi đời sống dân sự và văn hóa dường như không thể nào sụp đổ. Từ thời thơ ấu đến tuổi trung niên, họ sẽ luôn thấy rằng các tổ chức cốt lõi của quốc gia chủ yếu phục vụ lợi ích của người khác hơn bản thân họ. Không nhiều người trong các bạn học và bạn bè họ có một công việc thuộc khu vực công, trừ việc giảng dạy và làm cảnh sát. Hầu hết thành viên Thế hệ Thứ 13 sẽ định hướng cuộc sống của họ xoay quanh những mạng lưới tự lực cánh sinh của bạn bè và các tổ chức thay thế khác không liên quan gì tới chính phủ.

Sự tôn kính tập thể yếu ớt của Thế hệ Thứ 13 với khẩu hiệu “chúng tôi không xứng đáng” sẽ xác định và nâng cao vai trò dân sự mới của họ. Trong khi lòng tự tôn thời kỳ Tan rã của Thế hệ Bùng nổ gây cản trở khả năng của Mỹ trước sự hy sinh dù là rất nhỏ vì lợi ích chung, thì sự tự ti nực cười của Thứ 13 sẽ làm cho những tuyên bố của họ vị tha khác thường. “Chúng ta có thể không có được những gì mình muốn. Chúng ta có thể không có được những gì mình cần,” những người trẻ hô vang trong phim *True Colors* (Tạm dịch: Sắc màu chân thực). “Cứ thế, chúng ta sẽ không có được những gì mình xứng đáng.” Họ sẽ bỏ phiếu chống lại lợi ích ngắn hạn của chính mình, nếu bị thuyết phục rằng sự tồn vong lâu dài của cộng đồng đòi hỏi điều đó. Trong khi Thế hệ Im lặng từng vật vờ với những cơ chế kìm hãm mang tính thủ tục, và Bùng nổ từng tranh luận nảy lửa về cử chỉ và chủ nghĩa tượng trưng, thì cử tri Thứ 13 sẽ bỏ qua động lực và ý thức hệ, chỉ đơn giản hỏi liệu các chương trình công có mang lại kết quả đáng đồng tiền bát gạo hay không.

Trong Chính sách Kinh tế Mới tiếp theo của Bước chuyển Thứ tư, Thế hệ Thứ 13 sẽ có vị trí chiến lược giữa Bùng nổ già đạo mạo và Thiên niên kỷ trẻ được cưng chiều. Với việc Thế hệ Thứ 13 chiếm vị trí bản lề về lựa chọn chính trị, sẽ không có thỏa thuận liên thế hệ nào được đưa ra mà không có sự chấp thuận của họ. Trong phim *The Breakfast Club* (Câu lạc bộ bữa sáng), một giáo viên Thế hệ Bùng nổ tuyệt vọng với “ý nghĩ làm tôi bật dậy giữa đêm khuya: Rằng khi tôi già đi, bọn trẻ này sẽ chăm sóc tôi.” Khi lợi ích tuổi già vấp phải bức tường tài chính, giống như những người anh em, Thế hệ Bùng nổ và Thứ 13 sẽ nửa nhớ nửa quên họ đã từng đối đãi với nhau thế nào trong mấy thập niên trước đó. Sẽ có thảo luận về cuộc chiến dân tộc thế hệ, khi Thế hệ Thứ 13 không phải người Mỹ gốc Anh chỉ trích phúc lợi dành cho Bùng nổ, mà theo cách gọi của cựu Ủy viên An sinh xã hội Dorcas Hardy là “một cơ chế mà chính phủ dùng để cướp đoạt tương lai tốt đẹp hơn của trẻ

em, nhằm hỗ trợ cho một nhóm người da trắng lớn tuổi.“ Được dẫn dắt bởi những người dân tủy thuộc các dân tộc, Thế hệ Thứ 13 sẽ bắt đầu một cuộc thương lượng vất vả với người lớn tuổi mà tất cả họ đều cho đó là những kẻ đạo đức giả suốt đời với một đòi hỏi yếu ớt về ngân sách quốc gia. Miễn là Chính sách Kinh tế Mới tiếp theo tác động mạnh đến Thế hệ Bùng nổ, Thứ 13 sẽ không bận tâm nếu nó được dự đoán là tác động còn mạnh hơn đến họ.

Khi thời kỳ Khủng hoảng ngày càng trầm trọng hơn, chủ nghĩa cộng đồng mới đầy rõ nét của thời đại sẽ đòi hỏi Thế hệ Thứ 13 phải thắt chặt mạng lưới mới ngay. Các thị trường và thống đốc mới sẽ từ bỏ danh hiệu cũ và liên minh, ghép con người và công nghệ với nhau, nhen nhóm lại sự hỗ trợ xã hội cho mục đích cộng đồng. Lớn lên trong một quãng thời gian mà các bức tường đang bị dỡ bỏ, gia đình tan rã, và lòng trung thành không còn, những kẻ môi giới quyền lực của Thế hệ Thứ 13 sẽ tái tạo các rào cản xã hội đã sinh ra trật tự xã hội. Họ sẽ thông đồng, trước hết để khiến mọi người đi theo mình, tiếp đó hối lộ (hoặc đe dọa) để người ta làm những gì cần thiết, và cuối cùng khiến các dàn xếp đó có thể hoạt động. Họ sẽ không lo lắng về những gì mà rõ ràng là không thể giải quyết được, và sẽ không làm âm lên vì những việc chẳng đáng bận mình. Các chính khách của họ sẽ không đẩy lòng từ bi hoặc sắc thái, và sẽ không bận tâm kể cả phải giành chiến thắng theo cách không đẹp. Với họ, kết quả quan trọng hơn cái đẹp mang tính nghi lễ của nền dân chủ. Với sức mạnh được củng cố bởi các yêu cầu của thời kỳ Khủng hoảng, Thế hệ Thứ 13 sẽ dẹp qua một bên những lời hứa mang tính thủ tục và những cam kết mà chế độ cũ biến thành luật, trong nỗi đau khổ của Im lặng ở độ tuổi 80. Họ sẽ không ngại thốt lên – và lắng nghe – những lời nói có vẻ tổng hợp được tình hình một cách hiệu quả đầy hùng biện. Với các nhà phê bình, phong cách lãnh đạo mới của Thế hệ Thứ 13 chốn đô thị sẽ có vẻ ít học, không được bắt nguồn vững chắc từ các giá trị, thậm chí suy đồi, nhưng nó sẽ hiệu quả.

Sự mất gốc có tính tổ chức của thế hệ này sẽ làm cho giới lãnh đạo và cử tri của nó rất dễ thay đổi, có thể có những sự đối lập sâu sắc. Không có phần trong trật tự cũ, nhiều thành viên Thế hệ Thứ 13 hấp tấp hoan nghênh quan điểm đứng nhìn trật tự cũ tan thành nhiều mảnh. Họ sẽ không coi mạng lưới an toàn truyền thống là điều quan trọng với cuộc sống của mình. Kinh nghiệm thực tế từ chính cuộc đời họ sẽ củng cố quan điểm của họ, rằng khi con người bị mất việc làm hoặc tiền bạc, họ có thể tìm cách để đương đầu, xử trí nó, và tiến lên. Nhìn lại cuộc sống của chính mình, họ sẽ kết luận rằng nhiều xu hướng của thời kỳ Thức tỉnh và Tan rã có thể có cảm giác phù hợp với các thế hệ lớn tuổi giờ đây không còn hiệu quả tốt đối với họ – hoặc đối với đất nước. Đến thời kỳ Khủng hoảng, nhiều thành viên Thế hệ Thứ 13 sẽ cảm thấy rằng cần có hành động khẩn cấp để tái tạo kiểu thế giới an toàn đã bị từ chối khi họ còn thơ ấu.

Trong môi trường đó, Thế hệ Thứ 13 có thể nổi lên như những nhà lãnh đạo của một chủ nghĩa dân túy thời kỳ Khủng hoảng dựa trên quan điểm hành động trước, biện minh sau. Một kẻ mị dân phản trí thức đầy thuyết phục có thể chuyển đổi khẩu hiệu quảng bá của Bước chuyển Thứ ba thành khẩu hiệu chính trị của Bước chuyển Thứ tư: “Không lý do gì hết.” “Tại sao lại hỏi tại sao?” “Cứ làm đi.” Bắt đầu với quan điểm người thắng được tất, tin vào hành động vì mục đích hành động, đề cao sức mạnh, tôn vinh lòng khao khát, khinh thường sự yếu đuối và lòng trắc ẩn. Thêm vào đó là sự tuyệt vọng giai cấp, chủ nghĩa phi duy lý, và nhận thức về việc suy tàn quốc gia. Thành phẩm thu được lúc đỉnh điểm có thể là một chủ nghĩa phát xít Mỹ mới.

Đặc điểm cốt lõi của tuổi trung niên Thế hệ Thứ 13 sẽ chính là thời kỳ Khủng hoảng. Giai đoạn đầu của thời kỳ này, cuộc Đại mất giá có thể san bằng sự nghiệp của nhiều trung niên và gây ra những khó khăn thật sự cho các gia đình đặt dưới sự che chở của họ. Giống như Thế hệ Lạc lõng trong thập niên 1920, Thứ 13 tin rằng thị trường thời

kỳ Tan rã bùng nổ muộn và giá cao – chỉ để bán ra muộn và bèo bọt. Đồng thời, nhu cầu cấp bách sẽ mang lại ý nghĩa mới cho cuộc sống của họ. Nhiều đặc điểm trong đó từng bị chỉ trích mấy thập niên – chủ nghĩa sinh tồn, chủ nghĩa hiện thực, thiếu tầm ảnh hưởng – giờ đây được công nhận là nguồn lực thiết yếu của quốc gia. Tình thế nguy cấp sẽ xóa bỏ nhiều vấn đề cũ trong thời kỳ Tan rã về sự đúng đắn của chính trị. Bấy giờ Thế hệ Thứ 13 sẽ ít phải nghe phàn nàn về những người lính quá thiện chiến, doanh nhân quá ông chủ, nhà lãnh đạo tư tưởng nói năng quá lỗ măng của họ. Khi thời kỳ Khủng hoảng là xúc tác, họ sẽ nhớ lại lời ca cũ của Jesus Jones, cảm thấy chính mình “Ngay tại đây, ngay bây giờ / Xem thế giới trời dậy từ lịch sử,” và biết mình chính là thế hệ đó. Mặc dù Thế hệ Thứ 13 sẽ có ít khả năng ảnh hưởng đến các yếu tố và thời gian của thời kỳ Khủng hoảng từng được Bùng nổ thúc đẩy, nhưng họ sẽ sinh ra các nhà chiến thuật tại chỗ và những ông chủ phía sau hậu trường với những quyết định sẽ định đoạt diễn biến đều đặn của thời kỳ này.

Thế hệ Thứ 13 ở tuổi trung niên sẽ là những người duy nhất có khả năng làm chệch các khuynh hướng ngày càng trở nên nguy hiểm của Bùng nổ. Thế hệ Bùng nổ sẽ không kiểm tra lại chính mình, Thiên niên kỷ cũng vậy, vì thế nhiệm vụ sẽ đặt lên vai Thứ 13: buộc các chiến binh-thầy tu thế hệ Bùng nổ *ngủ ngơi* khi nhiệt huyết quá cao, và *tĩnh ngộ* khi những hy sinh còn lớn hơn cả phần thưởng tương lai. Một thành viên Thế hệ Thứ 13 có thể là chính khách, tướng lĩnh, hoặc cố vấn tổng thống gan dạ, giữ cho một số người già chính trực thuộc cung Bảo Bình không mất đi ánh chớp định mệnh và khiến cả thế giới chìm vào bóng tối.

Vào lúc cao trào thời kỳ Khủng hoảng hoặc ngay sau đó, Thế hệ Thứ 13 sẽ thay thế Bùng nổ lãnh đạo quốc gia. Lịch sử cảnh báo rằng họ có thể mau chóng nhận thấy mình chơi trò *Sim City* phiên bản đời thực, phải đối mặt với lựa chọn nhanh về việc nên hy sinh ai và cái gì,

khi nào và ra sao. Họ sẽ cần mọi chi tiết trong kỹ năng chơi trò Doom cũ kỹ kia – cần thời gian khéo léo, ý thức bản năng về những thứ quan trọng và không quan trọng, và khả năng luôn đi từ vấn đề này đến vấn đề tiếp theo. Bất kỳ việc gì họ làm, họ cũng sẽ nhận lấy nhiều trách nhiệm và ít công trạng hơn so với phần của họ.

Khi thời kỳ Khủng hoảng được giải quyết, xã hội sẽ hoàn toàn nằm trong tay Thế hệ Thứ 13. Nếu tất cả kết thúc tốt đẹp, đường lối lãnh đạo hướng đến an toàn của họ sẽ đưa xã hội ra khỏi những chiến dịch vận động lớn cấp bách và bước vào thời kỳ Lạc quan tiếp theo. Nếu không, Thế hệ Thứ 13 sẽ không có lựa chọn nào khác ngoài việc tóm lấy cổ áo giới trẻ, đánh giá những gì còn lại trong xã hội của họ, và bắt đầu lại một lần nữa.

THẾ HỆ THIÊN NIÊN KỶ BƯỚC VÀO TUỔI TRƯỞNG THÀNH: NHỮNG SIÊU ANH HÙNG

“Với tư cách một người Mỹ tốt, tôi xin hứa làm phần việc của mình,” cả trăm ngàn người trẻ hô vang ở Boston Commons năm 1933. “Tôi sẽ giúp Tổng thống Roosevelt mang thời kỳ tốt đẹp trở lại.” Thế hệ Vĩ đại nhất này mà Malcolm Cowley giới thiệu là “các cử nhân xuất sắc,” những người “hình dung một tương lai trong đó mọi người sẽ được an toàn nhờ hoạch định chung và kỷ luật xã hội” – trong khi ở cùng độ tuổi đó, các đồng đảng Thế hệ Lạc lõng của chính Cowley rơi vào tình trạng “vỡ mộng và mệt mỏi” do phải nghe quá nhiều điều bi quan về tương lai của mình. Trong những năm cao điểm khi Thế hệ Lạc lõng trưởng thành, tỉ lệ tự tử ở giới trẻ tăng một nửa và tỉ lệ phạm tội giết người tăng 700%, đồng thời có sự cải thiện ít ỏi nhưng đáng quý về tỉ lệ mù chữ hoặc nhập học đại học ở thanh niên Mỹ.

Một vài năm trước sự kiện Sụp đổ năm 1929, giới trẻ đã có thay đổi tích cực đáng kể nhất từng được ghi nhận. Người Mỹ trẻ tuổi đột ngột quay lưng lại với nỗi hoài nghi, tự tử, tội phạm, và hướng

về sự lạc quan, giáo dục, và bốn phận công dân. Một thứ thành ngữ mới nói về lòng tin và trật tự hình học, về “những gã điếm đạm” và “quy củ,” vốn “trung thực,” “hòa hợp,” và có thể “tin tưởng được.” “Tận đáy lòng, chúng ta thật sự cho rằng mình ổn,” Gene Shuford nhớ lại. Nếu nền kinh tế khó khăn gây trở ngại cho nhiều kế hoạch nghề nghiệp và hôn nhân, điều đó chỉ càng củng cố quyết tâm của Thế hệ Vĩ đại nhất khi hành động theo phương châm 4-H: Tốt hơn thứ tốt nhất. Người già chỉ dẫn và giúp đỡ họ. Mỹ “không thể lúc nào cũng xây dựng tương lai cho giới trẻ của chúng ta,” Tổng thống Roosevelt tuyên bố vào đêm trước Thế chiến II, “nhưng chúng ta có thể xây dựng giới trẻ cho tương lai.” Nhận được tới 80% phiếu bầu của rất nhiều thanh niên vào năm 1932 và 85% vào năm 1936 là sự tín nhiệm lớn nhất từng được ghi nhận, Tổng thống Roosevelt tuyên bố rằng “mục tiêu của thế hệ trẻ đã thay đổi,” từ “giấc mơ về những bậc thang vàng – của mỗi cá nhân cho riêng mình” chuyển thành giấc mơ về “con đường cao tốc rộng mở cho hàng ngàn nam thanh nữ tú tiến bước cùng bạn.” Trước đó đã lâu, các đường cao tốc và đường biển từng tràn ngập một thế hệ mặc đồng phục, được Tướng Marshall giới thiệu là “những cậu nhóc tuyệt nhất thế giới” – một thế giới mà họ đặt mục tiêu chinh phục. “Khó khăn chúng tôi xử lý ngay lập tức,” tiểu đoàn công binh nổi tiếng của Hải quân Hoa Kỳ tuyên bố. “Những điều bất khả thi thì lâu hơn một chút.”

Đó là lần gần đây nhất nguyên mẫu Anh hùng bước vào một Bước chuyển Thứ tư.

Siêu anh hùng là những chiến binh nhí mặc đồng phục màu sắc nguyên thủy, tươi sáng. Không có mối liên hệ nào với những con rùa ăn vạt đột biến trong kỷ nguyên trẻ em Thế hệ Thứ 13, Siêu anh hùng đã mang đến các mô hình trò chơi nhập vai hàng đầu cho trẻ em trong thời kỳ Tan rã. Khi được kêu gọi, những thanh niên bình thường ấy sẽ biến

thành các chiến binh sấm sét chống lại cái ác. Vui vẻ, tự tin, và tràn đầy năng lượng, Siêu anh hùng được nuôi dạy để thành công khi đối mặt với những thử thách lớn. Dù có làm gì, từ thể hiện nghệ thuật chiến đấu đến sử dụng vũ khí công nghệ cao – họ đều thực hiện như một nhóm có tổ chức. Khẩu hiệu của họ, Sức mạnh tập thể chiến thắng tất cả, nói lên sức mạnh trong sự hợp tác, nhiệt huyết trong sự hòa hợp, đạo đức trong bốn phần. Nhiệm vụ của họ không phải do chính họ lựa chọn, mà do một bậc cao niên vô hình có tầm nhìn và trí tuệ mà họ hoàn toàn tin tưởng. Bước chuyển Thứ tư đến, Thế hệ Thiên niên kỷ tới tuổi trưởng thành sẽ có nhiều điểm chung với những món đồ chơi hành động đó.

Trong thời kỳ Khủng hoảng tiếp theo, Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ chứng minh giả thiết này, được sinh ra trong cả Thức tỉnh lẫn Tan rã gần đây, là sai, rằng thanh niên luôn là lứa tuổi nổi loạn, xa lánh, hoặc hoài nghi. Khi họ bước vào độ tuổi đôi mươi, Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ quen với việc thỏa mãn và vượt xa kỳ vọng của người lớn. Chìm đắm trong lời khen ngợi, họ sẽ làm sống lại lý tưởng về con người bình thường có đạo đức tốt, được xác định bởi một trung tâm hấp dẫn hơn là bởi chính người đó. Thay vì tranh cãi với người lớn tuổi, Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ tìm ra lời khuyên về những gì phải làm từ Bùng nổ già nua và những gì muốn làm từ Thứ 13. Nhưng phong cách của họ sẽ khác biệt với hai thế hệ đó. Theo cái nhìn của giới trẻ, phần lớn Thế hệ Bùng nổ có vẻ quá thanh cao và phần lớn Thứ 13 quá nguyên tắc đến nỗi không theo được.

Các xu hướng văn hóa đại chúng mới sẽ lớn mạnh, ôn hòa, và thân thiện. Trong phim, những ngôi sao trẻ sẽ được gắn với các chủ đề tích cực, thể hiện sự chững mực hơn trong tình dục và ngôn từ, nổi kết mục tiêu dân sự mới với bạo lực màn ảnh. Trong thể thao, vận động viên sẽ trở nên chấp nhận dễ hơn, trung thành hơn với đội tuyển và người hâm mộ, ít bị lôi cuốn vào mấy câu chuyện vặt vô bổ, cú úp rổ trực diện, lời chế nhạo ở vùng cấm địa. Trong âm nhạc đại chúng, Thế

hệ Thiên niên kỷ sẽ hồi sinh nghi thức đồng ca cũ đầy vui vẻ, từ sở thích đốt lửa trại cũ đến những bài hát mới với giai điệu đơn giản và lời ca vui nhộn. Cho dù trong phim ảnh, thể thao, hay âm nhạc, những người nổi tiếng đầu tiên của Thế hệ Thiên niên kỷ đều được ca ngợi như các hình mẫu tuyệt vời cho trẻ em.

Giới trẻ trên mọi lĩnh vực sẽ trở nên lịch sự hơn, có tinh thần công dân hơn, và ôn hòa về mặt cảm xúc hơn. Ở trường đại học, Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ dẫn đầu một phong trào phục hưng về lối cư xử và vẻ bề ngoài của sinh viên, khiến những hành vi thô tục trở nên lạc lõng như một chiếc mũ đã hết thời. Trên các đường phố đô thị, người trẻ tuổi mới trưởng thành sẽ bắt đầu nhận thấy rằng con đường tốt nhất đưa họ đến với sự thịnh vượng là đi theo những đồng đảng chứ không phải gia đình mình. Trong công nghệ, họ sẽ tạo ra các khái niệm mới về không gian công cộng – bằng cách tạo ra những con đường giao tiếp ít hơn và tập trung hơn, và bằng cách sử dụng thông tin để trao quyền lực cho các nhóm hơn là cho cá nhân. Trong những phong trào xã hội, (ban đầu) họ có vẻ là người theo chủ nghĩa hòa bình, khó bị chọc giận, và chưa dùng đến quyền lực dân sự của mình. Truyền thông sẽ không bỏ lỡ cơ hội để tán dương các việc tốt của họ.

Trong công việc, Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ là người tìm kiếm trật tự và sự hài hòa. Họ sẽ làm hài lòng người sử dụng lao động với kỹ năng, thói quen làm việc, và lòng trung thành với cơ quan của mình. Họ có sở trường về tổ chức và phân cấp hơn là kinh doanh sáng tạo. Lao động trẻ sẽ đem lại sức sống cho công đoàn và đối xử với đồng nghiệp như đối tác hơn là đối thủ. Thế hệ Thiên niên kỷ gia nhập lực lượng lao động, kết hợp với sự rút lui của Bùng nổ, sẽ khiến năng suất tăng cao đột ngột – hoàn toàn ngược lại với sự trì trệ nảy sinh khi Bùng nổ bước vào và Vĩ đại nhất rút lui trong thời kỳ Thức tỉnh.

Sự kiện Đại mất giá có thể xảy ra ngay trong khoảng thời gian khi Thế hệ Thiên niên kỷ lấp đầy nhóm người ở tuổi 20, giữa lúc họ

đang nổi lên như một thế hệ quốc gia thực thụ, niềm tự hào của những người đi trước. Dù các thử thách mới về kinh tế dành cho họ là gì (và chúng có thể nghiêm trọng ra sao), Thiên niên kỷ cũng sẽ không nổi loạn, thay vào đó sẽ kêu gọi vì mục đích chung. Người lớn tuổi hơn sẽ khổ sở khi phải nhìn bọn trẻ ngoan ngoãn chịu khổ vì sai lầm của kẻ khác. Thế hệ Bùng nổ và Thứ 13 sẽ cùng nhau khẩn trương ngăn cản viễn cảnh tương lai khi có thể thế hệ thứ hai liên tiếp sẽ không đến gần được Giấc mơ Mỹ. Dù cho nền kinh tế đổ vỡ thế nào, dù cho chính phủ căng thẳng vì vấn đề tài chính ra sao, sẽ luôn có chỗ cho một thế hệ đang lên. Để làm được điều đó, vị thế của các lao động trẻ sẽ được chuẩn hóa, chức danh công việc của họ rút ngắn, và khoảng cách thu nhập hẹp lại. Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ đáp lại với một sự kiên nhẫn vui vẻ, gọi nhớ tới Vĩ đại nhất trong thời kỳ Suy thoái. Chính phủ sẽ đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống của họ, khi mọi người ở mọi lứa tuổi cùng nhau hành động để loại bỏ bất kỳ rào cản nào ngăn cách họ với một tương lai Thiên niên kỷ tươi sáng.

Giới trẻ đang trên con đường trưởng thành tràn đầy quyết tâm và sinh lực sẽ thôi thúc các nhà lãnh đạo lớn tuổi chiêu mộ họ cho hành động xã hội tưởng chừng vô vọng trong thời kỳ Tan rã. Giới trẻ mới trưởng thành sẽ nhìn nhận chính trị như một công cụ để chuyển mục tiêu cộng đồng thành tiến bộ công dân. Cử tri Thiên niên kỷ sẽ làm các nhà phê bình bối rối với số lượng thanh niên khổng lồ tập hợp lại, đại diện cho các ứng viên được yêu thích – đặc biệt là những người lớn tuổi như Lincoln hay Roosevelt, có thể biến quyết tâm tinh thần thành quyền lực xã hội. Họ sẽ từ chối chủ nghĩa tiêu cực và ảnh hưởng chán ngấy của chiến dịch chính trị mà mình đã chứng kiến hồi nhỏ. Khi người trẻ tuổi mới trưởng thành chạm trán các nhà lãnh đạo trung thành với chế độ cũ (và tiếp tục vực dậy các chương trình vì lợi ích người lớn tuổi sẽ vét cạn ngân sách sau này), họ sẽ không để tâm, theo phong cách Thế hệ Thứ 13. Thay vào

đó, họ sẽ bận rộn với việc đánh bại hoặc vượt qua đối thủ của mình. Thành công của họ sẽ khiến một số nhà phê bình lớn tuổi cảm nhận được mối đe dọa thực sự trong một thế hệ đang lên được cho là có năng lực nhưng ngây thơ.

Khao khát tuổi trẻ này trước nguyên tắc xã hội và quyền lực tập trung có thể khiến đội quân thanh niên Thế hệ Thiên niên kỷ trở thành những kẻ mị dân nguy hiểm. Nguy cơ đấu tranh giai cấp sẽ đặc biệt nghiêm trọng, nếu như 20% Thế hệ Thiên niên kỷ trong tình trạng nghèo túng với tư cách những đứa trẻ (50% ở nội thành) đến tuổi trưởng thành nhìn thấy những con đường đến với tiến bộ thế hệ mà các đồng đẳng với họ xây nên đã bị sự chậm chạp già nua chặn lại. Người trưởng thành trong thời kỳ Tan rã, hôm nay đang rùng mình trước những bộ đồng phục học sinh, sẽ thật sự sợ hãi trước tính tập thể của Thế hệ Thiên niên kỷ thời kỳ Khủng hoảng. Như Sinclair Lewis đã cảnh báo về Thế hệ Vĩ đại nhất trong thập niên 1930, người Mỹ lớn tuổi sẽ nhìn vào các xã hội bên ngoài theo trật tự cứng nhắc và tự hỏi, liệu ở những người trẻ tràn đầy năng lượng và rất ít nghi ngờ này, có thật là *It Can't Happen Here* (Điều đó không thể xảy ra ở đây).

Dù hoạt động chính trị của họ dẫn đến đâu, thì Thế hệ Thiên niên kỷ vẫn trở nên riêng biệt với một xu thế chủ đạo mới ở Mỹ, một tầng lớp trung lưu non nớt đang chờ để khẳng định mình. Họ sẽ làm phật ý tầng lớp tinh hoa thời kỳ Tan rã của Hollywood với chủ nghĩa duy lý lãnh đạm của mình. Họ sẽ làm phật ý những người theo chủ nghĩa nữ quyền bằng việc chấp nhận một bí mật mới giữa các giới tính. Họ sẽ làm phật ý giới thương nhân tự do vì họ đòi hỏi các rào cản thương mại, quy định chính phủ, tiêu chuẩn lao động, và công trình công cộng.

Cũng như chương trình nghị sự chính trị của thời kỳ Tan rã tập trung vào trẻ em, chương trình nghị sự của Chính sách Kinh tế

Mới tiếp theo này sẽ tập trung vào người trưởng thành trẻ tuổi. Đối lại, Thế hệ Bùng nổ già nua sẽ áp đặt một bốn phần mới mang tính nghĩa vụ bắt buộc, bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của chính những người lớn tuổi đó. Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ không phản đối điều này vì họ nhìn thấy ở đó một con đường dẫn đến thành tựu xã hội. Nếu gia nhập quân đội vì chiến tranh, Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ gạt sang một bên bất kỳ chủ nghĩa hòa bình nào trước đó và thực hiện nghĩa vụ. Giống như các Siêu anh hùng, họ sẽ không chống lại bạo lực đám đông được quân sự hóa, mà chỉ phản đối bạo lực *cá nhân* không được kiểm soát – hoàn toàn trái ngược với thanh niên Thế hệ Bùng nổ trong thời kỳ Thức tỉnh trước đây. Giới lãnh đạo quốc gia sẽ không ngần ngại huy động và triển khai họ thành những đội quân lớn. Trong khi thanh niên Thế hệ Bùng nổ từng hét vang phản đối nghĩa vụ và kỷ luật, thì người già Bùng nổ sẽ yêu cầu và nhận được cả hai từ những đội quân Thiên niên kỷ.

Gần đến đỉnh điểm của thời kỳ Khủng hoảng, thế hệ đang lên này sẽ khăng định toàn bộ sức mạnh của mình, mang lại cho xã hội của họ một công cụ khá hiệu quả để áp đặt trật tự lên một thế giới bất kham. Có vẻ họ sẽ thực hiện được những hành động tập thể vinh quang, chinh phục các vùng đất xa xôi, có năng lực thực hiện bất kỳ mệnh lệnh nào có thể được ban hành. Hoàn toàn trái ngược với những thương vong ở Việt Nam trong thời kỳ Thức tỉnh làm suy yếu ý chí chiến đấu của xã hội, những hy sinh anh dũng của Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ chỉ làm tăng thêm quyết tâm của quốc gia. Khi một tổng thống thời kỳ Khủng hoảng cam kết với xã hội về việc dọn đường cho một tương lai tươi sáng, thì giới trẻ Thế hệ Thiên niên kỷ với sức mạnh chính trị tàn phá sẽ đứng ngay cạnh chỉ huy trưởng yêu quý của họ. Thế hệ những người hùng trẻ tuổi này sẽ theo Quán quân Già đáng kính đến bất kỳ đâu, cho dù là vinh quang hay thảm họa.

THẾ HỆ IM LẶNG MƠI BƯỚC VÀO THỜI THƠ ẤU: NHỮNG ĐÚA TRẺ NGÂY THƠ NGỌT NGÀO

“Bao bọc quá mức là một cụm từ lần đầu tiên được dùng để mô tả cha mẹ chúng tôi,” Benita Eisler nhớ lại thời trẻ của những người đồng đảng Thế hệ Im lặng thời kỳ Suy thoái, khi người lớn điều khiển thế giới trẻ em với bàn tay sắt. Quay lại những năm thơ ấu của Thế hệ Vĩ đại nhất, không ai nói về sự bao bọc quá mức, bởi lẽ hành trình bảo vệ thế giới con trẻ khi ấy mới chỉ bắt đầu. Khi *Literary Digest* (Tạm dịch: Tập san Văn học) đòi hỏi “tái khẳng định quyền của phụ huynh,” các bậc cha mẹ đã đưa vào đó điều mà sử gia Daniel Rodgers mô tả là “một sự nhất quyết mới mẻ, thẳng thắn về việc hòa hợp với đời sống trẻ em.” Vì vậy Thế hệ Vĩ đại nhất đã được nuôi dạy, trải qua thời thơ ấu với sự cải thiện thế hệ lớn nhất có thể đo đếm được về y tế, quy mô, và giáo dục – cùng với sự suy giảm đáng kể về tội phạm và tự tử trong giới trẻ.

Tuy nhiên, khi Thế hệ Im lặng đến trường học, hành vi rõ nét này được đưa coi là hiển nhiên. Những cuốn sách làm cha mẹ hàng đầu gợi ý việc nuôi dạy con cái một cách toàn diện và trực tiếp, với các quy tắc cư xử mà giới phê bình so sánh với quy trình huấn luyện chó con. Khi nào những diễn viên nhí như Alfalfa hay Shirley Temple trở thành người lớn, họ sẽ “lo đến tác phong của mình.” Trong mấy năm chiến tranh, có lẽ Mỹ đã có thế hệ thanh thiếu niên cư xử tử tế nhất trong lịch sử, nhưng vẫn có tranh cãi rộ lên về chuyện liệu sự vắng mặt dài ngày của người cha đi lính có ít nhiều làm cho họ trở nên thiếu tự tin hay không. Thời gian quả là điều đáng sợ với lũ trẻ, vì bất kỳ ngày nào cũng có thể đưa lại những tin tức rùng rờ. Frank Conroy nhớ lại đã từng hỏi khi còn là một cậu bé “báo chí sẽ đăng gì nếu không có cuộc chiến nào đang diễn ra.”

Đó là lần gần đây nhất nguyên mẫu Nghệ sĩ bước vào một Bước chuyển Thứ tư.

“Nhiều tình trạng xã hội chúng ta cho là vấn đề trầm trọng lại chỉ là những thứ vô hại với thế hệ sau,” William Raspberry nhận định. Buổi đầu của thời kỳ Thức tỉnh, trẻ em ở các trung tâm đô thị Mỹ là người báo hiệu các xu hướng mới sẽ ảnh hưởng toàn xã hội ngay khi Tan rã bắt đầu: gia đình phân tán, người cha vắng mặt, những bà mẹ tuổi vị thành niên, tội phạm gia tăng, thành tích học tập suy giảm. Trong thời kỳ Tan rã hiện nay, trẻ em Mỹ ở đô thị lại mang những tấm biển chỉ đường. Chúng trở nên quanh quẩn trong nhà, rúc trong bốn bức tường, ngủ trong bốn tấm chống đạn, được người lớn luôn lo lắng hộ tống đến tận trường và đổ ra đường phố đêm khuya trước giờ giới nghiêm của cảnh sát, cho dù nguy cơ bạo lực thực sự tại nhiều khu vực nội thành đang bắt đầu giảm xuống. Đến Bước chuyển Thứ tư, các biến thể của xu hướng bao bọc trẻ em đô thị thập niên 1990 ấy sẽ tràn ngập Mỹ, từ thành phố, ngoại ô, đến thị trấn nhỏ.

Hãy hình dung một đứa trẻ sống trong một thế giới được bao quanh bởi bức tường bê tông, ngay từ đầu đã được dạy tránh xa những hàng xóm nguy hiểm. Hiểm nguy đã lùi xa (kẻ thù giờ đây còn xa hơn nữa), nhưng bức tường vẫn còn. Người lớn không bận tâm đến việc phá bỏ bức tường bởi họ đang bận rộn và thấy đây là một cách dễ dàng để luôn dõi theo con em mình. Đến Bước chuyển Thứ tư, các quy tắc mà một đứa trẻ phải tuân thủ sẽ bắt đầu lấn át cả những lý do ban đầu của các quy tắc ấy. Hãy hình dung bọn trẻ đã lớn vẫn bị ngăn cản sau những bức tường trong một thời đại mà tội phạm đường phố giảm xuống mức thấp. Hãy hình dung đồng phục mẫu giáo bắt buộc trong một thời đại đầy những xu hướng thời trang mới mẻ cho thanh niên. Hãy hình dung sự hiện diện hùng hậu của cảnh sát trong một thời đại của những thanh thiếu niên nhìn chung biết vâng lời. Những gì từng được coi là sự bảo vệ hợp lý trong thời kỳ Tan rã, giờ đây trong Khủng hoảng trở thành tình trạng đè nén ngạt thở dưới bàn tay của cha mẹ cũng như chính quyền.

Những đứa trẻ của thập niên 2000 sẽ là nguyên mẫu Nghệ sĩ tiếp theo của Mỹ, Thế hệ Im lặng mới. Mỗi liên hệ của họ với thời kỳ Khủng hoảng sẽ là những hạt giống yếu ớt của một tương lai xã hội cần được cứu vớt khi tình trạng khẩn cấp đã qua đi và kẻ thù đã bị đánh bại. Họ sẽ là những người quan sát dè dặt, những người hỗ trợ bé nhỏ, và (nếu mọi việc suôn sẻ) những người thừa kế may mắn của thời kỳ Khủng hoảng. Bị cột chặt gần nhà, họ sẽ làm một số việc nhỏ hữu ích như tái chế, đánh máy, hoặc chăm sóc người lớn tuổi, tương đương với việc trồng vườn hoa mừng thắng lợi Thế chiến II hoặc thu thập phế liệu kim loại vào khoảng năm 2020. Thế hệ Im lặng mới sẽ chứng kiến người lớn như những người giỏi giang và nắm quyền kiểm soát. Đúng, sai rõ ràng sẽ là một thông điệp trưởng thành phổ biến, tuân thủ mù quáng như phản ứng được mong đợi. Những đứa trẻ Thế hệ Im lặng mới sẽ không được động viên để nắm lấy cơ hội hay tự làm mọi việc. Sự chân chất và ngây thơ đáng yêu này được cho là bắt nguồn từ những người nhạy cảm. Trái ngược với thời kỳ Tan rã, xử sự sai lại được định nghĩa là *tiến bộ*. Tình dục ở giới trẻ, nạo phá thai, và lạm dụng chất kích thích sẽ vẫn ở mức thấp. Ly hôn ở cha mẹ sẽ lại bị phê phán, và chuyện trò công khai về các vấn đề riêng tư sẽ trở thành điều cấm kỵ mới trên phương tiện truyền thông. Không giống như ngày nay, phần lớn sự tan vỡ gia đình đều là chuyện ngoài ý muốn, không phải do lựa chọn cá nhân hay rối loạn chức năng mà do các ảnh hưởng của thời kỳ Khủng hoảng hoàn toàn vượt tầm kiểm soát của gia đình.

Phúc lợi trẻ em sẽ được ưu tiên, không còn ai phải đấu tranh nữa. Việc nuôi dạy bao bọc cứ tự động diễn ra. Số ít người lớn bất hòa trong việc có nên dạy cho trẻ em các tiêu chuẩn cộng đồng, thường là bằng cách học thuộc lòng. Những đứa trẻ dưới trung bình sẽ bị cảnh báo rằng cộng đồng có nhiều cách để lưu ý, rằng danh tiếng của một người trẻ tuổi có thể bị phá hỏng dễ dàng nhưng lại

khó khôi phục. Cách cư xử, thành tích học tập, và hành vi xã hội tốt của trẻ em sẽ mang lại chút ít tiếng tăm, vì đơn giản đây là những gì được kỳ vọng.

Hoạt động của trẻ em từng là điều mới mẻ với Thế hệ Thiên niên kỷ, giờ đây được củng cố tốt. Thế giới của trẻ bị thay đổi chỉ để đáp ứng nhu cầu cấp bách của cộng đồng, chứ chẳng liên quan gì tới nhu cầu của trẻ. Ở một nước Mỹ đang bị giam hãm trong thời kỳ Khủng hoảng, sẽ chẳng có ai đặc biệt quan tâm đến văn hóa thanh thiếu niên, trừ phi để trừng phạt điều gì sai trái. Khi chủ nghĩa đề cao người bản địa bắt đầu, Im lặng mới sẽ là thế hệ ít người nhập cư nhất, nói tiếng Anh nhiều nhất từng được biết đến. Lớn lên trong một kỷ nguyên của những người trưởng thành hy sinh và các chân trời văn hóa dần thu hẹp, Thế hệ Im lặng mới sẽ phát triển một tính cách nghiêm túc và dễ xúc động, nhưng lại cảm thấy bị mắc kẹt trong một môi trường xã hội ngột ngạt có tính cục bộ.

Thế hệ Im lặng mới sẽ được đối xử theo cách này, bởi đó là cách mà Thứ 13 tuổi trung niên ưa chuộng – và họ sẽ là những người nuôi dưỡng trẻ em chủ yếu trong thời kỳ Khủng hoảng của Mỹ. Là những bậc cha mẹ, giáo viên, và lãnh đạo cộng đồng, Thế hệ Thứ 13 nhìn lại tuổi thơ của mình trong thời kỳ Thức tỉnh như những sự hỗn loạn, vội vã, bấp bênh, và không được bảo vệ. Trong khi Thế hệ Thứ 13 tự hào về cuộc sống gia đình vững chắc hơn, đáng tin cậy hơn mà họ sẽ thiết lập, thì trẻ em Im lặng mới nhìn lại nó như một sự điều chỉnh *quá mức* và ngột ngạt. Sau này trong đời, họ sẽ nhớ lại thế giới trẻ thơ thời kỳ Khủng hoảng của mình như những gì quá giản đơn, quá chậm chạp, quá bao bọc, quá gắn chặt với chất xi-măng đạo đức – và vì vậy, giống như Thế hệ Im lặng, họ sẽ tìm cách rời lỏng sự kiểm soát của cha mẹ.

Giống như người thừa kế hoặc các thế hệ hậu anh hùng khác trong lịch sử, Thế hệ Im lặng mới sẽ phải chịu đựng lời nhắc nhở thường

xuyên về những hy sinh lớn lao đang được thực hiện nhân danh họ. Khi thời kỳ Khủng hoảng sắp đến lúc được giải quyết, họ sẽ phải đối phó với nỗi lo lắng, sợ hãi, và bất lực. Suốt phần đời còn lại, họ sẽ không bao giờ quên các cảm giác ấy.

TIẾN TỚI BƯỚC CHUYỂN THỨ NHẤT

Năm 1781, giữa lúc quân đội Anh đầu hàng tại Yorktown, đội kèn Mỹ chơi bài “The World Turned Upside Down” (Thế giới đảo lộn). Đó quả thật là cái nhìn về lịch sử của đội quân yêu nước sát cánh bên nhau – và trong *saeculum* tiếp theo, với những lực lượng đông đảo tại Nhà McLean ở Appomattox hoặc trên boong tàu *Missouri*. Chứng kiến cơn chấn động khó tin của lịch sử, những đội quân này đã xuất hiện, lần cuối cùng khẳng định về một bình minh mới. Sau đó là kết thúc. Xã hội của họ vẫn biến động vì thời kỳ Khủng hoảng, vẫn tua tủa những khí tài quân sự, nhưng giờ thì binh sĩ đang trên đường về nhà để đóng những vai trò khác nhau trong một kỷ nguyên mới mà họ hy vọng sẽ bình lặng hơn.

Khi những bản điều ước cuối cùng được soạn thảo, những mức bồi thường được xác định, những hình phạt được đưa ra, hoặc những cơ quan được quản lý, thì người lớn tuổi vẫn đứng ngoài thời cuộc. Đã làm như thế có: Benjamin Franklin ở Philadelphia và Paris, những đảng viên Cộng hòa cực đoan ở Richmond và Washington, Douglas MacArthur ở châu Á, và George Marshall ở châu Âu. Điều đó nằm trong dự kiến – nhưng nếu các linh mục-chiến binh già vẫn tiếp tục cuộc thập tự chinh (như Thaddeus Stevens đã cố làm với cáo buộc của Andrew Johnson), họ sẽ bị gạt sang một bên, nhẹ nhàng mà kiên quyết. Đây chẳng phải điều gì mới mẻ: Moses đã không được phép đi cùng Joshua vào Miền đất Hứa.

“Không có mùa đông nào kéo dài mãi mãi,” Hal Borland đã viết. “Không có mùa xuân nào không trở lại.” Mùa cuối cùng của *saeculum*

cũng vậy. Trong bốn Bước chuyển, không có thời kỳ nào dùng đến toàn bộ sức mạnh hơn là Khủng hoảng, và cũng không thời kỳ nào người ta mong chờ kết thúc hơn là nó. Trong tự nhiên, bóng tối lạnh lẽo phục vụ một mục đích sống còn, chỉ để bắt đầu những gì sau đó. “Chúng tôi bằng lòng với cái lạnh,” Pascal nói, “để được ấm áp.”

Nếu thời kỳ Khủng hoảng như một chất xúc tác đến đúng lịch trình vào khoảng năm 2005, thì sau đó đỉnh điểm sẽ vào khoảng 2020, và được giải quyết vào khoảng 2026.

Mỹ sẽ thế nào khi ra khỏi Bước chuyển Thứ tư?

Lịch sử không có bất kỳ sự bảo đảm nào. Hiển nhiên, mọi thứ có thể sai lệch khủng khiếp – các khả năng thay đổi từ một sự trao đổi hạt nhân đến bệnh dịch nan y, từ khủng bố hỗn loạn đến độc tài công nghệ cao. Chúng ta không nên cho rằng Thượng đế sẽ luôn phù hộ đất nước mình tránh khỏi những bi kịch không thể thay đổi mà rất nhiều dân tộc khác đã trải qua: không chỉ là khó khăn tạm thời, mà còn là sự suy tàn và sụp đổ hoàn toàn. Kể từ Chiến tranh Việt Nam, nhiều người Mỹ cho rằng họ đã biết thế nào là thất bại trong chiến tranh. Tuy nhiên, thua cuộc trong Bước chuyển Thứ tư tiếp theo rất có thể đồng nghĩa với một điều tồi tệ không thể so sánh được. Đó có thể là một thất bại lâu dài mà từ đó sự trong sáng của dân tộc – và có lẽ thậm chí của cả quốc gia chúng ta – có thể sẽ không bao giờ khôi phục được. Như nhiều người Mỹ biết về hoàn cảnh của tổ tiên mình, lịch sử cung cấp nhiều ví dụ về các xã hội đã bị xóa sổ khỏi bản đồ, bị thống trị, hoặc bị thất bại thảm hại đến mức họ trở lại thời kỳ man rợ.

Kết quả của Bước chuyển Thứ tư tiếp theo sẽ xác định danh tiếng tương lai của thời kỳ Tan rã mà chúng ta đang sống. Trong thập niên 1930, người ta đổ lỗi cho thập niên 1920 về mọi sai lầm đã xảy ra. Tuy nhiên, sau khi chiến thắng trong Thế chiến II, người Mỹ bắt đầu có

cái nhìn mềm mỏng hơn về quãng thời gian tốt đẹp sôi động đó. Hãy tưởng tượng thập niên 1920 sẽ thế nào vào năm 1950 nếu Đại suy thoái chưa từng được giải quyết, phe Trục thắng thế, hoặc cả hai. Bây giờ hãy tưởng tượng thập niên 1990 trước thời kỳ Khủng hoảng – với tất cả những O.J. Simpson và dân quân Michigan, những chương trình Beavis and Buttheads và Crips and Bood, số cử tri đi bầu thấp và nỗi khổ sở khi Medicare bị cắt giảm chút ít – tất cả là từ quan điểm lợi thế của Mỹ vào năm 2030.

Nếu Mỹ chìm vào một kỷ nguyên suy thoái hoặc bạo lực mà đến lúc đó vẫn chưa giải quyết được, có thể chúng ta sẽ nhìn lại thập niên 1990 như là một thập niên mà chúng ta tôn vinh toàn những điều sai trái và đưa ra các lựa chọn sai lầm. Tuy nhiên, nếu Bước chuyển Thứ tư diễn ra tốt đẹp, những ký ức về thời kỳ Tan rã sẽ được gắn với những lời đùa vui khi hồi tưởng. Quan trọng hơn, một kết thúc tốt có thể sẽ đồng nghĩa với việc Mỹ đã nhận lấy tự do cá nhân mà giờ đây có vẻ đang ăn mòn xã hội và đưa chúng vào một trật tự xã hội mới có tính xây dựng. Sau khi Bước chuyển Thứ tư tiếp theo đã giải quyết các vấn đề lịch sử của *saeculum* chúng ta, nhiều vấn đề xã hội thời kỳ Tan rã hiện nay sẽ được nhìn nhận như những triệu chứng trầm trọng hơn của căn bệnh phải được – và đã được – chữa trị.

Trong mỗi *saeculum*, thời kỳ Thức tỉnh sinh ra một loạt các lý tưởng cá nhân và xã hội không tương thích nhau trong khuôn khổ trật tự thể chế cũ. Trong thời kỳ Tan rã, tình trạng căng thẳng giữa cái muốn làm và cái nên làm tăng cao hơn, kịch liệt hơn, và phân cực. Trong thời kỳ Khủng hoảng, một khế ước xã hội mới dung hòa những nguyên tắc đối chọi đó ở một mức độ văn minh mới và có lẽ là cao hơn. Trong thời kỳ Lạc quan tiếp theo, khế ước này cung cấp nền tảng an toàn mà trên đó một hạ tầng xã hội mới có thể được dựng lên. Theo cách nói của thời đó, mỗi thời kỳ trong ba thời kỳ Khủng hoảng vừa qua đã dàn xếp được những cuộc chiến về giá trị đầy bực mình được tạo

nên từ *saeculum* trước. Cách mạng Mỹ đã giải quyết cuộc đấu tranh hồi thế kỷ 18 giữa thương mại và quyền công dân. Nội chiến đã giải quyết cuộc đấu tranh hồi đầu thế kỷ 19 giữa tự do và bình đẳng. Chính sách Kinh tế Mới giải quyết cuộc đấu tranh thời kỳ công nghiệp giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.

Những căng thẳng hiện nay, liệu Bước chuyển Thứ tư tiếp theo có giải quyết được? Nhiều khả năng chúng sẽ là sự hiện đại hóa những cuộc Chiến tranh Văn hóa về cuộc đấu tranh lâu dài giữa cá nhân và tập thể – cùng với những danh hiệu mới khởi nguồn từ Cách mạng Nhận thức gần đây của chúng ta. Lần này, lý tưởng cá nhân thuộc đề mục “lựa chọn”: từ lựa chọn thị trường đến lựa chọn lối sống; từ lựa chọn cách cư xử, vẻ bề ngoài, hoặc giao tiếp đến lựa chọn diễn đạt và giải trí. Lý tưởng xã hội thuộc đề mục “cộng đồng” và hướng đến nơi mà mọi lựa chọn khác nhau phải được giảm bớt nếu chúng ta muốn giữ gìn những gia đình vững mạnh, ranh giới an toàn, nâng cao mức sống, một môi trường lành mạnh, và tất cả các khối lắp ghép khác của một nền văn minh bền vững. Trong thời kỳ Tan rã hôm nay, với tâm trạng bi quan, một sự dung hòa giữa các nguyên tắc đối lập đó có vẻ (và có lẽ) là điều không thể. Nhưng đến Bước chuyển Thứ tư, trong cái nóng hừng hực của *ekpyrosis* và sự tái sinh xã hội, có thể một giải pháp lớn sẽ đột ngột nảy sinh. Một khi một khế ước xã hội mới được thảo ra và một trật tự dân sự mới được thành lập, chúng có thể xóa bỏ (hay ít nhất là xoa dịu) các mâu thuẫn hiện nay dường như không thể giải quyết – chẳng hạn giữa ly hôn không có lỗi với gia đình vững chắc, giữa hỗ trợ đói nghèo với nguyên tắc “có làm mới có ăn,” hoặc giữa kiểm soát súng với tự vệ cá nhân. Nếu Bước chuyển Thứ tư tiếp theo kết thúc thành công, một số lãnh tụ vĩ đại có thể được ca ngợi khi cứu vớt quyền cá nhân bằng cách khiến nó tương thích với những lý tưởng cao hơn về trách nhiệm xã hội – như Franklin Roosevelt từng được ghi nhận đã cứu chế độ tư bản bằng việc đưa ra Chính sách

Kinh tế Mới, và Lincoln với việc mở rộng quyền tự do khi xác định lại chủ quyền quốc gia của Mỹ.

Đây là cách mà một Bước chuyển Thứ tư vẻ vang có thể thiết lập thời kỳ Lạc quan mới, một kỷ nguyên vàng son mới, một mức độ mới của nền văn minh Mỹ, một định nghĩa mới thực tế hơn của thế kỷ 21 về cuộc sống, tự do, và mưu cầu hạnh phúc.

Cho dù luôn phải tỉnh táo trước các nguy cơ xấu của thời kỳ Khủng hoảng, những ghi chép về các Bước chuyển Thứ tư trước đó vẫn cho chúng ta lý do để lạc quan. Với năm trong số sáu thời kỳ Khủng hoảng đã qua, thật khó tưởng tượng được những kết thúc tốt đẹp hơn. Kể cả sau Nội chiến, niềm tin Mỹ đang trở lại với sức mạnh mới. Là một dân tộc, chúng ta luôn cố gắng hết mình khi bị thách thức. Tân Thế giới vẫn đứng đó như một ngọn hải đăng của hy vọng và đạo đức cho Cựu Thế giới, và chúng ta có đủ lý do để tin điều này có thể tiếp tục.

Dù kết quả của Bước chuyển Thứ tư ra sao, dù *ekpyrosis* và khế ước xã hội mới là gì, kết thúc của nó sẽ làm lung lay sự quyết tâm không gì lay chuyển được. Mọi người sẽ lo lắng về những điều xảy ra sau khi các cơn mây bão đi qua. Giống như trong những tháng ngày sau V-J Day, người ta lo sợ xã hội có thể trở lại tình trạng hỗn loạn như trước thời kỳ Khủng hoảng – rằng nó có thể lại giống như thập niên 1990, với tất cả những gì theo sau đó. Nhưng, bên rìa bước chuyển mới, họ sẽ ngạc nhiên khi thấy thói quen dân sự mới của mình đã ăn sâu bén rễ đến thế nào.

Vào giữa thập niên 2020, các nguyên mẫu thế hệ sẽ sẵn sàng cho một điều mới mẻ. Bước chuyển Thứ tư sẽ chuẩn bị kết thúc khi Thế hệ Tiên tri già yếu, Du cư mệt mỏi vì tình trạng nguy cấp xã hội, và Anh hùng trở nên ngạo mạn. Điều này xảy ra trong thời gian mỗi nguyên mẫu đứng bên rìa một giai đoạn cuộc đời mới:

- *Thế hệ Tiên tri lớn tuổi*, vẫn dẫn dắt nền văn hóa trong khi rời bỏ các tổ chức, giờ đang cảm thấy lo lắng về một xã hội với chủ nghĩa duy vật mới khiến họ cảm thấy xa lạ.
- *Thế hệ Du cư trung niên*, cảm thấy những cuộc vận động lớn cũ vẫn tiếp tục, giờ đây lên kế hoạch củng cố kỷ luật cộng đồng và thu hẹp phạm vi lựa chọn cá nhân.
- *Thế hệ Anh hùng vừa trưởng thành*, được tiếp thêm sức mạnh nhờ thành công của hành động tập thể, giờ đây muốn thay đổi xã hội từ ngoài vào.
- *Thế hệ Nghệ sĩ trẻ em*, những người trẻ cả tin trong một thế giới của người lớn mạnh mẽ, học cách tin vào các thỏa thuận và sẵn sàng tìm cách giúp đỡ người khác.

Vào giữa thập niên 2020, nhóm nguyên mẫu sẽ thay đổi khi mỗi thế hệ bắt đầu bước vào một giai đoạn mới của cuộc sống.

Khi Quán quân Già một lần nữa rút lui vào lịch sử, người trẻ tuổi có thể vẫn tôn trọng nhưng sẽ không còn chú ý đến những đòi hỏi đạo đức cũ, mệt mỏi với cái giá phải trả cho các nguyên tắc. Nếu thời kỳ Khủng hoảng kết thúc tồi tệ, Thế hệ Bùng nổ khá lớn tuổi cũng có thể bị xem thường. Nếu kết thúc tốt đẹp, họ sẽ chìm trong những lời ca tụng về một thời đại vàng son mới giống với một xã hội có trật tự, trong đó họ từng được nuôi nấng khi còn là trẻ em. Nhiều người sẽ tự nhốt mình trong rừng hoặc thư viện phủ đầy bụi, khám phá các phương pháp để truyền lại cho con cháu trạng thái ý thức cuối cùng của họ. Giống như “bốn người già” (Holmes, Longfellow, Whittier, và Lowell) có chân dung treo trong vô số phòng học suốt thời kỳ Vàng son, cặp mắt nhìn thấu tất cả của những người khổng lồ già Thế hệ Bùng nổ sẽ chăm chăm dõi theo thế hệ trẻ em khác. Nhớ về những điều mà Susan B. Anthony già nua đã làm cho phong

trào phụ nữ nổi bật của thế kỷ, một vài món đồ cổ của Thế hệ Bùng nổ sẽ thúc đẩy giới trẻ đứng lên chống lại trật tự thời kỳ hậu Khủng hoảng và bắt đầu một Thức tỉnh khác theo phong cách của thập niên 1960. Khoảng năm 2050, trong sự vui sướng của một số cựu thành viên thế hệ Những đứa con của hoa còn sót lại giờ đã trên dưới 100 tuổi, thiên đường dưới đáy biển Pepperland cuối cùng cũng sẽ tái xuất hiện.

Đến thời kỳ Lạc quan tiếp theo, lúc Thế hệ Bùng nổ đã được giải thoát khỏi gánh nặng, Thứ 13 sẽ là những kẻ hủ lậu mới của Mỹ, bị nhiều người coi là lỗi thời, là thế hệ duy nhất còn gắn bó với quá khứ trước thời kỳ Khủng hoảng gần như đã bị lãng quên. Nếu thời kỳ Khủng hoảng kết thúc tồi tệ, họ có thể cung cấp những kẻ mị dân, độc đoán, thậm chí những thủ lĩnh sắc tộc cố thu thập từng mảnh vụn. Nếu thời kỳ Khủng hoảng diễn ra tốt đẹp, các tướng lĩnh Thế hệ Thứ 13 có thể trở thành Tổng thống Mỹ trong Lạc quan tiếp theo. Những người bảo thủ cộc cằn sẽ cảnh báo thế hệ trẻ về sự nguy hiểm khi vội vàng đổ xô vào một thế giới đầy cạm bẫy. Họ sẽ ép đất nước sản xuất nhiều hơn mức nó tiêu thụ, có thể thông qua các loại thuế hà khắc và thắt lưng buộc bụng – các lựa chọn hoàn toàn trái ngược với những gì người lớn tuổi đã làm trong thời kỳ Tan rã khi còn trẻ. Dưới sự lãnh đạo của Thế hệ Thứ 13, Mỹ sẽ tập trung vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng và các thiết chế, chứ không phải chiều sâu văn hóa hay nhiệt thành tâm linh. Trong thời kỳ Lạc quan, một chính sách xã hội bủn xỉn với người già sẽ được coi là hiển nhiên. Mặc dù trải qua tuổi già vất vả và bị lãng quên, nhưng Thế hệ Thứ 13 sẽ tìm thấy niềm an ủi khi nhìn con cái hơn mình về vật chất và giáo dục.

Trong tất cả các thế hệ hôm nay, có lẽ Thiên niên kỷ là thế hệ bị đe dọa nhiều nhất trong thời kỳ Khủng hoảng sắp tới. Nếu nó kết thúc tồi tệ, họ sẽ phải chịu toàn bộ gánh nặng hậu quả của nó trong

suốt thời trưởng thành của mình. Nếu tuổi trưởng thành chịu tổn thương, giống như thanh niên Thế hệ Cấp tiến thời Nội chiến, Thiên niên kỷ khi đó sẽ chú tâm đến các chi tiết về chịu đựng và chữa lành như những người thừa kế của nguyên mẫu Nghệ sĩ. Tuy nhiên, nếu thời kỳ Khủng hoảng kết thúc tốt đẹp, Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ đạt được danh tiếng vẻ vang về đạo đức, lòng dũng cảm, và tài năng. Mọi người ở đủ lứa tuổi sẽ trao cho họ những phần thưởng tài chính hậu hĩnh và xây cho họ những tượng đài vĩ đại. Giống như Thế hệ Vĩ đại nhất ở tuổi trung niên đã chinh phục thế giới, Thiên niên kỷ sẽ cảm thấy đặc biệt thích thú với khoa học và thị hiếu. Họ sẽ xây dựng những thứ mới mẻ và to lớn, thiết lập một chế độ xã hội mạnh mẽ, và nuôi chiều con cái mình. Khi một thời kỳ Thức tỉnh mới bùng nổ sau này, các thành viên Thiên niên kỷ sẽ lần đầu tiên phát hiện ra một thế hệ không chịu ca ngợi họ: con cái của chính họ, vừa mới đến tuổi trưởng thành.

Một kết thúc tích cực với thời kỳ Khủng hoảng sẽ biến Thế hệ Im lặng mới thành những kẻ lãng mạn, kỹ thuật viên, và nhà mỹ học trong một trật tự mới hoan hỉ. Cảm nhận được những khuynh hướng cảm xúc của thời thơ ấu bị cấm cung và thời thanh niên hậu anh hùng của mình, họ sẽ hát lên những bài ca ai oán và kể những câu chuyện cười mỉa mai về sự bất bình đẳng dễ gây đổ vỡ của trật tự mới. Mặc dù không thể phù hợp với tiêu chuẩn Thiên niên kỷ, nhưng họ sẽ là những người hỗ trợ có năng lực. Nếu một thời kỳ Lạc quan mới thịnh vượng đưa nhân loại thâm nhập sâu hơn vào vũ trụ, thì Thế hệ Im lặng mới có thể là người đầu tiên đặt chân lên hành tinh khác trong một đội phi hành gia vũ trụ do những John Kennedy tiếp theo khai phá và những Neil Armstrong tiếp theo dẫn đường.

Và nếu thời kỳ Khủng hoảng kết thúc trong chiến thắng, đâu sẽ là hậu duệ của Thế hệ Huy hoàng mới đầy lộng lẫy được sinh ra ngay

khi nó vừa kết thúc? Là trẻ em, họ sẽ được nuông chiều. Là thanh niên, họ sẽ nổi loạn chống lại thế giới do Thế hệ Thiên niên kỷ xây nên. Đến tuổi trung niên, họ sẽ bảo vệ con cái mình khỏi sự phân rã xã hội. Là người lớn tuổi, vào khoảng năm 2100, Quán quân Già sẽ một lần nữa xuất hiện trong số họ.

Lịch sử là theo mùa, nhưng kết quả của nó không được định trước. Phần lớn sẽ phụ thuộc vào việc chúng ta đương đầu với các thử thách sắp tới như thế nào. Nhưng có nhiều việc để làm hơn là chỉ chờ đợi quãng thời gian đó qua đi. Tiến trình vận mệnh quốc gia và vận mệnh cá nhân sẽ phụ thuộc rất nhiều vào những gì chúng ta chuẩn bị bây giờ, với tư cách một xã hội và các cá nhân.

PHẦN BA

NHỮNG SỰ CHUẨN BỊ

CHƯƠNG 11

CHUẨN BỊ CHO BƯỚC CHUYỂN THỨ TƯ

Xem xét mức độ nghiêm trọng của mùa đông *saeculum* sắp tới, bạn sẽ tự hỏi, ai có thể làm gì để giải quyết điều đó?

Nhà truyền giáo nói: Dưới bầu trời này, mọi điều đều có một mùa và mọi mục đích có một thời điểm. Trong mỗi mùa của bốn mùa cuộc sống và thiên nhiên, có những điều một người nên và không nên làm. Không có một kiểu hành vi, hay một câu châm ngôn về lẽ sống nào lại thích hợp cho mọi lứa tuổi. Mùa xuân của cuộc đời có thể vô tư; mùa thu thì không nên. Đất đai cũng tương tự vậy, có thời gian gieo hạt, thời gian gặt hái, thời gian khi hầu hết mọi thứ sinh sôi, và thời gian khi gần như không có gì phát triển. Nếu bạn mong đợi hạt dẻ rơi vào mùa xuân, hay hoa tulip nở rộ vào mùa thu, bạn đã tự làm thất vọng.

Các nguyên tắc tương tự về mùa cũng áp dụng cho *saeculum*. Thời gian chu kỳ dạy bạn việc không chỉ chấp nhận những nhịp điệu của lịch sử, mà còn tìm cách sử dụng chúng để hoàn thành vai trò của mình trong các nhịp điệu đó một cách tốt nhất có thể. Nó là một liều thuốc giải cho thuyết định mệnh. Nếu bạn muốn nhận được nhiều hơn từ cuộc sống (hoặc thiên nhiên), bạn có khả năng để làm điều đó, nhưng cần phải nỗ lực. Bạn và xã hội của bạn có sức mạnh ảnh hưởng đến

lịch sử, nhưng điều đó cũng đòi hỏi nỗ lực – và các nỗ lực của bạn phải luôn tương thích về mặt thời gian. Một phản ứng phổ biến ngày nay là tìm cách né tránh những mùa khắc nghiệt. Dù là đối mặt với tuổi già hay mùa đông, nhiều người trong chúng ta vẫn tìm kiếm một cây cầu, một bức tường, hoặc một phương thuốc, bất kỳ điều gì có thể giữ cho những mùa không mong muốn tránh ảnh hưởng đến mục đích đã định của chúng ta. Đó là bản chất của lối suy nghĩ tuyến tính. Nếu bạn làm theo chiến lược đó, bạn hãy làm cho đúng; nếu không, bạn có thể khiến mình bị đè bẹp hoàn toàn khi thời đại trở nên khắc nghiệt.

Những lo lắng gần đây trước chuyện Mỹ đang “đi sai đường” phản ánh nỗi băn khoăn với tư duy tuyến tính – và một dự cảm bản năng về một mùa đông *saeculum* đang tới gần. Bản năng đó không sai, nhưng ít khi được thể hiện qua các quy tắc hoặc mẫu hình phổ biến. Liệu có cần tư duy mới? Trái lại, để chuẩn bị cho Bước chuyển Thứ tư, Mỹ cần tới tư duy cũ.

Như trong cuộc sống hay trong tự nhiên, kế hoạch phù hợp với các *saeculum* là đồng hành cùng, chứ không phải chống lại, các mùa. Chúng ta nên:

- Tham gia vào các hoạt động *theo mùa*, bằng cách tận dụng những bước chuyển hiện thời.
- Tránh hành động *sau mùa*, bằng cách chấm dứt những thói quen thích hợp với Bước chuyển trước đây nhưng không phù hợp với Bước chuyển hiện tại.
- Hãy chuẩn bị *trước mùa*, bằng cách cố gắng dự đoán các nhu cầu và cơ hội của bước chuyển tiếp theo.

ĐỒNG HÀNH VỚI CÁC MÙA

Để theo *quy luật mùa*, Mỹ nên tận dụng tối đa thời kỳ Tan rã hiện thời.

Ở bất kỳ giai đoạn nào của cuộc đời, một người có thể chú tâm đến nhu cầu theo mùa và tham gia vào những điều thú vị của nó dù tốt hay xấu. Tuổi trung niên có thể là thời kỳ đẹp nhất hoặc thất vọng của cuộc đời. Mùa thu có thể là một mùa dồi dào và tươi đẹp, hoặc cằn cỗi và suy tàn. Cũng giống như chúng ta có thể trải qua một tuổi trung niên hoặc một mùa thu tuyệt vời hay tồi tệ, một người (hoặc xã hội) có thể có một thời kỳ Tan rã dễ chịu hay dữ dội.

Đây chính là hoàn cảnh hiện nay. Sự đa dạng và phức tạp của Mỹ thập niên 1990 là đầy kịch tính khi đã được khám phá ra một cách khôn ngoan. Nền văn hóa đại chúng đang ở đỉnh cao sáng tạo. Các công nghệ mới phục vụ cá nhân đầy thách thức, kích thích, và nhiều người có thể chi trả được, mang lại cách tiếp cận chưa từng có đến mỗi ngóc ngách của tri thức, văn hóa, và trải nghiệm nhân loại. Du lịch đến những vùng đất xa xôi là tương đối an toàn và được cho phép rộng rãi. Người có tài năng và đòn bẫy thị trường có thể kiếm và giữ những khoản tiền khổng lồ. Nền kinh tế cung cấp một lượng lớn các sản phẩm tiêu dùng hay ho. Chúng ta nên tận hưởng và khai thác tất cả khi mình còn có thể, bởi phần lớn điều này không phải lúc nào cũng có sẵn hoặc không còn khiến ta cảm thấy thích thú khi bước vào Bước chuyển Thứ tư nữa.

Đồng thời, có nhiều thứ phải cảnh giác. Sự đa dạng đang sinh ra những phân miền mới về chủng tộc. Nền văn hóa đại chúng, ở trạng thái tồi tệ nhất, đầy bạo lực và suy thoái. Các công nghệ mới đang làm xói mòn những tương tác, lối cư xử, và nghĩa vụ công dân truyền thống ở con người. Khoảng cách giàu nghèo ngày càng làm nản lòng. Mỹ tiêu thụ nhiều hơn sản xuất và ngày càng lún sâu vào nợ nần. Chúng ta nên tránh và kiểm soát những sự thái quá đó ngay từ bây giờ, đồng thời nhận thức rằng xã hội sẽ cơ bản giải quyết chúng ở Bước chuyển Thứ tư.

Chúng ta có thể cố gắng để làm cho Bước chuyển hiện tại biến thành một mùa thu *saeculum* lộng lẫy, nhưng không thể biến nó thành mùa xuân. Sẽ thật ngu ngốc nếu chúng ta cố xóa bỏ mọi thứ tồi tệ của thời kỳ Tan rã khi vẫn đang ở trải qua nó. Chúng ta không thể làm được điều đó.

Để không bị ở *sau mùa*, Mỹ nên ngăn chặn hành vi của thời kỳ Thức tỉnh. Ở tuổi trung niên, con người được kỳ vọng buông bỏ tuổi trẻ của mình. Câu châm ngôn “cư xử đúng độ tuổi” được áp dụng cho người trung niên vẫn hành động theo những cách mà có thể phù hợp với người trẻ nhưng với họ thì không. Một sự ngây thơ liều lĩnh có thể hấp dẫn với một người 25 tuổi, nhưng không phải với một người gấp đôi số tuổi đó. Trong tự nhiên, nông dân không nên bỏ mặc ngô quá thời gian thu hoạch, bởi những cơn mưa không còn tưới tắm mà sẽ phá hỏng nó. Tương tự, một xã hội thời kỳ Tan rã phải buông bỏ những thói quen cũ từng phù hợp 20 năm trước đây nhưng giờ thì không.

Năm 1997 không phải là 1979, và chúng ta không nên giả vờ như thế. Một trò đùa trong thập niên 1990 là xem mọi người kỳ cục thế nào trong những bức ảnh chụp từ thập niên 1970. Ngoài quần áo và kiểu tóc, hầu hết người Mỹ đã thay đổi đáng kể cuộc sống của họ kể từ Cách mạng Nhận thức. Nếu cha mẹ, giáo sư, hoặc nhà tuyển dụng cố gắng đối xử với trẻ em, sinh viên, hoặc lao động trẻ theo những cách từng được coi là hợp lý trong thập niên 1960, họ sẽ chỉ làm mình trở nên lập dị và thúc đẩy các phản ứng ngoan cố. Nếu Nghị viện ngày nay cố gắng cư xử như “Nghị viện thứ 89 vĩ đại,” họ sẽ nhận được những tiếng la ó chế nhạo của một đám đông mà ngày nay hầu như chỉ dành từ *tuyệt vời* cho một trận đấu thể thao chuyên nghiệp quyết định thắng bại.

Bất kỳ khi nào những nhân vật của công chúng làm điều gì đó gợi nhớ bước chuyển trước kia, họ đều thất bại – thường là đầy ngoạn

mục. Trong thời kỳ Lạc quan, khi MacArthur muốn qua sông Yalu và mở rộng Chiến tranh Triều Tiên, thì Tổng thống và quân chúng không muốn cả hai việc đó, vì thời đại của chiến tranh tổng lực đã trôi qua. Cuối cùng thì Joe McCarthy đã phải nhận sự chỉ trích của những công dân mà một thập niên trước đã chấp nhận bỏ tù mà không cần xét xử các kẻ thù giả bộ là người Mỹ gốc Nhật. Điều tương tự đã xảy ra trong thời kỳ Thức tỉnh. Bộ phận đầu não Chiến tranh Việt Nam của Tổng thống Lyndon Johnson đã theo đuổi một chiến lược ngăn chặn toàn cầu và chính sách tuyển quân mà người Mỹ đã từng ủng hộ trong thời kỳ Lạc quan nhưng giờ đây lại phản đối. Trong đầu thập niên 1950, các nhà chính trị có thể hủy hoại sự nghiệp của người dân bằng cách cáo buộc họ không trung thành, nhưng những chỉ trích hồi đầu thập niên 1970 nhằm vào người không theo khuôn khổ của Spiro Agnew lại chỉ càng thúc đẩy sự nghiệp của những người ngoài khuôn khổ đó và hủy hoại sự nghiệp của chính ông ta. Và hãy xem Tổng thống Nixon: Từ những lời kêu gọi liên tục với “Đa số Thế hệ Im lặng,” sự báng bổ ngấm, đến trình diễn hình ảnh nổi tiếng trong bộ vest đi bộ trên bãi biển, ông là một nhân vật lỗi mùa *saeculum*, một người thuộc Bước chuyển Thứ nhất đang cố dẫn dắt một quốc gia trong Bước chuyển Thứ hai.

Trong thời kỳ Tan rã hiện thời, nhiều người đã phải trả giá đắt cho phản ứng chậm chạp sau mùa. Sự nghiệp chính trị của Gary Hart kết thúc vì một lời đùa cợt ít nghiêm trọng hơn nhiều so với sự cố Chappaquiddick mà Ted Kennedy đã vượt qua để cứu sự nghiệp vào năm 1969. Bob Packwood đã phải từ chức ở Thượng viện khi những kẻ chỉ trích ông áp dụng tiêu chuẩn thời kỳ Tan rã vào những khám phá bất ngờ về lối cư xử thời kỳ Thức tỉnh của ông. Joycelin Elders mất chức vụ đứng đầu ngành quân y vì những ý kiến mà nhiều phương tiện truyền thông hết lời khen ngợi vào hai thập niên trước đó. Calvin Klein đã phải thu hồi quảng cáo quần bò phô bày tình dục vị thành niên mà

có vẻ là vô vị vào thập niên 1970. Đề xuất năm 1994 của Clinton về việc tạo ra một cơ ngơi y tế liên bang mới rộng lớn gọi lại đến kiến nghị năm 1964 của Johnson về các chương trình Medicare và Medicaid. Kế hoạch của Lyndon Johnson mang tính quy luật mùa và có hiệu quả, nhưng của Clinton đã đi sau mùa và thất bại.

Để có thể đi *trước mùa*, Mỹ nên chuẩn bị từ bây giờ cho Bước chuyển Thứ tư.

Những người 55 tuổi khôn ngoan tiết kiệm tiền và giữ các thói quen tốt cho sức khỏe. Nhận ra rằng tuổi già sẽ phải đến, họ làm những gì có thể để biến nó thành một quãng thời gian tốt đẹp của cuộc đời, chứ không phải là sự trừng phạt của đói nghèo và bệnh tật. Vào mùa thu, nông dân khôn ngoan chuẩn bị cho một mùa đông đến sớm và khắc nghiệt. Họ bảo vệ mùa màng, thu thập hạt giống, và tích trữ nhiên liệu của mình. Tương tự, một xã hội khôn ngoan bắt đầu từ thời kỳ Tan rã để tránh khỏi các nguy hiểm của Khủng hoảng đang tới.

Ngay cả khi mọi người không suy nghĩ theo quy luật mùa, thì một cảm nhận theo bản năng về tính chu kỳ của thời gian vẫn có thể gợi nhắc những sự chuẩn bị quý giá trước thời kỳ Khủng hoảng. Trong Bước chuyển Thứ ba vừa qua, giữa bối cảnh phức tạp của thập niên 1910 và sự xô bồ của thập niên 1920, Thế hệ Sứ mệnh đưa ra xu hướng đi trước mùa, nó đã hỗ trợ rất nhiều cho quốc gia đang chìm trong suy thoái và chiến tranh. Phụ huynh, giáo viên, và huynh trưởng hướng đạo sinh phục hồi lại trật tự cho thế giới trẻ thơ. Những ông hoàng văn hóa dọn sạch Hollywood và bóng chày. Những nhà thuyết giáo thuộc các đức tin khác nhau cho ra đời những lá thư giống nhau phản đối sự suy đồi xã hội. Quan chức địa phương kiểm tra các chương trình xã hội mới. Gạt Thế chiến I sang một bên, các quan chức quốc gia tránh món nợ mới. Chẳng có việc nào trong đó đã được thực hiện để chuẩn bị riêng cho những khoảng thời gian tồi tệ, nhưng chúng đã có được tác động đó – phần lớn là dành cho lợi thế sau này của Mỹ.

Thời kỳ Tan rã trước Nội chiến cho thấy một xã hội có thể thất bại khi đón đầu mùa như thế nào. Suốt các thập niên 1840 và 1850, những rao giảng đạo đức của Thế hệ Siêu việt tuổi trung niên đã vượt khỏi việc củng cố gia đình và bảo vệ con cái họ, tiến tới thành việc cố gắng giành chiến thắng trong những tranh luận trước đây từ thập niên 1830 (tương đương là thập niên 1960). Thế hệ Siêu việt giữ quan điểm phân cực Bắc và Nam, với vài dấu hiệu nhỏ của một chương trình nghị sự về các giá trị chung. Các chính khách theo đuổi con đường tuyến tính theo nghĩa đen hoàn toàn của sự thỏa hiệp mang tính thủ tục, như cuộc tranh luận kéo dài về chế độ nô lệ ở phía tây, từ Missouri đến Kansas đến Thái Bình Dương. Trong khi đó, người theo thuyết duy linh thúc đẩy con đường Ki-tô tuyến tính, nhiệt thành loan báo rằng Sự Phục sinh lần Thứ hai của Chúa đang tới gần, giống như những gì họ đã làm trong năm 1844 khi hàng trăm ngàn người theo phong trào Phục lâm mặc áo choàng và trèo lên các ngọn đồi, mái nhà để nghênh đón Chúa. Vào cuối thập niên 1850, những tín đồ lớn tuổi cuồng tín của mọi phong trào đã đặt cược toàn bộ niềm đam mê từ thời kỳ Thức tỉnh của họ vào những bài thuyết giáo khai huyền. Do đó, Thế hệ Siêu việt đã có những hành động chính trị và quân sự mà nhiều người cho rằng sẽ sửa chữa mọi sai lầm và chuẩn bị cho sự cai trị của Chúa. Dưới ảnh hưởng sau các mùa của thời kỳ Thức tỉnh trước đó, Quán quân Già của Nội chiến đã đến sớm, mạnh mẽ, và mang tính hủy diệt.

Chuẩn bị trước mùa có tính hữu dụng cũng như hành động sau mùa sẽ bị rối loạn. Chúng ta ngưỡng mộ ý định chuẩn bị trước mùa khi chúng ta thấy điều này ở mọi người. Thật vậy, những tổng thống đáng nhớ nhất của Mỹ đã thể hiện điều đó trong hành động hay bài diễn thuyết trước khi họ được bầu. Sự kiên định thời kỳ Khủng hoảng của Washington và Eisenhower báo trước những thời kỳ Lạc quan sắp tới, khiến cho cả hai vị tướng được phần lớn người dân lựa chọn đứng

đầu các thời đại đó. Về mặt cư xử và đạo đức, John Kennedy đánh giá cao Cách mạng Nhận thức. Gần như đơn độc giữa những tiếng kêu lo lắng và kích động cuối thời kỳ Thức tỉnh, Ronald Reagan đã cảm nhận được một tâm trạng tự tin và vui vẻ thời kỳ Tan rã mà ông chính là hiện thân sau này. Hai vị cứu tinh quốc gia được yêu thích nhất của Mỹ, mỗi người đều tiên đoán được các Bước chuyển Thứ tư trước khi thời đại đó bắt đầu – Lincoln trong các cuộc tranh luận Douglas, Roosevelt trong các thử nghiệm tiền Chính sách Kinh tế Mới khi còn là Thống đốc New York.

Trong những năm gần đây, nhiều người Mỹ đã tuyệt vọng vì đất nước họ không còn sinh ra các nhà lãnh đạo có thể khích lệ và truyền cảm hứng. Song chính Bước chuyển chứ không phải quốc gia sẽ nâng những người vĩ đại đến với đỉnh cao quyền lực. Lincoln và Franklin Roosevelt là hai trường hợp tiêu biểu: Cả hai đã phải chờ thời kỳ Khủng hoảng ập đến. Thời kỳ Tan rã là một kỷ nguyên mà hầu hết những người thông minh, có tầm nhìn, và chính trực không tìm kiếm (và càng không được bầu vào) các chức vụ cao. Đó cũng không phải là một thời đại mà người ta muốn những nhà lãnh đạo chỉ dẫn họ đến bất kỳ nơi nào. Thật vậy, người Mỹ thập niên 1990 dường như ít quan tâm về những nhà lãnh đạo hơn là việc chắc chắn rằng mình không bị dẫn dắt đi quá nhanh hoặc quá xa theo bất kỳ hướng nào. Các ứng viên can đảm như Lincoln, khi xuất hiện trong một thời gian giống như chúng ta, họ sẽ gây cho chúng ta ấn tượng về sự kỳ quặc, không ăn khớp. Cử tri có thể ngưỡng mộ họ, nhưng chừng đó không đủ để bầu cho họ – chắc chắn không phải do sự thiếu xây dựng của phương tiện truyền thông thường gặp trong thời kỳ Tan rã.

Có lẽ đây cũng là điều tốt. Nếu chúng ta bầu ra một nhà lãnh đạo kiểu Lincoln trước khi Bước chuyển Thứ tư đến, chúng ta cũng sẽ đi theo các tiền lệ xấu từ chính cuộc bầu cử của Lincoln. Giả sử một nhà đạo đức có nguyên tắc nào đó đắc cử tổng thống năm 2000 giữa những

tranh cãi ồn ào tứ phía, sự kiện ấy có thể thúc đẩy một thời kỳ Khủng hoảng đến sớm, đặt Thế hệ Bùng nổ và Thứ 13 vào vai trò phá hủy đã từng được Siêu việt và Vàng son đảm nhiệm. Tuy nhiên, sau khi Bước chuyển Thứ tư đến, một người lãnh đạo kiểu Lincoln có nhiều khả năng sẽ tranh cử, và nhà lãnh đạo kiểu này có thể chính là những gì Mỹ cần, muốn, và có được.

Trò tiêu khiển quốc gia – môn bóng chày – cung cấp một bài học tương tự về tính theo mùa. Mỗi bước trong những Bước chuyển Thứ tư cuối cùng đã sinh ra một đấu thủ phi thường với hành vi được nhiều người ngưỡng mộ, nhưng với sự đi trước mùa thì vẫn chưa xác định được tiêu chí thưởng. Lou Gehrig đã minh họa điều đó trước thời kỳ Khủng hoảng gần đây nhất, Joe DiMaggio trước Lạc quan, Jackie Robinson trước Thức tỉnh, Reggie Jackson trước Tan rã, và Cal Ripken hiện nay. Đạo đức kiểu Gehrig của Ripken rõ ràng theo kiểu Bước chuyển Thứ tư. Dù được nhiều người ngưỡng mộ, nhưng nó không phải là kiểu hành vi thẳng thừng, vội vã, tự do, mà chủ yếu vẫn kiểm lời từ thời kỳ Tan rã.

Không có cách lãnh đạo duy nhất hay sự tôn sùng người hùng nào là thích hợp cho mọi khúc quanh, cũng như không có triết lý chính trị quen thuộc nào ngày nay có câu trả lời đúng cho mọi bước chuyển. Những người ủng hộ hoặc phản đối một chính sách cụ thể hiếm khi cho phép thay đổi trong *saeculum*. Nếu muốn chính phủ lớn hoặc thuế thấp hơn, nhiều quy định hơn hoặc ít hơn, họ có xu hướng giữ cái nhìn đó bất kể thời đại nào, như thể quy tắc đúng đắn đó vượt cả thời gian. Các giới tinh hoa chính trị và truyền thông tiếp tay cho quan điểm này. Từ chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bảo thủ tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tự do cá nhân, tất cả những ý thức hệ phổ biến đều không theo mùa. Trong phạm vi các mô hình đó phát triển, chúng đi theo cách tuyến tính, tạo nên khái niệm về chủ nghĩa biệt lệ Mỹ.

Tuy nhiên, lời kêu gọi của những ý thức hệ này lại rất có tính chu kỳ. Gần như mọi triết lý chính trị đều thịnh suy cùng với *saeculum*. Niềm tin vào chủ nghĩa tự do trong khu vực công xuất hiện vào thời kỳ Khủng hoảng trước, tăng cao trong Lạc quan, lên đến đỉnh điểm trong Thức tỉnh, và không còn được chấp nhận trong Tan rã. Sự bảo thủ văn hóa đi theo một khuôn mẫu giống thế, mặc dù trễ hơn một bước chuyển. (Nó xuất hiện trong các thời kỳ Tan rã và lên đến đỉnh điểm trong các thời kỳ Lạc quan.) Chủ nghĩa đa nguyên nhóm lợi ích và chủ nghĩa tự do cá nhân thị trường tự do lại đi theo một mô hình khác. Do cả hai chủ nghĩa này đề cao quyền hơn là nghĩa vụ, lên đến đỉnh điểm trong thời kỳ Tan rã gần nhất (thập niên 1920), không còn được yêu thích trong Khủng hoảng vừa qua (thập niên 1930), tái xuất hiện trong Lạc quan (thập niên 1950), tăng trong Thức tỉnh (thập niên 1970), và lại lên đỉnh điểm trong Tan rã hiện thời (thập niên 1990). Gần như mọi tư tưởng tĩnh đều có khả năng phát triển trong một bước chuyển của mỗi *saeculum* (khi những gì nó mang lại có tính trước mùa và hữu ích) và lụi tàn trong bước chuyển khác (khi những gì nó mang lại có tính sau mùa và có hại).

Trong thời kỳ Tan rã hiện thời, cả đa nguyên và thị trường tự do đều rất phổ biến. Nhịp điệu theo mùa ngụ ý rằng tính đại chúng của cả hai đang lên đến đỉnh điểm. Khi Mỹ trở lại thời kỳ Lạc quan, lối tư duy trước mùa sẽ gợi ý thúc đẩy cả hai *phát triển*. Tuy nhiên giờ đây, tư duy trước mùa gợi ý về sự chuẩn bị *suy giảm* của cả hai – bởi lẽ đến Bước chuyển Thứ tư, Mỹ sẽ không còn giữ nguyên lòng hiếu khách với những nhà vận động hành lang và những người tự do coi mình là trên hết. Khi *saeculum* dịch chuyển, rốt cuộc thời đại của họ sẽ đến một lần nữa, mặc dù không phải đến tận giữa thế kỷ 21.

Sự mù quáng theo mùa đã gây khó khăn cho vô số công cuộc nổi tiếng. Cho dù là người theo chủ nghĩa nữ quyền hay phản đối nạo phá thai, Hiệp hội Súng trường Quốc gia hay Liên minh Tự do Dân

sự Hoa Kỳ, các bên cung cấp hay sự thiết lập quyền dân sự, thì những quán quân trên một lĩnh vực liên tục đòi hỏi tiến bộ phi tuyến tính hướng tới một mục tiêu cố định theo quy trình. Trong một thế giới theo mùa, những nỗ lực đó dẫn đến sự tự lừa dối và thất vọng khó tránh khỏi. Ở một số thời kỳ, những công cuộc ấy tạo nên tiến bộ mà chắc chắn cũng sắp xuất hiện. Tại những thời đại khác, họ tuyệt vọng vì sự suy giảm mà thực ra không phải lỗi của mình. Suốt ba *saeculum* gần đây, hầu hết công cuộc xã hội của các nhà giải phóng (như quyền phụ nữ hay quyền công dân) đều có xu hướng nảy mầm trong một thời kỳ Lạc quan, nở rộ trong một Thức tỉnh, chín muồi trong một Tan rã, và úa tàn trong một Khủng hoảng. Song ngày nay, nhiều người ủng hộ các công cuộc đó vẫn tiếp tục đấu tranh cho những mục tiêu sau mùa: Họ tìm kiếm thêm niềm đam mê thời kỳ Thức tỉnh giữa những hoài nghi chống chất của Tan rã. Dầu sao với sức mạnh của ý chí quyết tâm, họ có thể buộc hoa loa kèn (đốm) nở rộ trong những khu rừng vào tháng 11.

Để vượt qua học thuyết tuyến tính, người Mỹ cần phải đánh giá lại các ý kiến của mình về mấy bước chuyển gần đây. Nhiều người mang ác cảm về một thập niên bất lợi trong trí nhớ mình. Đối với một số người là thập niên 1950; với số khác là thập niên 1960, và số khác nữa là thập niên 1980. Những ký ức không êm đẹp ấy phản ánh một nhận định tiêu cực (lần lượt) về thời kỳ Lạc quan, Thức tỉnh, hoặc Tan rã – như thể thời đại gây tranh cãi đó lẽ ra không nên xảy ra. Nhận định như vậy không đúng. Không có điều gì trong những bước chuyển (hoặc thập niên) đó lặp lại giống hệt quá khứ, nhưng mỗi bước chuyển là một giai đoạn lịch sử mà Mỹ phải trải qua. Những gì chúng ta nhớ về thập niên 1960 có thể đã thay đổi – có lẽ tốt hơn, hoặc tệ hơn. Song ngay cả với những thay đổi chúng ta cũng chỉ có thể trải nghiệm một thập niên 1960 tốt hơn hoặc tệ hơn, chứ không phải là sự lặp lại của thập niên 1950 hay sự tăng tốc của thập niên 1980. Thời kỳ Lạc quan Mỹ

không cần sự phân biệt chủng tộc hoặc phân biệt giới tính có tổ chức, nhưng lại đòi hỏi một sự đình trệ xã hội. Cách mạng Nhận thức không yêu cầu một cuộc Chiến tranh Việt Nam hay vụ Watergate, nhưng nó cần một cuộc nổi dậy của tuổi trẻ và sự thử nghiệm văn hóa. Thời kỳ Tan rã ngày nay không cần kiểu truyền thông gây xúc phạm hoặc việc thâm hụt ngân sách không ngừng, nhưng nó đòi hỏi chủ nghĩa cá nhân và sự phân rã thể chế. Một Bước chuyển Thứ tư không cần suy thoái kinh tế hay nội chiến, nhưng nó đòi hỏi sự hy sinh công khai và biến động chính trị.

Không đảng nào trong hai đảng chính trị lớn thạo lối suy nghĩ theo mùa. Đảng Cộng hòa kém hơn về khoản tìm xem thời kỳ đầu Thức tỉnh cần gì, Đảng Dân chủ kém hơn trong đầu Tan rã. Với Bước chuyển Thứ tư đã đi qua được khoảng một thập niên [của nó], giờ đây mỗi đảng đều chỉ làm đúng một nửa: Đảng Dân chủ nắm bắt được bản năng mùa thu của *saeculum* để gặt hái, còn Đảng Cộng hòa là bản năng làm cỏ và gieo hạt. Mỗi đảng đều đang thúc giục một cách hữu ích lên một sổ chính sách trước mùa: Đảng Dân chủ muốn thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, đảo ngược sự suy giảm của tầng lớp trung lưu, và mở rộng các chương trình cho trẻ em – trong khi Đảng Cộng hòa muốn cắt giảm ngân sách hành chính tiêu tốn thời gian, khôi phục một nền đạo đức trách nhiệm cá nhân, và thúc đẩy những phẩm chất truyền thống.

Song cả hai đảng cũng mang tính sau mùa một cách tai hại. Trong khi tìm kiếm một sự gặt hái lớn hơn bao giờ hết, Đảng Dân chủ muốn tiếp tục loại bỏ sự hy sinh khỏi vốn từ vựng công. Họ tìm kiếm quyền cho mọi nạn nhân, bao gồm toàn bộ tầng lớp trung lưu, mà không quan tâm liệu sự tiêu dùng được bảo đảm này có vững bền hay không. Nếu Đảng Dân chủ có thể làm theo cách của mình, họ sẽ áp đặt các khoản nợ khổng lồ và các loại thuế trong tương lai lên trẻ em Thiên niên kỷ. Trong cuộc truy tìm chủ nghĩa cá nhân còn hơn thế, Đảng

Cộng hòa muốn làm cho cơ quan công quyền bị rối loạn chức năng thêm. Họ tìm cách bỏ dối toàn bộ chính phủ và sẵn sàng đóng cửa toàn bộ các cơ quan liên bang để thể hiện quan điểm của mình. Nếu Đảng Cộng hòa vào cuộc, họ sẽ ngăn chặn việc Thế hệ Thiên niên kỷ tạo dựng được mối quan hệ tích cực với chính phủ và hạn chế các nguồn lực công hướng trực tiếp đến việc chăm sóc và học hành của những đứa trẻ nghèo khó nhất.

Mặc dù cả hai đảng đều phục vụ một cách hoa mỹ cho trẻ em Thiên niên kỷ, nhưng họ đều mù quáng trước những gì *saeculum* tiết lộ về mình. Đảng viên Dân chủ, vốn khen ngợi chủ nghĩa anh hùng thời chiến của các tiền bối Thế hệ Vĩ đại nhất, không suy xét xem cần đưa ra những ví dụ gì về sự hy sinh để truyền *trinh thần đồng đội* cho một thế hệ mới, trong khi đảng viên Cộng hòa, vốn ngưỡng mộ quyền công dân của các tiền bối Thế hệ Vĩ đại nhất, không suy xét xem cần tăng cường hình ảnh nào về chính phủ để truyền *trinh thần công dân* cho giới trẻ.

Giả sử cả hai đảng tiếp tục con đường tuyến tính của họ thông qua những gì còn sót lại của thời kỳ Tan rã. Nếu vậy, Đảng Dân chủ sẽ vẫn gắn bó một cách hữu ích với quyền dân sự, nhưng theo một hình mẫu quá tập trung vào trạng thái gặt hái đến mức ngăn cản bất kỳ sự hy sinh tổng thể nào vì một mục đích công quan trọng. Hãy hình dung họ chịu trách nhiệm khi thời kỳ Khủng hoảng diễn ra, một nhu cầu cấp thiết đặt ra là phá vỡ những cam kết cũ về tiêu dùng và yêu cầu cử tri từ bỏ điều gì đó. Dường như họ đúng là đảng không phù hợp với việc chỉ huy một dân tộc đang lâm nguy. Ngoài ra, giả sử Đảng Cộng hòa tiếp tục công việc, vẫn gắn liền một cách đồng tình với sự hy sinh nhưng trong một mô hình bị chủ nghĩa cá nhân vây hãm nhằm phòng ngừa sự vận động quần chúng rầm rộ cho bất kỳ mục đích nào. Hãy hình dung Đảng Cộng hòa chịu trách nhiệm khi một thời kỳ Khủng hoảng xảy ra đột ngột thúc đẩy nhu cầu cấp thiết về quyền lực xã hội được hồi sinh

để đạt một mục tiêu quốc gia mới. Nếu điều này xảy ra, xem ra họ đúng là đã sai khi chỉ đạo việc củng cố chính phủ.

Khi Bước chuyển Thứ tư đến, Mỹ sẽ cần cả hy sinh cá nhân lẫn quyền lực xã hội. *Saeculum* sẽ ủng hộ bất kỳ đảng nào tiến bước nhanh hơn và thuyết phục hơn hướng đến một mô hình chứa đựng cả hai. Hai đảng nên áp dụng tính quy luật mùa vào suy nghĩ của mình: Với Dân chủ là một khái niệm về nghĩa vụ dân sự sẽ hạn chế sự thu hoạch, với Cộng hòa là một khái niệm về quyền lực dân sự sẽ hạn chế sự gieo hạt. Nếu họ không làm, sẽ xuất hiện cơ hội cho một đảng thứ ba lấp đầy khoảng trống – sau đó, một hoặc cả hai đảng thống trị hiện nay có thể sẽ đi theo con đường của Đảng Whig.

Lịch sử cảnh báo rằng khi một cuộc khủng hoảng đóng vai trò xúc tác, một đảng chính trị (hay chế độ) thống trị có thể bị đổ lỗi trực tiếp vì “những sai lầm” đã dẫn đến tình trạng cấp bách của quốc gia. Bất kỳ ai nắm giữ quyền lực khi Bước chuyển Thứ tư đến đều có thể gia nhập bản danh sách bất hạnh của những người ủng hộ gia tộc Lancaster vào khoảng năm 1470, người Công giáo vào khoảng năm 1570, gia tộc Stuart vào khoảng 1680, Đảng Bảo thủ vào khoảng năm 1770, Đảng Dân chủ vào khoảng năm 1860, và Đảng Cộng hòa vào khoảng năm 1929. Phe đó có thể đánh mất quyền lực trong một thế hệ. Những người chủ chốt gắn bó với nó có thể bị phỉ báng, bêu riếu, công kích, thiệt hại kinh tế, chịu trừng phạt cá nhân – hoặc tệ hơn.

MỸ NÊN CHUẨN BỊ NHƯ THẾ NÀO

Những lời phàn nàn về việc đánh mất đạo đức công dân đã có từ thuở bình minh của nền văn minh. Những lời bình luận hùng hồn nhất về lý tưởng hy sinh cá nhân cho cộng đồng (cho dù là một thành bang, một vương quốc, hay một siêu cường) thông thường chỉ xuất hiện khi người ta thấy lý tưởng đó đang dần vuột mất. Điều đó rất phổ biến. Đây mới là điều ít biết: Những lời phàn nàn như vậy gần

như luôn nêu rõ rằng sự đánh mất lớn nhất mới chỉ xảy ra tương đối gần đây. Hãy đọc bất kỳ [tác phẩm của] nhà đạo đức vĩ đại nào, từ Cicero và Cato Lớn tuổi đến Burke và Bolingbroke, chú ý cách tất cả họ đã nhìn lại quãng thời gian trong ký ức của những người còn sống khi các gã khổng lồ xã hội còn sải bước trên mặt đất như thế nào. Lời than vãn của Mỹ về tinh thần xã hội suy giảm, cho dù được cất lên bởi Daniel Webster hay Perot Ross, không bao giờ gắn với những điều hoàn hảo đã mất của thời đại nào xa xôi hơn thời thơ ấu của chính nhà phê bình đó.

Nếu đạo đức công dân thường xuyên mất đi như vậy, nó cũng phải được thường xuyên khôi phục. Đây là những gì xảy ra trong một Bước chuyển Thứ tư. Khi một tâm trạng thời kỳ Khủng hoảng làm cho các xã hội giờ đây mang niềm tuyệt vọng mới, nó đồng thời làm cho chúng có khả năng mới, là lý do tại sao một mùa đông *saeculum* vừa được chào đón vừa bị lo sợ. Khi người Mỹ ngày nay nhìn về phía trước, thách thức là phải bố trí sức mạnh xã hội mới của mùa sắp tới để có được một cái kết tích cực chứ không phải suy tàn. Càng cùng nhau chuẩn bị sẵn sàng bao nhiêu, chúng ta càng có khả năng không chỉ sống sót qua thời kỳ Khủng hoảng mà còn dùng sức mạnh của nó cho những mục đích tốt đẹp và nhân đạo.

Để chuẩn bị cho Bước chuyển Thứ tư này, Mỹ có thể áp dụng những bài học của tính quy luật theo mùa. Các gợi ý sau đây phân biệt giữa hành động mà một quốc gia có thể thực hiện ngay bây giờ trong thời kỳ Tan rã, với những hành động đơn giản là bất khả thi trước khi Khủng hoảng diễn ra.

- *Chuẩn bị các giá trị:* Tạo dựng sự đồng thuận và nâng đỡ nền văn hóa, nhưng đừng mong đợi kết quả trong một thời gian ngắn.

Các chiến binh văn hóa Mỹ không cần lo rằng liệu các giá trị này có trở lại với đời sống xã hội hay không. Chúng luôn quay về ở Bước

chuyển Thứ tư – với một mức độ dữ dội. Bài phát biểu sẽ trở thành bài giảng công cộng; trường học là nhà thờ cộng đồng; và nghệ thuật là sự tuyên truyền mang tính thúc đẩy. Các câu hỏi mở đặt ra là những giá trị *nào* sẽ ngự trị, và liệu sự đồng thuận văn hóa của Mỹ có đủ rộng lớn và sáng tạo để tránh được chuyện phân hóa tiêu cực khi đất nước đấu tranh vì sự sống còn của mình hay không. Người dân trên mọi mặt của những cuộc Chiến tranh Văn hóa nên gây dựng những liên minh thực tế với các nhóm riêng biệt có nhiều quan điểm cạnh tranh nhau. Người Mỹ thuộc mọi thế hệ nên cố gắng nâng cao những tiêu chuẩn đạo đức và văn hóa. Những gì chúng ta đang làm có thể không có nhiều tác dụng với các lễ hội của thời kỳ Tan rã, nhưng sẽ có ích cho hai mục tiêu dài hạn quan trọng: giúp bảo vệ thế giới tuổi thơ, và giúp tái đề cao những thiết chế công cũng như truyền cho họ ý thức về mục đích công rất cấp thiết. Một nền văn hóa suy đồi hoặc theo thuyết hư vô là mảnh đất màu mỡ cho chủ nghĩa phát xít. Phương tiện truyền thông hay lối hành xử xã hội hôm nay càng thiếu kiểm soát, thì càng có khả năng ngày mai sẽ xuất hiện một thế lực bên ngoài áp đặt quyền kiểm soát chuyên chế hơn.

- *Chuẩn bị các thiết chế*: Dọn sạch các mảnh vỡ và tìm xem cái nào còn tác dụng, nhưng đừng cố gắng xây nên bất kỳ điều gì to lớn.

Bước chuyển Thứ tư sẽ thúc đẩy một biến động chính trị vượt khỏi bất kỳ điều gì mà người Mỹ ngày nay tưởng tượng ra. Quyền lực dân sự mới cần bén rễ, nhanh chóng và bền vững – và điều đó sẽ không dễ dàng gì nếu vẫn còn nguyên các quy tắc và nghi thức của chế độ cũ không còn được tin tưởng. Chúng ta nên loại bỏ và đơn giản hóa chính phủ liên bang trước thời kỳ Khủng hoảng bằng cách cắt giảm mạnh quy mô và phạm vi, nhưng không gây nguy hại đến hạ tầng cốt lõi của nó. Đồng thời, chúng ta nên đưa chính quyền liên bang và địa phương vào các phòng thí nghiệm chính sách mang tính cạnh tranh để thử

nghiệm những giải pháp mới cho các vấn đề xã hội đang gây tranh cãi. Đến thời kỳ Khủng hoảng, các thử nghiệm ở địa phương sẽ mang lại nền tảng kinh nghiệm cho những hoạt động nhanh chóng của quốc gia. Chính quyền các cấp nên cắt tĩa những bụi rậm về pháp luật, quy định, và chuyên môn đang cản trở sự thay đổi thiết chế. Họ cũng nên giảm bớt các yêu cầu về thủ tục mà có thể làm chậm hoặc suy yếu những giải pháp cấp bách. Tòa án cần tránh việc dựng lên các chương ngại hiến pháp đối với những hành động lập pháp hay mệnh lệnh hành pháp; điều đó sẽ chỉ gây cản trở khi tình trạng trở nên cấp bách. Bằng cách trì hoãn hành động hiệu quả, trên thực tế tòa án có thể đang khuyến khích một phản ứng thái quá độc đoán.

- *Chuẩn bị chính trị:* Thẳng thắn xác định những thách thức và nhấn mạnh nghĩa vụ hơn là quyền lợi, nhưng đừng cố gắng thực hiện những cải cách mà không thể hoàn thành ngay bây giờ.

Khi Bước chuyển Thứ tư diễn ra, nhiều người Mỹ sẽ tiếc nuối vì đã đối mặt với quá ít vấn đề quốc gia trong suốt thời kỳ Tan rã, khi thời gian và nguồn lực còn khá dồi dào. Đồng thời, người dân sẽ đánh giá cao bất kỳ sự tiến bộ nhỏ nào mà chúng ta đạt được hôm nay. Để ngăn chặn sự phân rã xã hội tiếp tục, các chính khách nên nói chuyện thật thẳng thắn về những thách thức tương lai của quốc gia, và viết nên một bài hùng biện mới về mục đích công trong đó nhấn mạnh nghĩa vụ tập thể hơn là quyền lợi cá nhân. Chính khách nào làm được điều này sẽ giúp ngăn chặn đà xuống dốc của sự hoài nghi, chiến dịch vận động tiêu cực, và sự thờ ơ. Họ sẽ giúp mở rộng số cử tri đi bầu trong giới trẻ, khuyến khích những thái độ công dân tốt hơn qua phương tiện truyền thông, và làm cho quần chúng ít nhất cũng tham gia vào đời sống xã hội ở mức tối thiểu. Thời kỳ Khủng hoảng đến, các chính khách sẽ được đặt vào tình thế tốt nhất để nhận lấy trách nhiệm và trở thành nhà lãnh đạo vĩ đại – tuy nhiên sự hỗ trợ của họ là hời hợt trong suốt thời kỳ Tan rã. Trong khi đó, chúng ta nên chấp nhận rằng những

cải cách cơ bản giờ đây là bất khả thi. Chúng ta không nên bận tâm đến việc cố gắng thực hiện những dự án dân sự rộng lớn trong một thời kỳ Tan rã: Nếu được đề xuất, chúng sẽ không được thông qua; nếu được thông qua, chúng sẽ không thực hiện được; và nếu buộc phải thực hiện theo quần chúng, chúng sẽ chỉ khiến nền chính trị nhận được sự khinh thường hơn mà thôi.

- *Chuẩn bị xã hội:* Yêu cầu làm việc nhóm cộng đồng để giải quyết các vấn đề địa phương, nhưng đừng thử làm điều này trên quy mô quốc gia.

Bước chuyển Thứ tư đến, sự sống còn của quốc gia sẽ đòi hỏi một mức độ làm việc nhóm chung và sự hy sinh cao hơn nhiều so với những gì người Mỹ hiện nay đang có. Từ graffiti ở thành phố đến phong trào “Không phải trong sân nhà tôi” vùng ngoại ô, những thói quen đi ngược lại quyền dân sự hiện nay phải bị phản đối dần từ bây giờ hoặc sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát vào ngày mai. Chúng ta phải chiến đấu chống lại sự rối loạn chức năng dân sự bất kỳ nơi nào nó xuất hiện. Nghĩa vụ bắt buộc với giới trẻ sắp xuất hiện: Mặc dù không thể ban hành điều đó hôm nay, nhưng chúng ta nên bắt đầu thử nghiệm theo những cách mà cho phép người theo chủ nghĩa tự do và người theo chủ nghĩa bảo thủ hành động để tìm kiếm sự đồng thuận trong việc chuẩn bị tập sự của giới trẻ. Giữa những người thuộc mọi lứa tuổi, chúng ta cần phải tái tạo tư cách công dân tốt ở cấp độ địa phương. Các cộng đồng cần cải thiện chức năng của chính mình (trường học, nhà ở, giao thông, sự an toàn, sự công bằng, dịch vụ xã hội) với nguồn lực của chính mình, không mong đợi tiền từ bất kỳ nơi nào. Các thị trấn và thành phố nên tạo ra những không gian công cộng, tổ chức các cuộc họp công cộng, và kêu gọi người dân tham dự. Chúng ta nên khuyến khích hội nhập dân tộc và phản đối nhóm riêng biệt (từ các vùng tách biệt nơi ngoại ô kín cổng cao tường đến các ký túc xá đại học chỉ toàn một sắc tộc). Trong thời kỳ Khủng hoảng, sự

tồn tại của quốc gia có thể phụ thuộc vào việc người dân từ những xuất thân khác nhau đã thành công trong việc xây dựng một ý thức mới về cộng đồng dân sự như thế nào.

- *Chuẩn bị giới trẻ:* Hãy coi trẻ em là ưu tiên cao nhất của quốc gia, nhưng không làm thay công việc cho chúng.

Kết quả của Bước chuyển Thứ tư có thể phụ thuộc vào khí phách của thế hệ sẽ trưởng thành khi đó – và vào việc liệu rằng thế hệ đó với tư cách là những đứa trẻ, có phát triển tính đồng đội mạnh mẽ, có kết nối tích cực với hoạt động công, và có lạc quan về tương lai của mình hay không. Để nuôi dạy giới trẻ thành những người có khả năng và sẵn sàng làm bất kỳ điều gì cần thiết, chúng ta phải chấp nhận mọi chi phí để chăm sóc họ đúng cách. Chính phủ liên bang nên bắt đầu từ bây giờ để chuyển hướng quỹ trợ cấp từ người già không mấy thiếu thốn sang thế hệ trẻ đang nghèo túng. Chính quyền địa phương nên tìm kiếm sự đồng thuận cộng đồng cho những hỗ trợ hào phóng trong trường học. Cùng với việc hợp tác với những nhóm thanh niên đặt ra quy chuẩn, các nhà thờ, hội đồng trường cần thiết lập các tiêu chuẩn cao về thành tích và hạnh kiểm, dạy giá trị cộng đồng, thực thi quy tắc về ngoại hình và ứng xử, khuyến khích số đông học sinh bằng cách sắp xếp những em đạt kết quả cao và thấp bên cạnh nhau. Cần tăng chi tiêu cho mạng lưới an sinh xã hội và dịch vụ cho trẻ em, nhưng phải chú trọng hoàn toàn vào phúc lợi của trẻ em; những người làm cha mẹ vô trách nhiệm phải giải trình nghiêm túc. Thế hệ Thiên niên kỷ là ưu tiên đầu tư quan trọng nhất của Mỹ trong thời kỳ Tan rã – và luôn cần được đối xử như vậy.

- *Chuẩn bị người lớn tuổi:* Nói với những người lớn tuổi tương lai rằng họ sẽ cần phải tự lực nhiều hơn, nhưng đừng cố cắt giảm mạnh lợi ích của người già hiện thời.

Không lâu sau khi bước vào Bước chuyển Thứ tư, những trù tính dài hạn ngày nay cho an sinh xã hội, chương trình Medicare, và các

chương trình phúc lợi người già khác sẽ phủ đầy bụi lịch sử. Nền kinh tế sẽ không tiếp tục tăng trưởng một cách trôi chảy như các chuyên gia hiện nay giả định – những sự kiện quan trọng sẽ buộc chính phủ phải cải tổ mọi ưu tiên chi tiêu của mình. Vào thời điểm đó, sẽ không ai được hưởng bất kỳ điều gì; những người cần giúp đỡ sẽ chỉ đơn thuần được *ủy quyền* một điều gì đó. Những con số công cần cảnh báo người lao động Mỹ ngày nay về sự dễ bị tổn thương của họ. Nên khuyến khích người dân tiết kiệm *nhiều* hơn từ thu nhập hiện tại của họ, và cho phép họ chuyển một phần tiền đóng cho bảo hiểm liên bang vào các kế hoạch được tài trợ hoàn toàn mà những món nợ đó sẽ không là gánh nặng cho người nộp thuế sau này. Về lương hưu của người lao động, mọi cấp chính quyền (gồm cả quân đội) nên chuyển từ kế hoạch lợi ích đã xác định thành kế hoạch đóng góp đã xác định, chấm dứt việc tích tụ của các khoản nợ trôi nổi. Một số lợi ích công (đặc biệt trong chăm sóc sức khỏe) sẽ phải giảm bớt thậm chí trước khi thời kỳ Khủng hoảng bắt đầu. Nên loại trừ Thế hệ Vĩ đại nhất đã già khỏi việc cắt giảm như vậy. Nhưng những người trẻ hơn (bao gồm Thế hệ Im lặng chưa nghỉ hưu) nên hưởng ứng một tuổi già tự tin hơn với trợ cấp ít hơn từ lao động trẻ nghèo hơn họ.

- *Chuẩn bị nền kinh tế*: Sửa chữa những nguyên tắc cơ bản, nhưng không cố gắng điều chỉnh ngay bây giờ.

Trong thời kỳ Khủng hoảng, nền kinh tế Mỹ sẽ trải qua những chấn động mạnh mẽ nhất về giá trị tài sản, sản xuất, việc làm, mức giá, và cơ cấu công nghiệp trong ký ức của người đang sống. Đến một lúc nào đó, nền kinh tế cũng có thể bị đẩy đến điểm giới hạn để sinh ra các công cụ cần thiết cứu lấy đất nước, và sau đó sinh ra cơ sở hạ tầng là cơ sở cho *saeculum* tiếp theo. Trong suốt phần còn lại của thời kỳ Tan rã, chúng ta nên khuyến khích tiến bộ công nghệ cao và cạnh tranh nhằm phát triển những công nghệ tốt nhất cho ứng dụng cơ bản. Tuy nhiên, giờ chưa phải là lúc để triển khai chúng – hoặc để thực hiện chính sách

công nghiệp bằng cách chọn ra người thắng và kẻ thua. Chúng ta cũng phải cố gắng nâng cao tỉ lệ tiết kiệm quốc gia. Với việc tiêu dùng quá mức thiếu khôn ngoan trong một thời đại hiện nay mà nhiều nhà nhân khẩu học gọi là Mùa hè Ấn độ trên lĩnh vực tài chính, Mỹ đang trên đà bị ngập trong những nghĩa vụ hưu trí không được hỗ trợ kinh phí ngay tại thời khắc tối tệ nhất – khi thời kỳ Khủng hoảng đang đến gần. Để tăng tiết kiệm khu vực tư nhân, chúng ta nên thay đổi cơ sở tính thuế từ thu nhập thành tiêu dùng, và yêu cầu các kế hoạch về lương hưu cá nhân linh động cho mọi người lao động. Để nâng cao khoản tiết kiệm của khu vực công, chúng ta nên phấn đấu đạt được không chỉ sự cân đối ngân sách liên bang, mà cả thặng dư ngân sách càng sớm càng tốt. Sẽ là khôn ngoan nếu Mỹ mạo hiểm với một cuộc suy thoái kinh tế ngắn hạn trong Bước chuyển Thứ ba nếu cần, để giúp giảm bớt nguy cơ (hoặc ít nhất là giảm thiểu mức độ nghiêm trọng) của một cuộc suy thoái lớn trong Bước chuyển Thứ tư.

- *Chuẩn bị quốc phòng*: Chờ đợi điều tối tệ nhất và chuẩn bị vận động, nhưng không cam kết trước bất kỳ phản ứng nào.

Điển hình cho thời kỳ Tan rã là một xã hội tự thỏa mãn trước nguy cơ chiến tranh – và hy vọng rằng sự cô lập, ngoại giao, tầm vóc vượt trội, thiện chí đơn thuần có thể bảo vệ mình (và thế giới) khỏi vấn đề nghiêm trọng đó. Ngày nay, học thuyết quân sự hiện hành của Mỹ được hình thành từ cái gọi là bài học Chiến tranh Việt Nam, nó thừa nhận tất cả những điều trên. Nhưng trước khi Bước chuyển Thứ tư diễn ra, Mỹ nên sẵn sàng cho một thứ khác: một cuộc chiến mà quy mô, chi phí, nhân lực, vũ khí, thương vong, và những hy sinh nơi hậu phương của nó vượt xa bất kỳ điều gì mà đất nước đang chịu đựng hiện tại. Với những khó khăn sắp tới đó, chúng ta sẽ nhận được sự giúp đỡ ít ỏi từ các bộ máy quan liêu xuyên quốc gia, ngoài hỗ trợ chủ yếu đến từ các đồng minh chia sẻ cùng chúng ta những lợi ích cơ bản. Sức mạnh ngoại giao ngày nay (và viện trợ nước ngoài) cần được định hướng theo

đó. Chúng ta nên đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển, hướng tới những nguy hiểm trong tương lai dù bây giờ mới chỉ là dự báo mơ hồ, duy trì các cơ sở hạ tầng quốc phòng đa dạng (có khả năng mở rộng nhanh chóng khi có nhu cầu) trong tình trạng tốt, và duy trì khả năng tái quân sự hóa những tài sản trong nước và căn cứ nước ngoài dư thừa. Chúng ta không nên quá chuyên môn hóa nhân lực hoặc đầu tư quá mức vào những sự triển khai (như vũ khí robot và công nghệ thông tin hoang phí) mà khi thời kỳ Khủng hoảng lên đến cao trào, có thể mất giá trị và lỗi thời như phòng tuyến Maginotⁱ. Nếu Mỹ xây dựng một lực lượng hải quân và không quân lớn mạnh trong thập niên 1920, những kết quả đó có thể đã làm giảm khả năng của đất nước trong việc xây dựng những lực lượng mới hơn và tốt hơn sau Trân Châu cảng, theo đó đặt toàn bộ nỗ lực chiến tranh vào thế nguy hiểm.

Một vài đề xuất trong đó có vẻ khá khiêm tốn so với mức độ nghiêm trọng của các thách thức mà Mỹ sẽ sớm phải đối mặt. Nhưng đó là tất cả những gì mà mùa hiện tại cho phép. Trong một thời kỳ Tan rã, sẽ là vô nghĩa (thật vậy, thậm chí còn phản tác dụng) nếu thử thổi hồi kèn vang dội nhất kêu gọi hành động quốc gia. Tuy nhiên, chúng ta nợ chính mình và con cháu mình những nỗ lực tốt nhất để thực hiện các biện pháp ít vinh quang hơn mà bây giờ chính *là* thời cơ hoạt động. Nếu chúng ta không làm, thời kỳ Khủng hoảng của Bước chuyển Thứ tư sẽ còn hủy hoại nhiều hơn nữa.

Viễn cảnh khi chúng ta, với tư cách một quốc gia, có thể *không* chuẩn bị gì, càng làm tăng thêm tầm quan trọng của sự chuẩn bị cá nhân.

i. Nguyên văn: “Maginot Line”, đặt theo tên của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp André Maginot, một công trình quân sự được xây dựng trong thập niên 1930 dọc biên giới Pháp tiếp giáp với Đức và Ý, với mục đích bảo vệ lãnh thổ Pháp sau kinh nghiệm của Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tuyến phòng thủ gồm các tường thành bê tông với nhiều ụ chống tăng, lô cốt đại bác, ổ súng máy và đồn quân sự.

BẠN NÊN CHUẨN BỊ NHƯ THẾ NÀO

Hãy nghĩ về điều sẽ xảy ra khi một cơn bão tuyết mùa đông khủng khiếp tấn công. Bạn nghe cảnh báo thời tiết nhưng có thể không kịp phản ứng. Bầu trời tối sầm. Rồi cơn bão ập đến với toàn bộ sức mạnh, và không khí toàn một màu bạc. Từng kết nối của bạn với thời đại máy móc bị phá vỡ. Điện phụt tắt, tivi cũng vậy. Hết pin, đài im tiếng. Điện thoại ngừng hoạt động. Đường không thể đi được, và kẹt xe. Nguồn cung cấp lương thực cạn dần. Ngày qua ngày, những dấu tích của nền văn minh hiện đại – máy móc ngân hàng, các quỹ tương hỗ, cửa hàng bán lẻ, máy vi tính, vệ tinh, máy bay, chính phủ – mọi thứ dần mất kết nối. Cơn bão lột trần bạn, đưa thế giới của bạn về với những trần trụi bé nhỏ – một số xấu, số khác tốt. Mặt xấu là những yếu tố thiên nhiên. Mặt tốt là bất kỳ mảnh vụn nào của sự gắn kết xã hội mà bạn có thể tập hợp được, từ kỹ năng sinh tồn của chính gia đình bạn, đến những hàng xóm nhiệt tình giúp đỡ và chia sẻ, đến một gia đình cho bạn mượn dụng cụ ủi tuyết gắn trên xe tải vì bạn đã từng giúp đỡ họ chút ít.

Hãy tưởng tượng chính bạn và những người thân yêu của mình ở giữa một trận bão tuyết đang gào thét kéo dài suốt nhiều năm. Hãy nghĩ về những gì bạn sẽ cần, những người có thể giúp bạn, và tại sao số phận của bạn lại có thể quan trọng với ai đó ngoài chính bạn. Đó là cách lập kế hoạch cho một mùa đông *saeculum*.

Đừng nghĩ rằng bạn có thể thoát khỏi Bước chuyển Thứ tư theo cái cách mà hiện bạn có thể đang dùng để tách mình khỏi tin tức, chính trị quốc gia, hoặc thậm chí các loại thuế bạn cảm thấy không thích chi trả. Lịch sử cảnh báo rằng một cuộc khủng hoảng sẽ định hình lại môi trường kinh tế xã hội cơ bản mà bạn hiện đang coi là hiển nhiên. Bước chuyển Thứ tư này đòi hỏi trật tự xã hội phải chết và tái sinh. Đây là nghi thức cuối cùng về sự vượt qua cho cả một dân tộc, đòi hỏi một tình trạng dưới ngưỡng của sự hỗn loạn tuyệt đối mà bản chất và thời

gian của nó không ai có thể dự đoán trước được. Nó có thể liên quan đến các giai đoạn xáo trộn xã hội (và di cư bắt buộc), tổng động viên (và thanh niên nhập ngũ), đổ vỡ kinh tế (và thất nghiệp hàng loạt), mất thông tin liên lạc (và sự cô lập của các gia đình), hoặc khủng hoảng xã hội (và các ủy ban an toàn công cộng). Nhiều khả năng, nó sẽ liên quan nhiều hơn đến một trong mấy yếu tố đó.

Như trong một trận bão tuyết, những chân lý giản dị nhưng cơ bản sẽ xuất hiện trở lại. Đây là những yếu tố quen thuộc của truyền thuyết và huyền thoại đã tồn tại vượt thời gian, đơn giản vì cần đến chúng trong các thời khắc nguy hiểm. Những phẩm chất cổ điển chưa cần thiết trong một thời kỳ Tan rã (các đặc điểm như lòng tin, chân thực, nhẫn nại, kiên trì, tiết kiệm, và vị tha), sẽ trở nên thịnh hành trong một thời kỳ Khủng hoảng. Nếu lịch sử không có tính quy luật mùa, thì những phẩm chất đó đã teo lại từ lâu, biến mất khỏi bộ nhớ như thứ vô dụng với nhân loại. Chúng vẫn được lưu giữ trong truyền thống của chúng ta bởi với mỗi một *saeculum*, chúng được tái khẳng định với tất cả sự vinh quang, ca tụng những người sở hữu chúng và trừng phạt những ai không có. Trong các sử thi về mối nguy hiểm xã hội, từ *Beowulf* đến *Victory at Sea*, hãy chú ý những người chiếm ưu thế và những giá trị mà họ sở hữu. Đến thời kỳ Khủng hoảng, *đó là* những huyền thoại mà bạn muốn học theo, và *đó là* các giá trị bạn sẽ cần phải thể hiện.

Để chuẩn bị cho Bước chuyển Thứ tư, bạn cần cố gắng áp dụng những bài học về mùa sau đây.

Chỉnh sửa: Trở lại với những đức tính cổ điển.

Trong thời kỳ Khủng hoảng sắp tới, sẽ có sự phân biệt rõ ràng giữa những người có thể và những người không thể tin cậy được. Hãy xây dựng danh tiếng như một con người tự trọng và chính trực, coi trọng sự tự chủ, các cam kết về gia đình, sự chuẩn mực về văn hóa, và

tin tưởng lẫn nhau. Hãy là một công dân tốt trong thị trấn của bạn, một người hàng xóm tốt trong khu dân cư, một đối tác tốt trong công việc. Hãy lịch sự và tuân thủ các tiêu chuẩn ứng xử nơi công cộng. Hãy tin rằng uy tín cộng đồng của bạn còn quan trọng hơn rất nhiều so với hiện tại. Bước chuyển Thứ tư sẽ không dễ chịu đối với những người (hoặc tổ chức) tự do nổi tiếng về việc vứt bỏ lòng trung thành, lật lại các thỏa thuận đã được dàn xếp, hoặc gây sức ép lên mọi điểm của đòn bẩy. Điểm mấu chốt là bạn càng đan xen với người khác (và cộng đồng của bạn) bao nhiêu, thì họ (và các công chức) sẽ càng hữu dụng trong trường hợp khẩn cấp bấy nhiêu. Hãy chờ đợi được đối xử dựa theo thanh danh nhóm của bạn. Bất kể lợi thế về mặt thiết chế hiện tại của bạn là gì, nếu công việc của bạn bị coi là cướp bóc, nghề nghiệp của bạn là ký sinh, hoặc ảnh hưởng của bạn là tồi tệ, thì cá nhân bạn sẽ gặp rủi ro.

Hội tụ: Chú ý các chuẩn mực cộng đồng xuất hiện.

Trong một Bước chuyển Thứ tư, cốt lõi của quốc gia sẽ quan trọng hơn sự đa dạng của nó. *Nhóm, thương hiệu, và tiêu chuẩn* sẽ là những từ thông dụng mới. Bất kỳ ai và bất kỳ điều gì không thể diễn tả được bằng mấy khái niệm đó có thể bị gạt sang một bên – hoặc tệ hơn nữa. Đừng cô lập bản thân khỏi các công việc cộng đồng. Trạng thái “bị tách rời” có thể đưa bạn rơi vào tình thế bất lợi vào lúc cần phải biết tất cả những gì các cấp chính quyền đang làm chỉ để đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất của bạn. Sự có mặt sẽ rất quan trọng. Công lý sẽ khắc nghiệt, vì xã hội sẽ yêu cầu trật tự cao hơn nhưng lại có ít nguồn lực và thời gian hơn để thực thi nó. Khi không còn sự phân biệt về chuyên môn, những người vô tội sẽ bị ảnh hưởng. Nếu bạn không muốn bị phán quyết sai, đừng hành động theo cái cách có thể kích động chính quyền thời kỳ Khủng hoảng tưởng là bạn phạm tội. Nếu bạn thuộc về một chủng tộc hay dân tộc thiểu số, hãy chuẩn bị sẵn sàng trước một làn sóng dữ dội ủng hộ dân bản địa từ một đa số cương quyết (và có thể

độc đoán). Khi thời kỳ Khủng hoảng lên cao, bạn có thể phải lựa chọn giữa sự trung thành với cộng đồng dân tộc và trung thành với nhóm của riêng bạn. Tự cô lập khỏi những người thuộc các chủng tộc hoặc dân tộc khác có thể gây nguy hiểm, bởi có thể bạn sẽ cần sự giúp đỡ khẩn cấp từ những người mà hiện giờ có lẽ bạn đang lẩn tránh.

Liên kết: Xây dựng mọi loại quan hệ cá nhân.

Khi thời kỳ Khủng hoảng ập đến, tình trạng nặc danh sẽ gắn liền với những thói xấu tai tiếng của Tan rã, và gây lo sợ. Những mối liên hệ cá nhân trực tiếp giờ đây được đề cao. Hãy nhận ra những người có thể giúp bạn. Trong Bước chuyển Thứ tư, có những người bạn tốt ở vị trí cao là điều rất quan trọng. Sự suy vong (về thể chế) mức độ cao có thể giảm bớt, nhưng trao đổi (về cá nhân) mức độ thấp có thể phát triển mạnh, khi người ta tìm kiếm những đặc quyền chính thức của riêng họ nhằm đáp ứng các nhu cầu cơ bản và cấp bách nhất. Thị trường sẽ áp dụng các quy tắc tương tự. Những cuộc gặp mặt đối mặt với mọi người (hàng xóm, ông chủ, nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, chủ nợ, con nợ, công chức, cảnh sát) sẽ trở nên quan trọng. Bạn sẽ đánh mất sự riêng tư cá nhân. Bước chuyển Thứ tư có thể là quãng thời gian tối tăm đối với tinh thần tự do: Ngay khi một công chức có thẩm quyền mới để làm điều gì đó *cho* bạn, thì người khác – một thẩm phán nào đó được cử làm đại diện một cách vội vã – có thẩm quyền mới để làm điều gì đó *với* bạn.

Tập hợp: Tự chuẩn bị cho bản thân (và con cái bạn) làm việc theo nhóm.

Trong Bước chuyển Thứ tư, phần thưởng sẽ tăng thêm cho những người có tiếng là thừa nhận quyền lực và làm việc tốt theo nhóm. Hợp nhất các kỹ năng, công việc, và thú tiêu khiển của bạn với những người khác. Ít nhấn mạnh đến điều khiến bạn nổi bật với tư cách một cá nhân, và chú ý hơn đến điểm chung giữa bạn với người khác. Trong

kinh doanh, hãy tiến tới những cấu trúc kết hợp các nhóm và hệ thống, sử dụng công nghệ (bao gồm cả máy vi tính) như công cụ để đưa mọi người đến với nhau. Dạy trẻ em có kỹ năng làm việc nhóm xuất sắc. Đừng để bọn trẻ xa rời dòng chảy chính này. Nơi nào có trường công tốt, bạn nên đưa chúng đến đó để chúng có thể học kỹ năng nhóm giữa các bạn học có xuất thân và khả năng khác nhau. Hãy mong đợi trẻ em phát triển một mối liên kết mạnh mẽ với chính quyền. Con của bạn có thể được bổ nhiệm khi đến tuổi trưởng thành, có thể là vào những hoàn cảnh nguy hiểm thật sự. Đây là nguyên nhân gây lo lắng, hẫng rồi – nhưng với sự thăng hoa của tuổi trẻ, đây cũng là lý do để tự hào và hy vọng.

Nguồn cội: Hãy tìm đến gia đình bạn để được hỗ trợ.

Khi Bước chuyển Thứ tư đến, gia đình sẽ trở thành mạng lưới an toàn tối hậu của bạn. Duy trì các mối quan hệ đáng tin cậy với đại gia đình bạn, từ ông bà đến các cháu, từ thông gia đến các anh em họ xa. Khi những nguồn hỗ trợ khác suy yếu, gia đình bạn sẽ phát huy hiệu quả tốt nhất nếu bao gồm nhiều thế hệ, với người già và người trẻ quan tâm tới những nhu cầu đặc biệt của nhau. Ở đỉnh điểm của thời kỳ Khủng hoảng, là một người về hưu non (hoặc sống xa các thành viên khác trong gia đình) có thể gặp phải những khó khăn mới. Một người lớn tuổi giàu có có thể cân nhắc việc chuyển càng nhiều tài sản càng tốt cho người thừa kế trong thời kỳ Tan rã, nhờ đó tránh nguy cơ bị đánh thuế bất động sản bắt buộc sau này. Nếu bạn không có vợ/chồng hay con cái, bạn nên phát triển một mạng lưới hỗ trợ thay thế kiểu gia đình trong bạn bè, hàng xóm, và đồng nghiệp. Bước chuyển Thứ tư sẽ không phải là lúc để bị, hoặc cảm thấy bị mắc kẹt về mặt xã hội.

Củng cố: Chuẩn bị cho sự suy yếu hoặc sụp đổ của các cơ chế hỗ trợ xã hội.

Trong suốt Bước chuyển Thứ tư, những lợi ích cho người lớn tuổi mà chính phủ đang hào phóng cung cấp (tiền bạc, y tế, nhà ở, và dịch vụ xã hội) có thể suy giảm mạnh. Thanh niên, chứ không phải người có tuổi, sẽ là mục tiêu của hành động và sự tưởng thưởng xã hội. Trừ phi bạn hy vọng thu nhập và tài sản của mình đủ thấp để vượt qua một cuộc kiểm định tài chính, còn không bạn đừng nên để ý đến những lời hứa của chính phủ Mỹ về độ tin cậy của an sinh xã hội, các chương trình Medicare và Medicaid, và có lẽ là cả trợ cấp xã hội cho người lao động. Bất kỳ điều gì trong đó hóa ra cũng không đáng tin cậy hơn những cam kết trước đó về đồng đô-la Thuộc địa và Liên minh. Bạn nên bắt tay ngay vào việc xây dựng an ninh tài chính của riêng mình. Bạn nên tiết kiệm nhiều tiền, kể cả khi điều đó đồng nghĩa với việc cắt giảm cách sống hiện tại. Cách tốt nhất để đảm bảo chăm sóc sức khỏe tốt khi tuổi già là thực hành thói quen tốt về sức khỏe ngay hôm nay. Hãy mong đợi một quy tắc mới về thứ tự chăm sóc sức khỏe, và đừng tin rằng sẽ có ai đó trả tiền cho hậu quả từ những thói xấu của bạn thời kỳ Tan rã. Thảo luận với gia đình bạn về việc gánh nặng tuổi già sẽ được gánh vác như thế nào nếu và khi trợ cấp xã hội không còn nữa. Chuẩn bị cho những sự lựa chọn khó khăn mà bạn có thể phải đối mặt trong Bước chuyển Thứ tư bằng cách suy xét những gì cuộc sống (và cái chết) của bạn một ngày nào đó sẽ có ý nghĩa thế nào với người khác.

Phòng ngừa rủi ro: Đa dạng hóa mọi thứ bạn làm.

Một khi thời kỳ Khủng hoảng diễn ra, điều gì cũng có thể xảy đến. Nếu hiện giờ bạn đang khởi nghiệp, hãy nhận ra rằng những người có hiểu biết rộng với bí quyết sống còn sẽ có lợi thế hơn các chuyên gia với những kỹ năng chỉ hữu ích trong một môi trường còn nguyên vẹn. Thành thạo càng nhiều ngôn ngữ, văn hóa, và công nghệ càng tốt. Công việc của bạn có thể phải đối mặt với một đối thay toàn diện của điều kiện thị trường: Trợ cấp xã hội sẽ không còn, môi trường pháp lý thay đổi nhanh chóng, và các rào cản thương mại mới

phát sinh. Tránh đầu tư bằng đòn bẩy hoặc nợ dài hạn, kể cả khoản nợ sinh viên lớn. Hãy giả sử rằng tất cả các mạng lưới an toàn bên ngoài của bạn (lương hưu, an sinh xã hội, Medicare) có thể bị phá vỡ hoàn toàn. Đầu tư mạnh vào cổ phiếu thường để kiếm lời khi còn có thể trong suốt thời gian còn lại của thời kỳ Tan rã, nhưng cảnh giác với trạng thái xã hội. Hãy nhớ rằng chúng ta càng đến gần Bước chuyển Thứ tư, càng có nguy cơ về một cuộc Đại mất giá. Hạn chế danh mục đầu tư của bạn kể cả những tài sản tại các thị trường nước ngoài, nơi nhịp *saeculum* có lẽ không trùng với Mỹ. Bước vào thời kỳ Khủng hoảng với dòng tiền an toàn, tiết kiệm đa dạng, và một số tài sản linh động. *Biết* rõ tiền của bạn đang ở đâu. Cố gắng đảm bảo rằng không có một kết quả nghiêm trọng nào (lạm phát, giảm phát, thị trường sụp đổ, hoảng loạn ngân hàng, vỡ nợ với nợ công) phá hủy được toàn bộ nền tảng tài sản của bạn.

Nếu áp dụng những bài học này, bạn sẽ ít bị mạo hiểm. Giả sử bạn may mắn, thời kỳ Khủng hoảng không ảnh hưởng nhiều đến cá nhân bạn. Bằng việc chuẩn bị cho nó, bạn có thể mất một số thu nhập hay thú vui ngắn hạn, nhưng không có hậu quả lâu dài. Giả sử bạn không may mắn như vậy. Nếu không được chuẩn bị, bạn sẽ phải đối mặt với nhiều nguy cơ. Lịch sử đã cảnh báo rằng mùa đông *saeculum* có thể là thời kỳ tàn úa với tất cả mọi người, đặc biệt là với những người hoàn toàn bị bất ngờ. Không quan trọng tuổi tác, giới tính, thu nhập, chủng tộc, tình trạng gia đình, hoặc ngành nghề của bạn là gì, sự lựa chọn hợp lý hiện nay có thể giúp bạn tránh khỏi những lựa chọn liều lĩnh thật sự trong Bước chuyển Thứ tư này.

NHỮNG KỊCH BẢN THẾ HỆ

Ở Rome cổ đại, không khó hiểu khi hầu hết mọi người mong muốn được một lần trong đời chứng kiến những hội thi đấu trăm năm có một. Một số sẽ gặp được điều đó trong *senectus* (lão niên), một

số khác trong *viritas* (trung niên), *iuventus* (thanh niên), hoặc *pueritia* (thời thơ ấu). Giai đoạn cuộc đời khi họ trải qua hội thi đấu này vĩnh viễn đánh dấu vị trí của họ trong lịch sử La Mã.

Điều này cũng đúng với các thế hệ. Mỗi nguyên mẫu đi qua bốn mùa *saeculum* trên con đường giống như hành trình một năm qua bốn mùa của tự nhiên. Vì mùa đông đến với mỗi nguyên mẫu ở một giai đoạn cuộc đời khác nhau, nên nó cũng phù hợp với mỗi vở kịch trong những vở kịch vòng đời tương ứng của họ khác nhau. Theo đó, Bước chuyển Thứ tư này mang đến cho mỗi nguyên mẫu một kịch bản riêng của mình.

Trong các kịch bản này, mỗi nguyên mẫu đối mặt với cái bóng mình trong thời kỳ Khủng hoảng, và mỗi nguyên mẫu nhận thấy mình ở vị trí mang đến cho xã hội một đặc điểm mà có vẻ đang thiếu vắng trong bước chuyển thời thơ ấu của chính mình. Tiên tri, sinh ra trong thời kỳ Lạc quan, tìm kiếm viễn cảnh; Du cư, sinh ra trong Thức tỉnh, tìm kiếm hiện thực; Anh hùng, sinh ra trong Tan rã, tìm kiếm sức mạnh; và Nghệ sĩ, sinh ra trong Khủng hoảng (trước đây hoặc hiện tại), tìm kiếm đồng cảm.

Bước vào và trải qua Bước chuyển Thứ tư tiếp theo, nhóm thế hệ của Mỹ sẽ thay đổi đáng kể. Trong số các thế hệ đang sống hôm nay, những thay đổi quan trọng về nhân khẩu học được dự kiến sẽ xảy ra từ năm 2005 đến 2026. *Thế hệ Vĩ đại nhất* sẽ gần như biến mất, còn lại một vai trò thuần túy là tổ tiên. Trong tất cả các thành viên Vĩ đại nhất từng sống, chỉ có một trong tám người còn sống để chứng kiến thời kỳ Khủng hoảng thúc đẩy, một trong 250 người (đều hơn trăm tuổi) chứng kiến sự hóa giải. *Thế hệ Im lặng* sẽ đóng vai trò chẳng mấy vui vẻ là nhân chứng không trọn vẹn cho sự kiện sử thi về trải nghiệm trưởng thành của họ. Trong tất cả những thành viên Im lặng từng sống, có ba trong năm người sẽ sống sót để nhìn thấy Bước chuyển Thứ tư bắt đầu, chỉ có một trong năm người chứng kiến nó kết thúc. Khoảng

năm trong số sáu người thuộc *Thế hệ Bùng nổ* sẽ sống để chứng kiến sự bắt đầu, và hai trong ba người được thấy sự hóa giải. Số đông áp đảo của *Thế hệ Thứ 13* sẽ sống để chứng kiến Bước chuyển Thứ tư kết thúc. Họ sẽ bước vào thời kỳ Khủng hoảng như thế hệ lớn nhất của Mỹ, nhưng bị hai thế hệ khác làm lu mờ. Đến cuối thời kỳ Khủng hoảng, *Thiên niên kỷ* sẽ là thế hệ cử tri lớn nhất ở Mỹ.

Nếu các thế hệ hôm nay đi theo mô hình lịch sử, có thể dự kiến những thay đổi trong sự lãnh đạo quốc gia sau đó: Khi thời kỳ Khủng hoảng đóng vai trò xúc tác, Thế hệ Im lặng sẽ rời khỏi chính quyền, Bùng nổ sẽ đến gần đỉnh cao quyền lực của họ, Thứ 13 sẽ thăng tiến nhanh chóng, Thiên niên kỷ sẽ là những cử tri và binh lính còn non trẻ. Khi thời kỳ Khủng hoảng được giải quyết, Thế hệ Im lặng sẽ không có quyền lực, Bùng nổ trên bờ vực xuống dốc, Thứ 13 gần chạm đến đỉnh cao, Thiên niên kỷ thăng tiến nhanh chóng, và Im lặng mới vừa bắt đầu bỏ phiếu và nhập ngũ.

Với tư cách cá nhân, hầu hết chúng ta chỉ có chút sức lực để giúp Mỹ vượt qua thời kỳ Khủng hoảng sắp tới. Song với tư cách thành viên của các thế hệ, sức mạnh của chúng ta lớn hơn rất nhiều. Hãy nhớ lại động lực cốt lõi của *saeculum*: *Lịch sử định hình các thế hệ, và các thế hệ định hình lịch sử*.

Kịch bản của Thế hệ Vĩ đại nhất

Thế hệ Anh hùng không nhìn về phía trước để tiến lên trong thời kỳ Tan rã, một kỷ nguyên của sự phân rã trật tự xã hội mà họ từng xây dựng. Đó là nỗi thất vọng cuối đời của Thế hệ Anh hùng khi thấy khá nhiều vấn đề dai dẳng và giới trẻ không tài nào xử lý được chúng. Thế hệ Anh hùng phải chấp nhận rằng có thể họ không bao giờ biết thời kỳ Khủng hoảng tiếp theo sẽ là gì, và sẽ được giải quyết ra sao. Tuy nhiên, họ có thể được an ủi với việc biết rằng nó sẽ xảy ra khi cái bóng của Thế hệ Anh hùng (Tiên tri) đưa xã hội vào một kỷ

nguyên cấp bách như kỷ nguyên mà ở đó Anh hùng đã từng thăng hoa. Song điều đó cũng không làm Thế hệ Anh hùng thấy thoải mái. Cho rằng Thế hệ Tiên tri trẻ tự cho mình là trung tâm quá mức, họ không hiểu được tính cách này cần thiết như thế nào để nuôi dạy một đứa trẻ Anh hùng mà quyền lực và phẩm chất của nó một ngày nào đó có thể làm hài lòng chính họ.

Kịch bản của Thế hệ Vĩ đại nhất đòi hỏi họ phải vượt qua tàn dư của bất đồng trong thời kỳ Thức tỉnh giữa họ với Bùng nổ. Thế hệ Vĩ đại nhất cần tìm thấy trong Bùng nổ tinh thần của cha ông họ – và trong Thiên niên kỷ phẩm chất hướng đạo sinh nơi cái tôi của chính con cái họ. Thế hệ Vĩ đại nhất nên chào đón phong cách Bùng nổ như một điều cần thiết để nuôi dạy trẻ em mà một ngày nào đó có thể là người lính trong thời kỳ Khủng hoảng cũng như họ đã từng là lính trong Thế chiến II. Tuy nhiên, để làm được điều đó, Thế hệ Vĩ đại nhất phải cho phép Bùng nổ đảm bảo một vị trí trong đời sống xã hội cho những đứa trẻ Thiên niên kỷ. Đối lại, điều đó đòi hỏi Thế hệ Vĩ đại nhất chấp nhận rằng hạnh phúc của Thiên niên kỷ (chứ không phải của họ) phải là mối ưu tiên cao nhất của chính phủ trong thời kỳ Tan rã.

Một mình giữa các nguyên mẫu trưởng thành, Thế hệ Vĩ đại nhất sở hữu đạo đức công dân mà Mỹ sẽ cần tới để chiến thắng trong Bước chuyển Thứ tư. Họ biết rõ hơn ai hết yêu cầu về mức độ hy sinh xã hội. Tuy nhiên, sự chia tách của họ sau thời kỳ Thức tỉnh khỏi nền văn hóa do Thế hệ Bùng nổ dẫn đầu đã làm suy giảm tiếng tăm về tính vô tư của Vĩ đại nhất, làm xói mòn ký ức của đất nước về lòng dũng cảm tuổi trẻ của họ, và được dùng như một cái cớ để họ rũ bỏ những khái niệm ban đầu của mình về nghĩa vụ và sự hy sinh. Để chuẩn bị cho Mỹ trước Bước chuyển Thứ tư, Thế hệ Vĩ đại nhất phải tái lập danh tiếng của họ trong giới trẻ bằng cách trở lại với bản chất về đạo đức công dân của họ trong kỷ nguyên Suy thoái cũ (thái độ cộng đồng là trên hết) và từ

chối biến thể cuối đời của nó (thái độ nhóm mình là trên hết). Những thế hệ trẻ sẽ không bao giờ buộc Thế hệ Vĩ đại nhất từ bỏ phần thưởng Anh hùng của họ. Tuy nhiên, bằng cách đồng ý từ bỏ một số thứ không cần thiết, Thế hệ Vĩ đại nhất có thể biến mình từ công dân tuổi cao thành *công dân có vị trí cao*, có thể nói chuyện cùng giới trẻ với thẩm quyền mới được khôi phục về sự cần thiết phải ngăn lại tình trạng suy đồi hành vi dân sự hiện thời.

Nếu Thế hệ Vĩ đại nhất thất bại ở kịch bản này, Mỹ mà họ từng cứu vớt sẽ bị suy yếu. Thiếu nguồn lực và sự chăm sóc xã hội, trẻ em Thiên niên kỷ có thể lớn lên mà không đủ “những thứ cần có” huyền thoại để chiến thắng trong Bước chuyển Thứ tư. Thế hệ Vĩ đại nhất, từng tra kiếm vào vỏ sau V-J Day, đã chờ đợi bốn thế hệ để thấy một đứa trẻ xuất hiện và rút nó ra một lần nữa. Thời điểm đó đang đến gần. Nếu Thế hệ Vĩ đại nhất nhận thấy điều này và vận dụng tốt kịch bản của mình, họ có thể chết với niềm tin, như Ngài Thomas Malory đã viết về Vua Arthur: *Hic Iacet Arthurus, Rex Quondam, Rexque Futurus* (Đây là nơi yên nghỉ của Arthur, người đã từng là Vua, và sẽ là Vua lần nữa).

Kịch bản của Thế hệ Im lặng

Sau khi chứng kiến thời kỳ Khủng hoảng gần đây như một đứa trẻ sợ sệt, Thế hệ Nghệ sĩ sẽ tiếp cận một thời kỳ tiếp theo như một người lớn tuổi âu lo. Họ sẽ thấy nó bắt đầu và cảm nhận sự thay đổi tâm trạng, nhưng có lẽ sẽ qua đời trước khi biết được nó xoay chuyển ra sao. Do đó, trong Bước chuyển Thứ tư, Thế hệ Nghệ sĩ phải buông bỏ và tránh can thiệp khi những nguyên mẫu khác làm công việc cần thiết của họ. Trong một thời kỳ Tan rã, Thế hệ Nghệ sĩ già ít khi nhìn thấy sự đồng cảm giữa mình với Du cư mà (họ lo ngại) sẽ vô tâm phá vỡ thành quả họ đã gây dựng nên. Thế hệ Nghệ sĩ thậm chí có thể lo rằng sự tinh tế và nhạy cảm cũng sẽ mất đi cùng với họ. Họ không biết rằng

một nguyên mẫu Nghệ sĩ mới sẽ sớm được tái sinh trong Bước chuyển Thứ tư, được Du cư nuôi dạy để sở hữu chính xác những tính cách mà Nghệ sĩ già muốn gìn giữ.

Trong Bước chuyển Thứ tư, Thế hệ Im lặng sẽ dần từ bỏ quyền lực, có ít cơ hội để hành động hơn là phủ quyết (hoặc như mọi khi, để ngăn cản) hành động của những người khác. Tàn dư quyền lực của họ hiện diện trong phòng xử án là chính. Nếu họ ngăn chặn Chính sách Kinh tế Mới tiếp theo, thì những luật gia Thế hệ Im lặng sẽ bước theo dấu chân *saeculum* thời kỳ Khủng hoảng khó chịu của Roger Taney trong thập niên 1850 và “chín người già”ⁱ trong thập niên 1930. Họ nên tránh can thiệp vào các đánh giá đạo đức của những nhà lập pháp Thế hệ Bùng nổ và tránh sử dụng chi tiết, tính phức tạp, và sự trì hoãn nhằm dập tắt quyền lực dân sự tái diễn. Sự đối lập của thời kỳ Khủng hoảng sẽ không dễ gì xoa dịu, và các bên tham chiến sẽ từ chối hòa giải. Sẽ không thể cải thiện các quyết định bằng cách thêm các tầng nấc mới về thủ tục, và những vấn đề khẩn cấp sẽ không thể chờ đợi nghiên cứu thêm nữa. Thế hệ Im lặng nên làm theo quan điểm của Thế hệ Thứ 13, rằng các chuyên gia có thể mắc sai lầm chết người, rằng giới tinh hoa chuyên nghiệp có thể vấp ngã trước những lựa chọn đơn giản, và rằng ý định tử tế đó không phải lúc nào cũng tạo ra kết quả tốt. Khi thời kỳ Khủng hoảng đi vào sâu hơn, thuyết sinh tồn kiểu Thế hệ Thứ 13 sẽ tung ra quân át chủ bài của nền dân chủ quy trình kiểu Im lặng, lần nào cũng vậy.

Tuy nhiên, thông qua phần còn lại của thời kỳ Tan rã, một liều thuốc Im lặng mà Ella Wheeler Wilcox thuộc Thế hệ Cấp tiến gọi là “nghệ thuật của lòng tử tế” có thể hữu ích trong việc giúp Mỹ chuẩn

i. Là chín thành viên của Tòa án Tối cao mà vào năm 1937 đã phản đối những cải cách của Tổng thống Franklin Roosevelt và chính quyền Chính sách Kinh tế Mới. Nguyên nhân của xung đột này là vì quy định của Roosevelt về việc giữ quy mô của Tòa án Tối cao ở con số 9 người thay vì 15 người.

bị cho những thách thức phía trước. Với sự kiểm soát và cân bằng đã được tính toán, Thế hệ Im lặng có thể khéo léo làm chệch hướng cơn giận của Bùng nổ và thách thức sự thờ ơ ở Thứ 13, ngăn cản hai thế hệ đó khỏi sự khinh suất đẩy Mỹ vào dòng thác nguy hiểm trước khi Bước chuyển Thứ tư đến. Đến lượt Thế hệ Thiên niên kỷ, cuộc bầu cử cho một tổng thống đồng cảm thuộc Im lặng có thể vượt khỏi thời kỳ Tan rã vừa đủ để kiềm chế Bùng nổ và Thứ 13 thực hiện những bản năng tồi tệ nhất của họ cho đến khi cả hai có cơ hội trưởng thành hơn. Tuy nhiên, khi thời kỳ Khủng hoảng diễn ra, thời gian lãnh đạo của Thế hệ Im lặng sẽ chấm dứt.

Mặc dù háo hức cố vấn riêng cho giới trẻ, nhưng Thế hệ Im lặng nên nhận ra rằng Thiên niên kỷ không giống như Thứ 13, và thậm chí còn ít giống Bùng nổ hơn nữa. Thế hệ đang lên này sẽ không muốn mở rộng biên giới của chủ nghĩa cá nhân và sự tự xem xét nội tâm. Họ sẽ muốn điều ngược lại – làm việc nhóm và xây dựng. Thế giới của con trẻ giờ đây chỉ mới hồi phục từ những gì mà các bậc phụ huynh Thế hệ Im lặng, các nhà giáo dục, và những người dẫn dắt nền văn hóa đại chúng đã làm từ thời kỳ Thức tỉnh dưới cái tên cải cách. Việc nuôi dưỡng Thế hệ Thiên niên kỷ phụ thuộc vào sự tiếp tục thay đổi này. Điều tốt đẹp nhất Thế hệ Im lặng có thể làm cho Thiên niên kỷ là trở thành đồng sự. Có lẽ do số lượng ít hơn, Thế hệ Im lặng có thể lên qua mà không bị chú ý cùng với một phần thưởng theo kiểu người lớn tuổi của Vĩ đại nhất. Nhưng bằng việc bằng lòng một cách nhã nhặn những lời đề nghị rằng họ từ bỏ một số đặc quyền đến từ cộng đồng vào cuối đời, Thế hệ Im lặng có thể chứng minh rằng chủ ý tốt đẹp *có thể* làm nên sự khác biệt, rằng những người tử tế *có thể* làm thay đổi lịch sử.

Nếu kịch bản của Thế hệ Im lặng diễn ra tồi tệ, họ sẽ kết thúc đời mình như Webster, Caly, và Calhoun, với nỗi sợ hãi rằng sự vĩ đại của quốc gia được người khác gây dựng nên trong thời thơ ấu của họ sẽ ra đi cùng với họ. Tuy nhiên, nếu vận dụng tốt kịch bản của mình, họ có

thể đi vào màn đêm tốt đẹp của lịch sử như những người đến tuổi 80 trong Đại suy thoái, Thế hệ Cấp tiến lớn tuổi như Louis Brandeis và John Dewey, vốn (theo lời kể của thế hệ sau này) vẫn “cam kết sớm có một kết thúc bền vững và linh hoạt.”

Kịch bản của Thế hệ Bùng nổ

Bước chuyển Thứ tư mang ý nghĩa đặc biệt với Thế hệ Tiên tri, vì các mùa của *saeculum* khớp đúng với các mùa trong cuộc sống của họ. Từ mùa xuân đến mùa đông, các mùa trong lịch sử cũng là mùa vòng đời của họ. Trong khi cái bóng của Thế hệ Tiên tri (Anh hùng) đã có những người trẻ vĩ đại nhất của mình, thì Tiên tri sẽ nhận ra những người ấy của thế hệ mình đã lớn tuổi. Để đạt được vinh quang cuối đời, Thế hệ Tiên tri phải trang bị nghĩa vụ công dân và kỹ năng của Anh hùng tuổi già (những người mà họ tưởng thưởng nhưng không tôn vinh) và tuổi thơ Anh hùng (có tính cách mà họ dạy dỗ nhưng không hiểu). Dù sao, trong thời kỳ Tan rã hiện tại, Thế hệ Tiên tri đang làm tổn hại đến nền văn hóa dân sự do Anh hùng cũ tạo ra, do đó khiến Anh hùng thơ trẻ khó khăn hơn khi phát triển và theo đuổi vận mệnh của mình. Đó là thách thức của Thế hệ Tiên tri khi phải đối đầu với cái bóng của mình, dành cho Anh hùng lớn tuổi sự tôn trọng cũng như tán thưởng, và làm thấm nhuần phẩm chất của Anh hùng tuổi già ở trẻ em.

Là Quán quân Già tiếp theo, Thế hệ Bùng nổ sẽ dẫn đầu vào thời điểm nguy hiểm nhất – và cũng là cơ hội lớn nhất. Kể từ đây, Thế hệ Bùng nổ sẽ đối mặt với những thách thức lạ lẫm khi phải tự kiểm chế. Lớn lên với cảm nhận rằng Thế hệ Vĩ đại nhất luôn có thể bước vào và sửa chữa tất cả nếu rắc rối phát sinh, nên Bùng nổ vẫn theo đuổi hành trình của họ với một thái độ bất cần. Trong Bước chuyển Thứ tư, Thế hệ Vĩ đại nhất sẽ không còn ở bên cạnh với vai trò che chắn, và Thiên niên kỷ trẻ sẽ đi theo Quán quân Già đến cả nơi nguy hiểm. Nếu Thế hệ Bùng nổ đưa ra một lựa chọn sai lầm, lịch sử sẽ không khoan dung.

Sự trưởng thành tiếp theo của Thế hệ Bùng nổ có tính sống còn đối với kết thúc thắng lợi của thời kỳ Khủng hoảng. Những người từng một thời tôn thờ tuổi trẻ phải từ bỏ điều đó hoàn toàn trước khi họ có thể yêu cầu ở Thế hệ Thiên niên kỷ thứ phẩm chất công dân mà chính họ đã không thể hiện được trong thời kỳ Thức tỉnh. Điều này đòi hỏi sự chính trực mà một số người sẽ công kích là đạo đức giả, nhưng nó không phải là gì khác ngoài một sự phát triển tự nhiên trong đặc điểm vòng đời của Thế hệ Tiên tri. Khi thời kỳ Khủng hoảng xảy ra, Thế hệ Bùng nổ sẽ cần phải xoa dịu những cuộc Chiến tranh Văn hóa ngay lập tức. Những người thế tục ủng hộ hợp pháp hóa nạo phá thai và những tín đồ Tin Lành phản đối phá thai sẽ phải vượt qua những đụng độ giữa họ ở thời kỳ Tan rã và thống nhất quanh một chương trình nghị sự sống còn của quốc gia, như người lớn tuổi Thế hệ Sứ mệnh đã làm vào thời suy thoái và chiến tranh.

Thế hệ Bùng nổ cũng phải thể hiện một sự độ lượng với những người chưa bao giờ hợp sức với mình. Lẽ tự nhiên, họ sẽ luôn có xu hướng buông thả trong đời sống cá nhân – nhưng nếu họ cho phép điều đó tràn vào đời sống xã hội và đòi hỏi những phúc lợi công hào phóng, họ sẽ làm cho con cái mình cạn kiệt về tài chính, và bản thân họ về đạo đức. Không giống như Thế hệ Im lặng, không thể vụng trộm mà không bị chú ý. Tệ hơn, nếu Thế hệ Bùng nổ trở nên hay tranh luận vô nghĩa và để cho các giá trị của họ dôn mình vào góc tường, thì lời cường điệu của họ hiện thời trong talk-show về việc hủy diệt kẻ thù có thể biến thành các mệnh lệnh sử dụng những cỗ máy tận thế thật sự.

Đến thời kỳ Khủng hoảng, Thế hệ Bùng nổ sẽ phải đối mặt với nhiệm vụ hoàn toàn không mang tính thanh niên là đứng đầu một kỷ nguyên của quyền lực công và hy sinh cá nhân. Thế hệ này phải đối mặt trực tiếp với mối đe dọa mà châm ngôn cứng rắn của nó có thể gây ra cho con cái, cho đất nước, thậm chí cho toàn thế giới. “Khi mọi người

lập lại khẩu hiệu ‘Hãy tạo ra tình yêu, đừng gây chiến,’” sử gia David McClelland cảnh báo, “họ cần nhận ra rằng tình yêu dành cho những người khác thường khiến quá trình diễn ra theo xu hướng kết thúc bằng chiến tranh.” Nhưng nếu Thế hệ Bùng nổ đang già đi có thể kiểm soát mặt trái trong tính cách tập thể của mình, thì họ có thể nhìn lại vai trò của mình trong Bước chuyển Thứ tư theo cách mà Ben Franklin quá cố đã làm. Khi được hỏi về hình tượng trên con dấu quốc gia của Mỹ, ông đã trả lời: hình tượng Moses đầy cảm hứng, đôi tay mở rộng hướng lên trời, chia nước cho người dân của mình.

Kịch bản của Thế hệ Thứ 13

Kỹ năng sinh tồn là điều mà một xã hội cần nhất ở Bước chuyển Thứ tư, và chính những người thuộc nguyên mẫu bị phê phán nhiều nhất – Du cư – lại sở hữu thừa thãi. Nhờ khả năng sửa chữa tự nhiên của *saeculum*, Thế hệ Du cư được nuôi dạy để trở nên vượt trội với những kỹ năng mà lịch sử sẽ đòi hỏi ở họ khi đến tuổi trung niên vào một thời đại xã hội thật sự lâm nguy. Thách thức với họ sẽ là ngừng gieo rắc những kỹ năng này vì các mục tiêu tản mát, và bắt đầu tập hợp chúng vì một mục đích lớn hơn. Qua thời kỳ Tan rã, Thế hệ Du cư đã có thể rút lui khỏi đời sống dân sự, nhưng đến Khủng hoảng thì họ không thể. Nghĩa vụ của họ là đảm bảo rằng bất kỳ lựa chọn xã hội nào được đưa ra cũng sẽ hiệu quả như dự kiến. Trong đời sống xã hội, Thế hệ Du cư phải vượt qua tàn dư mà cái bóng của họ từng xây nên – Nghệ sĩ già. Trong đời sống riêng tư, họ phải xây dựng lại các nghi thức cộng đồng và gia đình mà Thế hệ Nghệ sĩ già từng loại bỏ. Khi làm điều này, Thế hệ Du cư sẽ nuôi dạy trẻ em Nghệ sĩ mới.

Bước chuyển Thứ tư sẽ bắt gặp các thế hệ khác có cuộc sống đa phần đắm chìm trong quá khứ hoặc tương lai, nhưng nó sẽ bắt kịp Thế hệ Thứ 13 vào “giờ vàng,” đúng vào những năm tháng trưởng thành của họ. Họ phải bước về phía trước với tư cách thế hệ sửa chữa của

saeculum, mắc kẹt với việc xử lý mớ lộn xộn và dọn sạch mảnh vỡ do người khác để lại. Mỗi công cụ mà Thế hệ Thứ 13 có được trong thời thơ ấu khắc nghiệt và thời trẻ theo chủ nghĩa cá nhân sẽ được đưa vào thử nghiệm ở mức tối đa. Nếu Thế hệ Thứ 13 áp dụng các công cụ này cho mục đích cộng đồng, chúng sẽ trở thành liều thuốc giải cho những căn bệnh được biết đến từ thời thơ ấu trong thời kỳ Thức tỉnh của chính họ – từ ly hôn và giải phóng đến nợ công và văn hóa suy đồi.

Nhiệm vụ cơ bản nhất trong Bước chuyển Thứ tư của Thế hệ Thứ 13 sẽ là công việc trước mùa vốn quan trọng nhất trong xã hội của họ: đảm bảo rằng thật sự có một thời kỳ Lạc quan mới, một thời đại vàng son mới của hy vọng và thịnh vượng. Để thời kỳ Khủng hoảng kết thúc tốt đẹp, Thế hệ Thứ 13 phải giữ cho Bùng nổ không trút giận bằng sự phá hủy không cần thiết và Thiên niên kỷ không tiến bước quá vô thức dưới khẩu hiệu của cha anh họ. Họ sẽ thấy không dễ dàng gì khi phải kiểm chế một thế hệ lớn tuổi hơn luôn coi mình là khôn ngoan hơn họ, và một thế hệ nhỏ tuổi hơn luôn cho rằng mình đáng được ca ngợi hơn. Để làm được điều đó, Thế hệ Thứ 13 sẽ cần có cái nhìn sắc bén, cách tiếp cận khéo léo, và sự chấp nhận rủi ro nguy hiểm gắn liền với tuổi trẻ mình.

Từ nay đến cuối Bước chuyển Thứ tư, Thế hệ Thứ 13 sẽ không ngừng vươn lên nắm quyền. Từ năm 1998 cho đến quanh đỉnh điểm thời kỳ Khủng hoảng, họ sẽ là khối cử tri mang tính thế hệ có *tiềm năng* lớn nhất của Mỹ. Khi năm tháng qua đi, đóng góp xã hội của họ sẽ ngày càng trở nên quan trọng với sự tồn tại của quốc gia. Họ sẽ phải bỏ phiếu nhiều hơn và tham gia nhiều hơn, nếu họ muốn kiểm soát được sự quá khích của Thế hệ Bùng nổ. Họ sẽ có cơ hội đó. Những quan chức trúng cử của họ sẽ tràn vào Nghị viện khi thời kỳ Khủng hoảng diễn ra, làm lu mờ Thế hệ Bùng nổ quanh đỉnh điểm Khủng hoảng, và chiếm toàn bộ ưu thế khi thời kỳ này được giải quyết.

Khi đối mặt với lịch sử, Thế hệ Thứ 13 nên nhớ rằng lịch sử tin tưởng họ sẽ làm bất kỳ công việc khó khăn nào có thể được yêu cầu. Nếu

Thế hệ Thứ 13 thực hiện kịch bản của họ một cách yếu ớt, Bùng nổ già có thể gây ra một ngày tận thế khủng khiếp, và những kẻ mị dân Thứ 13 có thể áp đặt một chế độ độc tài rất đáng buồn – hoặc cả hai trường hợp. Tuy nhiên, nếu Thế hệ Thứ 13 thực hiện kịch bản của họ một cách khéo léo nhưng an toàn, một thời đại vàng son mới sẽ là phần thưởng họ khó khăn giành được. Khi già đi, Thế hệ Thứ 13 nên nhớ lời của Hemingway: “Người già không trở nên thông thái. Họ trở nên cẩn trọng.”

Kịch bản của Thế hệ Thiên niên kỷ

Đối với Thế hệ Anh hùng còn nhỏ, Bước chuyển Thứ tư lơ mờ hiện ra như một thử nghiệm cho tuổi trưởng thành vĩ đại sắp đến. Thời kỳ Khủng hoảng thành hay bại sẽ phụ thuộc rất nhiều vào nỗ lực tập thể, năng lực và can đảm của Thế hệ Anh hùng. Bằng việc mãi mãi đóng đinh danh tiếng của họ với can đảm và vinh quang, Bước chuyển Thứ tư có thể tiếp thêm sinh lực cho Thế hệ Anh hùng để họ có một quãng đời với những thành tựu công dân vĩ đại.

Trẻ em Thiên niên kỷ ngày nay đắm mình trong niềm hy vọng của người lớn, vẫn lạc quan vui vẻ và khước từ những hoài nghi thời kỳ Tan rã đang bủa vây mình. Các em nên giữ gìn sự trong sáng và đừng lớn lên quá nhanh. Hãy làm các việc tốt nho nhỏ, trong khi mơ về ngày thực hiện những điều lớn lao hơn. Bằng cách sử dụng áp lực từ bạn bè đồng trang lứa với mục đích tích cực, các em sẽ có khả năng tái xây dựng một danh tiếng tích cực cho thiếu niên Mỹ. Khi các thế hệ già rao giảng giá trị truyền thống mà chính họ cũng không học được khi còn nhỏ (và cũng chưa phổ biến trong thế giới người lớn), thì Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ bỏ qua thói đạo đức giả và hướng đến các bài học. Trẻ em ngày nay càng sớm thể hiện được những phẩm chất này bao nhiêu, thì càng có khả năng người lớn sẽ đối xử với các em một cách hào phóng bấy nhiêu (bằng việc đóng thuế trường học và chấm dứt hỗ trợ cho người lớn tuổi), qua đó giúp các em chuẩn bị cho thử thách sắp tới.

Khi Đại suy thoái bắt đầu, Tổng thống Herbert Hoover đã yêu cầu “một cơ hội công bằng” cho giới trẻ Mỹ: “Nếu chúng ta có thể có một thế hệ trẻ em được sinh ra, được dạy dỗ, giáo dục một cách đúng đắn và khỏe mạnh,” ông dự báo, “thì cả ngàn vấn đề khác của chính phủ sẽ không còn.” Những sự kiện và Thế hệ Vĩ đại nhất trẻ tuổi đã chứng minh ông đúng. Thời đại của Thế hệ Thiên niên kỷ đang đến gần. Nếu họ thể hiện tốt kịch bản của mình, có lẽ ngày đó sẽ đến khi họ đồng thanh cất tiếng hát, như những người yêu nước trẻ tuổi đã làm hồi năm 1776, “Thế giới đang trỗi dậy sẽ hát về chúng ta trong ngàn năm tới / Và nói với những thế hệ con cháu chúng ta về những điều kỳ diệu chúng ta đã làm.”

Những kịch bản nguyên mẫu này gợi nhớ di chúc của người cổ đại, như sự tái khẳng định về các chữ khắc trên Đỉnh Rushmore: Một xã hội được phụng sự tốt nhất nhờ một bộ bốn tính khí, được giữ trong trạng thái cân bằng thích hợp.

Các gián đoạn lớn của lịch sử không giống như những tai nạn nghiêm trọng, là những va chạm ngẫu nhiên của bốn tính khí khác nhau. Thay vào đó, mùa đông *saeculum* đi theo con đường tự nhiên của sự bù trừ, khi mỗi nguyên mẫu đối mặt với cái bóng của mình và có những đóng góp riêng. Từ đây, một Bước chuyển Thứ tư cho phép bản năng sinh tồn của một xã hội xuất hiện. Nó khai thác tối đa mọi thế mạnh của nguyên mẫu, tạo điều kiện cho một xã hội giải quyết các vấn đề mà biết đâu có thể tiêu diệt nó.

Trong Bước chuyển Thứ tư này, khi mỗi thế hệ tái diễn những truyền thuyết và huyền thoại của tổ tiên mình, chúng ta có thể cùng nhau tạo nên các truyền thuyết và huyền thoại mới – những thứ có thể định hình và dạy lại cho hậu thế.

CHƯƠNG 12

SỰ TRỞ LẠI MÃI MÃI

Tên sàn đất ngôi nhà hình tròn của mình, các nghệ nhân da đỏ Navajo tỉ mỉ dùng cát màu để mô tả bốn mùa của cuộc sống và thời gian. Tổ tiên họ đã vẽ những vòng tròn cát này theo tiến trình ngược chiều, một góc phần tư tại một thời điểm, với các hình tượng trang trí thể hiện thách thức ở mỗi độ tuổi và mỗi mùa. Khi gần đến cuối mùa thứ tư, họ dừng vòng tròn, để lại một khoảng trống nhỏ ngay chóp bên phải. Điều này biểu thị thời khắc của cái chết và tái sinh, được người Hy Lạp cổ đại gọi là *ekpyrosis*. Theo phong tục Navajo, chỉ Thượng đế mới có thể tạo nên thời khắc đó (và vòng tròn được đóng lại), người trần không bao giờ làm được. Tất cả những gì nghệ nhân có thể làm là xóa bức tranh, theo trật tự mùa đảo ngược, sau đó một vòng tròn mới có thể được bắt đầu. Như vậy, theo truyền thống Navajo, thời gian theo mùa thể hiện sự trở lại vĩnh cửu của nó.

Như hầu hết các dân tộc theo truyền thống, người Navajo chấp nhận không chỉ sự tuần hoàn của cuộc đời mà còn cả sự vĩnh viễn của nó. Mỗi thế hệ đều hiểu rằng tổ tiên mình đã vẽ những vòng tròn tương tự trên cát – và mỗi thế hệ đều hy vọng người thừa kế mình sẽ tiếp tục vẽ chúng. Người Navajo tái hiện quá khứ theo nghi lễ cùng với việc dự đoán tương lai. Do đó họ vượt ra ngoài giới hạn thời gian.

Các xã hội hiện đại thường từ chối những vòng tròn, họ dùng các đường thẳng để nối sự khởi đầu với kết thúc. Tin vào tiến trình tuyến

tính, chúng ta cảm thấy cần phải tiếp tục di chuyển về phía trước. Càng cố gắng đánh bại tự nhiên, chúng ta càng thấy những nhịp điệu của nó điều khiển mình một cách rõ rệt hơn. Không giống như người Navajo, chúng ta không thể chịu đựng được sự cảm dỗ của việc thử tự đóng vòng tròn đó theo cách mà mình muốn. Song chúng ta không thể tránh được góc phần tư cuối cùng của lịch sử. Chúng ta không thể tránh được Bước chuyển Thứ tư, cũng như *ekpyrosis* của nó. Cho chúng ta chào đón nó hay không, Quán quân Già cũng sẽ yêu cầu chúng ta phục tùng và hy sinh vào thời kỳ Khủng hoảng. Cho dù chuẩn bị có tốt hay không, chúng ta cũng sẽ hoàn tất *saeculum* Thiên niên kỷ. Bắt đầu với V-J Day, thời đại đó sẽ đạt tới một cao trào tự nhiên – và đi đến một kết thúc.

Một kết thúc của *cái gì*?

Bước chuyển Thứ tư tiếp theo này có thể đánh dấu sự kết thúc của con người. Đó có thể là một Trận quyết chiến tận thế hủy diệt, phá hủy mọi thứ, không để lại gì. Nếu nhân loại đã từng tự xóa sổ mình, thì điều này có lẽ sẽ xảy ra khi nền văn minh thống trị của nó tạo nên một Bước chuyển Thứ tư với kết thúc khủng khiếp. Chung cuộc này dù có khả năng nhưng cũng không chắc chắn sẽ xảy ra. Cuộc sống con người không dễ dàng bị hủy diệt như thế. Sự tự phụ của lối tư duy tuyến tính chính là niềm tin rằng chúng ta có sức mạnh thần thánh mà chỉ cần nhấn nút, chúng ta có thể tàn phá tự nhiên, hủy hoại dòng giống, và làm cho chúng ta trở thành những thế hệ cuối cùng của giống loài mình. Con người văn minh (thời hậu đồ đá mới) đã trải qua chừng 500 thế hệ, con người thời tiền sử (sử dụng lửa) trải qua khoảng 5.000 thế hệ, và *người đứng thẳng* gấp 10 lần như thế. Để Bước chuyển Thứ tư tiếp theo đặt dấu chấm hết cho tất cả điều này, sẽ cần có một sự pha trộn cực kỳ khó xảy ra giữa thảm họa xã hội, dã tâm của con người, tuyệt đỉnh công nghệ, và vận rủi. Chỉ có người bi quan nhất mới có thể hình dung ra điều đó.

Bước chuyển Thứ tư có thể đánh dấu sự kết thúc của thời hiện đại. Nhịp điệu *saeculum* phương Tây – bắt đầu từ giữa thế kỷ 15 với phong trào Phục hưng – có thể đến điểm cuối một cách đột ngột. *Saeculum* hiện đại lần thứ bảy sẽ là *saeculum* cuối cùng. Điều này cũng có thể đến từ chiến tranh tổng lực, khủng khiếp nhưng không phải cuối cùng. Có thể khoa học, văn hóa, chính trị, và xã hội sẽ sụp đổ hoàn toàn. Nền văn minh phương Tây của Toynbee và văn hóa Faust của Spengler sẽ tiến đến cái kết tất yếu mà họ đã nhìn thấy trước. Một thời kỳ Tăm tối mới sẽ xuất hiện, cho đến khi một vài nền văn minh mới được góp nhặt dần từ các đồng đổ nát. Chu kỳ thế hệ cũng sẽ kết thúc, được thay thế bằng một chu kỳ truyền thống cổ xưa (và những vai trò xã hội cố định cho từng giai đoạn cuộc đời) không cho phép sự tiến bộ. Vì cùng với sự diệt chủng, một kết quả thảm khốc như thế có lẽ chỉ xảy ra khi quốc gia vượt trội (như Mỹ ngày nay) để một *ekpyrosis* của Bước chuyển Thứ tư nhấn chìm hành tinh. Nhưng kết quả này vẫn nằm trong giới hạn công nghệ và dã tâm có thể dự đoán được.

Bước chuyển Thứ tư có thể đầy tính hiện đại nhưng lại đánh dấu sự kết thúc của đất nước chúng ta. Nó có thể khép lại cuốn sách về cấu trúc chính trị, văn hóa đại chúng, và danh tiếng đạo đức mà từ Mỹ thể hiện. Quốc gia này đã tồn tại qua ba *saeculum*; Rome kéo dài 12, Etruria 10, Liên Xô (có lẽ) chỉ một. Các Bước chuyển Thứ tư là các ngưỡng cửa quan trọng với sự sống còn của quốc gia. Mỗi một trong ba thời kỳ Khủng hoảng gần đây nhất của Mỹ đã sinh ra những thời khắc nguy hiểm cao độ: Trong Cách mạng Mỹ, sự ra đời của nền cộng hòa giữa tình thế ngàn cân treo sợi tóc không chỉ ở trong một trận chiến. Trong Nội chiến, liên minh hầu như không sống sót được với cuộc tàn sát kéo dài bốn năm vào thời kỳ chiến tranh được coi là chết chóc nhất của lịch sử. Trong Thế chiến II, quốc gia đã hủy diệt một kẻ thù của nền dân chủ mà đã từng một thời chiến thắng; nếu kẻ thù thắng, có lẽ Mỹ đã bị hủy diệt. Trong mọi khả năng, thời kỳ Khủng hoảng tiếp

theo sẽ mang lại cho quốc gia một mối đe dọa mới với hậu quả ở quy mô tương tự.

Hoặc Bước chuyển Thứ tư có thể chỉ đơn giản là đánh dấu sự kết thúc của *saeculum* Thiên niên kỷ. Nhân loại, tính hiện đại, và Mỹ, tất cả sẽ được duy trì. Sau cùng, sẽ có một tâm trạng mới, một thời kỳ Lạc quan mới, và một *saeculum* mới. Mỹ sẽ được tái sinh. Tái sinh, nhưng đất nước sẽ không như cũ.

Saeculum mới có thể tìm đến Mỹ trong tình trạng tồi tệ. Như Paul Kennedy đã cảnh báo, Mỹ có thể không còn là một siêu cường. Tâm vóc toàn cầu của nó có thể bị lu mờ bởi các đối thủ ngoại quốc. Về mặt địa lý đất nước có thể nhỏ hơn, văn hóa ít chiếm ưu thế hơn, quân sự kém hiệu quả hơn, chính phủ thiếu dân chủ hơn, Hiến pháp tạo cảm hứng thấp hơn. Trỗi dậy từ cái kén ngàn năm của mình, nó có thể không mang lại điều gì giống như hy vọng, sự tôn trọng mà trong Thế kỷ Mỹ đã từng có được. Ở nước ngoài, những người thiện chí và văn minh có thể coi xã hội này là một nơi nguy hiểm mới. Hoặc họ có thể xem nó như là nơi suy đồi, lỗi thời, một Tân thế giới cũ kỹ kém quan trọng trong sự tiến bộ của nhân loại hơn là chúng ta của bây giờ. Tất cả điều đó có thể là sự thực, và có lẽ là trong bước chuyển tự nhiên của *saeculum*.

Hoặc, *saeculum* mới có thể đến khi Mỹ và thế giới là nơi tốt đẹp hơn nhiều. Giống như Anh trong *Saeculum* Cải cách, siêu cường Mỹ của *Saeculum* Thiên niên kỷ có thể chỉ đơn thuần là khúc dạo đầu cho một tầm cao mới của nền văn minh. Đời sống dân sự mới của nó có thể gần giống với “thành phố tỏa sáng trên đồi” mà những tổ tiên thời thuộc địa từng mơ ước. Hệ sinh thái được sửa chữa làm mới và trở nên bền vững, nền kinh tế trẻ lại, chính trị thiết thực và công bằng, truyền thông phát triển đồng bộ, nền văn hóa sáng tạo và phong phú, quan hệ giới tính và chủng tộc được cải thiện, những nét tương đồng được ủng hộ và khác biệt được chấp nhận, những bộ máy tổ chức không có tham

những – điều mà ngày nay dường như không thể sửa chữa được. Mọi người có thể tận hưởng các lĩnh vực mới về sự hoàn thiện cá nhân, gia đình, cộng đồng và đất nước. Biên giới của Mỹ có thể được vẽ lại xung quanh một kiểu địa lý cộng đồng xã hội đã được sửa đổi những theo hướng thuyết phục hơn. Nó có thể ảnh hưởng mạnh hơn đến nền hòa bình thế giới, và truyền cảm hứng nhiều hơn cho nền văn hóa thế giới. Tất cả những điều đó đều có thể thực hiện được.

Nếu Bước chuyển Thứ tư kết thúc thắng lợi, nhiều người trong thế giới hiện đại có thể đi theo cùng một nhịp điệu *saeculum* và chia sẻ cùng một chiến thắng vang dội trong *saeculum*. Và nếu điều đó xảy ra, có lẽ nhiều người sẽ hy vọng rằng thế giới có thể đạt đến một “chung cuộc lịch sử,” một cái đích của nhân loại mà Francis Fukuyama mô tả (với một chút mỉa mai) là “sự kết thúc của những cuộc chiến tranh và cách mạng đẫm máu,” mà “nếu đồng ý kết thúc, con người sẽ không còn công cuộc to lớn nào để chiến đấu nữa.” Một kết quả như vậy liệu có tính khả thi? Chắc là không. Một chiến thắng trong Bước chuyển Thứ tư với tầm vóc khổng lồ như vậy có nhiều khả năng sinh ra một Bước chuyển Thứ nhất rất tuyệt vời, nhưng chỉ là tạm thời. *Saeculum* sẽ kéo dài. Thật vậy, thời kỳ Lạc quan càng tráng lệ bao nhiêu, sẽ càng sinh ra sự kiến tạo thế hệ mạnh mẽ bấy nhiêu. Thế hệ Thiên niên kỷ sẽ chói lọi – và kiêu hùng cởi mở – như những Anh hùng định hình cả thế giới. Thế hệ Tiên tri trẻ tuổi sau đó sẽ thúc đẩy thời kỳ Thức tỉnh cho phù hợp, và vòng tròn sẽ tiếp tục.

Chúng ta không nên cảm thấy bị hạn chế, mà phải thấy mình được trao sức mạnh nhờ nhận thức rằng *ekpyrosis* của Bước chuyển Thứ tư có thể mang lại những kết quả quyết định như vậy. Bằng cách mang lại cấu trúc cho cuộc sống và thời gian, *saeculum* khiến cho toàn bộ lịch sử nhân loại có ý nghĩa hơn. Niềm tin vào các mùa có thể dự đoán được và những nhịp điệu có thể cảm nhận được sẽ truyền cảm

hứng cho một xã hội hay một cá nhân làm nên những điều tuyệt vời mà khi khác có thể bị coi là vô nghĩa. Không có rào cản đạo đức nào trong quan điểm cho rằng hành vi của chúng ta, theo một cảm nhận cơ bản nào đó, là một sự tái hiện quá khứ. Ngược lại: Người xưa hiểu rằng tham gia vào thời gian chu kỳ tức là phải chịu trách nhiệm về sự tham gia dù tốt hay xấu.

Nếu lịch sử chỉ toàn là sự hỗn độn, mọi biểu hiện của ý chí con người có thể bị xóa bỏ bất kỳ lúc nào. Nếu không có sự kết nối dễ hiểu nào giữa ý định quá khứ với kết quả tương lai, thì chúng ta không thể làm gì để giúp con cái hoặc hậu duệ của mình. Chúng ta cũng có thể vét cạn kho bạc, hủy hoại bầu không khí, tàn phá nền văn hóa, và sử dụng hết hạt giống của nền văn minh.

Nếu lịch sử hoàn toàn tuyến tính, nhân loại cũng sẽ nhận ra mình dần suy thoái. Thậm chí xã hội cao quý nhất trong các xã hội cũng sẽ không hơn gì một công cụ để đi tới kết thúc. Những thế hệ không có mặt vào cuối thời đại sẽ trở thành những khối xây dựng đơn thuần, các thành viên của họ là các vật hiến tế đơn thuần trên bàn thờ của sự tiến bộ. Trên con đường cao tốc vĩ đại của lịch sử, sẽ không có gì là vĩnh cửu. Lựa chọn tự do duy nhất mà bất kỳ ai cũng có thể làm, đó là đẩy nhanh hoặc làm chậm sức mạnh tàn phá đã được định trước. Vì lịch sử tuyến tính phát triển các tiêu chuẩn chặt chẽ hơn bao giờ hết về sự hoàn hảo, thế hệ nào không đạt đến tiêu chuẩn đó sẽ phải tự coi mình (và bị những thế hệ khác đánh giá) là một hạt giống xấu, không có ích gì cho nhân loại ngoài việc là nguồn gây hại. Điều tương tự cũng đúng với bất kỳ cá nhân nào. Các sự thử nghiệm của phương Tây gần đây với chế độ chuyên chế cung cấp một bài học khách quan: Những xã hội thần thánh hóa đích đến của lịch sử thường không tôn trọng sự tự do về đạo đức của những người làm nên hành trình ấy.

Ngược lại, khi lịch sử được xem là mang tính quy luật mùa, mỗi thế hệ có thể khám phá ra con đường của riêng mình qua thời gian, với

mối liên kết đầy ý nghĩa giữa tổ tiên với con cháu. Dù chúng ta là ai – Vĩ đại nhất, Im lặng, Bùng nổ, Thứ 13, Thiên niên kỷ – chúng ta đều có thể xác định nơi mình gặp gỡ với định mệnh, nắm bắt kịch bản của mình, làm những điều chúng ta có thể, đánh giá thành tựu của mình so với những huyền thoại và chuẩn mực truyền thống của nền văn minh. Các mùa thời gian không đưa ra sự đảm bảo. Đối với các xã hội hiện đại, cũng như đối với mọi loại hình của cuộc sống, sự thay đổi chuyển hóa là không liên tục. Đối với điều được cho là vô tận, lịch sử không không đi đến đâu cả – và sau đó đột nhiên ném chúng ta về phía trước, băng qua sự hỗn loạn mênh mông khiến mọi cố gắng lập kế hoạch về con đường của chúng ta trở nên bất lực. Bước chuyển Thứ tư này sẽ thử thách linh hồn chúng ta – và những gì nhịp điệu *saeculum* cho chúng ta biết sẽ phụ thuộc nhiều vào cách chúng ta đối mặt với thử thách ấy. *Saeculum* không tiết lộ liệu câu chuyện có kết thúc tốt đẹp hay không, nhưng nó cho chúng ta biết làm thế nào và khi nào sự lựa chọn của chúng ta sẽ tạo nên khác biệt.

Trong thế kỷ vừa qua, niềm tin vào sự tiến bộ đã phải chịu nhiều đả kích, có lẽ không có sự phản đối nào mang tính phá hoại bằng lời chỉ trích ban đầu gay gắt của Friedrich Nietzsche. Nietzsche tin rằng ảo tưởng về một tiến trình không bao giờ kết thúc hướng tới một tiêu chuẩn không thể đạt được đã trở thành căn bệnh ăn sâu bén rễ trong tâm lý phương Tây. Theo ông, ảo tưởng này đã tạo nên một phương thức dữ dội thể hiện sự căm ghét bản thân, mảnh đất cho thói đạo đức giả nảy nở, và một chiếc lồng giam hãm tâm hồn đích thực của con người. Nhà tiên tri mà ông sáng tạo nên, Zarathustra, cho rằng vấn đề như “tinh thần báo thù” chống lại “thời gian và cái ‘đã từng’” là đồng nghĩa với sự oán giận nhằm vào chính lịch sử, vào cuộc hành hương một chiều với mục tiêu cao cả là tiếp tục chứng minh thực trạng của nhân loại như một thứ tầm thường và đáng khinh. Để thay thế, Zarathustra đưa ra một học thuyết cho rằng mọi sự kiện đều được tái

diễn không ngừng, rằng mọi hành động của bất kỳ ai cũng đã từng được thực hiện trước đó và sẽ được tái thực hiện mãi mãi. Do đó, mỗi hành động cũng sẽ là một kết thúc trong chính nó như một phương tiện để đi đến kết thúc. Zarathustra gọi điều này là “sự trở lại mãi mãi,” cơ hội để mọi người có thể chia sẻ đầy đủ ý nghĩa của đời người.

Saeculum mang đến một cơ hội giống như thế. Dù là thế hệ nào, mỗi người khi về già đều đã trải qua từng mùa trong bốn mùa của cuộc sống – và mỗi bước trong bốn bước chuyển của lịch sử. Giao điểm của hai bộ bốn đó không chỉ khiến cho thế hệ chúng ta trở thành độc nhất trên đời: Nó còn gắn kết chúng ta với mỗi bốn thế hệ đã xuất hiện trước hoặc sẽ đến sau. Chúng ta tái hiện những huyền thoại của tổ tiên mình, cũng như con cháu một ngày nào đó sẽ tái hiện chính chúng ta. Thông qua điều đó, chiều sâu và bề rộng của tâm hồn con người thể hiện và tồn tại theo thời gian.

Thời gian tuyến tính xúi giục những người hiện đại chúng ta tin rằng chúng ta tốt hơn một cách đặc biệt hoặc tồi hơn một cách đáng khinh so với tổ tiên của chúng ta. Bằng cách chạm đến niềm tự hào hay nỗi tuyệt vọng của chúng ta, lịch sử đơn hướng giảm bớt thách thức của chúng ta trong việc chứng minh bản thân xứng đáng với tấm gương của họ. Không chỉ giảm bớt thách thức, chúng ta cũng đang giảm cả sự hài lòng. Nói về cách cư xử của Rome trong thời kỳ đầu của đế chế, sử gia vĩ đại Tacitus phản đối những nhà đạo đức cho rằng đạo đức công dân của một xã hội vĩ đại chỉ có thể thay đổi theo một hướng. “Thật vậy, có thể có một loại chu kỳ trong các vấn đề của nhân loại,” ông viết, “và đạo đức cũng thay đổi như các mùa. Thời cổ đại không phải lúc nào cũng tốt hơn: Thế hệ chúng ta đã có quá nhiều ví dụ về các hành vi đáng khen ngợi và văn minh để hậu thế noi theo. Hy vọng rằng cuộc cạnh tranh giành lời khen ngợi này với tổ tiên chúng ta có thể kéo dài thật lâu.” Và hai thiên niên kỷ sau Tacitus, chúng ta cũng vẫn chung niềm hy vọng này.

Mỗi người trong chúng ta giao tiếp xuyên qua một khoảng thời gian rộng lớn. Hãy nhớ lại thời thơ ấu của mình. Nhớ lại người già nhất đã ảnh hưởng đến đời bạn – có thể là ông hoặc bà, có thể là một hàng xóm lớn tuổi. Khoảng cách giữa năm sinh của người đó tới hiện tại chính là khoảng thời gian mà ký ức của bạn đi ngược về quá khứ. Bây giờ hãy đi theo một hướng khác. Đưa ra tuổi thọ khả thi của người trẻ nhất mà một ngày nào đó bạn sẽ ảnh hưởng tới đời anh ta – nhiều khả năng là đứa cháu nhỏ nhất của bạn. Nếu bạn còn trẻ, hãy giả định rằng bạn sẽ mang thai lần cuối khi 35 tuổi, con bạn sau này cũng sẽ mang thai đứa út khi ở tuổi 35, và đến lượt đứa bé đó sẽ sống đến 85 tuổi. Các năm từ thời điểm hiện tại đến sự ra đi của đứa cháu út của bạn đánh dấu khoảng thời gian về trí nhớ của bạn đã tăng thêm.

Bây giờ cộng hai thời kỳ này lại với nhau để tính toán tổng quãng độ nhớ của bạn, kết hợp cuộc sống của những người ảnh hưởng đến bạn với cuộc sống của những người mà bạn sẽ tạo ảnh hưởng đến. Đối với các tác giả của cuốn sách này, các khoảng thời gian nhớ mở rộng từ năm 1881 tới 2104 (Strauss) và từ 1888 tới 2114 (Howe) – lần lượt là 223 và 226 năm. Còn dài hơn cả quãng thời gian Mỹ tồn tại. Biên độ nhớ của các thành viên lớn tuổi thuộc Thế hệ Vàng son (John D. Rockefeller, Mẹ Jones, Oliver Wendell Holmes Jr.) kéo dài từ trước Cách mạng Mỹ cho tới ngày nay. Một đứa trẻ sinh ra trong năm 1997 sẽ có một biên độ nhớ từ khoảng thập niên 1930 đến thập niên 2150, một thiết bị điều khiển từ xa của tương lai nằm ngoài tầm hiểu biết.

Liệu có đúng là thế?

Khi bạn nghĩ về thời gian theo quy luật mùa, theo góc độ của những bước chuyển, các biên độ thời gian rộng lớn ấy trở nên dễ hiểu, có ý nghĩa, mang tính tập thể. Không quan trọng tuổi tác hay thế hệ của bạn, bạn đã biết hoặc sẽ biết rằng những người thân yêu quý của bạn sẽ trải qua gần ba *saeculum* trọn vẹn. Cùng nhau, các bạn sẽ trải nghiệm ba Bước chuyển Thứ tư, ba thời kỳ Khủng hoảng, ba *ekpyrosis*.

Một biên độ nhớ có độ dài này là một lợi thế cơ bản về lịch sử mà bạn chia sẻ với tất cả người Mỹ đã từng hay sẽ sống trên đời. Nó kết nối cá nhân bạn với thăng trầm và dòng chảy cuộc đời của những [thế hệ] tổ tiên mà chúng ta nhớ đến. Nó khiến bạn quen với những cuộc đời mà con cháu mình sẽ có khả năng lãnh đạo.

Nếu *saeculum* tiếp tục, một cô gái sinh ra hôm nay sẽ đến tuổi trưởng thành ngay trước khi thời kỳ Khủng hoảng của Bước chuyển Thứ tư đạt tới đỉnh điểm, bước vào tuổi trung niên trong thời kỳ Lạc quan sau đó, và đến tuổi già trong một thời kỳ Thức tỉnh. Rất có thể cô sẽ sống đến khi kịp nhìn thoáng qua một thời kỳ Tan rã khác. Nếu được sức khỏe và lịch sử ưu ái, cô (giờ đã đến trăm tuổi) có thể chứng kiến một thời kỳ Khủng hoảng khác diễn ra vào đêm trước của thế kỷ 22. Cô sẽ có nhiều điều để kể với cháu trai út của mình – người mà nếu sống qua thời kỳ Khủng hoảng vào khoảng năm 2100 sẽ có thể dạy lại những bài học *saeculum* cho chính cháu trai của anh ta sau này, người cháu khi đó cũng đang già đi với tư cách như là một Quán quân Già.

Có lẽ người cháu trong tương lai [xa] của người cháu trai đó sau này sẽ trở thành một sử gia cuối thế kỷ 22, sẽ viết một biên niên sử hoàn thiện về nền văn minh Mỹ mà sau đó sẽ trải dài hơn 10 *saeculum* ngược dòng lịch sử. Đến thập niên 2190, người cháu này sẽ thấy lạ lẫm với thập niên 1990 như chúng ta ngày nay lạ lẫm với thời George Washington làm Tổng thống. Mọi học sinh sẽ biết điều gì xảy ra tiếp theo, từ thập niên 2000 đến thập niên 2020, khi Bước chuyển Thứ tư mở ra – nhưng các học giả chắc chắn sẽ tranh luận về lý do và cách thức mà nó đã xảy ra. Trong lịch sử của người cháu đó, đứa cháu của cô gái hôm nay sẽ suy ngẫm về ý nghĩa của Bước chuyển Thứ tư đối với thời đại và thế hệ của chính mình.

Lịch sử của người cháu vẫn chưa được viết ra. Nó sẽ là gì?

Mọi thứ đều có một mùa,
và một thời kỳ cho mỗi mục tiêu trên đời:
một thời kỳ để sinh ra, và một thời kỳ để chết đi;
một thời kỳ để trồng trọt, và một thời kỳ để thu lượm những gì đã trồng;
một thời kỳ để tiêu diệt, và một thời kỳ để chữa lành;
một thời kỳ để phá vỡ, và một thời kỳ để xây dựng;
một thời kỳ để khóc, và một thời kỳ để cười;
một thời kỳ để than vãn, và một thời kỳ để nhảy múa;
một thời kỳ để ném đá đi, và một thời kỳ để thu thập đá lại;
một thời kỳ để chấp nhận, và một thời kỳ để chống lại điều đó;
một thời kỳ để có được, và một thời kỳ để mất đi;
một thời kỳ để nắm giữ, và một thời kỳ để vứt bỏ;
một thời kỳ để xé bỏ, và một thời kỳ để khâu lại;
một thời kỳ để im lặng, và một thời kỳ để nói;
một thời kỳ để yêu, và một thời kỳ để ghét;
một thời kỳ chiến tranh, và một thời kỳ hòa bình.

—Ecclesiastes 3.1–8

LỜI CẢM ƠN

Tất cả mọi người đều dự phần trong Bước chuyển Thứ tư sắp tới, và hai chúng tôi cũng không phải ngoại lệ. Hai gia đình [ba thế hệ] của chúng tôi gồm có sáu trẻ nhỏ, ba phụ huynh sống cùng chúng tôi hầu hết thời gian, và hai phụ huynh sống ở nơi khác. Tuổi của bọn trẻ dao động từ 2 đến 19, còn của bố mẹ chúng tôi là từ 69 đến 87. Cuộc sống sau này của những người con trai và con gái của chúng tôi, những ký ức sau này của cha mẹ chúng tôi, tuổi già mà chúng tôi và vợ sẽ đối mặt – tất cả đều nằm trong tâm trí và trong trái tim chúng tôi khi viết nên cuốn sách này. Sự ra đời của một cậu con trai hay lễ tốt nghiệp trung học của một cô con gái có thể khiến cha mẹ suy nghĩ sâu xa và kĩ càng về những điều có thể đã được biết tới, hoặc cần làm, cho tương lai. Chúng tôi biết ơn gia đình mình vì nguồn cảm hứng và sự kiên nhẫn – và, đối với Simona Howe và Janie, Melanie, và Suzy Strauss, vì cả những gợi ý về mặt biên tập.

Nhiều trong số những người hỗ trợ dự án này có cùng độ tuổi với chúng tôi. Chúng tôi sinh vào năm 1947 (Strauss) và 1951 (Howe), và việc chứng kiến những người đồng lứa tra cứu lại chu kỳ vòng đời tổ tiên của họ theo nguyên mẫu đem lại cho chúng tôi nhiều cảm xúc lẫn lộn. Chúng tôi biết ơn những người đọc bản thảo Jim Coyne, Peter D'Epiro, Richard Jackson, Bill Lane, Rick Semiatin, và Jim Stone; Mike Tilford, người đã tặng giọng đọc của mình cho bản âm thanh của cuốn sách này; Elaina Newport và những đồng nghiệp khác tại Capitol Steps,

vì những góc nhìn sâu sắc mà khiếu hài hước của họ đem tới dành cho những sự kiện hiện nay; Rafe Sagalyn, vì đã là một cố vấn, một người ủng hộ, và một người bạn; và biên tập viên và chuyên viên xuất bản ở Broadway Books, John Sterling và Bill Shinker, vì chia sẻ tầm nhìn với chúng tôi và giúp chúng tôi thổi hồn vào đó.

Dù cho điểm báo có rõ rệt đến đâu với những người ở thế hệ chúng tôi, một lời tiên tri về Bước chuyển Thứ tư còn quan trọng hơn đối với những người trẻ tuổi, những người sẽ sống qua thời kỳ đó. Chúng tôi cảm ơn những người đọc bản thảo Arlynda Boyer, Scott và Susan Defife, và Anne Eakin; David Datelle, những người đã truy dấu thành công một vài hạng mục khó tìm; Richard Thau ở Third Millennium; người quản trị website tài năng của chúng tôi Nabeel Hyatt; và trợ lý nghiên cứu Matt Moore, người đã đưa những câu hỏi hay và đem tới sự trợ giúp đặc lực.

Trong những năm qua, nhiều những người đi trước của chúng tôi đã truyền cảm hứng cho dự án này theo nhiều cách đầy ý nghĩa, từ những người hướng dẫn như Charles Goodell, Charles Percy, Pete Peterson, và Paul Weaver, cho tới những thành viên trong gia đình như cha mẹ chúng tôi Arthur và Suzy Strauss và Bert và Margot Howe, và cha mẹ vợ chúng tôi là Howard và Mary Kamps, cùng Giorgio và Carla Massobrio. Chúng tôi cảm ơn những đứa con của mình: Melanie, Victoria, Eric, và Rebecca Strauss cùng Giorgia và Nathaniel Howe, và hai người vợ của mình là Janie và Simona vì sự kiên nhẫn cũng như hỗ trợ đầy yêu thương.

Học giả vĩ đại người Đức Leopold Von Ranke đã nghiên cứu về Cựu Thế giới theo biên niên sử và nhận ra được rằng “trước Chúa mọi thế hệ con người đều bình đẳng”. Ông kết luận rằng, trong “mọi thế hệ, sự tốt đẹp thật sự về đạo đức đều như nhau trong mỗi chúng ta...” Đối với mọi thế hệ đã chạm tới cuộc sống của chúng tôi và tới cuốn sách, chúng tôi chúc họ sự tự do và toại nguyện với thời đại của họ và sự vĩ đại trong hồi ức sau này về họ.

Chúng tôi xin được bày tỏ sự ghi nhận sâu sắc những học giả về chu kỳ thế hệ đi trước, những người khi phải đối mặt với chỉ trích nặng nề đương thời, đã khám phá được sự quan trọng của các thế hệ và chu kỳ theo *saeculum*. Dành cho Arnold Toynbee và Quincy Wright, Guiseppe Ferrari và Samuel Huntington, Peter Harris và George Modelski, Frank Klingberg và hai người cùng tên Arthur Schlesinger (chỉ mới điểm một vài cái tên), chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn vì nguồn cảm hứng tiên phong sáng tạo của họ.

Chúng tôi cũng biết ơn nhau. Không ai trong chúng tôi đã có thể khám ra và viết cuốn *Bước chuyển Thứ tư* mà không có người còn lại. Thuyết chu kỳ là sản phẩm của sự hợp tác hiệu quả kéo dài cả thập kỷ bắt đầu từ giữa thập niên 1980, khi chúng tôi bắt đầu viết cuốn *Generations*. Mỗi quan tâm của chúng tôi về chủ đề này bắt nguồn từ những cuốn sách trước đó của Strauss về chế độ quân dịch bắt buộc và quân sự thời kỳ chiến tranh Việt Nam và cuốn của Howe về những khó khăn lâu dài về tài chính của Mỹ. Trong cuốn *Generations*, chúng tôi muốn giải thích hai vấn đề này liên quan với nhau như thế nào – ví dụ như giải pháp đáng lo ngại cho khoảng cách thế hệ thời kỳ những năm 1960 đã dẫn tới quyền cá nhân về đạo đức trong thời kỳ những năm 1980 như thế nào. Khi đó, chúng tôi cho rằng những động lực thế hệ thuộc thời đại của chúng tôi không giống như bất cứ điều gì đã xảy ra trước đó. Nhưng càng xem xét sâu về lịch sử nước Mỹ, chúng tôi càng nhận ra rằng chỉ những chi tiết là mới. Nhịp điệu ẩn sâu bên dưới thì không.

Trong khi chúng tôi viết cuốn *Generations* chủ yếu như một cuốn sách lịch sử, chúng tôi cũng xem xét các thế hệ có vai trò gì trong các chu kỳ bộ bốn. Ở chương kết thúc, chúng tôi áp dụng chu kỳ này để đưa ra dự đoán về tương lai gần của nước Mỹ. Chúng tôi nghi ngờ rằng, giữa sự ồn ào về Thời đại Thông tin và Trật tự Tân Thế giới, những quy luật theo mùa mà thế hệ xưa để lại đã hằn sâu vào bản chất của xã hội hiện đại của chúng ta. Khi thập niên 1990 thực tế đã diễn ra đúng

như chu kỳ dự báo, chúng tôi nhận ra sự cấp thiết phải cảnh báo mọi người về Bước chuyển Thứ tư.

Cuối cùng, chúng tôi cảm ơn các độc giả của mình đã dành thời gian lắng nghe chúng tôi – và đã làm mọi điều có thể để giúp cho tương lai trở nên tốt đẹp. Với những người sẽ đọc cuốn sách này trong tương lai, chúng tôi gửi lời chào và lời chúc tốt đẹp nhất vượt qua giới hạn *saeculum*. Chính các bạn là những người sẽ chứng kiến Bước chuyển Thứ tư một cách trọn vẹn trong bối cảnh lịch sử của chính nó. Chính các bạn sẽ tạo nên những huyền thoại và truyền thuyết vĩ đại về những gì người Mỹ ngày nay thực hiện trong thời kỳ thử thách sắp tới. Chúng tôi hy vọng bạn sẽ tạo nên chúng với niềm tự hào.

— WILLIAM STRAUSS & NEIL HOWE

CHÚ THÍCH

Mục đích chính của những chú thích này là để đánh dấu những công trình quan trọng đã giúp ích cho các tác giả và có thể có ích cho những độc giả muốn nghiên cứu sâu hơn về những vấn đề được đưa ra trong cuốn sách này.

Theo quy định, những nguồn tham khảo cụ thể của các cá nhân hay nhà xuất bản hoặc các phương tiện khác cũng được dẫn nguồn. Tuy nhiên, nhằm giữ cho các chú thích được ngắn gọn, những nguồn tham khảo không bao gồm những câu dẫn, trích dẫn, và để mục đóng vai trò là nguồn dẫn chính khi những nguồn dẫn này đã quá quen thuộc hoặc có thể tìm thấy dễ dàng qua việc tìm kiếm điện tử. Ngoại lệ này áp dụng chủ yếu ở Chương 6, 7 và 8, những phần mà các trích dẫn và tiêu đề đại diện được sử dụng rộng rãi trong việc mô tả *Saeculum* Thiên niên kỷ hiện tại.

Độc giả có thể sẽ cần tham khảo những phụ lục bao hàm các phạm vi rộng đã được sắp xếp theo thư mục có trong cuốn *Generations: A History of Americas Future, 1584-2069* (1991), từ đây gọi tắt là *Generations*. Những phụ lục này đặc biệt hữu ích với nền tảng về bất kỳ một thế hệ lịch sử nào của nước Mỹ, về những chỉ số định lượng về sự lãnh đạo chính trị Mỹ theo từng thế hệ, và về công trình nghiên cứu của những nhà giả thuyết về thế hệ.

Những nguồn tham khảo được đánh dấu “*op. cit.*” chỉ những nguồn đã được trích dẫn đầy đủ trước đó trong chú thích cùng chương. Tất cả nguồn tham khảo về Kinh thánh là từ bản King James (ed.) (1611). Những từ viết tắt sau sẽ được sử dụng: *NYT*, *New York Times*; *WSJ*, *Wall Street Journal*; *WP*, *Washington Post*; *LT*, *Los Angeles Times*;

USNWR, *U.S. News and World Reports*; DHI, Philip P. Wiener (ed.), *Dictionary of the History of Ideas* (1973); EnS, David L. Sills (ed.), *International Encyclopedia of the Social Sciences* (1968); EAEH, Glenn Porter (ed.), *Encyclopedia of American Economic History* (1980).

CHƯƠNG 1

Nền tảng

Những diễn giải về cách các xã hội nhìn nhận thời gian lịch sử (và những cách tiếp cận hỗn độn, theo chu kỳ và tuyến tính), xem “Determinism in History,” “Recurrence,” “Cycles,” “Periodization in History,” “Progress in Classical Antiquity,” và “Progress in the Modern Era” trong DHI; “Periodization,” trong EnS; “Ages of the World” trong *The Encyclopedia of Religion* (1993), Mircea Eliade (ed.); “Ages of the World” và “Cosmogony and Cosmology” trong *Encyclopedia of Religion and Ethics* (1912), James Hastings (ed.); J. B. Bury, *The Idea of Progress* (1932); Mircea Eliade, *The Myth of the Eternal Return* (bản dịch năm 1954; nguyên tác *Le Mythe de Vetenel retour: archetypes et repetition*, 1949); Petrim Sorokin, *Social and Cultural Dynamics* (bản sửa lại, 1957); Norman Cohn, *The Pursuit of the Millennium* (1957); Georg G. Iggers, “The Idea of Progress in Recent Philosophies of History,” *Journal of Modern History* (Tháng 9/1958); Joseph Maier, “Cyclical Theories,” *Sociology and History: Theory and Research* (1964), Werner J. Cahnman và Alvin Boskoff (eds.); S. G. F. Brandon, *History, Time and Deity* (1965); Iggers, “The Idea of Progress: A Critical Reassessment,” *American Historical Review*, 71,1 (tháng 10/1965); W. Warren Wagar, “Modern Views of the Origins of the Idea of Progress,” *Journal of the History of Ideas* (Tháng 1-3/1967); Charles Van Doren, *The Idea of Progress* (1967); Harry Levin, *The Myth of the Golden Age in the Renaissance* (1969); J. H. Plumb, *The Death of the Past* (1970); Grace E. Cairns, *Philosophies of History: Meeting of East and West in Cycle-Pattern Theories of History* (1971); Jan Dhondt, “Recurrent History,” *Diogenes*, 75 (mùa thu 1971); Peter Munz, *The Shapes of Time* (1977); G. W. Trompf, *The Idea of Historical Recurrence in Western Thought: From Antiquity to*

the Reformation (1979); Robert Nisbet, *History of the Idea of Progress* (1980); James Gleick, *Chaos: Making a New Science* (1987), chương “Inner Rhythms”; và các bài luận trong Leo Howe và Alan Wain (eds.), *Predicting the Future* (1993); và Robert Heilbroner, *Visions of the Future* (1995). Về sự phát triển của cảm nhận đặc biệt của nước Mỹ về chính lịch sử và vận mệnh của nó, xem Albert K. Weinberg, *Manifest Destiny* (1935); Howard Mumford Jones, *O Strange New World: American Culture, The Formative Years* (1952); Charles L. Sanford, *The Quest for Paradise: Europe and the American Moral Imagination* (1961); Ernest Lee Tuveson, *Redeemer Nation: The Idea of America's Millennial Role* (1968); Cushing Strout, *The New Heavens and New Earth: Political Religion in America* (1973); Edward Cornish, *Study of the Future* (1977); Gerard K. O'Neill, *2081: A Hopeful View of the Human Future* (1981); và W. Warren Wagar, *The Next Three Futures: Paradigms of Things to Come* (1991).

Nguồn dẫn

Kết quả của khảo sát “Bạn có phải một người rất quan trọng?” được thực hiện bởi Mayo Clinic vào hai năm 1940 và 1990, được báo cáo lại trong Cheryl Russell, *The Master Trend* (1993), 33. Về các khảo sát về thái độ đối với An sinh Xã hội và tương lai nền kinh tế của người trẻ tuổi ngày nay, xem “Americans, Especially Baby Boomers, Voice Pessimism for Their Kids' Economic Future,” *WSJ* 19/1/1996; Floyd Norris, “Social Security: The Issue They Chose to Ignore,” *NYT* 6/11/1994; Mathew Greenwald & Associates, “Entitlement Survey”, (Tháng 9/1994, thay mặt cho National Taxpayers Union Foundation và Congressional Institute for the Future); và Frank Luntz, *The American Dream* (8/12/1994, thay mặt cho Hudson Institute).

Lịch sử lặp lại

Walter Lippmann, *Drift and Mastery* (1914), 152-53. Benjamin Franklin gọi nhóm nổi dậy Paxton Boys là “những người da trắng tàn bạo,” trong Brooke Hindle, “The March of the Paxton Boys,” *William and Mary Quarterly*, 3 (1946). Bài phát biểu nhận tái đề cử

vị trí ứng viên Đảng Dân chủ tranh cử tổng thống của Tổng thống Franklin Roosevelt (27/6/1936).

Những lý thuyết về Thời gian

Aeschylus, *The Eumenides* (458 B.C.). Lucien Levy-Bruhl, *La Mentalite Primitive* (1922). Mircea Eliade (1954), *op. cit.*, 34. Carl L. Becker, *The Heavenly City of the Eighteenth-Century Philosophers* (1932). “Introduction,” *Cambridge Modern History* (New York, 1902). Lord Acton, trong Herbert Butterfield, *Man on his Past* (1955). Herbert Croly, *The Promise of American Life* (1909). James Truslow Adams, *The Epic of America* (1931), 174. Thánh Augustine, giải thích Psalms 12:8 trong Sách XII của *De civitate Dei* (426-413 B.C.). Về giới tính liên quan đến các số ba và bốn, xem các bài liên quan đến Jean Chevalier và Alain Cheerbrant, *A Dictionary of Symbols* (nguyên tác năm 1969, bản dịch năm 1994), và Carl Gustav Jung, *Psychology and Alchemy* (nguyên tác năm 1944; bản dịch năm 1953; bản thứ hai năm 1968), phần I; xem thêm Edward F. Edinger, *Ego and Archetypes* (1972), 179-193.

Vượt qua Thuyết tuyến tính

Mark Twain, *Life on the Mississippi* (1883). Mary McCarthy, “America the Beautiful: The Humanist in the Bathtub”, *On the Contrary* (1961). W. W. Rostow, *The Stages of Economic Growth* (1960). Herman Kahn và Anthony J. Wiener, *The Year 2000* (1967). Charles Reich, *The Greening of America* (1970). Alvin Toffler và Heidi Toffler, *The Third Wave* (1980). Francis Fukuyama, *The End of History and the Last man* (1992). John Naisbitt, *Megatrends: Ten New Directions Transforming Our Lives* (1982), 9. Aristotle, *Poetics*, 1451^b5. Arthur M. Schlesinger Jr., *The Cycles of American History* (1986), 27.

Khám phá lại các mùa

Winston S. Churchill, trong Charles W. Kegley Jr, “Neo-Idealist Moment in International Studies? Realist Myths and the New International Realities,” *International Studies Quarterly*, 37 (1993). Sir Arthur Wing Pinero, *The Second Mrs. Tanqueray* (1893), 4.

CHƯƠNG 2

Nền tảng

Về người Etrusca và quan điểm của họ về thời gian, xem Alain Hus, *The Etruscans* (bản dịch năm 1975; nguyên tác *Les Etrusques, peuple secret*, 1961); Agnes Carr Vaughan, *Those Mysterious Etruscans* (1964), đặc biệt ch. XX; Otto-Wilhelm von Vacano, *The Etruscans in the Ancient World* (bản dịch năm 1965; nguyên tác *Die Etrusker in der Welt der Antike*, 1960); và Luisa Banti, *Etruscan Cities and Their Culture* (1973). Về quan điểm của người La Mã về lịch sử và thời gian, xem Jean Hubaux, *Les Grands Myths de Rome* (Paris, 1945); Kenneth J. Reckford, "Some Appearances of the Golden Age," *The Classical Journal*, 54, 2 (Tháng 11/1958); và H. J. Rose, "World Ages and the Body Politique," *Harvard Theological Review*, 54, 3 (Tháng 7/1961). Về thời gian theo chu kỳ biểu hiện ở các nghi thức và lễ hội, xem W. Lloyd Warner, *The Living and the Dead: A Study of the Symbolic Life of Americans* (1959); các bài luận trong Victor Turner (ed.), *Celebration: Studies in Festivity and Ritual* (1982); các bài luận trong Alessandro Felassi (ed.), *Time Out of Time: Essays on the Festival* (1987); và Jack Santino, *All Around the Year* (1994). Về khái niệm các thế kỷ và kết thúc của thế kỷ từ cổ đại Hy-La đến hiện đại, xem các bài luận trong Pierre Citti (ed.), *Fins de Siecle* (1990, Université de Bourdeaux); John Stokes, *Fin de Siècle/Fin du Globe: Fears and Fantasies of the Late Nineteenth Century* (1992); Shearer West, *Fine de Siècle* (1993); các bài luận trong Mikulas Teich và Roy Porter (eds.), *Fin de Siècle and Its Legacy* (1990); và các bài luận trong Elaine Scarry (ed.), *Fins de Siecles: English Poetry in 1590, 1690, 1790, 1890, 1990* (1995). Về "chu kỳ dài" của chiến tranh và hòa bình, xem các tác giả Wright, Toynbee, Ferrar Jr., Modelski, Thompson, và Rosecrance (liệt kê dưới đây); về một cái nhìn tổng quan sâu rộng cho vấn đề này, xem Joshua Goldstein, *Long Cycles: Prosperity and War in Modern Age* (1988); xem thêm các thảo luận và tranh luận trong các tạp chí như *International Studies Quarterly*, *World Politics*, và *Journal of Conflict Resolution*. Về "cách mạng", xem bài trong *DHI*; xem thêm Melvin J. Lasky, "The Birth of a Metaphor," *Encounter* (Tháng 2-3/1970).

Nguồn dẫn

Censorinus, *De die natali liber ad Q. Caerellium* (238 SCN; dịch bởi nhiều tác giả từ tài liệu của Nicolaus Sallmann biên tập, 1983), ch. 17. D. H. Lawrence, *Etruscan Places* (1932). Về việc đánh số *saeculum* của Varro, Lucan, Juvenal, và những người khác, xem Rose, *op. cit.*

Bánh xe Thời gian

Tung Chung-shu (c. 179-104 B.C.), *Luxuriant Dew of the Spring and Autumn Annals* (bản dịch và tóm tắt bởi Cairns trong *Philosophies of History* (1962, 1971), 171-186. R. G. Collingwood, *Essays in the Philosophy of History* (1965), 75, 89.

Tìm hiểu lại về *Saeculum*

Desiderius Erasmus trong lá thư gửi Budaeus (21/2/1517), trong Jean Lafond, “Réflexions sur deux fins de siècle: les seizième et dix-septième siècles,” trong Citti, *op. cit.* Tommaso Campanella, *ibid.* John Dryden, *The Secular Masque* (1700). Câu nói nổi tiếng của Madame de Pompadour (5/11/1757) tới vua Louis XV sau chiến thắng của Frederick Đại đế ở Rossbach. Gustav Rümelin, “Über den Begriff und die Dauer einer Generation.” trong *Reden und Aufsätze* (1875). Ralph Waldo Emerson, “Considerations by the Way,” trong *The Conduct of Life* (1860). F. de Jouvenot và H. Micard, *Fin de Siecle*, được biểu diễn lần đầu ở Paris ngày 17/4/1888. Remy de Gourmont trong Maurice Pénard, “Remy de Gourmont et la notion de fin de siècle,” trong Citti, *op. cit.* Câu nói nổi tiếng của Benito Mussolini vào năm 1933 khi Hitler lên nắm quyền (“the twentieth century will be known in history as the century of fascism” [Tạm dịch: thế kỷ hai mươi sẽ được biết đến trong lịch sử là thế kỷ của chủ nghĩa phát xít]); Henry Luce, “The American Century,” bài viết trên tạp chí *Life* (17/2/1941); Henry Wallace trong “The Price of Free World Victory” (bài phát biểu; 8/5/1942). Antoine-Augustin Cournot, *Considerations sur la marche des idées et des événements dans les temps modernes* (1872), 105. Arnold Toynbee, *Change and Habit* (1966), 20.

Saeculum của Chiến tranh và Hòa Bình

Quincy Wright, *A Study of War* (1942). Wright, *ibid.*, 223-32 và 380-87. Arnold Toynbee, *A Study of History* (12 quyển; xuất bản từ 1934-1961). Toynbee, *A Study of History*, vol. IX (1954), 220-347. Về “sự kiểm soát của con người,” *ibid.*, 348. L. L. Ferrar Jr., “Cycles of War: Historical Speculations on Future International Violence,” *International Interactions*, 3 (1977). Richard Rosecrance, *International Relations: Peace or War?* (1973), 301-02; xem thêm Rosecrance, “Long Cycle Theory and International Relations,” *International Organization*, 41, 2 (1987). Ludwig Dehio, *The Precarious Balance: Four Centuries of the European Power Struggle* (1962). Terence Hopkins, Immanuel Wallerstein, và các cộng sự, “Cyclical Rhythms and Secular Trends of the Capitalist World Economy: Some Premises, Hypotheses, and Questions” trong Hopkins và Wallerstein (eds.), *World-Systems Analysis: Theory and Methodology* (1982). William R. Thompson, *On Global War: Historical-Structural Approaches to World Politics* (1988), 50. George Modelski, *Long Cycles in World Politics* (1987), 34. Nicolaus Copernicus, *De Revolutionibus orbium coelestium, libri VI* (1543). Thomas Hobbes, *Behemoth, or an Epitome of the Civil Wars of England* (1679), phần cuối của Fourth Dialogue. Thomas Paine, *The American Crisis* (prig. pub. dưới dạng 14 cuốn sách nhỏ, 1776-1783). Gerhard Masur, “Crisis in History,” *DHI*. Modelski, *op. cit.*, 118-20. Anthony F. C. Wallace, “Revitalization Movements,” *American Anthropologist*, 58 (1956). Robert Wurthnow, “World Order and Religious Movements,” trong Albert Bergesen (ed.), *Studies of the Modern World-System* (1980).

Saeculum ở Mỹ

G. W. F. Hegel (trong *Philosophy of History*), trong Maier, *op. cit.* Tổng thống Abraham Lincoln, “Gettysburg Address” (19/11/1863). Thomas Paine, *Common Sense* (1776). Lincoln, *op. cit.* Walt Whitman, “O Captain! My Captain!” (1865). Charles và Mary Beard, *The Rise of American Civilization* (1927, bản năm 1933), vol. II, ch. 18. Carl Degler, “The Third American Revolution,” trong *Out of Our Past* (1970). Bruce Ackerman, *We the People: Foundations* (1991), 44.

Michael Lind, *The Next American Nation: The New Nationalism and the Fourth American Revolution* (1995). Walter Dean Burnham, "The Fourth American Republic?" *WSJ* 16/10/1995. Winston S. Churchill, *Marlborough: his Life and Times* (1934), vol. II, 478. Richard Maxwell Brown, "Violence and the American Revolution," trong Stephen G. Kurtz và James H. Hutson (eds.), *Essays on the American Revolution* (1973). James M. McPherson, *Battle Cry of Freedom* (1988), 854. Richard L. Bushman, *From Puritan to Yankee: Character and the Social Order in Connecticut, 1690-1765* (1970); 187, và Bushman (ed.), *The Great Awakening* (1970), xi. Robert Bellah, *The Broken Covenant* (bản thứ 2, 1992), xvi. William G. McLoughlin, *Revivals, Awakening, and Reform* (1978), ch. 1. Robert Fogel, "The Fourth Great Awakening" (chuỗi Bradley Lectures tại American Enterprise Institute 11/9/1995) và trong *WSJ* 9/1/1996; xem thêm Irving Kristol, "Times of Transformation," *WSJ* 13/6/1995 và George F. Will, "The Fourth Awakening," *Newsweek* 2/10/1995. Henry Steele Commager, *The American Mind: An Interpretation of American Thought and Character Since the 1880s* (1950), 42. Richard Hofstadter, *Age Of Reform* (1955), 166. Thompson, *op. cit.*, 276. Modelski, "A Global Politics Scenario for the Year 2016," trong Modelski (ed.), *Exploring Long Cycles* (1987). Ferrar Jr., *op. cit.* Goldstein, *op. cit.*, f 353. "Chronomacropolitics" trong Modelski, "The Study of Long Cycles," trong Modelski (1987), *op. cit.*

CHƯƠNG 3

Nền tảng

Về các giai đoạn của vòng đời con người, xem Carl Gustav Jung, "The Stages of Life" (1933; nguyên tác "Die Lebenswende," 1931); S. N. Eisenstadt, *From Generation to Generation* (1956); Erik H. Erikson, *Childhood and Society* (1950) và *The Life Cycle Completed* (1982); essays in Matilda W. Riley, et al., *Aging and Society* (1972); Daniel J. Levinson, *The Seasons of a Man's Life* (1978); các bài luận trong Robert H. Binstock and Ethel Shanas (eds.), *Handbook of Aging and the Social Sciences* (1985); và Thomas R. Cole and Mary G. Winkler

(eds.), *The Oxford Book of Aging* (1994). Về giả thuyết thế hệ, xem *Generations*, ch. 2-4 và phụ lục A; các bài “Generations” (của Julian Marias và Marvin Rintala) trong *EnS*; Julian Marias, *Generations: A Historical Method* (bản dịch năm 1970; nguyên tác *El metodo historico de las generaciones*, 1967); Alan B. Spitzer, “The Historical Problem of Generations,” *American Historical Review* (12/1973); các bài luận trong Richard J. Samvels (ed.), *Political Generations and Political Development* (1976), đặc biệt ch. 1-2; các bài luận trong Stephen R. Graubard (ed.), *Generations* (1979); Anthony Esler, *Generations in History: An Introduction to the Concept* (1982); và Yves Renouard, “La notion de generation en histoire,” *Revue Historique* (Tháng 1-3/1953). Về thuyết của người Hy Lạp cổ đại về các nguyên tố, xem bài “Biological Conceptions in Antiquity” trong *DHI*; và F. M. Cornford, *From Religion to Philosophy* (1957). Về sự phát triển của giả thuyết về các thể dịch và tính khí, xem G. E. R. Lloyd (ed.), *Hippocratic Writings* (J. Chadwick and W. N. Mann dịch, 1978); xem thêm các bài “Temperance,” “Health and Disease,” “Macrocosm and Microcosm,” “Pre-Platonic Conceptions of Human Nature,” và “Psychological Ideas in Antiquity” trong *DHI*. Về giả thuyết hiện đại về sự bền bỉ của tính khí, xem Jerome Kagan, *Galen’s Prophecy: Temperament in Human Nature* (1994). Về “kiểm tra phân loại tính cách” của Myers-Briggs, xem David Keirsey và Marilyn Bates, *Please Understand Me: Character and Temperament Types* (1978); và *Type Talk* (1988), Otto Kroeger và Janet M. Thuesen. Về những huyền thoại và nguyên mẫu huyền thoại, xem Joseph Campbell, *The Power of Myth* (1988); Campbell, *The Hero with a Thousand Faces* (bản thứ 2, 1968); Robert Graves, *The Greek Myths* (1955), 2 vol. ; Norma Lorre Goodrich, *Ancient Myths* (1960) và *Medieval Myths* (1961); Alexander Eliot, *The Universal Myths: Heroes, Gods, Tricksters and Others* (1976); xem thêm Pierre Brunei, *Companion to Literary Myths, Heroes and Archetypes* (bản dịch năm 1992; nguyên tác *Dictionnaire des Mythes Litteraires*, 1988).

Nguồn dẫn

Marcus Tullius Cicero (106-43 B.C.), *De senectute*. Lin Yü-t'ang, "Human Life a Poem," trong *The Importance of Living* (1937). Levinson, *op. cit.*, 7. Jung (1933), *op. cit.*

Hành trình 80

Ralph Waldo Emerson, "History," trong *Essays: First Series* (1841). Về "những ngày trong những năm của chúng ta," xem Psalms 90:10. Jung (1933), *op. cit.* Về "tempestivitas," xem Cole and Winkler (1994), *op. cit.*, 14; và mục trong Oxford English Dictionary; xem thêm Sir Thomas Browne (1605-82), *Christian Morals* (1716), pt. 3, sect. 8. John Schowalter, trong "Childhood Circa 1995 " *WSJ* 9/2/1995; Levinson, *op. cit.*, p. 4. Henry Adams, *The Education of Henry Adams* (1907), 35. Thomas Hardy, *Jude the Obscure* (1895), pt. I, ch. 2. Jose Ortega y Gasset, *Man and Crisis* (nguyên tác *En torno a Galileo*, 1933). Levinson, *op. cit.*, 29. Về "sự cá nhân hóa", xem Jung, *Psychological Types* (nguyên tác *Psychologische Typen*, 1921). Về tuổi trung niên, Dante Alighieri, *77 convivio*, IV, 24; Browne, *op. cit.*; Aristotle, *Rhetoric*, 1390a28; Jung (1933), *op. cit.*; Levinson, *op. cit.*, ch. 2. Ogden Nash, "Crossing the Boarder," trong *Marriage Lines* (1964). Về thay đổi trong tỉ lệ tham gia lao động theo độ tuổi, xem *Employment and Earnings* (hàng tháng và trong lưu trữ), Bộ Lao động Mỹ. Về độ tuổi trung bình để nhận trợ cấp nghỉ hưu OASI, xem *Annual Statistical Supplement*, 1995, gửi tới *Social Security Bulletin*, Cục An sinh Xã hội.

Các thế hệ và Lịch sử

Karl Mannheim, "Das Problem der Generationen" (1928). Philo (c. 20 B.C.-c. A.D. 50), *Cosmogony*. Herodotus (c. 484-c. 425 B.C.), *History*. "Một thế hệ tráo trở", xem Matthew 3:7 và Luke 3:7. Hesiod (thế kỉ 18 B.C.), *Theogony*. Thomas Jefferson trong lá thư gửi James Madison ở New York (6/9/1789). Auguste Comte, *Cours de Philosophie Positive* (1869), 51^e leçon. John Stuart Mill, *A System of Logic, Ratiocinative and Inductive* (1840), II, X. Wilhelm Dilthey, *Über das Studium der Geschichte der Wissenschaften vom Menschen*,

der Gesellschaft und dem Staat (1875), bản dịch, ở đây do Mariás, *op. cit.*, 55. Giuseppe Ferrari, *Teoria dei periodi politici* (1874), 9-15. Mannheim, *op. cit.* Ortega, *The Modern Theme* (nguyên tác *El tema de nuestro tiempo*, 1923). François Mentré, *Les générations sociales* (1920). Kurt Cobain, “Smells Like Teen Spirit” (bài hát, trong album *Never Mind*, 1991). Esler, *op. cit.*, 152.

Nhận diện Các thế hệ

Thomas Wolfe, *You Can't Go Home Again* (1934), 715. Ferrari, *op. cit.*, 7-8. Ortega (1933), *op. cit.*, bản dịch, trong Marias, *op. cit.*, 98. Cheryl Merser, “*Grown Ops*: A Generation in Search of Adulthood” (1987), 98. Marias, *op. cit.*, 101-02. Về điều kiện tuyển quân thời chiến tranh Việt Nam, xem Lawrence Baskir và William Strauss, *Chance and Circumstance* (1978). Comte, *op. cit.* Dilthey, *op. cit.* Về thái độ của sinh viên đại học năm nhất, xem Alexander Astin, et al., *The American Freshman: Twenty-Five Year Trends, 1966-1990* (UCLA; 1991), cùng nhiều báo cáo thường niên gần đây. Về các cuộc bầu cử Mỹ theo từng thế hệ, xem *Generations*, phụ lục B. Marias, *op. cit.*, 106. Ortega, *The Modern Theme* (nguyên tác *El tema de nuestro tiempo*, 1923), bản dịch, trong Mariás, *op. cit.*, 94. Julius Peterson, “Die Literarischen Generationen,” trong Emil Ermatinger (ed.), *Philosophie der Literaturwissenschaft* (1930). Ortega (1923), *op. cit.*, bản dịch, trong Marias, *op. cit.*, 94. Mannheim, *op. cit.* Martin Heidegger, *Sein und Zeit* (1927), 384-85.

Toàn cảnh Các thế hệ

Arthur M. Schlesinger, *New Viewpoints in American History* (1925, 1948), ch. 5. Morton Keller, “Reflections on Politics and Generations in America,” trong Graubard, *op. cit.* Henri Peyre, *Les Generations litteraires* (1948), ch. XIV Samuel Huntington, “Paradigms of American Politics: Beyond the One, the Two, and the Many,” *Political Science Quarterly* (Tháng 3/1974).

Bốn nguyên mẫu

Về Anaximander, xem Cornford, *op. cit.*, 7-12. Về Hippocrates, xem Lloyd, *op. cit.* Về Alcmaeon xứ Croton, xem “Biological Conceptions

in Antiquity” trong *DHI*. E. Adickes, *Charakter und Weltanschauung* (1907). Eduard Spranger, *Lebensformen* (1914; bản dịch, tựa *Types of Men*, 1928), phần I. Ernst Kretschmer, *Körperbau und Charakter* (1920; bản dịch, tựa *Physique and Character*, 1925). Jung (1921), *op. cit.* Về khái niệm của Jung về nguyên mẫu và vô thức tập thể, xem Jung, “Approaching the Unconscious,” trong Jung (ed.), *Man and his Symbols* (1964), và các bài viết liên quan trong Andrew Samuels, Bani Shorter, and Fred Plant, *A Critical Dictionary of Jungian Analysis* (1986). Isabel Myers, *The Myers-Briggs Type Indicator* (1956). Robert Moore and Douglas Gillette, *King, Warrior, Magician, Lover: Rediscovering the Archetypes of the Mature Masculine* (1990). Carol S. Pearson, *Awakening the Heroes Within* (1991). William Irwin Thompson, *At the Edge of History* (1971), ch. 4. Về khuynh hướng “enantiodromia” xem *The Collected Works of C. G. Jung* (bản dịch bởi R. F. C. Hull; bản thứ 2, 1967), vol. 5 (*Symbols of Transformation*), 375; liên hệ với Heraclitus, xem Joseph Campbell, “Editor’s Introduction,” trong Campbell (ed.), *The Portable Jung* (1971). Moore and Gillette, *op. cit.*, 118.

Nguyên mẫu và Huyền thoại

Về quan điểm của Jung đối với “huyền thoại anh hùng,” xem Jung (1964), *op. cit.*, 68-71. Joseph Campbell, *The Power of Myth* (1988), 152. Campbell, *The Hero with a Thousand Faces* (bản thứ 2, 1968), 69. Igor Stravinsky, *Conversations with Igor Stravinsky* (1959). Margaret Mitchell, *Gone with the Wind* (1936), 680-81.

Chu kỳ của Các nguyên mẫu

Về độ tuổi mà các thế hệ người Mỹ đạt đến đỉnh cao của sự thống trị chính trị, xem *Generations*, phụ lục B. Benjamin Spock, *The Common Sense Book of Baby and Child Care* (1946), ch. 1, “The Parents’ Part.” Judy Blume, *Letters to Judy: What Your Kids Wish They Could Tell You* (1986), 273. J. Zvi Namenworth and Richard C. Bibbee, “Change within or of the System: An Example from the History of American Values,” *Quality and Quantity*, 10 (1970).

Các nguyên mẫu và Lịch sử

Về “tất cả những người từ 20 tuổi trở lên đủ khả năng tham gia chiến đấu,” xem Numbers 1:3. Về “một thế hệ khác nối tiếp họ,” xem Judges 2:10. Để hiểu biết thêm về chu kỳ giai thoại bốn giai đoạn trong kinh Cựu Ước, xem G. W. Trompf, *The Idea of Historical Recurrence in Western Thought* (1979), ch. 3. Về “Một thế hệ mất đi...,” xem Ecclesiastes 1:4. Về “Tại một thời khắc gió thổi lá rơi...,” xem Homer, *Iliad*, VI, 146. Polybius (c. 208-c. 126 B.C.), *Histories*, bk. V, 5-9. Ibn Khaldun, *The Muqaddimah* (bản dịch, bởi Franz Rosenthal, 1958), vol. I, ch.II, 14; *ibid.*, vol. I, ch. III, 11-12; xem thêm Fuad Baali, *Society, State, and Urbanism: Ibn Khaldun's Sociological Thought* (1988), ch. 5-6. Paul-Emile Littre, *Paroles de philosophic positive* (1860), trong Marias, *op. cit*, 28. Ivan Turgenev, *Fathers and Sons* (1862). Giuseppe Ferrari, *Teoria dei periodi politici* (1874). Eduard Wechsler, *Die Generation als Jugendreihe und ihr kampf um die Denkform* (1930), 137-248. Arnold Toynbee, *A Study of History*, volume IX (1954), 319-26. Marias, *op. cit*, 170-88. Samuel Huntington, *American Politics: The Promise of Disharmony* (1981); xem thêm Huntington (1974), *op. cit*. George Modelski, *Long Cycles in World Politics* (1987), 62-3 và 115-25. J. Zvi Namenworth, “Wheels of Time and the Interdependence of Value Change in America,” *Journal of Interdisciplinary History*, III, 4 (Mùa xuân, 1973).

CHƯƠNG 4

Nền tảng

Về thuyết phổ biến chu kỳ của lịch sử Mỹ, xem Arthur M. Schlesinger, *Paths to the Present* (1949), ch. 4, “The Tides of National Politics”; P. M. G. Harris, “The Social Origins of American Leaders: The Demographic Foundations,” *Perspectives in American History*, III (1969); J. Zvi Namenworth, “Wheels of Time and the Interdependence of Value Change in America,” *Journal of Interdisciplinary History*, 3, 4 (Mùa xuân, 1973); David C. McClelland, *Power: The Inner Experience* (1975); Samuel P. Huntington, *American Politics: The Promise of*

Disharmony (1981); A. O. Hirschman, *Shifting Involvements: Private Interest and Public Action* (1982); và Arthur M. Schlesinger Jr., *The Cycles of American History* (1986), ch. 2. Về quan điểm của Walter Dean Burnham về hệ thống đảng và sự tổ chức lại, xem Burnham, "Party Systems and the Political Process," trong Burnham và William Nisbet Chambers (eds.), *The American Party Systems: Stages of Political Development* (1967); Burnham, *Critical Elections and the Mainsprings of American Politics* (1970); Burnham, "Revitalization and Decay: Looking Toward the Third Century of American Electoral Politics," *Journal of Politics* (Tháng 8/1976). Về những bước ngoặt trong sự phát triển của góc nhìn này, xem Samuel Lubell, *The Future of American Politics* (1952); V. O. Key Jr., "A Theory of Critical Elections" *Journal of Politics*, XVII (1955); Angus Campbell, et al., *The American Voter* (1960); Gerald Pomper, "Classification of Presidential Elections," *Journal of Politics*, XXIX (1967); Charles Sellers, "The Equilibrium Cycle in Two-Party Politics," *Public Opinion Quarterly*, XXIX (1965); Kevin Phillips, *The Emerging Republican Majority* (1969); James L. Sundquist, *Dynamics of the Party System: Alignment and Realignment of Political Parties in the United States* (1973); and Paul Kleppner (ed.), *The Evolution of American Electoral Systems* (1981). Về chu kỳ chính sách quốc tế của Mỹ, xem Frank L. Klingberg, *Cyclical Trends in American Foreign Policy Moods* (1983); và Michael Roskin, "From Pearl Harbor to Vietnam: Shifting Generational Paradigms and Foreign Policy," *Political Science Quarterly* 89, 3 (Mùa thu, 1974). Về những chu kỳ "dài" (Kronratieff) trong lịch sử kinh tế, xem J. J. Van Duun, *The Long Wave in Economic Life* (1983); và Joshua S. Goldstein, *Long Cycles: Prosperity and War in the Modern Age* (1988). Về một giả thuyết nổi tiếng về chu kỳ nhân khẩu học, xem Richard A. Easterlin, *Birth and Fortune: The Impact of Numbers on Personal Welfare* (ed. 2, 1987).

Nguồn dẫn

Nguồn gốc của Chu kỳ Mỹ

Jules Michelet, *Histoire de France* (1833-67), tập VII. Jacob Burckhardt, *The Civilization of the Renaissance in Italy* (bản dịch, năm

1878; nguyên tác *Die Kultur der Renaissance in Italien*, 1860). Martin Luther, trong Erik H. Erikson, *Young Man Luther* (1958), 174. Do các khảo sát điều tra dân số của Mỹ ở dạng tự báo cáo, những số liệu về “tổ tiên” thường mức độ tương đối; cho năm 1900 và thập niên 1920, xem David Hackett Fischer, *Albion's Seed* (1989), 870-73; về những số liệu hiện nay, xem các báo cáo của cục điều tra dân số trong *Statistical Abstract of the United States* (thường niên), sec. 1; “Tiếng Anh” ở đây bao gồm ở England, Wales, Scotland, Northern Ireland, và Canada (ở những nơi không dùng tiếng Pháp). Về những số liệu dân số trước 1790 theo thuộc địa và chủng tộc, xem “Colonial and pre-Federal Statistics,” *Historical Statistics of the United States, Colonial Times to 1970* (Bureau of the Census, 1975), ch. Z. Về lượng dân số ước tính của tổ tiên trong năm 1720 và năm 1820, xem những nguồn và phương pháp liệt kê trong *Generations*, 466-67; xem thêm ước tính năm 1790 trong John Mack Faragher, “Immigration,” trong Faragher (ed.), *The Encyclopedia of Colonial and Revolutionary America* (1990). Về việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh, xem Daniel J. Boorstin, *The Americans: The Colonial Experience* (1958), part 10, “The New Uniformity.”

Các nguyên mẫu trong Lịch sử Mỹ

Jose Ortega y Gasset, đã nhắc tới ở chương 3. Francois Mentre, trong Julian Marias, *Generations: A Historical Method* (bản dịch, năm 1970; nguyên tác *El metodo historico de las generaciones*, 1967), 155ff.

Các nguyên mẫu và Những bước chuyển

Abraham Lincoln, nói với Cộng đồng Nông nghiệp bang Winsconsin (Milwaukee; 30/9/1859). David Donald, *An Excess of Democracy: The American Civil War and the Social Process* (1960), trích trong Kenneth M. Stampp (ed.), *The Causes of the Civil War* (1959), 98.

Nhịp điệu trong Lịch sử

Harris, *op. cit.* Schlesinger Jr., *op. cit.*, ch. 2. Về “những chàng trai trẻ sinh ra...,” xem Ralph Waldo Emerson, *Life and Letters in New England* (1867). Về “những người điên...,” xem Emerson (trong

“The Chardon Street Convention”), trong Vernon L. Parrington, *The Romantic Revolution in America: 1800-1860* (1927; 1954 ed.), 337. Thomas Hobbes, *Behemoth, or an Epitome of the Civil Wars of England* (1679), như đã được nhắc đến và thảo luận trong Mark H. Curtis, “The Alienated Intellectuals of Early Stuart England,” trong Trevor Aston (ed.), *Crisis in Europe: Essays from ‘Past and Present’* (1965). Về những chu kỳ của sự bất ổn trong trường đại học, see *Generations*. Michael Barkun, “Communal Societies as Cyclical Phenomena,” *Communal Societies*, 4 (Mùa thu, 1984).

Chính trị

Schlesinger, *op. cit.* Schlesinger Jr., *op. cit.* Về dự báo của Schlesinger Jr. về cuộc bầu cử 1988, xem Schlesinger Jr., “Wake Up, Liberals, Your Time Has Come,” *WP* 1/5/1988; và bài thảo luận trong “Conventional Wisdom,” *Newsweek* 21/11/1988; và “Letters to the Editor,” *ibid.* 19/12/1988; xem thêm nhiều bài luận gần đây của Schlesinger Jr., trong *WSJ* (8/2/1989, 12/11/1992, và 16/11/1994). Burnham (1967), *op. cit.* Schlesinger Jr. (1986), *op. cit.* Paul Allen Beck, “A Socialization Theory of Partisan Realignment,” trong Richard G. Niemi và cộng sự, *The Politics of Future Citizens* (1974); xem thêm Beck, “Young vs. Old in 1984: Generations and Life Stages in Presidential Nomination Politics,” *PS* (Mùa hè, 1984). “Tỉ lệ xuất hiện và tham gia bỏ phiếu bầu cử giảm mạnh giữa năm 1900 và 1920,” theo Richard L. McCormick, “Political Parties,” trong Jack P. Greene (ed.), *Encyclopedia of American Political History* (1984).

Đối ngoại

Frank L. Klingberg, “The Historical Alternation of Moods in American Foreign Policy,” *World Politics*, IV, 2 (Jan 1952); phần sau, Klingberg (1983), *op. cit.*

Kinh tế

N. D. Kondratieff, “Die Langen Wellen der Konjunktur,” *Archiv fur Sozialwis-senschaft und Sozialpolitik* (bản dịch năm 1926 từ nguyên tác tiếng Nga năm 1925); bản rút ngắn tiếng Anh xuất hiện lần đầu

năm 1935, bản đầy đủ tiếng Anh năm 1979. Về những xu hướng tính toán được về tỷ lệ đói nghèo kể từ cuộc Nội chiến, xem Eugene Smolensky and Michael M. Weinstein, "Poverty," trong *EAEH*. Về những xu hướng đo lường được về thu nhập và phân chia bố của cải, xem Lee Soltow, "Distribution of Income and Wealth," trong *EAEH*; Alice Hansen Jones, *Wealth of a Nation To Be* (1980); và Jeffrey G. Williamson, Peter H. Lindert, *American Inequality: A Macroeconomic History* (1980).

Gia đình và Xã hội

Betty Friedan, *The Feminine Mystique* (1963). Mary Cable, *The Little Darlings* (1975), 105. Về những thay đổi nhận thức trong cuộc sống gia đình thời kỳ những năm 1920, xem Mary Patrice Thaman, *Manners and Morals of the 1920s: A Survey of the Religious Press* (1977). Về những điểm song song giữa phong trào Garveyism những năm 1920 và Black Muslims những năm 1990, xem Orlando Patterson, "Going Separate Ways: The History of an Old Idea," *Time* 30/10/19/95; và Sean Wilentz, "Backward March," *New Republic* 6/11/1995.

Dân số

Về xu hướng trong tổng tỷ lệ sinh đẻ từ năm 1800, xem Ansley J. Coale và Melvin Zelnick, *New Estimates of Fertility and Population in the United States* (1963) và các số liệu Điều tra dân số gần đây. Về những năm trước và xu hướng về nhập cư, xem *Generations*, appendix B.

Mất trật tự Xã hội

New York Gazette trong năm 1749, trong Carl Bridenbaugh, *Cities in Revolt: Urban Life in America, 1743- 1776* (1955), 113. Số liệu có sẵn về tiêu thụ rượu theo đầu người tại Mỹ cho thấy chu kỳ đạt đỉnh vào năm 1980-1981, năm 1906-1910, và năm 1830-1840; xem *First Statistical Compendium on Alcohol and Health* (National Institute on Alcohol Abuse and Alcoholism; Tháng 2/1981); *NIAAA Quick Facts* (CSR, Inc.; periodic); J. C. Burnham, "New Perspectives on the Prohibition 'Experiment' of the 1920s," *Journal of Social History* (Mùa

thu, 1968); Jack S. Blocker Jr., *American Temperance Movements: Cycles of Reform* (1989); và phụ lục thống kê trong W. J. Rorabaugh, *The Alcoholic Republic: An American Tradition* (1979). Về bằng chứng cho thấy cuối thập niên 1740 và 1750 có thể là một thời kỳ cao điểm khác về mức tiêu thụ rượu, xem Rorabaugh, *op. cit.*, and Bridenbaugh, *op. cit.*, ch. 3. Về xu hướng tương tự trong tiêu thụ chất gây nghiện, xem H. Wayne Morgan, *Drugs in America: A Social History, 1800-1980* (1981); và David T. Courtwright, *Dark Paradise: Opiate Addiction in America before 1940* (1972). David Musto, trong “Drug Use? America can’t Seem to Remember When,” *WP* 27/8/1990.

Văn hóa

Edmund Morgan, “The American Revolution considered as an Intellectual Movement” trong Arthur M. Schlesinger Jr., and Morton White (eds.), *Paths of American Thought* (1963). Marilyn Ferguson, *The Aquarian Conspiracy* (1980). Cao Yu, trong *Observer* (London) 13/4/1980. Harris, *op. cit.*

Tai nạn và Biến cố

Bill Gates, *The Road Ahead* (1995), 105. Klingberg (1983), *op. cit.* Về số liệu về vụ sạt lở thể hệ năm 1868, xem *Generations*, appendix B.

TỔNG QUAN: BẢY CHU KỲ CỦA THỂ HỆ VÀ NHỮNG BƯỚC CHUYỂN

Nền tảng

Một tiểu sử dài một chương (với trích dẫn được sắp xếp theo mục) dành cho mỗi thể hệ từ Thanh giáo cho tới Thiên niên kỷ có trong *Generations*.

Nguồn dẫn

Anthony Esler, *The Aspiring Mind of the Elizabethan Younger Generation* (1966), 165, 240, 68. Matthew A. Crenson, *The Federal Machine: Beginnings of Bureaucracy in Jacksonian America* (1975), 159. Emerson, đoạn “không một cuốn sách...,” (ám chỉ rõ ràng tới New England thời kỳ giữa 1790 và 1820), trong Russel Blaine

Nye, *The Cultural Life of the New Nation, 1776-1830* (1960), 111. “Law of Competition,” trong Andrew Carnegie, *The Gospel of Wealth* (1900). Van Wyck Brooks, “The Younger Generation of 1870” trong *New England: Indian Summer, 1865-1915* (1940), 438. “An end of ideology,” trong Daniel Bell, *The End of Ideology* (1960). “Morning in America,” chủ đề chiến dịch tái tranh cử của Tổng thống Ronald Reagan (Mùa hè và mùa thu, 1984).

CHƯƠNG 5

Nguồn dẫn

Nathaniel Hawthorne, “The Gray Champion,” *Twice-Told Tales* (series đầu tiên, 1837). Về “một mệnh lệnh Phúc âm rực lửa giữa những hàng kiếm bóng loáng” và “tia sét định mệnh của thanh kiếm nhanh đến khiếp sợ của Ngài,” xem lần lượt khổ ba và khổ một trong Julia Ward Howe, “The Battle Hymn of the Republic” (lời bài hát, xuất bản năm 1862). Abraham Lincoln, Thông điệp thường niên lần hai trước Nghị viện (1/12/1862).

CHƯƠNG 6, 7 VÀ 8

Nền tảng

Về Bước chuyển Thứ nhất

Xem Andre Siegfried, *America at Mid-Century* (1955); Huston Smith (ed.), *The Search for America* (1959); William Manchester, *The Glory and the Dream: A Narrative History of America, 1932-1972* (1974); Roland Stromberg, *After Everything: Western Intellectual History Since 1945* (1975); Joseph Goulden, *The Best Years: 1945-1950* (1976); William O'Neill, *The American High: The Years of Confidence, 1945-1960* (1986); Elaine Tyler May, *Homeward Bound* (1988); Michael Barone, *Our Country: The Shaping of America from Roosevelt to Reagan* (1990); David Halberstam, *The Fifties* (1993); Alan Ehrenhalt, *The Lost City* (1995); Robert Samuelson, *The Good Life and Its Discontents* (1996); và James T. Patterson, *Grand Expectations: The United States, 1945-1974* (1996).

Về Bước chuyển Thứ hai

Xem Manchester, Stromberg, Barone, Samuelson, và Patterson (*op. cit.*); xem thêm Theodore Roszak, *The Making of a Counterculture* (1969); Daniel Bell, *The Coming of Post-Industrial Society* (1973); Christopher Lasch, *The Culture of Narcissism in an Age of Diminishing Expectations* (1979); Marilyn Ferguson, *The Aquarian Conspiracy: Personal and Social Transformation in the 1980s* (1980); Marvin Harris, *America Now: The Anthropology of a Changing Culture* (1981); Daniel Yankelovich, *New Rules: Searching for Self Fulfillment in a World Turned Upside Down* (1981); Richard Reeves, *American Journey: Traveling with Tocqueville in Search of Democracy in America* (1982); Stanley Karnow, *Vietnam: A History* (1983); Arnold Mitchell, *The Nine American Lifestyles* (1983); Robert N. Bellah, et al., *Habits of the Heart: Individualism and Commitment in American Life* (1985); và Todd Gitlin, *The Sixties: Years of Hope, Days of Rage* (1987); và Irwin Unger, *The Best of Intentions: The Triumphs and Failures of the Great Society Under Kennedy, Johnson, and Nixon* (1996).

Về Bước chuyển Thứ ba

Xem Samuelson, *op. cit.*; xem thêm Louis Harris, *Inside America* (1987); Barbara Ehrenreich, *Fear of Falling* (1986); Benjamin Friedman, *Day of Reckoning* (1988); John Naisbitt, *Megatrends 2000* (1990); Alvin và Heidi Toffler, *Powershift* (1990); Kevin Phillips, *The Politics of Rich and Poor* (1990); Mary Ann Glendon, *Rights Talk* (1991); E. J. Dionne Jr., *Why Americans Hate Politics* (1991); James Davison Hunter, *Culture Wars: The Struggle to Define America* (1991); Arthur M. Schlesinger Jr., *The Disuniting of America* (1992); Charles Sykes, *A Nation of Victims* (1992); Amitai Etzioni, *The Spirit of Community* (1993); Jonathan Rauch, *Demosclerosis* (1994); Stephen L. Carter, *The Culture of Disbelief* (1995); Bill Gates, *The Road Ahead* (1995); Jean Bethke Elshtain, *Democracy on Trial* (1995); và Phillip Longman, *The Return of Thrift* (1996).

Từ Thế hệ Sứ mệnh qua Thế hệ Thiên niên kỷ

Xem *Generations* để có được danh mục sâu rộng. Một số tác phẩm đáng chú ý gần đây bao gồm, về Thế hệ Sứ mệnh, T. H. Watkins, *Righteous Pilgrim: The Life and Times of Harold L. Ickes, 1874-1952* (1990); Evelyn Brooks Higginbotham, *Righteous Discontent: The Women's Movement in the Black Baptist Church 1880-1920* (1993); David Fromkin, *In the Time of the Americans: The Generation that Changed America's Role in the World* (1995). Về Thế hệ Lạc lõng: David McCullough, *Truman* (1992); Marybeth Hamilton, *When I'm Bad, I'm Better: Mae West, Sex, and American Entertainment* (1995). Về Thế hệ Vĩ đại nhất: Betty Friedan, *The Fountain of Age* (1993); và Richard Reeves, *President Kennedy: Profile of Power* (1994). Về Thế hệ Im lặng: Wini Breines, *Young, White, and Miserable: Growing up Female in the Fifties* (1992); William M. Turtle Jr., *Daddy's Gone to War* (1993); Colin L. Powell, *My American Journey* (1995); và Gail Sheehy, *New Passages: Mapping Your Life Across Time* (1995). Về Thế hệ Bùng nổ: Cheryl Russell, *The Master Trend* (1993); Katherine S. Newman, *Declining Fortunes* (1993); và Wade Clark Roof, *A Generation of Seekers* (1993). Về Thế hệ Thứ 13: Neil Howe và William Strauss, *13TH-GEN* (1993); Third Millennium, *Third Millennium Declaration* (1993); Children's Express, *Voices from the Future* (1993); Eric Liv (ed.), *Next: Young American Writers on the New Generation* (1994); Thomas French, *South of Heaven* (1994); Douglas Rushkoff (ed.), *The Generation XReader* (1994); Rob Nelson và Bob Cowan, *Revolution X* (1994); David Lipsky và Alexander Abrams, *Late Bloomers* (1994); và Mike A. Males, *The Scapegoat Generation* (1996). Về Thế hệ Thiên niên kỷ: Sylvia Ann Hewlett, *When the Bough Breaks* (1991); Laurence J. Kotlikoff, *Generational Accounting* (1993); Linda và Richard Eyre, *Teaching Your Children Values* (1993); Nurith Zmora, *Orphanages Reconsidered* (1994); Jonathan Kozol, *Amazing Grace: The Lives of Children and the Conscience of a Nation* (1995); Mary Ann Glendon và David Blankenhorn (eds.), *Seedbeds of Virtue: Sources of Competence, Character, and Citizenship in American Society* (1995);

Marian Wright Edelman, *Guide My Feet* (1995); Daniel Quayle và Dianne Medved, *The American Family: Discovering the Values That Make Us Strong* (1996); Hillary Clinton, *It Takes a Village And Other Lessons Children Teach Us* (1996); và Suzanne Logan, *The Kids Can Help* (1996).

CHƯƠNG 6

Nguồn dẫn

Gunner Myrdal, "Is American Business Deluding Itself," *Atlantic Monthly* (11/1944). Trích dẫn từ tờ *Fortune* đều từ số tháng 7, 8, 12 năm 1945, và tháng 1 và 6 năm 1946. *Saturday Evening Post*, trong Alan Brinkley, "For America, It Truly Was a Great War," *NYT Magazine* 7/5/1995. Sumner H. Slichter, "Jobs After the War," *Atlantic Monthly* (10/1944). Leo Cherne, "The Future of the Middle Class," *Atlantic Monthly* (6/1944). Về những dự đoán trong tạp chí *Life*, xem Landon T. Jones, *Great Expectations* (1980), 18-19. John Kenneth Galbraith, *The Affluent Society* (1958). Robert Payne, trong David Halberstam, *The Fifties* (1993), 49. Tổng thống Dwight Eisenhower, Thông điệp Liên Bang cuối cùng (1/1960). Paul Johnson, "Another 50 Years of Peace?" *WSJ* 9/5/1995. Alan Valentine, *The Age of Conformity* (1954). Lewis Mumford, trong Halberstam, *op. cit.*, 140. Michael Harrington, *The Other America* (1962).

Những Bước chuyển Thứ nhất và các nguyên mẫu

Vachel Lindsay, *The Chinese Nightingale* (1917), phần kết. Thomas Nashe, *Summers Last Will and Testament* (1600). Wallace Stevens, *The Comedian as the Letter C* (1923), III, 4. Robert Browning, *Pippa Passes* (1841), pt. 1. Joel Barlow, *The Canal: A Poem on the Application of Physical Science to Political Economy* (1802). Vernon L. Parrington, *The Beginnings of Critical Realism in America: 1860-1920* (1930; 1958 ed.), 11. Increase Mather, *Pray for the Rising Generation* (1679). David Hackett Fischer, *Growing Old in America* (1977), 93, 88. John Adams, những lá thư gửi Benjamin

Rush (1809), trong Zoltan Haraszti, *John Adams and the Prophets of Progress* (1952), 1. Benjamin Colman, trong Perry Miller, *The New England Mind: From Colony to Province* (1953), 414. Thomas Jefferson, bài phát biểu nhậm chức (4/3/1801). Về “ngoan ngoãn và có thể dạy bảo được,” xem “Speeches of the Students of the College of William and Mary Delivered May 1, 1699,” *William and Mary Quarterly* (Tháng 10/1930). John Adams, trong lá thư gửi tới *Columbian Centinel* (1793), trong Samuel Flagg Bemis, *John Quincy Adams and the Foundations of American Foreign Policy* (1949), 36. Về “một sự pha trộn hài hòa,” xem người phát ngôn các trường ngày Chủ nhật Daniel Wise, trong Joseph Kett, *Rites of Passage: Adolescence in America, 1790 to the Present* (1977), 120. David Leverenz, *The Language of Puritan Feeling: An Exploration in Literature, Psychology, and Social History* (1980), 3-4. Cotton Mather, *A Family Well-Ordered* (1699). Gary B. Nash, *The Urban Crucible: Social Change, Political Consciousness, and the Origins of the American Revolution* (1979), 133. Kett, *op. cit.*, 60. Mary Cable, *The Little Darlings* (1972), 105. Jane Addams, *Twenty Years at Hull House* (1910). Henry Canby, trong Cable, *op. cit.*, 104.

Thế hệ Lạc lõng bước vào tuổi lão niên: Những người già cổ hủ

Bài biên tập của Truman, trong William Manchester, *The Glory and the Dream* (1974), 367. Truman viết về Lewis, trong William L. O'Neill, *The American High* (1986), 89. MacArthur, trong Samuel Eliot Morison, *The Oxford History of the American People* (1965), 1045. Mott, trong Sherwood Eddy, *Pathfinders of the Worlds Missionary Crusade* (1945), 310. Winston Churchill, *Mr. Crewes Career* (1908), 53. Frederic Howe, *Confessions of a Reformer* (1925), 17. George Santayana, *Character and Opinion in the United States* (1920), 4-5. Về “thế hệ đang lên,” xem Cornelia Comer, “A Letter to the Rising Generation,” *Atlantic Monthly* (Tháng 2/1911). Về các bài kiểm tra IQ, xem Daniel J. Boorstin, *The Americans: The Democratic Experience* (1973), 220-23. Tổng thống Franklin Roosevelt, trong Bài phát biểu Nhậm chức (Tháng 4, 1933). Henry Miller, bài luận ở mặt sau trang xã luận, Babe Ruth, trong Warren I. Susman,

Culture as History: The Transformation of American Society in the Twentieth Century (1984), 143-44. George Burns, trong “After 100 Tears ...,” *WP* 10/3/1996. F. Scott Fitzgerald, *This Side of Paradise* (1920). Edna St. Vincent Millay, *A Few Figs From Thistles* (1920). Malcolm Cowley, *Exile’s Return* (1934, 1951 ed.), 306. Về thước đo lòng tự trọng, xem K. Warner Schaie và Iris Parham, “Stability of Adult Personality Traits: Fact or Fable?,” *Journal of Personality and Social Psychology* (1976). Paul Tillich, trong Tillich và Huston Smith, “Human Fulfillment,” trong Huston Smith (ed.), *The Search for America* (1959). Joseph Wood Krutch, *Human Nature and the Human Condition* (1959), 13. Thornton Wilder, *The Skin of Our Teeth* (1942). Tổng thống Dwight Eisenhower, trong lá thư gửi Henry Luce, trong Fred Greenstein và Robert Wright, “Reagan... Another Ike?,” *Public Opinion* (12-1/1981). William O’Neill, *op. cit.*, 287. Về “nghỉ hưu bắt buộc,” xem William Graebner, *A History of Retirement* (1980), ch. 9-10. Louis Kuplan, *ibid.*, 235. Ethel Andrus (năm 1965), trong “AARP’s Catastrophe,” *WSJ* 2/10/1989. Về Hội nghị Nhà trắng năm 1961 về Lão hóa, xem Graebner, *op. cit.*, 235. Bruce Barton, trong Susman, *op. cit.*, 126. Paul Tillich, trong O’Neill, *op. cit.*, 38.

Thế hệ Vĩ đại nhất bước vào tuổi trung niên: Giới tinh hoa quyền lực

Henry Malcolm, *Generation of Narcissus* (1971), 43. William Manchester, trong “In America,” *NYT* 11/3/1996. Gene Shuford, trong Calvin B. T. Lee, *The Campus Scene: 1900-1970* (1970), 36. Pavla Fass, *The Damned and the Beautiful: American Youth in the 1920s* (1977). Stephen Ambrose, in Robert J. Samuelson, bài luận trên *Newsweek* 17/1/1994. Về dữ liệu về các ý kiến, xem American Institute of Public Opinion, *Gallup Poll* (1972), thăm dò ý kiến ngày 28/5/1945 về khí ga độc, ngày 19/10/1945 về Japan, và ngày 19/11/1954 về nhục hình. Joseph Goulden, *The Best Years: 1945-1950* (1976), 427. Marynia Farnham và Ferdinand Lundberg, *The Lost Sex* (1946). Tạp chí *Look*, trong Jones, *op. cit.*, 24. Maxwell Taylor, *The Uncertain Trumpet* (1960). Về ghi chép về bầu cử của

thế hệ Vĩ đại nhất, xem *Generations*, 267-68. Richard Rovere, *The Establishment* (1962).

Thế hệ Im Lặng bước vào tuổi trưởng thành: Những bộ vest dạ xám

Về các khảo sát, xem “The Class of ‘49,” *Fortune* (6/1949). Frank Conroy, “My Generation,” *Esquire* (10/1968). Philip Roth, trong Steven Mintz và Susan Kellogg, *Domestic Revolutions* (1988), 181. Về khả năng sinh sản của thế hệ Silent, xem *Generations*, 284. Về tiến bộ giáo dục, *ibid.*, 252, 267, 284. Pauline Kael on Dean, trong Halberstam, *op. cit.*, 484.

Thế hệ Bùng nổ bước vào thời thơ ấu: Những Dennis Siêu quậy

Benjamin Spock, *The Common Sense Book of Baby and Child Care* (1946), ch. 1, “The Parents’ Part.” Eda Leshan, *The Wonderful Crisis of Middle Age* (1973). Kenneth Keniston, *Young Radicals* (1968), 51. Về các bà mẹ, việc cho con bú, và nhi khoa, xem *Generations*, 305. Về việc xem tivi, xem Manchester (1974), 586. Về triển vọng tích cực, xem Jones, *op. cit.* Kerr, trong Jones, *op. cit.*, 98.

Tiến tới Bước chuyển Thứ hai

Stephen Spender, *The Struggle of the Modern* (1963). Donald Davie, *Brides of Reason* (1955), “Remembering the Thirties.” Robert Frost, bài phát biểu tại buổi nhậm chức của Kennedy (20/1/1961), trong David Halberstam, *The Best and the Brightest* (1969), 38.

CHƯƠNG 7

Nguồn dẫn

Theodore White, “The Assassination of the President,” *World Book Encyclopedia Yearbook* (1965). Allen Drury, “Focus on the Economy,” *ibid.* (1966). Sylvia Porter, “Focus on the Economy,” *ibid.* (1965). Robert Theobald, *The Challenge of Abundance* (1961). Roy Harrod, “The Possibility of Economic Satiation,” trong Committee for Economic Development, *Problems of United States Economic Development* (1958), vol. 1, 207. John Kenneth Galbraith, *The New Industrial State*

(1967). Alistair Cooke, "Focus on the Arts," *World Book Encyclopedia Yearbook* (1965). Myron Magnet, *The Dream and the Nightmare: The Sixties' Legacy to the Underclass* (1993). James Reston, "Focus on the Nation," *World Book Encyclopedia Yearbook* (1967-70). Charles Reich, *The Greening of America* (1970). Ayn Rand, "Apollo 11," trong Leonard Peikoff (ed.), *Voice of Reason* (1988). James Reston, *op. cit.* Sargent Shriver, trong Malcolm Gladwell, "The Failure of Our Best Intentions," *WP* 3/12/1995. John Updike, trong Landon T. Jones, *Great Expectations* (1980), 293. Christopher Lasch, *The Culture of Narcissism: American Life in an Age of Diminishing Expectations* (1979). Daniel Yankelovich, *New Rules: Searching for Self-Fulfillment in a World Turned Upside Down* (1981). Julie Phillips, *The Seattle Weekly* (1992).

Những Bước chuyển Thứ hai và Các nguyên mẫu

William Shakespeare, *Sonnets* (1609), 18.3. Ralph Waldo Emerson, *The Conduct of Life*, "Fate" (1860). Joseph Wood Krutch, *The Twelve Seasons* (1949), "August." "Cải cách phải là phổ quát..." (bài diễn văn của Thomas Case, 1641), trong Michael Walzer, *The Revolution of the Saints* (1968), 10-11. Benjamin Colman, trong Perry Miller, *The New England Mind: From Colony to Province* (1953), 400. Về Cotton Mather, xem David E. Stannard, *The Puritan Way of Death* (1977), 150; và John Demos, "Old Age in Early New England" trong Demos và Sarane Spence Boocock (eds.), *Turning Points: Historical and Sociological Essays on the Family* (1978). Thomas Jefferson, trong Russel Blaine Nye, *The Cultural Life of the New Nation, 1776-1830* (1960), 31; và trong Merrill D. Peterson, *The Great Triumvirate* (1987), 128. Albert Gallatin (ở tuổi 88), trong Page Smith, *The Nation Comes of Age* (1981), 227. Jefferson, trong Peter Charles Hoffer, *Revolution and Regeneration: Life Cycle and the Historical Vision of the Generation of 1776* (1983), 58. Benjamin Doolittle, *A Short Narrative* (1750). Nathaniel Appleton, *Faithful Ministers* (1743). Edward Wigglesworth, trong Miller, *op. cit.*, 454. Về chủ đề "hậu anh hùng," xem Michael Paul Rogin, *Fathers and Children* (1975); và

Michael Kammen, *A Season of Youth: The American Revolution and the Historical Imagination* (1978). William Wirt, trong Leonard D. White, *The Jeffersonians* (1951), 346. Henry James, *What Maisie Knew* (1907-09), Preface. John Winthrop, trong Edmund Morgan, *The Puritan Dilemma: the Story of John Winthrop* (1958), 29. Gilbert Tennent, *The Danger of an Unconverted Ministry* (1740). Benjamin Franklin, trong Gary B. Nash, *The Urban Crucible: Social Change, Political Consciousness, and the Origins of the American Revolution* (1979), 220. William Lloyd Garrison, "The Liberator's Principles" (1/1/1831). Margaret Fuller, trong Smith (1981), *op. cit.*, 727. George Herron, trong Page Smith, *The Rise of Industrial America: A People's History of the Post-Reconstruction Era* (1984), 483. Richard Mather, trong Miller, *op. cit.*, 28. Eleazer Mather, trong Emory Elliott, *Power and the Pulpit in Puritan New England* (1975), 18. Về "khiến chúng ta hét," xem Charles Chauncy, *Seasonable Thoughts on the State of Religion in New England* (1743). Về "sống tự lập," xem Irene Quenzler Brown, "Death, Friendship, and Female Identity During New England's Second Great Awakening," *Journal of Family History*, 12 (1987). Người khách nước ngoài là David Macrae, trong Smith (1981), *op. cit.*, 914. Thomas Wolfe, *You Can't Go Home Again* (1934).

Thế hệ Vĩ đại nhất bước vào tuổi lão niên: Những công dân lớn tuổi

"America's Mood Today," *Look* 29/6/1965. Eric Hoffer, trong Richard Fox và T. Jackson Lears (eds.), *The Culture of Consumption* (1983). B. F. Skinner, *Walden Two* (1948). James MacGregor Burns, George Wald, và John Gardner, tất cả trong Ben Wattenberg, *The Real America: A Surprising Examination of the State of the Union* (1974), 15, 18, 22. Milton Mayer, trong "Children's Crusade: A Search for Light," *LT* 16/11/1969. Về các tổ chức người cao tuổi và số ấn bản định kỳ dành cho người lớn tuổi, lợi ích dành cho người cao tuổi so với mức lương, và các bài kiểm tra mức độ lo lắng và hạnh phúc, xem *Generations*, 268-69. Ken Dychtwald và Joe Hower, *Age Wave: The*

Challenges and Opportunities of an Aging America (1989), 134-35. Erik Erikson, *The Life Cycle Completed* (1982). Betty Friedan, *The Fountain of Age* (1993). Robert N. Butler, *Why Survive? Being Old in America* (1975). Về “Có ai còn lắng nghe không,” xem “In America,” *NYT* 11/3/1996. Về những món quà thế hệ Vĩ đại nhất dành cho thế hệ Bùng nổ, xem “Aging Boomers Cut the Cord But Can’t Let Go of the Wallet,” *WSJ* 8/7/1996. Eda Leshan, *The Wonderful Crisis of Middle Age* (1973), 279. Joan Erikson, trong “Erikson, in His Own Old Age, Expands His View of Life,” *NYT* 14/6/1988. LeShan, *op. cit.*, 21.

Thế hệ Im lặng bước vào tuổi trung niên: Những cha xứ dao động

Về vụ ám sát JFK, xem White, *op. cit.* Wade Greene, “Fiftysomething-and in Charge,” *NYT* 2/1/1990. Rose N. Franzblau, *The Middle Generation* (1971), x. Benita Eisler, *Private Lives: Men and Women of the Fifties* (1986), 308. Về luật ly hôn không viện lỗi, xem *Generations*, 284. John Folger và Charles Nam, *Education of the American Population* (Census monograph, 1960). Barbara Gordon, *Jennifer Fever: Older Men and Younger Women* (1988). William Styron, trong “My Generation,” *Esquire* (Tháng 10/1968). Alvin Toffler, *Future Shock* (1970), 430. Judith Viorst, *It’s Hard to Be Hip Over Thirty, and Other Tragedies of Married Life* (1968). Russell Baker, “Observer,” *NYT* 1/5/1969. Ralph Nader, *Unsafe at Any Speed* (1965). Về sự gia tăng của các trung tâm luật công, xem “Public Interest Law Groups: Prospering Amid Adversity,” *WP* 17/11/1988. Toffler, *op. cit.*, 230, 283. Lester Thurow, *The Zero-Sum Society* (1980). Schneider, “JFK’s Children: The Class of ‘74,” *Atlantic* (Tháng 3/1989).

Thế hệ Bùng nổ bước vào tuổi trưởng thành: Những chiến binh huyền bí

Về những khảo sát về bạo lực, xem Seymour Martin Lipset và Everett Carll Ladd Jr., “The Political Future of Activist Generations” trong Philip G. Altbach và Robert S. Laufer (eds.), *The New Pilgrims: Youth Protest in Transition* (1972). Daniel

Moynihan, "Nirvana Now," *American Scholar* (Mùa thu 1967). Annie Gottlieb, *Do You Believe in Magic? The Second Coming of the Sixties Generation* (1987). Michael Harrington, "Mystical Militants," trong Alexander Klein (ed.), *Natural Enemies?* (1969). Kenneth Keniston, *Young Radicals* (1968), 80. Marilyn Ferguson, *The Aquarian Conspiracy: Personal and Social Transformation in the 1980s* (1980), 87. Keniston, *op. cit.*, 81. Về những người trẻ tuổi bầu cho Wallace, xem Lipset và Ladd, *op. cit.* Keniston, *op. cit.*, 55. Henry Malcolm, *Generation of Narcissus* (1971), 56. Lewis Fever, *The Conhict of Generations* (1969), 470. Irving Kristol, "What's Bugging the Students," *Atlantic Monthly* (Tháng 11/1965). Về thể hệ Bùng nổ và cuộc chiến tranh Việt Nam, xem Lawrence M. Baskir và William Strauss, *Chance and Circumstance: The Draft, the War and the Vietnam Generation* (1978). Về thái độ của thể hệ Bùng nổ với cuộc chiến tranh Việt Nam, xem Daniel Yankelovich, et al., *The Sixties Generation: A Profile* (1986). Wanda Urbanska: *The Singular Generation: Young Americans in the 1980s* (1986). Bill Graham, trong Jones, *op. cit.*, 135.

Thể hệ Thứ 13 bước vào thời thơ ấu: Đứa con của Rosemary

Về những đứa trẻ không mong muốn, xem Jones, *op. cit.*, 231. Về những bộ phim dành cho mọi lứa tuổi, xem Cobbett Steinberg, *Real Facts: The Movie Book of Records* (1981), 41. Leslie Fiedler, trong Jones, *op. cit.*, 241. Jones, *ibid.*, 242. Về khảo sát "cuộc sống tốt đẹp," xem Marvin Harris, *America Now: The Anthropology of a Changing Culture* (1981), 114. Về tỷ lệ nạo phá thai, xem *Generations*, 324. Boston Women's Health Book Collective, *Ourselves and Our Children: A Book by and for Parents* (1978). Thomas Gordon, *Parental Effectiveness Training* (1970). Marie Winn, *Children Without Childhood* (1983). Về thâm hụt thời gian chăm sóc con, xem những nghiên cứu của Joan Robinson, trong Sylvia Ann Hewlett, *When the Bough Breaks* (1991), 73. Về thái độ của người làm cha mẹ với hôn nhân không hạnh phúc, xem Samvel Preston, "Children and the Elderly: Divergent Paths for America's Dependents," *Demography* (Tháng 11/1984). Kyle Pruett,

The Nurturing Father: Journey Toward the Complete Man (1987). Về những đứa trẻ Thế hệ Thứ 13 theo phân loại gia đình, xem *Generations*, 325. Bill Cosby, *Fatherhood* (1986), 93. Al Feldstein, trong Winn, *op. cit.*, 64. Judy Blume, *Letters to Judy: What Your Kids Wish They Could Tell You* (1986), 273. John Holt, *Escape From Childhood* (1974). A. S. Neill, *Summerhill: A Radical Approach to Childrearing* (1960), 25, 29. Về việc không quá coi trọng bài tập về nhà và lạm phát về điểm số, xem “Grade Inflation, A Problem and a Proposal,” *Education Week* 8/3/1995; và Alexander Astin, et al., những khảo sát của sinh viên năm nhất UCLA đã được nhắc đến ở Chương 3. Về tỷ lệ trẻ em đói nghèo, xem tỷ lệ đói nghèo theo độ tuổi trong Bureau of the Census, *Poverty in the United States*, Current Population Reports, Series P- 60 (thường niên). Về tỷ lệ trẻ em tự sát, bị sát hại, và xâm hại, xem *Generations*, 326.

Tiến tới Bước chuyển Thứ ba

Roland Stromberg, *After Everything* (1975), ch. 3.

CHƯƠNG 8

Nguồn dẫn

Xem “Trust in Government, 1963-93,” *WP* 23/8/1993. Về những nhóm thiểu số và phạm vi hẹp, xem “A Distorted Image of Minorities,” *WP* 8/10/1995. Về niềm tin cá nhân, xem “Americans Losing Trust in Each Other,” *WP* 28/1/1996. Về sự lịch thiệp, “The American Uncivil Wars,” *USNWR* 22/4/1996. Về chia rẽ ý thức hệ, xem David Broder, “Sharpening Party Lines,” *WP* 22/1/1995. Irving Kristol, “The Feminization of the Democrats,” *WSJ* 9/9/1995. Về “Đã từng có lúc?” xem “Newsweek Poll” trong *Newsweek* 10/7/1995. Charles Murray, *Losing Ground* (1984). Về việc hợp pháp hóa đánh bạc, xem “You Bet! It’s a New National Pastime,” *WP* 3/3/1996. Times Mirror Center for The People and The Press, *Times Mirror Study of the American Electorate: The People, the Press, and Politics* (1988 và 1994). Về khảo sát về “sự suy thoái đạo đức và tinh thần,” xem “Virtuecrats,” *Newsweek* 13/6/1994. Về những

thăm dò của Roper thể hiện sự bi quan của người Mỹ (đặc biệt là người trẻ), xem “Young Adults Now Are Most Pessimistic,” *WSJ* 27/9/1993. “The Whiney Nineties,” *USA Weekend* (5-7/5/1995). Về sự nổi tiếng của nhiều thập kỷ, xem cuộc thăm dò của Gallup cho *CNN/USA Today* (Tháng 5/1996).

Những Bước chuyển thứ Ba và Các nguyên mẫu

Richard Wilbur, *Advice to a Prophet* (1961), “Two Quatrains for First Frost.” Edwin Way Teale, *North with the Spring* (1951), 3. Thomas Wolfe, *Of Time and the River* (1935), 39. Samuel Johnson, trong Peter N. Carroll, *The Other Samuel Johnson: A Psychohistory of Early New England* (1978), 140. Nathaniel Appleton, trong Clifford K. Shipton, *Sibleys Harvard Graduates* (1958), niên khóa 1712. Zachary Taylor, trong Silas Bent McKinley và Silas Bent, *Old Rough and Ready: The Life and Times of Zachary Taylor* (1946), 286. Henry Clay, trong Merrill D. Peterson, *The Great Triumvirate* (1987), 469. Woodrow Wilson, dành cho Associated Press (20/4/1915). Mark Sullivan, trong Calvin B. T. Lee, *The Campus Scene: 1900-1970* (1970), 23. John Winthrop, trong Richard S. Dunn, *Puritans and Yankees: The Winthrop Dynasty of New England, 1630-1717* (1962), 24. Michael Kammen, *Colonial New York: A History* (1975); xem thêm, Richard L. Merritt, *Symbols of American Community, 1735-1775* (1966). Những du khách nước ngoài Captain Marryat, Frances Trollope, và Captain Basil Hall, tất cả trong Page Smith, *The Nation Comes of Age* (1981), 249, 914; và trong Edward Pessen, *Jacksonian America: Society, Personality, and Politics* (1985), 27-8. Josiah Coale, trong David Lovejoy, *Religious Enthusiasm in the New World* (1985), 116. Oscar Handlin, “The Significance of the Seventeenth Century” trong Paul Goodman (ed.), *Essays in American Colonial History* (1967). William Pencak, *War, Politics, and Revolution in Provincia Massachusetts* (1981), 122. Strong, trong Smith (1981), *op. cit.*, 753. Richard Hofstadter, *The American Political Tradition* (1948), 176. Stephen Carter, “‘These Wild Young People’ By One of Them,” *Atlantic Monthly* (Tháng 9/1920). Randolph Bourne, “The Two Generations,” *Atlantic Monthly* (Tháng 5/1911). Increase Mather, *The*

Divine Right of Infant Baptism (1690). Về “chuẩn bị cho sự cứu rỗi,” xem Robert G. Pope, *The Half-Way Covenant: Church Membership in Puritan New England* (1969). Jay Fliegelman, *Prodigals and Pilgrims: The American Revolution Against Patriarchal Authority, 1750-1800* (1982), 22. Kenneth S. Lynn, *A Divided People* (1977), 68. Leonard Cain, “Age Status and Generational Phenomena,” *Gerontologist* (6/9/1987).

Thế hệ Im lặng bước vào tuổi lão niên: Những người cao tuổi mới nhiều tham vọng

David Broder, *Changing of the Guard* (1980); xem thêm Broder, “Fit Fifties Generation,” *WP* 15/8/1989. Daniel Levinson, trong “For Many, Turmoil of Aging Erupts in the ‘50s, Studies Find,” *NYT* 89. Về sự thể hiện của thế hệ Im lặng trong Nghị viện, xem *Generations*, 285. Michael J. Sandel, *Democracy’s Discontent* (1996). Wade Greene, “Fiftysomething-and in Charge,” *NYT* 2/1/1990. Joseph Nye, “The Misleading Metaphor of Decline,” *Atlantic Monthly* (3/1990). Union of International Associations, trong “What’s in Store for the 1990s?” *WP* 1/2/1990. Pat Choate and J. K. Linger, *High-hex Society* (1986). Tom Peters, *Liberation Management: Necessary Disorganisation for the Nanosecond Nineties* (1992). Ford Foundation, trong “Philanthropically Correct,” *Civilization* 12/11/1995. Về lương CEO, xem “Winter of Discontent,” *USNWR* 22/1/1996. Russell Baker, “Surely He Is Spoofing,” *WP* 20/8/1996. Charles A. Reich, *Opposing the System* (1995). Calvin Trillin, *Remembering Denny* (1993). Paul Fussell *BAD Or, The Dumbing of America* (1991). Richard Cohen, “Critic at Large,” *WP Magazine* 21/2/1993. Gail Sheehy, *New Passages: Mapping Your Life Across Time* (1995). Lois Wyse, *Funny, You Don’t Look Like a Grandmother* (1989). M. Hoffman and J. Burroughes, *My Grandma Has Black Hair* (1988). Về những đứa trẻ ở chung với ông bà chúng, xem “Silent Saviors,” *USNWR* 16/12/1991. Frances Goldscheider, trong “Cheaper by the Dozen,” *Newsweek* 14/9/1992. Peter Mayle, *A Year In Provence* (1990). John Updike, *Rabbit Run* (1960); *Rabbit Redux* (1971); *Rabbit Gets Rich* (1981); *Rabbit at Rest* (1990). Về các nhà tài trợ tự do biến mất, xem “Vanishing Liberals,” *WSJ* 7/8/1995.

Về các cuộc thăm dò về hỗ trợ nghệ thuật, xem “Boomers Spell Gloom for the Arts,” *WP* 15/5/1996. Ellen Goodman, “Dance of Silence,” *WP* 2/12/1995.

Thế hệ Bùng nổ bước vào tuổi trung niên: Giới tinh hoa văn hóa

Rush H. Limbaugh III, *The Way Things Ought To Be* (1992). William Bennett, *The Book of Virtues* (1993). William Dunn, trong “Demographers Track Down the Cause of Clinton’s Behavior: He’s a Boomer,” *WSJ* 5/28/93. “Không phải những kẻ giết trẻ em” theo lời James Johnson, chỉ huy dân quân Ohio, nói với Ủy ban Tư pháp Thượng viện, trong “Militias Meet the Senate With Conspiracies to Share” trên *WP* 16/6/1995. “Critical mass,” trên “In Search of the Sacred,” *Newsweek* 28/11/1994. Evan Thomas, “Hooray for Hypocrisy,” *Newsweek* 29/1/1996. Robert Putnam, “Bowling Alone: America’s Declining Social Capital,” *Journal of Democracy* (Tháng 1/1995). Về sự áp đảo của Boomer vào năm 1994, xem Neil Howe và William Strauss, “Tired of Boomer leaders? Hang On,” *USA Today* 13/11/1995. Về xếp hạng thành viên Nghị viện qua hứa hẹn chi tiêu, xem “Vote Tally” và “Bill Tally,” các công bố giữa năm, của Congressional Budget Tracking System, National Taxpayers Union Foundation. Về phiếu bầu theo độ tuổi cho Pat Robertson và Jesse Jackson (1988), xem *Generations*, 306; cho Paul Tsongas (1992), xem “Recap of the Primaries,” *WP* 12/7/1992; về Pat Buchanan (1996), xem thăm dò tại chỗ trên *WP* tại Iowa (13/2/1996), Arizona (28/2/1996), South Carolina (3/3/1996), và Maryland (6/3/1996). Times Mirror Center, *op. cit.* Về nhận diện đảng, xem thăm dò của Gallup nhắc tới trên *The American Enterprise* 1/2/96. Về việc bị “động chạm” bởi thế lực siêu nhiên, xem “For Younger Baby Boomers, Deeper Faith,” *Atlanta Constitution* 3/3/1990. Về Chúa và việc đi nhà thờ, xem số liệu thăm dò trong Wade Clark Roof, *A Generation of Seekers* (1993); xem thêm thăm dò của Roper về việc đi nhà thờ, trên *WSJ* 2/12/1994. Về các thiên thần, xem “Angels: Hark! America’s Latest Search for Spiritual Meaning Has a Halo Effect,” *Newsweek* 27/12/1993. Về “những hành trình pháp thuật,” xem “Alien Invasion!” *Newsweek* *lime*. Clarissa Pinkola

Estes, *Women Who Run With the Wolves* (1992). Về khoảng cách giới tính chính trị, xem *The American Enterprise*, *op. cit.* Về việc so sánh các ông bố của thế hệ Boomer với G.I., see “Building a Better Dad,” *Newsweek* 7/6/1996. Stephen L. Carter, *The Culture of Disbelief* (1993). Shelby Steele, *The Content of Our Character* (1990). Về tôn giáo và việc cầu nguyện ở trường của người da màu thế hệ Bùng nổ, xem “Church Meets State,” *USNWR* 24/4/1995. Mickey Kaus, *The End of Equality* (1992). Martha Bayles, *Hole in Our Soul* (1994). Về sự gợn gàng với thế hệ Bùng nổ, xem các khảo sát của Soap and Detergent Association, trong “Shampoo Planet,” *USNWR* 22/4/1996. Về thu nhập thực tế của công nhân theo thế hệ, xem Bureau of the Census, *Money Income of Households, Families, and Persons in the United States*, Current Population Reports, Series P-60 (thường niên và trước đây). Về lòng tự trọng, xem Ralph Whitehead, *Glory Days: The Baby Boom Generation and the American Dream* (Center for National Policy, 1986).

Thế hệ Thứ 13 bước vào tuổi trưởng thành: Những tay súng hàng đầu

U.S. Department of Education, *A Nation at Risk: The Imperative for Educational Reform* (National Commission on Excellence in Education, 1983). Allan Bloom, *The Closing of the American Mind* (1987). Diane Ravitch và Chester Finn Jr., *What Do 17-Year-Olds Know?: A Report on the First National Assessment of History and Literature* (1987). David Leavitt, trong Donald Kanter và Philip Mirvis, *The Cynical Americans* (1989). Doug Coupland, trong John Marchese, “The Short Shelf Life of Generation X,” *NYT* 17/6/1995. Về những doanh nhân thế hệ Thứ 13, xem thăm dò của Roper, trong James Glassman, “When the Xers Come Marching In,” *WP* 23/1/1996. Về sự so sánh đối với thu nhập bình quân thực tế, Census, *op. cit.* Về thu nhập bình quân theo độ tuổi, xem Bureau of Labor Statistics, *Employment and Earnings* (hàng tháng). Về tỷ lệ đói nghèo, xem Bureau of the Census, *Poverty in the United States*, Current Population Reports, Series P-60 (thường niên và trước đây). Jerald Bachman, “Premature Affluence: Do High School

Students Earn Too Much?" *Economic Outlook USA* (mùa hè 1983); xem thêm Bachman, gần đây hơn, trong "All Work May Spell Trouble for Teens" *WSJ* 18/11/1994. Về nam giới da màu trong tù, xem "1 in 3 Young Black Men in Justice System," *WP* 5/10/1995. Về hứng thú của thanh thiếu niên và người trưởng thành trẻ với đánh bạc, xem "Sports Betting Rings Moving Into Schools," *WP* 12/4/1995. Về hôn nhân da màu-da trắng, xem Richard Morin, "Unconventional Wisdom," *WP* 10/9/1995. Về quan điểm chính trị với tuổi trẻ, xem Alexander Astin, et al., *The American Freshman: Twenty-Five Year Trends, 1966-1990* (UCLA; 1991), cùng với các báo cáo thường niên gần đây; xem thêm Neil Howe and William Strauss, *13TH-GEN* (1993), ch. 19. James Glassman, *op. cit.*; xem thêm, "Who Supports Ross Perot," *The American Enterprise* (Tháng 1-2/1996). Về niềm tin của thế hệ Thứ 13 vào chính phủ, xem thăm dò của Louis Harris, trong Jon Meachum, "The Truth About Twentysomethings," *Washington Monthly* (Tháng 1-2/1995). Về tổng thuế ở Virginia, xem William Strauss và Neil Howe, "Virginia Is for Seniors," *WP* 12/4/94. Khảo sát Millennium thứ ba, trong "Money for Nothing," *Details* (3/1995). Về việc đọc báo, xem Times Mirror Center for the People and the Press, *The Age of Indifference* (1990). Về khảo sát "làng toàn cầu", xem The Wirthlin Group, *The Wirthlin Report* (4/1992). Về chuyên nghiệp hóa, xem Steven A. Sass, "The U.S. Professional Sector: 1950 to 1988," *New England Economic Review* (Tháng 1-2/1990). Về bất bình đẳng thu nhập theo độ tuổi, xem Bureau of the Census, *Workers With Low Earnings: 1964 to 1990, Current Population Reports, P60-178*, 1-8. Saren Sakurai, "Countercommerce," *Hyper Age Magazine* (Mùa hè 1993). Mario Cuomo, bài phát biểu đề cử dành cho Bill Clinton (New York, NT; 15/7/1992). "High-Tech Nomads Write New Program For Future of Work," *WSJ* 19/8/1996.

Thế hệ Thiên niên kỷ bước vào thời thơ ấu:

Những người bạn của Barney

Ellen Goodman, "Out of School and Into Trouble," *WP* 13/7/1996. Về việc tăng gấp ba mức độ phổ biến của việc ở nhà với gia

đình, xem các khảo sát tóm tắt trong “Balancing Act, Scale Tips Toward Family,” *USA Today* (1995), *op. cit.* Về khảo sát đối với “nghỉ việc vô thời hạn,” xem “Can Your Career Hurt Your Kids?” *Fortune* 20/5/1991. Về hai phần ba số phụ huynh, xem *USA Today* (1995), *op. cit.* Về *Not With My Child You Don* xem “How to Win a Kingdom,” *NYT* 16/9/1995. James Garbarino, *Raising Children in a Socially Toxic Environment* (1995). Michael J. Sandel, “Easy Virtue,” *New Republic* 2/9/1996. Về tiết kiệm cho trẻ em, xem bài luận của Jane Bryant Quinn trong *WP* 31/5/1992. Về hỗ trợ của phụ huynh đối với đồng phục ở trường, xem “Sales of Uniforms are Looking Sharp,” *WSJ* 22/8/95; và “School Uniforms Growing in Favor in California,” *NYT* 3/9/1994; xem thêm “School Uniforms,” *WP* 9/1/1991. Hillary Clinton, *It Takes a Village* (1996). Về việc học ở nhà, xem “Fed Up with Schools, More Parents Turn to Teaching at Home,” *WSJ* 10/5/1994. Bennett, *op. cit.* William Damon, trong “The Moral Child,” *USNWR* 3/6/1996.

CHƯƠNG 9

Nguồn dẫn

Thượng nghị sĩ Daniel K. Inouye, phát biểu trong cuộc họp chung với Quốc hội, trích trong *WP* 12/10/1995. Joseph Dawson, trong *WP* 20/5/1994. Sidney Hook, *The Hero in History* (1943). David Gelernter, *1939: The Lost World of the World's Fair* (1995), 27. William Cullen Bryant, “The Death of the howers,” 1825. Victor Hugo, *Les Misérables* (1862; bản dịch bởi Charles E. Wilbour), “Fantine,” 5.10. Algernon Charles Swinburne, *Atalanta in Calydon* (1865), chorus, stanza 1.

Từ Tan rã đến Khủng hoảng

Về “thứ nhảm nhí tuyệt vời” và các cụm từ khác, xem Mary Patrice Thaman, *Manners and Morals of the 1920s* (1977); Ernest Hemingway, *A Moveable Feast* (1964; hồi ký sau khi qua đời). F. Scott Fitzgerald, trong Andrew Trumbull, Scott Fitzgerald (1962), 183. Frederick Lewis Allen, *Only Yesterday:*

An Informal History of the 1920s (1931), chs 13-14. The New Yorker, trong *ibid.*, 290. Tổng thống Franklin Roosevelt, “sự sợ hãi,” trong bài phát biểu nhậm chức (4/3/1933); “toàn quốc,” trong bài phát biểu (New York, NT; 25/4/1936). John Greenleaf Whittier, “Lines Inscribed to Friends Under Arrest for Treason Against the Slave Power” (1856); Hinton Rowan Helper, *The Impending Crisis of the South* (1857). William Seward, bài phát biểu (Rochester, NT; 25/10/1858), trong Kenneth M. Stampp (ed.), *The Causes of the Civil War* (1959), 105. Abraham Lincoln, bài phát biểu tại Republican State Convention (Springfield, IL; 16/10/1858). Wendell Phillips, trong C. Vann Woodward, *The Burden of Southern History* (1960), 52. Walt Whitman, *Years of the Modern* (1860, xuất bản lần đầu năm 1865). Edmund Ruffin, *Anticipations of the Future: To Serve as Lessons for the Present Time* (1860). Whitman, *The Eighteenth Presidency!* (1856). Lincoln, trong George B. Forgie, *Patricide in the House Divided: A Psychological Interpretation of Lincoln and His Age* (1979), 287. James Otis, in Melvin Tazawa, *From Colonies to Commonwealth: Familial Ideology and the Beginnings of the American Republic* (1985), 90. Abigail Adams, trong *ibid.*, 90-91. Stephen Saunders Webb, *1676: The End of American Independence* (1985), xv-xvi. Ước tính thương vong trong trận chiến Towton được bàn luận trong Alison Weir, *The Wars of the Roses* (1995), 284.

Những Bước chuyển Thứ tư và Các nguyên mẫu

Perry Miller, *The New England Mind: The Seventeenth Century* (1939), 37-8. Sam Adams, trong Pauline Maier, *The Old Revolutionaries* (1980). Về “tôn giáo thực sự và đạo đức tốt,” xem Cushing Strout, *The New Heavens and New Earth: Political Religion in America* (1973), 67-8. Thaddeus Stevens, trong Alphonse Miller, *Thaddeus Stevens* (1939), 182. Albert Barnes, *The Peaceful Death of the Righteous* (1858). Henry Adams, in Ken Burns (director), *The Civil War* (phim tài liệu, 1990). Về “như một người Cơ đốc giáo hay một quý ông,” xem David C. Whitney, *The Colonial Spirit of ‘76* (1974), 296. Daniel J. Boorstin, *The Americans: The Democratic*

Experience (1973), Part One. Lucius Annaeus Seneca (c. 4 b.c.-a.d. 65), *De providentia*, 5, 9. Cotton Mather, trong Perry Miller, *The New England Mind: From Colony to Province* (1953), 159. T. H. Breen, *Puritans and Adventurers* (1980), “Transfer of Cvltvre.” Về lời ballad “all gaming” năm 1779, xem Catherine Albanese, *Sons of the Fathers* (1976), 56. David Humphreys, *The Glory of America* (1783). Cotton Mather, *The Young Man’s Preservative* (1701). Về “tithingmen” (người cai quản 10 hide - đơn vị đo ruộng đất, 1 hide = 120 mẫu Anh tùy vùng), xem Edmund Morgan, *The Puritan Family* (1944), “Puritan Tribalism.” Henry Clay, trong Merrill D. Peterson, *The Great Triumvirate* (1987), 8-9. Người nước ngoài là người khách Pháp Georges Fisch, trong George Winston Smith và Charles Judah, *Life in the North During the Civil War* (1966), 309-11. Joseph Kett, *Rites of Passage: Adolescence in America, 1790 to the Present* (1977), 116.

CHƯƠNG 10

Nguồn dẫn

Benjamin Rush, trong những lá thư gửi những người bạn của ông, trong Melvin Tazawa, “Creating a Republican Citizenry,” trong Jack P. Greene (ed.), *The American Revolution* (1987).

Thế hệ Bùng nổ bước vào tuổi lão niên: Những quán quân già

Về “Truyền giáo của Thế giới,” xem Sherwood Eddy, *Pathfinders of the Worlds Missionary Crusade* (1945), 43. Louis Brandeis, *Burnet v. Colorado Oil and Gas* (1932). G. Stanley Hall, trong Nathan G. Hale Jr., *Freud and the Americans: The Beginnings of Psychoanalysis in the United States, 1876-1917* (1971), 372. Vachel Lindsay, “Bryan, Bryan, Bryan, Bryan,” *Collected Works* (1925). Arthur Schlesinger Jr., *The Crisis of the Old Order, 1919-1933* (1957), 19. Lyndon Johnson, trong William Manchester, *The Glory and the Dream: A Narrative History of America, 1932-1972* (1974), 355. Bernard Berenson, *Aesthetics and History* (1948). Craig S. Karpel, *The Retirement Myth: What You Must Know to Prosper in the Coming*

Meltdown (1995), ch. 16, “Owl Mountain.” Ken Dychtwald và Joe hower, *Age Wave: The Challenges and Opportunities of an Aging America* (1989). Cheryl Russell, *The Master Trend* (1993). Zalman Schachter-Shalomi và Ronald S. Miller, *From Ageing to Sageing: A Profound New Vision of Growing Older* (1995). Harry Moody, trong Schachter-Shalomi và Miller, *op. cit.*, 26. Gail Sheehy, *New Passages: Mapping Your Life Across Time* (1995). David Gutmann, *Reclaimed Powers: Toward a New Psychology of Men and Women in Later Life* (1987). Jean Bolen, *Goddesses in Everywoman* (1984). Deepak Chopra, *Quantum Healing: Exploring the Frontiers of Mind/Body Medicine* (1989). Ralph Waldo Emerson, *Journals* (1845). David Barker, *The K-Wave: Profiting from Cyclical Booms and Busts in the Global Economy* (1995), 250. Về phần hiện nay của lợi ích cho người lao động nghỉ hưu được trao ở tuổi 62, xem *Annual Statistical Supplement*, 1995, gửi tới *Social Security Bulletin*, Social Security Administration. Eugene Bianchi, *Aging as a Spiritual Journey* (1982). Joan Halifax, trong Schachter-Shalomi và Miller, *op. cit.*, 59. Về “hình tượng một người cổ đại” và “bài phúc âm nảy lửa,” xem nguồn dẫn ở trên trong Chương 5. Về “những Isaiah thế hệ mới.” xem H. L. Mencken, “The New Deal Mentality” (1936). Về “hội tụ với vận mệnh,” xem Tổng thống Franklin Roosevelt, trong bài phát biểu nhận lời tái tranh cử (27/6/1936). Peter Collier và David Horowitz, *Destructive Generation: Second Thoughts About the Sixties* (1989), 335. James Redfield, in “The Prophecy Fulfilled,” *Newsweek* 24/6/1996. Cornel West, trong Leon Wieseltier, “All and Nothing at All: The Unreal World of Cornel West,” *New Republic* 6/3/1995. Marcus Tullius Cicero (106-43 B.C.), *De senectute*. Winston S. Churchill, bài phát biểu trước Hạ Viện (17/4/1945).

Thế hệ Thứ 13 bước vào tuổi trung niên: Những tay chơi tận mạng

F. Scott Fitzgerald (1931), trong Frederick J. Hoffman, “Some Perspectives on the 1920s,” trong Sidney Fine và Gerald S. Brown (eds.), *The American Past* (1970). Ernest Hemingway, *Death in the*

Afternoon (1932). Niebuhr, *Moral Man in Immoral Society* (1932). Linklater, "Slackers," *Boston Phoenix* 11/10/1991. Dorcas R. Hardy và C. Colburn Hardy, *Social Insecurity* (1991), 41.

Thế hệ Thiên niên kỷ bước vào tuổi trưởng thành: Những siêu anh hùng

Về "Tôi hứa," xem Manchester, *op. cit.*, 89. Malcolm Cowley, *Exiles Return* (1934, 1951 (ed.)), 294. Malcolm Cowley và Robert Cowley (eds.), *Fitzgerald and the Jazz Age* (1966), 48-9. Về tỷ lệ tự sát, phổ cập văn hóa, và đồ đại học, xem *Generations*, 252-53. Gene Shuford, trong Calvin B. T. Lee, *The Campus Scene: 1900-1970* (1970), 36. Tổng thống Franklin Roosevelt, bài phát biểu (University of Pennsylvania, Philadelphia, PA; 20/9/1940). Về hành vi bầu cử của thế hệ G.I., xem *Generations*, 267-68. Roosevelt, điện tín gửi Young Democratic Clubs of America (1935), trong E. Taylor Parks và Lois F. Parks (eds.), *Memorable Quotations of Franklin D. Roosevelt* (1965), 41. George Catlett Marshall, trong Ronald Reagan, bài phát biểu tới Republican National Convention (15/9/1988). Sinclair Lewis, *It Can't Happen Here* (1935).

Thế hệ Im lặng bước vào thời thơ ấu: Những đứa trẻ ngây thơ ngọt ngào

Benita Eisler, *Private Lives: Men and Women of the Fifties* (1986), 29. *Literary Digest*, trong Pavla Fass, *The Damned and the Beautiful: American Youth in the 1920s* (1977), 37. Daniel Rodgers, trong Joseph Hawes và Ray Hiner, *Growing Up in America: Children in Historical Perspective* (1985), 130. Về cách nuôi dạy con theo "tình huống tổng thể," *ibid.*, 504. Frank Conroy, "My Generation," *Esquire* (10/1968). William Raspberry, "Victims, Villains, Vision," *WP* 22/3/1996.

Tiến tới Bước chuyển Thứ nhất

Hal Borland, *Sundial of the Seasons* (1964), "A Promise—April 29." Blaise Pascal, *Pensees* (1670), 355. Về "bốn người đàn ông già," xem J. C. Furnas, *The Americans: A Social History of the United States, 1587-1914* (1969), 550-51.

CHƯƠNG 11

Nguồn dẫn

Mỹ nên chuẩn bị như thế nào

Về thống kê “Mùa hè Anh-điêng” của Mỹ, xem Richard Jackson, “What to Expect as America Begins to Gray” *WSJ* 18/7/91.

Những kịch bản Thế hệ

Những số liệu về phần của thế hệ đương thời ngày nay còn tồn tại vào năm 2026 được lấy từ dữ liệu sinh đẻ và nhập cư trong quá khứ (theo tuổi và năm) và phản ánh tương lai được báo cáo trong Bureau of the Census, *Population Projections of the United States, by Age, Sex, Race, and Hispanic Origin: 1993 to 2050*, Current Population Reports, P25-1104 (Tháng 11, 1993). Sir Thomas Malory, *Morte Darthur* (1485), bk. XXI, ch. 7. Ella Wheeler Wilcox, *Collected Poems* (1917), “The World’s Need.” John Dewey, trong Harvey Wish, *Society and thought in Modern America* (1952), 519. David McClelland, *Power: The Inner Experience* (1975), 357. Về Benjamin Franklin nói về dấu niêm phong, xem John F. Berens, *Providence and Patriotism in Early America, 1640- 1815* (1978), 107. Ernest Hemingway, *Farewell to Arms* (1929), 261. Herbert Hoover, trong Bob Herbert, “Turning Childrens’ Rights Into Reality,” *NYT* 27/5/1996. Về “Thế giới đang trỗi dậy,” xem Charles Royster, *A Revolutionary People at War* (1979), 8.

CHƯƠNG 12

Nguồn dẫn

Về Navajos, xem Nancy J. Parezo, *Navaho Sandpainting* (1983). Arnold Toynbee, *A Study of History* (mười hai tập, xuất bản từ năm 1934 đến năm 1961). Oswald Spengler, *Der Untergang des Abendlandes* (1918-22; bản dịch với tựa *The Decline of the West*, 1926-28). Francis Fukuyama, *The End of History and the Last Man* (1992), 311. Friedrich Nietzsche, *Thus Spoke Zarathustra* (bản

dịch năm 1954 bởi Walter Kaufmann; nguyên tác *Also Sprach Zarathustra*, 1892); xem phần II, 20, “On Redemption,” và III, 13, “The Convalescent”; xem thêm Daniel Chappelle, *Nietzsche and Psychoanalysis* (1993), ch. 4, “Time and Its ‘It Was’.” Publius Cornelius Tacitus (c. a.d. 56-c. A.d. 120), *Annals* (bản dịch bởi D. R. Dudley, 1966), III, 55.

MỤC TỪ TRA CỨU

A

Abdul-Jabbar, Kareem 347
Abraham 143, 159
Ackerman, Bruce 86
Adams, Abigail 236, 472
Adams, Gerry 216
Adams, Henry 107, 194, 481
Adams, James Truslow 28
Adams, John 16, 175, 235, 269
Adams, John Quincy 176, 253, 270, 485
Adams, Samuel 89, 175, 213, 235, 250, 376, 481
Addams, Jane 242, 272, 273
Adickes, E. 136
Aeneas 141
Aeschylus 23
Agamemnon 158, 164
Agastya 141
Agnew, Spiro 335, 548
Al Feldstein 353
Aladdin 144
Alanis Morissette 246, 419
Alaric 57
Alcmaeon xứ Croton 135
Alcott, Louisa May 133, 239
Alda, Alan 332
Alexander, Lamar 379
Alfalfa 530
Allen, Ethan 235
Allen, Frederick Lewis 467
Allen, Woody 115, 244, 291, 332, 390
Ambrose, Stephen 281
Anaximander 134
Andreotti, Giulio 216
Andropov, Yuri 216

Andros, Edmund 249
Andrus, Ethel 278
Angstrom, Harry “Thỏ” 395
Anh em nhà McDonald 282
Anne xứ Đan Mạch 133
Anthony, Susan B 239, 539
Appleton, Nathaniel 317, 374
Aramony, William 387
Argonauts 139, 141
Aristotle 34, 35, 61, 107, 159
Armstrong, Louis 243
Armstrong, Neil 331, 541
Arthur (Vua Anh) 141, 576
Astor, John Jacob 250
Atkinson, Ti-Grace 333
Attucks, Crispus 235
Atwater, Lee 368
Auden, W. H. 128
Augustine (Thánh) 29, 58, 68
Augustus 54-57, 72, 83, 233, 248, 265, 268-271, 301, 302
Aznar, José Maria 216

B

Bà chúa Nhện (thần thoại Navajo) 141
Bà Willow (trong *Pocahontas*) 503
Babbitt, Bruce 379
Baby Richard (Danny Warburton) 247
Bacchus 143
Bachman, Jerald 425
Bacon, Francis 88, 228, 315
Bacon, Nathaniel 133, 175, 231
Baez, Joan 330
Baker, Russell 288, 335, 387, 388, 418

Ball, Lucille 284
 Bambi 145
 Barker, David 505
 Barkun, Michael 194
 Barlow, Joel 236, 267
 Barnes, Albert 481
 Barney (khủng long) 115, 438, 446, 447
 Barone, Michael 402
 Barry, Dave 409
 Barthes, Roland 355
 Barton, Bruce 279
 Barton, Elizabeth 227
 Baruch, Bernard 273
 Bates, Katherine Lee 240
 Bauer, Gary 412
 Bayles, Martha 412
 Băng đảng Báo đen (Black Panthers) 202, 246
 Beard, Charles 86
 Beard, Mary 86
 Beatles 304, 344, 348
 Beck (ca sĩ) 419
 Beck, Paul Allen 196
 Becker, Carl 27
 Beethoven, Ludwig van 236
 Zell, Daniel 284, 286
 Bellah, Robert 92
 Bennett, William 115, 149, 362, 406, 411, 414, 415, 443, 446, 511
 Bentsen, Lloyd 400
 Berenson, Bernard 500
 Bergen, Candice 115, 246
 Berkeley, William 175, 231
 Berlin, Irving 243
 Bernstein, Carl 323
 Blair, Tony 216, 246
 Blankenhorn, David 442
 Bloom, Allan 418
 Blume, Judy 151, 354
 Bogart, Humphrey 115, 277
 Bolen, Jean 502
 Boleyn, Anne 133
 Bolingbroke, Henry 558
 Boone, Daniel 235, 482
 Boorstin, Daniel 483
 Borglum, Gutzon 166
 Bork, Robert 382
 Borland, Hal 534
 Botticelli, Sandro 168
 Bourne, Randolph 128, 377
 Brackman, Jacob 339
 Bradlee, Ben 287
 Bradley, Bill 414
 Bradley, Omar 275
 Bradstreet, Simon 231, 250
 Brandeis, Louis 499, 579
 Brandt, Willy 244
 Breen, T. H. 484
 Breyer, Stephen 381
 Brezhnev, Leonid 216, 244
 Broder, David 379, 388
 Bronson, Charles 332
 Brooks, Van Wyck 240
 Brothers, Joyce 334, 393
 Brown, H. Rap 340
 Brown, Jerry 338, 379, 405
 Brown, John 19, 89, 213, 251, 469
 Brown, Murphy 362
 Brown, Richard Maxwell 88
 Browne, Thomas 107
 Browning, Robert 266
 Brownmiller, Susan 333
 Bryan, William Jennings 96, 131, 175, 240, 242
 Bryant, William Cullen 459
 Buchanan, Pat 379, 382, 405
 Buckley, William F., Jr. 294
 Bundy, McGeorge 287, 322
 Burckhardt, Jacob 78, 167
 Burke, Edmund 558
 Burnham, Walter Dean 87, 195
 Burns, George 274
 Burns, James MacGregor 287, 322
 Bush, Barbara 380
 Bush, George 324, 328, 382, 440, 449
 Bush, George, Jr. 413
 Bushman, Richard 91
 Butler, Katy 416
 Butler, Rhett (trong *Cuốn theo chiều gió*) 147
 Butler, Robert 327
 Byrd, William, II 233

 C
 Cable, Mary 201
 Cabot, John 169, 224
 Caen, Herb 294

- Cain, Leonard 378
 Calhoun, John 218, 469, 578
 Califano, Joe 380
 Calley, William 343
 Calvin, John 28, 168, 193, 227, 346
 Campanella, Tommaso 70
 Campbell, Joseph 140
 Canby, Henry 272
 Capone, Al 115
 Carmichael, Stokely 335
 Carnegie, Andrew 239, 483
 Carroll, Lewis 239
 Carter, Jimmy 310, 311, 347
 Carter, Robert “Vua” 133, 170, 176, 232
 Carter, Rosalynn 380
 Carter, Stephen 377, 410
 Case, Thomas, (trích dẫn) 314
 Cassatt, Mary 133
 Catherine de’ Medici 227
 Catherine II Đại đế, Nữ hoàng Nga 235
 Cato Lớn tuổi 558
 Cayce, Edgar 307
 Censorinus 54, 57, 98
 Cervantes, Miguel de 228
 Cha Flanagan 281
 Chandler, Raymond 276
 Chappell, Thomas 407
 Charles “Dũng cảm”, Công tước xứ Burgundy 168
 Charles I, Vua Anh 94, 229, 231
 Charles V, Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh 168
 Charles, Thái tử Anh, Thân vương xứ Wales 216
 Chavis, Benjamin 410
 Cherne, Leo 259
 Chirac, Jacques 216
 Choate, Pat 385
 Chopra, Deepak 509
 Chrétien, Jean 216
 Chúa (Jesus Christ) 27, 69, 143, 159
 Church, Benjamin 231, 252, 482
 Churchill, Winston (chính khách người Anh) 47, 88, 242, 513
 Churchill, Winston (tiểu thuyết gia người Mỹ) 273
 Cicero, Marcus Tullius 102, 513, 558
 Cinderella 144
 Clark, Dick 385
 Clay, Henry 218, 220, 236, 374, 469, 485
 Cleaver, Beaver 246, 299
 Cleaver, Ward 299
 Cleveland, Grover 175, 315
 Clifford, Clark 285
 Clinton, Bill 107, 112, 121, 195, 246, 363, 400, 402, 403, 406, 416, 439, 443, 444, 549
 Clinton, De Witt 315
 Clinton, Hillary 133, 149, 200, 348, 354, 368, 417, 445, 448, 451
 Coale, Josiah 377
 Cobain, Kurt 115, 121, 420, 434
 Cohen, Richard 389
 Cohen, William 383, 388
 Colden, Cadwallader 133, 176
 Colet, John 225
 Collier, Peter 512
 Collingwood, R. G. 67
 Colman, Benjamin 269, 316
 Columbus, Christopher 48, 69, 84, 168, 224
 Commager, Henry Steele 96
 Comte, Auguste 119, 125
 Concrete Blonde (ban nhạc) 425
 Conroy, Frank 289, 530
 Cooke, Alistair 306
 Cooke, Elisha 233
 Cooper, Jackie 115
 Copernicus, Nicolaus 77, 225
 Cosby, Bill 149, 353, 397
 Cott, Jonathan 341
 Cottontail, Peter 145
 Coupland, Douglas 419, 421, 422, 517
 Cournot, Antoine-Augustin 71, 72
 Covey, Stephen 407
 Cowley, Malcolm 122, 275, 523
 Công chúa Leia (trong *Star Wars*) 145
 Công tước xứ Buckingham (Villiers, George) 228
 Công tước xứ Marlborough 88
 Công tước xứ Norfolk (Howard, Thomas) 226
 Công tước xứ York 88, 474 (*xem thêm* James II)
 Crenson, Matthew 236
 Croly, Herbert 28
 Cromwell, Oliver 94, 230, 231
 Cromwell, Thomas 225, 227
 Cronkite, Walter 210, 244, 288
 Crosby, Bing 378
 Cruise, Tom 112, 247, 423
 Cuchulain 141

Cuomo, Mario 115, 365, 386, 437, 439
Custer, George Armstrong 483

D

Damon, William 450
Danforth, John 393
Daniel (nhà tiên tri Do Thái) 63
Darman, Richard 511
Darrow, Clarence 240
Darth Vader 145
Davenport, John 193
Davie, Donald 301
Davis, Angela 115
Davis, Jefferson 239
Dawson, Joe 457
Dean, James 292, 294
Degler, Carl 86
Dehio, Ludwig 75
Dell, Michael 246
Denton, Jeremiah 343
Descartes, René 231
Dewey, John 115, 579
Dewey, Thomas 285
Diana, Công nương xứ Wales 247
Dilthey, Wilhelm 119, 125
DiMaggio, Joe 552
Dirksen, Everett 277, 320
Disney, Walt 41, 115, 141, 244, 349, 350
Donahue, Phil 334
Donald, David 186
Donne, John 228
Doolittle, Benjamin 317
Dornan, Bob 379
Douglas, Kirk 284
Douglas, Michael 362
Drake, Francis 88, 133, 227, 482
Drury, Allen 305
Dryden, John 70
Du Bois, W.E.B. 172, 201, 242, 273
Du Pont, Pete 379
Dubroff, Jessica 247
Dukakis, Michael 112, 152, 253, 379, 382
Dulles, John Foster 277
Dunn, William 400
Dustin, Hannah 133, 232
Dychtwald, Ken 326, 328, 501
Dyer, Mary 133
Dylan, Bob 121, 334

Đ

Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping) 216
Đổng Trọng Thư (Tung Chung-shu) 64

E

Eastwood, Clint 332
Eberly, Don 409
Edison, Thomas Alva 131
Edsall, Thomas Byrne 365
Edward IV, Vua Anh 223, 224 (*xem thêm* York, Edward)
Edward V, Vua Anh 223
Edward VI, Vua Anh 226
Edwards, Jonathan 94, 131, 133, 170, 175, 233, 235, 376
Einstein, Albert 112, 273
Eisenhower, Dwight D. 13, 112, 113, 115, 129, 175, 261, 275, 277, 278, 286, 292, 550
Eisler, Benita 332, 530
Elders, Joycelin 382, 548
Eliade, Mircea 26
Eliot, T. S. 67, 128
Elizabeth I, Nữ hoàng Anh 116, 133, 226, 227, 229, 268, 475
Elizabeth xứ York 133
Ellis, Bret Easton 423
Ellsberg, Daniel 334
Emerson, Ralph Waldo 70, 104, 193, 237, 239, 313, 504
Epicurus 67
Erasmus, Desiderius 69, 485
Erikson, Erik 327, 328, 340
Erikson, Joan 328
Ervin, Samuel 277
Esler, Anthony 122, 228
Estés, Clarissa Pinkola 408
Evers, Medgar 330
Extreme 422

F

Fallows, James 511
Fass, Paula 281
Ferdinand, Vua Tây Ban Nha 168
Ferguson, Marilyn 206, 340
Ferrar, L. L., Jr. 75, 100
Ferrari, Giuseppe 119, 123, 161, 164

Ferraro, Geraldine 379
 Feuer, Lewis 343
 Fiedler, Leslie 350
 Fillion, Kate 422
 Finn, Chester 418
 Finney, Charles Grandison 95, 237
 Fischer, David Hackett 269
 Fitzgerald, F. Scott 115, 122, 243, 275, 467, 514
 Fliegelman, Jay 378
 Flood, Curt 336
 Fogel, Robert 92
 Foley, Tom 384
 Fonda, Henry 284
 Forbes, Steve 412
 Ford, Gerald 285
 Foster, Jodie 133, 149, 247, 352
 Franco, Francisco 215
 Frank, Anne 244
 Frank, Barney 332
 Franklin, Benjamin 17, 151, 175, 235, 250, 318, 534, 581
 Franzblau, Rose 332
 Freberg, Stan 294
 Freud, Sigmund 136, 240
 Friedan, Betty 200, 283, 327
 Frodo 141
 Frost, Robert 301
 Fukuyama, Francis 32, 589
 Fuller, Margaret 319
 Fulton, Robert 236
 Fussell, Paul 388

G

Galbraith, John Kenneth 261, 306
 Galilei, Galileo 228
 Gallatin, Albert 316
 Gallup, George 282
 Gama, Vasco da 168
 Gandalf 141, 142
 Gardiner, Stephen 225
 Gardner, John W. 322
 Garfunkel, Art 335
 Garland, Judy 244
 Garrison, William Lloyd 131, 175, 239, 251, 318, 319
 Garroway, Dave 284
 Garvey, Marcus 201

Gates, Bill 149, 210, 246, 414
 Gehrig, Lou 552
 Gelernter, David 458
 George III, Vua Anh 235
 Gephardt, Dick 379
 Gergen, David 380, 381
 Gillette, Douglas 137
 Gingrich, Newt 77, 98, 121, 133, 246, 402, 406, 411
 Ginsberg, Allen 293
 Gitlin, Todd 348
 Giuliani, Rudolph 445
 Gleason, Jackie 284
 Goldman, Emma 133
 Goldscheider, Frances 393
 Goldstein, Joshua 100
 Goldwater, Barry 279, 304
 Goodman, Ellen 353, 397, 440
 Gorbachev, Mikhail 244
 Gordon, Barbara 333
 Gordy, Berry, Jr. 335
 Gore, Albert, Jr. 121, 403, 406, 414, 511
 Gore, Tipper 443
 Gottlieb, Annie 340
 Goulden, Joseph 282
 Gourmont, Rémy de 71
 Graham, Bill 347
 Gramm, Phil 379, 384
 Grant, Ulysses 107, 127, 133, 151, 175, 220, 239, 482
 Greene, Wade 331, 382
 Greenfield, Meg 382
 Gresham, Thomas 227
 Grocyn, William 224
 Gruening, Ernest 322
 Guthrie, Woody 281
 Gutmann, David 502

H

Hackney, Sheldon 362, 382
 Halberstam, David 286, 293
 Halifax, Joan 510
 Hall, G. Stanley 500
 Hamilton, Alexander 252
 Hammett, Dashiell 276
 Hammurabi 143
 Handel, George Frideric 233

- Handlin, Oscar 377
 Hansel và Gretel 144
 Hardy, Dorcas 519
 Hardy, Thomas 107
 Harkin, Tom 379
 Harrington, Michael 263, 340
 Harris, Peter 190, 208
 Harrison, William Henry 485
 Harrod, Roy 306
 Hart, Gary 152, 379, 383, 398, 548
 Harvard, John 231
 Hawkins, John 227, 482
 Hawthorne, Nathaniel 250-252
 Hayakawa, S. I. 345
 Hefner, Hugh 294
 Hegel, G. W. F. 32, 85
 Heidegger, Martin 129
 Heller, Walter 287
 Hellman, Lillian 329
 Hemingway, Ernest 122, 467, 514, 518, 583
 Hendrix, Jimmy 309
 Henry VI, Vua Anh 222
 Henry VII, Vua Anh 133, 169, 223-225 (*xem thêm*
 Tudor, Henry)
 Henry VIII, Vua Anh 93, 169, 225, 227
 Henry, Patrick 235
 Hepburn, Katharine 133
 Heraclitus 134, 137, 138
 Herbert, Mary 133
 Hercules 139, 140
 Herodotus 81, 118
 Herron, George 319
 Hesiod 118
 Heston, Charlton 284
 Hildebrand 141
 Hinton Helper 469
 Hippocrates 135, 137
 Hiss, Alger 284
 Hitler, Adolf 211, 213, 215, 243, 262, 292, 468
 Hoàng tử Rama 141
 Hobbes, Thomas 77, 193
 Hoffer, Eric 321
 Hoffman, Abbie 335
 Hofstadter, Richard 96, 377
 Holmes, Oliver Wendell, Jr. 593
 Holmes, Oliver Wendell, Sr. 539
 Holt, John 354
 Homer 140, 158, 159, 164
 Hoover, Herbert 90, 115, 175, 584
 Hoover, J. Edgar 277
 Hopkins, Terence 76
 Horowitz, David 512
 Horus 141
 Howe, Frederic 273
 Howe, Irving 342
 Howe, Julia Ward 251
 Hughes, Langston 128
 Hugo, Victor 460
 Humphrey, Hubert 344, 383
 Humphreys, David 316, 484
 Huntington, Samuel 130, 163, 598
 Hutchinson, Anne 133, 200, 231

 I

 Iacocca, Lee 282
 Idol, Billy 419
 Inouye, Daniel 457
 Irving, Washington 236
 Isabella, Nữ hoàng Tây Ban Nha 168
 Ivan Đại đế, Vua Nga 168

 J

 Jackson, Alan 405
 Jackson, Andrew 95, 133, 176, 195, 236, 237
 Jackson, Jesse 365, 379, 405
 Jackson, Michael 366
 Jackson, Reggie 347, 552
 Jackson, Stonewall 175
 James I, Vua Anh 94, 228, 229
 James II, Vua Anh 249,
 James, Henry 240, 317
 James, William 239
 Jason 139
 Jefferson, Thomas 119, 129, 131, 133, 151, 166,
 170, 176, 200, 236, 252, 269, 316
 Jenik, Adriene 352
 Joan of Arc 222
 John, Wayne 244, 284, 344
 Johnson, Andrew 534
 Johnson, Lyndon B. 43, 115, 285, 305, 309, 320,
 322, 344, 500, 548, 549
 Johnson, Paul 262
 Johnson, Samuel 233, 374

- Jones, Inigo 228
 Jones, Jesus 522
 Jones, John Paul 236
 Jones, Landon 296, 301, 350
 Jordan, Hamilton 347
 Jordan, Michael 133
 Jorgensen, Christine 332
 Joshua 100, 141, 156, 157, 164, 534
 Jung, Carl Gustav 103, 104, 107, 136-140, 143, 146
 Junker, Howard 331
 Juvenal (Decimus Junius Juvenalis) 57
- K
- Kael, Pauline 292
 Kaelin, Kato 366
 Kahn, Herman 32
 Kammen, Michael 376
 Karpel, Craig 501
 Kasich, John 402
 Kaus, Mickey 412
 Keller, Helen 273
 Keller, Morton 130
 Kelly, Grace 290
 Kemp, Jack 379, 386
 Keniston, Kenneth 121, 298, 299, 340-342
 Kennan, George 285, 329
 Kennedy, Jackie 380 (*xem thêm* Onassis, Jackie)
 Kennedy, John 13, 38, 107, 112, 115, 133, 176, 200, 244, 260, 278, 279, 284-286, 294, 301, 304, 305, 320, 329, 330, 400, 541, 551
 Kennedy, Paul 369, 588
 Kennedy, Robert 294, 308, 330
 Kennedy, Ted 308, 548
 Kerr, Clark 301
 Kerrey, Bob 98
 Kesey, Ken 294
 Kester, John 413
 Kett, Joseph 272, 485
 Keyes, Alan 410
 Khaldun, Ibn 67, 160, 161, 164
 Kidd, William 231
 King, Martin Luther, Jr. 38, 115, 133, 244, 295, 308, 330, 357
 Kingston Trio 330
 Kinte, Kunta 236
 Klein, Calvin 385, 548
- Klingberg, Frank L. 197, 198, 212
 Knox, John 133, 169, 227
 Kohl, Helmut 216
 Kondratieff, Nikolai 37, 192, 198
 Koop, C. Everett 449
 Koppel, Ted 382
 Krauthammer, Charles 413
 Kretschmer, Ernst 136
 Kristol, Irving 343, 362
 Krutch, Joseph Wood 276, 314
 Kuplan, Louis 278
 Kuznets, Simon 287
- L
- Lamm, Richard 379, 393
 Lamont, Lansing 345
 Lancaster, Burt 284
 Landers, Ann 43
 Langdon, Samuel 175, 250
 Lão Tử (Lao-tzu) 159
 Lasch, Christopher 311
 Laud, William (giám mục) 133, 228
 Lawrence, D. H. 55
 Lâm Ngữ Đường (Lin Yü-t'ang) 102
 Lear, Norman 43, 391
 Leavitt, David 419
 Lebed, Alexander 216
 Lee, Robert E. 89, 251
 Lee, Spike 246
 Lefauve, Skip 407
 Lehrer, Tom 294
 Leisler, Jacob 252, 482
 Lenin, V. I. 242
 Leo, John 85, 401, 412
 LeShan, Eda 296, 297, 328, 329
 Letterman, David 401
 Leverenz, David 271
 Levinson, Daniel J. 103, 106, 107, 334, 381
 Levitt, William 261
 Lewis, Jerry 294
 Lewis, John L. 272
 Lewis, Sinclair 528
 Liberty Boys 235
 Limbaugh, Rush 412
 Linacre, Thomas 225
 Lincoln, Abraham 85, 86, 89, 127, 129, 133, 151, 166, 175, 181, 195, 196, 220, 238, 239, 251,

253, 330, 463, 469-471, 500, 527, 538, 552

Lind, Michael 87

Lindbergh, Charles 280

Lindsay, Vachel 266, 500

Linklater, Richard 518

Linkletter, Art 299

Lippmann, Walter 15

Little Dutch Boy 145, 146

Littre, Paul-Émile 161

Littwin, Susan 297

Livy (Titus Livius) 57, 159

Locke, John 231

Long, Huey 482

Longfellow, Henry Wadsworth 539

Lopez, Elisa 247

Lord Acton (Dalberg-Acton, John) 27

Lorenzo “Vĩ đại” 168 (*xem thêm* Medici, Lorenzo de’)

Louis XIV, Vua Pháp 70, 72, 88, 231

Lowell, James Russell 534

Loyola, Ignatius 168

Lucan (Marcus Annaeus Lucanus) 57

Luce, Henry 71

Lugar, Richard 380

Luther, Martin 93, 168, 225, 227

Lynch, Jennifer 422

Lynn, Kenneth 378

M

MacArthur, Douglas 112, 115, 242, 273, 534, 548

Machiavelli, Niccolò 67

Mackey, John 336

MacKinnon, Catherine A. 408

Madison, Dolley 133, 236

Madison, James 176, 236, 252

Mag Ruith 61

Magnet, Myron 307

Malcolm X 335, 419

Malcolm, Henry 280, 343

Malory, Thomas 576

Manchester, William 280, 288, 289, 296

Mannheim, Karl 110, 119, 124, 129

Mao Trạch Đông 243

Marcus Aurelius 61

Maria Theresa, Hoàng hậu của Đế quốc La Mã Thần thánh 235

Mariás, Julián 125, 127, 163, 164

Marion, Francis 175, 235, 483

Maritain, Jacques 284

Marshall, George C., Jr. 112, 259, 273, 534

Marshall, John 250

Martin, Steve 404

Marx, Karl 78, 198, 239

Mary, Nữ hoàng Anh 226, 475

Masur, Gerhar 78

Mather, Cotton 183, 193, 232, 252, 271, 316, 484, 485

Mather, Eleazar 319

Mather, Increase 231, 378

Mather, Richard 319

Mathers, Jerry 43, 115

Max, Peter 335

Maximilian, Hoàng đế Mexico 239

Mayer, Milton 323

McCarthy, Joseph 115, 131, 153, 277, 292, 296, 548

McCarthy, Mary 31

McClelland, David 581

McClure, Jessica 115, 247

McGovern, George 310, 344

McGuire, Barry 339

McLarty, Thomas “Mack” 380

McLoughlin, William 92

McNamara, Robert 282, 287, 322

McPherson, James 90

McVeigh, Timothy 211

Mẹ Jones (Mary Harris Jones) 593

Mead, Margaret 121

Means, Russell 386

Medea 142

Medici, Lorenzo de’ 168

Medved, Michael 443

Mentré, François 119, 179

Merlin 141-143, 332

Merser, Cheryl 124, 300

Metacomet 231

Metternich, Klemens 78

Mfume, Kweisi 410

Michelangelo 225

Michelet, Jules 167

Midas 143

Milk, Harvey 332

Mill, John Stuart 119

Millay, Edna St. Vincent 275

Miller, Arthur 439
 Miller, Henry 274
 Miller, Perry 481
 Millett, Kate 333
 Mills, C. Wright 284
 Mills, Wilbur 310
 Minow, Newton 263
 Mitchell, Margaret 140, 147, 148
 Mitchum, Robert 284
 Mitterrand, François 216
 Modelski, George 76, 78, 79, 100, 101, 163, 164
 Mondale, Walter 176, 244, 379
 Montaigne, Michel de 227
 Monteverdi, Claudio 228
 Moody, Harry 502
 Moore, Robert 137
 More, Thomas 133, 225, 485
 Morgan, Edmund S. 205
 Morissette, Alanis 247, 420
 Morrison, Jim 115, 121
 Morse, Robert 289
 Morse, Wayne 322
 Moses 39, 141, 143, 156, 157, 159, 164, 534, 581
 Mott, John 273
 Moyers, Bill 294, 380
 Moynihan, Daniel 340, 361, 388
 Mozart, Wolfgang Amadeus 236
 Muhammad 143, 159
 Mumford, Lewis 263
 Murray, Charles 363, 365
 Musgrove, Mary 133
 Mussolini, Benito 66, 71, 215
 Musto, David 205
 Myers, Mike 431
 Myrdal, Karl Gunnar 257

N

Nader, Ralph 335, 397
 Naisbitt, John 32, 386
 Nam tước xứ Burghley (Cecil, William) 227
 Namath, Joe 347
 Namenworth, J. Zvi 154, 165
 Napoleon I, Bonaparte (Hoàng đế Pháp) 74, 161, 236, 280
 Nash, Gary 271
 Nashe, Thomas 266
 Neill, A. S. 355

Nestor 158, 164
 Netanyahu, Binyamin 216, 246
 Neuman, Alfred E. 292
 Neustadt, Richard 287
 Newman, Paul 391
 Những kẻ cướp Missouri (Missouri Raiders) 175
 Niebuhr, Reinhold 514
 Nietzsche, Friedrich 78, 591
 Nixon, Richard M. 43, 140, 195, 284-286, 310, 322, 323, 344, 548
 Nye, Joseph 383

O

O'Connor, Sandra Connor 133, 244
 O'Hair, Madalyn Murray 406
 O'Hair, William 406
 O'Hara, Scarlett (trong *Cuốn theo chiều gió*) 147
 O'Neal, Tatum 43, 115, 354
 O'Neill, William 278
 Obi-Wan Kenobi 141, 142, 145
 Odysseus 158, 164
 Olsen, Merlin 332
 Onassis, Jackie 389
 Oppenheimer, J. Robert 115, 261
 Orpheus 140
 Ortega y Gasset, José 107, 119, 124, 128, 162, 177, 195
 Orwell, George 360
 Osborne, David 384
 Oswald, Lee Harvey 211, 303
 Otis, James 472

P

Paar, Jack 284
 Packwood, Bob 387, 548
 Paine, Thomas 16, 78, 86
 Panetta, Leon 380
 Paquin, Anna 247, 438
 Parker, Dorothy 133
 Parrington, Vernon 267
 Parsons, Talcott 163
 Pascal, Blaise 535
 Patton, George 112, 115, 175, 243, 482
 Paxton Boys 175, 235
 Payne, Rober 261
 Peck, Gregory 284

Pencak, William 377
Perot, Ross 197, 379, 386, 558
Peter Đại đế, Sa hoàng 232
Peters, Tom 385, 454
Peterson, Julius 128
Peyre, Henri 130
Phái Jacobin 89, 230, 234, 318
Pharaoh 143, 156
Phật 159
Phiến quân Whisky (Whisky Rebels) 234
Philip II, Vua Tây Ban Nha 74, 475
Phillips, Julie 312
Phillips, Kevin 389
Phillips, Wendell 470
Philo xứ Byblos 117
Pied Piper 143
Pinckney, Eliza Lucas 133, 235
Pinero, Arthur Wing 51
Pinocchio 144
Plato 38, 159
Polk, James Knox 175
Polybius 38, 67, 159, 160
Pompadour, Madame de 70
Porter, Sylvia 305
Postman, Neil 354
Pound, Ezra 128
Poussaint, Alvin 353
Powell, Colin 115, 176, 244, 291, 381
Powell, Jody 347
Presley, Elvis 115, 244, 293, 294
Prodi, Romano 216
Pruett, Kyle 352
Putnam, Robert 121, 401
Pythagoras 102, 104

Q

Quayle, Dan 363, 368, 400, 403
Quindlen, Anna 446
Quý cô Manners (Miss Manners) 388

R

Rafiki 141
Raleigh, Walter 228
Rand, Ayn 308
Randolph, William 232
Raspberry, William 365, 383, 396, 424, 531

Ravitch, Diane 418
Reagan, Ronald 13, 14, 77, 115, 176, 195, 217, 244, 245, 311, 312, 345, 347, 359, 380, 551
Redfield, James 512
Reich, Charles 32, 308, 387
Reich, Robert 342, 363
Renfro, Brad 133
Reston, James 307, 309
Retton, Mary Lou 115
Rexe, Deanna 427
Reynolds, Debbie 294
Reynolds, Malvina 263
Richard III, Vua Anh 87, 169, 223
Richards, Renée 332
Ridley, Nicholas 227
Riesman, David 291
Riley, Richard 446
Ripken, Cal 552
Robertson, Pat 379, 405
Robespierre, Maximilien 236, 399
Robin, Christopher 146
Robinson, Jackie 285, 552
Rockefeller, John D. 239, 483, 593
Rockwell, Norman 115, 149, 276, 289
Rodgers, Daniel 530
Rodman, Dennis 420
Rodrigues, Robert 421
Rogers, Robert 482
Romulus 55, 58
Roosevelt, Franklin Delano 22, 39, 86, 90, 112, 115, 133, 175, 213, 242, 252, 253, 272, 274, 275, 281, 463, 468, 499, 500, 513, 523, 524, 527, 537, 551
Roosevelt, Theodore 107, 129, 166, 176, 240, 253
Rosecrance, Richard 75, 78
Rosenfeld, Stephen 292
Ross, Katharine 345
Roszak, Theodore 396
Roth, Philip 290, 294
Rousseau, Jean Jacques 235
Rovere, Richard 287
Rubens, Peter Paul 228
Rubin, Jerry 335
Rudman, Warren 393
Ruffin, Edmund 470
Rümelin, Gustav 70
Rush, Benjamin 497

- Rusk, Dean 322
 Russell, Cheryl 501
 Russell, Mark 397
 Russell, Richard 320
 Ruth, Babe 274
 Ryder, Winona 247

 S

 Sagan, Carl 332
 Sakurai, Saren 433
 Salinger, Pierre 294, 380
 Saltonstall, Gurdon 176
 Samuelson, Robert 301, 365
 Sandel, Michael 381, 444
 Sanders, Deion 247
 Sanger, Margaret 273
 Santayana, George 273
 Schickel, Richard 290
 Schlesinger, Arthur M., Jr. 36-38, 130, 191, 192, 194-196, 500
 Schlesinger, Arthur M., Sr. 130, 194
 Schlessinger, Laura 412
 Schneider, William 337, 338
 Schowalter, John 106
 Schroeder, Pat 379, 388
 Schuyler, Peter 232
 Schwarzkopf, Norman 386
 Scott, Dred 237, 469
 Selden, John 228
 Seneca Tré 483
 Severeid, Eric 286, 329
 Seward, William 469
 Shakespeare, William 133, 140, 169, 207, 228, 229, 313
 Shalikashvili, John 386
 Shange, Ntozake 410
 Sheehy, Gail 333, 334, 389, 390
 Sherman, William Tecumseh 251, 471
 Shields, Brooke 352
 Shirley, William 176, 232
 Shriver, Sargent 309
 Shuford, Gene 281, 524
 Siddhartha 143
 Sidney, Philip 88, 228
 Siegfried 141
 Siêu nhân (Superman) 139
 Silvergate, Harvey 381
 Simba 141
 Simon, Paul (chính trị gia) 379
 Simon, Paul (nhạc sĩ) 335
 Simpson, Alan 393
 Simpson, Bart (trong *Gia đình Simpson*) 418, 438
 Simpson, O. J. 115, 153, 364, 368, 536
 Sinclair, Upton 242
 Sister Souljah (ca sĩ) 428
 Sitting Bull 239
 Skatha Thông thái 141
 Skinner, B. F. 321
 Skywalker, Luke 141, 145, 151
 Slater, Christian 419, 515
 Slichter, Sumner 258
 Smith, Joseph 251
 Snyder, Mitch 345
 Solo, Han 145
 Solomon, Vua Isarel 155
 Soren, Tabitha 429
 Souter, David 382
 Specter, Arlen 379
 Spender, Stephen 301
 Spengler, Oswald 67, 587
 Spielberg, Steven 149, 246
 Spock, Benjamin 115, 151, 201, 246, 295, 297, 298
 Spotswood, Alexander 233
 Spranger, Eduard 136
 Springsteen, Bruce 359
 Stalin, Josef 198, 262, 292
 Stallone, Sylvester 33, 344
 Stanton, Elizabeth Cady 133
 Stassen, Harold 261
 Steele, Shelby 410
 Steinbeck, John 128
 Steinem, Gloria 43, 115, 333
 Stevens, Thaddeus 481, 534
 Stevens, Wallace 266
 Stevenson, Adlai 277, 278
 Stewart, Jimmy 115, 281, 284, 329
 Stimson, Henry 112
 Stockman, David 347
 Stoughton, William 175, 231
 Stravinsky, Igor 147
 Streisand, Barbra 398
 Stromberg, Roland 358
 Strong, George Templeton 377
 Styron, William 334

- Sullivan, Ed 43, 210, 293, 304
 Sullivan, Mark 375
 Sunday, William Ashley “Billy” 240
 Swinburne, Algernon Charles 460
 Sybil xứ Cumae 141
- T
- Tacitus, Cornelius 592
 Taft, William Howard 240
 Taney, Roger 577
 Tào Ngu (Cao Yu) 206
 Tarantino, Quentin 247, 436
 Tarquin (Tarquinius Superbus), vị Vua cuối cùng của La Mã 56
 Taylor, Maxwell 286
 Taylor, Zachary 374
 Teale, Edwin Way 372
 Tecumseh 236, 251
 Telemachus 158, 164
 Temple, Shirley 115, 530
 Tennent, Gilbert 318
 Thatcher, Margaret 216
 Theobald, Robert 306
 Theseus 142
 Thomas, Clarence 410
 Thomas, Evan 401
 Thompson, Hunter 385
 Thompson, William Irwin 137, 138
 Thompson, William R. 76, 98
 Thomson, Virgil 276
 Thoth 141
 Thucydides 159
 Thurow, Lester 338
 Tillich, Paul 276, 279
 Tobin, James 291
 Toffler, Alvin 32, 334, 337
 Tōjō, Hideki 213, 215, 468
 Tolkien, J. R. R. 141
 Toynbee, Arnold 37, 38, 67 72-78, 82, 85, 98, 162-164, 587
 Trillin, Calvin 388
 Truman, Harry S. 13, 43, 112, 133, 175, 243, 272, 273, 278, 285, 286, 291, 388
 Tsongas, Paul 337, 379, 394, 405
 Tudor, Henry 86, 87, 169, 223, 224, 477, 484
 Turgenev, Ivan 161
 Turner, Nat 95, 131, 172, 237, 239, 251
- Twain, Mark 30, 239, 377
 Tweed, William Marcy “Boss” 239, 482
 Tyndale, William 93, 168, 225, 227
- U
- Ueberroth, Peter 366
 Uncle Remus 146
 Updike, John 294, 310, 332, 395
 Urbanska, Wanda 346
- V
- Varro, Marcus Tarentius 54
 Vedder, Eddie 422
 Vere, Francis 228
 Vere, John de 224
 Vesey, Denmark 95, 237
 Vespucci, Amerigo 168
 Vico, Giambattista 67
 Victoria, Nữ hoàng Anh 27, 96, 239, 408
 Vidal, Gore 385
 Vinci, Leonardo da 69, 168, 224
 Viorst, Judith 334
 Virgil (Publius Vergilius Maro) 56, 83, 159
 Voinovich, George 440
 Volstead, Andrew 115
 Voltaire 233
 Vortigen 143
- W
- Wald, George 322
 Walesa, Lech 216
 Wallace, Anthony F. C. 79, 92
 Wallace, George 335, 342
 Wallace, Henry A. 71
 Wallerstein, Immanuel 76
 Walsingham, Francis 227
 Warhol, Andy 294
 Warren, Earl 279
 Warren, Mercy 133
 Washington, Booker T. 201, 240
 Washington, George 89, 129, 131, 133, 151, 166, 175, 234, 235, 268, 377, 483, 550, 594
 Waters, Dooney 247
 Weathermen 246
 Webb, James 511
 Webb, Stephen Saunders 474

- Webster, Daniel 151, 218, 236, 469, 558, 578
 Wechsler, Eduard 162, 164
 Weinberg, Jack 334
 Welch, Joseph Nye 277
 Werner, Susan 351
 West, Cornel 364, 512
 West, Mae 243
 Westheimer, Ruth 334
 White, Theodore 304, 329
 Whitefield, George 95, 233
 Whitehead, Barbara 360
 Whitman, Walt 86, 260, 470
 Whittier, John Greenleaf 469, 539
 Whyte, William H. 283
 Wigglesworth, Edward 317
 Wilbur, Richard 372
 Wilcox, Ella Wheeler 577
 Wilde, Oscar 240
 Wilder, Thornton 276
 Will, George 92
 William (con trai của Thái tử Charles và Công nương Diana) 247
 William (xứ Orange), Vua Anh 88, 230, 232
 Williams, Armstrong 410
 Williams, Ian 352, 429
 Williams, Roger 231
 Wilson, Kemmons 282
 Wilson, Pete 379
 Wilson, Sloan 283
 Wilson, Woodrow 112, 115, 133, 176, 240, 374
 Winn, Marie 350
 Winnie the Pooh 146
 Winthrop, John 94, 133, 170, 175, 193, 229, 231, 318, 375
 Wirt, William 317
 Wirth, Tim 337
 Wise, John 232
 Witherspoon, John 376
 Wolfe, Thomas 122, 320, 372
 Wolfe, Tom 331
 Wolsey, Thomas (Hong y) 225, 315
 Woodville, Elizabeth 133
 Woolman, John 235
 Wright, Frank Lloyd 273
 Wright, Quincy 72-75, 77, 78
 Wurthnow, Robert 80
 Wyse, Lois 390
- Y
- Yankelovich, Daniel 300, 312
 Yardley, Jonathan 447
 Yasgur, Sam 334
 Yeats, William Butler 67
 Yeltsin, Boris 216
 York, Edward (Vua Anh) 476
- Z
- Zarathustra 452, 591, 592
 Zenger, John Peter 233
 Zinsmeister, Karl 413
 Zoroaster 143
 Zwingli, Ulrich 168

TỦ SÁCH NHÂN VẬT VÀ LỊCH SỬ HOA KỲ

1. *44 đời tổng thống Hoa Kỳ*, William A. Degregorio
2. *Alexander Hamilton (1757-1804)*, Nguyễn Cảnh Bình biên soạn
3. *Benjamin Franklin: Cuộc đời một người Mỹ*, Walter Isaacson
4. *Bước chuyển thứ tư: Lời tiên tri về nước Mỹ*, William Strauss, Neil Howe
5. *Chính trường Hoa Kỳ: Lịch sử đảng phái*, A. James Reichley
6. *Đã đến lúc phải cứng rắn để khôi phục sự vĩ đại của nước Mỹ*, Donald J. Trump
7. *Đường đến Nhà Trắng 2016*, Roger Stone
8. *Hiến pháp Mỹ được làm ra như thế nào?*, Nguyễn Cảnh Bình biên soạn
9. *Hiếu về Trump*, Newt Gingrich
10. *Hillary Clinton - Bí mật quốc gia và sự hồi sinh*, Jonathan Ellen và Amie Parners
11. *Những thời khắc quyết định*, George W. Bush
12. *Thomas Jefferson: Nhân sư Mỹ*, Joseph J. Ellis
13. *Tổng thống Mỹ - Những bài diễn văn nổi tiếng*, BBT tuyển chọn, Nguyễn Trường Uy hiệu đính và viết lời bình
14. *Tự truyện Andrew Carnegie - Từ cậu bé nghèo khó trở thành tỉ phú thép giàu nhất nước Mỹ*, Andrew Carnegie
15. *Tự truyện Benjamin Franklin (từ 1706 đến 1757)*, Benjamin Franklin

CÔNG TY TNHH MTV
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Trụ sở chính:

Số 46, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 0084.24.38253841

Chi nhánh:

Số 7, Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 0084.28.38220102

Email: marketing@thegioipublishers.vn

Website: www.thegioipublishers.vn

BƯỚC CHUYỂN THỨ TƯ

Lời tiên tri về nước Mỹ:

Những chu kỳ lịch sử dự báo gì về tương lai Hoa Kỳ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP

TS. TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập: Hoàng Thị Mai Anh

Sửa bản in: Mai Anh

Thiết kế bìa: Nhat Nam Bro

Trình bày: Vũ Lê Thư

In 2.000 bản, khổ 16 x 24 cm tại Công ty TNHH MTV In Tiến Bộ

Địa chỉ: 175 Nguyễn Thái Học, quận Ba Đình, TP Hà Nội.

Số ĐKXB: 939-2019/CXBIPH/01-53/ThG

Quyết định xuất bản số: 402/QĐ-ThG cấp ngày 18 tháng 04 năm 2019.

ISBN: 978-604-77-6084-8. In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà số 14 Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: (024) 3233 6043

VP. TP. HCM: 138C Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 38220 334 | 35

www.omegaplus.vn | <https://www.facebook.com/groups/congdongomega>